BĂNG SƠN

Thú ăn chơi người Hà Nội







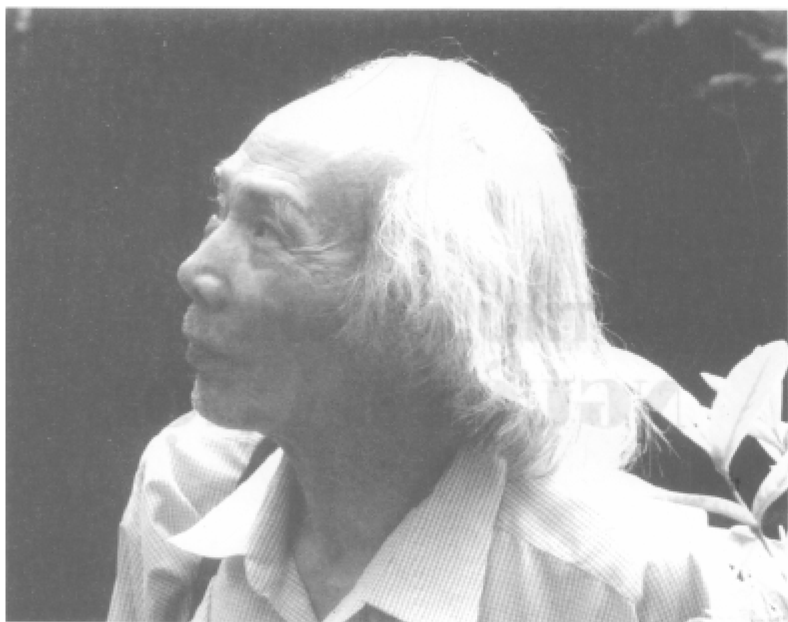
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

THÚ ĂN CHƠI NGƯỜI HÀ NỘI

BĂNG SƠN

THÚ ĂN CHƠI
NGƯỜI HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2005



Nhà văn Băng Sơn

PHẦN MỘT

Tản mạn về ăn

Trong *Từ điển tiếng Việt* (NXB Khoa học xã hội, 1967) có mục từ Ăn Chơi với nghĩa xấu là chơi bời lêu lổng. Tôi không dám lạm bàn về cách giải nghĩa đó, mà chỉ băn khoăn một điều: Tại sao người xưa lại ghép hai từ này với nhau như vậy. Nếu chúng đứng riêng ra lại có nghĩa khác.

Ăn hàm nhiều nghĩa về vật chất hơn. Còn *chơi* hàm nhiều nghĩa về tinh thần hơn. Nhưng ngẫm nghĩ kỹ thì cả hai cũng đều có thể mang tính văn hóa cao độ.

Hà Nội nói riêng và dân chúng Việt Nam nói chung vốn thanh lịch văn hiến. Có bao nhiêu cách ăn và cũng có bao nhiêu cách chơi. Qua hàng ngàn năm phải đấu tranh để tồn tại, nhiều cách ăn và cách chơi đó vẫn được duy trì. Song, cũng đáng tiếc, chỉ mới gần đây thôi, dăm thập kỷ trở lại, nhiều cách ăn chơi đó đã bị rẻ rúng, khinh thị, nên dần mai một, làm trống đi một mảng văn hóa dân tộc. Tiếc.

Hãy nói về ĂN. Đúng là "có thực mới vực được đạo" như người xưa nói. Nhưng không phải ăn chỉ là chém to kho mặn, dùi

đục (hay bồ dục), chấm mắm cáy... mà ăn phải được nâng lên hàng một nghệ thuật - đương nhiên là trong hoàn cảnh điều kiện cho phép - không kể những sơn hào hải vị, những thai báo, tay gấu, những bữa tiệc linh đình gồm toàn thức ăn quý hiếm, chỉ nói đến mấy món ăn dân dã và một vài cách ăn của dân ta.

Một Nguyễn Tuân cầu kỳ, giữa khách sạn sang trọng đồ pha lê, đồ nhôm; đồ nhựa máy móc tân kỳ sáng loáng, lại đòi ăn cá bống kho khô với hạt tiêu, kho bằng niêu đất, để niêu lên mâm, không cần gắp ra đĩa, hoặc ăn giò lụa lưỡi mèo, cầm tay từng chiếc mà ăn trong quán rượu khuất sâu ở ngõ 107 phố Huế.

Một Thạch Lam tinh tế biết thưởng thức cái tinh chất của từng món quà Hà Nội, từ một bát nước chè xanh, gọi hương thơm cà cuống là: "*như thoảng một nỗi nghi ngờ*", trong khi Vũ Bằng gọi cà cuống là *con rận rồng*, quả là giỏi...

Ngược lên, ngược lên xa xưa, hẳn Hầu tước Ôn Như Nguyễn Gia Thiều, con một quận chúa ấy, thiếu gì cao lương mỹ vị, thế mà vẫn chú ý đến một khóm gừng, cây tỏi, xót thương cho chúng ngả nghiêng trong cuồng phong, giông bão.

Gần hơn nhiều, một Tản Đà khó tính, chơi ngông, nhưng ông cũng nổi tiếng là người biết ăn biết chơi trong cuộc sống thường nhật và trong những câu nhàn đàm của nhà thơ còn để lại. Nhà thơ Quang Dũng, lúc còn sống hay kể lại giai thoại về Tản Đà, rằng: Có một người bạn rủ Tản Đà đi chơi. Đến một nhà nọ, chủ nhà quý mến làm cơm thết đãi. Cơm lẽ dĩ nhiên có thịt gà. Nhưng từ đầu đến giữa bữa, Tản Đà chỉ nhắm rượu với mấy nhánh rau thơm, mà không hề đụng đũa đến món thịt gà béo vàng, chặt to, vuông vức. Người bạn đi cùng như sực nhớ ra bèn rỉ tai chủ nhà: "Lá chanh, lá chanh". Gia chủ vội sai con sang nhà hàng xóm xin mấy cái lá chanh, cái quá già cái quá non, rửa qua quít rồi để lên

mâm. Cả một hồi lâu, Tản Đà vẫn không đụng đến món thịt gà ấy dù gia chủ đã tiếp, nhưng ngay miếng thịt gà trong bát ông, ông cũng coi như không có. Người bạn cùng đi như tỉnh hẳn rượu, lại một lần nữa rỉ tai gia chủ: "Thái chỉ, thái chỉ, mà là lá bánh tẻ ấy". Quả là sau khi có những sợi lá chanh xanh óng, nhỏ như sợi tóc rắc lên đĩa thịt gà vàng rộm, Tản Đà mới nháy mắt với bạn, cười, và ăn.

Khen cho ông bạn đi cùng Tản Đà đã biết ý, đã hiểu ông thi sĩ ngông này, và cũng khen cho chủ nhà, không hề nề hà cái khó tính của khách, sẵn sàng chiều theo ý.

Có người còn thuộc câu ca dao cổ một cách hóm hỉnh:

Thịt gà cơm nếp đàn bà...

Cả ba thứ ấy đều là dùng tay.

Nhà thơ Ngô Quân Miện ăn thịt gà thế nào cũng cầm tay xé thịt chứ không dùng đũa, phải chăng ông có bộ răng quá xộc xệch hay vì ông làm theo câu ca dao kia. Nhưng quả thực, ăn xôi, cơm nếp, nắm chim chim mà ăn vẫn thú vị hơn nhiều cái cách gắp xôi vào bát. Và thịt gà dùng tay mà xé mà chấm muối tiêu chanh ớt, ngon hơn hẳn dùng đũa gắp, gặp miếng thịt gà dai, dằng mãi không đứt, người khác nhìn thấy, quả là "không ra làm sao". Ngẫm nghĩ càng lý thú, cái món thứ ba kia thì có lẽ từ khai thiên lập địa không ai dùng đũa bao giờ. Hay thật.

Trong các món ăn của ta gia vị là rất quan trọng. Cỗ chay, chỉ nhờ vào gia vị mà người ăn tưởng như đang được ăn những món cỗ tết đầy đủ giò nem ninh mọc, cá rán, thịt quay...

Cách đây ít lâu, có một đêm tôi cùng nhà thơ Nguyễn Hà và nhà báo Phương Quang thức đêm, đói, đi tìm hàng ăn lót dạ. Ra ga thì sẵn đấy, nhưng các món ăn ở cửa ga, bến tầu bến xe là nơi

tạp nhất, tối kỵ đối với những người coi món ăn không chỉ là cho no mà thôi. Chúng tôi đạp xe vòng vèo hàng chục phố, đến chợ Hàng Da, gặp một gánh cháo gà. Đang đói mà mất hứng, mà phí công đi xa, ăn không thấy ngon nữa vì cháo gà, hỏi đến hạt tiêu, ông hàng cháo bảo không có, chỉ có tương ớt, cháo mà ăn với tương ớt thì chả khác nào thịt gà chấm nước cáy vậy.

Lâu nay nhiều hàng phở mọc lên, phở hiệu, phở chõng... Cũng vui. Nhưng hình như đó không phải là phở. Vì rau thơm, rau mùi, chanh, hạt tiêu ít khi có đủ. Người ta sẵn sàng bỏ ra hàng nghìn đồng để ăn những bát gọi là phở đầy tú hụ nào tim gan, giò sống mà người ta cứ gọi bừa đi là mọc, rồi đập vài quả trứng sống vào nữa mặc kệ mùi tanh của trứng át hết hương vị của nước dùng có quế chi, thảo quả, gừng, hành khô nướng (ấy là ví dụ hàng phở bò biết làm phở) mà chẳng cần xem phở cần phải có những gia vị cần thiết gì, hay nó phải nóng ran đến gáy như thế nào... Ăn phở như vậy có còn là thưởng thức một món quà ngon không, hay là chỉních cho đầy miệng ?

Lại nhớ đến những hàng phở gánh ngày xưa, đỗ ở cuối phố mà đầu phố đã ngửi thấy mùi nước dùng thơm lựng, khi chỉ nhìn thấy những tia lửa vàng tóe ra khi ông hàng phở thổi to bếp lửa bằng một cái ống thổi. Những hàng phở gánh đó còn có một dụng cụ đặc biệt. Chỉ là một ống tre, một đầu có mấu kín, đầu kia nút bằng lá chuối khô. Thân ống có một lỗ nhỏ, nó như cái lỗ của tẩu thuốc phiện hoặc của điếu cày nhưng nhỏ hơn nhiều. Đó là ống hạt tiêu. Bưng bát phở cho khách, ông hàng phở tháo cái nút nhỏ như đầu đũa bằng tre, rắc rắc vòng tròn trên mặt bát, mùi thơm đã quyến rũ khách hàng, khiêu khích khách hàng.

Mỗi món ăn có một cách ăn riêng. Bún riêu cua phải có rau diếp thái chỉ, hoặc rau muống chẻ, thứ rau muống Sơn Tây xanh

óng, giòn tan (nếu luộc thì dai) chẻ thật nhỏ ngâm ngay vào nước nên xoắn tít, không dai và dài như loại rau chẻ sẵn ở chợ (vì chẻ xong sợ ủng, không ngâm vào nước) trộn cùng rau chuối thái mỏng tạm trông như những vành trăng non đầu tháng. Bây giờ người ta chuộng rau xà lách hơn, rau diếp chỉ còn ở nông thôn xa. Cũng là tiến bộ. Nhưng rau xà lách thái rối ăn với bún riêu quả là nhạt nhẽo. Bún chả cũng vậy, bún chả rong. Những cô gái trẻ áo dài đồng lầm bê từng nẹp (hay mẹt) bún chả cho khách tận từng nhà một. Cái nẹp ấy là cái khay bằng tre mà có đủ mầu sắc mùi vị. Tía tô màu tím, rau ghém xanh non, bát nước chấm nâu hồng, mấy con bún trắng tinh, vài lát ớt đỏ chói... do bàn tay cô gái bưng đến, thật ngon lành hấp dẫn, hấp dẫn từ dáng đi uyển chuyển, tà áo mềm mại, cả cái bàn chân đi đất của cô, cả cái nụ cười như không bao giờ tắt, có hàm răng hạt huyền đen bóng, khiến môi mình hình như cũng động đậy.

Những món quà thông thường đó có quanh năm, rẻ tiền, ai ăn cũng được, ăn lúc nào cũng có.

Bên cạnh, còn có những món ăn theo mùa. Khi hoa bưởi thơm ngát ở vườn nhà ai đó thì có bánh trôi bánh chay. Tết Đoan Ngọ ăn rượu nếp. Rằm tháng Tám ăn bánh nướng bánh dẻo. Tết Nguyên Đán mới cần ăn bánh chưng, tháng Tám ăn cốm Vòng... Nếp ăn quà đã lai căng đi nhiều. Tết người ta tha về đủ các thứ "qui gai xốp", tết nào cũng ăn ga-tô được.

Cuộc sống thay đổi, một thời chín mười giờ tối, người ta đi dẹp hết mọi hàng trên hè phố, ai đói thì cố mà đi ngủ, mai ăn. Nay, giờ nào cũng có thể có những hàng ăn, bán những món ăn theo mọi sở thích.

Cạnh tranh nhau là tốt. Nhưng xem ra nay có những cách ăn uống có vẻ xô bồ sàm sỡ, phàm phũ, mất đi một phần thanh lịch

của Hà Nội. Không phải là hoài cổ. Mà tiếc những giá trị tinh thần đang mất. Chẳng hạn không tiếc một chút nào - mà còn mừng nữa - cảnh cách đây vài chục năm, khách phải uống cà phê, nước chanh bằng cái thìa đục thủng (mà người có sáng kiến quái gở này được thưởng và suy tôn là Chiến sĩ thi đua) hoặc ăn chè bà cốt, chè đường, cháo đường mà phải ngửa cổ, đổ bát cháo bát chè vào miệng, lắc lắc cái bát cùng với lắc lắc cái đầu mình vì thìa không có, đũa cũng không, với lí do tiết kiệm của tinh thần xã hội mới. Có khi may ra tìm được một chiếc đũa thì trời ơi, vừa nhờn vừa hôi do khách ăn mì không người lái vừa dùng xong vứt ra. Lắc lắc cái đầu trông thật hay, buồn cười phát khóc. Nhưng chả nhẽ dùng tay mà quệt ư, hay làm như ông đồ nho xưa ăn bánh rán, thè lưỡi liếm rồi hỏi học trò chữ này là gì. Làm như thế cũng không được vì đây là bát chứ không phải đĩa. May sao cảnh đó đã qua, nhắc lại mà cười với nhau một cách rùng mình.

Suy rộng ra cái ăn cái uống quả là hàm nghĩa chứa yếu tố văn hóa cao vậy. Tuỳ nhận thức và con mắt nhìn mà đánh giá nó, thực hiện nó, chứ đâu phải giàu sang hay nghèo khó mà nói rằng không thể... Cũng không phải là một kiểu "đài các" đáng chê như có người lên án. Giàu mà trọc phú thì cũng không biết cách ăn uống. Sang mà bần tiện thì cũng chỉ là học đòi...

Tản mạn về uống

Uống là để cho hết khát. Đã đành. Nhưng cũng có khi không khát mà vẫn cứ uống, như một số khách hàng vẫn lui tới các quán hàng mọc như nấm mùa xuân khắp nơi hiện nay.

Loại trừ rượu là loại đồ uống riêng đáng bàn trong dịp khác, ở đây chỉ xin nói đến những món đồ uống thông thường không có men.

Nhiều lần vào các quán cà phê của mậu dịch quốc doanh và cũng nhiều lần vào các quán cà phê tư nhân, tôi đều bắt gặp người ta bưng ra tách cà phê để trong cái bát ăn cơm, mà không phải để trên đĩa. Có lần tôi hỏi một cô mậu dịch viên:

- Cô ơi, tại sao tách cà phê lại phải để trong bát thế ?

Đó là một cô gái trẻ, rất xinh, chỉ biết là son phấn hơi quá mức, y như trên sân khấu trong ánh đèn 15 ngàn oát. Cô lườm tôi và không trả lời, quay phắt vào trong quầy. Chắc cô cho tôi là "thằng mất dạy" đến tán tỉnh, định bắt bồ với cô chăng? Hay thói quen không thèm trả lời khách đã nhiễm vào cô quá nặng?

Cũng câu hỏi ấy, tôi hỏi một cô ở quán tư nhân. Cô cười tủm tỉm và trả lời:

- Thưa anh các nơi khác người ta có để thế thì chúng em cũng để.

- Chắc cô biết để thế để làm gì chứ?

- À chắc là cho lịch sự thôi ạ.

- Để vào đĩa mới lịch sự chứ.

- Vâng thưa anh, đĩa hay bát thì cũng na ná như nhau mà.

Một ông khách ngồi cạnh phá lên cười:

- Cũng như đàn bà và con gái na ná như nhau mà...

Tôi cũng đùa lại:

- Thế thì tôi thích con gái hơn nghĩa là thích tách cà phê để lên chiếc đĩa hay hơn chiếc bát.

Nhờ câu đùa đó mà tôi có thêm một người bạn khá sành về uống. Và sau đây phần lớn là ý kiến của người bạn mới quen thân ấy.

Cà phê là thứ cần uống - cà phê đá sẽ bàn tới sau - nóng đến ngụm cuối cùng. Để tách cà phê trong bát chính là để cách thủy, bát phải đầy nước sôi. Ở Hải Phòng nhiều nhà hàng cà phê tư nhân còn có cả một bát để đậy cho cà phê nóng lâu nữa cơ. Cà phê uống ở gia đình có người cầu kỳ, muốn uống nóng đến ngụm cuối cùng thường phải thay nước cách thủy mấy lần. Mỗi tách cà phê có khi tốn hết một phích nước sôi hai lít rưỡi (nói thêm: cái phích thường bảo là hai lít rưỡi, thực ra chỉ là hai lít không năm - 2,05 lít-). Cà phê pha xong một phin thường đã bị nguội. Nhiều người sành uống, kỹ tính thường cách thủy chứ không cho vào soong đun lại, vì đun lại sẽ bị nồng. Vô vị nhất là chủ nhà mời khách một phin cà phê chia làm hai ba tách con tí, loại tách uống trà, nguội tanh, nhạt nhẽo. Uống thì chán mà không uống thì sợ chủ nhân cho là bất lịch sự, không tiện.

Đầu tiên các hàng cà phê mậu dịch bưng tách cà phê cho khách hàng chẳng có bát mà cũng chẳng có đĩa. Rồi tiến bộ hơn, có cái bát cách thủy, nhưng chỉ lưng bát nước, vì cà phê đã được đun sôi lại, đến sủi bọt lên rồi. Lâu dần than đắt, dầu đắt, nước sôi thế tốn quá, giảm lãi, người ta "cải tiến" bằng cách chỉ để cái bát không như một thứ "vang bóng", thực chất chỉ là một thứ hình thức chủ nghĩa, một bệnh vô cùng phổ biến trong mọi lĩnh vực trong một thời gian dài.

Trước đây có nhiều gánh cà phê đầu đường, thường pha cà phê bằng túi vải, bán cho sinh viên, công chức hạng thấp, người lao động... rẻ tiền, uống nhanh, thường gọi là cà phê bít tất. Sang, mới uống cà phê phin.

Mậu dịch pha mỗi ngày hàng ngàn cốc, có những cái phin to bằng cả cái nồi, có lẽ cũng tương tự như thứ cà phê bít tất kia thôi. Có điều là cà phê thứ thiệt, dù thứ thiệt đó là loại cà phê kém phẩm chất, *vối* là nhiều, *chè* thì rất ít hoặc không có, cả cà phê đã vỡ vụn, không thể xuất khẩu được. Dù sao cũng hơn các hàng cà phê tư nhân, trộn thêm hạt muồng (Thảo quyết minh), hoặc ngô hoặc gạo rang cháy đen thay cho cà phê vì rẻ hơn.

Khách uống cà phê bây giờ dễ tính thật, thế nào cũng uống được: nóng, nguội, lạnh, hâm hâm, nhuôm nhuôm; đắng, ngọt, nhạt, chua... được tất. Phải chăng đây là kết quả của thời bao cấp, có cà phê mậu dịch mà uống là tốt rồi, nên vô tình cái "gu" của mọi người đã biến mất, cái tạp nham mệnh danh là tập thể đã thắng thế, đã tạo ra sự công bằng với những thứ kém phẩm chất?

Đương nhiên, hàng nào ngon sẽ đông khách hơn. Có lẽ chỉ còn một số rất ít người kỹ tính là uống cà phê ở nhà do chính tay mình hoặc bà vợ chiều chồng pha lấy. Cà phê họ mua cũng chỉ mua ở một hàng quen, và chỉ mua một lạng, hết mới mua tiếp, bởi

cà phê để lâu sẽ mất ngon, mất thơm, dầu ngấm ra giấy gói hết, để trong hộp kín cũng không còn phẩm chất ban đầu nữa. Cà phê chè thơm, cà phê mít sánh, cà phê vối được cái mầu. Muốn ngon, phải trộn đủ ba loại theo một công thức nhất định, tuỳ theo sở thích người uống.

Nhiều quán mậu dịch thua xa quán tư nhân về chất lượng. Uống xong một tách cà phê thấy chua miệng, nhạt miệng thêm chứ không còn dư vị dư hương gì.

Cách đây khoảng bốn chục năm, ở Hà Nội có mấy hàng cà phê khá đặc biệt. Cà phê phin được hấp cách thủy nóng đến ngụm cuối cùng. Cà phê Nuôi ở phố Đờ măng (đầu Phùng Hưng bây giờ) loại bình dân, xích lô, học sinh trung học. Phố Cầu Gỗ có cà phê Giảng, cà phê Nhân, phố Bắc Ninh (Nguyễn Hữu Huân bây giờ) có cà phê Lâm - hiện nay vẫn còn, phố Lý Quốc Sư có cà phê Bằng, Trần Xuân Soạn có cà phê Hợp...

Cà phê phin đá, cái phin đặt trên cốc đã được rót sẵn một ít nước đường đã thắng. Nước đường này bao giờ cũng ngọt, cũng thơm hơn đường sống, đường hạt... Những giọt cà phê đầu tiên nhỏ vào lòng cốc, có giọt cứ giữ hình tròn một lúc lâu như một giọt thuốc phiện không tan. Có giọt vì khách động vào cốc, nó tan ra, nhìn rõ hình vân vân như hổ phách, như vân gỗ lát, như mây trên nền trời... như khói lượn. Uống cốc cà phê phin đá ấy xong, dư vị còn ở đầu lưỡi rất lâu, chứ không nhạt, không chua như mấy hàng cà phê hôm nay ở nhiều nơi.

Quán cà phê Hợp thời ấy nhất định không buôn thêm bánh ngọt vì vị ngọt của bánh sẽ làm sai lệch vị giác, làm cà phê mất ngon, mặc dù có thể thu lãi nhiều hơn. Nhà hàng còn chọn loại tách sứ khum miệng vào để uống cà phê nóng, cốc thủy tinh trong suốt, cốc pha lê để uống cà phê đá, tất cả bao giờ cũng được đặt trên đĩa.

Người bạn của tôi còn nói nhiều về cách rang xay cà phê, nhưng đó là lĩnh vực ít cần bàn đến. Tôi chỉ xin ghi lại nhận xét về vài loại đồ uống khác.

Chè xanh - chè tươi - uống bằng bát sẽ ngon hơn, bởi gợi nhớ đến một không khí dân dã, một mái quán ven đường. Nhưng nếu chè xanh pha đường thì lại phải uống bằng cốc thủy tinh và cùi dìa chứ không nên dùng tách sứ hoặc thìa húp canh. Mất ngon.

Chè mạn sen chỉ nên uống về mùa hè mới cảm nhận hết được thứ hương thơm đồng nội ở trong hoa. Chè hoa nhài lại nên uống những đêm thu. Cao Bá Quát cho là không nên uống trà có ướp hương. Đó là ý kiến của danh sĩ họ Cao, bạn tôi không cho là phải. Hương hoa là hương trời đất kết tinh, tại sao ta không uống mà không lấy cái tinh tuý của quê hương đã kết đọng lại ấy, nó bay lên từ chén trà, phảng phất như hương tóc người đẹp bảng lảng đâu đây, biết đâu ta chẳng gặp một giai nhân từ chuyện Liêu Trai kinh dị và trữ tình hiện ra...

Trà hạt ướp hoa cúc, uống thật sảng khoái. Mùa đông có thể thêm mấy lát gừng vào bình tích trà hạt ủ nóng, càng nồng nàn thú vị.

Nước vối là thứ uống nguội. Lúc đầu là đắng ở đầu lưỡi sau sẽ ngọt ở trong cổ (Nước vối có thể chan cơm đã nguội, ăn với cà pháo muối sổi hoặc với châu chấu rang với lá chanh, cũng trở thành món khá ngon, nó thanh mát, khác hẳn với những thứ canh thịt cá khác).

Lâu lắm món nước gạo rang, gọi tắt là nước gạo gần như mai một. Thứ nước trăng trắng đựng trong những cái thố thủy tinh, một chút đường, một cục đá, thơm thơm ngầy ngậy, là thứ đồ uống không đắt, uống lúc nào cũng được; các ngã tư thường có

những gánh hàng bán thứ đó, có cả thạch đen thạch trắng, trân châu... Nay người ta ưa chuộng nếp ga, nước dừa, nếp đá, nhất là bia hơi, bia hộp... nên các món mộc mạc, ít tiền ấy bị lãng quên, như người ta ưa mốt lạ, quên hẳn những cái đẹp của dân tộc ngàn đời.

Uống là để giải khát, để vui lúc gặp nhau, để chuẩn bị tiễn biệt nhau, để hàn huyên lúc đi xa về, để thổ lộ tâm sự... đó là điều nên làm. Chứ vào quán trà, hàng bia, tiệm cà phê... để bàn tán, để mối manh... thì thật tai vạ. Và tính ra hàng ngàn quán nước hiện có ở khắp các phố phường Hà Nội này để suy ra sự khát của người dân thì thấy đây là hiện tượng lạ lùng. Ăn gì mà khát dữ vậy? Mà uống nhiều vậy? Chả lẽ cha ông chúng ta "ăn mặn" đến thế để bây giờ chúng ta khát nước thế này ư? Ấy là chưa kể những quán kia nhan nhản khắp các đường ngang ngõ tắt.

Và người bán giải khát cũng thật nhiều kiểu mà phần lớn là không biết cách bán thật tốt món hàng của mình, thành thử có khi chủ quán bất cần, và khách cũng bất cần, vào đây là mua chỗ ngồi để làm việc khác chứ không phải để uống...

Không hiểu rồi sẽ thế nào đây?

1990-1991

Người Hà Nội ăn quà

Ngoài hai bữa cơm hàng ngày, thường tình ra ai mà chẳng thích ăn quà. Ở đâu mà chẳng có hàng quà ngon. món quà ngon, nhất là Hà Nội có những món quà mới chỉ nghĩ đến đã bâng khuâng cả dạ.

Nếu ví von một chút, cơm là văn xuôi, thì quà là những vần thơ của thi sĩ tài hoa. Không chỉ mang lại khoan khoái, quà còn mang lại cảm xúc cho người ăn, không kém gì đọc một bài thơ hay, nghe một bản nhạc đẹp.

Hà Nội có những món quà ngon khiến ngòi bút của Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân từng phải rung lên như dây đàn. Và người Hà Nội đã ăn những món quà ngon đó như thế nào, ăn vào lúc nào, có khác gì những nơi khác người khác ăn không?

Chuyện dân gian kể rằng: Một bà mẹ đi kén vợ cho con. Bà không chọn cô gái ăn bánh đúc bẻ đôi chấm mắm tôm mà chọn cô gái ăn bánh giò chả quế. Biết ăn ngon thì biết làm giỏi. Ôi, đôi mắt xanh của bà mẹ tinh tế làm sao. Đúng là cái đẹp đã được bình phương lên.

Người Hà Nội ăn quà cũng có cách riêng.

Món nào ăn sáng thì không dùng ăn trưa. Món ăn trưa thì tối không ăn. Chiều, tối, khuya, mỗi thời điểm có món riêng, mỗi món có "tri kỷ" của nó.

Xôi lúa không ăn chiều. Xực tắc không ăn sáng. Lục tào xá không ăn trưa. Lạc rang ít ăn vào mùa nắng. Mùa rét ít ăn chè đỗ đen...

Bát bún riêu không cần đầy ụ. Lát rau chuối phải thái mỏng tang trông như vành trăng thượng huyền giữa nền xanh rau muống chẻ, rau xà lách. Ngổ ba lá như cánh hoa điểm xuyết, lát ớt đỏ tươi. Ớt xanh là hỏng. Người ngồi bên cạnh cũng không hề nghe tiếng và xụp xoạt, tiếng nhai tóp tép, tiếng nuốt ừng ực... Người ăn cứ nhẹ nhàng như không, như vừa lắng nghe điều gì vừa ngẫm nghĩ vừa ăn, và tưởng như đó là cô gái thắt đáy lưng ong, có đôi môi chúm chím, không bao giờ nói to cười lớn. Và như vậy, người ăn quà như thế cũng không thể ngồi xổm trên ghế hoặc ghếch một chân lên với những móng chân cáu ghét.

Độ chợ Bắc Qua chưa xây dựng lại, thường gặp mấy cô ngồi xổm ngay giữa nền chợ, ngả cái nón ra, bốc bún bằng tay chấm mắm tôm đựng trong cái chén mẻ cóc gặm, ăn ngấu nghiến, nhồm nhoàm, rồi quệt ngang, vừa đi vừa đánh đàn răng tanh tách. Chắc chắn đó không phải là gái Hà Nội có bà mẹ kỹ tính, nền nếp, dạy từng lời ăn tiếng nói, dáng đứng nét ngồi... ngay từ thuở lên năm lên bảy.

Quà Hà Nội thường không phải ăn cho no, nó tựa như lời yêu chỉ cần nói nửa chừng, để ngỏ một khoảng trời cho sự mơ màng.

Cái tủ kính con, đĩa xôi vò bát chè đường mới hấp dẫn làm sao. Bát (đúng ra phải gọi là chén) chè chỉ nhỉnh hơn cái chén quả hồng. Chè đường trong vắt. Những hạt đỗ xanh như hoa vàng chập chờn ẩn hiện. Còn xôi vò đựng trong cái đĩa nhỏ xíu, chỉ mấy nhúm ngón tay đã hết. Từng hạt xôi tưởng như rời rạc mà lại quyện vào nhau khi ta nhai với cảm giác ngọt ngào mềm ấm. Cái hạt xôi vò kỳ lạ, mềm mà không nát, khô mà không cứng, đỗ

xanh phủ mỏng ngoài còn bên trong là hạt gạo nếp căng phồng như cái bụng con ong non. Một chút xôi chè ấy ăn vào buổi trưa, thật đúng là Hà Nội. Xôi xéo lại khác, từng cục to nhỏ khác nhau là món ăn sáng. Thì ra "vò" với "xéo" khác nhau lắm nhỉ? Còn con người, khi tấm lòng bị vò bị xéo, chắc cũng khác nhau lắm.

Món cốm cũng cần cách ăn hương hoa. Không thể dùng đũa và lùa cốm vào miệng. Nhìn các bà các chị nhúm một nhúm cốm đặt vào lòng bàn tay, ngửa cổ cho cốm rơi vào lưỡi, như thả cốm rơi lơ đãng, người ngồi bên cạnh cũng cảm thấy hương thơm hạt cốm lây sang mình. Hạt cốm khi được hóa kiếp một cách hào hoa vậy chắc cũng không tủi thân một đời làm cốm. Các cụ đồ nho có câu: "Mài mực ru con, mài son đánh giặc". Ăn cốm theo kiểu mài mực thì có lẽ chỉ có người Hà Nội là rõ nhất. Liên tưởng như cô gái sắp cúi đầu e lệ thốt lên câu nói đầu tiên trong đời, câu nói chỉ nghe thoảng bằng tâm tưởng hơn là âm thanh, câu nói có thể làm chàng trai trở nên một người khác hẳn, một cuộc đời sang trang mới đầy kỳ lạ. Câu nói chỉ một thanh âm: "ANH".

Phở đang là món ăn thông dụng. Phở cần ăn thật nóng. Người Hà Nội không dùng thìa mà chỉ cầm đôi đũa đứng ngay cạnh nồi nước dùng mà ăn. Phải nóng đến miếng cuối cùng. Cầm thìa vớt bánh phở lên thìa rồi mới đưa lên miệng, như vậy sẽ giảm độ nóng đi mất nhiều, bánh phở không ngấm kỹ nước dùng, bớt độ ngon, bởi phở ngon phần lớn nhờ nước dùng. Có người ăn, cuối bát phở, còn nguyên nước, thật phí và không biết ăn. Các gánh phở đầu phố xưa, khách ăn đứng là có lý lắm chứ đâu phải vội vàng hoặc tham ăn.

Xin đi lạc đề một chút. Nhìn mấy cô làm ra vẻ thanh cảnh, ăn phở cứ cầm thìa khêu phở lên mà ăn rồi bỏ lại toàn bộ nước dùng, mà nhớ đến cách đây mấy chục năm, nhiều ông rủng rỉnh, rủ

nhau lên cao lâu Mỹ Kinh, Đông Hưng Viên... để khoe cách ăn chơi. Cơm no rượu say, gọi ấm trà Thiết quan âm tráng miệng. Khốn nỗi, đây đâu phải là thứ nước tráng miệng, hơn nữa các ngài quá no, nên chỉ uống một chén hạt mít rồi bỏ. Mấy ông nhà bếp già, mấy cậu hầu sáng mang ấm trà xuống bếp uống với nhau vừa thưởng thức trà ngon vừa cười thầm chê mấy ông khách học đòi làm sang vì các ông mới được uống nước rửa trà thôi. Nước thứ hai trở đi mới là nước ngon lại để cho người ta hưởng. Thành thử vừa mất tiền, vừa bỏ đi cái ngon nhất lại vừa bị cười thầm.

Ngay như món ốc luộc. Ở Hà Nội cũng có nhiều cửa hàng chuyên bán. Chỉ một thứ thôi. Khách quen thì đến. Ở phố Nhà Chung và vài phố khác có hàng như thế. Ốc nhồi, ốc biêu, ốc đá, loại nào ra loại ấy, bằng nhau chằn chặn. Bát nước chấm vàng nhạt, những miếng gừng vàng sẫm, lát ớt đỏ chói, con ốc giòn sần sật, nóng hôi hổi. Ăn để mà nhớ nó, ăn để thay đổi cảm giác, chứ không phải phục vụ cái dạ dày cần đầy.

Cái xốn xang của Hà Nội sang thu nó lạ lắm. Chớm đông Hà Nội cũng làm lòng mình không yên. Nó cứ mang mang trong tâm dạ, khiến mình phải đến một nơi nào đó, gặp một ai đó, ăn một món gì đó. Sang thu, nếu chưa được ăn con chim ngói, chưa được ăn chút cốm Vòng thì ít ra cũng phải đi ăn mươi con ốc luộc cho đỡ nhớ, cho yên cái thắc thỏm.

Bao nhiêu quà là miếng chín, người Hà Nội ăn cho thơm thảo, ăn cho ngon miệng, ăn cho đỡ nhớ, ăn cho thời tiết được mình hưởng ứng, ăn để hòa mình vào thời tiết, hòa vào thiên nhiên, ăn như để đáp ứng một nhu cầu nội tâm hơn là vị giác.

Tấm mía là món quà phổ thông, ở đâu chẳng có. Người Hà Nội ăn mía cách riêng. Không vừa đi vừa tước mía như thổi sáo ngang, vừa ăn vừa hít, vừa dứt, và nhả bã dọc đường như Mỵ Châu

rắc lông ngỗng. Tấm mía được rửa sạch, róc cẩn thận, tiện thành từng khẩu, để trên đĩa, hoặc để trong lòng bàn tay sạch, đưa từng khẩu lên miệng. Có người còn ướp hoa nhài hoa bưởi một lát rồi mới ăn, vừa ăn cái ngọt vừa ăn cái thơm.

Quả sấu chín không thể cắn mà phải gọt, phải biến nó thành cái vòng xoắn ruột gà, để nguyên thì hình tròn, nhấc lên, nó như cái lò so. Thật đẹp mắt.

Chuối cũng là quả thông thường dù là thứ quả quý. Người Hà Nội ăn chuối không ai bóc tuột cả vỏ, cũng không cầm cả quả mà bóc. Phải bẻ đôi quả chuối rồi mới bóc bốn phía. Nửa quả chuối biến thành bông hoa bốn cánh, thịt chuối là cái nhụy hoa vậy.

Tháng sáu, mùa nhãn. Nhãn lồng sen ngâm trong nước đường trong vắt, dần dần biến thành màu trắng ngà... Nếu ăn nhãn quả cũng không đưa cả quả nhãn vào miệng, phùng một bên má như con khỉ vội ăn để dành cạnh lưỡi; người Hà Nội ngắt một quả, lấy móng tay bóc một nửa vỏ nhãn, lộ cái cùi trứng, rồi nhằn hạt nhãn trong răng, thật ngon lành, vệ sinh mà cũng thanh lịch.

Còn bao thứ quà nữa của khắp vùng đất nước được chuyển về Hà Nội, người Hà Nội không ăn xô bồ, vội vã. Thanh cảnh, tao nhã, lịch sự văn minh, ăn cho ngon, ăn thật đẹp... đã thành nếp thường xuyên hàng ngày, nó giống như dáng đi, nét mặc, lời nói, người Hà Nội đi đâu cũng không lẫn, và ở giữa lòng Hà Nội, người không phải người Hà Nội cũng toát ngay ra cái chất của mình.

Bắp ngô nướng đêm đông, ngô luộc buổi sáng đâu cứ cầm mà gặm nham nhở. Cầm trong lòng bàn tay, dùng ngón tay cái khẽ tẽ ra từng hạt theo từng hàng, hạt ngô như viên ngọc trai được nghiền khẽ khàng giữa hai hàm răng để cái ngọt thơm thấm dần vào vị giác, thế mới là ngon, mới là ngọt, là thơm, là quý...

Và người Hà Nội cũng ít khi mặt đỏ gay ra đường. Sau một bữa no say, mang bộ mặt đỏ như gấc chín ra đường, để khoe sức uống chăng, khoe tửu lượng chăng, khoe sự phàm ăn tục uống chăng, hay khoe nhiều tiền nhiều của để ăn uống hơn người ? Nhiều người có cái máu chỉ một ít bia mặt cũng đỏ, họ xấu hổ, không muốn ra đường, sợ bị hiểu lầm là bê tha rượu chè (cái này dễ đi với cờ bạc, đĩ bợm) mà người đến thế thì còn ra cái gì. Mặt đỏ, nói chuyện với ai, phả hơi rượu vào mặt người ta, lại càng kinh lắm. Tửu sắc, có gì đáng khen đâu. Thật chí lý.

Bữa cơm trong nhà thế nào xong thôi. Tuỳ hoàn cảnh, rau đậu qua ngày, hay mâm cao cỗ đầy tuỳ ý. Trong nhà, ai biết.

Còn ăn quà, chủ yếu là ở ngoài đường ngoài phố. Cẩn trọng, giữ gìn, nếp sinh hoạt ấy đã thành tiềm thức, tập quán. Có cô gái thích ăn bún ốc, cũng không nỡ và xụp xoạp. Chua cay của món ốc thật hấp dẫn, chảy cả nước mắt nước mũi, có khi còn sặc sụa. Vâng, cô không xấu hổ, nhưng cũng vẫn nghiêng vành nón để người ngoài khó nhìn thấy khuôn mặt xinh tươi kia, ửng đỏ một chút vì chua cay, vì ngon miệng, vì sung sướng. Có thể cô cười thầm với mình vì *món quà rất con gái* này.

Có bà ăn bún chả, cứ ngồi sau bức màn gió, thò tay ra ngoài để đỡ nẹp bún chả cô hàng đưa vào, không muốn ai nhìn thấy mình ăn quà. Lại có những đôi người yêu đưa nhau đi chơi, nhất định không chịu ăn bánh tôm Hồ Tây dù rất ngon, hấp dẫn, bởi ăn xong, mùi mắm muối thô lậu làm sao chịu nổi trong khi họ còn đang thả hồn trong mộng chung. Chả lẽ lời yêu lại được đẫm trong nước mắm ?

Lại nhớ đến cả cái rổ con, buộc dây, ròng từ gác hai gác ba xuống lúc đêm khuya để mua bát xực tắc. Kéo dây lên, ăn xong thả dây xuống trả bát trả tiền. Hà Nội thật.

Người Hà Nội ăn quà cách riêng của mình vẫn gặp thưa thoáng đâu đây. Nó có bị pha tạp, lấn át đôi khi, nhưng nó vẫn là hương hoa nhài, là làn ánh sáng lung linh, là nét đẹp của đô thành này. Nó giống như người đàn bà xuân sắc, dù có tuổi vẫn không phai nhạt hương trời, vẫn nuột nà mái tóc, vẫn tươi tắn làn môi, vẫn khoan thai dáng đi, vẫn đắm say con mắt, vẫn uyển chuyển tà áo…

Hà Nội không thể là một thành phố không đẹp, không thể xấu. Người Hà Nội vốn đẹp. Cách ăn quà của người Hà Nội vẫn mang lại nét phong phú, đáng yêu như một bài thơ đầy nhạc cảm.

1990.

Bữa ăn ngày thường

Bữa ăn của người Việt Nam bình thường, trừ cỗ bàn không kể, ai mà chẳng biết. Tuỳ gia đình, điều kiện, nó thay đổi chút ít.

Phổ biến là mâm cơm đặt trên chiếu, trên ghế ngựa, có khi chỉ là chiếu rải trên đất. Thành thị mới có thói quen ngồi bàn, bàn trải khăn trắng.

Nếu người ông, người cha chủ động giờ ăn, nếp ăn, thì người mẹ, người bà mới thực sự là chỉ huy trong bữa ăn.

Trước hết đã thành phong tục đẹp của cả dân tộc: Lời mời. Ai đang bận hoặc đang dở tay, phải có người ra mời. Không thể nói: Bố vào ăn cơm. Mà phải nói: Mời bố vào xơi cơm ạ. Khi cả gia đình đã ngồi vào mâm đông đủ, bắt đầu cũng bằng lời mời. Lần lượt mời từ trên xuống, từng người một rồi mới được nâng bát. Lời mời cũng không được nói sõng, phải có chữ ạ sau cùng. Ai ăn xong, trước khi đứng dậy, cũng phải điệp khúc lại lời mời như bắt đầu bữa ăn.

Chao ơi, vẽ. Trong nhà cả mà, rách việc, phong kiến... Thật chăng? Không. Ngàn đời cho đến nay, dân tộc ta không chấp nhận người nào ngồi vào mâm mà hùng hục ăn luôn, không mời mọc, không chú ý đến ai. Đó là loại người "*ăn cơm không biết*

giở đầu đũa", là "*vục mặt xuống mà ăn*". Cho nên dù là sống với nhau suốt đời, hàng ngày bên nhau, gần gũi thân thương mỗi ngày ngồi vào mâm hai lần, nhưng lời mời vẫn phải có. Nó thể hiện thái độ kính trọng người trên, thương yêu người dưới, lễ phép, văn minh, lịch sự. Hoàn toàn không phải là vẽ chuyện, là rách việc, là phong kiến như có ai cực đoan đã nghĩ. Thử xem, một gia đình nghèo nhưng nền nếp, mâm cơm đạm bạc; nhưng có bao giờ thiếu được lời mời. Nó cũng còn là khía cạnh đạo đức mà truyền thống dân ta không bao giờ từ bỏ.

Bà, hoặc mẹ, cô con gái lớn, chị con dâu bao giờ cũng ngồi *đầu nồi*. Đó là người cầm cái, người chỉ huy, cũng là người phục vụ cho cả nhà. Chúng ta không chấp nhận kiểu nồi cơm để xa, ai ăn hết tự đứng lên xới cơm lấy. Người ngồi đầu nồi phải ăn thong thả, ý tứ quan sát cả nhà: ai ăn hết bát cơm thì mình dừng tay và cơm ngay, sẵn sàng để xới cơm; không để ai phải chờ. Có khi người ngồi đầu nồi dừng trước lâu quá, còn giả vờ đánh nồi cơm, dù nồi cơm đã đánh tơi lên rồi. Cử chỉ hành động đó rất nhỏ, nhưng vô cùng cần thiết vì thể hiện sự quan tâm đến mọi thành viên trong gia đình, nhất là những người có tuổi, những người bậc trên. Mình vì mọi thành viên. Mọi thành viên vì mình. Nhân văn lắm chứ.

Có chuyện nàng dâu mới về, ngồi đầu nồi, nhà lại đông anh em trai, họ ăn như hổ cuốn rồng leo, chị dâu xới cơm luôn tay, hết bữa mà chị chưa ăn hết được một bát. Chả lẽ ngồi ăn sau cùng, sẽ mang tiếng tham ăn. Đành coi như no, nhịn. Tối phải về nhà mẹ đẻ ăn thêm cơm nguội.

Ngồi ăn cơm không được nhai tóp tép, nhồm nhoàm, húp xuỵt xoạt, gõ bát đũa ầm ỹ. Khi chan canh, phải bỏ đũa xuống mới cầm thìa, không được một tay vừa cầm đũa vừa cầm thìa,

khiến đôi đũa khua vòng tròn trên mâm. Có một cái thìa chan canh, không được dùng nó để húp. Muốn húp, phải múc canh vào bát riêng của mình, và đặt thìa thật khẽ, không bắn canh ra ngoài.

Chấm thức ăn phải hứng bát, không nên rê miếng thức ăn đã chấm xuống đĩa thức ăn, để tránh nhỡ món nước chấm đó có người không ăn được thì đĩa thức ăn vẫn không sao. Cũng không được đưa miếng thức ăn đã chấm trực tiếp lên miệng, mà phải đặt vào bát cơm rồi và.

Trên mâm cơm có miếng ngon nhất, bao giờ bố mẹ cũng gắp nhường ông bà, và thông thường ông bà lại gắp trả lại cho cháu, người được ưu tiên nhất cả nhà. Có khi bé em không thích, gắp trả vào bát của mẹ, và người mẹ lại nhường cho bố. Thật hạnh phúc khi có không khí gia đình thương yêu nhường nhịn nhau như vậy.

Miếng cháy xém, ăn cho thơm miệng, người già răng yếu ít ăn, mẹ lấy cớ thích ăn, nên thường ngồi nhai cho hết vì bỏ đi thì phí. Thật là một cử chỉ đáng trọng của mẹ trong gia đình.

Bữa cơm, hay bữa ăn thường diễn ra như một việc hết sức bình thường hàng ngày. Nhưng thực ra nó đã trở thành nghi thức thiêng liêng, đầy chất văn hóa, đáng yêu. Nghe nói trước đây, nhà ăn Lan Khai, tuy thường sống thiếu thốn, nhưng mỗi khi ông ngồi vào bàn viết và ngồi vào bữa ăn, bao giờ ông cũng quần áo chỉnh tề như đi dự bữa tiệc hay làm một việc quan trọng.

Nhìn nhiều gia đình dùng bữa, ta có thể biết gia đình ấy thuộc loại nào, sống ra sao, mỗi người trong gia đình đối xử với nhau như thế nào. Kinh sợ nhất là có nhà chỉ có dăm người, nhưng người ăn trước, người ăn sau, mâm cơm lúc nào cũng như ăn dở, bát rếch để lẫn bát sạch, đĩa thức ăn nham nhở, bát canh nguội

lạnh, nồi cơm đóng từng cục... hẳn người ăn sau không thể thấy ngon, không thể thấy vui, không cảm nhận được không khí đầm ấm, thương yêu của sợi dây tình cảm gia đình.

Với người dân bình thường, *thực cụ* thật đơn giản, mâm thau, mâm nhôm, mâm gỗ, bát mộc, đũa tre, toàn vật rẻ tiền, nhưng chủ yếu là khô ráo sạch sẽ thơm tho. Bát sạch ngon cơm mà. Chí lý. Tất nhiên thế. Nó thể hiện tài khéo léo, tính tỷ mỉ, sự chăm sóc của người phụ nữ trong gia đình, làm gương cho con cái noi theo, nó phải thành nền nếp. Không thể bằng lòng với đôi đũa cọc cạch, cái dài cái ngắn, chiếc bát mẻ, cái thìa gãy, cái mâm han gỉ. Cụ Nguyễn Tuân sinh thời, trên mâm chỉ vài món, nhưng cái mâm phải bóng lộn, đôi đũa thật khô, cái bát thật sạch. Cũng như nhà văn ấy, nhiều gia đình Việt Nam cũng có gia phong ấy, không bao giờ bát nước chấm thừa từ bữa trước có mặt trên mâm cơm.

Thành phố, có nhiều gia đình có lọ dấm ớt tỏi, cũng như nông thôn có chum tương nơi góc sân. Gia giảm tuỳ khẩu vị.

Có gia đình ông bố không biết ăn mắm tôm. Bà mẹ biết ý, không bao giờ làm món gì có mắm tôm, với lý do có một người không biết ăn hoặc không ăn, thì bữa cơm mất ngon mất vui. Chỉ khi nào ông đi vắng, bà mới làm món có mắm tôm cho cả nhà. Thương yêu nhau đến thế thực chỉ có vợ chồng người Việt Nam tôn trọng nghĩa tình mới có.

Không thể vì ăn uống mà cãi cọ nhau, người này khen món ngon mà người khác rùng mình. Có ông thích món rươi nhưng bà vợ lại rất sợ vì nhìn thấy những con rươi bơi trong chậu nước như con sâu? Ông biết ý, mỗi mùa rươi, ông ra quán rượu đầu phố nhấm nháp vài miếng cho đỡ nhớ, cho khỏi đau lưng mà không ảnh hưởng, không làm phiền gì đến bà vợ.

Bữa cơm của chúng ta hiện nay còn đơn giản. Nó còn bị đơn giản hóa hơn nữa là vợ chồng con cái đến bữa rủ nhau đi ăn cơm bụi, cơm đầu ghế. Thời đại công nghiệp chăng? Phải chạy đua với thời gian chăng? Để tiết kiệm chăng? Cũng tuỳ. Và cũng xin tuỳ thích. Chỉ có điều như vậy là làm mất đi bàn tay chăm sóc ân cần của người phụ nữ trong gia đình, làm con cái mất đi những bài học về gia chánh, khiến nhiều cô gái trẻ, nhiều cô dâu mới rất lúng túng khi nói đến một số món ăn truyền thống dân tộc, hoặc các cô không còn làm được tròn bổn phận của người con, người vợ, giữ gìn sức khỏe qua bữa cơm cho người thân yêu. Luộc rau, tráng trứng, kho cá, pha nước chấm, nếu không học thì dù đó là những món đơn giản, cũng khó mà làm cho ngon. Thật tiếc.

Mong sao mỗi gia đình chúng ta ngày càng có những bữa ăn ngon hơn, đầm ấm hơn, đầy chất văn hóa văn minh hơn.

1991

Cái bàn nước

Không phải ai trong chúng ta hàng ngày cũng được dự những buổi tiếp tân long trọng trong những phòng khánh tiết cao sang hoặc những phòng khách bề thế. Tuy vậy, gia đình nào - dù giầu hay nghèo - mà chẳng có cái bàn nước, nơi gia đình sinh hoạt và đôi khi tiếp khách.

Tuỳ gia cảnh và nề nếp địa phương, cái bàn nước có bao khác biệt, có bao nét văn hóa và phản ánh văn hóa nữa.

Nhà giàu sang có phòng khách riêng, có bày xa lông tàu đệm gấm đệm nhung, xa lông Sài Gòn đệm mút, xa lông gụ mặt đá, quanh phòng có rèm đăng ten để thêm vẻ giàu sang...

Trung lưu có bàn ghế gỗ xà cừ, loại xa lông lùn có cách đây trên nửa thế kỷ, nay vì chặt cây trên các đường quốc lộ, loại xa lông này được một số ông thợ mộc các làng ven đô cho hồi sinh bằng loại gỗ xà cừ. Nhà điêu khắc Lê Trọng, có mấy cái ghế như thế, anh kê hai cái liền nhau, bỏ tay vịn cong, thay bằng một con rùa gỗ do anh tạo tác ra, làm chỗ dựa tay, ai thích ngả lưng có thể dịch nó về một góc mà gối đầu.

Nhiều nhà cổ có những bộ tràng kỷ gỗ gụ, có hàng con tiện, lâu ngày lên nước đen bóng, có bộ còn khảm xà cừ, chạm lộng, chạm đồng tiền con dơi, đầm sen đàn vịt, chùm nho con sóc v.v...

Cũng kiểu ấy, nhiều gia đình ở nông thôn, có bộ tràng kỷ bằng tre ngâm, bóng mầu ngà, mát rượi, ngả lưng thì gối đầu lên cái then ngang, chỗ tựa tay ở đầu tràng kỷ.

Mấy năm trước có phong trào dùng bàn ghế trúc Lạng Sơn. Loại này khi trúc khô, mộng hở hoác, ngồi cứ cọt kẹt. Hiện nay có loại bàn ghế bằng song mây rừng, chắc chắn hơn, to nhỏ nhiều loại; cũng tiện.

Nhiều gia đình ở nhà cao tầng, có khi rải thảm hoặc chiếu xuống sàn thay cho bàn ghế, vì trần quá thấp. Có nhà rải tờ báo làm bàn tiếp khách, có nhà có cái kệ nhỏ, có thể bằng gỗ mộc, có nhà sơn mài... Nhà thơ Hải Như nhà đạo diễn kịch Vũ Hà có tiếp khách trên sàn nhà như thế. Ngồi xếp bằng trên chiếu, khề khà chén trà, cái thú nào kém gì những bộ ghế cầu kỳ.

Nhìn chung, thông thường là một cái bàn con, mấy cái ghế đơn sơ. Chủ khách tao phùng, tri âm tương ngộ, râm ran thổ lộ hay tâm sự thì thầm, cho dù ngoài kia nắng to xém lá hay mưa gào gió giật, và cũng có thể không có mưa, không then khóa gì, cũng cứ lưu được khách, chứ không hẳn như câu *"Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách..."*

Quanh cái bàn nước nhỏ ấy, có bao câu chuyện, bao sự việc diễn ra. Khách đến đọc cho chủ nghe dăm câu thơ thù tạc, những chuyện thời sự mới diễn ra đâu đó tận tây tàu, nào bình luận giá cả thị trường, nào chuyện đạo lý xuống cấp...

Ông bố trẻ hồi hộp nhấp chén rượu, mong chờ tin đứa con sắp ra đời. Mấy anh em tập hợp, vì ngày kia là ngày giỗ, mai là ngày tiên thường, sẽ tổ chức cúng bái ra sao. Mấy ông bạn đồng tuế bàn nhau về duyên phận lứa đôi của mấy đứa con, chuyện cưới xin, tìm ngày tốt, việc mời khách khứa thế nào. Và hàng trăm thứ chuyện,

hàng ngàn vẻ mặt của cuộc đời, được nhắc đến xung quanh cái bàn nước gia đình. Riêng chuyện làm ăn thì hình như ít diễn ra ở đây, nó không có "không khí", nghĩa là không đủ ngấm của chất men, không đủ ngấu của mộc tồn, đặc sản, nên nó phải diễn ra ở nhà hàng cơ. Và hình như nó cũng không quen với không khí nghiên cứu, góc học tập của con trẻ...

Không khí gia đình đầm ấm hạnh phúc tươi vui hay không, có thể nhận xét qua cái bàn nước đó. Chủ nhà có khiếu thẩm mỹ hay không, kỹ tính hay xuề xòa, văn hóa cao hay thấp mê mải làm ăn hay thích các thú chơi... có thể sẽ lộ ra ngay trên cái bàn nước đó. Và cả sự khéo léo, tinh tế, chăm chỉ của "bà nội tướng", đó là người sạch sẽ hay cẩu thả, nền nếp hay loại "ruột để ngoài da"...

Không có gì khó chịu bằng bị chủ nhà tiếp bên cái bàn mộc mà hàng ngày nó là chỗ ăn cơm. Mùi nước mắm, nước canh lưu cữu, thấm vào gỗ, bốc lên mằn mặn, hôi hôi, vừa ẩm vừa dính, không dám đặt cái khuỷu tay lên mặt bàn. Trà sen, trà nhài, trà sói, hay trà móc câu, cà phê Môka... gì gì thì cũng hỏng, hệt như vào mậu dịch uống cà phê trên cái bàn khách vừa ăn phở, còn ống đũa, lọ nước mắm, lọ tương ớt, kể cả những sợi hành miếng ớt vung vãi trên mặt bàn. Thà chủ nhà cứ tiếp ngay trên sàn, trước một tờ báo rải thay bàn còn hơn, và một chén nước lọc trong vắt cũng đủ, vì uống đâu có quan trọng bằng sự gặp nhau, câu chuyện muốn nói với nhau.

Cũng đáng buồn, nếu không nói là ghê ghê khi chủ nhà tiếp bằng bộ đồ trà mấy ngày chưa rửa, tách cáu cặn chè, cái đĩa thì có những vòng tròn nâu nâu vì người trước uống trà xong, úp xuống ngay không rửa, trà khô đi, vẽ trên mặt đĩa cái hình tròn hơi méo ấy. Có khi khách đành nói lảng "Xin lỗi, vì huyết áp cao, phải kiêng trà...".

Thật thoải mái khi ngồi trước cái bàn con, bộ ấm tách sạch bong trắng tinh, thơm tho, cái mặt bàn không một hạt bụi, cái gạt tàn như sẵn sàng mời khách hút thuốc, và có thể trên mặt bàn còn có một chút màu xanh lá cây, quý hơn nữa có một bông hoa tươi vừa cắm. Lá cô tòng, lá dương xỉ, một nhánh trắc bách diệp, một cành lá măng... còn đẹp hơn loại hoa giả nhiều, thứ mà nay nhiều nhà cứ thích mua về cắm. Cái giả đấy.

Chủ nhà tôn trọng khách cũng là tự trọng, trà dù loại rẻ tiền, cái ấm dù sứt vòi, cái chén chỉ là bằng loại gốm, sành... khách vẫn vui. Đã có trường hợp chủ pha trà không có thìa dùng luôn cán bàn chải đánh răng, quấy, sủi cả bọt lên. Khách uống hay không uống, hở các bạn?

Trước một cái bàn uống nước sạch sẽ như vậy thì chắc chắn căn nhà không thể bề bộn, và khách dù có bừa bãi đến đâu cũng không nỡ gạt tàn thuốc ra nền nhà, không thể hất toẹt cặn trà xuống góc tường.

Sinh thời, nhà thơ Trần Huyền Trân tiếp khách trong căn nhà tranh ở cuối ngõ Nam Đồng. Nhà ông thuộc loại nghèo, nhưng cái bàn nước thì tuyệt. Chỉ có tre trúc, gộc gạc, nhưng sạch sẽ, mỹ thuật, đẹp một cách say mê. Gạt tàn bằng tre, lọ hoa tre, mấy cái ghế mây, ấm chén đất nung, trà nóng, khói thơm... và hiện nay nhà sưu tầm Chiêu Dương cũng có cái bàn nước tương tự, còn thêm chân dung mấy nghệ sĩ bạn ông, mới qua đời, có cả những bông hoa tươi ông thay hàng ngày, hái ngay ngoài vườn đem vào.

Nhiều bàn nước hiện nay, những dụng cụ tân thời là chủ yếu. Đồ nhôm, đồ nhựa đủ cả. Đã hình như mai một thế hệ uống trà, tiếp nhau quanh cái bàn nước có chén tống, chén chuyên, chén quân, có cái ống điếu, hay cái điếu bát sạch bong, vì cái chổi đót tị tẹo trong tay chủ nhân luôn làm việc. Nay hút ba số là chủ yếu,

hoặc dùng cái điếu cày vốn không phải là chỗ của nó trong các căn phòng tiếp khách.

Cái bàn nước thường đặt giữa nhà hoặc góc ngoài cửa. Thuận tiện, nhưng thực ra, đặt đâu cũng được, tuỳ theo cách bố trí nội thất của chủ nhà. Chúng ta đang phải ở khá chật chội, loại nhà cao tầng lại thấp lè tè, không thể có nhiều diện tích kê những bộ bàn ghế to kềnh càng, và khách cũng biết vậy, cũng ở trong cảnh ấy chăng nên, đâu có cần cầu kỳ, nào bàn sơn mài, nào đồ pha lê "bôhêm", nào trà thật ngon v.v... Chính yếu là có một chỗ ngồi mà chuyện trò, càng không phải là đến chơi với chồng mà bà vợ mặt lưng mày vực, hoặc có ông khách quá quắt, nửa đêm rồi chưa chịu rút lui, còn bắt chủ nhà pha ấm trà mới.

Đó là cái bàn nước tiếp khách. Còn cái bàn nước dùng thường xuyên cho sinh hoạt gia đình cũng tuỳ cảnh tuỳ nhà mà có lắm cái khác nhau. Có gia đình nhiều trẻ em, cứ đun một ấm nước to; đổ vào cái liễn, em nào khát thì lấy chén múc nước trong liễn mà uống. Thành thử cái liễn nước thành chỗ rửa chén mà không biết. Tai hại. Nhiều gia đình đổ nước vào chai, có bồ đài bằng giấy đậy. Chai nước trong vắt, tinh khiết. Có rót nước ấy cho khách chắc cũng không thể từ chối. Có gia đình cốc chén cho người nhà riêng, cho khách riêng. Bất luận ai uống xong, cốc chén cũng phải được rửa, được tráng sạch ngay rồi mới được úp vào khay vào đĩa, nên cốc chén bao giờ cũng sạch, tạo cảm giác tinh khiết cho người dùng.

Chuyện khách đến nhà, chén nước đầu tiên. Có cô gái đoảng, bố bảo đun nước pha trà tiếp khách, cô đun cả cái siêu năm lít, hàng giờ chưa sôi. Bà mẹ phải dạy, chỉ cần đun vài chén, pha ngay đợt đầu đã, rồi đun tiếp sau. Như vậy khách vừa ngồi chưa ấm chỗ, đã có nước.

Ngày nay, có cái phích (cái bình thủy), tiện lắm. Và tiện hơn có bếp dầu, bếp điện, chắc không cô con gái nào bị mắng như trước nữa.

Khách đến nhà là quí, điều chắc nữa phần đông khách đến không phải vì khát nước, mà đến là vì tình với nhau, vì có chuyện muốn nói với nhau. Bên cái bàn nước, chủ nhà ân cần, vồ vập, niềm nở thân tình, khách thì ý tứ lịch sự, có cần chi trà phải thật ngon, thuốc thật đắt, ấm chén phải bằng bạc bằng đồ Giang Tây...

Đôi khi, khách có tâm sự buồn phiền, gia đình lủng củng, hay một nỗi đau nào đó vừa ập đến, cái buồn thất bại v.v... đến gia đình có bàn nước trang nhã, ấm cúng, lịch sự, hẳn khách cũng nguôi ngoai được phần nào. Ngược lại có khi khách đang hưng phấn, bị tiếp bên cái bàn nước luộm thuộm bẩn thỉu hôi hám, hẳn khách sẽ vợi nguồn cảm hứng, mất thoải mái đi nhiều. Cái bàn nước làm nhiệm vụ, làm công việc đó chứ gì?

Tấm lòng đối với nhau là đáng quý. Thái độ đối với nhau là đáng trân trọng. Và trong giao tiếp, trình độ văn hóa, thẩm mỹ, ý thức xã hội... được thể hiện qua chén trà đã thành phổ biến. Hình như không có mấy ai khách đến nhà mà chủ không pha nước, chí ít thì cũng rót một chén nước đã pha sẵn ra mời. Cái bàn nước cũng đã thành một bộ phận khó mà thiếu được trong mỗi gia đình, dù giầu hay nghèo, dù ở nông thôn hay thành phố. Nó có là bộ mặt của gia đình, nó có đại diện cho chủ gia đình, trước mặt khách hay không, còn là tuỳ ở mỗi người, mỗi gia đình vậy.

1991

Nhịp quả đầu mùa

Có ai mà không ghi nhớ những ngày thơ ấu có tết Đoan ngọ với bữa giết sâu bọ lúc sáng sớm. Cái tục lệ đi tắm lúc bình minh rồi ra đồng hứng những giọt sương trong bông hoa vừng về tra mắt, đi tìm rắn để lấy cái đầu rắn làm thuốc chữa bệnh "ố gà", và thích thú được nhuộm móng chân móng tay (nay thì người ta nhuộm tùm lum) đeo bùa tua bùa túi... Nhưng nhớ nhất vẫn là bữa tiệc linh đình quả ngọt, quả chua, rượu nếp ngà ngà say, miếng dưa hấu ngọt mát và bao nhiêu thứ quả khác... như khúc nhạc dạo đầu, như màn tự mộ của vở kịch tưng bừng hội quả suốt từ đây cho đến ngày hoa cúc hoa đào khoe sắc.

Cô gái nào ăn món sấu giầm đầu mùa có vị gừng thơm tê đầu lưỡi sau những ngày ăn bánh trôi bánh chay ngọt sắc ngan ngát hương hoa bưởi, hẳn cô có chờ đợi từ những ngày hoa sấu trắng li ti đọng thành nốt nhạc đầu cành khiến đàn ve theo đó mà hòa tấu vĩ cầm.

Chuối tiêu trứng cuốc đã đi theo những đợt gió mùa, nhường chỗ cho chuối ta (còn gọi là chuối tây), mập tròn, ngọt mát, vỏ vàng chanh mà thịt quả trắng ngần.

Người Hà Nội sành ăn không ăn chuối tiêu "bánh âm", vì nó vừa nhũn vừa chua mùi dấm. Không ưng chuối ta thì ăn chuối lá mật, cạnh vuông, vỏ rám nắng như người lam lũ, ruột mềm mà

ngọt sắc, phải ăn cả cái "áo tơi" để có cả ngọt cả thơm, cả chát và ngầy ngậy như trứng luộc lòng đào.

Con chim tu hú gọi những ngày nắng đầu hè, nó làm tổ nhờ vào tổ đôi vợ chồng nào, mà đến lúc này nó kêu khắc khoải một nỗi buồn nhớ vắng xa đến thế. Nó gọi quả hay quả gọi nó khi trời ngăn ngắt xanh có bềnh bồng mây trắng, khiến ai đó nhớ về một dải đê có rặng vải um tùm, lá xanh quả đỏ trĩu chít như mời như đón.

Ôi con chim quê hương, con chim làng quê, con chim làm nao lòng người, làm say mê đàn em nhỏ, làm xốn xang cái lưỡi cô gái ăn dở, thèm cái cùi trắng ngà mọng nước bọc cái hạt màu nâu cánh gián, có thể làm thành con quay, quay tít trên nền gạch nhẵn.

Lâu nay thứ quả vải - tu hú - quả to, hạt càng to, nhiều chua hơn ngọt, ít người chuộng. Vải thiều đã thành quả phổ biến, từ Thanh Hà được nhân ra nhiều địa phương khác, có những quả cái hạt chỉ bằng hạt đỗ đen cùi ngọt lừ, nhất là không bị sâu đầu. Quả vải thiều nhiều khi xanh mà vẫn ngọt, có quả da đỏ hồng như má con gái, không ăn nó lúc đầu mùa thì vẫn như thiếu một cái gì, như mình chưa làm tròn một việc gì.

Tết Mùng năm tháng năm đến từ từ khi quả dưa hấu vỏ đen bóng, ruột đỏ hồng (không phải thứ dưa miền Nam quả tròn xoe, ruột nhờ nhờ) cát lấp lánh pha lê. Thật kỳ diệu khi trong tay có cái súng lông ngỗng mà đạn là mảnh vỏ dưa hấu, nổ lốp tốp đầy thích thú. Ngay cái lông ngỗng cũng là nhổ trộm trước khi mẹ đem con ngỗng đi tết thầy giáo cho con.

Còn kia, mận hậu tím thẫm, mận Thất Khê vàng chóe như những viên hoàng ngọc, nằm cạnh những quả đào lông tơ mịn như má gái dậy thì chỉ muốn... cắn vào ngay một miếng.

Mấy năm trước, các bà các chị bán đào bầy hàng như một thứ nghệ thuật. Những nhánh lá măng xanh óng, li ti xen vào da đào

nào hồng, nào vàng, nào đỏ... còn lấp lánh những giọt nước gợi nhớ đến một bông hồng nhung hoặc một bình hoa mặt trời tươi mới. Những quả đào Sa Pa ấy không cần gọt, không cần bổ ba bổ tư, phải cầm mà cắn để nghe được âm thanh giòn tan một cách thầm thì.

Mơ chùa Hương đã qua từ lâu, khi tàn hội. Những trái mơ ngâm đường đã lên men ngây ngất, chờ viên nước đá làm tan cơn nóng trưa hè, làm con rôm sau lưng cũng phải lặn đi khi lưỡi chạm vào vị nước.

Hà Nội lâu nay không thiếu xoài cát, xoài tượng, xoài Nha Trang thứ ngọt thứ chua. Quả muỗm quả quéo chỉ còn để giầm nước canh rau thay quả thanh trà hoặc khi quả sấu chưa đến, quả me thì chát.

Ai một lần ăn quả muỗm Mộc Châu hẳn khó quên nó. Quả tròn mập như cái vai lẳn của cô gái quê quen lao động. Da muỗm xanh thẫm, hơi xấu mã, có những chấm đen như vết tàn nhang trên má đàn bà... nhưng thịt quả dầy, không ngọt lừ cũng không chua gắt, cứ giòn sần sật như thứ sụn trời làm, như thứ xương của bữa "bốc mả" khuya nơi hàng phở đầu phố. Quả chanh cốm thơm hắc, lõa lồ, không ai ăn giấu giếm được, còn quả muỗm Mộc Châu, chỉ có vào cuối vụ, ăn mà nhớ mãi.

Không hiểu từ năm nào, phố Ngô Thì Nhậm hình thành cái chợ mít. Có thứ quả nào ngọt thơm hơn nó? Nó là quả na phóng đại lên hay khi nó thu hình lại thì hóa thân thành quả na dai na bở. Những múi mít thơm không chịu được, nó bắt người qua phải hít hà, nó như thứ sắc đẹp ma quái của người thiếu phụ không trẻ trung nhưng chưa già, làm chàng trai ngẩn ngơ "đi thì cũng dở, ở cũng không xong...". Cả cái xơ cái cũng không thể bỏ. Hồ Xuân Hương từng viết "Vỏ nó xù xì múi nó dày..." hẳn là nữ sĩ định nói cái gì ngoài nó, ngoài cái ngọt ngon, nên mới chua ngoa làm vậy.

Ăn mít bóc ra đĩa, dùng tăm hoặc dĩa, không thể ngon bằng cứ cầm miếng mít vừa bổ ra, bóc đến đâu ăn đến đấy, có khi còn vừa ăn vừa phải xua con ruồi quẩn quanh đâu đó. Ăn xong còn phải thục tay vào thùng gạo mà xoa, mà cọ. Mùi mít, mùi gạo, mùi cám quyện nhau thành một thứ hương quê mùa độc đáo. Mấy ai là người Hà Nội mỗi năm không ít ra là một lần ăn mít?

Nếu hương mít có đôi chút trần tục, quyến rũ thế thì lại có một thứ quả làm ta mê mẩn bâng khuâng. Có thứ nước hoa nào vẩy lên gối làm ta ngủ say đến thế, đã có thứ hương cây mùi quả nào làm ta lâng lâng nhớ về vùng quê một lần qua, có tre làng, có tiếng chuông chùa, có câu chuyện trữ tình đầy lòng nhân hậu đến thế hở THỊ ơi.

Cái thứ quả bình dị có vẻ quê mùa ấy lại chứa đựng cả một trời hương bát ngát khi sang thu. Quả thị to tròn đã hấp dẫn bao nhiêu thì quả thị sáp nhỏ xíu, tròn như cái bánh xe đồ chơi, bẹt như khuôn bánh dày nhỏ lại còn kỳ diệu bấy nhiêu, nó làm ta cầm tay mà mê tơi, mà nao nao, mà...

Giấm na muốn chóng chín, phải có vài quả thị nằm cùng. Hơi thị phả sang na, như hơi chồng hơi vợ, như hơi vợ hơi chồng. Đánh thức nhau mau chín mà đón mùa thu có cả trái hồng xanh hồng đỏ. Thị vàng na trắng cùng thơm, cùng nức gian phòng ta ở khiến như có ai từ kỷ niệm trở về cùng ta cho bớt cô đơn khi gió heo may bắt đầu lăn tăn Hồ Kiếm...

Quả học trò là quả gì nào? Nó dân dã, tầm thường, bình dị, nhưng đã đi vào kỷ niệm của năm tháng học sinh mỗi kỳ nghỉ hè. Nghỉ hè, đi học thêm, nhà thầy có cây ổi, cô con gái thầy hái trộm trái ổi xanh dúi vào tay mình, làm buổi học cứ như bay lên mây... Ai chẳng một lần dại dột, trèo cây hái trộm quả xanh, dù biết rằng chưa ăn được, nhưng hình như không hái thì không thể nào chịu nổi.

Ổi có từ mùa hè sang đến giữa thu. Ổi mỡ ngọt lừ. Ổi đào hơi chua. Ổi nghệ hơi chát. Ổi găng tròn xoe. Ổi nậm như bình rượu. Ổi trâu mập mạp... Cái thân cây ổi cứ nhẵn bóng, đôi chỗ róc vỏ, rộp lên như tuổi dậy thì thay da đổi thịt. Có lẽ chỉ có con chim chào mào là tinh khôn, biết trước mọi người vườn nào có quả ổi thơm, quả chay đã chín. Những con chim tinh khôn, những con chim của tuổi thơ, của trời mây thanh bình hạnh phúc mách ta đi tìm vườn ổi. Xin người bạn nhỏ tuổi ấu thơ hãy để giây phút nhớ về lúc chúng ta cho nhau trái ổi, bạn nhé.

Nếu có người ví dứa là hoàng hậu của các loại quả thì cũng có thể nói nhãn là hoàng đế trên cây. Chẳng trách loài dơi chuyên ăn trộm quả khiến chủ vườn phải dòng dây từ ngọn cây chùm quả vào nhà, rung dây theo nhịp võng cả khuya đêm mà đuổi những con vật háu ăn.

Nhãn không quyến rũ người bằng mầu bằng hương mà bằng vị. Nó có cái duyên riêng như cô gái khiêm nhường nhưng khi đã bén tình thì khó mà quay đi được. Thứ nhãn trơ, nhãn nước thì chẳng kể làm gì. Nó như cái người hư hỏng, chẳng nói cho phí lời. Nhãn lồng, nhãn Hưng Yên, Phố Hiến, nhãn Bạch Long (hạt trắng) là thứ người Hà Nội không thể nào quên nó khi tháng sáu đến, khi những con lũ đỏ ngầu làm sông Hồng tung bọt trắng khiến lòng người phấp phỏng. Mà lạ, cứ năm nào được nhãn thì năm đó nước to. Qui luật ư? Nay có thủy điện Hòa Bình, qui luật đó có còn tồn tại?

Có điều chắc chắn, thứ quả có hạt đen láy như mắt cô gái đa tình ấy có thể làm ta say la đà nếu ta quá yêu nó, mà không dừng tay bóc lại.

Có chuyện kể rằng có nhà chủ vườn nọ, thuê thợ bẻ nhãn. Trước khi lên cây, chủ nấu một nồi chè bà cốt ngọt sắc, mời mọi

người, ai ăn được bao nhiêu cứ ăn, ăn chán ăn chê. Không phải vì lòng tốt mà là để cái lưỡi mọi người hỏng đi vì ngọt, không thể ăn nhãn ngay trên cây được nữa, mà nhãn đắt hơn chè.

Cái thứ nhãn ngọt như đường phèn, ăn riêng nó để mà nhận cảm hoàn toàn hương vị đất trời, hơn hẳn thứ bóc tuột, rồi lồng hạt sen ngâm nước đường, nó sẽ chỉ còn là một thứ nước nhân tạo, nhạt nhẽo.

Còn bưởi? Bưởi chua bưởi ngọt, bưởi mỡ bưởi đào. Bưởi Chi Đám (Vĩnh Phú), bưởi làng Trữ La (Cẩm Bình, Hải Hưng), ai mà chẳng mê những con tôm mọng nước như thủy tinh, như pha lê ấy.

Từ quả bưởi he hái sớm để tránh bão đến trái bưởi vàng ươm đón tết, từ con chó bông làm bằng bưởi đến những bông hoa tài tình từ bưởi mà nên, cả cái vỏ bưởi khô đượm lửa đêm đông có mùi thơm nồng nàn, cái cùi bưởi trắng tinh ăn hơi đắng... Phải chăng đã kết tinh từ làn hương hoa bưởi tháng giêng hai, trong góc vườn, bên giếng nước trên đường làng... để bây giờ ta hưởng vị ngọt vị chua thích thú.

Có thể nào nói hết được mọi thứ quả thơm quả ngọt, cứ chín lên, mời gọi theo mùa, theo bước thời gian vừa nhanh vừa chậm.

Hồng xiêm Xuân Đỉnh ngọt nhưng nhựa dính răng, hơi khó chịu. Chanh yên, Phật thủ thơm xa xôi như chờ xuân không vội vã. Doi xôm xốp nhàn nhạt, chỉ đáng làm quà cho trẻ. Táo la đà, táo Thiện Phiến, táo lai ngon nhưng không quí. Sầu riêng thơm một mùi ma quái, chôm chôm xù xì không đẹp... Có lẽ chỉ cần nói thêm một thứ quả quen thuộc mà vẫn ngon, vẫn sang trọng, vẫn có vẻ kiêu sa. Đó là cam. Cam Xã Đoài, cam Bố Hạ, cam Canh..., thứ xù xì, thứ vỏ mỏng tang, thứ ngọt pha chua, thứ ngọt mát như đường, thứ bóc mà ăn, thứ gọt, để lên đĩa, thứ vắt lấy nước...

Hà Nội còn bao thứ quả khác: Hồng bì, dâu da, dưa lê, dưa bở... Phong trào vê-a-xê (VAC) cho thêm bao quả. Nói như câu thơ của nhà thơ lớn Nguyễn Du: *Thời trân thức thức sẵn bày...* người Hà Nội thưởng thức hoa quả theo nhịp điệu bốn mùa, để hưởng cái ngon, cái quý của thiên nhiên (hay của người lao động vườn) tặng cho người.

Tháng ba có bánh trôi bánh chay, tháng năm có rượu nếp, tháng tám có cốm Vòng, tháng mười có chim ngói, người Hà Nội thế nào cũng phải mua được quả đầu vườn, mới yên lòng.

Nói đến tháng mười có thể nào quên quả quít, để cái vỏ nấu rươi. Rươi không có vỏ quít coi như vứt bỏ. Nó như đám cưới không có cô dâu, như tết không có bánh chưng, như bao thứ lệch pha khác.

Quả đầu mùa, thời trân, đắt rẻ hề chi. Người vợ đảm, cô con gái ngoan, nàng dâu hiền... thế nào chẳng mua về tặng cha mẹ, mời chồng, cho con, cho em...

Cái tài cái khéo cái hay cái sành của một người Hà Nội là có biết chọn biết mua quả đầu mùa, biết thời trân về nhà, vừa quý vừa sang, vừa tỏ được cái tình của mình với người thân yêu mỗi khi trở mùa hay không.

Quanh năm Hà Nội có quả ngon. Quanh năm là ngày hội quả. Người Hà Nội bắt nhịp lòng mình với thiên nhiên là thế.

Bát nước chấm

Với người Việt Nam nước mắm làm nước chấm là phổ biến. Tuy vậy ở nông thôn, tương còn phổ biến hơn.

Nước mắm là tinh chất của cá, giàu đạm. Loại nước mắm có màu đậm là pha thêm nước hàng nấu bằng kẹo đắng hoặc nước lá chuối khô. Thứ này vô hại. Còn nước mắm nguyên chất có màu vàng nhạt mật ong, sánh, càng nặng mùi càng ngon. Nước mắm chắt là thứ nước đầu tiên lấy từ bể chượp, không pha phách, đun nấu gì.

Có những người thợ lặn sâu và lâu, trước khi xuống nước, uống một bát nước mắm chắt sẽ tăng lực nhiều, không thấy rét. Nhưng cũng lại có một chủ nhiệm hợp tác xã nghề cá biển ở Hồng Gai (tên là Chi), đánh ra cá, làm ra nước mắm nhưng không bao giờ ăn nước mắm, chỉ ăn muối. Thế mới kỳ.

Còn tương làm bằng gạo nếp thổi thành cơm và đậu tương đã rang. Tất cả đều được lên men. Đây là món ăn lên men do vi sinh vật, lại giàu đạm thực vật nên rất dễ tiêu, rất bổ, quen thuộc với tất cả người Việt Nam. Đã có câu ca dao:

...Nhớ canh rau muống, quả cà dầm tương

Gia đình nào trước đây ở nông thôn hầu như cũng đều có một chum tương để ở gốc cau, ngoài sân để ăn quanh năm.

Ngoài nước mắm và tương còn có nhiều thứ dùng làm nước chấm: mắm tôm, mắm tép, nước cáy, xì dầu, ma-gi cả các các thứ nước "sốt" cho từng loại món ăn tuỳ theo có trên mâm.

Người Hà Nội khá khó tính trong cách ăn. Món nào có nước chấm riêng cho món ấy.

Chả cá, mộc tồn, lòng lợn... thiếu mắm tôm chanh ớt đánh cho ngầu bọt lên... là hỏng.

Thịt gà luộc ít người ăn với mắm, mà phải dùng muối nghiền nhỏ với tiêu bắc, chanh tươi. Thịt vịt cần củ đỏi đập dập thả vào nước mắm. Thịt bò tái, chín, vó bò gọi tương gừng. Thịt trâu không hiểu có gần với thịt vịt không mà nó cũng cần tỏi, phải chăng vì nó lạnh nên cần tỏi để thêm chất kháng sinh?

Bắp cải, cải ngồng, củ cải luộc cần nước mắm trứng mầu vàng, ngầy ngậy, thêm tí hạt tiêu cho dậy mùi, trong khi rau muống lại bạn với bát nước mắm sấu hoặc cà chua, chanh cũng được.

Bánh cuốn, bún chả, nem rán, cuốn tôm không thể dùng nước mắm nguyên từ chai rót thẳng ra, mà cần pha cho nhạt thêm, ngọt thêm. Một chút hạt tiêu, vài lát ớt chập chờn, thêm hương cà cuống như gần như xa như có như không, cay nồng mà vẫn dịu, bát nước chấm của những món này là linh hồn của thức ăn.

Ếch tẩm bột rán, gan rán ... lại phải có thứ nước "sốt" riêng.

Trong bữa ăn của người Hà Nội, bát nước chấm rất quan trọng. Nó thường được đặt ở giữa mâm, theo nghĩa hình học, là tâm điểm cách đều tất cả mọi người ngồi xung quanh, không ai phải với tay xa quá.

Cũng có nhiều gia đình, bát nước chấm không phải là một. Ông bố thích ăn cay, cậu con trai lại không ăn được ớt, cô con gái

thích cái chua gắt của chanh, bà mẹ ưa cái chua dịu của dấm không làm ghê răng cũng không đến nỗi rùng mình... thành thử chỉ bốn người thôi đã cần bốn bát nước chấm khác nhau cho hợp khẩu vị từng người. Ăn không còn chỉ làm đầy cái dạ dày mà còn là thưởng thức, chỉ một chi tiết nhỏ nếu thiếu, bữa ăn cũng mất ngon ngay. Thì ra sở thích của từng người cũng không bao giờ nên áp đặt hay tuỳ tiện qua loa cho xong. Khẩu vị chuyển vần như mây, man mác như gió, muôn hình muôn vẻ như thơ... không nên chỉ độc tôn một thứ.

Có ông chồng không ăn được mắm tôm, bà vợ lại rất thích thứ này. Ông bảo sợ nhất là đũa gắp thức ăn gắp rồi chấm vào bát mắm tôm, lại còn đặt xuống đĩa thức ăn rồi mới đưa lên bát, như vậy đĩa thức ăn có mắm tôm rồi, không biết ăn thì quả là khó ăn, khó chấp nhận. Bà lại nói đó là món ăn dân tộc, không biết ăn là một thiệt thòi lớn...

Vì vậy mỗi khi gia đình này có ăn mắm tôm thì hoặc ông ăn cơm trước hoặc bà ăn cơm trước, chứ họ không ngồi ăn chung, để không ai khó chịu vì ai.

Có lẽ người Hà Nội nào cũng ăn được nước mắm, chỉ có điều mỗi người có cách điều hòa riêng theo sở thích, theo thói quen, mặn nhạt tuỳ ý. Ít người chịu để bát nước chấm "mộc" trong mâm cơm.

Nhiều nhà khoa học khuyên mọi người ăn nhạt, để tránh bệnh xơ cứng động mạch vì chất ClNa đọng trong thành mạch máu. Nhưng nhà thơ đại tá Tạ Hữu Yên đã gần bảy mươi tuổi, người sắt lại, da đỏ hồng, làm việc không biết mệt mỏi, ông bảo tại ông ăn thật mặn, ăn khô, uống ít nước. Không hiểu nhà khoa học đúng hay nhà thơ đúng?

Thiết nghĩ ăn vừa miệng mình là ngon nhất, mà như vậy là khỏe người nhất. Và bát nước chấm giúp cho mọi người ăn được ngon nhất, chính là nhiệm vụ của nó.

Thử tưởng tượng cá chép to rán khúc hoặc cá rô ron rán giòn mà chấm muối hoặc không có gì chấm cả, cứ phải ăn nhạt thì sẽ như thế nào? Đã có trường hợp thịt gà luộc chấm tương, trời ơi, đó là một cái gì xộc xệch, chắp vá, gượng ép, khó chịu, nặng mùi... thà ăn muối còn hơn. Hoặc như nem rán mà không có bát nước chấm vừa đủ độ cay chua mặn ngọt, thì đó sẽ là cái gì. Đó là trường hợp lâu nay ở nhiều khách sạn, ở nhiều cuộc chiêu đãi, người ta có món nem ăn lúc đầu bữa, nhưng mỗi cái nem rán nhỏ vừa một miếng, cầm dĩa cắm rồi đưa lên miệng, hoàn toàn không nước chấm, không rau sống... Khách ăn, nhất là khách nước ngoài thấy ăn món này như một thứ thịt rán mằn mặn mà thôi, trách người bạn rằng bạn cứ tự khen món nem rán của bạn ngon lắm nhưng thực ra món này chả có mùi vị gì, chán ngán lắm.

Tại ai. Chính là tại không có bát nước chấm đó thôi. Ăn nem, phải chua cay mặn ngọt đến độ hắt hơi, nước mắt nước mũi ròng ròng, mới ngon, còn cái thứ nem chiêu đãi kia chỉ là một thứ vô duyên, vô vị, khô khốc.

Có thể ví sự điều hòa của bát nước chấm như sự hiền hòa, nhân ái, từ tốn, bình tĩnh của bà nội tướng trong gia đình khi ông chồng tính nóng, các cô các cậu lại háu đói, hay tranh cãi nhau, tị việc với nhau. Bà nội tướng dùng cái tài bẩm sinh của mình mà giữ gìn được cái không khí đầm ấm, vui tươi, hạnh phúc giữa tất cả mọi người. Bà chia đều yêu thương, lòng vị tha cho tất cả mọi thành viên trong gia đình... Sự so sánh nào cũng không hoàn toàn đúng, và cũng trân trọng xin các bà tha lỗi cho trong sự so sánh đáng kính này.

1991

Gia vị

Do thói quen, người Hà Nội rất thích ăn gia vị. Chém to kho mặn là điều kiêng kỵ của các bà nội trợ. Các cô gái thường được mẹ dậy dỗ từ nhỏ, khi đi làm dâu, các cô sợ nhất là khẩu vị của mẹ chồng mới.

Tuy vậy sự khéo léo thông minh của con gái Hà Nội cũng nhanh chóng khắc phục được nỗi sợ đó. Họ hòa hợp thích nghi nhanh với tập quán nhà chồng, chiều ý chồng, mẹ chồng, bởi người Hà Nội ăn gia vị không khác nhau mấy. Biết dùng gia vị cho đúng món, đúng lúc, đúng liều lượng, cũng không có gì là khó khăn lắm.

Gia vị làm tăng độ hấp dẫn, thơm ngon, từ mầu sắc đẹp mắt đến hương thơm mời gọi, vị cay chua mặn chát, ngọt bùi, béo ngậy của món ăn. Nó như cái bí quyết của người phụ nữ không chịu già, qua thời thanh sắc vẫn giữ được tình yêu nồng đượm của đức ông chồng chung thủy với mình. Có thể gọi đó là cái tài, cái khéo, cái duyên, cái tình của bà nội tướng đối với ông chồng khó tính khó chiều.

Người Sài Gòn thích ăn giá đỗ sống, món gì cũng thêm giá đỗ và cho rất nhiều, từ canh cá đến phở... Người Huế lại thích ăn ớt, món gì cũng có ớt, nhiều đến mức món ăn chuyển thành màu của ớt.

Người Hà Nội có cái khác. Tuỳ từng món mà có thứ gia vị này hoặc thứ gia vị khác, có thứ gia vị chỉ ăn với món này mà không hợp với món khác, nếu cho vào là hỏng ngay. Gia vị cũng ưa sự loáng thoáng, vừa đủ, vừa độ, làm tăng cái ngon của món ăn chứ không lấn át món ăn. Gia vị là khách. Khách không được lấn át chủ. Đó là điều người Hà Nội nào cũng hiểu. Gia vị chỉ là son phấn tô thêm sắc đẹp của cô gái vốn dĩ đã đẹp chứ không phải là có thể làm cô gái xấu trở nên rất đẹp được. Quá một chút son phấn cũng là hỏng. Khối cô gái da trắng ngần, lại đem trát đầy phấn lên mặt kèm thêm hai khối đỏ ối gọi là má hồng, thành thử đang đẹp bỗng trở thành một thứ ngoáo ộp. Gia vị cũng thế.

Một Tản Đà, một Nguyễn Tuân, một Thạch Lam...; một Vũ Bằng... rất chuộng và coi trọng gia vị. Đó là những người Hà Nội điển hình về biết ăn uống, dù các ông quê ở đâu, sinh ra ở đâu.

Truyền thống Hà Nội là món ăn bao giờ cũng tinh khiết, thanh đạm, có hương thơm; có mầu sắc, không cần nhiều, nhưng chủ yếu là có đủ gia vị cần thiết.

Tía tô cho cà bung, ốc nấu. Kinh giới cho riêu cua, sứa tươi, nhưng tuyệt đối không đi với thịt gà. Ngổ ba lá cho thịt cầy, bún riêu. Lá chanh cho thịt gà, ốc luộc. Mùi ta, mùi tầu, rau thơm - tức húng Láng - cho phở. Xương xông, lá lốt ít dùng, chỉ để bọc thịt đem rán thành chả xương xông, chả lá lốt, hoặc đem nhồi dồi chó. Tỏi cho thịt vịt, thịt trâu. Gừng cho canh cải cá rô, cho nước bắp cải luộc; cho thịt bò tái, vó bò. Rau răm cho canh hến, cho thịt bò thuôn, chim thuôn. Hạt tiêu có thể phù hợp với nhiều món: bún chả, bún thang, nem rán, bánh cuốn, thịt gà, cháo cá, chả rươi...ớt cũng vậy, nó có thể đi với nhiều món, vừa cay vừa thêm màu sắc, có thể đỏ, có thể vàng. Riêng ớt xanh nồng gắt hơi quá ngái nữa, là món hơi khó ăn, người khó tính không ăn ớt chỉ thiên cũng quá gắt, không phải thứ quí. Củ kiệu muối là thêm vào cho

thịt ngỗng quay, thịt ngan quay cho bớt ngấy. Thiếu thìa là thì riêu cá, canh cải cúc thành vô vị, không muốn đụng đũa.

Thịt cầy không có riềng mẻ húng quế thì thành thịt gì không biết, mà nếu thiếu mắm tôm thì nhựa mận không kết dính được người ăn. Húng quế còn gọi là húng chó là vì thế, và nó còn kết hợp lòng lợn tiết canh, đánh át cái tanh, thêm màu xanh cho sắc đỏ.

Các món cần vị chua, các bà các chị có thể dùng thứ này thứ khác: Quả dọc, khế xanh, sấu, thanh trà, dấm bỗng, me, quả me... Riêng rau muống luộc dùng lá me, là thứ cây nhỏ thường trồng ven rào, chứ không phải cây me to ăn quả, trồng ven thành phố. Gỏi phải gọi lá sung, quả sung, quả vả, chuối xanh, rau dấp...

Chanh chua thơm nhưng hơi gắt, còn dấm chua dịu. Dấm chua lửa nồng cũng tuỳ người, tuỳ tính. Chanh quý ở cái vỏ, thơm hấp dẫn, gọi mời. Ở chợ có những ngày người ta bán từng thúng quả chanh đã gọt hết vỏ. Nó chỉ còn vị chua trơ trên mà mất hết cái duyên nồng thắm của hương chanh. Người ăn phàm, tham rẻ mới ăn loại này. Người kỹ tính chỉ mua để gội đầu.

Nhà nghiên cứu Phan Kế Hoành, nhân một hôm nói chuyện về gia vị đã cho biết câu: "Thịt vịt lá na, thịt gà lá chanh", ông nói thêm đó là món ăn ngon. Tôi xin thú thực chưa thấy ai ăn thế bao giờ, xin nêu lên đây để làm một "tồn nghi", mong thức giả xa gần chỉ giáo. Tôi chỉ được nhà viết kịch Trần Đức Tuyên cho hay lá na có tác dụng kỳ lạ: Đi đưa đám một ai đó mà quan tài đã có mùi; giắt một cái lá na trong túi, sẽ không còn thấy mùi ấy nữa. Tôi đã có dịp và quả là hiệu nghiệm như ông nói.

Trở lại chuyện gia vị, người vùng Yên Thế thích món muối rang riềng, trong khi người vùng Hải Phòng Thủy Nguyên lại ưa mắm cáy và mắm ruốc.

Trong gia vị có món mắm tôm, nhiều người không biết ăn vì cái mùi của nó, nhưng bún thang, mộc tồn, chả cá mà thiếu nó thì kể cũng vô duyên thật.

Riêng có một thứ gia vị thuộc loại đặc biệt, rất hiếm, quý và nay càng quý, gần như sắp bị tuyệt diệt. Đó là cái bọng chỉ to bằng hạt gạo nếp ở gần sống lưng con bọ cánh nửa cứng nửa mềm: Cà Cuống. Một thứ hương từ đất từ trời, vừa quý tộc vừa dân dã, vừa cung đình vừa lều tranh, vừa như có lại vừa như không, vừa nồng nàn vừa thoảng qua, không như cái ngọt của môi thanh nữ, cái cháy bỏng của con mắt quả phụ, có khi nó chỉ là một tình bạn lâu ngày, cách xa đấy nhưng không thể dứt bỏ. Bánh cuốn, bún thang hoặc nhân bánh chưng có nó, món ăn trở thành thiêng liêng như vừa được ban phép lạ. Có người thì bảo đã tổng hợp được cà cuống bằng phương pháp hóa học. Có thể lắm. Nhưng phải chờ cái đã, còn hiện nay mỗi lần ăn bánh cuốn, bún thang lại nhớ đến nó như nhớ hương một mái tóc nào đã thành kỷ niệm của một thời ngây dại tình đầu.

Mâm cơm Hà Nội được coi là sang hay không, bà chủ nhà được gọi là tài hoa hay vụng dại, cứ nhìn vào gia vị là có thể biết. Một số cửa hàng ăn uống, cả quốc doanh lẫn tư doanh, một số khách sạn nữa thường coi nhẹ gia vị, không hiểu tại sao? Vụng thì chắc không phải rồi, hay ngại giá thành lên cao, ngại đi chợ, hay coi thường thực khách? Thôi thì vì lý do gì chăng nữa, cũng là điều khó chấp nhận. Nơi ấy vắng khách là phải.

Và nghĩ vui vui, không hiểu chắc ai là tác giả câu ca dao vừa đúng vừa hay, vừa dí dỏm vừa chua chát, dù chỉ hiểu theo nghĩa đen:

Trai tơ vớ phải nạ dòng
Như nước mắm thối chấm lòng lợn thiu...

Nước mắm là gia vị ngon, nhưng đã thối thì không có gì đáng ghê bằng nó, như khoai lang đã hà thì lợn cũng phải quay đi. Còn lòng lợn đã thiu thì chỉ còn cách kêu trời mà chạy cho xa.

Được là một thực khách của gia đình biết nấu nướng, lại biết dùng gia vị, kể cũng là niềm hạnh phúc nho nhỏ vậy.

1992

Món luộc

Có lẽ sau món nướng thì món luộc là món có số tuổi lâu đời nhất từ khi con người tìm ra lửa. Và ai chả biết, món luộc có gì đáng nói? Không hẳn thế !

Thịt luộc như gà, ngan, vịt, ngỗng, bò, lợn, chó... đã đành, mỗi thứ một cách, một vị. Chỉ riêng món rau luộc cũng có bao nhiêu điều thú vị, bao cách ăn khác nhau, bao cách làm khác nhau, ăn trong bao hoàn cảnh khác nhau.

Thông thường có rau muống, su hào, bắp cải, củ cải, rau lang... luộc. Đôi người có sở thích riêng, còn ăn cải ngồng luộc hơi đắng, rau diếp ngô luộc man mát, rau ngổ ba lá luộc thơm thơm. Nhiều người không quen ăn, cho là vô tích sự, nhạt nhẽo.

Luộc thật nhừ, hay chỉ nhúng tái, luộc dở dang còn sồn sột, tuỳ từng người. Nhiều gia đình dễ tính thường vớt rau luộc ra bất cứ một cái rổ cái rá nào, khi ăn mới gắp vào đĩa (có nhà cũng chả cần đĩa, cứ để cả rổ rau cạnh mâm mà gắp, thật là ăn lấy được, hay vì nghèo quá mà đơn giản hóa tối đa cuộc sống?). Có nhà cẩn thận hơn dành riêng một cái rổ để vớt rau, để rau không bị lẫn một mùi nào.

Thông thường vớt rau trực tiếp ra đĩa, đọng nước thì chắt đi, vẫn là tinh khiết, ngon lành hơn cả. Lại liên tưởng đến một bữa cỗ. Thịnh soạn. Thịt gà đầy có ngọn. Béo. Chặt to. Mềm. Chủ

nhân lại nhiệt tình, cứ tiếp luôn tay. Nhưng khổ cho khách. Mới đưa lên miệng đã thấy có cái gì đưa lên cổ. Thì ra thịt gà được chặt trên một cái thớt, ướt, thớt nhà có việc, khiến mùi mùn thớt đã đánh át cả vị lá chanh. Khách chỉ còn một cách nói đau răng không ăn được thịt gà, và ý tứ đặt miếng thịt xuống dưới những đĩa thức ăn khác.

Tương tự như ở nhiều cửa hàng ăn tư nhân và quốc doanh, chỉ có một cái thớt, người ta dùng chung cho cả thịt chín lẫn thịt sống. Nhất là khi làm món tái, thịt được miết mạnh trên mặt thớt, rồi thịt chín cũng lại được thái ở trên đó. Rồi cả lòng gan, mề, phổi... nghĩ mà ghê ghê. Thà ăn rau luộc mà tinh khiết còn hơn vậy.

Trở lại món rau luộc. Người phụ nữ khéo, không bao giờ xọc đôi đũa cả vào nồi để vớt túm rau một lúc. Phải dùng đôi đũa con vớt ít một, lần lượt xếp lên đĩa. Như vậy, khi ăn gắp một gắp rau, không bị đưa cả mớ lên, giũ mãi không ra, nước bắn tung tóe.

Có một chuyện kể về cái sự lằng nhằng ấy khi gắp thức ăn. Cụ Đề Thám trong một bữa rượu, đang ăn, cụ tức giận gọi quân hầu lôi các tướng Cả Huỳnh, Cả Trọng, là con trai và đang cùng ăn với mình, ra chém. Mọi người ngơ ngác không hiểu tại sao. Cụ mới nói:

- Ta gắp miếng thịt gà, chặt chưa đứt, nó cứ lằng nhằng mãi. Bay không đứa nào gỡ giúp ta. Chỉ một việc nhỏ như thế mà bay không giúp thì khi ra trận, cái sống cái chết kề bên, ta còn mong gì...

Các ông sụp lạy. Cụ cười khà khà và bữa rượu lại được tiếp tục. Xem thế, đủ thấy miếng ăn không phải chuyện đùa được, và bầy mâm, dọn bát đâu có tuỳ tiện, thế nào thì thế.

Món rau muống luộc, và cả món rau mùi làm gia vị, hoặc bát canh miến, ở rất nhiều gia đình thường có cảnh một người gắp,

giũ giũ mãi, vẫn không xong, mà nhiều người cứ thản nhiên như không. Chỉ vì rau gắp ở nồi ra, cứ gắp một búi cho nhanh, đặt vào đĩa, coi như xong. Hoặc rau mùi rửa xong không gỡ, miến không cắt, để quá dài...

Bà mẹ vợ tôi, sinh thời, không bao giờ cho gắp rau ra rổ. Cả khi gắp rau từ nồi lên đĩa, bà cũng bắt con cái đặt rau từng sợi song song, thứ tự từng hàng ngang rồi từng hàng dọc, để khi ăn được dễ dàng.

Món rau luộc còn ngon bởi nước chấm. Chính nước chấm quyết định chất lượng bữa ăn, chất lượng món rau. Có lẽ vì thế mà bát nước chấm bao giờ cũng được đặt ở giữa mâm.

Rau muống luộc có thể dầm cà chua, sấu xanh, quả muỗm hoặc thanh trà. Mùa chanh cốm, vắt quả chanh vào nước chấm và ít giọt vào nồi nước rau, thì chưa ăn đã thèm. Nói chung rau muống thích hợp với nước chấm có vị chua.

Bắp cải, su hào, củ cải... lại không thể chấm với sấu. Có thể là cà chua. Nhưng ngon nhất vẫn là với trứng luộc, có điểm chút hạt tiêu thơm một niềm xa xôi, nhiều quá có thể hắt hơi. Riêng cải ngồng hoặc những lá cải non của cây dưa cải định đem làm làm dưa nén trước tết, bao giờ cũng hơi đắng, nếu không chấm trứng, mà chỉ là nước mắm không, thì không còn gì là ngon, là hấp dẫn nữa. Nó sẽ là một sự khập khiễng, là một sự lỡ hẹn, nếu không nói là vô duyên.

Đĩa rau bắp cải luộc, và su hào hay củ cải cũng vậy, còn đẹp hơn vì điểm xuyết một chút ít màu xanh của lá già. Nó đỡ được cái bệnh bạc, lạnh lẽo. Nó như một sự trang điểm trên khuôn mặt vốn đã đẹp của cô gái. Thật cần thiết vậy.

Còn có bí đao, mướp hương, quả bầu, đậu xanh, đậu vàng cũng có thể luộc. Mùa đông còn có hành củ, luộc tái, hoặc hành trong nồi cháo cá. Hành luộc là món rất ngon. Một nắm hành đã bóc nõn, buộc lá, nhúng vào nồi nước sôi, chín vừa đủ độ theo ý thích, nhắc ra, đặt lên đĩa. Quả là hấp dẫn giữa màu trắng và màu xanh của những ngọn hành đầy chất bổ và đầy kháng sinh ấy, nhưng trước hết là nó ngon đã.

Có những thứ rau ăn luộc cũng được, mà xào cũng được, nấu canh cũng được. Nhưng có những thứ rau không bao giờ luộc hoặc rất ít người ăn luộc, mà chỉ xào hoặc nấu canh: Đó là rau ngót, rau bí ngô, cải soong, cải làn, súp lơ, su su, cần tỏi tây...

Đa số người Việt Nam chúng ta thiếu thịt hàng tuần vẫn có thể chịu đựng được. Nhưng chỉ vài bữa không có rau, quả là cái miệng đã không muốn ăn. Đã có chuyện một cô công chúa kén chồng, thách chàng trai nào ăn liền một trăm bữa chim câu quay, cô sẽ kén làm chồng. Ai bỏ cuộc sẽ bị xử trảm. Hàng trăm chàng trai đã chết mà cô vẫn chưa chọn được chồng. Và đến nay không hiểu đã có ai ăn nổi một trăm bữa liền chim quay như thế không. Khó lắm đấy.

Nhiều thanh niên ta đi lao động ở nước ngoài viết thư về, ta thường gặp những dòng chữ nói lên những cảm giác thèm được ăn một bữa rau muống luộc như ngày ở nhà, có quả cà giòn tan, dầm tương hoặc muối xổi, có bát nước mắm sấu chua dịu... dù ở nước ngoài, bơ sữa không thiếu.

Món luộc đã là món quen thuộc hàng ngày. Đâu phải ai ai cũng đặc sản, tiệc tùng, cỗ bàn linh đình thường xuyên. Bữa cơm gia đình là cơ bản.

Biết làm món luộc, biết sắp xếp đĩa luộc, đâu phải dễ. Tinh khiết, ngon lành, mềm mại, có màu sắc... ngon mắt ngon

miệng... người nội trợ là viên tướng cầm quân trên mặt trận mỗi ngày diễn ra hai lần vậy. Nó còn là tài hoa, óc thẩm mỹ, cái miệng sành ăn, con mắt nghệ thuật nữa. Tôi mạn phép múa rìu qua mắt thợ, để chúc tất cả mọi người, ngày nào cũng được ăn món luộc, món đơn giản nhất, nhưng lại có thể nói là khó làm nhất.

1990

Cơm nắm

Vào khoảng trước năm lên mười tuổi, có lần tôi suýt chết đuối ở ao làng. May mà các anh tôi vớt kịp.

Tối hôm đó, mẹ dắt tôi đi cùng, đến cái ao ấy. Mẹ bưng một cái rá đựng bẩy nắm cơm chim chim và mấy nén nhang. Đến bờ ao, mẹ thắp nhang rồi chao rá cơm trên mặt nước và khấn khứa:

- Ba hồn bảy vía thằng Bốn (Bốn là tên tôi) ở đâu thì về với mẹ...

Rồi mẹ cầm nhang vái tứ phía.

Những nắm cơm chim chim ấy chắc là thiêng lắm nên tôi khỏe mạnh lớn khôn dần, và vẫn sống cho đến khi viết những dòng này. Tôi lớn lên bên chính cái ao làng ấy trong sự thương yêu của cha mẹ, sự đùm bọc của gia đình, sự thương mến chở che của làng xóm quê hương...

Từ những nắm cơn chim chim "chao vía" (nếu là con gái thì chín vía), hoặc để cho trẻ ăn cho vui, tôi đã bao lần được ăn những nắm cơm khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau.

Lần đầu tiên đi xa nhà, mẹ đã gửi tình thương yêu của mẹ, hơi hướng của mẹ, bóng dáng của mẹ... qua nắm cơm trong mo cau vườn nhà.

Đêm trở trời, nằm trong nhà bỗng nghe đánh "bộp" ngoài sân. Mẹ lụi cụi ra nhặt tàu cau vừa rụng, cắt bỏ phần lá để hun, còn cái mo cau giữ lại, cất đi. Ngày con đi xa mẹ lấy tấm mo cau đã khô dấp nước, bới cho con nắm cơm vừa mới ở nồi ra, thơm ngát. Mẹ cũng gói theo một dúm muối vừng gói trong lá chuối tươi đã lau sạch. Mùi vừng thơm lựng, thơm khắp xóm, vừa bùi vừa ngậy, ăn với cơm nắm nó hợp nhau như cau với trầu, như cốm với hồng, như dưa hành với bánh chưng, như cô dâu với chú rể, như...

Trên chuyến tàu thủy chạy dọc dòng sông mênh mông và không biết chảy về tận vùng nào, tôi giở nắm cơm ra ăn và nghẹn ngào. Gạo mới thơm ngọt mùi cốm, hòa vào mùi thơm muối vừng, vừa ngọt đậm vừa dẻo mát khi đưa lên miếng cơm lên đầu lưỡi. Hình ảnh mẹ, hình ảnh xóm làng hiện lên trong khi tôi nhai thong thả miếng ngọc thực ấy giữa hơi ngòn ngọt của dòng sông đầy phù sa, giữa mo cau đã mềm đi vì hơi cơm chín...

Mẹ thương con cả khi con đã đi xa, đã ra khỏi vòng tay mẹ. Con đi xa đến đâu vẫn là gần mẹ, gần quê hương đồng lúa, không xa được cái hồn những lời không nói của mẹ gửi theo. Nắm cơm đã thành hình bóng mẹ, thành hình bóng quê nhà...

Cùng khoang tàu với tôi cũng có người giở cơm nắm ra ăn. Có người gói cơm nắm trong tàu lá chuối, lá đã tái đi một mảng, hệt như miếng lá chuối trên miệng nồi nước lá xông giải cảm. Có người gói trong giấy báo giở cơm ra có cả những chữ in, được in ngược lại trên da thịt nắm cơm. Có người gói trong màng mỏng hiện đại.

Cách ăn khác nhau. Có người chỉ dùng tay bẻ ba bẻ tư nắm cơm rồi cầm lên mà cắn những miếng thật to. Có người dùng con dao thật sắc cắt nắm cơm thành từng thỏi nhỏ, vuông vức, trông như những thỏi giò lụa trắng tinh. Nhìn những thỏi cơm đặt thứ

tự bên nhau, đều tăm tắp, cảm giác ngon, thèm ăn tăng lên đến mấy lần.

Thức ăn thật khác nhau. Có người ăn với giò chả, có người có ruốc bông, có người có lạp xường, thịt gà rim... Chỉ giống nhau ở chỗ có những nắm cơm đều từ hạt gạo mà nên, đều ngon lành, chắc dạ, sạch sẽ, hẳn người ở nhà mong người đi thuận buồm xuôi gió, chắc dạ cứng chân.

Nắm cơm mà bẻ ra thì quả là mất ngon. Nó chỉ còn là những tầng những vừng cơm cạnh nồi, lại rắn chắc, nguội lạnh. Phải nâng niu, nhẹ nhàng, phải gọt phải cắt, phải ăn thong thả tay cầm miếng cơm đưa lên miệng vừa nhai vừa ngẫm nghĩ một điều gì... có thế ân tình của người ở nhà mới thấm sâu tận đáy lòng người đi, dù đường ngắn hay dặm dài...

Xôi đỗ xanh đỗ đen hoặc cơm nếp trắng bới vào mo cau hay lá chuối vẫn chỉ là cơm nếp, không thể giống cơm nắm gạo tẻ. Cơm tẻ là mẹ ruột. Cơm nắm chính cũng là mẹ ruột. Và muối vừng đậm vị dân dã đi đôi với cơm nắm quả là thần tình, sáng tạo.

Một lần khác tôi đi xa, ngồi nghỉ dưới bóng mát một cây cổ thụ ở lưng đèo. Giở cơm nắm ra ăn, gió đồng đưa hương lúa từ dưới thung lũng lên, gió núi đưa mùi hương cây dại từ trên núi xuống, đất đỏ thấm vào gan bàn chân, cây xanh tỏa bóng mát trên đầu... càng thấm thía vị cơm nắm mẹ cho mang theo dọc đường xa ngái.

Mẹ tôi không còn. Người bạn đời chung thủy của tôi lại học cách của mẹ tôi truyền cho, thường gửi theo đường xa cho tôi những nắm cơm ân tình hệt như ngày cũ. Cái từ "truyền thống" dùng nhiều quá hóa nhàm, vậy nên gọi tâm tình ấy là gì nhỉ? Hỡi những người thương mến của tôi?

Tiệc tùng chỉ là đôi khi và cũng không phải là của tất cả mọi người, nhất là những người bình thường chúng ta. Ai đã nói câu ấy hay lời nói của nắm cơm?

Sơn hào hải vị, nem công chả phượng, bào ngư yến sào... là món ăn cao quý. Và ai mà chẳng từng ít ra được một lần ăn bữa cỗ linh đình, nhiều người còn ăn thừa mứa kiểu hiện đại, quá nhiều tiền bất chính hoặc không bất chính.

Chắc, dù là ai, đang sống sang trọng, ngày nào cũng đặc sản phát ngấy cũng không thể nào thoát được những bữa cơm nắm dọc đường. Nắm cơm không hợp với khăn bàn trắng, không ưa cùi dìa phóng xết. Nó là đồng quê, là gian khó, là tiết kiệm, là phòng xa... Không hiểu có hay không người nào quá quen bơ sữa mà quên mất vị cơm nắm? Có không nhỉ?

Không riêng nắm cơm người thân gửi cho. Ở nhiều bến tàu, bến xe, ở trên tàu nữa, có những hàng cơm nắm bán rao để thuận tiện cho khách đi đường, dù là lữ khách tha hương hay bà buôn chuyến... những con người kẻ vội vã, kẻ thiếu mái ấm một gia đình, thiếu bàn tay chăm sóc. Những nắm cơm như thế chỉ là đỡ đói lòng khi nhỡ độ đường, vỗ yên cái dạ dày tàm tạm. Nó chẳng ngon lành được.

Và có thể nào quên năm đau thương Ất Dậu, 1945, có hàng triệu người không có nổi một nắm cơm, trong khi có rất nhiều hàng cơm nắm ở mọi nơi mọi chỗ. Nắm cơm lúc ấy hình tròn hơi dẹt và lõm một chút ở giữa, có lẽ là chỗ để chút muối vừng hoặc chỉ đơn giản muối rang. Ăn cầm hơi mà sống qua ngày. Cái nắm cơm đơn sơ ấy có sức mạnh ghê gớm, có thể nặng bằng một đời người vì có thể cứu sinh mạng một người nếu đúng lúc. Bởi có phải ai cũng có nắm cơm như thế mà ăn đâu.

Cũng nghiệm ra bánh đúc riêu cua không thể bày trên bàn tiệc. Món nước vối không nên đựng vào cốc pha lê. Tương tự, cơm nắm là ăn dọc đường, chẳng cần bát đũa, chẳng cần khăn bàn... Nó giống như tình yêu, chứa đựng sự chân thành là cốt yếu. Nó không cần hào nhoáng, cũng chẳng thích xa hoa. Nó là mảnh hồn chân chất của người Việt Nam chúng ta, người nào cũng mang trong con người mình, qua ngàn đời nghèo khó lam lũ, nhưng cũng ngàn đời chân tình chung thủy...

1990

Ngẩu pín và tái sách

Ở bên số chẵn phố Huế - thời đó còn gọi là Duy Tân - quãng số nhà trên hai trăm, có một món ăn đặc biệt. Nó đặc biệt ở chỗ không có hàng nào cạnh tranh nổi, anh nào ra bán món này cũng chỉ được ít ngày rồi tàn lụi, còn khách cứ đổ xô đến đây. Bán suốt ngày, sáng, trưa, chiều, tối. Chủ nhân là một gia đình Hoa Kiều. Ông chủ đứng thớt, bà chủ thu tiền, con trai con gái rửa bát, chạy bàn...

Vào hàng phở này nếu người ăn ưa sạch sẽ, kỹ tính thì không thích lắm. Hơi lộn xộn, nhem nhuốc, vết mỡ bôi nhằng nhịt trên tường, trên cột, mà cột thì khá nhiều, thứ nhà cổ mà. Các góc nhà, sát mặt đất đều có bát hương đặt trước mảnh giấy hồng điều thờ các thứ thần linh lúc nào cũng khói hương nghi ngút. Bàn ghế cái to cái nhỏ, thứ cao thứ thấp. Người đứng thớt cởi trần trùng trục, mặc mỗi cái quần đùi trễ rốn, nếu hôm nào mặc may ô thì nó đẫm mồ hôi, màu cháo lòng, còn vén lên hở cái bụng phệ, lại còn hay khạc nhổ, đờm rãi bừa bãi xung quanh.

Các cô con gái chạy bàn, quần áo tuy lành lặn nhưng có lẽ do khói lò than, do hơi mỡ bò, do cái gì đó nữa, nên lúc nào cũng nhuôm nhuôm không ra màu gì, và còn có cả một thứ mùi đặc trưng khó tả. Vậy mà khách vẫn đông, đủ loại người.

Bát phở bao giờ cũng có màu hồng hồng, giống phở sốt vang. Đó là ngẩu pín. Những miếng ngẩu pín đã ninh nhừ từ bao giờ.

có chất gì đó phụ gia, nên đã nhừ tơi, nhưng khi nhai vẫn thấy giòn sần sật chứ không dai không nát. Mỗi miếng ngẩu pín cong lên như một chiếc lò xo có thể kéo dài ra chúng vẫn tự co lại, xoăn tít. Thế mới lạ.

Ngẩu pín là một bộ phận đặc biệt của con bò đực đã được chế biến bí mật và khéo léo, không còn mùi gây mùi hôi, trở thành món ăn đầy hấp dẫn, ngon kỳ lạ. Không hiểu mỗi ngày có bao nhiêu con bò bị giết, mà thứ "của quý" đó tập trung lại đây nhiều thế, hoặc giả nhà hàng dùng một thứ gân bò khác thay thế, giả làm ngẩu pín?

Bánh phở thì cũng chỉ có bánh phở thông thường. Chỉ đặc biệt ngẩu pín đặt trên bánh phở, nước sốt hồng hồng, sền sệt. Trên cùng là rau thơm, húng Láng hoặc rau mùi, và điểm một ít hạt tiêu như bụi mờ, không nhìn rõ mà chỉ cảm bằng khứu giác.

Người sành ăn rất ưa món này, nhất là những ai thích nhắm rượu với cổ cánh gà, tức là răng còn khỏe, ưa nhai xương xẩu, miệng nhai tai nghe.

Nhiều cô gái cũng thích ăn nhưng lại hay gượng, nên ít cô dám đi một mình vào đây, hoặc chỉ dám ăn khi nhà hàng thật vắng khách trong một số giờ nào đó. Có gì mà ngượng nhỉ? Một bộ phận của con bò đã được chế biến kỹ càng, thành món ăn ngon, đặc biệt, thế thôi. Ngượng chứ. Ai lại đàn bà con gái đi ăn cái "của nợ" ấy. Cũng buồn cười. Những ông thiến trâu thường lấy hai hạt cà về xào, nhắm rượu ngon ra phết. Nhà mổ con gà hoa, bao giờ trẻ nhỏ cũng là người được ưu tiên ăn cả hai cái hoa của con gà trống. Nó quý lắm. Quả đáng, các bà các cô có ngượng thì cũng nên thông cảm. Dù sao đây cũng là món ăn, là hàng ăn không được thanh lịch cho lắm, là hàng ăn không được lịch sự cho lắm, lại là nơi công cộng; nhĩ mục quan chiêm, hơn

nữa, có lắm ông khách không hiểu tinh nghịch hay bất lịch sự, cứ nhìn người ta chằm chằm, như thầm nói, thầm bình phẩm bằng mắt và cười thầm bằng mắt.

Chất thanh lịch, chất hào hoa không phải lúc nào cũng đáng đánh mất đi, dù là vì một món ăn ngon. Đáng khen lắm.

Mấy chục năm nay, hàng ngầu pín này không còn nữa, không hiểu chủ nhân còn hay mất, lưu lạc đến phương trời nào? Các cô con gái ông chủ chạy bàn, hẳn không còn mặc những bộ quần áo màu nhuôm nhuôm nữa. Chỗ hàng phở ngầu pín, bây giờ là khu vực buôn bán phụ tùng xe máy khá sầm uất. Sắt thép đã thay cho cái mềm mềm. Cũng là một nét thời đại.

*

* *

Cùng thời gian có hàng ngầu pín ở phố Huế, thì đằng sau rạp hát Tố Như - rạp Văn Lang bây giờ - cũng có lúc người ta gọi là rạp Chuông Vàng vì có đoàn cải lương Chuông Vàng thường xuyên diễn do cô đào nổi tiếng Kim Chung (tức chuông vàng) làm chủ, có một hàng chuyên bán một món ăn rất ngon. Chỉ bán một thứ thôi. Nó cũng họ hàng với món phở, với món ngầu pín.

Gian nhà hơi lụp xụp, chật chội, mờ tối. Ngoài cửa ra vào thì còn một ô cửa vuông lớn, cách mặt đất chừng nửa thước, một cái ghế băng dài, gỗ đã lên nước màu đen, kê sát chỗ tường lửng ấy, làm chỗ cho khách ngồi. Một cái chõng tre, rộng, làm chỗ đặt các nguyên liệu, gia vị, chứ không phải là quầy hay bàn cao. Bếp lò cũng lùn, tương xứng. Đó là hàng bán *tái sách.*

Thời đi học ai chả từng phải nhai nhải: bò là loài nhai lại Trong dạ dày con bò có bốn ngăn. Vách ngăn là *tổ ong, lá sách*

Tổ ong có những gờ nổi hình lục lăng, hệt như miệng tổ con ong mật. Còn lá sách thì đúng là cuốn sách, có nhiều tờ đóng lại. Tổ ong và lá sách có thể xào riêng, hoặc lẫn với thịt bò đều ngon, nhưng tổ ong thường dai; chỉ có lá sách là giòn. Nếu luộc kỹ, lá sách cũng bị dai, khó ăn.

Bát tái sách ở cửa hiệu nhỏ bé này chỉ gồm mấy miếng lá sách đã được chần tái, thả vào bát nước dùng, có điểm thêm gia vị: gừng, hành, mùi, hạt tiêu. Cũng có người gọi bát tái sách có cả thịt bò tái, chúng sẽ được trộn với nhau. Người ấy chắc cần ăn cho lại sức sau một công chuyện nào đó, bí mật hoặc không bí mật. Còn phần nhiều chỉ gọi tái sách riêng ăn lấy cái giòn, cái khác ngày thường, chứ không cần lấy nhiều.

Nhà hàng không bán phở. Khách chỉ ăn vã rồi đứng lên. Ai thích uống rượu cũng có, chủ yếu là rượu ngang. Ít khách ngồi lai rai. Ăn xong đi ngay, cũng ít chuyện trò. Ít cả những đôi trai thanh gái lịch dắt nhau vào đây. Có lẽ họ còn rủ nhau lên cung trăng, chứ cái này nó phàm phu tục tử quá.

Đây là một món ăn phụ, món ăn chơi, ăn cho ngon, ăn cho đã cái thần khẩu... nhất là khoảng sau ba giờ chiều và tám giờ tối, giờ mà Hà Nội hay có một bữa lót dạ nhẹ, có người dùng đồ ngọt, có người ưa món mặn. Có tất cả mọi cửa hàng phục vụ mọi sở thích. Thì ra cái nhu cầu của con người Hà Nội đâu có đơn giản, chỉ cần một món như có thời gian các cửa hàng ăn nhà nước đã làm. Con người cần nhiều thứ để cuộc sống có thêm ý nghĩa, chứ đâu phải chỉ có hai bữa cơm chay. "Cơm nhà..." mãi cũng chán chứ.

Ở gia đình, cũng nhiều khi bà vợ yêu làm cho chồng món thịt bò xào, có cả tổ ong lẫn lá sách. Nhưng không thể ngon bằng ra đây mà ăn. Thì ra mỗi món có yêu cầu một số điều kiện kèm theo, cho riêng nó, ăn tại nhà không thể ngon bằng tại hiệu chính là

thiếu điều kiện đó. Cái không khí ấm ấm hôi hôi của quán thịt chó, cái ghế thấp lè tè bằng đất nện của quán bún riêu trên đường xa, cốc bia uống với bạn bè nơi đầu phố... nhất định hấp dẫn hơn là ngồi nhà, dù bên cạnh có cô vợ đẹp, chiều chồng, có đứa con xinh hay nhõng nhẽo... cũng như ăn phở gà, phở xào giòn, xào mềm ở nhà không thể ngon bằng ở hiệu khi gọi đĩa phở lên, bốc khói nghi ngút, mùi thơm sực nức...

Phải chăng ở nhà, ta thường ăn một cách thỏa thuê, ăn quá nhiều, hay thiếu một thứ gia vị như bí quyết nào đó, hay một cái gì giống như thứ bùa yêu của cô nhân tình bắt mất hồn ông chồng hay lòng thòng mà bà vợ yêu chồng đến mấy cũng không có được. Âu cũng là cái bí mật muôn thuở của cuộc đời.

Nhà thơ Tản Đà, một người sành ăn và cầu kỳ về cách ăn, có một câu gọi là "nhàn đàm" rất hay: *"Đồ ăn ngon, giờ ăn ngon, chỗ ngồi ăn không ngon, không được người cùng ăn cho ngon... không ngon".*

Trở lại câu chuyện tái sách; bát tái sách chỉ có những miếng sách trắng ngần, không, nó hơi ngả sang màu ngà, ngâm trong nước dùng ngọt lịm, nóng bỏng lưỡi, có vị thơm đậm của nước mắm nguyên chất, có hạt tiêu làm cái mũi muốn nhảy...Ăn, nhai, và húp... vừa ăn vừa nghe ngóng cái âm thanh và cái hương thơm, cái vị ngọt của miếng chín, vừa hòa mình vào cái pha tạp, ồn ào của một phố cổ nằm ngay trung tâm ba mươi sáu phố phường, mà điển hình là cái rạp hát cũ, hình như không bao giờ có vẻ mới, có vẻ sạch cả. Trong khi khách ăn tái sách, biết đâu, dưới ánh đèn sân khấu, Lã Bố đang ôm Điêu Thuyền, Chu Du đang ức Khổng Minh đến ba lần hộc máu...

Tái sách cũng như ngầu pín, không hiểu nhà hàng có bí quyết gì mà không ai cạnh tranh nổi, và khách đã một lần đến

ăn thì không thể nào không quay trở lại. Có lẽ vì thế mà lúc nào cũng đông.

Nếu có bí quyết thật thì mấy chục năm nay, hai món ăn này mất đi: bí quyết ấy cũng bị chôn vùi theo chủ nhân rồi chăng?

Nhưng một nguyên nhân đầu tiên khiến khách hàng nhớ mãi nhà hàng là chữ tín. Bao nhiêu năm, tháng nắng cũng như ngày mưa, mùa đông cũng như mùa hạ, lúc vắng cũng như khi đông, sáng cũng như chiều... bát ngầu pín, tái sách bao giờ cũng giữ nguyên chất lượng. Càng đông càng ngon. Mà nghiệm ra rằng hàng ăn nào vắng, là kém ngon ngay, bởi món ăn trong ngày không hết, tồn lại hôm sau, giảm chất lượng, bỏ đi thì lỗ vốn, bán ra không thể nào ngon được nữa.

Thái độ bán hàng của mấy cửa hiệu ăn đặc biệt này cũng đáng lưu tâm. Không bao giờ có một lời nói nặng với khách. Dù khách khó tính đến đâu cũng được, bất cứ khách là loại người nào, mặc com-lê hay áo vá, gọi ít hay nhiều, ngồi sâu tít trong cùng hay ngồi ngay ngoài cửa... nhà hàng vẫn đon đả, tươi cười. Riêng hàng ngầu pín phố Huế, chủ hiệu là người Tầu, nói tiếng Việt không sõi lắm, có nhấm nhẳn hơn, nhưng không ai lấy đó làm điều...

Ngầu pín, tái sách có nghệ thuật chế biến riêng. Nhất định thế. Khách ăn của họ cũng không phải là vãng lai, tạp nham, mà phần lớn là khách quen, có khẩu vị tinh tế, vì vậy mà không phải là thứ dịch vụ bát nháo chi khươn. Một nét Hà Nội nằm trong đó.

1989

Bún

Mỗi dân tộc đều có món ăn riêng của mình. Nói đến người Ý là nghĩ đến món mì ống, nói đến người Campuchia là nghĩ đến món Bồ hóc...

Việt nam, nhất là Hà Nội, có một món ăn rất phổ biến, nhiều người thích nó, từ nó lại chế biến thành nhiều món khác. Đó là Bún.

Chỉ riêng miền Bắc, đã có nhiều món bún. Bún riêu cua, bún sườn, bún ốc, bún nem, bún cuốn, bún xáo chó, bún xáo măng, bún xáo vịt, bún bung, bún mọc, bún bò, bún thang...

Thông thường nhất có lẽ là bún riêu cua.

Ở ngoại thành cũng như trên trục đường liên huyện liên xã, thường có những quán tranh, ghế đất, bán món quà rất rẻ mà lại rất dễ ăn này. Nồi riêu cua vàng rộm, được ủ nóng, chan lên những sợi bún rối đựng trong bát chiết yêu ăn cùng rau ghém (có thể là rau diếp thái chỉ, rau hoa chuối hoặc thân chuối thái mỏng tang, có khi còn là rau muống chẻ hoặc thái vát cùng với nhiều thứ rau thơm như kinh giới, tía tô, rau mùi, và chắc không thể thiếu rau ngổ). Bún riêu ăn kèm với muối ớt có lẽ ngon hơn, hợp hơn là nước mắm, dù là nước mắm ngon. Lâu nay nhiều nơi thay đĩa muối ớt bằng bột gia vị. Có người còn quá tân tiến, ăn cả với tương ớt thì cũng hơi lạ. Còn hạt tiêu thì quả là không cần thiết với món bún

riêu, dù rằng nếu là canh bún cá quả hay bún chả thì không thể thiếu hạt tiêu.

Bún trắng phau. Những lát ớt thái chéo như con thoi đỏ rực lên trong màu muối trắng hồng, trông đã thèm ăn.

Nồi riêu cua, nước không trong sõng, mà có màu vàng nhờ nhờ do mẻ hoặc dấm bỗng. Người Hà Nội ít ăn mẻ, mà thường thay bằng quả dọc, quả sấu, quả tai chua, quả thanh trà hoặc quả me xanh, khế chín. Nấu với khế hoặc sấu, thường nồi riêu bị có màu xám, trông mất ngon. Có lẽ nấu quả dọc là ngon hơn cả, lại đẹp hơn cả. Miếng thịt dọc có màu vàng hoàng yến, cái hạt tuy đẹp, như hai cái hoa con gà trống, nhưng lại không thể ăn được. Nấu với mẻ thì riêu mềm hơn, dịu hơn, chua mà không gắt... Riêng canh cua rau đay, mùng tơi thì tuyệt nhiên tôi chưa hề thấy ăn với bún bao giờ. Nó lệch duyên, không thể đi với nhau như thịt gà không ai ăn với kinh giới chẳng hạn.

Nhìn xem nồi riêu cua, những mảng gạch cua đậm đặc, nổi lên một góc, xen lẫn với gạch cua vàng rộm đã chưng màu vàng au, có những cái vòng tròn của mỡ xao động, sao mà hấp dẫn đến thế.

Có nhiều cái quán, cạnh rổ bún có đậy vuông vải màn trắng, còn có cả những miếng bánh đúc, loại bánh đổ ra mẹt, và những sợi bánh đúc đã thái rồi, to bằng nửa ngón tay út. Bánh đúc riêu cua ai dám bảo là không ngon. Nhất là đối với những người ít tiền, ăn bát bánh đúc riêu, là món quà chợ thông thường, còn để dành chút tiền nhỏ mọn mua chút quà về đón tay cho con như chiếc bánh đa, tấm mía, quả táo, xâu hạt mít...

Mùa hè ăn bát riêu cua, nóng mà người vẫn mát, không toát mồ hôi như ăn phở.

Bún ốc chế biến cầu kỳ hơn. Nào giấm bỗng, nào ớt khô chưng, vị cay nồng nàn cháy lưỡi, vị chua xuýt xoa, con ốc giòn sần sật, con bún mát lạnh. Món này thường ăn nguội. Không phải mùa ốc, người ta làm cả ốc vặn đã khêu sẵn, ăn mất ngon. Ai phàm mới hay ăn thế. Ngon nhất vẫn là ốc nhồi, ốc bươu, cái mỡ ốc trắng bong, con ốc to vừa một miếng, cái sáp ốc có vị riêng... Món ốc bún là thứ ưa chuộng của nhiều bà nhiều cô, thích của chua, thích đổi vị, và ăn ở chợ, ở vỉa hè ngon hơn là nhà làm lấy.

Nhiều nhà còn ăn món ốc nấu chuối xanh với bún. Cũng ngon, nhưng ít đặc sắc hơn là bún ốc nấu chua.

Hình như chỉ có một thứ ô nhiễm môi trường dễ chịu. Đó là khói quạt chả cho món bún chả. Đầu phố quạt chả, cuối phố thơm lừng trong làn khói xanh lam. Ở phố Nguyễn Khuyến là nơi có mấy hàng bún chả cạnh nhau. Người ta dùng quạt điện để quạt chả. Và nhà nọ chĩa quạt để xua khói sang nhà kia. Đúng là một trận chiến đấu, không đấu súng mà "đấu khói". Bún chả là món ăn khô. Bát nước chấm của bún chả đủ cay chua mặn ngọt, không vị nào gắt quá, không vị nào lấn át vị nào. Không được chơi trội trong cái bát (còn gọi là cái chén) nhỏ xíu ấy. Những con bún nhỏ như đồng bạc hoa xòe, mỏng, chỉ vài lớp bún, thả vào chén nước chấm, không bị rời tan ra. Cô hàng bún chả thường phải thửa riêng những con bún loại này để giữ tiếng giữ khách.

Bún bung lại ăn nóng. Dọc mùng tước kỹ, ngâm muối kỹ, vừa dai vừa giòn, màu vàng nghệ, không ngứa, sườn lợn đã nhừ tơi... Cũng là một món bún ngon, có thể ăn giờ nào cũng được.

Nem rán (miền Nam gọi là chả giò), chả cá, cũng có bún kèm theo, nhưng bún chỉ đóng vai phụ, cho vai chính nổi bật. Miếng nem cua bể, miếng chả cá lăng mới là chính, chứ không ai ăn nhiều bún để bị chóng no, quá no.

Ai thích ăn no xin mời vào hàng xáo măng, xáo vịt. Và người lấy "ẩm thực vi tiên" thì đến hàng xáo chó. (Có nơi viết là sáo vịt, sáo chó mới lạ, giống như người ta viết vá 9 xe đạp???) Chính tả đã bị bóp méo đến mức ấy thì kinh khủng thật.

Ngõ chợ Đồng Xuân có món bún cuốn. Đơn giản, nhanh, gọn. Một con tôm đỏ au, sợi hành trần xanh óng, ít rau sống, vài miếng bún, tất cả được cuộn lại, chấm vào nước chấm. Cũng ngon, nhưng không phải thứ quà sang trọng.

Đơn giản nhất có lẽ là bún chấm mắm tôm. Ngả cái nón ra, bún đựng trong lá, cứ bốc bún chấm vào mắm tôm đựng trong cái chén mẻ, có khi cũng chỉ là mảnh lá. Đấy là món quà nghèo, của người ít tiền, của người vội vàng, của chợ quê. Cô gái đẹp, ông già kỹ tính không thể ngồi ngay giữa chợ ăn món ấy.

Hà Nội còn có một món bún thật đặc biệt, ít nơi làm được ngon như thế. Nhiều gia đình cũng có làm trong dịp tết hoặc ngày lễ. Trong chợ Đồng Xuân suốt nhiều năm, có những hàng nổi tiếng về món bún thang này. Cứ chủ nhật có những đôi vợ chồng đưa nhau lên ăn, như bị nghiện.

Thang nghĩa đen là canh. Nhưng bún thang không phải là canh bún. Canh bún là canh cua nấu với rau rút, cho bún vào cùng nấu, hoặc cá quả nấu với rau cần, với bún... Còn bún thang thì khác.

Bát ô tô to. Trên mặt bún là giò, trứng tráng, thịt thăn, ruốc tôm tất cả đều được thái chỉ, rũ cho tung ra, kèm theo nhiều gia vị, nhất là mắm tôm, và phải ăn thật nóng. Cà cuống là cái duyên riêng, là không thể thiếu. Nó như chén rượu hợp cẩn đêm tân hôn. Thiếu nó các nguyên liệu khác của bún đều như bẽ bàng, thiếu sót.

Còn nhiều món bún khác nữa.

Ăn bún vào lúc nào chẳng được. Bún hợp với nhiều người, có nhiều khẩu vị, nhiều túi tiền. Nó như là một sân khấu tạp kỹ, có nhiều hấp dẫn với nhiều lứa tuổi và sở thích, thị hiếu khác nhau, nó không giống như những món đặc sản kiêu sa, hoặc quá bình dân khác. Và lại nếu được phép so sánh thì nó không quá cổ như điệu hát tuồng, cũng không quá tân tiến như nhạc rốc ầm ĩ, cuồng loạn.

Ở Hà Nội hiện nay có hai nơi làm bún ngon, đó là khu vực Phú Đô và khu vực Tứ Kỳ. Bún trắng, không nát mà giòn, chan nước vào, nước vẫn trong, không bị đục trắng, không bị chua dù để từ sáng đến chiều.

Các chị bán bún thường đựng bún trong những chiếc thúng lót lá sen, gói bún cho khách cũng bằng lá sen, hoặc lá chuối tươi. Nhưng người cẩn thận, thường mang sẵn túi màng mỏng đi mua bún, để không bị bụi, không bị chua. Bún chua, phải chần đi mới ăn, thì giảm ngon phần lớn.

Thuở nhỏ tôi ở cạnh một lò làm bún. Bột giã nhỏ, nhuyễn, được cho vào nhhững cái túi vải, đấy là khung sắt tròn, đục lỗ. Chị bắt bún bóp cái túi bột vào nồi nước đang sôi. Chỉ chớp mắt, những sợi bột đã thành những sợi bún nổi lên. Các chị ngồi bên than hồng, má cứ đỏ au, vớt bún thả vào chậu nước lạnh rồi bắt thành từng con, từng lá hoặc để thành bún rối. Thỉnh thoảng có chỗ bột "vô tổ chức" lọt qua kẽ tay, không thành sợi, mà có hình thù kỳ lạ như con vịt, cái bát... trông thì thích nhưng ăn thì nhạt.

Bún có từ lâu đời nên bún đã đi cả vào tiếu lâm, trong truyện "bà lớn ăn bún, thằng hầu bảo: thưa bà má bà có con giun..."

Không ai ăn bún thang bằng bát ăn cơm, cũng như không ai ăn bún riêu bằng thìa như ăn phở. Thì ra dù món ăn phổ cập, nó cũng có qui thức của nó.

Nói đến món ăn, đôi lúc có người cho là phàm phu tục tử. Tôi không nghĩ thế vì chợt nhớ đến chi tiết trong tiểu thuyết "Những linh hồn chết" của Gôgôn. Chủ nhà dặn người giúp việc làm món quay, dặn tưới nhiều mỡ... khiến ông khách nằm ở phòng bên tình cờ nghe được, tác giả viết: ông khách đã thiếp đi trong giấc ngủ có món gà quay ấy... Bản thân tôi lần đầu đọc đến đoạn văn ấy, cũng không chịu được, dù đã nửa đêm, cũng đành phải lấy xe đạp đi mấy vòng phố tìm bằng được một hàng phở để hòa tan ấn tượng về sự miêu tả món ăn như thế.

Món bún quả thông thường quen thuộc, như gương mặt người hàng xóm vậy. Tuy nhiên mỗi lần ăn, mỗi lần vẫn thấy ngon, và chắc chắn nó còn sống lâu dài nữa.

1991

Bánh đúc quê hương

Đó là món ăn dân dã cổ truyền, nó đặc biệt vì có một chút nồng nồng của vị vôi. Có khi là bà của bà chúng ta, hoặc xa hơn nữa, cụ kỵ của các cụ đã biết làm và biết ăn bánh đúc.

Đôi vợ chồng trẻ hạnh phúc nồng nàn, yêu nhau quấn quýt xoắn xuýt thắm thiết đến mức được ví: "Vợ chồng ta bánh đa bánh đúc" để so sánh với đôi nào đó thô kệch, gắt gỏng nhau trong câu đi kèm theo sau: "Vợ chồng nó một cục mắm tôm". Nhà nghiên cứu sẽ phân tích kỹ càng, còn chúng ta, người khách qua đường, ghé vào quán nghèo ăn bát bánh đúc, chắc không cần phân tích, mà cứ bưng cái bát chiết yêu cũ hơi cóc gặm một chút, để thưởng thức món quà thật thông thường nhưng không phải được ăn luôn.

Riêu chan bánh đúc có thể chỉ là riêu cua, ngọt thanh, vàng ngậy, nếu riêu nhạt thì tra thêm muối ớt chứ không thể là nước mắm, tương v.v...

Không thể là canh thịt bò thuôn hành răm, cũng không thể canh sườn cà chua như với bún. Bánh đúc chẳng có duyên gì với hạt tiêu? Chỉ ớt thôi, muối ớt thôi. Ăn với hạt tiêu thì chả khác nào patê ăn với cơm hoặc bánh mì ăn với canh muống gừng.

Dọc những con đường liên tỉnh hun hút nắng trưa, dưới một góc bàng mát rượi hoặc gốc đa loằng ngoằng rễ phụ nơi cổng

làng, có cái quán tranh thấp tè, chõng tre, ghế đất rải manh chiếu cũ, ta nghỉ chân sau quãng đường xa đẫm mồ hôi, món bánh đúc riêu cua sẽ ngon không tưởng tượng nổi.

Bà cụ bán hàng hơi cũ kỹ, có khi đã móm, cũng có khi mới tóc hoa râm, hao hao giống tất cả những bà mẹ nghèo Việt Nam, mời ta vồn vã.

Mẹt bánh đúc như một khối vàng đục, với con dao bài thoăn thoắt chỉ chớp mắt, bát bánh đúc đã đầy, bà bốc bằng tay (hình như không ai gắp bánh bằng đũa), chan lên đó thứ riêu còn nóng, được ủ trong cái giành đậy bao tải, hoặc đặt trên lửa liu riu.

Thong thả mà nhai, đường còn xa, cần ấm bụng, và cũng có thể chỉ là để thay đổi cảm giác thường ngày, vậy lại càng cần thong thả. Của ngọc thực đấy, dù không là cao lương mỹ vị. Gió ngoài đồng xanh thổi vào quán, phảng phất hương cốm non, hương sen, hương cỏ mật, mồ hôi trên lưng áo khô lúc nào không biết.

Bát rau ghém tươi xanh, rau muống chẻ nhỏ xoăn tít, rau diếp thái chỉ, có khi chỉ là rau muống thái vát, những đoạn rau muống có hình thoi rỗng. Kinh giới, ngổ ba lá, răm, toàn những thứ vườn nhà. Rau chuối cũng có, trắng biếc là thân chuối non, loại chuối ta, còn nâu nâu là hoa chuối, chát hơn nhưng cũng đậm đà hơn.

Có người bảo đi đường xa không nên ăn quà miếng chín, chỉ nên ăn những thứ có lá gói hoặc có vỏ bọc kín như chuối, trứng luộc cho sạch sẽ. Có lý.

Nhưng đôi khi ta cũng cần sống cùng bụi bậm đường xa, vui với thôn dã giản dị để một lần hòa mình vào mầu sắc dân gian, có tre pheo, vườn tược, có gốc đa gốc đề, có ngôi chùa thanh vắng, có bờ ruộng ao bèo...

Tạm quên bàn tay bà cụ bốc bánh, đừng nghĩ đến con dao cái dĩa mạ kền sáng bóng, cũng tạm không nhìn cái bát cóc gặm, đừng nhớ đến chiếc khăn bàn trắng bong cùng bát sứ đũa mun nơi hàng đặc sản, mà vui vẻ cầm đôi đũa tre cọc cạch; chiếc dài chiếc ngắn, nào mấy khi, phải không con người chỉ quen với thị thành?

Căn phòng xanh có chăn hoa màn trắng, có đèn ngủ tím hồng, gác nó lại để nằm lăn lóc nơi ga xép đêm đường rừng đầy tiếng tắc kè điểm nhịp tiếng chim từ qui gọi nhau khắc khoải như duyên tình trắc trở... Cảm giác dâng tràn, tràn như bóng đêm không hề quen thuộc bao giờ... để mà nhớ, nhớ suốt đời. Bát bánh đúc riêu cua nơi quán vắng có là thế chăng?

Người thành phố ít ăn bánh đúc riêu cua. Món quà ấy cũng thanh cảnh hóa đi thành bánh đúc lưỡi mèo chấm tương - tương Cự Đà hay tương Bần - ăn kèm với đậu rán nóng - thứ đậu Mơ mềm, mát như tào phớ - ăn sau bữa ngủ trưa.

Bánh đúc riêu cua phải hơi nóng, còn bánh đúc lưỡi mèo mềm mại hơn dù nó vẫn mang cái duyên riêng đó là vị nồng của vôi. Loại bánh này mát trên đầu lưỡi như chạm vào thạch trắng, cũng mềm như môi người yêu, nồng nồng ấm ấm. Ăn nó cho vui, cho hết ngái ngủ, cho cái miệng đỡ nhạt, chứ không phải cho no, cho nên nó mỏng như lưỡi mèo, dăm ba cái là vừa đủ. Đậu rán phải vừa từ chảo mỡ sôi gắp lên, phồng như chiếc gối lông chim, gối của con gái. Cái nóng cái lạnh gặp nhau. Cái béo cái nồng quyện lại. Ngon đến thế là cùng.

Một số chợ to, nhiều hàng quà. Bên cạnh bún thang, phở bò, nem rán, xôi vò chè đường, ốc luộc, bánh xu xê, cốm xào... còn có hàng bánh đúc. Đó là bánh đúc nóng, còn để nguyên nồi trên bếp, loãng mà dẻo, màu ngà đục. Ai ăn mới múc ra bát, rưới chút ít hành phi mỡ nước, có khi điểm mộc nhĩ, thịt băm. Gia vị đầy

đủ, rau mùi húng Láng, ớt đỏ chót, nước mắm thật ngon, không nặng mùi. Cũng ngon, lạ miệng đấy. Các cô thích ăn ốc vặn, ốc nhồi chua cay đến chảy nước mắt tràn nước mũi, còn các bà, ghé vào ăn chơi một bát bánh đúc cho đỡ nhớ cô hàng quen thuộc, cho cái chân tạm nghỉ sau khi đi vòng mấy lượt chợ tìm mua thực phẩm để chiều ông chồng khó tính. Loại này cũng có thể ăn với đậu rán nóng, nhưng không cần tương lắm, có khi là nước mắm chanh ớt, nhất là đầu mùa chanh cốm.

Vào dịp trung nguyên hay rằm tháng tám, nhiều gia đình nấu món bánh đúc giấm. Giấm là thế nào? Mẹ chọn ít gạo ngon, đem ngâm nước hai ba ngày đêm khi hạt gạo bở tơi là được. Mẹ cặm cụi ngoài sân, nếu mưa ngâu thì mẹ đặt cái ghế con nơi đầu hè, cho gạo vào rá, xát nhừ thành bột. Tay mẹ thay cho cối xay bột. Con đứng xem mà sốt ruột, xót ruột. Nhưng mẹ vẫn vừa làm vừa nghĩ đến con sẽ vui sướng ra sao khi cầm miếng bánh đúc vừa đi vừa ăn. Sau khi có bột, lọc cho kỹ, mẹ nấu như bánh đúc gạo xay thường, chỉ hơi đặc hơn, để con có thêm thỏi bánh vừa cầm vừa nhảy chân sáo vừa ăn, chạm răng vào hạt lạc sần sật, vào mảnh cùi dừa cong cong ngọt ngọt. Bánh đúc giấm hơi chua, không cần chấm, nhưng béo ngậy, thoảng hơi nồng của vôi nơi cánh mũi.

Vài ba năm có dịp rỗi rãi mẹ mới có thể nấu một lần, nhất là sau khi có nồi bánh đúc giấm, tay mẹ bợt ra trong nước gạo chua. Thương mẹ quá.

Cũng còn loại bánh đúc đổ ra mẹt, hoặc vào khuôn bát. Cô gái nghèo, ăn quà chợ thật nhanh, cần chắc dạ, vội vàng nơi góc chợ.

Bánh đúc tuy là quà nhưng không phải để ăn luôn. Điểm nó vào giữa các món khác, như có người ưa rượu tây, chợt hôm nào bỗng thèm ngụm nước mưa lưu niên, khà một tiếng, mát ruột làm sao, hoặc ai nghe nhạc điên rồ nhiều quá, bỗng một hôm thổn thức

vì một làn điệu dân ca, như người lên xe xuống ngựa lâu ngày, có lúc thèm đi bộ để thả mình vào ngọn cỏ ven hồ, nghe cái mát của màu xanh thấm qua bàn chân lên đỉnh óc.

Có người Việt Nam nào không ăn bánh đúc? Và có ai dám nói to lên rằng: "Tôi khinh món bánh đúc". Chắc là không. Dù no nê tiệc tùng những bào ngư vây cá, những chim quay gà tần, những gì gì chăng nữa, thì những người ấy cũng do mẹ sinh thành, mà mẹ chúng ta lam lũ ngàn năm, nuôi ta bằng giọt sữa chắt chiu từ quê hương có món bánh đúc bánh đa, có quả cà, ngọn dưa, có bóng cau tre, có mưa trên tầu chuối... Món bánh đúc cũng quen thuộc như thế, như lá lúa, như hương cau, hoa bưởi mãi mãi vẫn còn...

1991

Bánh dày bánh giò

Nhà văn Nguyễn Tuân đã có một bài về giò lụa rất hay. Tôi chẳng múa rìu qua mắt thợ nữa, chỉ xin nói đến món ăn thường đi kèm với giò chả, mà có lẽ không một người Hà Nội nào không biết.

Hầu như thành lệ, nhà làm giò chả nào cũng thường làm cả bánh dày giò. Có thế mới tận dụng hết nguyên liệu từ thịt đến mỡ, bì, kể cả đến sức nóng của bếp lò, tàu lá chuối. Làm thêm bánh chưng thì nhà có nhà không.

Thịt nạc lọc ra giã giò giã chả, bì làm hạt lựu, mỡ để rán chả v.v... còn thứ thịt lọc ra, vụn cả màng thịt, cả mỡ dính... đều có thể làm nhân bánh giò;

Bánh giò là thứ ăn chơi, ăn nhẹ, cho các em bé ăn bữa phụ buổi trưa. Thường phải ăn nóng. Không như bánh chưng, bánh giò bao giờ cũng có một dạng, một hình: bánh gói gù, và nhất thiết chỉ được gói bằng lá chuối.

Lá chuối gói bánh giò là lá chuối tây, không phải lá chuối hột cũng không phải lá chuối tiêu, những thứ này làm bánh sẽ bị xám. Cây chuối lấy lá bán, thường ít quả, quả nhỏ. Nhưng tiền bán lá có khi còn nhiều hơn tiền bán quả.

Bóc cái bánh giò, lá thành chiếc đĩa. Ruột bánh trong suốt, nhân thịt vừa mỡ vừa nạc, có miếng trắng miếng hồng, lẫn với

mộc nhĩ mầu đen. Nhân đã nhừ tơi, mộc nhĩ thì giòn sần sật, có khi còn có lát hành thơm thơm. Bánh trong vì gói bằng bột lọc, là thứ bột đã xay kỹ, ép, phơi khô, thái con chì, khi gói bánh mới nhào bột cho dẻo. Nhà làm ẩu, gói bột sống, bánh sẽ đục như bánh tẻ, bánh vuốt là thứ bánh gạo tẻ nhân đỗ xanh, ăn vừa nhạt vừa cứng, thứ quà rẻ tiền ở các chợ quê. Bánh giò bột lọc, dù luộc kỹ, vẫn không nát, vẫn có thể xắn bánh thành từng miếng.

Nhân bánh giò là thịt vụn lọc ra khi giã giò chả, xào kỹ hành mỡ, trộn lẫn mộc nhĩ thái chỉ.

Ăn bánh giò không phải là lúc quá đói hay có việc vội. Nó không như bánh đúc dân dã, không như bánh mì có thể vừa đi vừa nhai, cũng không cần bát đũa như bánh cuốn, càng khác với các món phở xào phở tái, phở áp chảo, phở gà... Nó hoàn toàn khác với bánh bao ăn xít cả cổ, có khi nghẹn, và chóng chán.

Ăn bánh giò, cần nhai thong thả, miếng bánh vừa nóng vừa mềm, nóng mà vẫn có vị mát ở đầu lưỡi, ngọt vì nhân thịt, thơm vì hành mỡ, vị giác được thay đổi vì mộc nhĩ... mới cảm thấy món quà trưa ăn nhẹ này là thú vị, vừa thanh lịch vừa ngon lành lại không đắt. Bánh giò cũng không cần gia vị như nước mắm, ớt hạt tiêu. Bản thân nó đã đủ cho nó rồi. Nếu thích thì ăn kèm với chả mỡ, chả hạt lựu, chả quế là thứ chả cuốn vào ống bương mà nướng trên than hoa chứ không luộc, hoặc giò lụa, giò bò, giò hạt lựu v.v...

Cùng với bánh giò là bánh dày. Không phải loại bánh dày quán Gánh có nhân ngọt hay nhân mặn, ngoài phủ bột đậu. Đây chỉ là bánh dày chay, và không to như bánh dày cổ, loại dùng có sêu tết, ăn hỏi hoặc giỗ Vua Hùng. Ăn bánh dày thì lại rất cần ăn với giò chả, không thì nhạt, đớ miệng, khó ăn.

Loại bánh dày thông thường này chỉ nhỉnh hơn quả trứng, bẹt hơn, trắng tinh, còn thơm mùi nếp. Cứ từng đôi một đặt trên mảnh lá chuối xanh rờn, úp lại với nhau như âm dương vậy. Tôi cũng chưa từng thấy ai đặt bánh dày trên một thứ lá nào khác như lá dong chẳng hạn. Chỉ lá chuối thôi. Nếu bánh chưa khô, có thể hơi dính, khi bóc cần xé nhỏ lá chuối như ăn bánh gai.

Gạo nếp cái, nhặt kỹ, đồ xôi rồi đem giã. Không phải là cơm nếp vì hay nhão, khó giã và còn mất một lớp cháy, phí gạo.

Khi xôi chín tới, bắc ra, dỡ trên một tấm vỉ buồm đã xoa một lớp mỡ. Vỉ buồm đặt trên một mớ rơm sạch. Hai người đàn ông lực lưỡng, dùng những cái chày gỗ cao gần bằng người, giã chày đôi, trong khi một người ngồi đảo bánh bằng bàn tay như múa và cũng đã được xoa nhẹ một lớp mỡ. Khi xôi đã thành dẻo, không còn hình hạt gạo nào, là lúc bắt bánh. Mỗi người nắm lấy một mớ bột dẻo ấy, nặn qua kẽ ngón tay chỏ và ngón tay cái. Bột dẻo phòi lên, một hình tròn như quả bóng bàn, trắng tinh. Dùng tay ngắt như hái quả, đặt lên mảnh lá chuối đã chuẩn bị sẵn. Mỗi mảnh lá chuối là hai cái bánh. Giây lát sau, quả bóng bàn ấy xẹp xuống, tựa tựa như quả hồng tầu, chỉ khác là nó vẫn trắng tinh. Để thật nguội mới ấp vào nhau.

Khi vắt bánh, để khỏi dính tay, người ta ít dùng mỡ vì hay có mùi khét, mà thường dùng tuỷ lợn, có khi để sống, có khi hấp chín.

Không như bánh giò, bánh dày ăn không thì nhạt, không ra vị gì. Nó không còn là xôi nếp. Chấm nó vào nước mắm cũng không được mà vào đường càng không được. Chỉ có cách cặp vào giữa hai cái bánh một miếng chả quế vừa ngọt vừa thơm hay một miếng giò bò có mùi hạt tiêu thìa là hoặc một miếng chả mỡ béo ngậy... Không bao giờ có ai nổi cơn thèm ăn mà lại ăn bánh dày với giăm bông, xúc xích hoặc cá bỏ lò, gà quay. Thế thì là người hâm, thực

bất tri kỳ vị. Chỉ nó với giò chả thôi, không thể khác. Thứ nọ nâng thứ kia lên, vị này hòa vào vị khác, hoà hợp như một thứ giao hưởng, có bè trầm bè thanh. Ngược lại bánh dày ăn với giò chả là chính nhưng không thể ăn với phomát patê... Mỗi món có nét riêng của nó.

Loại bánh dày to, bánh dày đại, bánh dày cổ, có thể phơi khô, khi ăn cắt thành từng miếng nướng hoặc rán. Nó dẻo như kẹo kéo, ăn thơm thơm bùi bùi, ăn chơi cho vui, vì nó lạ thôi chứ ít ngon. Bánh dày khô còn giúp cho các diễn viên ngậm khi khản cổ, không xót ruột như ngậm ô mai, không khát nước như ngậm muối. Một thứ thuốc thật tiện và rẻ.

Mấy chục năm trước đây ai đi trên tầu đường Hà Nội - Hải Phòng thường thấy rất nhiều người bán bánh dày bánh giò cùng giò chả trên tàu, đó là sản phẩm của ga Cẩm Giàng, nơi có biệt thự của gia đình các nhà văn Thạch Lam, Nhất Linh. Nhà làm giò chả ngon nhất, lâu nhất bán được nhiều nhất là bà Cả Lạc, một phụ nữ tài giỏi, góa chồng rất sớm nhưng ở vậy nuôi con, kinh doanh nghề giò chả, đặc biệt là bao giờ bà cũng cạo trọc đầu, ngay từ khi chưa già lắm.

Biệt thự của gia đình Thạch Lam, Nhất Linh không đồ sộ nhưng lại rất nhiều hoa thơm cỏ lạ, chỉ cách nhà ga khoảng hai trăm mét. Nay đó là kho thóc của huyện Cẩm Bình, biệt thự đã bị tàn phá hết.

Ga Như Quỳnh tức Cầu Ghênh cũng làm giò chả nhưng không ngon bằng, không cạnh tranh nổi với giò chả, bánh giò bánh dày của ga Cẩm Giàng, một cái ga bình dị. không là ga chính nhưng ở trên tầm một ga xép, dân Hàng Bạc muốn về thăm quê ở vùng Phù Ủng, Kẻ Sặt, Thanh Miện nhất thiết đi tàu về Cẩm Giàng rồi đi tiếp bằng xe ngựa, xe tay kéo hoặc xe ô tô chạy

than... Ngày nay ga đó tiêu điều đi nhiều, người ta chỉ hay bán xôi nén hoặc xôi đỗ xanh hoa cau dễ làm, kỹ thuật đơn giản.

Bánh dày bánh giò là món ăn không cao cấp nhưng cũng là món ăn quý, và không hẳn người thường ai cũng ăn luôn. Nó không thông dụng như tấm mía, chiếc bánh đa, nắm bỏng bộp, thanh chè lam, bát bánh đúc riêu cua. Nhưng nó cũng không phải món ăn khó kiếm như nem cua bể, tôm hùm... Nó cũng không xa lạ lắm với người dân bình dị, người Việt Nam thuần phác như patê, phomát, bơ sữa... Người lớn ăn cũng được. Trẻ em ăn càng tốt. Lúc khỏe ăn cũng vui, khi mệt, cảm cúm, ăn chiếc bánh giò cũng đỡ nặng bụng, dễ tiêu.

Nhiều bà mẹ đi chợ chuẩn bị bữa chiều, thường hay sà vào một gốc cột đèn ở gần cổng chợ, ngồi trên chiếc ghế bé tí tẹo, ăn cái bánh giò nóng, và mua về cho con nhỏ ở nhà một chiếc. Bà hàng có ý còn xâu một cái lạt cho khách xách bánh để mỡ khỏi dính vào tay hoặc dây sang các món khác trong túi trong làn.

Người Hà Nội khá quen thuộc với món bánh dày bánh giò. Nó có mặt ở nhiều nơi, tuy vậy bà hàng bánh ngồi cố định một chỗ vẫn có bánh ngon hơn là những người đi bán rong, nhất là những người đội cái thúng trên đầu, bán lúc tối và rao chỉ có một từ: Giòòò....

Một món quà tỉnh thành: Một món quà thanh lịch. Nó vẫn có tiếng nói và góp mình vào cuộc sống của Hà Nội chúng ta.

1-1990

Xôi lúa

Chắc chắn đây là một món ăn sáng của người Hà Nội vì tôi chưa gặp một hàng xôi lúa nào bán buổi chiều hoặc ban đêm (không kể những hàng xôi lúa ế, phải bán đến trưa - mà vậy là những hàng xôi đó không ngon rồi).

Có một điều đáng chú ý là không có một ông đàn ông nào bán xôi lúa, và suốt mấy chục năm qua, từ khi có ngành ăn uống quốc doanh, không thấy cửa hàng mậu dịch nào kinh doanh xôi lúa, dù rằng các cô mậu dịch viên chế biến đủ các món từ rất cao đến rất thấp. Không có lãi? Không biết kỹ thuật? Hay tự nhận thua ngay một bàn từ đầu, không dám?

Đó là món ăn thông thường, món quà sáng của những ngườ lao động, thợ thuyền, người lương ít, các em học sinh... nó chung là của những người nghèo. Còn người giàu có ăn thì cũn chỉ là ăn mà chơi, ăn đổi bữa cho vui sau khi đã chán ngấy nhữn món cao sang.

Ở nông thôn hoặc một số địa phương khác nhiều người ă ngô bung. Bung ngô với đậu xanh thì có màu ngà. Bung với đ đen thì có màu nâu nhợt. Có khi không có gạo nếp, không có đ phủ lên và ít khi có hành mỡ. Đôi khi còn mùi vôi nồng nồn Vì vậy ngô bung chỉ là món ăn đỡ lòng cho no chứ không thàn món quà.

Xôi lúa của người Hà Nội khác hẳn. Mà có lẽ chỉ có người Hà Nội mới gọi món xôi ngô này là xôi lúa. Người gọi nó là xôi ngô, biết ngay đó không phải là người Hà Nội. Hình như chỉ có vùng Tương Mai (Kẻ Mơ) làm xôi lúa ngon nhất.

Bao giờ xôi lúa cũng có màu hoàng yến, màu vàng chanh. Cái phớt trắng của hạt ngô đã nhừ, xen kẽ với hạt gạo đã nở, mọng như nhân hương sen non, mềm mà không nát. Lớp đỗ xanh đánh vào xôi cho xôi tơi xốp là đỗ xanh đồ chín, giã nhỏ, nắm từng nắm như chuẩn bị gói bánh chưng, nhưng to hơn nhiều, gọt ra từng lớp mỏng tang, rơi lả tả xuống thúng xôi, có lát hơi dày còn uốn cong như một mảnh bìa vàng, như nửa cây bài tam cúc. Con dao không cần sắc lắm, nhưng bà hàng xôi lướt nó nhanh như làm ảo thuật, như các cô gái phục vụ ở một số khách sạn người Tàu xưa, cầm dao gọt củ mã thầy chỉ một tay gọt xong, cũng vẫn chỉ một bàn tay ấy tung củ mã thầy lên, cho nó rơi đúng đầu lưỡi dao, cô cầm con dao dâng khách. Củ mã thầy vẫn trắng tinh, vì chưa có hơi bàn tay, dù ngón tay cô cũng đã trắng nõn nà.

Xới xôi, phủ đỗ lên, rưới lên gói xôi một chút mỡ nước có hành phi thơm giòn, hành khô được thái ngang, cong lại, có màu vàng cánh gián non, thành cái nhụy nâu trên nền bông hoa vàng.

Ít người ăn xôi lúa với đường. Thường chỉ một chút hành mỡ này đã đủ dậy mùi, cái mùi đặc trưng của xôi lúa. Nhai một miếng xôi lúa có đủ cả mùi vị: bùi, béo, ngậy, thơm, ngọt, dẻo và đôi khi nhai vào cái phôi ngô còn thấy sần sật như một thứ sụn non.

Bà hàng xôi lúa không đi rong. Bà nào ngồi ở đâu, ngã tư nào, mái hiên nào, thường cứ ngồi chỗ đó hàng chục năm. Chuyến xe điện đầu tiên từ chợ Mơ (nay không còn tầu điện thì các bà đi xe buýt, xe lam, có bà đi xích lô...) vào nội thành, chở những bà hàng xôi lúa áo quần tươm tất, nhiều bà còn mặc áo dài vải Đồng

Lầm, với hai thúng xôi lúa nặng còn bốc khói qua chiếc vỉ buồm có màu nâu lóng lánh.

Cùng với xôi lúa, có bà còn bán cả những thứ xôi khác như xôi xéo, xôi lạc.

Có lần tôi vào miền Nam, ở vỉa hè gần chợ Bến Thành cũng gặp hàng xôi lúa. Bà hàng xôi còn có một thứ cùi dìa đặc biệt. Đó là một mẩu cuống lá dứa dại, cứng, khách dùng nó xúc xôi ăn, ăn xong vứt luôn. Mỗi sáng bà dùng hàm trăm chiếc cùi dìa như thế. Tôi không kịp hỏi bà người ở đâu, chỉ kịp nghe bà nói giọng Bắc, rất Bắc. Xôi của bà ăn cũng ngon.

Khách ăn xôi lúa thường ngồi ngay trên vỉa hè. Có người đứng, có người ngồi trên xích lô của mình, người thì ghếch chân lên xe đạp, tựa lưng vào bờ tường... Có người ăn bằng bát, nhưng đa số là cầm cả gói xôi đưa lên miệng, cũng chả cần đũa chả cần thìa.

Xôi lúa không cần ăn với thứ nào khác, như thịt kho, ruốc tôm, giò chả. Chỉ có một mình nó đã ngon rồi. Giống như xôi lạc đâu cần ăn với giò, xôi gấc đâu cần ăn với lạp xường. (Nói leo vào chỗ này một câu: Có cô mậu dịch viên hoặc nhà sản xuất quảng cáo món *lạp xường* lại nói nhầm thành *lạc sườn*. Nói đã không chính xác, không hiểu chất lượng các cô làm ra, có còn là lạp xường không?).

Ngày trước gói xôi có một nét riêng. Một mảnh lá sen nhỏ, có hình cái quạt giấy mở nửa chừng, được đặt khum khum vào lòng tờ giấy rồi bà hàng đơm xôi vào đấy, gấp mấy góc lại. Ăn xôi mà thoang thoảng mùi hương sen dễ chịu. Mùa sen tàn, không có lá sen thì gói bằng lá bàng, nhưng bàng hay có sâu róm, các bà thường phải lau kỹ lá từ tối hôm trước, sạch bóng lên như

quang dầu. Gói lá sen vẫn ngon hơn, lại không dính xôi ra giấy, mỡ không dây ra tay.

Nếu em nhỏ mua mang về, thì bà hàng xôi rưới mỡ nước trước rồi mới phủ đỗ lên sau, vừa sạch sẽ vừa không phí mỡ.

Cũng có người cẩn thận, loại công chức nhỏ, thầy giáo, ăn ngay ở ngoài đường thì ngại, nên hay cho người nhà mua xôi lúa về, chuyển sang bát dùng đũa hay cùi dìa để ăn. Ăn cách đó với cách ngồi ngay ở vỉa hè, cách nào ngon hơn? Mua về nhà hợp vệ sinh hơn, có thể ăn thong thả hơn, nhưng ngon hơn thì chưa chắc, nó giống như dùng đũa để và cốm, dùng tăm cắm vào múi mít đã bóc sẵn để trên đĩa, dùng đĩa bạc ăn thịt chó...

Có người chỉ thích ăn xôi lúa ngay ở vỉa hè, còn so sánh như ăn xôi phải nắm chim chim mới ngon, chứ dùng đũa gắp xôi vào bát là mất ngon đi một nửa.

Có người nói mùa mít, bà hàng xôi lúa dùng hạt mít luộc, giã nhỏ trộn dành dành để thay đỗ xanh. Tôi không tin dù có thể có. Nhưng chữ tín làm đầu. Khách hàng quen của các bà đều biết và các bà biết thế nên thông thường chỉ sau khi cơ quan mở cửa làm việc ít phút, gánh xôi có ngọn của bà đã hết, các bà ngả nón ra đếm tiền, xếp lại, dán đồng tiền rách, cho vào cái bị con, chuẩn bị ra về phía ngoại thành. Có bà còn tranh thủ một lúc bóc hành, thái ngay, rồi mới ra về, mùi hành xông ra cả xung quanh có người chảy nước mắt.

Bí quyết của các bà hàng xôi lúa Mai Động là gì? Xin cứ để các bà giữ bí mật gia truyền. Chúng ta sung sướng có một món ăn ngon, rất Hà Nội, dù nó chỉ là một món ăn phổ thông, rẻ tiền, chứ không phải cao lương mỹ vị gì như đặc sản, gà hầm, chim quay, tái dê, ba ba tần...

Cuối cùng cái tên của nó cũng lạ: *Xôi lúa.* Ngô mà lại gọi bằng lúa? Có lẽ từ Việt cổ, ngô lúa có chỗ trùng nghĩa chăng?

Nhiều nơi chỉ gọi là xôi ngô, là ngô bung. Riêng Hà Nội, từ bao đời nay vẫn chấp nhận cái tên đó, như người ta chấp nhận sự vô lý trong thơ, chấp nhận vợ mình là đáng kính nhất trên đời, đẹp nhất trên đời, chả thế mà có câu: Nhất vợ nhì giời. Hay thật.

Món bốc mả

Có món ăn dành cho người thanh cảnh. Lại có món ăn dành cho người ưa bỗ bã, xô bồ. Giống như có hoa nhài êm mát lâng lâng thì cũng có thược dược, cẩm chướng rực rỡ, chói chang, lồ lộ... Người ưa áo trắng, người thích áo hoa sặc sỡ. Nhân tâm tuỳ thích.

Đằng sau món phở là món gì? Các rạp hát đã tan từ lâu. Tiếng rao hàng *lồ mai phàn*, tức hàng xôi lạp xường, đã tắt từ lâu. Những chiếc xe tay xe xích lô hết khách, đang vội về các phía ngoại ô, tạm dừng một ngày vất vả. Đèn đường ngã tư cũng như thiu thiu ngủ trong mệt mỏi. Nhiều căn nhà đã tắt đèn cho hạnh phúc chìm vào chiều sâu con người. Gió lang thang đi đâu đó, để một vài cái lá chạy lang thang theo, trên mặt đường vắng lạnh.

Giờ này là giờ của món *bốc mả.*

Mấy hàng phở gánh, phở hiệu đang dọn dẹp, ủ lò, thu dọn bàn ghế. Thùng nước dùng đã bắc ra, ghếch nghiêng một bên cạnh lò đã vạc, vẫn còn khói bốc và hương vị phở phảng phất xung quanh.

Dăm ba ông khách quen xuất hiện. Điều rất lạ là rất ít khi có phụ nữ đi theo, dù rằng giờ này không phải là hết những người đàn bà còn phải lang thang kiếm sống. Phụ nữ ưa êm ấm, ưa những giấc ngủ sớm lành hiền bên đứa con ngây thơ. Thôi thì mặc

ông chồng thích lang thang chuếnh choáng, thích cái cảm giác lạ, cảm giác mạnh...

Khách khệnh khạng. Khách lủi thủi. Khách lôi thôi lếch thếch. Nhưng túi họ có tiền. Người mặc áo vá. Người đi giày tàng. Người tóc cờm quá mang tai... Người lịch sự, còn cả cravatte trễ tràng trên cái cổ áo trắng toát... Khách quen, không cần nhiều lời. Mỗi người kéo cái ghế đẩu, ngồi xổm lên ghế, gọi mấy cút rượu. Có ông hút thứ thuốc lá gì mà thơm thế.

Thùng nước dùng được đổ ruột ra một cái rổ sề. Khách khà lên một tiếng. Trong rổ là một mớ hỗn độn, những xương lợn xương bò. Xương ống, xương sườn. Xương sống, xương bả vai... Đôi khi còn cả một cái lồng ngực con gà, y như hình ảnh thu nhỏ cái lồng ngực bộ xương trong phòng thí nghiệm cho sinh viên nghiên cứu. Còn có cả những mảnh xương gì, to nhỏ khác nhau, không rõ, lổn nhổn, vỡ vụn, nhìn chỉ thấy lờ mờ qua làn khói mằn mặn của nước dùng cuối nồi.

Tợp rượu xong, khách cùng nhau dùng cả hai tay bới rổ xương và gặm, mà mút, mà nhai, mà mút tay chùn chụt. Còn cái rau thơm nào, ngọn hành nào, bỏ ra cả đây. Ớt, hạt tiêu, dùng tất. Rồi xuýt xoa vì nóng, rồi khà khà vì ngọt, vì cay, vì... những gì chỉ những ai hay đi khuya thế này mới hiểu.

Những hàng phở ngon, nổi tiếng, thường bao giờ trong rổ xương ấy cũng có một cái đuôi bò, tuy nhừ nhưng vẫn còn cái hình mờ mờ của cái chổi đuổi ruồi của con vật, nó cũng hơi giống những đốt xương trong nấm mồ vừa đào lên trong ánh sáng mờ mờ lúc mặt trời chưa lên ở bãi tha ma hoang vắng.

Khách nhai gau gáu những đầu sụn, những mảng xương đã nhừ nhưng không bục một cách khoái trá, ngon lành, hỉ hả. Có

người còn nước mắt nước mũi ròng ròng. Ông lịch sự, cái cravatte đã trễ càng trễ hơn.

Khuya. Ai phê phán cách ăn này là thô tục hẳn chưa một lần thưởng thức. Thanh cảnh là lúc khác, món khác. Còn bốc mả là ăn cho ngon, ăn cho nhiều, ăn cho đã, ăn không cần giữ ý, ăn một cách dân gian, ăn cho có thêm cảm giác mới lạ, lâu lâu mới lại có dịp.

Nước dùng húp xoàm xoạp. Húp có tiếng kêu thế mới ngon, cũng như tiếng rau ráu của xương ngon hơn nhiều cái im lặng của miếng lườn gà chua chua toàn nạc. Rau thơm điểm xuyết, cầm tay mà đưa lên miệng. Phải ăn bốc.

Khách đâu phải đói. Nhưng cách ăn lại hệt như người đói lâu ngày. Hai bàn tay đầy mỡ, nước dùng, nước mắm... Có sao đâu. Cứ chùn chụt, rau ráu, cứ khà sau mỗi hớp...

Rổ xương vợi đi lúc nào không biết, để bên cạnh, dưới đất, một đống xương ngổn ngang, to nhỏ, tơi vụn. Những cút rượu cũng chỉ còn vỏ không. Đó là những chiếc chai cóc màu xanh thẫm, che lấp cả màu rượu không biết trong hay đục. Thứ chai này cái to nửa lít, cái nhỏ một phần tư lít, gọi là một cút. Cái bụng nó phình ra như người có chửa. Lâu nay, nó dần biến khỏi đời sống.

Nhà hàng cứ dọn dẹp, quét xỉ than, xương thừa, rửa chồng bát rếch, cất đi những tảng thịt bò chín đã sẫm màu đen, những tảng thịt bò sống se mặt, những túm hành túm ớt... để đến mai, mà mai thì cũng chả còn mấy tiếng đồng hồ nữa.

Bốc mả là một cách ăn khoán. Cứ nhặt, cứ gặm, cứ mút... hết cái ngon ngọt đậm đà trong rổ. Cái nào cứng thì bỏ lại. Tiền tính theo đơn vị rổ, đơn vị nồi xương chứ không tính bát.

Ít khi khách bốc mả ăn phở. Một là phở đã hết. Hai là - đây mới là điều chính - không cần ăn độn bánh phở làm gì cho no. Nhai xương, gặm thịt, húp nước dùng đáy nồi... là khá đủ. Men đưa cay...chếnh choáng lâng lâng cái đầu, tê tê cái lưỡi, líu ríu cái chân... cần gì phải làm khổ thêm cái dạ dày nữa.

Hôm nào không có cái đuôi bò, tiệc bốc mả giảm giá trị đi rất nhiều. Mất ngon mất quý đã đành mà nhà hàng còn sợ một điều là khách nào sẽ phao tin ấy đi thì hàng phở mất tín nhiệm.

Đương nhiên nhà phở nhỏ thì chẳng có đuôi bò đuôi trâu, bởi làm gì có lắm đuôi thế, chả lẽ mỗi con bò có mươi cái đuôi chăng để hàng trăm hàng phở đều có đủ đuôi.

Hàng phố đã ngủ yên. Cây cối chìm trong sương. Tiếng động lanh canh choang choang xoèn xoẹt của sự dọn dẹp đồ nghề hàng phở đã hết. Khách lảo đảo vịn vai nhau ra về, để lại đằng sau một *đống xương vô định* đã khô xác, không còn một chút bổ béo nào, những cái xương ống đã hết tủy, những cái xương bả như cái quạt rách, lồng ngực con gà trống hoác, những mẩu xương nhai dở, những cái vụn nhè ra... để khuya nữa, có thể những con mèo hoang đi mót lại trong cơn tìm bạn, gào lên thê thảm, vừa gặm xương vừa kêu nhàu nhàu...

Dân ưa bốc mả cũng như người ưa mộc tồn, bỗ bã, suồng sã, bạt mạng, bởi món này không thích hợp với những ông ưa ăn mặc chỉnh tề, áo là phẳng lì, mỗi khi uống tách cà phê sữa còn bắt để trên đĩa sạch, cầm tách thì bao giờ cũng phải cong ngón tay út ra ngoài... hoặc thích bún thang, làm ra vẻ ăn nhỏ nhẹ nhưng thực ra cái bụng đang đê mê vì món mắm tôm dậy mùi thức con tì con vị lên.

Mỗi người một tính. Cách ăn đã vậy. Món ăn đã vậy. Cái tên *Bốc Mả* ra đời là khá chính xác, chẳng cần phải giải thích thêm.

Cho đến nay, hàng phở phát triển ồ ạt, phố nào cũng có. Không gọi là phở gánh được nữa rồi mà phải gọi là *phở chõng.* Chỗ nào cũng chõng. Có phố có cả một dãy, thi với nhau mời khách, nhưng món bốc mả không còn phổ biến lắm nữa. Xương không nhiều. Đuôi bò không có; không ngon.

1989

Phố ngắn nhất và thịt bò khô

Báo *Người Hà Nội* số 15 ngày 14-4-1991 nhà văn Tô Hoài có viết: "Kể về phố phường cũ đến bây giờ, các cụ già tò mò đều cho Hà Nội có hai phố ngắn nhất là phố Hỏa Lò và phố Mai Xuân Thưởng. Không biết còn ai tìm ra phố nào ngắn hơn nữa thì ta đem ra đố nhau chơi như trẻ con đố lá ấy mà. Riêng tôi cũng cho là hai cái phố trên là phố ngắn nhất..."

Nhân nhà văn Tô Hoài đã đố, nên dù tôi không phải là trẻ con mà tóc đã gần trắng bằng nhà văn Tô Hoài, cũng xin "nối điều" chơi, chứ không phải là *tranh khôn* với một người hiểu biết Hà Nội đến mức như nhà văn Tô Hoài.

Đúng hai phố trên là *ngắn*. Nhưng không phải *ngắn nhất*. Hà Nội còn có một phố ngắn hơn nhiều, có thể đó mới là phố ngắn nhất. Phố ấy là phố HỒ HOÀN KIẾM.

Hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Gươm thì ai ai cũng biết, nó đã thành biểu tượng của Hà Nội, thành nỗi nhớ của bao người. Hồ bao quanh bởi phố Đinh Tiên Hoàng từ phía bắc vòng qua phía đông. Phía nam là phố Hàng Khay. Phía tây là phố Lê Thái Tổ.

Cái tên phố Hồ Hoàn Kiếm thì lại ít người chú ý vì phố ấy quá ngắn, quá nhỏ lọt thỏm vào khu vực rộng rãi đông đúc.

Phố ấy một bên chỉ có một số nhà, thậm chí cả bên kia có vài số nhà, tất cả đều là số phụ của những ngôi nhà hoặc cửa chính ăn ra phố Đinh Tiên Hoàng, hoặc ăn ra phố Cầu Gỗ. Nên gọi là phố không có số nhà của riêng mình cũng được. Phố chỉ dài có 52m, tức chỉ bằng khoảng một cột đèn.

Cũng theo "Đường phố Hà Nội" của Trần Huy Bá và Nguyễn Vĩnh Phúc, thì đây nguyên là đất của thôn Tả Vọng, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương cũ. Nó chỉ như là một cái gạch nối, một cái nghách ngang ăn thông từ phố Đinh Tiên Hoàng sang giữa phố Cầu Gỗ, cái rạp chiếu bóng Hòa Bình (nguyên xưa kia là rạp Philhamônique) nay đã được phá sạch đi để thay bằng một rạp múa rối. Một bên phố là mặt cạnh của một ngôi nhà ba tầng số 53 Đinh Tiên Hoàng của một ông họ Đỗ, mà người viết bài này đã là học trò của một gia sư mang họ Đỗ ấy. Ngôi nhà ba tầng này từng có thời kỳ là "Quán nghệ sĩ" nổi tiếng. Mấy chục năm gần đây, trở thành hiệu sách dành riêng cho thiếu nhi, và nay chỉ là hiệu sách (và cả bách hóa điện máy) đơn thuần.

Phố Hồ Hoàn Kiếm tuy nhỏ nhưng hẳn nhiều thế hệ người Hà Nội vẫn còn nhớ rõ, nhất là những học sinh, những cô gái trẻ, những người thích ăn quà vặt. Bởi nó có một món quà đặc biệt khó quên, đầy hấp dẫn, rất ngon mà không đắt, ghé qua ăn một chút, chẳng mất bao nhiêu thì giờ. Đó là món THỊT BÒ KHÔ.

Mới nhớ đến nó, gọi tên nó thôi mà đã thấy bao nhiêu kỷ niệm ùa về, với những mùi những vị phảng phất, những tháng ngày trẻ trung đi học, đi chơi túm năm tụm ba cùng nhóm bạn bè cùng lớp…

Sợi đu đủ xanh nạo nhỏ giòn tan, không khô cứng cũng không sũng nước, được ngập tràn vào giấm ớt. Miếng thịt bò phơi khô tẩm húng lìu màu nâu đỏ, vừa dẻo vừa dai vừa quánh, cái vị giấm chua giấm ngọt, mùi thơm thơm của giấm tỏi, cái cay nồng của tương ớt, cái dìu dịu của rau thơm rau mùi thưa thoảng... tất cả được xếp lên nhau, lồng vào nhau, hòa trong nhau trong cái đĩa nhỉ tí xíu. Hấp dẫn đến lạ lùng.

Có điều, không nhiều người bán lắm dù khách bao giờ cũng đông. Đặc biệt có một người Hoa kiều chuyên mặc quần áo lụa đen người hơi gầy gầy, ít nói là đắt hàng hơn cả.

Tất cả "nguyên vật liệu" cho món quà được đặt trong một cái gần như cái thúng, có một ngăn kính đựng thịt bò khô, một bên là mấy thanh gỗ chắn để các chai giấm ớt. Cái thúng ấy có quai song như một cái cầu vồng để dễ bề di chuyển khi cần thiết, khoác vào tay là xong. Tất cả được đặt lên một cái chân ca, dưới có sợi thừng chằng cho chắc.

Chú khách ấy vừa cắt thịt bằng kéo giống như kéo thợ may, vừa đánh kéo tanh tách, tiếng to hơn kéo cắt tóc, thành một âm thanh tiếng sắt tiếng gang trong đục, một bản nhạc riêng biệt, một tiếng nói riêng biệt, tiếng nói của cay chua mặn ngọt bùi chát, tiếng nói dành cho tuổi học trò, cho thanh nữ, cho những cái lưỡi thích xuýt xoa.

Mỗi khi bốc xong đu đủ ra đĩa (không bao giờ là bát) cắt xong thịt, nghe thấy cả tiếng sần sật của cái khô tái, cái chín nửa chừng, của thịt lẫn gân, chủ dùng hai tay cầm hai chai giấm xóc xóc với một nhịp điệu mạnh, dồn dập như có sức thúc giục vô hình, rồi đưa món quà hoàn chỉnh cho khách trong im lặng. Khách cũng im lặng đỡ lấy cái cay chua hấp dẫn ấy. vừa ăn vừa rỏ nước mắt nước mũi trong thích thú. trong say mê. trong cái ăn một thể không gọi tiếp.

Không có phố nào có món thịt bò khô ngon như ở đây. Khách cứ đứng mà ăn, đông suốt trưa suốt chiều, đến chạng vạng tối.

Người Hà Nội ăn quà cũng lạ. Tết, ngay từ chiều mùng một, người ta đã đi tìm bún riêu, với thịt bò khô thì quả là hấp dẫn sau bữa cỗ thịt mỡ bánh chưng. Như sau đoạn đường xa nắng gắt, cần chỗ dừng chân trong bóng cây mát rượi. Như sau những ngày phẳng lặng của hạnh phúc gia đình quá ngọt ngào đến tẻ ngắt, máu giang hồ vặt nổi lên, dù có gập gềnh đôi chút cho thi vị. Sau một đêm ngột ngạt oi nồng, cần buổi sáng mát mẻ thoáng đãng rộng dài có bướm vàng hoa dại... Thịt bò khô là thứ xả hơi ấy, là thứ người ta cần tìm kiếm ấy. Nó gây ra cái ảo giác cho đầu lưỡi. Nó cũng là một thứ ma tuý không độc hại, tạo ra say sưa của vị giác, có thể một phần trần tục chăng?

Người kỹ tính bảo thịt ấy chưa chắc đã là thịt bò, hoặc được phơi trần trụi trên những mái tôn ở phố Sầm Công, Hàng Buồm, ruồi nhặng và bụi bặm lắm đấy. Nhưng cũng lại nghiệm ra rằng ít ai bị ngộ độc, bị cái bụng nó hành vì món này. Vậy thì cứ ăn cho thích, ăn nhiều giấm tỏi vào là yên tâm, là khoái, là vui rồi.

Lại có những người bảo chẳng qua đó cũng là nộm. Vâng, Nộm. Nhưng nó không hề giống đĩa nộm su hào có lạc rang trong cỗ cưới, không giống đĩa nộm đầy tú hụ ở ngõ chợ Đồng Xuân, có cả giá đỗ, cả vừng, cà rốt. Thịt bò khô cứ chỉ là thịt bò khô. Nó không chỉ là nó. Giống như mỗi chúng ta, ta chỉ là ta. Hoặc *người con gái ấy* chỉ là người con gái ấy, không thể có người thứ hai trên thế gian này là người con gái ấy.

Ở phố Hồ Hoàn Kiếm hiện nay, vẫn có người bán món thịt bò khô ấy, nhưng không hiểu sao khách ăn thưa thớt. Phải chăng người ta không thích cay chua (vì cuộc đời đã cho nhiều cay chua quá), hoặc người làm món ấy không có đủ kỹ thuật để ngon bằng trước?

Tuy vậy, một lần ăn thịt bò khô, không thể quên nó dễ dàng. Cái cay chua mặn chát ngọt bùi... của nó như còn dư vị nhiều thời gian nữa.

Cái phố ngắn nhất Hà Nội này lại có một món quà độc đáo (không hiểu có nên cho nó là nhất không?) cũng là một nét riêng rất Hà Nội vậy.

4-1991

Phá xang

Cứ mỗi lần ăn lạc rang tôi lại nhớ đến anh ta. Đêm nay trời trở gió, đang nóng hầm hập bỗng dịu tê như cuối thu. Tôi với một người bạn - nhà thơ Nguyễn Hà - rủ nhau đi tản bộ quanh Hồ Gươm để lắng vào hồn mình một chút thu Hà Nội, một chút mông lung chỉ có mùa thu mới có.

Cửa Sở Điện lực, mà người ta quen gọi là nhà máy đèn Bờ Hồ, phía bên kia có cây đa hai gốc nối với nhau bằng những cái rễ phụ đã trở thành một thân cây thứ ba, tạo thành chữ N hoa.

(Tiếc sao, trong một đêm mưa to 9-6-1991 cây đa ấy đã gục đổ; quằn quại trên đường khiến có những lòng người cùng quằn quại theo. Nhưng cũng may, thành phố đã trồng một cây đa khác thay thế ngay, đúng vào chỗ cây cũ. Không biết mấy chục năm nữa, cây đa hậu thế này mới có một bộ rễ bò lan trên mặt đất như đàn anh nó).

Cả hai chúng tôi chợt nhớ đến anh ta. Chú khách què bán phá xang, bán lạc rang, thường hay ngồi chỗ này.

Đó là một người có nửa thân mình phía trên vạm vỡ, đỏ hồng, trán cao, mắt xếch, tai to, da trắng, thường mặc cái áo đen, thứ lụa bóng như lĩnh của người Trung Hoa, khuy vải tết, và cái quần đùi đen rộng thùng đã bạc. Hai chân anh ta đã teo lại rất ngắn, chỉ

còn bé tí từ dưới háng. Hai bàn chân bên nghiêng bên ngửa, và do phải bò lâu ngày bằng cả hai tay và hai cẳng chân (hai tay có hai chiếc guốc mộc) nên chỗ xưa kia là bụng chân thì nay bẹt đi, lấm láp như gan bàn chân. Anh ta rất ít nói, hầu như không thấy anh ta nói chuyện trao đổi gì với khách bao giờ, trừ việc hỏi khách mua thứ lạc gì.

Thùng lạc rang của anh thật đặc biệt, có hai ngăn, ngoài bằng gỗ, trong lót vải nên lạc lúc nào cũng âm ấm, cũng giòn cho đến những viên cuối cùng. Một bên là lạc ngọt. Bên kia là lạc mặn.

Những viên lạc của anh bao giờ cũng đều tăm tắp, màu nâu hồng, thơm phức, thoảng một mùi húng lìu mê hoặc.

Viên lạc vừa bùi, vừa ngọt, vị ngọt mát của nước đường ngâm tẩm lướt qua, chỉ đủ đọng lại trên đầu lưỡi man mát.

Còn lạc mặn vừa bùi vừa đậm như cái duyên của cô gái có nước da bánh mật, không sắc sảo nhưng lại làm đắm lòng người.

Anh ta - có lẽ là chú khách (hay Trú khách?) thì đúng hơn. Chú khách ấy nhà ở phố Hàng Giầy trông thẳng sang bức tường phẳng lỳ của đền Bạch Mã, nay chỗ đó đã thành một cái chợ bánh kẹo thuốc lá, vài nhà bán cà phê bột, một vài hàng phở lúc nào cũng khói um.

Sáng sáng không sớm lắm, chú bò từ nhà ra Bờ Hồ, đúng chỗ cây đa có hình chữ N, ngồi cạnh chiếc cột đèn sắt sơn hắc ín đen có dóng như dóng cầu. Chú không rao hàng bao giờ.

Chú ngồi đó phân phát món quà ít tiền, bình dị, thông thường nhưng ngon mắt, cho mọi người. Phá xang của chú là loại đặc biệt, đã ăn một lần thì ngon không thể quên, nó như ngôn ngữ đã được nâng lên thành nghệ thuật, mà phút nhập thần mới tạo

được ra. Chưa ai cạnh tranh được với chú về độ ngọt thơm, độ ngọt bùi, độ ấm giòn, độ chín tới, độ đều nhau chằn chặn của viên lạc. Cũng có một người Việt Nam bị què hơi giống chú, cũng bán phá xang, nhưng rồi hình như ế, phải chuyển sang nghề khác và không còn thấy xuất hiện ở Bờ Hồ nữa.

Chiều, có khi sẩm tối, hết hàng, chú lại bò về nhà, ngồi trong căn nhà thấp tè, ám khói nhìn ra đường như lúc ở Bờ Hồ. Nhiều hôm xế chiều chú mới ra Bờ Hồ. Buổi sáng chú ở nhà cứ chăm chăm nhìn ra đường, trán nhăn lại như oán hờn một điều gì, một người nào. Phải chăng chú nghĩ đến thân phận đôi chân của mình? Hay nghĩ tới cô gái áo dài tha thướt hôm nào mua lạc của chú, vừa đi vừa cười khúc khích như tiếng chim xa? Hay hình ảnh một quê hương xa lắc?...

Hà Nội từng có rất nhiều trẻ em bán phá xang, rao ơi ới khắp phố, từng có những bà đứng tuổi những buổi tối mưa gió đầy trời rao bán ngô rang, lạc rang, hạt dẻ... Nhưng ngẫm ra không một ai có thể cạnh tranh nổi phá xang của chú khách què ở Bờ Hồ.

Lạc rang của chú bao giờ cũng như bao giờ, phân loại kỹ, ngâm nước đường cam thảo (nếu là ngọt) ngâm nước muối vừa phải (nếu là mặn) phơi khô rồi mới rang trong cát trắng sạch tinh. Chưa ai bị dính hạt cát kẹt lại trong nhân lạc bao giờ.

Các bà ở nhà chúng ta nhiều khi chiều chồng chiều con, mến bạn, cũng rang lạc ăn chơi. Nhưng đó chỉ là làm cho lạc chín lên mà thôi, giống như các hàng bia quốc doanh và tư nhân bán lạc rang kèm bia hơi bia chai, đựng vào cái phễu giấy dài thượt chả được bao nhiêu lạc, có khi chưa chín hẳn, còn ngái, có khi ỉu xìu...

Gần đây tiến bộ hơn, có loại lạc chiên, thường gọi là đậu phụng chao dầu, là thứ lạc bọc bột mì, làm theo kiểu miền Nam.

Cũng ngon, nhưng không phải là lạc rang, không phải là phá xang. Nó đã thành một món khác hoàn toàn.

Lạc rang là món ăn thông thường, bình dị, quen thuộc, ai cũng từng ăn, ai cũng có thể làm được... nhưng sao mà nhớ đến cái chú khách tật nguyền ấy thế. Thì ra chỉ là viên lạc bé nhỏ, chỉ là cái việc rang lạc tầm thường nhưng nếu làm nó với tất cả trách nhiệm của mình thì kết quả cũng không phải là nhỏ. Bởi có lẽ đã có hàng chục vạn người Hà Nội đã từng ăn phá xang của chú.

Không hiểu vài mươi năm nay chú đi đâu, để người ăn thiếu một chút ấm áp trong lòng bàn tay, thiếu một vị ngọt giòn nơi cổ họng như một kỷ niệm của Hà Nội khó quên, nhất là những người yêu nhau, trao nhau một gói lạc thơm thơm âm ấm khi cùng nhau đi dạo Bờ Hồ một chiều lành lạnh nào đấy.

Bánh cuốn bà Hai Tầu

Thông báo thứ nhất: Món này đã mất đi mấy chục năm rồi.

Thông báo thứ hai: Món này khác hẳn bánh cuốn Thanh Trì.

Thông báo thứ ba: Bà Hai Tầu không phải là người Tầu.

... Hình như bà mất đã lâu, vì bẵng đi mấy chục năm, không còn thấy ai nhắc đến món bánh cuốn của bà, không ai ban đêm rủ nhau đi ăn món đặc biệt này, ấy là tôi đoán bà đã mất. Nếu may mắn bà còn sống phải chuyển nghề khác (vì có một thời dài những món ăn kiểu này đều bị cấm, bị coi là *lãng phí)*. Chắc bà đã già lắm, phải gần trăm tuổi chả còn sức đâu mà ngồi bên lò than nữa. Nhưng sao bà không truyền nghề cho con cháu nhỉ? Một nghề gia truyền rất quý.

Chắc chắn bà không phải là người Tầu vì cách phát âm đặc sệt giọng Hà Nội ? Ăn mặc thì bao giờ cũng quần đen, áo cánh trắng hoặc nâu, đôi khi mặc thêm cái gi-lê cũ đàn ông. Bà vấn khăn nhung, ngoài có nhuộm đen nhức. Hai đặc điểm vấn khăn và nhuộm răng là bằng chứng hùng hồn một phần nghìn lần rằng bà là người Việt Nam hoàn toàn.

Chỗ bà bán hàng những năm ấy vẫn còn, nhưng đã thay đổi. Nay bán bách hóa tấp nập vì nhà đã xây dựng lại.

Ôi những mùa đông, những đêm đông Hà Nội, có những buổi sao mà rét thế, đúng là "đại hàn chi cực". Ở nhiều ngã ba đầy gió, chỗ chân cột đèn hay dưới một mái hiên, có những đốm lửa lập lòe, vài bóng người ngồi chạm vào nhau, không nhìn rõ mặt, rõ hình mà chỉ thấy lấp loáng ánh lửa than hồng từ đấy bay ra, loang ra một hương thơm ấm áp, ánh than cứ hồng lên, chớp lên theo tay quạt. Đó là hàng ngô nướng.

Cầm một bắp ngô nướng mầu vàng nhạt, trong trong, có những chấm đen huyền chạy dọc theo hàng hạt ngô, cái ấm của lửa than, của ánh bếp lấp loáng trong màu mắt nhìn không rõ của cô bán ngô...nó thấm vào tay ta, vào toàn thân ta. Hạt ngô mềm, dẻo, ngọt bùi và nhất là thơm. Người Hà Nội ăn ngô nướng không ngoạm cả cái ngô mà cạp theo thứ tự từng hàng. Ngón tay cái phải đưa đều từ hàng nọ sang hàng kia như nhấn trên dây đàn, không vang lên âm thanh mà bừng lên sự ấm áp ngọt bùi thơm thảo.

Hương ngô nướng thơm nhè nhẹ bay ra, bay xa như thức tỉnh một thứ hương đồng nội xa xôi có ổ rơm, có tiếng gió hú ở ống tre tròn nơi đầu hồi nhà, có tiếng xuýt xoa vì rét, có bước chân ai đi vội bên luỹ tre um tùm đầy tiếng gió kẽo kẹt...

Ở bên dãy chẵn phố Huế có những hàng ngô nướng như thế, chỗ hiệu kem Cẩm Bình, hiệu cơm tám giò chả mà người ta không có gạo tám phải đề là *cơm trắng giò chả*, chỗ hiệu bánh ngọt Tân Đức Lợi nổi tiếng.

Còn bên này, dãy số lẻ, cạnh chợ Hôm, có một căn nhà nhỏ, bề ngang chỉ khoảng trên hai mét, mái lợp tôn, ban ngày là cửa hàng thợ thiếc với những thùng chậu, ống máng lỉnh kỉnh, có cả lọ axit hàn, cái đe to tướng. Nền nhà bị gõ đập nhiều nên nham nhở lồi lõm những gạch đá đất cát lổn nhổn.

Buổi tối, đúng thế, chỉ sau khi tối mịt, thay cho hàng thiếc, mới xuất hiện hàng bánh cuốn bà Hai, cùng với những hàng ngô nướng phía bên kia phố.

Chỗ ban ngày đặt đe thì bây giờ là hai lò than hồng rực, trên có hai cái nồi đồng điếu kiểu cổ để hấp bánh cuốn. Bàn ghế cũng chả nhiều, xếp xung quanh bếp và về khuya thì tràn ra vỉa hè trước cửa.

Bà Hai bán hàng khoảng từ tám giờ tối trở đi, đến mười một, mười hai giờ lúc nào hết bột, hết nhân bánh thì thôi chứ không phải là hết khách. Dễ hiểu là hôm nào cũng có khách bị về không, không ăn được bánh.

Những đêm đông ấy, cách đây bốn chục năm gì đấy thì phải. Những người xem xi-nê-ma ở rạp Ma-giét-tích ra (rạp Tháng Tám bây giờ) xem hát ở rạp Đại Nam ra, hoặc cao hứng, đội gió rét từ một phố xa nào đến, ăn mặc lịch sự, đội mũ đi giầy nghiêm chỉnh, lật cổ áo *măng-tô san, áo pa-đờ-suy* lên che gáy... bước vào hàng bà Hai, xòe bàn tay giá buốt ra sưởi vào cạnh lò, chả cần gọi bánh, cứ ngồi chờ theo thứ tự như một thứ luật đã định.

Sưởi tay đã, còn lâu mới được sưởi lưỡi. Không ai tỏ ra sốt ruột, giục giã. Cũng không thể cáu kỉnh vì chờ lâu, vì đòi ăn trước mà được.

Giờ này không phải là giờ của sự cấp bách. Nếu muốn vội đi ngủ thì đừng đến đây. Còn đến đây là để được chờ đợi, để mua lấy những giây phút thi vị. Người ta chờ đĩa bánh cuốn như chờ một thi hứng, chờ một câu thơ hay, chờ một nét nhạc đẹp sắp bay về.

Bà Hai luôn tay tráng bánh. Đổ một muôi bột vào mặt khuôn nồi đầy, dùng muôi như một thứ bàn xoa, xoa tròn, đậy vung lại, bà mở nồi bên kia, xuyên một thanh tre cật mỏng lướt theo mặt

khuôn vải lấy bánh lên. Bà xoay nhẹ ống nứa tròn vào góc bánh, gỡ cái bánh, gương lên cao như một lá cờ màu ngà trong trong, bốc khói, đặt xuống khay, để nhân vào rồi gấp lại. Gấp xong một cái bà lại múc một muôi bột, xoa xoa, đậy vung và tiếp tục điệp khúc ở nồi bên kia... cứ thế... nhịp múa của hai bàn tay bà biến bột thành sản phẩm diệu kỳ, và không thể nhanh hơn.

Từ chậu bột trắng tinh, chiếc bánh cuốn đã được khai sinh như một sự sáng tạo nghệ thuật. Nó biến hình kỳ ảo. Dòng bột như sữa đã được dệt thành tấm vải hình tròn, trong mờ, nhìn thấy cả nhân thịt hồng mộc nhĩ đen đen... trong gói bánh.

Nếu bánh cuốn Thanh Trì mỏng tang, ăn chay cũng được, mà ăn chay để thưởng thức hoàn toàn vị bánh cuốn nguyên chất, ngon hơn là ăn với những thứ cao lương khác, thì ở đây, bánh cuốn ngon một phần ở nhân thịt. Thịt nạc, có lẽ là thịt vai thì đúng hơn, mộc nhĩ, nấm hương, hành củ, hành lá, đã băm nhỏ; được xào cho thơm. Trong liễn nhân còn nhìn rõ lớp mỡ trong suốt, có thể dùng nó xoa lên những cái bánh đã bày trên đĩa.

Đĩa bánh trước khi đưa cho khách, còn được phủ một lớp ruốc tôm trắng bông và những sợi rau mùi tươi non xanh lá mạ. Khéo sao là về mùa đông mới có rau mùi, thứ rau đẹp duyên với món này đến thế. Thử tưởng xem, rau ngổ, rau kinh giới, tía tô hay húng chó (húng quế) đặt vào đây, sẽ hỏng ngay món ngọc thực nghệ thuật này.

Ruốc tôm và rau mùi không hẳn là gia vị mà hình như nó còn làm nhiệm vụ trang trí nữa, giống như một chút, *một chút thôi* son trên môi thanh nữ, một chút phấn hồng trên má con gái.

Người ăn, ăn thong thả, không phải ăn cho no, mà ăn cho ấm, cho ngon, ăn cả cái hay cái đẹp, ăn cả sự chờ đợi, cái rét mướt của mình.

Một chén con nước chấm nữa mới thành bánh cuốn bà Hai Tầu. Nước mắm đặc biệt không mặn gắt, không nặng mùi, đã được pha loãng bằng nước lọc, đường, giấm. Nó có màu vàng mật ong, vừa ngọt vừa mặn vừa chua vừa thơm của hạt tiêu bắc, vừa cay của ớt và có lẽ còn hấp dẫn đến kinh hoàng: một chút cà cuống.

Nghiệm ra rằng không ai để thừa lại nước chấm bao giờ, mà nhiều người còn xin thêm, bởi nước chấm có thể húp được. Nó là một thứ duyên riêng, tựa như cái duyên cùng bát nước chấm của cô hàng bún chả rong, dù rằng nước chấm của bún chả có màu nâu đậm hơn mặn hơn và cay nồng nàn hơn.

Cái kỳ lạ, cái bí quyết, cái tài hoa có lẽ nằm trong bát nước chấm chăng? Hay mỗi phần một tí. Bánh không cứng không nát, thịt không dai không ngấy, bát đũa không nhờn không hôi...và cả cái mong chờ, nhìn xem, trong khi phải ngồi đợi giữa gió rét căm căm.

Ăn một đĩa bánh cuốn bốn năm chiếc, trọng lượng không nhiều, chỉ bằng nửa bát phở hoặc một cái bánh giò. Ai cần ăn no xin mời đi tìm món khác. Bánh cuốn bà Hai Tầu là để ăn chơi, ăn cho vui, ăn cho thích, ăn cho thú vị: ăn bằng cảm giác nhiều hơn. Có lẽ vì thế mà khách ăn bánh cuốn cũng không nhiều lắm. Mỗi tối bà chỉ bán một chậu bột, chừng mấy cân, là dọn hàng.

Có thể gặp ở đây các loại công chức bậc từ trung đến dưới trung, diễn viên sân khấu, mấy đôi vợ chồng mới cưới, mấy bác sĩ mới ra trường chưa nguôi nhớ đời sinh viên không vợ, mấy nhà thơ nhà văn quen lấy đêm làm ngày, những nhạc sĩ chờ lắng nghe âm thanh vào khuông nhạc...

Ít gặp ở đây những dân quen phè phỡn tiệc tùng, những tay bợm rượu, những người lao động cần ăn no, những người ăn vội để lấy sức.

Cuộc sống bao thay đổi. Có bao món ăn mới, sang trọng cầu kỳ. Cửa hàng bánh cuốn bà Hai Tầu không còn nữa. Nó đã có, đã tồn tại trong trí nhớ nhiều người như một nét hào hoa thanh lịch, tuy công phu mà không cao ngạo.

Bánh cuốn Thanh Trì ngon cách khác. Bánh cuốn đổi ở chợ về ăn thay cơm ngon cách khác. Bánh cuốn bà Hai Tầu có cái riêng, cái khác biệt của người khéo làm, của người sành ăn.

Mất đi, thật đáng tiếc. Không phải là hoài cổ, mà là ôn lại cho nhớ, cho yêu thêm Hà Nội. Nó cũng phần nào như nói đến thổi cơm bằng rạ, khi cơm cạn phải đốt một vòng trên vung, lửa bùng bùng. Khi bắc cơm ra phải dùng chổi quét vung, và mở nồi cơm thế nào cũng có ít tro vương vào. Đó là cơm hớt. Công việc ấy đã có từ ngàn đời đáng yêu. Nhưng nay có nồi cơm điện tự động, chín thì tự ngắt điện, nguội thì hâm lại. Lại có cả nhạc báo hiệu cơm chín, tiện hơn. Không thể vì yêu nồi cơm bằng rơm rạ mà phủ nhận thổi cơm bằng nồi điện tự động... nhưng cũng xin chớ vì có nồi cơm điện mà coi khinh nồi cơm thổi bằng rơm rạ của ông bà.

Nó cũng như đã có ổ rơm, nay lại có đệm mút, có chõng tre nay có xa lông, có hoa nhài, ngọc lan, nay có nước hoa "mộng vàng", "thần tiên"... Không thể vì cái này mà phủ nhận cái kia. Mỗi thời có một nét riêng của nó, cái tinh hoa của nó.

Chỉ mong sao cái hay, cái tài... vẫn được giữ gìn để cùng tồn tại song song với cái mới đang hình thành.

Riêng món bánh cuốn bà Hai Tầu có lẽ đã mất đi hẳn. Đó là điều đáng tiếc.

1989

Nhớ ai như nhớ...

Rất tán thành chủ trương bỏ thuốc lá thuốc lào, bởi nó có hại cho sức khỏe, chả nên khuyến khích mọi người dùng. Người viết bài này xin được không đề cập khía cạnh y học của thuốc lào, mà chỉ xin nói đến mặt tình cảm của nó.

Đọc câu ca dao:

Nhớ ai như nhớ thuốc lào

Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên...

cứ thấy thương thương cái anh chôn điếu, quyết tâm đưa ma một mối tình, quyết tâm dứt bỏ, đoạn tuyệt nỗi nhớ... vậy mà như quỷ ám ma trêu day dứt, hoang mang, bần thần đến thẫn thờ... anh đành thất hứa với mình, mê muội đi vì nỗi nhớ nên đành tìm lại đến người yêu, nối lại mối duyên tơ tưởng là đứt đoạn.

Khổ cho chàng trai tương tư ấy, chẳng đến nỗi phải dùng thuổng, dùng mai, mà chỉ đào vào lòng mình, hú hồn gọi một niềm say. Không hiểu một ánh mắt cô gái và cái khói của *tư tương thảo* nó có giống nhau không, nó có ma lực gì, mãnh lực thế nào, uy lực ra sao khiến người ta phải điêu đứng vì nó thế.

Hình như chưa có sử sách nào ghi chép về xuất xứ hoặc ngày nó được du nhập vào nước ta, ai là người đầu tiên dùng nó, ai là người đầu tiên say ngã dúi vào ba ông đầu rau trong bếp.

Đọc "Pie đệ nhất" của A.Tôlxtôi, thấy ông Sa hoàng này đã ra lệnh cho tất cả triều thần phải cắt trụi bộ râu truyền thống và buộc các quan phải tập hút thuốc lá trong khi cả triều đình và cả nước Nga phản đối.

Ngày nay, ai thống kê chính xác xem có bao nhiêu đàn ông trên thế giới hút thuốc lá. Riêng nước ta, bao nhiêu phần trăm dân số hút thuốc lào, trong khi có đến bảy mươi, tám mươi phần trăm là nông dân.

Giữa cánh đồng gió như dao cắt, nước như kim châm, tấm áo mỏng buốt cả ngực... được "họ" con trâu lại, tạt vào bờ, thổi bùng cái nùn rơm vào chiếu đóm nỏ, rít dài một hơi thuốc lào... chỉ riêng tiếng kêu vang của điếu cày đã đủ ấm cả cánh đồng, chứ đừng nói bàn tay tê buốt, ống chân rụng rời, má môi tím tái... Có lẽ vì thế mà nhớ ai như nhớ...

Hút thuốc lào phải cần đến điếu. Sang nhất là *điếu ống,* có cái cần trúc cong vút có đốt như những khúc xương nhỏ, mầu ngà. Điếu hình trụ, có khi còn khảm xà cừ, và đương nhiên "quan" đi đâu, có người bưng điếu theo hầu.

Giai thoại kể rằng: một cậu ấm con quan ở thành Nam, chẳng may cha thất lộc sớm, cậu ở với mẹ. Phu nhân, mẹ cậu lại còn trẻ, hay đi lễ đền nọ phủ kia, nên đã thất thân với một nhà sư ở Phù Luông, vậy mà đi đâu cậu vẫn nghênh ngang kẻ bưng điếu, đứa bưng tráp theo hầu. Nhà thơ Tú Xương thấy gai mắt, liền có câu thơ:

Thôi đừng điếu tráp nghênh ngang nữa

Thằng tiểu Phù Luông nó chửi mày.

Cái động từ mà người đàn ông dùng để chửi ấy, sao mà đắc địa, thâm thuý đầy hành động và cũng quen thuộc đến thế. Không

thể có trường hợp thứ hai trong văn học có câu thơ như câu này của ông Tú Vị Xuyên.

Điếu bát là thông dụng nhất. Giản tiện thì đặt trong bát ô tô. Thông thường là bát chuyên dùng, tiện bằng gỗ, miệng loe ra để hứng tàn. Cái thông nõ bằng dây đồng, còn uốn một đầu hình hoa thị, vừa đẹn vừa dễ cầm. Lại còn cái chổi đót con tí để quét miệng điếu.

Nếu điếu ống thường được đặt trên án khảm, trên bàn gụ, trên sập chân quỳ thì điếu bát thường chỉ "ngồi" trên mặt chõng tre, mặt chiếu ngay trên giường, giữa sân, có khi còn ngay đầu hè.

Đã có câu đố trẻ em về cái điếu: Châm đầu ông Táo, đối đầu ông tu, sấm chạy ù ù, cờ bay phấp phới...

Người hút điếu ống thường áo sa, áo đoạn. Còn người hút điếu bát chỉ áo dài thâm, áo khách ngắn.

Thuở nhỏ trẻ thơ nào mà chẳng ác cảm với cái xe điếu. Tại sao lại gọi là xe điếu? Từ điển Tiếng Việt cũng chỉ giải thích: Xe điếu: ống dài cắm vào điếu thuốc để hút thuốc lào. Sợ cái xe điếu vì nó thành con lươn quắn vào mông, mấy ngày chưa lặn, mà nó cứ nằm ngay trong tầm tay của người lớn, ngay giữa nhà.

Đã có một chuyện vui: ông lý trưởng và ông phó lý ở làng nọ vốn ghét nhau. Trong một bữa cỗ, ông phó lý nói: "Cụ Lý, ném hộ tôi mượn cái điếu". Thế là ông Lý, thẳng tay ném cái điếu bát sang, trúng giữa mặt ông phó Lý. Tai hại là cách dùng từ "ném". Cũng như nhiều người quen nói: Tôi không "ăn" thuốc lào...

Loại điếu phổ cập, dễ làm, dễ kiếm, dễ mang theo là *điếu cày*. Hẳn nó thường được theo anh lực điền ra đồng. Cây tre Việt Nam đâu chẳng có. Một đoạn tre, thế là anh có người bạn đi theo.

Người hút điếu cày thường lam lũ, chân lấm tay bùn, nâu sồng dân dã. Nay, không chỉ nông thôn, mà giữa Hà Nội, cái điếu cày đã thành phổ biến ở hàng ngàn hàng nước khắp hơn ba trăm sáu mươi phố phường. Anh phóng viên, nhà thơ, họa sĩ, ông xích lô, cậu số đề, diễn viên chèo, thầy giáo cấp hai.. ghé vào vỉa hè,với tay một cái, làm một hơi. Cái điếu cày làm quen với tất cả mọi người.

Nhìn cái điếu cày có cái chân choãi ra, mới càng phục ai là người đầu tiên đã đặt tên cho nó là Badôca. Ở dọc phố hồ Thuyền Quang, đường Lê Duẩn, có những người chuyên bán điếu cày. Ngồi buồn, ông ta còn trổ nào con rồng, con phượng, nào hoa lá, mây bay. Cái điếu có thể bày trong nhà làm một vật trang trí, như sinh thời, nhà thơ Trần Huyền Trân có nhiều loại điếu này cùng những đồ dùng bằng tre trúc khác từ cái gạt tàn, cái ghế đến lọ cắm hoa ...

Cầm cái điếu cày lên, vỗ mạnh một cái vào miệng điếu, hoặc thổi một hơi cho tàn bật ra, dịt một mồi thuốc, kéo một hơi dài... người cẩn thận còn hơ đóm quanh miệng điếu, ý giả để sát trùng. Cái điếu cho một cảm giác khoan khoái, mê say, nên sự đào điếu lên là có lý lắm.

Cách đây mấy chục năm, có câu: "nước vối Sơn Tây, điếu cày Hà Nội". Hẳn đó là những thứ tuyệt hảo? Nay thì sao?

Có lần tôi đã dùng một con tầu đánh cá đi biển dài ngày. Lúc khởi hành, thủy thủ nhắc nhau: "Cái điếu đâu? Đừng quên cái điếu nhé", mới thấy cái điếu quan trọng như thế nào.

Đôi khi vào chơi nhà ai quá sang trọng với những đồ đạc bóng lộn tân kỳ, không có điếu, cơn nghiền nổi lên, đành xin chủ nhân một mảnh giấy, cuộn con sâu kèn, làm một điếu cho tạm nguôi nỗi

nhớ, giống trên đường xa, không hàng quán, cái thèm thuốc nó cồn cào trong dạ, phải ngắt một dảnh lá chuối, cuộn thành chiếc điếu cày thô sơ mà hút. Hút thuốc lào kiểu này, nó chỉ kêu xìn xịt, rất nóng. Cái vui, cái sảng khoái chỉ còn một phần nhỏ. Tương tự như phải hút thuốc bằng thứ đóm tre tươi, châm mãi không bén, cứ tắt luôn, vô duyên đến bực mình.

Đóm tre ngâm, chẻ mỏng, phơi thật nỏ, châm một lần, nó cháy đến hết. Có mải nói chuyện, nó cũng tự cháy đến tận ngón tay, làm người hút thuốc phải châm cái khác. Đóm thế mới là đóm của thuốc lào. Loại đóm diêm bằng gỗ bồ đề cũng tốt, thuận tiện hơn.

Nói đến thuốc lào có thể nào không nhắc đến những cái hộp đựng thuốc. Ăn bưởi, bổ đôi quả, giữ hai mảnh vỏ lành lặn như hai bán cầu. Vừa ép vừa phơi, vừa cho vào khuôn, mươi ngày sau sẽ có một cái hộp chỉ to vừa bằng bàn tay. Đựng thuốc lào vào đây, thuốc không khô xác, lại có mùi thơm của hương quả bưởi. Không có cái hộp cầu kỳ ấy thì cho một mảnh vỏ quít vỏ cam vào gói thuốc lào cũng tàm tạm, nhưng không phải là người kỹ tính. Nay, gói ny lông, thuốc tạp nham. Người ta dễ tính thật.

Không hiểu sao ai cũng sợ đánh đổ điếu. Phải chăng sợ cái mùi nước điếu? Nhiều người tin rằng đánh đổ điếu thế nào cũng xảy ra chuyện không may, ít ra là cãi nhau. Thành tục lệ, người ta nhổ một bãi nước bọt vào chỗ nước điếu, như một lời *phỉ phui* mới yên tâm.

Có câu chuyện vui kể rằng có một cán bộ ta được ra nước ngoài lần đầu. Ông vốn là nông dân trăm phần trăm nên cố giắt theo cái điếu cày.

Khách sạn loại ba bốn sao, sang lắm. Cô phục vụ vào phòng làm vệ sinh, lỡ tay đánh đổ, nước điếu vung ra nhà. Cô hốt

hoảng vì không hiểu cái dụng cụ bằng tre ấy để làm gì mà lại có một dung dịch kinh khủng như vậy. Cô báo động, giám đốc khách sạn cũng không hiểu, phải nhờ mấy giáo sư hóa học lấy mẫu về phân tích... Ông khách đi họp về cũng hốt hoảng không kém... Hạ hồi ra sao, chúng ta tự đoán ra, có thể đây chỉ là câu chuyện ít người biết.

Vùng Kiến An, Tiên Lãng (Hải Phòng) vùng Kẻ Sặt (Hải Hưng) chuyên trồng thuốc lào. Người ta bón cây bằng phân bắc tươi, nên khách đến đây thường gặp những đám mây ruồi khổng lồ bao vây. Tưới cho thuốc, có những cái gầu bằng cả nửa quả bầu có cán thật dài. Phơi thuốc thì phải có hàng chục hàng trăm cái nong cật. Thuốc thành phẩm được đóng thành "bánh" có khối chữ nhật, to khoảng chiếc gối mây. Chúng sẽ đi khắp ngang cùng ngõ hẻm, lên cả những vùng rừng núi xa xôi.

Lạ thật, cái thứ lá cây phơi khô ấy đã thành một thứ không thể thiếu được của hàng triệu con người. Nó là thói quen xấu hay là một nếp văn hóa lâu đời? Nó là đối tượng cần loại trừ theo quan niệm của thầy thuốc hay đáng nghiên cứu của nhà xã hội học? Xin tuỳ.

Được biết nó có hại thật đấy, nhưng bác bỏ nó quả là khó... khó như đã chôn nó rồi mà vẫn cứ phải đào lên, đúng là *"nhớ ai như nhớ..."*

Cái đám ma chôn thuốc lào ấy, không biết đã được cử hành đến lần thứ bao nhiêu triệu, mà đến nay vẫn có nhiều người làm bạn với thứ *tương tư thảo* đông như thế.

Người viết bài này không phải là đồ đệ của thuốc lào vì bị vợ cấm. Mà sợ vợ, thiết nghĩ, cũng không phải là điều xấu chứ nhỉ.

5-1991

Tản mạn về chơi

Nguyễn Du từng viết: *"Nghề chơi cũng lắm công phu"*. Và nhiều người bây giờ cũng hay nói: "Ăn chơi phải tốn kém". Mỗi thời kỳ hay mỗi giai đoạn, cách chơi, đồ chơi, thú chơi đều khác nhau. Đương nhiên thế.

Anh trọc phú có cái chơi của anh trọc phú. Cậu học đòi làm sang có cái chơi của cậu ta. Ngày cô gái bán mình cũng có cách chơi riêng của mình và người bình thường thì hay gặp nhau trong những cái thú chơi phổ thông. Mỗi người có thú chơi, mỗi thành phần, mỗi địa phương cũng vậy. Có lẽ không nên và cũng không thể áp đặt, phê phán. Chỉ có điều chơi là thú vui tinh thần, là một mặt của đời sống văn hóa, là thể hiện tình người, thể hiện trình độ văn hóa giáo dục và cả kinh tế nữa. Vậy thì không nên lao vào thú chơi để bị chê cười.

Có thời có những người mê chơi cờ bạc, mê chơi đua ngựa, mê chơi xe đạp (lúc ấy xe máy còn rất hiếm) mê chơi sập gụ tủ chè, mê chơi hát cô đầu, mê chơi gà chọi... Đã có câu:

Cờ bạc là bác thằng bần

Cửa nhà bán hết tra chân vào cùm

để phê phán lũ mê chơi cờ bạc. Hoặc "y phục xứng kỳ đức" để phê phán cách đua đòi ăn mặc, bắt chước kiểu này kiểu nọ, cố

học làm sang mà vung tay quá trán. Hoặc nhắc nhở người mê chơi cô đầu:

Cô đầu lấy quan quan cách

Lấy khách khách về tâu

Lấy nhà giầu nhà giầu hết của...

Những ngày hôm nay ra đường gặp nhiều cách chơi đập ngay vào mắt người ta. Đó là những người chơi đồ ngoại: giày Thái, kính Đức, quần bò Mỹ, áo thun Hồng Kông, xe cúp Nhật, thuốc lá Ăng Lê... Có người chơi để khoe của, cũng có người chơi buôn, khi được giá, cởi phăng luôn bán luôn, kiểu nói: "xong ngay", trao tay ngay cái đồ chơi của mình, mai lại tìm cái khác, theo kiểu Chichomex. Lạ lùng có kẻ chơi ngông: chơi chó. Không kể có thầy giáo phải nuôi lợn, nuôi chó để cải thiện, Hà Nội có ngày đã ầm lên một kẻ tham ô chơi chó, khi chó của hắn chết, hắn bắt tất cả những nhân viên dưới quyền nghỉ để đưa ma con chó ấy, kiểu như xưa người ta cho nhân viên nghỉ để đưa ma bố mẹ quan vậy.

Bên cạnh những cái rởm đời, hãnh tiến học làm sang, đua đòi, bắt chước, ngoại lai, nhăng nhố... người Hà Nội vẫn có những thú chơi thanh cao tao nhã...

Có người chơi hoa, hoa tươi chứ không bao giờ chơi hoa giả bằng nhựa hay nhung lụa cũng thế, chơi cây cảnh, cây thế, cá vàng để tạo một khung cảnh thiên nhiên nhỏ, có môi trường trong lành cho mình, có người sưu tầm tranh nguyên bản của các họa sĩ, chứ không bao giờ cắt ở họa báo ra, có người chơi sách, có đọc thực chứ không chỉ để bày bán trên giá, có người chơi tem, chơi nhãn thuốc lá, chơi chim v.v...

Nghề chơi hay thú chơi nào cũng cần nhiều thời gian, phải tốn kém (ngay tình yêu cũng cần thì giờ và cũng không phải là

không tốn kém) và cần có sự hiểu biết sâu về thú chơi mà mình ưa thích.

. Người chơi cây thế phải biết thế cây là gì, cây nào thì trồng chậu nào, cây nào thì có thể dễ uốn, kỹ thuật ghép cây, chăm bón thế nào.

Người chơi chim được quen một cụ cao tuổi chơi phong lan. Loại địa lan thôi. Lan hay bị muội. Sáng sáng cụ phải quấn bông nõn vào hai ngón tay chỏ và giữa, tẩm nước điếu, lồng từng lá lan vào kẽ hai ngón tay, tuốt đi tuốt lại nhẹ nhàng vài lần cho hết muội, sau đó lại thay bông, lần này tẩm nước mưa, cũng tuốt như vậy, rồi tưới nước cho lan tươi, có nước rửa mặt tưới càng tốt, nếu không thỉnh thoảng phải tưới bằng nước vo gạo pha loãng. Công phu là thế. Khi lan nở, cụ pha trà mời mấy ông bạn già đến thưởng thức ấm trà bên chậu lan, tưởng như trà được ướp hương lan ngay trong vườn, cái vườn nhỏ mấy thước vuông thôi, thiên nhiên được ấp ủ trong trà hay hương trà lan tỏa vào thiên nhiên, có giò lan đang nở hay lay động trong sương mờ...

Lại có người tuy không sung túc lắm, nhà cửa chật chội như hàng vạn người Hà Nội khác, anh chơi hoa. Vài bông hoa. Có khi chỉ cần một bông thôi, cứ thay đổi nhau vài ngày một lần, cắm trong cái bình nhỏ, làm cho căn phòng sáng sủa tươi mát hẳn lên, mặc dù có khi anh sẵn sàng quên ăn sáng để lấy tiền mua hoa. Hoa hồng, cẩm chướng, xu xi, đồng tiền, có khi là hoa súng, hoa cúc, hoa lưu ly... không bao giờ anh cắm một thứ hoa hai lần liền. Có khi không chọn được bông hoa vừa ý anh hái một nhánh lá đuôi phượng, địa y, dương xỉ mọc hoang dại ở góc tường cớm nắng nào đó, bẻ một nhánh lá trắc bách diệp có màu xanh bạc hoặc xin một nhánh vạn niên thanh lá có hình trái tim... cắm vào cái lọ cái bát nho nhỏ, cũng đủ có thiên nhiên trong căn phòng bé nhỏ.

Có người chơi tem. Không bao giờ chịu ra hiệu sách mua tem để sẵn trong những cái túi nhỏ xíu, anh thường đi xin, đi tìm, đi trao đổi để có được con tem quý hiếm, để mỗi lần giở cuốn an bom tem ra, nhớ lại hình ảnh bạn bè, con tem này xin của người ấy, người nọ, con tem kia xin ở đâu, lúc nào v.v... Giở cái kính lúp ra soi, bao nhiêu là thiên nhiên phong cảnh, con người, sản vật của bao nhiêu nước hiện lên khuôn hình bé nhỏ đã vượt bao nhiêu dặm trùng dương đến với người chơi tem. Thật thú vị và cũng thật thanh tao, nâng cao thêm được bao hiểu biết, gần bằng được đọc cuốn sách hay. Mua tem ở hiệu sách thì thường dễ đủ bộ, có ngày tháng phát hành v.v... nhưng đó là thứ ăn sẵn, mất đi bao nhiêu hồi hộp.

Chơi tem chơi sách là thể hiện trình độ. Không hiểu những người hay chửi thề, văng tục thì họ có coi đó là một thú chơi không nhỉ? Chơi chửi tục? Kỳ thật.

Có người một chữ tây bẻ đôi không biết nhưng lại dại dột mặc áo thun, ở ngực in rõ bằng mực đỏ mực đen mấy dòng chữ tây tầu: "Hãy hôn tôi đi", "Hãy làm tình với tôi đi"... hoặc làm quảng cáo không công cho một hãng nào đó.

Cũng có người đem chính bản thân mình làm trò chơi cho người khác, đó là có cô da đen xì nhưng lại nhuộm tóc đỏ như râu ngô làm trò cười cho thiên hạ, hoặc cao gầy quá nhưng lại mặc cái váy quá khổ khiến thân hình như cây chuối hột, ai cũng phải nhìn như một thứ gì lạ lắm. Tội nghiệp cho người không biết cách chơi là vậy.

Hoặc có cô gái da đã trắng đẹp nhưng lại đem trát phấn như quét vôi, lạm dụng son phấn đến mức thái quá, làm người qua đường không muốn cũng phải bình phẩm vì quá chướng mắt. Đánh phấn, tô son, chẳng hại gì, điểm thêm một chút nước hoa

thoang thoảng càng tốt, nhưng cái gì vừa phải mới là hay, hoặc như cô gái sơ xuất, chỉ đánh phấn cái mặt, còn hai tay, cái gáy, cái cổ vẫn như cục than thì chỉ tạo ra sự tương phản khó coi mà thôi. Cách chơi ấy chỉ tự hại mình.

Cũng lạm bàn thế thôi. Bách nhân bách tính, ai có điều kiện, ai có sở thích thế nào, xin tuỳ. Chỉ có điều người Hà Nội xưa nay vốn thanh lịch, phong nhã, hào hoa. Đừng vì cách chơi của mình để bị chê cười và làm xấu lây cho Hà Nội.

1989

Xem hát

Có một câu nói vô lý: "*Xem hát*". Để nghe sao lại nói: để xem. Nhưng rồi mới thấy câu nói thật giỏi. Xem còn quan trọng hơn nghe.

Từ lâu cái khu phố tập trung những rạp hát Sán Nhiên Đài, Quảng Lạc, Sầm Công, Hiệp Thành, Tố Như... với những đoàn, những ban chèo, tuồng rồi cải lương... là niềm vui cho bao người mỗi tối rủ nhau đi xem hát.

Ông thông, thầy ký, bà "la ghim", bác hàng khô, anh bốc vác. cậu nhỏ, cô sen, chị hai khâu đầm, chen chúc nhau để nghe xem, để say mê; để bình phẩm về sắc đẹp, về ánh đèn về câu chuyện lâm ly thảm khốc về số phận những con người, về cả son phấn, mũ mãng cân đai của công chúa, tiên nga, hoàng tử, hoàng hậu quân vương, tên nịnh người ngay...

Các loại rạp này có loại vé đứng hai xu năm xu, khoảng một phần mười giá vé hạng nhất. Dân áo vải làm thuê tha hồ đứng lố nhố, vừa xem vừa cấu chí nhau trong bóng tối mà không bao giờ có ai kêu cả.

Không ai biết đến ông thầy tuồng (đạo diễn) nhưng ai cũng vanh vách thuộc tên đào kép: Khánh Hợi, Ái Liên, Sĩ Tiến, Kim Chung, Sỹ Hùng, Huỳnh Thái, Anh Đệ, Lan Phương, rồi Mộng Dần, Tuấn Sửu, Kim Xuân.

Minh Trí, Giang Long Phúc (Giang Long Phúc còn làmột tay đua xe đạp nổi tiếng), Ngọc Dư, Lệ Thanh, Lê Chiêm... với những tích Trà án Bàng Quý Phi, Tứ Đổ Tường, Mạnh Lệ Quân, Lưu Bình Dương Lễ, Dự Nhượng đả long bào, Lã Bố hí Điêu Thuyền, Trảm Trịnh Ân v.v...

Có nhiều ông phán hoặc công tử nhà giầu tối nào cũng có mặt bởi chết mê chết mệt một cô đào thương nào đó. Có lắm bà "la ghim", cô khâu đầm ốm lăn lóc vì giọng ca anh kép. Tích Mồ Cô Phượng đã làm chảy khá nhiều nước mắt các chàng các nàng, nhất là lớp khán giả bình dân.

Người xa về Hà Nội chơi, thế nào chủ nhà cũng phải đưa đi xem hát. Tan rạp phải làm một chầu cao lâu. Sang thì thứ nọ thứ kia, xoàng thì bát mì vằn thắn, bát phở tái gầu tái sách, chiếc bánh bao tầu...

Các đôi nhân tình rủ nhau hoặc dối nhà đi xem, thế nào trong tay cũng có gói hạt dưa, hạt bí, hạt dẻ, lạc rang, miếng bưởi, gói ô mai để nhấp nháp, tí tách trong khi xem. Xung quanh các rạp nhan nhản hàng quà đủ loại, trong cửa hiệu, trước cửa hàng, cái chân ca trên cái mẹt, cái khay, ngọn đèn dầu, đèn như sao sa, tiếng chào mời rối rít.

Mùng một đến mùng bốn tết, người ta đi bói tuồng. Những hôm ấy rạp không thông báo vở diễn gì. Người xem chờ tích vui vẻ nhất là có hậu, có đào kép đẹp, giọng ca mùi... vì vậy rạp thường chọn vở hay, may nhiều hơn rủi, rạp chậtních, vé đứng cũng hết, bởi ai cũng mong niềm vui đến chứ không ai chờ xự xúi quẩy.

Khách đến xem đủ thành phần. Người diễn chiều khách, nay gọi là thị hiếu không ai băn khoăn chức năng giáo dục thẩm mỹ như nay cứ phải đặt ra.

Nếu khu vực Sầm Công, Đào Duy Từ, Hàng Giầy là gương mặt đời thường thì nhà hát Tây - Nhà Hát Lớn - lại khác.

Phòng khán giả chỉ có hơn sáu trăm ghế, lan can gác bọc nhung, lô có rèm che viền vàng, chuồng gà (tầng thượng) cũng đầy đủ ghế. Không có một khán giả nào được đứng. Sân khấu rộng rãi bề thế. Rạp kiến trúc kiểu Pháp, toàn vòm cuốn, âm thanh vang vọng, thời đó chưa có máy phóng thanh, diễn viên vẫn nói cho cả người ngồi chuồng gà nghe rõ. Không dùng quạt vì sợ loãng âm thanh, nên nhà hát chỉ mở cửa mùa xuân và mùa thu tạm gọi là mùa kịch, xuân thu nhị kỳ, nói theo dân tài tử chơi kịch.

Những buổi biểu diễn ở Nhà Hát Lớn thường trang trọng. Các đoàn kịch thường là nghiệp dư, sống bằng nghề khác, thích thì tập hợp nhau lại chơi, và xong một mùa, một vở kịch lại giải tán, trừ đoàn Anh Vũ - Thế Lữ gần như thành chuyên nghiệp, nhưng cũng không được bao lâu.

Tuy là nghiệp dư, nhưng hầu hết xuất thân thành phần khá giả, có trình độ, có học vấn, có tài năng và sau này đều nổi tiếng, có đóng góp to lớn cho nền kịch Việt Nam: Thế lữ, Song Kim, Đoàn Phú Tứ, Trúc Quỳnh, Minh Tâm, Linh Tâm, Việt Hồng, Đào Mộng Long… và sau này lại xuất hiện một loạt các tên tuổi khác.

Khách xem là loại chọn lọc: công thức cao cấp, nhà tư sản, trí thức, sinh viên, bác sĩ… Họ thường ăn mặc lịch sự, com lê, càvạt, giầy bóng lộn, đi đứng nói năng nhẹ nhàng khoan thai, khi xem không hút thuốc, không nói chuyện, cần trao đổi với người bên cạnh chỉ thì thầm; ai ho lấy khăn mùi xoa thơm phức bịt miệng. Nữ thì áo dài quần trắng, cổ đeo kiềng vàng, chuỗi hạt, khăn quàng, son phấn, nói cười duyên dáng ý tứ.

Không ai đội mũ, mặc may ô, cởi trần, bởi sẽ bị mời ra ngay.

Vào cửa mỗi khán giả được phát tờ chương trình, in lược chuyện kịch, tên tác giả, đạo diễn, diễn viên... sắm từ vai chính đến vai phụ. Mua vé cũng chọn chỗ ngồi theo ý muốn chứ không à uôm một cách bất kỳ.

Tuy vậy tầng ba, chuồng gà, loại rẻ tiền nhất, thường đông khán giả là sinh viên học sinh trốn vé, nhiều anh trèo ống máng vào xem; chỉ cần phải tránh mặt lính cứu hỏa. Bị bắt cũng phiền. Loại khán giả này ầm ỹ hơn, tinh nghịch hơn. Nhất quỷ nhì ma mà. Nhiều cậu còn dùng ngay tờ chương trình gấp thành tầu bay cho liệng xuống tầng dưới, nhưng cũng chỉ dám đùa đến mức ấy, không quá trớn.

Nhiều người còn giữ ấn tượng sâu sắc những vở đã được xem từ hồi còn trẻ: *Chén thuốc độc, Kim Tiền, Ông Ký Cóp, Cái tủ chè*, những vở kịch thơ: *Kinh Kha, Lên đường, Quán Thăng Long, Viễn khách* và sau nữa là *Bến nước Ngũ Bồ, Vân Muội, Tâm sự kẻ sang Tần*... với giọng ngâm thơ sang sảng hiếm có của một Văn Phú đĩnh đạc, cách diễn say sưa của một Lê Khang... Diễn viên hài nổi tiếng hiện nay Trịnh Thịnh lần đầu tiên trong đời xuất hiện trên sân khấu Nhà Hát Lớn trong vai lính hầu, không nói một lời kịch nào.

Hà Nội không có nhiều rạp hát. Khu vực Sầm Công phải diễn thường xuyên ba mươi đêm mỗi tháng. Buổi chiều thường có cổ động, chiêng trống, diễn viên đã hóa trang, trang phục thành nhân vật, tất cả ngồi trên mấy chiếc xe tay, sau này là xích lô, đi rong phố để quảng cáo cho đêm diễn. Vì một lý do nào đó đêm không có buổi diễn thì cả khu vực hoang vắng, như tiêu điều hẳn đi. Các nhà rong vắng khách. Các hiệu cao lâu, lạnh lẽo, cả các ổ có bàn đèn cũng quạnh quẽ trong bí mật. Và dân nghiền xem hát bỗng thấy hụt hẫng như mất một cái gì.

Nhà Hát Lớn khác hẳn. Gần như quanh năm im ỉm, cửa đóng then cài, cao xa bắc bậc. Người xem kịch năm nay còn nhắc lại vở diễn của mùa kịch trước ít có khán giả xem lại vở đã xem như ở Sầm Công, và thường họ thưởng thức một cách khó tính, tinh vi hơn.

Có năm đoàn ca nhạc Sài Gòn biểu diễn, Trần Văn Trạch làm tiếng chó sủa mèo kêu, pha trò bằng cách tự thổi tro vào mồm, ít được khán giả hưởng ứng. Các lô hầu như im lặng. Buồn.

Năm 1955 tại khu vực Đấu Xảo cũ, một nhà hát ngoài trời đầu tiên được xây dựng: Nhà hát nhân dân, khoảng năm nghìn chỗ ngồi. Nhiều đoàn ca nhạc quốc tế đã diễn ở đây, và nhiều người còn nhớ đoàn kịch trung ương diễn vở: Luba, Mở cống nông giang, Một đảng viên, vở cải lương Dệt Gấm, Khuất Nguyên... Hình như ca sĩ Quí Dương cũng xuất hiện lần đầu tiên trên sân khấu này với bài hát về Ma ti ních thì phải.

Người Hà Nội vốn rất thích xem hát. Các đoàn văn công phát triển mạnh. Nhưng lâu nay đi xem hát là điều rất ngại của nhiều người. Đó cũng là điều làm cho nhiều đoàn phải chật vật, làm mất đi nét văn minh lịch sự của người Hà Nội, mất đi một thú vui tao nhã, thanh lịch và văn hóa. Băng hình, vô tuyến cạnh tranh, nạn phe vé, rạp mất trật tự, mất an ninh, bọn đầu gấu làm ồn... người Hà Nội thấy thà ở nhà còn hơn.

Chất hào hoa của Hà Nội đâu có mất, chẳng qua đang bị cái xô bồ lấn át. Đi xem hát cũng đang bị lấn át như vậy. Thưởng thức nghệ thuật mà cũng là góp phần trực tiếp sáng tạo nghệ thuật, nghệ thuật sân khấu là thế, nhưng người thanh lịch đành chấp nhận sự mất mát đáng ra không nên có ấy: đi xem hát có khi mang họa vào thân. Thật bùi ngùi khi nói chuyện không vui ấy. Hình như người ta đang cố sửa sai.

1991

Ca nhạc ở nhà

Người Hà Nội rất thích nghe nhạc. Không kể những buổi hòa nhạc, biểu diễn ở Nhà Hát Lớn, Nhà Kèn... thì nhiều gia đình có phương tiện nghe ca nhạc ở gia đình từ lâu nay.

Đĩa hát một thời khá phổ biến, ở Hàng Bông, Hàng Da có mấy nhà nổi tiếng về bán đĩa hát. Lúc ấy, máy hát chạy dây cót. Lúc đầu cái loa còn để ngoài, trông giống như một bông hoa loa kèn thật to, sau mới lắp trong máy. Nhãn hiệu thường là của hãng Pa-tê (Pathé) có con chó tây ngồi chồm chỗm cạnh cái loa. Không hiểu sao hãng ấy lại lấy con chó làm biểu tượng nghe nhạc, hay coi những người nghe nhạc như... Chắc người Tây yêu chó, nên họ kính trọng con chó vậy.

Thời ấy, cách đây dăm sáu chục năm, cái micrô còn là vật rất hiếm rất lạ. Một số hàng thuốc lậu, thuốc ho, thuốc đau bụng, thuốc đau răng, thường dùng cái ô tô hòm màu đen, mắc ngầm cái micrô, rồi đặt vào một cái hoa sen, trong đó chỉ ló ra cái đầu người. Khi micrô chạy, thành ra cái đầu lâu biết nói. Dân chúng những vùng xa, ngoại thành ngạc nhiên, lạ lùng, xúm đông xúm đỏ xem như xem phép lạ, rồi mua thuốc. Không hiểu thuốc có khỏi bệnh không, nhưng mấy hãng này xây được hàng chục căn nhà. Cái đầu lâu còn biết hát. Chính là máy hát phát ra mà thôi.

Đĩa hát có nhiều loại. Người ưa nhạc cổ thì có đĩa cải lương các vở quen thuộc như *Xử án Bàng Quý Phi*... có vở còn có cả

tiếng chó cắn, tiếng rao hàng lồ mai phàn... Danh ca được ưa chuộng là những Ba Vân, Tư Chơi, Năm Châu, Bẩy Nhiêu... Phùng Há, Năm Phỉ, sau đó là Ái Liên, Huỳnh Thái v.v...

Người "tân tiến" thì ưa nhạc mới hơn, chẳng hạn bà Ái Liên hát bài tây lời Việt "Tôi có hai tình yêu" (Dè dơ già mua), hoặc các giọng tây chính cống: Yve Montant, Tinô Rôtsi...

Cái máy hát lúc gần hết đà, đĩa chạy chậm lại, lời ca thành trầm xuống, nhạc méo đi, nghe rất buồn cười. Chủ nhân phải chạy vội đến cầm cái ma ni ven kền sáng loáng quay vài chục vòng, máy mới lại chạy bình thường. Thường ra cứ một mặt đĩa là phải vặn dây cót. Tiếng ca nhạc của máy hát bao giờ cũng hơi the thé, không trung thực lắm.

Khi Nhật sang, chúng bắt mọi nhà có ra đi ô phải hàn tịt tất cả mọi dải tần số khác, chỉ được phép nghe một làn sóng chúng kiểm soát, nhạc cũng nghèo nàn dăm ba bài cũ rích, phổ biến là bài hát *Đêm Trung Hoa,* nhạc khá hay, không có lời Việt.

Dần dần từ Đài phát thanh, từ những đĩa hát mới, một loạt bài hát mới ra đời. Lúc đầu người ta gọi nhạc này là nhạc *cải cách* để phân biệt với nhạc cũ như tuồng chèo cải lương. Sau, nó được gọi là nhạc mới và bây giờ nó chỉ là nhạc, như chúng ta thường nghe.

Cái máy hát cổ lỗ sĩ cũng được thay thế bằng cái máy quay đĩa chạy điện, tân tiến hơn, có thể cho to nhỏ tuỳ ý, âm thanh cũng chuẩn hơn. Nhưng đĩa hát thì chưa có gì cải tiến, vẫn là những cái đĩa nhựa màu đen, to đùng, ở giữa có dán giấy đỏ ghi tên người hát, cả người đánh đàn kìm, đàn nhị, ghi ta... và vẫn phải dùng kim. Kim chóng cùn, không mài được, lại phải lên Hàng Bông, Hàng Da mua hộp kim mới, to gần bằng bao diêm đựng khoảng trăm chiếc kim.

Lúc ấy chưa hề có máy ghi âm. Có nhà nhiếp ảnh được giải thưởng nước ngoài tặng một máy ghi âm, mà phải đành gửi trả lại vì dùng máy ghi âm là phạm pháp.

Cho đến cách đây vài chục năm máy ghi âm mới là phổ biến.

Ai có một đàn AKAI hay một đàn TECH là sang lắm hãnh diện lắm. Hai cuộn băng cối to như hai cái mặt nạ, còn nhạc thì cứ phải mở hết cỡ, bất cứ giờ nào, bất kể mọi người trong nhà cần nói chuyện trao đổi. Đủ các thứ nhạc, đủ thứ lời ca. Mới lạ mà - dần dần các cô các cậu thích loại này cũng thấy chán tai, nỉ non mãi cũng hóa nhàm.

Mười năm lại đây, máy cassette mới thật nhiều, và băng hộp nhỏ hầu như đã đến từng gia đình một, thay cho băng cối và không còn ai đem cái máy của mình ra khoe nữa.

Nghe nhạc gia đình, tuỳ theo "gu". Có nhà mở oang oang, nhất là mấy đám cưới của mấy cậu nhà giàu, mọi người nói chuyện đành phải gân cổ hét vào tai nhau, khản cả cổ, trong tiếng nhạc đinh tai nhức óc. Ngược lại có nhà chỉ mở nhạc đủ nghe, như một thứ nhạc nền vẳng từ xa, đang nghe nhạc mà có khách đến chơi, chủ nhà tắt máy ngay để tỏ ý tôn trọng khách, muốn nghe chuyện của khách.

Loại nhạc nào thích nghe cũng tuỳ. Có người thích nhạc cổ điển, thích *Đanuyp blơ, chợ Ba Tư*... có nhà thích nghe nhạc Sài Gòn cũ, có người lại thích chèo cải lương hoặc quan họ... Băng nhạc đủ thỏa mãn tất cả.

Có người hỏi tại sao thanh niên lại thích nhạc Sài Gòn cũ? Chẳng lẽ chúng ta không có nhạc sĩ nào tài năng chăng? Hay chúng ta không có bài hát nào đáng nghe? Hoặc là kỹ thuật ghi âm phối âm, phối khí của ta còn lạc hậu quá ??? Của đáng, nghe

dân ca bằng cái giọng cộng minh ồm ồm như nhạc tây thì không chịu được thật. Hoặc có ca sĩ mà người nghe chẳng biết cô ấy hát câu gì...

So với cái máy hát quay tay, đến nay là máy ghi âm tự động, tiện lợi, là một tiến bộ rất xa. Người Hà Nội thưởng thức âm nhạc với âm thanh chính xác hơn, phong phú hơn, đáp ứng nhu cầu hàng ngày.

Những "Bal phami" (Ball famille) những cây ghi ta bập bùng viôlông nghiệp dư... như đã lùi vào hậu trường.

Nghe nhạc trong gia đình đã thành phổ biến như một phong trào. Đáp ứng nhu cầu này, nhà kinh doanh có thể hốt bạc kha khá, chỉ cần nâng cao chất lượng ghi âm, bài hát, ca sĩ (rõ nhất là băng nhạc của *Trung Đức* hát bài *Em đi chùa Hương...* bán rất chạy, không biết có bao nhiêu gia đình mua băng này).

Người Hà Nội khá sành âm nhạc, nghe nhạc trong gia đình là một nét đẹp, đáng khuyến khích và phục vụ lắm chứ.

1991

Thú sưu tập

Nguyễn Du viết: "Nghề chơi cũng lắm công phu". Khi chơi đã thành *nghề* thì không thể không công phu được. Cứ thử đến gặp mấy nhà chơi cây thế, chơi sách, chơi chim...chẳng hạn thì biết. Và khi người chơi ý thức được công *việc chơi* của mình thì không thể *xổi* không thể *thì* được. Sưu tập là một thú chơi như vậy.

Có nhiều thú sưu tập. Có người chơi đồ cổ, giống hoa, nhãn diêm, nhãn thuốc lá, bưu ảnh. Có người sưu tập sách, chơi tranh. Thú sưu tập nhiều người chơi, ít công phu hơn: chơi tem.

Một bộ sưu tập công phu, dù là tĩnh vật, cũng không bao giờ là vật chết. Nó luôn lung linh, sống động tỏa hơi thở từ bàn tay người chơi, từ hồn người chơi, lây lan ra xung quanh.

Bởi người sưu tập là người ưa có bạn, ưa tìm thêm bạn, say sưa với đàm đạo, trao đổi, thích thú với cái mới cái lạ, tôn trọng cái độc nhất vô nhị, tìm hiểu cặn kẽ cái gốc tích của sự vật... có khi chỉ từ một vật thông thường mà thấy được cả triết lý cao sâu.

Sưu tập cũng là tự nâng cao mình, không thông kim bác cổ thì chí ít cũng rất sành, cũng rạch ròi cái mảng của mình.

Có nhà sưu tập có cả mảng gạch ở ngôi mộ Nguyễn Du, một chiếc bình gốm nơi cung điện vua Trần, một cái bát thời Hai Bà

Trưng (tương đương đời Hán) một chiếc đĩa đèn đời Tiền Lý (tương đương đời Đường), một cái thạp đời Lý...một chiếc đĩa đời Lê... Để hiểu những quý vật ấy người sưu tập phải có kiến thức để phân biệt, nhận định, để hiểu được nền văn hóa giai đoạn đó, thời kỳ sinh ra vật ấy, và để mà minh chứng, để giới thiệu *quý vật* với các *quý nhân.*

Có nhà sưu tập tranh, từ những tờ tranh dân gian Hàng Trống, Đông Hồ đến tranh của các họa sĩ khuyết danh, vô danh, những họa sĩ từng nổi tiếng một thời và không loại trừ sưu tập tranh của những họa sĩ đương đại, cùng thời.

Vào một căn nhà nào đó gặp Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Trần Đình Thọ, Tạ Thúc Bình, Nguyễn Phan Chánh, Tạ Tỵ, Bùi Xuân Phái, Văn Cao, Nguyễn Sáng v.v... người ta có cảm giác như thoát ra khỏi đời thường, mà lạc vào không khí của một vòm trời khác.

Mỗi con người thường để lại trong tác phẩm của mình một phần tâm hồn và tài hoa, trí tuệ. Người sưu tập phát hiện thêm hàng ngày.

Ông Đức Minh ở phố Quang Trung, ông Tô Ninh ở phố Hàng Thiếc, ông Lâm cà phê ở Nguyễn Hữu Huân... Riêng ông Lâm cà phê, lúc đầu có ý thức được việc làm của mình không chỉ khi các họa sĩ có tên tuổi đã gán tranh để thay tiền cà phê nợ lưu cữu, khiến cho quán cà phê kia biết đâu chẳng trở thành một nơi bất tử với những tác phẩm sẽ không bao giờ mất?

Một mớ tóc vấn trần dài như mây như suối, có đuôi gà ẻo lả cong như một câu hỏi ngàn đời của người con gái ấy, người thiếu phụ ấy. Một bình hoa mà nguyên mẫu đã không còn một chút dư hương, nhưng hình hài tuy tan mà bóng vẫn còn nguyên vẹn với

cái hồn tươi trinh vĩnh viễn. Một mảng phố cổ đã bị hủy diệt, thay vào đó là những cái hộp đá rửa xám xịt nghèo nàn, công thức. Một con đèo trắng bạc hoa lau đã chìm vào quá khứ khi có những bước chân đã mải thị thành mà quên hẳn dặm về có ngọn lửa rừng sưởi ấm...

Họa sĩ nào đó có ngờ đâu đứa con tinh thần của mình đẫm khói cà phê, sẽ có ngày được lau bằng nước củ hành tây, sáng lại, ra mắt cuộc đời một lần nữa trong phút phục sinh?

Người thợ gốm nào qua đời, nắm xương tàn đã thành tro bụi, đã trở về với cát bụi, có ngờ đâu sản phẩm của mình, qua lửa lò nghìn độ, lại được nâng niu bằng những bàn tay có độ nhiệt không gì so sánh.

Sinh thời nhà thơ Thanh Tịnh là người sưu tập đồ cổ. Có người bảo "Ông là một nhà triệu phú nghèo khổ". Đúng vậy. Hàng ngàn cổ vật vô giá, có thể đổi ra vàng, vậy mà ông vẫn cứ ăn cơm tập thể *"ba hào"*, ở trong căn phòng nhỏ, vắng vẻ, lạnh lẽo...

Ngô Quân ở phố Trần Phú có kể lại rằng ông mê sưu tầm Kiều cho bộ sưu tập của ông. Có lần vào Nam, người bạn cũ mách ông có người ở Cần Thơ có vài bản Kiều mà ông chưa có. Ngô Quân tìm đến. Khi biết được mục đích của Ngô Quân và biết ông từ Hà Nội vào, đã có hơn một trăm bản Kiều khác nhau: chủ nhân cho xem hai bản Kiều và đại khái nói là xin ông trả cho nửa lạng vàng. Tính toán thật nhanh trong óc Ngô Quân thấy mình chỉ có khoảng ba chỉ, và xin nộp ba chỉ, chứ không phải là cò kè đắt rẻ. Chủ nhân bằng lòng và hẹn ba ngày nữa đem vàng đến lấy sách. Đúng hẹn, Ngô Quân đem vàng đến. Chủ nhân đã sửa soạn một bữa tiệc thịnh soạn. Ăn xong, hai bản Kiều đã được người nhà gói rất cẩn thận, đẹp đẽ. Ngô Quân đưa ba chỉ vàng để nhận sách. Chủ nhân nhận vàng. Khi tiễn Ngô Quân ra cửa, chủ nhân mới

giữ lại mà rằng: Xin tiên sinh nán lại một giây. Tôi biết tiên sinh là người yêu sách. Tôi cũng là người như vậy. Thật ít khi có được thêm tri kỷ tri âm. Tôi không bán sách. Tiên sinh cũng không phải là người đi buôn sách. Hôm nay tiên sinh cho tôi được biếu tiên sinh hai bản Kiều ấy… Nói rồi chủ nhân trả lại Ngô Quân ba chỉ vàng… Hai người ôm nhau vui sướng vì cùng thêm được người bạn mới dù chân trời góc bể, kẻ Bắc người Nam…

Sau này hai người là bạn của nhau thế nào hẳn bạn đọc cũng đoán ra được.

Người sưu tập đi sưu tầm mà cũng là đi tìm bạn. Con mắt xanh nhờ vật sưu tầm mà tìm thấy nhau. Thật công phu mà cũng thật là niềm vui hiếm có trong cuộc đời ngắn ngủi của mỗi người này.

Người sưu tập không bao giờ bằng lòng với thứ "hàng chợ". Không thể gặp đâu mua đấy mà phải tìm tòi, phải trao đổi, phải mày mò ở nơi hiếm thấy, thậm chí có khi phải xin.

Chơi tem hiện nay phổ biến. Nhưng có người chơi tem ít chịu ra hiệu sách mua những con tem để sẵn trong túi ny lông. Phải đi xin, đi tìm, đi trao đổi, và nếu phải mua thì mua một cái độc nhất của một người nào đó. Chuyện rằng: Có một nhà giầu, chơi tem. Ông tự hào vì có một cái tem độc nhất. Ít lâu sau, nghe nói ở một nước khác có một người có cái tem ấy. Ông này bèn đi máy bay sang mua với giá rất cao, chở bằng máy bay về (để bảo vệ con tem về nhà). Về đến nhà ông mời bạn bè đến chứng kiến, ông hủy cái mới mua đi, để chỉ còn ông là người duy nhất có cái tem duy nhất, dù phải tốn hàng triệu.

Mỗi con tem là một bức tranh nhỏ, một cuốn sách nhỏ. Phong cảnh sống, sông suối núi non, đồng ruộng, biển cả, con người, sản vật, nền văn hóa, tình cảm, xã hội... Chơi tem để hiểu nó và hiểu nó để chơi tem.

Phải có cái kính lúp, có nhíp, có cặp, có sổ gài tem. Một con tem không được nhàu nát, không được rách, thậm chí không được sứt một mẩu răng cưa nào. Nếu không thế là đồ bỏ. Con tem cũng phải rửa sạch phía lưng. Chỉ được dán hờ vào một mảnh giấy để mảnh giấy này dán trong album. Nay có album ny lông để gài tem. Tiện lợi hơn.

Người chơi tem giỏi là người có tem của hàng trăm nước, mà giở cái nào của nước nào ra cũng có thể trả lời và nhất là còn kể xuất xứ của nó, mua của ai, tìm được ở đâu, xin của ai, phải đổi bằng cái gì...

Điều đó chính là cái thú, niềm vui của người sưu tập. Thú chơi đã cho người chơi niềm vui tinh thần cao đẹp, cho trí tuệ được nâng lên, cho tình bạn thắm lại, cho thì giờ nhàn rỗi không uổng phí.

Tuy vậy thú sưu tập không phải là của số đông. Người sưu tập phải có một số điều kiện nào đó như vật chất, thời gian, năng lực, khả năng v.v... cả vật chất và tinh thần.

Cuộc đời vốn phong phú. Có hàng nghìn món ăn và hàng nghìn khẩu vị. Người thích món này. Kẻ ưa món khác. Người thích tiết canh, lòng lợn. Kẻ thích ăn chay. Sách cũng vậy. Người ưa sách triết học, kẻ chỉ mê sách vụ án. Ngay trong lĩnh vực tình cảm thiêng liêng của con người cũng khác. Người ưa gái đẹp, kẻ lại đi tu...

Sưu tập cũng là một trong hàng nghìn điều phức tạp đó. Không ai có thể bắt ép ai trong lĩnh vực này.

Có điều đã chơi là công phu, là tử công phu. Càng công phu càng tao nhã bao nhiêu thì tâm hồn con người, trí tuệ con người càng được nâng cao bấy nhiêu, càng thêm điều kiện để có thêm bạn bè, thêm tri âm tri kỷ giữa cuộc đời ồn ào này vậy.

1991

Chơi lá

Ngày tết hầu như nhà nào cũng có hoa, nhất là hoa đào. Đó là nếp sống quen của người Hà Nội. Xưa các bà các chị ăn trầu có câu: Trầu không rễ như rể nằm nhà ngoài. Rễ tức là vỏ chay vỏ quạch. Rể nằm nhà ngoài để cô dâu cô đơn trong phòng thì còn gì vô duyên hơn, buồn hơn. Nay cũng có thể có câu: Tết không hoa như bà không ông. Bà dù đẹp dù sang đến đâu mà không có ông thì cũng là sự cô đơn thiếu thốn, trống trải lệch lạc. Chẳng nói tết, mà ngày thường cũng có nhiều gia đình chơi hoa.

Tuỳ theo mùa, tiếp hương này đến sắc khác, làm căn phòng thanh bạch cũng lung linh hẳn lên. Hoa hồng lam, hồng quế hồng bạch, cẩm chướng đơn, cẩm chướng kép, đậu thơm, đồng tiền, păng xê, cúc thúy, đồng thảo, chân chim, hoa loa kèn, hoa huệ, hoa sen, cúc ngũ sắc, cúc đại đóa (hàng chục loại khác nhau) glaieul, y nha, mõm sói... Có người còn chơi hoa súng, hoa bèo tây tím, dù chỉ tươi được một ngày.

Chơi hoa là một cái thú vui thanh tao, nên có nước có cả một nhà trường dạy cắm hoa, có hẳn những trường phái cắm hoa...

Tuy vậy bên cạnh người *chơi hoa*, còn có người *chơi lá*. Có thể vì nghèo cũng có thể vì sở thích riêng. Không có điều kiện vật chất thì tạo ra một điều kiện tinh thần để gọi thiên nhiên vào nơi mình ở một cách hào phóng, âu cũng là một tao nhã vậy.

Ở Hà Nội có những căn nhà cổ. Nếp nhà ngoài cách nếp nhà trong một vuông sân hẹp, chỉ ba bốn mét vuông, để lấy ánh sáng, không khí. Thế nào ở sân này cũng có một hòn non bộ, có cây si cổ thụ, cây sung, cây la hán mọc trên núi đá. Núi nhỏ xíu và cây cổ thụ tí hon. Nhưng sơn thủy ở đó cũng hữu tình. Màu xanh mang lại nét lung linh của trời đất. Một thoáng gió, lá xanh rung động như một tâm hồn đa cảm.

Cũng có thể chủ nhân mời khách một đêm đến thưởng ngoạn hoa quỳnh bên chén trà thơm, phong bánh đậu xanh Hải Dương ngọt sắc mà ngắm sự trinh trắng nuột nà của cánh quỳnh mỏng như lụa, mát như sương, từ từ hé nở, mắt thường cũng nhìn rõ, và lát sau, hương quỳnh ngào ngạt.

Cũng có thể còn có một chậu nhài, một gốc hồng, một thân cúc mốc, một nhành giao, một giò mộc lan, một chậu ngọc trâm...

Gần đây cây *hoa giấy* - tên chính là cây *móc diều* - phát triển. Nhiều gia đình có những cây hoa giấy nhiều màu, từ trắng đến cá vàng, cánh sen, đỏ tía, hồng phấn...

Dù sao những chậu cây bể cảnh ấy cũng vẫn là màu xanh chơi ở ngoài trời.

Xin nói đến không gian bị ngăn chặn lại, bị bó khuôn trong những bức tường. Cái chật hẹp của nhà thành phố đã thành cố hữu (cố hữu như sự chật vật và đố kỵ của con người), lại thêm lỉnh kỉnh bao nhiêu thứ đồ đạc hàng ngày từ giường tủ, bàn ghế đến bếp củi nồi niêu soong chảo. Lại còn ti vi, tủ lạnh, xe máy, xe đạp, góc học tập của con, chỗ để nước mắm của mẹ... Vì thế mà đi ra đi vào, cứ phải nghiêng người, phải lách chân như người rất ư lễ phép. Ở những căn phòng như thế mới thấy một chút xanh tươi cây lá, một nhánh thiên nhiên là cần thiết biết bao.

Nếu những phòng khánh tiết bề thế, những phòng khách rộng rãi sang trọng người ta có thể bày ở góc những chậu cây to như *cây gồi, cây móc, cây cau châu Phi*...thì ở những căn nhà ống, nhà hộp, trên gác xép, ở những ô nhỏ được chia ra từ căn phòng to, cây cỏ thường đem màu xanh sự sống của mình an ủi cho chủ nhân không ít. Nhỏ thôi, ít thôi. Tuỳ theo diện tích mà chọn cây tìm chỗ. Kèm theo là chậu là bình...

Cửa sổ in hình một dây *vạn niên thanh* có vệt trắng vệt vàng trên lá như nắng đọng lại cho màu xanh không đơn điệu. Góc tủ sách có cái bát sành mọc một cây *thủy trúc* như những tia mặt trời xanh ngát. Trên bàn nước nhỏ bé một chậu nhỏ cây *hổ thiệt* (còn gọi cây lưỡi hổ) lá như những thanh gươm bạc trắng có những vệt xanh, những thanh gươm hòa bình, chỉ xanh mà không bao giờ đỏ. Người có tuổi thích tạo hình có thể ngắm một cây *cúc mốc lá* như mạ bạc, như đọng sương, còn cành thì oằn lên trong gian khó.

Có khi chỉ cần một khóm *trúc tăm* hoặc *trúc hóa long*, mà cũng có thể là trúc *đùi gà, trúc phật bà* vừa nói cái chí ngay thẳng vừa gợi cây tre miền quê xa xôi.

Nếu căn phòng rộng hơn một chút và tường đã quét vôi xanh, đặt một cây *đa lá đỏ,* thứ cây một mặt lá đỏ tía, một mặt lá xanh rờn, cũng tạo được cảm giác đổi thay những khi cần trầm tư lắng đọng, sau cái chóng mặt của đời thường vật vã ở ngoài kia.

Đôi khi chỉ vài nhánh *lá măng* cắm trong cốc thủy tinh trong suốt, nước trong veo, hoặc hôm cuối kỳ lương, đi qua một góc tường hoang nào đó, hái một nhành *lá dương xỉ,* một cành đuôi phượng, một nhánh *trắc bách diệp* cắm vào cái lọ xinh xinh, đặt trên bàn làm việc, sẽ thấy thiên nhiên gần gũi thêm, thiên nhiên ghé làn tóc xanh của mình vào cái góc đầy thán khí đầy hơi người ngột ngạt này.

Có người treo một cây *liên đài (sen đá)* trong cái gáo dừa lơ lửng trước hiên nhà tí tẹo. Những nhánh liên đài như bông hoa sen xanh mọng nước mát mẻ, đung đưa trong gió, không cho hương mà cho tươi mát cũng là tạo ra thanh thản.

Hình như có một sự phản quy luật nào đó. Những người giàu chất xám thường hay bị ở những căn phòng chật hẹp, đồ đạc thô sơ. Còn nhiều kẻ lắm tiền nhưng cái đầu hơi bé lại được thênh thang, đầy ắp những thứ tân kỳ từ đồ mạ lạnh toát, đồ nhựa đỏ vàng xanh tím, đồ da nóng nực, đến đồ gỗ bóng lộn. Loại người này thường ít ưa cây lá. Thiên nhiên chỉ là thứ gàn dở, bị gạt ra rìa. Có khi họ còn chơi cây giả, bằng nhựa. Lạ.

Còn những người ưa sáng tạo, quen cuộc sống tinh thần giàu có, tâm linh thông tuệ, thường ưu ái với thiên nhiên cây cỏ. Có lẽ vì óc họ cần sự thăng bằng, cần thoáng đãng. Nên hay gặp ở những căn phòng chật hẹp ấy một màu xanh cây lá, một chút hơi thở của sông ngòi, đồi núi... qua chất diệp lục hiện lên màu xanh cuộc sống.

Dân tộc ta may mắn được thiên nhiên ưu đãi, bốn mùa cây cỏ tươi xanh. Sự nảy mầm, sinh sôi hoa trái đã đi vào lòng người, vào nếp sống nghìn đời. Tục *Hái lộc* đêm giao thừa hoặc sáng mùng một tết là biểu tượng sinh động, là thiên nhiên hóa con người.

Các vùng xa, sáng mùng một tết các cụ ra chùa lễ Phật, thế nào cũng xin một cành lộc đem về, không đa thì đề, hoặc khế, táo chi chít quả.

Hà Nội, giao thừa thật kỳ diệu. Hái lộc thành thú vui của nhiều người, có cả những người giàu có, mua giò lụa cho chó ăn, hoặc biết trước năm tới mình còn kiết xác hơn, hay là người quanh năm chả bao giờ quan tâm đến thiên nhiên cây lá.

Hình như năm 1952 thì phải, cầu Thê Húc bị sập đổ vì nhiều người chen nhau đi hái lộc. Quanh đền Bà Kiệu, Bờ Hồ, Quán Thánh và các nơi khác, có những cây tơi tả như vừa gặp bão. Cây đa, cây cô tòng, cây chà là nhọn hoắt... cũng bị vặt trụi. Thương cho cây và cũng thương cho người vì nhiều người quanh năm lại quên cây, chỉ nhớ một lúc này.

Người ưu ái với thiên nhiên, hái một cành lộc, đâu cần to, về cắm trên bàn thờ, dù héo đi vẫn còn là kỷ niệm của một cái tết đã xong, một tuổi đời mình. Họ coi đây cũng là một sinh vật, có thở như con người, cũng biết đau đớn đấy. Chả thế có những chủ vườn khi mất, người nhà phải để tang cho từng gốc cây một, bằng vành khăn trắng, nếu không cây hoặc chết khô, hoặc không ra hoa kết trái.

Mấy năm nay giao thừa Bờ Hồ có người bán hoa. Hay. Tặng nhau một bông hoa lúc xuân đầu. Tình yêu đấy.

Cắm hoa chơi là một nghệ thuật, là một cách dưỡng sinh nữa. Chơi cây xanh, cắm một nhánh lá trong nhà là mời thiên nhiên vào nhà một cách thường trực, không phải là không đẹp, và có lẽ chỉ đến với những người sành chơi, biết hòa vũ trụ vào mình.

Mùa xuân là mùa tươi xanh, đơm chồi nảy lộc, hẹn trái chín ngọt lành. Bốn mùa có tươi xanh trong nhà gợi cho ta sự thoáng đạt, trong lành bình yên... là thú chơi tao nhã, thanh lịch, và biết cách chơi vậy.

Có mấy nhà thơ quen thuộc cũng hay chơi như vậy và họ được một số người tặng cho cái chức: Người hâm tỷ độ. Vui thật.

Hoa tết

Nhiều gia đình có tập quán ngày thường cũng cắm một chút hoa tươi trong phòng, tạo sự tươi mát lịch lãm, thanh thản, đẹp đẽ... nên ngày tết càng không thể thiếu hoa tươi. Các gia đình khác ngày thường không thích hoặc không biết hay không có điều kiện chơi hoa thì ngày tết cũng cố gắng sắm một màu hoa cho may mắn. Có hoa mới là tết.

Hoa có phần tinh tuý tươi đẹp nhất của cây. Nó mang lại sự tươi trẻ, trong sáng, thơm lành, đẹp đẽ, yêu đời cho cuộc sống.

Hà Nội đã phát triển hàng chục chợ hoa tết, từ chợ chính Hàng Lược - tràn sang cả Hàng Đậu, Hàng Than, Hàng Khoai, Hàng Chai, Hàng Rươi, Phùng Hưng... (mà năm vừa rồi người ta cấm một cách vô lý, phá vỡ một truyền thống đẹp) đến chợ hoa Mai Hắc Đế, Chợ Mơ, Chợ Dừa, Ngã Tư Sở, Gia Lâm, Cầu Giấy, Văn Miếu... ấy là chưa kể các triển lãm hoa, cây cảnh, sinh vật cảnh rải rác nơi này nơi khác và những người bán hoa rong trên khắp các đường phố để đáp ứng nhu cầu to lớn về một thú chơi tao nhã của người Hà Nội: Hoa tết.

Không dịp nào trong năm có nhiều loại hoa và đẹp như Tết.

Đầu tiên là *hoa đào*. Cả một dinh đào Nhật Tân, Quảng Bá, Tây Hồ biến thành con sông lũ màu đào, tràn qua ô Yên Phụ,

Thụy Khê, đổ vào lòng Hà Nội. *Đào bích* đỏ thắm tán tròn, nhiều cành tăm cân đối. *Đào phai* màu nhạt, hồng tươi, trang nhã mà hấp dẫn như má thiếu nữ đang thì đúng khi xấu hổ. Nó khêu gợi một cách thầm kín, duyên dáng mà không lộ liễu, không xô bồ. *Đào ta* là loại đào ăn quả, hoa đơn năm cánh màu cũng nhạt tương tự đào phai, nhưng trông yếu ớt hơn dù được cái dáng tự nhiên xù xì, ngang ngạnh. *Đào thế* công phu, từ người trồng đến người chơi. Có thế Trực (dáng thẳng) thế Hoành (nằm ngang) thế Huyền (trễ tràng buông xuống như cánh tay người đẹp mơ ngủ) Song Thụ (hai gốc kề nhau) Mẫu Tử (gốc mẹ gốc con) Bạt Phong (ngang tàng trước phong ba) Long Giáng (con rồng đang xuống), và tuỳ từng người, tuỳ trí tưởng tượng còn nhiều thế khác nữa, như mây trời thiên hình vạn trạng, như sóng nước thay đổi liên hồi, không bao giờ có hai cành đào giống hệt nhau. Người chơi hoa nghĩ ra một cái tên mới có khi cứng cáp ngang tàng, có khi uyển chuyển mềm mại. Đào thế đẹp ở cành, ở dáng, ở gốc. Hoa không cần nhiều, chỉ thưa thớt. Nó như món ăn ngon, không cần nhiều, không thể ăn cho chặt bụng. Chỉ thèm thèm chứ không thể chán chê. Màu sắc trên đào thế như một lời nói chưa hết, cứ chờ thêm chờ thêm… khắc khoải càng hay.

Đôi khi có một gốc *Bạch đào* quý hiếm, là đào mà hoa trắng muốt mập mạp trên nền cành nâu sương gió. Ngắm đã mê, nhưng chỉ ngắm thôi vì nó quá đắt, nó như tiểu thư quý phái mà mình là một bình dân.

Bên cạnh đào còn có *cành mận,* hoa trắng muốt, nhỏ li ti, nhiều người nhầm là cành mai. Nó là *Lý*, cũng có một chút gì đó cốt cách gần với mai. Thân cành gầy guộc, xù xì, vặn mình mà nở hoa. Còn mai thật thì tết đã tàn, đã làm quả nhỏ. Xem hoa mai phải từ tháng mười một âm lịch, từ mai chùa Hương đến song mai Đông Mỹ. Loại trừ loại *mai vàng* của miền Nam, tết nở hoa, là một thứ cây rừng từ Trường Sơn, không phải là loại mai ăn quả.

Tết miền Bắc, cành đào là vẻ đẹp của mùa xuân. Thiếu hoa đào còn tẻ nhạt hơn cả thiếu bánh chưng xanh câu đối đỏ, bánh pháo hồng.

Đào bích tròn có thể cắm trong phòng khách rộng, trang trọng. Cũng có thể đặt trên bàn thờ. Đào thế chỉ để chơi, phù hợp với nhiều không gian chật hẹp, nó cũng thể hiện sự phóng khoáng của tâm hồn nghệ sĩ, không ưa cái gì viên mãn, cân đối quá. Chơi đào thế phải tốn công phu, tìm cành chọn gốc và cũng cần một khiếu thẩm mỹ phong phú, phần lớn là người đứng tuổi, có từng trải lịch lãm và trình độ.

Cùng với thứ hoa đặc biệt ấy, còn có hàng chục loại hoa tết khác mỗi loại đẹp một cách riêng, tuỳ theo khả năng, sở thích mà mời hoa về nhà, trang trí cho cái tết của mình tươi đẹp hay đầm ấm.

Có hàng chục loài cúc: *Đại đóa* vàng hoặc trắng, to bằng cái bát. Cúc *móng rồng* cánh hoa cong lại ở nhiều tư thế khác nhau, so le, cánh cong hờ, cánh lơ đãng duỗi, cánh trễ xuống, cánh vút lên, làm bông hoa có nhiều tư thế, nhiều vẻ đôi khi bất ngờ. *Cúc tím* như gợi nhớ một tình yêu xa vắng, không thẫm màu, cứ nhẹ nhàng mà gây mùi nhớ (chữ của Nguyễn Du). *Bạch mi* như hàng lông mi dài của thanh nữ đa tình, nhìn ta mà chớp mất hồn ta, long lanh khêu gợi, nồng nàn đằm thắm... *Hoàng Kim Tháp* bông nhỏ mà cánh cũng nhỏ, rồi cúc *bách nhật*, cúc ngũ sắc như bướm bay. Chọn cúc thường lấy cây mập, mỗi ngọn một hoa mới khỏe. Lá cúc thường héo trước nên cần tránh dập nát. Bông cúc khi tàn cũng không rụng, không rời cành, vì thế người xưa chơi cúc để nói tấm lòng quân tử không quên gốc của mình (khác tính quân tử ngay thẳng của cây trúc). Bông cúc đã cắm trong bình sẽ không nở tiếp. Nếu bán khai, hàm tiếu thì nó sẽ bán khai hàm tiếu đến phút cuối cùng của đời mình, như khi rời đất mẹ, vào đây sống nốt những ngày dù sang trọng nhưng nó không muốn.

Gần với cúc, có *hoa thúy*, còn gọi là thúy cúc, hay Ma ghích, phiên âm tiếng Pháp: Magueritte. Hoa có nhiều màu, cành vươn ra xung quanh cân đối, dễ cắm. Người ít tiền, ít chơi hoa, dễ tính cũng thấy nó đẹp, đẹp về màu chứ không có hương.

Thược dược rực rỡ, nhiều màu: trắng, đỏ, da cam, nhung, cánh sen, pha, biến... Đằm thắm nhưng chóng tàn. Cắm tổng hợp với nhiều hoa khác cũng vui mắt, tạo được cảm giác nồng hậu tưng bừng của mùa xuân.

Chân chim tím khêu gợi. Nó không phải là viôlet như có nhiều người gọi nhầm. Viôlét là hoa đồng thảo, tím thẫm có điểm vàng bên trong, loại hoa môi, hơi thơm, chỉ ngắn, cắm trong bát hoặc lọ rất nhỏ. Còn chân chim có thể cao hàng mét, hoa rung rinh tím nhạt, có loại hồng loại trắng. Hoa này hay rụng bẩn cả mặt bàn. Nó cũng có cái duyên riêng.

Xu xi có độ vàng thẫm, nhạt, đơn, kép khác nhau, có loại nhị thẫm hơn cánh hoa có loại nhị vàng tươi tinh khiết. Hoa mang tên nỗi buồn nhưng hoa lại có màu sắc tươi vui, loại đơn mềm mại hơn loại kép, thân to dễ cắm, cắm bát dễ đẹp. Không những hoa không hương mà ngược lại, còn có mùi tanh của lòng trắng trứng.

Cẩm chướng có loại đơn, loại kép. Loại kép còn gọi là hoa Phăng, có mùi thơm dễ chịu. Nhưng cũng giống như hoa loa kèn, hoa quỳnh, ngọc lan, nếu nhiều quá, mùi thơm sẽ làm ta nhức đầu, phải chăng nó cũng giống như gần một cô gái xức quá nhiều nước hoa, làm ta khó chịu, hoặc giả người yêu ta nói một câu thì là thiêng liêng, nhưng nói nhiều quá, nói như súng liên thanh thì e rằng ta cũng lánh xa. Hương thơm của cẩm chướng hơi nồng, không giống hương nhài, hương sói, hương sen, hương mộc. Tuy vậy màu sắc cũng khả ái, nào đỏ, nào vàng, nào trắng, nó cũng tượng trưng cho tình yêu, cho lòng dũng cảm.

Có lẽ hoàng hậu của các loài hoa vẫn là *hoa hồng*. "Thì treo giải nhất chi nhường cho ai". Hoa hồng cũng là như thế. nó kiêu sang, đằm thắm, nồng nàn từ sắc đến hương. Nó đến với mọi tầng lớp, chia xẻ cùng mọi lứa tuổi, nó là hoàng hậu của lòng anh, là hoàng tử của lòng em. Nó thay một bức thư tình? Nó cũng là mùa xuân tình tứ, là lời tỏ tình thầm kín. Hương hồng cứ thoảng như không mà khêu gợi, phảng phất mà say đắm, e lệ mà không lộ liễu. Hồng lam, hồng quế, hồng vàng, hồng nhung, hồng leo, hồng bạch, hồng đào... Một vài bông thôi chứ không cần nhiều. Ít mới quý. Có khi chỉ cần một bông. Tình yêu cũng chỉ cần một. Hoa hồng cắm lọ cũng quý mà cắm bát cũng sang, chỉ để nằm trên mặt bàn cạnh một nhánh lá măng cũng đẹp. Có hoa hồng, căn phòng lịch sự hẳn ra, sang trọng hẳn lên, ta cảm thấy hạnh phúc hơn nhiều, tâm hồn ta được chắp cánh, cái đôi cánh mỏng của hương hoa.

Păng xê là tưởng nhớ, hoa như bướm, tím vàng rập rờn trên nền lá xanh, có bay lời yêu của ta đến người ta mong đợi. *Mõm sói* hơi thô, nhiều màu sắc nhưng ít người chuộng, có lẽ chỉ cắm trong cái bình hoa tổng hợp ở hội trường hôm tổng kết thành tích. *Đồng tiền* giản dị. Nó còn được gọi là mặt trời, tỏa những tia nắng ấm đánh bại mùa đông bằng những tia đỏ chói. Loại đơn đẹp hơn loại kép. *Hải đường* lá thô nhưng hoa rực rỡ, bật từ kẽ lá như ngọn lửa đỏ. Nụ như ngọn nến, hoa giống hoa trà. Cắm trên ban thờ là thích hợp nhất. *Hoa dơn* (glaieul) ưa những chiếc bình pha lê quý và những căn phòng rộng, những phòng khách sang trọng.

Và có hàng chục loại hoa khác, ngày thường cũng có, ngày tết càng khoe hương sắc trong mọi nhà.

Chơi hoa là chơi cái đẹp, cả màu sắc và hương thơm. Lâu nay có nhiều loại hoa giả nhập từ nước ngoài vào. Đẹp thật đấy, giống

nữa, nhiều người, nhiều cửa hàng như vàng bạc, cắt tóc, ăn uống cắm loại hoa giả này để trang trí. Cũng lạ. Nước ta hoa tươi bốn mùa, thiếu gì đâu mà người ta lại vác cả cái của giả vào mà chơi. Cắm hoa giả khác nào hôn người đàn bà qua cái khẩu trang, khác nào ôm mặt người nộm, một bù nhìn mà nằm ngủ.

Người ta chơi hoa giả, còn chơi cả cây giả: cây Noel bằng nhựa nhuộm xanh. Tết của chúng ta không phải ngày thiên chúa giáng sinh, chơi hoa đào, cây quất chứ không có phong tục chơi cây thông, dù cây thật. Chắc người ta mới học được cách tiêu tiền, cách khoe của, cách lố lăng, cách hợm đời. Thôi thì tuỳ. Tuy nhiên, sở thích, cũng như cái chuyện ẩm thực, chẳng nên bắt người này theo người kia. Không nên làm khổ nhau, người không thích cứ không thích, và người thích cũng không nên làm khổ người không thích.

Mùa xuân thật kỳ lạ. Đúng là muôn hồng nghìn tía, cái đẹp đến từng nhà từng người.

Có điều kiện có thể chơi một cây *đào ghép mận* ba tầng, trị giá bằng vài năm tiền lương, không có thì một nhánh lá hổ thiệt cũng cứ xong, vài bông đồng tiền cũng cứ được, giá trị nó chỉ bằng mớ rau muống bà vợ nái xề mua ở chợ cóc lúc chiều tối.

Tết, nói chơi thế thôi, nhà ai chả có hoa. Hoa là phần thưởng của thiên nhiên đất trời, ai cũng có thể hưởng.

Xin chúc mỗi người năm mới có bình hoa hợp ý.

1990

Hàm răng

Có những cái lệch lạc rất đáng ghét, vì nó xấu. Nhưng cô gái có cái răng mọc lệch, cái răng khểnh, lại là hạnh phúc. Cái răng mọc vô tổ chức ấy làm khuôn mặt xấu cũng trở nên xinh, còn nếu đã xinh thì đẹp hẳn lên. Nó sẽ là cái duyên hấp dẫn, ấy là không kể nếu thêm một có không bình thường nữa là cái núm đồng tiền, thì biết thế nào mà nói được. Một sự xinh đẹp đến kỳ diệu chứ chẳng phải chơi.

Ngược lại có người có hàm răng khá đẹp nhưng đem nhổ đi một vài cái rồi thay vào đó là những chiếc răng vàng, khi cười cứ chóe lên, trông đến là khó chịu, kệch cỡm vô duyên, phản thẩm mỹ. Thế mới thấy câu "Cái răng cái tóc là góc con người" là đúng.

Xưa dân ta có tục nhuộm răng đen. Ca dao còn để lại nhiều câu rất hay về hàm răng đen ấy. Chẳng hạn:

Thấy cô yếm trắng răng đen

Nam mô di phật lại quên mất chùa...

Cái yếm thắm, hàm răng đen đã có sức hấp dẫn đến nỗi, chú tiểu lên chùa định đi tu mà đành quên chùa, trở lại cuộc đời đầy quyến rũ ấy.

Hoặc:

Mình về mình nhớ ta chăng
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười
Trăm quan mua lấy miệng cười
Mười quan chẳng tiếc tiếc người răng đen...

Có tiền nào mua được hàm răng, nụ cười, vì thế mà chàng trai đã ngơ ngẩn vì hàm răng, nụ cười như thế. Hàm răng đen nhức hạt na từng là một tiêu chuẩn của người phụ nữ đẹp, đã làm mê mẩn bao chàng trai Việt Nam bao thế hệ trong cái chuỗi thời gian dằng dặc của đời sống dân tộc truyền nối...

Nếu tết Đoan Ngọ (mùng năm tháng năm) có tục nhuộm móng chân móng tay (nay người ta nhuộm tứ tung, lu bù) thì gần đến tết Cả, tức tết Nguyên Đán, gần như cả dân tộc đều nhuộm răng để ăn tết, nhất là các cô gái chưa chồng, các cô có hàm răng đều, đẹp...

Muốn có hàm răng đẹp trước hết phải nhuộm đỏ. Mất ba đêm. Ở các chợ thường có những hàng bán thuốc nhuộm răng. Đó là một thứ sền sệt đựng trong mấy cái niêu đất, gồm nhiều thứ trong đó có cánh kiến... Mua thuốc về, đến tối, cọ răng cho thật sạch bằng khăn tay, bằng cau khô (làm gì đã có bàn chải răng). Răng sạch rồi lấy miếng lá chuối cắt nhỏ ra bằng ngón tay. Phết thuốc lên đó, nằm ngửa, đặt hai miếng thuốc lên hai hàm răng. Cái khó nhất là phải nằm ngủ suốt đêm trong cái tư thế gò bó khó chịu ấy. Sáng ra xúc miệng cho sạch. Ăn cơm chỉ được nuốt chửng, tốt nhất là chan cơm với rau muống luộc, nhưng vào dịp mùa đông có món canh rất ngon, rất dễ ăn mà các cô gái cũng ưa, đó là nước dưa chua; chan vỏng bát cơm bằng nước dưa chua, ngửa cổ, xúc cơm cho vào miệng nuốt chửng. Khó chịu là mấy

đứa em trai hay trêu chị gái, nhè đúng lúc chị sắp nuốt thì mới hỏi chuyện, mới cù nách, mới phát trò, làm chị sặc.

Sau ba ngày, nghỉ một vài ngày rồi nhuộm tiếp thuốc đen, cũng với cách thức ấy. Một tuần sau, cô gái đã có hàm răng đen nhức, bóng lên óng ánh. Hàm răng đen sẽ làm bùa mê cho bao chàng trai. Cô gái biết hàm răng mình đẹp, hàng ngày sau bữa cơm, cô xỉa răng cẩn thận, đánh bằng cau khô, đánh một cách kín đáo không cho ai thấy, nên ngày càng bóng lên, kỳ lạ, mỗi khi cô cười, cứ như bắt mất hồn ai đó.

Có người mua phải thuốc không tốt, hoặc đêm nằm nghiêng lá thuốc tuột đi, hoặc ăn cơm nhai quá sớm, thuốc nhuộm trôi đi mất một phần, hàm răng sẽ nham nhở, chỗ trắng chỗ đen, chỗ nhờ nhờ, không ra một thứ màu gì. Người ta gọi là *răng cải mả* vì nó giống màu răng người chết khi cải táng. Có một hàm răng cải mả là cái tội, xấu cho bản thân mình đã đành mà bọn con trai còn hay tinh nghịch chế giễu, bạn gái cũng chê cười là người vụng hoặc tham ăn... Có khi muộn chồng, chồng chê cũng vì nó. Ác lắm.

Chỉ ở thành thị, mà tiêu biểu là Kẻ Chợ, tức Hà Nội mới có người để răng trắng. Đó là lớp người tây học, lớp người tiên tiến. Đàn ông để răng trắng trước. Thầy ký, cậu thông, ông phán, thầy giáo... Phụ nữ dần dần cũng có người để răng trắng. Các mợ phán, các nữ sinh, và đầu tiên có lẽ là các cô đầu, gái nhẩy, me tây, chị khâu đầm...

Răng trắng lấn át dần răng đen. Cho đến giữa thế kỷ này, chỉ còn gặp loáng thoáng những người có tuổi khoảng năm mươi mới có hàm răng đen, hoặc răng từng một thời đen nay không nhuộm tiếp nữa.

Trước cách mạng Tháng Tám có những người phụ nữ ở quê ra Hà Nội kiếm sống. Có người rơi vào tình cảnh đáng thương,

phải bán tiếng hát hoặc bán thân nuôi miệng. Có cả những người may mắn hơn gặp được người tử tế, trung lưu hoặc giàu có, có người lấy khách trú, tây đen... nên những người phụ nữ này phải cạo răng đi cho hợp với hoàn cảnh. Nhìn một hàm răng đã từng là đen, nay cạo đi, biết ngay. Nó có màu trắng xanh hơi đục. Hàm răng cạo ấy không thể lẫn với răng trắng tự nhiên.

Các cụ nhà nho thủ cựu thì chê răng trắng là không đứng đắn, lẳng lơ, đĩ thõa. Người tân tiến cho răng đen là lạc hậu, cổ hủ... Thực dân Pháp từng chụp ảnh hàm răng đen mang về chính quốc triển lãm với chú thích đây là người "mọi", răng đen vì ăn thịt người.

Hàm răng đen càng ăn trầu càng đen nhánh. Môi hồng cắn chỉ, răng đen hạt huyền, còn gì duyên hơn nữa. Còn răng trắng mỗi khi ăn trầu xong phải đánh răng cẩn thận, nếu không răng sẽ loang lổ, trông như người vừa ăn tiết canh xong không xúc miệng, thật khó coi.

Hàm răng trắng ngà đều đặn sẽ tôn khuôn mặt lên. Ngược lại, có phải hàm răng khấp khểnh, ít chăm chút, quả là làm cho khuôn mặt xấu hẳn đi, ít gây được cảm tình.

Từng có chuyện người Hoa kiều chê người Việt nhuộm răng bằng câu "Sơn răng chằng đít đánh đai đầu", ý nói nhuộm răng đóng khố và vấn khăn. Người Việt có câu đáp lại "Răng trắng chó lòi đuôi mọc ngược" để chê họ là răng trắng như răng chó luộc, và cái đuôi không mọc ở dưới mà lại mọc ngược lên trên đầu, tức là cái đuôi sam. Thực ra mỗi dân tộc có tập tục riêng, nhưng câu ca này chính là âm mưu chia rẽ hai dân tộc.

Có thời người ta đua nhau đi bịt răng vàng. Ngoại trừ người sâu răng phải nhổ răng, trồng răng giả thì không kể, răng vàng

vừa vệ sinh, có tính sát trùng, không gỉ. Còn người bình thường cũng đem nhổ răng lành, trồng cái răng vàng, cứ choé lên, thật buồn cười. Khoe không phải lối. Có khi gặp thứ vàng xấu, lộ những vệt gỉ xanh như gỉ thau đồng càng khó trông. (Xin không nói đến các tỉnh miền núi có tục trồng răng vàng, vì nó là quan niệm khác). Cái răng vàng nó tố cáo người có răng ở tầng lớp nào, chả thế mà đã có những nhân vật tiểu thuyết có tên Răng Vàng khiến độc giả nhớ mãi tính cách lố bịch của nhân vật.

Dân ta nhiều người hỏng răng. Nha khoa lại chưa phát triển. Từng có những người bán thuốc rong, quảng cáo thuốc sâu răng gia truyền đi nhổ răng ở các phố. Trước khi nhổ răng, ông lang, cũng là người làm xiếc này nhúng cái tăm vào lọ thuốc nhỏ, chạm vào cái răng sâu rồi giơ lên cho mọi người xem. Quả là trên đầu tăm có con gì đó cựa quậy, ông lang bảo đó chính là con sâu, nó đục răng. Có gì đâu. Lọ thuốc của ông ta là một thứ mẻ ngấu, dính tăm vào đấy, kéo theo mấy con cái mẻ. Khi ông giơ lên cho mọi người xem, thì đó chỉ là mấy con cái mẻ mà thôi. Khách hàng tin ngay bởi dân mình vốn cả tin, và cái răng được nhổ. Đã có không ít tai nạn về việc cả tin này, về cái răng bị nhổ ấy.

Những người có răng đẹp thường hay cười. Thầy tướng bảo người hơi vổ là có tài, răng hến là số long đong vất vả, cười lộ xỉ (hở lợi) là bộc tuệch bộc toạc.

Lại có tục trẻ em thay răng sữa, cái răng rụng nếu là hàm trên thì phải vứt xuống gầm giường, nếu là hàm dưới thì phải vứt lên mái nhà, kèm theo câu thần chú "chuột chuột chí chí, mày rụng răng này mày mọc răng khác nhanh nhanh cho tao..."

Một dạo Hà Nội có nhà trồng răng quảng cáo rất khéo. Đó là nhà MINH SINH ở ngã ba Hàng Bông, Phùng Hưng. Mỗi ngày thay nội dung quảng cáo một lần, có khi bằng thơ, có khi đọc câu

gần cuối mới biết là quảng cáo, biết là mình bị đánh lừa: nhưng cũng phải phì cười. Có khi còn thuê cả văn sĩ làm vè, làm thơ lục bát hay đáo để. Phất lên, nhiều nhà khác cũng bắt chước, nhà nào cũng có chữ SINH hoặc chữ gì na ná thế để có thể lẫn lộn càng tốt. Nó tương tự như thuốc cam Hàng Bạc, nhãn hiệu con hươu có đến năm sáu nhà cùng làm thuốc cam, cùng nhãn hiệu con hươu, người mua lắm lúc không biết đâu mà lần. Nhà Minh Sinh có tín nhiệm với khách, và có cô con gái không xinh nhưng giỏi võ Judo, đã cho khối anh con trai ăn quết trầu khi định bờm xơm với cô. Bây giờ nhiều bệnh viện có Nha Khoa, một số trường học có Nha học đường để chữa răng thường xuyên cho học sinh, đáng hoan nghênh. Và kem đánh răng còn gọi là thuốc đánh răng, xà phòng răng nhan nhản, không còn thấy những hàm răng cáu bẩn nữa. Một thời kỳ có thuốc đánh răng đựng trong hộp sắt, khi dùng lấy bàn chải mà cạo lên, dùng riêng cá nhân thì cũng được nhưng chung cho nhiều người thì quả là bất tiện, mất vệ sinh. Có lúc có loại xà phòng răng bột, nhiều cái bất tiện, và khó mà quên được có giai đoạn sáu người, mười người bình bầu nhau để chia nhau một ống thuốc đánh răng. Kinh khủng.

Đau răng thật khổ. Thứ nhất đau mắt thứ nhì nhức răng (hay giắt răng?). Hàm sưng lên, cái má to tướng, vừa đi vừa ôm má, nước mắt chảy ròng ròng. Cảnh đó vẫn còn xảy ra. Cái răng đau nó hành người ta không kém cảnh bị tra tấn.

Từ cái răng lại nhớ đến khối chuyện. Đầu thế kỷ này có những nhà nho, những ông đồ, nghèo kiết xác, mỗi ngày chỉ một bữa, buổi sáng chả có gì ăn, vậy mà ra đường hoặc đi đâu, lúc nào miệng cũng ngậm tăm, để mọi người phải hiểu rằng ông vừa ăn cơm hoặc ăn tiệc xong, còn đang xỉa răng đây. Thời đó qua rồi. Tiêu chuẩn xã hội, thẩm mỹ đã thay đổi. Nay ra đường mà ngậm tăm là không lịch sự, nhất là xỉa răng ở chỗ đông người thì thật

khó coi. Đôi khi có người còn đánh đàn răng tanh tách, hoặc xỉa răng xong đưa cái tăm lên mũi ngửi. Kinh. Giữa hội nghị hay đang đứng bán hàng có cô gái cũng cứ dùng miếng cau khô mà đánh răng mới lạ chứ. Các cô đâu biết khi các cô đánh đàn như vậy, hàng triệu con vi trùng từ răng cô bay ra tứ phía trong cơn mưa nước bọt, giống như miệng cái bình tưới của người làm vườn tưới nước cho cây hoa trên các luống. Cái cảnh thiếu văn hóa ấy chỉ có thể so với mấy ông có cái bộ râu lún phún, ngồi đâu cũng giở cái díp hoặc đồng xu ra, vênh mặt lên mà nhổ râu, hoặc lắm ông bụng phệ, ngồi đâu cũng rung đùi loạn xạ.

Ít ai có đủ ba mươi hai cái răng, cũng như người có răng khểnh là hiếm. Người ta bảo ai có đủ vậy là có tướng nhàn. Thật không thì chưa biết nhưng chắc chắn có những hàm răng rất khỏe, nhai được cả sắt thép, si măng, phân bón, cả thóc dự trữ quốc gia, nó cũng nhai được cả nghìn tấn. Những kẻ này có khi phải có đến ba trăm hai mươi cái răng gấp mươi lần người thường chứ không ít.

Trong đời thường đáng sợ là những hàm răng ám khói, hôi xì, khi giao tiếp cứ áp sát vào người ta mà nói, mà thở, người ta càng lùi, hàm răng này càng tiến tới. Tai nạn thật.

Cái góc con người này quan trọng thật, nó đáng được chăm chút bởi nó tôn vẻ đẹp của con người lên nhiều lắm.

Mái tóc

Có câu "hàm răng mái tóc là góc con người". Quả vậy. Thử nghĩ tất cả mọi cô gái xinh đẹp, mọi chàng trai tuấn tú ăn mặc đủ các mốt hiện đại tân kỳ, mà khi ra đường, cái đầu đều trọc lốc, thì sẽ ra sao? Chắc buồn cười lắm vì các khuôn mặt sẽ rất khôi hài, lạ lùng kỳ dị.

Mồi thời dài các nhà nho cho rằng mọi cái trên thân thể ta đều do cha mẹ cho nên đều thiêng liêng, không được cắt bỏ chút gì hết. Cái tóc vì thế phải giữ suốt đời. Đàn bà đã đành, đàn ông cũng phải búi tóc.

Cuối thế kỷ trước, Pháp đặt nền đô hộ nước ta, vận động bỏ búi tóc. Sĩ phu cực lực phản đối, các cụ coi ai cắt tóc là theo giặc. Đã xảy ra những cuộc xô xát không phải là chính kiến mà chỉ là mái tóc. Các nhà nho làm thơ, đặt vè ca ngợi búi tó củ hành. Người tây học thì cũng viết báo mỉa mai châm biếm mái tóc dài cổ hủ. Nhưng thực ra các cụ đâu có coi mái tóc quá quan trọng, chẳng qua nó chỉ là cái cớ để các cụ tỏ lòng yêu nước. Hình như vua Thành Thái là người cắt tóc ngắn đầu tiên hưởng ứng phong trào duy tân cắt tóc ngắn.

Thời gian vẫn làm cái việc của nó. Cả nông thôn hẻo lánh, miền núi xa xôi, mái tóc ngắn dần thay thế cho cái búi tó, chỉ trừ mấy cụ thật thủ cựu, hoặc mấy cụ lão nông suốt đời không cần ra

khỏi luỹ tre làng. Một nghề mới được ra đời: Cắt tóc, hớt tóc, húi tóc, cắt đầu...

Chuyện vui kể rằng ông Tả Ao, một thầy địa lý giỏi một hôm giữa đường bị đau bụng, có hai người giúp, nhưng giúp không tận tình lắm. Lúc khỏi, Tả Ao hỏi các ông sau này muốn con cháu có nghề gì? Một người muốn con cháu sẽ vinh hiển, ra đường ai cũng phải tránh, người kia muốn con cháu được đè đầu vít cổ thiên hạ. Tả Ao bèn tìm đất để mộ. Quả nhiên mộ phát, con cháu những người này sau đều được đúng thế. Một họ làm nghề buôn lờ bán đó, ra đường kềnh càng, ai cũng phải tránh, còn họ kia làm nghề húi tóc, chẳng đè đầu vít cổ thiên hạ là gì.

Từ khi mái tóc ngắn trở thành bình thường, đã có rất nhiều kiểu tóc. Nam giới có: Húi cua là cắt thật ngắn. Húi móng lừa, húi ca rê cho trẻ là cắt gần như trọc, phía trước hơi xanh xanh, thay cho cái cút ở chỗ thóp, và bỏ hẳn hai cái trái đào hai bên. Húi đầu bốc cho thanh niên kiểu võ sĩ quyền Anh, ngắn, phía trước dựng đứng. Tiền văn minh hậu sư cụ là phía sau trọc, phía trước có ít tóc dài, khi vuốt ngược có thể dùng những sợi tóc này cho chỗ trọc. Gọng kính là hai mai thật dài, vắt vào tai như gọng chiếc kính, dân anh chị tay chơi, nghiện hút thường thích kiểu tóc này. Họ còn để thêm mấy chiếc răng vàng cho đồng bộ. Rồi mai nhọn mai bằng, rồi gáy xanh, gáy trắng... Dăm chục năm trước kiểu Philôđốp là của sinh viên, ra điều ta trí thức, triết học, có cái đầu bù mới là danh giá, lắm cô chết mệt vì mái tóc kiểu ấy?

Cách đây vài chục năm, chúng ta hô hào xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu thuần khiết, người ta chăng dây bắt tuốt những ai có mái tóc lạ, tóc dài một chút, xõa ngang vai... vào trụ sở để cắt đi theo kiểu đưa một đường tông đơ từ gáy đến trán, buộc người có cái đầu ấy phải đi cắt lại, thế mới là theo đúng pháp luật (thứ luật

không thành văn bản). Nhà văn quá cố Nguyễn Tuân cũng một lần bị bắt vào trụ sở phường như vậy. Diễn viên Hoàng Thanh Giang có mái tóc dài khá đẹp cũng bị lâm vào cảnh ấy, may mà anh biết cách đóng kịch, nên dọa tối nay anh phải lên sân khấu đóng vai người có mái tóc dài, nếu bây giờ các "đồng chí" cắt, không diễn được thì các đồng chí phải chịu trách nhiệm. Nghe đến chữ trách nhiệm nó xa lạ quá, người ta tha cho anh.

Không thiếu các kiểu tóc khác nhau. Người tóc sóng, người chải mượt, người húi thật ngắn, người rẽ ngôi giữa, người cứ để lòa xòa tự nhiên...

Từ mái tóc liên tưởng đến nghề húi tóc. Không có ai giầu có trở thành tư sản từ nghề này. Suốt ngày đứng tay lược tay kéo, chỉ đủ ăn, may thì dư dật một chút, trừ một nhà ở Hàng Bông giầu vào công tư hợp doanh nhưng lại do buôn nước hoa phấn sáp độc quyền nhập khẩu. Vậy mà cũng lập quốc doanh cắt tóc, lỗ vốn, thu nhập thấp, khách mất rất nhiều thì giờ xếp hàng vào sáng chủ nhật để cắt một cái tóc, lại còn ghi phiếu, và lắm thứ phiền hà khác. Có cần thiết không? Năm 1991 có hẳn một phố cắt tóc vỉa hè, cũng vẫn chẳng "hại gì đến hòa bình thế giới", ấy là phố Quang Trung. Thời ấy, thời quốc doanh ấy, sợ nhất là cắt tóc mà không gội đầu, bởi ông thợ cho mình là bần tiện, nhưng gội thì kinh cái khăn mặt nhờn nhờn, hôi hôi, nó giống mùi lưu cữu của chăn chiếu quán trọ mà người ta táo gan gọi bừa đi là khách sạn.

Còn *cái góc con người* của đàn bà thì hấp dẫn duyên dáng hơn nhiều. Thời nón thúng quai thao, phụ nữ là phải khăn vuông khăn vấn. Mái tóc thật dài, có người chải đầu đứng trên ghế đẩu mà tóc vẫn còn chấm đất. Khi gội đầu, cầm nắm tóc xoay xoay, một trận mưa phùn mùi bồ kết tỏa ra xung quanh, chiều, có khi phản quang, còn tạo thành một chiếc cầu vồng. Thật đẹp hết chỗ nói.

Khăn vấn cho người ít tóc có cái độn tóc. Độn tóc khâu bằng bông, trông như con rắn. Khăn vấn thường có khăn vuông bên ngoài. nếu không, phải có đuôi gà mới đẹp, là nền nếp. Khăn vuông của người nghèo chỉ là vải đen, hơn một chút là ma ga. San mới có khăn nhung khăn nhiễu... Các họa sĩ những khóa đầu của trường Mỹ thuật Đông Dương có những bức tranh nổi tiếng về những phụ nữ có mái tóc vấn trần, bỏ đuôi gà, tiêu chuẩn của người đàn bà quý phái và đẹp một thời.

Sau vấn tóc là tóc búi. Búi lửng sau gáy chứ không búi ngược như phụ nữ Thái có chồng ở miền núi. Mấy bà đứng tuổi hoặc vợ lính thường búi kiểu này. Người ít tóc·có thể mua cái độn tóc ở chợ Đồng Xuân hoặc Hàng Ngang, Hàng Đường. Cửa hiệu treo la liệt những mớ tóc bó thành bó nhỏ, dài, mượt. Người ta đồn là tóc người chết, nhưng không phải, thực ra là tóc của người cắt đi để phi dê, của chú tiểu mới thế phát...

Thiếu nữ, học sinh không vấn khăn, búi tóc, mà để thề hoặc cặp tóc trễ sau lưng. Giờ tan học, đường Bờ Hồ rợp bóng áo dài, sau lưng cô nào cũng đung đưa một con thạch sùng đen lánh. Nét đẹp một thời. Mái tóc trên nền áo dài là một bài thơ trữ tình tha thướt.

Tóc đuôi sam một bên hoặc hai bên còn rất hiếm. Các bà đứng tuổi cho khăn vấn là cổ, cũng không thích búi, không để bím, thường bện tóc (tresse'es). Bện hai bím rồi cuốn vòng tròn thành mảng sau gáy, trên phủ tấm lưới màu đen, đồng màu với tóc. Đó là hạng trung lưu trở lên.

Kiểu tóc uốn (frisés) mới xuất hiện thường bị phản đối, coi là đầu súp lơ. Chỉ có me tây gái nhảy, sau dần dần mới lan đến tầng lớp học sinh sinh viên. Có gia đình dọa gọt gáy bôi vôi nếu cô con gái cưng phi dê. Nhưng cái thuận tiện, cái mới cũng thắng thế, và

nay đã thành phổ biến, dù rằng có người bắt chước kiểu đầu ngu si (U si) hay Chiếm hạm nổ tung, hoặc xù như dân Phi châu, mặt dài ngoẵng lại để thật cao, trơ cả trán ...thật khó coi.

Nay ngay các cô miền núi miền quê cũng cố gắng về Hà Nội làm đầu. Có thế mới hiện đại. Nhiều cô đang có mái tóc đen mượt mà bỗng nổi máu đem nhuộm tóc nâu nhuộm vàng khé như tóc tây nội hóa, quăn tít như bị nắng đốt cháy...Thì ra kiểu khiếu thẩm mỹ không phải ai cũng tinh tế, không phải cái gì lạ cũng là đẹp cả.

Hà Nội vẫn là nơi đi đầu về mốt, trong đó có mái tóc. Có nhiều kiểu rất lạ. Có anh gọt thành hình quân bài trên trán, có cậu lại buộc một túm như đuôi chó sau gáy kèm theo tai xỏ lỗ đeo cái vòng. Đã có người ra đường không biết người đi trước mình là con trai hay con gái, bởi quần áo, giầy dép đến đầu tóc không còn phân biệt nét riêng cho giới tính. Mùa hè còn phân biệt cái đai mờ mờ phía sau lưng, nhưng còn mùa đông thì đành chịu.

Cái răng cái tóc là góc con người. Mái tóc có lịch sử của nó, Dù kiểu gì cách gì thì nó cũng làm nhiệm vụ tô đẹp cho khuôn mặt người có mái tóc ấy, làm đẹp cho đời. Suy cho cùng, thì nền nã, đoan trang vẫn là đẹp. Lố lăng kệch cỡm, lai căng, bắt chước một cách máy móc, thiếu cân nhắc thể hiện trình độ, và không còn đẹp nữa.

Chúng ta không ai ngốc muốn trở lại thời cắt quần loe, cắt quần côn, cắt mái tóc dài của người qua đường. Nhưng chúng ta đã tỉnh hẳn chưa? Và phần chưa tỉnh là cái gì, còn ở phía trước. Mái tóc khuôn mặt phải phù hợp với nhau bởi trên trái đất có hàng tỷ người nhưng làm gì có hai khuôn mặt hoàn toàn giống nhau. Mái tóc có lẽ cũng vậy.

Cái mũ

Một thời dài, người Việt Nam chỉ quấn khăn, đội khăn. Đi đâu xa thêm cái nón, cái ô. Người dân thường có nón chóp bằng lá gồi. Người sang hơn, nón lá dứa. Ngay cả anh lính thú, rồi lính khố xanh khố đỏ đội cái nón dấu là thứ nón chóp nhọn, thu nhỏ, sơn màu.

Có lẽ khoảng một thế kỷ nay mới có cái mũ. Xuất xứ của nó ra sao, ai là người du nhập ai là người đội mũ đầu tiên, không thấy nói, ít có tài liệu nào ghi chép.

Từng có thời kỳ, nhìn người đội mũ có thể biết sơ qua người đó thuộc tầng lớp nào.

Người sang, các quan tham, quan phán, đội mũ dạ, còn gọi là mũ phớt, sang nhất là phlết sê - Mốt xăng. Cũng loại này khi rách cũ, anh chàng phở rong hay đội, nên cái mũ ấy được gọi chung là mũ phở.

Công chức loại nhỏ, thầy giáo, học sinh, kể cả một số ông quan huyện trẻ mới ra trường, thường đội mũ "cát" trắng, là loại mũ bọc vải trắng, hàng ngày cần đánh bằng phấn.

Trước cách mạng Tháng Tám, lớp tri huyện cuối cùng vừa nhậm chức thì cách mạng nổ ra, nhiều người đi theo cách mạng, nên có câu nói chung: quan huyện mũ trắng... để chỉ những người này.

Cùng với cái mũ trắng, có giầy trắng, nên các hàng xén, các hiệu tạp hóa có bán sẵn những viên phấn hình vuông tựa như bao diêm; khi cần đánh giầy mũ thì cạo phấn ra hòa với nước mà đánh. Ở Hà Nội có một số em nhỏ cầu bơ cầu bất, làm nghề đánh giầy đánh mũ, tay xách cái hòm con, trong đựng đủ loại xi nâu xi đen, và thể nào cũng có mấy viên phấn như thế.

Trước đó nữa, những tên tây thực dân, tây đoan, tây cẩm thường đội mũ "cát" vành to, chỏm sâu, trắng hoặc vàng, đi đâu mũ cũng sùm sụp trên đầu vì chúng chưa quen với cái nóng nhiệt đới của nước ta. Loại mũ đó dân ta thường gọi là "mũ tây đoan".

Trước năm 1945 ở Hà Nội có trường đua ngựa. Người cưỡi ngựa gọi là "dô kề" (không hiểu vì sao lại có cái nhóm từ "du côn du kề", chắc là loại người này thường ăn chơi kiểu anh chị?). Họ đội cái mũ vải mềm, thường là màu trắng, có cái lưỡi trai dài để che nắng. Cái mũ ấy cũng được gọi là "mũ dô kề". Ít lâu nay loại mũ này phát triển trở lại, rất phổ biến, có khi chỉ còn là một cái vành quanh đầu để đỡ lấy cái lưỡi trai phía trước là chủ yếu. Mốt mới nhất đấy. Tuy vậy, trời nắng, cái lưỡi trai quả là rất tác dụng bảo vệ đôi mắt rất tốt.

Mũ "be rê" có đã lâu. Người ta thường gọi là mũ nồi. Người lớn đội mũ màu đen, trẻ em đội nhiều màu khác nhau. Cái mũ nồi chỉ có giá trị khi trên chỏm còn một cái đuôi bé tí tẹo như đuôi chuột. Nhiều người hay đội lệch hẳn sang một bên, như thế mới là chơi sang, là công tử, dù rằng có câu "ai đội mũ lệch người ấy xấu", câu này thường được hiểu theo nghĩa bóng nhiều hơn.

Kháng chiến chống Pháp có loại mũ lá, làm theo kiểu mũ cát, nhưng chỉ toàn là tre lá thay vải. Thường trên phủ lưới để gài lá ngụy trang cho dễ. Nó đã đi vào lịch sử, đi vào thơ ca một thời, thành kỷ niệm không quên của bao người.

Sau này nó được cải tiến, lõi rất cứng, không phải bằng li-e, bằng cây dút dại, cũng không phải bằng mùn cưa ép, có thể ngồi lên nó thay cho ghế mà không bẹp. Có thời kỳ loại "mũ cối" này rất đắt, có những thanh niên chuyên đi cướp giật mũ cối, hoặc dùng nó làm vũ khí đánh nhau, nó cứng hơn búa.

Sau năm 1954, cán bộ Khu Năm tập kết ra Bắc khá nhiều. Rất nhiều người làm ở ngành đường sắt, nhất là các phòng thuế. Không ai bảo ai, không ai bắt buộc, phải có đồng phục, vậy mà hầu như anh nào cũng có chiếc mũ "cát" có "bo" rất dày, quả mũ hơi nông, lợp vải màu hơi xám. Cứ nhìn ai đội mũ kiểu ấy, biết ngay là cán bộ phòng thuế, hoặc sắp sửa quát nạt khách đi tàu hỏa. Thanh niên gốc Hà Nội không ai đội loại mũ này.

Có một thứ mũ đã thành huyền thoại, đi vào lịch sử cùng cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đó là mũ "tai bèo" của anh chiến sĩ giải phóng. Gọi là tai bèo vì nó làm bằng vải mềm, nên vành mũ chỗ cong lên, chỗ cụp xuống, trông giống như cái lá bèo tây, bèo Nhật Bản. Nó chỉ có một màu cổ điển là màu vải ka-ki. Nó có dây buộc xuống cằm. Sau giải phóng vẫn có nhiều người đội, nhất là đội viên Thanh niên xung phong. Nhiều khách nước ngoài đến ta, cũng cố kiếm một cái mang về làm kỷ niệm.

Thoát ý từ mũ tai bèo, nếu màu trắng, lại thành một loại mũ khác hẳn. Người ta còn in chữ tây chữ tàu lên vành mũ, lúc đầu chỉ có một số phóng viên đội, sau phổ biến rộng, rất nhiều người đội.

Có nhà thơ tiết kiệm, phá cái quần cũ ra may thành chiếc mũ, do chính bàn tay khéo léo của bà vợ ngồi đạp máy khâu, sáng chế ra, nó hơi giống mũ tai bèo, lại hơi giống mũ phóng viên, cũng lại hơi giống mũ của hướng đạo sinh của cụ Hoàng Đạo Thúy ngày xưa. Đó là nhà thơ T.L.V. có bà vợ là người dân tộc Thái, vừa đẹp vừa hiền.

Loại mũ phóng viên này thuận tiện, có thể gấp lại cho vào túi, nhất là đối với những người hay quên.

Nếu mùa hè nhiều người đội loại mũ phóng viên thì mùa đông nhiều bà vợ lo cho sức khỏe của chồng, đã đan những cái mũ len, để chống lại cái gió mùa như dao cắt của miền Bắc. Thực chất đó là những cái túi có khi là len tiết kiệm nên có đến dăm bảy màu trong một cái mũ. Có cái lại trùm kín toàn bộ cái đầu chỉ hở hai con mắt, như một thứ mặt nạ. Các nhà sư có mũ ni, nay có cái mũ biên phòng cũng tương tự, chỉ khác là nó dày hơn.

Cùng thời với mũ be rê còn có mũ "cát két". Lúc đầu đây là mũ của thợ thuyền, thường xanh công nhân, sau nhiều người đội. Màu sắc cũng thay đổi. Có loại có múi, có loại tròn, và chất liệu cũng phong phú. Có người may quần áo rét, còn thừa vải, may thêm cái mũ cát két, như một thứ "complê", dù rằng không cần thiết.

Vua hề Charlot có nói về bộ trang phục của mình đại ý cái mũ là sự tôn trọng danh dự, không thể thiếu. Có lẽ ở phương tây thì thế. Ở Việt Nam có khác. Rất nhiều người không có thói quen đội mũ vì không thấy cần. Nhà viết kịch Hoàng Tích Linh, suốt mấy chục năm cuối đời không hề đội mũ, chẳng sao.

Xưa, đang đội mũ, khi chào ai, phải ngả mũ, chí ít cũng phải chạm tay vào vành mũ như định ngả mũ ra chào. Gặp đám tang dứt khoát phải bỏ mũ, cầm trong tay, đám tang đi hết mới được đội trở lại. Vào nhà dù bất cứ nhà sang hay nghèo, đều không được đội mũ trên đầu. Nay có cảnh vào hội trường Ba Đình, Nhà Hát Lớn, vẫn có lắm ông đội sùm sụp cái mũ trên đầu. Có người phải nhắc khéo: ở đây không dột đâu. Học trò không được đội mũ trước mặt thầy.

Thế kỷ trước làm gì có con gái đội mũ. Nay quen mắt, trông cũng được. Chỉ có điều nên đội loại mũ gì, màu gì, chất liệu gì

cho phù hợp với thời tiết và khuôn mặt mình, đội vào lúc nào... cũng nên cân nhắc, chứ không nên chỉ là để khoe một cái lạ, có khi là lố lăng. Thử nghĩ trong bữa tiệc mà có cô gái đội mũ bảo hiểm xe máy như mũ phi công vũ trụ, liệu có coi được không nhỉ.

Cái mũ đã thay cái nón nhiều. Chỉ ở nông thôn hoặc những nơi lao động vất vả, cái nón mới được sử dụng. Cũng là xu thế thời đại.

Khuôn mặt đẹp, đội cái mũ đẹp càng đẹp thêm. Không biết cách trang điểm hoặc cách ăn mặc, chỉ tổ người ta chê cười. Đội mũ cũng không ra ngoài quy luật ấy.

Chuyện giày dép

Trên sân khấu truyền thống, ta thường thấy các nhân vật nữ đi hài, nam đi hia, đi ủng. Không hiểu những thế kỷ trước cha ông ta có thực ăn vận thế không. Còn người dân bình thường đâu phải lúc nào cũng có giầy dép mà đi vì quanh năm chân lấm tay bùn. Có đôi guốc là quý rồi. Đến ăn cỗ nhà ai, guốc cắp nách, đến cửa mới xỏ chân. Ngay tối đi ngủ cũng xoa xoa đập đập hai chân, một kiểu rửa chân cạn.

Riêng phụ nữ có loại guốc gỗ, đẽo cả bằng một gộc tre đào lên, tựa như đòn gánh người bán cốm, phía trước cong lên, có xỏ dây để lồng ngón chân giữa, phía sau có quai để giữ bàn chân.

Các bà đi chợ xa thường đi đôi dép da rất mỏng, không có đế, cũng có quai sau, lỗ xỏ ngón chân giữa. Loại này thường kéo lê quèn quẹt.

Đàn ông thường đi dép bện gọi là hài xảo.

Người ở tầng lớp trên thường đi giầy Gia Định, một loại dép bịt kín phía trước bằng da đen bóng. Sang rồi đấy.

Cuối thế kỷ trước đầu thế kỷ này mới xuất hiện đôi giầy tây như Tú Xương đã viết: *Giầy giôn anh dận, ô tây anh cầm.*

Giầy giôn là giầy tây đóng bằng da, màu nâu hoặc vàng thẫm. Ăn chơi hơn thì đi dầy "đơ cu lơ" tức hai màu, trắng đen hoặc

trắng nâu. Đi dự tiệc sang trọng mới đi giầy đen. Dân lính tẩy thì đi giầy xăng đá, tức giầy đinh, riêng của lính, bằng da thô, đế đóng nhiều đinh to, đi thì kêu cồm cộp (do chữ Pháp soldat là lính).

Người thường, mùa hè đi xăng đan không cần bít tất. Khác với người phương tây dù nắng thế nào cũng phải có bít tất, vì họ quan niệm để hở ngón chân là bất lịch sự. Một nhân vật hình như của Lep Tôlxtôi còn tự ngượng khi nhìn thấy ngón chân của chính mình ngọ nguậy trên giường.

Người giàu có, ăn chơi muốn tỏ ra sang trọng thì đi giầy da lộn, chỉ chải chứ không cần đánh xi.

Có loại giầy tây có đóng cá ở dưới, khi đi kêu vang, loại cá hình bán nguyệt bán sẵn ở hàng xén, như báo hiệu có mặt trước khi hiện diện, khác với loại đế crếp, rất êm, không tiếng động, như bước chân con báo.

Chợt nhớ một số bộ phim có những nhân vật cần bí mật vậy mà khi chạy trốn, giầy có cồm cộp, kiểu lạy ông tôi ở bụi này. Lạ đấy chứ.

Cùng với giầy da còn có giầy vải gọi là ba ta, tên hãng giầy của một người Tiệp Khắc nổi tiếng khắp thế giới. Người ta bỏ khi rách thì người hủi hay đi để che đôi chân, bàn chân lở loét, hoặc đã rụng ngón. Có chuyện thực xảy ra, một anh đi chơi công viên, bị bắt vào đồn cảnh sát, khi người công an cho biết cô gái vừa đi cùng là hủi, nên mới đi giầy ba ta, anh ta hoảng quá, giữa đêm đông anh ta cũng nhẩy bừa xuống hồ mà tắm, mong cho hết cái máu hủi trên người.

Người giầu trong nhà cũng hay đi păng túp là loại giầy vải mềm, thay dép cói vì ấm hơn.

Trước cách mạng Tháng Tám một vài năm có một người có sáng kiến làm dép cao su trắng, gọi là dép Con Hổ. Dép mỏng, mềm, đế cũng nhẹ, phía trước hai quai chéo, phía sau một quai ôm gót, đi trời nắng cũng được mà mưa cũng được. Dép rất phổ biến, hàng triệu người dùng vì thế mà sau đó có loại Con Voi, Con Sư Tử... cạnh tranh. Nhưng Con Hổ vẫn tốt nhất.

Đôi dép lốp cao su đen gọi là dép Bình Trị Thiên cấu tạo theo mẫu này. Nó đã góp phần chống ngoại xâm và đi vào lịch sử. Sau cũng được cải tiến, quai đỏ rồi đế cao su đúc... có người dùng để đi khiêu vũ. Người cẩn thận lúc nào cũng thủ một cái rút dép bằng tre hoặc bằng sắt trong túi để quai có tụt thì tự sửa ngay. Nó còn có tên dép râu vì phía dưới còn thò ra một loại quai cao su cho khỏi tụt.

Cái gì cũng có thời của nó. Một dạo gần như tất cả thanh niên thành phố đều đi giầy đen, loại giầy Unique mà người ta nói ngọng gọi là Uylích. Đáng lẽ đi giầy này phải mặc com lê đen, nhưng...

Đi giầy đen nhưng giầy mốc, loang lổ, bụi bậm, bùn đất, không được đánh xi bao giờ, thật kỳ quặc. Sau đó lại xuất hiện loại xăng đan gọi là xuồng. Gần đây là giầy Adidas, loại giầy vải cao cổ gần giống với giầy của người đi rừng, đi khảo sát thủy văn hay khoáng sản. Có người đọc tiếng tây sang vần là thành giầy Adi đà...

Sau đó, cơ quan phân phối dép nhựa Tiền Phong, mươi người bình nhau một đôi, ra đường chỉ thấy một loại thành thử hàng nghìn đôi chân hoàn toàn giống nhau.

Có một hãng giầy nổi tiếng, thành phố nào cũng có chi nhánh, phục vụ khách hàng vô điều kiện từ giầy mới đến đóng lại

cái đế, sửa cái cá, vá chỗ rách, dán chỗ há mõm... Đó là hãng Đinh Tường. Ông thợ giầy kiêm chủ nhân, mặc cái tạp dề xanh, kẹp cái giầy vào đùi mà sửa, ông ngồi trên cái ghế đẩu bé tí, kính trễ xuống mũi. Hãng này có tên như thế vì nó là hàng ở vỉa hè, giầy cứ treo trên tường, trên những cái đinh đóng vào tường... Vui thật, ngôn ngữ dân gian thật giỏi.

Trời mưa dân thành phố không phải lội bùn ì oạp bằng đôi chân không vì đã có bốt, ủng cao su cao quá mắt cá chân.

Giầy dép cũng phải thay đổi màu sắc theo mùa. Mùa hè giầy dép thường là trắng. Mùa đông thẫm màu. Xăng đan giầy trắng đánh bằng phấn, bán sẵn từng miếng vuông. Còn giầy màu có nhiều loại xi khác nhau.

Đó là giầy đàn ông. Còn đàn bà cũng điểm trang cho đôi chân của mình không kém phần cầu kỳ phức tạp. Từ giầy muyn, giầy cườm, nào hài, nào hán, nào giầy nhung, nào dép đủ kiểu, nào guốc sơn mài, cao gót thấp gót, nào khảm trai, nào quai lưới... Một cuộc ganh đua bất phân thắng bại.

Cũng vui. Ta không theo chủ nghĩa khổ hạnh. Thời bao cấp cũng qua rồi, đi ra đường nhất thiết chân phải bẩn hoặc đi chân đất mới là thành phần cơ bản, thành phần đáng tin cậy. Tiết kiệm vẫn cần nhưng không thể tuỳ tiện nhếch nhác. Không thể đóng cửa mọi hãng giầy, mọi nhà sản xuất xi vì không ai đi giầy cả.

Một ông vua mở cuộc thi vẽ: vẽ công chúa vừa đi chơi ở vườn thượng uyển ra, nhưng không được có hoa trong tranh. Các họa sĩ người thì vẽ vườn hoa, người thì vẽ công chúa cầm hoa (phạm trường qui) người thì vẽ con ngựa cắn bông hoa... Một họa sĩ vẽ một đàn bướm và ong bay quanh chân ngựa. Chàng được thưởng lớn. Từ giai thoại ấy bạn tôi kể chuyện về một ông đi giầy mà

không đi bít tất, ông bỏ chân ra có một đàn chuột chạy qua, con nào cũng chỉ đi ba chân, còn một chân thì dùng để bịt mũi, không dám ngửi cái mùi chân ông ấy... Có những gia đình coi trọng cái sàn nhà, trời rét cũng bắt khách bỏ giầy dép phía ngoài, bất tiện quá. Có ông khách quá lúng túng vì bít tất quá rách, xấu hổ, đành thoái thác, không vào nhà nữa, lấy cớ bận đi ngay.

Lê Nin từng pha trò là Người thích đi đôi giầy đã được đánh xi bóng lộn nhưng lại không thích phải tự tay đánh giầy... Lại có câu tục ngữ: Không có gì xấu hổ bằng đi đôi giầy dính bùn mà xuất hiện trước đám đông. Nghĩa bóng chăng? Nghĩa đen cũng đúng. Và không gì ngán bằng có những đôi chân cứ lê guốc dép quèn quẹt, đến đâu thì tung bụi mù mịt đến đó.

Nay, triệu đôi chân thì có triệu đôi giầy dép, nhất là ở các thành phố. Không ai đi chân đất, kể cả các em bé. Giầy dép vì thế mà đủ loại đủ kiểu, có đôi bình dân, có đôi đắt kinh khủng, giá bằng một năm lương cán bộ trung cấp...

Gì thì gì, mặc bộ đồ lớn mà đi xăng đan thật không đúng kiểu, nhất là đi đôi dép râu kèm thêm bít tất thì đúng là phản mỹ thuật, hoặc khiêu khích xung quanh, chí ít cũng là không biết cách ăn mặc.

Cái đẹp vẫn là cái trang nhã, lịch sự, tôn trọng mình và tôn trọng người xung quanh, dù chỉ là đôi bàn chân.

"Giữ cho cái đầu luôn mát và đôi chân luôn ấm", câu nói của một thầy thuốc cũng là một câu xử thế hay vậy. Giầy dép phục vụ con người, trang trí thêm cho đôi chân, nhưng đôi chân lem luốc thì cũng... vứt...

1990

Nét mặc một thời

"Ăn Bắc mặc Kinh". Câu nói ấy có từ bao giờ? Và Kinh đây là Huế hay Hà Nội ? Có lẽ là kinh thành Hà Nội, bởi Thăng Long - Hà Nội xưa nay vẫn có một nét gì đó, một phong thái nào đó đặc biệt hơn nơi khác.

Hiện nay người Hà Nội có thể rất tự nhiên ngồi xổm ở vỉa hè nhồm nhoàm nhai nộm uống bia, mặc cho ruồi nhặng bay xung quanh. Nhiều người cởi trần trùng trục, nhiều người tắm ngay ngoài vỉa hè mặc kệ đó là con đường đông đúc. Nhiều chị em mặc quần áo ngủ nhàu nát đi nghễu nghện ngoài phố, áo thì có những vết nhăn như vừa lăn lộn, quần thì không thiếu những vết hoen ố. Có bà có chị còn mặc áo toạc nách quần tướp gấu, đi dép lê bước đến đâu quèn quẹt đến đấy, tung bụi mù mịt nữa.

Xưa nay người Hà Nội thường có cách ăn mặc riêng rất đẹp, vừa lịch sự nền nã, hào hoa trang nhã, vừa lộng lẫy mà vẫn kín đáo.

Áo tứ thân, áo đổi vai, áo mớ ba mớ bảy. Dải yếm thì có bộ, nhiều màu, từ hồ thủy thiên thanh, đến mỡ gà, hoa đào, chỉ phơn phớt hoa đào chứ không nồng thẫm như cánh hoa sen - Dải yếm không phải là cái dải để thắt hoặc buộc yếm, mà chính là thắt lưng, có thứ là dải lụa, có thứ là thắt lưng bao (ruột tượng). Dải yếm thường dài, thắt một vòng lưng vẫn còn vương chùng cả hai đầu phía trước bụng, gần sát đất. Theo quan niệm thời ấy, dải yếm

để che phần trước bụng của đàn bà con gái cho kín đáo. Quan niệm thẩm mỹ đã thay đổi, từ càng kín đáo càng tốt thì ngày nay người ta ăn mặc làm sao cho nổi mọi đường cong của cơ thể con gái, càng lộ ra bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Cùng với dải yếm là sợi dây xà tích bạc, có ống vôi hình quả đào chạm trổ tinh vi. Mỗi bước đi, sợi xà tích như nói thầm điều gì đó. Ấy không kể những thứ nữ trang khác như kiềng, xuyến, vòng, hoa, hột, dây chuyền, lập lắc...

Sang đầu thế kỷ này, áo tứ thân cải tiến thành áo dài, lúc đó gọi là áo *tân thời*. Ngày nay áo dài đã trở nên phổ biến, rất đặc trưng cho Hà Nội, Việt Nam, thì lúc đó nhiều gia đình phong kiến, nho học, còn chống lại, không cho con em mặc ra đường, coi nó như một thứ y phục của những người hư hỏng. Thế mới biết cái mới bao giờ cũng phải đấu tranh kịch liệt mới tự khẳng định được mình, mới tồn tại, và mới biết không ai chống lại được quy luật, đi ngược lại ý chí của đa số người dân.

Mấy chục năm trước đây, áo dài có chiều dài gần chấm gót. Mới khoảng mươi năm lại đây, nó được nâng ngắn lên trên đầu gối. Cái nào tha thướt hơn, xin để công luận đánh giá và thời gian trả lời.

Song song với y phục cầu kỳ mà nền nã của người phụ nữ, thì nam giới cũng có cách hào hoa trong lối mặc của mình. Người sang thì áo lam, áo gấm, áo đoạn, áo the, trong còn mặc áo lót áo dài trắng, người bình dân thì áo vải thâm.

Phụ nữ vấn khăn trần, khăn vấn, khăn vuông, khăn mỏ quạ thì đàn ông cũng có khăn nhiễu khăn lượt. Phụ nữ mặc váy lĩnh cạp điều, gấu cũng màu đỏ để khi đi, gió lướt, màu đỏ ấy chập chờn hiện ra thoáng một cái lại biến đi ngay, hấp dẫn nhưng không khêu gợi. Người sang thì còn để lộ hai ống quần lụa *sát si* trắng

lốp, khi đằng sau váy hếch lên một chút, và đằng trước chùng xuống những nếp gấp cong cong, như thế gọi là váy *cửa võng*. Những cô gái buôn hàng tấm đảm đang của vùng Đình Bảng, Chợ Dầu thường mặc kiểu này. Đàn ông thì quần ống sớ. Gọi là ống sớ vì thường quần may bằng vải trúc bâu, cát bá, hơi cứng, là phẳng phiu, gợi giống như cái ống bằng giấy đựng tờ sớ khi cúng, ông thầy cúng sẽ đốt, khi cúng xong.

Phụ nữ đi hài đi hán, hoặc guốc đẽo bằng gỗ. Guốc là cả một cái gộc tre đào lên, đẽo cong đều phía trước, ở giữa có quai buộc, đi một bước sẽ kêu lộp cộp, y như muốn công khai trong sự đi đứng chứ không có gì khuất tất cả. Đàn ông đi giầy Gia Định, da bóng láng, đen nhánh, bịt kín năm đầu ngón chân còn phía sau hoàn toàn hở, đây là loại dép lê, khi chưa có giầy tây. Nay mỗi lần nhìn thấy người con gái bán bánh cốm có cái đòn gánh cong một đầu, lại nhớ đến những đôi guốc nặng chình chịch thời xưa ấy.

Đàn ông mỗi lần đội chiếc khăn lượt thật công phu, mất thì giờ. Khoảng đầu thế kỷ này, ở phố Hàng Bông có nhà có sáng kiến sắp sẵn cái khăn lượt khăn nhiễu ấy vào khuôn, thành cái khăn cố định,, chỉ cần chụp một cái lên đầu như đội mũ là xong, người ta gọi đó là khăn xếp. Cái khăn xếp vẫn giữ được chữ "nhân" trước trán, và phía sau vẫn có thể giữ được cái búi tó nếu không to quá. Thật tiện lợi, thoải mái.

Các bà các chị thường mặc váy ra đường. Váy của người Hà Nội không phải là thứ váy đụp, mà thường bằng lĩnh, bằng lụa hoặc thứ hàng dầy nhưng vẫn mềm mại. Có câu ca dao:

Cái thúng mà thủng hai đầu.

Bên tây thời có bên tầu thời không

là để chê cười cái váy khi mặc quần đã trở thành phổ biến. Váy lĩnh thường mặc trùm mắt cá chân chứ không mặc ngắn, đi đứng,

người có ý bao giờ cũng khép nép, thu vén cẩn thận, không thì như Hồ Xuân Hương nghịch ngợm: Khéo hớ hênh ra lắm kẻ nhòm... Ai nhòm thì chưa biết, nhưng bản thân cô gái mặc váy ấy sẽ bị chê cười trước tiên, bị gọi là "đồ thối thây". Nhục nhã lắm.

Theo thời gian, y phục thay đổi dần. Sang thế kỷ này, đàn ông quen với áo sơ mi thay cho áo cánh - còn gọi là áo khách - âu phục thay cho tấm áo the đoạn dài. Sang thì *complet, costume*. Cốt tuym là comlê không có gi lê. Mùa rét thì bộ đó may bằng tuýt suy, len dạ. Mùa thu bằng trôpical, mùa hè bằng tuýt so, đũi, hoặc vải trắng. Mùa nào có quần áo với màu sắc của mùa ấy, không ai mặc lẫn lộn, sẽ bị chê cười ngay. Chẳng hạn mùa đông mặc trắng sẽ bị chê là *Tây Tam Đảo*.

Cùng với quần áo là giầy dép. Trang trọng thì giầy đen. Ngày thường có thể đi giầy da vàng, gọi là giầy giôn. Tú Xương có câu thơ: "Giầy giôn anh dận, ô tây anh cầm" là thứ giầy này. Trời nóng thì giầy trắng, tỏ ra diện thì đơ cu lơ tức là hai màu trắng với đen hoặc trắng với vàng. Bình dân thì xăng đan, cài quai hậu nghiêm chỉnh. Giầy dép bao giờ cũng phải sạch, phải bóng, vì vậy mà có những em bé chuyên đi đánh giầy rong khắp phố phường.

Màu sắc của y phục gần như được xã hội qui định và công nhận. Bị gọi là Tây Tam Đảo tức là giữa mùa đông mà quần áo mùa hè như đi nghỉ mát, một là bị coi là nghèo, hai là bị coi khinh là không biết ăn mặc. Bây giờ, lắm lúc giữa mùa hè mà lắm cô gái đánh một bộ đen tuyền, cả bít tất, cả mũ cả đôi bao che hai cánh tay cho đỡ bắt nắng, mà giật mình, rùng mình vì thấy nó ngốt ngát quá toát cả mồ hôi. Hoặc ngược lại có cô giữa mùa đông chơi một bộ trắng toát đến lạnh cả gáy. Khoan hãy nói về sự phản khoa học của cách ăn mặc này, cách "chơi trội" này, chỉ nói đến khía cạnh thẩm mĩ đã thấy đó là những cô gái thiếu đầu óc.

Cái cà vạt (cravatte) cũng được mang theo một cái nghiêm ngặt. Đi dự đám tang dứt khoát phải màu đen, chí ít cũng phải màu tối. Đi dự đám cưới mới được mang màu đỏ hoặc màu tươi. Nếu làm ngược lại sẽ bị coi là người khiếm nhã, bất lịch sự, thiếu giáo dục.

Khoảng ba bốn chục năm trước đây, phụ nữ ra đường đều mặc áo dài dù chỉ để mua một mớ rau. Con nhà giàu thì có áo dài màu, quần trắng. Người trung lưu hoặc đứng tuổi thì áo dài thắt vạt, vải đồng lầm. Mặc áo cánh ra đường người ta cảm thấy tự ngượng ngay với bản thân, vì bị coi là không đứng đắn, không lịch sự.

Có người áo đã rách nhưng miếng vá rất ngay ngắn, đúng màu vải, màu chỉ có luôn sạch sẽ. Đúng là áo rách khéo vá hơn lành vụng may và đói cho sạch rách cho thơm hiểu theo nghĩa đen thông thường.

Có người bảo: Những cái ấy là giả tạo, là hình thức, cần gì. Bây giờ hiện đại, mặc gì chả được, mà phải theo mốt chứ, đừng nên trở thành ông già Khốt bảo thủ...

Không cãi. Xin nêu lên để mọi người phán xét, vì ai cũng có quyền, không ai áp đặt được ai, dân chủ mà. Đúng sai, xin để xã hội và thời gian kết luận. Chỉ xin nêu một ví dụ: Từng đã có một vị cửa hàng trưởng của một cửa hàng lịch sự giữa vườn hoa, mặc áo may ô để tiếp khách nước ngoài. Mà cái áo may ô đẫm mồ hôi, không hiểu nó là màu gì nữa. Khách nước ngoài bỏ ra về ngay. Vậy đấy. Hẳn không phải cứ mốt này kiểu nọ, mà đầu tiên là trang nhã, lịch sự, sạch sẽ. Đó là thời trang chứ gì.

Còn nếu bảo mỗi người thích thế nào thì cứ mặc thế ấy theo sở thích riêng, rồi tha hồ quảng cáo không công cho mọi kiểu lố lăng nhăng nhố, lai căng, du nhập vô tội vạ vào đây, bất chấp tính

dân tộc, thẩm mỹ, khoa học, bất chấp dư luận xã hội... thì không hiểu rồi đây, chúng ta sẽ ra sao? Cũng may mà có một nhà tạo mốt nổi tiếng nước Pháp đã nói: "Cái may và cái hay của mốt là nó chỉ tồn tại một thời gian rất ngắn". Cái lâu dài mới là cái đáng khuyến khích, mới là chân giá trị.

Một nhà văn cũng nói: "Một người, nhất là phụ nữ, cần *phải biết ăn mặc* như thế nào, và cũng cần *phải biết không nên ăn mặc* như thế nào..."

Quả là lắm lúc ra đường, thanh niên bây giờ ăn mặc đẹp thật, đủ kiểu, đủ màu. Chỉ tiếc trong đó có nhiều người quá sùng ngoại, trở thành kệch cỡm, làm cái đích cho mọi người chê cười. Và cũng lại còn có một số người ăn mặc quá xô bồ, cẩu thả, coi khinh mọi người xung quanh và như thế là tự coi khinh mình.

Ăn mặc là nét văn hóa có thể tồn tại lâu dài. Chắc tất cả chúng ta đều mong mọi người mặc thật đẹp. Khó, nhưng là điều tất yếu phải đến.

Tấm thiếp

- Độ này anh ở đâu?

- Tôi ở số... phố...

Không tiện mang giấy bút, có người ghi tạm địa chỉ của bạn vào tay, có người nhờ vào trí nhớ, nhưng chỉ hôm sau, bàn tay bị rửa đi, trí nhớ mải bao công việc, thế là địa chỉ người bạn, lại rơi vào quên lãng. Bạn mà ở khu tập thể, nào phòng, nào tầng, nào nhà... càng khó nhớ hơn, dẫn đến tình trạng lần nào cũng nói địa chỉ, nhưng lần nào cũng quên, và hàng năm chẳng đến thăm nhau được.

Nếu có cái danh thiếp, thật tiện lợi. Chỉ cần tấm giấy nhỏ, cứng một chút, ghi tên, địa chỉ, nếu sang hơn, ghi thêm số điện thoại.

Trước đây mấy chục năm, tấm danh thiếp rất phổ biến, thuận tiện cho giao dịch, quan hệ, nhất là những nhà buôn lớn, những người quảng giao, trí thức...

Danh thiếp là thứ rất dễ in, lúc nào cũng sẵn nơi nhận in, ít cũng được, thường chỉ in khoảng một trăm chiếc, hết lại in tiếp.

Gặp bạn, đưa tấm danh thiếp, thế là không phải dặn dò ghi chép lôi thôi. Đến nhà ai, chủ nhân đi vắng, khách để tấm danh thiếp lại, nhét vào khe cửa, chủ nhân biết, khách đến, sẽ đáp lễ sau, hoặc khách ghi một dòng, dặn công việc cần thiết, thật thuận

tiện. Trường hợp này, chỉ cần nhớ phải gấp một góc phía bên phải, bên trên, chứng tỏ bản thân người có danh thiếp trực tiếp đến, và còn hiểu ngầm rằng danh thiếp này đã dùng lần này xong, coi như không còn giá trị nữa.

Một thời kỳ dài, con người bị chìm đi trong cái đại thể, cá nhân không có nghĩa gì, ai nhắc đến bản thân mình là có lỗi. Không thành văn bản, nhưng ai mà dùng tấm danh thiếp sẽ bị coi là này nọ ngay, vì thế tấm danh thiếp đã biến mất khỏi đời sống giao dịch hàng ngày. Muốn dặn nhau, phải ghi vào đủ các loại giấy có lúc ấy, số đây nói lại càng hiếm có, chức phận thì ai cần phô trương với người gặp ngoài đường, đã có chốn có nơi sang trọng đàng hoàng chờ sẵn. Tấm danh thiếp là một thứ xa xỉ phẩm, là chơi trội, là trưởng giả học làm sang, là đủ thứ bị chụp lên đầu.

May thay, con người lâu nay được đánh giá lại phần nào, mỗi cá nhân đều có chỗ đứng trong xã hội, tạo ra tập thể xã hội. Và tấm danh thiếp được hồi sinh trở lại.

Phổ biến là giấy trắng, dày, nhẵn, trên đó khiêm tốn ghi dòng Họ và tên, dưới là nghề nghiệp, địa chỉ, và góc phía dưới có thể ghi số điện thoại. Đó là thứ danh thiếp thông thường nhưng trang nhã, lịch sự, khiêm tốn, của người có văn hóa, rất dễ mến.

Có lắm người có chức vụ khá cao hẳn hoi nhưng chỉ khiêm tốn ghi nghề nghiệp đơn giản. Chẳng hạn một nhà báo nọ là Phó Tổng biên tập nhưng chỉ ghi: "Nhà báo". Thật giản dị mộc mạc mà đáng khen.

Cạnh đó cũng không ít những người thích khoe, hãnh tiến hợm đời, chẳng làm gì cũng tự phong chức này chức nọ, nhưng chỉ một mình ông ta biết, và bạ ai, ông ta cũng đưa danh thiếp, còn in hoa hòe hoa sói, hai ba màu sặc sỡ, chữ vàng kim nhũ chữ bạc ngân nhũ óng ánh.

Cùng họ với danh thiếp còn có thiếp cưới. Đó là thứ giấy mời, hẹn ngày giờ, địa điểm. Nhà giản dị có khi chỉ gửi thiếp báo, tức là chỉ báo tin mà không mời, vì một lý do nào đó.

Có lắm chuyện vui quanh cái thiếp cưới. Người ta cứ phải in một chữ tầu "song hỷ", có khi còn kèm đèn lồng có tua, có địa phương thích in bàn tay nâng ly rượu, hoặc trên nền hoa văn, có cả người đánh xe ngựa, người cầm lọng y như bìa cuốn sách Đông chu liệt quốc, kể chuyện cách đây vài nghìn năm. Chữ nghĩa cũng đa dạng. Sính dùng từ Hán Việt hơn từ thuần Việt, chẳng hạn: Lễ vu quy cho thứ nữ tại tệ xá v.v... và v.v... Hình như có thế mới là sang và đôi trai gái kia mới sống cùng nhau tới lúc răng long đầu bạc?

Suy cho cùng người ta thừa tiền, người ta có quyền khoe chứ nhỉ, chỉ có điều, xưa nay cái giản dị khiêm tốn vẫn là cái lịch sự, cái đẹp nhất mà thôi.

Họ hàng gần gụi với thiếp ấy còn có bưu thiếp. Có chữ bưu có lẽ là thường gửi cho nhau qua bưu điện hoặc lúc đầu do bưu điện phát hành, và như vậy loại này chỉ có thể xuất hiện sau khi đã có ngành bưu điện, còn khi chỉ có ngựa trạm, dù là ngựa Lưu tinh hay cầm đuốc chạy công văn hỏa tốc của việc quan, cũng chưa thể có tấm bưu thiếp.

Năm 1955, Việt Nam có tấm bưu thiếp đã đi vào lịch sử. Sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hòa bình được lập lại, nhưng đất nước tạm chia làm hai miền Nam Bắc, theo thỏa thuận, tấm bưu thiếp chung được phát hành rộng rãi để nhân dân hai miền thăm hỏi nhau, chờ ngày thống nhất sum họp. Đó là tấm thiếp màu trắng, in sẵn một số câu chữ, người cần gửi, mua ở bưu điện, gửi cho người thân. Lúc đầu tấm bưu thiếp được sử dụng khá thuận tiện, người thân xa nhau lâu ngày nhận được tin nhau, thật mừng. Nhưng chẳng bao lâu, chỉ mấy tháng sau đó, tấm bưu thiếp đã bị

phía miền Nam hủy bỏ, và người miền Bắc gửi, cũng bị phía miền Nam không chuyển cho người nhận. Thế là nó bị mất hoàn toàn.

Thông thường, bưu thiếp là loại thiếp phổ biến của bất cứ nước nào in phong cảnh, tranh ảnh, các thiếu nữ, những bông hoa đẹp... để chủ yếu là khách du lịch gửi về gia đình, chứng tỏ cho người thân biết nơi mình đã đến. Tận dụng ý nghĩa ấy, người ta tranh thủ giới thiệu đất nước qua những tấm bưu thiếp danh lam thắng cảnh, in màu, thật đẹp với kỹ thuật cao, để thế giới biết đến đất nước mình.

Hiện nay, tết đến, đi chúc tết nhau vẫn là một phong tục đẹp. Cạnh đó, trước tết, người ta có thể chúc nhau trước bằng cách gửi thiếp chúc mừng năm mới cho bè bạn, người cộng tác, cấp trên gửi cấp dưới (để khỏi phải đi chúc tết mất thì giờ) hoặc cấp dưới gửi thiếp mừng cấp trên (để tỏ ra mình yêu quý cấp trên, nghĩa là hơi...)

Ngoài tết Nguyên Đán, các ngày 8-3, 1-5 v.v... cũng có thể gửi thiếp chúc mừng nhau, nhất là ngày 8-3, chàng nào có máu quý trọng phụ nữ hoặc đang có người yêu, nếu không gửi cái thiếp chúc mừng (sang hơn thì bó hoa tươi) sẽ cảm thấy thiếu thiếu một cái gì đó như chưa làm tròn bổn phận.

Các loại bưu thiếp này khá đa dạng về khuôn khổ, phong phú về phong cách, bằng nhiều chất lượng khác nhau, nhiều hình vẽ đẹp, có thứ như bức tranh lụa thu nhỏ, có tranh dân gian, có thứ hoa ép, có thứ hoa dán nổi, có thứ hoa in bằng máy in hiện đại v.v... Thật tiện lợi.

Họ hàng nhà thiếp có lắm thứ. Riêng cái danh thiếp đang có xu hướng tăng dần lên. Đó là điều đáng hoan hô bởi cuộc sống cũng đang có chiều hướng phát triển, trong đó Hà Nội đã có khá nhiều người quen dùng danh thiếp.

1991

Ngắm trăng

Hà Nội có nhiều ưu thế. Dân Hà Nội có nhiều điều sướng hơn những nơi khác. Nhưng có một nỗi niềm thua kém không sao sửa chữa được, đó là ngắm trăng.

Trăng xuất hiện chậm rãi như từ đáy biển nhô dần lên trên đường chân trời... Đẹp khó có thể nói.

Trăng như ngàn dải bạc đuổi theo nhau trên mặt sông đầy gió, trữ tình biết bao nhiêu, trước cảnh sông đã thành thác bạc lỏng.

Trăng khoan thai trên đồng cỏ rì rào, mướt mát trên bãi ngô, bãi mía, trăng chảy tràn đầy trên cánh đồng tít tắp không có gì cả chỉ toàn trăng.

Ngay khoang sân đất chật chội trước căn nhà lá ba gian, trăng cũng mang lại cho người niềm thanh thản khi bóng cau lây động, khi bờ rào lung linh và tiếng gầu ai va thành giếng tắm nước hay tắm trăng?

Hà Nội thiếu những ngày - hay đêm - trăng như thế. Thương cho những con đường Hà Nội đã chật hẹp gãy khúc, đã lô nhô mái nhà, khấp khểnh hơi nóng, ngột ngạt bụi bặm lại còn thêm những tầng cây che khuất. Và ngõ nhỏ quanh co ánh đèn vàng ệch. Trăng đã bị bỏ quên trên trời, không ai ngắm, và có người muốn ngắm thì lại chẳng gặp trăng.

Những quán cà phê mờ, cà phê xanh, nhưng hàng giải khát cố tình che bớt ánh sáng, chỉ còn ánh đèn đỏ như tiết đọng, với những chỗ ngồi chen chúc vai nhau không có cả một khe hở cho gió lọt, trần nhà lại bị treo thấp xuống, lè tè như sắp chụp xuống đầu người ...và những chộn rộn, choe chóe, rú rít của âm thanh... trăng nào có thể vào thăm, có thể gặp người?

Người quên làm trăng buồn tủi, trăng đành lặng lẽ vượt bầu trời trong cô đơn, soi xuống con đê dài ngoài kia, mặt hồ Tây nọ, hồ Kiếm này.

Những ngõ nhỏ Tràng An, Phất Lộc, Tạm Thương, Hàng Hương... trăng khó lòng xuống cùng người. Chật chội và ẩm ỹ không hợp với trăng.

Hè đường cống rãnh ô uế kia mà định mời trăng ư? Khốn khổ cho những giọt nước tù đọng đục ngầu, khốn khổ cho chiếc lá vàng quằn quại thèm một ánh trăng mà trăng đành quay mặt.

Cũng có đôi ba người trẻ, hoa niên mơ mộng, phơi phới hồn yêu, đêm rằm rủ nhau mang ít bánh trái lên mặt đê đón trăng. Gió lùa trăng lên sao mát thế. Mắt nhìn vào mắt, có nàng trăng bé tí ẩn trong đôi mắt say sưa. Người cũng đã thành trăng, quên hết đời.

Dăm bác già không có điều kiện vui thú điền viên, đêm trăng gặp hoa quỳnh nở, rủ nhau đem vài cút rượu, ấm trà lên trên sân thượng cùng trăng.

Chiếc chiếu rải trên nền gạch lá nem đã thành sàn thuyền bồng bềnh trong trăng trong gió từ lúc nào, đầy sóng trăng, đầy hương trăng, đầy lời trăng... Và tâm hồn người cũng hóa thành trăng, bay cùng trăng ngang trời. Vượt Ngân Hà, mặc cho sao Đại Hùng Tinh đã ngả xuống một đầu ô. Chén rượu suông đêm trăng hay chén trăng có rượu? Nào xin mời nâng chén, có hoa quỳnh làm bạn kẻo hoa sắp tàn phai.

Ngất ngưởng trên con thuyền sân thượng, thấy áo mình là buồm, cút rượu là tay lái, hành trang cuộc đời là râu cước, tóc phau có mang theo hay không cũng chả sao, miễn là trăng vẫn còn kia cùng ta.

Lại có đôi người đêm trăng đem nhau lên Hồ Tây, thuê một con thuyền, thả hồn vào mơ mộng siêu thoát. Ngày cưới chưa đến, hãy cùng nhau tâm sự để nhớ về đêm trăng này suốt đời. Mạn thuyền chỉ toàn trăng. Mái chèo khỏa vào trăng, và cả hai cũng đã thành trăng từ lúc nào mà lời nói mơ hồ đến vậy, em yêu ơi, anh yêu ơi...

Nghe nói trên thế giới có những thành phố, vào những đêm trăng, người ta tắt hết đèn đường để dân được ngắm trăng (cũng vừa tiết kiệm). Giá được đứng trên cầu Chương Dương, Long Biên mà thưởng trăng thì... nhưng đâu có được. Thật phí cả trăng mà người thì đành chịu khát thèm.

Cũng có dăm ba đường phố rộng dài cho trăng có thể xuống chơi nhưng cái ánh đèn lạnh lùng của thủy ngân nó phá hỏng mất trăng.

Hà Nội quả là thiệt thòi một phần vì thiếu vắng những chỗ thưởng trăng.

Có nhà thơ mất ngủ vì trăng đẹp, cứ ngồi thâu đêm nơi cửa sổ vốn cũng chẳng rộng gì, mà nghĩ lao lung, mà chớp mắt thu lấy trăng vào hồn. Cái chóng mặt ban ngày có nguôi ngoai chăng?

Người Hà Nội đành chép miệng, tự an ủi mình trong số phận không có cung tử vi về trăng chiếu sáng. Buồn lắm chứ.

Tâm sự này Trăng có biết cho chăng?

1991

Mùa say đắm

Nếu ví mùa đông là tuổi già, mùa xuân là thanh nữ, mùa hè là tuổi tráng niên thì tuổi say đắm là mùa thu chăng?

Hà Nội mùa nào cũng quyến rũ, nhưng có lẽ mùa thu là mùa thơ mùa mộng làm mỗi con người đều có thể trở thành thi nhân, họa sĩ, mỗi trái tim đều say mê, mỗi con mắt đều đắm đuối.

Bằng lăng nước đã nhạt nhòa trong những cơn mưa hè xối xả. Tản Đà có câu thơ bất hủ: "*Lá sen tàn tạ trong đầm...*"

Ôi, những làn hương trong buổi chiều huyền diệu ta ngồi bên người yêu dưới rặng tre mà hứng đầy áo đầy tóc làn hương thứ hoa hè ấy cứ từng đợt từ đầm ùa lên. Đã hết rồi những trưa rực chói của hoa phượng học trò, học trò trọng trắng cùng mối tình trinh bạch.

Đã thấy đàn em nhỏ tựu trường thay cho ta trong màu mực tím. Đã thấy sương thu bảng lảng theo bước chân cô hàng cốm. Chiếc đòn gánh cong một đầu như là thuyền cánh én lâu nay vắng bóng. Người ta vội vã đón thu, đem phân phát mùa thu trong cái đòn gánh thẳng làm ta như lỡ một lời hẹn nặng tình, đau trong sâu thẳm nào của cơ thể.

Mùa thu như không bao giờ vội vàng. Cái cúi đầu im lặng của người con gái nhận lời ta sau bao suy nghĩ đắn đo cân nhắc khi đã ở tuổi ba mươi chín chắn. Mùa thu đó chăng?

Là ngọn lửa âm ỷ bền lâu, là cung đàn toàn những nốt nhạc trầm, là nhẹ nhàng lắc rắc mà đau cả xương cốt của mưa rươi, là hoa sữa bứt rứt những đêm không ngủ... Mùa thu đó chăng?

Một đêm nào con gió heo may đầu tiên rủ nhau về đùa trong hàng cây long não trước cửa nhà thế nhỉ? Thì ra mùa thu đấy, gương mặt người yêu xa cách nhau đằng đẵng một năm tròn bây giờ gặp lại, ngượng ngùng reo thầm trong màu lục thẫm, không nỡ gõ cửa sợ nhau giật mình làm rơi vỡ chén trà khuya.

Vợ chồng Ngâu đã lại đôi bờ cách trở. Đàn chim ô thước về đâu nhường không gian cho chim ngói bạc phận, báo hiệu mùa thu mà thảm thương một kiếp chim trời khi bị đem rao bán như cành đào muộn sau tết Nguyên Tiêu. Quê hương chim ở đâu mà chim nhận làm sứ giả cho những cơn gió lạnh đầy nhớ nhung, nhận hy sinh như con người đầy nhân tâm mà bất hạnh.

Tiếng cu cườm đã tắt, không còn thao thức những trưa hè, nhường chỗ cho con chim ngói cổ đeo cườm vàng như trời sao, lông nâu bạc như áo người lam lũ, với đôi mắt tròn xoe tinh nghịch, trong veo ngơ ngác như muốn hỏi vì sao mà bị vặt lông tử hình.

Gió ơi, gió từ đâu tới thổi hương rừng hương núi, thổi hơi sông hơi bãi cho những buồng chuối ngọt lừ làm vậy? Những cái chum rấm chuối, những bó nhang thơm khói làm màu trứng cuốc hiện lên từ vô hình, cho hương nồng nàn, vị ngọt đậm trong quả mập tròn cổ tay con gái, làm ta vừa nâng lên môi đã rùng mình sung sướng.

Chuối trứng cuốc gọi hồng mọng đỏ nằm trên những cái ổ bằng lá chuối khô tước nhỏ êm như gió thu, ấm như nắng thu và cũng ngọt ngào như mùa thu thấm vào da thịt.

Không ai nhớ câu chuyện xa xưa cũng đêm trăng này ông vua đa tình lên cung trăng tìm người đẹp của mình, mà chỉ còn vành trăng sáng vằng vặc đêm rằm tháng Tám cho trẻ đùa chơi phá cỗ, người lớn được vui theo. Tháng Tám tết của quả chứ không phải của hoa. Hoa chỉ là chơi bời, ảo ảnh, còn quả mới nồng nàn, kết tụ, sinh sôi. Thu là thế.

Hoa quỳnh nhà ai nở muộn trong ánh trăng thơm khiêu khích, dạ hương vườn nào chấp đôi cánh đa tình bay trong hơi sương lành lạnh.

Vị giác ta vừa được ướp trong hương trà sen man mác mà chợt nghĩ về một hương sắc chóng tàn phai, mà ngây ngất trong hạnh phúc đang có trong tay như là sự thật.

Trăng mùa cưới như bài thơ trữ tình của thi sĩ tài hoa. Những sợi trăng như tơ, giọt trăng như mật, không, trăng chỉ là một biển ánh sáng không thể phân chia, không có biên khu, không có đường viền, chỉ là một khối trong vắt không hình không chất bên trong, như nắng lạnh, như gió sáng, như ánh mắt người tình một đêm thức cùng ta không nỡ ngủ vì sợ đêm qua mất, sợ trăng trôi mất, sợ trăng tủi buồn.

Trăng không chỉ riêng của tuổi thơ, mà của tất cả mọi người. Của chia ly, của sum họp, của sông dài đồng rộng, của sân đình lộng gió, của mái tranh thanh bình êm ả, cầu ao mát lạnh, ngõ hẹp quanh co... Ai, cái gì cũng đều muốn uống trăng cho thỏa mãn, cho hết thèm thuồng.

Những con trăng thượng huyền mỏng manh như dễ vỡ, những vành trăng giữa tháng tròn đầy như thiếu phụ một con, những vành trăng hạ huyền u uẩn như nuối tiếc tuổi đời... Mùa thu đã quét sạch bầu trời để trăng thảnh thơi tung tà áo lụa xuống trần gian, chạm vào đâu, đấy lập tức thành vàng gieo bạc dát.

Và mưa thu rầu rĩ. Mưa buồn chăng? Có người bảo ta nay không được buồn. Phải vui, khóc mà vui. Có ai ở đời này lại không có tâm sự, tâm trạng? Buồn đâu phải là tội lỗi. Mùa thu có gì đáng trách đâu. Tấm vải đời ta mặc có sợi dọc sợi ngang thì tấm vải thời gian có sợi vui sợi buồn là lẽ tự nhiên chú. Trong nỗi buồn mà cứ bắt vui mới là trái lẽ. Tiếng rao hàng kéo lê thê trong đêm mưa buồn thảm, bóng người lam lũ khuất trong mưa, tiếng vọng như của oan khiên, của vật vờ lạnh lẽo... Vui sao được. Thương cho kiếp ấy như tiếng dế nỉ non nơi bờ hoang lau lách trong thu...

Bông cúc tươi rói lên trên luống thu trong làn tóc trời đan chéo nhẹ như không, nước chỉ mơ hồ, nước chỉ là sương... Hoa lộc vừng nhớ cữ lại nở đỏ trên cành, lần thứ hai trong năm, và theo gió thu, xác hoa bồng bềnh trôi giạt, đỏ như xác pháo cô dâu, cứ tạt về phía Hàng Khay làm ai đó ngẩn ngơ như nhìn người yêu lên xe hoa cùng kẻ khác.

Sông Hồng đã qua mùa lũ. Bãi non nhú ra như làn da trinh bạch đợi người tra ngô, tỉa đỗ. Hiền hòa, êm ả, nước chỉ đủ sóng sánh như một thứ rượu mùi, một thứ gương soi, như cái nhịp võng đung đưa nhè nhẹ. Bờ đê, cỏ may đã cao, trông xa như tấm thảm tím nâu, nhưng xin đừng lăn mình trên đó. Oan nghiệt chứ chẳng chơi.

Chưa đến mùa cây khô lá vàng cũng chưa đến những ngày âm u mưa phùn gió bấc. Cây bên hè vẫn xanh rờn. Mắt lá tơ mơ hỏi người rằng cuộc đời này có đáng yêu không.

Ngoài kia, xung quanh Hà Nội, núi Tam Đảo, Ba Vì nổi rõ hình trong sương lam trong suốt, và nhiều ngày không còn thấy nữa như chợt biến đi. Các cánh đồng được nhuộm vàng, mầu của ấm no. Chưa có gốc rạ để đau chân, chỉ có hương lúa, hương rơm, hương rạ quấn quýt cùng người trong cái chuẩn bị rộn rã cho mùa gặt đang đến. Đã tưởng thấy cô gái mười bẩy vai tròn, đẩy xe lúa

về làng, nhoẻn miệng cười cùng ai đó. Bé em ơi, hãy châm ngọn đèn, rải manh chiếu ra sân, châu chấu sẽ bay ùa đến, tha hồ mà bắt cho vào chai, mai rang với lá chanh, thứ "tôm bay" này ngon như tôm trứng, miệng nhai tai nghe, cái càng giòn rau ráu, cái bụng trứng sần sật.

Sáng nay bạn vừa cho ăn cốm. Sữa non lúa nếp còn thơm trong nhà. Thơm từ cái chổi thơm đi, cái chổi còn xanh màu cốm. Hình như nó động đậy, nó cựa mình vì chưa quên cuộc đời của nó trên cánh đồng có hạt thóc thơm xa, có dòng mương lặng lờ, có nắng mát thu bay...

Lại xin được thêm một lần đi đón thu bên hồ cùng người Hà Nội, bởi Hà Nội với mùa thu như mối lương duyên từ Tháng Tám năm nào, cách đây gần nửa thế kỷ. Nắng như tơ vàng chăng ngang kéo dọc trong lời thề độc lập rền vang...

Cũng lại xin được thêm một lần đi trong xao xác heo may nhớ về ngày Hà Nội sạch bóng quân thù, cờ sao như mưa trên những ô ban công chuồng chim, trên những con đường xanh thắm, trong những lòng người cởi mở trong bài hát không cần nhạc sĩ đặt lời. Ngày ấy cũng là thu. Mùa thu Hà Nội.

Những người lính Gia Nã Đại, Ba Lan, Ấn Độ trong Ủy ban Quốc tế nay ai còn ai mất, ai giải ngũ, ai lên tướng? Ở những miền xa xôi, có phút giây nào nhớ về Hà Nội của chúng ta để ôn lại những ngày thu kỳ diệu. Còn chúng ta ở đây, chứng kiến thêm bao thăng trầm bão tố thiên tai địch họa, và chúng ta vẫn vững vàng.

Có hàng trăm thi sĩ của mùa thu đẹp đến não nùng, có hàng trăm bài thơ hay về mùa thu đầy xao xuyến, thảng thốt, đợi chờ. Tuy nhiên chỉ mùa thu tự mình mới nói hết được lòng mình. Thiên nhiên là thế. Tài hoa nào cũng không thể bằng thiên nhiên tạo hóa ấy.

Người bạn xa xứ lâu ngày, chợt một lúc nào đó nhớ về Hà Nội, mà trong thư có con tem một nước xa xôi, bạn đã khóc vì thu, vì Hà Nội mùa thu, vì thương vì nhớ, vì một nỗi bâng quơ, vì một ảnh hình cụ thể... Hồ Tây vẫn choàng tấm áo sương như tự ngàn năm, như ngày bạn ra đi. Tiếng gõ của ngư dân trên con thuyền thúng mỏng manh vẫn vang lên trên mặt hồ lẩn khuất trong sương như linh hồn của những cung nữ phải ra đây dệt lụa một thời xa vắng. Rặng bàng phố Tràng Thi, vườn Chí Linh chưa có những lá thư màu đỏ của mùa đông. Lá vẫn xanh vẫn mướt giống như lá phượng vĩ vẫn chìa tay xuống mặt hồ mà đùa nghịch cùng sóng thu. Thương cho con người phải lưu đày xa xứ ấy. Quê hương vẫn nhắc nhở người đấy người ơi. Nhất là lúc giao mùa, khi thu đến, đợt heo may...

Tối mùa thu ta với bạn đi trong bóng cây đầy gió, đèn đường lúc ngã dài, lúc đổ chéo, lúc nằm ngang, bàn tay chúng ta ấm trong nhau như không muốn hơi thu chen vào, càng thấy ấm lòng khi một ngã tư nào lập lòe dưới chân cột đèn ánh lửa than hồng hàng ngô nướng.

Thành phố quê hương là từ những cái tưởng như vô cùng nhỏ bé, vô ích ấy, nhưng chính nó tồn tại, nó giá trị lại là từ những cái nhỏ bé tưởng như vô ích ấy, nhất là khi cái mùa đặc biệt lạ lùng của một năm lại về, phải không hỡi người bạn lâu ngày không gặp lại và con không biết đến bao giờ mới gặp lại nhau.

Mùa thu ơi, hãy cùng người khoác tay nhau đi trọn một mùa ân ái dù trong mưa bay không tiếng động, dù trong nắng như mật ong thơm, dù trong trận lá bay như có bàn tay ai rắc... để khi chia tay, ta phải bứt rứt về nhau cho đến mùa cúc sang năm, mùa cốm sang năm, mùa chuối mùa hồng sang năm... ta mới lại quây quần cùng nhau trong tiếng reo hạnh phúc. Mùa thu rồi, say đắm quá. Hà Nội ơi.

1991

Tiếng ru

Nếu sữa mẹ là món quý nhất về vật chất thì *Tiếng Ru* là món ăn tinh thần quý nhất đối với con người ngay từ ngày đầu tiên được làm người, dù sau này hạnh phúc hay gian nan thế nào.

Chưa có văn bản nào ghi chép nhưng có thể nói không sai rằng con người đầu tiên được mẹ sinh ra, hẳn đã được mẹ ru, dù tiếng ru ấy không nhịp nhàng du dương như những bài ca đầy nghệ thuật sau này. Nó mộc mạc như vốc nước suối, như cái hạt cây rừng, như miếng thịt thú nướng trong hang, như cái lá cây vừa hái...

Rồi cụ của cụ chúng ta, những thế hệ nghìn đời nối tiếp... Con cò xuất hiện khi tổ tiên biết đào gộc tre đẽo thành guốc võng. Con cò bay trong làn mi chớp chớp, vẫy gọi giấc mơ non nớt mà xao động, những trưa hè quả trứng nắng di động trên nền nhà mái tranh vách đất.

Bà ru cháu, mẹ ru con, chị ru em, tiếng ru như dòng sông vượt hết lạch này sang nguồn khác, qua lau lách rừng già để ra với biển cả mênh mông. Đó là dòng máu truyền đời, là mạch xoắn AND trong mỗi con người dù ở phương trời nào, màu da gì, ngôn ngữ ra sao, sau khi thoát khỏi quả bầu tổ tiên hay ngọn tháp Baben đầy thách thức.

Tiếng Việt có từ bao nghìn năm? Hẳn không thể không nhờ một phần tiếng ru từ lồng ngực mẹ, những người phụ nữ Việt Nam.

Tuổi của tiếng ru có khi già bằng tuổi của gió. Nó có màu xanh da trời, có độ ấm của lửa, và quý nhất vẫn là sự sống của mẹ cho con, là tình yêu, là niềm thương, là đắm đuối (chả thế mà có câu: cá chuối đắm đuối vì con) của mẹ. Cái chép chép mụ dạy, cái huơ huơ bàn tay như nụ hoa, cái lớn lên như cậu Gióng... đều là mẹ cho cả đấy thôi, đều ngấm sâu tiếng ru của mẹ, đó là điều chắc chắn.

Trưa. Căn nhà tranh vắng. Cây ngoài vườn cũng lim dim ngủ. Con mèo cuộn tròn mơ giấc mơ được chú chuột dâng con cá. Con trâu dưới bóng tre nhai lại sự đời trong ngẫm nghĩ... Chợt âm thanh nào cất lên à ơi... tiếng guốc võng nào kẽo kẹt như nhạc nền. Mẹ còn đi cấy đồng xa. Em ơi hãy ngủ. Đó là chị ru em. Em bé bỏng. Chị cũng còn măng sữa. Tiếng ru ngắt quãng. Hẳn bàn tay của tiếng ru cũng xoa lên mặt chị nên chị cũng chập chờn với cánh cò. Choàng dậy, nhún bàn chân đẩy tiếp, cánh võng chao đi. Tiếng ru lại điệp khúc. Trưa ơi ngàn đời đấy ư?

Những buổi trưa như thế đi đâu mà chẳng gặp. Nó quen thuộc như hơi trầu của mẹ, hương bồ kết từ mái tóc mẹ, hơi sữa thơm từ vạt áo mẹ, như bát canh cua đồng, như màu xanh cây lúa, như hương hoa ngâu, như ánh trăng đêm hè, như hồi trống đình đêm giao thừa...

Nhà thơ Quang Huy có lần nói từng được nghe một cô giáo trẻ ru con bằng Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo. Tôi không tin lắm vì chắc câu nói đó là câu nói đùa. Trong kho tàng ca dao dù lục bát hay không lục bát, đều có thể hóa thành tiếng ru có ngọn núi, dòng sông, cây đa, biển cả, có đom đóm, cây bầu, cành tre, ngọn gió...

Có lẽ chỉ có nhạc Pốp, nhạc Rốc với các ca sĩ nhẩy như cuồng, hét như điên, cầm cả chân micro định phang vào đầu khán giả, mới không thể là tiếng ru được. Cái tai của bé em còn mỏng, con mắt của bé em còn trong, cái hồn của bé em còn trắng, tiếng ru là dòng in đầu tiên mẹ sẽ in vào trong đó. Thần tiên hoa lá cũng từ tiếng ru sinh ra.

Thật bất hạnh cho ai không được nghe tiếng ru của mẹ trong thời thơ ấu. Cũng bất hạnh cho ai không biết hát ru để đưa con mình, em bé của mình vào xứ sở thần tiên mà tiếp tục vào đời như cây không sợ bão.

Đã có nhiều bản nhạc bài thơ viết về tiếng ru, nhưng không thể nào thay chính tiếng ru. Giống như bài thơ tình không thể thay cho tình yêu. Cũng như không ai có thể thay thế được mẹ. Không thể thay thế những hạt giống mẹ đã gieo trong tâm hồn ta bằng những hạt xa lạ nhặt ở đâu về.

Chỉ có hai thứ trên đời làm bé ngủ yên, đầy tin cậy, đầy hạnh phúc. Đó là bầu sữa mẹ kèm theo là tiếng ru đầy ân tình thương yêu của mẹ, cứ tỏa xuống giấc ngủ say sưa của con thơ. Thiêng liêng quá.

Bà kể chuyện cổ tích cho cháu nghe. Cháu như con chim non há mỏ chờ chim mẹ mớm mồi, cháu há miệng nghe từng lời của bà đầy thích thú. Mẹ ru con, mẹ là cánh cò lặn lội đường xa, ngoài đồng, trên rẫy, đầu sông, cuối bãi... giọng mẹ đâu cần ngân vang lảnh lót, đâu có trong vắt bổng trầm như người đi hát lấy tiền. Với con, giọng mẹ là dòng sữa ngọt lành, là nguồn sống, là chỗ dựa cho con khôn lớn. Nuôi một tâm hồn phong phú khó sao. Nhưng làm què quặt một tâm hồn thật dễ. Khốn khổ thế đó.

Tuổi thơ cần tiếng ru. Lắng nghe âm thanh, nhạc điệu, sự lan tỏa vô hình của yêu thương, chứ không cần hiểu nghĩa rạch ròi bao khái niệm. Đó chính là nhịp trái tim hằn vào vỏ não.

Không có gì thay thế được Mẹ, cũng không có gì thay thế được lời mẹ. Mà tiếng ru là lời mẹ ngàn đời, đầy thần tiên cho tuổi thần tiên.

1990

Chữ "hàng" gợi cảm

Hà Nội ba mươi sáu phố phường, mỗi phố là một phường hay mỗi phường là một phố? Không hẳn thế. Bởi mỗi nghề còn giữ lại trên tên phố Hà Nội nay qua bao thay đổi, còn đến hơn sáu mươi phố bắt đầu bằng chữ Hàng như *Hàng Đào, Hàng Tre, Hàng Sắt, Hàng Mành, Hàng Bún, Hàng Bè*... trong hơn ba trăm sáu mươi phố của Hà Nội hiện nay. Hà Nội lớn lên không ngừng. Gương mặt từng phố ngày mỗi đổi thay và hẳn trong lòng nó, trong lòng mỗi phố, trong lòng mỗi căn nhà và mỗi con người Hà Nội. Cuộc đời là một dòng sông chảy đi bất tận, mang lớp lớp phù sa mới bồi đắp vào cuộc đời mình. Có những phố nguyên có chữ HÀNG nhưng đã được mang tên mới như *Hàng Cỏ* (Trần Hưng Đạo), *Hàng Đẫy* (Nguyễn Thái Học), *Hàng Giò* (Bà Triệu phía trên) *Hàng Lọng* (Đường Nam Bộ rồi Lê Duẩn) *Hàng Nâu* (Trần Nhật Duật) *Hàng Kèn* (Quang Trung) *Hàng Bột* (Tôn Đức Thắng) v.v...

Trong ký ức của những người Hà Nội, một căn nhà, một góc phố, một gốc cây, có khi chỉ là một âm thanh, một làn hương, một mầu sắc... cũng hiện lên bao hình ảnh thân yêu, gợi cảm. Đương nhiên cái mới phải sinh ra, phải vươn lên, cái cũ phải nhường chỗ. Măng thay tre. Con sông tiếp nhận những dòng suối. Nhưng cây măng chớ quên bụi tre đã ôm ấp che chở mình. Dòng sông hình thành sao được nếu không có những con suối cần cù năm tháng trong rừng sâu im vắng?

Người Hà Nội hôm nay đi quanh Hồ Gươm, đi vòng Hồ Tây trên hồ Thống Nhất, thả hồn trên đường Thanh Niên có hoa phượng hoa ban tím (còn gọi là cây móng bò), vào bảo tàng Hồ Chí Minh, ngắm vườn hồng đường Bắc Sơn quanh ra Điện Biên nhìn lại Cột Cờ cổ kính, vòng về chợ Đồng Xuân, rẽ ra bờ sông Cái có cầu Chương Dương, bước lên con đê xanh... có bao giờ quên được những tên phố thân thương, gợi nhớ cả một thời xa xưa oanh liệt và trữ tình Hà Nội có những nghề cổ truyền, có đám, có phường, có những món ăn thanh lịch, những cảnh trí thơ mộng và cả những niềm vui mộc mạc giản dị của một vùng đồng quê Bắc Bộ.

Hàng Bài không còn làm bài lá, tam cúc, tổ tôm có những cây xe hồng, tịnh vàng xuất hiện trên ổ rơm những ngày tết ấm cúng trong bao gia đình, những cây bát sách, cửu vạn mà câu ca dao đã phải thốt lên: "Làm trai biết đánh tổ tôm, uống trà mạn hảo, xem nôm Thúy Kiều" là ba cái thú, ba sự lịch lãm một thời; những quân bài đã thành kỷ niệm in trong ký ức bao thế hệ. Nay ở đây có trường Trưng Vương, nhà triển lãm, hiệu bán sách khoa học, bán băng nhạc, có cửa hàng bách hóa lớn nhất Thủ đô.

Hàng Bạc không còn những cô gái kiêu kỳ kiểu công chúa cấm cung, ăn cái giá đỗ cũng phải cắn làm đôi, cái phố từng sản xuất những vòng, xuyến, kiềng vàng cho lớp giàu sang, sản xuất những đôi khuyên vàng xà tích cho cô dâu chú rể về nhà chồng cho những vùng xa về kinh kỳ kẻ chợ sắm cưới; chỉ còn rạp Tố Như cũ (rạp Chuông Vàng - Văn Lang) nơi sinh ra Trung đoàn Thủ đô bất tử trong những ngày kháng chiến oanh liệt của Liên khu Một năm 1946. Nhà cô Bé Tý đã thay đổi hoàn toàn, không còn ai nhớ đến nữa, đình Hàng Bạc cũng hoang tàn, những người thợ bạc Châu Khê (Cẩm Bình Hải Hưng) có đình thờ riêng, nay lang bạt đi đâu, hiệu thuốc cam có Con Hươu, còn đấy, nhưng em bé nào còn ăn thứ thuốc cam ấy (có đến bốn năm hiệu cùng có Con Hươu, cũng hơi phiền).

Hàng Chuối từng có những bãi chuối bạt ngàn để chăn đàn voi cho nhà vua phủ chúa, nay là một phố dài cây xanh rợp bóng, những biệt thự yên lặng như vầng trán trầm tư trong tịch mịch. Cái màu xanh đất bãi ấy mất đi chăng? Không, nó lại hồi sinh trong màu lá hai bên đường cây, để xuân về, óng ả, tơ non, tạo ra cái mái nhà xanh của thủ đô rất Hà Nội. Trụ sở Hội phụ nữ lúc nào cũng có bóng cây dịu mát, cái dịu mát của cây hay của người phụ nữ Việt Nam?

Bàn tay nào khéo léo, tâm hồn nào giầu rung động, để đã từ một ống tre, một quả bầu khô, một miếng da rắn... tạo ra cây nhị cây hồ nhất là cây đàn bầu bất hủ.

Hàng Đàn hẳn một thời náo nhiệt những giai nhân tài tử, nghệ sĩ đến so dây, nắn phím. Những trái tim ấy đã ra đi nhưng tài hoa còn lại với đất nước nghìn năm văn vật. Hẳn họ cũng đã quá bước tạt sang *Hàng Quạt* bên cạnh để thửa cái quạt thước, chiếc quạt tím trang kim, chiếc quạt gỗ đàn hương thoảng gió thơm, chiếc quạt gỗ trầm hương ngào ngạt, khiến cái quạt yêu cả người cầm quạt, nói như nữ sĩ Xuân Hương:

"Mười bảy hay là mười tám đây

Cho ta yêu dấu chẳng rời tay...

...Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày..."

Quạt tạo ra gió mát, quạt còn che nửa mặt hoa cho khỏi rám má hồng trưa nắng, làm duyên cho tao nhân...

Hàng Nón sao lại không từng tặng liền anh liền chị đất Kinh Bắc những chiếc nón quai thao để:

"Yêu nhau gửi nón cho nhau

Về nhà dối mẹ qua cầu gió bay..."

Những chiếc nón ấy đã ở lại mãi mãi với câu ca say đắm lòng người, trường tồn với dân tộc tài hoa và tha thiết.

Hàng Khay có những người thợ khảm trứ danh. Từ mảnh gỗ đơn sơ, từ chiếc vỏ trai chẳng có giá trị gì, họ đã tạo ra những tác phẩm thực sự, óng ánh, bảy sắc cầu vồng, những đường nét, phong cảnh, tưởng như đang hiển hiện trước mắt mà ta đang bước vào đó trên đoạn đường ta đang đi dạo.

Bến sông Nhị Hà xưa còn ăn sâu vào đất liền hơn bây giờ nhiều. Từ rừng núi, theo những con ngựa thồ, những chiếc xe thô sơ và cả những con thuyền lớn... những củ nâu xù xì nhưng bền bỉ sắc màu dân dã quê hương đã về đây để nhuộm cho mẹ cho chị những tấm áo cho một nắng mấy sương. Dọc Hàng Nâu xuống *Hàng Chĩnh, Hàng Mắm, Hàng Muối, Hàng Tre, Nước mắm.* Nghệ muối chợ Cồn Văn Lý, ang chĩnh Thổ Hà, tre vầu rừng Bắc... đã theo những mảnh buồm, những bè nổi lênh đênh về với kinh kỳ. Ôi những con thuyền đã rong ruổi bao dặm trường sóng nước, neo vào bến Cầu Đất, gửi cho Hà Nội những món quà bền chắc, nồng mặn đậm đà, để mà nhớ nhau mãi mãi như câu ca dao: *"Gừng cay muối mặn xin đừng"...*

Người Hà Nội tài hoa, tao nhã, hiếu học. Hàng Giấy, Hàng Bút còn đó. Những khoa thi nào, anh khóa, cậu tú, bác cử đi chọn giấy bút để tung hoành trên trường văn trận bút. Cái "công danh xa mã" ấy từng đã làm khổ bao người, những anh đồ dài lưng tốn vải, những người phụ nữ ước mơ võng anh đi trước võng nàng theo sau, lụi cụi cả một đời cho tuổi trẻ trôi qua lúc nào không biết. Tuy nhiên chúng ta cũng tự hào còn lưu lại được nhiều áng thơ văn thiên cổ kỳ tài, những tuổi tên còn khắc đầy trên hơn tám chục tấm bia đá nơi Văn Miếu kia.

Còn cuộc đời thường của người dân lao động với những nhu cầu không thể thiếu được thì đã có *Hàng Gạo, Hàng Cá, Hàng*

Đường, Hàng Khoai, Hàng Đậu, Hàng Dầu, Hàng Bột (Tôn Đức Thắng). Muốn sắm sửa thì lên *Hàng Bát Đàn, Bát Sứ, Hàng Đũa* (Ngô Sĩ Liên). Cha già mẹ héo cần một cỗ áo thì đã có Hàng Sũ gần kia. Tháng chín tháng mười trở giời, đau cả xương cốt, món rươi của vùng Hải Đông (Hải Dương Hải Phòng ngày nay) đổ về Kinh kỳ không ít. Khen ai là người đầu tiên đã biết chọn vỏ quýt làm gia vị cho món chả rươi, quả là tài tình, quả là nghệ thuật. Cái lưỡi con người tinh tế đến thế là cùng. *Hàng Rươi* cũng là nơi họp chợ hoa ngày tết. Cô gái đi mua hoa, cành đào hay cành mận, nhánh hải đường hay bông vạn thọ, cô có thể sắm thêm gương lược mà điểm trang cho thêm nhan sắc, cho đẹp cả mùa xuân, có *Hàng Lược* đó.

Hà Nội có một cái dốc khá cao. Đó là *Hàng Than*. Cái thời chưa có điện, chưa có than đá, than quả bàng, hẳn ở đây luôn luôn bận rộn những hàng bán than hoa để thơm lừng vị chả nướng, để ấm nồng những lồng ấp, để thanh tao những chén trà của các cụ đồ trong sương sớm. Sau này *Hàng Than* còn nổi tiếng với món bánh cốm ngon lạ thường, một món quà đặc biệt, chỉ Hà Nội mới có tài làm ngon đến thế. Cốm xanh biếc, nhân đỗ xanh vàng hươm, cùi dừa trắng tinh, điểm vài hạt sen nhừ tơi; được gói trong lá chuối tươi, lại một màu xanh óng chuốt của quê hương đồng bãi, buộc chặt bằng chiếc lạt đỏ cánh sen, gợi mùa cưới chan chứa ân tình.

"Nằm đất với chị hàng hương"... *Hàng Hương* cô hàng, người thơm tho gỗ hoàng đàn, thoảng mùi xạ, phảng phất hương trầm ... Tết, ngày giỗ mà không có hương sao còn gọi là Tết, là giỗ? Ngôi chùa cổ Việt Nam ngôi đình làng trang nghiêm sao có thể thiếu được những nén hương đen, những cuộn hương vòng, những cây hương sào thắp một ngày chưa hết, phố *Hàng Hương* tuy nhỏ nhưng thực sự là một phố mang lại cái cần thiết cho Hà Nội, cho cả vùng về đây mà mua mà cất, một cái duyên riêng vậy.

Màu sắc óng ánh trong chiếc thắt lưng hoa lý, hoa đào, hồ thủy, thiên thanh, dải yếm đỏ, áo đổi vai nâu non... cứ phấp phới lên trên phố *Hàng Đào,* nhất là những ngày phiên chợ tơ. Các thứ lụa tơ từ Ba La Trinh Tiết của tỉnh Đơ, của Đồng Tỉnh Huê Cầu của tỉnh Bắc... mang đến. Còn *Hàng Vải thâm* là nơi đi về của người dân áo vải. Cô gái Đình Bảng, Cầu Lim mặc váy cửa võng cạp điều mang vải về đây nhuộm hoặc trả cho khách hẳn từng làm xao xuyến bao chàng trai kinh thành.

Trung thu, tiếng trống ếch rộn ràng. Trường học nào cần bưng lại mặt trống da trâu để kịp khai trương, đình làng nào cần một chiếc trống đại để vào đám giêng hai. *Hàng Trống* sẵn sàng chờ đón. Phố này đến nay vẫn còn mấy nhà có nghề làm trống cổ truyền, dựng tang trống, thuộc da, lên mặt trống... đều bằng phương pháp thủ công nhưng chiếc trống hàng chục năm vẫn kêu vang, không hỏng.

Hà Nội đã sống gần ngàn năm dưới chế độ vua quan. Có bao cái đẹp và cũng có bao cái phải mất đi nhường cho cái mới. Hàng Lọng (phố Lê Duẩn) có ga *Hàng Cỏ* tấp nập ngày đêm, đón và đưa những con tầu Nam Bắc, ra cảng Hải Phòng, lên tỉnh có chè ngon nổi tiếng Thái Nguyên...

Với trên sáu mươi phố mang chữ Hàng, vẻ xa xưa chưa hết. *Hàng Mành* vẫn làm mành *Hàng Hòm* vẫn đóng hòm, va li gỗ, *Hàng Thiếc* làm thúng tôn, ống máng, cắt kính, làm đồ chơi trung thu cho trẻ, chỉ tiếc đồ chơi ít thay đổi, không theo kịp sự phát triển của xã hội và lớn nhanh của tâm lý thiếu nhi. *Hàng Mã* vẫn làm đèn lồng hoa giấy. *Hàng Bông* vẫn còn nhiều nhà làm cốt chăn bông. Bên cạnh đó nhiều phố mang tên cũ nhưng không còn một ai làm nghề cũ ấy nữa: *Hàng Gà, Hàng Cá, Hàng Gai, Hàng Bún, Hàng Cót, Hàng Bồ...*

Vẫn cảm động khi bước chân đến những khu nhà khấp khểnh như tranh Bùi Xuân Phái: *Hàng Cân, Hàng Chỉ, Hàng Chai, Hàng Hành, Hàng Bè, Hàng Giấy, Hàng Vôi, Hàng Cháo...*

Thế kỷ hăm mốt sắp đến, chưa hình dung nổi những đổi thay. Những con người vừa sinh ra trong thập kỷ cuối sẽ làm chủ đất nước làm chủ Hà Nội. Họ thật là hạnh phúc. Họ sẽ sung sướng hơn chúng ta, vừa ý đẹp lòng hơn chúng ta cũng như chúng ta sung sướng hơn cha ông chúng ta xưa.

Qua những chữ Hàng, ta càng yêu Hà Nội hơn, yêu như yêu máu thịt mẹ cha cho, bởi chính đó là một trong những khía cạnh của nền văn hóa Việt Nam từ bốn nghìn năm.

Bài thơ áo dài

Đã có không ít người nước ngoài ngạc nhiên đến sững sờ trước vẻ đẹp kỳ diệu của tấm áo dài Việt Nam, mặc dù ở nước họ, người phụ nữ cũng có những bộ áo váy dân tộc thêu rua với nhiều vẻ đẹp.

Một nét duyên dáng như mây thu mơ hồ hay cái đẹp lộng lẫy của ngày hè chói chang hoa phượng có gió lộng xào xạc ngọn đề.

Khó mà nói được niềm bay nhè nhẹ của tà áo tím bên hồ hay vẻ lâng lâng của màu áo trắng như tung đùa trong sắc xanh cây lá. Ngay giữa cái ồn ào tấp nập đua chen, tà áo dài như hoa cũng mang lại sự thanh thản như sau một tiếng thở dài.

Dám đoan chắc không một cô gái Việt Nam nào lại không sung sướng được mặc tấm áo dài trong ngày hội, ngày lễ, ngày tết và nhất là bước xuống chuyến đò hạnh phúc, khẽ cúi xuống nhìn tà áo dài mà mỉm cười e lệ và sung sướng hồi hộp bên người yêu đã thành chú rể ngượng ngùng.

Và cũng dám đoan chắc rằng không một người đàn ông nào dù cực tả hay cực hữu, dù đang yêu hay trái tim đã rạn vỡ bao lần, lại không ưa thích tà áo dài, không ngắm cái đẹp đang chập chờn phía trước như cánh bướm trong giấc mộng Trang Chu, để về đến nhà bên người vợ thủy chung vẫn còn bảng lảng bóng hình của câu thơ bất chợt ấy làm xao xuyến.

Tấm áo dài Việt Nam không hẳn hôm nay mới có. Chẳng qua nó bị bỏ quên, bị đánh rơi trong dĩ vãng. Song thực ra nó được sinh ra từ dĩ vãng đầy văn hiến của dân tộc ta đã đến tự ngàn đời, kể cả những thế kỷ có kẻ muốn đồng hóa dân ta bằng những tấm "áo khách".

Cụ chúng ta, bà chúng ta, mẹ chúng ta từng chẳng mặc áo dài đó ư? Cái áo năm thân, tứ thân buông tà hay thắt vạt, cái áo mớ ba, mớ bẩy đổi vai hoặc không đổi vai cùng với váy sồi hoặc quần lĩnh tía... đã vào ca dao, thành câu ví, nên hình ảnh của nét ăn dáng mặc thanh nhã, hào hoa, nền nã.

Có thứ huân chương nào tặng cho tác giả cái áo đổi vai. Nối vai nhưng lại so le, một đường gấp khúc, tạo mảng hình không đăng đối nhưng ưa nhìn, giống như cái răng khểnh trên khuôn mặt trái xoan, hoặc một bên lúm đồng tiền của cô gái dậy thì. Đâu có phải vì nghèo, vì áo rách vai sờn mà phải đổi vai, giữ lại phần lành thay đi phần rách, mà chính là một kiểu khoe khéo, cái khéo tay về đường kim mũi chỉ, về cách chọn mầu, về sự cách điệu và đó chính là tài hoa, là sáng tạo vậy.

Thời gian dù bao nhiêu thế kỷ cũng không bào mòn được tinh hoa dân tộc. Nó cứ sừng sững thách thức cùng biến thiên.

Tấm áo dài vải rồng, một thứ vải mỏng như sa, như the, sản phẩm của xứ Sơn Nam, rồi được nhuộm nâu ở cửa ô Đồng Lầm đất Thăng Long, nên nó thành vải đồng lầm, chiếc áo dài Đồng Lầm đã tồn tại bao thế hệ.

Từng hình thành nếp sống đi ra đường, đi ra khỏi nhà là không thể không mặc áo dài, dù trắng hay đen, hồ thủy hay thiên thanh, nâu non hay gụ già, dù sang hay hèn, già hay trẻ...

Đất Thăng Long - Hà Nội, ngay cả cô bán bún chả rong, chị cắp thúng bán rao quả bưởi, bác đội chăn bông đi đổi, bà hàng

xôi cháo bán trưa, chị thuyền chài tạm rời con thuyền nan lên bộ bán mớ cá mới đánh được... Cũng phải có tấm áo dài trên thân, thong thả thì buông chùng, vội vàng thì thắt vạt trước, mà hối hả hơn thì thắt vạt sau lưng mà chạy gần cho tiện. Nắng hay mưa cũng vậy. Đầu năm hay sắp tết cũng thế.

Những năm ba mươi của thế kỷ này, tấm áo dài được cách điệu đi, không thắt vạt, không đổi vai mà thành áo tân thời. Chữ tân thời đã mang một nghĩa mới, cũng như chữ cải lương trong hát cải lương.

Áo nhung, áo gấm, áo mình khô hoa ướt, áo lơ-muya, áo cổ thấp rồi cổ cao, tay thụng hay tay bó, tay dài hay tay lửng... đã nhiều thay đổi, nhiều "mốt" tuỳ thích. Riêng chỉ hai cái tà như hai cánh bướm, như hai dải liễu bay, như hai lá thư tình, như hai nỗi ám ảnh tâm hồn nam giới, như linh hồn của chiếc áo và của người mặc... là vẫn được trân trọng giữ nguyên. Nó vẫn giữ chiều dài gần sát gót để có đà tung bay, có khi nhấp nhô như sóng lượn, để có đà vẫy gọi những con mắt dõi theo.

Áo dài nhung đỏ đi với kiềng vàng, áo dài nhung đen có chuỗi hạt trai sáng lấp lánh, áo dài trắng có mái tóc đen huyền thả buông lửng sau lưng thon, áo tím hàng Vân có chiếc nón bài thơ ngà trắng... đó là sự tuyệt đỉnh hài hòa hay sự lộng lẫy không cùng, cũng tựa như tấm áo Đông Lầm có thắt lưng hồ thủy hay hoa đào vậy. Nhưng xin thưa ngay, hãy tạm gác chuyện giai cấp sang một bên đã, không nên làm ảnh hưởng đến cái đẹp hùng vĩ đến thành ảo ảnh này.

Những ai nay còn sót lại của thế hệ nữ sinh trường Đồng Khánh Trưng Vương, chiều hồ Gươm khoan thai nhịp bước, cặp cặp trước ngực, tóc đung đưa sau lưng, còn hai tà áo dài cứ như trêu cợt, như đùa nô, như vô tư mà nghi ngờ, như nhắn nhủ mà xa

xôi... với bao màu sắc từ đậm đến nhạt, như cung bậc cây đàn từ thấp đến cao, gần xa buông bắt.

Tà áo dài gần chấm gót những ngày ấy đủ sức chuyện trò cùng gió. Mềm mại, uyển chuyển, run rẩy, lung linh... hình như đã lan truyền sang cả sóng hồ nên hồ cứ lăn tăn, lan truyền cả vào tầng lá nên cây lá cứ rì rầm, lay động. Có phải lúc này là lúc hồn Hà Nội đã mơ màng như bát rượu nếp sáng mùng năm tháng năm đối với cô thiếu nữ chưa quen men rượu, là lúc cung đàn đã tấu lên với trái tim nhạc sĩ, "toan" đã căng lên trên giá vẽ trước nhà tạo hình, nàng thơ đã ốp một cách bí hiểm vào nhà thơ, và mùa vàng chín rộ làm rạo rực người gieo cấy...

Ai gỗ đá có thể dửng dưng được trước nét thanh tân đầy ma lực của tà áo dài cứ lả lướt như sóng cạn mà bắt mất hồn người ấy, bởi nó vừa là ngập ngừng lại vừa thách thức.

Năm mươi năm trở lại đây, tà áo dài Hà Nội bị ngắn đi, chỉ còn trên đầu gối. Nó không còn đủ sức bay, có lúc chết cứng trên nửa thân người, như con bướm bị chặt cụt bộ cánh rực rỡ. Thật tiếc.

Có thể chấp nhận quần bò cứng queo, nhem nhuốc, quần thụng như xà rông Miến Điện, quần lửng có rua ngang bụng chân, quần váy lòa xòa, quần áo Alibaba, kéo hếch một bên... và mọi kiểu cách mới du nhập vào đây. Cái gì xấu, không hợp mắt, không thuận tiện sẽ bị đào thải, cái gì đẹp sẽ trường tồn.

Tà áo dài với chiều dài cần thiết, là sự truyền cảm của đường kim khâu tay, của nét eo thắt đáy, của sự mở rộng của hai tà xòe ra bốn phía. Rút ngắn phần bay lượn xòe rộng ấy khác nào cắt đi cái tưởng tượng và ảo tưởng của nhà thơ.

Ít lâu nay đã thấy xuất hiện lại tà áo dài trong ngày thường. Các cô gái ở bưu điện, sân ga, nhà ga, trong các buổi tiếp tân... làm thành phố thêm đẹp, các cô cũng thêm duyên dáng, tươi tắn ra.

Giá sự phục sinh này được mở rộng hơn chút nữa, chẳng hạn ở phòng đăng ký kết hôn, các cơ quan chính quyền, các rạp chiếu bóng, một số cửa hàng lớn, các cô giáo lên lớp... thì nét đẹp, nét hài hòa còn hấp dẫn hơn, hơn cả đường thơm hoa sữa, hơn cả hương hoàng lan, ngọc lan thoảng mơ hồ đâu đó, và du khách sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn.

Qua rồi thời ấu trĩ rạch quần ống loe, quần côn. Nghĩ lại mà giật mình. Đương nhiên trong lao động mệt nhọc, cái áo dài sẽ là không phù hợp. Đang quét đường, đang ở công trường, đang đứng bên máy để sản xuất... tấm áo dài sẽ bất tiện, sẽ phiền phức, sẽ là làm dáng không phải lúc.

Trồng hoa ở công viên, quét vôi mặt phố (tiếc là người ta chỉ quét một mặt trông ra đường và chỉ quét một tầng theo kiểu hình thức chủ nghĩa) cũng là làm đẹp cho đời. Sao ta không mạnh dạn khuyến khích động viên phụ nữ mặc áo dài ra đường, đến cơ quan, đến trường học...

Phụ nữ mặc áo dài chỉ đẹp thêm. Nam giới cũng được thơm lây. Cuộc đời rực rỡ là điều hẳn ai cũng mong muốn, có phải không hỡi bài thơ áo dài?

1990

Hương đêm Hà Nội

Có những người thích đi ngủ sớm để dậy sớm thì cũng có những người có thói quen ngược lại: thích thức khuya nên thường dậy muộn.

Sáng sớm, Hà Nội có những nét đẹp, vẻ nên thơ thì đêm khuya, Hà Nội cũng có những điều dễ làm say lòng người, những điều như trong mơ và đôi khi còn như mơ trong mơ nữa.

Nhiều người có nhận xét Hà Nội là thành phố xinh đẹp, duyên dáng. Có những khu vực trầm lặng, cổ kính, đầy vẻ thanh bình tinh khiết. Điều nhận xét này là thực tế vì nó đã gây được ấn tượng tốt đẹp với những con người không mấy ưa ồn ào, ô nhiễm, xô bồ. Nét xinh đẹp duyên dáng ấy còn được bình phương lên trong đêm.

Hà Nội về đêm mang màu áo khác, hơi thở khác, hình dáng khác. Nhất là khi có những làn hương đầy kỳ ảo khiến Hà Nội như mang một tâm hồn khác, đầy vẻ trữ tình thơ mộng.

Những mái nhà trăm năm đã tựa vai nhau, rủ nhau vào giấc ngủ chập chờn trước khi gặp những giấc mơ hiện về từ thời có con rồng vàng bay lên đón Lý Công Uẩn, từ thời con rùa vàng nổi lên chào Lê Lợi, từ thời tiếng chuông hồ Tây vang vọng khiến con trâu vàng từ phương Bắc phải lồng sang đón con nghé ọ...

Những con đường như cũng được thư giãn gân cốt sau một ngày phải gồng lên toàn bộ sức lực dưới guồng xe hối hả.

Những tầng cây ban ngày xanh biếc đã chuyển sang màu thẫm như nhuộm ánh đêm. Hoa không cần khoe sắc để gọi bướm ong, để gọi mắt người mà đã làm một việc khác mơ màng hơn: tỏa hương vào bầu trời thanh sạch.

Mùa nào Hà Nội cũng có riêng một thứ hương đêm, giống như người phụ nữ biết điểm trang, mỗi thời điểm biết dùng một loại phấn son riêng để ánh nắng để gió mát...hài hòa cùng màu sắc, nâng nhan sắc lên gấp nhiều lần.

Cũng không hiểu mùa tạo ra hương hay hương gọi mùa về, hỡi Hà Nội mến yêu ơi.

Mùa thu là mùa Hà Nội mang trên mình những nét yêu kiều diễm ảo nhất chăng? Cô gái đã bước qua tuổi thiếu nữ chưa phát triển hết, bước vào tuổi thanh niên rực rỡ nhưng hơi đáng sợ, và cô gái cũng chưa bước vào tuổi thiếu phụ ở dốc đồi bên kia thấp thoáng ánh tà. Ôi, sắc đẹp của tuổi vừa đủ độ chín của mặn mà, đằm thắm, nây tròn như quả chín cây. Hà Nội mùa thu là thế chăng?

Nhà Hà Nội học còn mải đi tìm một văn bia, một viên đá lát, một cuốn gia phả. Còn người thơ đi tìm gì đó hỡi thi nhân?

Mùa thu không bị ẩm ướt của mưa phùn, không bị nắng xém cả lá cây. Cũng không bị gió mùa đông bắc làm tê tái.

Lẫn trong lá bay vàng rộm mặt đường, lẫn trong sương lam mơ hồ trên mặt sóng... thời tiết cứ dìu dịu như tơ chăng, lọc gió cho mát vai người, cho dẻo bước chân. Lẫn vào những niềm mê man ấy là những làn hương từ đâu đó lan tỏa vào không gian như từng sợi âm thanh của cây vĩ cầm vô hình mà rất thực.

Những làn hương cứ réo rắt qua vòm lá gần xa, qua tầng cây thức ngủ, qua những công trình kiến trúc, những con đường, những ngã tư đầy hào hoa thanh lịch.

Hoa dạ hợp nồng nàn trắng muốt, vừa tỉnh khỏi một cơn mộng nồng nàn, khi những ngọn đèn đường sắp thức dậy. Chẳng dễ gì tìm thấy cây nửa thẳng nửa leo ấy, thấy những cành mềm cho bốn cánh hoa mập mạp, cong như móng con rồng thiêng bí mật. Chỉ cảm thấy đâu đây nở bông hoa như sự có mặt của người vô hình, người thích trò ú tim ẩn hiện, người hẹn hò với ta nhưng còn nấp vào chỗ nào để ta phải hồi hộp kiếm tìm.

Khu vườn biệt thự nào trên đường Phan Đình Phùng đầy bí ẩn kia cứ xòe bàn tay có năm ngón tay xanh mềm mại để tung ra những con sóng hương hoàng lan thoảng nhẹ, và hương ngọc lan như ngón tay tháp bút, trắng muốt, sắc sảo hơn, khiêu khích hơn. Ngõ Tức Mạc, Cung thiếu nhi và những nơi nào, cây hoàng lan mấy trăm năm còn bền lòng xức nước hoa cho Hà Nội.

Xin những đôi người hãy thủy chung đến bạc đầu nếu một lần đã sóng bước dưới đường thơm hoa sữa phố Trần Hưng Đạo, Nguyễn Du.

Hẳn có người khó ngủ nếu bên cửa sổ có xòa một cành sữa mùa thu. Có lẽ sương thu đã lấn át, đã bắt hương sữa chỉ được bay ngang, hoặc sà xuống thấp, sương thu chiếm phần chiều cao? Vì vậy mà hương sữa cứ ướt đẫm tóc những đôi người.

Đã có những người tài hoa của Hà Nội ngợi ca hoa sữa bằng kịch thơ, bằng thơ và bằng nhạc. Đã có những em bé ra đời sau đêm hoa sữa của người yêu nhau say đắm và trong sạch.

Ôi, biết bao tâm hồn đã thao thức khắc khoải khi nhớ về Hà Nội có hoa sữa đêm thu, có hoàng lan, ngọc lan man mác. Dù ở

phương trời nào, hương ấy chẳng mất đi, chẳng tan ra, mà nó cứ đọng lại, đậm lại như khối ngọc Trương Chi.

Có người nhớ về hoa sữa, hoa hoàng lan, ngọc lan để tưởng niệm tuổi hoa niên của mình, tưởng niệm thời học trò, tuổi yêu đương, những tháng năm mơ mộng... Thực sự cõ đôi người đã có cháu nội cháu ngoại năm nào họ cũng phải một lần dắt tay nhau đi trong đêm sương thu đầy hoa sữa. Lúc ấy họ nói gì với nhau, họ nghĩ gì bên nhau, họ nghĩ gì về Hà Nội, hỡi mùa thu đi qua mà chẳng bao giờ mất.

Hà Nội đâu phải chỉ có hoàng lan, ngọc lan, hoa sữa, dạ hợp... Vườn Chí Linh có mấy khóm dạ lan hương, đêm hè hoa nở như níu chân người qua lại để tâm sự điều gì.

Dọc phố cây xum xuê tròn bóng, những hàng cây sấu cổ thụ cứ tháng ba lại khiêm tốn tỏa một thứ hương ra xung quanh. Không thơm ngát, không tình tứ, chỉ thoảng nhẹ như không có, chợt hiện rồi chợt biến, khi những bông hoa như cái chuông nhỏ xíu trắng ngà rơi nhẹ không một âm vang. Cả hương và hoa cứ bay cứ rơi, còn mang mang như liễu bên hồ, không để ý có khi người vô tình không thấy.

Đi trong đêm, nhất là khuya Hà Nội, màu đêm đã lọc đi những âm thanh ồn ã, như lọc đi tạp chất, để còn lại trong hồn ta sự tinh khiết, thanh tao, cho ta cảm nhận được hoàn toàn chất thiên nhiên tinh khôi trong hương thơm hoa lá.

Đôi khi hiếm hoi bắt gặp từ ban công chuồng chim nhà ai một chút hương nhài khêu gợi mà kín đáo, lả lơi mà thắc thỏm, không đủ sức bay xa hoặc qua một ngõ nhà có ngôi chùa cổ kính trăm năm, một gốc bưởi cằn nào đó bỗng tỏa lan hương mộc mạc đồng quê, gợi nhớ đến đĩa bánh trôi bánh chay tháng

ba có hội làng rộn rã, và có những làn mưa lây phây làm duyên cho cánh đồng, cây cỏ...

Hương đêm Hà Nội không phải là nước thơm nhân tạo, mà là món quà thanh sạch của thiên nhiên, trời đất gửi cho người. Cái lồng nan ngực thiếu dưỡng khí thường xuyên kia được no nên những làn hương này sẽ tươi lại dòng máu, mát dịu lại cảm giác, trẻ trung lại tâm hồn, say đắm lại tình người ...

Yêu biết bao nhiêu là những làn hương ấy và cũng là không uổng phí, nếu phải thức những đêm dài để đi dạo trên những con đường ngan ngát của Hà Nội thanh lịch.

1990

Ngõ Hà Nội

Người ở các nơi về Hà Nội thế nào cũng phải đến hai nơi: Bờ Hồ và chợ Đồng Xuân. Có thế mới là hoàn thành chuyến "đi Hà Nội".

Nước xanh cầu đỏ, tháp nhọn đèn thiêng, hoa tươi cổ thụ ... như thêu như dệt, như mời như đón. Phồn hoa tấp nập đấy mà lâng lâng thoát tục cũng ngay đấy. Giữa những đua chen mà có nơi trầm lắng tịch liêu. Bật ra khỏi bao chật chội là mây bay sóng đuổi thoáng đãng... Hồ Gươm đã thành niềm ao ước, say mê, lưu niệm của bao người.

Đồng Xuân lại khác - ấy là nói cái chợ chưa xây lại - thiếu một vật cần dùng, người này dặn, kẻ kia nhờ, cứ đến chợ Đồng Xuân là có, là xong. Nơi tập hợp mọi tài hoa, đủ thời trân, ngồn ngộn sản vật bốn phương tụ hội, từ hoa quả đến con cá lá rau, quí hiếm trái mùa cũng có, từ hàng cao cấp lấp lánh đến cái tầm thường rẻ tiền cho trẻ như tờ giấy thấm, cái ngòi bút, con giống bằng bột nặn hay ngôi chùa bé bằng ngón tay để ông già gắn lên non bộ...

Đồng Xuân đã thành niềm hò hẹn, chỗ đi về, nơi thỏa mãn nhu cầu cho trăm miền đất nước. Ai ở xa về chẳng phải đưa chân đến đó.

Với người Hà Nội thì hai nơi ấy đã thành quen thuộc, quen như nét mặt vợ hiền lấy nhau từ thuở đôi mươi nay tóc đã ngả màu sương khói, quen như tấm áo suốt bốn mùa mưa gió nắng nôi, quen như chính tiếng nói, chính hơi thở, chính da thịt mình.

Có một nỗi nhớ khác, một niềm vui khác. Khi lòng ngổn ngang, khi trí không yên ổn, cần một nơi tĩnh lặng mà trầm tư, suy lắng, mà hồi tưởng hay kiếm tìm với lòng mình... có ngõ Tràng An kia. Cái ngõ mang tên rất xa xôi như thời gian, như hoài niệm với ngôi chùa cổ gần như bị lãng quên giữa phố phường. Nó hiện hữu đấy. Tràng An không còn là kinh đô, là thành đô, nhưng ngõ Tràng An vẫn gợi trong lòng bao vang bóng.

Ngõ Tràng An hiện diện như một nỗi bất ngờ ngay giữa phố Huế làm nhiều người phải ngạc nhiên khi gặp ngõ. Ngôi chùa cổ với ba chữ đại tự Tràng An Tự, có gốc ba tiêu, có cây đại cổ thụ, có khóm hoa mộc, thoảng một hơi mơ hồ ngâu chín, có thân cau như ngọn ô vẫy xóm thôn gần lại.

Phố Huế, chợ Hôm vội vàng chen chúc ngay gần đấy, nhưng chỉ mấy bước chân, ta đã ở một không gian khác, một thế giới riêng. Ngõ tưởng là cụt bỗng mở ra một ngã ba, chợt ngoặt một đường thẳng. Phải chăng ngõ là một cây dương cầm chứa đầy bí mật, hay một sợi đàn bầu, càng chạm đến càng hứng khởi lạ kỳ.

Mùi nhang thơm, tượng Phật vàng son lấp lánh, những tấm hình đã phai nước ảnh trong hương khói thời gian. Người thân của ai đó?

Người đang vội vã thiết kế cho tương lai chẳng nên vào đây, bởi một chút hoài niệm sẽ níu chân ta, một hương hoa cau làm ta nhớ nhung day dứt một mái tóc xa xưa nào, một tiếng mưa trên tàu chuối làm đêm về khó ngủ. Cỏ sơ đến cả ngọn cỏ ven tường, giàn nho hoang dã. Ngõ Tràng An như một người già ký tên mình vào lặng im tịch mịch.

Bầu trời ở đây thu hẹp mấy vuông sân xanh lơ và trắng đục theo mùa làm bâng khuâng cả tiếng chuông tiếng mõ, câu kinh từng khiêm cung nhè nhẹ như sợ đức Phật cũng giật mình, sợ tường nhà xao xuyến. Làng quê nào đó nhỉ, lưng đồi đâu chẳng có đôi bờ lau, ngô mía xạc xào và dòng sông lững lờ xuôi về đâu chẳng biết. Không. Đó chỉ là ảo giác do tiếng chuông tiếng mõ dội trong ta.

Vào đây, lòng trần của người phồn hoa của đất bon chen cũng nguôi ngoai đi phân nửa. Hãy đùa chơi đi em bé thơ ngây, chỉ có gió dệt mây trên giàn nho và ô nắng mặt hè, không xe cộ nào đe dọa được. Hà Nội không thể có ngõ thứ hai như Tràng An đâu, dù sau này lớn lên, em phải nhiều công đi tìm đi khảo.

Hình như linh hồn người đã khuất chẳng muốn rời ngõ, cứ nhớ thương mà tản mạn bay về, lẩn khuất đâu đây trong ấm cúng khói nhang trong mơ hồ siêu thoát. Bước hài thêu, nét giầy nhung khua động không gian thấp thoáng sau cánh cửa ơ hờ chểnh mảng, khiến mình tưởng sắp có một kỳ nữ trong Liêu Trai Chí Dị bước ra.

Không có hồ nước mà tim ta sóng sánh. Thảng hoặc một mùi ngô nướng khoai lùi thoáng bay từ đầu ngõ phố Huế làm ta chợt tỉnh với đời thường.

Nếu ngõ Tràng An là một không gian khép kín đầy bất ngờ thì ngõ Phất Lộc lại có nét khác rất riêng. Tôi từng có một bà chị nuôi sống trong ngõ Phất Lộc. Chị hơn tôi gần chục tuổi, người chẳng đẹp, giữa thị thành mà chị vẫn âm thầm lẻ loi nên chị thường dồn âu yếm cho tôi. Chị ở trong ngôi nhà cổ, thấp, quá giang, câu đầu ám khói, tường vôi long lở. Ngõ cổ hay người cổ mà chị lây chất âm thầm, hở chị Quỳ của em?

Ngõ Phất Lộc ăn thông từ Hàng Mắm sang phố Nguyễn Hữu Huân - phố Bắc Ninh cũ - thêm một nhánh ăn thông Lương Ngọc Quyến. Ông giám sinh họ Bùi làng Phất Lộc huyện Đông Quan Thái Bình lên đây dựng lều trọ học. Rồi thành xóm thành làng, thành tên ngõ đã mấy đời, chỉ còn đền thờ và ngôi chùa cổ nhưng hoang phế nửa phần. Kháng chiến chống Pháp, Phất Lộc là trung tâm của Khu Một, từng đón hoa đào Nhật Tân vào ăn tết, từng uống lẫn cả Uytki, Canhkina con Mèo với nước giếng, là thứ giải khát của chiến sĩ Trung đoàn Thủ Đô. Dân tản cư còn đeo kiềng vàng, hoa hột nhưng ngủ trên cánh cửa bức bàn ngả ra, gối đầu bằng tay nải.

Không trầm tư không u uẩn. Đời thường đã xâm nhập khá nhiều vào Phất Lộc. Nhà đá rửa, ban công bên này sắp chạm ban công bên kia. Đầu ngõ đủ hàng quà: bánh cuốn, cà phê, bún mọc, phở gà, cháo tim gan… cả chè chén "nước mưa"… Tiếng xe lên xuống cầu Chương Dương rất rõ, ngõ Phất Lộc còn im lặng hoài niệm như thời chị tôi ở đó.

Tạt vào đây xuyên qua ngõ chữ chi, nhà hai bên như vừa quen vừa lạ, phố chật người đông hòa cùng rêu phong cổ kính. Phất Lộc có vào tranh Bùi Xuân Phái không nhỉ? Ngõ sống mãi nhờ họa sĩ hay họa sĩ sẽ bất tử nhờ vào nét riêng biệt độc đáo của ngõ? Trụ cột trên nóc nhà, tường khấp khểnh nhấp nhô, nhà thò ra thụt vào, đường đi lắt léo, cái nậm rượu cửa chùa bằng xi măng đắp bẹt trông thẳng thì đầy rượu, trông nghiêng chỉ là mảnh bìa… đã thành một mảng tâm hồn Hà Nội hào hoa mà anh dũng, lam lũ mà kiên cường, đắm say mà dữ dội…

Hà Nội còn bao nhiêu ngõ như Tràng An, Phất Lộc? Còn ai là người sửng sốt khi gặp ngõ như gặp hoa lạ giữa rừng, gặp người yêu xa lâu đúng lúc mình không chờ đợi?

Ngõ Tức Mạc có cây hoàng lan cổ thụ thơm suốt đêm thu. Ngõ Huế không có gì đặc biệt lắm, bị Mỹ ném bom tơi tả. Ngõ chợ Khâm Thiên lầy lội chật hẹp vất vả lem luốc. Ngõ Văn Chương ngoắt ngoéo chằng chịt. Ngõ Sầm Công ồn ào náo nhiệt bao nhiêu mùi xào nấu món ăn tầu thì ngõ Liên Trì lại thanh vắng đạm bạc bấy nhiêu, suốt ngày như ngủ mệt mê.

Người Hà Nội có lúc nào nhàn tản, tạm quên dằn vặt lo âu của đời thường lạm phát chóng mặt, quên những cơn sốt giá gạo, giá dầu, giá điện... tự cho mình thả hồn vào cái ngõ nhỏ để lắng cùng hồn kinh kỳ xưa cũ, cùng hồn đất nước trường tồn, của quê hương ngàn năm văn vật... hẳn sẽ thấy mình giầu thêm cảm xúc, thương yêu thêm, nhân ái thêm, say đắm thêm...

Hồ Tây bát ngát quá. Lăng Bác thiêng liêng và lạnh lẽo nữa. Bờ sông rộng dài quá. Cầu Thăng Long xa và cao quá. Viện bảo tàng trang nghiêm quá... Ngõ Hà Nội thân thương hơn nhiều, nhỏ hẹp mà yên vui, cổ xưa mà đầm ấm, khuất khúc mà chẳng hững hờ...

Xin một lần ghé thăm để đừng quên là Hà Nội vẫn còn nhiều ngõ nhỏ rất riêng Hà Nội, như tâm hồn ta vẫn còn những khoảng sâu lắng đôi khi mới có dịp lần giở đến... vào một hôm nào trở gió...

Mong sao những ngõ nhỏ ấy, những góc sâu trong tâm hồn ấy đừng bị những ào ạt của xây dựng phá phách, xâm lăng mất. Cần bảo tồn lắm.

1990

Mưa trên phố

Nhìn mưa dễ sinh buồn. Những sợi mưa uể oải mang niềm hoài vọng cho trái tim thi sĩ, những hạt mưa không có hình hài đưa tâm trạng con người vào nỗi nhớ nhung vô cớ.

Hà Nội có những ngày mưa khiến đôi người bạn phải bật cửa đội mưa để tìm nhau. Lúc ấy mưa là tiếng gọi không có âm thanh, là lời thì thầm thì rất mơ hồ như mây đang tự hóa thân thành một bản thể khác.

Tách cà phê tỏa khói thơm, phả hơi nóng vào đôi bàn tay vừa dầm trong mưa lạnh giá. Những giọt cà phê lặng lẽ rỏ vào lòng tách trắng, nó có màu hổ phách, có vị đắng ngọt ngào, có hương mê hoặc... còn ngoài kia mưa đang thẳng thốt rào rào, đang âm thầm thánh thót hay đang mơ hồ lơ đãng bay lướt không gian... Đó là trận mưa "tri kỷ", trận mưa lay phay, không ra một trận, cứ rỉ rả kéo dài, cứ đê mê trầm lắng như cung đàn tân hôn với tiết tấu lạ lùng chỉ riêng mưa có.

Giêng hai, mưa bụi phủ trắng những bông cúc muộn, chắc mưa này là hồi quang, là điệp khúc của trận mưa đông làm mờ ảo nhành mai trước tiết đại hàn.

Hình như tranh phố Phái không có mưa hoặc rất ít mưa. Phải chăng mưa bay như phấn thông ấy là nét nhòe tài hoa của bức

tranh lụa làm bông hoa đã thành cánh bướm, ngọn tháp rêu phong cũng khoác áo choàng voan; không như nét cứng cáp dứt khoát của sơn khắc, nét thô nháp quằn quại của sơn dầu, nét vàng son lóe sáng của sơn mài cổ điển.

Tháng bảy, nỗi mưa Ngâu còn xa cách nhớ thương làm rộn lòng người đến bao giờ? Con sông trời sông đất cứ duềnh lên vì mối tình thủy chung mà oan khuất của Ngưu Lang Chức Nữ từ nghìn thuở trước đến sau này nghìn thuở.

Nỗi cách xa vì ông trời độc ác khiến đàn chim Ô Thước phải động lòng trắc ẩn bắc cầu cho giọt lệ đỡ rơi, cho mưa ngừng nghỉ. Và nỗi cách xa khắc khoải làm người hóa đá hãy còn kia, và bao nỗi xa cách khác nữa mà nếu đong lên hẳn phải đầy tràn con sông Cái Ngân Hà, nỗi cách xa ấy đâu đã hết, mưa đâu đã rửa hết cho người.

Nghệ sĩ thích mưa. Nhà doanh nghiệp lại chẳng những ưa mưa, bởi mưa thì vắng khách, lợi nhuận cũng vắng theo. Phải nắng. Nắng phải quắt queo cả da thịt thì kem mới nhiều người ăn, quạt điện mới nhiều người sắm, khách sạn và xe du lịch mới đông người dùng, các quán bia bọt mới dập dìu khách nhậu, thậm chí cơm bụi mới lắm khách ăn... Giữa mùa hè chói chang, cỏ cây nặng trĩu cành vì bụi, bỗng một trận mưa rào ào ào vội vã, xối xả như mối tình muộn màng của tuổi quá niên, làm trẻ con ùa ra đường mà hò hét lăn lộn, mà té nước mưa nước úng vào nhau giữa đường phố bì bõm. Tuổi thơ, tuổi reo hát cùng mưa, reo hát cùng mọi cái đúng cũng như sai, reo hát cùng những điều người lớn không thể nào hiểu nổi. Đấy. Mưa úng khổ bao người. Công ty thoát nước điên đầu, nhưng trẻ con bất cần, cứ reo cứ hát.

Có người hài hước, dí dỏm nói đùa: Trận mưa này là mưa ra trẻ con đây... Khối anh vỡ kế hoạch vì trời mưa mát mẻ...

Có những đêm mưa, nằm mãi không ngủ được vì tiếng mưa thì thào trên hàng cây mái phố. Tiếng gì xa vắng thế? Tiếng gì như hơi thở dài to dần lên, xoẹt qua tai rồi lại nhỏ dần đi và mất hút vào mưa? Chiếc xe nào đi vội trong mưa, bánh xe xiết vào làn nước, tưởng như nhìn thấy hai làn nước hình dẻ quạt tóe sang hai bên trong ánh đèn vàng chóe.

Sáng mai, trận mưa làm đường phố sáng lên, cây cối tinh khiết sạch sẽ, tươi tắn như gái dậy thì. Bụi bặm đã tan đi trong mưa, chỉ còn lại băng trinh và nõn lộc. Bàn tay của trời thành phép lạ.

Và Hồ Gươm đầy lên, chan chứa, như rộng ra, mênh mông hơn, ít xanh hơn nhưng lùa cái mát lạnh lên đường cho áo mình như mỏng đi trong thông thoáng. Có thể đứng trên bờ khỏa bàn chân xuống nước hồ tươi rói nước mưa, cho cái lạnh thấm tận gan bàn chân, chợt nghĩ rằng mình là người thứ bao nhiêu triệu được hưởng cái niềm vui sướng này.

Bình rượu trên nóc tháp Hòa Phong kia có đầy lên thứ rượu trời không nhỉ? Nước mưa giữa trời trong vắt, ngọt lành, chạm vào đầu lưỡi đã rùng mình, có làm ngây ngất những linh hồn đang chập chờn bay trên thành phố quê hương, dù ở thế giới bên kia cũng không thể nào từ bỏ những con đường quen thuộc, nơi có bao nhiêu yêu thương kỷ niệm, nơi có những trận mưa nao lòng... Đất Bắc Hà là thế, con người Bắc Hà là thế.

Những cơn mưa vui, mưa sạch, những cơn mưa thẫm đẫm lòng mình tựa tình bạn thâm giao, như tình yêu viên mãn, như chị bên em, như mẹ cho con, như nỗi thức tỉnh sau cơn mộng đẹp khiến người bàng hoàng.

Mùa giông tố, sau cơn bão nặng nề tàn bạo, là những trận mưa rả rích tràn đầy, lành lạnh. Mưa đền cây đấy. Khổ thân

những gốc cổ thụ ở ngã ba ngã tư nào, thân mục ruỗng từ lúc nào không biết, nay đành gục ngã trước phong ba. Thương cho cây non chưa cứng cáp, còn chưa đủ rễ, đã gẫy cánh rụng lá trước gió dập mưa vùi.

Trước cảnh ấy trời cũng phải xót thương, cho mưa về đền đáp, cho nước mát tưới nhuần, cho mưa hiu hiu dìu dịu. Sự tàn ác nào, dù là của trời đất cũng phải có thừa trừ. Tựa như sau cơn lũ tàn phá, phù sa đọng lại cho mùa sau tươi tốt. Còn con người thì sao, khi kẻ gây tai họa cho người khác xong cứ nhởn nhơ phè phỡn?

Tháng mười trời màu bạc, người lạnh hai vai. Con rươi sắp trở về, gọi vỏ quýt thìa là để thơm từ bếp nhà này sang góc phố khác.

Cái áo len cất đi từ tháng giêng hai, còn thơm mùi băng phiến trong tủ, ta đi trên phố chẳng sợ cố mồ hôi nên không cần một thứ nước hoa nào trên áo. Chợt một trận mưa nào, trời như chuyển mình, người này người nọ kêu đau xương cốt, mây không tươi sáng cũng không âm u, mà cứ rập rình những đám mây không ra dày không ra mỏng cho lắc rắc chút mưa trêu ngươi. Mưa rươi đấy. Con rươi nhỏ tí mà đủ sức làm bầu trời chuyển động theo mình. Kỳ lạ thế là con rươi cho trời có mưa rươi. Có anh chàng nào hơi tục tử một chút bỗng động lòng, không phải động lòng hồ hải bốn phương như Từ Hải, mà chỉ động lòng nhớ món mộc tồn.

Hàng Lược, chợ Châu Long, Mã Mây, gần Chợ Gạo...đấy. Cái mùi hôi hôi gây gây cố hữu của khói ám xà nhà, cái màu nâu xỉn của bàn ghế ít được cọ rửa, cùng hơi quần áo tạp nham "tứ chiếng", những câu chuyện bỗ bã ồn ào trong hơi say rượu, cái mùi nồng nồng của bát đĩa loại rẻ tiền hàng ngày tẩm hương dã cẩu không có thứ nước sôi xà phòng bột xà phòng kem đụng đến... Những "điểm hẹn" này vào những ngày mưa rươi bận rộn hẳn lên. Mưa rươi đã lùa khách đến các "xa lông" này. Gọi là xa

lông là bắt chước mốt thời thượng, có thế mới sang, ví như quảng cáo xưởng sửa chữa, người ta cũng gọi là xa lông mà.

Mưa rươi có gọi là mưa thu được không. Những đêm mưa thu buồn phiền rả rích trên mái lá, tầu tiêu. Nếu mưa phùn là hiền dịu, mưa rào là dữ dội thì mưa thu ra sao nhỉ? Mưa trên mái ngói có âm thanh riêng. Mưa trên mái tôn thật phũ phàng. Mưa thu hình như không có tiếng, vậy mà nó có thể làm nát gạch, mủn tường và khốn khổ cho những ai thiếu một mái ấm gia đình mà nương tựa. Họa chăng chỉ có đôi người đang say nhau, đang mơ trong nhau, sẵn sàng choàng chung một tấm vải mưa mà đi, có thể đi đến cùng trời cuối đất, mặc kệ đầu ướt sũng, vai nặng chịch (nặng vì mưa hay nặng vì tựa vào nhau), chân lạnh buốt...

Mưa thu trên tầng năm khác mưa thu trên tầng trệt, cũng khác mưa thu trên những đại lộ toàn biệt thự, càng khác hẳn trên những ngõ hẹp quanh co lầy lội. Thâm Tâm có câu thơ:

Cuối thu mưa nát lòng dâu biển...

để tả cái dai dẳng và quái ác này, nhất là khi mùa thu bàn giao không gian cho mùa đông thì những sợi mưa đã biến thành những con dao vô hình nhưng rất thực cắt vào da thịt người. Quần áo mỏng, màu cũng mỏng phải nhường chỗ cho len dạ, khăn quàng màu sẫm, nặng nề đôi chút.

Mưa mùa nào cũng vui ít buồn nhiều. Hà Nội (nội thành) nhìn mưa không bằng con mắt người sản xuất nông nghiệp, ít chờ mưa như ca dao: *Trông trời trông đất trông mây, trông mưa trông gió...*

Mưa trên thành phố, trên tầng nhà, trên mái cây là tác phẩm của thiên nhiên điểm xuyết cho cảnh vật, là tặng phẩm của vũ trụ cho con người.

Từ cái xô bồ của mưa cơn, cái tầm tã của mưa rào, cái bẻ bai của mưa dầm đến cái âm u của mưa phùn, nhẹ nhàng của mưa xuân... mỗi người tức cảnh sinh tình như người thích ăn nhạt, kẻ ưa mặn, người thích béo, kẻ ưa gầy.

Hà Nội vốn gồ ghề, nằm trên nhiều "cốt" cao thấp khác nhau. Mái phố lại khấp khểnh. Mưa làm có người vui vì mát mẻ, có kẻ khổ vì úng ngập, có người vui vì căn phòng như thêm tiếng đàn mưa, lại có kẻ suốt đêm không thể ngủ vì phải ngồi trên giường mà đội nón và trùm vải mưa hứng giọt.

Tuy vậy, mưa vốn công bằng. Mưa rải đều tưới khắp. Còn lẽ bất công mưa nào có biết, có gieo. Tại con người thôi. Vậy sao lại oán mưa cho oan uổng.

Hãy cứ để mưa sống cuộc đời mưa gió của mình, dù mưa đó là của thi nhân đầy cảm hứng, hay cái háo hức của chàng nghiện rượu cần nhậu nhẹt để mưa có thêm nghĩa lý, dù mưa đó vào mùa nào, vào lúc nào...

1991

Hà Nội mùa sương

So với thủ đô nhiều nước, Hà Nội chưa phải là một thành phố lớn, không có những công trình đồ sộ, những cao ốc chọc trời. Nhưng Hà Nội có nhiều vẻ đáng yêu, đáng nhớ mà nhiều thành phố lớn không có được. Đó là những món quà của thời gian với những vẻ những màu khác nhau tuỳ theo năm tháng.

Nếu mùa xuân rực rỡ các loài hoa có mưa bay ẩm tóc... mùa hè chói chang nắng lóa, ngút lửa trên cành phượng, tím huy hoàng trên ngọn bằng lăng nước, mùa thu có gió heo may nhẹ như nỗi nhớ... thì mùa đông tuy có khắc nghiệt vẫn có sắc thái riêng làm lòng người như muốn xích lại gần nhau cho thêm ấm áp.

Vào những ngày rét ngọt hanh khô, đi qua phố Tràng Thi, tưởng như nghe thấy tiếng sột soạt của từng trang sách mở ra, trong khi trên đường rặng bàng tung những tờ lá đỏ, như tấm thư trời gửi cho người báo hiệu mùa đông sắp hết, mà đây là những ánh nắng cuối cùng. Hàng phượng vĩ đường Thanh Niên đã tắt hết đèn chỉ còn lại những quả khô như những sợi bấc đen chứa đựng trong đó cái hạt nâu vân vân, đựng lửa cho mùa sau. Hàng cơm nguội phố Lý Thường Kiệt hình như mẫn cảm với sương đông trước hết. Chúng chỉ còn trơ lại những cành trong bàng bạc màu trời. Nhưng đừng tưởng nhầm, chính chúng lại bật mầm đón xuân trước nhất, mà có lẽ rõ nhất là mấy cây ở trước cửa trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố, mà xưa kia gọi là Toà Thị chính.

Cái vườn hoa bé tí tẹo nhưng xinh xắn vô cùng ở Cửa Nam kia mới lạ lùng làm sao. Chỉ vài bước chân đã hết. Nhưng thử tưởng tượng nếu không có nó, thành phố sẽ trống trải biết bao. Vài năm trước khi những tơ sương bắt đầu giăng mắc trên thành phố, mới giữa mùa đông, mấy cây mận trắng đã thẹn thùng phô ra dăm đóa hoa gầy mỏng manh trắng muốt. Ôi những bông hoa mận cốt cách chẳng kém gì hoa mai ấy, bây giờ ở đâu, có nhập vào cuốn truyện Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ không?

Có thể nào không nhắc đến Hồ Gươm, Cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, Tháp Rùa lúc nào cũng mờ ảo trong sương như nét nhòe trong bức tranh lụa kiệt tác của người họa sĩ tài hoa. Từng đợt gió chơi trò đuổi nhau, từ phía đảo Ngọc về Hàng Khay, làm cô gái nào phải kín đáo kéo nghiêng tà áo vì cái lạnh trêu ngươi.

Thiếu nữ Hà Nội vẫn phát huy truyền thống văn hiến, biết trang điểm giữ gìn và phô trương vẻ đẹp một cách thanh lịch băng trinh. Nhất là những ngày sương lạnh đủ các màu áo được choàng lên vai tròn, từ hoàng yến, tím hoa cà, đỏ rực rỡ đến xanh lục thẫm, và hàng trăm cung bậc của màu như âm thanh của cây đàn diệu kỳ; mà nốt thăng nốt giáng cũng mờ đi không còn phân biệt.

Tĩnh lặng là những đêm đông khi gió cứ một mình lồng lên tìm bạn trên nóc cây long não, xà cừ. Sao mà nhớ người bạn đã đi xa, không còn được hưởng những tiếng thì thầm ấy khi sương và gió làm mờ thực tại xô bồ. Phải chăng lời bạn vọng về trong gió ấy bạn ơi.

Hà Nội vẫn mang dáng vẻ trầm tư duyên dáng, gần như hoang sơ trong những đường ngõ quanh co mờ tỏ của mình. Ngõ Tràng An có ngôi chùa như một làng xa. Ngõ Phất Lộc có hình chữ chi. Ngõ Tức Mạc có cây hoàng lan cổ thụ. Ngõ Hà Nội thoắt ẩn thoắt hiện với những ngôi nhà như không bao giờ có ai to

tiếng. Rồi ngõ Tạm Thương, ngõ Liên Trì nhỏ bé, rồi đến Quán Thánh có những cây muỗm già trăm tuổi, thả lá khô xuống sân đền không một tiếng vang, làm sương đông cũng không thể giật mình. Phải chăng hồn Thăng Long vẫn còn ẩn hiện trong làn sương mỏng màu lam kia?

Đã qua mùa hoa sữa. Cây sữa bây giờ treo mành bằng những chùm quả, thỉnh thoảng lại rắc mấy cái hạt đầy lông nâu ra tứ phía, có lúc mình tưởng nhầm là con sâu, hóa chỉ là cái hạt cây, chắc muốn đậu vào vai người tìm hơi ấm.

Có nhiều loài cây vẫn tươi xanh trong sương đông, thản nhiên mặc cho cái gió đùa chơi vật vã. Những tin gió mùa đông bắc liên tiếp như hồi trống báo động, cây vẫn thách thức bằng màu xanh hầu như suốt cả bốn mùa. Hàng đa đường Điện Biên, những cây sao đen phố Lò Đúc, những cây chò xanh từ đền Hùng được di về gần nơi Bác Hồ yên nghỉ, hàng long não lá tròn và thơm nhè nhẹ ở phố Lê Văn Hưu xinh xắn... Màu xanh ấy chính là cuộc đời, là sự sống, dám vượt mọi phiền toái của vũ trụ.

Một buổi tối nào ta khoác tay người bạn thân đi dạo trên phố Hà Nội cổ. Bẻ cao cổ áo lên, cảm thấy cả hơi ấm bạn bè bên vai mình, rồi từ một ngã tư chập chờn nào, một cột đèn nào nhòa trong sương có ánh sáng mờ ảo trong sương... Một mùi thơm ấm nóng bay lên.

Mùi thơm đã trở nên hữu tình. Ta gặp ánh than hồng lập lòe theo tay cô gái có hơi vẻ nghèo, với chiếc quạt nan cũ. Mặt người cũng lúc sáng lúc tối cũng như lời ai lúc nói lúc ngừng, như trong giấc mơ sáng mai không thể nhớ lại được. Xin một phút được ngồi lại bên chậu than hoa hồng rực, trong mùi thơm chờ đợi đến thắc thỏm, chỉ sợ chưa đến phần mình khi cô gái lật giở bắp ngô vừa chín tới sang một góc, bắp ngô vàng óng gần như trong suốt mà phần ngoài đã lấm tấm đen vì hơi lửa. Ngô đã chín đấy.

Cầm cái bắp ngô ấy lại đứng lên đi tiếp đoạn đường sương, vừa đi vừa tỉa từng hạt mà ăn. Mùi thơm quấn quýt với ta, hơi ấm lan truyền từ gân tay vào khắp đường gân thớ thịt.

Hình như món ngô nướng sinh ra không phải để cho mùa khác, cũng không phải để cho lúc khác. Trong hơi sương, trong gió rét, trong bước đi thư thả của một đêm đang về, ngô nướng là một phần của đêm sương ấy. Có lẽ Tử Kỳ cần một Bá Nha thì ngô nướng trên đường sương Hà Nội cũng cần có những tấm lòng, những bàn tay... biết thưởng thức nó vào đúng lúc này chăng?

Cái bắp ngô mang hương đồng gió bãi ấy đã hóa thân thành niềm vui nỗi ấm cho người Hà Nội vào khuya, để mà yêu thêm cái thành phố không to nhưng lại đầy ngã ba ngã tư cho ta đi từ phố này sang phố khác với cảm giác và suy nghĩ được thay đổi luôn như hình trên màn ảnh.

Mấy chục năm trước người Hà Nội còn rủ nhau đi ăn khuya món bánh cuốn bà Hai Tàu phố Huế. Nay không còn nữa. Nhưng vẫn còn những gánh lục tào xá, những gánh mía hấp rao ngân nga ở một ngõ vắng nào. Những món quà vừa ngọt vừa lành, như tấm lòng thơm thảo của đất quê cho ta, mà chẳng tốn bao nhiêu tiền, mà chẳng thứ cao lương mỹ vị nào lấn át được.

Những buổi sáng Hà Nội choàng tấm áo sương làm thành phố đổi khác hẳn như cô gái ngày thường lam lũ, hôm nay choàng tấm áo voan cưới lên đầu trở thành cô dâu diễm lệ, bất ngờ cho tất cả mọi người dù quen hay lạ.

Bờ cỏ bờ Hồ Gươm đâu đó còn vương vấn những viên ngọc li ti. Đêm qua có ai làm tung tóe những hạt ngọc trai vậy nhỉ. Hay là sợi dây chuyền từ cổ cô gái thanh tân đứt ra, vì quá vội về trời không kịp nhặt, mà người trần gian chúng ta cũng không thể nâng lên, vì cô đã yểm phép tiên nó sẵn sàng tan ra cùng trời đất.

Hà Nội đã bóc đi gần hết đường tầu điện cổ xưa. Xe cộ dập dìu hơn trước. Màu sắc lấp lánh hơn xưa. Cuộc sống mới có vẻ tấp nập vội vàng, nhất là những ngày gió lạnh hun hút này, mấy ai đi hứng cái lạnh lẽo vào mình.

Rau xanh, thì lại khác, vẫn phải vượt qua sương gió để vào thành phố. Su hào xanh mướt, cải bắp cuộn tròn. Cải bẹ mơn mởn. Cà rốt tươi non. Cà chua đỏ mọng. Đậu vàng đậu xanh mọng nước... cả những bó rau cần hẹn một bữa ăn thật hấp dẫn làm sao. Ấy là chưa kể đến húng Láng, rau mùi, thìa là, cần tây...làm bữa ăn như được ướp hương thơm của ngoại thành xanh ngát.

Rồi một hôm nào, như chợt tỉnh ra, ta thấy mấy cái quán dựng lên. Chợ hoa sắp họp. Mùa sương sắp hết. Xuân đang đợi thập thò ở ngoài thềm Hà Nội ...

Hàng bia tiến sĩ trong Văn Miếu sắp hết những ngày tắm sương giá buốt. Bao nhiêu cây đang làm nhựa dưới gốc kia để chờ xuân, tung màu xanh vào đời, tiễn một mùa sương giá ra đi.

Và Hà Nội lại đẹp cách khác. Hà Nội vẫn cứ đẹp, như chưa từng bao giờ thua thời gian một keo nào.

11-1990

Cây xanh nét riêng Hà Nội

Càng ngày người thành phố mới càng thấy cây xanh cần thiết cho con người biết chừng nào. Càng chật chội, cây xanh càng quý giá, nó như cảnh vợ chồng nghèo càng thương yêu hơn, như cô gái quá thì được yêu càng nồng nàn mê đắm hơn...

Có hai loại cây xanh thường gặp. Một là cây xanh trên vỉa hè công cộng. Hai là cây xanh trên hè trên thềm trong sân mỗi gia đình.

Trong những căn nhà cổ Hà Nội cũ, thường lớp nhà trên cách lớp nhà dưới một khoảng sân con, ở đó thường có non bộ, một vài chậu cây cảnh như một chậu *địa lan, mạc lan, hạc đính lan*, một khóm *sói,* khóm *hồng,* giò *cúc.* Có khi là một gốc *đinh lăng* xanh biếc lăn tăn (lúc ăn gỏi cá khỏi phải đi kiếm), cũng có thể là một cây *xương rồng,* một cây *cúc mốc,* một gốc *chi mai,* một khóm *liên đài* (hoa đá)... Dăm chục năm trước, hoa giấy (tên chính là hoa móc diều) còn hiếm, chỉ một màu tím, thường cho leo lên trên hàng rào sắt vài biệt thự. Nay hoa giấy thành phổ biến, đủ màu: tím, trắng, cánh sen, cá vàng... có khi còn là cây thế, có hai ba màu hoa ghép.

Từ trong nhà đi ra, bước xuống bậc tam cấp là gặp ngay cây xanh tươi mát, bổ khuyết cho cái chật chội tức mắt âm u của màu

nâu đồ gỗ, màu đen của câu đối hoành phi, màu xỉn của gạch lá nem, vàng của tường vôi, xám của rui mè trên nóc... Cây xanh thành nốt nhạc phá đi cái trầm lặng của không gian tĩnh mịch, nó còn thoảng nhẹ một mùi hương cho thanh thoát tâm hồn đôi chút...

Cuộc sống phát triển, nhà hộp, đá ốp, đá rửa, những đường thẳng song song nằm ngang hay thẳng đứng cứng đơ, thường đơn điệu, nên nhiều người đã phải phổ chút cây xanh vào cho đỡ trống lạnh bằng cây đa lá đỏ, cây cô tòng, trắc bách diệp, cây vạn niên thanh thẳng đứng mà lá có những chấm trắng li ti như sao mọc trời đêm.

Những chủ nhân của thế kỷ trước thường áo the quần ống sớ tưới cây chăm sóc cái mầm xanh như người tri kỷ, lấy cả nước rửa mặt tưới cây, dùng nước điếu tuốt muội cho lá lan quen ẻo lả, chờ từng cái nụ quỳnh mới nhú bằng đầu tăm... Còn bây giờ ông chủ bà chủ sống theo tốc độ xe máy, quần bò váy mốc, mồm đỏ mắt xanh, coi cây là thứ phục vụ, là một thứ làm sang cho mình, chứ không phải là người an ủi mình, nên đối với cây khá phũ phàng. Không trách được họ, bởi họ sống trong cái guồng kéo đi không thể để lừ đừ, đận đà mà được.

Còn loại cây trên vỉa hè công cộng thành phố thì sao? Công ty công viên có đội bóng mát để chăm cho cây, nào trồng dặm, bổ sung, hạ những cây sâu mục, tỉa cành mùa bão (chỉ tiếc có khi anh em quá tay, cái cây còn khốn khổ hơn gặp bão).

Hà Nội có những hàng cây đẹp lạ lùng, là nỗi nhớ của người đi xa, là niềm yêu của người ở gần, là bâng khuâng cho tình ái, là... nhiều lắm. Lò Đúc có sao đen thẳng vút. Nguyễn Du có hoa sữa. Trần Hưng Đạo có cả hoa sữa, cả sấu um tùm. Phan Đình Phùng có hoàng lan. Ngô Quyền còn sót lại mươi cây me cổ thụ. Điện

Biên Phủ có hơn bốn chục cây đa cứ oằn mình mà xanh biếc bốn mùa. Thợ Nhuộm có bằng lăng nước, đường Thanh Niên có xoan tây. Xung quanh bờ Hồ có bao cây đặc biệt: cây mõ thân thẳng cành xòa rộng, cây lộc vừng như cây thế khổng lồ, lại có cây lộc vừng chín gốc, cây gỗ tếch thẳng vút, bãi vông hoa đỏ rực lúc chớm hè, gốc gạo gọi chim về ríu rít cùng hoa khi cuối xuân, những cây vàng anh rực rỡ những chùm hoa da cam đằm thắm, cây cọ như chống đỡ trời xanh, mấy cây đa hào phóng bóng mát và búp cho trẻ con đùa chơi...

Đôi vườn hoa biệt thự thấp thoáng một vài gốc tre đằng ngà thân vàng óng như mạ vàng, kéo những làng quê gần lại.

Lâu nay Hàng Dầu có cây sưa, mùa xuân hoa nở trắng như tuyết phủ. Hàng Bè, Hàng Đào có dâu da xoan là loại cây dễ trồng dễ sống, tỏa bóng mát rượi, hoa thơm thoảng xa dù hơi phàm tục.

Cây xà cừ đã khá quen thuộc với Hà Nội, cây cao bóng cả, chỉ tiếc to xác nhưng ít chịu được bão to gió lớn vì rễ ăn ngang, không dẻo dai như cây sấu, gốc có vè có bạnh, lá thường xanh bốn mùa, hoa rụng trắng tháng ba, trẻ nhặt chơi đầy kỷ niệm.

Thử tưởng tượng nếu Hà Nội không có cây xanh? Đó là cô thiếu nữ đẹp nhưng lại cạo trọc đầu, không kể chúng ta sẽ ngạt thở khói nhà máy do các thứ của con người thải vào không khí.

Hà Nội đẹp một phần chính vì cây xanh, cây làm thành phố mang ý vị của thành phố xinh xắn trầm mặc cổ kính, mát mẻ, đầy nhân tình lưu luyến, là nỗi khắc khoải của người xa thành phố quê hương, là niềm âu yếm của người hàng ngày phải có mặt trên đường phố. Tiếc có lúc có những gốc cây bị xây bó lại làm chỗ bán hàng, bán nước, hoặc có khi bị tàn phá như đêm giao thừa, người ta hái lộc.

Xin mở thêm cái ngoặc quan trọng. Cũng là vấn đề cây xanh, vấn đề vỉa hè. Nhân nói đến giao thừa, mà nhớ đến nó. Tết năm nay, chợ hoa tan tác như đám bèo gặp bão vì một cái quyết định phá vỡ truyền thống văn hóa nghìn năm. Không cho họp chợ tại Hàng Lược. Người Hà Nội ngơ ngác, kiều bào về ngác ngơ, cả người nước ngoài tìm đến chợ hoa Hàng Lược cũng đành thất vọng. Mà rồi cuối cùng chợ hoa vẫn cứ tràn vào Hàng Lược. Truyền thống chợ hoa Hàng Lược bị phá vỡ một cách phũ phàng. Thật uổng. Giải tỏa vỉa hè là đúng, đáng hoan nghênh, nhưng thiết nghĩ chợ hoa Hàng Lược chỉ có bẩy ngày, lại là một truyền thống văn hóa, là nét độc đáo chỉ có Hà Nội có, mỗi năm chỉ có một lần, đã nổi tiếng khắp nước và cả ở nước ngoài, không nên đánh đồng nó với những người lấn chiếm vỉa hè làm nơi buôn bán quanh năm, ấy là chưa nói đến hàng chục vạn hộ nông dân ngoại thành bị xua đuổi như một thứ phạm pháp, một cách kỳ thị, mang đầy uất ức, còn người Hà Nội thì buồn phiền vì bị mất mát một điều yêu quý.

Trở lại chuyện cây xanh, người Hà Nội ra cửa là gặp ngay màu xanh mát lòng xanh mắt, có gió rì rào, có hương thoang thoảng, dù rằng tính bình quân Hà Nội thuộc loại thành phố còn ít cây xanh.

Ngày nắng, đi trong bóng cây mát rượi mới thấy cây xanh trên vỉa hè là quý, và có những đêm, đi trong hương mới cảm nhận Hà Nội của mình kỳ diệu. Hoàng Lan thoảng nhẹ. Ngọc Lan nồng nàn. Hoa Sữa khêu gợi. Dạ Lan Hương như hương con gái, lại thoảng một hương ngâu nơi chùa nào, và bao thứ hương hoa khác cứ như có như không khiến hồn ta như tỉnh như mê.

Người Hà Nội thế hệ này thế hệ khác không thể nào quên bao kỷ niệm gắn đời mình với những hàng cây quen thuộc. Hoa tím

bằng lăng nước trên đường Thợ Nhuộm, hoa phượng đỏ chói trên đường Thanh Niên, hoa sấu trên nhiều con đường um tùm rợp bóng, hoa lộc vừng chói đỏ rập rờn trên mặt hồ thu... cả đến cây mít trong chùa ngõ Tràng An, cây muỗm trong Quán Thánh, cây muỗm đơn độc mọc giữa hè trên phố Trần Hưng Đạo (chỗ cửa sứ quán I-rắc). Cây xanh đã thành nét, nếu không nói là chủ đạo thì cũng là một nét màu quan trọng của bức tranh Hà Nội sắp bước vào nghìn tuổi. Chỉ cần mọi người bảo vệ nó như bảo vệ một cái riêng của đời mình, cái độc đáo của thành phố nhưng cũng là của riêng cuộc đời mình. Cũng mong người có trách nhiệm có thể chú ý để trồng thêm những loại cây cho từng đường phố, không nên trồng xen kẽ lộn xộn như nhiều phố hiện có.

Cây xanh Hà Nội phải được bảo vệ và phát triển như một mảng đời sống của Hà Nội vì thực sự nó vẫn đang phập phồng hơi thở ngày đêm.

2 - 1992

Đám tang ngày trước

Năm vừa rồi tôi đi đưa đám tang anh tôi từ nội thành ra Văn Điển. Ngồi bên linh cữu là vợ con anh. Tôi là em nên chỉ ngồi phía trước, cạnh người lái xe. Hơn chục cây số mà có bao điều đáng suy nghĩ. Sống và chết. Cái chết ở thành phố ra sao... Có lúc không phải thương anh mà tôi cứ rưng rưng nước mắt. Thật đơn giản, lâu lắm mới gặp cảnh này. Một ông có tuổi đi xe đạp ngược chiều xe tang, ông đứng lại, ngả mũ, xuống xe. Tôi nhìn rõ mái đầu ông hoa râm. Xe tang đi qua, tôi ngoái lại, thấy ông đội mũ, nhẩy lên xe đi tiếp. Chắc không phải người quen của kẻ quá cố. Đến ngã tư Vọng, một anh bộ đội cũng đứng lại, giơ tay chào.

Rồi một quãng nữa, gặp hai cô gái xinh đẹp, ăn mặc đúng mốt, đi xe sóng đôi, cố lái xe lấn ra giữa đường trêu anh lái xe tang rồi cười hô hố. Lạ thật đấy. Trong hàng nghìn người gặp trên đường, vẫn có người giữ được nền nếp xưa, tôn trọng đám tang, chào người quá cố, cũng lại có người dửng dưng và cá biệt có người không cần biết xe tang là gì.

Nhớ lại mấy chục năm trước, khi vào học lớp ăng-phăng-tanh (lớp một) thầy giáo đã dạy học trò khi ra đường gặp đám tang phải đứng lại, nhường đường, ngả mũ. Xã hội người lớn còn nghiêm ngặt hơn. Gặp xe tang bắt buộc phải ngả mũ nón, phải chào...

Người đi đưa đám ma không được dùng y phục màu tươi nhất là màu đỏ. Đàn ông không được thắt cà vạt hoa, phụ nữ không được son phấn lòe loẹt, quần áo sặc sỡ. Mũ nón nhất thiết phải ngả ra cầm tay, xong mới được đội.

Riêng tục chất đội khăn vàng, chút khăn đỏ là tỏ ra người khuất có phúc, tứ đại đồng đường, ngũ đại đồng đường, màu đỏ màu vàng chỉ niềm vinh dự ấy.

Người đi đưa ma nếu nói chuyện chỉ được thầm thì đủ người bên cạnh nghe, không được nói cười oang oang, kéo lê giầy dép quèn quẹt.

Tiễn một người ra khỏi thế giới này một lần đi vĩnh viễn không trở lại, đâu có phải vui như đi hội, dự cưới, như đón một con người ra đời mà tươi cười rôm rả. Đám tang là chuyện buồn đau. Cần chia buồn chứ không phải góp vui. Nói cười oang oang, đội mũ nón sùm sụp, quần áo nhố nhăng sẽ bị coi là khiếm nhã hoặc thiếu giáo dục.

Cười một người tàn tật đã là nhẫn tâm, huống chi cười trước người vừa nằm xuống. Ngay cả người tài xế xe tải xe ca nếu gặp xe tang cũng không thể lấn lên, chen lên mà đòi vượt, nếu vội thì tìm đường đi vòng, bởi xe tang bao giờ cũng đi chậm, nhất là thời còn dùng xe ngựa.

Dăm chục năm trước, chưa có ô tô dùng vào việc này. Xe tang đều do mấy nhà thầu nhận kinh doanh.

Nhà ai có đám, báo cho chủ xe tang. Chủ xe tang cho người đến treo một cái rèm cửa màu đen rồi họ lo liệu mọi việc. Một nhà kinh doanh lâu đời, to nhất, có uy tín và cũng chu đáo nhất là Louis Chức, gọi theo người Việt Hà Nội là nhà Lưu Chức, ở phố Hàng Cót, chỗ xí nghiệp kẻ giấy, gần cầu cạn bây giờ. Hàng Da cũng có mấy nhà lớn, được nhiều người tín nhiệm. Họ thường được gọi chung là nhà đòn, dù không dùng đòn khêng nữa.

Xe tang có loại một ngựa, song mã, tam mã, tứ mã. Người chết trẻ chưa lập gia đình thì ngựa trắng, chí ít cũng phủ tấm chăn ngựa màu trắng lên lưng ngựa, xe màu trắng. Còn người khác, tất cả đều màu đen, cho đến những chú bé vác cờ, cũng quần áo đen, nón đen. Nguyễn Bính đã mô tả một đám tang trinh nữ:

Có một chiếc xe màu trắng đục

Hai con ngựa trắng bước hàng đôi...

Và Huy Cận cũng đã viết trong bài "Nhạc sầu" về đám tang người lớn:.

Hàng cờ đen là bóng quạ chập chờn

Báo tin xấu dẫn hồn người đã xế...

Có một câu ca nói về hạng người dưới đáy xã hội, trong đó có những em bé làm công việc vác cờ đám ma: "Tứ cố vô thân, cầu bơ cầu bất, phong trần dầu dãi, ăn bãi cỏ ngủ bàn quần, nhặt gạch củ đậu vác cờ đám ma..." ăn bãi cỏ là lang thang, ngủ bàn quần là ngủ ở sân quần vợt, nhặt bóng ten nít thuê, kiểu Xuân Tóc Đỏ, nhặt gạch củ đậu là hay gây gổ đánh nhau ngoài đường và vác cờ đám ma là công việc khốn khổ, làm ngày nào được trả công ngày ấy.

Tuỳ gia cảnh, có đám có kèn bú dích nghĩa là nhạc tây kèn trống (từ chữ Pháp Musique), gọi là trống cà rùng. Thường chỉ có phường bát âm, bởi "sống dầu đèn, chết kèn trống", tiếng phèng la, nhị, cùng trống cơm là tiếng nỉ non khóc cho con cháu. Còn có cả nhiều người đi khóc mướn, toàn khóc ới cha mẹ người ta ơi, nhưng vì con cháu cần làm ma cho cha mẹ thật to để khoe hiếu khoe của nên càng nhiều người khóc càng tốt. Bọn khóc thuê cũng là dân nặc nô, bất trị. Khóc đám nào được trả tiền đám ấy, thế thôi.

Tiếng kèn trống thời ấy có bài bản hẳn hoi, không cứ thổi bạt mạng như một số hội hiếu hiện nay thổi cả hành vân lưu thủy... thậm chí ở một thành phố nọ còn thổi cả bài "Anh vẫn hành quân" và "Không cho chúng nó thoát" lẫn vào tiếng kèn tò tí te...

Hoa tươi cũng có, nhưng thời ấy Hà Nội có một số nhà cho thuê vòng hoa bằng hạt cườm, nhà to nhất ở phố Thợ Nhuộm. Vòng to bé nhiều cỡ, thuê một ngày hai ngày tuỳ. Câu đối vải trắng chữ đen là chủ yếu. Nhà nghèo đưa đám xong, về cắt câu đối ra, trẻ nhỏ cũng thêm được chút ít quần áo vải cát bá, trúc bâu...

Nghĩa trang gần hơn bây giờ. Hợp Thiện ở Quỳnh Lôi, Quảng Thiện ở Cầu Giấy sau dời vào Thanh Xuân. Vì gần và để được trang trọng, người xà ích không bao giờ cho ngựa phi nước đại hoặc nước kiệu, chỉ bước một. Huy Cận viết rất hay và đúng:

Và ngựa ơi đi nhịp đàm chớ nhẩy

Kẻo thân đau chưa quen nệm giường đời...

(Nhạc sầu)

không như bây giờ, lắm đám tang, tang quyến đối xử không chu đáo, anh tài xế phóng xe như đua ô tô, rơi cả vòng hoa, xác trong áo quan kêu lọc xọc... Đến giữa phố Huế là như được nửa đường, ở đây, có quán Trung Đồ, quán giữa đường (số nhà 260 hiện nay), người nghỉ, ngựa nghỉ, ai cần quay về mới quay về.

Người xà ích cũng như đô tuỳ làm việc không đòi hỏi gì. Có lòng tốt thì cho thì họ nhận, không thì thôi, họ vẫn làm hết phận sự. Thường họ chỉ được mâm cỗ cúng thổ thần gồm cút rượu, miếng thịt, đĩa xôi...

Mộ đắp xong người ta còn đắp lên một đôi quạt mồ, sắm ở Hàng Mã, bằng giấy bản trắng viền tím phất lên khung nứa. Sự tích quạt mồ có từ xa xưa. Một người muốn mộ chồng chóng

xanh cỏ, hàng ngày quạt cho mát, trong khi ấy Trang Tử vờ chết, hóa thành chàng trai tuấn tú để thử lòng chung thủy của vợ. Chàng trai vào trọ, đêm bị đau bụng, vợ Trang Tử còn ôm quan tài chồng, khóc, nhưng xiêu lòng vì người đàn ông kia, săn sóc thuốc thang, nhưng bệnh đau bụng mỗi lúc một nặng, cuống lên, nàng hỏi có cách gì chữa được, người đàn ông bảo chỉ có món óc người mới chết mới chữa khỏi, người đàn bà vợ Trang Tử không ngần ngại, bật nắp quan tài chồng, định bổ óc lấy cho tình nhân ăn. Vừa mở nắp quan tài thì Trang Tử bật dậy và người đàn ông đau bụng kia cũng biến mất... Có câu:

Thương thay những kẻ quạt mồ

Hại thay những kẻ lấy vồ đập săng...

Trở lại chuyện xe tang. Một đám tang trang trọng là đám tang nhiều im lặng. Ngoài tiếng khóc, tiếng bát âm thì không có những câu chuyện râm ran, tiếng nói cười ầm ĩ. Im lặng của người nằm đó. Im lặng của người đi đưa. Im lặng cả trong bước đi của con ngựa khoác áo đen, bịt mắt, im lặng của dáng ngồi uy nghi anh xà ích như tượng, im lặng của hai bên hàng phố...

Đám tang là giây phút cuối cùng của một con người? Chào người ấy lần cuối là lễ là nghĩa vậy. Và ai cũng cho thế là phải, không thể khác. Màu sắc từ con ngựa cỗ xe đến lá cờ, quần áo anh xà ích gây ấn tượng thật mạnh, không cho ai có thể có cử chỉ sàm sỡ nhố nhăng. Thế mới biết màu sắc, y phục, nó quan trọng như thế nào, chả thế mà có tòa áo đỏ áo đen không mặc sơ mi trần để xử án, cũng như không thể có xe tang sơn đủ màu, nào màu vàng nào xanh, nào xám như hiện nay...

Gần đây, phục hồi vốn cổ, nhiều đám tang có đoàn bà vãi áo nâu cầm phướn, lần tràng hạt tụng kinh. Không ai phản đối. Chỉ tiếc, trong đó những bà vãi quá trẻ, mới khoảng tứ tuần, còn phây

phây son phấn, nói cười tươi hơn hớn, và các bà này lúc nãy còn nhảy tâng tâng lên mà cãi nhau với phòng thuế, công an, có cái gì thì cứ văng ra, vỗ đôm đốp, vậy mà bây giờ lại từ bi giả hiệu thế kia... Nên chăng các bà vãi chỉ là các cụ đã già, có đạo đức, sống nhân ái, chân tình...

Đám tang có vòng hoa. Đó là thông lệ, một tục đẹp. Nên lắm. Và lâu nay còn có tục lệ khác cũng đẹp không kém. Người ta mang hoa đến nhà hộ sinh mừng người phụ nữ vừa được làm mẹ và để đón một con người vừa ra đời, vừa góp mặt vào trát đất. Nên phát huy những phong tục tốt đẹp như thế. Chỉ đáng tiếc, lời chào người đã khuất, bỏ mũ nón khi đưa tang thì hầu như người ta đã quên mất, đã coi thường. Đáng buồn vậy.

Một độ, quy tắc của Ban vận động nếp sống mới đề ra về việc tang ma, quá tả, quá khích, không cho con cháu đặt bát cơm quả trứng lên quan tài, không cho mặc áo xô trắng, khiến người dân bất bình, có ấn tượng xấu về chính sách. Quan trọng là thái độ của người sống với người chết chứ không phải là áp đặt để lấy thành tích. Và đến nay, thì từ cực này nhiều nơi lại nhảy sang cực khác, ăn uống tổ chức đám ma quá linh đình tốn kém, vượt khả năng của con cháu người đã khuất nhiều lần, dẫn đến vay nợ, chơi hụi, ẩu đả... Có lẽ cũng là một hủ tục mới.

Tiết học công dân giáo dục có nên dạy cho thiếu niên nhi đồng những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của ông cha để lại không, trong đó có cái chào người đã khuất, bỏ mũ nón khi đưa ma, nhường đường khi gặp đám tang, đi đưa ma đừng khoe quần áo son phấn nhan sắc, đừng nhân đám tang mà gặp nhau bàn chuyện làm ăn, đánh quả... ầm ĩ, ồn ào.

Và thiển nghĩ, có thể sẽ không là tiếng nói đơn độc.

1989

Hoa cúng

Có hàng thập kỷ người ta cho mọi thứ cúng bái đều là nhảm nhí. Có người để tỏ ra mình là tiên phong gương mẫu, bắt vợ con dẹp bỏ cái bàn thờ tổ tiên ở trong nhà. Hậu quả phải nhiều năm mới lộ ra: con cái ít kính trọng cha mẹ ông bà, quên cả tổ tiên gốc gác, chạy theo cái xa lạ.

Chúng ta đã nhận ra, nhưng có lúc lại sa đà, đủ các thứ lễ hội, cúng bái, đồng cốt, tướng số, gọi hồn, đội bát nhang... Rồi thời gian và sự sáng suốt sẽ phán định, thay cho áp đặt.

Riêng cái bàn thờ trong mỗi gia đình, nơi vọng nhớ tổ tiên, ông bà cha mẹ đã khuất vẫn là chỗ thiêng liêng nhất, trang trọng nhất.

Tuỳ hoàn cảnh, thành phần, nhân cách, trình độ của nhà ấy, bàn thờ to hay nhỏ, lộng lẫy hay đơn sơ, khác nhau. Một nét chung nhất là bao giờ cũng có một bát hương, chén nước và một đĩa hoa.

Đĩa hoa cúng thường có nhiều loại hoa, những bông hoa rời, đặt lên cái đĩa nhỏ, khô, sạch. Có thể là bông huệ trắng muốt thơm ngát, một bông ngọc lan thơm nồng, một nhánh hoàng lan mềm mại, hương phảng phất. Cũng có khi có nhánh hoa sói, một bông cúc bán khai, một đóa hoa thược dược, một nhánh cúc bách nhật khô cứng, đôi khi vào mùa ít hoa, còn thấy có cả một bông

hoa mào gà nữa... Tuỳ theo mùa, theo thời tiết mà đĩa hoa cúng đầy hay vơi, có thứ này thứ nọ.

Chợ làng Ngọc Hà, cứ hai ba giờ đêm đã họp, họp trong sương mát, trong những ngọn đèn dầu di động theo bước chân người, họp trong tiếng trao đổi lầm rầm, trong hương hoa thơm ngát từ ngõ này sang ngõ khác. Nhà thơ Vân Long có câu thơ rất hay:

Yêu sao Hà Nội sương bay trắng
Buổi chợ hoa đêm đất Ngọc Hà...

Những người buôn hoa cũng thường mua cả rổ, cả mớ, về phân loại, gói thành từng gói sẵn, hoặc mang vào phố, ai mua mới gói.

Gói hoa, thường dùng lá bồ tát, một loại lá dong, màu lá mạ, thường trồng ven rào. Thiếu mới dùng lá chuối. Cái lạt bó hoa cũng tước thật mảnh, chỉ nhỉnh hơn sợi chỉ, buộc hững hờ cho hoa khỏi nát, cánh hoa cứ lồng khồng tinh khiết, tươi nguyên. Sợi lạt còn thắt nút thành tay cầm.

Nhiều năm trước có những bà chuyên bán hoa cúng. Sáng sớm đi dọc các phố, treo bó hoa cúng vào cái đinh đóng sẵn nơi cửa. Chủ nhà khi mở cửa đã thấy gói hoa còn ướt sương đêm, tươi rói, mát lạnh. Cuối tháng bà hàng hoa mới đi lấy tiền một loạt một lần.

Rằm, mùng một, hoa cúng cần nhiều hơn. Cái làn đi chợ, ngoài thức ăn, còn toòng teng một gói hoa cúng, một thẻ hương...

Hoa cúng khi cúng xong, ít gia đình dẹp đi, thường cứ để khô giống như chân hương ở bát hương, đầy lên càng tốt, không bỏ. Đến lần cúng sau, thay hoa mới, người ta mới bỏ hoa cũ.

Những gia đình có người mất, cúng đủ trăm ngày thì cũng phải có đủ trăm đĩa hoa cúng, sáng nào cũng thay hoa mới. Hoa là hương trời đất, là khí chất nhẹ nhàng, là hồn thiêng có thể mang tấm lòng thành gửi sang thế giới vô biên.

Tết, ngày cưới, sinh nhật, ngày lễ... có hoa tươi. Đám tang càng nhiều hoa tiễn biệt. Còn trên bàn thờ gia tiên, đĩa hoa cúng là cuộc sống hàng ngày cô đọng, là tấm lòng con cháu, có thể nào thiếu được.

Ở nông thôn hoa tươi ít, trên bàn thờ thường chỉ có cành hoa bằng giấy trang kim mua ở Hàng Mã từ dịp tết. Hà Nội không thế. Hoa tươi có quanh năm, bốn mùa, ngày nào cũng sẵn, nên đĩa hoa cúng đã thành một phần nhất thiết phải có của lễ cúng. Đĩa hoa cúng còn là sự chu đáo của bà chủ nhà, là lòng hiếu thảo của cô con dâu, là tính nền nếp của cô con gái... đối với ông bà tổ tiên, đối với gia đình. Thế mới biết đâu cần mâm cao cỗ đầy mới tỏ được tấm lòng mình.

Hầu như gia đình nào ở Hà Nội cũng đã quen với nếp sống trân trọng và giản dị ấy. Nếp sống văn hóa tinh thần cần có và duy trì trong lòng kính cẩn của mọi thành viên trong gia đình.

Viết thêm: Cái lá cây bồ tát thật đẹp, hình như chỉ chuyên để gói hoa. Mươi năm trước, ở vườn hoa Cửa Nam, bao giờ cũng có một khóm cây bồ tát nở hoa, làm tươi một góc thành phố. Dăm hôm hoa sắp tàn, cây được thay bằng cây mới, thành không lúc nào không có hoa tươi, mà chỉ là một khóm, một bông thôi. Người Hà Nội thật vui lòng. Người tỉnh xa về cũng đẹp mắt. Không hiểu cái xô bồ tạp vặt đã lấn đến đâu mà lâu nay cảnh ấy không còn, chỉ thấy người nằm ngổn ngang, quần áo vá phơi tứ tung... Thật tiếc.

Chợ hoa

Đó là cái chợ mỗi năm chỉ họp một lần, và kéo dài bẩy ngày đêm. Đến khi giao thừa nổ ran báo hiệu xuân sang mới hết phiên chợ. Chợ hoa Hà Nội đã thành một biểu tượng của mùa xuân, khắc sâu vào lòng người Hà Nội.

Chợ hoa Hà Nội có từ bao giờ không thấy sử sách ghi chép. Nhưng với người Hà Nội và cả người nhiều địa phương khác nữa - chợ hoa là một nơi hò hẹn chan chứa say mê mỗi độ xuân về, là niềm vui trong cái đẹp của thiên nhiên tặng con người.

Tết, có thể nào không có hoa? Những quầy bán hoa ở chợ Đồng Xuân, ở ngã tư Tràng Tiền, chợ Hàng Da, chợ Hôm, chợ Mơ, chợ Ngọc Hà, Cửa Nam, trước đền Bà Kiệu, đầu đường Điện Biên Phủ, Ngã Tư Sở, Gia Lâm... không đủ đáp ứng nhu cầu về hoa của những con người thanh lịch đất nghìn năm văn vật.

Gần như cả Hà Nội gặp nhau ở chợ hoa. Người Hà Nội đi chợ hoa để đón xuân sớm, rước xuân về nhà trước, để gặp nhau, ngắm nhau, để thầm hẹn cùng cái đẹp, cùng hương đất sắc trời.

Từ cụ già râu tóc trắng như cước đến chàng trai vừa biết tình yêu, từ cô thiếu nữ - mà bản thân cô đã là một bông hoa - đến em thiếu niên còn lạ lùng bỡ ngỡ với nhiều loài hoa, từ một thi sĩ đắm say đến người thợ quen dùng sắt thép... đều gặp nhau ở đây, từ đầu ngã ba Hàng Cót, dọc phố Hàng Lược, rẽ sang phố Hàng

Khoai, Hàng Mã, Hàng Chai, đầu Hàng Rươi... và đến cuối phiên chợ, hoa còn tràn sang cả đường Phùng Hưng, chợ Đồng Xuân, vườn hoa Hàng Đậu.

Chợ hoa có hai điều kỳ diệu, hai thứ đẹp nhất: Người và Hoa.

Cái rét của tháng chạp Hà Nội có thể có nắng vàng, ra ngoài nắng có thể mướt mồ hôi nhưng vào trong bóng râm lại run người, cũng có thể có mưa phùn gió bấc, rét căm căm, là điều kiện để trai thanh gái lịch "lên" thành những màu áo sắc khăn đầy hấp dẫn, gợi cảm, pha quyện vào nhau thành bức tranh sinh động của họa sĩ tài hoa về màu sắc, một hòa âm tươi và đẹp trong trời xám bạc mùa đông. Đó là những màu hoàng yến, đỏ cờ, da cam, cá vàng, thiên thanh, hồ thủy. Đó là nâu đỏ giản dị, đen trang nghiêm, xám già dặn, tím Huế mơ mộng, tím than kín đáo, tím hoa cà trẻ trung...và cả những tấm áo quần có từng mảng màu chen vào nhau, màu nọ tôn màu kia, mảng này đùa vui cùng mảng khác...tất cả đan vào nhau, di động, chan hòa sức sống của cuộc đời sôi động không ngừng, hòa tan cả cổ điển vào thời thượng một cách mạnh dạn, táo bạo.

Trong cái rừng người đẹp ấy, còn có thể gặp màu áo rêu từ hải đảo, biên giới xa xôi về. Các anh về Hà Nội, đi chợ hoa, để mang không khí và sắc màu của chợ hoa về đơn vị. Cũng còn có thể gặp những khách nước ngoài khắp năm châu bốn biển. Cứ mỗi bước đi, con mắt họ lại như bật ra câu hỏi: đẹp đến thế này ư? Kỳ diệu thế này ư? Sao lại có thể kỳ lạ đến thế? Hà Nội là thế này à? Làm thế nào để rời Việt Nam mà không luyến tiếc?... Bởi họ được bơi trong sông hoa, được tắm trong hương sắc, được hòa mình vào muôn khuôn mặt, vạn tiếng cười.

Còn cái đẹp thứ hai thì biết nói sao bây giờ? Hoa là chúa tể ở đây. Hoa của Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Thụy Khuê, Tứ Tổng, của dinh

đào Nhật Tân, Quảng Bá. của Nghi Tàm. Yên Phụ. của Gia Lâm, Mai Động, Hoàng Mai,... còn của cả Cao Bằng. Lạng Sơn. của Hà Bắc, Hải Phòng, Đà Lạt...

Có sớm nhất và hết sau cùng là hoa đào. Nhiều nhất là đào bích rồi mới đến đào phai. đào ta. Chỉ dăm bẩy cành là đào thế. Thêm mươi cây là đào ghép mai ghép mận. Có năm có một vài cành bạch đào quý hiếm. Đào bích bạt ngàn suốt một phố Hàng Lược. Nếu miền Nam có mai vàng tượng trưng cho tết. thì miền Bắc, cành đào chính là tiếng nói mùa xuân. Cái tiếng nói nồng nàn ấy cứ ửng sắc trên cành, rung rinh trong những cánh hoa mỏng. Chơi hoa đào là chơi màu sắc, dáng vẻ, còn chơi cành mai là chơi cốt cách, chơi lý (cành mận hoa trắng) là chú ý phong độ.

Người ta chọn cành đào thường xem cành nào nhiều nụ để chơi được lâu, những cành tăm phải đều. thưa thoáng nhưng vẫn sum suê, cành tròn đều, hoa mập mạp, tươi tắn. Cành đào là cho cả một năm, đâu có thể cẩu thả, mua sao để khách xông nhà, khách chúc tết đều phải trầm trò khen ngợi mới là người giỏi, mới nhiều may mắn.

Cành mai không có nhiều. Thưa thoảng, người muốn tìm phải công phu nhiều buổi. Nhưng được cành mai thì chí quân tử được phô bày, bõ công "vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa". Cành mận có hoa trắng, cả người bán lẫn người mua thường gọi nhầm là cành mai. Mận nhiều hoa cũng nhiều cả lá, cành cũng có dáng có hình, chơi cũng được, nhưng hơi lạnh lẽo.

Cùng với hoa đào một rừng quất. Cái đẹp của đào là hoa thì cái đẹp của quất là quả. Quả chín vàng ươm, tròn trịa. sum suê, nhiều cây quả lấn cả lá, la đà từ gốc, trĩu trịt đến ngọn. Cây quất tượng trưng cho sự sinh sôi, thịnh vượng, tràn đầy. viên mãn, đông đúc. Có cây quất tí hon chỉ có một nhành, lơ thơ vài quả, để

chiều anh nào đó phải sống cảnh độc thân trong căn phòng chật hẹp. Cũng có những cây quất phải bắc ghế mới xem hết được quả trên ngọn. Hàng ngàn quả. Phòng khách lớn, nhà giàu mới trúng cầu son, thường ưa loại này. Nhiều cây còn điểm trắng những bông hoa li ti, gặp cụ già ưa cảnh hẳn cụ ưa chuộng lắm.

Tiếp theo dẫy phố hàng quất bao giờ cũng có một góc nhỏ riêng cho cây cảnh. Có thể ngắm chơi, bình luận cái thế cây phụ tử của một cây tùng trăm năm mà chỉ nhỉnh hơn một gốc hồng, bình cái dáng anh hùng độc lập của một gốc cúc mốc, ngắm cành huyền của một cây si lụ khụ, đàm đạo về cái vẻ mơ màng của một gốc chi mai đơn độc, hay một cây xanh có số tuổi nhiều hơn ông già chủ nhân bán nó. Cây la hán kia có dáng bạt phong, trông cũng ngang tàng... Bên cạnh những hòn non bộ tí hon là những khóm trúc đơn sơ, từ trúc tăm đến trúc quân tử, trúc đùi gà, trúc hóa long, mang màu vàng dịu hoặc xanh bền bỉ. Người quân tử ưa trúc, trúc là ngay thẳng, chết thành tro cũng chẳng chịu cong.

Đứng giữa cái góc nhỏ này, không hiểu không gian được thu nhỏ lại hay chính người ta bay cao, vươn xa trước một thiên nhiên là công trình của con người.

Đi một chút nữa, ta sẽ gặp khu vực cây xanh. Hoa đẹp cách khác. Cây xanh đẹp riêng, cách khác. Có khi chỉ là một nhánh lá. Một dây vạn niên thanh bền bỉ, một nhánh lá măng li ti, một cây cô tòng (đuôi lươn) lả lướt, một cụm đinh lăng lăn tăn, một gốc xương rồng gai góc, hay một giò liên đài đầy đặn, dầy dầy như sẵn đúc, một cây trắc khỏe khoắn...

Còn hoa. Một trời hoa. Glaueul - hoa dơn - trắng muốt, phấn hồng, đỏ tía, vàng rộm, tím ngắt, vàng chanh... Hoa dơn ưa những chiếc bình quý giá, bình pha lê, bình đồng đen, bình gốm cổ và những căn phòng rộng, bộ sa lông sang trọng. Nhà ta còn hẹp; mặt

bàn còn nhỏ, đã có hoa mặt trời (đồng tiền) đỏ thắm, hoặc vàng tươi, xoè ra những tia lửa làm ấm áp cả gian phòng. Hoa đồng tiền kép cũng đẹp nhưng hoa to, nặng mà cuống lại nhỏ không đủ sức mang bông hoa, nên nó cứ gục xuống như người có lỗi.

Phổ thông là thược dược. Đó là những chiếc đĩa màu ngồn ngộn, từ trắng nõn nà đến vàng chanh, cánh sen, đỏ thắm hoặc màu pha. Thược dược lộng lẫy nhưng chóng tàn, nhất là các loại thược dược tổ ong. Nó có thể hợp với nhiều không gian khác nhau, sở thích khác nhau, cắm riêng cũng được mà hòa sắc chung một bình với các hoa khác cũng được.

Chân chim tím lúc nào cũng rung rinh (xin đừng nhầm với vi-ô-lét, còn gọi là đồng thảo) như khêu gợi, như vừa đọng thêm sương, như sẵn sàng đợi chờ và nhận một lời hò hẹn. Thắm thiết hơn thì có Păng xê. Đó là hoa tưởng nhớ. Hoa sẽ nói thầm "Lúc nào em cũng nhớ anh". "Lúc nào anh cũng nhớ em"... Hoa Păng xê như cánh bướm non, ưa gượng nhẹ, nâng niu như mối tình chớm nở. Mỗi cây được trồng sẵn trong một chậu nhỏ, màu gốm nâu non. Hãy đem nguyên cả chậu cây, đặt lên cửa sổ. Lời yêu sẽ bay đến người yêu.

Hoa cúc là mùa thu chăng? Hàng chục loài cúc khác nhau. Đại đóa vàng, bạch cúc, hoàng mi, hoàng kim tháp, cúc móng rồng, cúc tím, cúc đỏ, cúc chi, cúc vạn thọ, cúc ngũ sắc... Hoa cúc tàn nhưng vẫn chẳng rời thân. Đó là linh hồn của những con người không bao giờ chịu mất gốc, chịu rời xa gốc mẹ. Một giò cúc lay động trong mưa xuân, gợi cho người chơi hoa ý niệm thanh cao, sáng đẹp, gắn bó với quê hương đất nước.

Cành tuy thô nhưng hoa lại lập lòe như lửa, như những ngọn nến, đó là hải đường. Hải đường là loài hoa quí nhưng không hiểu sao thường bị đối xử một cách phũ phàng hơn các loài hoa khác,

cứ vứt từng đống trên mặt đất, ai chọn thế nào thì chọn. Còn thu hải đường lại nhỏ cây, hoa mọng như chùm nho...

Còn bao thứ hoa khác nữa, y nha như tổ ong, tuy thô cứng nhưng bền, hoa thúy (ma-gơ-rit) xòe cân đối, nhiều màu, bạn của những người dễ tính và những gian nhà chật hẹp, ngày thường ít có hoa.

Riêng hoa hồng bao giờ cũng là hoàng hậu của các loài hoa. Hoa hồng là trái tim e ấp. Trái tim thì không cần nhiều. Một thôi. Một bông cầm trong tay mà tặng nhau. Một bông mà cắm vào bình. Hồng có hương ngan ngát, có dáng thanh lịch, có vẻ kiêu sa, có cốt cách diệu kỳ. Cánh hồng thanh thoát, lá hồng như năm ngón tay, cả cái gai ương ngạnh của nó cũng là một lời nói thầm cùng ai đó. Hãy coi chừng. Chợ hoa mấy năm trước thường không nhiều hoa hồng, mấy ngày cuối mới có. Nay nó cũng nhiều không kém các loài hoa khác, phải chăng bây giờ người ta yêu nhau nhiều hơn?

Chợ hoa còn có hoa Pa vê, phong lan, mõm sói, sen cạn, huệ trắng. Mỗi hoa một màu riêng hương riêng. Và nếu hoa có hồn như Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ nói, hẳn chúng đang tâm sự, xao xuyến những điều gì trong làn mưa bay lất phất, trong không khí tràn ngập hương xuân, trong hương người tươi tắn kia nữa chứ.

Chợ hoa xuân Hà Nội đã thành truyền thống. Những năm đánh Mỹ, chợ sơ tán sang Phùng Hưng, Hàng Da, họp ngay cả lúc còi báo động vang lên. Hòa bình, chợ hoa lại chở về đường xưa phố cũ, và ngày càng phát triển hơn.

Gần đây còn có những chợ hoa đàn em ở nhiều phố khác như phố Mai Hắc Đế, chợ Mơ, chợ Dừa, Cầu Giấy, Gia Lâm... để đón những người yêu hoa và chào xuân mới.

Điệp khúc của chợ hoa năm nào cũng trở lại, nhưng không năm nào giống hệt năm nào. Bao giờ ta cũng tìm ra cái mới. Cái đó là cái thanh tân của hoa, cái kỳ diệu của hương, cái hấp dẫn của màu, cái lạ lùng của xuân mới, giống như người yêu say đắm của ta, mỗi ngày ta phát hiện thêm một điều đáng yêu, một quyến rũ mới.

PHẦN II

Đôi đũa

Có một nhà nghiên cứu phương Tây nhận xét: "Hình như những dân tộc ăn bằng đũa thường thông minh, cần cù hơn những dân tộc ăn bằng thìa..." Đúng sai thế nào, chưa biết, mà chỉ thấy phần lớn các dân tộc phương Đông ăn bằng đũa, trong đó có Việt Nam chúng ta.

Với chúng ta, đôi đũa quen thuộc từ khi biết ăn miếng cơm đầu tiên, cho đến khi ra đi, nằm nghỉ trong quan tài, vẫn có đôi đũa vót bông với bát cơm trứng tiễn biệt.

Đôi đũa đã trở thành vật dụng hàng ngày, thành người bạn suốt đời, bất kể đó là ai, giàu sang hay nghèo nàn, ông tiến sĩ hay anh làm thuê gánh mướn... Nó quen thuộc như lũy tre làng, như ngôi đình, như cây đa, như cái chiếu ta nằm, như ngọn đèn liu riu những đêm mưa gió.

Đôi đũa tre đơn giản của người dân thường, đôi đũa mun của nhà quan, đôi đũa ngọc, đũa ngà, đũa kim giao của các bậc công hầu khanh tướng hay vua chúa... Đôi đũa ấy đã trở thành một nhịp điệu cho ta khôn lớn, cho ta trưởng thành, cho ta là con

người, cùng với mẹ cha, họ hàng, xóm mạc, dân tộc chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, gian khổ và hạnh phúc cùng nhau...

Bữa cơm chiều trên sân có gió mát, có trăng xanh lồng lộng... bữa cơm giữa rừng già heo hút, trên đỉnh núi mù sương, ngoài hải đảo xa cô đơn vắng vẻ, hay trên đường tầm tã gió mưa... đôi đũa luôn luôn có mặt với người ...

Cây tre thân thuộc với mọi xóm làng. Một ống tre cắt ra, bỏ hai mắt, thành khúc nạc như giò lụa, được ông ta râu trắng như cước, được cha ta cởi trần, nước da sạm nắng, ngồi vót nhẫn vót tròn, thành những đôi đũa. Có một câu ca rằng:

"Đời cha cho chí đời con

Muốn vót cho tròn thì hãy đẽo vuông..."

Muốn có đôi đũa tròn, thì phải chẻ tre thành vuông đã. Suy ra có lẽ nhiều việc đời cũng phải có sự chuẩn bị, có bước khởi đầu cẩn thận, đúng cách như thế chăng?

Nhà nào chả có mươi hay vài chục đôi đũa tre, ngày ngày tuỳ số người, chúng xuất hiện trên bữa cơm, mâm cỗ, ở gia đình này ở gia đình khác. Ngay ngoài đình mỗi khi có cỗ có đám, ngoài chùa khi có cỗ chay... đũa không hề vắng mặt.

Nhưng cũng vì sẵn tre, đũa lại dễ vót, nên ta thường thấy những đôi đũa, chỉ của một nhà, thường đã dài ngắn khác nhau, không nói một thôn, một làng, nắm đũa không bao giờ bằng nhau chằn chặn được...

Việc đầu tiên mọi người ngồi vào mâm là so đũa: Hai chiếc bằng nhau, từng đôi một, rải đều ra các góc mâm, có khi cái mâm thành hình mặt trống đồng, còn những đôi đũa là những tia ánh sáng xòe ra khắp phía. Từ cái trống đồng mà ta nghĩ thế, hay

chính người xưa đã từ cái mâm có những đôi đũa mà hoài thai ra hình tượng trên trống đồng, còn đến ngày nay?

Không ai chấp nhận cầm đôi đũa ăn cơm mà so le, cái dài cái ngắn, cái cao cái thấp, cái to, cái nhỏ. Đôi đũa phải cân đối, hài hòa, như hạnh phúc gia đình, vì thế có câu: *"... như đũa có đôi..."* hoặc trai gái ví với nhau như : *"Như đôi đũa ngọc nằm trên mâm vàng..."*

Ta cũng chê những người vụng về, thô tục, ăn ở không ra gì, làm mất lòng mọi người, bằng câu: "Đó là người ăn cơm không biết giở đầu đũa". Nghĩa đen hay nghĩa bóng, nghĩa nào cũng đúng. Bởi người Việt Nam tế nhị, thông minh, nhất là phụ nữ, chắc chắn không cô gái nào lại chọn chồng mình là một người đàn ông như thế. Bởi một lẽ nữa, ngồi vào mâm, thường là bà, là chị, là mẹ trực tiếp so đũa cho cả nhà...

Đôi đũa thực ra chỉ là hai cái que đơn giản. Nhưng khi đã gọi là đũa thì nó lại không đơn giản chút nào.

Có nhà làm cỗ, ra chợ mua đũa tre ngâm về tiếp khách. Khách kinh sợ khi cầm đũa có mùi thum thủm (giống như mùi quạt giấy phết nước cậy), thức ăn dù có ngon đến đâu mà gắp bằng đôi đũa có mùi này thì cũng vứt đi. Những nhà nền nếp, thường vót sẵn, trữ sẵn dăm chục đôi đũa, gác lên gác bếp, khi có việc, chỉ phải mang xuống rửa là dùng được ngay, thơm tho khô ráo. Cũng có nhà ra chợ mua bó đũa son về. Gọi là son, thực ra chỉ là một thứ sơn đỏ, chưa khô. Khách cầm lên tay mà sơn nhoe nhoét cả tay, nghĩ mà kinh, bữa cơm, bữa cỗ mất ngon.

Nay, thời đại công nghiệp, đã có loại đũa tre, đũa gỗ sản xuất bằng máy, vừa tiện, vừa sạch, bằng nhau chằn chặn, vạn đôi như một, kể cũng tiện. Kể cả loại đũa chỉ dùng một lần ở những bữa

tiệc sang trọng, có bọc màng mỏng... (Trừ loại đũa nhựa, giả như ngà, nhưng trơn tuột, khó gắp). Loại đũa công nghiệp này cũng không cong, không vênh như tục ngữ xưa: *"Vợ dại không hại bằng đũa vênh"*.

Trong bữa cơm, bao giờ bà hay mẹ cũng nhắc mọi người, khi cầm thìa chan canh, phải bỏ đũa xuống mâm đã, kẻo đôi đũa múa lượn vòng tròn trên mâm là không đẹp, làm vướng người khác. Và sau khi ăn xong, tuyệt đối không bao giờ được dùng đôi đũa dựng đứng để quệt môi quệt mép, thay cho khăn. Cử chỉ ấy là khiếm nhã, là mất vệ sinh. Cần thì phải đi rửa tay, rửa bằng chậu nước, bằng khăn chứ không thể dùng đũa thay khăn như thế.

Trong bữa cỗ, khi gắp tiếp thức ăn cho người khác, phải dở đầu đũa, không được dùng đầu đũa mình vẫn ăn mà tiếp như thế, gây khó chịu cho người được tiếp, nhất là những người kỹ tính.

Gần đây hàng quà phát triển, cơm bụi cũng nhiều. Có lẽ cũng tiện, nhưng sợ nhất vẫn là đôi đũa, thường bị ướt, bị nhờn mỡ, cầm đã ghê tay, không biết có bao nhiêu vi khuẩn trên mỗi đôi đũa như thế vì nó tiếp xúc trực tiếp vào hàng trăm cái miệng.

Xem thế, đôi đũa thật không đơn giản chút nào. Nó phải được chăm sóc cẩn thận, sạch sẽ hàng ngày, cùng với chiếc mâm luôn sáng bóng, chồng bát khô ráo, thơm tho, cái nền nhà không chút rác, cái chiếu ngồi ăn cơm là chiếu sạch, được giặt luôn... Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm... Có lẽ đôi đũa cũng nằm ngầm trong câu đó, sau cái từ bát sạch kia chăng?

Hình như những cô gái phục vụ bàn, thì bài học vỡ lòng đầu tiên là biết so đũa, xếp đũa. Không thể để đũa chỗ này một chiếc, chỗ kia một chiếc, hay đôi đũa chéo nhau thành chữ X...

Có lẽ chỉ có những bà mẹ cẩn thận, dịu dàng, nền nếp mới chú ý dạy con ngay từ những ngày mới biết cầm đũa, phải ngồi

ăn ra sao cầm đũa thế nào, chẳng hạn không được khua đũa ầm ỹ, mút đũa chùn chụt hay gõ đũa như đánh đàn tam thập lục... Những bà mẹ như thế vẫn còn nhiều lắm, ở khắp mọi nơi.

Bữa cơm có thể là giờ vui cho cả nhà, nếu mọi người chú ý đến những chi tiết là nhỏ nhặt, trong đó đôi đũa có vai trò quan trọng suốt từ đầu bữa đến cuối bữa. Nhìn một người cầm đũa có thể đoán được người ấy sinh trưởng trong một gia đình như thế nào, có trình độ văn hóa, giáo dục ra sao... Như vậy, đôi đũa cũng có tiếng nói riêng của nó vậy.

4-1993

Vào bữa

Có thể răng của người Tây phương yếu hơn của người Đông phương chăng? Họ dùng dao cắt nhỏ thức ăn vừa một miếng, đưa lên miệng. Còn ta, miếng thức ăn khá to, gắp, đưa lên miệng, cắn, rồi lại cắn tiếp mấy lần. Nhớ mà xem, trong bữa cỗ, miếng thịt gà, miếng giò thái to, tiếp nhau, cắn mãi mới hết. Chặt thịt gà càng to càng nhiều là hiếu khách, càng tỏ ra sang.

Nhai thì họ ngậm môi, yên lặng. Còn ta, thiếu gì người nhai tóp tép, nhồm nhoàm, chùn chụt một cách ầm ỹ.

Còn nhiều cái khác. Vào bữa, họ ăn súp trước. Còn ta, ăn xong mới húp một bát mấy thìa canh. Ai hợp lý hơn? Chưa biết, cũng chưa kết luận là họ với ta ai hay ai dở. Chẳng qua tập quán thôi.

Bữa cơm của ta có những cái lạ, có nên thay đổi? Chẳng hạn, trên mâm có một bát canh, một cái thìa, một người nào đó dùng ngay cái thìa ấy húp canh, xong lại thả vào bát canh. Có dính nước bọt không? Hoặc cả nhà cứ thò đũa vào bát canh mà vớt cá, rau, thịt, có là động tác rửa đũa vào bát canh không? Nhiều người vừa ăn vừa có thói quen mút đũa, đầu đũa thế nào, ai cũng tưởng tượng thấy.

Cái động tác so đũa cũng đáng nói. Ít nhà có bó đũa bằng nhau, cái dài cái ngắn nên phải so đũa, phải xếp đầu ra đầu đuôi

ra đuôi, kẻo bị chê là *"kẻ ăn cơm không biết dở đầu đũa"* là kẻ không biết đường ăn nết ở, là ngu đần... Sợ nhất khi so đũa cứ cầm trực tiếp vào đầu đũa, sao không cầm giữa đũa, là nơi không tiếp xúc với miệng người ăn.

Bát nước chấm là món đặc biệt trên mâm cơm người Việt Nam. Điều chế, chua cay mặn ngọt, cho ai cũng vừa khẩu vị. Nhưng xem ra cả mâm chỉ có một bát nước chấm chung cũng là điều không hợp lý. Nhưng mỗi người một chén con như bữa tiệc của người Trung Hoa thì cũng nhiêu khê quá. Không biết nên cải tiến thế nào?

Một thói quen đã thành nếp, ăn hết cơm đưa bát cho người ngồi đầu xới cơm. Người có ý, nâng trôn bát, còn thông thường là cầm luôn vào miệng bát, có khi còn nâng cả hai tay cho trịnh trọng, hóa ra càng bẩn. Nước bọt người khác dính vào tay mình. Và vết tay mình dính vào miệng bát, đưa lên miệng người khác. Có nhà xới cơm ra một cái đĩa to, để nhiều phía, ai cũng tự sẻ. Hợp lý lắm nhưng có người cho là làm cơm nguội, phiền phức.

Ăn cỗ, thường bị xếp cho đủ mâm, bất kể quen lạ, thân sơ. Sáu người cùng ăn, vậy mà chẳng biết ai với ai, cũng không nghĩ đến chuyện giới thiệu nhau một lời. Có người tỏ ra "lịch duyệt" cứ "tiếp", chưa hết miếng nọ đã gắp hộ miếng kia, kể cả những món người ta thích ăn hoặc không biết ăn. Phiền nhiều hơn vui.

Người có ý thức thì dở đầu đũa, còn thường thì cứ gắp tiếp bằng đôi đũa của mình một cách thản nhiên. Giá cứ để ai thích món gì thì gắp món ấy có hơn không nhỉ. Có người còn không cần biết món nào trước món nào sau, cứ gắp hộ như thế, thật tai hại. Chẳng hạn món nộm, món nem rán có chua cay, cần ăn trước, chứ không phải là giò lụa thịt quay, người tiếp làm ngược lại chỉ khổ người được tiếp.

Bữa cơm thường, nhiều gia đình quây quần cả nhà, thật vui. Có khách mời cùng ngồi. Nhưng có gia đình, có khách là vợ con bị đẩy xuống hàng thứ hai, phải ngồi ăn sau. Vô lý chưa. Có ông khách cho như thế là tự nhiên, là chủ nhà quí mình, mình đáng được hưởng thế. Nhưng có người cho thế là bất bình đẳng, không chịu, phải mời bằng được bà chủ cùng ngồi mới chịu dùng bữa, có lẽ thế hay hơn.

Vô lý hết sức là nhiều gia đình có thói quen, đến bữa rải cái chiếu rách ra, gọi là "chiếu ăn cơm", để ăn cơm. Tại sao lại không thấy đất cát bụi bặm trên chiếu, sẽ tung vào món ăn nhỉ? Lẽ ra bữa ăn là quan trọng, phải có những thứ đẹp nhất, vệ sinh nhất mới phải chứ. Và ăn xong, con cái cầm cái tăm đưa cho từng người. Cái tăm sẽ được xỉa trực tiếp vào răng, có lẽ ai cần tự lấy mà không nên cầm vào tay mình rồi đưa cho người khác. Có tục lệ rất hay là đưa tăm không bao giờ đưa trực tiếp giữa hai người, cho rằng như thế thì thế nào cũng xảy ra cãi nhau đánh nhau. Thực ra người xưa có lý, ngầm nói về vệ sinh, mà thác ý đi cho có vẻ kiêng kỵ điều dữ.

Lại nhớ một thời mấy cô gái đi lao động, phải gói cái chổi, cái xẻng vào tờ báo cho kín, trong khi đó, thì thấy cái bánh mì là thức ăn, trực tiếp lại cứ để tơ hơ trên cái đèo hàng. Thật ngược đời, chả khác gì chiếu rách rải ăn cơm, còn chiếu lành lại rải ngồi chơi, tán róc.

Phải nói thêm về cái tăm chút ít. Không ít người mặt hoa da phấn, cà vạt com lê, tức là những người giầu có và chắc có văn hóa cao mới được như thế, nhưng họ lại có thói quen, sau bữa ăn, cứ nghênh ngang giữa đường mà đánh đàn răng, người xỉa, người tanh tách, người còn đưa lên mũi ngửi. Kinh chưa? Xỉa răng, ngoáy mũi không là việc làm nơi công cộng. Đó là sự tôn trọng

người khác và cũng là tự trọng. Thế mà khối người quên đấy. Họ dù giầu có đến đâu thì cũng chưa phải là người sang vậy.

Nhiều người có ý đến thăm bạn hay có việc gì cần gặp nhau, bao giờ cũng tránh giấc ngủ trưa và nhất là tránh giờ ăn cơm. Đến nhà ai, gặp bữa cơm thật bất tiện. Bữa cơm thể hiện lối sống, nếp sống, mức sống của mỗi gia đình, ít người thích người khác biết mình có mức sống ra sao. Trong nhà, ăn uống thế nào xong thôi. Có người lạ nhìn vào mâm cơm, phiền quá. Nhất là động tác ăn uống, rồi mùi mắm muối, có phải là điệu múa hay lời ca, có phải là hương hoa mùa xuân đâu mà khoe khoang. Xưa có người còn cực đoan đến mức không cho ai nhìn thấy mình ăn, vì cho là động tác ăn uống là một trong vài động tác xấu nhất của con người.

Có lẽ còn có thể nói nhiều điều xung quanh bữa ăn của người phương Đông chúng ta, cả nét đẹp lẫn điều chưa hợp lý, trên phương diện thẩm mỹ (chứ không đề cập vấn đề dinh dưỡng).

Có một điều rất đẹp không biết truyền lại từ bao đời là bất cứ nhà ai, thành phần gì, đông đúc hay ít người, vào bữa là ai cũng phải cất lời mời. Chẳng qua cũng là một câu giao hẹn như câu: Nào chúng ta bắt đầu ăn cơm nhé. Nhưng lời mời mang sắc thái đặc biệt lịch sự, lễ phép, văn minh... Thử nghe thêm hai lời mời:

- Mời mẹ xơi cơm ạ.

- Mời mẹ ăn cơm.

Rõ ràng hai câu nói chỉ thêm bớt thay đổi chút ít mà ý nghĩa khác xa nhau. Hẳn không cần phân tích.

Vào bữa thế, sau khi mỗi người dùng bữa xong, câu mời cũng lại được cất lên một lần nữa, cũng chẳng qua là câu nói rằng tôi đã ăn xong. Nhưng nếu lời mời: Mời mẹ xơi cơm ạ... thì lại trang trọng lễ phép biết bao.

Bữa ăn của người Việt Nam còn đạm bạc, đơn sơ. Nhưng từ khi vào bữa đến lúc xong bữa, có những nghi thức cần thiết, nhỏ thôi mà không thể bỏ qua, nhất là đối với những gia đình quen nền nếp. Nét đẹp ấy phải được duy trì và phát huy lắm chứ.

1992

Nói thêm về phở

Phở là món quà thật riêng biệt. Ăn nó vào giờ nào cũng được. Ngày nào, mùa nào cũng ăn được. Bất cứ địa phương nào cũng có phở. Nhưng hình như chỉ có phở Bắc là ngon hơn cả, mà phở Hà Nội phải chăng là ngon nhất. Ngay Hà Nội, phở nội thành, phở ở dăm ba phố lại ngon hơn ở chỗ khác. Lạ thế đấy? Hình như có một bí quyết riêng, một cái duyên riêng, một cái hương riêng, không gia truyền thì cũng là sự sáng tạo độc đáo, bắt chước được không phải chuyện dễ. Chả thế mà một thời mậu dịch có đủ ưu thế về mọi phương diện từ độc quyền mua bán, tiền nong thoải mái, người phục vụ thật đông và v.v... nhưng không thể đọ được với vài ba hàng, những hàng này chỉ mấy năm đã lên được nhà ba bốn tầng, như ở phố L. chẳng hạn.

Miền Nam có hủ tiếu. Miền núi có phở chua. Hoa kiều có mì vằn thắn. Mỗi món ngon một vẻ, nhưng phở vẫn là anh chàng hấp dẫn được mọi khẩu vị, dù là người kỹ càng, khó tính.

Người Pháp gọi phở là "soupe Chinoise" tức là cháo Trung Quốc. Hoàn toàn sai. Phở là của Việt Nam. Phở chỉ là PHỞ, thế thôi.

Chưa nghiên cứu được ai là người đầu tiên nghĩ ra cái món kỳ lạ mà phổ thông này, bát phở đầu tiên xuất hiện vào ngày tháng năm nào? cái buổi "trình làng" ấy, hẳn phở còn sơ sài, nhưng cho dù thế, cái người vô danh ấy cũng đáng ghi vào cuốn lịch sử của môn ẩm thực tài tình.

Nhiều người đã viết về phở. Tuy vậy cũng xin lạm bàn đôi ba điều.

Đầu thập kỷ bốn mươi, Thạch Lam đã viết về phở, cái hàng phở gánh trong nhà thương Phủ Doãn, có rau mùi, hạt tiêu Bắc, mấy xu một bát. Ông còn viết *"thoáng một chút hương thơm cà cuống như một nghi ngờ".* Câu văn, ngoài Thạch Lam có lẽ ít ai viết được cái kỳ ảo của cà cuống như thế. Tuy vậy, nay chúng ta thấy, cà cuống chỉ có thể đi với bún thang, bánh cuốn, nhân bánh chưng v.v... mà khó sánh duyên cùng chàng phở được, dù cả hai đều là những món quí, cùng là trai tài gái sắc, nhưng lại "lệch pha".

Cũng Thạch Lam, vào thời gian này, còn chê phở gà là nhạt nhẽo, càng thấy phở gà sinh sau đẻ muộn hơn phở bò nhiều. Phở gà lúc ấy là cái mới, còn chưa được thử thách. Cái đểnh đoảng của nó chưa đủ sức cạnh tranh với ngọt đậm, nồng nàn của phở bò (và có lúc còn là phở trâu mà hàng phở nói dối là phở bò nữa).

Phở gánh đã thành hình ảnh một Hà Nội ăn chơi ăn bời, không cần no, mà ăn cho thích, ăn cho cái cảm giác trên đầu lưỡi được đổi thay ít phút. Những người nay ở tuổi sáu, bảy mươi chắc không thể quên hình ảnh gánh phở bán rao lúc sáng sớm hay về khuya. Hai cái tủ con, nan thưa, cao ngang thắt lưng người. Một bên là chồng bát chiết yêu cho loại hai xu, bát con gà miệng loe cho loại năm xu, hai cái ngăn kéo thật sâu, đựng thịt, bánh và các thứ khác. Còn bên kia là cái thùng nước dùng lúc nào cũng có ngọn lửa bếp le lói, đôi khi từ đấy một đám pháo hoa nhỏ nở bung hoa cà hoa cải, thì ra ông hàng phở dùng cái ống thổi bằng một đoạn tre, thổi vào thanh củi định tàn. Ông cho hồi sinh ngọn lửa, bắt nó cứ lung linh trong bóng đêm hay trong sương sớm, để nồi nước dùng lúc nào cũng sôi lăn tăn. Từ cái bên gánh có bếp lửa

này, mùi phở bay đi, níu khách lại. Ông đến đầu phố này thì ngã tư kia đã thơm mùi ngòn ngọt của phở. Con dao phở to bản, hình chữ nhật, chỉ khẽ phầm phập trên miếng thịt hoặc những tay bánh phở xếp lần lượt lên nhau một cách bình tĩnh. Cả cái dụng cụ có một không hai, chỉ có thời đó có là cái ống hạt tiêu, làm bằng một đoạn tre, một đầu nút bằng nút gỗ hoặc lá chuối khô, đầu kia là mấu tre, có một lỗ nhỏ, nút bằng thanh tre con, tròn, to gần bằng đầu đũa. Bát phở làm xong, ông rắc chút hạt tiêu bắc, thơm khiêu khích, lượn tay vòng tròn trên mặt bát, như phù thủy bắt âm binh.

Chỉ riêng cái chuyện "xúc" bánh cũng thật vui mắt. Chiếc giỏ tre hình ống, có quai thẳng đứng, xúc bánh xong, ông nghiêng người vẩy bánh, bánh chỉ đủ cho một bát, không hơn, hoàn toàn xa lạ với kiểu phở sau này, buổi sáng, người ta xúc cả một rổ sề, rồi bày sẵn ra vài trăm bát, bánh nguội tanh đi, sợi còn cứng, sợi đã nát, nhất là bánh đã nguội mất nửa phần, làm sao còn ngon được.

Tiếng rao khàn khàn, quen thuộc của khách ăn từng khu vực. Người bán người ăn nhận ra nhau, sở thích của cái lưỡi riêng biệt được ưu đãi đến triệt để. Tái gầu, tái nạm, tái giò, thịt chín, thịt nhừ... ít bánh hay nhiều bánh, nước trong hay nước béo, ít nước hay nhiều nước, hành chần hay chỉ rau thơm, ớt tươi, hành sống... khách hoàn toàn thỏa mãn cái kỹ tính của mình, còn được hưởng nụ cười tươi tỉnh của ông hàng phở, như một người thân với câu mời: mời cậu, hoặc mời bà...

Khách cứ đứng mà ăn. Hàng rong thì làm gì có ghế. Nhưng người sành ăn, cần cái món phở chứ cần gì cái ghế ngồi. Và ăn phở, chỉ cần đôi đũa, có lý do của nó. Ăn bằng thìa, đặt sợi bánh lên thìa mới đưa lên miệng, mất ngon vì bánh đã nguội, nước dùng không thấm đẫm vào bánh phở, nhạt đi nhiều. Và cũng không ai chỉ vớt bánh với thịt mà ăn, còn nước bỏ lại. Ăn phở mà

bỏ lại nước thì quả là dại dột. Ngon nhất là nước dùng. Tinh tuý của phở là ở đấy chứ không phải là ở bánh hoặc thịt. Có người nói ăn phở bỏ nước, chẳng khác nào ăn chuối tiêu trứng cuốc với cốm Vòng mà chỉ ăn vỏ chuối với cái lá gói bánh cốm, còn thịt chuối và hạt cốm thì bỏ lại. Đúng chăng?

Hình như phở cũng có linh hồn. Nó có thăng trầm nhưng không chịu què quặt đi mãi. Những năm năm mươi, Hà Nội có phở Giảng, phở Tầu Bay... nổi tiếng, và chủ nhân trở thành giầu có. Thùng nước dùng to gần bằng cái phuy hai trăm lít. Thịt bò treo cả một phần tư con. Giò (thịt bò bó lại) to bằng bắp đùi...

Một thời gian sau, phở gà chiếm ưu thế vì cấm giết thịt trâu bò, ở phố Huyền Trân công chúa (nay là Bùi Thị Xuân) có phở Chí, khách đến chỉ giơ tay làm hiệu, ông Chí huơ dao lên như anh hùng Lương Sơn Bạc, tiếng dao thớt động cả hơi thu, trời thu cả mấy phố xung quanh.

Những hàng phở nổi tiếng như thế không có nhiều. Hấp dẫn vẫn là nước dùng. Một chút thảo quả (quả tò ho), một mảnh quế chi. Hành tái nướng cháy vỏ. Gừng cả mảng to hơn bàn tay, nướng chín, đập dập, còn nổi ở miệng thùng. Nước trong vắt, không một gợn bọt, không đục lờ, bởi ngay từ khi bắt đầu sôi, đã có những chú bé được phân công đứng vớt bọt, vớt thật kiệt.

Thùng nước dùng không chỉ có xương bò lợn mà con có một vài cái đuôi bò, có khi còn có tôm he khô, tôm nõn cho tăng độ ngọt. Chẳng cần đến xắng xáo, vi-ăng-đốt, chẳng cần bột ngọt, mì chính... Và cần nhất là nước mắm ngon, loại đặc biệt, thửa riêng, mua riêng, cho việc này.

Nghĩ thương cho phở một thời: không người lái. Gia vị hoàn toàn là thứ xa xỉ. Nước dùng chỉ là một chút xương lợn, có khi

còn là nước luộc su hào và muốn ngọt hơn, người ta cho cả đường; như nước chan hủ tiếu. Thịt, may mà có thì toàn thái dọc thớ, chanh ớt không có, dấm, nước mắm để vào những cái "vịt" giống nhau, nhiều người nhầm muốn chua thành mặn, muốn đậm mà chua gắt. Thanh Tịnh, sinh thời, ông đã có một bài viết vui và ngắn về cái "vịt" này, và nhà độc tấu tài ba ấy đã đề nghị hóm hỉnh nên thửa riêng loại "vịt" sứ có khắc chữ vào... Vui thế đấy...

Một đôi khi người ta còn làm cả phở thịt ngựa, nên có người nói đùa để tả cái mùi hôi hôi ấy rằng: "Ăn một miếng thịt vịt biết ngay là phở ngựa", nghĩa là vịt đã hôi, nước dùng phở thì chỉ có một nồi chung cho tất cả các loại phở, nên cái hôi tăng lên gấp đôi vậy.

Lâu nay, cảnh hàng phở tưng bừng đã trở lại. Nhưng từ cực này nó lại nhảy sang cực khác. Chỗ nào cũng có phở. Phở hiệu, phở bàn, phở quang gánh, phở chõng... bán phở chút ít buổi sáng hay đêm khuya, là cả nhà có thể cải thiện được rồi nên nhiều người chả cần biết kỹ thuật, biết nghề, cũng thành người hàng phở. Cũng là một lẽ khách ăn ngày nay hình như dễ tính có khi người ta cần ăn cho no, ăn lấy chất thịt, chứ không phải ăn cho ngon cho thích. Không lạ là có khách ăn phở lại yêu cầu chặt một bát tú hụ thịt gà, ăn xong, bỏ toàn bộ nước phở lại. Hoặc có cậu đập mấy quả trứng vào, đánh tan ra, nước phở vừa đục, trắng như nước vo gạo, vừa tanh, nhưng húp lấy húp để. Và một điều nên vui hay nên buồn là phần đông đã ăn phở với lạp chí chương, tức tương ớt, phát phở đỏ lòm, mà nếu còn, chắc Thạch Lam, Nguyễn Tuân... phải kêu trời, âu cũng là sự tiến bộ của phở chăng?

Nhiều hàng còn có món gọi là phở "mọc", chỉ đơn thuần là giò sống được thả vào nồi nước dùng. Dăm ba viên, ngọt không ra ngọt giòn không ra giòn... Thôi thì xin tuỳ cái túi tiền vậy chứ không phải tuỳ cái lưỡi.

Cái đuôi bò trong thùng nước dùng, để khách tìm cái món "bốc mả" về khuya ấy, đã thật hiếm hoi. Ít gặp món xương đổ ra, khói bốc nghi ngút, tay bới xương, mồm hút xuyn xuýt, tợp ngụm rượu..., thật béo, bùi, ngậy, thơm, ngọt, rồi cay chua mặn chát đủ mùi. Không có cái đuôi bò, nên hèn chi bát phở đưa cho khách, phải đổ mấy thìa mì chính cánh, loại ngoại vào mà vẫn cứ đuểnh đoảng thế nào.

Chủ nhật, có gia đình tổ chức ăn tươi ở nhà bằng món phở. Dù bà nội tướng có là người cầm quân bếp núc tài ba đến đâu, bát phở ở nhà cũng không ngon bằng ăn ở hiệu, ở hàng? Tại sao? Tại được ăn không khí hàng quán, thiếu câu chuyện đầu ghế, thiếu cái mùi đặc trưng mà chỉ có ở quán mới có? Kể cả cái ống đũa hơi nhờn nhờn, chưa khô hẳn?

Phở cũng đã có lịch sử của mình. Cũng có phá cách, biến dị, thêm bớt gia giảm, lúc lên lúc xuống. Ngay phở xào mềm, xào giòn, áp chảo... cũng đã không còn là phở trinh nguyên với đúng cái tên của nó. Còn ăn phải bát phở nguội, thịt thái dọc thớ, thiếu gia vị, hành mùi, chanh ớt, hạt tiêu... ăn xong chua miệng mãi... quả là khó chịu bực mình, mất đi cả một buổi sáng tốt lành hay một đêm khuya hứa hẹn.

Phải chăng vì vậy mà phở vẫn là một món hoàn toàn đặc biệt, và Hà Nội vẫn là nơi có khuôn mặt thật của món phở kỳ diệu, một món quí tộc một cách bình dân như thế.

1992

Rươi

Nếu làm vua để chỉ được ăn những yến hấp bào ngư, thai báo, tay gấu trong lầu son gác tía kín mít, lúc nào cũng có quan ngự thiện kè kè bên cạnh, với bát ngọc đũa ngà... mà không được sà vào cái quán chật hẹp, ám khói, nâng một chén rượu tăm, nhón hai ngón tay nâng lên miếng chả rươi to hơn đồng bạc xòe chút xíu, hơi cháy cạnh, trong khi bên cạnh hoặc từ gian bếp gần đó vang lên tiếng sèo sèo của mỡ sôi đang lăn tăn xung quanh chiếc chả rươi vào độ chín, và trước đó là cái mùi thơm đến ngây ngất, đến lịm người, đến nổi gai trên da thịt nó cứ tỏa ra từ khắp quán như một lời mời từ bãi biển, từ vùng nước lợ, từ cánh đồng, từ sâu thẳm trong ký ức...

Hẳn là cái anh dân thường, ghếch chiếc xe tàng, sà vào cái quán ấy... còn sướng hơn vua, cái ông vua bị ăn toàn chất quá béo bổ đến nhàm chán.

Chả rươi đâu có cần ăn nhiều. Một hai cái để cảm ứng cùng đất trời, được hòa mình vào bầu thu bàng bạc màu trắng sữa không cao không thấp, không nắng không mưa, không nóng không lạnh kia.

Tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm. Cữ ấy, không ăn là nhớ là thắc thỏm như lỡ một cuộc hẹn hò, lỡ một chuyến đi xa, có thể còn đau giãn cả xương cốt.

Kỳ lạ thế, thời tiết ấy thì có cái món ấm nóng ấy (có người lại cho rươi là lạnh) vì vỏ quýt đắng mà thơm, cay mà tê, thìa là gợi mở, thơm như một loại hương ủ kín trong xa xôi, hạt tiêu khiêu khích, bắt phải hắt hơi.

Người Hà Nội mê nhất món chả rươi. Đúng là thời trân, là ăn nó xong mới cảm thấy "nhẹ mình" đi chút ít. Nhiều nơi khác còn chế biến thành nhiều món khác: rươi xào, rươi nấu canh, rươi kho, để nguyên cả con, con xanh con đỏ, quen mắt nên chỉ thấy ngon mà không coi đó là một loại sâu, như quen nhìn con nhộng tằm. Rươi nấu cùng củ cải, hoặc cùi gấc xanh, khế mọng vàng, củ niễng trắng... và không bao giờ có thể thiếu món đầu vị vỏ quít tròn xoe như hiện nay. Bóc một quả quít vàng ươm như vậy, cái chất "ét xăng" bắn ra vô hình từ vỏ vào tay, cứ thơm mãi khiến ta không muốn rửa tay, cứ cầm miếng chả rươi mà ăn, cho nó thơm từ chả, thơm từ tay, tựa tựa như một thứ "trong uống ngoài xoa" vậy.

Mùa rươi, chiều chiều có những phụ nữ bán rươi rong, rao vang khắp phố phường. Một cô gánh rươi đi trước, bà đứng tuổi đi sau. Hai thúng rươi đã phải để nghiêng đi vì bán đã vợi đi một ít. Bà đi sau một tay cầm cái bát đong rươi, tay kia xách chiếc liễn lưng lửng nước để nhúng tay cho khỏi dính, và tiếng rao theo họ đi khắp nẻo phố phường.

Tiếng rao như một khúc hát, có bổng có trầm, có ngắn có dài, và tiếng rao ấy, nét nhạc ấy thay đổi năm này qua năm khác, người ca sĩ ấy hát đúng "son phe" một cách kỳ lạ: "Ai mua rươi da mùa...". Nét nhạc ấy, câu hát ấy, lời rao ấy cứ hối thúc, giục giã, mời mọc, kêu gọi, không thể nào bỏ qua cho được. Bà nội tướng nhất định phải cầm cái liễn ra mua, và nếu bà có quên thì đức ông chồng cũng nhắc ngay, bởi mỗi năm chỉ có một dịp này.

Cuối tháng mười, lại ngày hai mươi vẫn còn đợt rươi nữa, nhưng là rươi gốc rạ, đã có trứng, ăn sần sật khó chịu. Người sành ăn không ăn, có chăng là, cố vớt vát để đỡ nhớ vì chính vụ trót quên.

Cho dù không phải là người thờ chủ nghĩa ẩm thực, ưa khoái cái thần khẩu, cũng không phải là đệ tử của Lưu Linh, người Hà Nội vẫn nhớ món rươi của một thiên nhiên chuyển mùa, đẹp đến não nùng, mê đến xôn xao trong dạ. Cái rươi như một điểm báo hiệu. Sau cữ này rồi sẽ đến kỳ rét ngọt lắm đấy, người ạ, xa nhau thì cũng cố gửi về mấy chữ cho đỡ nỗi lạnh lùng.

Sinh thời, nhà văn Nguyễn Tuân, cữ này thế nào cũng phải có mặt ở cái quán rươi ám khói phố Huế ấy, nhón hai ngón tay nâng chiếc chả rươi lên. Một hai cái thôi, rồi ông tiếp tục dùng ngón tay bóc chiếc giò lụa lưỡi mèo mà nhấm nháp. Chỉ vài miếng nhưng ông ăn rất lâu, như chờ đợi ai, như cho chiếc chả rươi, miếng giò lụa nghỉ ngơi một chút rồi miếng sau mới đi theo.

Người thì bé tí tì ti

Người đi dưới đất bóng đi trên trời...

(Ca dao)

Cái con rươi bé tí ấy bắt đất trời giao hòa, bắt con người cảm ứng, đến quả quít lá thìa là cũng phải phân thân cùng nó, vậy ai không biết ăn rươi hẳn là một thiệt thòi to lớn đến nhường nào.

Một đời người, trừ niên thiếu, được bao lần ăn món chả rươi như thế? Không thể đến quá con số một trăm.

Còn như ăn mắm rươi, lại là chuyện khác. Mắm rươi đã hoàn toàn làm con rươi thay đổi, hoàn toàn là một món khác hẳn.

Mong sao cứ được làm anh dân thường, ghếch cái xe tàng mà vào quán, nâng chén rượu lên, tợp một ngụm rồi nhâm nhi cái chả rươi vào chiều thu như thế. Người Hà Nội vốn sành ăn, rươi lại có cái duyên kỳ lạ. Nhất định món chả rươi sẽ làm ta sướng hơn ông hoàng đế cấm cung kia nhiều lần.

1992

Mâm cỗ Việt Nam

Có thể nói: "Đi ăn cỗ cưới, ăn cỗ đám ma..." mà không ăn nói: "đi ăn tiệc đám ma...". Và thường nói: " Đi ăn tiệc sinh nhật" chứ không nói : "cỗ sinh nhật...". Thường nói: "Làm cỗ cúng cụ", mà không thể nói: "làm tiệc cúng cụ".Vậy, cỗ và tiệc có khác nhau, dù cũng có gì đó giống nhau?

Trước hết cỗ là mâm cơm sang trọng, thịnh soạn, linh đình, thường để cúng trước đã rồi mới để ăn hoặc mời khách, và cỗ thường diễn ra trong mọi gia đình, trên mặt chiếu, mặt sàn nhà, trên giường hay trên sập. Nó hoàn toàn mang chất Việt Nam rõ rệt, có pha tạp chút ít cũng không lai căng. Nó khác tiệc ở chỗ tiệc thường bày trên bàn, có khi là bàn rất dài, khăn trắng, và chỉ để ăn mà không có cúng bái gì hết. Tiệc có gì đó pha trộn với phương Tây, từ món ăn đến cách ăn...

Ai chẳng từng được mời đi dự những bữa cỗ. Ngày giỗ, ngày tết, ngày kỷ niệm của gia đình, kể cả cỗ đám ma... với cương vị: anh em, con cháu, họ hàng hay xóm giềng, bạn hữu...

Cỗ phải dọn thành từng mâm riêng biệt, bốn người hoặc sáu người không ai ngồi ăn cỗ với số lẻ. Nếu là mâm phụ nữ có khi đông hơn, nhất là có con bé theo mẹ, cháu theo bà, phải lấy thêm bát đũa cho các cháu bé ấy. Chưa bao giờ có những bữa cỗ nào bầy trên bàn dài nhiều mâm liền với vài ba chục người ăn.

Vô tửu bất thành lễ. Xôi cũng là món không thể thiếu mỗi khi cúng bái, đó là tục lệ tàn dư từ thời xa xưa; kinh tế nguyên thủy... Cho nên đến nay, cỗ bao giờ cũng có rượu, và có xôi, tuỳ theo ý nghĩa mà có xôi màu này hay màu khác, như xôi trắng, xôi hoa cau, xôi gấc v.v...

Thức ăn trên mâm cỗ, thường chỉ là những món thuần Việt Nam. Tuỳ theo gia cảnh, tài khéo léo của bà chủ nhà mà gia giảm, thêm bớt, đầy vơi, cầu kỳ hay đơn giản. Tuy vậy, cũng không thể quá đơn sơ. Đã mời cỗ thì dù nghèo đến đâu, cũng phải để khách ăn no và ăn ngon, đơn bạc là không được, là bị chê ngay, mà tiếng chê này thì không biết bao giờ mới gột sạch được.

Thông thường, cỗ có những món bát: Măng, miến, mọc, mực, gà vịt tần, khoai nấu, bóng nấu, chim hầm... các món đĩa: Thịt gà luộc, gà quay, giò lụa, chả quế, chả rán, thịt quay, xào, giò thủ, nộm... Kèm thêm có thể là dưa góp, dưa chua, rau sống, rau gia vị. Cuối bữa cỗ là xôi vò, chè đường, hay chè đỗ đãi, là bánh cốm, bánh xu xê hoặc hoa quả. Cỗ không chấp nhận những món từ nước ngoài vào như pa tê, pho mát, bánh mì, súp gà, hoặc tráng miệng bằng cà phê như tiệc.

Cỗ bình thường, cỗ chồng đôi, chồng ba. Đó là trên mâm cỗ, có 4 bát, 4 đĩa chính, hoặc gấp đôi là 8 hoặc gấp ba là 12, bổ sung thêm những món quí như bóng thủ, vây cá, chim tần... Không hiểu sao món cá bỏ lò thường chỉ xuất hiện ở tiệc mà không ở cỗ.

Có địa phương theo một phong tục cũ, nhất thiết phải có một đĩa cá hoặc một đĩa thịt chuột, mới là sang. Không có không được.

Đi ăn cỗ là đi dự một cuộc họp mặt trang trọng, nghiêm cẩn, là cuộc ăn uống vui vẻ nhưng tâm thành. Quần áo khăn mũ phải chỉnh tề, sạch sẽ, nói năng phải lễ phép, nghiêm trang, ăn uống

phải từ tốn không được bỗ bã, xàm xỡ, tục tằn, thô lỗ, nhồm nhoàm, dù rằng về cuối thường có chất men kích thích, mà nhiều khi có những cuộc tranh luận gay gắt, không thể ngã ngũ, không biết chân lý về ai, khiến chủ nhà khó xử nhưng chỉ dám cười xòa.

Sau lời mời ngắn gọn của gia chủ, mọi người cỗ nào vào cỗ ấy. Người cao tuổi, có chức tước ngồi mâm trên, người trẻ tuổi ngồi với nhau, thanh niên tìm thanh niên, phụ nữ có mâm riêng...

Từ chốn đình chung đến gia đình, nhà tranh vách đất hay nhà ngói tường xây, mâm cỗ dọn ra, thực khách ngồi vào, bao giờ cũng có những lời mời khắp lượt rồi tiếp thức ăn cho nhau, rồi chuốc rượu... Rồi câu chuyện nở như hoa, chuyện liên quan đến người xưa, người đã khuất, người đi xa, chuyện mùa màng, xóm giềng, đồng đất, bắt sang chuyện xã hội, thời sự và cả chuyện quốc tế, phe này phe kia nghe được, đọc được qua báo qua đài ...

Đi ăn cỗ là đi theo lời mời. Có khi gia chủ phải mời vài lần, đến giờ ăn cỗ còn phải sai con em đi đến tận nhà mời thêm một lần nữa để tỏ lòng trân trọng, hiếu khách chân thành, có như thế khách mới đến dự. Không có khách nào không mời mà đến, bởi không thể mang tiếng là tham ăn tục uống. Đó là phía đàn ông. Phụ nữ lại có điều khác. Không cần lời mời, mà cứ đến, từ rất sớm. Đến là sà ngay xuống sân mà mổ gà, ra ngay giếng mà vo gạo, rửa bát đĩa... Đâu có phải vì miếng ăn. Đến làm giúp là chính, xem còn thiếu thứ gì, thứ gì chưa ngon chưa đẹp, thứ gì cần thêm cần bớt... Không như phía đàn ông khề khà chén nước, điếu thuốc, phụ nữ chỉ cần miếng trầu, thế mà câu chuyện cũng rôm rả, chân tay luôn thoăn thoắt...

Phụ nữ là thế. Phụ nữ Việt Nam là thế, lúc nào cũng nhận hết phần vất vả về mình, nhọc nhằn về mình, còn cái ngon ngọt thì lại nhường người khác...

Trong khi khách ăn cỗ, chủ nhà thường phải có người túc trực, đề phòng xa thiếu thứ gì, từ chút nước chấm đến quả ớt, ít hạt tiêu, hoặc để tỏ nhiệt tình, thêm bát măng, đĩa thịt quay, đĩa nộm.

Xóm làng Việt Nam đã trải qua nghìn đời tự cấp tự túc. Nhà khá giả thường trữ sẵn bát đĩa, thứ bát đĩa Bát Tràng, mỗi năm dùng một vài lần, ngày thường xếp thành từng chồng dưới gầm hòm gian to kềnh càng hoặc trong góc buồng ẩm tối. Nhà khó hơn, ngày có việc làm cỗ, thường phải chạy khắp xóm để mượn bát đĩa, mâm đồng... nên thường gặp những chiếc bát chiếc đĩa có đánh dấu đỏ, sơn đen, chữ T, chữ H... mâm thì thường bụi bám, han gỉ, phải mang ra ao, ra giếng, dùng trấu dùng cát đánh cho sáng cho bóng...

Trong bữa tiệc ta thường thấy những com lê, cà vạt, áo loại tốt, là phẳng, phụ nữ thì áo dài hoa, váy đắt tiền, son phấn thơm lừng, má môi lộng lẫy... ngồi quanh những dãy bàn dài, khăn vải trắng tinh, có cả hoa tươi, khăn ăn gấp chéo... bát sứ, cốc pha lê.

Còn đám cỗ, thường chỉ thấy khăn xếp, khăn lượt, áo dài, quần ống sớ. Hiện đại hơn là những chiếc sơ mi, mới giặt nhưng chưa là, còn nhăn nheo vết gấp, những bàn chân đi guốc, hay đi đất, còn cả vết đất, nên thực khách xoa xoa hai bàn chân vào nhau, trước khi ngồi lên chiếu. Đàn ông xếp bằng tròn. Phụ nữ ý tứ, khép nép ngồi xếp tè he, quặp hai chân ra phía sau.

Vui nhất có lẽ là đám trẻ thơ, ríu rít, chạy ra chạy vào. Đứa nhặt pháo, đứa cầm nắm xôi chim chim, đứa ăn vã miếng gan lợn luộc, đứa cầm quả chuối... Nhà chủ thế nào cũng phải có một mâm đặc biệt dành cho tất cả các em. Đông bao nhiêu cũng được, rồi tiếp thêm thức ăn, nhất thiết không được để sót em nào không được ăn cỗ. Phải đầy đủ. Đó là trách nhiệm hay mối tình của chủ nhà với trẻ thơ? Có lẽ cả hai. Đó chính là tấm lòng thơm thảo của

người Việt Nam xưa nay, bất cứ giầu nghèo, bất cứ vùng nào. Điều này thì rõ ràng là trong những bữa tiệc ở "ô ten" hay "rét tô răng"... tuy có sang trọng nhưng lạnh lùng, không thể có.

Mâm cỗ thường diễn ra thân mật, và bữa cỗ khá lâu. Mà tại sao lại gọi là mâm cỗ mà không là bàn cỗ, cũng như cách gọi là bàn tiệc mà không gọi là mâm tiệc? Rõ ràng có sự khác xa nhau của những bữa ăn đặc biệt này.

Các cụ ông, phía đàn ông thường khề khà, chuyện trò rôm rả. Phụ nữ thường nhanh gọn hơn (một phần vì không uống rượu). Khi cỗ tàn, gia chủ ngả nải chuối, chục hồng trên bàn thờ xuống làm món tráng miệng. Sang hơn thì có xôi vò chè đường, có bánh cốm, bánh xu xê thửa từ Hà Nội... cuối cùng là ấm trà mới pha, có khi lại là tích chè tươi mát thơm hương vườn nhà.

Nó cũng khác các bàn tiệc, kết thúc bằng tách cà phê pha sẵn vừa nhạt vừa nguội, hoặc chiếc bánh ga tô sặc mùi gây của bơ...

Hình như mời được khách đến nhà mình dự bữa cỗ, cũng như được mời đi ăn cỗ, bao giờ cũng là niềm vui, phải có sự chuẩn bị từ trước. Nó thắt chặt thêm sợi dây thân tình gắn bó giữa khách và chủ. Sự có mặt là quí, chân tình mời mọc là quí chứ món ăn không là quí.

Chắc chắn đó cũng là ý nghĩa của những bữa cỗ Việt Nam, của tấm lòng người Việt Nam với nhau. Nó đôi khi còn là sự phô diễn vừa kín đáo vừa khiêm tốn sự khéo léo của người phụ nữ trong cách nấu cỗ, trình bày cỗ, trong cách mời mọc sắp xếp khách ăn mà mỗi năm chỉ diễn ra đôi lần...

Vui nhất có lẽ là cỗ cưới. Người Việt Nam không có tục tổ chức sinh nhật, mà thường chỉ tổ chức cúng lễ. Ngày giỗ, ngày ba ngày, 49 ngày, trăm ngày, dịp tết, ngày cất nóc, ngày hoàn công

nhà… Đó là dịp mâm cỗ có mặt, tô điểm vật chất cho đời sống tinh thần của dân tộc, có thể đấy cũng là một nét văn hóa.

Có người cho ăn cỗ là lãng phí. Lạ thật. Ăn vào, bồi dưỡng sức khỏe sao lại lãng phí? Và có phải ngày nào cũng có cỗ đâu. Đương nhiên cỗ bàn là phải làm theo khả năng, chớ.có bày vẽ, khoa trương, đua đòi… là được.

Cỗ hoàn toàn không giống những bữa tiệc linh đình, ê hề, dùng tiền nhà nước, của công để mưu toan những hợp đồng ma, âm mưu quỉ.

Chỉ khi khách đã ra về hết, xem có ai được mời mà không đến, gia chủ còn cẩn thận, đem phần biếu tận nhà, chỉ chút ít thôi để tỏ lòng kính trọng, vài quả chuối, đĩa xôi, thân hơn thì một miếng đùi gà, bát măng… gia chủ mới thở phào vì làm xong một nhiệm vụ cần thiết của gia đình, gia tộc… Khách đến đông đủ, thế là mừng, là họ hàng xóm mạc bạn bè đã không ghét bỏ mình… đã đến chia vui…

Bữa cỗ Việt Nam có lẽ còn hàm ý ấy nữa, nó là ý nghĩa chìm lẩn đằng sau mâm cỗ mà ai cũng hiểu.

4-1993

Rau sống

Có những món không bao giờ có thể đi cùng với rau sống (rau ghém) bởi nó "lệch pha", trái duyên như khuôn mặt thiếu nữ đẹp mà lại có cái râu vẽ bằng mực tầu, hoặc như giữa mùa hè mà lại đốt lửa giữa nhà để sưởi. Chẳng hạn: canh khoai sọ rau rút, hay canh mồng tơi, cá bống kho khô với hạt tiêu v.v...

Ngược lại, có những món nếu không có rau sống đi kèm thì sẽ hỏng ngay, như cô gái nhà lành, mặc áo dài nhung, đeo kiềng vàng nhưng lại đi đất, không có lời ăn tiếng nói dịu dàng ân cần niềm nở mà toàn cử chỉ khả ố, nói năng tục tĩu... Rau sống là một bộ phận không thể thiếu như thế của không ít món ăn.

Trước hết xin không đề cập vấn đề rau sống mất vệ sinh hay không, nên rửa thuốc tím hay ngâm nước muối v.v... rồi nhiều ớt vitamin hơn rau chín vân vân...

Xưa sau tết, nhiều làng Việt Nam có cỗ hàng phe, hàng giáp. Bữa đó gọi nôm là dấm ghém. Đơn giản, cỗ chỉ có thịt lợn luộc thái rối để trên lá chuối đặt trên nong, nia, với cơm trắng, kèm theo là những cái âu gỗ sơn long lở, mỗi năm chỉ có dịp này dùng đến, đựng đầy nước xuýt, đương nhiên là rất nhiều rau sống, chủ yếu là rau diếp để cả tầu, bốc từng bốc để trên mặt nong. Trai làng đóng sáu, họ ăn như tằm ăn rồi. Bữa dấm ghém đó không sang nhưng thân mật.

Ở tỉnh thành không ai ăn như thế.

Rau sống là một món riêng, được chuẩn bị kỹ càng, vừa ngon vừa đẹp vừa là cái tài khéo của người phụ nữ chủ nhà. Nó chỉ là người tháp tùng, người bạn đồng hành cho món chính, nhưng nó là bông hoa làm tươi mắt, đẹp lòng cho thực khách, nó như tiếng pháo cho ngày tết, như cái duyên riêng của cô gái biết mình đẹp.

Tuỳ theo món chính: riêu cua, riêu cá, riêu dưa, sang hơn là bún chả, bánh tôm, nem rán (nem Sài Gòn - chả giò), chả cá... hoặc cầu kỳ nhưng tốn kém như mắm rươi, mắm tép (mắm chua, mắm đồng) và một vài món khác tuỳ khẩu vị và thói quen gia đình riêng mà rau sống có mặt một cách đầy quan trọng.

Rau sống có thể là rau diếp thái chỉ, xanh biếc, màu xanh của mùa hè làm mát mâm cơm, làm mát căn phòng; hoặc xà lách chuyển màu từ xanh lục sang lá mạ, nõn chuối, rồi tới màu trắng nõn, trắng như ngó cần, trắng như cổ tay cô gái Hàng Bạc một thời, hoặc là rau muống Sơn Tây, xanh nhạt, giòn mà không dai, được chẻ nhỏ, xoắn tít như tình duyên bền chặt khó mà gỡ ra. Cũng có thể là thân chuối (chuối ta) còn non, thái ra thật mỏng, ngâm ngay vào nước cho trắng, nếu soi lên sẽ thấy cả bầu trời xanh lơ ẩn hiện, còn lát rau là vừng trăng thượng huyền lơ lửng. Hoa chuối thái nhỏ làm nộm, nhưng cũng thành rau sống là những sợi hồng hồng, đi kèm những món cá tanh...

Đầu mùa người ngoại thành tỉa cây, trồng rau chính vụ, đĩa rau sống còn thưa thoáng sự có mặt của những cây cải canh bé nhỏ mới chỉ hai lá thật, hơi tê tê đăng đắng. Món mộc tồn trần thế, rất cần thứ lá mơ tam thể hộ vệ. Có người còn thích rau dấp cá tanh nhưng bùi. Đôi khi rau cần thái ngắn, rau má non cũng được gọi đến cho đĩa rau sống thêm lạ thêm yêu. Mắm rươi không thể nào thiếu cải cúc sống, mang lại mùi thơm hoang dã, chất

đồng nội, gần giống rau tầu bay mà cũng thoang thoảng lá cây hoa cúc sang thu.

Rau diếp ngô, rau diếp ta trước khi thái chỉ nhỏ như những sợi chỉ thêu màu xanh, phải được tước gân cho đỡ chát. Xà lách lâu nay đã lấn át rau diếp, rau diếp chỉ còn xuất hiện ở vùng xa. Xà lách rửa cả tàu, từng tàu một, lá xanh, lá ngửa lòng, lá nằm nghiêng khoe cái ẩm ướt và tươi mát của mình. Rau muống chẻ, loại ở chợ, xoăn không đều có sợi cứng đơ, dai nhẳng. Phải là thứ rau chẻ lấy ở nhà, chẻ ngay trên miệng chậu nước, sợi chẻ đến đâu xoăn đến đấy, trước khi ăn, bà nội tướng có ý, lấy kéo cắt sơ qua để khách gắp khỏi lằng nhằng.

Không nói đến những món sang trọng như thịt gà rán, khoai tây, xà lách chỉ là thứ lót đĩa, đã nhầu nát cả lòng cả mặt, đã mất cả màu xanh quý giá, cũng không nói những đĩa rau sống tưới dầu ăn, kèm cà chua dưa chuột v.v... rau mất hết cả vẻ thanh tân, nõn nà của nó. Rau sống dân dã, mộc mạc trinh nguyên, mang cái tươi mát trong chất diệp lục của nó vào cuộc hành trình ẩm thực, để cái lưỡi con người, cái ông thần khẩu hưởng trọn vẹn thiên nhiên tươi mát.

Món nem rán trong bữa chiêu đãi, nhỏ bằng ngón tay, không gia vị, nước chấm, không rau sống, thật vô duyên như cái anh ái nam ái nữ. Tết, mâm cỗ đầy, nếu có một đĩa rau sống thật tươi, hẳn khách ăn cảm thấy dễ chịu bội phần. Cái lưỡi đã muốn ngừng, nhưng chỉ một lá rau, nó lại hoàn hồn, trẻ lại, đổi khác, và có thể tiếp tục... Nhưng cũng có người, tết, hoàn toàn lại bỏ rau sống ra khỏi thực đơn. Tuỳ vậy.

Nem rán ngon phần lớn nhờ rau sống, cũng như bún chả, bánh tôm không có rau sống, chúng chỉ còn là cái xác không hồn, như bản nhạc chết trên giấy chưa được bàn tay tài hoa của nghệ sĩ tấu lên.

Món mắm đồng cũng vậy, bát mắm đỏ au, để sống hoặc chưng mỡ cà chua, kèm theo là hành chần, hành sống, nửa xanh nửa trắng, những lát khế vàng ươm mọng nước, miếng gừng vàng nhạt cay thơm, lát ớt chót đỏ, và trên hết là những đĩa rau gồm xà lách hoặc rau diếp đủ sắc đỏ xanh khác nhau, còn long lanh nước, còn tươi ngần như luyến tiếc hương vườn. Nếu không có rau sống, món mắm sẽ chỉ còn là thứ cơm sống cháo sượng, mía bấc, bưởi non... chán mớ đời.

Rau sống thường được đựng trong chiếc đĩa sâu lòng, cho khỏi vương ra mâm, càng ít khi bị bốc phũ phàng, để trần trên mâm.

Rau sống cũng không thể cô đơn. Nó có duyên, có sức hấp dẫn còn phải nhờ người bạn đồng hành là rau gia vị. Cái lưng ong sẽ được tôn lên gấp nhiều lần nhờ tấm áo đổi vai hay tà áo dài bay lả lướt. Rau gia vị chính là son phấn trên khuôn mặt cô gái đẹp biết điểm trang (xin đừng nhầm là biết hóa trang).

Ngổ ba lá xòe như ba cánh hoa xanh, cái cuống mọng nước, cắn mà nghe mát cả răng. Rau tía tô tuy hơi gắt nhưng được cái màu tím kéo lại, làm vui mắt. Mùi tàu cạnh răng cưa hơi sắc, lá cứng mình nhưng mùi thơm giàu có. Mùi ta thoáng nhẹ hơn, trông như những đồng tiền xanh có khía, mỗi năm có đến hàng sáu tháng. Húng Láng chỉ Hà Nội mới có, đem trồng nơi khác nó thành húng dũi, bạc hà ngay, thật lạ và thật quí cái làng Láng ấy. Tiết canh, thịt chó không có húng quế (húng chó) thì hỏng, rau răm như con mắt đa tình, ấm nóng, dậy mùi, hợp với nhiều món, nhưng ăn sống thì chút xíu thôi. Xương xông hơi hắc, có mùi dầu hỏa, cũng như lá lốt, ít người ăn. Mươi năm gần đây, kiểu ăn giá sống khá phổ biến, dù hơi tanh tanh, nhưng người ăn được thì cho là bùi. Khẩu vị không thể áp đặt vậy.

Tuỳ gia cảnh, tuỳ ý thích, tuỳ điều kiện vật chất túi tiền và còn tuỳ tài chế biến, khéo léo tài tình, của người phụ nữ trong nhà

mà món ăn thay đổi, theo nó là món rau sống gia giảm tùy theo đấy. Có thể thứ này nhiều thứ kia ít, người thích ăn thứ này, kẻ ưa món nọ. Đại đồng tiểu dị là điều dễ hiểu.

Từ bữa cỗ thịnh soạn đến mâm cơm đơn giản chỉ có bát riêu cua hay món canh dưa (riêu dưa), đĩa rau sống đâu phải không công phu. Chuẩn bị một đĩa rau sống thực sự là rau sống tốn không ít thời gian. Nó chính là khúc nhạc mở đầu, là niềm ân cần, là sự khoái cảm cả trong thẩm mĩ và cảm giác. Thì ra có lúc không phải cứ đắt tiền mới quí, cũng như không phải cứ phải có xa lông, đệm gấm, xe hơi nhà lầu, người ta mới có thể yêu nhau. Nồng nàn hay nhạt nhẽo thật cũng lắm chuyện, nó không hẳn chỉ là cái giầu có mà còn ở biết cách sống thế nào nữa, như món rau sống chẳng hạn.

Rau sống, món ăn tốn ít tiền, dễ kiếm, người thành phố rất cần nó bởi cuộc sống tù túng luôn cần một màu xanh, dù là bên cạnh bằng chậu cây cảnh hay trên mâm cơm bằng món rau sống.

1992

Rau trong ngày tết

"Đói ngày giỗ cha, no ba ngày tết". Câu ca ngày xưa thật đúng, thật hay. Ngày giỗ cha, anh con trai phải tiếp khách để không xảy ra một sơ xuất nhỏ nào, phải dặn dò người nhà, vợ con sắp xếp công việc, phải chạy lên chạy xuống, chạy ra chạy vào, chào người này, mời người kia, đáp lễ người nọ... có lúc định ngồi xuống thì lại có khách đến... Đói là phải.

Còn tết? Dù nghèo khó đến đâu, ngày thường thiếu gạo, thiếu rau, thì ba ngày tết, không cỗ bàn linh đình, chí ít cũng đủ cơm ăn, no nê, không no xôi chán chè, thì cũng ấm bụng.

Với người trung lưu trở lên, tuyệt đại đa số người dân, ngày tết bao giờ chả đủ đầy bánh trái, rượu chè, thịt thà, cá mú... Nó đến phát chán, nên "dửng dưng như bánh chưng ngày tết". Bánh chưng ngon thế, quí thế, ngày thường được cái bánh thật đâu có dễ, vậy mà tết đến cũng dửng dưng, chứng tỏ tết là sự sung túc, có đủ món ngon lành, đủ thứ cỗ to cỗ nhỏ.

Tuy vậy, dù chỉ cần chút xíu, dù chỉ là để điểm xuyết nhưng RAU là thứ không thể thiếu, từ rau thực phẩm đến rau gia vị.

Đương nhiên không ai ăn rau muống luộc, rau lang luộc hay rau diếp trừ cơm trong ngày tết. Nhưng thử nghĩ nếu không có rau cải, hành củ nén thành dưa từ hàng tháng trước nay đã chín, giòn

tan, vàng rộm, chua mềm... thì hẳn khoanh giò thủ béo ngậy, sần sật, miếng gà quay khô khan, bát gà hầm ngọt lự, khúc cá kho khô mặn đậm... sẽ ra sao? Có thể nào bát bóng nấu không có mấy quả đậu hòa lan xanh biếc, nằm trên những miếng bóng vàng ươm mà vẫn giữ nguyên màu xanh như vẫn ở trên cành, nguyên vẹn cả cái giòn giòn tươi mát. Mấy sợi rau mùi lồng khồng như một thứ hoa xanh, sợi hành củ trắng lá xanh đưa đẩy cùng miếng bóng và các thứ "chân tẩy", tuy ít nhưng thật cần thiết, thiếu nó, mặt bát bóng trơ ra cái nhẫy béo, mới trông đã ngấy.

Đĩa xúp lơ xào không thể thiếu những khoang cà rốt màu đỏ da cam đỏ hoa hiên đã được tỉa thành hình hoa lá cành. Và món thịt gà quay (thực chất là rán) hơi khô, rất cần khoanh cà chua mọng nước, có vòng tròn có khe rỗng, như vòng bánh xe chờ chuyến đi vào dạ người, cũng rất cần những tàu xà lách xanh rờn lót dưới lòng đĩa, và quả ớt chín đỏ đã thành bông hoa xòe cánh. Cái đẹp phải được đi liền với cái ngon. Khéo là ở đó. Tài là ở đó.

Rau húng Láng (mà mọi người quen gọi nhầm lẫn là rau thơm, rau thơm là chỉ chung mọi loại rau gia vị).

Rau húng Láng hợp với nhiều món, nhất là nó được hòa mình vào đĩa xa lát ở một góc mâm, nó có thể đánh bạt đi cái ngấy đến rùng mình của miếng chân giò toàn mỡ trong bát măng hầm, tạo lại cảm giác mát tê ở đầu lưỡi.

Xu hào làm dưa góp, làm chân tẩy, làm nộm chua ngọt, làm cái đế cho bát mực nấu, cũng không thể thiếu. Và biết đâu, sang ngày mùng bốn, món su hào luộc chấm cà chua hoặc chấm trứng lại có thể ngon hơn cả sơn hào hải vị? Có khi chồng chan vợ gắp, nhìn nhau gật gù khen nó là món ngon nhất trần đời?

"Con gà cục tác lá chanh" hoặc *"Cùi dừa kẹo với bánh đa. Cái đĩa thịt gà kẹo với lá chanh"*, là một cách thức ăn hay là một nét

đẹp của dân tộc? Chỉ vài ba lá, loại bánh tẻ, thái chỉ, mảnh như tơ, mảnh như tóc. Dùng hai ngón tay, nhúm lấy vài sợi thả vào đầu lưỡi, khiến miếng đầu cánh, miếng cổ gà thành thi vị.

Nấm hương có gọi là rau được không? cái nấm đã khô, ngâm trong nước dùng ngọt lịm, lại nở xòa ra, tung cả hương thơm, vị ngọt, tỏa vào bữa cỗ như chứa đựng cả hương rừng, vị thiên nhiên trong màu nâu và hình chiếc ô tí xíu. Thiếu nấm hương, cỗ tết phàm phu, bà nội trợ không thể bằng lòng, cụ cao tuổi nhất trong nhà chỉ còn lắc đầu. Món ăn đã hỏng

Có lẽ tía tô, và nhất là kinh giới quá gắt, quá nồng, không hợp với cỗ tết. Riêng kinh giới cấm kỵ, không thể có mặt nếu món thịt gà đã hiện diện.

Tết, nhiều nhà kiêng ăn thịt vịt, thịt trâu. Tuy vậy, mấy củ tỏi, mấy nhánh gừng vẫn cần phải mua dự trữ. Nước mắm pha cho món nem rán, cho dưa góp, cũng cần đôi ba nhánh tỏi đập dập.

Gừng (cùng với rượu trắng) để tẩy bóng, tẩy mực, ít, nhưng không có không được.

Vài quả chanh tươi, không thơm như chanh cốm đầu mùa nữa, màu vỏ ngả vàng, mọng nước, hằn từng thớ múi. Nó sẽ được vắt vào đĩa muối hạt tiêu cho đĩa thịt gà luộc. Thịt gà chấm nước mắm, dù là nước mắm Nghệ, nước mắm chắt, cũng là đoảng vị. Hạt muối nhỏ xíu, nhưng đôi lúc nó vào miệng mới tan trên đầu lưỡi, cảm giác ngon miệng làm miếng thịt gà đậm đà, ý nghĩa.

Rau răm bùi, nhưng hắc, là loại rau rẻ tiền, mua cả bó, nhưng cũng chỉ nhặt ra được ít ngọn non từ những thân cành khẳng khiu, là để cho món bún thang hôm mùng bốn tết. Thiếu nó là thiếu một trong những cái cơ bản, thiếu hẳn nét duyên tình khiến cô gái đẹp cũng không có điều kiện để trở thành giai nhân. Món bún thang sẽ hỏng, vì vô vị.

Món xào cần tây tỏi tây với thịt nạc, hoặc tim gan, lòng gà miệng nhai tai nghe, hơi dai một chút, hợp với những chén rượu nhâm nhi, thơm ngầm một thứ hương đầy kích thích, đánh thức cả khứu giác lẫn vị giác. Nó không gây khoái cảm mạnh như dưa hành, không bắt phải hắt hơi như hạt tiêu, cũng không kỳ ảo như cà cuống nhưng củ tỏi tây trắng muốt bổ dọc, miếng dọc cần tây xanh rờn chưa chín hẳn... thật thú vị ngay từ đầu đũa.

Một vài gia đình thích ăn gỏi tất niên, hoặc nem chua, nem chạo, thì những chiếc lá mơ tam thể chỗ tím chỗ xanh, chỗ sáng chỗ tối, lông mịn như nhung, và lá sung có những nốt sần... cũng là đầu vị. Lá đinh lăng lăn tăn một thứ cây cảnh ở chậu cây ngoài ban công kia, cũng góp vị chát và chất kháng sinh vào món "ăn sống nuốt tươi" ấy.

Mâm cỗ tết thường đầy, nhiều bát, nhiều đĩa, ngồn ngộn những thứ ngon lành, bổ béo, ngày thường không dễ có. Con gắp mời cha mẹ. Chồng gắp tiếp vợ. Ông bà gắp cho cháu. Bữa cỗ thật là niềm vui "... no ba ngày tết" mà. Mâm cỗ là cái thước đo sự giầu có hay phong lưu, hoặc còn chưa dư dật. Nhà này có bóng thả: bào ngư, vây cước, nhà kia chỉ khúc cá kho khô, miếng chân giò, cân giò thủ... Tựu trung gì thì cũng là đầy đặn.

Trong đó, rau là thứ yếu. Rau chỉ là tiếng song loan đệm nhịp trong giàn nhạc. Nhưng tiếng đệm ấy quan trọng biết bao. Nó góp âm thanh khiêm tốn. Nó tự ẩn mình như tà áo trắng trinh nguyên băng tuyết bên cạnh gấm vóc nhung lụa. Nhưng ai dám bảo nó không có giá trị. Cũng như ai dám bảo cô gái nhà nghèo làm cô dâu trong ngày cưới không thiêng liêng bằng nàng công chúa bước lên kiệu hoa?

Rau ngày tết, chủ yếu làm gia vị, có nhiệm vụ nâng những món khác lên. Nó cũng gần giống như anh binh nhì, trực tiếp cầm

súng, xung phong, nhưng đôi khi công lao lại rơi vào mấy ông tướng tá. Nhưng người lính đôi khi đâu có suy bì, tỵ nạnh. Người lính vẫn vui vẻ làm nhiệm vụ của mình và rau cũng giống vậy. So sánh vốn khập khiễng, nhưng xin vui lòng với sự tương đối ấy như cuộc đời này cái gì cũng chỉ là tương đối.

Bát miến lòng gà mà không có mấy sợi rau mùi ta thì quả là trơ trẽn, nhạt nhẽo. Rau mùi cũng lạ, ngay cả khi nó già, đã ra hoa làm quả, mà tết đến, còn được dùng làm nước gội đầu, nước tắm tất niên, nước rửa mặt sáng mùng một tết, cho thơm tho, tinh sạch thì lại càng thấy giá trị của thứ rau ngày tết này.

Rau trong ngày tết với màu diệp lục xanh tươi, chất giòn, hương vị thơm, vị mát... tạo nên mâm cỗ có khuôn mặt hài hòa, có mầu, có vị, có hương, có thay đổi cung bậc, có thư giãn, có dồn dập để có trầm có bổng...

Tết, rau không cần nhiều, nhưng cần nhiều thứ. Tết, mâm cỗ không thể chém to kho mặn, nên vai trò của rau càng là quan trọng. Bất cứ làng quê hay thành phố, người Việt Nam đều biết ăn cho ngon cho đẹp, cho vui, cho tươi. Đó chính là nét văn hóa được truyền lại từ ngàn năm văn hiến.

Tuỳ tập quán, gia cảnh, cách gia giảm khác nhau, nhưng tựu trung rau ngày tết vẫn là một thứ mỹ vị cạnh những cao lương. Nó sẽ phô gương mặt tươi mát của mình cho mọi người biết: gia chủ là người sang quí hay trọc phú, là người có văn hóa, biết cách ăn uống hay chỉ cốt no cái bụng theo chủ nghĩa ẩm thực.

Và cũng may là vào dịp tết, chúng ta lại có rất nhiều thứ rau ngon, làm phong phú cho cái tết cổ truyền không có tết nào sánh được.

1992

Món trên lửa

Chắc là khi ngọn lửa đầu tiên xuất hiện cách đây hàng triệu năm cùng với tiếng reo hò và bước chân nhảy múa thì các món nướng cũng xuất hiện tức thì. Miếng thịt thú rừng trên đầu xiên, con ốc trong than đỏ, con cá xèo xèo... Ngọn lửa bập bùng, tiếng hát à ê, bóng người lấp loáng bước chân trên vách hang cùng cái váy vỏ cây, cái khố bằng lá, nhịp bước chân nhảy múa ấy cũng là nhịp món nướng nhảy múa trên than lửa.

Nhà khảo cổ học, nhân chủng học... rồi nhà ẩm thực học có trả lời được là đã bao nhiêu thiên niên kỷ, bao nhiêu "đại" trôi qua từ bấy đến nay? Chỉ biết, cho đến phút này, món chả nướng xèo xèo mỡ rỏ khói lam thơm nức đầu gió, viên than đỏ như vàng chảy làm khứu giác bị đánh thức, thức mà mê, như nàng công chúa ngủ trong rừng, trước khi cái lưỡi chạm vào vị chua cay mặn ngọt, chạm vào cái bùi béo thơm ngậy ngon lành của miếng chả nướng, món ăn có lẽ có tuổi già nhất trong tất cả các món ăn do con người nghĩ ra được.

Chiều hiu hiu lạnh, mưa tạt ngang trời, lá vàng ào ào đổ ở lắm ngã tư làm chồn chân lữ khách, thì hương thơm chả cá bay ra từ gian bếp ám khói, rồi lại thơm từ chảo mỡ sôi liu riu ngay trên mặt bàn áng chừng đã có hàng ngàn hàng vạn thực khách ngồi đây trước rồi, bên cạnh những hành hoa xanh rờn, rau thơm mát

lạnh, lạc rang giòn, ớt cay xè, mắm tôm chanh đánh lên kem sủi bọt và... chai rượu trong mắt mỹ nhân đang nhìn khách, đang gọi khách... hẳn đã làm thi sĩ Cao Bá Quát, tửu đồ Tản Đà, nhà văn phóng túng Nguyễn Tuân, con người lịch lãm Vũ Bằng, cái ông tài hoa Thạch Lam... và bao người có danh vô danh khác, bao gót chân rỗ kỳ khu trên đường đời... đành phải bứt cái níu tay của thê nhi mà đến với món nướng không có địch thủ này, cái món nguyên có tên là Khoái Trá, sau mới gọi lệch ra là Chả...

Đời thường hơn, thì có món nướng khác cho thực khách giải sầu, dù chẳng phải mối sầu thực sự nào mà chỉ có cái động lòng lúc giao mùa. Miếng riềng sống cay một vị thơm, ngọn ngổ ba lá thơm một vị đắng, nhánh húng quế tê tê như hình con mắt lá răm hơi to sẽ là bạn đồng hành một cách hài hòa với xiên chả chó, món mộc tồn, thú "hạ cờ tây", cái miếng thịt xém cạnh thơm nức, ngọt lừ, mềm dẻo xuất phát từ một chú cẩu bất hạnh nào đó... Cái xiên chả chó xoay xoay chín đều trên than hồng ấy tạo cảm giác mạnh, tưởng có thể cho khách sức lật núi xô thành trong không khí giao mùa xao xuyến.

Từng có người đố nhau xem ai ăn vụng được món mực nướng. Không bàn về chuyện ăn vụng, mà là cái tài đối phó với hương thơm kỳ lạ ấy. Có anh khéo, tẩm giấy bản ướt rồi mới nướng. Quả là không một tẹo gì thơm. Ăn được. Nhưng ăn thế thì quả là ăn lấy được, kiểu ăn của anh chàng tục tử phàm phu, thực bất tri kỳ vị, ăn lấy sống và ăn lấy chết, chả khác nào anh độc thân quá "bấn" cần thoát xác một lần, đi một chuyến "tàu nhanh" ngay dưới gốc cây. Mùi mực nướng có mùi thơm không thể tả bằng bút mực, nó cũng y như cậu học sinh, cô học trò ngồi trong lớp định ăn vụng quít đầu mùa, cái mùi thơm ngất ngây, hấp dẫn khêu gợi ấy, khó mà lẩn tránh được ai nếu không nói là nó còn là câu nói lời mời, tự tố cáo có mặt của mình khắp nơi khắp chỗ...

Hình như thứ gì nướng cũng ngon. Thịt nướng thường được gọi là chả nướng. Thịt thú rừng, tươi hoặc khô, thịt bò, thịt lợn, chim giẽ, gan bò, đến con cá chim, cá rô, thậm chí chú chuột đồng bọc trong bùn nướng bằng gốc rạ trên đồng của trẻ trăn trâu... Chất ngọt của đạm không mất đi, không tan đi, mà hút lặn vào trong, nếu có thấm ra ngoài thì cũng thành khói thơm quyện trở lại vào trong món nướng, không kể cái khói ấy là một thứ khai vị, một hương kích thích làm thực khách chưa ăn đã thèm, chưa ngửi đã mê, chưa nói đến đã thú...

Từng có một chuyện không vui vì cái khói của chả nướng. Vợ bác sĩ G.T ở trên gác phố Phủ Doãn, nhà dưới quạt chả, khói xông lên sặc sụa. Bà góp ý, không hiểu thế nào, xảy ra cãi nhau, bà ức quá, vì mình là chủ nhà, người quạt chả chỉ là người thuê nhà, mà mình mất quyền tự chủ, bị đủ thứ, kể cả làn khói bao vây, bà bị đứt mạch máu, gục xuống. Chồng là giáo sư bác sĩ nổi tiếng, dạy trường đại học Y cũng đành bó tay trước cái chết của vợ mình. Ôi cái món nướng ngon lành nhưng kể cũng thật tai quái vậy.

Chả quế thực ra cũng là một món nướng thôi. Nó thơm vì quế, ngọt hơn vì không bị luộc, bị hấp, bị rán. Có người còn cầu kỳ phết thịt đã giã trên cái ống tre non để khi nướng, nước từ ruột tre thấm sang chả, tăng độ ngọt, độ đậm cho cái món hơi quí tộc này. Thịt quay, lợn, ngỗng, ngan, vịt... thực ra cũng là nướng, chỉ có điều được nướng trong lò kín, khác hẳn thứ gọi là thịt quay ở vài mâm cỗ nhà có đám đem rán trong chảo mỡ, cái thịt quá khô, cái bì dai ngoách, cái lớp mỡ đã tóp lại... thật khó ăn, và thường bị bỏ lại nhiều.

Món trên lửa ấy không phải là món ăn thường xuyên hàng ngày. Phải là thịnh soạn, đặc biệt, cỗ bàn linh đình, tiệc vui trang trọng, chí ít là đãi khách thân tình, khách quí từ xa, món trên lửa

mới xuất hiện như một khúc ca riêng biệt chủ nhân đem ra mời khách. Nó cầu kỳ hơn, phức tạp hơn, mất nhiều thì giờ hơn và còn cần một bàn tay khéo léo tài hoa hơn so với những giò nem ninh mọc...

Cũng là một phát hiện tài tình hay là kinh nghiệm truyền đời từ triệu năm để lại. Chỉ có than hoa, than tầu, than bếp củi nấu bánh chưng gắp lại để dành... mới làm món nướng.

Than đá, than quả bàng, than tổ ong làm lửa quá nóng, quá nồng, quá khét. Những thỏi than hoa còn nguyên hình hài thân gỗ nứt những đường vân đượm lửa mà không quá độ, vạc đi rồi còn để lại tàn tro trắng bạc. Chỉ có nó mới song hành cùng với món nướng, hóa thân vào món nướng, vào làn khói, vào vị đậm đà kia.

Cũng đôi khi cái bếp củi bếp rơm tàn một bữa; củ khoai được "lùi" quên đi một lát, nó nằm im trong âm ỷ, biến hình trong tro nóng, rồi đúng cái lúc bất ngờ, chị gái gọi em lại cho món quà không đợi, ngon nhất trần đời, tay nọ chuyển sang tay kia, vừa thổi, vừa ăn, làm cái ngon lây sang cả chị, lây sang cả mùa thu mùa đông, cả một thời gian dài sau nữa.

Có ai là người không một lần ăn củ khoai nướng, bắp ngô nướng, tấm mía nướng, chiếc bánh đa nướng? Có đêm khuya rét, đốt chậu than rực hồng cho căn nhà trống chếnh, sực nhớ thiếu một cái gì, có người phải đội mưa rét tìm bằng được cân khoai về nướng, đâu có cần ăn, chỉ cần ngút lên cái hương khoai nướng, vỏ cháy thơm, cái vị kỷ niệm một thời nào là đủ. Bắp ngô nướng cũng thế, nó thơm suốt những ngã tư chập chờn ảo ảnh của đêm đông ngoài phố, và nó cũng đẹp như bàn tay cô gái thoăn thoắt lật cái bánh đa trên chậu than hồng, khiến cái bánh quăn lại, phồng lên, thơm nức giòn tan.

Còn mía nướng thì thật lạ. Nướng cả vỏ, hai đầu sủi bọt, mùi thơm đường chín, ngọt sắc, ngọt lịm, ngọt hơn đường cô đặc, đẹp như mối tình ngọt ngào sau bao xa cách.

Ngay cả cái bánh mì ỉu sìu, miếng đậu phụ thông thường được bén hơi than cũng trở thành thơm ngon hấp dẫn, như một chút hương son phấn thoảng trên một gương mặt đẹp, dù một chút gì quá lửa.

Cái qua lửa than hồng còn đến bao giờ, có thể bất chấp lò điện, nồi áp suất. Và món nướng luôn luôn còn là bí mật cần tiếp tục khám phá, như lòng người đàn bà ta yêu, luôn làm ta ngỡ ngàng trước mối tình sâu đậm ấy.

Vàng phải thử lửa mới biết là vàng thật. Người phải thử lửa mới biết anh hùng hay hèn nhát, chân thành hay lừa lọc, và cả tình yêu cũng phải thử lửa mới biết đâu là chân đâu là nguỵ, đâu là bền chặt đâu là mong manh. Hóa ra đâu chỉ có món ăn qua lửa mới thành kỳ diệu, mới hấp dẫn con người, mà nghĩa lý cuộc đời qua lửa mới tìm ra chân lý.

Ngọn lửa truyền đời, ngọn lửa thiêng, ngọn lửa cho con người một bước nhảy vọt đầu tiên, cái đà phóng triệu triệu năm, còn ấm mãi trong căn bếp bập bùng rơm rạ hay trong cái bếp điện hơi tân kỳ... vẫn là trường tồn cùng loài người bất diệt. Chỉ có hai thứ tồn tại mãi chăng: Ngọn lửa và tình yêu? chưa dám kết luận vậy.

1992

Hương và mùi

Hình như HƯƠNG và MÙI có cái khác nhau. Hương dứt khoát là thơm. Còn mùi có thể thơm mà cũng có thể không và giữa chúng còn có những thứ nửa nọ nửa kia, chẳng ra cái này cũng không ra cái khác, nó "nửa dơi nửa chuột", nó vô tích sự, ngai ngái, nồng nồng, nhàn nhạt.

Một hôm nào bất chợt trên đường phố, có một thoảng một hương hoàng lan hay ngọc lan như có chút chùa chiền, có chút vườn hoang phảng phất. Thì ra một cô gái vừa đi lướt qua, làm đỏm ngầm, biết thu hút sự chú ý của người khác nhất là cánh trai tráng đàn ông một cách kín đáo nhưng không kém phần quyến rũ. Từ trong mái tóc, trong túi ngực hay trong cái "sắc" cầm tay... cô có một bông hoa bưởi, một nhánh hoàng lan, mấy cánh ngọc lan... Cô làm ta như vừa gặp tiếng gầu va thành giếng, múc lên cả bông hoa sũng nước, càng thơm đượm, trong ngày nguyên tiêu ở ngôi chùa làng có ai ngây ngây e ngại. Nếu là hương ngọc lan, ta tưởng nhìn thấy chiếc búp ngà như ngón tay thon, gần thì quá ngát nhưng xa thì thoảng hấp dẫn nhẹ người. Còn bông hoàng lan, mềm dẻo, có phần ẻo lả nữa, ta thấy mùa thu về trong quả bàng chín đầy hương tuổi nhỏ, quả bàng thơm kín đáo, quả bàng khiêm tốn như một nụ cười tủm tỉm...

Trách nào một Trịnh Sâm, Nhà Chúa vừa thi sĩ vừa tàn bạo, đã mê mệt đến nỗi làm nghiêng ngả cả triều đình phủ chúa chỉ vì

người đàn bà, đồn rằng có một thứ kỳ lạ: *mùi mồ hôi thơm* - Tuyên phi Đặng Thị Huệ. Đông tây kim cổ, những người đàn bà lừng danh có ai như thế? Chắc bà Tuyên Phi này biết nghệ thuật làm đẹp mà thôi, nàng giắt hoa vào mình, trong vuông khăn, nơi mái tóc, ở thắt lưng, trong dải yếm, giữa tà áo, nơi gấu là, trong... và đó phải chăng là hoa huệ, hoa nhài, hoa bưởi, hoa ngọc lan, hoa dạ hợp, hoa móng rồng...?

Có một lần trong căn nhà khách đơn sơ của tỉnh lẻ, đêm mấy ông nhà văn nhà báo đi thực tế, giở chai rượu còn sót lại lúc ban chiều ra, ngồi chung trên giường mà bàn thế sự, thời thế văn chương, và không biết từ lúc nào, câu chuyện chuyển sang đề tài phụ nữ và cái đẹp. Nhà thơ trẻ (là lúc ấy còn trẻ) đã ngà ngà nói ra một phát hiện mới hay một triết lý của cái mũi, rằng: Đàn ông mà bôi nước hoa là cực kỳ dở. Đàn bà mà bôi nước hoa cũng chỉ là hạng xoàng, thiếu bản lĩnh. Dù đó là nước hoa đắt tiền Chanel, là *"Thứ đàn bà muốn", là "Giấc mộng vàng" v.v...* của Pháp hay của Bun, hoặc chỉ là là nước hoa trầm toàn mùi cồn rẻ tiền của Sài Gòn hay biên giới... Mùi nước hoa xông lên, làm ai cũng giống ai, người nào cũng như người nào, vì cùng chung một mùi giả tạo. Mà xưa nay, mỗi người, nhất là phụ nữ, không ai giống ai, mỗi người có một cái duyên riêng, toát ra một thứ mùi riêng chỉ người ấy có. Người khác không thể nào có mùi ấy. Nó thành nỗi khắc khoải đam mê, nhớ nhung khêu gợi cho người yêu, khiến anh đàn ông phải bứt rứt khốn khổ vì nó, nếu đã một lần tiếp xúc. Hãy cứ để làn tóc da mộc mạc như cha mẹ cho, toát ra từ mỗi tế bào. Nó có thấm sang quần áo cũng chả có gì mà ngượng, phải xóa đi. Nó chính là sự gợi cảm, là hương ma quái, là bùa mê đấy. Anh Lâm Huy Nhuận thao thao gật gù với ý kiến ấy, khiến những người xung quanh không biết bình luận, công nhận hay phản bác ra sao. Một nhà thơ nói: Có lý, vì Sôlôkhốp

còn tả mùi ngầy ngậy của cái nách hôi cơ mà (không hiểu trong "Đất vỡ hoang" hay trong "Sông Đông êm đềm").

Không hiểu hôm ấy người nói hay rượu nói? Nhưng xem ra cũng có phần chí lý. Vân tay không ai giống ai. Khuôn mặt chả người nào giống người nào. Thì chắc cái mùi của mỗi người cũng vậy. Của riêng đấy, sao lại đem xóa nhòa, đồng nhất với số đông? Như không ăn cơm nhà do cô vợ đảm nấu ngon cho, mà lại đi ăn cơm tập thể loại ba hào?

Lại chợt nhớ đến một chi tiết trong tiểu thuyết "Pie đệ nhất" của A. Tolxtôi mà phì cười. Mụ hầu già tắm cho hoàng hậu để chờ nhà vua, mụ ta nhắc: tắm kỹ, vì anh đàn ông nào cũng giống nhau, hấp dẫn nhất cái mùi thơm. Đêm đó, hoàng hậu tắm nước thơm, xông hơi, quất lá bạch dương... chờ. Gần sáng, bà ngủ thiếp đi, chợt tỉnh dậy, thấy cái gì nằng nặng trên người, thì ra vua Pie về lúc nào, sau khi đã chơi bời rượu chè chán chê ở quán người Đức, và bây giờ về, chẳng cần cái mùi của bà mà chỉ cần bà... Hoàng hậu tủi thân chỉ còn biết khóc.

Trái với lý luận của nhà thơ Lâm Huy Nhuận trên kia, có người lại bảo: xông nước hoa là cần thiết, vì đứng bên cạnh ai hôi hám, chua loét là không tự trọng và không tôn trọng người khác. Xem thế cũng không biết nên thế nào. Bá nhân bá tính vậy.

Còn người thường chúng ta, có câu tục ngữ thuộc loại lý thú về cái mùi luẩn quẩn, vật vờ, quanh quất:

"Nằm đất với chị hàng hương còn hơn nằm giường với chị hàng cá".

Đó là chuyện nằm, chuyện của ban đêm. Còn ban ngày?

Từ cái thời Hà Nội có tiếng chuông tàu điện leng keng lúc tinh mơ, cây cối còn ngái ngủ, sương đêm chưa bị vùi dập, người

dậy sớm, gặp ở một ngã tư ngã năm nào đó, "vang" lên mùi bánh mỳ mới ra lò, cùng mùi cà phê gánh. Hình như mùi bánh ấy có mầu vàng, có vị giòn, hồn nó cựa mình để thoát khỏi cái xác bánh trong bao tải.

Nó rủ mùi cà phê đi theo, thứ hương bay ra từ chiếc bình nhôm vòi, cao, to, trong có chiếc túi vải thẫm màu, đặt trên bếp than của ông hàng quen thuộc với chiếc tủ kính con con, đựng nào pa tê, giăm bông, ga tô, bánh rán, thuốc lá... thuốc lá nhiều loại, bán lẻ từng điếu một. Riêng ga tô, ông bảo cứ ăn, đừng bao giờ nên ngửi, vì bánh làm bằng trứng, mùi lòng trắng trứng có chế biến thế nào, vẫn cứ là tanh. Ăn bánh ga tô thì ngon, nhưng ngửi thì tanh, sẽ mất ngon đi. Và nay, cầm hoa *xu xi* thì đẹp, nhưng mùi hoa xu xi thì cũng lại tanh giống hệt mùi lòng trắng trứng, cầm hoa xong cần phải rửa tay ngay.

Mùi bánh mì cà phê buổi sáng ấy làm ta ứa nước chân răng. Nó còn hành hạ con tì con vị nếu ta giả vờ không cần nó, còn mải nghĩ đến chuyện "hàng hương hàng cá" đêm qua. Và đi một khúc nữa, ta lại bị bỏ bùa mê vì mùi nước dùng phở có thảo quả, quế chi, hành nướng, gừng nướng, có mùi mỡ bò, gầu, nạm, sụn, tái, hành chần... nhất là nếu sáng ấy lại là thu muộn, có gió heo may lành lạnh nơi vai áo.

Ít lâu nay thành phố mình nhiều mùi khói với nhiều sắc độ, cung bậc khác nhau như cung bổng cung trầm, thanh bằng thanh trắc. Mùi khét sặc sụa ốm người của than tổ ong nhóm nơi đầu gió ngoài hè. Mùi đốt đống rấm lá cây rác rưởi phát ho phát hen. Mùi ngột ngạt của khói pháo khai trương cửa hàng. Mùi ung thư của khói bếp dầu hỏa khi tắt bếp, mùi khói bún chả bay loạn xạ, có nhà đấu khói bằng quạt điện, thổi khói sang nhà bên cạnh, bên cạnh dùng quạt to hơn, bên kia dùng quạt to hơn nữa... như một

thời thi nhau *suyếc von tơ.* (Bà vợ bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng đã vì khói bún chả quạt xông lên sặc sụa gian gác, bà góp ý rồi xảy ra to tiếng, bà ức quá, gục xuống đứt mạch máu não. Ai bảo khói không giết được người ?).

Khói bún chả còn khả dĩ, ít thì nó cũng thơm thơm, như người đổi gió, dễ chịu, giống như thừa tiền, bỏ thành phố ra ăn tạm bợ, ngủ vật vờ, tắm nước đục ngầu ở bờ biển...theo thời thượng? Còn thứ khói chả chó, hàng chục nhà cùng quạt một lúc, thì quả là đặc biệt. Lẫn trong khói đó là tanh, là nồng của mẻ, mắm tôm, là mùi hôi, mùi lờm lợm... đến nỗi có cái gì lên xuống trong cổ họng, ấy là không kể còn kèm theo thanh niên chăng tay qua đường để giữ xe, còn có mấy cô gái mặc quần ngắn mời chào cái món... chả chó.

Lại còn có những thứ mùi không có khói kèm theo, như mùi những chiếc xe buýt xe lam, sàn xe nhớp nhúa, thành cửa sổ nhờn nhờn vì người khách chuyến trước say ô tô kề miệng vào đó. Tay vịn thì gỉ, ghế ngồi thì có đủ thứ vết dép đến... Mùi phòng đợi tầu ở nhà ga ghế ngồi không được lau rửa, sàn nhà mà ít khi cọ rửa sạch. Mùi những đống rác lưu cữu có chuột chết, bã cua thối, hoa héo, rau rữa, vỏ dưa ủng, lông gà, vịt lẫn cái diều đầy bánh đúc nhồi đã trương lên... những thứ mùi ấy ai chả từng phải biết qua, đưa nó vào phổi. Có lẽ đó là mùi đặc trưng của thành phố, nó còn phảng phất bay lên ở một số ngoại ô, khu chứa rác của thành phố, khi nó chưa hoai ra, khi có những trẻ em cầm cái móc sắt, moi ruột nó ra, lấy cả những miếng xương nhừ trong nồi phở, mà người ta đã vứt đi...

Nói đến chữ MÙI hình như có một cái gì thô lậu, người quí phái phải bĩu môi, ngoảnh mặt. Chữ HƯƠNG mới là thanh tao, lịch sự thoát tục. Nhưng trong đời thường có vui phải có buồn, có

tình yêu phải có chán ghét, có thủy chung cũng có phản bội, bên cạnh ngọt ngào là cay đắng. Có hương thơm mía nướng cũng có tanh cá mè ranh. Nhiều khi những mùi và hương ấy lẫn lộn, khó tách bạch. Sở thích từng người cũng khó có thể áp đặt cản ngăn. Có người thích hoa sữa nhưng có người không chịu được nó vì nó quá nồng, nhất là bên cửa sổ có cây hoa sữa xòa cành. Mùi hoa sữa tựa tựa như mùi quả doi chín pha lẫn với mùi bã cua chưa để lâu lắm. Nhà sưu tập Chiêu Dương thích trồng mấy cây cau lấy hương hoa hơn là lấy quả. Nhà thơ Trần Lê Văn chỉ có vài nét mét vuông sân cũng cố trồng một gốc bưởi để gọi mùa xuân về trong hương hoa dân dã. Nhà thơ Chu Hà trồng được mấy khóm quỳnh, khi hoa nở, ông đem tặng tất cả bạn bè để được vui chia hương thơm với mọi người.

Hoa sữa phố Nguyễn Du, phố Trần Hưng Đạo đã đi vào nhiều bài hát bài thơ. Nhưng nhiều người không biết rằng trước đó, nó đã được đưa lên kịch thơ, trong một màn trữ tình đầy chất thơ Hà Nội, hoa sữa là thứ hoa tình yêu mà. Phố Phan Đình Phùng đêm thu, hương hoàng lan như trong hương ma quái của hồ ly tinh trong truyện "Truyền kỳ mạn lục", như hồn hoa hiện lên nhảy múa và hớp hồn những kẻ si tình... Hoa ngâu, hoa hồng, hoa cúc, hoa loa kèn, hoa huệ, hoa nhài, mỗi hồn hoa có một kiểu thơm riêng. Thứ kiêu sa, thứ đa tình, thứ kín đáo, thứ mộc mạc, thứ khiêu khích... tuỳ từng người mà nó là tri kỷ hay không.

Có điều hương thơm của muôn loài hoa, của thiên nhiên, nhất là nơi bát ngát bao la như cánh đồng có hương sen... bao giờ cũng dễ chịu hơn những thứ mùi do con người tạo ra. Có thể ý kiến này là chủ quan, nhưng hình như ít ra nó cũng đúng phần lớn.

Thành phố có những gia đình sống trong những căn phòng chật chội, phía sâu ở bên trong nên có những ngày u ám, cống rãnh

xông lên, toàn mùi khí mê tan, đến tức thở, vì nào cơm thừa canh cặn dắt vào khe gạch, nào xương cá, nào nước rửa bát lưu cữu, nước xà phòng giặt quần áo đọng lại... Trong phòng thì mùi chạn bát, kể cả mùi những ông khách bà khách ở xa về, đi một ngày đường, đến tạm trú, nhưng chưa được rửa ráy tắm giặt. Mùi ấy có lẽ còn dễ chịu được hơn là mùi tanh tưởi, lạnh lẽo của nhà xác, suốt ngày đóng cửa, ta là người đầu tiên mở cửa hôm ấy, gió mang mùi tanh ấy ùa vào toàn bộ con người ta. Cho nên có người nói đùa rằng ở đấy có những con chuột chỉ chạy ba chân. Còn một chân nữa đâu? Xin thưa để chúng giơ lên bịt mũi. Nó cũng bịt mũi khi có những bàn chân đi dép cao su hoặc bít tất mấy ngày không thay, mà cứ khoanh bằng tròn, ngồi trên giường ăn cỗ. Cỗ có ngon đến mấy cũng là đồ bỏ.

Xin bạn đọc lượng thứ nếu những dòng trên đây nhiều thô thiển, nói những điều không đáng nói. Nhưng biết sao, bởi đó là sự thật. Mà đã là thật thì có lý gì cứ tránh né nó? Chả lẽ gặp quả cà kháng, lại bảo nó là cà ngon ư?

Có nhà văn đã nói: Hãy gọi đúng tên của sự vật. Cho nên nhắc đến HƯƠNG và MÙI thì đành phải nói đến chúng vậy, dù người viết cũng chả muốn tí nào.

1993

Sắc xuân hương tết

Tết là cái mới. Xuân là niềm vui. Cái mới và niềm vui ấy hiện ra thành sự thật những hương vị sắc màu. Cùng với sắc màu hương vị ấy là những ước mơ tốt lành tươi đẹp của một vòng quay đất, vòng quay tâm linh con người được hy vọng chờ đợi, được hồi hộp sung sướng.

Những điều kiêng kỵ phải chăng là mê tín? Không hẳn. Đó là kinh nghiệm, là ấn tượng của bao đời truyền lại. Nếu màu đỏ là tượng trưng cho tưng bừng, rực rỡ, phấn khởi say sưa khoáng hoạt trong hoa đào, trong câu đối, trong xác pháo hồng, trong bao mầu hoa khác, trong cả cái lạt đỏ gói trên nền lá xanh bánh cốm bánh chưng... thì tết đến, người ta ai cũng thấy cần kiêng màu đen, màu của tang tóc rủi ro, mầu của buồn đau chết chóc, mầu của bệnh tật xúi quẩy... Có lẽ trừ nhang đen có màu tự nhiên như thế, và có hương thơm lạ lùng không có gì thay thế nó, nên nhiều gia đình phải dùng nhang đen để có cái tết dân tộc hoàn toàn.

Nếu những lời ngọt ngào niềm nở thốt ra từ khuôn mặt, cái miệng tươi tắn đằm thắm là câu chúc nhau hạnh phúc, đẹp lành tấn tới thì ai cũng kiêng những lời tục tĩu, dữ dằn, độc địa trên khuôn mặt khó đăm đăm, trên đôi môi cau có. Chẳng hạn câu mắng: "Khỉ" ai cũng kiêng không nói trong những ngày tết. Nghĩ cho cùng oan cho con khỉ. Nó có tội chăng hay chỉ vì khuôn mặt xấu xí nhăn nhở của nó.

Màu trắng trinh bạch của hoa mai có cái đẹp riêng, tinh khiết nhẹ nhàng thì màu đỏ của hoa hồng, hải đường, thược dược, mặt trời... đặc biệt là hoa đào, sẽ mang là niềm vui, niềm tin, cái đẹp, ấm áp, nồng đượm.

Mùa xuân đồng nghĩa với hoa. Hoa trăm màu nghìn sắc. Mỗi màu mang một ý nghĩa riêng, xanh hy vọng, tím thủy chung, vàng say đắm, tím thẫm trung thành, trắng tinh nguyên, hoàng yến mơ mộng... tất cả đều là ước mong của con người, là hy vọng cái hay, cái tốt lành, cái đẹp đến với cuộc sống, xua đi cái hắc ám tội lỗi, cái ảm đạm, u buồn do những tên bất lương, những thế lực đen tối định áp đặt cho con người.

Mâm ngũ quả đâu chỉ riêng là cây trái vườn nhà. Đó là sự sum suê kết tụ. Hương thơm của bưởi, của cam, ngan ngát của quả phật thủ, màu đỏ của trái cà chua, trái ớt, màu vàng đậm của cam sành, vàng chanh của bưởi, xanh ngát của nải chuối xanh... màu ấy, hương ấy như một máy phát sóng, loang ra trong không gian gia đình, trong thời gian xuân tết, cùng với hương trầm, hương vòng, ánh nến lung linh trong chiếc đèn lồng đỏ...

Mâm ngũ quả trên bàn thờ thật trang trọng mà cũng bình dị. Hoa trái ngày thường thôi, nhưng được nằm trong mâm ngũ quả nó thành thiêng liêng, thành tượng trưng cho tấm lòng thành của con cháu đối với ông bà tiên tổ...

Thủy tiên hoa là sang trọng, đài các thì một chậu cúc vạn thọ lại dân dã, dễ kiếm. Hoa păng xê mỏng mảnh nỗi niềm tưởng nhớ thì tròn đầy cây quất là ước vọng của mọi người, mong chĩu chịt la đà.

Tết và xuân, đâu chỉ là ăn cỗ. Những món ăn tinh thần còn cần cho con người lắm chứ dù là ở thị thành tấp nập nhiều phương

tiện văn hóa hay vùng nông thôn hẻo lánh xa xôi thiếu thốn ngàn đời. Thú chơi tao nhã hay thông dụng, di dưỡng tinh thần hay giải trí cấp thời, đều đến với tết để con người được một lúc thăng hoa trong niềm vui và hạnh phúc.

Hương lá mùi già cứ ngây ngất trên da mặt trong làn tóc, thì màu xanh lục của bánh chưng, màu đỏ cánh sen của hoa hải đường cũng quyến rũ, khi cái vị chua dịu của dưa hành vàng rộm, giòn như một âm hưởng xa xôi. Cà cuống ơi... Hạt tiêu đợi chờ đây. Miếng bóng bì vàng ngậy xốp, mềm như thạch. Cái mũ nấm hương nâu đậm thơm xa như cái vẫy tay của người đang mất hút phía chân trời. Tết đấy. Nó là một phần của cuộc đời đầy hấp dẫn say mê trong bình yên, trong tuổi xuân hạnh phúc.

Hồng lên hõi má thiếu nữ. Xanh lại hỡi tóc trung niên và thơm mát của làn da con trẻ làm ta muốn nâng bàn chân đỏ hồng ấy lên đặt một nụ hôn vào đấy.

Nhận từ bàn tay già nua nhăn nheo của mẹ mấy đồng tiền gói trong bao giấy đỏ hồng điều, sao mà rưng rưng cảm động. Mẹ đâu còn làm ra tiền thế mà không biết dành dụm từ bao giờ, mẹ vẫn cầu mong cho ta đầy đủ ấm no. Ta đã lớn. Mẹ càng già, nhưng lòng mẹ thương con chả bao giờ nguôi vơi một chút nào đâu. Đội ơn mẹ ngàn lần? Cả đời con, cả trăm cái tết, con vẫn không hiểu hết, không đi hết được tấm lòng như suối nguồn vô tận của mẹ cho con.

Em yêu. Hãy ra đường cho mưa lây phây đậu lên mái tóc. Mưa như phấn như hương, như ngọc li ti, như câu nói không lời, như dư ba không đứt. Cho anh nắm tay em, mối tình đầu và cũng là mối tình cuối của cả đời anh.

Chắc hôm qua em đã đãi đỗ nấu chè gói bánh, nên hôm nay da tay còn trắng bợt. Miếng bánh dền ngon như lời em nói. Miếng

chè ngọt sắc đáy lòng. Em là mẹ của con anh, những phiên bản của cả anh và em, không thể nào phân chia nổi, bởi tình ta là mùa xuân, ta đâu có dễ nói xuân đến cụ thể từ lúc nào, như thế nào.

Xin được thắp lên ánh nến trong giờ phút thiêng liêng này. Hơi ấm đêm xuân, bóng ông bà tổ tiên bảng lảng bay về cùng con cháu trong khói hương, trong màu hoa, vị ngọt...

Nếu em không uống rượu sợ quá hồng đôi má, sợ long lanh đôi mắt xin cùng em nhấp một chút trà sen mang hương vị mùa hè quê hương, hoặc một ngụm trà hạt có vị gừng. Gừng cay muối mặn mà, em ạ.

Ta đi qua ngày thường có xanh đỏ tím vàng đen trắng, có cay đắng ngọt bùi mặn chát, có nồng ngát thoảng đưa... Nhưng phút xuân về là khi ta lắng nghe tâm hồn, nghe vũ trụ thấm vào ta, kết tinh thành cái mọi người gọi là cuộc đời. Xin được có một lời chúc mọi người xuân mới bình yên hạnh phúc.

1991

Ăn thịt gà

Con gà là gia cầm quen thuộc với mọi người, nhất là người nông dân, ngoài cấy trồng, thì chăn nuôi là quan trọng.

Gà chủ yếu nuôi lấy thịt, lấy trứng. Đôi khi mới làm gà chọi. Thịt gà ngon, dễ chế biến, làm nhanh, phù hợp với những bữa tiệc long trọng, những ngày tết, lễ lớn, giỗ chạp, nhưng cũng thuận tiện khi nhà có khách, một vài người, chỉ cần bữa cơm tươm tất. Con gà là được.

Đến chơi nhà ai, cơm gà cá gỏi là sang rồi. Gà luộc là chính. Tuỳ nơi, mà luộc thật chín hoặc luộc lòng đào, cái ống xương còn nguyên màu đỏ. Thịt luộc chặt to, vuông vức, không được bong da đặt trên đĩa thành hình khum khum như mai rùa, màu da vàng rộm hướng lên trên cho ngon mắt.

Ở miền núi, nhiều gia đình nuôi hàng đàn, trăm con, gà thiến lưu niên. Đĩa thịt gà bao giờ cũng phải đủ miếng đầu để nguyên mỏ, chân đủ nguyên móng, để ngầm cho khách biết đó là con gà, chứ không phải con chim rừng nào. Nhưng riêng hai cái đùi lại cho trẻ ăn trước rồi.

Thịt gà không thể thiếu một gia vị đi kèm: lá chanh thái chỉ. Sợi lá chanh nhỏ như tóc, điểm xanh ngát trên da gà vàng tươi, trông đã ngon mắt, mà ăn có vị thơm, thật thú vị.

Miền xuôi, nhiều gia đình khi mổ gà, cũng hay dành hai cái tỏi cho trẻ ăn ngay dưới bếp, bởi thịt gà chặt, thường có xương vụn mà *"hóc xương gà bằng sa cành khế"*. Gia đình có bậc cao niên thường có đĩa riêng, mấy miếng thịt nạc xé nhỏ, nhưng các cụ cũng không hào hứng lắm bởi hay bị rắt răng. Lại có nhiều khi làm thịt gà to, thường lột lấy khúc da cổ, làm món nhồi. Nhân là nấm hương, mộc nhĩ, thịt nạc, gan... Đĩa gà nhồi, có những miếng thái hình tròn, thật hấp dẫn, lạ miệng, tuy phải cầu kỳ.

Nước mắm ngon đến đâu như nước mắm chắt mà chấm thịt gà cũng là đoảng vị. Có thời kỳ người ta phải chấm thịt gà bằng nước mắm cáy, bằng tương, thật phí cả thịt gà. Ngon nhất là đĩa muối, chanh, hạt tiêu. Hạt muối có khi vào đầu lưỡi mới bắt đầu tan, tăng thêm vị đậm nơi chân răng, mặn mà trong cảm giác, nó làm tăng giá trị của miếng thịt gà không béo quá, không dai, không nát...

Có người thích ăn thịt gà sống thiến vì thịt nó chắc, nhiều mỡ, khổ mỡ dầy, vàng ngậy, không ngấy, con gà sống thiến thường to, ngả được nhiều món.

Nhưng lại có người chỉ thích ăn gà giò, gà mái ghẹ, đúng như câu ca: *"Cau phơi tái, gái đoạn tang, chim ra ràng, gà mái ghẹ"*. Con gà mới nhảy ổ lần đầu, cái ghim ở bụng toàn sụn, thịt mềm, ít mỡ, không ngấy, chỉ đủ một đĩa, cổ cánh nấu măng hay bí, lòng nấu miến, một bữa là đủ, không thừa không thiếu.

Con gà mái ghẹ chưa kịp cứng mình, thịt cũng không nát, không còn tanh, nó đúng là vào độ "vừa đủ", không thái quá cũng không bất cập.

Món thịt gà luộc phổ biến đến nỗi bữa cỗ mà không có thịt gà dù có giò lụa chả quế, chim hầm, cũng vẫn bị coi là cỗ xoàng, cỗ dúi. Thịt gà trong bữa cỗ cũng không thể đặt như trong bữa cơm thường. Phải bày ngửa, rồi lật úp sang đĩa khác, miếng da gà nổi bật lên, đĩa cổ cánh bày riêng cho "mấy ông nhắm rượu". Trông đĩa

thịt gà đúng là mai rùa, khe miếng nọ khít với miếng kia, như vân trên cái mai. Miếng thật to, da còn nguyên vẹn, vì thế mà chặt thịt gà, dao phải thật sắc để da không bị bong và nước ngọt trong thịt không bắn tung tóe ra ngoài.

Còn lưu truyền một câu ca dao vui, dù hơi châm biếm:

Thịt gà, cơm nếp, đàn bà

Cả ba thứ ấy đều là dùng tay

Cơm nếp nắm chim chim mà ăn, quả là ngon hơn cứ để trong bát, dùng đũa mà xắn. Thịt gà cũng vậy, cầm lên mà gặm, nhón bằng hai ngón tay mấy sợi lá chanh... thú vị lắm chứ. Còn thứ kia, thì xin để mọi người chiêm nghiệm.

Con gà để cúng trời đất đêm giao thừa, trêm mâm đặt lộ thiên cũng như con gà cúng tổ tiên, phải để nguyên con, tư thế nằm phủ phục phải là gà sống hoa, cái mào cờ đẹp hơn mào xít, đôi chân quặp vào trong lòng mổ moi, và trên cái mỏ còn nguyên có một bông hoa bồng quế, hồng lam, mới là phải lệ.

Có những vùng, vào hội làng, có tục thi gà cúng thần. Con gà được chăm sóc từ đầu năm trước. Khó nhất là luộc. Con gà phải ở tư thế đứng, hai cánh xoè ra như sắp bay lên, đầu và cổ nghểnh cao. Vì vậy con gà phải uốn vào khung tre, buộc chặt và luộc bằng cách đặt năm sáu cái nồi ba mươi, nước sôi, nhiều người thay nhau, dùng gáo dội, cho đến khi con gà chín mới xong. Công phu, nhưng việc cúng thần đâu có thể sơ suất, cuộc thi đâu có thể coi thường, giải thưởng tuy nhỏ bé nhưng đâu có thể tuỳ tiện. Vinh dự là to; cái tiếng, cái danh là quan trọng trong làng ngoài nước là thế.

Ngày thường, người dân thường không phải ai cũng ngả con gà ra mà ăn. Nuôi gà để bán là chính. Chỉ giỗ tết hay có khách khứa mới mổ gà, nên thịt gà đồng nghĩa với ăn sang.

Ngoài thịt gà luộc, con gà được chế biến thành nhiều món khác. Gà rán khoai tây xà lách. Miếng thịt gà đã ngâm tẩm, rán lên có màu nâu, đặt dưới những lát cà chua hồng, có hình bánh xe, còn rõ hình nan hoa, ruột và hạt bỏ hết, có khi là dưa chuột hoặc chanh tươi thái thật mỏng. Dưới những thứ ấy là rau xà lách nhặt kỹ, tầu trắng, tầu xanh, cuộn tròn, uốn cong đựng đầy tươi mát thêm mấy khoanh trứng luộc. Trên cùng là rau húng, rau mùi, hành chần... Đây là món sang trọng, là cái tài của mấy bà nội tướng giỏi gia chánh...

Gà hầm hạt sen, ý dĩ, cốm... Gà tần gạo nếp, nấm hương mộc nhĩ... là món đặc biệt chủ yếu xuất hiện ở các thành phố lớn. Khách đến chơi, ít có thì giờ làm món này, bởi cầu kỳ, hầm, ninh khá lâu. Gần đây nhiều hàng gà tần xuất hiện, mua ít mua nhiều, ăn tại chỗ hay mua về cũng tiện, nhưng ngon thì cũng chỉ "thường thường bậc trung".

Gà xé phay là món khá ngon của đồ đệ Lưu Linh. Con gà luộc, gỡ ra, xé nhỏ, trộn cùng nhiều loại rau ghém: giá đỗ chần, rau chuối, xà lách, lá chanh, hạt tiêu, chút dấm, chút đường, mỡ nước...

Tết, trời rét nhà nấu nồi thịt đông. Ngon tuyệt, nhất là cái mát lạnh của nó trên đầu lưỡi, gai gai cả chân răng. Thịt lợn là chủ yếu. Nhưng muốn thật ngon, cũng không loại trừ cho vào đây mấy mảnh thịt gà, dù là hơi già. Thịt gà nhừ tơi, cái xương cũng có thể nhai được, và miếng thịt đông, mặt trên mỡ đặc trắng ngần như da cung phi, phía dưới là thịt là mỡ, lẫn trong những hình khối nước đạm, đã đóng lại như thạch trắng, như pha lê mờ, như ngọc chưa dũa...

Có nhà giầu còn cầu kỳ, gói giò bằng thịt gà, nhưng xem ra khó đọ được với giò lụa, hơn nữa quá lách cách. Có lẽ chỉ là một thú chơi hơn là một món ăn thực tế.

Tuỳ sở thích, thật ra ăn miếng thịt lườn, thịt nó chua, nó bã, không thể ngon bằng cầm cái cánh mà gặm, miệng nhai tai nghe, nhằn xương nhai rau ráu, ê cả răng, cái ê thích thú như được trả thù một kẻ vô hình trong cái sần sật khoái cảm.

Người phụ nữ chủ nhà muốn cho chồng con ngon miệng, đổi cảm giác, còn làm món thịt gà rang chua ngọt, gắp lên, sợi đường vương vấn, tựa một thứ tơ ngó sen, hoặc rang gừng còn ít nước sền sệt cho trẻ trộn cơm. Tài đấy, khéo đấy, đảm đấy.

Cách đây dăm chục năm, nhà văn Thạch Lam còn chỉ thích phở thịt bò mà chê phở thịt gà là nhạt nhẽo. Nay phở gà phổ biến. Cái mới đã thắng. Mươi năm trước, phở gà chặt miếng, nay thịt gà được gỡ hết xương đã thành nếp quen. Nhưng cũng có nhiều người ăn phở lấy chất, nên còn gọi thêm cái cổ, đôi cánh hay cả cái đùi, chặt to, nào nhai, nào gặm, nhồm nhoàm, xuýt xoạt, nước mắt nước mũi ròng ròng. Nhân tâm tuỳ thích. Người ta có tiền mà.

Lại nhớ câu "Ăn chân gà run tay". Đó là cái lý của mấy tay bợm rượu, thích gặm cái xương, nhai cái gân để đưa cay, nên dọa trẻ con là ăn chân gà run tay, chữ xấu, để dành về mình cái món kê cân có từ trong Tam Quốc ấy. Cháo gà là món ngon, mau lại sức, nhất là với người ốm hoặc phải thức khuya.

Các nhà dinh dưỡng học kết luận thế nào không biết, còn thực tế, gái đẻ ăn gà giò hầm tam thất nhất định là mau lại sức hơn cô gái đẻ nghèo chỉ ăn nước mắm chưng hàng tháng. Mà thường, người mẹ nay được làm bà ngoại, bao giờ cũng thương con gái, cái lồng có mươi con gà giò kia chính là tự tay bà xách đến cho con.

Con gà đã đi vào cuộc sống xã hội, bất kể giàu nghèo sang hèn. Giàu thì ăn luôn, nghèo thì thưa thoảng, chứ không ai là chưa một lần được ăn thịt gà. Yến sào, óc khỉ ít người được ăn, còn thịt gà quả là thông thường, ai chả biết.

Đã thành nếp sống, không ai ăn tiết canh gà cũng như không ai ăn thịt gà với rau kinh giới. Nó kỵ nhau chăng? Nó mang lại bệnh tật chăng?

Con gà đã đi vào tục ngữ ca dao khá nhiều. Ai chữ xấu bị gọi là "chữ như gà bới". Anh nào không đứng đắn, thường lấy câu làm răn: "Bụt trên tòa sao gà dám mổ mắt".

Nay ngoài cái giống gà ta thịt ngon, đẻ mắn, dễ nuôi như gà Ri, gà Đông Cảo, gà Hồ ... đã xuất hiện con gà công nghiệp. Loại này ngơ ngơ, đứng không vững, không biết tự tìm thức ăn, thịt lại nát, nhạt, trắng bệch, ngay quả trứng cũng không được màu đỏ. Xoàng.

Trong đời sống, tuỳ phong cách, tuỳ địa phương mà có nhiều kiểu cách ăn thịt gà khác nhau. Thi sĩ Tản Đà nhất định không ăn thịt gà nếu không có lá chanh, ông thà chỉ ăn rau còn hơn.

Ở Hải Hưng nhiều người thích gà rang gừng. Hà Nội thích gà tần, Gia Lâm có tục luộc gà phải còn lòng đào. Ai luộc chín trắng ra là bị chê ngay.

Xem thế đủ thấy trong nghệ thuật ăn uống, ngay đối với loại thực phẩm quí như thịt gà cũng không ai giống ai, không thể áp đặt, không thể bảo người khác là: "thực bất tri kỳ vị".

Năm nay, năm con gà. Xin chúc mọi người có nhiều gà để mừng cái năm chắc chắn tiến bộ hơn này, và phong trtào VAC, có nội dung nuôi gà ngày càng phát triển, giống như chuyện vui: Chủ nhà mời khách vào mâm, có thịt gà, nhưng vẫn nói: Xin mời các ông anh dùng tạm bữa cơm rau... Khách đáp luôn: Món rau biết kêu quang quác ấy.

1992

Thuốc lá !

Điếu thuốc lá mời nhau là lịch sự hay là sự đút lót đầu tiên rẻ tiền nhất? Người không hút, nhưng có việc phải đi giao dịch ở một vài nơi nào đó, cứ phải "thủ" một bao thuốc trong túi, trước khi nói chuyện, phải mời thuốc đã, để mua chuộc cảm tình chăng?

Lâu nay tiếp khách cấp trên, tiếp đoàn tham quan, tiếp ban thanh tra, tiếp người định biên phạt, lập biên bản về mình mà mời *Du lịch, Bông Sen,* chỉ có chết. Rút bao *Hêrô* còn tàm tạm. Tốt nhất là loại hảo hạng 555 hoặc *Dunhil* mới được.

Nhìn một người hút thuốc, bao thuốc loại gì, thuốc có cán không, có thể đoán được người đó thuộc hạng người nào. Dù rằng đôi khi ta có thể nhầm lẫn, chẳng hạn nhà thơ nổi tiếng quốc gia vẫn cứ hút *Sông Cầu,* và anh cán bộ vẫn hút thuốc có cán nhưng thuộc loại cán... mai táu.

Mấy cụ già về hưu, lương tính ra chỉ đủ mua dầu, đong gạo, mua muối, trả tiền nhà máy nước... nghĩa là ăn cơm với muối cho khỏi đứt bữa, nên đành bỏ thuốc lá, nghĩa là tích cực chống ung thư, chống ô nhiễm môi trường một cách tự nguyện... Các cụ rất ngạc nhiên khi đi đâu cũng thấy người ta hút *Ba số:* Bữa nhậu là *Ba số,* mời nhau là *Ba số,* thanh niên rủ nhau vào quán là *Ba số.* Nghĩ cũng tủi. Đi theo cách mạng hơn ba chục năm, khi về hưu,

tính ra lương tháng chỉ đủ mua được mấy bao ba số. Suy rộng ra, xã hội ta hiện nay có bao nhiêu người sống ở mức như các cụ về hưu, vậy mà đáng ngạc nhiên đến tròn xoe mắt khi đi đâu, từ hang cùng ngõ hẻm, đến những thôn xóm hẻo lánh, bản làng heo hút... người ta đều gặp những bao thuốc lá hộp cứng của đủ các nước trên thế giới có mặt, như một đạo quân khói, cứ um lên, kỳ lạ thật.

Những ai đón đội quân xâm lược này? Ông bí thư, ông chủ tịch? Anh kế toán trưởng, ông chủ nhiệm? Mấy cậu thanh niên sau một ngày gánh phân, đốt hai điếu thuốc lá là một ngày công? Còn ở thành phố thì khỏi nói. Học sinh, dân bụi đời, anh thường trực, chú bé bơm xe cho đến ông già giám đốc quỹ tín dụng, bác lái xe và có lẽ đủ mọi người làm đủ mọi nghề, cả những người chỉ sống bằng lương Nhà nước.

Thời trước cách mạng cách đây khoảng nửa thế kỷ, hầu như toàn bộ nông thôn bao la, không ai hút thuốc lá. Chỉ thuốc lào. Nông dân lực điền dùng điếu cày. Ông lý, ông xã dùng điếu bát, ông lục sự ông quan huyện dùng điếu ống. Câu ca: "Nhớ ai như nhớ thuốc lào, đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên" mấy ai không thuộc. Không thấy ai nói đến: "Nhớ ai như nhớ thuốc lá...".

Chỉ có ở thành thị, mấy ông công chức ký lục, thông phán, dân bắt tê, tài xế, cảnh binh, nhà giàu, dân buôn... mới hút thuốc lá. Điếu thuốc lá cũng dán nhãn giai cấp hẳn hoi. Dân nghèo thì hút Job xanh, Job đỏ, có tiền hơn một chút thì Bastos xanh hoặc tím, mặc quần áo sang thì hút Mélia vàng. Loại quan lớn có cửa hiệu to thì hút Camen (con lạc đà), Philip, Caraven "A" (con mèo đen). Và nhiều người hút nhất là Cotab, một loại thuốc thơm tuy đắt nhưng không đắt lắm, và có chất lượng hàng chục năm không bao giờ giảm. Ngoài ra cũng còn nhiều thứ khác nữa như Capstan hộp cứng 10 điếu, Garic điếu rất mập. Aviator có hình máy bay...

Mấy nhà nho lớp cuối cùng hoặc dăm bà mệnh phụ mặc áo gấm còn hút thuốc lá sâu kèn, là thứ thuốc cuốn khá nặng, quấn tay, như hình con sâu kèn, hút xong còn cái đuôi, có người dính nó lên vách hoặc cột nhà, như một thứ kỷ niệm, một hình trang trí.

Sau năm 1954, ngoài một vài thứ thuốc lá ngoại như Trung Hoa Bài, Đại Tiền Môn, thì ta đã sản xuất nhiều loại, chủ yếu là thuốc không thơm, từ Thăng Long, Hoàn Kiếm, Sông Hồng, Hồ Tây, Thủ Đô, Điện Biên, Bông Lúa, Tam Đảo, Cửu Long, Trường Sơn... Phù Đổng.

Thuốc lá có là một bệnh dịch không? Có người bảo cai thuốc lá rất dễ, đã bỏ đến mười lần, và lại hút. Ai cũng thấy là hút có hại, nhưng ngày càng có nhiều người hút và hút nhiều. Vui hút, buồn hút. Được người yêu nhận lời ngỏ: hút. Bị người yêu phụ bạc: hút. Thành công cần ăn mừng: hút. Thất bại cần an ủi: hút. Nhà có đám cưới: hút. Nhà có người chết: hút. Ngày lễ, ngày Tết, sinh nhật: hút. Ngày đi xa trở về: hút. Người ta có đủ loại lý do để lúc nào cũng hút được.

Nói như nhà văn Gamzatốp: "Thánh Alla trước khi xuống chiếu cho quần thần cũng phải giở túi thuốc cuốn một điếu rồi mới phán..."

Thánh Alla còn hút thuốc cuốn, tức là còn tiết kiệm. Nhưng còn chúng ta, khả năng kinh tế ngày nay đã cho phép thả cửa đốt thuốc sang loại nhất chưa nhỉ? Tiền đâu mà hút như vậy? Những ai tiếp tay cho thuốc tràn ngập nước ta? Chuyến xe vòng vèo đường ngắn đường dài, chở hết kiện này đến kiện khác, lãi bao nhiêu? nộp thuế bao nhiêu? đã những ai xây nhà, sắm xe bằng lãi ấy?

Thuốc nội đang ngắc ngoải dù có hàng trăm nhãn thuốc. Kinh thật. Đủ loại bao mềm bao cứng, nhãn tiếng ta thuần, nhãn lai tây,

lai Mỹ, thuốc không cán bằng bông rơm... có bao bạc, không bao bạc, có giấy bóng kính, có giấy ni lông ... Có cả thứ nhãn tiếng tây cũng có nghĩa hệt nhãn đã có bằng tiếng ta, nhưng có lẽ tiếng tây hấp dẫn hơn nên người ta đổi đi, thay thế vào để câu khách chăng, mà thực ra chất lượng thì còn kém cả nhãn tiếng ta, khét lẹt, nặng khiếp và hôi xì... Và còn lớn tiếng rằng xin quý khách hãy coi chừng có kẻ làm giả thứ thuốc này của chúng tôi. Một kiểu quảng cáo gà đẻ gà cục tác chăng?

Đã qua rồi chỉ có một thứ thuốc lá độc quyền nên bao thuốc chỉ có 18 điếu, có bao điếu bị gấp, điếu chỉ có giấy không, có điếu có cả mẩu giây thép, mảnh củi con, cái chân con gián, châm lửa là nổ lép bép như pháo hoa cà hoa cải... Bây giờ mà làm ăn kiểu đó chắc sập tiệm. Thuốc lá cũng như que diêm, cứ nổ đánh đùng, theo kiểu cô con dâu cắn quả cà bắn vào má bố chồng, cô còn chữa thẹn: "May mà chưa bắn vào mắt đấy". Nhiều người lâu nay mặc quần áo bằng vải tổng hợp, cứ thấy lỗ chỗ thủng đó chính là kết quả của những mẩu thuốc lá và những que diêm kiểu độc quyền một thời.

Lại có điều vui. Chắc các nhà sản xuất thuốc nghĩ rằng thuốc lá có dính đến sông nước, hút vào nhẹ hơn, nên nhiều nhãn có cái tên có sông có nước như Sông Hồng, Sông Hương, Hoàn Kiếm, Hồ Tây, Thu Bồn, Cửu Long, Sông Cầu... Vậy xin quý khách cứ hút những thuốc lá có nước ấy đi. Chắc chắn không ung thư đâu.

Từng có một ông cửa hàng trưởng ăn uống, mua trữ một kho thuốc lá để mốc không bán. Khi mốc không còn cách nào khác là ông bắt mấy chục mậu dịch viên ngồi bóc ra sấy lại, cuốn lại. Nhưng vẫn ế. Thiệt hại tính ra bằng lương gần một nghìn người tính trong nửa năm. Ông vẫn không sao, lại còn được thăng chức, vẫn mặc may ô tiếp khách quốc tế.

Các thầy thuốc thường kêu to rằng nên bỏ thuốc lá. Nhưng tiếng kêu ấy như trong sa mạc. Bởi đây là mặt hàng được ưa chuộng, là thương mại, là lãi suất cao. Một vốn bốn lời. Từ sợi khói mỏng manh này mà có ông giám đốc đã cho làm hẳn ba cây số đường nhựa từ nhà máy về nhà riêng, tốn mấy trăm triệu đồng, và bao nhiêu cơ ngơi được dựng lên, bao nhiêu xe cộ đời mới đưa các ông chủ sản xuất thuốc lá đi vi vu mọi nơi, và đã có bao nhiêu nghìn con dê, con rùa chết trong những bữa đặc sản... Thuốc lá muôn năm. Ai dại thì chết. Trẻ con hút thuốc lá là tại chúng dại. Có ung thư thì tự nó sau này phải lo chứ. Còn bây giờ là thương mại, là lãi, là cần tiền mua vàng, ăn chơi xả láng đã. Vạn tuế thuốc lá.

Nó cũng giống như băng hình đen, nhạc kích động... đồ chơi tàn bạo, võ Tầu võ Nhật gây nên tâm lý đâm chém, là rượu, rượu nhẹ là bia... ai có con em thì giữ lấy. Thương mại tuốt, lãi tuốt. Mặc xác tương lai, thế hệ trẻ. Hiện tại là quan trọng. Doanh số là quan trọng.

Lại nhớ đến kiểu mời nhau thuốc lá. Có nước ai có thuốc người ấy hút, không mời ai. Còn ở ta, mời thuốc là lịch sự, là cần thiết. Lạc hậu rồi cái cái câu "Sông Cầu là đầu câu chuyện". Nay thì "Ba số nhí nhố cũng xong". Cứ phải là mời. Càng mời nhiều càng tốt. Mời xong, vờ bỏ quên cả bao càng tốt. Khác xa tác phong mấy cậu giầu lỏi nhưng bần tiện, mời thuốc lá nhưng lại "rút bất", đưa cho khách một điếu, rồi đút luôn bao thuốc vào túi mình. Chắc cậu này sợ khách rút liền hai điếu chăng? Sợ tốn chăng? Thật là một kiểu mời thuốc vừa khinh khách được mời là phường tham lam thô bỉ, vừa tự tố cáo mình là dân biển lận.

Hút thuốc lá có nhiều cái lợi. Nó giúp ta thông thương với thế giới, tiếp cận thế giới, giúp ngành thương mại phát triển, giúp các

hãng sản xuất thu được nhiều lợi nhuận - bằng vàng, giúp cho ngành y dược thêm việc làm như sản xuất thuốc ho, chữa bệnh về phổi về họng... giúp cho các ông bố bà mẹ, các bà vợ đỡ phải cất tiền đi vì đã có người tiêu hộ vào thuốc lá...

Thời đại văn minh, thuốc lá được thả nổi. Toàn dân hút thuốc lá một cách thoải mái. Ba số thành phổ biến, bao giờ đến "tận số" thì còn phải chờ, hoan hô thuốc lá. Vạn tuế thuốc lá.

Mùa xuân từ vườn nhà

Tết là một cái gì đó đặc biệt với những món ăn, những thú chơi, những nghi thức đặc biệt. Mùa xuân làm con người trẻ lại.

Trong những món ăn đặc biệt ngày tết, có một thứ không thể thiếu. Nếu thiếu thì nó như đám cưới thiếu cô dâu, món ăn thiếu muối, đêm hội thiếu đèn. Mà nó hầu như được sinh ra hoàn toàn từ sản phẩm vườn nhà.

Đó là mứt tết.

Tuỳ theo điều kiện từng nhà, mứt tết có mặt với nhiều cung bậc cao thấp khác nhau như người tri âm thích tiếng đàn của tri kỷ. Có loại mứt phổ thông vừa túi tiền tất cả mọi người. Có thứ thật sang thật hiếm. Có thứ cho người già, có thứ để trẻ em vui tết.

Một điều đặc biệt rất đáng nói là từ những sản phẩm của vườn cây, của đầm sen, của hoa trái, những bàn tay tài hoa, nhưng tâm hồn tinh tế Việt nam đã sáng tạo ra một món ăn kỳ diệu.

Hoa quả vườn nhà ăn tươi đã ngon, đã bổ, đã vui đã đẹp mắt đẹp lòng, khi được đem làm mứt thì giá trị của đất vườn đã được lũy thừa lên mấy lần cho mùa xuân thêm nồng nàn hương vị, cho cả những đám cưới cũng phải náo nức rộn ràng hơn.

Từ nhiều tháng trước tết, người ta đã chuẩn bị thu mua hoa quả để sơ chế hoặc phơi khô, chuẩn bị cho mùa mứt tết vào xuân.

Bánh đậu xanh Hải Dương, bánh gai Ninh Giang, bánh cốm Hàng Than... không thuộc diện mứt tết.

Đầm sen cho ta từ cái hoa cái lá, thanh ngó sen... Quí nhất là hạt sen đem làm mứt sen trần. Nó là món mứt cao cấp thuộc loại thượng hảo hạng. Cho cả tết và cho cả những đám cưới thanh lịch của những đô thành tao nhã.

Viên mứt sen tròn trịa, trông như viên ngọc màu vàng. Chỗ tâm sen còn một lỗ nhỏ, tưởng như đó là chỗ để xâu sợi chỉ vàng vào đó làm thành chuỗi ngọc đeo lên cổ cô gái xinh tươi. Nó còn óng ánh những hạt đường kết tinh nhỏ li ti như sương mai đọng lại. Viên mứt sen trần không cần nhiều đường để khỏi át mất mùi vị của nhân sen. Nó nhừ tơi mà không bục, không sượng. Nó tan ra trên đầu lưỡi.

Ăn mứt sen trần với chè búp, cái chát cái ngọt cái thơm hòa quyện vào nhau, làm ta không thể ăn vội vàng, ăn nhồm nhoàm như ăn thịt chó. Vừa ăn vừa ngẫm nghĩ để hương đồng quê, hương đầm sen, hương vườn nhà thấm vào thần kinh, khiến mùa xuân như vừa đến vừa múa xiêm y ngay từ ngoài cửa đầy hương.

Mứt gừng chỉ có thể nhấm nháp cho tê đầu lưỡi và ấm ran ran trong người. Có khi nó còn mang cả hình dáng sơ khai khi nằm trong lòng đất. Trời lạnh, nhấm một lát mứt gừng, thật sung sướng. Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau. Ca dao đã nói thế.

Quả bí thực sự sinh ra từ mảnh vườn quen thuộc của mọi nhà. Nhưng khi nó thành mứt thì tết không thể thiếu nó. Mứt bí là loại phổ thông, ngọt đến mức buốt ê cả răng. Thanh mứt bí hình con chì trong suốt được ngâm đường thành trắng tinh, để bên viên hạt sen, lát gừng... đĩa mứt có màu sắc và hình khối thật vui thật đẹp.

Viên trứng chim mới hấp dẫn tuổi thơ làm sao. Nó đúng là cái trứng con chim ri chim sẻ trên cánh đồng làng, trong cái tổ nhỏ nhoi ở đầu hồi nhà hay một cành bưởi cành nhãn nào đó.

Viên lạc rang bọc đường và bột, vừa ngọt vừa bùi vừa ngậy. Một vốc trứng chim bỏ vào túi lúc lúc lại nhấm mấy hạt, tuổi thơ mới thích làm sao.

Thứ mứt có màu đen huyền bóng lộn là mứt mận. Miếng mứt ươn ướt ngọt sắc như được tẩm mật ong, có những cái khía ngang thân quả đã ép sát vào nhau, nằm im lặng khiêm tốn trên đĩa mứt, làm ngón tay cứ muốn nhón vào đấy.

Mứt quất khác mứt mận ở hình ngôi sao bốn cánh, nơi mẹ hay chị chúng ta cầm con dao sắc, khía vào đấy cho chảy hết nước chua, ép cho dẹt xuống. Quả quất ăn tươi thì chua nhưng ăn cả vỏ thì lại ngọt mới lạ. Nó còn làm thuốc cho trẻ nhỏ. Cây quất tượng trưng cho sự thịnh vượng xum xuê. Quả vàng như đựng đầy ánh nắng mùa hè để tỏa hồi quang vào mùa xuân còn rớt lạnh. Miếng mứt quất vừa ngọt vừa hơi he he đắng, vừa thơm, vừa tê tê cảm giác. Ăn nó không ngấy vì quá ngọt như mứt khác... Mỗi hộp mứt thường chỉ có vài ba quả mứt quất, điểm xuyết thêm màu thêm vị, giống như câu thơ đẹp của Nguyễn Du: *Cành lê trắng điểm một vài...*

Phật thủ là loại quả quí hiếm và rất ngon, là loại cây khó ươm trồng ở vùng đồng bằng. Quả phật thủ trên mâm ngũ quả thơm suốt những ngày tết và thơm suốt mấy gian nhà.

Miếng mứt phật thủ là từng lát mỏng, bổ dọc thân quả, vẫn còn đọng hương vị man mác của rừng núi có sương giá lạnh, thơm rất xa mà cay cũng rất xa. Nó gợi nhớ đến thứ rượu "quăng trô" cất bằng quả ấy.

Mứt dừa là những sợi trắng muốt, vặn vỏ đỗ vì người ta nạo hoặc gọt theo vòng tròn quả dừa cùi. Có khi còn như cái lò so. Mứt dừa không ngọt bằng mứt bí, không sang bằng mứt sen trần, không cay như mứt gừng, không thơm như mứt phật thủ, nhưng có nó trong hộp mứt làm ta có cảm giác thêm được một mùi vị của vườn nhà, có bóng mát rặng dừa, có tầu lá như chiếc lược chải vào trời xanh mây trắng.

Vườn quê còn cho nhiều thứ quả khác nữa để thành món mứt tết. Mứt đu đủ dầy cộp, ăn hơi bục. Mứt xu hào chỉ là độn thêm cho hộp được đầy. Mứt cà chua cầu kỳ hơn nhưng không ngon lắm dù nó có màu sắc tươi tắn. Mứt cà rốt ăn hơi ngang, thường bao giờ cũng còn lại đến sau cùng.

Mấy năm gần đây, phong trào trồng táo được phổ biến. Táo được mùa. Ăn táo tươi là cái vui của các cô thiếu nữ và trẻ em. Tết đến người ta cũng có sáng kiến làm mứt táo. Những quả táo trở màu nâu đen, ngọt sắc, hơi dính tay, cũng là một món mứt ăn được, dù không sang không quí lắm. Có lẽ để thay thế cho quả táo tầu xưa kia, vỏ quả nhăn nheo nhưng là của hiếm, giống như trong thang thuốc bắc, có một hai quả táo tầu, trẻ em hay nhón ăn vụng trước khi được đổ vào siêu sắc thuốc.

Có nơi còn làm mứt khoai lang, mứt mãng cầu, mứt me, mứt sấu... mỗi thứ mang mầu riêng vị riêng, làm phong phú cho mứt tết, đổi khẩu vị cho người ăn tết. Cũng là cái hay.

Nhiều năm trước đây hộp mứt thế nào cũng có một quả hồng tầu. Đó là quả hồng khô, được ép dẹt xuống, khi ăn phải dùng nước sôi rửa sạch bột phấn đi. Miếng hồng dẻo như kẹo mạch nha. Đó là món mứt hiếm. Hình như ta chưa có ai làm mứt hồng khô từ quả hồng Hạc, hồng Lạng?

Hộp mứt bày trên bàn thờ, đặt trên bàn tiếp khách ngày tết, là một món ăn hay đã thành một thứ trang trí không thể thiếu được của ngày xuân. Nó có vị có màu có hương. Nó là một thứ đi kèm với bánh chưng xanh, câu đối, dưa hành, chè búp hoặc chè sen, điếu thuốc lá thơm...

Không hình dung nổi nếu tết mà gia đình lại không có một hộp mứt tết.

Thực ra nhiều năm trước đây, người nông dân nghèo đâu phải ai cũng có đủ tiền sắm tết. Đánh lừa cái lưỡi là món chè con ong, là chiếc chè lam, nấu bằng mật, còn vị chua chen vào vị ngọt.

Tuy vậy hiện nay nhiều người có tiền, tết đến bên cạnh hộp mứt là sản phẩm rất quê hương, rất Việt Nam, rất dân tộc, sinh ra từ vườn nhà... người ta còn khuân cả về những thứ quy gai xốp là những thứ không phải để ăn vào dịp tết. Không gì khổ bằng phải ăn những miếng bánh qui mặn hay ngọt, chẳng thơm mà cũng chẳng ngon, khi bụng mình đã lưng lửng nhưng chủ nhà cứ ấn vào tay bắt ăn bằng được: ăn lấy may.

Vườn quê, còn bao thứ quí. Hoa quả thời trân. Ăn tươi và làm mứt. Nói sao hết được sự giàu có phong phú của quê nhà, nói sao hết được tài hoa sáng tạo của các bà mẹ các chị chúng ta, đã để lại cho chúng ta những món ăn kỳ diệu ngon lành thơm thảo, không thể nào thiếu, không thể nào quên, mà nguyên liệu của nó lại rất đơn sơ quen thuộc. Hàng ngày ta gặp ngay bên cạnh gian nhà, luỹ tre, ruộng lúa... Đó là những khu vườn thân thuộc vậy.

1990

Con gà trong đời sống và trong văn hóa

Con gà đứng thứ mười trong hệ Can-Chi. Nó quen thuộc với bất cứ người Việt Nam nào, có lẽ đã được thuần hóa không dưới năm nghìn năm. Ở nông thôn, nhà ai chả có dăm ba con gà. Từ con gà trống thay cho chiếc đồng hồ buổi sáng, ban trưa, đến con gà mái đẻ mái ấp, và đàn gà choai, gà giò, nào hoa mơ, cánh tiên, gà trụi, mã mận, theo các giống gà Ri, gà Hồ, gà Đông Cảo...

Ngày lễ, ngày tết, giỗ chạp, cả khi nhà có khách ở xa đến chơi trong khi ông chủ tiếp khách ở nhà trên thì bà chủ, cô con gái hì hục ở dưới bếp, chuẩn bị cho con gà làm phận sự của mình.

Cỗ bàn, cưới xin, dù đủ cả giò nem ninh mọc, chả quế, chim hầm mà món thịt gà vắng bóng, cũng chỉ được coi là cỗ xoàng, cỗ dúi. Cơm gà cá gỡ (hay là gỏi - tuỳ người nói) là thịnh tình, là thượng khách. Có lẽ chỉ có một trường hợp duy nhất đãi bạn thật thân bằng cơm nguội cà thâm là Dương Lễ tiếp Lưu Bình.

Ăn hỏi rồi, chưa cưới, gặp tết đến, dù tết nhỏ hay tết Cả, nhà trai, anh con rể tương lai cũng phải mang lễ, thường là con gà sang nhà gái, sang nhà bố mẹ vợ tương lai, gọi là Sêu, Tết.

Tết xưa, duy trì hàng trăm năm, quà biếu tết là rất quan trọng. Bạn bè biếu nhau để thầm nói vẫn nhớ đến nhau. Bạn hàng biếu nhau để thắt chặt quan hệ làm ăn. Nhà cái họ biếu con họ để tiếp tục chơi những bát họ khác to hơn. Thông gia biếu nhau cho thêm thắm tình ruột thịt. Em phải biếu anh cả, coi như góp tết. Đặc biệt món quà biếu là bổn phận, là thiêng liêng, đó là môn sinh, học trò biếu thầy.

Đạm bạc thì chục cam Bố Hạ, chẽ cau, cân mứt, mấy bao chè. Khá hơn thì mấy cân gạo nếp. Trân trọng nhất có lẽ là đôi gà, gà sống thiến mới phải lẽ. Đây là nét ăn ở có tình có nghĩa, có thủy có chung của dân tộc ta, hoàn toàn không phải là hối lộ như quan niệm sai lệch của ai đó. Đây cũng là sự biết ơn, là tình cảm. Và thường ít khi không có lại quả, không có biếu lại, bằng một món quà khác có giá trị tương đương.

Người đem biếu vui vì làm tròn bổn phận, người được biếu vui vì mình được người yêu mến. Quà tết là tự nguyện, là phản ánh nhân cách, không muốn bị dư luận chê trách, thế thôi. Nhiều khi người biếu không cầu cạnh một chút gì ở người được biếu.

Có lẽ bào ngư, yến sào, óc khỉ... nhiều người đến tóc bạc cũng chưa được một lần ăn. Nhưng món thịt gà thì không ai là không biết, không ăn. Người giàu thì luôn luôn. Người nghèo thì thưa thoảng. Thành thị ăn nhiều hơn, nông thôn chỉ đôi lúc. Và cách ăn món thịt gà chế biến cũng khác nhau.

Ở thành phố, thịt gà thường làm thành nhiều món. Nông thôn, chủ yếu là gà luộc, lòng gan đem nấu miến hoặc cổ cánh nấu bí... Không ai ăn tiết canh gà, có nhiều người cho là ăn tiết canh gà dễ bị ho lao. Tiết canh vịt, tiết canh ngan lại không sao.

Thịt gà dễ làm, chế biến nhanh, ngả thành nhiều món cũng rất thuận tiện, dễ hợp với khẩu vị nhiều người, những khẩu vị khác nhau.

Phổ thông nhất có lẽ là gà luộc. Luộc thật chín - nhưng không nhừ - hoặc luộc lòng đào tức là xương ống còn giữ nguyên màu đỏ mới là ngon, tuỳ từng địa phương có thói quen ấy. Miếng thịt chặt phải to, chặt bé bị coi là thịt chuột và chủ nhân cũng bị coi là tiết kiệm quá. Miếng thịt gà không được bong da, phải vuông vức, đĩa thịt gà phải đầy đặn, khum khum bằng cách bày ngửa thịt gà vào đĩa rồi lật sang đĩa khác, màu da sẽ hướng lên trên, vàng óng, còn nổi cả "da gà", khi miếng thịt nọ khít vào miếng thịt kia, như cái mai con rùa, nổi rõ khe vân của nó.

Cổ, cánh, chân thường để riêng cho mấy ông nhắm rượu. Cụ già lại có đĩa thịt nạc, ít thôi nhưng xé cho nhỏ sẵn. Trẻ em thường được phần cái tỏi, có khi còn được cầm và gặm trước.

Gà rán khoai tây hơi khô, nhưng nhờ có xà lách, cà chua sống, khoai tây rán, trứng luộc cắt khoanh v.v... nên không ngấy.

Có thì giờ thì làm món gà hầm, gà tần với hạt sen, ý dĩ, cốm tươi, gạo nếp, mục nhĩ, nấm hương, thịt nạc... Cổ gà có khi được chế biến thành món nhồi, lạ miệng, đẹp mắt, sang trọng.

Để ăn cơm có món thịt gà rang ngọt, gắp lên chất đường vương vấn như tơ ngó sen, cũng có thể là thịt gà rim, hay rang gừng.

Còn nữa, gà xé phay, gà nấu đông, gà hầm tam thất, phở gà, cháo gà, bún xáo gà... tuỳ tài khéo léo của bà nội tướng.

Thịt gà luộc không thể thiếu lá chanh thái chỉ nhỏ như tơ tóc. Cũng chỉ hợp với đĩa muối hạt tiêu, chanh tươi. Cái món chấm này ngon hơn hẳn nước mắm chắt, hơn cả nước mắm dầm tiết gà, kiểu "nó chấm nó". Thiếu lá chanh, thiếu muối tiêu, thịt gà thành vô duyên, trơ trẽn, có thể làm người sành ăn hờ hững.

Con gà quen thuộc với mọi người đến nỗi nó thành hình tượng cho nhiều sự việc. Cái ống *"xoắn ruột gà"*, cái súng lục

thành *"tỏi gà"*. Vết nắng qua giại nứa soi vào nền nhà, gọi là *"trứng gà"*. Ai viết chữ xấu thì được ví với *"gà bới"*.

Bài đồng dao *Dung dăng dung dẻ* có câu: *Cho dê đi học, cho cóc ở nhà, cho gà bới bếp...* Anh nào không được việc gì, bị kêu là *"về đuổi gà cho vợ"*. Kẻ gian, hoặc có sai lầm lại cố tình kêu toáng lên nhằm đánh lạc hướng, thường gọi là *"gà để gà cục tác"*...

Xưa chàng nho sĩ chỉ mải ăn học, lười lao động chân tay, bị chế là *"trói gà không chặt"*. Đáng khinh là quân quen ăn bẩn, không từ cả người thân quen, người nghèo khó, nên được khoác cái tên *"gà què ăn quẩn cối xay"*.

Lĩnh vực tình yêu vẫn là điều bí mật lớn của nhân loại và tạo hóa. Chê ai, tìm ai là tiếng gọi mê mẩn của con tim chứ không của bộ óc, cũng không chịu được sự áp đặt bên ngoài. Con cụ tiên chỉ, con ông Lý trưởng, cậu tú, ông cử... cô gái kia vẫn không bằng lòng không thích hưởng món đầu gà má lợn mà hàng năm, hàng xã phải mang biếu họ. Cô đi tìm thứ khác.

Đầu gà má lợn thì chê

Lấy anh câu ếch rủ rê ao bèo...

Câu ếch suốt ngày quăng cái cần câu rồi rê rê trên ao trên đầm, chỉ là anh bạch đinh, đứng dựa cột đình... Đầu gà má lợn, và cơm hẩm cà thâm. Chọn lựa ở đây thật là bí mật của nhân loại.

Có hàng trăm câu ca dao, tục ngữ hay về con gà để nói về con người, từ cách ăn mặc, đến đối nhân xử thế, hành vi, cử chỉ, nói năng, hoạt động của con người.

Thế kỷ XIII, Hưng Đạo Vương đã viết trong Hịch tướng sĩ; nhắc đến con gà chọi trong dân chúng và binh sĩ: "*Lỡ ra có giặc Mông Thát đến thì cựa gà sống không thể đá thủng giáp giặc...*"

Ngoài con gà nuôi để lấy thịt, lấy trứng, thì tiếng gà gáy đêm hôm khuya khoắt trong những làng xa không có đồng hồ, thật ý nghĩa. Nó đã thành một phần đời sống của con người, của nông thôn. Có lẽ vì thế mà con gà đã đi vào tranh dân gian bất tử: gà mẹ chăn con, tha mồi gọi đàn con, hay gà mẹ đang xòe cánh che chở cho con, mặc cho con trèo lên lưng hay chui vào dưới cánh. Bé thơ ôm con gà "Đại Cát", tranh làng Hồ, tranh Tết được dán lên vách, lên cửa, mong cuộc sống ngày khấm khá, hạnh phúc, phồn vinh hơn...

Nhà thơ Hoàng Cầm có hai câu thơ hay trong bài thơ nổi tiếng "Bên kia sông Đuống":

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong

Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp...

Đến cả chuyện sinh nở, con cái, cũng được ví với con gà, đem con gà ra so sánh, nào: *Đẻ như gà, đàn con trứng gà trứng vịt, nào mẹ gà con vịt,* và cả chuyện không hiểu nhau: *ông nói gà bà nói vịt...*

Con gà không chỉ là gia cầm cung cấp thực phẩm, nó đã thành một phần đời sống, vượt ra ngoài ranh giới vật chất để đằm sâu vào lĩnh vực tinh thần, văn hóa.

Thuở ấu thơ, ai chả từng được nghe câu hát ru theo nhịp võng những trưa hè, chị ru em, bà ru cháu trong khi mẹ còn vất vả trên đồng ngoài bãi.

À ơi, em tôi buồn ngủ buồn nghê

Buồn ăn cơm nếp cháo kê thịt gà...

Lời hát mà cũng là câu chơi chữ. Cháo kê, tức là cháo gà chứ không phải cháo khê.

Dân ta có đời sống tâm linh đáng kính trọng từ lâu đời. Đó là niềm tin, là lòng thành kính tổ tiên ông bà. Bàn thờ, nhà ai cũng có. Ngày lễ, tết, cúng, giỗ, con gà được đặt trên bàn thờ, trước bình hương. Phải là con gà sống hoa, có mào cờ như riềm lá cờ ngũ hành ngoài sân đình. Tư thế nằm phủ phục, chân quặp vào bụng, và cái mỏ còn nguyên, ngậm một bông hồng tươi đỏ.

Nhiều làng Việt Nam có tục thi gà khi vào đám, nay gọi là lễ hội. Con gà sống, phải chăm sóc hàng năm trời, từ năm trước, nuôi thật chu đáo, không toi, không rũ, phải đẹp dáng, cân đối.

Ngày thi, phải thi con gà đã được luộc chín, trong tư thế đứng thẳng, đôi chân song song, hai cánh vươn ra, như sắp bay, đầu và cổ ngửng cao. Muốn luộc một con gà như thế phải thật công phu. Ở nông thôn làm gì có sẵn thùng to, nên phải uốn khung cho con gà có dáng đứng ấy, rồi bắc dăm bẩy cái bếp có dăm bẩy cái nồi đồng ba mươi. Khi nước sôi, trai tráng dùng gáo múc nước sôi dội lên gà, hết nồi này đến nồi khác, bao giờ chín mới là xong.

Cuộc thi treo giải không lớn, nhưng là danh dự, vẻ vang trong làng ngoài xã, hàng chục năm sau còn được nhắc nhở trong trí nhớ mọi người, rằng năm ấy năm nọ, nhà ông Đám Tâm có con gà đẹp, hay rằm năm ấy năm nọ, nhà bác Nhiêu Tinh, có con gà chẳng ra gì v.v... Cuộc thi là tài là khéo, nên phải cẩn trọng, mà cúng là cúng thần nên càng không được sơ suất. Tiếc, nay những tục hay ấy đã mất.

Trở lại đời thường có người thích ăn gà sống thiến, thịt nó đậm, khổ mỡ dầy, nhiều thịt, xương nó không quá cứng. Nhưng có người lại chỉ thích ứng dụng câu ca dao cổ: *Cau phơi tái, gái đoạn tang, chim ra ràng, gà mái ghẹ.* Các món khác hẳn huyệt hảo, còn gà mái ghẹ thì rất rõ. Cái ghim ở bụng còn nguyên là sụn. Thịt chưa dai, cũng không tanh, không nát, ăn một bữa là

vừa, không quá ngán, cũng không để thừa lại... Quả là những cái lưỡi sành ăn vậy.

Trong y học, con gà cũng được nhắc đến. Nào bệnh quáng gà, nào mắt gà mờ, nào cái màng mề gà phơi khô làm thuốc, nào khi rết cắn, lấy rãi gà bôi vào chỗ cắn, khỏi buốt ngay. Có lẽ vì vậy mà người họa sĩ dân gian đã vẽ con gà tha con rết gọi đàn con.

Ngay cả khi con gà đã xả thân xong rồi vì bữa cỗ, bộ lông của nó cũng giúp ích cho người cái phất trần, thường gọi là chổi lông gà, cái quạt lông gà hình quả vả... Rồi đôi chân gà phơi khô, bói chân gà xong, còn được đem cất đi xem linh nghiệm thế nào, như một kỷ niệm.

Xưa, tục lệ nhiều. Ai ra ở riêng, lấy vợ lấy chồng, tậu đất, làm nhà, tậu trâu v.v... cần ông Lý trưởng, ông Trưởng bạ cho cái triện và chữ ký. *"Bút sa gà chết"*. Có thể nào để các ông chức sắc ấy trong làng về không? Ôi, cái nạn cường hào xưa có lúc đã định ngóc đầu dậy dưới nhiều hình thức nhưng khôn khéo núp dưới danh dân chủ. Tham nhũng ngày nay là cái gì, nếu không phải là một trong thứ *"Bút sa gà chết"* ấy?

Tuy nhiên, nhân dân ta xưa nay vẫn có nhiều nếp sống đáng tự hào. Nhà mổ con gà, miếng ngon nhất phần ông bà. Và câu tục ngữ nhất định được nhắc đến là *"Hóc xương gà bằng sa cành khế"* để nhắc nhở trẻ thơ ăn thịt gà phải cẩn thận, bởi khi chặt thịt gà, thường có những mảnh xương vụn rất nhỏ, trẻ em ăn vội, rất dễ hóc.

Mười hai năm, con gà lại đến một lần với cái tết mang tên nó. Cũng là một cách tính lịch, tính sự vần xoay của vũ trụ mà thôi.

Con gà quen thuộc suốt mỗi đời người, từ bé thơ, lẫm chẫm vẫy tay chiêm chiếp gọi gà, đến khi lấy vợ lấy chồng, ra ăn riêng

nuôi con gà, đàn gà làm vốn, rồi khi nằm xuống... con gà đi liền với đời sống, góp phần nâng cao vật chất vốn không dư dật gì, đồng thời nó cũng đem lại niềm vui, niềm an ủi khi góc sân có con gà nhảy ổ, te tái tiếng cục tác, hoặc tinh mơ chàng trống mã mận oai vệ đứng trên đống rơm cao ngất, lên tiếng cúc cù cu gọi ngày lên.

Câu ca nhân tình, ân tình nhắn gửi thương yêu, đoàn kết, như vẫn vang lên khắp nẻo quê hương và lòng người:

Khôn ngoan đá đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau...

Ý thức dân tộc, ý thức cộng đồng, đoàn kết thương yêu... quả là đã có từ trăm năm, nghìn năm.

Tết con gà lại đến. Nó lại được nhắc thêm lần nữa.

1992

Quà chợ

Một bé thơ được mẹ mua cho một chiếc trò chơi điện tử biết chạy, biết kêu í oé và một bé thơ ở làng quê nghèo được mẹ mua cho chiếc trống bỏi, con tò he... đã có ai phân tích xem người mẹ nào trong hai người mẹ ấy là người yêu con nhiều và bé thơ nào khi nhận được quà là người sung sướng hơn?

Những thứ đồ chơi dù là rẻ tiền cũng là tình mẹ, là sự thương yêu của trái tim mẹ bao la như biển trời... con sẽ mang theo niềm hạnh phúc ấy suốt đời.

Tôi từng là một đứa bé thơ như thế. Thuở thiếu thời của tôi phần vì chưa có những loại đồ chơi đắt tiền sang trọng, phần nữa vì nhà nghèo, nên tôi chỉ được mẹ mua cho chiếc trống bỏi, con tò he, ông phỗng bằng giấy bồi, rồng, ông tiến sĩ giấy; sợi pháo dây, con lợn bằng đất sơn đỏ béo ục ịch... Nhưng cho đến năm sáu chục năm sau, tiếng kêu tính tinh vui tai từ hai hạt đỗ của chiếc trống bỏi đánh vào tang trống bỏi là mặt giấy căng, vẫn còn vang trong lòng tôi. Con tò he bằng bột màu, có mùi chua chua, có thể là con gà có bộ lông xanh thật xanh, đỏ thật đỏ, cái mỏ mềm mềm... vẫn như gáy vang đâu đó mỗi khi tôi bồi hồi nhớ lại. Ông tiến sĩ giấy cũng thế, gương mặt trắng tinh láng bóng, ngồi khoanh tay bảnh chọe mà tay áo là giấy mầu chun lại, ông còn hỏi mãi xem những đứa trẻ thơ chúng ta có trở thành tiến sĩ

như ông không, hay chỉ là những người phá ngang dở ông dở thằng, học không hay cày không biết, may ra thì thành cậu giáo làng, anh thư ký quèn quanh năm lo ăn tất bật?... Không hiểu ai là người đầu tiên nghĩ ra cái đồ chơi kinh dị ấy cho trẻ thơ (và cũng là cho cả người lớn) khi tết trung thu đến, giục giã con người phải học hành nghiêm chỉnh, phải dùi mài để mở mang đầu óc, khiến cả một dân tộc vốn lầm than trở thành một dân tộc hiếu học, đầy tinh thần tôn sư trọng đạo.

Tôi cũng không thể nào không nhớ những sợi pháo dây, còn gọi là pháo hoa cà hoa cải, nở tóe ra như một trận mưa sao những đêm tết ấy trong cảnh tối mịt mùng của làng quê không có ánh điện, thiếu cả chút dầu lạc dầu vừng cho ánh lửa sáng lên. Những trận mưa sao ấy cùng làn khói thơm nó tỏa ra, ngoằn ngoèo lung linh đã đưa tôi vào xứ sở của thần tiên kỳ ảo, có niềm vui sáng lên suốt một đời người.

Những bà mẹ nghèo của chúng ta trên khắp đất nước này có thể quanh năm mặc áo vá đi chân trần trên đá dăm, trên gai nhọn, trong bùn lầy... Nhưng không đành lòng để con thơ thiếu đồ chơi, thiếu đồng quà tấm bánh, chỉ đơn sơ thôi, nhỏ nhoi thôi, mà mọi người quen gọi là QUÀ CHỢ.

Mẹ không dám bỏ ra mấy xu để mua thanh vỏ chay còn những chiếc vỏ lơ xơ màu da cam, cho miếng trầu thêm ngọt, đỏ thắm, mà chỉ dám mua cây vỏ quạch vừa chát vừa đắng, để có một hai xu ấy mua niềm vui, sự sung sướng, niềm hạnh phúc, tiếng cười về cho con khi tan chợ, mẹ tong tả về nhà, con chạy ra ngõ sà vào lòng mẹ, còn "nghe" cả mùi mồ hôi chua chua trên vạt áo mẹ.

Thời đại mới đã đổi khác tất cả mọi sự việc. Đồ chơi chạy bằng pin tóe lửa, đồ chơi điện tử cứ bấm ngón tay là nhạc nổi lên.

là hình ảnh hiện ra như có bùa phép, cùng những thứ quà bánh kỳ diệu: kẹo tây, trong ruột kẹo có cả rượu, xúc cù là, bạc hà thơm nức, bánh ga tô đủ hình đủ kiểu. Rồi thứ dẻo, thứ giòn, thứ thơm, ngọt mãi trên đầu lưỡi...

Nghĩ mà thương bao bà mẹ nghèo, bao kiếp trẻ thơ những thế kỷ đằng đẵng. Quà chợ mua cho con chỉ đơn sơ mộc mạc, cốt tạo ra một nụ cười và thêm ra một chút no lòng.

Củ khoai lang luộc, cắm thêm bốn năm cái tăm thành con lợn, chơi thật lâu rồi mới dám ăn. Tưởng như con lợn ban chiều kêu đói phá chuồng lịch kịch. Củ khoai nước to bằng cái bát ăn cơm, hơi giống khoai sọ, có màu hồng hồng, dẻo quánh, nhàn nhạt. Làm gì có đường mà chấm, ăn nhạt thôi. Nhà khá hơn mới có chút muối vừng, ăn xong còn tê tê ngứa ngứa nơi cổ họng, thế mà cũng có thể thành bữa tiệc linh đình.

Chiếc bánh đa vừng giòn tan, tròn như mặt trời, bẻ bánh đa ra mấy anh em chia nhau như chia từng mảng mặt trời đầy kỳ thú, hạt vừng dính răng, còn nhằn nhằn cho đỡ thèm. Quà mà. Làm gì có đủ có nhiều mà ăn no ăn chán.

Bắp ngô luộc còn mặc áo lụa xanh, luộc lên mang màu vàng, mẹ về đến nhà áo mẹ ướt đẫm nhưng áo ngô đã se đi vì nắng. Con ăn, con tẽ từng hạt, may được "con mèo", là mừng rỡ, khoe ầm lên, để vào lòng bàn tay cho nó kêu lên trong tưởng tượng.

Chiếc kẹo bột mỏng dính nhưng vẫn còn mang dáng xoắn vỏ đỗ, áo kẹo là bột trắng, che không kín màu vàng của mật, mùa hanh giòn căng cắc, nhưng mùa nồm thì bở bùng bục... sao mà ngon thế, linh đình thế. Có thể ăn nó với dưa bở, dưa hồng (thời ấy chưa có dưa lê) khoai sọ luộc, bánh gio... tuổi thơ có nó mà như có ngày hội, có bữa tiệc ở đầu hè, ở gốc cây, ở gốc sân dưới bóng giàn hoa thiên lý hay đỗ ván lung linh.

Lại nhớ những xâu táo mùa xuân, xâu hạt mít mùa hè, xâu bồ quân tím mùa thu. Xâu táo nào cũng có một quả thật to, rồi đến những quả bé dần đi, cuối xâu là những quả táo còn non, còn xanh, còn chát, còn dớt. Nhưng nó là quà chợ, có phải lúc nào, ngày nào cũng có đâu, nên tuổi thơ ăn được hết, và ăn một cách thích thú ngon lành, như ăn cái nghèo khổ khốn khó vào lòng mà sung sướng, mà đau khổ, mà nhớ đời...

Củ bột, còn gọi là củ dong hay củ hoàng tinh có những chiếc vỏ mỏng tang, trông nó y như những chiếc măng tí hon. Một đầu ngọt còn đầu kia toàn xơ nhai mãi không dừ. Nó là bạn của củ khoai riềng ngọt một vị lợ lợ, bạn của củ ấu có hai đầu nhọn hoắt, có cái ruột bùi bùi không bao giờ được ăn đến chán, cái nhân ấy, cái ruột ấy bao giờ cũng như còn chứa một điều gì bí mật mà tuổi thơ khi cắn vỡ nó ra là nó biến đi mất rồi. Cả cái củ súng nhỏ tí lăn tăn, vỏ đen xì nhưng ruột lại vàng như màu quả dành dành lung linh bên bờ ao. Đừng tìm ở củ súng cái ngọt cái thơm. Nó cũng hẩm hiu như số phận tuổi thơ con nhà nghèo, nó nhờ nhợ đăng đắng. Nhưng nó cũng là quà chợ, là tấm lòng thơm thảo của mẹ cho con, thương con quí con.

Quà chợ thường ít có bánh giò, cũng hiếm giò chả ăn kèm. Thì đã có bánh vuốt, bánh tẻ, thứ bánh bằng bột tẻ, hơi cứng, nhân đậu xanh chút ít, gói thành hình dài như chiếc sừng dê, nhai kỹ cũng bùi đáo để. Ngon hơn một chút là bánh khoai, bánh rợm, những thứ bánh cũng quen thuộc như củ khoai hạt gạo đồng làng. Bánh khoai còn nguyên những lát khoai sọ, không nhừ mà cứ sần sật như một thứ sụn non. Bóc chiếc bánh khoai, cắt chéo thành mấy miếng, miếng nào cũng có hình thoi nằm song song bên nhau, thoát thai từ bàn tay khéo léo của mẹ, chia đều niềm vui cho các con. Nó không hề giống cắt bánh chưng, càng khác bánh rợm phải bóc từng tí một như bóc bánh gai mà nó còn dính vào tay như không muốn rời ra.

Chị gái tôi quanh năm lam lũ trên đồng trên bãi, nên các anh trai làng bảo chị có làn da bánh mật, thứ da đen giòn, mà hình như ca dao cũng có câu ca ngợi nước da đen giòn đầy duyên dáng ấy của các cô thiếu nữ. Mầu bánh mật thật đậm đà, hấp dẫn, như chứa đựng ngầm một điều gì không thể nói ra. Chiếc bánh mật ngọt sắc, ngọt thanh, chính là thế.

Quà chợ, những chợ quê nghèo nàn, ở đâu chả có, và còn nhiều thứ quà khác nữa, thứ ngon nhiều thứ ngon ít, nhưng thường là rẻ tiền, qua loa. Hay thế nhỉ? Những thứ quà đó cũng thân thiết như dòng sông, như cánh đồng cây lúa, như con đò, như cây đa, như cái tam quan chùa làng có đôi cánh cổng gỗ không bao giờ đóng... Và có ai là người người không từng được hưởng những món quà như thế, những tấm tình của bà, của mẹ như thế cho ta khi còn thơ bé?

Mấy quả chuối mật, da xạm nắng, nâu già, chuối tây mập mạp, chuối tiêu trứng cuốc, thơm lừng, vài dóng mía có đốt bị sâu, có đốt mang mùi rượu. Rồi quả na ngọt như không thể có thứ gì ngọt hơn, ổi găng tròn xoe, ổi nậm ổi đào hơi chua, ổi nghệ lại chát. Quả thị lại thơm suốt những giấc ngủ mùa thu. Nhãn đã là thứ đắt tiền không như chùm dâu da xoan chín đỏ vừa ngọt vừa chua, mỗi quả hơi nhăn nheo, gần giống như mặt khỉ tí tẹo, thứ quà rẻ đến nỗi có thể sang hàng xóm xin được.

Chỉ có khi nào nhà có khách sang trọng từ thành phố về mới có những thứ đắt tiền như bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh xu xê, bánh cốm... Còn chợ quê, có thứ bánh khảo bột ngô, từng thanh nhỏ, sấy vàng, có những cái khía nhỏ cho trẻ thơ dễ bẻ, bột thô, ít đường nhưng lại có hương thơm đầy hấp dẫn. May ra cũng có thể có chiếc bánh tai voi (có thể có con voi bé tí nên cái tai cũng bé thế chăng?), hoặc chiếc kẹo vừng dèn dẹt, chiếc bánh khoai tròn tròn, thơm đầy mùi khoai nướng, hay mấy thanh chè lam phủ lớp bột nếp trắng mờ như mây như khói, nhai nó mà còn thấy cả

những sạn trấu lẫn trong hạt bỏng xay nhỏ. Còn một thứ không hiểu gọi là gì, kẹo hay bánh không biết. Đó là bỏng bộp như những quả bóng bàn có thể ăn được và có lẽ phải ăn vài trăm quả như thế mới tạm no. Cầm nắm bỏng bộp trong tay to thế, nhưng nhai thì nó biến đi đâu mất. Thật kỳ lạ. Có nhà giầu mua bỏng bộp về nuôi "con qui" để làm thuốc. Còn con nhà nghèo, bỏng bộp là thần tiên, là gì nữa hở tuổi thơ ơi?

Quà chợ nghìn năm đang mất dần đi, thay vào đó là cuộc sống đổi mới có nhiều trò chơi mới, quà ngon mới.

Bà "tóc rối đổi kẹo" đã gần như mất hẳn, thay vào đấy là anh bán kem, dắt cái xe đạp có hòm vuông sau lưng, tay bóp cái kèn bằng quả bóng kêu toe toe, cứ thế mà len lỏi khắp đường làng ngõ xóm.

Những ngôi chợ to, to bằng hàng chục mái đình làng, ở các thành phố, nay bày la liệt không biết cơ man nào là đồ chơi, là thứ quà ngon, đủ màu sắc xanh đỏ tím vàng, lấp lánh hào quang vàng bạc kim nhũ, ngân nhũ... đã thành quen thuộc với nhiều người.

Và tôi cứ phân vân mãi về lòng mẹ, tình mẹ, trái tim mẹ, những bà mẹ giầu có và những bà mẹ còn nghèo khổ... có giống nhau không, hoặc ai tha thiết chan chứa hơn ai, khi các mẹ mua chợ về cho con?

Riêng tôi, những món đồ chơi, những món quà chợ đơn sơ tôi có được từ mấy chục năm trước, nay nhớ lại, tôi vẫn còn thấy mình rưng rưng, còn chúng sinh động, mình hồi hộp còn chúng diệu kỳ... khi tôi nhìn thấy mẹ tong tả chiếc đòn gánh trên vai, bước qua cái cổng chống lên bằng một đoạn tre, mẹ chìa tay ra cho tôi nắm rồi chia cho mấy anh em tôi những thứ quà chợ quí đến thế, ngon đến thế, ngon đến lúc tóc tôi bạc trắng mà vẫn còn ngon...

1993

Tết thời chưa xa

Đã có một thời tết truyền thống tưởng như gần bị xóa sổ, ít ra nó cũng bị méo mó đi một phần. May sao, mấy năm nay, nó lại được phục hồi. Thì ra không có ai có thể đi ngược lòng dân, trái quy luật; cái tết dân tộc được duy trì thì dân càng biết ơn những người bạn đã có ý thức làm cho nó sống lại.

Chỉ mới vài chục năm trước đây, hoặc chỉ mười năm trước thôi người thành phố - và cả nước - để có một cái tết thật lao đao.

Trước hết hãy nói đến cái bánh chưng. Mỗi người dân chỉ được mua một cân gạo nếp - trừ vào sổ gạo - một lạng đỗ xanh, mà gạo thì cũng chả ngon gì, đỗ có khi chưa vỡ, còn sượng, lắm đỗ nhọn, nhiều sạn. Đành phải mua bánh chưng mậu dịch, loại bánh không hấy thì chua, mới mùng một tết đã thiu. Có cửa hàng ăn uống quảng cáo rùm beng bánh là mặt hàng truyền thống, tức là đã gói, đã có kinh nghiệm từ nhiều năm; vậy mà bán bánh thiu, phải đền bằng đường kính.

Có những người cả năm giúp đỡ công ty này nọ làm phong trào như ca hát, dựng kịch, v.v.. đến ba mươi tết cố gặp ông chủ nhiệm công ty, xin cái giấy viết tay để xuống cửa hàng mua dăm cái bánh chưng. Thật khốn khổ, vì phải qua bao nhiêu nấc, mới có mặt sau tờ lịch, ghi lằng ngoằng vài chữ, may mà mua được, ra về, cũng là hỉ hả.

Cái gì cũng tem phiếu. Tem phiếu đến nỗi có diễn giả lên đăng đàn, bản thảo không cầm mà cầm nhầm phải tập tem phiếu của vợ, lên trước thính giả mới biết, đành xin lỗi, và về hỏi vợ thì vợ còn mắng cho một trận là đàn ông làm hỏng việc nhà, tem phiếu sắp hết hạn nhà hết thức ăn, và bà xã nổi cơn tam bành, cho cả đống bản thảo kia vào bếp từ lúc phát hiện mất tem phiếu rồi. Chuyện thật trăm phần trăm, đó là một ông ở Hội Văn nghệ Vĩnh Phú, về Hà Nội nói chuyện về cụ thân sinh ra mình là nhà thơ nổi tiếng đầu thế kỷ này.

Tem phiếu đến cả bó lá dong. Lá héo, lá nhỏ, lá sâu, lá rách. Ra ngoài cũng có, lá đẹp là khác nhưng đắt quá, tiền đâu, lương ba bốn chục bạc. Kèm với lá là chuyện thịt. Vợ chồng con cái nhịn cả tháng, để dành phiếu đến tết mới mua một thể làm nhân bánh. Cô mậu dịch viên còn mắng mỏ, vứt ra mấy tảng bèo nhèo. Không mua thì thôi, chỉ có thế. Thịt ngon hết rồi v.v... Nhưng thực ra thịt ngon đã tuồn ra cửa sau từ bao giờ rồi, ai biết chỗ ma ăn cỗ. Sổ góp ý ư, có mà kiện củ khoai.

Nhiều gia đình đành khất món bánh có từ thời hoàng tử Lang Liêu mà thổi đĩa xôi thắp hương đêm giao thừa, cúng tổ tiên vậy.

Các loại mứt tết cũng không ra ngoài lệ ấy. Nó đơn điệu một cách thảm hại. Mỗi nhà được mua một hộp mứt hai lạng rưỡi, giống y hệt nhau. Mua được là mừng, bất chấp trong ruột hộp ra sao, miếng xu hào đã mốc, miếng bí khẩu thì vụn, nhân trứng chim chảy nước,...

Cảnh xếp hàng ở quầy này để mua chai rượu múc ở chum ra, rồi đi xếp hàng ở quầy khác mua gói chè, loại một là của hiếm, chỉ còn loại hai, không mua không được, đến quầy thứ ba mua một thếp bánh đa nem và bao nhiêu thứ thì bấy nhiêu lần xếp hàng. Khoảng năm 1980 người nào có sáng kiến cho tất cả các

thứ hàng vào một cái túi màng mỏng, người mua chỉ phải xếp hàng một lần, thật đã diễm phúc cho dân. Trong túi hai chục viên hạt tiêu, mươi gam mì chính, một lạng miến, v.v... Riêng hai lạng rưỡi đường thì vẫn phải xếp hàng ở một nơi khác.

Chuyện xếp hàng đâu đã hết? Vỡ tổ lò nướng bánh Quy gai xốp. Tết, có đĩa bánh tiếp khách là cần thiết. Phải xếp hàng từ tờ mờ sáng, cân bột mì, dăm quả trứng, một vài lạng mỡ thay bơ... xếp hàng cho đến tối mịt, mang về cân bánh quy, cả nhà hể hả. Trẻ con được nếm thử một vài cái mà hí hửng. Người Hà Nội vốn thận trọng trong việc tiếp khách. Mứt sen, mứt hồng, các loại khác làm gì có. Đành tiếp bằng thứ quy gai xốp ấy hoặc ít mứt khoai lang làm lấy. Không khổ gì bằng đã no, đến nhà ai, cứ bị dúi vào tay miếng quy gai mặn (vì không có đường làm bánh). Ăn thì khó nuốt, mà không ăn không được.

Kỳ lạ là không ai kêu ca. Thực ra cũng có nhiều đấy, chỉ có điều không ai dám kêu to, kêu công khai mà thôi. Bởi trên một tờ báo lớn có một vài anh chàng cực đoan còn viết bài ca ngợi tết tây, coi tết cổ truyền là cổ hủ, lạc hậu, lãng phí, đề nghị cúp bỏ. May mà có những ý kiến mạnh dạn phản đối, bởi vẫn coi thờ tổ tiên, ông bà là công việc đáng làm. Nghĩ lại mà phát kinh cho những con người dám coi việc nhớ ơn ông bà tổ tiên là lạc hậu, coi việc ăn tết, thực chất là bồi dưỡng sức dân, là lãng phí. Mấy anh xu thời kia không hiểu bây giờ ra sao?

Còn một thứ mà tết không thể thiếu được là hoa, nhất là hoa đào. Ở phố Hàng Lược, nơi chợ hoa truyền thống vẫn họp từ mấy trăm năm nay, đã thành truyền thống, đã thành nét đẹp Thủ đô, có ngôi đền Ấn Độ. Nó đã thành cái kho chứa hoa đào của hàng hoa mậu dịch. Hoa đào Nhật Tân, Quảng Bá được đưa về đây, chất thành đống. Khi đưa ra bán, có cành chỉ còn cái cẳng, có cành chỉ còn tăm hoặc dăm ba cái nụ đã héo quắt...

Cửa hàng hoa mà người ta quăng quật như củi khô thì còn gì là hoa giống như rau muống xếp lên cămnhông, mấy cô ngồi lên, rồi mạnh tay quăng xuống, người mua, mua được mớ rau là mừng, về có bỏ đi ba phần tư vẫn coi là may. Hoa đào tết đã thành giai thoại về cái cảnh bị dày vò là thế.

Nghĩ đến thời bao cấp chưa xa mà ái ngại. Nó cũng là một giai đoạn của tết Hà Nội, mà lớp trẻ, lớp thanh niên sau này có thể không được chứng kiến. Người khổ nhất thời đó là ai? Không phải ông cán bộ có chức có quyền, cứ ký những cái thư tay con con, xuống cửa hàng tha hồ lấy, cũng không phải ông chồng chỉ biết hì hục chữa lại cái xe đạp tàng, cho dầu vào cái xích rão, vá lại cái xăm... để có xe đi chúc tết,... cũng không phải mấy cô mậu dịch đã có sẵn phần mình, càng không phải em học sinh gái bí mật khâu lại cái quần lụa hoa dâu đen để mặc tết... Khổ nhất là bà chủ gia đình, là người mẹ. Chạy đôn chạy đáo, xếp hàng hết chỗ này đến chỗ khác. Mua thứ gì, chọn thứ gì. Làm thế nào để mua được... là nỗi khổ toát mồ hôi, đứt cúc áo... nói gì đến nhung lụa, bào ngư, vây bóng.

Chẳng lạ gì, ngoài đường chẳng thấy ai thắt cà vạt, đi giày. Toàn một màu áo bông xanh, dép cao su. Thảng hoặc có người đi giày thì cũng là giày mốc vì xi đánh giày không hề có. Nó cũng là một mặt hàng *lãng phí*.

Người xa quê, tết thật là tai họa. Xếp hàng vài ba ngày mới lên tàu. Có người về đến quê mà y như vừa ra khỏi cơn hồng thủy, quần áo tơi bời, chân tay sứt sẹo, mặt mũi hốc hác. Nhà tàu vẫn được tiếng là có thành tích, bất chấp khách xếp hàng dài nửa phố Trần Hưng Đạo, ngay giữa trời mưa không có gì che...

Bây giờ nam nữ thanh niên đầy mình nhung lụa, son phấn nước hoa thơm lừng, ăn tiêu xả láng, nhảy nhót như điên, đâu có

thể biết mới chỉ mươi năm trước đây, cha mẹ họ đã phải khổ sở thế nào mỗi khi tết đến.

Giá hôm nay, ai đi chợ hoa cầm cái cành đào mậu dịch chỉ trơ ra cái cẳng, có thể bị coi là bệnh nhân tâm thần. Thế mà một thời đã là sự thật.

Thật đáng mừng, xã hội đã tiến một bước dài như thế trong một thời gian ngắn. Con người không còn, hay, đã bớt, bị coi là rẻ rúng. Ông bà tổ tiên đã được coi trọng, được một lời khấn vái về vui tết với cháu con. Chắc rằng rồi đây, cái tết cổ truyền Việt Nam sẽ còn huy hoàng hơn nhiều, theo đà đời sống tiến lên non nước mạnh giầu. Hẳn ngày đó không còn là xa thẳm.

1992

Tháng củ mật đen

Tháng chạp thật hồi hộp. Ai cũng có nhiều điều mong đợi, nhiều lo lắng, phập phồng đợi chờ. Trẻ mong bộ quần áo mới. Già mong năm mới mạnh khỏe. Người không may mắn mong cho năm cũ chóng qua. Người hạnh phúc mong năm mới may mắn hơn.

Một cái tháng hình như đi chậm hơn các tháng khác mà cũng đi nhanh hơn các tháng trước, tùy tâm trạng. Bao giờ thì tháng chạp cũng rét mướt và đêm tối chả bao giờ có chút trăng sao. Hình như nó cũng âm u hơn, bí mật hơn, khi ngoài trời, ngoài đồng, ngoài đường, về ban đêm, sương giá làm lạnh lẽo thêm những bước chân người, cái vắng lạnh được người bạn rét mướt ấy đồng hành, tháng chạp mang khuôn mặt khác thường hơn là vì vậy. Nó có tên là tháng Củ Mật. Tháng cần soát xét lại, cần cẩn thận, thận trọng hơn, phải giữ gìn chu đáo hơn.

Việc cầu mong bình yên, an toàn vốn là một nhu cầu thiết yếu xưa nay của mỗi người, mỗi xã hội, bất kể ở đâu, vào thời kỳ nào. Việc giữ gìn nhà cửa trong ngoài cho yên ấm chu toàn, giữ cho xóm làng, đường phố an toàn... là quan trọng, nhất là dịp tết, ai cũng mong tốt lành để mở đầu cho năm hạnh phúc.

Người giàu không nói làm gì. Chuẩn bị mua sắm cỗ bàn, đồ chơi từ hàng tháng trời; nào mua đồ khô, sắm áo nhung áo

len, khăn thêu giày dép, nào chuẩn bị gạo nếp đỗ xanh, gà thiến, lợn béo...

Người nghèo, quanh năm vặt mũi đút miệng, tết đến cũng không đến nỗi nào. "Đói ngày giỗ cha, no ba ngày tết". Ít nhất cũng có ít thịt, ít gạo, có đồng bánh chưng, có con gà nho nhỏ trong chuồng, và may ra vợ chồng con cái dành dụm còn có tấm áo manh quần tươm tất... Đó là những thứ ngày thường không dễ có. Mất thì...

Bọn đầu trộm đuôi cướp, quân đầu trâu mặt ngựa, loài đạo chích... cũng thường nhân tháng củ mật rét mướt tối tăm này mà "làm ăn". Đêm đến, trong cái rét căm căm nơi bờ tre, ngõ vắng, hiu hắt mù mịt... chúng rón bước chân, thật thuận tiện, bởi trong mỗi căn nhà, chăn ấm, ổ êm, giấc ngủ say dễ làm đồng minh cho chúng.

"Chó cắn áo rách". Bọn vô lương có thương gì người nghèo? Tú Xương một thời còn đấy? Gần tết, mất trộm hết đồ ăn thức uống, quần áo chăn màn, chỉ vì bà già giúp việc nhà thơ quên không cài then cửa. Bà cụ hiền lành tội nghiệp biết lỗi, lần mò chút lạc nhân sót lại đem làm mứt. Khi bưng lên mời ông Tú nhà thơ, bà còn cẩn thận đắp cái áo bông rách lên cho mứt giòn. Ngờ đâu, mứt nóng, rận bò ra lồm ngồm, la liệt, khiến nhà thơ tức cảnh làm bài thơ bất hủ "Mứt rận" còn lại đến ngày nay.

Phải đến đêm ba mươi (nếu tháng thiếu, thì đêm hăm chín) mọi người mới thở phào nếu gia đình không bị mất trộm mất cắp gì. Tại sao vậy? Đêm trừ tịch, đêm giao thừa, đêm thiêng liêng, rất ít xảy ra trộm cắp. Bởi đêm nay tấp nập rộn ràng hơn đêm nào hết. Tháng củ mật êm ắng bí hiểm bao nhiêu thì đêm nay tưng bừng bấy nhiêu. Nhà giầu thì đèn nến sáng trưng thâu đêm, chuyện trò râm ran, cúng bái xì xụp, cỗ bàn hể hả, bài lá chí chóe... hầu như đêm nay đã là ngày rồi.

Còn người nghèo, nhiều nhà đêm nay mới luộc bánh chưng, trông bánh suốt đêm, thức thì với thời gian trong ánh lửa bập bùng, trong cái nồi lục bục của sự đón mừng năm mới.

Và nửa đêm, pháo đã rộn gần xa, trống đình đã gióng giả. Tiếng chân rập rịch ngoài đường, người đi lễ thánh, người đi hái lộc... chỗ nào cũng có chân người, tiếng người, như sự hiện diện của mùa xuân tốt lành, của an ninh trật tự.

Cũng có lẽ bản thân phường đạo chích đêm nay cũng thức dậy một điều gì trong lương tâm. Bàn thờ ông vải cũng phải có nén nhang cây nến. Câu ca dao cũ như chợt vang lên:

Con ơi nhớ lấy lời cha

Một đêm ăn trộm bằng ba năm tù...

Phải. Đêm nay là năm mới. Đừng nghĩ bậy làm xằng mà rông cả năm. Phải sợ trời sợ đất, sợ người, sợ tổ tiên, sợ điều hơn lẽ thiệt, sợ những điều răn dạy truyền lại từ nghìn xưa...

Những điều răn dạy, những điều kiêng kỵ còn lại ấy hoàn toàn không phải là mê tín. Nó thuộc cõi tâm linh con người, nó là niềm mong ước, là sự an ủi, là lời khuyên răn cho lớp lớp con người kế tiếp nhau.

Ai mà không muốn hạnh phúc, khỏe mạnh vui tươi, sung túc. Lời chúc mừng đầu năm đâu có ra ngoài những ước mong ấy? Con cháu chúc cha mẹ ông bà. Vợ chồng chúc nhau? Bạn bè chúc nhau. Ngay cả những người hàng ngày không ưa nhau thì ngày tết cũng bỏ qua, cũng chúc nhau những điều tốt đẹp. Nếp văn hóa lành mạnh ấy đã thành tiềm thức mỗi con người khi tết đến xuân sang.

Kiêng những lời tục tĩu, kiêng đánh đổ đánh vỡ, kiêng cơm sống cơm khê, kiêng đánh mắng trẻ em, kiêng làm cho nhau

phiền lòng, kiêng đánh mất đồ đạc, kiêng to tiếng, kiêng cáu gắt... còn gì đẹp hơn, nếu những điều ấy được thực hiện quanh năm, mà hôm nay là khởi đầu?

Ngay cả tục lệ kiêng quét nhà cũng hay. Rác rưởi là do bận rộn mà có (ngày nay là việc làm chứ gì). Chưa được cầm chổi quét rác đi nếu chưa có hồi trống đình "động thổ". Chưa được đụng đến Đất Mẹ, bởi Mẹ bao giờ cũng là thiêng liêng nhất.

Đời sống người Việt Nam đã ngàn đời nghèo khó. Nay chúng ta đang lao động, phấn đấu để đuổi cái nghèo khó ấy đi. Không dễ dàng gì. Tết, tháng Củ Mật, cái tháng hồi hộp cũng cần trật tự, an ninh, bình yên cho mọi con người, bởi có an toàn mới có lao động, mới ăn nên làm ra, mới xua đuổi được cái nghèo cái khó.

Tháng củ mật như con tầu màu đen, nó chỉ dừng lại khi gặp nhà ga tưng bừng màu xanh cây lá và màu đỏ nụ cười: Mùng Một Tết.

Giao thừa. Củ mật đã qua. Hạnh phúc phải như chum nước đầy tràn. Phải như cành lộc mới hái xanh tươi ngút ngát. Phải sáng láng thơm tho như ánh nến khói nhang, có tổ tiên về chứng kiến sự thịnh vượng của cháu con.

Hy vọng, ước mong. Giao thừa đem lại cho lòng người. Tháng củ mật không xảy ra điều gì đáng tiếc. Tết này càng vui hơn, càng tốt lành hơn, hứa hẹn bao điều tốt đẹp.

1992

Nét đẹp phụ nữ Hà Nội

Cứ dăm năm lại có một lớp con gái trẻ Hà Nội lớn lên, đẹp hơn lớp trước. Phụ nữ Hà Nội đi đâu cũng không lẫn vì nhiều vẻ. Đó là một điều thật đẹp thật vui. Ngay giữa lòng thành phố, có thể nhận ra ngay người phụ nữ có cốt cách Hà Nội, bất kể tóc đã hoa râm, bạc trắng hay còn tóc thề để xõa ngang vai, bất luận họ đang vội vã, đang ngồi trên xe máy, đang trong rạp hát, đang ăn quà hay thả bộ ung dung trên vỉa hè.

Phụ nữ Việt Nam vốn đôn hậu, dịu hiền, đoan trang, ý tứ. Phụ nữ Hà Nội hình như còn bình phương chất ấy lên trong tính cách, từ trong gia đình đến ngoài xã hội.

Có thể bà mẹ luống tuổi, bước đi khoan thai, không gõ guốc cồm cộp, không kéo lê đôi dép quèn quẹt, ngay gót chân đã nhăn nheo cũng không bao giờ chịu để lem luốc đất cát. Tà áo chỉ là vải thường cũng phẳng phiu, gọn ghẽ, kín đáo, nhất là sạch sẽ. Lâu nay ít người mặc áo vá, họa chăng mặc trong nhà, còn ra đường, nét tề chỉnh là đặc trưng cho phụ nữ Hà Nội. Sang mà không lòe loẹt. Đẹp mà không lố lăng.

Xưa nay phụ nữ thường mang tiếng là hay ăn quà vặt. Có phần đúng. Nếu đàn ông hay ngồi quán cà phê, bia rượu lai rai,

thì mọi hàng quà khác, phụ nữ đông hơn, từ bún chả, xôi chè, cuốn, thang, đến ốc luộc, nộm chua cay... Nhưng cách ăn của phụ nữ Hà Nội dễ nhận ra ngay: ý tứ, ngồi một góc, khép chân, không gác chân co lên ghế, không gục mặt xuống mà ăn, vẫn thẳng thắn đàng hoàng, không liếc ngang liếc dọc. Không nhồm nhoàm, không xì xụp, không tóp tép, không ừng ực, không nói cười hô hố trong khi ăn. Ăn xong kín đáo rút khăn tay lau miệng chứ không dùng đũa dựng đứng mà quệt miệng như phù thủy niệm thần chú, bắt quyết.

Một thời xe đạp là phương tiện đi lại chính. Con gái Hà Nội đi xe bao giờ cũng khép chân, đầu gối gần sát vào khung xe, đầu ngón chân đặt trên bàn đạp, không khuỳnh tay dạng chân, không phóng nhanh. Ngồi đằng sau thì không ôm choàng người đèo, không đặt tay lên đùi hay vào bụng người đằng trước, vì làm thế là không đứng đắn.

Thời đại thay đổi. Xe máy là chính. Chấp nhận. Nhìn cô gái đi xe máy, ngồi ngả ngốn, nói cười oang oang, ôm eo lơi lả, phóng như điên nhiều người thấy buồn cho con gái Hà Nội. Từ cái ngả ngốn này đi đến cái ngả ngốn khác, khoảng cách chỉ là hạt thóc. Ngoài ta cũng có thể nhìn một cô gái như thế mà biết cô sinh ra trong một gia đình như thế nào và được giáo dục ra sao, nhất là bà mẹ cô có nền nếp hay buông tuồng ra sao.

Quần áo là cái lồ lộ ra trước mắt mọi người trước tiên. Các thứ váy cửa võng, quần chân què phải mất đi là đúng. Cái thắt lưng mớ ba mớ bảy, một thời là kín đáo, gió bay cái này còn cái khác che kín phía dưới bụng... mất đi là đương nhiên.

Nay, thời đại của giao lưu quốc tế, tối tối các thứ váy lạ mắt được phô ra trên màn ảnh nhỏ, nhất là các chương trình gọi là ca nhạc quốc tế, hát cái gì không ai hiểu, chỉ thấy nhảy như điên, tốc

các thứ lên... cho nên không lạ, con gái Hà Nội cũng bắt đầu bắt chước, mặc đủ các thứ váy, lộ cả những chỗ cần che đậy... Những bà mẹ Hà Nội nền nếp đành chỉ lắc đầu vì không bảo được đứa con bị nhiễm bệnh thời đại, bắt chước, nhố nhăng. Bên cạnh đó vẫn còn nhiều cô gái con nhà, nghe lời cha mẹ, ăn mặc kín đáo, nhẹ nhàng, nền nếp dễ coi, không tốn kém và rất hay là chính các cô này mới là đối tượng chính của các chàng trai tìm vợ.

Cô gái Hà Nội cũng không bao giờ ngồi xổm trên vỉa hè, dạng hai chân đến hơn một trăm hai mươi độ, hắt nước ào ào, khiến khách đi đường không biết đâu mà tránh.

Riêng khuôn mặt, phụ nữ Hà Nội xưa nay vẫn hấp dẫn lạ lùng cho mọi con mắt, mọi trái tim từ người thợ đến nhà thơ. Ngay từ bé thơ, người mẹ đã biết làm cho khuôn mặt thơ ngây của bé thành đáng yêu, lớn thành thiếu nữ rồi thanh nữ, khuôn mặt vẫn là sự tự hào của nhiều cô gái. Son phấn là cần, mái tóc là quan trọng. Nhưng son phấn không phải là chủ yếu, không thể lấn át cái cốt lõi của một khuôn mặt như có nhiệm vụ tôn tên chút ít chứ không phải cái làm hỏng khuôn mặt như một số cô gái hiện nay đã quá lợi dụng, thành lòe loẹt, biến khuôn mặt mình thành cái mặt nạ - và cũng là mặt lạ - thật dại dột. Đã trắng rồi còn trát một lớp phấn dày. Môi đã tươi còn tô đỏ choét, son loang cả vào răng. Lông mày thanh thoát đem nhổ đi tô bút chì như lông mày Trương Phi trên sân khấu. Mắt nhung kỳ ảo lại đem tô xanh tô đỏ như vẽ hề. Các bà mẹ khôn ngoan biết dạy con, không thể nào để con mình dùng cái mặt thành ngáo ộp ấy ra đường. Không có cái đẹp nào bằng tự nhiên, thanh nhã, kín đáo... có duyên hay không, hấp dẫn hay không chính là ở đó và một phần là sự uốn nắn của bà mẹ trong nếp sống gia đình hàng ngày. Nhìn một khuôn mặt quá nặng nề phấn son, tưởng như húp phải bát canh quá mặn, nhiều muối quá, không nuốt được, có muốn ăn cũng đành phải nhổ ra thôi.

Phụ nữ Hà Nội biết cách trang điểm hơn ai hết. Chỉ phớt qua một chút phấn, phủ một lớp son mờ, kín đáo một giọt nước hoa nơi bàn tay, trong khăn mùi xoa hoặc dưới mang tai, có món tóc mềm phủ lên, để chỉ đủ thoảng nhẹ như một hương nhài thơm xa, đủ khiêu khích một cách mơ hồ, chứ không quá nồng quá hắc. Tiếc sao các bà phụ nữ này không còn nhiều và thương thay cho không biết bao nhiêu cô gái đang quá yêu son phấn làm hỏng bộ mặt của mình, bộ mặt đáng yêu của người con gái Hà Nội. Phụ nữ Hà Nội trang điểm chứ không làm đỏm, làm dáng. Thế đấy.

Không thể gọi là bảo thủ khi người mẹ dạy con từ một lời ăn tiếng nói. Cấm kỵ là nói trống không, lô bô lốp bốp, lỗ mãng ngoài đường, cười hô hố, gọi nhau ơi ới. Vì vậy mà phụ nữ đích thực Hà Nội không thể nói bậy, chửi thề, không nói tục chứ đừng nghĩ đến con gái mà chửi như con trai, cũng đèo, cũng văng ra đủ thứ. Họ nói câu gì, hỏi gì bao giờ cũng có chữ "ạ" đằng sau.

Có bà rùng mình, có bà đứng như trời trồng khi thấy mấy cô gái khá xinh đẹp mà nói chuyện lại văng ra đủ thứ không ngượng mồm, như là cái ấy nó dính vào môi vào lưỡi rồi, không văng ra không chịu được.

Có bà tự hỏi không biết mấy cái vòi nước hỏng khóa ấy, luôn tuôn ra thứ nước bẩn thỉu ấy, là con cái nhà ai, mẹ họ là người thế nào, có dạy dỗ họ không, họ có đi học ngày nào không... họ có còn là con gái, nhất là con gái Hà Nội không? Biết trả lời sao đây?

Có nhà văn nói: Không có phụ nữ thì không có nhà văn nhà thơ cũng không có cả anh hùng tướng lĩnh. Đúng quá. Nhưng để có người phụ nữ vẻ vang như thế, đáng kính trọng như thế, lẽ nào mấy cô gái lỗ mãng kia có thể giáo dục con mình trở thành nhà thơ, anh hùng được? Đất lề quê thói. Hà Nội cũng chỉ là một địa phương. Phụ nữ Hà Nội cũng chỉ là phụ nữ Việt Nam. Bao nền

nếp, bao tinh hoa nếp sống, bao phong cách đẹp... lẽ nào mai một hết. Chắc chắn không.

Chỉ tính đến công việc gia chánh, người phụ nữ Hà Nội cũng không chịu thua kém bất cứ đâu, nếu không nói là phấn đấu để hơn hẳn, bởi tài hoa của mình và truyền lại cho con gái mình. Nay, khối cô gái coi thường gia chánh. Cơm bụi là xong. Nhưng các cô biết đâu rằng người chồng tương lai của các cô sẽ yêu quý cô biết chừng nào khi cô biết nấu một món ăn ngon, hợp sở thích của chàng, biết nuôi dạy con cái ngoan ngoãn, khỏe mạnh, có khi chỉ là biết cắm một bông hoa trên bàn của chàng ngày chủ nhật. Phụ nữ Hà Nội đứng tuổi chính là những người đàn bà khéo tay hay làm, tài hoa như thế.

Phụ nữ Hà Nội hôm nay vẫn còn không ít những người đáng kính trọng. Con gái họ cũng tiếp thu được cách sống, nếp sống của mẹ, cũng mềm mỏng, ý nhị, cũng tươi tắn, lịch sự... họ đúng là những bông hoa nhài của bất cứ thời nào, bởi thời nào thì cũng không ai có thể yêu cô gái không biết làm ăn chỉ biết làm đỏm rong chơi, lố lăng kệnh cỡm... Người Hà Nội được ví với bông hoa nhài. Phụ nữ Hà Nội còn là bông hoa nhài của hoa nhài. Chí lý lắm.

Phụ nữ Hà Nội chắc chắn vẫn là bông hoa đẹp để Hà Nội tự hào về họ chứ không xấu hổ vì họ.

1992

Hà Nội - men người

Hà Nội không chỉ là quê hương của người Hà Nội mà có lẽ còn là quê hương của mỗi người Việt Nam dù sống nơi bản làng heo hút, nơi chốt mũi Cà Mau tận cùng đất nước hay lưu lạc nơi chân trời góc biển xa xôi nào.

Làm gì có hai Hồ Gươm (hồ Hoàn Kiếm) mà cũng làm gì có nơi nào có mùa thu kỳ lạ đến mức ảo huyền như Hà Nội.

Từ cái thời còn là tòa thành *Đại La* đến khi trở thành kinh đô Rồng Lên và nay mang tên thành phố *Trong sông*, Hà Nội luôn luôn tỏa sáng, mà nếu chỉ dùng lý trí để phân tích thì không hiểu nổi, không lý giải được như đi tìm một ẩn số của phương trình toán học.

Phải có những sáng mùa thu đi dạo một vòng hồ, thấy sóng lăn tăn đầy mắt, thẩm thấu cái se lạnh của mùa chuyển êm đềm vào cái lồng nan ngực trong đó có con chim muốn cất lên tiếng hót, và quờ tay ra định bắt những con bướm vàng lả tả từ muôn cành sương mờ thả xuống...

Cũng lại phải có những đêm đi trong hương hoàng lan phố Phan Đình Phùng làm hồn mình muốn bay theo những làn hương như tơ giăng, như âm thanh tiếng đàn bầu thực mà không thực... hoặc đi trong hương sữa của phố Nguyễn Du khiến mình bềnh

bồng trong thứ men say chỉ riêng Hà Nội có... Còn phải đi trên những đường phố tấp nập, nhỏ thôi, ngắn thôi nhưng tràn ngập những nàng con gái thanh tân, đẹp như trên sân khấu, gót chân bắp chân trắng hồng mịn màng tựa cây chuối non bóc nõn rợn người... Phải ăn một bát phở khuya, mùi hạt tiêu bắc, bắt ngừng đũa hắt hơi... Phải ngồi trong cái căn gác màu nâu ám khói hít hà hương chả cá đậm đặc căn phòng và bao phủ khắp mọi tế bào trên cơ thể... mới cảm nhận được Hà Nội gì, là thế nào trong mình đối với mình, ngay giữa lúc mình trong lòng Hà Nội.

"Em yêu... Hạnh phúc thế em nhỉ khi chúng mình sống với nhau từ cái ngày bỡ ngỡ tay cầm, qua gió mưa giông bão, qua ấm nồng chan chứa, đến lúc tóc đã vào thu, lãng đãng tuổi dưới một dốc sườn đồi, mà mỗi ngày ta lại tìm ra, nhận thấy ở trong nhau một điều mới mẻ. Ở con người em tỏa ra hay ở trong người anh rung động? Không thể nói rõ ràng cụ thể phải không em?..".

Hà Nội có là thế chăng khi trong khuya vắng mưa thưa, một nhịp rao hàng vang vọng và nẻo ngõ mờ đục ánh đèn như đã trăm năm thao thức, nơi ấy từng rộn lên tiếng sênh phách ca nhi, từng u huyền nhang khói một ngôi chùa cổ, từng chập chờn một mái tóc người yêu mà thời gian nhuộm thành tóc cố nhân, còn chập chờn lúc chia tay đến suốt bao năm... từng sóng sánh giọt cà phê vào lòng trai mới lớn, từng rộn bước chân giao thừa đi hái lộc, cầu may trong phút trời đất giao hoan... Hà Nội là tình yêu trai gái băng trinh, là tình bạn nồng hậu chân thành, cũng là tình mẹ ân cần cao cả cho con.

Giọng nói Hà Nội, lạ chưa, không thể lẫn được dù cất lên bất cứ ở đâu. Ta giật mình thảng thốt, không phải là tiếng "dạ" dịu mềm của tím Huế, tiếng chắc nịch của miền Trung gian khó, tiếng mặn mòi của vùng biển sóng gió, tiếng chân chất nơi miền

Nam nắng nôi... Tiếng Hà Nội là hơi suối trong ngàn róc rách, là hương hoa nhài đầu đêm (càng khuya càng ngát, càng nghe lâu càng mê), là sợi dây đàn ngân nga thánh thót cái buông ngón út độc huyền... nó cũng là tiếng gió đưa qua ngọn liễu mềm, tiếng hạt cốm lịm đi trong vị hồng ngọt săc... nó đánh thức trong sâu thẳm lòng ta cái đẹp, cái tốt... vốn dĩ tiềm tàng trong mỗi con người.

Chỉ một tà áo sờn đã cũ nhưng phẳng phiu, ngay ngắn, thơm tho, đàng hoàng, đĩnh đạc đã nói một điều gì về người mặc áo. Hà Nội đấy chăng?

Chả thế mà có người được họ hàng mua nhà cho, sắm sanh đầy đủ cho để chuyển vào nơi mới, nhưng chỉ được một tuần lễ, không chịu được cái quay cuồng loạn xạ, không chịu được nỗi nhớ hồ Gươm, nỗi thiếu làn gió heo may lạnh, đêm đắp chăn đơn nghe gió thu rì rầm trên cành hoàng lan... mà đành phải từ bỏ hết, rũ sạch hết để quay về Hà Nội, rưng rưng khi gặp lại bầu trời xanh ngắt hồ Tây.

Chả thế mà có những chàng trai mười năm, mười lăm năm luân lạc trên rừng, trung du, bờ biển, gò bãi hay mặn mòi, sung sướng và đam mê, nhưng một lúc tỉnh giấc mê phải vứt áo ra đi, khăn gói gió đưa, gửi bước chân trên đường, hướng về Hà Nội, thành phố quê hương. Nơi ấy có cây bàng cổ thụ vườn hoa Chí Linh, có một trời hoa đỏ nơi đường Cổ Ngư, có con đê lồng lộng gió sông Hồng, vì thế mà thành phố gọi là "Trong sông". Nơi ấy có phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Bông,... cánh tay con gái quyến rũ, cổ áo con gái mê ly, người đàn bà trung niên mà vẫn còn đầy mê hoặc... có chợ Đồng Xuân với món bún thang tuyệt vời dậy mùi qua mấy nhà lồng chợ, có món xôi chè mới nhìn đã muốn sà vào, nói một câu với bà hàng mặc áo phin nõn trớ trêu... trữ tình gợi cảm.

Từng có bao nhiêu người bàng hoàng đến ngẩn ngơ khi nhà ga Hàng Cỏ bị bom Mỹ phá sập. Chiếc đồng hồ đã thành con ma đồng hồ trong đống gạch vụn ư? Rồi đưa tiễn ra sao, rồi đón người thân thế nào trên cái sân ga nhỏ hẹp nhưng đầy kỷ niệm dài lâu ấy? Chỉ người Hà Nội mới tương tư như thế, mối tình kém gì trai gái?

Lại có người sắm cái áo mưa và đôi giày cao su thật tốt, chỉ để mỗi khi mùa chuyển mưa giăng giăng như chiếc khăn quàng voan trên gương mặt quận chúa Hà Nội, là khoác áo, đi giày, ra phố, đi từ ngã tư này sang ngã tư khác, mặc cho mái tóc ẩm hơi mưa, mặc cho đầu trần thấm đẫm không gian không phải khi nào cũng có, mưa không thành tiếng mà lòng người lại như reo, mưa không có nước mà thân mình tràn ngập khúc thu ca...

"Em yêu... Còn nhớ chăng bông hoa hồng anh tặng ngày sinh nhật một năm nào, nó lấp lánh sương đêm của chợ hoa Ngọc Hà họp lúc gần sáng trong tiếng chân đi âm thầm, trong ánh đèn mờ tỏ, chỉ có hương hoa là rõ từ ngõ nhỏ này sang ngõ nhỏ kia, hương mách ta là có người đang đi tới, dù chưa có một âm thanh nào của người trồng hoa cất lên, của người mua hoa chào gọi... Hoa sẽ nói hộ người, những người Hà Nội yêu nhau, nó là màu tình yêu, là tiếng thơm thảo, là ân tình gửi trao son sắt... Ôi, người đàn bà ta yêu, nàng gửi cả cuộc đời cho ta, cũng là một bông hồng tươi như thế, ngát hương như thế, nồng nàn như thế, hôm qua, hôm nay, cho đến mãi mãi còn là nguyên vẹn thủy chung...".

Hà Nội bây giờ bốn mùa có hoa bán trên khắp nẻo đường, không chỉ có cô gái mặc áo dài đồng lầm rao bán, mà hoa được thồ trên xe đạp, hoa đứng ở các ngã ba ngã tư, mọi ước muốn của mọi lớp người, hoa đều có mặt. Cái đẹp đã được tôn trọng, đã có vị trí hơn trong lòng người, được trả về như bao trăm năm cũ chăng?

Có người Hà Nội xa Hà Nội lâu ngày, vẫn còn nhớ tiếng chuông tàu điện leng keng sớm khuya, hơi ấm bắp ngô nướng trên chậu than đỏ hồng bập bùng nơi chân cột đèn một ngã tư đầu phố, nhớ đĩa rau luộc xanh rờn mềm mại đựng trong lòng đĩa trắng tinh thanh khiết, ngọn rau muống chấm vào bát nước mắm giầm sấu, chua một vị chua đầu hè gợi nhớ, một vị chua riêng biệt của Hà Nội xanh um những hàng cây tròn xoe, đẹp như tranh... nhớ con đường Bờ Hồ, từ tháp Hòa Phong đến cửa đền Ngọc Sơn, mùa thu hoa cúc trắng ngần được trồng một cách lung linh, nhớ Nhà hát lớn vào mùa kịch, khán giả chỉnh tề tham gia sáng tạo cùng tài tử... Chợt một ngày về gặp lại, Hà Nội hiện ra như một giấc mơ táo bạo mà bàng hoàng.

Cầu Thăng Long cao vọi, cầu Chương Dương rộng dài bên cạnh con rồng già Long Biên bị bom vặn vẹo nhưng vẫn chống đỡ mặt sông cho người đi bộ thảnh thơi sang vùng Kinh Bắc. Chợ Hôm từng chỉ bán mớ rau quả mướp vườn nhà, con gà nuôi được của những làng ven nội, nay đã ba tầng, có câu lạc bộ cho thiếu nữ làm đẹp mình...

Lạ lắm chứ, dù rằng chiếc bình rượu trên nóc tháp Hòa Phong đã dựng đầy thời gian, chất rượu của mỗi đời người, của toàn nhân loại, tiếng ca đâu đó đêm đêm vang lên ở các cung văn hóa, các nhà hát ríu ran... thay cho tiếng chuông tầu điện leng keng già nua, tiếng chuông ấy đã yên nghỉ trong một lò luyện thép nào bên xứ người.

Người xa ấy trong mắt trong lòng thiếu gì những cao ốc mấy chục tầng, những xe ô tô tân kỳ mát lạnh, những nhung gấm lụa là, phấn son thơm nức... sao vẫn nhớ về ngôi chùa trong ngõ Tràng An nghi ngút khói hương tịch mịch, nhớ về ngõ Phất Lộc chữ chi ngoắt ngoéo, nhớ phố Hàng Buồm có những hàng cơm

tám giò chả, hàng cháo lòng tiết canh, có món tràng giòn tan, tiết canh chói đỏ, ngọn húng quế chỉ biết thơm giữa hai hàm răng... tất cả đều ở trong những căn nhà hình ống, hẹp lòng, phải lách chân nghiêng người mới vào được bàn ăn... nhớ ngọn núi Sư Sơn trong vườn Bách Thảo, ngai ngái hương cỏ, rờn rợn bóng râm, lung linh hương sắc của cô gái trại Hàng hoa, toòng teng đôi gánh vào thành phố bán hoa...

Hà Nội là đáng kinh ngạc.

Xa lắc Thanh Xuân, gập ghềnh Bạch Mai, hun hút Thủ Lệ, tít tắp Nhật Tân, Quảng Bá... tất cả đã xích lại, san sát như nội thành, nhà cao đèn sáng, xe cộ rần rần...

Chợ búa cũng đã khác xưa. Người Hà Nội không chỉ được ăn con cá thu tươi nướng kẹp giữa hai thanh tre đã tái, đi tàu nhanh về, mỗi khúc phải buộc sợi lạt, kho trong cái nồi toàn nước chè tươi, tươi rói vị biển thơm hương khơi xa, có hạt tiêu thơm đến nỗi người đang ngủ mê cũng phải hắt hơi bật dậy. Những thịt dê tái, những bê thui và bia như nước suối, đó là những chiều Hà Nội những năm này, khiến có người ngạc nhiên rằng tiền đâu mà lắm thế?

Giầu đi với sang, Hà Nội chưa hẳn đã giầu và có thể chẳng sang bằng người, ở những xứ xa xôi thừa tiền xanh tiền đỏ... nhưng Hà Nội trong lòng người đi xa về vẫn là một Hà Nội bao dung, tân kỳ mà không lòe loẹt, hấp dẫn mà vẫn thanh lịch, tần tảo mà đầy vị tha, biết ăn chơi mà không hãnh tiến, hào phóng mà không rởm đời... Hà Nội đón những người con lưu lạc trở về bằng trái tim ân tình, vỗ về, an ủi mà không đòi hỏi tra vấn một nửa lời...

Giọt nước mắt nào đã trào mà khi gặp lại Hà Nội của mình sau bấy năm đằng đẵng, gặp lại món bánh cuốn Thanh Trì mỏng tang như tấm kính mờ, mát rượi trên đầu vị giác, gặp lại tấm áo phin nõn, hằn một màu hồng da thịt kín đáo, gặp lại cả tấm áo dài

tha thướt như cánh bướm chao đảo cả giấc mơ chàng thư sinh trong Liêu Trai của họ Bồ văn sĩ... gặp lại đôi má hồng trên khuôn mặt phù dung duyên dáng, kín đáo mà hớp hồn kẻ tái hồi...

"Em yêu, nào ta đi một vòng hồ Gươm như ngày nào em nhé. Hãy cứ để mái tóc cho gió trời thổi lộng. Với anh, nó chẳng bạc bao giờ. Màu huyền đấy chứ không phải sắc trắng đâu. Khi người ta yêu có khi người ta cũng phải điên điên một tí, phải không em? Ăn một chiếc kem, mùa đông trong thỏi đường ấy, ta thành trẻ nhỏ, ta thành mộng mị đôi chút với Hà Nội trong ta, một Hà Nội sắp tròn nghìn tuổi...".

Không, Hà Nội đã hàng vạn tuổi, con hồ của lịch sử, của tình yêu, của kỷ niệm, nói đúng hơn, của Hà Nội, của lòng người Hà Nội, lòng người Việt Nam, dù người ấy ở bất cứ một nơi nào trên hành tinh này.

Tháp Bút Đài Nghiên của Phương Đình Nguyễn Văn Siêu còn đây. Thê Húc kiều sơn đỏ soi bóng trên màu sóng quan lục còn đó. Cây si già đổ bão được dựng lại cứu sống. Con đường đôi - tác phẩm của dược sĩ Thẩm Hoàng Tin khi làm thị trưởng - còn kia. Tượng vua Lê đang được sửa sang sau trăm năm quên lãng trong hoang phế. Nhà Gô Đa, cửa hàng bách hóa lớn nhất Hà Nội đã lấp lánh hơn, tươi đẹp hơn, phong phú hơn kể cả người đứng bán, người vào mua... Người Hà Nội hôm nay chưa phải là thư thái nhưng vẫn ung dung, còn vất vả nhưng không hết hào hoa tao nhã, ngoài giờ gồng sức lên mà lao động vẫn có thể nhấp chén trà, đọc thơ sang sảng...

Hà Nội vốn êm đềm, nay vần vũ hơn để bắt kịp với nếp sống toàn nhân loại. Nhưng nó không mất đi sự trong trẻo, vẻ hồn nhiên, niềm bình yên của nghìn năm thanh lịch.

8-1993.

Niềm thơ quan họ

Sau một đêm tạ từ, có tấm lòng nào ngủ được yên chăng, hay chiếc giường gỗ xoan đào cứ chứng kiến nỗi trở mình đến tàn canh, khiến vừng trăng muộn cũng mòn đi non nửa và con gà vỗ cánh phải ngập ngừng mãi mới cất nổi tiếng gáy gọi ngày...

Những ngày này, giường mô đéc kiểu Đức bọc phoóc mi ca, đệm mút nhún nha, ánh đèn mờ nhân tạo làm nhiều người nồng say sau chai rượu sủi bọt mệt nhoài, có tấm lòng nào còn cảm thông với những trái tim thổn thức suốt mấy trăm năm, khi mà:

Người về em những khóc thầm
Đôi bên vạt áo ướt đầm như mưa...

Những giọt mưa mặt chát và nặng như khối tình My Nương làm vỡ chén Trương Chi ấy đã có từ hồng hoang, từ con sông tạo lập, từ ngọn đồi hình thành, đến đêm hôm ấy, đêm câu ca dâng đầy ấy, mới lã chã chảy tràn lòng những người sinh ra sau, đầy thanh khí.

Mùa xuân, những giọt mưa còn mang cánh vô hình nên cứ bay bay khắp nẻo, không muốn chùng xuống mặt đồng mặt ruộng. Cây măng còn e ấp ngượng ngùng, con chim chào chào chưa về... nên bầu trời như tơ giăng như khói phủ... và từ đôi môi cắn chỉ,

vừng má lúng liếng đồng tiền, phải thốt lên nỗi lòng phân vân xao xuyến, nỗi ghen thầm cũng nhẹ như mưa bay.

Người về em nhắn đôi lời

Yêu em người chớ đứng ngồi với ai...

Cái ghen thầm của mối tình mới ướm, cái ghen nhẹ của trái tim bao la, của cuộc sống đầy nhân tình, chỉ bật ra giữa say đắm phút giây hiện tại mà chưa đắn đo đến con đường dằng dặc mai ngày. Bởi hôm nay còn:

Chàng buông vạt áo em ra

Để em đi chợ kẻo mà chợ trưa...

Ngày mai có còn gặp nhau trong mối duyên kết ngãi nữa chăng, ai mà biết được những thăng trầm sóng gió, những chua chát nồng cay của lam lũ gian truân, của chia ly phiêu dạt, như bèo, như mây, như hoa trôi nước chảy... dù rằng con sông còn đó, ngọn đồi còn kia, câu ca ở lại, nỗi tình vương vấn...

Người quan họ bảo ca quan họ không buồn. Đúng chăng? Nhưng sao làn điệu luyến láy, những *la hừ* tha thiết và thê thiết đến vậy? Ngay ngày xuân lên chùa vui thế, cũng mượn chiếu nhà chùa ra ngồi để nói lời tình tự, và câu ca nửa chừng lại bắt sang chuyện con nhện giăng mùng, những sợi tơ mong manh đến nỗi một hơi thở cũng lay động muốn đứt như dây đàn bạc phận.

Quan họ vốn không buồn nhưng người nghe vẫn cứ thấy buồn, phải chăng người ca đã đem cái thần của muôn thuở về đây, hay cũng lại người nghe đang mang mang đầy tâm sự, u uẩn nỗi xa vời của một bóng người lẩn khuất đáy tâm linh?

Nguyễn Du viết: *"Lơ thơ tơ liễu buông mành..."* Sông Cầu cũng lơ thơ mới lạ chứ. Và lạ nữa là mấy thế kỷ đã cùng chấp

nhận nỗi lơ thơ ấy. Nước chảy là lơ thơ? Cái phi lý như chuyện thần tiên huyền thoại in vào tuổi thơ. Thì ra khi người ta yêu thì người ta cũng thành trẻ thơ, sẵn sàng bay lên cùng thần tiên huyền thoại.

Nhắm mắt mà tưởng tượng, nhắm mắt để bài thơ quan họ thấm vào người qua tất cả các giác quan, để nghe rõ cả cái phập phồng nơi lồng ngực, nỗi e ấp trong ngọn lửa bàn tay mời miếng trầu cay cháy cả ruột gan, để thấy đêm qua ai ngồi tựa song cửa sổ nhớ ai, cho nửa chăn nửa chiếu nửa giường cũng lạnh giá cô đơn, lạnh cả tâm tư bảng lảng đầu bến con đò, lạnh cả cung dàn chùng dây, long phím... khiến khi chia tay, ai đó ra về, mà ai chỉ còn biết thở than *"Cầm lòng vậy, đành lòng vậy..."*.

Một nghệ sĩ Sáu Lầu ở Nam Bộ, đêm nghe trống, hiểu nỗi người cô phụ nhớ chồng, mà phổ tài hoa bất tử vào khúc "Dạ cổ hoài lang" trở thành bài *vọng cổ* mê tơi hàng triệu trái tim suốt trăm năm đòi đoạn, sao mà cũng buồn đến vậy? Buồn gấp bao lần câu thơ và tiếng đệm *la hừ* của khúc quan họ Kinh Bắc, ở hai đầu đất nước xa tít mù tăm, sớm muộn khác nhau, sao lại gặp nhau trong tiếng đàn, câu ca bứt rứt lòng người đến thế. Đương nhiên quan họ không buồn như vọng cổ, không buồn như điệu Nam ai, Nam bình đất Huế đầy thơ, những câu thơ, những lời ca bật ra từ nước mắt và máu, ứa ra từ tâm căn tình ái của một dân tộc không những anh hùng mà còn biết say đắm thiết tha, biết bản chất của tình yêu, nhân nghĩa, biết đắm say để khổ lụy như một nàng tiên Giáng Kiều, như một chàng si tình Phạm Thái Chiêu Lỳ, như một nàng Ngọc Hân khóc ra khúc *"Ai tư vãn"* não nùng khi hoài niệm về một Quang Trung...

Có ai đó vừa vẳng. Những hồn hoa phách bướm trong Liêu Trai của Bồ Tùng Linh hình như không bao giờ biết hát. Lại thêm

tiếng nói xa xôi: Xưa Trang Tử gõ bồn mà hát nỗi u uất khi bị phụ tình... Quan họ đâu có thế. Cô gái quan họ là hồn mơ phách mộng, chàng trai quan họ là nỗi đắm say, si mê dù ngày thường bao nhọc nhằn lam lũ. Liền anh liền chị quan họ là những con người bằng xương bằng thịt, chung thủy sắt son của đất Bắc Hà, của Việt Nam, đã chiếm được đỉnh cao chói lọi của nghệ thuật âm thanh, truyền lại cho thời gian niềm rung động tràn đầy, rung động đến chết đi cũng vẫn không tàn phai trong cỏ áy.

Những vàng đeo bạc giắt, những trận cười thâu đêm nghiêng ngả lả lơi, có dám dũng cảm soi mình vào dòng sông quan họ một lần chăng? Ngọn tùng bách sừng sững giữa non cao, xanh tươi vĩnh cửu mặc phong ba bão táp, thách thức cùng thời gian và không gian biết đâu có thể có lúc đã làm thức tỉnh những ngọn cỏ ven đường, cho cỏ biết ngửng đầu, trong lọc? Ai chẳng từng có lần nghe tiếng sáo trúc dìu dặt trong đêm trăng, tiếng đàn tranh réo rắt như suối đầu nguồn, nhịp cồng âm vang như hồn thiêng rừng núi vừa chợt thức, tiếng phách đổ dồn như mưa như gió (nói như nhà thơ Trần Huyền Trân:

... Người ơi mưa đấy hay sênh phách

Tay yếu gieo lòng xuống chiếu hoa...)

hoặc tiếng đàn bầu ngân nga não ruột niềm tâm sự đợi chờ khiến ca dao phải lên tiếng thở than:

Đàn bầu ai gảy thì nghe

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu...

Hay có khi chỉ là một hồi chuông chùa thu không trong chiều tịch mịch, tiếng tù và giục giã trong đêm quạnh vắng... cùng những nhị những hò, những tam, những tứ nhức óc... Hắn sẽ không khỏi không xúc động khi một lần quan họ vẳng đến như

thơ như mộng, như gần như xa như buông như bắt, nó thấm vào tâm tưởng, nó làm mình như thoát khỏi hình hài, cho cả thể xác và tâm hồn bay lên, bay lên trong nỗi vô hình mà có thực, trong niềm thổn thức... và chợt như ta đã bị quan họ hòa tan thân ta ra, cho lẫn vào cùng quan họ.

Người ơi, không, không bao giờ. Nhẫn không rơi đâu. Nón không bay đâu và áo vẫn trên người, có màu đổi vai nâu non khêu gợi, đằng sau thứ vải mộc mạc kia là tấm vai tròn chạm đến sẽ bỏng tay.

Chính mẹ đã biết con mình theo nghiệp của mình, trở thành liền chị, đâu có cần nói dối, đâu có thể nói dối, và mẹ càng biết rằng quan họ mong nhau khiến cho:

Một tin mong, hai tin đợi ba bốn tin chờ sao chẳng thấy anh... khiến cho bèo cũng giạt mây cũng trôi, con mắt phải lim dim, con nhện phải lội sông đi tìm, tìm trong thương nhớ...

Một nhạc sĩ Hoàng Việt viết "Tình ca". Hàng loạt nhạc sĩ đương đại khác viết hàng loạt tình ca khác. Nhạc sĩ Phạm Tuyên vừa phổ xong bài thơ về tình yêu, có câu:

Không chỉ chiến công mới thành lịch sử

Mà yêu nhau cũng đáng để tôn thờ...

thì quả là cái lý của con tim đã mách bảo những con người tìm đến niềm thiêng và vĩnh hằng bất tử ấy.

Những viên ngọc dù có bị vùi lấp, che khuất, chôn xuống đất, dìm dưới ao... nó vẫn cứ lấp lánh nguyên giá trị của mình.

Quan họ tồn tại đến bao giờ? Chưa biết. Nhưng chắc rằng còn có những con người tìm nhau, yêu nhau, say đắm nhau, si mê

nhau, xao xuyến vì nhau, hồi hộp bứt rứt vì nhau, làm thơ vì nhau, ca hát vì nhau...thì Quan họ vẫn còn là tiếng nói của những con tim tìm đến truyền đến những con tim.

Lời thơ ấy, ánh mắt ấy, làn điệu ấy quả đã thành thứ bùa ngải đầy ma lực, khiến con người hút chặt lấy nhau không bao giờ rời xa nữa...

Xuân Quý Dậu

1-1993

Tài hoa tao nhã

Thanh niên Hà Nội đang có thú chơi gì? Nhiều lắm. Cả cái thanh cao, sôi nổi, ồn ã lẫn cái tạp nham, nguy hiểm và tội lỗi... vũ hội, mốt quần áo, điểm trang, nhạc Rốc, đua xe máy, cờ bạc, chửi tục, thậm chí đấm đá đâm chém nhau.

Còn người có tuổi? Lớp trí thức, nhân sĩ ưa cái tao nhã hào hoa của Hà Nội, nay đã có tuổi, chẳng lẽ không có cái thú chơi gì chăng? Chẳng lẽ chỉ ngồi đếm tuổi già trong căn phòng chật hẹp? Chống ba toong ra đường thì sợ xe đâm xe chẹt, chơi hoa thì nhà quá chật chội, chơi cây cảnh cá vàng thì không đủ điều kiện vật chất để mua cây giống, chậu cảnh bể cá, lồng chim... Tập thể dục buổi sáng ở câu lạc bộ ngoài trời có gọi là thú chơi được không? Quần vợt là của dân giàu sang. Bơi lội không phù hợp với tuổi già. Uống trà một mình mãi cũng chán. Đọc sách nghe đài nhiều cũng mệt mắt, mỏi não...

Vậy các cụ các ông có cái gì để di dưỡng tinh thần khi con ngựa thời gian cứ phi qua cửa sổ ngày mỗi nhanh hơn?

Có đấy. Những con người Hà Nội ấy vẫn vượt qua khắc nghiệt của tuổi tác, những eo hẹp của hoàn cảnh kinh tế, những xô bồ của đời sống đô thị đang tự thay đổi mình... tìm ra thú chơi rất Hà Nội với phong thái ung dung, nội hàm văn hóa, tính chất hào hoa...

Một thứ xa lông không cố định ở một địa điểm nào, một thính phòng không ở một căn phòng nào. Nó cũng không hẳn là một câu lạc bộ vì không cần có nội quy, điều kiện. Chỉ là một tập hợp những tri âm tri kỷ, những tâm hồn đồng điệu bất kể nghề nghiệp khác nhau, tuổi tác chênh nhau hàng thế hệ, trình độ và vốn sống xa nhau...

Một thú chơi chưa có tên nhưng đem lại những niềm vui to lớn cho nhiều người, yêu đời, tăng sức khỏe, góp vào nền văn hóa chung của Hà Nội.

Trung thu vừa rồi, thú chơi này diễn ra trên đảo Hòa Bình trong công viên Lê-nin. Những gương mặt nhiều người chưa gặp nhưng tên tuổi khá quen thuộc với nhiều người. Luật sư *Nguyễn Thành Vĩnh*, họa sĩ *Phan Kế An*, nhà văn *Thanh Châu*, họa sĩ *Phạm Viết Song*, nhà thơ *Ngô Linh Ngọc*, nhà sưu tầm *Chiêu Dương*, bác sĩ *Phan Thanh Hoài*, nữ họa sĩ *Minh Mỹ*, giáo sư triết học *Phong Hiền*, cặp nghệ sĩ *Vũ Văn Thoại - Hồng Tuyết*, nghệ sĩ *Ngọc Bích* phụ trách ca Huế của Đài Tiếng nói Việt Nam cùng một số cán bộ trung cao cấp về hưu, bộ đội phục viên, tổ thơ Mai Động v.v...

Ngoài kia, con đường Một rộn rã người xe, tiếng còi tầu chào Hà Nội, xả tốc độ vô Nam, thì ở đây trên bãi cỏ xanh, trên màu xanh nguyên thủy ngàn đời, một bữa ăn nguội thanh đạm được dọn ra như một cuộc cắm trại, một cuộc đi chơi dã ngoại, thêm cả trà rượu để nhâm nhi với bánh trung thu, bánh đậu Hải Dương, lạc rang giòn... ăn để mà chơi, trong gió trời, trong hơi sóng gợn, trong trăng lên mờ ảo... Khi con đò đưa đoàn khách lên đảo Hòa Bình thì đàn cò mới về đã ngủ yên trên tán cây um tùm, một hương nhài đâu đó thoảng nhẹ, một áng hương trầm loang xa... trong những bước chân nhẹ nhàng bước lên căn nhà sàn như

hoang sơ, như tĩnh mịch, như cô liêu thanh vắng, như từ chối những đua chen vật lộn.

Đây mới là lúc chính thức của cuộc vui. Tri âm tìm tri kỷ. Tử Kỳ là phải có Bá Nha, có tiếng đàn là có không khí cho trái tim gửi lời tâm sự, cho trí não bay bổng trong thư giãn cùng thiên nhiên...

Bác Vũ Văn Thoại, một cán bộ cấp Vụ của cơ quan Nhà nước cấp cao, trở thành nghệ sĩ, rung những ngón tay; lướt trên dây tơ đàn nguyệt buông bắt những âm thanh từ vô hình thành hiện hữu, đệm cho giọng ca Huế mượt mà khỏe khoắn của nữ nghệ sĩ Hồng Tuyết, người bạn đời còn rất tươi trẻ của mình.

Nam bằng, nam ái, tứ đại cảnh, lý năm canh, lý ngựa ô... Hồ Bẩy mẫu chợt biến thành sông Hương - thành phố kết nghĩa với Hà Nội - từ lúc nào. Nhà sàn thành con thuyền bồng bềnh như đang trôi từ ngã ba Tuần, nơi hợp lưu của nguồn Tả Trạch và Hữu Trạch thành sông Hương, con sông thơm, con sông êm đềm mơ mộng, và thuyền trôi, sắp gặp cầu Trường Tiền mười hai nhịp. Huế ơi, Thăng Long đây, những tấm lòng vời vợi nhớ thương một thuở, ta xa vời, hãy trở lại với nhau, nhờ tiếng hò man mác, nhịp song loan hờ hững, tiếng đàn mênh mang...

Có ngâm thơ đọc thơ, có chuyện vui, hồi ức, nhưng sắc màu ca Huế là chủ đạo của tròn trăng mười sáu đêm nay.

Ôi duyên nợ tìm nhau, chan chứa đến cả một Huyền Trân công chúa trong nỗi hờn xa xứ, bỗng chốc lại dồn dập khi vó ngựa vượt Hải Vân quan đầy mây phủ...

Như không cầm lòng được, nhà thơ Ngô Linh Ngọc bật ra tứ thơ mới về thành phố có cơm hến, bánh bèo. Và có ai ngờ, luật sư Nguyễn Thành Vĩnh, con người suốt đời gắn bó với những điều luật khô khan, bỗng lại thành con người tài hoa đến thế, đặt

lời cho khúc ca, tự ngồi vào chiếu, so dây nắm phím, tang tình mà say đắm, hào hoa như một lãng tử, khiến người nghe như cùng bay bổng cùng du dương trên núi Ngự sông Hương...

Không khí đàn ca không hiu hắt như *bến Tầm Dương canh khuya đưa khách*, và cũng không *Tay ôm đàn che nửa mặt hoa* như trong bài Tỳ Bà Hành, mà ở đây là sum vầy, đoàn tụ, là người hát người đàn cùng với người nghe là một, chan hòa trong mối tình chung đồng cảm, cùng hồi hộp theo dõi người con gái thức suốt năm canh chờ người yêu mà vẫn xa vẫn hoàn xa vắng:

Canh một thơ thẩn vào ra

Chờ trăng trăng xế chờ hoa hoa tàn...

đến nỗi:

Canh ba sương nhuộm cành mai

Bóng em em ngỡ bóng ai mơ màng...

và kết thúc bằng câu ca não lòng, u uẩn:

Canh năm đóng cửa cài then...

khiến cử tọa như giật mình bừng tỉnh sau cơn mơ khi tiếng ca dừng lại trong tiếng đàn còn rung từ một nơi nào xa thẳm.

Nhà văn Thanh Châu 80 tuổi xúc động kể lại kỷ niệm về xứ Huế những năm ba mươi, ông cùng nhà văn Nguyễn Tuân trong những ngày bế tắc, đi thuyền trên sông Hương, nghe câu hò Huế, nhớ mãi bài *A di Đà Phật* khi trong lòng đang hoang mang, sau đó Nguyễn Tuân bay sang Hồng Kông đóng phim *Cánh đồng Ma* còn Thanh Châu trở về Hà Nội làm con thuyền không bến đỗ. Họa sĩ Phạm Viết Song vẽ tranh, không có tiền làm triển lãm phải treo nhờ trong một ngôi chùa, bán được tranh mới có tiền cơm.

Sau này nhà sư ấy cũng đi bộ đội, làm đến cấp tướng, và *Nhìn nhau trông mặt cả cười* (Kiều). Nữ họa sĩ Minh Mỹ, người có tranh bày tại Vaticăng, hôm nay ít nói, chỉ theo mắt như để thấm mầu tím Huế trong câu ca vào lòng. Nhà thơ nữ lão thành Thanh Vân cũng góp một bài thơ Đường luật cho phong phú thêm một đêm cổ điển.

Ngoài kia cô Hằng Nga mười sáu đã tròn mặt nguyệt trên ngọn xà cừ trong tiếng gió thu lao xao của mùa thu đẹp nhất trong năm.

Con đò rời đảo Hòa Bình khi khuya, khiến đàn cá nhảy rào rào lên thuyền khi tiếng róc rách thì thầm, làm ướt cả áo thi nhân ca sĩ, nhưng chỉ rộ tiếng cười chứ không ai sợ *chim sa cá nhảy.*

Những con người Hà Nội ấy, những trái tim có tuổi mà vẫn đập say mê ấy lại có thêm sức mới để tiếp tục làm đẹp cuộc đời, người viết văn, kẻ vẽ tranh, người chữa bệnh, kẻ đàn ca, người làm luật... và hẹn nhau kỳ sau có thể là trên sông Nhuệ, có thể trên Hồ Tây, cũng có thể trên một khoang sân thượng bát ngát gió trăng hay trong một khu vườn sinh vật cảnh đầy kỳ hoa dã thảo...

Cổng công viên trông ra đường số Một đêm ấy có người đi xe đạp, có người đi bộ ra về. Nhà sưu tầm Chiêu Dương còn đùa: Trong *hội ta* không ai đi xe máy nhỉ? Phải chăng thú chơi này không ưa chất cơ giới và khí thải độc hại. Nó chỉ phù hợp với những trái tim và những tấm lòng yêu Hà Nội một cách lặng lẽ nhưng say mê.

9-1991

Ánh lửa tâm linh

Phố Trần Quốc Toản của Hà Nội là một phố nhỏ, tuy dài nhưng hẹp, nhà một hai tầng là chủ yếu, và xưa nay nó vốn là một phố để ở, phần lớn là trung lưu, công chức... Một vài gốc hoàng lan cổ thụ cho Hà Nội những đêm thơm, mấy dây hoa ti gôn tím đỏ bò trên tường vươn cánh tay ra ngoài như chờ được nâng đỡ, thứ hoa biểu tượng của tình yêu tan vỡ kể từ truyện ngắn của Thanh Châu, khoảng năm 1937 sau đó mà xuất hiện ba bài thơ của T.T.Kh. thành một cái "án" văn chương chứa chan lãng mạn, say đắm và cũng đầy than vãn nghi ngờ như tiếng thở dài. Đến nay cũng chưa ai khẳng định T.T.Kh. là ai và ngoài ba bài thơ ấy, không bao giờ thấy tác giả xuất hiện thêm lần nào nữa.

Gần đây ở cái phố lãng đãng dăm mảnh hoa Móc điều (hoa giấy), vài chậu địa lan, mấy cây râm bụt ấy có một cuộc gặp gỡ thân tình say sưa, trong sáng của một số văn nghệ sĩ từng hoạt động khá lâu năm ở Hà Nội.

Có người sinh trưởng ở thành phố này, cũng có người nguyên quán ở tỉnh, thành nào đó, một vùng quê nào đó, nhưng các anh đều lớn lên, xây dựng đời mình và đóng góp sức mình cho Hà Nội, như một người Hà Nội một trăm lẻ một phần trăm.

Lâu nay có một mảng văn học hầu như bị bỏ quên. Dù là vô tình hay hữu ý thì cũng là chưa phải, có cái gì tội tội. Bởi phần

lớn những người đóng góp cho mảng văn học ấy, xét ra, chả có tội tình gì, mà tâm hồn họ vẫn luôn trong sáng, trái tim họ vẫn chung nhịp đập với triệu người. Chỉ vì hoàn cảnh nào đó, mà họ đành phải có mặt ở Hà Nội giai đoạn 1950 - 1954 ấy. Chưa kể trong số họ, có nhiều người vẫn theo đuổi nghề bút mực cho đến nay, cống hiến trọn đời mình cho văn học, hiện là những cây bút có uy tín, có tấm lòng nồng nàn với Hà Nội, có nghề nghiệp vững vàng trong cái nghề đầy gian nan này, được nhiều độc giả yêu mến trên văn đàn cũng như trên mặt báo chí.

Cũng không nhớ ai là người đầu tiên đề xuất ra cuộc gặp mặt những tri âm tri kỷ ấy. Hình như là sắp đến ngày 10-10-1994, tròn bốn mươi năm Hà Nội được giải phóng, các anh đều bồi hồi nhớ lại cái mốc son lịch sử, chứng kiến tận mắt những ngày sang thu trời bàng bạc màu sữa, gió se se lạnh vai áo, lòng người xốn xang hồi hộp đợi chờ... Khi quân Pháp rút đi, một rừng cờ đỏ xuất hiện như có phép lạ, rợp Hà Nội tươi xanh... Các anh như sống lại một mảng đời mình trong mảng đời Hà Nội mà tâm lực não cân từng tuôn trào nơi đầu ngọn bút trong mấy năm Hà Nội ấy và nay có cái gì cựa quậy như tự hào, như bâng khuâng, như hồi sinh, như tấm gương được lau lại, như bức tranh được xóa bụi, treo lên, như bài thơ bỗng ngân vang trong không gian trong trẻo... vì vậy mà dù chỉ đơn sơ mấy hạt hướng dương, vài đĩa lạc rang, chai rượu vơi nửa, chén trà thanh đạm, các anh cũng ha hả cười, nhìn thẳng vào nhau, không ai thẹn với ai và không ai thẹn với chính lòng mình, một người Hà Nội, một người Việt Nam.

Có anh thẳng thắn nhắc lại: công bằng mà nói, giai đoạn ấy, vàng thau lẫn lộn, thiếu gì những thứ lộn sòng dưới ngòi bút lọc lừa, con mắt đen tối... cho nên có người cố tình quên nó, âu cũng thường tình. Tuy vậy những anh em còn đến hôm nay, sau bốn mươi năm, có người gặp nhau thường xuyên, có người chỉ biết

qua tác phẩm hôm nay mới biết mặt nhau... đều là những đứa con trung thành, trong sạch của thành phố quê hương này.

Không kể nhà văn Thanh Châu năm nay đã ngoài 80 tuổi là nhà văn lớp trước, lớp đàn anh, có tác phẩm xuất bản từ những năm ba mươi, lúc nào cũng như có nụ cười trên miệng, nói nhỏ nhẹ phải lắng nghe mới thấy, còn có nhà giáo, nhà thơ, nhà nghiên cứu Hoài Việt (tức Việt Hoài) vừa xuất bản một loạt tác phẩm nghiên cứu sưu tầm về các nhà văn nhà thơ lớp trước, đang ở Sài Gòn, tình cờ có mặt ở Hà Nội... còn có Hoàng Công Khanh, người viết kịch thơ *Về Hồ* từ năm 1945, nổi tiếng với vở kịch thơ *Bến Nước Ngũ Bồ* giai đoạn ấy cùng cuốn lý luận *Quan điểm Văn nghệ nhân dân*, và lại vừa ra mắt bạn đọc cuốn *Nhạn Lai Hồng*, nói về nhà tù Sơn La, được dư luận đánh giá tốt... còn có Lê Tám, một cán bộ Ban Tuyên huấn lâu năm (nay là Ban Văn hóa tư tưởng Trung ương), có rất nhiều thơ trữ tình ngày ấy, hoạt động bí mật, bị lộ, phải rời Hà Nội ra hậu phương và trở về tiếp quản Thủ đô... Còn có Giang Quân, một nhà báo lâu năm, làm thơ, viết kịch thơ, mới có cuốn thơ khá hay *Gió đợi hương chờ*, đồng thời mấy chục năm là cán bộ Sở Văn hóa, người cùng quê Cẩm Giàng với Thạch Lam...; còn có Vân Long, một nhà thơ mới được giải thơ của Hội Văn học Hà Nội với tập *Vào thu*, một biên tập viên thơ có uy tín của Nhà xuất bản *Tác phẩm mới* của Hội Nhà văn Việt Nam...;còn có Nguyễn Hà, từng ký tên Huyền Sơn, một người vừa làm thơ ngọt ngào vừa là nhà báo xông xáo, vì vướng vào vụ *Nhân văn*, anh phải luân lạc suốt 15 năm lên Vĩnh Phú, làm công nhân sửa đường, mấy năm nay anh xuất bản liền ba tập thơ (tập mới nhất cùng với Băng Sơn)... còn có Hạnh Hoàng Thu, nay ít làm thơ, loại thơ ngọt ngào tuổi hoa niên mà đi viết tùy bút dưới bút danh Nguyễn Năng, đăng tải trên nhiều báo...

Cũng còn có Băng Hồ, chủ nhân gian gác hẹp cho anh em ngồi gặp nhau ngay trên sàn gạch hoa mộc mạc. Nhiều người vẫn

còn nhớ anh là tác giả nhiều thơ, nhất là truyện ngắn đầy chất dân dã quê hương Việt Nam, có con đò, lũy tre, có cô thôn nữ, chàng trai chân tình yêu nhau dưới hương hoa lý hoa cau, cùng bát canh khoai thấm đậm đồng làng... và còn có Băng Sơn, anh làm thơ suốt mấy chục năm qua, nay anh viết tùy bút là chính, vừa xuất bản liền ba tập gồm những bút ký tùy bút về Hà Nội, về cách ăn, cách mặc, cách chơi của người Hà Nội, trong đó có một cuốn gồm những bài văn cực ngắn viết cho trẻ em, nhưng thực ra lại là những bài thơ bằng văn xuôi cho người lớn, được nhiều người tìm đọc. Nay trên mặt báo tuần cũng như báo ngày, báo tháng anh vẫn xuất hiện đều đặn dưới nhiều loại hình văn học...

Những gương mặt này chưa phải và cũng chưa là đại diện đầy đủ cho Hà Nội, nhưng cũng không thể nói họ chỉ là những người vô danh, không đóng góp gì cho Hà Nội, từ giai đoạn 1950 - 1954 cho suốt đến ngày nay.

Các anh có Hà Nội ở trong lòng. Hà Nội có các anh trong mình, làm Hà Nội đáng yêu thêm.

Tiếc còn nhiều người viết ở giai đoạn ấy nhưng hôm nay không có mặt hoặc đã nằm xuống vĩnh viễn, như Thanh Hào, Vũ Minh Tân, Thùy Linh, Thi Thi Tống Ngọc, Nguyễn Minh Lang, Vũ Đức Toa, Mọc Đình Nhân, Tú Sụn, Tú Lỡm, Ngân Giang, Ngọc Giao, Song Nhất Nữ, Hoàng Phụng Tỵ, Nguyễn Hoàng Quân...

Thời gian, thời tiết vốn vô tình, nhưng không hiểu sao, giữa những ngày ong ả chói chang của mùa hè, mà đột nhiên hôm nay, trời như chuyển thu, gió mát ngát xa, hay vì những tiếng cười ở đây làm gió cũng yêu đời nên về sớm? Anh Tất Đạt một nhà nhiếp ảnh tình cờ biết tin cũng vội vã đến ghi vài tấm hình làm kỷ niệm cho mọi người và cho bản thân mình vì từ lâu đã biết tên các anh nhưng hôm nay mới được biết mặt. Còn Băng Hồ, tức cảnh:

Hôm nay gặp lại cười rưng lệ
Dâu bể vần xoay chẳng mất mình
Chuyện cũ đượm nồng chiều nắng xế
Tình xưa tỏa sáng ánh tâm linh...

Đúng là tâm linh các anh vẫn tỏa sáng, vượt qua mọi gian lao cùng Hà Nội, lúc chiến tranh, khi bão tố...; Sức sống trong các anh vẫn chứa chan, nhiều người đang sung sức, bất luận tuổi già rình rập sau lưng, có lẽ người Hà Nội là thế, các anh là thế...

7-1993

Tiếng Hoa

Ta vẫn nghe thấy dù bao giờ cũng chỉ là tiếng rất thầm, thầm đến nỗi không thể nghe bằng tai mà chỉ bằng tâm tưởng, bằng linh cảm, bằng ảo giác. Vậy mà nó có thực, nó xao động những vòng sáng tròn khi ta ném viên sỏi nhỏ xuống mặt hồ lặng gió.

Vài bông hồng tươi mởn ngày sinh nhật, sắc màu đằm thắm đến bâng khuâng. Nói gì cũng là thừa khi âm thanh đã nồng nàn dâng đầy trong đôi mắt tìm nhau, những đôi mắt trong veo chưa gợn chút trần tục.

Bó hoa cưới trao nhau, sắc trắng băng trinh những lời nói im lặng trong đêm thần chỉ một lần xuất hiện mỗi đời người. Ai nói hay hoa nói? Ai trả lời hay hoa trả lời. Chả ai nghe được ngoài hai người đã thành một, để vũ trụ sinh tồn, để trái đất cũng say sưa.

Cảm ơn người chồng đã đem hoa đến nhà hộ sinh đón người bạn đời và đón một mầm sống vừa trình diện nhân gian. Bông cẩm chướng như máu tim, hương thơm như hạnh phúc còn rung rinh hơi sương của làng hoa họp gần về sáng, còn rung rinh trên môi người đàn bà đầu tiên biết rằng mình được làm mẹ. Chúng ta là của nhau mãi mãi. Con chúng ta sẽ khôn lớn trong tình hoa chẳng biết úa tàn.

Tiếng mùa xuân đã rì rầm trong mạch đất. Nắng hanh và mưa bụi. Trăng lạnh và sớm mai hồng. Gió nồm và mây phiêu bạt... Hồn hoa thu nhận tiếng không gian ấy để hóa thành tinh khôi đóa cúc, khi phai tàn còn lên lời trong chén rượu hoàng hoa, thành bông thược dược rực rỡ như thiếu phụ đủ đầy chan chứa, thành cánh hải đường lóe lửa trong kẽ diệp lục xanh già, thành bông hoa mảnh như tơ, như lụa, cứ tươi rói lên trong hương xuân rạo rực. Mùa xuân, mùa đẹp nhất một năm. Tuổi xuân, tuổi đẹp nhất một đời và hoa xuân... thiếu hoa xuân thì xuân trở thành góa bụa, cái đẹp muôn lòng chờ đợi kia chỉ còn là nỗi vật vờ, khắc khoải, chia xa, lỡ làng, hiu quạnh...

Chiều lâng lâng hoa lý. Đêm bát ngát hương quỳnh. Ngâu đó vô cớ mà bứt rứt, hoa mộc ơi thơm về đâu mà kín như lời gái quê không ngỏ, khác hẳn dạ lan hương rợn lên từng đợt trêu đùa như cô gái đa tình váy tung bay trong gió lộng...

Đường trưa bóng tre ven làng, nhẹ bẫng làn sen. Con thuyền thúng lỏng lảnh tay sào, chìm khuất trong những chiếc ô xanh để ngược màu xanh bạc, cứ thả những con bướm vô hình mang đầy hương trên cánh đậu vào má vào ngực ta mà nói những lời đồng quê rộng lòng mở đón, đậu cả sâu thẳm lòng ta thứ hương thứ lời mà thành phố xô bồ làm sao có được.

Có lời thu vừa đi qua, dùng dằng nơi cửa sổ, bắt ta hóa thân dõi tìm. Ngọc lan như ngọn bút màu ngà, mực là gì nhỉ hay chỉ là nỗi lênh láng tâm tư, khiến hoa cứ bay, cánh cứ rụng mà viết mãi chẳng thành khúc điệu. Hoàng lan giơ ngón tay ẻo lả vẫy theo ta, rồi vụt biến đi, chỉ còn để lại một hồ ly mềm như tóc đêm sâu vắng vẻ.

Người đã xa nghìn trùng. Người đã thành dĩ vãng, vậy mà hoa sữa như mùi quả doi chín mọng đầu môi, như mùi mộng mị... lại

về từ lúc chạng vạng đến khi ánh đèn mờ đục phố khuya. Hoa bay đi đâu, về tận nẻo nào có mang đi nỗi ngỏ của ta không thể nói cùng ai. Đừng, đừng vội thế người ơi mà vấp vào gió đấy, ngã trong gió thì ai đỡ nổi. Hoa sữa làm chỗ tựa ư, nhưng hoa sữa cũng ngã theo rồi.

Sức nặng của mái đầu ngả bên vai ta còn nặng hơn trái đất những làn tóc bù tung kia là mây lất phất xoáy vào da thịt đê mê. Nào ta đi bên nhau, suốt mùa hoa, suốt mùa đời, suốt mùa tình ái.

Trưa nào đồng quạnh chang chang, hoa súng nói gì trong cánh tím, nhọn sắc như lời ai oán, còn hoa trang trắng tinh lại nhỏ li ti, khiêm tốn như tấm lòng thơm thảo, chỉ biết cho mà không cần nhận, chỉ biết vì kẻ khác mà chả nghĩ đến mình, cái mình nhỏ nhoi tội nghiệp...

Đừng bắt ta ngủ, đêm hoa bưởi nhé. Bờ giếng hay rặng duối đầu thôn, tiếng sương hay tiếng lóc bóc rỏ từ chiếc gầu thủng đáy xuống lòng sâu mặt giếng, có lẽ chỉ là tiếng hoa bưởi hiện nguyên hình tà áo trắng cánh hoa, chút nhị vàng như cái choáng váng của chén rượu mật ong quá liều dại dột. Qua đông rét mướt, mùa đã chuyển sang nồm, không gian ấm như bàn tay, mềm như sự nhận lời trong chiếc gật đầu rồi ù té chạy.

Buồn ơi, không đành đi. Hãy đặt cái vội vàng xuống hè đường, để một lần mặc niệm những vòng hoa đang chậm rãi ra đi. Lời hoa thành màu đen trên dải vải vắt ngang cuộc sống hình tròn hay bầu dục thành tiếng kèn già lam nức nở và tiếng trống cơm não nùng đưa linh đem cả những vòng hoa tươi kia vào héo hắt, mỗi bông hoa còn chứa cả linh hồn nuối tiếc ấm êm đời sống trần gian. Đêm nay, người có trở lại đường này, tìm theo dấu vết những lời hương vang vọng dù màu sắc của hoa đã tan loãng thành đen, để về với căn phòng vui ánh đèn đoàn tụ. Chắc người

không đành một đi là mãi mãi bởi khuôn hình của cuốn phim đời vẫn lên tiếng gọi thiết tha, bởi những nốt nhạc trên cây đàn đã mở nắp chờ tay người bấm phím.

Càng ám ảnh hơn, càng xót thương hơn, khi đó là vòng hoa trắng. Nào huệ nào cúc trắng, nào bạch dương, nào loa kèn... hoa còn ngậm sâu những lời áp úng chưa hề ngỏ, còn phong kín một tâm hồn như chiếc bầu đàn chưa có bàn tay rung ngón.

Xin được khuây khỏa để đi hái một bông đồng thảo, nhỏ nhoi, khiêm tốn, mọc lẫn vào trong cỏ, khiêm tốn đến nỗi người qua không ngoái lại đến độ tên cũng bị lãng quên, không còn ai gọi là Viôlét mà cứ nhầm với Chân chim mờ nhạt, có sắc tím mà chẳng có lời hương. Đồng thảo ơi, viôlét ơi, pha cả trời xanh vào sắc tím này, hòa cả ánh hồng pha lam vào cánh mỏng, thế mà vẫn cứ le lói chút lửa vàng, như một chiếc lông con chim hoàng yến khiến ta nghe lảnh lót, lời hót nhỏ như tiếng sương chưa đọng giọt lúc vào đêm.

Phong lan sống bằng gió. Địa lan dựa vào đất. Dung dị mà cũng cao sang, khiến đôi khi ta thấy mình chỉ là chàng trai xấu số, xấu người Trương Chi gửi lầm tình yêu vào nàng hoa vương giả My Nương. Đâu dám sàm sỡ, cũng chẳng dám thô kệch cùng hoa, những lời cứ như bức mành vén nửa trên lầu, còn ta là ngọn cỏ bờ sông.

Nhưng ta có thể đam mê bông hồng nhung hàm tiếu, kiêu sa vẫn gần kề có thể nghe những tia mặt trời tỏa ấm trong bông hoa đồng tiền đỏ rực, hay tâm sự cùng khóm păng xê mơn mởn, lúc nào cũng như đàn bướm sắp bay ra, sà vào lòng ta đầy tím và những lời lưu luyến cũng tím như mơ.

Đôi khi ta ngả mình trên bãi cỏ đồng xa, chạm tay vào cây trinh nữ, cây liền vội khép lá mi nhưng bông hoa màu sen vẫn

rung rinh như bông hoa tai của ai vừa bỏ quên trước ta giây phút, cứ hững hờ mặc người trêu cợt. Cũng có khi ta gặp đám hoa mua lúp xúp ven đường, hoa lên tiếng mời ta ngắm nghía cho quên mệt nhọc đường dài, mà tận hưởng cái hoang dã trong sắc tím chẳng được ai nâng niu chăm sóc.

Bao đêm một mình, ta thả hồn ta lang thang vào gió, hồn hoa cũng dăng những tà áo mỏng manh dệt - thành cánh võng có lời ru siêu thoát, dẫn ta đến khu vườn mà ban ngày chẳng thể có trên trần, hoa nói cùng ta lời mệt mê của người đi tìm tri âm bị đứt đoạn thuở nào.

Ta nghe, hoa ơi. Ta ôm lời hoa vào da thịt cho bật ra cung điệu mà người con gái độc nhất trên đời này đã cho ta, cho ta từ phút chớm run rẩy đầu tiên cho tới vô cùng...

1993

Giao mùa

Miền Bắc và Hà Nội có bốn mùa rõ rệt. Chỉ riêng những ngày giao mùa, những ngày ta cảm nhận qua da thịt sự thay đổi của thiên nhiên từ cỏ cây hoa lá, mặt sông gương hồ, con đường lối ngõ... đến những gương mặt người như vận động theo bàn tay nhạc trưởng tài tình nào đó... ta lại cảm thấy xốn xang, như không thể không ra phố, không thể không rải những bước chân trên một con đường nào đó để ta được thấm đẫm thiên nhiên và con người vào mình.

Nghĩ thương cho con người nào ở vùng quanh năm giá buốt lạnh lùng. Cũng lại thương cho ai chang chang suốt bốn mùa nắng đổ, không được biết cái tê tê của cảm giác, cái lâng lâng của tâm hồn, cái nhè nhẹ man mác trong bước đi, cái long lanh giao cảm trong ánh mắt...

Xem kìa, những áo len áo dạ, áo khoác, mũ chùm... làm con người to sụ đã biến đi đâu hết, để trên khắp nẻo đường chỉ còn lại sự mảnh mai, thanh thoát như có thể bay lên, lướt đi, nhẹ tênh tênh trong một bầu trời vừa được lau bóng, trên các tầng cây vừa được rửa sạch, giữa mặt đường như mở rộng lòng...

Một dáng lưng eo có mớ tóc trễ tràng phơ phất nửa phía ngực nửa phía lưng, không còn bị giam cầm trong cái mũ cái khăn... Thoáng như gương mờ, như khói phủ một nước da thiếu nắng

mùa đông, bây giờ được bắt đầu, những giờ đầu, những ngày đầu được phô ra cùng gió ấm, cùng nắng tươi, cánh tay trần mịn màng, trắng như ngà voi, như ngó cần, khiến ta phải sửng sốt vì tạo hóa đã làm ra một tác phẩm kỳ vĩ: CON NGƯỜI, hơn nữa lại là người con gái.

Có thể rùng mình ngây ngất không dám nhìn thẳng vào cái gáy trắng như mơ, đều đặn đến phát say, có vài sợi tóc vô tư vô tình lướt qua càng tôn vẻ đẹp đến mê tơi, đáng chết cho người yêu cái đẹp.

Chỉ có những ngày giao mùa kỳ ảo này mới có những vẻ thanh tân kỳ thú ấy. Vừa qua cơn rét làm con người co lại, tái đi, che kín bịt bùng, mất hết sự mềm mại yêu kiều. Và ít ngày nữa thôi, nắng sẽ lên; mồ hôi vất vả, nắng rám da ngà, dáng đi vội vàng bứt rứt vì tiếng ve làm khô cảm giác, vì bụi nắng làm rực tâm hồn...

Còn bây giờ, những ngày sang mùa ngắn ngủi này đang tự phô diễn mình một cách sảng khoái như sau chặng đường xa đầy khấp khểnh nhọc nhằn, được tắm thỏa thích, và nằm nghỉ ngơi trong cái uể oải dịu dàng, có hơi sữa thơm thơm của bé thơ dụi vào má ta...

Hoa bưởi đã thành quả xanh tí tẹo treo la đà. Những gốc vàng anh cổ thụ, từng chùm hoa vàng rộm da cam cũng đã tàn, tàn theo màn mưa xuân xa khuất. Những tán bàng không còn là những ngọn nến xanh le lói, mà đã đầy lên như thảm để sẵn sàng chờ đón đàn ve sầu tung vào đây bản nhạc mùa hè gắt gỏng. Những rặng sấu thả đầy lá vàng trên mặt đất như gửi thư từ biệt mùa xuân, trên cành non lộc láng bóng như kem trang điểm, nụ chưa thành hình, bông hoa sấu trắng li ti hình chuông còn tàng hình trong gốc.

Tạm biệt những cơn gió mùa như kim châm, như dao cắt. Mai hay ngày kia, hay hôm nào nhỉ, tiếng sấm đầu mùa sẽ rền vang đâu đó, rền vang từ nơi sâu thẳm mong chờ, rồi mang về tiếng lộp bộp rúc rích của cơn mưa đầu như nhịp cười tuổi hoa niên. Nó là hồi trống mở màn cho sân khấu mùa hè, nó cũng mang cho ta sự hồi hộp như khi ta chờ cái gật đầu, có khi chỉ là im lặng mỉm cười, của người ta yêu, ta ngỏ một lời cất giữ từ lâu.

Mưa phùn đã thôi rỉ rả làm ê ẩm lòng ta những ngày dầm dề ướt át. Nắng mới chỉ đủ hoe trên đầu ngọn liễu, ngọn lộc vừng, trên mái tóc để trần của ai đó trẻ trung. Nắng chưa đủ bật ra những chùm hoa phượng hay bông lựu lập lòe. Nắng mới chớm dậy thì. Còn gió, những làn gió như sờ được làm hồ sóng lăn tăn xanh, thứ sóng xanh đầy gợi cảm như trang thư hy vọng ta từng đặt lên đó cả trái tim vụng về...

Cái chăn bông chưa cất đi nhưng không dùng đến, chỉ để hờ nơi chân giường, có cái quạt nan quạt giấy làm bạn, có thể phơ phất xa xôi khi có con muỗi vo ve tinh nghịch. Không đắp thì hơi lạnh, nhưng đắp thì hai vai hầm hập, khó chịu, khó chịu như phải ngồi ăn chung mâm với người hoàn toàn xa lạ và món ăn xa lạ.

Hãy mở tung cửa sổ cho hương đêm ào ạt ướp hương ướp hoa, ướp mát ướp lành vào cái vỏ chăn đơn cho nóng lạnh hòa nhau, như âm có dương, như chồng có vợ, như gương mặt có nụ cười.

Những người đàn ông khỏe mạnh tráng niên đã mặc áo cộc tay mà thắt cà vạt làm xao xuyến lòng người thiếu phụ trẻ cô đơn. Vừa nóng vừa lạnh mà vẫn sóng đôi, đâu có cần phải vét tông, măng tô mới điểm dáng chiếc cà vạt cho đồng bộ. Thân hình cường kiện phô ra một cách kín đáo như tiếng song loan điểm nhịp một cách khiêm tốn cho dàn nhạc dây vang rền.

Chưa đến mùa ăn canh rau đay với cà muối xổi. Cũng không còn là mùa ăn cá kho khô với hạt tiêu nồng nàn. Người phụ nữ tài hoa phải phân vân khi cầm chiếc làn đi chợ, biết làm món gì đây cho người chồng yêu quý, kỹ ăn? Phải rồi, quả dưa chuột thái vát thay rau. Nó mát thanh, giòn tan. Nó xanh biếc tươi lành. Nó không mùa xuân cũng chưa mùa hạ. Nó điểm nhịp, hòa đồng cùng con tôm rang, khúc cá rim, đĩa trứng tráng có thìa là phảng phất vườn quê...

Cũng lạ, những ngày giao mùa ấy, cái nóng cái lạnh đan vào nhau thì lại gặp bà hàng bán sứa ngồi ở một ngã tư. Miếng sứa tươi trong như thạch, sáng như pha lê, giòn như sụn, mát như đá, đỏ như vông, kèm theo là kinh giới xanh ngần, đậu nướng vàng hươm, dưa chuột mọng nước, quả ớt kích thích cùng chút mắm tôm khiêu khích. Thanh nứa thay lưỡi dao, miếng sứa vuông vức như miếng bánh hay chéo nhọn như lá cờ đuôi nheo tí hon... có khi không thể đành lòng bước qua mà không quay lại, nghiêng vành nón để thưởng thức thứ quà đầu mùa, mỗi năm chỉ có một lần.

Đêm. Hoa sữa đã hết mùa. Hoa quỳnh chưa nở. Bằng lăng nước còn trong giấc mệt mê. Hoa nhài đang đi vắng. Tiếng dế không âm thầm nỉ non làm não dạ người trong gió đông. Con ve sầu cũng chưa lột xác. Hình như chỉ thoảng nhẹ, lãng đãng đâu đây một làn hương mơ hồ của hoa loa kèn, một thứ họ hàng cùng hoa huệ, thơm về đêm, làm cho làn hương ấy cũng mang màu trắng tinh khiết băng trinh của một thiên nhiên đang tự mình lột xác, thứ hương con gái, thứ hoa mộng ảo, thứ hoa đầy xuân tình mà một lần họa sĩ tài danh Tô Ngọc Vân đã cho nó bất tử trong tranh.

Con sông Hồng ngoài kia sắp hết mùa phô những cánh bãi non như da thịt đương thì, mỡ màng, phì nhiêu. Con lũ đỏ ngầu

cũng chưa về kịp. Cỏ bờ đê thì mướt xanh thay cho hoa may vàng úa tím trong chiều gió thổi căm căm. Được đi trên thảm cỏ xanh vừa nhú ấy, có cái gì thấm suốt từ gan bàn chân lên đỉnh tóc. Ta cảm nhận được thiên nhiên cũng như thời gian đang chầm chậm lướt qua bên ta như cánh buồm bình thản dong về chân trời, mang theo bí mật mà suốt đời ta tìm hiểu cũng không thể nào thấu được.

Những ngày giao mùa như thế, những con người thanh tân mong manh tà áo như sương như tơ như thế, một thiên nhiên kỳ ảo, như thế... Hà Nội mến yêu ơi, đất nước kỳ vĩ ơi, ta muốn chắp tay cảm tạ, bởi lòng ta cũng đang dào dạt sang mùa...

4-1993

Chiếc chiếu

Có thể người thành phố không biết cây cói, ruộng cói thế nào, nhưng đã là người Việt Nam hẳn không một ai không biết cái chiếu dệt từ thân cây cói.

Mẹ sinh ra con, con được đặt nằm ngay trên mặt chiếu, rải trên chõng nứa giường tre hay khá hơn thì giường gỗ xoan đào, gỗ lát vân hoa... Và cũng có thể, mẹ ơi, nhà mình nghèo quá, chỉ là manh chiếu đã rách giữa, đã sờn mép, phải gập đôi lại, rải ngay xuống nền đất góc nhà. Nhưng con vẫn lớn lên, bởi tình thương yêu của mẹ của cha, của xóm giềng làng mạc. Mùa hè thì thế. Nếu mùa đông, chiếc chiếu sẽ rập rờn như con thuyền trên sóng nhè nhẹ của chiếc ổ rơm lồng khồng, ấm áp.

Đố ai có thể tìm ra được một người nào rải khăn giường trắng, là phẳng trên chõng hay chiếc ổ rơm?

Chiếc chiếu trắng bình thường, sợi cói còn thô, còn to, nếu tốt hơn, gọi là chiếu đậu, nhà ai mà chẳng có dăm ba chiếc. Lành thì rải trên giường, rách thì rải xuống đất làm chiếu ăn cơm, hay cho trẻ nó chơi, không thể dùng được nữa thì che cửa bếp, chuồng trâu, đem ra đồng che chiếc lều chăn vịt, trông dưa hoặc xuống bờ con sông đào, che cho chiếc lều trên vó bè khum khum như trong tranh lụa... cho đến khi nào những sợi đay bị mủn, sợi cói tả tơi... chiếc chiếu mới đành vĩnh biệt con người.

Chiếu thật tốt, chiếu Đậu đấy, phơi sương cho thật trắng. Giường có chiếu hoa, chữ thọ, mép viền đỏ, có quả đào như tượng trưng cho hạnh phúc, chiếc lá xanh không bao giờ úa. Sang nữa thì chiếu viền cạp vải điều, có khi chiếu rách mà cạp vẫn còn bền.

Những chiếc giát tre, giát gỗ có thể nào thiếu chiếc chiếu rải lên khi tối đến. Nhà có khách, chiếc chiếu mới, chiếu lành mới được đem từ trong buồng, trên thanh sào, rải ra ngay ngắn. Dù chỉ là chén nước chè nhạt, điếu thuốc lào, nhưng chủ vẫn tỏ được tấm lòng quý khách, thịnh tình, trân trọng. Người Việt Nam là thế. Nụ cười niềm nở, thái độ vui tươi, khách đến là vui là quý, dù là khách đến để cho vay hay ngược lại để đòi nợ. Lời chào cao hơn mâm cỗ. Cần gì đâu phải sập gụ chân quỳ, bàn ghế xa lông tàu khảm trai, mặt đá. Nhà sang còn có khi khinh suất, thất thố vì cứ tưởng chả ai hơn mình. Còn người nghèo, hoan hỉ với hai tay rải chiếu, còn rũ rũ trước khi rải, vuốt phẳng sau khi rải, rồi mới mời khách ngồi chơi. Không bao giờ có ai rải chiếu rách giữa để mời khách. Nó thành chiếc chiếu manh thì không còn quyền xuất hiện trước người lạ, không thể trình diện để phô ra cái nghèo của chủ nhà. Mẹ ơi, lớn lên, con mới hiểu nỗi khốn khổ một đời của mẹ của cha, của cả xóm làng, đất nước. Lam lũ, bao năm, đâu có thể thanh thản mà chiều chiều rải chiếu ra hè mà ngắm trăng thanh gió mát, hoặc ngồi trên chiếc chiếu hoa mà rung đùi ngâm thơ, trà trưa rượu sớm...

Ngay cả chốn đình trung, những chiếc chiếu mỗi năm chỉ đem ra dùng vài ba lần, cũng đâu phải dành cho những người chân lấm tay bùn hai sương một nắng như ông bà, cha mẹ? Nhất là đàn bà đâu có được ra đình, anh bạch đinh, chân trắng, nói như ngày nay, người phó thường dân, đâu có quyền ngồi trên chiếu sánh vai cùng các chức tước này kia... họa chăng chỉ đứng dựa cột đình, bên cửa hiên mà ngó vào chiếu chèo có cô Súy Vân, có cô

Thị Mầu, có nàng Thị Kính, những oan khổ của oon người không biết kêu ai. họ diễn lại trò đời trên chiếc chiếu đã mòn năm tháng...

Khổ thân cho ai vừa hết một kiếp người nơi đường xa quê lạ. Chiếc xe gây ra tai nạn đã vụt đi, manh chiếu thương tình đắp điếm vội vàng, tạm bợ cùng bát gạo nắm hương cho kẻ xấu số chết vùi đường quan, không biết quê quán ở đâu, họ hàng là ai, ai khóc thương khi chiều nay, đêm nay sẽ nằm vào mộ tối.

Lại một góc lều đầu làng, một gian điếm hắt hiu, ai kia số phận điêu linh về với đất mẹ mà chẳng có nổi cỗ quan tài gỗ tạp, đành nằm trong manh chiếu bó, còn thừa cả hai bàn chân lem luốc đường trường tha phương cầu thực.

Chiếc chiếu đi với con người từ trong trứng nước đến cõi chết, phút đầu tiên và giờ cuối cùng của số phận chúng ta.

Biết bao quen thuộc những trưa hè oi ả, giấc ngủ trưa mệt mỏi vệt lằn chiếu cói còn in rõ vào lưng, cũng như vệt quả trám của ô võng đay kẽo kẹt. Giấc ngủ không trọn vẹn, khi con gà trưa cất lên tiếng gáy góc vườn, những lằn hằn ấy lại theo người ra đồng ra bãi, chịu nắng chịu mưa để làm lụng nuôi con...

Chị ơi, làm sao em quên được những tiếng như pháo đùng chị tạo ra những khi giặt chiếu. Mẹ bảo chị làm việc ấy để bỏ đi vệt mồ hôi lưng người đã thâm mặt chiếu. Chị ra ao, chị chải, chị cọ và chị cầm chiếc chiếu đã cong như nửa mặt trăng, lượn một vòng tròn qua đầu, đập xuống mặt ao. Mỗi vòng tròn như thế, một tiếng nổ lung lay mặt ao, dập dềnh mảng bèo dãn ra, nó vọng qua bờ tre, cây quả im lìm... Đường về, chiếc chiếu cong cong trên vai chị, nước còn rơi giọt như đánh dấu đường đi có vết chân con gái đương thì. Chị đã thành người bà, người mẹ ở một phương nào?

Ai nữa lớp sau, lại cho nổ giòn tiếng đập mặt ao như thế ở những quê xa?

Có một thời, người ngoại quốc nhập vào đất này một thứ chiếu chất dẻo, trông y như chiếu cói thật, nhưng là chiếu giả, nóng rộp cả lưng người nằm. Thì ra cái truyền thống, cái thật không thể chấp nhận cái lai căng, của giả.

Không thể có thứ chiếu ngoại lai nào mát lưng, thoải mái, ân tình, đằm thắm tình nhà như chiếc chiếu cói dệt từ những vùng đồng chua nước lợ ấy, thứ chiếu cói, chiếu lác ấy.

Đêm mùa đông, nó còn thay cho cả chăn bông. Một chiếc chăn chiên rách, ngoài phủ thêm tấm chiếu cũng không còn lành. Nó chả kém gì chăn bông, bởi làm gì có chăn bông mà đắp. Đắp chiếu, kín chân thì hở đầu, kín đầu thì hở chân, đành nằm co mà ngủ, nhưng có ai nỡ trách chiếc chiếu bao giờ, nó đã đem hết thân mình, sức mình ra rồi còn gì, nó có tiếc gì đâu. Khổ thân con người và cũng khổ thân đời chiếu.

Ngày xưa có đám cưới con quan, rải chiếu cạp điều từ nhà trai sang nhà gái. Có bao nhiêu đám trong đó sống chung đến răng long đầu bạc? Thủy chung là cần chứ đâu cần hình thức, phô trương.

Lại nhớ một thời dài, chiếc chiếu cá nhân đi cùng chiếc giường cá nhân ở khắp nơi, khắp các nhà tập thể, tạm bợ cái ở, tạm bợ cả cái ăn, cái làm... Chiếc chiếu cá nhân ấy còn uốn cong trên ba lô anh bộ đội đi khắp chiến trường nam bắc, khắp công trường xây dựng... Nó thành người bạn đồng hành với đôi đũa tre, chếc bát sắt, đôi dép cao su. Hãy yên nghỉ nhé những chiếc chiếu cô đơn, những con người bất hạnh. Con người cần hạnh phúc. Chiếc chiếu thước sáu, thước ba nay đã là nhiều hơn. Bao đôi vợ chồng trẻ những đêm tân hôn, không phải ai cũng có đệm mút

khăn giường, chiếc chiếu còn phổ biến, góp vào hạnh phúc cho con người.

Dân tộc ta hàng ngàn năm, vạn năm bới đất lật cỏ. Hạt gạo là ngọc thực, con cá lá rau qua ngày, mái nhà, chiếc giường cũng chỉ là tre trúc, vì vậy mà cây lác, cái chiếu cói cũng góp đời mình vào đất này để nâng giấc con người suốt cuộc đời cực nhọc. Cây cỏ thân tam giác ấy, quen với nước lợ đồng chua, không có hoa thơm quả ngọt, nhưng nó dâng hiến hết thân mình, hết đời mình. Thì ra có những sự hy sinh không vụ lợi như thế. Tình nghĩa thủy chung, nồng mặn suốt đời phải chăng cũng là đức tính Việt Nam, nhất là người chịu phần thiệt thòi nhất, thầm lặng nhất, là người đàn bà, là bà, là mẹ, là chị chúng ta...

Thưa bà, thưa mẹ, thưa chị, những người đàn ông, là con, là em... hiểu về bà, về mẹ, về chị... như thế có đúng không, có quá ít không? Đã đầy đủ chưa? Chắc là chưa, còn nhiều sự không biết ơn lắm lắm. Cũng như chiếc chiếu gắn bó với dân tộc này, đất nước này... đôi khi còn bị khinh rẻ, quên lãng... huống chi...

Con đò

Chuyện đò giang bao giờ cũng cho ta một chút cảm giác chiu quạnh và nhiều cảm giác mênh mang. Phải vì sông nước làm ra hay mây trời gió bão tạo nên? Hoặc cũng vì hình ảnh lung linh, một niềm mơ đầy lãng mạn từ nghìn xưa, từ cái thuở con người còn chưa biết đến các thứ xe cộ kêu ầm ầm tiếng máy và khét lẹt mùi dầu, đó là cô lái đò?

Từ một Nguyễn Bính có bài thơ thê thiết đến giai thoại về cậu Chiêu Bẩy Nguyễn Du đi học phải sang ngang, trêu đùa cùng cô lái, ngập ngừng trong câu thơ bỏ dở một cách đầy hữu ý... những cô lái đò nghìn năm ấy, thế nào cũng phải có cái nón đội đầu, bộ ngực căng đầy như tỏa ra ánh lửa, như lóe lên tia chớp... cùng động tác ré chân chèo, khuôn lưng mềm như một điệu múa giữa sân khấu thiên nhiên ngập tràn đầy gió nắng cùng trời xanh mây trắng và bóng nước rập rờn, xôn xao, róc rách. Những cô lái đò như thế hình như ít khi dùng cây sào dài đẩy con thuyền như mấy anh lực lưỡng tráng trai đẩy con phà sang ngang, chống cho con thuyền đinh lướt tới khi trời lặng gió, khiến cánh buồm chùng, trĩu...

Nếu ví von hình tượng, người lao sào đẩy thuyền như một vế văn biền ngẫu, vần trắc trong bài phú ngặt nghèo, thì cô lái đò có tà áo màu nâu non mềm mại phất phơ, ánh mắt như không nhìn ai mà nhìn thấu tất cả, mà tình tứ xao xuyến... sẽ là câu thơ lục bát uyển chuyển, tài hoa, có thể hát lên, ngâm lên, ru lên cho ta

Cái duyên hấp dẫn dậy thì, cái sức trẻ rần rật của tuổi đôi mươi làm cho khách sang ngang như thèm khát trước cốc nước không được mời, trước một quả chanh cốm thơm lựng, chua một vị ngọt ngào vào một chiều âm âm đắng lưỡi.

Những con đò chỉ cho ta phút giây ngắn ngủi nhưng nó lại kéo dài dư âm, dài như dòng sông, dài như năm tháng, dài như sợi dây tình mỏng manh mà đủ sức trói ta vào cả một đời hạnh phúc.

Những con đò ngang nhỏ bé, chậm chạp, trườn qua sông cũng nhỏ bé lặng lờ, hầu như chẳng bao giờ có sự giầu sang kênh kiệu xuất hiện. Chỉ có những vai áo bạc, những bàn chân trần, những bàn tay thô ráp, những bờ vai khấp khểnh nhô xương, đôi quang gánh cũ kỹ, dăm thứ quà rẻ tiền: chiếc bánh đa vừng, quả chuối tây vàng xỉn, xâu táo mầu lá mạ, cái mầu vừa chua vừa ngọt kèm thêm chút vị chát tê tê... cùng cái nón quơ lên nửa vòng tròn, lấy gió trời làm mát lòng cho đỡ chút mồ hôi.

Ta là một trong số ấy, chung cái nghèo cùng con đò ấy, những người khách ấy, cô lái ấy. Ôi, cái nghèo như mặt trời chia đều cho tất cả. Cái nghèo sao mà hào phóng thế, cho nhiều đến thế.

Từ điển giải nghĩa rằng: Đó là thuyền nhỏ chở khách trên sông trên đầm. Đúng. Nhưng khô khan quá. Khô như món cá mắm ăn giữa ngày hè. Đò là lung linh, bồng bềnh, thơ mộng. Nó cũng là ảo giác, bâng quơ, là nét vẽ hư huyền cho bức tranh đất nước thêm kỳ thú.

Con đò ngang là thế. Con đò dọc còn hơn thế. Lòng khoang hẹp nhưng lòng sông dài rộng, ngày cũng rộng dài. Cô lái đò không cúi lưng ngửa mình mà (từ lòng khoang nhìn ra) cô múa bằng đôi chân vào nền trời xanh, như đạp vào không khí cho con đò trôi trên mộng ảo, từ từ khoan thai tưởng như thời gian dừng lại, tưởng như con đò trở lại nơi xuất phát.

Đò đi từ lúc nào không biết mà hoàng hôn sập xuống tự lúc nào. Bữa cơm nắm ngả ra ở đầu khoang. Hương đồng gió nội ngất ngây như thổi vào những thỏi cơm trắng muốt thơm lành, cũng như từ những thỏi cơm ngon lành trắng muốt ấy lan tỏa ra, cho ta tỉnh một giấc mơ chập chờn đung đưa. Hoàng hôn gọi ta để ta kịp thu vào mắt hình ảnh cánh chim chiều gấp gáp về tổ nơi nào, chớp lấy hình ảnh xóm làng hai bên bờ cũng đang lênh đênh, kịp ngụp lặn vào một không gian vừa dữ dội khi ngày tắt, vừa hiền hòa khi đêm lên giữa một vũ trụ tưởng như vô cùng..

Le lói ánh lửa chài ven bờ. Cót két tiếng vó bè đâu đó. Chập chờn bóng đèn di động nhà ai qua vườn cây ven sông... Con đò dọc cứ trôi trên sông như mang đầy tâm sự mà không ngỏ một lời. Hay chính lòng ta cũng đang đầy tâm sự, mà niềm bình thản sáng nay ta bỏ quên trên bến, bây giờ nó đuổi theo, bắt kịp, trở thành bồn chồn một điều vô cớ, một điều không rõ hình dáng âm thanh...

Khuấy động hồn ta là tiếng con gì trong cỏ bờ sông, là lời cây nào rì rào nơi bãi vắng, nó vắng, nó heo hút như từ ngàn đời, từ thuở hồng hoang còn sót lại đến giờ.

Bữa cơm ăn bốc giữa trời, trên khoang gỗ sạch bong, còn để lại dư vị ngọt ngào như chưa từng có, chưa từng xuất hiện trong những bữa tiệc sang trọng nơi lầu cao, bữa cỗ linh đình trên chiếu hoa ngày nhà có đám.

Được rửa tay, những ngón tay còn dính hạt cơm, vào lòng nước mát lạnh giữa nguồn, ta cũng trở nên thanh sạch như nước giữa nguồn khiến con đò đang bờm xơm cùng con nước cũng không thể làm dòng nước vẩn đục như những ý nghĩ của con người, mà xưa nay, con người thường xấu xa hơn thiên nhiên nhiều lắm.

Sao lên từ lúc nào mà chi chít vòm cong tím biếc. Hay đấy là những giọt nước mắt của trời đông đặc lại, biến thành những giọt kim cương để trôi theo con đò còn phải vượt cả đêm nay, có phải thế không cô lái đò vẫn múa chân phía lái kia ơi?

Ngày xưa có những con đò bi thảm, chở xác người bất hạnh từ xa xôi vô định về lại cố hương. Ai ngờ ngày ra đi là thế mà ngày về đau xót nhường này. Đò đi suốt ngày. Đò đi qua mưa nắng. Đò chìm vào sương gió. Mùi nhang đưa tiễn, ánh đèn bấc cỏ dầu ta chập chờn như hồn người xấu số khiến con sông cũng thành mộng mị, mà hồn người lẽo đẽo theo về, mà xác người nặng trĩu lòng sông, mà con đò tê tái nỗi buồn, mà tim người thắt nghẹn niềm đau...

Đừng mưa sông ơi. Đừng gió sông ơi. Đừng than khóc người ơi. Sông đã mềm lòng, đò đã não dạ ra rồi. Khắc khoải tiếng gà xa như con tinh gà gáy gở, như ma trơi trêu cợt đôi bờ, như quê hương đang hú hồn gọi người trở lại...

Nay, ít còn những con đò như vậy.

Dọc triền sông, những chiếc lò gạch thâu đêm đỏ lửa. Những triền đê ấm áp màu xanh chuối bắp, những con thuyền vận tải gặp nhau tiếng hô "bát", "cạy", nước róc rách va đập mạn thuyền, cô lái đò chợt hỏi bâng quơ một câu trên sông nước xem có ai quen thuộc...

Đồng đất ở đâu cũng không còn là xứ người xa lạ. Khách ngồi đò dọc có người du ngoạn, có kẻ thăm lại cố hương, có người đi tìm đất mới, cũng có người đi chọn cảnh cho một cuốn phim đang dựng, một tứ đẹp cho một bài ca đang thai nghén...

Đôi bờ đã nghe thấy tiếng máy bơm chống hạn, xả lũ, tiếng máy xay máy xát ỳ ầm, tiếng ánh sáng đổ dài thành cọc, cắm

xuống lòng sông mà con đò đi qua, hai mái chèo nơi chân cô lái làm chúng lung linh, huyền ảo, như có như không, như liền như vỡ.

Những con thuyền đi ngược, những con thuyền vượt xuôi, chở gì mà nặng thế? Trong mớn nước dập dềnh kia, hẳn là nào vôi, nào cát, nào xi măng, nào muối, nào gạo, nào ngô, nào phân đạm, nào hoa quả... mang niềm vui đến bao nơi, xưa kia hoang dã, khi con đò đưa xác trôi qua, tưởng như trôi trong trống không, u tịch.

Cặp bến xôn xao. Con đò dọc con đò ngang cũng không có cảnh tiễn đưa tấp nập, đón tiếp rộn ràng như nhà ga, sân bay. Không có cảnh chen chúc vội vàng. Con người có lẽ được con đò thấm sang niềm thung dung êm ả, nỗi bâng khuâng bát ngát... nên có vẻ nhịp nhàng như khúc dân ca trên đồng chứ không điên cuồng như nhạc Rốc dưới ánh đèn điên đảo.

Những con đò chưa đi vào nếp sống hiện đại. Nó vẫn thênh thang như gió như sóng. Nó vẫn tràn đầy mơ mộng như sông, nhất là những lúc sau mưa, mặt sông vừa được lau rửa sạch ngần.

Những cô lái đò là niềm thơ một thời vẫn đang còn đâu đó. Vẫn là nỗi hồi hộp của khách si mê, các cô vẫn là hồn của con đò, hồn của dòng sông, mà có thể dòng sông lại là hồn của đất nước quê hương.

Nỗi nhớ trong lòng người, có lẽ in đậm nhất là hình ảnh con đò và cô lái đò như thế...?

13-7-1993

Bộ râu

"Đàn ông không râu, bất nghì

Đàn bà không vú lấy gì nuôi con..."

Câu ca dao ấy không biết có từ bao giờ. Nhưng nay xét về mặt khoa học, lông mày lông mi là để bảo vệ mắt, thì râu (và cả ria) là để bảo vệ cái miệng và cái hầu của con người ta, đồng thời nó cũng là cái riêng, cái đẹp đặc biệt của đàn ông, gọi là giới mày râu vậy.

Râu (gọi chung cho cả ria), có rất nhiều kiểu, tùy theo cơ địa của từng cơ thể, từng cá nhân, tùy theo cả quan điểm thẩm mỹ và có khi còn tùy theo cả phong tục tập quán nữa, mà có nhiều kiểu khác nhau, nhiều cách hiểu về nó khác nhau.

Từng có chàng trai quyết "xin chết" để lấy được cô gái có cái răng khểnh đầy tình tứ, thì cũng từng có cô gái, khi bà mối đến hỏi, cho cô biết chàng ta có bộ râu quai nón, thế là không cần biết gia thế, tài năng, tiền bạc, xấu tốt ra sao, cô nàng đồng ý luôn. Bộ râu quai nón quả là đẹp, quả là mang lại hạnh phúc cho ai có nó.

Quan Vân Trường có bộ râu năm chòm. Lưu Bị, và phổ biến ở nhiều người là râu ba chòm. Người Á Đông râu quai nón không nhiều, nếu không nói là hiếm, bộ râu quai nón dễ nổi bật lên giữa đám đông. Nhà phê bình văn học Nguyễn Văn Lưu, biên tập viên

Nguyễn Hùng ở báo Phụ nữ Việt Nam, nhà nhiếp ảnh Lê Cường là những người có bộ râu quai nón đặc biệt như thế. Nhà thơ Phùng Quán không hẳn là râu quai nón, nhưng anh cứ để cho nó mọc ngổn ngang, cùng với bộ quần áo tả pủ (một thứ vải bò của người Mèo), trông anh như một cụ già nhưng thực ra anh còn rất trẻ, nhất là trẻ về tâm hồn.

Bộ râu quai nón uy nghi và phóng túng, vừa trang trọng vừa nghịch ngợm. Có người gọi nó là râu xồm. Người có râu quai nón nhưng còn trẻ, ngày nào cũng phải cạo nên hai má lúc nào cũng có màu phớt xanh, một màu xanh mờ ảo, khác hẳn màu má hồng của các cô gái. Có lúc nhìn nó mà nhớ đến cái đầu con vịt vừa làm lông xong, thứ lông tơ xanh rì còn mọc ngầm trong da, ánh lên một màu xanh mờ tương tự.

Trong một thời kỳ lịch sử dài, theo quan niệm của đạo Khổng mọi thứ trên người đều là của cha mẹ cho con, không được cắt bỏ đi một chút gì, vì thế mà tóc cứ dài, dài quá thì búi lên, thành cái đẹp tự nhiên. Bộ râu cũng nằm trong quy định ấy. Người già thì râu dài bạc trắng, người trẻ cũng râu dài, chỉ khác là còn đen.

Râu có nhiều kiểu. Một thời, "ông" tây thực dân cai trị nước ta, có bộ râu vểnh cong lên hai bên má, vút nhọn, mọi người gọi đó là râu ghi đông, vì nó giống cái tay lái xe đạp. Hình như người để râu tự coi mình là oai vệ thêm nếu có bộ râu ấy trên mặt hỗ trợ cho cái tính hách dịch, độc ác vốn sẵn có.

Trên sân khấu, cằm nhẵn thín, nhưng ria dài, một bên cong lên một bên cụp xuống đầy vẻ nghịch ngợm, vô lý, đó là râu hề của người chuyên riễu cợt cái rởm của cuộc đời.

Nếu cả hai bên đều cụp xuống, và đương nhiên nó không bao giờ rậm rạp, thì người mang nó thường được gọi là anh râu quặp,

anh chàng sợ vợ, sợ đến nỗi bị vợ đánh, phải chui vào gầm giường mà vẫn còn hô to "mày chết chưa, mày chết chưa" để hàng xóm tưởng là anh ta đánh vợ chứ không phải bị vợ đánh.

Ngược với râu quặp, có bộ râu chỉ lơ thơ một ít ở cằm, chỗ sát da còn nhiều, càng xuống thấp càng thưa thớt, thành một hình tháp ngược, đó là râu dê, bộ râu đúng là giống râu của con vật hiền lành vô hại này, mặc dù người có bộ râu dê chưa chắc đã là người đam mê "cái thứ kia". Phải gỡ oan cho họ.

Có vị có một chút chức quyền bé tí, nhưng muốn ra oai cho thiên hạ biết tay, cũng để râu, rồi dùng sáp, không có sáp thì dùng mỡ lợn, suốt ngày vê vuốt cho vểnh cong lên như một thứ của quý. Nó không được bằng râu ghi đông, vừa ít vừa nhỏ, nên gọi là râu trê, vì nó gần như mấy cái râu lưa thưa của con cá trê bẹt đầu, chui rúc trong bùn.

Để râu hay cạo râu là tùy thích, chưa có văn bản pháp luật nào quy định, như thời xưa Pi-e đại đế của nước Nga bắt tất cả quần thần phải tập hút thuốc lá và cạo râu, ai không cạo thì mất đầu. Tự chọn: hoặc mất đầu hoặc mất râu.

Có người lúc nào cũng thích có khuôn mặt sáng sủa, nhẵn nhụi, nên sáng sáng đều phải cạo râu cho đàng hoàng tề chỉnh. Nhưng cũng có khối anh mới tí tuổi đầu, râu mới lún phún, chưa thoát khỏi hẳn là những chiếc lông tơ, lông măng, cũng đã tập tọng để râu, thành một đường xanh lờ mờ như đàn kiến bò, đó là thứ râu con kiến, có người hợp với khuôn mặt, trông còn khả ái, nhưng có người trông mới kệch cỡm, khó coi làm sao, mà có cô gái quay đi, bình phẩm rằng: "Nó đểu đểu thế nào ấy...".

Theo lịch sự chung, cắt móng tay, xỉa răng, ngáp... là không được làm ở nơi công cộng, thậm chí trước mặt chỉ một người lạ.

Nhổ râu cũng thế. Không gì chướng bằng giữa cuộc họp đông người, mít tinh hoặc giao ban, sơ kết... có ông cứ vểnh cái cằm lún phún ít sợi vừa thưa vừa ngắn lên mà nhổ. Có lúc còn vẹo cổ, phồng má, nghiêng đầu, mỗi lúc nhổ được một cái còn đặt lên mắt nhìn, tỏ vẻ thỏa mãn như vừa tiêu diệt được một quân thù.

Nhổ râu không những là một cử chỉ không đẹp mà còn có hại, về sau già, râu sẽ thưa, xoắn lại, muốn để dài cũng khó. Có người ác khẩu, nói chơi: "Sao râu ông không vướng vải mà lại xoăn vào thế?".

Để râu để ria nên tùy theo tuổi tác. Có gia đình, bố mới ngoài 50, chưa để râu, anh con trai chưa đến ba mươi đã để bộ râu đen sì, quả là không hợp lẽ. Người lạ vào nhà, thật khó xưng hô. Đây là sự đùa cợt hay trớ trêu. Người cha có ý kiến gì không?

Chuyện cái râu còn có một bài học dí dỏm. Người ta ít phân biệt râu với ria. Người Hà Nội cũng ít phân biệt cách phát âm r và d. Râu và dâu nói giống nhau. Có một ông bố chồng bị con dâu đối xử tệ bạc, ông hiền lành nhưng thâm thúy, bạn đến chơi, hỏi sao tóc ông còn đẹp thế mà râu đã bạc gần hết, ông thủng thẳng vuốt râu đáp: "Thế đấy, ngày nào cũng cho dâu ăn mà râu bạc...". Khách hiểu ý, im lặng. Cô con dâu cũng hiểu ý và đã biết đường ăn nết ở phải đạo. Đây chỉ là trường hợp chơi chữ nhưng cũng là bài học thú vị, từ bộ râu đến cách cư xử ở đời.

Có chú bé vuốt râu ông mình mà hỏi:

- Ông ơi, sao ông có râu?

- Vì ông già.

- Thế sao con mèo mới đẻ ra, chưa già, đã có râu?

- ...

Ông không biết giải thích thế nào cho cháu hiểu, đành vuốt râu và vuốt tóc cháu mà cười khà khà. Quả là một số loài vật có râu ngay từ khi lọt lòng mẹ như con chó, con mèo, con chuột, con thỏ, con hổ, con báo... Ngay một số loài cá cũng có râu như cá trê, cá nheo, cá bò, cá ngạnh hay cá mực nang, mực ống...

Riêng loài người, đặc điểm của đàn bà là bộ ngực nở nang để nuôi con thì đặc điểm của đàn ông là bộ râu, đúng như câu ca dao xưa đã nói.

Người già, có bộ râu dài, trắng như cước, càng tôn thêm vẻ đẹp, như nhà nhiếp ảnh Võ An Ninh, mặc cái áo thụng, đeo bầu rượu, cầm cái gậy, vì có bộ râu mà trông cụ như một tiên ông.

Người còn trẻ, cái đẹp không hẳn ở bộ râu mà ở vóc dáng khỏe mạnh, sạch sẽ, thanh thoát gọn gàng, có khuôn mặt sáng sủa.

Với người trẻ mà nhiều râu thì việc cạo râu là công việc làm hàng ngày, hoặc là hàng sáng. Ấy thế mà có thời gian mười người mới được chia nhau một lưỡi dao cạo mỗi tháng, nên lắm người đành phải để cho râu ria mọc xồm xoàm, vô tổ chức. Chuyện kể lại thật mà cứ tưởng như đùa.

Hiện nay hình như đang có khuynh hướng người già ít để râu, ngược lại thanh niên, người trẻ tuổi lại thích để râu (cả ria) nhiều hơn trước. Mốt chăng? Cũng không hại gì cho hòa bình thế giới. Chỉ tiếc và đáng buồn là ra đường gặp những khuôn mặt có những cái râu cái ria không cạo, không tỉa, mọc xồm xoàm, bề bộn, mọc tua tủa sang cả mang tai, xuống cả yết hầu, sợi ngắn sợi dài, sợi ngang sợi dọc. Đó là sự cẩu thả, nhếch nhác, thiếu lịch sự, không văn hóa, chứ không phải là mộc mạc giản dị.

Bộ râu (cả ria nói chung) thực sự là thứ trang điểm cho khuôn mặt đàn ông (như đôi mi mắt dài, đôi má hồng của phụ nữ) nhưng

có lẽ nên ưu tiên nó cho người đứng tuổi, người già hơn. Thanh niên trai tráng mắt phải sáng, da phải căng, bộ mặt phải sạch sẽ, sáng sủa, nhất là không được cau có.

Nguyễn Du từng viết để phê phán Mã Giám Sinh

"Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao...".

Xã hội ta ngày nay, quan điểm thẩm mỹ đã thay đổi, áo quần đẹp là lịch sự, là cần thiết, và đi kèm vao đấy, bộ mặt nhẵn nhụi cũng là nét đẹp, dễ coi, ưa nhìn, để tiếp xúc, nó cũng như nụ cười cởi mở với xung quanh.

Xét cho cùng, để râu hay cạo nhẵn, từ râu quai nón, đến râu "Hít-le", râu trê, râu con kiến... là tùy thích, là tùy người, tùy địa phương, không nên buộc ai phải thế này, phải thế khác. Nó là một nét cá tính riêng của từng người vậy.

1993

Hoa và chơi hoa

Hà Nội bây giờ hình như giầu hơn ngày trước nhiều. Giầu mới ăn chơi hơn. Cụ thể là HOA. Ngày thường, hoa rong khắp phố phường từ sáng tới chiều, đủ loại. Gia đình nào cũng có thể chơi hoa mà không ảnh hưởng lắm đến ngân quỹ.

Dăm chục năm trước, ngày rằm, mùng một có đĩa hoa cúng, còn hoa chơi đâu phải của tất cả mọi thành phần xã hội. Người giầu, người sang, công chức kha khá, nhà buôn lớn mới có bình hoa trong nhà, trong phòng khách. Mấy cụ già chơi hoa chậu, ít tốn kém, và khi cây có hoa, cũng không phải để ngắt, đem cắm vào bình.

Mấy bà hàng hoa đi bán hoa rong ở các phố tây, áo dài nâu, chân đi đất, hai mẹt hoa thưa thớt ít loại, thường mời câu tiếng tây "Phờ lơ bà đầm", khi gặp mấy ông tây bà đầm, phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là "Hoa đây, thưa bà"...

Cõ lẽ tiểu thuyết "Gánh hàng hoa" của Khái Hưng - Nhất Linh trong Tự lực văn đoàn, là viết về những cô hàng hoa như thế, vừa đảm đang, vừa đầy thương yêu vừa nhẹ nhàng duyên dáng.

Hàng hoa thời ấy thật đẹp, trẻ em có câu đồng dao:

Hàng hương hàng hoa, là quà cúng phật...

Không như ngày nay, đã có một tiếng lóng, gọi là "các cô gái bán hoa" khi ai đó không may phải bán thân con gái của mình.

Hoa đi với con người từ khi lọt lòng đến khi rời khỏi cuộc sống trần gian, qua các ngày lễ tết, sinh nhật, cưới xin, các ngày vui, các ngày kỷ niệm.

Ngày trước, hoa tươi không nhiều, không có những vòng hoa thật vừa to vừa đẹp cho các đám tang như ngày nay. Nhớ hôm đám tang nhà thơ Lưu Quang Vũ và nhà thơ Xuân Quỳnh (cùng cháu bé, con họ), phải dùng đến hàng chục ô tô để chở mấy trăm vòng hoa phúng. Thật đẹp và cũng thật đau lòng. Một thời, đám tang Hà Nội cũng có vòng hoa, còn ở nông thôn thì hoàn toàn không có như bây giờ mà chỉ có cờ, phướn, câu đối... Vòng hoa ở Hà Nội là vòng hoa giả, vòng hoa bằng hạt cườm, xâu vào dây thép. Ở phố Hàng Bông Nhuộm có một nhà kinh doanh lớn chuyên cho thuê vòng hoa cườm như thế, đủ màu, đủ cỡ, tùy theo hoàn cảnh nhà tang mà thuê một buổi hoặc một hai ngày. Đi cùng với nó, có những em nhỏ hoặc thiếu niên vô nghề nghiệp, được thuê vác cờ đen, vác những vòng hoa ấy đi trước xe tang, mặc quần áo đen, đội nón chóp sơn đen. Những vòng hoa cườm ấy tiện lợi, tiết kiệm, nhưng không thể bằng những vòng hoa tươi như ngày nay, vòng hoa hình bầu dục, có dải vải đen hoặc băng giấy tím có dòng chữ trắng "Vô cùng thương tiếc..." hoặc: "Kính viếng hương hồn...". Người ta nhận xét người chết giầu hay nghèo, sang hay hèn, đông bạn hay cô đơn... qua những vòng hoa nhiều hay ít, to hay nhỏ.

Với người trẻ, vòng hoa trắng rợn rùng hơn nhiều. Nhìn vòng hoa trắng, ta biết ngay người ra đi là người chưa từng được sống trọn vẹn một cuộc đời, chưa hề biết hạnh phúc tình yêu... Họ là thiếu niên, là trai còn thanh, gái còn lịch...

Hoa ngày nay không những nhiều mà còn giầu chủng loại hơn trước. Riêng hoa hồng, ngoài hồng quế hồng lam cánh mỏng và ít còn có hồng Đà Lạt, bông to, cuống mập, cánh cuộn nhiều, có từ màu vàng kiêu sa đến hồng nhạt, đỏ tía. Hồng nhạt thì quả

là nhợt nhạt còn tía thì lại quá thẫm, như màu tiết đọng lâu ngày. Không đẹp, chỉ được cái tươi lâu. Xu xi cũng là thứ mới xuất hiện gần đây, có đơn, có kép, có nhị vàng, nhị đen, có mầu vàng chanh, vàng thư... chỉ tiếc nhựa hoa xu xi tanh mùi lòng trắng trứng, nên sau khi cắm hoa, phải rửa tay kỹ. Rồi đồng tiền đơn, đồng tiền kép, rồi loa kèn trái vụ, cẩm chướng thơm nhiều màu, cúc ngũ sắc lung linh như bướm. Hoa thời trước ít hơn, có người cắm hoa bèo tây, chỉ được nửa ngày, hoặc di-na cứng như gỗ, vạn thọ hăng hắc, cúc bách nhật khô khan.

Người bán hoa thường nói: "Sáng là vàng, chiều là rác, vứt đi không ai thèm nhặt". Đúng thật thương cho bông hoa ế buổi chiều, tàn úa, như người con gái không may, hẩm hiu trong phai nhạt...

Chuyện về hoa không ít. Có nhà thơ nói đùa. Khi tôi chết, xin đừng phúng vòng hoa, hãy đưa ngay bây giờ tiền mua vòng hoa ấy tôi giúp cho vợ, có lẽ có ích hơn là lúc ấy nhiều vòng hoa... Vui thật, không hiểu ông nói thật hay đùa, chứ ở nghĩa trang Văn Điển có nhiều người làm nghề gỡ vòng hoa, lấy tre nứa trong ấy về làm việc khác, được khối. Còn đám cưới thì nhiều cô gái ôm cả hoa đỏ, có cô phải ôm bó hoa thật to để che cái bụng cũng đã to lùm lùm...

Người Hà Nội nay đúng là giầu hơn trước, nếp cũ đang được thay dần bằng những phong tục học được của nhiều nước. Riêng cắm hoa cũng đã khá nhiều kiểu. Nào cắm bình, cắm lọ, nào cắm đĩa, cắm bát. Và ngày thường, hoa cũng có mặt khắp nơi từ quán cà phê đến cô hàng kính, chị hàng vàng, ông nhà thơ cho chí bà bán dưa cà cũng có lọ hoa bên cạnh.

Chơi hoa đã thành nếp sống, nét đẹp của Hà Nội, tùy theo sở thích, trình độ, hoa được góp phần nhiều hay ít, hợp hay không cho từng người, từng nhà... Hoan hô vậy.

3-1993

Bàn thờ

Đối với người đi làm ăn xa xôi, tết đến về sum họp giữa gia đình quê hương đâu chỉ là ăn cỗ tết. Thiêng liêng, quan trọng, đầm ấm là được thắp ba nén nhang trên bàn thờ tổ tiên, được chắp tay tưởng niệm với bao hồi lắng về tổ tiên, ông bà cha mẹ đã về cõi xa xôi.

Bữa cúng chiều ba mươi tết (cúng tất niên), khấn khứa mời tổ tiên ông bà về ăn tết với cháu con, lễ giao thừa cúng trời đất, đèn nến hương hoa bày trên các bàn thờ tạm lộ thiên, lễ cúng sáng mồng một tết, trang trọng nhất, cúng bằng tất cả những gì có trong ngày tết với lòng thành kính, rồi lễ hóa vàng chiều mùng bốn tiễn tổ tiên về nơi cực lạc, có nhiều vùng còn có tục lệ cúng ngày mùng bảy hạ cây nêu, ngày khai hạ, ngày hết tết thực sự, bắt đầu ba trăm sáu mươi ngày thường, mong tổ tiên ông bà phù hộ độ trì cho con cháu mạnh khỏe may mắn ăn nên làm ra... Với mỗi người Việt Nam mà tâm hồn thường gắn bó với nơi chôn rau cắt rốn, mà tình nghĩa hiếu đễ mang nặng suốt đời, đó là những gì thiêng liêng, nhớ về cội rễ, không thể nào bỏ được. Những động tác cúi đầu, tay vái hay lên gối xuống gối, bàn thờ trở thành nơi uy nghi không chỉ trong nhà mà còn trong tâm hồn nữa.

Bàn thờ, còn gọi là ban thờ, giường thờ, bao giờ cũng được đặt tại nơi trang trọng nhất trong nhà. Dù nhà ba gian hay năm

gian, nhà tranh vách đất hay tường xây ngói lợp, cửa phên hay bức bàn lim... bàn thờ cũng đặt gian chính giữa, sát sâu vào trong. Nhà tranh có khi chỉ có vài thanh gỗ gác vào hai bên cột nhà, trên rải giát tre, thế là thành bàn thờ (có lẽ vì thế mà gọi là giường thờ). Nhà sang, bàn thờ có thể là án thờ sơn son thếp vàng, khảm trai, có hoành phi câu đối, có y môn chân chỉ hạt bột. Nhà trung lưu bàn thờ là xích đông đóng vào tường, nhưng cũng là chỗ cao nhất, sạch nhất... Nhà nghèo, bàn thờ được trang trí bằng tấm cuốn thư giấy, câu đối chỉ là giấy hồng điều, cành hoa trang kim, ống hương cây đèn chân nến bằng gỗ tiền, sơn hoặc để mộc, còn vân thớ gỗ.

Nhà đại gia thì bộ tam sự, ngũ sự là đỉnh đồng, chân nến, lọ hoa, lọ hương đều bóng lộn, tết đến con trẻ có nhiệm vụ đánh cọ thật sạch bóng như mới. Bàn thờ không thể có gì là luộm thuộm được.

Đương nhiên dù giàu hay nghèo, bát hương là vật không thể thiếu. Bằng sứ, có chân đế, bằng sành, bằng đồng hun, to hay nhỏ. Nông thôn nhiều tro, để làm bát hương. Ở thành phố nhiều nhà phải mua chổi lúa mới, đốt lấy tro cho vào bát hương. Có nhà cho cát sạch, có nhà cho gạo khi cần bát hương tạm. Có một truyện ngắn đọc mà rơi nước mắt của Thạch Lam: Truyện *Tối ba mươi*. Hai cô gái không may, không nhà không cửa, tối ba mươi tết ở trọ trong buồng "săm", đổ ít gạo vào cái cốc làm bát hương cúng, nhưng sực nhớ cái cốc ấy quá ô uế, phải dùng cái chai hết rượu để làm bát hương. Không có bàn thờ... Tết đến, những con người cô đơn ấy cũng động lòng nhớ quê nhà, không có nổi một cái bát hương, một cái bàn thờ... họ ôm nhau khóc...

Bát hương đặt giữa bàn thờ, chân hương càng nhiều càng quý. Nhiều bàn thờ còn có bộ đài rượu, hộp sắc vua ban, có bài vị uy

nghiêm, có giá gương phủ nhiễu điều, có chân đèn đặt ngọn đèn dầu lạc hoặc đèn hoa kỳ. Nay có những ngọn đèn điện rất mới, cũng có ngọn lửa leo lét như đèn dầu.

Người có ý tứ đến nhà ai không bao giờ ngồi quay lưng vào bàn thờ, thường phải ngồi ngang hoặc chếch đi một chút. Trước bàn thờ, nhiều khi là bộ ghế ngựa, là tràng kỷ gỗ gụ hoặc bằng tre, trên bàn hay trên mặt ghế ngựa là bộ đồ uống nước, thế nào cũng có cái điếu thuốc lào...

Ngày tết bàn thờ được chăm sóc cẩn thận. Từ hăm ba tháng chạp tết ông Công, ông Táo, bàn thờ đã được quét dọn lau rửa. Mạng nhện phải khua cho hết, đồ đồng đánh thật bóng, đồ gỗ lau thật sạch, nắm nhang mới mua, thay lại cái cuốn thư bị gián nhấm, mua đôi câu đối hồng điều mới, thêm cái mâm bồng để bày ngũ quả, ngọn đèn được đổ đầy dầu và để lửa suốt ngày đêm, chén nước cũng là nước mưa trong vắt, bộ đài rượu đặt ngửa lên, lộ ra ba cái chén hạt mít.

Chim có tổ, người có tông. Có ông bà mới có cha mẹ. Có cha mẹ mới có mình. Người Việt chúng ta quan niệm, tâm niệm thế. Suốt ba ngày tết, bàn thờ không được để hương khói lạnh tàn. Hương trầm, hương đen, hương vòng, hương sào... cứ nghi ngút, ngào ngạt hòa cùng hương hoa gồm hoa hồng, hoa huệ... hòa với hương của mâm ngũ quả nào hương bưởi, hương cam, hương phật thủ... làm căn nhà thiếu thốn nhiều thứ cũng vẫn đầy phong vị tết, tràn ngập màu sắc mùa xuân chứa chan niềm hy vọng mới...

Nhiều vùng, đi phiên chợ tất niên phải sắm bằng được đôi cây mía voi thật dài, về buộc vào hai bên cột trước bàn thờ. Đó là gậy ông vải. Tổ tiên bao giờ chẳng có tuổi, chẳng già nua, gậy chống là cần, gậy bằng mía thật tiện lợi, đó là nghĩa tình thơm thảo...

Cành hải đường, cạnh vạn thọ, cành đào bích tròn (không ai cắm đào thế trên bàn thờ bao giờ), bó huệ trắng... những thứ hoa được cắm trên bàn thờ, có sắc có hương, thứ hoa cúng, phù hợp với tết với xuân.

Ôi chợt nhớ một thời chưa xa lắm, nỗi kinh hoàng của bao nhiêu gia đình nghèo khổ mỗi khi tết đến. Ba mươi tết, con cái nheo nhóc rách rưới, chả có gì là tết vậy mà bọn nặc nô đã cầm gậy phăm phăm bước vào. Đó là bọn du côn, chuyên đi đòi nợ thuê. Chúng không kiêng nể một cái gì, không sợ một ai (vì chúng được bọn chủ giầu che chở - một thứ ô dù). Vào nhà, chủ nhà không có tiền trả nợ là chúng nhảy tót lên bàn thờ nhà người ta mà nằm mà ngồi. Chủ nhà lạy van, mặc. Có khi chúng còn ư ử một câu tuồng cổ, nhưng thường là chúng đe dọa, chửi bới, chúng la mắng gia chủ, nếu không trả nợ thì chúng sẽ ngồi trên bàn thờ suốt ba ngày tết cho coi. Trời đất ơi, rồi ông bà ông vải về thì làm sao đây? Thôi đành, còn hào nào dút vào tay cho chúng đi, đấy chỉ là tiền trà thuốc, chứ không phải tiền trả nợ cho chủ nợ. Chúng đi khỏi mới dám sang hàng xóm xách cái gói lợn đụng về, làm bữa cỗ đơn sơ, dọn lại cái bàn thờ, xếp lại bát hương lệch lạc, đổ lăn chiêng, cúng vái cho tổ tiên đỡ tủi và cũng là cho người sống đỡ tủi. Kiếp người đấy chăng? Có nỗi đau tinh thần nào hơn? Có nỗi buồn khổ nào hơn? Mà cái nghèo sao lắm thế, nhà nào cũng có, nhà nào cũng nhiều, cái nghèo ở lại mỗi nhà dai dẳng thế?

May mắn những cảnh đó đã chấm dứt, chưa hết thì cũng không còn phổ biến. Ít gia đình nào ngày tết đến không có cái bàn thờ sạch sẽ, trang nghiêm, đẹp đẽ, tươi tắn. Không sang trọng vàng son lấp lánh thì chí ít cũng có đôi chân nến, ngọn đèn, chén nước, cái bát hương... Tết vài đồng bánh chưng thờ, một mâm ngũ quả, trảy từ vườn nhà, không đủ thứ thì cũng có một vài màu quen thuộc.

Ở thành phố, có những gia đình thừa tiền, sắm đủ thứ vẫn không biết tiêu gì cho hết, người ta bèn học đòi kiểu tây, chơi cả cây thông, loại thông bằng nhựa, bằng chất dẻo, thứ châu Âu không thèm chơi, rồi mắc lên đấy đủ thứ đèn nhấp nháy, thiếp chúc tết của ông nọ bà kia cho thêm sang. Cây thông Noel nhập vào một cách vô lý, chơi một cách lấy được, hơi lố một chút, nhưng cũng chẳng sao, ai có tiền người ấy có quyền, văn hóa ở đây là chuyện không nên bàn. Tổ tiên chúng ta chỉ quen ngắm cành đào, cành mai, nay các cụ ngắm cây thông cho quen với thế giới, người ta bảo cũng được chứ sao, không nên bảo thủ lạc hậu.

Sinh thời nhà thơ Quang Dũng, nhân nói đến bàn thờ, cúng bái, ông có rất nhiều chuyện để nói với anh em. Có lần ông bảo: "Khấn khứa ông bà tổ tiên là phải lòng thành, mỗi câu khấn phải xuýt một cái mới thiêng, không xuýt là không thiêng đâu, có khi tổ tiên không nghe thấy đâu...". Ông nói đùa hay nói thật, cái ông nhà thơ tài hoa mà hay bông đùa rất dí dỏm này?

Có tục lệ lâu đời, chỉ đàn ông mới được khấn vái trước bàn thờ. Phụ nữ chỉ được đặt mâm rồi rón rén đi ra bằng cách giật lùi. Phụ nữ là uế tạp. Lạ thật. Tất cả đàn ông do đàn bà sinh ra mà đàn bà lại bị coi là uế tạp, thật hết sức kỳ cục, nếu không nói là bất hiếu? Nay có khác, nhiều gia đình người đàn ông mất đi, người đàn bà phải gánh vác mọi bề từ sản xuất đến nuôi con, tham gia việc làng việc nước, tết đến không phải người đàn bà chủ gia đình, người can đảm ấy, cúng khấn trước bàn thờ thì ai vào đây mà thay được nhỉ. Và hẳn tổ tiên ông bà cũng cảm thông với cháu con và càng thương hơn, nên cuộc sống hình như ngày mỗi khấm khá hơn.

Những người đi xa về quê hương gia đình ăn tết, thường có quà tết. Hộp mứt, gói bánh, phong bánh đậu, chục bánh cốm bánh

gai, gói kẹo lạc kẹo sìu, thanh chè lam, chai rượu mùi, phong thuốc lá thơm... Dù là gì, trước hết mọi thứ đó phải bày lên bàn thờ thắp hương đã, rồi mới biếu già cho trẻ (đương nhiên trừ thực phẩm làm cỗ). Nét đẹp quê hương, thuần phong mỹ tục, nếp sống văn hóa là đây chứ đâu.

Đồng bóng quàng xiên, cúng ma, bắt quyết nhất định nhảm nhí rồi. Còn thờ cúng tổ tiên, ông bà cha mẹ, mỗi gia đình đều có bàn thờ để làm công việc biết ơn ấy, là nét đẹp, việc hay, có thể nào cực đoan, định dẹp bỏ. Họ ở lỗ nẻ chui lên chăng?

Vào một gia đình Việt Nam, nhất là nông thôn, thế nào cũng gặp bàn thờ. Thử tưởng tượng, nhà không có bàn thờ thì chủ nhà hướng về cái gì nhỉ? Nhất là dịp tết, ngày chứng kiến mọi quây quần sum họp, bàn thờ chính là nơi cho con cháu thưa lại với ông bà công việc năm qua, hy vọng năm tới, ước mơ gần cũng như ước mơ xa...

Cầu cho mỗi gia đình mỗi khi tết đến xuân sang, có đủ mọi thứ trên bàn thờ.

1991

Mùa kỳ diệu

Với người Việt Nam, tết Nguyên đán là niềm vui và cũng là sự mơ ước những điều tốt đẹp. Ngay từ khi cây bưởi góc vườn bật ra những cái lộc non xanh óng vào tiết Tiểu hàn, Đại hàn, mọi tấm lòng đã hướng về ngày tết với bao chuẩn bị, lo toan, gắng gỏi, mong chờ.

Theo nông lịch, tiết Lập xuân mới là mở đầu mùa xuân. Còn theo lòng người, mùa xuân đến sớm hơn nhiều. Xuân đến từ khi cánh đồng đã cấy gần xong, lúa bắt đầu bén rễ, khi vườn ươm những bầu cây giống đã xanh tốt, cây chuẩn bị ra "ở riêng" trong tết trồng cây, khi trong chuồng con lợn, đẫy tạ chờ ngày xuất chuồng. Khi những luống rau mùi đã ra hoa làm quả, thành mùi già cho nước tắm, khi những ngồng cải đã nở hoa vàng như nắng, khi mùa thu hoạch cá đã đến trong khắp ao hồ.

Mùa xuân cũng là sự thắc thỏm hồi hộp, đề phòng mọi bất trắc rủi ro, mất mát trong cái tháng củ mật lạnh giá, tối tăm, tối tăm cả trong lòng, trai tráng trong xóm trong phường phải tăng cường canh gác nhất là nửa đêm về sáng. Người già ít ngủ cũng dè chừng những đêm mưa phùn gió bấc, nghe ngóng ngoài vườn ngoài giậu, cái then cổng, mảnh sân, cây trái...

Những người may mắn trong năm thì tiếc một năm khấm khá, chờ đợi năm mới đầy xốn sang. Người không may, có thất bát, có

buồn đau, cha già mẹ héo (thường gọi tránh đi là có bụi) thì mong cho cái tháng chạp chóng qua để được chờ đợi một năm mới tốt lành sẽ đến với chứa chan hy vọng.

Cô gái lỡ một mùa cưới vì duyên phận hay vì tình đời, vì trắc trở hay vì éo le hoặc vì gì đi nữa, cũng bâng khuâng chờ mùa xuân, cái mùa phồn thịnh của đất trời và của con người.

Mẹ chờ con, mở mắt suốt bốn mùa, chỉ mong con bình an, chân cứng đá mềm, mà lòng già vẫn day dứt khi năm cùng tháng tận chưa thấy con về, chưa thấy bước chân con bước vào sân, chưa thấy bóng con thấp thoáng qua khung cửa đặt chiếc ba lô xuống, cho mẹ ôm choàng lấy con như ngày con còn bé.

Con chim khách ơi, líu lo thế, có thiêng không mà lòng già như lửa đốt? Có khi là con mẹ đã xuống tầu, đã bước ra khỏi sân ga... chỉ mai đây... chỉ chốc lát... cái thằng con đã cao hơn mẹ sẽ về và lên tiếng gọi: Mẹ ơi...

Mùa xuân, ngày tết. Nó đến nhanh vùn vụt. Vừa sáng đã trưa. Vừa chiều đã tối. Hình như trái đất cũng mải vội vàng đi ăn tết ở nơi nào đó cùng các bạn tinh tú của mình nên nó mới quay vội vã thế. Nó đi nhanh hơn hẳn những ngày thường, những tháng khác.

Người Việt Nam có câu "Uống nước nhớ nguồn". Tục thờ cúng tổ tiên, ông bà, bao giờ cũng được coi trọng dù bất cứ sang hèn giầu nghèo, bất cứ vùng nào. Bàn thờ ngày tết nghi ngút khói hương, lung linh đèn nến. "Đói ngày giỗ cha, no ba ngày tết". Dù nghèo đến đâu thì tết, bàn thờ cũng có mâm ngũ quả, đồng bánh chưng, chai rượu, chén nước, đĩa hoa. Lễ mọn nhưng tâm thành.

Ngay từ 23 tháng Chạp tiễn ông Táo lên chầu giời, tết thực sự đã đến rồi. Bàn thờ không thể hương lạnh khói tàn. Cơi trầu, chén nước thôi cũng được, nhưng là sự nhớ ơn, nhớ về cội nguồn. Câu

khấn vái cũng là lời cầu mong, ước nguyện giản dị đơn sơ của con người suốt một đời cực nhọc, suốt một năm lam lũ là mong bình an, khấm khá mạnh khỏe, yên vui, thanh bình, đoàn tụ...

Và khi ngày mùng một đến, ngày khí thiêng sông núi hội tụ, xuất hiện, hòa nhập vào lòng người thì lời cầu mong kia biến thành lời chào, câu chúc mừng nhau giữa người khách đến xông nhà cùng gia chủ, giữa họ hàng xóm mạc với nhau.

Người trẻ chúc người già sống lâu trăm tuổi. Người già chúc người trẻ hạnh phúc, mạnh khỏe, tấn tới, ăn nên làm ra...

Câu "đại đăng khoa", "tiểu đăng khoa", "công thành danh toại..." đâu phải là sáo ngữ hay nịnh bợ mà chính là sự mong ước cho mỗi người học hành chăm chỉ, thành tài, nên người, có gia đình êm ấm, là sự cầu mong cho mọi người có công có việc, có một chỗ đứng dưới ánh mặt trời để không hổ với tổ tông, không thẹn với họ hàng làng nước.

Đến kẻ thù của nhau, ngày tết cũng tạm quên hiềm khích để cái tốt lành, niềm hòa khí giao hoan, cảm thông cùng trời đất.

Nay có lẽ ít ai chúc mừng những câu quá cổ, không hợp thời như: "Nhất bản vạn lợi", "thăng quan tiến chức", "con đàn cháu đống"... Xã hội mới, có quy ước mới, tiêu chí mới cùng phong tục mới. Chữ tín làm đầu. Làm ăn có phường có bạn. Chức trọng quyền cao cũng chỉ là vì dân vì nước. Con cái ít mới là thức thời, hạnh phúc. Có thể câu chúc vẫn là mong phong đăng hòa cốc, thân ái ấm êm, hạnh phúc dồi dào, sức khỏe tăng tiến.

Cúng bái quàng xiên đương nhiên chưa hết nếu dân trí chưa được nâng cao. Nhưng ngẫm mà xem, làm gì có thánh thần nào lại đi ăn của đút để phù hộ cho bọn buôn gian bán lận, bọn lường thưng tráo đấu, bọn trộm cắp lưu manh, bọn tham quan ô lại, bọn

giả dối Sở Khanh... Bọn chúng dù có biện lễ bao nhiêu thì sự hối lộ thần thánh ấy cũng là tà tâm giả dối, không có ông bụt bà phật nào chứng giám. Tôn giáo, thần phật chỉ khuyên con người làm điều lành, việc thiện. Mà "thiện căn ở tại lòng ta", "phật ở tâm". Mùa xuân đi lễ là mong sự tốt lành, chứ không thể mong những điều không thể có hoặc mong điều tốt cho ta nhưng hại cho người. Ác giả tất ác báo. Gieo gì tất gặt nấy. Lý của người cũng là lý của trời vậy.

Thần phật đâu có nhắm mắt nhận chút của hối lộ mà phù hộ cho bọn buôn lậu, quân hối lộ, kẻ tham nhũng, đứa lừa lọc, tên làm hàng giả, quân ném đá giấu tay, kẻ chọc gậy bánh xe, đứa giả nhân giả nghĩa...

Người Việt Nam vốn nhân hậu, giầu yêu thương, biết kính già yêu trẻ, trên kính dưới nhường, lá lành đùm lá rách, trọng nghĩa nước quý tình nhà, tôn sư trọng đạo, biết giữ gìn phong tục đẹp, biết phân biệt phải trái trắng đen... nên lời chúc tụng đầu năm đều mang ý nghĩa như thế.

Ngoài những nét đẹp ấy, tết còn một cái đẹp khác mang ý nghĩa xã hội rất nhân văn. Kiêng. Không ai được nói năng tục tằn, thô lỗ. Không được gắt gỏng cãi nhau. Không đánh mắng trẻ nhỏ. Không đánh đổ vỡ. Trẻ thơ là búp mùa xuân, ngày thường đã không nên đánh mắng, ngày tết càng phải kiêng mắng mỏ các em. Dáng đi nét đứng cũng phải khoan thai từ tốn, chẳng thể vội vàng. Đổ vỡ là điều xúi quẩy.

Tết là niềm vui, là sự mở đầu, là hy vọng. Ngay cả một số tên các con vật không đẹp cũng không được nhắc đến (dù thực ra chúng cũng chẳng tội tình gì).

Từ nghìn xưa nét đẹp, đầy cốt cách văn minh trong ứng xử như thế đã tồn tại cùng dân tộc. Cụ kỵ truyền cho ông bà. Ông bà

truyền cho cha mẹ. Cha mẹ truyền cho con cái. Anh em nhắc nhau. Họ hàng giúp đỡ, không ai dám cưỡng lại phong tục đẹp ấy nếu không muốn chuốc lấy sự chê cười mai mỉa, nếu không muốn bị bia miệng để đời, nhất là ngày xuân tết.

Tết nay, nhiều suy nghĩ mới đã hình thành. Duy trì cái cũ có chọn lọc, gạt bỏ những hoang đường vô lý hay lạc hậu, để phát huy cái mới, cái tốt đẹp như tỉa cái lá già, để lại bông hoa tươi, nhằm bảo vệ sự hào hoa thanh lịch của một dân tộc mang danh văn hiến ngàn năm. Nó như cần mặc tấm áo sạch, cần nhành hoa tết thắm tươi, cần nụ cười cho mùa xuân mới...

Đời thường, mặc com lê, áo dài là sang là giàu, nhưng cũng còn cần trung thực thẳng ngay, cần kiệm, nói năng lịch sự đàng hoàng, ứng xử có văn hóa, lễ độ mới thực là giàu là sang là quý. Dù đi cái xe mới toanh đời chót, dù mặt hoa da phấn, quần là áo lượt, giầy nọ khăn kia mà nói năng tục tĩu, lừa đảo... thì cũng không ai có thể mến yêu được chứ đừng nói gì kính trọng. Đó là điều không mới, nhưng cũng lại là cái mới. Nếp sống văn minh, cần được khơi sống lại. Tết là dịp mỗi người thể nghiệm lại mình.

Có một phong tục mới rất đẹp. Bác Hồ dạy chúng ta mùa xuân là tết trồng cây. Nghiệm rằng, trồng cây là lợi ích mười năm. Trồng người lợi ích gấp mười, dù cũng phải công phu là lâu dài gấp mười. Trồng cây cho mùa xuân, cho đất nước, cho xóm làng, cho bản thân là rõ ràng ích lợi. Trong mưa bay của tiết Lập xuân, của tháng giêng dài rộng, đi trồng cây cũng là trồng niềm vui và hy vọng, là góp phần làm cho môi trường được cải thiện, là giúp cho lá phổi ngay mỗi người khỏi bị tàn phá vì ô nhiễm, trong tình hình rừng đang bị người ta phá đến kiệt quệ như hiện nay.

Hoa bưởi đã thơm suốt đêm. Hoa xoan đã tím trong sương. Bạch đàn lá như vành trăng xanh non đã lao xao. Những thân đê cần tre

chắn sóng. Nghĩa trang liệt sĩ cần phi lao ru cho các anh yên giấc ngủ. Đường liên thôn liên huyện cần bóng mát chở che. Vườn cần thêm cây cho hoa thơm quả ngọt. Đồi trọc cần mặc áo xanh chống xói mòn... Tết trồng cây cũng không thể quên dành phần cho danh lam thắng cảnh, thử xem, có danh lam thắng cảnh nào vắng bóng màu xanh cổ thụ? Ở thành phố còn phải trồng cả cỏ cho tươi mát mắt người. Nông thôn sẽ đẹp và giầu nhanh chóng biết bao nếu nhà nhà có vườn cây ao cá, có hoa trái bốn mùa... Ngày xuân là sự khởi đầu tốt đẹp ấy khi thời tiết cũng hào phóng vì con người, khi thiên nhiên cũng là đồng minh đắc lực.

Mùa xuân đất nước, quả là kỳ diệu. Vết thương nào cũng lên da non. Mùa xuân là cái bóng đa cho cuộc hành trình, là sự hồi sinh, bồi tụ.

Những nếp sống đạo lý, những phong tục đẹp, những ước mơ cháy bỏng ngàn đời... vẫn sống dậy mỗi khi xuân về. Hạnh phúc của mỗi con người thật gần gũi nếu biết dựa vào mùa xuân cùng cộng đồng tạo thêm ra nếp sống văn minh mới.

1993

Xa lông

Nhiều gia đình, nghèo đến nỗi cả nhà chỉ có một chiếc giường tre cùng chiếc chiếu rách rải xuống đất làm chỗ ăn cơm. Khi có khách đến chơi, đành lấy cái chiếu sạch cuộn ở chân giường rải ra, rồi mời khách ngồi. Khách rất quý thịnh tình ấy của chủ, cảm động vì được đối xử chân thành như thế. Bộ xa lông của chủ nhà chỉ đơn giản có thế, cái chiếu trên giát tre...

Còn ở thành phố, xa lông thật nhiều kiểu nhiều dáng nhiều hình. Giầu và sang nhưng hơi cổ một chút thì có sập gụ chân quỳ, tủ chè, xung quanh là hoành phi câu đối, giữa là bộ xa lông gụ kiểu tầu, thứ thì mặt đá hoa, thứ thì khảm xà cừ lộng lẫy, thứ thì đệm nhung the chói đỏ, tất cả còn được che chắn bởi một bức hàng rào nhân tạo: Bộ lộ bộ gồm chùy, đao, kiếm, bảng vàng, v.v.. tất cả đều sơn son thếp vàng, chắc không phải để dọa khách mà chỉ là để khoe sang.

Nhà trung lưu xoàng xoàng, thì cái bàn chân cao, bốn cái ghế tựa ba nan (xin đừng nhầm là Ba Lan, loại ghế ba nan là bởi chỗ dựa lưng có ba cái nan nằm ngang, hơi cong, nhưng vì có người nói ngọng, nên cái ghế thông thường lại hóa một thứ của nước ngoài, nên phải giải thích dài dòng một chút). Có khi nghèo hơn, ghế tựa cũng chả có, bộ xa lông chỉ có mấy cái ghế đẩu tròn, loại ghế thường gặp ở các quán nước chè bên vệ đường. Loại này rẻ,

mà cũng tiện bởi nó khiêm tốn, chiếm rất ít diện tích, phù hợp với những gian nhà quá chật chội.

Tân kỳ hơn, có ghế đuya ra, chỗ ngồi bằng vải bạt kẻ sọc, gấp lại được. Loại bàn ghế xa lông này mang tính thực dụng cao độ, nó không đại diện cho một ý thức văn hóa nào, mà chỉ là thời đại kim khí đẻ nó ra là kim khí.

Gần đây, cây cối bên các quốc lộ được chặt đi hết, nhất là loại xà cừ, nên hồi sinh trở lại loại xa lông lùn có cách đây trên nửa thế kỷ. (Có hai ý kiến về chặt cây: một là trồng cây lấy bóng mát, mặt đường lâu hỏng vì không bị quá nóng, đồng thời có gỗ dùng. Ý kiến thứ hai ngược lại, trồng cây là làm hỏng mặt đường vì rễ cây xuyên ngầm, hơn nữa tầm nhìn của lái xe bị chặn, dễ xảy ra tai nạn... không biết ý kiến nào đúng và hay hơn?).

Loại xa lông lùn này có cái tựa lưng hơi ngả ra phía sau, chân thấp, chỉ cần đánh véc ni mà không cần đệm điếc lôi thôi. Nó hồi sinh phổ biến đến nỗi gần giống như loại xa lông tạm gọi là Sài Gòn, hình vuông, tựa lưng bằng nan thưa, chân con tiện, to đùng, một kiểu giống nhau, được kê bất cứ trong căn phòng to nhỏ nào, bất chấp tiện hay không tiện, gần như người ta nghĩ rằng có nó mới là sang, là hiện đại là giầu có, là thức thời, nên vào trăm nhà thì đến bảy chục tám chục nhà có nó, kể cả có những căn phòng kê nó mà không len chân được. Loại xa lông này thường có hai ghế như hai khối vuông, như hai cái long đình nho nhỏ, và một cái đi văng, có thể kéo ra kéo vào làm thành giường. Nhà có máu mặt thì thêm một loạt đệm: đệm ngồi, đệm lưng bằng mút bọc vải giả da hoặc một chất liệu nào đấy, nhưng xem ra cứ hao hao giống nhau, tạo cho khách cái cảm giác nhà nhà "đồng phục" một cách buồn cười.

Ai chả muốn tiến lên giầu, tiến lên sang. Bộ xa lông là cái có thể khoe trước tiên. Ngồi vào cái ghế to tướng, ắt phải là áo

dài nhung, là com lê, là giầy bóng lộn, là nhiều thứ phụ tùng đi kèm theo mà toàn loại đắt tiền cả. Tiến lên là thế, hoan hô lắm.

Vài ba năm trở lại đây, người ta còn chơi sang hơn. Ghế xa lông gỗ ấy đã lạc hậu, đã là đồ chơi loại hai. Mới nhất là ra đời một loạt cửa hàng gỗ loại thượng hảo hạng, trong đó có bàn đánh phấn, tủ gương tủ tường, giường gương, và kèm theo là những bộ xa lông bọc đủ kiểu, mỗi cái ghế như một ông đống bên đường, như một quả đồi con, như một đống rạ, như một cái mả thằng ăn mày.

Sang thật, nhưng người dân Hà Nội bình thường khó có thể sắm được nó và cũng không muốn sắm nó vì nhà quá chật. Đây là kiểu xa lông mà có người gọi tạm là loại: "Trưởng giả học làm sang". Bởi vì có gia đình nọ quá chật, lại cứ đua đòi, vác luôn một bộ loại ấy về, đến bữa cơm, con bê nồi canh, lối đi chật quá, em bé ngã, đổ cả nồi canh mùng tơi nóng vào mình và vào bộ ghế xa lông ấy. Bố mẹ tiếc xa lông, mải lau xa lông, đến lúc nhìn đến con thì... vào bệnh viện cũng không cứu nổi.

Cuộc đời cần tiện nghi, mỗi ngày một sang hơn là tốt. Chỉ tiếc có những chủ nhân của loại ghế to đùng này tuy ăn mặc sang nhưng vẫn còn nói ngọng, vẫn có thói quen gác chân lên ghế, có khi là bàn chân lười rửa, vừa tiếp khách vừa ợ chua, vừa đánh đàn răng tanh tách...

Có người mua loại xa lông này về vẫn cứ để nguyên cả tấm ny lông bọc, vì sợ ghế bẩn, có người kháy một câu hỏi: Chắc bà chị dùng bộ này ít lâu rồi lại "đẩy" đi chứ gì, không, sao phải giữ cái vỏ cho nó loạt xoạt như hàng mã thế, nếu muốn sang muốn sạch sao không mua ít đăng ten...

Cái thời bộ ghế trúc Lạng Sơn là sang, đã qua lâu rồi. Cả loại ghế bằng song uốn, bán ở góc phố Trần Nhân Tông, trông ra hồ

Thiền Quang, cũng chỉ dành riêng cho người nghèo. Sang không thể chỉ là thứ bàn ghế nhuế nhóa ấy được. Càng không thể là bộ tràng kỷ dù là tràng kỷ gỗ gụ hay tràng kỷ tre ngâm như mấy ông già thú quê. Phải như bên tây ấy mới được, dù rằng mấy vị tây này một chữ bẻ đôi cũng không biết.

Xa lông nguyên là tiếng Pháp có nghĩa nơi tiếp khách, phòng khách, bộ bàn ghế tiếp khách. Đến nay nó mang thật nhiều nghĩa. Nó có thể là thính phòng, là nơi bán hàng, tiệm hàng nữa... nhưng nghĩa hẹp, nó là nơi tiếp khách, là bộ bàn ghế tiếp khách. Ít người còn nhớ trong ngành sân khấu có "ca xa lông" tức là hát trong phòng hẹp chỉ có một ít thính giả nghe, còn ít hơn cả ca nhạc thính phòng ngày nay, sau đó mới có "ca ra bộ" tức là có bộ điệu cùng lời ca, cuối cùng mới có ca và diễn trên sân khấu...

Thực tâm mà nói, thỉnh thoảng đến nhà ai được ngồi vào bộ xa lông sang trọng cũng thích thật. Nhưng có lẽ được ngồi vào bộ ghế sạch sẽ, chủ nhân chân thành niềm nở, uống một chén trà mới pha... nói chuyện không khách sáo, thì dù chỉ là ngồi trên "xa lông đất", là thứ chiếu rải sàn nhà, vẫn cứ thú vị sung sướng hơn là ngồi trong cái ghế to đùng mà phải khép nép, hoặc chủ nhân lạnh nhạt khinh người, hoặc nữa chủ nhân quá quý chiếc ghế mà coi khách chả ra gì...

Đi kèm với bộ xa lông, người có khiếu thẩm mỹ, bao giờ trên bàn cũng có một chút hoa, ít ra là một chút lá xanh cho thiên nhiên có mặt trong nhà, cho con người được quên mình đi chút ít. Và có lẽ một tiêu chuẩn không thể thiếu là mặt bàn tiếp khách ấy bao giờ cũng phải sạch, không một chút bụi, không một chút cặn nước chè, không một chút "tàn thuốc vương vãi", nhất là khi khách bắt đầu ngồi vào ghế, chủ nhân phải lau bàn thật sạch ngay lập tức mới là tôn trọng khách. Đói cho sạch, hiểu theo nghĩa đen cũng rất cần vậy.

Gần đây loại ghế xa lông chạm trổ bắt đầu phục hồi, nhưng hình như quá đắt, để bán ra được nước ngoài là chính, còn người chơi thứ ấy cũng chỉ còn thưa thoảng, loại quý giá ấy khó mà cạnh tranh với loại bọc đệm to đùng kiểu cách, phù hợp với âu phục và các loại váy ngắn tâm kỳ, như ca nhạc trên đài truyền hình...

Chưa biết rồi còn loại xa lông nào xuất hiện? Nhưng gì thì gì, giản tiện vẫn là đẹp nhất. Từ hình dáng kích thước đến màu sắc... phù hợp với gia cảnh với diện tích... là đẹp nhất. Và quan trọng hơn cả vẫn là thái độ của chủ nhà tiếp khách trên bộ xa lông ấy. Tạo cho khách không khí ấm cúng chân tình hay làm cho khách phật ý, được khen ngợi hay bị khách chê cười trên bộ xa lông ấy, không hẳn ở bộ xa lông mà chỉ có người chủ nhà làm được việc ấy. Cũng đã có khối chuyện vui chuyện buồn rồi đấy...

1992

Mùa thu nối tiếp

Mùa nhãn lồng đã qua lâu rồi. Những ngày nồng gắt của nắng tháng sáu như đã lim rim con mắt trong giấc ngủ ngày của hôm qua đầy mệt mỏi.

Đêm na thơm. Đêm hoàng lan dịu ngọt. Màu nắng mật ong trong vắt vàng ươm mỗi sáng là tiếp nối vị ngọt ngào ấy của vần xoay mùa màng đất nước thiên nhiên, khi những sợi tơ vương còn vương vấn đầu cành, hồi hộp bước chân học trò vào năm học mới, xao xuyến trái tim hò hẹn tình đầu... Tháng Tám hình như là thế? Cũng hình như Tháng Tám là nhịp trống trong hồn mới mẻ, vang lên tiếng sôi nổi hào hùng, một sớm bừng lên, tỏa ra, sôi réo khúc hát đỏ như cờ, say như rượu, bát ngát như gió đồng, mênh mông như trăng sông, ào ạt như bão biển, cảm động như tình mẹ yêu con...

Thoắt mà đã 49 lần Tháng Tám dắt tay nhau về lại. Thật hạnh phúc cho những ai được một lần tận mắt chứng kiến ngày nổ ra khúc ca Tháng Tám, cũng như hạnh phúc cho ai được trực tiếp làm một giọt nắng trong Tháng Tám ấy, được là một nét nhạc trong bản trường ca huyền diệu muôn thuở còn vang ấy.

Ôi, cái nền của khúc ca oanh liệt ấy là cả một bề dày bốn nghìn năm, là hai triệu bộ xương người vừa rục xuống trên những cánh đồng xơ xác áo cơm. Hai triệu linh hồn ấy không bơ vơ đâu,

mà kết lại thành hồn thiêng sông núi, thành gió thổi những bàn chân ào ạt xông lên, đi giành lấy độc lập tự do trong cái ngày có một không hai của lịch sử ấy, cái ngày mà con lũ sông Hồng còn dềnh lên lênh láng, dữ dội, đục ngầu, đe dọa phấp phỏng tiếng trống ngũ liên... cái ngày hồi trống đại trên sông Lục Đầu, nơi anh linh Trần Quốc Tuấn còn phảng phất, tiễn đưa đoàn quân từ Chiến khu đệ tứ Đông Triều về đồng bằng phấp phới cờ bay rực đỏ một phương Đông Á.

Hôm ấy, những con đường Hà Nội đều như cựa mình thức giấc. Xương cây răng rắc. Gân cốt tường nhà hào hển hơi thở mới. Tóc lá dồn căng sức sống bay trên ngực thiếu nữ, gan bắp chàng trai, dòng máu tráng niên... đổ ra đường để cùng đến một nơi không cần biết trước, không cần hẹn trước, ở đó là Độc lập, Tự do, là đổi đời, là lịch sử lật chương, là mặt người tỏa sáng, là tiếng hát vỡ bờ, là nghìn năm chỉ có một lần. Ý niệm dân tộc lần đầu tiên được thoát xiềng bóng tối, mở toang lòng cùng thế giới. Rừng cánh tay giơ lên như bắt gọn mặt trời, như hái lấy ánh sáng trao cho người bên cạnh, người đằng trước, người phía sau... cho cùng hồng lên màu cờ đỏ... chẳng khác nào những con sóng Thái Bình Dương dồn dập xô bờ, hét to tiếng nói: Đây Việt Nam. Đây Đông Nam châu Á.

Chưa ai cần nghĩ rằng còn phải có Chín năm rừng gian khổ. Cũng chưa ai cần nghĩ rằng còn phải Chín năm tăm tối nội thành, lặng câm hướng về rừng núi... Cũng chưa ai nghĩ rằng sẽ còn có mấy lần thời gian dài hơn thế (mấy chục năm) tơi bời bom đạn, mịt mù khói lửa máu đổ xương rơi, đau thương chết chóc... suốt chiều dài cơ thể đất nước này, làm mẹ Việt Nam phải gồng tấm thân gầy lên chống đỡ.

Mười cô gái ở Ngã ba Đồng Lộc nay hồn thiêng còn đó. Một Thái Văn A làm con mắt sống trên Cồn Cỏ anh hùng. Hàng trăm

cây số hầm ngầm trong địa đạo Củ Chi. Hàng vạn nấm mồ trên nghĩa trang Trường Sơn nắng bão... Hàng trăm ngày nhai hạt bo bo, đội mũ rơm, thồ con cái trên chiếc xe đạp tàng mà sơ tán nơi những thôn xa heo hút đèn dầu...

Nhưng hình như lịch sử bất cứ dân tộc nào cũng phải viết bằng máu, bằng mồ hôi, bằng nước mắt, nếu dân tộc ấy không muốn diệt vong. Dân tộc Việt Nam không dựng nước trên nền núi lửa, phùn phụt Hỏa diệm sơn vạn độ lửa nung mà ngọn lửa cứ tỏa sáng ngay trong lòng mỗi người, mà sức địa chấn đủ đốt cháy hết mọi kẻ thù, để kiên trinh xây dựng một Việt Nam, dù phải mệt nhoài suốt bao nhiêu thiên niên kỷ trên cánh đồng đau thương tàn khốc. Nhưng đó là một Việt Nam trường tồn. Đó là một Việt Nam đầy văn hóa.

Gần một nửa thế kỷ, từ tháng Tám 1945 đâu có là chớp mắt. Càng không phải chỉ có tiếng cười, nhịp vỗ tay hoan hỷ như bữa tiệc liên hoan thâu đêm suốt sáng.

Chiếc gầu đai sòng còn đó, những trưa nắng hạn, nước tát và mồ hôi chưa biết thứ nào nhiều hơn. Những chiếc cuốc bàn cuốc chim còn phải phầm phập tiếng cơ bắp căng néo trên cánh đồng, trên sườn non, trên mặt đường.

Hương hoàng lan thơm nức đường đêm chưa phải là cho tất cả. Khăn bàn trắng và máy điều hòa nhiệt độ cũng chưa phải giàn đều cho tất cả mọi người. Còn biết bao nhiêu người ngã xuống, vì con vi trùng sốt rét lam chướng. Còn biết bao nhiêu cái bướu cổ oan nghiệt làm trì độn cả mấy thế hệ sẽ sinh ra, mà văn minh, mà ánh sáng chưa đủ soi rọi tới những bản làng ngút ngàn nơi rừng sâu ấy... Dòng điện đang là hy vọng. Ngọn lửa nhựa trám chưa hết tác dụng những nơi nhà sàn thâm sơn cùng cốc.

Bát cơm còn mặn mồ hôi. Mẹ ta vẫn phải còng lưng trong mưa trong nắng chăm chút cái mầm cây bé tẹo để mai ngày nở ra quả bói. Người chị lỡ thì, giòn cả tóc, bạc cả da, teo cả ngực... từ khi các anh ta ngã xuống ở một nơi nào chưa tìm ra, chị còn lầm than vất vả lam lũ sớm khuya, chỉ biết gối đầu lên cánh tay mình, cái giường cô đơn những đêm đông giá cứ cót két than vãn trong trống vắng... đứa con mồ côi có an ủi nỗi sầu muộn của người mẹ trẻ góa ?

Cách mạng là đổi đời. Nhưng có cuộc đổi đời nào chỉ có pháo mừng, mà không phải vượt lên nỗi đau lột xác, nỗi đau cả thể hình và tâm linh?

49 năm. Ta đã có tương đối đủ thời gian để đọc lại những trang đời không chỉ viết bằng mực trên giấy trắng. Những ngôi nhà mái ngói mái bằng, những viên gạch cục vôi là đất đồng đá núi nung nấu như thịt xương cha mẹ, là quần quật ngày nắng đêm sương... của bao thế hệ nối tiếp, chỉ có củ sắn, gáo nước cầm hơi... mà đi mà vượt.

Tuy vậy, cái Được vẫn là cái cao cả. Cái Mất chỉ là cái thấp hèn. Quốc thiều Việt Nam vang lên ở những bục danh dự trong những cuộc đón tiếp linh đình, đâu phải chỉ là một nguyên thủ. Cho tất cả những người Việt Nam vô danh và hữu danh khắp các miền tổ quốc từ đồng lầy hoang vu, từ núi cao âm u, từ sông rạch ngút ngàn... đến cả những con người chưa một lần nhìn thấy chiếc bóng đèn điện, chiếc ô tô. Thảm đỏ là cho Việt Nam, tất cả Việt Nam đấy, trong đó có anh thương binh hỏng mắt, người mẹ liệt sĩ mù lòa, đứa con côi cút, anh thương binh cụt chân, người đàn bà góa bụa, cho cả hai triệu linh hồn chết đói mà nếu Nguyễn Du còn sống, chắc ông phải viết văn Chiêu Hồn thống thiết ngàn lần hơn... Tất cả Việt Nam ấy ngã xuống, sống âm thầm... là cho một Việt Nam hôm nay đứng thẳng.

Mùa thu này, ta đi trong nắng vàng màu nhạt, trong gió mát tê vai, trong tiếng sóng lùa bay mái tóc, trong hồi trống hội làng tưng bừng, trong ánh lửa thiêng nhang khói... ta lại thấy hồn thiêng dân tộc bốn nghìn năm mà Tháng Tám Mùa thu là một đoạn thần kỳ, tiếp nối.

Đỉnh núi Hy Cương, cột đá thề còn đó. Trống đồng nơi miền Đồng Cổ còn kia. Lời thề trung thành với dân với nước không đời nào nguội tắt. Bông hoa sen trắng xòe cánh thành bảo tàng, nằm giữa Thăng Long, như nhắc nhở chúng ta thời đại bắt nguồn từ Tháng Tám. Ta đâu quên mảnh tước, vai rìu, mũi tên đồng... Ta cũng không quên ngọn tầm vông, bom ba càng, thanh mã tấu... Ta càng không quên vết bom trên da thịt nước non, không quên hạt lúa nhọc nhằn manh áo nhuộm nâu.

Con sông Cái, sông Hương, sông Cửu Long - ngàn đời cuồn cuộn. Nó cũng là dòng lịch sử tuôn trào... Nó sẽ xòe thành lửa điện soi sáng khắp đất nước mai ngày.

Ai cũng có nguồn cội. Ai ra đi rồi cũng đến lúc phải trở về nguồn cội. Hôm nay, uống nước nhớ nguồn. Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên chói lọi, ai mà không nhớ Con đường xuyên Việt đang đà mở rộng, rồi đây, thiên niên kỷ mới sẽ đến. Ánh sáng ra sao, ta tự hào mà hy vọng, bắt nguồn từ mùa thu năm 1945 ấy.

7-1993

Cái nằm

Có câu tục ngữ "Đêm nằm năm ở". Một đêm thoáng qua mà sâu nặng bằng một năm gần gũi. Quả là người Việt Nam coi trọng nghĩa tình.

Từ nghìn đời nay cái nghèo như một định mệnh không rời dân tộc kiên cường bất khuất chịu thương chịu khó này. Vì vậy mà cái ăn, cái mặc, cái đi, cái ở, cho đến cái nằm cũng mang nét thật riêng, giản dị, mộc mạc, xuề xòa, tuỳ theo điều kiện, thích nghi với mọi hoàn cảnh.

Có phải ai cũng là nhà vua có long sàng bằng vàng bằng bạc mà ngự đâu. Dưới mái nhà tranh của kiếp sống khó nghèo, thường là thấp lùn, bé nhỏ chỉ đủ tạm che mưa tránh nắng, sau một ngày cực nhọc lầm than, lặn lội như cánh cò trên đồng ngoài bãi, thì có chiếc giường tre rải manh chiếu cũ là quí lắm rồi. Mùa hè phe phẩy chiếc quạt mo quạt nan quạt giấy, mùa đông lót chút ổ rơm, ổ lá chuối khô, đắp cái chăn dạ... mặc cho làn gió lang thang suốt đêm cứ kêu u u nơi ống tre đầu hồi, kêu kẽo kẹt nơi bờ tre mưa lất phất... giấc ngủ nhọc nhằn cũng có thể mệt mê, lâng lâng siêu thoát cùng giấc mơ thần tiên thoát cảnh đời cơm độn, áo vá, chân không....

Sang hơn một chút, là chiếc giường gỗ xoan đào, cây xoan trồng năm nảo năm nào nơi góc vườn, có cây sắn dây leo lên tít

ngọn cao, xòe tay lá như hình con bài mập mạp, mùa đông cây xoan trơ cành với chùm quả héo quắt như mặt người bị vắt kiệt sức trong bao công việc nặng nhọc, thế mà xuân về, nó tưng bừng tung những trận mưa hoa tím cùng làn hương mơ hồ làm lắm người hẹn nhau, nhớ đời màu hương hoa xoan ấy; chiếc giường gỗ xoan đào, có nan giẻ quạt, chân giường còn kê hòn gạch vỡ cho khỏi mối xông, thành giường có thể là chỗ cho bé thơ tâng tâng (hay tênh tênh) tập đứng tập đi trong cái năm đầu tiên của cuộc đời mình, cuộc đời cũng sẽ nhọc nhằn, phiên bản của ông bà cha mẹ từ xưa.

Giầu hơn một bậc có bộ phản lim, bộ ghế ngựa lim, với tháng năm, nó lên nước đen bóng, hoặc màu mận chín, mầu bồ quân già, hơi ngả sang huyền, mát lạnh lưng trần mưa nắng. Đâu phải nhà ai cũng có sập gụ chân quì, chạm lộng hay khảm trai, của gia bảo mấy đời, trên đó có chồng gối xếp cho cụ ông ngồi chống tay, tựa lưng vào cánh tủ chè, giảng bài thơ văn hay ngâm nga bài phú cổ, cụ bà ngồi xếp chân, nhai trầu mà cau vỏ... đựng trong cái "quả" sơn son thếp vàng có nhánh hoa bưởi, hoa cau, hoa hồng ngan ngát. Có khách, sập được rải chiếu hoa cạp điều trịnh trọng.

Những chiếc giường tre giường gỗ đơn sơ kia ra đời từ bao giờ nhỉ? Từ thời Hùng Vương có Lạc hầu Lạc tướng chẳng hay từ khi người dân Việt Nam đúc trống đồng có những tia lửa xòe trên mặt trống nên tiếng trống vừa âm vang vừa rộn rực lửa trong lòng người. Chắc phải trước đó nữa khi căn lều lợp lá mía lá gồi, nắm rạ xuất hiện, khi con ốc được nướng trên than hồng giữa ba hòn đá thay cho ông đồ rau, chiếc kiềng sắt. Là phỏng đoán vậy, còn chờ nhà nghiên cứu.

Trên chiếc giường tre giường gỗ ấy, dân tộc ta được sinh ra, cho đến lượt mình, mỗi chúng ta được "núm" ngụm sữa đầu tiên,

ăn miếng cơm mớm nhót đầu tiên, bước những bước đi chập chững đầu tiên, ăn bữa cỗ đầu tiên trong đời mình ngày giỗ kỵ giỗ cụ hoặc bữa cỗ cưới của chính bản thân mình.

Ở thành phố, cuộc sống vật chất có khấm khá hơn. Một thời đã xuất hiện cái giường cao lênh khênh, gọng đồng, bốn góc có bốn quả bóng tròn cũng bằng đồng, từ chân giường đến lao màn cũng là đồng vàng chóe, và mặt giường có thể nhún nha nhún nhảy, lò xo đấy, nên nó được gọi là giường lò xo, người khác gọi nó là giường Hồng Kông. Đương nhiên nhà đại gia, quý tộc, ông lớn mới sắm được nó. Mặt giường có rải vải trắng tinh, cùng với màn tuyn, rèm che thêu phượng thêu lân.

Từ cái giường khênh kềnh càng ấy, nó lại tụt xuống, như hẵng một cái thành giường "mô đéc" lùn tịt, một thành cao và một thành thấp cho rất nhiều lứa đôi hạnh phúc với đời.

Khi xuất hiện nó thì phản lim sập gụ đã thành đồ cổ, thành những ông già lụ khụ. Cũng như giường tre hầu như hoàn toàn vắng bóng nơi thành thị, ở trong những căn phòng có tủ gương, bàn phấn, tủ lát hoa lát chun, có đèn ngủ ảo mờ. Đi đôi với giường mô đéc là đệm cỏ, đệm bông lau, đệm bông và đến nay là đệm mút hiện đại (đệm lông chim không phải là cho nhiều người, dù là cỡ trung lưu). Khăn trải giường phẳng phiu như da trinh nữ, chạm vào đã run rẩy thần kinh, thường là màu trắng tinh khiết, đôi khi cũng mang màu huyết dụ, đỏ tía, xanh lam, trơn thì xa tanh, quý phái thì gấm thì nhung khiêu khích, có thêu hoa thêu lá như gọi giấc mơ chóng về. Những giấc mơ ấy chắc khác giấc ngủ chập chờn chờ gà gáy sáng để ra đồng tát nước, nhổ mạ hay đi chợ đường xa cho kịp ngày phiên.

Cũng là khăn giường nhưng nó lại khác cái khăn trắng rợn người nhà thương hắc mùi thuốc sát trùng. Cái giường sắt sơn

trắng, màu thời gian đã ngả sang vàng, nó cũng lây bệnh tật chăng mà hoen gỉ? Khốn khổ, cái giường tám mươi phân ấy có lúc phải chứa hai người, nên họ phải nằm trở đầu đuôi, thà người nọ ngửi chân người kia còn hơn là suốt ngày đêm nằm thở hơn người ốm vào mặt nhau. Đôi khi còn thảm hại hơn, là ở nhà hộ sinh, còn gọi là nhà đẻ, cả bốn người, hai mẹ hai con, chen chúc nhau trên khoang giường ấy như nằm đò dọc.

Thành phố chật chội hơn nông thôn. Nhà gạch, nhà tầng là phổ biến. Sàn gỗ dù có mọt, có hở khe, lau đi thì nó cũng mát, cũng bóng như phản lim mặt sập. Vợ chồng con cái cứ tha hồ mà lăn hết góc này sang góc khác. Ông chồng say khướt, bà vợ ú ớ cơn mê, đàn con nằm ngang nằm dọc gác chân lên cổ nhau, cứ việc. Bé em có "dấm đài" thì vớ cái khăn lau, không cần lấy móng tay cái bấm chiếu cho ngọn suối ấy thoát xuống gầm giường. Sàn xi măng ram ráp, sàn gạch hoa bóng lộn (nay vô thiên lủng hàng quảng cáo gạch hoa) khách đến chơi xin cảm phiền, để cả giày dép bên ngoài, vì sàn nhà chính là cái giường cho cả nhà. Nó cũng là nơi tiếp khách, ăn cơm, bố xem báo, mẹ ngồi khâu, con cái học bài. Mặt sàn gánh vác mọi công việc mà không kêu ca nửa lời, dù sao cũng còn thoáng còn sạch hơn chỗ cầu thang, gầm bàn, gầm giường có đủ thứ mắm muối, nồi niêu, củi đóm, gạo nước...

Nhà có cô con gái lớn, không tiện nằm chung thì đã có cái giường gấp đuy ra (một thời loại này gọi là ghế bố). Giở ra, gập vào cũng tiện, dù nằm có hơi bó vai, gò lưng. Người ta còn thấy nó ở ngoài hè, ở nơi bãi cỏ những chiều hè, cho những tấm lưng ngả ra, vì mỏi mệt tuổi già, không thể ngồi lâu.

Giường muôn màu muôn vẻ. Cách nằm cũng muôn màu muôn vẻ. Ngay cái từ ĂN NẰM hay NGỦ VỚI, khi nhắc đến cũng xin thận trọng.

Ca dao có câu vui, dù hơi tinh nghịch:

Chồng còng mà lấy vợ còng
Nằm phản thì chật nằm nong thì vừa.

Ấy vậy mà có đôi vợ chồng lưng đều thẳng, họ nằm phản vẫn chật, bởi họ nằm kiểu chữ x viết thường. Hai đầu hai ngả, hai chân hai phía, chỉ có cái lưng hơn chạm nhau một chút. Chị quay vào vách, anh ngoảnh ra cửa. Chả biết đến lúc nào họ mới làm lành và tư thế nằm diễn ra thế nào, ai mà biết "chỗ ma ăn cỗ".

Có những đôi vợ chồng từ trẻ đến già, không nằm riêng. Khách quí đến đâu, khi tới nhà cũng xin mời khách nằm riêng chứ không để khách nam thì chồng phải nằm với khách, khách nữ thì mời ngủ chung với bà chủ nhà, làm đảo lộn sinh hoạt.

Xứ ta lắm muỗi, cái màn là không thể thiếu. Không hiểu sao, ông bà ta hay nhuộm nâu màn, rất khó bắt muỗi, dù soi nghiêng cái đèn hoa kỳ trong từng góc màn. Nay màn xô cũng đã lạc hậu với đời sống thành phố. Màn tuyn là phổ biến.

Đi cùng với màn, còn có cái gối, không thể thiếu. Ca dao nói:

Gối mền gối chiếu không êm
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.

Ôi cánh tay ngà, mát lạnh, nóng ran, mềm mại, có gì so được. Đó là chân lý tuyệt vời, là định luật từ nghìn đời để lại. Nhưng có phải ai cũng có hạnh phúc được gối lên cánh tay thần tiên như thế đâu. Có lúc chỉ là hòn gạch kê dưới chiếu. Mà cái chổi cũng xong (chả thế mà có câu tục ngữ: *Con bà đâu cháu bà đâu, mà bà nằm chuồng trâu gối đầu bằng chổi).* Có chiếc gối gỗ trắc, cứng đến đau gáy, nhưng suốt đêm thoang thoảng. Chiếc gối sơn then, gối mây đan, gối bông êm dịu, nay gối mút còn êm hơn.

Chợt nhớ mẹ ta xưa, suốt ngày bận trăm công nghìn việc. Đàn con ngủ say, mẹ mới khẽ khàng lên giường, nằm ghé nơi các chân các con, gối đầu bằng cánh tay gầy guộc của mình. Khổ thân mẹ thế. Vào những đêm đông con tròn trong lòng mẹ, lưng con ấm ran, bao nhiêu cái giá lạnh mẹ đã lấy thân mình ra đỡ, che chở cho con trong kiểu nằm úp thìa như thế.

Có một giấc ngủ sâu là quí giá, phục hồi sức khỏe. Nhưng ai là người không từng có những đêm trằn trọc, mất ngủ. Thất vọng? Thất tình ? Tương tư? Nhớ nhung? Công việc chưa tròn? Đình màn cứ chong chong, hình ai chập chờn, tiếng nào xô động?

Và những giấc mơ, tưng bừng đẹp đẽ làm suốt ngày hôm sau ta cứ bàng hoàng ngây ngất và những giấc mơ nặng nề, xám xịt khiến ta như thấy bóng cả những ngày sau đó. Những cái bóng vô hình ấy của những giấc mơ được cất vào một ngăn óc não, làm thành năm tháng mỗi đời người.

Lại thương cho một thời có bao người phải nằm ngủ tạm bợ trên chiếc giường cá nhân nơi nhà tập thể, thậm chí trên mặt bàn làm việc của cơ quan, vì vợ xa con vắng, vì không được "nhập hộ khẩu" nên cứ vất vưởng, long đong như thế. Không an cư thì làm sao lạc nghiệp, và trách chi, có bao nhiêu con người bị phí phạm cả cuộc đời.

Mỗi đời người ta, phải bỏ ra một phần ba cho giấc ngủ, một phần ba cuộc sống ở trên giường, cho cái nằm, có thể là ngáy pho pho, mà cũng có thể là thao thức, trở mình nát cả chiếu, nhầu cả lòng... Vậy chỗ nằm, cái nằm đâu phải không quan trọng ? không nhất thiết ? Cho nên có những người cẩn thận, ở thành phố chật chội, cũng nhất định không cho bất cứ một ai ngồi lên, nằm lên cái giường của mình được kê trong một góc nhà kín đáo, sạch sẽ. Chí lý lắm thay.

8 - 1993

Chiếc quạt

Ít lâu nay chúng ta mới quen với chuyện có điện hay mất điện. Nếu người thế kỷ trước sống lại, chắc là ngạc nhiên đến kinh dị, cho là ma quái. Hồ Xuân Hương, khi vịnh cái quạt, đã viết:

Mười bảy hay là mười tám đây

Cho ta yêu dấu chẳng rời tay...

và ... Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày...

thì đó không phải là cái quạt điện, dù là Eole, Marelli, Thượng Hải, Oéttanhhao của thời trước cho đến các thứ Gió đông, Gió tây, Vinawind và tây tàu quái quẩm gì đó của ngày hôm nay, ta sản xuất ra hay nhập từ nước ngoài lậu và không lậu... Chúng quay tít trên trần nhà, chạy vù vù một góc hay đứng sừng sững, còn ngó phía nọ, hướng phía kia...

Cái quạt giấy mười bảy, mười tám nan tre, ứng với tuổi mê ly hấp dẫn của tuổi dậy thì gái mới lớn, đến nỗi yêu chẳng rời tay, yêu cả đêm, không ngủ, còn yêu cả ngày, cả ban trưa... Thật tài tình. Cái quạt nan tre, quạt giấy phết cậy, có màu nâu, phảng phất mùi tre ngâm, mùi hơi khó chịu của vỏ quả cậy. Quạt giấy bé thì quen thuộc. Còn y hệt chiếc quạt của nữ sĩ họ Hồ nhắc đến một cách biến nghĩa, lớn. nó có tên gọi khác: quạt thước, dài gần thước

ta, tức bốn mươi phân tây, các bô lão, thầy đồ, cụ lý cụ chánh mới dùng, vừa là quạt, vừa là thứ che đầu khi nắng, cũng là là gậy xua con chó dữ. Cái quạt nan quạt giấy ấy đi liền với cuộc sống thường nhật, nóng, nắng gắt, cái quạt gần như thành vật bất ly thân của người nghèo (bởi người giàu thì có kẻ quạt hầu).

Cái thứ quạt: *Mỏng dày chừng ấy chành ba góc*

Rộng hẹp dường nào cắm một cây...

(Hồ Xuân Hương)

ấy có trước hay cái quạt mo của thằng Bờm có trước, và cái nào giá trị, quen thuộc hơn cái nào?

Từ thuở dựng nước, có chuyện cổ tích trầu cau, có cây cau thì cũng có luôn chiếc mo cau, nó để nắm cơm, và khi nó thành cái quạt, là lý đương nhiên như có biển ắt có sóng, có vợ thì phải có chồng...

Khi cây tre ấm bụi rìa làng, thân tre thành chiếc chõng, chiếc giường, thành cái rổ cái rá vo gạo rửa rau, thì nó cũng thành sợi nan mỏng mảnh biến thân thành chiếc quạt nan, sợi trắng sợi vàng, có một chiều hơi cong như vành ngoài con trăng đầu tháng. Nó quen thuộc đến thế, từ thơ nhỏ đến người già, ai chẳng từng phải cầm nó trên tay cho ráo mồ hôi sau buổi nhọc nhằn lao động. Đến nay, quạt điện đủ loại, nhưng nó vẫn còn nguyên giá trị bởi điện chưa phải là cho tất cả mấy chục triệu người.

Đi tham quan chùa Tây Phương ở Hà Tây, thế nào chả nên mua chiếc quạt lá đề về làm kỷ niệm. Nó vẫn là cái quạt nan thôi, nhưng có sợi vàng, nét xanh, đường đỏ, chen nhau cho gió có màu, với hình quả đào, hình trái vả, chiếc tay cầm như cuống quả. Đó là mặt trăng biến thể chăng? Là quả đào đầu mùa hôm tết Đoan Ngọ chăng? Phe phẩy mấy cái, ngực ta thoang thoảng gió đồng hương sen, màu lúa, nó mát êm như một khói thuốc mông

lung, chứ không ồ ạt như cô thôn nữ quơ vành nón lên quạt một hồi khi vào nghỉ chốt lát dưới gốc đa đầu xóm.

Cầm chiếc quạt lá đề trong tay mà liên tưởng đến chiếc quạt lông chim hạc, lông quạ, lông ngỗng ở những nhà quan. Ngay cả các bậc vua chúa thời ấy cũng phải có mấy chiếc quạt như thế, cán thật dài, quân lính phe phẩy luôn tay. Thì ra có thứ chúng ta ngày nay còn sướng hơn vua chúa ngày xưa. Tách một cái, phanh chiếc cúc áo, mát lạnh trên da, còn thứ nào hơn.

Cái quạt giấy tầm thường thôn dã, bán khắp chợ cùng quên, còn mới, nó được quấn bằng sợi giấy chính là rẻo thừa của thứ giấy phất quạt. Khi ta xoay xoay bóc giấy, cái quạt xoẹt một cái, nó bắt đầu phập phồng sự sống như bào thai bắt đầu được làm người. Nó còn biến hình thành quạt gỗ trầm, quạt nan ngà, chạm trổ, ngan ngát thơm hay mỏng manh lụa, sa... sắc màu huyền ảo. Nó cũng là dụng cụ che nửa mặt hoa của nàng gái e lệ, thành động tác múa như bướm lượn của cô Xuý Vân, Thị Mầu trên sân khấu, thành khúc Nghê Thường của đàn tiên nữ trêu người, Từ Thức quên lối trần gian...

Liền anh liền chị đất Bắc Kinh, có ô lục soạn, có nón quai thao, hẳn cũng từng sang kinh kỳ, rẽ vào phố Hàng Quạt sắm chiếc quạt cho khúc huê tình duyên dáng?

Tuổi của quạt già bằng tuổi cây cau cây tre, như vậy nó có thể già bằng hạt lúa bắp ngô. Và chắc chiếc quạt lúa to bản, hình vuông, chỗ tay cầm có hai ống tre nhỏ, cũng già như thế. Chị rê thóc, anh khom lưng quạt, chị khép hai đùi cho gió từ tay anh khỏi làm tung váy. Thật kín đáo mà cũng thật kỳ tình.

Cái quạt cũng đã đi vào nhiều bức tranh chạm khắc, chạm lộng, khảm trai, đi vào sâu thẳm lòng người, cái quạt có chỗ đứng vững vàng như gió trời, như hương đất mới.

Một thời có nhiều nhà có chiếc quạt kéo, thứ quạt treo trên xà nhà, trong là cót, ngoài bọc vải tây vàng, cũng mát được mấy cái giường, mát được mấy mâm cỗ cho các ông say sưa chai này chai khác.

Nhớ lại một thời, người ta phân phối mươi người mới được một cái quạt con cóc ba mươi lăm đồng, chí chóe, moi móc nhau, dễ chỉ có mình là đáng được. Con người thành nhỏ bé khốn khó đi. Thương cho thời ấy, xứ nóng mà cấm không cho ai sản xuất quạt, cấm dùng tủ lạnh, cấm làm ra nước đá. Buồn cười thật.

May mà nay có nhiều thứ quạt, kể cả máy lạnh, máy điều hòa nhiệt độ chạy ù ù. Nhưng có lẽ không có thứ quạt nào quí giá, rẻ tiền lại làm con người sảng khoái bằng thứ gió trời tự nhiên ở ngoài đồng, trên sân, nơi bãi sông, giữa bờ biển, lưng ngọn núi... Gió thật hào phóng. Gió cho con người tất cả, không đòi hỏi một chút gì.

Trở lại chuyện cái quạt. Thành phố chật chội, khách đến chơi, chủ nhà biết ý, mở ngay cái quạt, hoặc xoay quạt, hướng về phía khách. Một động tác lịch sự, khách thật cảm động, vui lòng... Có khi chỉ đưa cho khách chiếc quạt giấy quạt nan, cùng với nụ cười, cũng là thân tình thanh nhã. Hoặc cầm chiếc quạt, quạt cho mình, nhưng lúc lúc lại phẩy dăm ba chiếc cho khách, cũng là hiếu khách, là thân, là quý...

Cho đến nay, cái quạt máy còn là ước mơ của nhiều gia đình ở nông thôn. Nhiều nhà chưa thể có. Có nhà sắm được thì cũng chỉ dám mở mươi phút sau khi đi làm đồng về, vì điện quá đắt, nhất là từ khi giá điện đột ngột tăng gấp đôi, điện thành một thứ xa xỉ phẩm, không thể dùng cho thỏa mãn. Đành quay lại chiếc quạt nan, quạt giấy, cái nón mê, cái quạt của Hồ Xuân Hương thuở ấy.

Chiếc quạt cội nguồn ấy thường có dòng chữ đánh dấu ở mặt quạt hoặc nan cho khỏi lẫn, vì nhà ai chả có. Nó giống nhau như gà con, dù nó long nhài, gẫy cán, cái thanh tre ấy...

Khổ thân bà ta trưa hè, võng đưa cũng không đủ mát, bà vừa à ơi lời ru, vừa lấy chân đẩy mà vẫn nồng nực tiếng gà trưa. Bà phải phe phẩy chiếc quạt nan rách, uể oải, có lúc bà mệt, cái quạt rời tay, nhưng cháu cựa mình, bà lại tiếp tục cái điệp khúc nhọc nhằn ấy suốt trưa, như suốt đời bà, như suốt cuộc đời từ xưa tới không biết bao giờ.

Bao giờ, đến bao giờ những chiếc quạt nan quạt giấy mới được nghỉ ngơi hoàn toàn, mới thành kỷ niệm, nhắc đến nó là để vui với Hồ Xuân Hương trong một nghĩa khác ? Chắc còn lâu nữa, vì cái nghèo đã hết đâu.

1993

Khúc đồng dao

Nhiều người khi nhắc đến một khúc đồng dao, thường phân tích về ý nghĩa chính trị, xã hội v.v... của nó. Tôi không có khả năng ấy. Khi nhắc đến vài khúc ca dân dã, có vần có điệu, tôi thấy tuổi thơ mình sống lại, lấp lánh như bông hoa dại bừng sáng nơi chân tre, thơm như cây nấm trắng ven đường cỏ, rộn ràng như tiếng hò reo của tuổi thần tiên đã qua đi không bao giờ trở lại đời mình.

Có lẽ ai cũng có một tuổi thơ, một thời thơ ấu. Khốn khổ cho người nào quên mất thời tươi đẹp ấy của mình. Đến cái cây còn giữ được vòng gỗ đầu tiên trong lõi, cái vòng đánh dấu năm đầu tiên mọc trên đất mẹ, huống chi là con người. Quên thời thơ ấu thì thiệt thòi và khô cằn nhường bao.

Những chiều tan học, ngôi trường làng ba gian năm gian, sân đất, bóng bàng, tiếng trống trường vang lên, ta cùng chúng bạn ùa ra như đàn chim sổ lồng, tung cánh. Được sà vào lòng mẹ, ngửi mùi thơm, hay được nhảy ùm xuống sông, con sông đào lững lờ nhỏ hẹp vài cái quẫy chân đã sang bờ, được ngồi trên manh chiếu rải giữa sân, trước ngọn đèn gọi đàn châu chấu tanh tách nhảy vào mà bắt cho đầy chai... Ôi tuổi thơ là bài thơ hay nhất trong tập thơ, là nhụy hoa thơm trong bông hoa trăm năm, dù ta trở thành người quan trọng như thế nào hay chỉ là kẻ bất hạnh trên con đường dằng dặc mà mọi người gọi là cuộc đời.

Có những trò chơi với câu ca nhịp nhàng đã thành một mảng đời ta, sau này, đôi lúc nó lại vang lên từ một cõi sâu thẳm nào, khiến ta bồi hồi như đêm lạc rừng chợt gặp ánh đèn mời gọi, nơi đó có một khuôn mặt bà mẹ hiền từ cho ta ngủ đỗ, có một đôi mắt bồ câu cho ta bát nước ngon lành, ta uống cả ánh mắt khát khao ấy vào lòng.

Khúc ca vang lên trên khoang sân hẹp, có tiếng tre ru võng, tiếng ai dội nước ào ào ngoài cầu ao, tiếng con gì rúc rích góc vườn, trên nền trời, bóng tàu nhà in một đường nằm ngang lẫn vào trời sao chi chít, gần thì lấp lánh, xa thì như một niềm ước vọng tuổi thơ... trong bầu trời tím huyền ấy, chợt những con đom đóm lập lòe, kéo dài những vệt vàng mỏng mảnh, những sợi chỉ vàng như khâu gì đó, khâu gió, khâu không khí đang tơi tả trong đêm. Ta và chúng bạn, cả bạn trai cởi trần, đến bạn gái chân đất, bím tóc cũn cỡn chưa đến vai, chạy nhanh hơn cả con trai, tất cả... những bàn chân trần lem luốc, tự nhiên có điệu múa vòng tròn, nhịp dậm chân thậm thịch trên sân cùng tiếng vỗ tay nó bật ra không ai bảo, say sưa, hào hứng.

Đom đóm bay qua
Thầy tưởng là ma
Thầy ù thầy chạy
Ba thằng ba gậy
Đi đón thầy về
Bắt con lợn sề
Cho thầy chọc tiết
Bắt con cá riếc
Cho thầy bóc mang

Bắt con tôm càng
Cho thầy bỏ vỏ
Bắt một chị đỏ
Cho thầy ôm lưng
Bóc cái bánh chưng
Cho thầy nhắm rượu...

Ta chả cần biết thầy là ông thầy cúng hay thầy phù thủy sợ ma. Và chị đỏ là ai, con tôm to bằng chừng nào, cái bánh chưng có ngon không.

Ta đâu cần biết con đom đóm hiểu hay không hiểu câu ca, chúng bay đi lượn lại, tìm gì trong màu đen ấy hay sợ ta đuổi, nó còn bay cả vào trong giấc ngủ ta quay ngược chân lên đầu giường mà không biết.

Cả tin nhất cũng là tuổi thơ, tin cả những điều người lớn cho là vô lý hay không có. Hấp dẫn là như thế. Nó rờn rợn như có ma có quỉ. Nó ghê ghê như có âm hồn. Nó bí mật như đi vào cõi huyền bí... nhưng chân ta không thể rời đi, mắt ta dán vào đấy, chỉ trừ khi có cái roi của mẹ giơ lên đe dọa, gọi về... Khúc ca mới quen thuộc làm sao, ma quái làm sao:

Phụ đồng phụ chổi
Thôi lổi mà lên
Ba bề bốn bên
Đồng lên cho chóng
Nhược bằng cửa đóng
Phá ra mà vào

Cách sông cách ao

Đồng vào cho được

Cái roi vun vút

Đồng vụt cho mau

Hàng trầu hàng cau

Là cô con gái

Hàng bánh hàng trái

Là hàng bà già

Hàng hương hàng hoa

Là quà cúng Phật

Đội mũ đi tế

Là quan Chưởng đô

Đánh trống phất cờ

Là phụ đồng chổi...

Cái chổi cắm nén nhang, ai lấy ở đâu ra mà nhanh vậy. Cái chổi chao chao, lảo đảo, lắc lư, cái người ngồi xếp bằng tròn cũng lắc lư, lảo đảo, chao chao theo, rồi bất thần, đứng lên, quét lia quét lịa từ góc sân này sang góc sân khác. Nó quét hết bóng tối, quét hết ánh trăng, quét hết gió trời, quét hết những lo lắng của bài học ngày mai chưa thuộc, quét hết cả áo rách và nỗi thèm quà chợ...

Thôi lổi là gì mà giục giã thế ? Mà phá cả mà vượt sông vượt ao. Sức mạnh ấy thật kỳ dị, huyền hoặc, nhưng ta tin là thực. Mỗi câu ca là một điều quen thuộc hàng ngày nhưng cũng lạ lắm xa xôi. Cô gái bán trầu cau, bà già bán bánh trái, hương hoa lễ phật

trên chùa, kể cả quan Chưởng đô ta chưa hề gặp với trống với cờ... vậy mà đọc lên, tất cả trở thành linh thiêng, mê mẩn...

Còn gì thích thú bằng túm áo nhau mà qua sông trong trò thả đỉa ba ba. Con sông không có thuyền thì ta có thuyền: có sóng gió thì ta ôm chặt lấy nhau mà vượt sóng gió. Con sông sân đất sáng rợn ánh trăng, mát rượi gió làng...

Thả đỉa ba ba

Chớ bắt đàn bà

Phải tội đàn ông

Cơm trắng như bông

Gạo tiền như nước

Đổ mắm đổ muối

Đổ chuối hạt tiêu

Đổ niêu cứt gà

Đổ phải nhà nào

Nhà ấy phải chịu...

Ai bị chữ *chịu* rơi trên đầu thì bị thành con đỉa. Cơm trắng như bông, niềm mơ ước của bao nghìn năm. Cho đến những năm cuối thế kỷ XX vẫn còn khẩu hiệu phấn đấu để được ăn no mặc ấm, chứ đâu dám nói đến ăn ngon mặc đẹp. Cho nên cũng mơ ước gạo tiền như nước, nó mới quí giá làm sao. Con đỉa là con đáng ghét, dù quen thuộc. Nó ngo ngoe khi có người động mặt nước, khỏa chân vào ao vào ruộng. Vôi nó cũng không sợ. Bồ hóng nó cũng không chết. Nó hồi sinh, tái sinh ghê gớm khi cơn mưa đầu hè đổ xuống. Huyền thoại về con đỉa đốt thành than mà lại nở ra con đỉa con, về cô con dâu "hiền thảo" toàn cho mẹ chồng mù ăn canh đỉa, nói dối là canh rau hẹ, vẫn còn câu ca: "Rành rành như

canh nấu hẹ..." đó. Con đỉa bám nhằng nhằng, "dai như đỉa đói" vào chân ông bà, cha mẹ ta phải quanh năm lam lũ nơi đồng chua bùn lầy, làm máu chảy ròng ròng, mãi không đông, không cầm. Nó đáng ghét thật, vì vậy mà nó xứng với niêu cứt gà. Anh nào bị làm đỉa, tức phát khóc.

Cũng có khúc đồng dao khác cùng trò chơi của nó. Vui thật vui, nhưng mệt thật mệt, và tha hồ hò reo, tha hồ cười giòn giã.

Rồng rắn lên mây

Có cây núc nác

Có nhà điểm binh..

Người đóng vai ông thầy hỏi: Rồng rắn đi đâu ? Rồng rắn trả lời: đi lấy thuốc cho con ông thầy. Hỏi: lên mấy ? Đáp: lên một. thầy bảo thuốc không hay... và cứ thế, lên 10 tuổi, thầy mới bảo: hay vậy, kèm theo luôn là điều kiện, đòi trả công. thầy bảo: xin khúc đầu. Rồng: Những xương cùng xẩu. thầy: Xin khúc giữa. Rồng: những máu cùng me. Thầy: Xin khúc đuôi. Rồng vừa trả lời: Tha hồ thầy đuổi, vừa chuẩn bị tư thế doãi chân chèo để chạy cho nhanh, chỉ có một vòng tròn khung sân ấy... Đấy, thầy đuổi đi, khúc đuôi nó quẫy mạnh lắm đấy, nó bám chắc lắm đấy... và con rồng rắn ấy lại còn trêu tức thầy, vừa chạy vừa hát một câu nói về công việc hàng ngày của chị gái lam làm: "Giã bèo thùm thụp..." để đọc chệch đi thành: "Giã đầu ông thầy thùm thụp". Cái ông thầy lang chưa chữa bệnh đã đòi lấy tiền công thì thế là đáng. Vất vả nhất là cái đuôi. thầy cũng chạy đuổi bở hơi tai, tu ừng ực mấy bát nước vối hãy còn khát, vã mồ hôi, đầm đìa cũng chả cần. Tuổi thơ là thế. Hồn nhiên, trong sạch, vô tư, cả tin...

Còn hồn nhiên hơn nữa, trong sạch hơn nữa khi những đôi chân ngà ngọc, duỗi song song trên nền nhà, cái miệng xinh xinh cất nên khúc hát:

Nu na nu nống

Cái cống nằm trong

Cái ong nằm ngoài

Củ khoai chấm mật

Phật ngồi phật khóc

Con cóc nhảy qua

Con gà tú hụ

Nhà cụ thổi xôi

Nhà tôi nấu chè

Tè he cống rụt...

Đó là câu đồng dao cổ, chưa bị lồng nội dung mới hơi khiên cưỡng trong lớp mẫu giáo sau này. Nó có nghĩa và không có nghĩa. Nhưng nó là câu hát, có vần có điệu, có khi còn đọc dễ hơn những bài thơ của những người làm thơ lục cục ngày nay.

Câu cả mà toàn thứ ăn ngon. Xôi chè lấy đâu ra mà ăn luôn, chả thế mà ca dao đặt ra: Chết mất thì thôi, chứ nếu còn sống thì thế nào cũng no xôi chán chè... Còn cậu ông trời, còn con gà gáy o o mỗi sáng, nó quen thuộc thế, nó đầy mong mỏi cho cuộc sống đến thế, mong ngày mai sung sướng hơn, trong sạch hơn cho những bắp chân thiên thần ấy cứ duỗi song song đi vào đời.

Những trò chơi mạnh mẽ táo bạo là của thiếu niên, con trai như cướp cờ, chồng hoa chồng nụ, nhảy ra nhảy vô... và chúng khô khan, trần tục vì chả có câu ca nhịp hát nào kèm theo. Nó cứ hùng hục, với sức mạnh của bắp chân bắp tay, hơi thở phì phò, mồ hôi nhễ nhại, thiếu hẳn phần uyển chuyển, hư ảo của tâm linh, mà dưới mắt tuổi thơ, phần hư hảo mới là có thực, là tuyệt đối.

Mỗi người đều nâng niu ôm ấp tuổi thơ của mình. Nó là kho tàng quí giá, lấp lánh, sáng ngời, mỗi khi ta đọc thầm câu thần chú với lòng mình *"Vừng ơi, mở cửa ra"*, thì cái cửa tâm hồn ta mở rộng cho ta ghé vào nghỉ trên đoạn đường đời mệt mỏi. Những khúc đồng dao ấy vang lên ngọt ngào, mê đắm; còn hơn cả một tình đầu, hơn cả mọi công danh lợi lộc mà nhiều người dồn cả cuộc đời vào, lao tâm khổ tứ, có khi đành phí phạm cả tuổi xanh, về già mới hối tiếc muộn màng.

Còn nhiều khúc đồng dao khác nữa, hay nữa, nào "Dung dăng dung dẻ", nào "Chi chi chành chành", nào "Một ông sao sáng hai ông sáng sao", nào "Thằng cuội ngồi gốc cây đa"... không đếm xuể.

Bạn đọc yêu quý ơi! Có thể bạn là người trẻ tuổi. Có khi bạn đã bạc đầu như tôi, bạn nhớ lại tuổi thơ của mình ra sao? Những khúc đồng dao vang lên như thế nào? Tôi chưa hình dung nổi.

Riêng tôi, mỗi khi trăn trở, khó khăn, mỗi lúc chán nản thoái chí... tôi nhớ đến những khúc đồng dao ấy cùng với những hư huyền lãng đãng mà có thực ấy... tôi bình tĩnh lại ngay. Nó cũng quý giá không khác nào đang khát mà được một bát nước ngon lành mẹ cho, không khác nào đang bực dọc ngoài đường, về đến nhà, gặp nụ cười cởi mở, tươi rói của người ta thương yêu, trao cho ta ánh mắt đầy trìu mến, khiến đột nhiên ta thành con người khác, thanh thản, tưng bừng như người yêu dang tay cho ta ôm trọn niềm vui vào trái tim chan chứa.

Xin cứ được vô tư, được hoan lạc như ngày ta nắm tay những người bạn trong câu đồng dao trên sân đất ngút ngát trăng sáng như thế mãi mãi...

8-1993

Mối tình đầu

Hình như trên đời, mọi cái đầu tiên đều đáng quý. Trang giấy đầu tiên của quyển vở. Ngày đầu tiên của năm học. Giờ đầu tiên của mùa xuân. Bông hoa đầu tiên của cái cây mới bói... Và có lẽ, đáng trân trọng nâng niu gìn giữ suốt cuộc đời mỗi người: đó là mối tình yêu đầu tiên, nói gọn lại thành ba chữ thiêng liêng mộng ảo:

Mối tình đầu.

Không thể nói cái hiện tượng vô hình nhưng lại hữu hình ấy, hiện tượng đầy xao xuyến bâng khuâng nhưng cũng đầy day dứt dày vò ấy... nó xảy ra ở một buổi cố định nào như lên 6 tuổi thì vào lớp một, 15 tuổi thì vào đoàn thanh niên, 18 tuổi thì có thể lấy chồng.

Từ một con chim non, thức dậy tâm hồn chất thơ bay bổng của một đời người. Mối tình đầu đấy.

Như mây bay gió thổi thiên hình vạn trạng, như ngàn mùa hoa, mỗi thứ có một sắc độ khác nhau, hương ngát khác nhau... mỗi con người có một thế giới trái tim đầy những ảnh hình lung linh và âm thanh ngọt ngào réo rắt thầm thì... Tất cả xảy ra lúc nào, không ai biết trước được. Nó như một quân thù bất ngờ tấn công cái thành trì nằm trong trái tim ta mà ta không phòng bị. May sao là quân thù ấy lại đáng yêu, khí giới của nó lại ngọt như

trăng, say như rượu... Nó cũng là cơn bão ào ạt, có thể xảy ra trong một lúc ta trú nhờ nơi mái hiên mà ai đó nghiêng mình, cho ta né bàn chân bước vào, bất chợt hai mái đầu chạm nhau, cùng giật mình, thảng thốt. Cũng có thể ở một bến đò ngang, ánh mắt làm ta xao xuyến bâng khuâng, nó, con mắt ấy nói cái điều đầu tiên ta nghe được, dù nó chỉ nói bằng im lặng. Hôm đi cắm trại, ngày nào đi tham quan, cái lần đi lao động chung, buổi liên hoan cuối năm, đêm hội làng có đầy hương hoa hay trăng sáng... tràn ngập lòng ta... Tất cả đều có thể.

Nó đến. Nó lặng lẽ khoan thai như một hẹn hò từ tiền kiếp, từ cái ngày hai đứa chăn trâu trên cánh đồng, nhổ gốc rạ đốt lửa hơ hai bàn tay nhỏ xíu, từ cái ngày người ấy cho ta bông hoa sen, ta cho người ấy quả ổi, người ấy cho ta con cánh cam cánh xanh biếc... rồi ta hiểu người ấy chải tóc vì ai, mặc áo đẹp vì ai... sao người ấy tặng ta chiếc khăn tay xinh xinh, và ta hồi hộp dúi vào tay người ấy cuốn sổ be bé... Nó khoan thai đến như cái thuở hai đứa vượt bờ rào sân nhà nhau, cùng lên dốc đê thoai thoải cỏ xanh như không bao giờ xanh hơn được nữa, chỉ có ta và người ấy, và cả hai chợt hiểu khiến ta ù té chạy...

Những đêm thao thức không tài nào ngủ được. Có mái tóc nào ẩn hiện ở đỉnh màn, có hơi thở nào vẳng trên gối trinh nữ, có ánh mắt nào lấp lánh ngọn lửa trong lòng, và nụ cười nào cướp mất hồn ta... đang lay động, đang nhập vào ta một điều diệu kỳ mà ta chỉ lờ mờ nhận ra, lờ mờ hiểu được, lờ mờ biết nó vì xưa tới nay ta chưa hề gặp.

Bí mật thật. Ta đã gặp hàng trăm hàng nghìn người, sao ta chỉ nhớ, chỉ nghĩ đến, chỉ mong một người, chỉ người ấy, chỉ mong nhìn thấy người ấy ở cổng làng, ở bờ giếng, ở ngã tư, ở sân trường... ở... ở tất cả mọi nơi...

Lạ thật và cũng bí mật thật. Ta không nói nhưng sao mẹ biết, mẹ mắng yêu: "Độ này con làm sao thế? Lúc nào cũng ngơ ngơ như bị ma làm ấy...". Trời ơi, mẹ biết cái con lũ đang dâng ào ạt trong lòng ta rồi ư? Mẹ biết "con ma" ấy rồi ư? Hay người ấy chính là ma nhỉ, khiến ta lúc nào cũng bứt rứt, cũng vội vàng, cũng khao khát, chả cần nói gì đâu, chỉ cần một ánh mắt im lặng, một nụ cười mà... chỉ hai đứa biết riêng nhau. Chỉ cần thấy cánh áo người ấy trên dây phơi, nghe thoáng giọng nói trong cuộc họp... Thế cũng đủ, cũng nhiều rồi... Người ấy có biết thế không?

Nhiều mối tình đầu như thế, bâng khuâng, vu vơ và buồn thay, cũng chỉ thoảng qua, ngắn ngủi. Nhưng nó thiêng liêng, dù ngắn ngủi nhưng nó lại sống suốt đời. Nó đẹp, vì nó trong trắng, thơ ngây, đẹp vì luôn được bọc bằng hào quang thời gian, đẹp vì lòng người nâng niu giữ gìn nó một cách bí mật.

Sâu nặng hơn, đằm thắm hơn, mê mệt hơn, say sưa hơn, ngây ngất hơn, là những mối tình đầu đã dám vượt qua cái vạch phấn của vòng tròn rụt rè, sợ hãi, ngượng ngùng, ở cả ta lẫn người ấy, để có những buổi sóng bước bên nhau, tay cầm tay, mắt lồng mắt, má kề má, hai làn tóc gió thổi cho xòa lẫn vào nhau, gỡ ra thì tiếc nhưng để nguyên thì ngượng. Những câu chuyện mà có đầu cũng không có cuối, có khi còn ngô nghê nữa, những câu nói sắp xếp ở nhà biến đi đâu hết, không còn một từ nào trong đầu, bây giờ chỉ còn có cái bóng cây bên đường, làn nước hồ gợn sóng, mảnh trăng xanh ngát, cơn gió vô tư... Những lời nói của ta chắc đều tan vào trong đó, còn người ấy... ta chỉ cần người ấy... dù là chuyện trên trời dưới biển...

Thương cho những cái vọt tre bị bứt tơi tả, những cánh lá bị vò nhàu, những ngọn cỏ bị xé tơi, những viên gạch dưới chân bị di di mòn đi... sau khi ta và người ấy ngồi bên nhau giây lát. Chúng thành vật hy sinh cho hai đứa bay lên thiên đường mộng

ảo. Hình như cả ta và người ấy chưa biết tuổi nhau, chưa biết gì kỹ về nhau, cũng chưa biết hôn nhau vì hôn là thế nào nhỉ?

Một dòng điện truyền qua cái nắm tay nhau ấm nóng run run, đủ để thần tiên cho hai trái tim đập hơn trống ngũ liên, để cả hai đều thấy đất trời đang thay đổi, đang khoác tấm áo màu hồng, vi vút giữa tầng mây, tấm áo xanh chứa chan hy vọng, tấm áo tím man mác nhớ nhung và thủy chung... cho đến chết.

Có thể đi cùng trời cuối đất nếu có nhau, bên nhau, cùng nhau, không nói ra nhưng hình như cả ta và người ấy đều nghĩ thế, khi bốn con mắt run rẩy le lói ngọn lửa được truyền lại từ muôn vạn đời, từ cái thời con người đầu tiên sinh ra trong hang động...

Thanh sạch, tươi non, trắng trong, băng tuyết... là những hò hẹn tình đầu như thế. Hương hoa nào đang ngào ngạt trong lòng khiến ta nhìn người ấy như nhìn một vị thánh hoàn hảo, và người ấy nhìn ta như một bà tiên toàn bích? Tiếng chim thành bản nhạc. Lời gió thành khúc giao duyên. Mảnh buồm trên sông thành con tàu hạnh phúc và dòng sông toàn bạc chảy trắng ngần trong xứ mộng mơ...

Kinh dị thế khi người ấy gọi tên ta trong hơi thở. Cũng hình như có gì nguy hiểm khi cả hai đều định nói cái câu đã ngàn đời "Anh yêu em" và "Em yêu anh"...

Những mối tình đầu là dại khờ, non nớt, hoa niên... Rồi sẽ sóng gió cuộc đời, bão tố thời gian, sự biến gia phong, cản ngăn nề nếp rồi đường trường mưa nắng... Có ai biết được bao nhiêu mối tình đầu trọn vẹn thành tình cuối của hai người? Ít lắm. Thưa thớt lắm, mỏng manh như nắng hanh, phần nhiều là tơi bời như lá thu thôi...

Ta sang một đường. Người ấy rẽ đi một nẻo. Chia tay nhau trong buồn đau, nhưng vẫn tôn thờ nhau cho đến mãi mãi sau này.

Tình đầu ơi, có thế chăng? Không hẳn là vết thương ứa máu, là ngọn lửa thiêu cháy tim gan... Có khi chỉ là câu thơ lục bát buồn, là tiếng đàn bầu não ruột như sóng vỗ mạn thuyền của chàng Trương Chi, chỉ là khoang trời đẹp nhưng trót tan vào lòng giếng... tan mà không bao giờ mất.

Ta và người ấy, mối tình đầu, hai mảnh trăng non... sẽ khép lại một trang hoa có hương có sắc, có mộng, có hồn, mặc cho sóng đời xô đẩy sự chói gắt khấp khểnh, tàn bạo của thực tại...

Những mối tình đầu sẽ bay về trời, tồn tại ở tâm linh, thành những vì sao lấp lánh, xa vời không thể tới nhưng đã một lần có ở lòng ta... May mắn, những vì sao ấy, những bông hoa ấy thường trong sạch, bởi có thơ ngây bảo vệ, có băng tuyết chở che, sau này dù có bao nhiêu sương khói phũ phàng, nó vẫn cứ lấp lánh như kim cương, vẫn ngát như đóa hoa đầu mùa, vẫn thiêng liêng như đền đài...

Tình yêu ơi, có phải thế không?

4-1993

Tết Thăng Long tết Hà Nội

Chắc rằng những sợi mưa xuân làm tươi tốt lại từ con người đến cây cỏ... từ cái thời Đại La thành Thăng Long, từ Thăng Long Hà Nội, cách đây gần một nghìn năm và hai trăm năm, cho đến hôm nay, những sợi mưa xuân ấy vẫn cứ làm say lòng người, trong cái ngày đầu tiên của mỗi năm, như cái nắm tay đầu tiên ấm áp của mối tình đầu.

Những mùa xuân Thăng Long, những cái tết Thăng Long không chết, không mất; mà đã xếp lên nhau, chồng lên nhau thành nền bia Văn Miếu, thành bức tường xanh chắn lũ sông Hồng, thành hơi sương trên hồ Dâm Đàm, thành sóng xanh Hồ Kiếm... Nó được hồi sinh lại trong lòng người Hà Nội với cây si trong đền Ngọc Sơn trên đảo Ngọc, đem lộc nõn cho xuân, trong cái chợ hoa Hàng Lược thưa thớt manh nha từ thời nhà Trần, tấp nập vào thế kỷ hai mươi, trong những con người Hà Nội dù ở ngay thành phố hay xa vạn dặm trùng dương vẫn nhớ về khói hương Quán Thánh, nhớ tiếng pháo, màu bánh chưng, sắc hoa đào Nhật Tân...

Đêm xuân, nhắp một chén trà trước hương khói lung linh, trong khi như cả vũ trụ chuyển mình, xua tan lạnh giá, khoan thai đĩnh đạc bước vào tươi trẻ, chợt nhớ câu thơ:

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc duỗi song song...

Đôi hàng chân ngọc ấy, ngày thường được ẩn kín trong tấm váy sồi, váy lĩnh, còn che thêm tà áo mớ ba mớ bẩy cùng giải yếm thiên thanh, hoa đào, hoa lý... Vậy mà mùa xuân đến, nó phải được góp mặt với đời. Kẻ thì khom khom cật, người thì ngửa lòng... cho hàng chân ngọc kia soi vào vạn con mắt khát khao chiêm ngưỡng. Ôi cái tết Thăng Long sao mà quyến rũ, khiến bao thế hệ còn tấm tắc si mê ngơ ngẩn.

Chùa Vua còn kia, bãi cờ người nào đó. Cô gái đóng vai tướng bà con mắt lá răm lông mày lá liễu có làm nhịp trống khẩu của ông thắt lưng điều bỏ múi một bên lệch nhịp?

Như có ma ám ảnh, như có keo có sơn kết dính, cái tết gắn bó mọi con người lại với nhau, mong bản thân mình được tốt lành và cũng ước ao mọi người hạnh phúc tươi vui may mắn.

Những câu chúc đầu ngày đầu năm ấy chắc chắn phải có từ nghìn xưa ấy, đồng thời với tục kiêng kỵ sợ rông, điều kiêng cái xấu, đâu phải dị đoan, nào là kiêng nói tục nói nhảm, kiêng đổ vỡ, kiêng đánh mắng trẻ thơ cho đến kiêng quét nhà vì sợ động đến đất mẹ, người bao dung ta suốt bao đời v.v...

Thuở ấy, phố phường đâu có như nay. Mỗi phường có rào găng, rào tre, có cổng đóng mở, có tuần đinh canh gác tháng củ mật; ngay bờ hồ Hoàn Kiếm còn cả cầu ao, ngõ trúc, tục lấy vôi bột vẽ cung tên để xua đuổi tà ma cũng là một nét mong điều lành, tránh điều dữ, lại vệ sinh sạch sẽ, thêm cái đẹp của nét của hình. Hay chứ.

Ông đồ già gù lưng phủ phục viết câu đối trên giấy hồng điều đâu chỉ là bán chữ bán văn chương, mà là mang niềm vui cái đẹp

đến cho từng nhà, đẹp đôi cột trước bàn thờ, trên hai cánh cổng, trước sân, trước hiên... Bài thơ "Ông đồ" bất hủ của Vũ Đình Liên có lẽ là sự tổng kết mấy trăm năm lịch sử. Ngọn bút tài hoa như phượng múa rồng bay kia với khuôn hình chữ như tranh khắc đã đi vào tiềm thức hiếu học và trọng cái đẹp của toàn dân.

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?...

Hồn vẫn phảng phất trong lòng mỗi người Việt Nam, dù là ông tiến sĩ có bảng có cờ hay ông tiến sĩ ngày nay trên bục giảng đường đại học, dù anh thi sĩ lang thang hay cô gái ước mơ "võng nàng theo sau...". Những tấm linh hồn ấy vẫn bảng lảng trong tấm lòng ông già tính sao, tính lịch để tìm hướng xuất hành ngày đầu xuân, mong gặp tốt lành cho con cháu...

Những năm ấy từ ngày 23 tháng Chạp, tiếng rao "ai mua cá ông Táo..." đã gọi mùa xuân về, cùng với tranh làng Hồ vẽ ông Tiến Tài, Tiến Lộc, đứng cạnh hai bên cánh cổng, là không khí đượm màu xuân tết, hy vọng cho con người.

Có một tục lệ hay mà người Thăng Long duy trì hàng nghìn năm, thật đẹp thật quý là quà biếu. Hoàn toàn không phải là sự hối lộ như người nghĩ mà chỉ là tấm lòng nghĩ đến nhau, mang niềm vui, sự biết ơn, cảm tấm lòng tri ngộ. Lễ bạc nhưng tâm thành. Con cái biếu quà cha mẹ, bạn bè biếu nhau, bạn hàng tặng nhau, hàng xóm cũng chẳng quên nhau, và ân tình nhất là môn sinh, học trò "tết thầy".

Đâu phải là vàng bạc, châu báu. Cần chi gấm vóc, hải vị sơn hào... Một con gà thiến, mấy cân gạo, có khi chỉ là một chẽ cau, một cân (cân ta) mứt, hoặc chỉ là một bao trà... một chậu hoa, chục cam...

Gọi là bao trà vì trà tầu mới quý. Trà mạn nhà tự ướp sen cũng là quà sang trọng. Trà thuở ấy đựng trong chai sứ thấp hoặc chai bằng thiếc. Có lẽ cái nghề "chè chai đồng nát" có từ thời đó. Và cái ngõ Chè Chai còn đó (nay là phố Hàng Chai nằm cạnh chợ hoa Hàng Lược).

Đương nhiên cũng lác đác có cảnh nặc nô đi đòi nợ thuê, nằm ăn vạ trên bàn thờ nhà người ta hay cái anh Ba Giai - Tú Xuất xấu chơi, ba mươi tết cho xe cái quan tài đến nhà người ta chỉ vì anh không tán tỉnh được cô gái, nên trả thù...

Lại nhớ cái tết Thăng Long cách đây vừa tròn 204 năm, xuân Kỷ Dậu, năm con gà, người anh hùng Quang Trung vào Thăng Long trong không khí tết. Quân thù còn mải ăn tết, không kịp trở tay, xô nhau mà chạy, còn dân chúng thì mang bánh chưng, giò thủ ra mừng đại quân chiến thắng. Tiếng pháo ngày đó chắc nổ giòn cùng hỏa hổ trong niềm vui sạch bóng quân thù. Hẳn là cây đu lại được dựng lên, bàn cờ người lại được bày ra, xới gà chọi lại ồn ã, trong khi vua Quang Trung "áo bào còn đẫm mùi thuốc súng..." thì hẳn dân chúng áo quần đẹp đẽ, nhà nhà đón những người lính chiến vào ăn tết lại từ cái ngày mùng năm tết tưng bừng ấy...

Chẳng cần phải lên Quán Thánh, Ngọc Sơn, chùa Bà Đá hay Quán Sứ, Hòe Nhai mới thấy khói hương thành kính, mà bàn thờ nhà ai cũng nghi ngút lung linh mừng tổ tiên thần thánh linh thiêng phù hộ cho trăm họ từ nay yên bình, đầm ấm như hương xuân.

Biết đâu cái tục lệ trai gái nghèo thương yêu nhau nhưng không có tiền cheo tiền cưới, cứ giao thừa thì được tự do kết hôn một cách đơn giản và tự nguyện, thì cái tết Kỷ Dậu ấy chẳng được lặp lại dưới con mắt đồng tình vui vẻ của người anh hùng nông dân ấy?

*

*   *

Mùa xuân cứ đến. Thăng Long đã làm xong phận sự của mình, nhường chỗ cho Hà Nội. Một giai đoạn mới ra đời. Nhiều phong tục mới được khai sinh.

Cái chợ Cầu Đông bên bờ sông Tô Lịch kia biến thành chợ Đồng Xuân. Dòng Tô Lịch bị lấp đi thành phố Hàng Lược. Nhưng hoa đào Nhật Tân, quất Nghi Tàm, hoa Ngọc Hà, Hữu Tiệp ngày càng phát triển. Chợ hoa mỗi năm một tràn ra tứ phía, như một phép lạ: tuổi đẹp dậy thì kéo dài mấy đời người, mấy trăm năm.

Thăng trầm là điều dễ hiểu. Biến thiên là đương nhiên. Nhưng cái tết vẫn là niềm say, cái đẹp của dân tộc, của kinh kỳ.

Đêm ba mươi tết, trai thanh gái lịch của Hà Nội, quần áo đẹp: tình yêu đẹp, sóng đôi bên hồ đón xuân, chờ lộc...

Thay cho cây đu là vũ hội, là biểu diễn văn nghệ, là tâm tình... Và thiêng liêng nhất, đúng lúc giao thừa, cái phút ngừng lặng của năm cũ, cái phút mở đầu của năm mới, mọi người lắng tai nghe lời chúc tết của Bác Hồ. Sông núi rung chuyển, khí thiêng ngân vang...

Cầu Thê Húc trước đây bằng gỗ, năm 1952 không chịu được sức nặng của mùa xuân, bị gẫy gục, có người bị rơi xuống hồ, ướt lướt thướt, nhưng vẫn là may mắn. Và năm 1947, tết kháng chiến, hoa đào Nhật Tân đã vượt qua phòng tuyến quân thù, băng qua lửa đạn, vào với anh chiến sĩ Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, hoa đào ngắm trong hương khói thuốc súng và hương trầm cùng rượu Mỹ với nước giếng Ngõ Phất Lộc.

Năm 1966 - 1967 chợ hoa sơ tán ra Hàng Da - Đường Thành để tránh máy bay, tránh cái ác cái chết rơi xuống đầu người và màu hoa.

Một hình ảnh khó quên là trước tết vài tuần, có những ông già lực lưỡng, vác cái cưa ngang và chiếc búa quả vả đi bổ củi thuê, góp lửa cho nồi bánh chưng. Cưa vèo vèo, bổ phăm phăm, những cây gộc, những phiến củi tạ, chỉ giây lát thành những thanh củi đẹp mắt, ngon như miếng giò lụa khổng lồ. Trong số này có một nhà giáo dạy Anh văn rất giỏi, nhưng vì không được coi trọng đúng mức, ông đi bổ củi thuê, dùng sức cơ bắp để sống chứ không thèm dùng chất xám. Đó là thầy giáo T. hiện nay vẫn còn sống ở phố Hàm Long, và đã run tay, phải chống gậy, chia ly vĩnh viễn với cái cưa cái búa.

Nồi bánh chưng luộc bằng bếp dầu, bếp điện và cả bằng nồi áp suất, thuận tiện thì có, nhưng cái vui cái đẹp, sự hồi hộp, niềm náo nức thì không, cũng mất đi luôn cái nồi nước lá mùi già thơm nức để tắm tất niên, đặt kèm bên bếp lửa sôi lục bục suốt đêm, hồng đôi má coi bánh giúp mẹ, bởi bên cô là anh chàng người yêu sung sướng được thức một đêm bên người đẹp.

Tưng bừng nhất có lẽ là sau ngày ông Táo lên chầu giời. Con cá chép bay lên chín tầng mây thì ở hạ giới, chợ hoa bắt đầu họp. Đầu tiên là quất, hoa đào, cây cảnh, những ngày sau đó mới có hoa cắt... Phật thủ Lạng Sơn vàng ươm, xanh óng, quả đủ hình thù, làm mâm ngũ quả cứ thơm ngát suốt mấy ngày tết, thơm gần hết tháng giêng. Lá dong bạt ngàn. Cái chợ lá ở ngõ Thanh Hà đầy ắp, rồi tỏa đi khắp chợ cùng quê. Đã thấy nhiều em gái, nhiều thiếu nữ ngồi rửa lá dong bên máy nước, giúp đỡ mẹ một công việc khá quan trọng. Lá sạch bánh mới không thiu, rằm tháng giêng vẫn ngon như thường. Nồi bánh chưng là quan trọng, và cũng là nặng nhọc nhất, hồi hộp nhất.

Cảnh chờ đợi xếp hàng làm bánh quy gai xốp như thời bao cấp không còn nhưng chờ đợi để làm đầu thì vẫn còn, vẫn tấp nập như thường. Nhiều cô đội cả mớ cặp vì làm dở, đi mua bán rồi chốc nữa làm tiếp.

Cái bồng bềnh của mái tóc quả là mối bận tâm hàng đầu của cô gái, muốn làm mê lòng chàng trai ý trung nhân.

Báo tết đủ kiểu, đủ khổ, đủ màu, đủ loại đã thấy bày bán khắp các quầy báo, và từ mọi cửa ô, một cơn lũ thực phẩm, rau xanh, hoa tươi, ngày đêm đổ vào Hà Nội như không có gì ngăn nổi. Nhà ga, bến xe không còn cảnh chờ đợi vài ngày, xếp hàng dài mấy trăm mét giữa phố Trần Hưng Đạo, ngay trong mưa trong nắng. Người từ các tỉnh về Hà Nội sắm tết. Người Hà Nội về quê ăn tết. Í ới, vội vàng, tất bật, có cả tiếng khóc của người bị lừa mất hết hành lý, trong đó có cả món quà tết về biếu cha mẹ, họ hàng. Thật khổ tâm.

Những mâm cỗ cúng giao thừa lác đác trên nhiều đường to ngõ nhỏ. Khói hương nghi ngút, thơm ngát, người lễ vái khấn khứa tâm thành. Lộ thiên thôi, thế mới là cúng trời cúng đất, mới dễ thấu đến cõi huyền vi.

Tranh Đông Hồ sánh vai cùng tranh in hiện đại. Không chỉ có bốn cô tố nữ đánh đàn thổi sáo mà con gái thời nay, váy đủ kiểu áo đủ màu, mặt hoa da phấn... trên những tờ lịch in từ Úc, Thái Lan... Ngõ Hàng Hương chui qua gầm cầu cạn vẫn còn kia. Không chỉ chỗ ấy làm hương mà nhiều phố, cả sân tòa án tối cao cũng có xưởng xay gỗ hoàng đàn để khói hương thơm gần thơm xa trong mọi đình chùa, mọi gia đình suốt mấy ngày tết.

Hà Nội thời mở cửa, ăn ngon, mặc đẹp. Cái áo bông xanh đã đi vào dĩ vãng. Không có tiền phong bao trong giấy đỏ nhưng tục lệ chúc mừng, cho các em tiền mừng tuổi lại được phục hồi.

Không còn ai sợ cái nạn nặc nô đòi nợ thuê, mà nhà nhà lộng lẫy, cửa hàng sáng choang, cửa hiệu đầy ắp, người người ăn mặc đẹp, có khi là đẹp quá mức, đến lố lăng.

Hà Nội thực sự chuyển mình, như mùa xuân chuyển mình từ mùa đông trước. Tuổi mới đã bắt đầu.

1992

Là người yêu suốt đời

Câu nói đầu tiên, đầu đời sao mà thiêng liêng, say sưa, đáng nhớ đến thế: "Em yêu anh", có nhật nguyệt chứng giám, có sông núi cỏ cây làm tin... Hai con người đã nguyện gắn bó với nhau, trao cho nhau trái tim nguyên vẹn cuộc đời. Hình như trên trái đất, trong toàn nhân loại không thể có gì đẹp hơn thế. Bởi vậy mà:

Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo

Thất bát sông cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua...

Em nhé, anh nhé, hãy đi cùng nhau đến cùng trời cuối đất. Có thể là lâu đài nguy nga sang trọng, cũng có thể chỉ là rau cháo nuôi nhau... Nhưng gì thì gì, khi người đàn bà đã gửi tình yêu vào người đàn ông mình yêu (chứ không phải người yêu mình) - và đương nhiên người đàn ông cũng đáp lại mối tình đó - thì người đàn bà không còn đắn đo gì hết, không giữ riêng cái gì cho mình hết...

Xưa nay, tình vợ chồng là sâu nặng nhất, nên mới có câu:

Mẹ cha bú mớm nâng niu

Tội trời thì chịu, không yêu bằng chồng

Buổi hẹn hò đầu tiên, cái nắm tay đầu tiên, đêm tân hôn, đứa con đầu tiên... đó là hạnh phúc, là ngọn lửa tiếp sức truyền đời cho loài người tồn tại.

Đã không ít những đôi người đi với nhau đến mãn chiều xế bóng dìu nhau trên đường đời vượt mọi bão giông, rồi hạnh phúc của họ là con cháu, dâu rể, nội ngoại... lấy họ làm gương để noi theo. Nhiều lắm. Đó cũng là nền đạo đức và văn hóa dân tộc này mà nhân nghĩa còn tỏa sáng nghìn đời.

Tiếc sao, khi hạnh phúc bị tan vỡ như cái cây bị gục trước phong ba, như thân đê bị tổ mối đục ruỗng, như chùm hoa bị ngắt nát, dày vò, như con đò chìm đắm... nỗi đau ấy là không thể nào hàn gắn. Có hàng trăm nghìn nguyên nhân to nhỏ, hàng trăm "tội" của nhau, lúc đó, câu nói đầu tiên, đầu đời, thiêng liêng, say sưa... đã bị vùi sâu trong quên lãng một cách phũ phàng bất nhẫn.

Có một câu nói rất hay: "Gặp được vợ hiền, thì người đàn ông xấu trở thành người bình thường; người bình thường trở thành người tốt, còn người đàn ông tốt sẽ nổi tiếng khắp thế gian...". Người vợ hiền ấy là ai? Yêu chồng như thế nào? Phải chăng chỉ là một khuôn mặt đẹp, một làn da trắng phấn son, một cơ thể hấp dẫn? Không đâu. Khuôn mặt đẹp đến đâu rồi cũng phải già nua, cơ thể hấp dẫn đến đâu cũng phải đến lúc xộc xệch, nhăn nheo, lưng còng, chân chậm... Tâm hồn đấy. Mà tâm hồn là chiều sâu của con người, thể hiện từ bên trong toát ra bên ngoài một cách thường xuyên, như ngọn đèn luôn luôn tỏa sáng, không lụi, không mờ, bao bọc lấy toàn bộ năm tháng của tình yêu. cho người chồng, và cũng sẽ là hạnh phúc của cả hai người.

Ca dao nói: Gái một con trông mòn con mắt, gái hai con vú quặt đằng sau... Một con, người phụ nữ phát triển đầy đủ, toàn diện, hạnh phúc được làm mẹ tràn đầy, rạng rỡ. Nhưng chả lẽ chỉ đến đứa con thứ hai, đã lôi thôi lếch thếch, lem luốc, cẩu thả, ngồi đâu tốc yếm lên cho con bú, thậm chí không bế con vào lòng mà kéo nhằng ra phía sau, mặc đứa bé muốn nhay thế nào thì nhay? Lẽ nào chỉ mấy năm chung sống mà người phụ nữ duyên dáng,

hiền dịu, gọn gàng xinh đẹp ngày nào nay đã thành người đàn bà lôi thôi, luộm thuộm, đầu tóc rối bù, không còn chút nào hấp dẫn, tế nhị, kín đáo, thanh lịch của người phụ nữ đáng yêu?

Người phụ nữ yêu chồng, không thể là người như thế. Bao giờ cũng vẫn như ngày xưa, có khi hơn, đó là nền nếp, từ một lời nói ban sáng, buổi chiều, một câu dạy con nhỏ nhẹ, một câu thưa gửi với mẹ chồng, một dáng đi đứng vào ra, một tư thế ngồi kín đáo, không tiếng nặng tiếng nhẹ, không vung quăng bỏ vãi, thậm chí "đá thúng đụng nia"...

Cuối một ngày làm việc phải xa nhau, người chồng về đến nhà sẽ thế nào khi gặp câu nói chỏng lỏn của vợ: "Đi đâu bây giờ mới dẫn xác về, hử" hoặc "Đi rửa cái bàn chân toàn đất bùn kia đi rồi hãy vào nhà, người ta vừa lau nhà mất bao nhiêu công đấy...", và một người chồng được nghe trong giọng cười: "A, anh đã về, có mệt không anh?" hoặc: "Em vừa lau nhà, mát lắm, anh cởi giầy đưa em cất đi cho nào" v.v... Người chồng nào hạnh phúc hơn, và người phụ nữ nào đáng yêu hơn? Có người cho rằng sống với nhau cả đời, đã thành vợ chồng thì cần gì lịch sự, tế nhị kiểu cách như thế? Xin cứ tranh luận, nhưng chắc không ai muốn là người chồng thứ nhất được người vợ thứ nhất đối xử như thế, mà muốn làm người thứ hai hơn.

Chồng là người bạn suốt đời, làm sao có thể vui vẻ với người bạn trên đường chỉ gặp trong chốc lát, mà không vui vẻ với người chung sống với mình từng giờ từng phút, hàng ngày? Người phụ nữ được trời phú cho nữ tính, và nữ tính ấy là quý báu, thiêng liêng như Kinh Thánh đã nói. Chúa đã cho người đàn bà đầu tiên tính ấy để trao cho người đàn ông đầu tiên của loài người, thật không có gì có thể quý hơn, sao người phụ nữ lại tự đánh mất đi khi người đáng được trao tặng là người chồng đầu gối tay ấp của mình?

Khổ thân cho một ông bạn, vừa vào nhà bạn thì vợ bạn đã dọn cơm ra giữa nhà, bát đĩa loảng xoảng, lanh canh, như có ý đuổi, đành đứng lên, bỏ dở câu chuyện, và hậu quả là hai người đàn ông ấy sẽ mất nhiều thời gian ở quán trà quán rượu. Giầu về bạn, sang về vợ. Yêu chồng còn là quý mến tôn trọng bạn chồng... Bạn đến nhà, chén nước, điếu thuốc, nhưng quan trọng hơn nhất có lẽ là nụ cười của nữ chủ nhân, là tiếng chào thân tình, là gương mặt cởi mở, là dáng đi ý tứ, khẽ dắt con ra chỗ khác... Có người bảo: Thế là khách sáo. Vẽ chuyện. Bạn thân ấy mà, cần gì phong kiến thế... Cũng xin tùy, nhưng chắc không ai muốn mình là người khách mà vợ bạn mặt lưng mày vực, mắng con, đánh chó trước mặt mình hoặc đuổi khéo bằng cách dọn cơm ra ngay giữa nhà...

Quan hệ vợ chồng là quan hệ đặc biệt... Thông thường hai người không tiếc nhau điều gì, không giữ một bí mật nào riêng cho mình... ngay cả chuyện phòng the, huống chi là chuyện xã hội, làm ăn, tài sản... Người đàn bà yêu chồng là tạo một không gian đầm ấm tươi trẻ trong gia đình khiến người chồng đi đâu cũng muốn mau mau chóng chóng về với vợ con để được hưởng không khí hạnh phúc ấy như có bông hoa trên mặt vợ, nụ cười tươi như buổi bình minh, cử chỉ ấm nồng đầy nâng đỡ an ủi (mà ở xã hội, anh ta gặp thiếu gì những cái bực dọc khó chịu, cho nên nếu gặp người vợ thô lậu thì chính những nỗi bực mình ấy sẽ nổ ra như bão tố, đổ lên không khí gia đình).

Xưa có những bà mẹ chồng cay nghiệt thường bảo những cặp vợ chồng như thế là "chồng bị vợ xỏ mũi lôi đi...". Người phụ nữ yêu chồng là trao tặng, dâng hiến, đem hạnh phúc, niềm vui cho chồng chứ người phụ nữ với thiên chức của mình, cần gì xỏ mũi ai đâu. Và một gia đình có tình yêu như thế thì đúng như nhà văn Pháp Vich-to Huy-gô đã viết: "Tình yêu có thể định nghĩa: Đó là một thứ sức mạnh có thể biến ngày thường thành ngày hội".

Thật kinh sợ biết bao khi những ngày đầu tiên chung sống, là cô gái thật nết na thùy mị... nhưng chỉ một vài năm đã biến thành người vợ đanh đá, cay nghiệt, luộm thuộm, bủn xỉn, thậm chí lăng loàn... Người phụ nữ có văn hóa, đạo đức, phải làm ngược lại. Càng sống chung lâu, càng hiền dịu, thương yêu, càng đảm đang trìu mến... và hạnh phúc của người đàn ông được xây trên cái nền ấy mới thực sự là hạnh phúc bền vững, và anh ta sống trong ngày hội thường xuyên, anh ta lại càng yêu quý vợ con, yêu như những ngày đầu tiên khi câu nói đầu tiên vang lên...

Mới yêu nhau người ta thường chiều nhau từ những cái rất nhỏ nhặt. Nay thành vợ chồng, quên rồi sao? Chồng rủ đi xem một cuốn phim mới, sao không chiều chồng (và mình cũng được giải trí) mà lại từ chối, cho là mất thì giờ, ở nhà ngủ còn hơn?

Đàn ông thường lười hơn vợ. Anh ta sẽ có một ngày rất vui khi được mở đầu bằng cái bàn chải răng đã có sẵn kem, và vợ nói: Anh cứ đi rửa mặt đi, để màn đấy, em gấp cho... Rất nhỏ, nhưng là niềm vui lớn. Tình yêu đấy chứ đâu, phải không em yêu?

Chồng bát cũng có khi xô. Vợ chồng nào chả có lúc không bằng lòng nhau. Nhưng xưa đã có kinh nghiệm:

Chồng giận thì vợ làm lành

Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì...

Người vợ là thiên thần trong gia đình, là linh hồn của hạnh phúc gia đình. Không những niềm nở mà còn nhẫn nại, nhường nhịn, biết kiềm chế, cư xử tế nhị... không chấp nhặt, không nói dai, không đay nghiến, không chuyện nọ xọ chuyện kia, sẵn sàng rộng lượng, tha thứ... một người vợ như thế thì đúng là người yêu của chồng suốt đời, dù anh có rượu chè, vũ phu, cục cằn cũng khó mà không yêu vợ cho được. Đương nhiên chỉ nói những người đàn ông biết nghĩ, có văn hóa chứ không nói đến

những gia đình quá thiếu thốn, hoặc những người chồng không còn tư cách là đàn ông…

Người vợ còn đáng yêu khi biết động viên chồng ngay trong một việc rất nhỏ (vì ai chả thích được khen, dù đó là người đoảng chả biết làm gì hay một người quen hét ra lửa…) Đại loại "Anh tinh nhỉ, đúng là hôm nay em quá tay, canh hơi đậm"… hoặc "Anh tài thật, cái xích xe thế mà anh chữa được ngay, nhanh ghê cơ…"… Cái mũi ông chồng có phồng hơn một chút chắc cũng chả hại gì cho hòa bình thế giới, mà gia đình chỉ hạnh phúc thêm. Nhất định không ông chồng nào lại dại đến nỗi không nhận lời động viên ấy, ngược lại, trong lòng anh ta thế nào cũng ngân lên một nét nhạc nào đó.

Làm một người yêu của chồng suốt đời có khó khăn không? Và có phải là giả dối không? Khó thì nhất định là khó rồi vì phải tạo ra nếp sống tin yêu cởi mở chu đáo ngày ngày. Nhưng còn có phải là giả dối không, thì xin tuỳ quan niệm từng người.

Có điều những đôi vợ chồng hòa thuận, sống với nhau đến đầu bạc răng long vẫn anh anh em em, dù khó khăn về kinh tế, họ vẫn sống trong bầu không khí hạnh phúc yên vui, đó là những đôi vợ chồng tin cậy nhau, tế nhị, có văn hóa… mà trong đó vai trò người phụ nữ, người vợ, bao giờ cũng là chủ động, người tạo ra hạnh phúc cho chồng, như một nhà văn đã nói: "Trong lĩnh vực tình yêu, người đàn bà kém cũng thông minh hơn người đàn ông thông minh nhất".

Cầu chúc cho những người đàn ông có được những người vợ mà là người yêu suốt đời của mình, yêu không biết chán, yêu say mê cho đến hết đời…

6-1993

Người chồng tuyệt vời

Bất cứ ai trên đời cũng đều muốn có niềm hạnh phúc êm ấm ngọt ngào dưới mái nhà mình. Ở người phụ nữ, niềm mong muốn ấy càng mãnh liệt hơn. Phải chăng vì thế mà xưa nay dù phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi, ngang trái, người phụ nữ vẫn luôn là người hàn gắn bù đắp, chăm lo cho gia đình, chồng con, và có thế loài người mới tồn tại đến ngày nay?

Để đền đáp niềm hy sinh, mọi công lao to lớn đó của bà, của mẹ, của chị... chúng ta, ngoài một số rất ít kẻ vong ân bội nghĩa, vũ phu... thì cũng đã có tuyệt đại đa số những người đàn ông suốt đời coi trọng quan hệ gia đình, chăm lo cho gia đình thuận hòa, êm ấm... Đó là những người bình thường hàng ngày ta có thể luôn luôn gặp. Nhưng để làm một người chồng tuyệt vời, thật khó, thật thiên nan vạn nan. Không phải đánh đùng một cái mà thành được. Hình như nó phải xuất phát từ bản chất, từ truyền thống gia tộc, từ cái nền đạo đức gia phong, từ thiên bẩm, từ trình độ giáo dục, trình độ văn hóa... mà trong đó nổi bật lên là lối sống, nếp sống đạo đức trong sáng, có cái tâm trong sạch, thể hiện ra thành cách ứng xử đầy tế nhị của tâm hồn, tràn đầy tình yêu và cảm thông sâu sắc giữa hai con người ở hai giới khác nhau, trước kia hoàn toàn xa lạ với nhau, nhưng từ khi thành vợ chồng trao xương gửi thịt, hai người ấy đã hòa làm một, như muối và nước hòa tan trong biển, như nếp và men hòa lẫn trong rượu, như nhựa trong cây, như phần này nuôi sống phần kia...

Không thể là người chồng tốt, thậm chí tuyệt vời nếu người đàn ông không dành trọn tình yêu cho gia đình, cho người vợ đã tin cậy trao cả cuộc đời của mình. Trước hết đó là tình yêu đằm thắm, tràn đầy, tươi xanh, thiêng liêng, tin cậy, hoàn mỹ... đó là sự chung thủy sắt son. Nói như nhà thơ Thổ Nhĩ Kỳ Nadim Hitmét: "Có thể chia cả thế giới cho mọi người, trừ má người yêu".

Có thể chấp nhận thế này không?: Người vợ, tối nào cũng sửa soạn những bữa cơm ngon lành, đầm ấm, nhưng cứ phải một đèn một bóng vò võ chờ chồng đến nỗi cơm nguội tanh, canh lạnh ngắt, ngoài thềm, sương đã nặng hạt trên lá cây... mà người chồng vẫn mải vui thú ở tận đâu tận đâu, nào nhảy nhót, bồ bịch, nhậu nhẹt, hú hí... cho đến khuya mới loạng choạng đẩy cửa vào nhà, đầu tóc rối bù, miệng sặc hơi rượu, trên áo còn vương mùi nước hoa lạ, có khi còn có cả sợi tóc dài của ai đó vô tình để lại trên người...

Người đàn ông nào mà chẳng có lúc vui anh vui em, mảng chơi cùng bạn bè, quá chén đôi lần... Đó là lẽ thường, nhất là với những người đàn ông quảng giao, làm ăn rộng, văn nghệ sĩ... nhưng đôi lần thì được, chứ thường xuyên thì không thể chấp nhận, già néo đứt dây, tức nước vỡ bờ, quá mù ra mưa. Người vợ có hiền đến như bậc thánh cũng không thể nào chấp nhận thái độ ích kỷ, buông tuồng ấy mãi được, và tổ ấm gia đình khó mà tồn tại một cách lâu bền.

Lịch sự ở ngoài đường là cần thiết. Nhưng lý nào người thương yêu nhất, gặp hàng ngày lại không đáng được đối xử lịch sự nhẹ nhàng.

Có một chuyện nhỏ:

Vợ nấu canh, trót lỡ tay, canh mặn. Người chồng luôn được tiếng là lịch sự, lại nói: "Cô nấu canh kiểu gì vậy? Cho chó nó ăn

à? Chắc thừa tiền mua muối hả?". Người chồng khác, chỉ là người bình thường, vừa nhìn vợ vừa cười: "Canh hôm nay em nấu hơi đậm đấy, có phải không hay cái lưỡi anh hôm nay đắng nhỉ?"... Chúng ta có thể biết ngay người vợ của ông chồng nào hạnh phúc hơn, và ai là người chồng tuyệt vời hơn?

Hiện nay không thiếu gì những ông chồng chiều về, nằm ghếch chân đọc báo, nghe đài mặc kệ vợ tối mắt tối mũi vừa lo cơm nước, vừa giặt giũ, vừa chăm con, thế mà ông chồng còn hạm họa: "Xong cơm chưa, làm gì mà chậm như sên thế?"

Nhưng cũng có người chồng khác, chiều về, cùng xắn tay áo giúp vợ xách nước, nhặt rau, lau nhà... không nề hà bất cứ công việc gì, kể cả những việc mà nhiều người gọi là "việc đàn bà". Hai ông chồng ấy, ai được vợ yêu quí nhiều hơn nào?

Cuộc sống hiện đại không ưa những người đàn ông gia trưởng cứ bắt vợ ru rú ở xó nhà, coi như thứ đồ chơi riêng, thậm chí vợ nói chuyện với ai, cười với ai một câu cũng không được. Có lý gì một người chồng tin yêu vợ mà còn ghen bóng ghen gió với dĩ vãng của vợ, từ cái thời mười tám đôi mươi mơ mộng, thậm chí tuyệt đối không cho vợ có bất cứ một người bạn trai nào. Đó cũng là thái độ ích kỷ, hẹp hòi, thiếu lòng tin.

Đương nhiên một điều tối ư quan trọng là người đàn ông có bổn phận phải lo kinh tế gia đình tạm ổn ở mức độ nào đó. Hạnh phúc không thể có nếu gia đình cứ thiếu đói triền miên. Nay, nhiều người vợ cũng tham gia công tác xã hội, làm kinh tế giỏi, nhưng xét ra, chỉ nên để phụ nữ làm một số công việc nào đó hợp với sức khỏe, khả năng phụ nữ thì hơn, không nên khuyến khích phụ nữ đi cày, đi đạp xe thùng, lái xe tải v.v...

Người chồng làm chủ gia đình về mặt kinh tế là tốt nhất, nhưng một người chồng tuyệt vời cũng không thể "đo lọ nước mắm ngắm

củ dưa hành", khiến người vợ muốn chi tiêu món gì hoặc giúp đỡ anh chị em... cũng ngại ngần, là rất không nên.

Ngược lại, thời mở cửa, người chồng cũng không nên chỉ biết kiếm thật nhiều tiền bằng bất cứ cách nào, đưa cho vợ một cách thỏa mãn, mà không cần âu yếm, tình cảm, động viên vợ đúng lúc...

Không gì chán bằng người vợ bỏ bao công sức để nấu một bát canh ngon, kho một khúc cá nhừ tơi thơm nức, mà ông chồng ngồi ăn, không một lời khen, một lời động viên, thái độ lạnh như băng, như đi ăn cơm đầu ghế. Người vợ thất vọng biết chừng nào. Đó cũng không phải là thái độ của người chồng biết yêu mến vợ, và vô tình đã làm cho vợ "cụt hứng".

Chồng bát còn có khi xô. Không một đôi vợ chồng nào lại không có lúc bất hòa, dù to hay nhỏ. Nhưng cái to biến thành cái bé mới là tài, mới đáng phục. Chứ cái bé mà xé ra to thì chỉ là tai họa và đó là những con người đáng chê, bởi không biết tự kiềm chế, không biết cách yêu thương, không có niềm thông cảm và lòng tha thứ. Biết cách nhường nhịn, tha thứ là cả một nghệ thuật đối nhân xử thế, mà trước hết, trong quan hệ gia đình, sẽ là đôi đũa thần làm tăng hạnh phúc gia đình.

Lấy quyền làm chồng mà mắng át vợ đi, người vợ quen nhẫn nại, nhịn mãi, ngày này qua ngày khác... sẽ cũng là vết rạn tích luỹ lại sẽ thành cái dằm trong lòng nhau, vết nứt trong tình yêu.

Được biết có những đôi vợ chồng sống với nhau mấy chục năm, mà không bao giờ nói nặng nhau một câu, bao giờ cũng một điều anh hai điều em, luôn nhường nhịn nhau, lúc nào cũng thấy họ tươi cười, gia đình họ lúc nào cũng chan hòa tiếng cười vui như mùa xuân. Thế mà có một lần, họ sắp cãi nhau, người vợ chợt xưng "tôi", người chồng tròn mắt ngạc nhiên: "Ô hay, sao lại

xưng tôi là thế nào". Thế là hai vợ chồng cười xòa, cuộc xô xát xuýt nổ ra đã kịp tháo ngòi nổ. Đến nay họ đã có cháu nội cháu ngoại, mà hạnh phúc là niềm vui ấy vẫn không giảm. Rõ ràng, họ là người vợ tuyệt vời, người chồng tuyệt vời.

Xuất phát từ tình yêu, từ sự tôn trọng lẫn nhau, từ thái độ chân thành, tình yêu hạnh phúc gia đình sẽ là cái mầm tươi tốt luôn nở ra cây đời xanh tươi.

Ngay một việc tế nhị là chuyện ân ái, quan hệ vợ chồng trong phòng kín, cũng không thể coi thường. Xưa nay, người đàn ông bao giờ cũng là chủ động. Nhưng trong quan hệ vợ chồng, đôi khi người chồng phải biết tự kiềm chế, nếu một hôm nào đó, có một lý do nào đó, người vợ không muốn. Trường hợp này nếu người chồng thô bạo, cưỡng bức, người vợ vẫn phải chịu, phải chiều theo, nhưng sự cưỡng bức đó chỉ là cái bóng đen, hằn vào cuộc sống chứ không phải là hạnh phúc. Thuận vợ thuận chồng là thế... Người chồng tuyệt vời là người chồng biết làm cho mình sung sướng mà đồng thời làm cho vợ cũng sung sướng, vừa là yêu cho mình vừa là yêu cho người mình yêu. Đó mới là người biết yêu, biết sống vậy.

Cuộc sống mới kéo dài theo nhiều phong tục mới. Vợ chồng nay có thể khoác tay đi chơi phố, đi nghỉ mát ra biển, leo núi một cách chan hòa bình đẳng. Nhiều gia đình còn có nếp sống tặng nhau hoa ngày sinh nhật, nhất là chồng tặng hoa vợ nhân ngày 8-3, ngày vợ ở nhà hộ sinh về, có đứa con mới ra đời, hoặc sau ngày ốm đau, được ra viện. Niềm vui lớn được tạo ra từ một món tiền chi tiêu rất nhỏ. Quan trọng là hành động ấy, là sự quan tâm của người chồng để có hành động ấy. Một bông hoa có nghĩa gì đâu, nhưng bông hoa tặng ngày sinh nhật, quả là vô giá.

Làm người chồng bình thường hay người chồng tuyệt vời đi chăng nữa, xét ra cũng chả có gì khó. Trước hết đó là tình yêu, là

niềm tin với người bạn đời, người bạn mình tự nguyện chung vai đi hết cuộc đời này bên nhau. Người trẻ bao nhiêu rồi cũng phải già. Người đẹp đến đâu cũng có lúc da mồi tóc bạc. Nhưng làm người tình chung thủy suốt đời của nhau, mới là điều đáng sống, đáng thành những bài thơ đẹp, đáng là tấm gương cho con cháu noi theo, mà trước hết, là bản thân hai vợ chồng được hạnh phúc.

Suy cho cùng, hạnh phúc gia đình của mỗi đôi vợ chồng là phải do nhiều yếu tố hợp thành. Nhưng người đàn ông phải chủ động nhiều hơn để tạo ra nguồn hạnh phúc ấy. Nó sẽ bền vững hay mong manh, sẽ nồng nàn hay tan vỡ, tùy thuộc phần lớn vào người chồng (có thể cũng do người vợ, nhưng ít hơn). Không phải người đàn bà khi thành vợ mình rồi thì thôi, không cần yêu nữa, không cần âu yếm, chăm sóc nữa. Thiết tha, son sắt, nồng nàn, có trách nhiệm, người vợ thường đòi hỏi những đức tính ấy ở chồng, người mà họ tin cậy, họ đặt cả cuộc đời mình vào.

Người chồng tốt, người chồng tuyệt vời, có lẽ trước hết vẫn là phải có một trái tim yêu thương, trái tim nhân hậu, tấm lòng cởi mở, mà suy rộng ra, đó chính là nếp sống truyền thống đạo đức, nếp sống văn hóa văn minh...

Có thể còn nhiều điều khác nữa góp phần tạo ra đời sống hạnh phúc gia đình, tạo ra những người vợ tuyệt vời, những người chồng tuyệt vời? Riêng người viết bài này chỉ có đôi điều thiển cận rút ra từ bản thân mình và cuộc sống xung quanh mình, không hiểu đã đúng, đã sát chưa?

7-1993

Tình yêu duy nhất

Chuyện cũ kể rằng có hai hoàng thân góa vợ. Một ông khi đưa tang vợ, khóc lăn khóc lộn, ai khuyên can cũng không được. Tấm lòng thương yêu nhớ nhung của ông đối với người vợ vừa khuất núi thật không bờ bến, như không thể có gì bù đắp nổi. Còn ông hoàng kia đưa tang vợ, hoàn toàn không một giọt nước mắt, khuôn mặt cứ lạnh như băng, người trơ như đá. Có người xì xào hay là ông không thương yêu vợ, và đang có mối tình nào đấy.

Thời gian vốn tàn nhẫn nhưng công bằng vẫn lặng lẽ làm công việc của mình. Chỉ dăm tháng sau, ông hoàng thứ nhất đã tục huyền với một quận chúa khác, đám cưới cũng tưng bừng đông vui linh đình, chú rể cô dâu tuy rổ rá cạp lại cũng thật hạnh phúc.

Còn ông hoàng thứ hai, mặc cho năm tháng cứ trôi, ông âm thầm lặng lẽ, thường ngồi thiền định trước bàn thờ vợ. Và từ đó cho đến ngày ông về cõi hư vô, ông cứ ở vậy, bất chấp mọi mối manh, mọi sự cám dỗ của không thiếu gì những công nương, tiểu thư con các nhà quyền quí.

Câu chuyện đọc đã lâu, không nhớ ở thời kỳ nào trong lịch sử, nhưng là có thật. Hình ảnh hai ông hoàng cứ lung linh sống động mãi như chuyện vừa xảy ra, bên hàng xóm.

Có thể thế được chăng? Ai là người có tình yêu duy nhất? Và có tình yêu duy nhất không? Nếu có thì có thể thổ lộ, phô bày.

Xưa nay loài người đã khám phá, phát minh ra không biết bao điều kỳ vĩ, từ lòng đất đến khoảng không vũ trụ, từ ngọn lửa, máy hơi nước đến nguyên tử, máy vi tính... nhưng hình như vẫn còn một lĩnh vực mang nhiều bí mật, dù nó đã già gần bằng tuổi trái đất, dù ai cũng trải qua, chiêm nghiệm, cũng từng vì nó mà đau khổ, hạnh phúc, mà đắng cay hay ngọt ngào. Đó là tình yêu.

Có người chỉ yêu một lần trong đời, như ông hoàng thứ hai kia. Có người phụ nữ chịu ở góa suốt đời, cho mối tình mình, mà không bao giờ chịu yêu lần thứ hai.

Bà Nguyễn Thị Khuê (1864 - 1921), hiệu là Nguyệt Anh, con gái thứ tư của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, bà góa chồng từ lúc còn rất trẻ, nhưng cương quyết làm người sương phụ suốt đời, nên người ta mới thêm từ Sương trước tên bà để tỏ lòng kính trọng, do đó bà có tên là Sương Nguyệt Anh.

Nhưng trong xã hội đông tây kim cổ, lại có rất nhiều người có thể yêu nhiều lần, hoặc cùng lúc có thể đồng thời yêu nhiều người. Thật thiên hình vạn trạng như mây trên trời như sóng ngoài khơi. Ai chả biết Truyện Kiều. Cô Kiều yêu Kim Trọng là thế, nhưng rồi cũng tha thiết đậm đà với Thúc Sinh, sau đó còn say mê, tri âm tri kỷ nhiều hơn với Từ Hải... Vậy cô Kiều có tình yêu duy nhất không?

Từng có cả một giai đoạn dài hàng nghìn năm, không biết bao nhiêu phụ nữ phải thủ tiết thờ chồng, bỏ phí cả tuổi hoa niên. Những đêm khuya một đèn một bóng, tiếng vạc kêu than, chiếu giường băng lạnh, hạnh phúc, tình yêu, niềm vui sự sống lên tiếng gọi mà họ đành đau đớn cam chịu cảnh lẻ loi trong cô tịch...

Những bóng hình nào hiện lên bảng lảng trong tâm tư cân não, trong trái tim còn rộn ràng như tiếng trống hội đêm xuân. Họ đành nhắm mắt bịt tai, cho nước mắt thấm đẫm hoen gối, bỏ qua tiếng gọi thiết tha của lòng mình, lòng người, của cuộc sống tưng bừng rộn rã ở ngoài kia...

Đó có phải là tình yêu duy nhất không? Cái bảng vua ban: "Tiết hạnh khả phong" là niềm vinh dự hay chỉ là sợi xích oan nghiệt, trói buộc con người bất hạnh, muốn vươn lên đòi quyền sống mà không được, mà phải chịu đọa đầy trong ức chế, trong nhẫn nhục, trong lắt lay...

Vậy tình yêu duy nhất là gì? Vẫn còn là câu hỏi lơ lửng như thách đố như tiếng gọi vào bao la, không thể trả lời như chiếc máy vi tính cực kỳ thông minh nhưng cũng kỳ ngu dốt.

Lại có chuyện kể rằng loài chim thiên nga bao giờ cũng sống kết đôi. Nếu vì một lý do nào đấy, như cái tàn ác của con người, qua tay súng kẻ đi săn chẳng hạn, một con không còn nữa, thì con chim lẻ bạn còn lại sẽ kêu lên những tiếng kêu đau thương sớm chiều rồi một hôm nào đó, con chim chồng (hay con chim vợ) sẽ bay lên thật cao, cao đến nỗi không thể nào cao hơn được nữa, con chim lẻ loi, bất hạnh sẽ tự cụp đôi cánh tuyệt vời lại, đôi cánh từng vỗ chung một nhịp với bạn tình, để cho thân mình trắng toát tuyết băng kia rơi tự do xuống đất, tự kết liễu đời mình theo tiếng gọi của niềm hạnh phúc đã nát tan trước đó.

Loài chim ấy có hiểu gì, có khái niệm gì, có triết lý, nghĩ suy gì về cái điều mà loài người chúng ta còn đang tìm hiểu: Tình yêu duy nhất?

Đằng thẳng mà nói tìm được người bạn đời thật hợp ý tâm đầu, hiểu nhau, yêu quí nhau, thậm chí say mê nhau từ khi trẻ đến

lúc bạc đầu, thật khó và hiếm lắm. Hạnh phúc lứa đôi (cũng như những điều khác) không bao giờ tự nhiên từ trên trời rơi xuống tay ta. Mỗi người đều phải tự đi tìm kiếm, nuôi dưỡng nó, bảo vệ nó, nâng đỡ nó, trong đó có vị tha, nhẫn nại, chân tình, rộng lượng, bao dung, cởi mở...

Có người cho rằng việc vợ chồng trao nhẫn cho nhau trong ngày cưới là ý nghĩa lắm. Nhẫn đấy, bao hàm nhiều nghĩa đấy. Hãy nhớ đến chiếc nhẫn mang chữ *Nhẫn* khi giông gió xảy ra, khi bão tố ập đến, khi chồng bát bị xô, khi có một bóng đen thứ ba lẻn đến...

Không thiếu gì những đôi người cãi nhau như hát hay, mắng nhau như ăn vã mắm, chồng thượng cẳng chân hạ cẳng tay, vợ lăng loàn đanh đá. Cũng không thiếu cảnh ông ăn chả bà ăn nem, chồng có bồ thì vợ có bịch. Đó là điều bất hạnh lớn cho tình yêu, hạnh phúc.

Tình yêu duy nhất vượt lên những điều tầm thường ấy. Nó thiêng liêng hơn, mãnh liệt hơn, cao cả hơn, trong sáng hơn, và chính vì thế mà nó nhuần nhị, bao dung, chân thành, say đắm, "tri kỷ"...

Tình yêu duy nhất không bao giờ có thể bị mua chuộc vì tiền tài danh vọng, địa vị, hay một thứ sắc đẹp bướm ong phù phiếm. Nó là ngọn suối nguồn trong sạch, là tiếng hát hùng vĩ của rừng đại ngàn, là sự bao la của biển cả, là hào phóng của mùa màng đồng bãi, là chói lọi thực thà như ánh sáng ban trưa. Nó là một cực của con người nhân hậu, đối lập với cực kia của ích kỷ, tự kiêu, hẹp hòi, hờn ghen, nghi ngờ...

Tình yêu duy nhất bao giờ cũng là ngôi sao tự tỏa sáng, chứ không lập lòe như đom đóm hay lửa rơm. Bao giờ nó cũng là cốc nước sạch cho kẻ lữ hành trên sa mạc chứ không phải là những

giọt nhựa xương rồng đầy chất độc ngấm ngầm dù mang màu trắng hấp dẫn.

Có lẽ có một yếu tố không thể nào thiếu, không thể nào nhầm lẫn trong tình yêu duy nhất là biết CHO nhiều nhất. Nhân nào quả ấy. Biết cho suốt đời, cũng sẽ NHẬN được nhiều nhất, nhận được suốt đời. Cho vô bờ bến sẽ được nhận vô biên.

Hình như chất nhân văn, nhân bản của con người xưa nay là thế chăng? Cái nền để làm một con người có tâm hồn, có trái tim, biết yêu thương, nhân hậu là thế chăng?

Ngày nay, trong cái xô bồ hỗn tạp, có sự giao lưu của nhiều nguồn văn minh, nhiều lối sống khác nhau, không thiếu những người nhân danh cái mới, cái "mô đéc", cái hiện đại... lý luận ngược lại điều vừa nói trên. Họ bảo không cần tình yêu duy nhất vì không có nó. Sống trước đã. Tận hưởng trước đã. Vì mình trước đã. Tình yêu duy nhất là cổ hủ, lạc hậu, đáng chê. Phải coi tình yêu như chiếc áo, càng thay nhiều càng tốt, càng khoái cảm. Phải hưởng thụ ở tình yêu mới là điều duy nhất. Họ lao vào tình yêu nhục thể, lừa dối nhau, phản bội nhau, coi như uống cốc nước ở nhà đã nhàm chán nên cần đi tìm cốc nước khác, mới hơn mang lại cảm giác thích thú hơn...

Đã không thiếu gì những kẻ hám danh, tham tiền, trọc phú, hãnh tiến, cơ hội, rởm đời mà phụ bạc trắng trợn, có mới nới cũ, tham vàng bỏ ngãi, chỉ sống cho dục vọng cá nhân mình thỏa mãn là đủ.

Như vậy có thể nào bằng lòng chấp nhận kiểu sống gọi là hiện đại ấy, quốc tế ấy?

Mỗi người cùng một lúc có thể yêu nhiều thứ: yêu cha, mẹ, yêu chồng (hoặc vợ) yêu con cái, yêu chiếc xe đạp, yêu cả con

chó cảnh, bông hoa. Đó là tự nhiên. Nhưng cùng lúc, không thể chấp nhận vừa có chồng (vợ) lại có cả nhân tình, nhân ngãi, nói kiểu hiện đại là bồ là bịch, lăng nhăng, lén lút, bất chính... Dân tộc Việt Nam chúng ta nhân nghĩa nghìn đời, có văn hóa bền sâu, chắc không thể chấp nhận kiểu tham lam ấy trong tình yêu.

Cũng vậy, một cô gái thề thốt thủy chung, gắn bó, nhưng mới chỉ xa nhau ít ngày, gặp người giàu có, nói ngọt, có địa vị v.v... là đã phụ tình bạn xưa, chê bạn tình nào là đụt, là nghèo, là quê mùa... chắc không ai khen cô gái ấy.

Ai có gan, có thể tự mình hay cho phép con cái mình, anh chị em mình trượt vào mê lộ buông thả ấy mà xem, thì sẽ thấy có cần tình yêu duy nhất hay không, có cần văn hóa, thủy chung trong tình yêu hay không? Đáp số có thể tìm thấy ngay trong cái phương trình bất ổn ấy một cách nhỡn tiền. Con mãng xà tinh ấy sẽ há cái miệng của nó ra làm tan vỡ, kiệt quệ tất cả, ngấu nghiến tất cả mà thôi.

Tuy nhiên cái mề đay nào cũng có mặt trái của nó. Ngày nay chúng ta khó có thể chấp nhận những người phải chịu góa bụa, vò võ một mình trong cô đơn, cơ cực, suốt đời chăn đơn gối lẻ. Cái chết của con thiên nga, ngày nay cũng cần xem xét lại. Đứa trẻ mồ côi cũng cần có người cha mới, người mẹ mới, niềm thương yêu mới lắm chứ... Không thể nệ cổ, ca ngợi sự "thủ tiết" mà cứ bắt con người giam hãm hết tuổi xuân của mình trong đau khổ, bất hạnh.

Phong tục đã thay đổi nhiều theo nếp sống nếp nghĩ mới. Tiêu chí mới nếu là hay là đẹp, lẽ nào không theo? Tình yêu cũng trong quy luật ấy. Tình yêu duy nhất cũng trong quy luật ấy.

Tình yêu duy nhất là thiêng liêng, cao cả, đáng quý, đáng trọng. Nhưng tuỳ hoàn cảnh với nhiều nguyên nhân, con người

cần phải làm chủ hoàn cảnh và bản thân mình, tự phán xét, phân xử hành động của mình, chứ không thể nhắm mắt phó mặc hạnh phúc của mình cho dư luận hoặc lề thói nào đó.

Câu chuyện *Trang tử cổ bồn*, phê phán người vợ Trang Tử mù quáng định đập áo quan lấy óc chồng mới chết cho người yêu ăn, không ai có thể khen ngợi được, mà ngàn đời đáng chê trách. Trăng gió, trai lơ, thay lòng đổi dạ, vô luân...xưa nay chỉ bị lên án chứ không thể ca ngợi. Tình yêu chung thủy, bền vững, duy nhất hay không, xét ra tuỳ từng người hiểu và mang nó trong hành trang đời mình, không thể áp đặt. Nó cũng bí mật như lĩnh vực tình yêu mà loài người còn phải tìm hiểu lâu dài nữa.

1993

Dáng bay Hà Nội

Cũng như Sài Gòn, rất nhiều người Việt Nam chưa hề biết "hòn ngọc Viễn Đông" ấy ra sao, nhưng trong lòng, nhờ yêu thương, bằng tưởng tượng, đã đến thành phố ấy bằng tâm niệm nhiều lần. Hà Nội cũng thế. Và có khi còn hơn thế. Gần nghìn tuổi, Hà Nội đã thành niềm yêu của những người chưa đến, thành nỗi nhớ của những người đi xa và là niềm hạnh phúc cho những người đang có mặt nơi thành phố Long Đỗ - Đại La - Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

Hà Nội không nhiều cao ốc bằng Sài Gòn, không nhiều vườn xanh như Huế mộng mơ, không mơ mộng khói sương như Đà Lạt, không rì rầm sóng biển như Hải Phòng ... Hà Nội chỉ đẹp vì những nét riêng của mình. Đó là con hồ Hoàn Kiếm yêu kiều, gương mặt Hồ Tây bát ngát, đường sấu tròn xoe xum xuê um tùm như con sông bằng cây bằng lá, hương hoa thơm ngát những đêm thu, từ hoa sữa phố Nguyễn Du đến hoàng lan phố Phan Đình Phùng, hoa phượng chói đỏ đường Cổ Ngư, dạ lan hương vườn Chí Linh... Thêm con đê sông Hồng như hình ảnh quê nhà, chùa Một Cột trầm tư cùng Thăng Long hiện đại có bảo tàng Hồ Chí Minh mới dựng.

Có những niềm yêu từ trăm năm nghìn năm để lại, cũng có những tự hào vì mới tạo sinh.

Mới hôm nào ngày 10 tháng 10, giải phóng thủ đô, thế mà từ năm 1954 ấy đến nay, con sông vèo trôi, đã 39 mùa quả ngọt.

Em bé ra đời năm ấy nay nhiều người là ông giám đốc, nhà văn, vị tiến sĩ, bà bác sĩ, nhà nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau... Những người chứng kiến Hà Nội được giải phóng, nay tóc đã nhuốm màu sương khói, màu của mùa thu như Hà Nội vào thu, không già nua chút nào đâu, mà chỉ thêm huyền ảo một niềm say chín chắn, trầm lắng ở bên trong sâu nặng với tâm hồn.

Tiếng giày đinh quân Pháp cồm cộp rút đi trên cầu Long Biên ngày ấy đã tan trong không gian, tiếng báo động đệm đêm bằng âm thanh gõ mẹt gõ thùng gõ chậu cũng đã thành kỷ niệm một thời.

Nhạc dancing tắt đi. Ngọn đèn đỏ những ngôi nhà chật hẹp bẩn thỉu được dỡ bỏ. Bây giờ lại đi khiêu vũ, lại có thể nghe điệu ca trù ở câu lạc bộ hay trên sóng phát thanh, nhưng những người đàn bà khốn khổ phải nhảy thâu đêm, phải bán thân nơi nhà đỏ đã được hoàn lương, trở về với đời thường, có chồng có con, bán hàng, làm ruộng...

Hà Nội không chỉ của riêng người Hà Nội mà của chung tất cả người Việt Nam. Người chị gái phải mang cả cơ nghiệp đơn sơ bày ra cái chợ giời tạm giữa ngã năm Gia Long - Lê Lợi - Ha Le (nay là Bà Triệu - Hồ Xuân Hương - Nguyễn Du) năm ấy, bán đổ bán tháo để theo chồng vào Nam, chỉ dành lại làm tặng phẩm cho người em là thi sĩ mấy chiếc phin cà phê đã xám màu nhôm thời gian, nay chị ở đâu, sau bao giông bão nước non, mà 39 năm qua, biệt vô âm tín, mà đất nước thống nhất gần hai chục năm vẫn mịt mù tăm hơi?

Cuộc chiến tranh vừa qua, bất luận nam hay bắc, tất cả người Việt Nam đã thắng. Tình thương, lòng nhân hậu, ấy, lòng người

dân Hà Nội biến thành ngàn vạn lá cờ may vội trong đêm, để sáng ra, bật lên như từ tim máu đỏ, từ môi mọng câu ca, từ thôi thúc niềm yêu đất nước và thành phố của mình.

Trụ sở Ủy ban Quốc tế thời ấy, nay là trụ sở Bộ Nội thương và Công ty vàng bạc, những sáng thu như hôm nay, gió thu mát rượi, heo may dập dềnh con nước từ nhà Thủy Tạ phía bắc thổi về, giạt cả những mảng đỏ tươi của hoa lộc vừng, làm mặt hồ gây xao xuyến nhớ nhung, làm người bâng khuâng như đi vào chuyện *Truyền kỳ mạn lục* của ngòi bút tài hoa Nguyễn Dữ đã hóa thân vào những nhân vật mơ hồ, huyền ảo lãng đãng như sương...

Tháp bút do danh sĩ Nguyễn Văn Siêu - Phương Đình gội đẫm thời gian, đang được trùng tu để ngọn bút Hà Nội viết lên giấy trời những dòng thơ bất tử, cùng với dòng thơ bất tử, cùng với bình rượu trên nóc Tháp Hòa Phong làm chuếnh choáng say lòng bao thế hệ tiếp theo.

Năm năm nay, Hà Nội đã là con rồng cựa mình bay lên như một thời Lý Công Uẩn nhìn từ tâm tưởng. Cầu Chương Dương không đẹp nhưng bề thế, dập dồn xe cộ đi về, tỏa màu hồng vào muôn nẻo quê xa, có các tỉnh biên giới, đồng bằng với núi non, sông ngòi; biển hồ cũng bạt ngàn tít tắp màu xanh nhiệt đới bốn mùa. Hà Nội là trung tâm vì thế?

Tiếng chuông Nhà thờ vẫn ngân vang mỗi khắc, mỗi giờ. Đức Bà vẫn trầm mặc đứng nơi vườn địa đàng, tay bồng chúa hài đồng, an ủi nhân gian. Người Hà Nội lắng hồn mình trong câu tụng niệm, nguyện cầu trước niềm thiêng liêng vĩnh cửu, cũng như vẫn thả hồn mình vào tiếng chuông chùa Trấn Quốc lan tỏa trên sóng mỗi chiều thu. Niềm thiêng liêng vĩnh cửu ở trong tâm linh mỗi người, trong tâm linh Hà Nội, bền như thời gian, rộng như không gian, tồn tại bất chấp mọi thăng trầm của một kinh kỳ

hưng phế khiến một Bà Huyện Thanh Quan phải chau mày thở dài ngao ngán, khiến một Hồ Xuân Hương phải chua cay chọc ghẹo, khiến một Nguyễn Du phải ngậm ngùi không nỡ nghe hết khúc đàn ca người đàn bà não nùng trong đêm tiệc...

Hà Nội như viên ngọc trong đá. Đá mòn đi thì ngọc càng lộ ra, thêm ngời thêm sáng, thêm trong thêm đẹp. Hà Nội như người con gái xuân sắc dậy thì, phây phây thanh nữ, khi thành thiếu phụ cũng gợi say nồng mê mệt cho tình lang không thể nới vòng tay...

Có thể cất tiếng thốt: Hà Nội mến yêu. Đúng thế, Hà Nội của người hàng ngày bắt gặp hồ Gươm, với những khách sạn mi ni còn thơm vôi mới. Hà Nội của người đi xa, nhớ về một dáng ti gôn hoa hồng màu tim vỡ. Hà Nội của người chưa đến, nhưng lòng đã đến, rì rầm tổ ong chợ Đồng Xuân, rộn ràng màu sắc Hàng Đào, với các cửa Cầu Giấy cho cốm Vòng vào nội thành, cho hoa từ Yên Phụ đến từng nhà còn tươi rói sương khuya. Cả con cá rô đầm Sét phía Cầu Dền, Trung Hiền, cả gạo tám xoan Mễ Trì, hoa quả đồng bằng qua cầu Long Biên mà đến ...

Sông Hồng ơi, sông mang tên ấy từ bao giờ nhỉ? Sông Phú Lương, sông Nhĩ - đã thành phù sa bồi đắp cho con người Hà Nội, nở ra tinh hoa cho đất nước. Bên lở bên bồi, nhưng ta vẫn được cả dòng sông để thương yêu, để gắn bó, để tâm hồn ta vào lịch sử và hiện đại.

Sớm nay lại mùa thu. Lại là kỳ diệu. Lại là chiếc bùa mê mà Hà Nội bỏ cho ta. Ta mê mệt cùng màu trời xanh cốm Vòng, màu xanh đầy sương, của hàng sao đen phố Lò Đúc, hàng chò nâu trên đường Hùng Vương, ta thở đầy ngực hàng sen những ao hồ bát ngát ngoại ô, cho ta nắm xôi được gói bằng thứ lá thơm kỳ ảo ấy. Ta cũng choáng ngợp trong màu áo dài băng

trinh của những cô gái dậy thì, không, trong cánh bướm hiện hình của một của một Hà Nội mê tơi, một Hà Nội như kho tàng bí mật, giầu có mà không thể một lúc khám phá ngay.

Hà Nội cứ diễu hành trong ta như đoàn quân chiến thắng, vượt qua bom đạn quân thù, đem trả cho ta một Hà Nội tự do đã nghìn năm và thực sự từ mùa thu năm 1954, thực sự từ ngày 10 tháng 10 năm ấy.

Ngồi nhấp một ly cà phê ngọt đắng tâm tư trong căn nhà ám khói trong khu phố cổ, mái thấp, tường ẩm, ánh sáng qua tấm kính mờ trên nóc, không có cô chiêu đãi viên váy ngắn, phấn son, chỉ có lập lòe, đúng là lập lòe những bức tranh tài hoa của bao danh họa còn để lại, từng ngồi đây nhấp vào cảm hứng, ta thấy Hà Nội thấm vào mình như thể Hà Nội cũng tự mình mà toát ra, mà bay lên, mà hòa tan vào trời đất tuyệt vời.

Một Hà Nội hôm nay đang tự xốc mình lên. Nếu người chị gái ngày xưa ra đi, chỉ để lại cho em là chàng trai thi sĩ chiếc phin cà phê, nếu chị còn, chị đang ở đâu, và nếu chị La Anh Chi ơi, nếu chị về, hẳn chị phải hỏi thăm đường từ mỗi ngã tư, không thì không thể tìm ra lối ngõ năm nào. Hà Nội nay, sau 39 năm giải phóng đang hối hả lên đường chị ạ.

1993

Mẹ chồng nàng dâu

Mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu có là định mệnh, có phải là nghìn đời, không tránh khỏi? Chuyện thật cũ mà cũng vẫn là chuyện của ngày hôm nay.

Thiếu gì những cảnh thương tâm, gia đình tan nát, chồng vợ chia xa... vì mâu thuẫn đó. Không thể sống được nếu gia đình lúc nào cũng căng thẳng, bức bối như cái oi nồng trước cơn giông bão, gió tích lại, ngột ngạt để rồi chờ giọt nước cuối cùng cho bể nước tràn ra, cho trận gió xoáy nổi lên, cơn bão nổ bùng.

Một thời dài, rất dài, đám cưới là chuyện gả bán. Nhà gái thách cưới, nhà trai cò kè, như mua con dâu, nên bà mẹ chồng nghĩ: "Mất tiền mua mâm thì đâm cho thủng", nên bà tỏ ra uy quyền, lặp lại tấn kịch mà bà từng chịu đựng xưa kia với mẹ chồng của bà. Cái nợ đồng lần, cái chuyện luân hồi, nó tái diễn từ đời này sang đời khác.

Là con dâu, bị hành hạ, đến khi thành mẹ chồng, lại hành hạ con dâu mình... Có người cho là bình thường, không tránh khỏi.

Xã hội công nhận chuyện đó như một sự tất nhiên, trời có mưa thì phải có nắng, có sáng ắt có chiều. Người bố hoàn toàn bàng quan im lặng, coi đó là "chuyện đàn bà". Còn người chồng thì vì sợ uy quyền của cha mẹ, hoặc vì nhiều lý do khác, nên

đành bưng tai bịt mắt, để khỏi mang tiếng là sợ vợ, là đội vợ lên đầu, là bất hiếu, dù nhiều người trong đó rất yêu và thương người vợ trẻ vô tội mà cứ bị hành hạ một cách oan uổng.

Người con gái còn trẻ tuổi, non nớt chưa có kinh nghiệm sống, lại rời bỏ mọi nếp sống, thói quen, bước vào một gia đình hoàn toàn xa lạ, một môi trường mới, rất bỡ ngỡ, chỉ có một người thân mới đó là chồng, còn tất cả đều chưa hiểu nhau... nên chỉ còn một cách là nhẫn nhục, chịu đựng, vừa để êm thấm trong gia đình, vừa để được tiếng là dâu thảo. Cô gái còn rất sợ dư luận cho là người hư hỏng, liên lụy đến cả bên gia đình mình.

Nhiều gia đình mua con dâu là để có người, có sức lao động không công, để "gánh vác giang sơn nhà chồng" là chính chứ không phải để tạo dựng hạnh phúc cho con trai mình, cho đôi lứa.

Trong hoàn cảnh ấy, người con dâu chỉ còn là một kẻ nô lệ. Nô lệ trong lao động. Nô lệ trong nếp sống cay nghiệt của mẹ chồng. Nô lệ cho dư luận. Cả nô lệ cho chồng. Họ chỉ còn là cái bóng mờ nhạt dưới sức nặng đè nén của nhà chồng, mà nỗi đắng cay nhất là từ bà mẹ chồng đổ xuống. Họ sẽ là ngọn cỏ bị cớm nắng nơi góc vườn, góc bếp... cho đến khi nào họ trở thành mẹ chồng... và chuyện đời lại tái diễn, chỉ thay bậc đổi ngôi mà thôi.

Xã hội nông thôn Việt Nam trì trệ một giai đoạn khá dài. Người nông dân, nhất là phụ nữ, trình độ văn hóa quá thấp, thêm nữa lại bị níu kéo lại bởi những phong tục cổ hủ, lạc hậu, cả đời chỉ quanh quẩn sau luỹ tre, rộng thì đến cánh đồng, đến phiên chợ huyện... cho nên ngoài những đức tính đáng trọng như cần cù, thương yêu chồng con, tiết kiệm, hy sinh hết cho gia đình... thì người phụ nữ thường bị cái xiềng khá nặng khóa họ lại. Đó là những tập tục, những quan niệm cũ kỹ, lạc hậu, những lề thói hẹp hòi, bảo thủ... khiến họ vừa tự làm khổ bản thân mình đồng thời

làm khổ người thân của mình mà họ không hề biết, vẫn cứ tưởng như thế mới là đúng. Trước hết là người con dâu, người đàn bà trước đây xa lạ, nay lại là một thành viên, nên họ phải bắt ne bắt nét, "cho vào khuôn phép". Nếu họ sống cách khác, làm ngược lại tức là thương yêu con dâu, họ sẽ bị chê là nhu nhược, là đần độn, là bị con dâu xỏ mũi lôi đi. Trong buổi đi cấy, nhổ mạ, tát nước, tiếng xì xầm bình phẩm sẽ đến tai họ. Buổi đi chơi về, lời ong tiếng ve sẽ rỉa rói tâm can họ, làm họ mất ăn mất ngủ... Tai hại ấy làm tăng thêm sự căng thẳng của quan hệ mẹ chồng nàng dâu lên một mức cao hơn, rất khó hòa hợp cân bằng trở lại.

Từ những nguyên nhân trong và nguyên nhân ngoài như thế, thì còn một yếu tố vô cùng quan trọng nữa là Tình yêu. Không ai có thể yêu con bằng mẹ. Hoàn toàn đúng. Vì thế mà có câu "Dù phải tráng trứng trên lòng bàn tay đến bảy lần để trả ơn mẹ cũng còn chưa xứng đáng". Hoặc có câu khác: "Thượng đế không thể có mặt ở mọi nơi, nên Người sinh ra bà mẹ để thay mặt người. Mẹ là thiêng liêng như thượng đế".

Vậy, mẹ là tất cả đời con, và con là tất cả đời mẹ. Quan hệ đó chắc còn thiêng liêng ngàn đời sau nữa. Tình yêu của mẹ cho con vì quá sâu nặng, nên nhiều khi sai lệch, thiếu công bằng, hơi ích kỷ nữa. Bà mẹ có anh con trai, xưa kia nó là con mình, bỗng nhiên nay có một cô gái trẻ, nó thương yêu, quấn quít, cái gì cũng chỉ có hai đứa với nhau. Vì vậy mà lòng ghen nổi lên trong lòng người phụ nữ. Bà nghĩ tất cả thương yêu ấy của con phải dành cho mình, cho mẹ mới đúng, mới phải, mới là hiếu đễ. Người con dâu chiếm mất chỗ của mình rồi. Ghen, rồi tức, rồi hành hạ... Nhẹ thì mặt lưng mày vực. Nặng thì đánh mắng, hắt hủi, có khi con dâu không chịu được thì mẹ chồng cho là lăng loàn, là tai quái, là bất chính, phải đuổi đi, phải chia rẽ chúng nó ra, "nhà này tao làm chủ chứ không phải con nặc nô ấy...". Nam Cao có một chuyện

ngắn cảm động. Đó là bà cô già cô đơn, quen sống trong đau khổ, không chịu được cảnh nhìn thấy hạnh phúc của người khác. Bà mẹ chồng cũng thường có tâm lý ấy, nhất là khi bà có tuổi, quen sống trong thiếu thốn, cô đơn, khổ nghèo... nay thấy con dâu con giai cứ hú hí, làm bà khó chịu...?

Đó là về phía mẹ chồng. Còn người con dâu thì sao?

Người con gái lấy chồng là bước sang một cuộc đời mới hoàn toàn, từ công việc đồng áng sớm khuya, đến tề gia nội trợ, cơm nước phục vụ bố mẹ chồng, chăm sóc các em chồng, và chịu sự chỉ huy của người chồng. Nếp sống ấy đã ăn sâu vào tiềm thức bao thế hệ. Sức chịu đựng, sự phục tùng bắt người phụ nữ phải thế, như là một số kiếp. Từ bé cô đã thấy nhiều tấm gương như vậy, nó tiêm nhiễm vào đầu cô, khiến cô khó bề tin khác đi, làm khác đi.

Lấy chồng, cô dâu dám phản ứng vì rất sợ mang tiếng là người hư hỏng, là nanh nọc, là "được chồng yêu, xỏ chân lỗ mũi". Cô còn sợ mang tiếng lây đến cha mẹ đẻ rằng không biết dạy con, đẻ ra đứa con mất dạy, hỗn láo. Cô phải coi gia đình chồng là gia đình chính chứ không được coi gia đình mình là chính. Tâm trạng ấy buộc cô phải nhẫn nhục suốt đời. Nếu có quá đau khổ vì bất công, một số nói lại, than phiền với chồng. Anh chồng nghe ra, sẽ an ủi. Anh chồng ù lì sẽ gạt đi. Và quan hệ căng thẳng giữa mẹ chồng nàng dâu còn lây sang cả quan hệ mẹ đẻ con trai, nếu anh chồng không khéo léo.

Từng có những nàng dâu phản ứng lại vì dù sao lớp trẻ cũng có những điều mới hơn lớp già. Có thể họ hiểu biết nhiều hơn, sống thoải mái chan hòa hơn, trình độ văn hóa khá hơn, nếp sống mới thấm vào họ nhiều hơn. Họ không chịu được sự bất công đè nén nữa. Có người may mắn hoặc khéo léo làm quan hệ đó dần

tốt đẹp, khi có bà mẹ chồng biết phục thiện hiểu ra. Nhưng phần lớn là bị coi là nổi loạn, không thoát ra khỏi mà còn bị lún sâu thêm trong nỗi thống khổ ấy.

Thiếu gì bà mẹ chồng cấm đoán, không cho con dâu đi họp hành, học tập, có bạn có bè, nào là sợ mất công mất việc, nào là sợ nó đàn đúm hư người đi, nào sợ chuyện trai trên gái dưới, nào là ...đủ thứ. Cũng có nhiều bà mẹ chồng thông cảm, đã hiểu ra, đã giúp đỡ con dâu tiến bộ bằng chị bằng em.

Làm con dâu trưởng còn khó hơn nhiều. Công kia việc nọ, cỗ bàn giỗ tết. Gặp bà mẹ chồng khó tính con dâu thật vất vả trăm chiều. Nhưng nếu là người khôn ngoan linh lợi, biết đường ăn nết ở, thì đâu rồi cũng vào đó. Vậy là tuỳ thuộc vào cách ứng xử mà thôi.

Ở nông thôn, không phải gia đình nào "mua" con dâu về cũng cho đôi vợ chồng trẻ ra ăn riêng ngay, cho họ hú hí, hạnh phúc, đầu gối tay kề. Thông thường đôi vợ chồng trẻ phải kéo cày trả nợ, phải gánh vác gia đình, nói như ngày xưa "phải hầu hạ nhà chồng"... Đã thành cố hữu như cái ao tù, nước cạn thì bèo sát đáy, con trâu buộc gốc tre thì có dứt mạnh cũng vẫn ở một chỗ, mưa nắng đành cam chịu... Xã hội trì trệ ấy lây lan cả đến những nơi gọi là kẻ chợ, phố phường thị trấn. Nó lan tràn ra toàn xã hội, khiến sau này khi chế độ mới đã được xác lập và ngành thương nghiệp còn lấy quan niệm ấy khoác lên mình với câu coi mậu dịch viên là "làm dâu trăm họ".

Làm dâu một bà mẹ chồng đã khó? Nay làm dâu trăm họ thì quả là khổ sở điêu đứng biết chừng nào. Thì ra đi bán hàng là đi làm dâu, là chịu sự bất công, đè nén, áp bức, hành hạ, chứ không phải là người được phân công, một công việc phục vụ xã hội? Có lẽ vì thế mà "nàng dâu" ấy đã phản ứng bằng cách mắng lại

khách, vứt hàng vào mặt khách, khách hỏi chục câu không thèm trả lời, khách cần chọn hàng là không cho v.v...?

Từ đó xét thấy quan niệm làm dâu trăm họ là quan niệm rất sai lệch, cần vứt bỏ. Khách mua hàng không phải là người cay nghiệt. Người bán hàng cũng không thể là người chỏng lỏn, chua ngoa...

Khẩu hiệu ấy đã công nhận, đã đồng tình với một quan niệm sai trái trong lịch sử, mà đến nay chúng ta cần phá bỏ, cần phê phán, cần xây dựng lại một quan niệm mới, một cách ứng xử mới.

Và may thay, quan hệ mới, cách ứng xử mới ấy đã hình thành, đã có không ít ở nhiều cặp mẹ chồng con dâu, ở nhiều địa phương... rõ nhất là ở những thành phố, những khu công nghiệp đông người. Quan hệ mẹ chồng con dâu không còn là định mệnh là hành hạ nhau, làm khổ nhau mà đã thành quan hệ thân tình, máu mủ, thương yêu đùm bọc giúp đỡ, nâng giấc nhau.

Không kể loại "dâu Tây" ỷ vào của hay quá trớn, coi khinh mẹ chồng nghèo, coi thường mẹ chồng quê mùa, rồi lên mặt... thì đã có rất nhiều mẹ chồng khoan dung độ lượng, thương yêu con dâu như con gái đẻ, không ít con dâu quí trọng mẹ chồng như mẹ đẻ. Họ đồng cảm thương yêu nhau trong một quan hệ quý mến nhau, tôn trọng lẫn nhau chan hòa, tương ái với nhau.

Xuất phát từ lòng mẹ yêu con trai, người mẹ chồng mới ngày nay sẵn sàng rộng lòng đối với con dâu, coi con dâu là người mang lại hạnh phúc cho con mình, là người cần mình bảo ban giúp đỡ, cưu mang chứ không phải là đối tượng để mình hờn oán. Có bà mẹ chồng thấy con dâu đi làm về, mệt nhọc, bà đã không ngại tuổi già, chuẩn bị cơm nước, nhà tắm cho con dâu, trong nom cháu nội cho con dâu rảnh tay mà hội họp, học hành hoặc nghỉ ngơi. Có

miếng ngon cũng để phần "mẹ nó". Buổi sáng, mẹ dậy sớm - người già thường ít ngủ - làm các việc vặt trong nhà, để con dâu được ngủ thêm một ít cho lại sức, với câu nói chân tình; Chúng nó còn trẻ, sức ăn sức ngủ, đánh thức nó dậy sớm làm gì cho tội nghiệp. Mình cố một ít cũng xong. Những hành động ấy thể hiện lòng từ tâm của người mẹ, cũng thể hiện sự độ lượng, khoan dung, cùng sự hiểu biết, nếp sống văn hóa mới, là sự tiến bộ, bất chấp dư luận cũ hẹp hòi, mà coi hạnh phúc của con cháu là quan trọng hơn.

Tình thương yêu ấy, cô con dâu nào đành lòng đỏng đảnh, phụ bạc cho được? Nên nhiều cô con dâu đi thưa về chào, có miếng gì ngon, mua tặng mẹ chồng trước hết (dù rằng rồi bà lại cho cháu, cho con cô chứ bà nào đành ăn khi cháu nhịn?) Đồng quà tấm bánh, cái khăn, đôi guốc, vật thì không đáng là bao nhưng tấm lòng thơm thảo mẹ thật vui. Quan trọng hơn là biết nghe theo lẽ phải, biết nhường nhịn khi cần thiết, biết đùm bọc giúp đỡ lúc nhà có việc, biết trân trọng những "trái nết" của tuổi già... Cô con dâu còn biết ý tứ, dù yêu chồng thắm thiết cũng không có cử chỉ suồng sã với chồng trước mặt bố mẹ chồng. Lời ăn tiếng nói cũng phải cân nhắc kỹ, không bao giờ lỡ lời để người già phải tủi thân, nghĩ ngợi.

Đã có nhiều bà mẹ chồng còn giục con dâu đi bước nữa, như con gái mình, khi con trai mình xấu số thiệt phận, mà con dâu còn đầu xanh tuổi trẻ. Cũng không ít cô con dâu dám hy sinh hạnh phúc riêng của mình khi mẹ chồng không còn ai nương tựa ngoài mình là người duy nhất, dù chỉ là con dâu.

Nhân nào quả ấy? Mẹ chồng bao dung, con dâu hiền thảo, thì quan hệ kia chỉ còn là hạnh phúc ngọt ngào chứ không phải là thứ quả đắng cay, không còn là định mệnh khắt khe, trớ trêu như trước.

Xã hội đã sang trang mới. Một trong những điều tốt đẹp là đã thay đổi được quan niệm sai về mẹ chồng nàng dâu, lưu cữu ngàn đời.

Hạnh phúc lứa đôi chỉ trọn vẹn khi trong gia đình, gia tộc, rộng ra là xã hội xung quanh êm thấm, ngọt ngào, chan hòa, thông cảm. Đến hàng xóm còn "tắt lửa tối đèn có nhau" huống chi đây là quan hệ cha mẹ với con cái. Nền nếp mới đang được xây dựng. Nó sẽ là cái nền tảng đạo đức mới cho con người tình nghĩa yêu thương nhau.

Thật vui mừng khi vào một gia đình, thấy toát lên không khí đầm ấm, yêu thương giữa ông bà, cha mẹ cùng con cháu, nhất là phần mẹ chồng nàng dâu với mẹ đẻ con gái. Những gia đình như vậy thật hạnh phúc, thật giầu có, họ đã có thứ quí hơn cả vàng bạc châu báu. Họ biết xây dựng cái bến bình yên cho con tàu gia đình, không như xưa, gia đình lại là nơi bão tố cho những con thuyền cá nhân khi trở về. Chính những người có công tạo ra sự bình yên đó có lẽ là bà mẹ chồng chủ động, nàng dâu chân tình. Và định mệnh ác nghiệt xưa kia, không còn có lý do để tồn tại trong những gia đình hạnh phúc như thế, trong những bà mẹ chồng và cô nàng dâu như thế.

1993

Hồn giai điệu

Trong bài Sầu Chung, Trần Huyền Trân viết năm 1942 ở Khâm Thiên để tặng Quách Thị Hồ, có câu:

Người ơi, mưa đấy hay sênh phách

Tay yếu gieo lòng xuống chiếu hoa.

là câu thơ đầy nhạc cảm và cũng đầy tâm sự.

Chỉ là tre, mấy thanh tre, thứ sênh phách ấy, mà có thể làm thành mưa gió, khiến ta phải bật lên câu Kiều bấy lâu vẫn nằm im trong tâm tưởng:

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa...

Nhịp phách chậm rãi, khoan thai như chểnh mảng, lãng đãng... bỗng chốc dồn dập đổ trào, ào ào thác cuốn như con lũ tự trời cao.

Không. Ở đây là tâm sự, là lòng người đã dồn vào sênh phách chính lòng người đang trong mưa gió. Còn bàng hoàng hơn, đấy lại là lòng người con gái, lòng người đàn bà, gieo những hạt vàng, hạt âm thanh, hạt lệ xuống một thế giới thu hẹp: mảnh chiếu hoa.

Ta tự hỏi khi bàn tay thon thả, yếu mềm kia xếp ngón lại trong cái thế ngồi như thiền, như tĩnh, thì những âm thanh mưa

để gió ào ấy... nằm ở chỗ nào? Trong mười ngón tay chăng? Trong những thanh tre sênh phách chăng? Trong không gian bằng bạc mơ hồ chăng?

Đêm nay, tự nhiên mùa chuyển. Ngoài trời lất phất mưa dăng, thứ mưa đầy im lặng, ta đốt nến gạt đêm ra ngoài khung cửa để nghe tiếng không gian thì thầm như bóng người xưa hiện về cùng câu ca ngân nga trong lòng ta sâu thẳm.

Trước lúc cây nến lung linh ngọn lửa vàng, tỏa thứ ánh sáng chập chờn như ảo tưởng... thì thứ ánh sáng đó nằm ở đâu? Trong lòng cây nến đặc chất sáp hồng hay trong sợi bấc không hề biết mình sẽ phải cháy lên ấy?

Cây lục huyền cầm có hình số 8 nây tròn, cũng là hình tấm thân nở nang của người đàn-bà-bán-khỏa-thân ma quái, từ lúc nào vẫn im lặng trên tường. Sáu sợi dây như sáu sợi thần kinh căng lên mà không rung động, không nói gì bằng tần số dù bập bùng trầm hùng réo rắt đam mê. Vắng bàn tay người nghệ sĩ, vắng cái nắn, cái vuốt, cái gẩy, cái vỗ, vắng một tâm tư truyền qua làn da mỏng ngón tay nhập vào những sợi dây thần kinh chờ đợi... thì, những âm thanh, những giai điệu, những hổn hển của hơi thở, những quyến rũ của tài tình... nằm ở đâu?

Những âm thanh ấy nằm ở đâu, ẩn trong một góc nào hộp đàn có hình người đàn-bà-bán-khỏa-thân hay giữa một mảng vũ trụ đang xê dịch trong cái bao la đã triệu triệu năm tồn tại? Nó mang hình gì, chẳng lẽ chỉ là nốt đen, nốt trắng, nốt tròn...? Hay nó còn mang màu sắc của cầu vồng từ tím huyền đến xanh thanh tân, vàng khao khát và đỏ hừng hực đầy dữ dội?

Sự im lặng của cây đàn làm ta bứt dứt. Âm thanh ấy sinh ra, bật ra, mang hình hài rõ rệt từ bàn tay người, là từ đồng, từ gỗ vô tri? Hay từ một cõi tâm linh huyền bí? Không biết nữa.

Ngoài trời vẫn mưa, thứ mưa xuân không nước. Hình như chỉ có tiếng lao xao của gió đang lách mình qua những búp long não non tơ, chưa mang nổi hình hài chiếc lá... Ta chợt thấy có con suối nào cũng lách mình qua núi, đổ xuống lòng khe, hát lên tiếng róc rách triền miên. Đó là tiếng của nước hay của rừng? Tiếng của đá hay của tiếng trong ngần chưa một bóng người soi? Âm thanh ấy nằm đâu khi mạch nước ngầm còn luồn sâu trong đất đá, vang đi đâu khi chưa có người nghe, không có người vốc ngụm nước mà uống cả bóng mình trong đó, uống cả âm thanh ngọt tê đầu lưỡi và run rẩy thần tâm?

Quả bầu xanh treo lơ lửng trên giàn giữa tre pheo dân dã, có ong bướm dạo quanh, quả bầu già gác trên gác bếp chỉ khói cay cùng mồ hóng... Cả sợi tơ con tằm mong manh yếu ớt, chạm vào là đứt, động hờ cũng tan... vậy mà khi chúng hóa thân, thành cây độc huyền cầm, thành kiếp đàn bầu có tiếng vuốt nỉ non đến não nùng, đến nổi da gà trên lưng, đến phải quay đầu lại đằng sau xem có bóng ai vừa hiện... khi ấy, những đồ vật vô tri chỉ biết chết lặng, đã thoát xác, hóa thân thành tiếng của thần, của quỉ, của lời ai nói với lòng ai? Vậy khi chỉ là quả bầu, chỉ là sợi tơ, thì âm thanh ấy nằm ở đâu? Là một sự "sắc sắc không không" chăng?

Nói đến sắc không, ta chợt thấy Bá Nha, người dám đập đàn vì thiếu vắng tri âm. Đời nay thiếu gì kẻ chả cần tri âm tri kỷ, sẵn sàng bán cả tâm hồn để mưu cầu danh lợi, dù danh lợi chỉ là chút cỏn con. Xin được nghiêng mình trước những Bá Nha xưa cũng như nay. Cũng xin được nghiêng mình trước những cái tai thần Tử Kỳ thuở ấy cũng như bây giờ.

Ngọn nến ta thắp đầu đêm đã lụi. Cả mưa gió và đêm toàn màu đen được thể ùa vào, ùa vào trong im lặng gai ghê. Một ngọn nến mới bừng lên, như lời ca của một ca sĩ vô danh xua tan bóng

tối, làm ta lật giở trang lòng, nhớ một điệu hót sơn ca trên cánh đồng bát ngát, nhớ một câu luyến láy như lơ thơ ngọn nước sông Cầu... Con chim Sơn ca ấy chắc không còn ở cõi đời này? Cổ họng cô gái 49 làng Lim đang ở đâu? Có điều gì tương tự giữa con chim và cô gái? Trong giấc ngủ phập phồng lồng ngực, câu ca ấy nằm đâu, bay đến nẻo trời nào? Nó có còn chỉ là âm thanh lồng trong giai điệu hay thành tế bào trong máu một ai xa?

Có phải đêm đã ngả về sáng không, hỡi phần huyền bí của thời gian, mà ta thấy như ta đang bay trong những âm thanh mơ hồ, lang thang, tản mạn của một trời lâng lâng không có ở ngày thường?

Người đàn bà ta yêu đang mơ gì mà phát ra những âm thanh mờ nhòe không thể chép vào khuông nhạc? Cả bé thơ, mơ gì đó mà mỉm miệng cười? Có một bà tiên chăng? Bà tiên đang nói gì hay đang hát khúc tiên giới, đầy mộng ảo?

Có một người nghệ sĩ nào đêm nay, giờ này cũng đang buông bắt tâm tư, nắm lấy cái vô hình, ghi lại, khai sinh ra chúng, cho chúng một hình hài, cho chúng hữu hình? Âm thanh ấy vào người nghệ sĩ, lối vào? Qua tai? Qua óc? Qua tim? Qua bàn tay? Qua làn da? Hay qua cả cõi âm linh? Như người đàn bà ta yêu đang mơ màng trong những âm thanh hình ảnh mà chỉ một mình nàng có.

Trước khi mẩu bấc cuối cùng gục xuống, nó lóe sáng lên lần cuối. Ta lại thấy như nhà thơ ngồi trước người đẹp, vuông chéo hoa thành tấm thảm bay thoát đời trần tục, thanh tre, sênh phách thành gió bão, thành mưa nguồn, thác đổ... những âm thanh đầy ma lực từ bàn tay thon thả, từ tre trúc chuyển động, từ tâm hồn nghệ sĩ, từ trái tim nghệ thuật ứ tràn cái nghiệp xưa nay.

Bật cửa, ngửa bàn tay vào đêm, cũng không hẳn trời và lòng ta mưa đã tạnh, nhưng trong hồn ta tràn đầy âm thanh, những âm

thanh qua làn gió, thổi vào hồn đàn, cây lục huyền cầm, cây đàn mang hình người đàn-bà-bán-khỏa-thân treo trên tường kia lên tiếng, tiếng ma quái của không gian, tiếng của một khúc tình ca xao xuyến.

1993

PHẦN BA

Hồ Tây
Gương mặt mỹ nhân

Vòng quanh hồ Gươm chắc nhiều người đã dạo. Ta còn có thể nhớ trên cái vòng gần hai nghìn thước ấy có mấy tên phố, có bao nhà cao, có mấy cây lộc vừng, mấy gốc hoa vông đỏ, và hai cây gạo mọc ở chỗ nào, bốn cây gỗ téch cổ thụ ra sao, hai cây sung quặn mình cho quả không ai thèm nhặt, và hôm nào hoa sữa một trời trắng muốt, cây đa vươn mình soi gương vào sóng ra sao...

Còn Hồ Tây, rộng trên 535 mẫu tây, một vòng hồ dài mười bảy cây số, một đời làm dân Hà Nội, Việt Nam, ta đã vòng chưa? Phải chăng vì ta bận bịu mà lãng quên tình hồ, hay hồ quá xa quá rộng, lại chưa có một con đường như Lê Thái Tổ, Đinh Tiên Hoàng nên ít cùng nhau gặp gỡ tri âm?

Con hồ từng mang nhiều tên như nhà thơ có nhiều bút danh, vẫn là gương mặt giai nhân nghìn năm lung linh cho bao thế hệ

dân thường cùng tao nhân mặc khách gửi lòng mình niềm yêu mến thân thương. Dâm Đàm-hồ mù sương, lúc nào cũng như tấm khăn voan choàng niềm bí ẩn của đôi mắt lá đào và đôi má lông tơ con gái ta tơ tướng. Lãng Bạc-những con sóng trắng bạc đầu đấy ư, dù hồ có bao giờ biết tháng năm tuổi tác. Con Cáo Trắng đào hang trong lòng hồ sâu từ một thước rưỡi đến hai ba thước mà thành tên Hồ Cáo, cho đến Đoái Hồ, Tây Hồ, những cái tên như luyến tiếc, như dư ba thắng cảnh, như khêu gợi lãng du cho đến bây giờ, ta gọi Hồ Tây dân dã.

Chân ta ơi, nào hãy lên đường làm cuộc giang hồ vặt, bắt đầu từ vườn hoa Lý Tự Trọng cửa đền Quán Thánh vào phố Thụy Khuê. Trường Bưởi đây, một lớp nhân tài hun đúc từ 90 năm trước, trên cái nền của Châu Lâm Tự, nơi những người tù phương Nam được phép cư ngụ, sau khi về nước, họ bỏ lại ngôi chùa hoang vắng mà thành cái câu ngạn ngữ "vắng như Chùa bà Đanh", chìm vào lòng sâu Hà Nội.

Con đường Thụy Khê có ngôi nhà của những toa tàu điện leng keng, nỗi nhớ một thời dẫn đến làng Hồ Khẩu Nghĩa Đô làm giấy bản, giấy moi, giấy lệnh, giấy sắc. Còn đây cái giếng thơi trong vắt dưới bóng đa cổ thụ kề chợ Bưởi, thành giếng hằn vết dây gầu như tạc nét thời gian mẹ ta, chị ta gánh nước bao thời. Dọc theo Thụy Khuê là con sông Tô Lịch trữ tình của ca dao Hà Nội chỉ còn là con lạch với lò nấu cây dó hắc mùi vôi, vang tiếng giã đêm đêm cầm canh cho tiếng vạc tiếng tre trúc tiễn gió đi.

Con đường Lạc Long Quân dằng dặc, qua bao thôn làng của một kinh thành dâu bể, nào Đông Thái, Võng Thị, Trích Sài, Xuân La, Xuân Đỉnh như còn bóng cái chợ bán lưới, người hái củi và những cây hồng xiêm ngọt lự la đà mới nhập đã bén rễ đất lành...Người bạn phương trời ơi, đất dinh đào Quảng Bá lại một

lần rực rõ sao người không về cùng ta có lần ta chạm tóc nhau làm hoa đào rung cánh, rắc xuống vai như chen lời tâm sự?

Mỗi năm có bao nhiêu vạn cành đào ra đi từ dinh đào này, đem niềm vui cho Thăng Long, cho Hà Nội, cho Việt Nam, cả Sài Gòn, Hồng Kông, cả người sum vầy hạnh phúc lẫn kẻ cô đơn lấy hoa đào làm xuân thay rượu, cả người thích nồng nàn đào bích đến thanh lịch đào phai, đến ông già chỉ đón xuân bằng đào thế mỗi năm mỗi khác.

Ta lội xuống những luống đào để làm Từ Thức có Thiên Thai, ta rẽ sang khu vườn ươm cũng liền kề nhưng đã là đất thôn Phú Thượng, nơi phục hồi sức khỏe cho cây trước khi chúng được vào Lăng và vườn Bác vĩnh viễn niềm hạnh phúc.

Ngã ba sông Hồng, Nhật Tân còn đó. Vẫn là hoa với hoa, tình chen tình, người Hà Nội đã không còn thỏa mãn với chợ hoa Hàng Lược nên rồng rắn lên đây thành Hội Tìm hoa.

Mai vàng cũng đã ra đất Bắc, còn quất thì trĩu quả la đà, từ quãng này đến Nghi Tàm Tứ Tổng Tứ Liên chắc không máy tính nào đếm hết. Ai bảo quả không thay được hoa? Quất là thịnh vượng, là ước muốn kết tinh hiệu quả, không kể có cây tứ quý, ngũ quý gồm lá xanh, quả vàng, quả xanh, hoa trắng, nụ trốn trong kẽ lá chưa vội chào xuân.

Ta đã về Yên Phụ rồi người ạ. Cửa ô Yên Hoa một thời xa nay mỗi tết thành con sông trên cạn cho hoa chảy thành thác lũ vào thành phố. Được chen giữa đông đúc mà hoan lạc vào cuộc thi hoa hậu toàn cái đẹp bốn xung quanh. Nếu Nghi Tàm bên cạnh nghề trồng quất còn thêm nghề cây cảnh cây thế, tạo cái đẹp bốn mùa, có ngôi chùa Kim Liên từ thời Lý, đang có những quán cá Hồ Tây từ nem rán, cuốn nướng đến cháo ám ngọt thơm, hấp, xào

ngũ vị, thập cẩm, từ nghiêm trang đến ôm ấp, thì Yên Phụ lại làm nghề cá cảnh, và làm giấy màu xanh đỏ tím vàng. Cá cảnh một thời huy hoàng, như những ngọn lửa bơi trong nước, rập rờn cái đuôi như dải lụa nàng văn công sân khấu, nó là hoa nở trong bể cạn có hòn non bộ sơn thủy hữu tình với ngôi chùa bằng ngón tay, người tiều phu, ông Lã Vọng, chiếc cầu... tất cả đều thu nhỏ để bắc tưởng tượng sau bao năm tháng phiêu bạt của người chơi nó.

Ngoài đê là An Dương, là Sông Hồng tuôn mạch, là ngoại ô vi vút gió bãi trăng ngàn, năm 1947 Trung đoàn Thủ đô qua đây ra kháng chiến, năm 1972, chiến tranh Mỹ hủy diệt, bao người Hà Nội thành hồn nước trong Thăng Long... có nhà văn Ngọc Giao cư ngụ, có nữ sĩ Ngân Giang mở quán bán trà lui xuống phía dưới chút ít. Làng Yên Phụ có căn nhà mà Thạch Lam sống và chết, cạnh ngôi đình thờ theo chiều dọc khác hẳn mọi ngôi đình khác ở Việt Nam còn đó.

Ngã ba Yên Phụ, một thời nhức nhối vết thương xây dựng lấn đê. Nay thông thoáng, rời làng Yên Phụ nhưng ta lại gặp phố Yên Phụ là hai đơn vị hoàn toàn khác nhau, nhưng ta rẽ xuống con đường kỳ diệu Cổ Ngư, con đường rợp bóng phượng mùa hè, tím hoa ban sang xuân, con đường như dải lan can tàu không bao giờ đắm, nằm mơ màng giữa hai hồ nước.

Nguyên đây là con đập nhỏ bằng đất do người các thôn ven hồ đắp để tiện lại qua mà bắt cá, năm nào cũng lở, năm nào cũng phải đắp bồi cho vững, nên có có tên là Cố Ngự, rồi lâu ngày đọc chệch ra thành Cổ Ngư và từ năm 1960 được đổi tên là đường Thanh Niên. Con tàu không bao giờ đắm ấy bỗng chia một góc Hồ Tây ra thành một hồ nhỏ khác, mang tên hồ Trúc Bạch, mà nơi đây nhiều thế kỷ trước, có những cung nữ quá thời hay mắc lỗi, bị đưa ra đây dệt lụa mà sinh sống, thứ lụa trắng ít nơi bì, nên nó mang tên thôn và hồ Trúc Bạch.

Thì ghé vào đây chút ít, ta lãng đãng bước xuân, việc gì mà vội. Quanh Hồ Trúc Bạch có làng Ngũ Xã (dân đúc đồng 5 xã ở nơi khác đến đây cư ngụ) còn ngôi đình có pho tượng A Di Đà một trong ba pho tượng đồng lớn vào bậc nhất nước ta (Tượng này, tượng Trấn Vũ trong đền Quán Thánh, và tượng Trấn Vũ phía Lâm Du bên kia sông Hồng). Trong pho tượng Ngũ Xã còn có cả những tượng đồng do người Pháp dựng mà thị trưởng Trần Văn Lai, thị trưởng đầu tiên của Hà Nội cách mạng cho hạ xuống, năm 1952 đã hóa thân trong lửa.

Đường Thanh Niên quá quen thuộc với người Hà Nội, họa chăng chỉ kém bờ Hồ Gươm đôi chút. Ta vào đền Quán Thánh nghe gió ru qua hàng muỗm già cổ thụ mấy trăm năm, chiêm ngưỡng người thợ đúc tài năng đang ngồi thiền. Ông Trùm Trọng, người đúc nên pho tượng đồng đen trong đền. Thời gian phôi phai, nhưng tài năng thì còn mãi, tâm linh cũng chẳng hư hao...

Lướt trên sóng nước trập trùng, ta ngắm gương hồ hình gần giống chiếc càng cua, chỗ ấy là bán đảo, có khu nghỉ mát sang trọng, có phủ Tây Hồ nơi Trạng Bùng gặp cô tiên mà thi ca ứng đối, tao phùng, cô tiên chính là Chúa Liễu Hạnh, một Mẫu Việt Nam. Gần đấy, trước có bãi tha ma gọi là Mả Tầu, nơi yên nghỉ của nhiều Hoa Kiều gửi thân vào nước Việt, quê hương thứ hai của họ, khác hẳn mả Tây ở phố Nguyễn Công Trứ, chôn tạm rồi dời về "Mẫu quốc".

Những con đường mang tên mới: Đặng Thai Mai, Xuân Diệu... người là thầy giáo, người là hoàng tử của thơ tình, chợt ta nhớ đến câu thơ bứt rứt "Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi...".

Có những hoàng hôn đỏ lự, đứng trên đường Thanh Niên, mặt ta gặp mây trời sà xuống phía bờ kia, còn trên mặt sóng là những lá thoi thuyền lướt, đôi người nào bập bềnh tâm sự, còn ai dong buồm cho chơi vơi một nỗi Trương Chi... Trước mặt là chùa Trấn

Quốc, ngôi chùa tịch lặng gần mười thế kỷ với hàng cau như đội quân danh dự xếp hàng chào ngoài cổng, còn sân chùa có cây bồ đề Tổng thống Ấn Độ tự tay mang trồng, đã tỏa bóng như an ủi chúng sinh... Chỉ hơi tiếc, án ngữ trước chùa là cái quán ăn xây bê tông cốt thép như cái lô cốt, cứng đơ, nặng trịch, mùi nắm muối mỡ khét xông lên làm hoen ố cả cảnh trời nước trữ tình mà Nguyễn Huy Lượng một danh sĩ Bắc Hà đã ca ngợi trong bài "Tụng Tây Hồ phú" lừng danh. Món bánh tôm Hồ Tây có ngon, nhưng không nhất thiết phải kinh doanh như một thứ nhà hàng nhậu nhẹt giữa nơi cần tao nhã hào hoa này như vậy.

Người bạn phương trời, xuân lại về, ta đi với hồn người trong ký ức để thẩm thấu vào nhau, như câu ca dao xưa chợt vẳng:

Mịt mù khói tỏa ngân sương

Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ

Gương mặt người đàn bà đẹp của Hà Nội nghìn năm, gương mặt bao thế hệ từng soi vào đấy (Nghĩ lẩn thẩn, tiếng Pháp chia giống, không hiểu người làm ngữ Pháp nghĩ thế nào mà lại cho hồ là giống đực: Le Lac), còn ta, ta bảo đó là Nàng Kiều, là Trương Quỳnh Như, là Nguyễn Thị Lộ, là công chúa Ngọc Hân mới đúng.

Hiện đại, nếu dùng xe cơ giới vượt vòng hồ có lẽ sẽ không thể tìm ra thơ mộng, không thể rẽ xuống dinh đào, tạt vào Nghi Tàm thăm chùa Kim Liên, hay thắp một nén nhang nơi chùa Trấn Quốc...

Xa Hồ Tây bao năm, người bạn phương trời có còn nghe lao xao sóng nước, con cá vàng Hồ Tây quẫy trăng, làn sương chiều êm dịu, những màu hoa quanh hồ tặng cái đẹp cho đời... Xin hãy về đây xuân đã sang, Hồ Tây vẫn đợi vẫn mong người đấy...

Tết 1998

Vài dư bóng

Hà Nội đúng là mảnh đất của Địa Linh, nên đã sản sinh được nhiều Nhân Kiệt và.cả nhân không kiệt nhưng gây ấn tượng một thời cho nhiều người. Chả cần nhắc lại thì người thời nay, ai cũng có thể nhớ lại hình bóng hay dư vang về một ai đó như là mình vẫn nhớ in bóng Tháp Rùa, làn sương Hồ Tây, con đường thơm tình ái đêm thu, thứ hương sữa dệt nên một thơ mộng trên hai mái hồn mái tóc...

Những con người nổi danh như Phạm Đình Hổ "nhà ta ở phường Hà Khẩu...", Cao Bá Quát với một đời không chịu cúi chào ai nhưng phải cúi đầu trước bông hoa mai cốt cách ("nhất sinh đê thủ bái mai hoa"), một Thạch Lam "hương cà cuống thơm như một nghi ngờ", một Vũ Trọng Phụng còn cười nhiều thế kỷ trước cái rởm đời Bà Phó Đoan chỉ chung thủy với vài ba đời chồng... một Vũ Bằng ròng ròng tâm sự trong mười hai nỗi nhớ thương từ một hạt rượu nếp tháng năm đến hoa đào tháng chạp... rồi ngược về thời gian như ta bơi chiếc bè kết bằng tâm tư và ký ức lên phía thượng nguồn con nước đỏ phù sa năm tháng, ta sẽ gặp những con người nổi tiếng và không nổi tiếng, tư cách và thiếu tư cách, tài tình và khổ lụy, hạnh phúc và đớn đau...

Một Ba Giai Tú Xuất giỏi ứng đối nhưng hơi quá mức suồng sã, không còn chất hào hoa thanh lịch, một Hồ Xuân Hương đa

mang cái tài để khổ cái tình, mấy lần lẽ cũng không xong, thương cả người đàn bà góa khóc chồng "xấu máu thì kiêng miếng đỉnh chung..." đến nay đọc lại, nghe lại vẫn thấy bà là vị tiên tri, nhắc những ai bao đời sau đừng có tham miếng đỉnh miếng chung mà mắc vào đau đớn ê chề lầm lỗi... và trên giá sách bên tường kia đêm đêm vẫn đầy tiếng lao xao người cố nhân, kể về Hà Nội...

Một con người được phong làm anh hùng thời đại (của Việt Nam Hà Nội chứ không phải Pét-xu-rin của Léc-môn-tốp) dám sắm thương thuyền cạnh tranh với Tây uy quyền, một Nguyễn Văn Vĩnh biết từ chối mề đay bội tinh để chết khổ nghèo nơi rừng Lào biệt xứ...

Hà Nội luôn luôn có nguồn khí thiêng bốc lên từ mạch đất. Mắt thịt người trần như ta không nhìn thấy ngay tắp lự, nhưng rồi Hà Nội mách chỉ cho ta, ta mới giật mình như tiếng trống giao thừa nổi lên cho ta bừng tỉnh niềm mơ màng và biết là mùa xuân đã về.

Hà Nội từng có một bà Bé Tí Hàng Bạc có những kỳ vật dị thảo có người lùn canh cửa, có lợn 5 chân, như một loại hình vườn bách thú trong nhà, một rạp xiếc trong sân, ai vào xem cứ việc mua vé... nức tiếng đồn khắp xứ Đông Dương.

Sang thế kỷ hai mươi gần hơn, còn có những con người Hà Nội không nhân kiệt nhưng nhân dị, sau những danh lừng vừa nhắc. Nhiều người còn nhớ trên vỉa hè Hà Nội đã có ông Hai Tây, không biết quê quán ông ở đâu, mà chỉ biết đó là một người có bộ xác cao to, người cứ lêu nghêu, hình như đã từng bị tòng chinh sang nước Mẹ, đánh giặc Đức cứu nước Phú Lang Sa, nhưng về nước lại bị bỏ rơi thành kẻ lang thang vô gia cư, không nghề nghiệp, vất vưởng với chiếc áo tây vàng (một thứ áo ka-ki sẫm màu do nhà binh thải ra). Ông có tài đặc biệt là thổi kèn, làm

bằng một chiếc ghi-đông xe đạp lắp vào một ống sắt, miệng ngậm một đầu, còn đầu kia kéo lê lia đi theo nhạc điệu, gần sát mặt đất. Bài nhạc hay nhất của ông là tiếng kèn tập hợp, tiếng kèn đánh thức buổi sáng của trại lính, có người nhại lại là: Con bò kéo xe, con bò xe kéo… te tò tí te, te tò te tí… Nhưng ông còn có cái biệt tài hơn nữa, làm rùng mình mấy cô gái đài trang, làm hoảng sợ dăm em bé, làm thích thú đám gánh nước thuê những con sen thằng ở thời bấy giờ, đó là tài cứ đút dần hai chiếc đinh dài mười phân vào hai lỗ mũi, ngập đến cuối đinh mà cứ tỉnh bơ, chân đi vòng tròn, ngửa cái mũ để nhận tiền thưởng. Ông Hai Tây cũng có lần nhà văn Tô Hoài nhắc đến ấy, không biết về sau chết rục ở một góc bờ sông, quán chợ hay nhà thương làm phúc nào… không ai rõ, nhưng cái dáng hình và trò bày ra của ông đã Hà Nội, đã thời gian, đã lòng người ký ức…

Những năm Năm mươi, Sáu mươi, Bờ Hồ có chú Tầu Què ngồi bán phá sang mặn ngọt. Lạc ngon tuyệt đã đành, người mua ăn, thổi cái vỏ lụa quanh bờ hồ như một thứ xác pháo mơ hồ, như một thứ lông ngỗng của nàng con gái dại khờ Mỵ Châu, thứ lông ngỗng này màu nâu, không dính dáng đến xương máu chiến tranh và tình yêu bội phản, cũng không đến nỗi làm dải đất gần ba nghìn bước chân ấy bị ô nhiễm vì rác bẩn. Chú Tầu Què người mập mạp, da đỏ hồng, luôn mặc áo lụa đen, một thứ lĩnh từ Trung Hoa đem sang. Chú cứ lê đi trên Hà Nội, từ phố Hàng Giầy (quãng sau đền Bạch Mã) ra trước cửa nhà máy đèn Bờ Hồ, hết hàng, lại quay về theo quĩ đạo ấy như một vì sao bất hạnh đi đúng con đường mình trong khối tinh vân vũ trụ…

Cũng còn một người Việt Nam bất hạnh khác bán phá sang như chú nhưng ít khách hơn. Ông này mặc áo trắng, quần ka-ki, còn đủ hai chân nhưng chỉ là hai ống sậy nên phải đi bằng cả chân và tay lót miếng gỗ như là chiếc guốc. Mái tóc rất đẹp, khuôn mặt

xương xương như một nhà thơ, có lẽ những viên lạc rang kia còn có duyên hơn đôi ba bài thơ của anh hám danh, trả nhuận bút ngược cho tòa báo để có tên mình dưới mấy dòng chữ lô xô gọi là thơ...

Cả hai con người này đã tử biệt với Hà Nội hay sinh ly cùng Hà Nội, ta cũng chẳng thể nào biết rõ, nhưng đều dĩ vãng, đều âm ỷ...

Cho đến thời điểm xuân con hổ này, bạn đọc đang hạnh phúc không phải lo cái Tết từ hàng mấy chục ngày như trước, không còn phải xếp hàng để làm thứ bánh "quy gai xốp" cho ngày Tết, không còn chỉ được mua một gói chè hương nửa lạng và hộp mứt một phần tư cân toàn cà rốt, su hào, mứt bí đã chảy nước... mà đã tha hồ thảnh thơi, chiều ba mươi bước ra phố sắm tết cũng vừa, dù mang theo trăm triệu cũng đủ hàng cho túi tiền kia tiêu hết. Thời điểm này, Hà Nội đang có một vài bóng hình tạo ra sự phong phú dị kỳ cho một Hà Nội phức tạp, vui và buồn, yêu và nhớ, sung sướng và khổ đau.

Có một ông từng ở quãng giữa phố Bạch Mai, gần ngõ Văn Chỉ, cái gác xép dựng bằng mấy cây tre, mấy thanh gỗ cốn bè, mấy cái liếp, đấy là chỗ ở mà cũng là xưởng sản xuất của ông có bước chân lê đi không bình thường này, mà có lẽ do bệnh tê thấp quá nặng bắt nó ra thế. Ông hát theo cái đạp lỉnh kỉnh túi sau, giỏ trước, ghi đông buộc nhằng nhịt, que dọc, que ngang, trên đó treo con chim xanh đỏ, chiếc chong chóng quay quay, cái kèn tò te, thằng hình nhân làm bằng giấy thuốc lá, con mèo con bằng cây rút dại... Ông đi bán hàng đấy. Khách hàng là các con thú nhỏ, con nhà nghèo, áo quần cũng chẳng len nhung, nhưng lại khá quen thuộc với người bán hàng, trước hết do tiếng hát gọi khách. Ông hát đủ các loại bài, từ hành khúc đến tình ca, từ bài hát cho

thiếu nhi đến khúc hát trữ tình, cả bài chiến đấu kèm điệu bộ như bài "Không cho chúng nó thoát...". Nếu trước kia ông Hai Tây thổi kèn làm chói tai giấc ngủ trưa của bà mệnh phụ, thì giọng hát của ông Tê Thấp này (ấy là người viết tạm đặt tên cho ông như thế) cũng như tiếng que tre đập vào thành chiếc chậu sắt tây gỉ, nhưng hình như cái tai của các em bé khác xa với cái tai của người lớn, nên cứ nghe giọng hát bất chấp đô rê mi thành la si sòn ấy, là các em quây quần, đi theo như một đàn rồng rắn, để xem các đồ chơi, để nghe hát, để nhìn vào khuôn mặt vui tươi nhưng đầy đau khổ của con người khốn khổ nhưng vui tươi ấy, để sờ vào bàn tay ông vì không hiểu làm thế nào mà từ mảnh giấy thuốc lá, miếng vải vụn, miếng mụn vá, ông lại sinh ra được những thứ treo lủng lẳng trên xe đạp thế kia...

Không biết tên ông là gì, nhưng không thể quên con người cứ hát lên vô tư để gọi khách là đàn em nhỏ lại, ông không bán tiếng hát, nhưng tiếng hát giúp ông bán những thứ mà người có tiền bỏ ra triệu bạc để sắm đồ chơi nước nảo nước nào cho con, không thèm ngó tới. Ông là người nghèo và của người nghèo Hà Nội. Ông là vỉa hè, là hạt bụi trên đường, nhưng có lẽ tiếng hát lương thiện còn giá trị gấp nhiều lần hát Kao kê khê nồng dâm đãng...

Cùng với ông Tê Thấp kia, còn có một đôi vợ chồng đi bán bánh đa rong. Họ còn quá trẻ, nhưng thân phận đui mù, người chồng gánh hai bao tải, đặt tay lên vai vợ, vừa đi rao khản cả cổ để bán những chiếc bánh đa nướng sẵn, không biết cất buôn từ chỗ nào. Họ đi, ngày này sang tháng khác. Họ đi từ phố cổ sang phố cũ. Họ đi từ ngày nắng đến ngày mưa. Và họ đi từ sáng đến chiều, đi cùng tiếng rao, đi cùng tất tưởi, đi cùng hy vọng có chút lãi cuối cùng, họ đi như mộng du trong cõi thực, người vợ dẫn đường cho người chồng mù mịt. Khách hàng của họ là ai hỡi Hà Nội giàu sang? Chịu. Hàng mộc tồn đã có sẵn hàng chồng bánh

thật giòn. Bé em đâu có phải ngày nào cũng thích bánh đa. Hà Nội cũng không phải Thanh Hóa món gì cũng bẻ thêm miếng bánh đa vào bát. Và ngày mưa rào mùa hạ, những chiều lay lắt mưa thu, chiếc bao tải kia làm sao che cho bánh đa khỏi ướt, họ làm thế nào nếu bánh ế và bánh ỉu?

Không hiểu tối về họ nằm bên nhau trong cái quán trọ nào nơi gầm cầu, ngoài bãi sông, dưới quán chợ? Một Hà Nội đã giàu sang, nhưng nếu không có những con người lam lũ vất vưởng kia thì hình như Hà Nội sẽ thiếu đi một cái gì như đĩa thịt gà thiếu muối hạt tiêu, bát canh cải cúc thiếu thìa là, bát phở thiếu rau thơm.

Hà Nội mỗi thời đều có những con người tạo ra cho Hà Nội một dư vang, bằng tài hoa và bất hạnh, bằng tâm hồn và nghị lực. Xin tưởng niệm thêm hai con người nữa, dù biết rằng chưa đủ.

Chợ Hôm và Phố Huế gần kề, từng có hai ông già Gù. Hình như họ không phải là anh em, nhưng là người cùng thời, cùng cảnh ngộ, nhắc đến người này là người kia đồng hiện. Một ông già Gù bán thịt chó nơi cửa chợ Hôm-Đức Viên và một ông già Gù thợ may ta, bên số chẵn phố Huế.

Chiều muộn, chợ đóng cửa, mọi thứ hàng tóe ra vỉa hè. Một Hà Nội tất bật cho bữa cơm chiều sau ngày đi làm, thì rau dưa con cá, mớ tép, bó rau thơm, nắm hành, miếng thịt lợn, nửa chai nước mắm... chợ cho đủ hết. Riêng ông già Gù chỉ bán độc một thứ thịt chó luộc. Con chó thui vàng, thui bóng cứ y như một thứ đồ chơi được sơn son thếp vàng, nằm phủ phục, một nửa thân mình cắt ngang, cái thủ chó có lẽ vẫn thấy mình oan uổng nên trừng trừng đôi mắt và nhe hàm răng ra trả thù đời. Khách mua gói về nhà, tòng teng sợi lạt. Khách xích lô, ba gác, nhà thơ, họa sĩ, dân bốc vác... ngồi xổm bên cạnh. Mâm là lá. Bát đũa là mười đầu ngón tay. Ông già gù chặt chặt băm băm như âm nhạc với giai

điệu kích thích cái dạ dày. Dồi, nầm, chân, thăn... chọn đâu được đấy, chỉ một món luộc nhưng cái chai kia cũng nghiêng ngả vơi sầu, và chiều nào ông Gù cũng điệp khúc một mình với mặt vỉa hè bên chợ như chiếc bình vôi cũ có mặt dưới gốc cây đa, như ngọn cỏ lau bên bờ sông hiu hắt, như cái chén bên con sâu rượu... cho đến khi chợ Hôm xây ba tầng, chợ Đức Viên được chữa lại, không hiểu ông già Gù bán thịt chó ở phương nào, chợ nào, vỉa hè nào... hay đã chìm sâu với mảnh lá chuối, miếng riềng ở cõi hư vô...

Ông già Gù bên phố Huế thì không ngồi bên vỉa hè. Ông ngồi trên tấm ghế ngựa, tấm phản, xung quanh ông là từng tấm vải như những cánh gà sân khấu, cho ông thành diễn viên chính của vở kịch làm đẹp cuộc đời phụ nữ Thủ đô.

Dáng ngồi không ra xổm cũng không ra bệt. Hai chân co lại, teo tóp, thân hình gầy gò, chỉ nhô lên cái lưng gù như một ngọn đồi trong chiếc áo nâu cố hữu. Ông kẹp tấm vải vào hai đầu gối, cầm chiếc kim khâu dũi (kiểu đàn ông) mà không khâu bật (kiểu đàn bà). Từ mũi kim sợi chỉ ấy sẽ hiện ra vẻ đẹp phi thường, tài tình, tà bay cánh bướm, cái cổ áo đứng thẳng, cái eo con tò vò, cái ngực hỏa diệm sơn, cái lưng thon hình chiếc vĩ cầm... cứ dần hiện ra, mà sau này, tức mấy hôm nữa, tà áo bay trên đường Hà Nội sẽ làm nên vẻ lạ kỳ, chết mệt nỗi tương tư, đắm say thổn thức những đêm không thể ngủ của người trai mơ về người đẹp...

Ông già gù Huế chuyên may thứ áo dài, chỉ khâu tay, tuyệt đối không dùng đến khâu chân, tức chiếc máy khâu sè sè phập phập. Áo dài mà máy thì cứng nhắc. Phụ nữ Hà Nội không chấp nhận. Ông đã tạo ra bao nhiêu tà áo dài cho người con gái Hà Nội, không biết, và hình như trong một bài thơ của Lê Đạt đã nói, ông vẫn cô đơn, không khâu cho mình chiếc áo cô dâu của riêng

mình. Chả lẽ cuộc đời là hẩm hiu, là câu đố bí hiểm như con Xphanh Ai Cập thế ư?

Sau trận bom Mỹ hủy diệt ngôi nhà 140 phố Huế cạnh đấy, sau bao nhiêu thay đổi, chỗ ông già Gù ngồi nay là nhà cao tầng, là hiệu bán đồ kim khí có đinh ba phân năm phân, có dây thép, có bù long, bóng dáng con người tài hoa mà không may ấy, không còn nữa. Hay ông đã bay theo những cánh bướm ông sinh thành? Hay ông ruổi theo một cái lưng eo ông từng đặt tay vào đấy mà đo vòng ướm vải?

Mùa xuân Hà Nội lại về, và hình như Hà Nội lúc nào cũng xuân. Nhưng có bao nhiêu người góp tạo ra Hà Nội thì đã luân phiên đi vào cõi ảo. Họ khắc khoải hay yên lòng? Ai mà biết được.

Còn vài năm nữa Hà Nội bước vào Thiên niên kỷ mới. Những ai Hà Nội làm cái nền cho con tàu Hà Nội phóng vào cao rộng, chúng tôi vẫn chẳng quên đâu người ạ...

1998

Bánh chưng rán

Bánh chưng rán không phải là bánh chưng nữa, nó thành món hoàn toàn khác, dù cũng không phải là bánh rán. Ngày thường có những chiếc bánh chưng gù, bánh chưng vuông nho nhỏ, gói bằng lá chuối chứ không phải bằng lá dong, được bày bán ở dọc con đường hun hút ta ghé tạm nghỉ chân giây lát, ăn nó bằng cái thìa rất Việt Nam, cái mảnh tre hình bơi chèo, vừa là đũa, vừa là dùi, vừa là thìa, có thể xắt, cắm miếng bánh đưa lên miệng... Ở thành phố, loại bánh chưng này còn bán rong, làm món ăn sáng, thay cho bát phở gói xôi đã hơi chán, chấm nó với chút đường kính, hoặc ít ruốc bông làm sẵn. Mà có thể chỉ một mình nó, đi với nó không có bạn đồng hành vào cái hang đá có nhũ đá phía trên măng đá phía dưới là cái miệng con người có thể làm lở cả ngọn núi trong câu... "Miệng ăn núi lở" (Tọa thực sơn băng) hoặc "Ăn hết nhiều chứ ở hết bao nhiêu..." Loại bánh chưng này có quanh năm, đương nhiên có người kỹ tính, không ăn nó vào mùa hè nóng bức cần sự thanh mát cho đầu lưỡi.

Còn bánh rán, có nhiều thứ lắm. Thành phố có bánh rán tầu, tròn như một quả cầu nhỏ, vừng đã xát trắng phủ kín xung quanh, cầm lên lắc nhẹ nghe lọc cọc viên nhân đỗ xanh vui tai, khi ăn phải bóp cho dẹp xuống một tí mới không phải há miệng thật to trông khó coi. Cũng có loại bánh rán nóng khác, nhân mặn hay nhân ngọt, ăn ngay tại vỉa hè lúc đêm đông, mà đã ăn thì không thể một

cái, một người. Bạn rủ nhau đi chơi, sà xuống ngồi quanh cái bếp, cứ nhắc bánh lên mà ăn, chục cái chưa biết chừng, nếu nhớ người ở nhà, thì cũng phải mua một vài chục cho bõ công mang...

Chợ quê có loại bánh rán khác. Một góc chợ lộ thiên hay cái lều một mái quen thuộc đã trăm phiên, bà bánh rán quẩy đôi quang gánh cũng đã quen thuộc ngồi vào chỗ quen thuộc, giở những đồ nghề quen thuộc ra từ lúc lác đác đến lúc chợ tan.

Cái bếp lò đun bằng củi, bà vẫn để nguyên nó trong thúng, mà cũng có thể nó được nhấc ra ngoài, như người ngồi lâu một chỗ, đổi tư thế ngồi cho đỡ mỏi. Nó bập bùng, liu riu, nó tí tách âm ỷ... Nó đỡ lấy cái chảo đã đen huyền, màu đen của vất vả tảo tần chợ búa, mà dứt khoát là cái chảo chứ không phải cái xanh, cái nồi, trong lửng một nửa lòng thứ mỡ đã hai ba lửa, lúc nào cũng lăn tăn những viên bi, những chiếc bong bóng, hiện ra rồi lại tan đi, theo nhau nhường nhau, từ không đến có rồi trở lại thành không...

Cái lò đỡ cái chảo, còn cái chảo đỡ mấy thanh dây thép đã đan chểnh mảng vào nhau, và cái thang bằng dây thép này sẽ đỡ những chiếc bánh vàng ươm trước khi chúng đến tay người. Bà bánh rán luôn tay bột, thứ bột trắng tinh nửa nếp nửa tẻ, cùng nhân đỗ xanh, rồi thả vào chảo mỡ sôi như tôi luyện cho chúng, như hóa thân cho chúng, như thử thách sự gan góc cho chúng để chúng trưởng thành sang kiếp khác. Bánh rán chợ quê thường ít nhân, mà nhân thì ít ngọt, mà độ ngọt là đường hoa mai hoặc mật ngọt, nên cái vị của nó mộc mạc đơn sơ, khác hẳn những thứ bánh rán cầu kỳ thành phố. Không sao, quà chợ vẫn ngon, ăn ngay giữa trời, nhón tay mà cầm, vừa nhai vừa thổi, ăn xong tay dính mỡ thì quệt ngay vào giẻ quang, thành thúng, móc trong túi áo khách ra mấy đồng tiền lẻ, bà bánh rán cười tươi, hẹn phiên sau. Cùi bánh

rán chợ quê còn nguyên chất dẻo, gần giống như một thứ bánh dầy để khô đem nướng, hơi nhàn nhạt, nhưng lại bùi bùi ngầy ngậy, miếng ngọc thực, chẳng ai nỡ vứt đi bao giờ.

Bánh chưng là thế. Bánh rán là thế. Còn bánh chưng rán có phải là trung bình cộng của hai thứ ấy chăng? Chưa chắc. Trước hết, nó là bánh chưng tết đem rán thì không ai ăn nó trước tết. Bánh chưng tết còn dền, còn xanh, còn mềm, một "đồng" bánh bóc, đặt trên mâm cỗ tết là sự có mặt của mùa xuân no đủ, là năm tháng dãi dầu kết tinh, là phong tục hiện diện, đang ngon, đang lành, đang tươi đẹp. Bánh chưng rán chỉ trở về sau khi hạ cây nêu, lúc gió nồm đã nổi, lá bánh đã mốc, vỏ bánh có chỗ hơi chua, phải lấy con dao gọt bỏ, ăn thế cũng không ngon vì "dửng dưng" từ mấy hôm rồi. Cũng có khi là cái bánh bị chuột khoét một góc, lõm hoắm vào như cái hang tí xíu... chiếc bánh được tái sinh thành tên khác. Có thể cứ vẫn còn nguyên từng khối vuông hay khối tam giác như cái kim tự tháp đổ nghiêng, ngoài cùi sém vàng, chỗ giòn, chỗ nát, bên trong nóng rẫy, xiên chiếc đũa mà ăn. Hương vị bánh chưng rán kiểu này còn phảng phất một vài phần dư vị bánh chưng tết trong cái mềm, trong màu xanh của bánh chỗ còn chỗ mất, tạo ra vị mới cho đầu lưỡi.

Một cách rán khác là cái xoong bẹt nóng già, bánh chưng đã cũ, được giầm nát ra, rồi dập cho dẹp, mỗi chiếc bánh hoặc mỗi nửa chiếc bánh sẽ thành một hình tròn mặt trời, không còn cùi, chẳng có nhân, không biết đỗ mỡ và thịt ở chỗ nào, chúng đã tan vào nhau, trong cái giòn giòn nóng bỏng, trong cái cháy cạnh đậm đà mà người ngồi rán bánh cứ luôn tay dùng chiếc bàn xản dập cho thật phẳng thật đều sợ từng miếng bánh ghen tỵ nhau không được chia đều sinh sinh hóa hóa. Chiếc bánh chưng lúc nãy đã hoàn toàn tan biến, chiếc bánh chưng rán bây giờ hoàn toàn mới ra đời, hai thứ như không hề có sự liên hệ gì với nhau từ

màu sắc, dáng hình đến hương vị và cách ăn, vì bây giờ không phải là bữa cỗ mà là đêm khuya, là bữa cơm chiều là lúc ăn vui sau tết khi hoa đào sắp tàn, mâm ngũ quả sắp héo, mọi công việc lại vòng quay nhịp điệu ngày thường.

Một thứ bánh chưng rán có mặt ngay trong mùa đông thành phố, là một thứ quà vỉa hè cho các bà các chị ghé xuống trước khi mua miếng thịt con cá mớ rau làm bữa cơm chiều.

Chiếc bếp dầu, thay cho cái chảo cố hữu quê nhà là chiếc mâm nhôm sáng loáng, màu bạch kim không còn nguyên vẹn trắng bóng, mà phía dưới lọ lem ngọn lửa, phía lòng óng ánh mỡ và những mảnh bánh chưng nằm chen vai nhau mơ màng nghe giai điệu không thành tiếng trong nhịp mỡ hoặc dầu ăn không sôi to lên được, khiến miếng bánh có lúc không biết mình bị rán hay bị nướng. Bánh chưng rán vỉa hè nếu chỉ ăn nguội một chút sẽ dai và cứng, khó nuốt, nhưng được cô hàng bánh rán xúc nó ra cái đĩa con, thật nóng thì cũng phần nào ý vị. Cũng giòn một ít, mềm dẻo một ít, dù đây không phải là thứ bánh chưng tết, mà chỉ là thứ bánh chưng gói lá chuối, thứ bánh ngày thường, thứ bánh ăn lúc hai ba giờ chiều, lúc cái dạ dày lưng lửng nhưng cái lưỡi cần một chút thay đổi lơ mơ...

Nó không còn là bánh chưng nhưng cũng không là bánh rán. Nó là riêng nó, là bánh chưng rán, cũng không cần đưa đẩy nhờ sức của miếng giò miếng chả hay lắc rắc những hạt trắng tinh đường kính. Nó độc lập, nó một mình, nó như nhà thơ có tính cách riêng, không lẫn với ai, không cần ai viết hộ. Ai hững hờ đi qua, nó im lặng, ai ghé vào ngồi xuống, nó sẵn sàng chia sẻ thân mình...

Tất cả các loại bánh chưng rán, từ bánh chưng tết rán khối hay rán dẹt, bánh chưng thường rán trên mâm nhôm... đều phải chung nhau niềm mong mỏi: Người ăn nó khi nó còn đang nóng

bỏng. Lúc ấy là lúc nó có duyên nhất, rực rỡ thanh sắc nhất, tình tứ nhất, đậm đà sung sức nhất, như câu ca quan họ nói về người con gái đang ở độ "Còn Duyên". Nó mà nguội thì thà ăn những hạt ngô rang không nở được, rang từ hôm qua hôm kia... còn hơn, nhai không được, nuốt không xong mà nhè ra chẳng nỡ...

Chiếc bánh chưng đem rán, chắc cũng có phần vui mừng vì nó đã được trở thành cái vui mới cho con người, thêm cho cuộc sống cái mà nếu là nó trước đó, thì không có được... Cũng không hiểu vì nó đã hỏng hay mốc, hay vì sức phi thường của ngọn lửa, hoặc vì cái tài tình của con người nghĩ ra... để cái bánh chưng, không còn là bánh chưng vị riêng cho mùa đông hoặc cho ngày sau tết...?

1997

Món ngủ quên

Nghĩ cũng ghê, chỉ có con người mới là loại ăn đủ mọi thứ trên đời, từ cây cỏ hoa lá rễ củ, đến các thứ hạt hái lượm và gieo trồng, và các loại động vật khác, vật bốn chân, vật hai chân, cả con không chân chỉ biết trườn bò, có xương sống hay chỉ hai cái vỏ khép mở cho chí lông vũ lông mao, có sừng có vẩy…

Từ khi tìm ra lửa thì món ăn bỗng trở nên phong phú không sao nói hết, và không biết xếp con người vào loại nào: ăn cỏ hay ăn thịt, với sự lấy đời sống của loài khác làm đời sống cho mình.

Nhưng một năm hơn bảy trăm bữa chính, con người dù ở bất cứ đâu, màu da gì, đủ thiếu ra sao, cũng không chịu chỉ ăn một số món giống nhau. Chuyện ngụ ngôn Ê-đốp mà thời thơ bé ta đã được học qua bài tập đọc rằng: Chủ nhà sai người làm ra chợ mua thứ gì ngon nhất mang về, người đầu bếp mang về cái lưỡi. Hôm khác chủ lại bảo ra mua thứ gì không ngon nhất, người làm ra chợ vẫn mang về cái lưỡi. Chủ hỏi sao vậy? Anh người thưa rằng: Ngon hay không ngon, cũng là do cái lưỡi mà thôi. Phải khi lớn lên ta mới hiểu câu chuyện đó mang bao nhiêu ý nghĩa, và cái lưỡi con người mới tinh vi làm sao, mới kỳ lạ làm sao theo nghĩa đen, mà chưa cần nói đến các nghĩa bóng của thiên tài Ê-đốp.

Chính vì nó tinh vi thế, nó không chịu được sự nhàm chán, sự mòn mỏi, mà món ăn phải được luôn thay đổi. Dù đơn sơ như một

món rau muống luộc hay quý hiếm như thai báo tay gấu... cũng không thể ăn liền nó mấy chục ngày. Đã có câu chuyện người ta đem giảng dạy trong trường nấu ăn cho các đầu bếp tương lai rằng: Có một nàng công chúa kén chồng, ra điều kiện ai ăn liền một trăm bữa chỉ độc một món chim quay, nàng sẽ lấy làm chồng, nhưng ai bỏ cuộc nửa chừng thì phải lên đoạn đầu đài. Đã có không biết bao nhiêu chàng trai tuấn tú nhưng khờ khạo, tưởng đó là trò chơi dễ ợt xin được tham gia... và cuối cùng đành chịu rơi đầu trong cái cười man rợ của nàng công chúa hiểm độc... Ai không tin, thử lấy mình ra làm một trăm bữa như thế mà xem.

Ta đã thấy, thịt lợn là món thông thường nhưng nó phải được chế biến thành các món khác nhau thay đổi thường xuyên: Nào luộc, nào rán, nào nướng, nào kho tầu, nào xào, nào rim mặn, nào rim cà chua, nào chế thành giò, nào nấu giả cầy, nào làm nem, nào nấu thành canh sấu xanh, canh rau ngót, nào nhồi đậu phụ rán, nào chả xương xông... và nhiều món khác.

Rau cũng thế, đâu chỉ ăn có một loại rau hoặc chỉ ăn một thứ luộc dù rau gì. Hình như cái lưỡi là một ông thần khó tính, mà người đời gọi nó là "ông thần khẩu".

Do thói quen, do phong tục hoặc điều kiện kinh tế, hoàn cảnh sống và trình độ xã hội, ta cũng thường thấy phần lớn con người thường ăn những món ăn khá quen thuộc, có đổi bữa cũng không nhiều mà quanh đi quẩn lại cũng chỉ là mươi món hoặc vài chục món quen thuộc, tuần này ăn nó, tuần sau nó trở lại trên mâm cơm, thậm chí vài ba ngày nó đã tái xuất hiện như một khách hàng quen của người phụ nữ chủ nhà, bà chủ của cỗ đồ rau của chiếc bếp dầu và nay là bếp điện, bếp ga thay cho mớ rạ mớ rơm um khói...

Có những món lâu, thật lâu, bà gia chánh tài hoa, chợt nhớ, mới mời nó phô vẻ đẹp và sự ngon lành, khiến đức ông chồng chỉ

còn biết thầm khen bằng đôi mắt như nói: "Mình ơi, ngon lắm, cảm ơn mình nhé". Ta tạm gọi đó là món ngủ quên, vì nó bị quên, buộc phải ngủ rất dài giấc ngủ trong im lặng, trong xa xôi.

Món rau bí xào chẳng hạn, chỉ là mấy ngọn rau bí ngô (bí ử bí đỏ) nhưng mỗi năm ta ăn nó mấy lần? Chắc nó không xuất hiện thường xuyên như mấy bìa đậu rán phồng, chấm nước nắm chanh ớt ăn thật nóng (hoặc người ăn được thì chấm mắm tôm chanh ớt). Sang hơn, là món gà xé phay, những miếng thịt gà, thớ trắng, da vàng, lẫn sợi rau chuối (thân cây chứ không phải hoa chuối) và nhiều thứ phụ gia khác (chữ phụ gia dùng tàm tạm, nó hơi có vẻ công nghiệp xây dựng một tí, đành vậy). Chắc chắn nó cũng không thể xuất hiện thường xuyên như chén rượu thuốc bữa chiều, bà cứ ép cho ông uống để bồi dưỡng gân cốt tuổi già. Khi mâm cơm có các món thông thường khác hàng ngày, thì gà xé phay ấy đúng là bị ngủ quên, ngủ vùi, ngủ ngoài trí nhớ và bàn tay bà gia chánh.

Món cá quả băm viên nấu riêu chua, bát riêu cá vàng ươm màu nghệ pha hồng chút cà chua chín, còn viên cá thì sần sật chất xương băm nhỏ thành sụn, thoáng cay vị ớt, điểm chút nồng của nghệ, múi khế chín vàng như một thỏi lá mập mạp, thật sướng cái răng... hay là món cà bung dân dã, miếng cà mang vành trăng khuyết, miếng đậu phụ thái con chì, miếng thịt ba chỉ còn thớ mỡ thớ nạc như miếng vải con dệt sợi ngang khác màu, cùng hương tía tô, lát khế thái ngang hình ngôi sao... Húp một thìa nước, như thấy xóm làng xa xôi trong dĩ vãng, mâm cơm độc một mình nó, mà thủng nồi trôi rế... hẳn mấy món này mỗi năm cũng chỉ dăm ba lần hiện diện, như một kẻ lang bạt xa quê, đôi lúc mới ghé thăm nhà thăm lại vườn xưa, cho người ở nhà cảm giác vui mừng hoan hỉ...

Ngày tết đĩa hành nén có mặt thật quý, có người Việt Nam nào lại nỡ lòng chê nó. Có người không ăn được hành sống, không ăn được mộc tồn, không uống được rượu, có người còn không ăn được da gà... nhưng hành nén trong bữa cỗ đầu năm thì khó mà không gắp nó. Mười một tháng kia, củ hành ngủ thế nào, trong củ mẹ, trong mầm cây, trong đất xốp, trong tro bón... trong khi cái vại sành Thổ Hà, Hương Canh... mải mê sum vầy cùng những quả cà bát mặn mòi... và cuối đông đầu xuân, những thỏi vàng xinh xinh, chua mặn ấy thức giấc bên giò thủ, bên miếng bánh chưng, bên đĩa thịt gà rán... nó cho cái lưỡi con người điều lạ, cái mê khó gì sánh nổi.

Thế càng biết gớm thay cái lưỡi. Lưỡi không xương, nhưng có những cái gai, ta gọi là đầu mút thần kinh vị giác, hay gọi là gì tùy nhà khoa học chỉ biết nó không chịu được sự đơn điệu nhàm chán, sự lặp đi lặp lại của một công chức cũ mòn.

Những món ngủ quên quả là nhiều lắm, con người cho nó phải ngủ quên chứ thực tình nó đâu muốn thế. Có khi vì bà gia chánh kém tài, ngại làm hay lười biếng. Có lúc lại do hoàn cảnh bó buộc, nhớ nó, muốn đánh thức nó lên mà đành chịu chẳng hạn chỉ có cơm độn sắn thì sao đánh thức được gà tần... mà cũng có thể vì nắng mưa thời tiết nên nó xuất hiện là vô duyên, không phù hợp như ngày chang chang nắng, muối vừng đâu có đúng chỗ trên mâm, dù mâm son hay mâm đồng mâm gỗ mẻ...

Cuộc đời vốn nhiều thất thường, sớm nắng chiều mưa, sự không công bằng chính là lẽ công bằng nhất. Làm gì có chuyện tất cả mọi người đều ăn tiệc quanh năm, làm gì có triệu gia đình hoàn toàn hạnh phúc vui vầy giống hệt nhau... Cho nên người này ăn nhiều rau, kẻ kia ăn nhiều thịt... tùy theo tài năng, cường độ lao động, và tùy theo nhiều cái khác nữa...

Có lẽ hạnh phúc nhất vẫn là những người đàn ông có một bà gia chánh giỏi, tài hoa, luôn biết đánh thức cái ngủ quên cho đức ông chồng, dù chỉ là một chiếc ngồng cải luộc chấm mắm trứng, hay một bữa ốc nấu chuối xanh hay ngọn rau lang om tỏi rẻ tiền.

Hà Nội qua ca dao

Hà Nội đang chậm rãi và vội vàng bước vào cái tuổi Nghìn của mình. Trong kho tàng đồ sộ ca dao (và cả tục ngữ ngạn ngữ) của cả nước, ca dao Hà Nội có không ít, và cũng không ít câu hay. Nó là những dòng lịch sử được tác giả dân gian ghi lại, nhớ đến nó, đọc lại nó, cũng là một cách cho ta yêu thêm Hà Nội, cho ta hiểu thêm có một Hà Nội từng thế này thế khác, mà nay đang thay đổi, nhiều cái mất đi, nhiều điều mới hình thành nhưng chưa vào ca dao...

Nước sông Tô vừa trong vừa mát

Em dừng chèo ghé sát thuyền anh...

Con sông Tô Lịch trai gái rong thuyền, trăng thanh gió mát nay ở đâu, chả lẽ nó là cái lạch đen ngòm chảy qua làng làm giấy Nghĩa Đô, một bước chân cũng nhảy qua được từ Thụy Khuê sang đường Hoàng Hoa Thám. Và nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Uẩn ghi lại rằng năm 1896, cách đây một trăm linh hai năm, khúc sông Tô Lịch cuối cùng trong nội thành đã bị lấp đi nơi phố Hàng Lược ngày nay, không còn lung linh sông nước một thời với chợ hoa Tết Cầu Đông cho chàng Tú Uyên mua được bức tranh tiên hiện ra nàng gái Giáng Kiều, không còn ngôi nhà vuông, Nguyễn Văn Siêu ngồi dạy học nơi bờ sông, cũng không còn câu văn ghi lại "Nhà ta ở phường Hà Khẩu" nơi cửa sông Tô Lịch của nhà văn

Phạm Đình Hổ trong "Vũ trung tùy bút", những bài tùy bút viết trong mưa.

Chưa Hà Nội, mới chỉ Thăng Long, tên cường hào ác bá lăng loàn, cậy thế chị ruột là Đặng Thị Huệ lấy chúa, dám ngang nhiên lộng hành giữa phố phường, đi đâu mang theo giường màn, quây bắt con gái nhà lành đến đấy, được bia miệng nghìn năm ghi lại:

Kẻ nào có tội mấy đời

Ra đường gặp phải cậu Trời bắt đi...

Cậu Trời là tên của Đặng Mậu Lân khốn kiếp, làm nhơ bẩn một thời Thăng Long thuở ấy. Ghê thay là sức mạnh của lịch sử được ghi vào ca dao như thế. Và ở dưới mức ấy, cũng có những con người tài năng và đức hạnh không đi đôi với nhau Ba Giai và Tú Xuất, hai trí thức trẻ bất đắc chí có tài văn học nhưng du đãng chơi ngông và có phần lưu manh hóa, ca dao nói:

Hễ ai mà nói dối ai

Thì ba mươi Tết Ba Giai đến nhà...

Chả là có cô gái ở Hàng Bè chua ngoa, một tối ba mươi Tết nhà bị gõ cửa, có người khênh chiếc quan tài sơn đỏ đến, bảo rằng có người ở đúng nhà này đặt mua, đã trả tiền rồi, nên xin khênh quan tài đến. Đêm ba mươi Tết, sắp giao thừa năm mới, chiếc quan tài chềnh ềnh giữa nhà. Thật tai vạ và tai họa. Người chủ gia đình hiểu ra, chỉ có Ba Giai (và Tú Xuất) mới chơi ác thế này. Nạn nhân khổ sở, nhưng người Hà Nội thanh lịch hào hoa, bao dung cũng không chấp nhận được.

Những rừng bàng Yên Thái, rừng trúc Tây Hồ nay còn đâu Ca dao thì vẫn còn đó:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Võ canh gà Thọ Xương

Ngày nay Hồ Tây vẫn là một cảnh đẹp đặc biệt của Hà Nội, dù trúc không còn, dù khu vực quận Hoàn Kiếm đêm đêm chỉ có tiếng xe máy rền vang gầm rú, tiếng gà gần xa báo thức năm canh đã lùi ra xa ngoại ô hàng giờ xe chạy...

Những hồ nước oan khiên đang được cứu chữa, mà Văn Hồ trước cửa Văn Miếu là một. Ta hãy nghe người con gái làng Lương Sử, Văn Chương chăm sóc cho chồng là anh khóa, bác đồ đi học để mong chiếm bảng vàng:

Yếm trắng vã nước Văn Hồ

Vã đi vã lại anh đồ yêu thương...

Chàng giám sinh nào học trong nhà Giám, có người vợ hiền tần tảo chỉ mặc chiếc yếm trắng đơn sơ (chắc là có chiếc cổ thìa cổ xây) chứ không yếm đỏ bỏ bùa cho sư ngày xuân hội lễ, chàng bình văn, ngâm thơ, tha thẩn bên con hồ trong vắt, mà cạnh đấy, nơi Văn Miếu thờ Khổng Tử và tiên hiền thâm nghiêm trang trọng, nơi đào tạo nhân tài, nơi có con hồ xinh xắn làm chỗ thư giãn cho người trí thức danh nhân... biết đâu người thầy là ông tiến sĩ, là cụ Cử cùng anh khóa sinh cũng thêm thú thanh tao trong niềm vui tao nhã mà nay đang phát triển rầm rộ: thú chơi cây cảnh.

Ai chơi ta cũng chơi cùng

Chơi trúc quân tử, chơi tùng trượng phu...

Như Nguyễn Công Trứ bật ra chí khí:

Kiếp sau xin chớ làm người

Làm cây thông đứng giữa trời mà reo...

Người Hà Nội đâu chỉ có Ba Giai, người Hà Nội cũng đâu chỉ là phàm phu năng đến liên hiệp thịt chó mà quên mất Ngọc Hà hoa lá:

Đất Ngọc Hà tốt tươi phong cảnh

Gái Ngọc Hà vừa đảm vừa xinh

Ơi người gánh nước giếng đình

Còn chăng hay đã trao tình với ai

Giếng đình Ngọc Hà nơi dốc vườn Bách Thảo đang là trụ sở Phòng Văn hóa quận Ba Đình, đâu có xa cái ao nơi máy bay B52 rụng ngập.

Hồ Gươm gắn liền một cách máu thịt với Thăng Long Hà Nội. Rất nhiều câu ca dao đẹp còn lung linh, ta hãy nghe:

Khen ai khéo họa dư đồ

Trước sông Nhị Thủy sau hồ Hoàn Gươm

Nhị Thủy là sông Hồng sông Nhị, thực ra gọi đúng là sông Nhĩ, vì nó chạy vòng, đắp thêm quai vạc như cái vành tai người...

Hoặc:

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ

Xem cầu Thê Húc xem chùa Ngọc Sơn...

Đài Nghiên Tháp Bút đã quá quen thuộc với người Hà Nội, nhưng nó vẫn là di tích quý giá vô ngần của một Hà Nội thiêng liêng, cũng như đền Ngọc Sơn (gọi là đền thì đúng hơn là chùa vì

Ngọc Sơn không thờ Phật) là một danh thắng hằng mơ ước của triệu người chưa tới…

Nay không còn ai nhớ đến cái tên làng Đồng Lầm, nơi từng có nghề nghuộm vải nâu non may áo dài phụ nữ, tạo ra tha thướt như cánh bướm nâu thuở chưa xa:

Đồng Lầm nhuộm vải nâu non

Bên hồ cá rộng bên con sông bồi

Dâu bể lở bồi là chuyện đương nhiên, ngã tư Kim Liên-Đại Cồ Việt mấy năm nay thành con đường to rộng, thênh thang có quán hoa tươi, có hàng quả ngọt… gương hồ kia chìm khuất, con sông (có lẽ là Tô Lịch) cũng đã nằm sâu lòng đất, nay ai qua đây váy dài váy ngắn… chắc khó hình dung ra bãi cỏ xanh non, nơi phơi vải the mua từ chợ Rồng Nam Định về, biến màu ngà thành màu nâu mộc mạc chắc bền mà chẳng kém phần duyên dáng lịch thanh.

Một trăm năm gần đây Hà Nội mới có điện. Nhớ lúc đầu máy điện chỉ đủ thắp sáng cho 500 ngọn đèn do một công ty vô danh người Pháp kinh doanh, ngoài đường còn có những cây đèn thắp bằng dầu, tối tối có người đi châm lên. Rồi thời gian làm việc của nó, Hà Nội đã:

Hà Nội như động tiên sa

Sau giờ máy hết đèn xa đèn gần

Sau đó, ca dao ghi lại một cách dí dỏm, tưởng như còn thấy người đọc ra câu này mặc áo khách nâu, quần lá tọa, đầu chít khăn, chân đi đất, ngồi rung đùi bên chiếc mâm gỗ có món đậu Mơ chấm mắm tôm, cút rượu làng Mơ, nói như chơi mà thành thơ, thành ca dao bất hủ:

Thằng Tây ngồi nghĩ cũng tài

Sinh ra đèn máy thắp hoài năm canh

Thằng Tây ngồi nghĩ cũng sành
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường
"La ga" thì ở Thụy Chương
Dây đồng cột sắt tìm đường kéo lên
Bồi bếp cho chí bồi bàn
Chạy tiền ký cược đi làm sơ-vơ
Xưa nay có thế bao giờ
Có cái tàu điện đứng chờ ngã ba...

Làm sơ-vơ, anh bán vé, anh kiểm soát trên tàu điện là oai lắm, kiếm lắm, những toa tàu điện tuy phần nào cổ lỗ sĩ, nhưng nó tồn tại bốn năm mươi năm với những nẻo đường từ Bờ Hồ vào Hà Đông, lên Yên Phụ, xuống chợ Mới, chợ Mơ, ra tận Ngã tư Vọng, lên chợ Bưởi... với tiếng chuông leng keng hôm sớm, đã thành kỷ niệm của nhiều thế hệ người Hà Nội, đi cả vào nhạc và trước hết là ca dao...

Chúng ta bóc tàu điện đi có sớm quá chăng, khi mà giao thông công cộng còn quá lạc hậu với ít chiếc xe buýt cà tàng như hiện nay, rất bất tiện cho người ít tiền, cho một thành phố chật chội và đông đúc xe máy. Thế kỷ sau đọc câu ca dao này có khi cũng cười thầm như tác giả nó chăng, khi không hình dung ra chiếc xe điện có cần vẹt trên nóc, có ghế ngồi dọc, có sợi thừng lắc lư, có người "Vát Man" dận chuông bằng chân, những toa tàu chậm chạp, cũ kỹ nhưng cũng đáng yêu như nét riêng Hà Nội trong quá khứ...

Làng Võng Thị bên Hồ Tây, làng Thụy Chương bên đê sông Hồng cũng đi vào ca dao:

Làng Võng bán lợn bán gà
Làng Thụy nấu rượu la đà cả đêm...

Rượu say có tượng Phật say nay còn đâu, Thụy Chương hay

Thụy Phương? Hồ Tây đang bắt đầu nằm gọn vào nội thành Hà Nội khác hẳn thời ấy bên Đông Bộ Đầu, Yên Phụ, Hàng Than vẫn còn là bờ sông hiu hắt gió, trên bến dưới thuyền, chưa có bãi Phúc Xá, An Dương, Tân Ấp, vì ca dao còn ghi:

Yên Phụ buôn bán dưới thuyền

Xuống đò phố Mới bán than quạt trà...

Phố Mới, phố Hàng Chiếu vẫn còn đôi ba nhà bán than hoa cho người quạt bún chả chứ ít ai còn đun nước pha trà trong những sớm mờ sương. Thì ra nghề này đã có từ bấy đấy ư, khi Yên Phụ có bến Thạch Tân Thạch Khối, sóng nước dập dềnh chưa có thân đê, và xa nữa, nơi đây Yết Kiêu cắm thuyền đợi chủ là Hưng Đạo Đại Vương một cách trung thành kiên nhẫn khi thế giặc hung hăng...

Hơn ba trăm câu ca dao (có câu dài hàng trang) và trên một trăm câu ngạn ngữ, Hà Nội là cuốn sách được chép trong lòng người, trong dân gian, trong thời gian, trong văn hóa, mà bài này lấy ra từ đấy: cuốn sách "Ca Dao Ngạn Ngữ Hà Nội" của tác giả nhà thơ, nhà báo Giang Quân mới xuất bản gần đây...

Trích ít mà đã dài, hẳn Giang Quân dẫn ra trong sách cũng có phần ngại ngần khi ông chưa cho in hết cả một kho tàng còn nằm trên giá sách. Nhưng mới một thoáng như hương bưởi, hương nhài thế thôi, ta đã thấy có một Thăng Long Hà Nội, một nghìn năm, một quê hương Long Đỗ, Đông Đô của mình bất tận...

Hà Nội đang đổi thay với tốc độ phi thường. Cái còn xen cái mất. Cái mới chen cái cũ. Ai nhớ và ai quên. Cái gì đang được gìn giữ, cái gì đang bị phôi pha... Người Hà Nội có nặng lòng nghĩ suy khi đi trên đường của thành phố tuổi nghìn?

1998

Thời gian lại mới

Thời gian là một đại lượng không thể đo được, bởi không ai biết nó bắt đầu từ lúc nào và bao giờ kết thúc, nhưng hình như thời gian lại có tên, từ thuở con người đặt tên nó nhờ qua bóng nắng, tiếng gà, cái bình cát, rồi những giọt nước rỏ khoan thai gọi là đồng hồ, và nay cái máy kêu tích tắc lấy luôn chữ ấy làm tên, sau mới đến thời lấy các con Can Chi làm tên Tí Sửu... khi người con của Chúa Trời ra đời ta đặt tên thời gian là số Một, con người còn có thêm chất than mang hai lần số bảy để tìm đúng tên của nó (C14).

Chúng ta vừa bước qua cái đoạn thời gian mang tên ngày 31 tháng 12 năm 1997 buồn ít, vui nhiều để tiến vào những giây đầu tiên của con sông mang tên 1998 chắc vui còn nhiều hơn nữa, vì vậy mà có thể cùng nhau chúc mừng, tin tưởng...

Đó là nói một cách lý trí, khô khan, số học, vô cảm, còn tùy theo hoàn cảnh, tâm trạng của trái tim, hay công sức bỏ ra, gặt thành công hay thở dài thất bại... Mỗi người có cách gọi thời gian theo một cái tên khác nhau.

Có người gọi cái khoảnh khắc ấy không phải là con số mà là: "cái buổi chúng ta yêu nhau... em nhỉ..." Có người nhớ đến năm xây được căn nhà, sắm được bức tranh, in được cuốn sách đầu tiên, đón đứa con đầu lòng mơ ước, được biết thế nào là ánh mắt

thiết tha của người con gái mình yêu... Cũng có thể đó là ngày được lên chức thêm lương, ngồi xử một vụ kỳ án, và cũng có thể có con người xấu số, ân hận thì đã muộn, cái ngày anh ta bắt đầu "bóc lịch"...

Năm 1930 được gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh. Năm 1940 có tên là Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Năm 1945 thì cái tên thật đặc biệt, nghìn năm chưa hẳn đã một lần. Đó là năm ngôi sao vàng bay tung trên nền cờ đỏ, dựng dậy một Việt Nam chói lọi, như một câu thơ Nguyễn Đình Thi: "Rũ bùn đứng lên", đến cả những con người cùng khổ nhất cũng nhất tề hào hứng:

Cả những anh bấu xấu voi xanh

Nửa đêm nay dao tầy gậy bẩy

Đi băm nát thời nô lệ ấy...

Dù đó là không khí Hải Phòng kháng chiến, nhưng cũng chính là thời gian tưng bừng ngày hội non sông của năm 1945 nổ ra cơn bão táp cách mạng Tháng Tám thần kỳ.

Ba mươi mùa xuân thu tơi bời khói lửa gió mưa xen lẫn hòa bình chiến thắng, thời gian gọi tên là 1975 lại mang tên Toàn Thắng. Không hiểu sau chiến thắng Bạch Đằng, hai vua Trần hồi kinh Thăng Long, khi Lê Lợi vào Đông Kinh, bên cạnh có Nguyễn Trãi, khi vua Quang Trung đi thăm đế khuyết ngày tết vừa thoát khỏi gót giày quân xâm lược... thì dân chúng đổ ra đường ào ạt như sóng trùng dương thế nào, có giống ngày 30 tháng Tư năm toàn thắng này, đường phố Hà Nội ngập người không?

Nhà Văn Êrenbourg từng có ý rất hay: "Thời gian ủng hộ chúng ta". Ta ngẫm nghĩ một đời, ngày này sang đêm khác. Có hơn Ba Nghìn ngày vừa qua, ta đặt tên thời gian này là Đổi Mới, thời gian xốc ta lên hay ta đã cho thời gian niềm vinh quang, để

con cá Việt Nam sẽ có đà vượt Vũ Môn, hóa con Long, thời gian ấy đã trong tầm tay, sẽ xuất hiện đám mây ngũ sắc cho con rồng bay lên, con rồng vàng Việt Nam, mà 1998 này tạm thời mang tên con Mậu Hổ.

365 ngày một phần tư vừa qua, ta đã viết vào trang nhật ký đất nước bao nhiêu dòng, chắc trái tim nhân nghĩa Nguyễn Trãi, tấm lòng thương xót Nguyễn Du, bộ óc toán học Lương Thế Vinh, hồn thơ Đoàn Thị Điểm... không hình dung nổi:

Tấn dầu thứ 50 triệu đã được chào ánh sáng. Ngọn khí đồng hành đã quay máy phát điện hay sưởi ấm những nơi nào. Ngọn cà boong nhựa trám khói mù, đĩa đèn dầu lạc, dầu trẩu lắt lay trong gian nhà u ám, chiếc đèn Hoa Kỳ hạt đỗ liu riu mẹ thắp chờ con trong khung cửa sổ... nơi nào điện sáng đã bừng lên theo tuyến đường xuyên Bắc Nam sừng sững những chàng khổng lồ cột thép, và 1998 nay, còn thêm nữa, thêm những dòng điện hòa chung vào lưới từ những thủy điện, nhiệt điện và có lẽ còn là nhân điện, bởi lòng người là quyết định.

Rưng rưng lòng người, khi ta nghĩ có lẽ chưa bao giờ trong thời gian như 1997, có nhiều ngôi nhà được bàn giao như thế. Đó là ơn nghĩa đáp đền, tình sâu đức nặng. Mẹ già mong manh ngọn đèn trước gió đã cầm chiếc chìa khóa ngôi nhà xây bằng những tấm lòng, những giọt nước mắt kẻ làm cháu làm con, những trái tim hiếu thảo. Thưa các Mẹ, chúng con vẫn còn hổ thẹn chưa làm được bao nhiêu để đáp đền công mẹ, những người dâng đất nước giọt máu, tình yêu thương nhất của mình, nhờ vậy chúng con mới có ngày nay.

Một năm yên bình vàng ngọc, ta có thể yên tâm lên rừng xuống biển như một trăm chàng trai con mẹ Âu Cơ, có thể đi đêm, dậy sớm mà không lo quả bom khủng bố, an ninh trật tự là

niềm hạnh phúc ai cũng được phần chia thưởng. Cái bọn gian manh, "chuyển lửa về quê hương" thì chính chúng lại bị ngọn lửa ấy hỏa thiêu, nằm trong nhà ngục, chứ ai tin chúng tí nào đâu.

Công lý đã ra tay, dù chưa phải là bàn tay hoàn toàn bằng thép. Những kẻ làm nghèo đất nước, làm khổ dân lành, làm rỗng quốc khố, gieo mầm bại hoại cho lớp trẻ bằng buôn bán rủ rê, lợi dụng chất ma túy... đã phải đứng trước vành móng ngựa, cái vành cong không đẹp như trăng thượng huyền mà chỉ ác nghiệt răn đe trừng phạt. Những Vũ Xuân Trường, Minh Phụng và các đồng bọn đã thấy thời gian không hề là áo giáp chở che cho chúng, ngược lại thời gian rất tinh tường, là cái kính chiếu yêu, mà chúng là ma quỷ.

Chỉ riêng trong ngành nội chính, người làm vườn đã can đảm rũ bỏ những chiếc lá vàng, đưa ra ánh sánh những con sâu độc. Có người ngại ngần, ai lại cởi áo cho người xem lưng như thế, chỉ nên đóng cửa bảo nhau. Không và không. Làm thế là đúng, là lấy lại uy tín và niềm tin, là tự tắm mình cho trong sạch, là chấp nhận sự đau đớn phải cắt cái u trong cơ thể để khỏe mạnh ra hơn.

Tiếng hò reo từ Hội thể thao Đông Nam Á, Việt Nam đã có mặt, đã tranh tài, đã đứng vững. Giống như từ đói kém, ăn độn sắn độn khoai, thời gian 1997 ta đã bán ra nước ngoài 3 tỷ cân gạo ngon, tức 3 triệu tấn, mà nếu viết thành con số là 3.000.000.000 ký. Không phải đã hết nơi này nơi khác chưa no lành, còn chứ, còn bữa đói bữa no, còn cụ già áo vá, còn em thơ chưa thể đến trường... nhưng đại cục đang là bốn giờ sáng bình minh sắp lên và đang lên.

Năm 1997 vừa chia tay ta, đi vào quá khứ. 1998 đầy mới mẻ, cái lúc 0 giờ ngày 1 tháng 1 có là con sông chia đôi bờ: Hôm qua và Hiện tại? Hình như không có con sông như thế, bởi lúc ấy hai

người đang yêu nhau chắc không ngừng lại, nhà thơ đang sáng tạo tác phẩm cũng không thể gác bút, cái máy in đang chạy cũng không đứng lại, người đang đọc hồ sơ không thể thôi không đọc... Thời gian ấy, con sông ấy là một dòng chảy bất tận, liên tục, cuồn cuộn, phăng phăng, và đương nhiên là hối hả, không chờ ai, không dung thứ cho kẻ nào lười biếng. Nó là cái sàng vĩ đại, nó quay, nó lắc, nó lọc một cách tàn nhẫn, vô tư, không thương xót và đầy khắc nghiệt.

Nhưng có lẽ chúng ta không ai và không hề sợ nó, cái thời gian ấy. Một chính phủ mới vừa hình thành và họp phiên đầu tiên. Người trẻ hơn, tức là thêm sức mạnh hơn. Con đường xuyên Việt đặt tên là gì nhỉ: Đường Trường Sơn mới, Đường Hiện Đại, Đường Công Nghiệp, sẽ thức dậy những vùng hai bên nó đi qua, vượt cái nghèo nàn, đi vào náo nức.

Đêm đêm những ai cần ngủ để lấy lại sức lực cho ngày mai, xin cứ ngủ. Nhưng đêm đêm, ở những góc trời nào trên khắp vùng đất nước vẫn có những ngọn đèn thâu canh, người làm ra điều luật, người nghĩ để sửa chữa một điều luật cũ, người quyết định một sách lược, người hoàn chỉnh hồ sơ cho phiên tòa sắp xử, người hoàn thành bài báo, người đón đứa con so của mình... người cho con tàu cặp bến, người kéo mẻ lưới ngoài trùng khơi... Những ngọn đèn như thế có là mắt thời gian, hay nó chính là tâm hồn chúng ta, đã thành con dao khắc, khắc cho 365 ngày một phần tư, cái tên mới: 1998.

Có ai lúc này không trăn trở, họa chăng là gỗ đá vô tri. Năm này phải là cái mố cầu cắm sâu vào bờ lịch sử, để cây cầu ngày mai vượt sông cho đoàn tàu xe chạy thẳng sang Thiên niên kỷ thứ Ba, nên cầu cần bền chắc, phẳng phiu, vững vàng, vượt cao hơn cỏ cằn, bờ cát.

Ta vẫn cần nhiều thêm lúa gạo, sắt thép, điện năng, nhiều tác phẩm văn chương, hội họa, ca nhạc, cần nhiều nhà lập pháp giỏi giang, hành pháp công tâm, nhiều Bao Chửng thời nay, nhiều thầy giáo giỏi nếu không bằng Chu Văn An cũng phải là Nguyễn Siêu, Vũ Tông Phan... Ta cần một lớp trẻ làm chủ tương lai tránh xa tệ nạn...

Năm 1998 hứa hẹn nhưng cũng là năm nghiệt ngã nghiêm khắc. Đó là thầy giáo yêu cho vọt chứ không cho ta rong du phù phiếm...

Ta cũng vẫn mở rộng vòng tay đón bạn năm châu. Liên Hiệp Quốc còn có năm lấy tên là Khoan Dung, thì ta nhân ái ngàn đời, nhân ái ấy càng được nâng cao trong thiên niên kỷ mới, ta xếp quá khứ lại để cùng nhìn về một phía tương lai.

Tên 1998 là gì, Khẩn Trương, Sáng Tạo, Cần Mẫn, Tự Hào, hay Hy Vọng...? Gì cũng đúng. Nào ta lên đường.

1998

Mưa Xuân

Mùa xuân đất Bắc, mùa xuân Hà Nội, năm nào cũng vậy, Tết đến là lúc trời thả tấm màn dệt bằng mộng ảo cho đầy hồn người nơi xa thương nhớ, cho thắm thiết người được du xuân với khí hậu thiên nhiên giao cảm đắm say... Hình như mưa xuân đã khởi hành từ thiên vạn cổ, gần tết tạm dừng chân ở một bến hoang sơ, lấy thêm sức lực, rồi khi mảnh vườn quê hoa cải tóa vàng, bức tường bao sân đình được quét vôi trắng lốp, khi chợ hoa Hàng Lược của Hà Nội muôn hồng nghìn tía chen vai, là lúc mưa xuân có mặt, lây phây bụi phấn, bàng bạc màn tơ, đỗ xuống mái tóc người mà không ướt, bảo cho những bàn tay tìm nhau, mách những mái đầu nhích lại... và cho cả đất trời một niềm tươi mới, như Huy Cận nói:

Mưa xuân tươi tốt cả cây buồm

Cây tốt người tươi đã đành, đến chiếc cột buồm khô nỏ, chịu đựng bão giông trùng khơi muôn dặm, mà lá buồm như lồng ngực người trai miền biển kia phải gồng lên hứng lấy... cũng trở lại tốt tươi, tưởng như chiếc cờ hiệu tí tẹo trên đỉnh cột kia bỗng trở thành chiếc lộc xuân non vừa nở, sức mạnh của mưa xuân ấy, hèn gì năm nào cũng vậy, người bạn phương trời cứ phải gửi thư về hỏi xem chợ hoa xuân đã có mưa chưa? Giá mà gửi cho người xa quê được ít mưa xuân nhỉ? Như bạn gửi cho ta một cành mai vàng máy bay vi vút tầng không.

Trên những cánh đồng lúa vừa cấy kín, mỗi thửa ruộng là một mặt gương lấp lánh, mưa mờ như sương, mưa giăng như khói, mưa như tấm voan mỏng che mặt cô dâu làm ta hồi hộp đợi chờ, biết rằng sau tấm màn kia, có bí mật và khát khao, có trần gian siêu thoát, có mộng mị và bùa mê… Chợt nhớ đến câu thơ:

Mùa xuân phép lạ, mưa không nước

Cây sắp hoa rồi… em đợi ai…

(Thơ B.S)

Có đấy, người con gái trong gian nhà tranh bên cạnh mẹ, nàng ngửa bàn tay trước mái hiên, chỉ thấy tê tê mà không có nước, trong khi hoa xoan vườn nhà cũng thả những trận mưa màu tím:

Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay

Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy…

Nàng đợi tiếng trống chèo, đợi người ta hẹn, đợi niềm thầm kín nhớ thương, đợi người vượt qua con đê dài để được đắm vào mắt nhau, chả biết trên bốn chiếc chiếu kia, tích chèo có tình vui hay lụy thảm, có tính tang hay giọt lệ ra sao…

Thương cho một Hàn Mặc Tử hình như chưa hề đến Hà Nội và miền Bắc một lần, nên câu thơ tuyệt cú của thi nhân chỉ là:

Trong làn nắng ửng khói mơ tan

Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng…

(Mùa xuân chín)

Giá mà Hàn đã gặp mưa xuân, hẳn chúng ta chắc có thêm bài thơ bất hủ nữa, chứ không phải chỉ có:

Chị ấy năm nay còn gánh thóc

Dọc bờ sông trắng nắng chang chang…

Thứ mưa như không mưa, thứ mưa sương khói, thứ mưa tình xao xuyến như thế, khổ thân cho thầy giáo và học trò đến trường, nhưng lại là phần thưởng quý báu của thiên nhiên vũ trụ cho ta, cho người yêu nhau, cho ai đợi nhau, cho thi nhân, cho cây cỏ hứa hẹn mùa màng, khi:

Chùm hoa buông tím, trời hư ảo,

Lá quên mình đang biếc, lá xanh thêm...

(Phạm Ngà)

Lá cứ mướt như thế dù đã mướt như không thể mướt hơn, thật khác hẳn nỗi buồn não nùng yếm thế của Vũ Hoàng Chương lúc mới ngoài ba mươi tuổi:

Mưa rơi, chiều, ngõ hẹp

Lá vàng bay ngổn ngang...

May thay, mưa vẫn mưa nhưng là mưa ấm nồng cuộc đời, dù trên đường xa mải miết hay "trước hiên nhà" mà Vũ Đình Minh, con người sinh ra nơi đất bãi, làm thầy giáo tận vùng cao, nhưng mưa quê, khói bãi vẫn là thao thức nỗi niềm:

Mưa xanh biếc dăng mềm như sợi khói

Ấm như tay mà mát như tay...

Cái cảm giác tương phản, đầy mâu thuẫn ấy là rất đúng, như có lần chủ súy văn đàn Thế Lữ giảng về kịch có nói: băng lạnh như phải bỏng...Phải đứng trước mưa, phải dầm trong mưa, phải hòa vào mưa... ta sẽ cảm nhận được cái diệu kỳ phơ phất, cái mông lung của thực và không thực của nước và khói, của ta và đất trời... như người thơ nói hộ cho ta.

Nhà thơ quá cố Tô Hà chẳng biết có hẹn hay có tiễn người thực không, và nay ở cõi xa vời, ông có thả hồn mình về xứ mưa trần thế, nhưng ông để lại một niềm mưa tâm trạng như đêm *Liêu*

Trai, như truyện *Truyền kỳ* của Nguyễn Dữ, khiến ta cũng không hiểu ta có còn là ta không trong cái mông lung huyền hoặc ấy:

Chẳng thấy trời đâu thấy nước đâu

Bờ xuân mờ mịt cả chân cầu

Người không sương khói mà sương khói

Qua lại mơ hồ dáng dấp nhau.

Mùa thu vốn là mùa đẹp đã đành. Nhưng mùa xuân chẳng lẽ không đẹp ư? Không phải. Hai mỹ nhân đứng bên nhau sao trời đất lại ác nghiệt bắt ta chọn một. Ta thành kẻ tham lam quái quỷ, đáng ghét, bởi ta muốn chọn cả hai, nàng này mi cong dáng liễu, nàng kia má lúm đồng tiền, uyển chuyển gót son... nàng này có cái răng khểnh "chết người" nhưng nàng kia có sợi tóc mai cong cong như dấu hỏi bên đôi má hường hường (mà chắc là ấm sực)... Xuân ơi, Thu ơi... Ta đâu còn tỉnh táo để bấm đốt ngón tay lý trí, ta chỉ còn mặc cho cây đàn tâm tưởng tấu một khúc Bá Nha, dù chẳng biết bên ta có cái tai thần Tử Kỳ nào nữa...

Mưa xuân không bẻ bai như mưa thu, không ồn ào nức nở như mưa rào giữa hạ, cũng không đến nỗi gai ghê như mưa đông trên tàu chuối sau nhà... Mưa xuân là đầm ấm, làn tóc người yêu ta thành một trời sao ánh sáng, cái hôm ta tiễn nhau về, chia hai ngả, bỗng giận con đường sao không là một vòng tròn để quay lại gặp nhau, mà nó cứ thẳng, nó bắt ta với người dần xa dần xa hun hút, một lúc đã ba năm, một trời dăng mưa khuất:

Em đưa tiễn, bước chân gìn giữ lắm

Hạt mưa dùng dằng ngọn cỏ ven đê...

Đến ngọn cỏ vô tri kia còn dùng dằng huống chi trong ngực ta là tiếng trống dập dồn, trong bàn tay ta còn vương hương bông hoa bưởi người trao bàn tay cho ta...

Dù mưa trong bao la đồng bãi, trên triền đê im lìm, ngoài sông vắng mang mang... mưa xuân vẫn là nỗi niềm, là lời không tiếng, là bóng không hình... khác hẳn cái mưa ràn rạt của xứ mùa mưa mà Nguyễn Hà ghi lại một Vũng Tàu đầy tiếng người và tiếng sóng, đầy ánh đèn và động cơ xe cộ:

Giọt mưa xóa những ánh đèn

Gầy vai ướt tóc làm đêm sũng buồn...

Mưa đã thành giọt, mưa đã sũng tóc, mưa đã nuốt tươi cả ánh sáng, thứ mưa ấy không phải là mưa xuân trên chợ hoa, mưa của hội làng, mưa của nhớ nhung một đời khôn nguôi nơi chân trời góc bể...

Mùa xuân lại về, ta đợi hồn mưa, chứ không phải đợi trận mưa, vì mưa xuân không thành trận, mưa xuân chỉ là hồn, hồn đất nước hòa với hồn ta... Ta dầm vào mưa cho ta, cho cả những ai phải lãng thân về xứ khác, cầu cho ai kia có ngày trở lại, được đắm vào mưa như ngã vào lòng người tri kỷ... hỡi ai!

1998

Giọt Xuân

Mùa xuân có là em bé sơ sinh? Tiếng mùa xuân là cười hay khóc? Ta hình như không biết. Nhưng có người cha người mẹ nào lại không hồi hộp đợi chờ tiếng khóc đầu tiên của giọt máu mình, nó oa oa lên tiếng với cuộc đời chưa biết sẽ hạnh phúc hay tân toan, nhung lụa hay chông gai, nhiều mưa hay lắm nắng... Người yêu dấu của ta, một nửa của ta vừa vượt cạn, vừa vẫy vùng bên bờ cái sống và cái chết, cái chưa thành và cái đã có... quẫy quẫy đôi chân đỏ hồng... Ta chờ tiếng khóc, người mẹ của con ta chờ tiếng khóc, mụ đỡ vườn hay bà hộ sinh áo blu trắng chờ tiếng khóc, mà có khi còn là cả một dòng họ chờ tiếng ấy. Phiên bản của ta, của đời bất diệt, tiếng khóc ấy báo hiệu sự hiện diện của đời sống trường tồn nhân loại, của mùa xuân loài người. Hình như từng giây một, khắp mặt tinh cầu dù đứng thẳng trên Bắc Cực, đứng ngang nơi đường xích đạo hay đứng chúc đầu xuống phía Châu Đại dương, giây nào cũng có những tiếng khóc đầu tiên như thế vang lên làm trẻ lại hành tinh, làm xanh lại tuổi hoa... mà người đàn bà có công sinh thành kia cũng giàn giụa trong niềm vui và mệt mỏi... Nàng cười đấy thôi nụ cười mãn nguyện, cười trong tràn trề giọt mặn nơi khóe mắt, cười quên cả cơn đau xé thịt, cười như ngày nắng đầu tiên sau bốn năm sáu tháng mưa dầm dề trong truyện "Trăm năm cô đơn" của Mắc Két đầy rùng rợn và huyền thoại...

Dăm bảy chục năm trên cõi thế gian, dài ngắn bấy nhiêu nhưng dài ngắn còn tuỳ thuộc vào những giọt nước mắt ta chứng kiến suốt trong cuộc trường chinh cơm áo đua chen, niềm vui và uất hận, say sưa và thất vọng, lợi danh và lòng Thiền, cái Thiện và cái Ác... ta sẽ chất tiếng khóc ấy vào mái tóc bạc và những vết con chim giẫm đạp dày vò nơi khóe mắt mà người này bảo là bến mê bể khổ, người kia cho rằng Tu là cõi phúc, tình là dây oan, người khác lại nói:

Mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ

Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu...

Đêm xuân ấm nồng, một nửa của ta tóc bạch kim trong óng ánh hoa đào, sao giọt nến kia lại khóc nến ơi? Bên hàng xóm vẳng tiếng người góa phụ khóc chồng. Bà khóc người đi hay khóc cho thân phận chính mình góa bụa, mà não nề thảm thiết, tiếng hờ như vẳng tự âm cung, gai ghê cả thần kinh của mùa xuân đang dệt bầu trời...

Có những tiếng khóc không nước mắt, kể lể với oán hờn than thân tủi phận, mà có thể đó là tiếng của người khóc mướn thương vay, khóc hộ nhân gian còn mình vẫn lặng lẽ mặt nước ao tù bình thản. Đáng trách hay đáng thương...?

Kỳ thật. Lại có tiếng khóc ngược lại, chỉ là tiếng của lòng sâu rơi giọt mà đôi môi mím chặt không lời. Người đàn ông ấy một chiều vợ rong chơi miền hư ảo, nằm một mình dưới cỏ vàng lạnh nghĩa trang, ông ta thành pho tượng, thành hòn núi đá nhưng tuôn tràn dòng suối tâm tư, không một âm thanh, họa chăng chỉ có hồn cây phách đất nghe được. Giọt nước mắt chảy vào trong thành những hạt muối mặn xát lòng. Mùa xuân với ông chỉ còn là trời khóc thành mưa, mưa chan vào lệ... Xuân Diệu từng ví trái đất là giọt nước mắt khổng lồ trong vũ trụ, một đời thi sĩ đã rỏ bao nhiêu

giọt lệ góp vào trong đó, buồn trong cô đơn, vui với xuân hồng muốn cắn, thích vì sắm được cành mai trắng muốt ở chợ Hoa, khoái trá nghe nhịp vỗ tay tán thưởng khi ông bình thơ trước hội đông người... Ta chẳng biết.

Nhưng ta biết, Truyện Kiều khá nhiều tiếng khóc, đúng hơn là khá nhiều nước mắt kể từ lúc trong lầu Ngưng Bích đến trong chiếc am dưa muối được đoàn viên...

Hồ Xuân Hương nghe tiếng khóc chồng hay bà khóc ông Phủ Vĩnh Tường, chàng Tổng Cóc, khóc thân phận kiếp người, khóc cho nhân luân thời thế...

Xem kia, bà mẹ trong ngày vui nhất của cô con gái rượu ngày cô lên xe hoa, ngày cô xa vòng tay mẹ để ngã vào vòng tay người từ nay là nửa thân cô... bà khóc vì sao, hỡi bà mẹ cô dâu? Từ nay nó không còn được cha mẹ chở che, không còn đứng trước gương hỏi mẹ xem tóc con nên chải thế nào, không được hít hít mùi mồ hôi thơm nồng nơi ngực mẹ mà rúc rích trẻ thơ... Nó có được yêu thương như ngày ở nhà không, chồng nó có vũ phu không, bà mẹ chồng dịu hiền hay xét nét...ôi, đứa con gái bé bỏng của mẹ từ nay đã thành một người khác mất rồi... Và cô con gái:

Khấp như thiếu nữ vu quy nhật
Tiếu tự thư sinh lạc đệ thì
(Cười như anh khóa hỏng thi
Khóc như cô gái ngày đi lấy chồng...)

Cứ khóc đi, mong đây sẽ là những giọt nước mắt cuối cùng đời con gái. Lát nữa thôi, cô sẽ được cười trong hạnh phúc tinh khôi, cô là công chúa, là bà hoàng hậu, cô đã ướm vừa chân chiếc hài cổ tích, cô bước lên con thuyền chòng chành để bước lên bờ

hoan lạc say sưa. Từ biệt Mẹ, nuối tiếc ngày xanh, nhớ từ cái bậu cửa, con chó con mèo, nhớ sợi dây phơi, nhớ những đêm đông quấn tròn ổ rơm, nhớ người cha nghiêm khắc... làm sao mà nước mắt không tràn cho được. Nhưng cô gái ơi, thuyền đã nhổ neo, gió đã lên, chiếc cầu hạnh phúc đã bắc đã chờ bước chân cô, hãy lau giọt nước mắt hòa tan cả nỗi buồn và niềm vui hy vọng...

Các cô gái thời nay không còn là cô gái của thơ Nguyễn Bính:

Chị đi một bước trăm đường xót xa...

Giọt nước mắt vui, giọt cười, giọt say ân ái... giấu sao cho nổi.

Cuộc đời nay nhiều vui nhưng đâu phải đã hết nỗi đau buồn.

Chợ hoa ngồn ngộn sắc màu, mùa xuân đã nở, người khoe tiền của giàu sang... nhưng sao vẫn còn bé em lẽo đẽo theo ta, nài nỉ: *Anh ơi, đánh giầy đi, em đánh thì con kiến leo lên giày cũng phải ngã đấy...* Em là ai, em pha trò, em cười cợt để tạm quên những dòng nước mắt đầm đìa khi không còn nơi trú ngụ, khi đã chẳng biết mẹ cha đang ở phương nào... Cha em cờ bạc, bỏ đi theo người đàn bà đong đưa, mẹ em long đong khiến em thành kẻ bơ vơ, em khóc mẹ nhục nhằn hay khóc cho thân phận mẹ cha còn sống mà côi cút... những giọt nước mắt ấy đong lên thì đầy bao nhiêu bình cổ cong phòng thí nghiệm? Không ai biết.

Còn mẹ ta, mẹ chúng ta... Mùa xuân hương khói càng thổn thức tâm can mẹ. Gian nhà trống trải, chiếc giường tre, giát mỏng, đêm đêm mẹ trằn trọc nỗi mong con, nó kêu theo tiếng thở dài của mẹ, nó cũng thức với người, nó cũng nghe xem ngoài ngõ làng kia có bước chân nào, sáng mai có tiếng chim khách báo tin không?

Quê hương đất nước ta có bao nhiêu bà mẹ già nua trong cô đơn như thế khi con mẹ nằm lại một góc rừng nào chưa ai biết. Ai

nghe được tiếng khóc thầm của mẹ, ai nhìn thấy những giọt nước mắt trong khuya, nhưng mẹ lại dũng cảm tuyệt vời, không để cho bất cứ ai nhìn thấy đôi má nhăn nheo có ngấn nước mắt đêm qua đêm kia. Mẹ vẫn cười, nụ cười móm mém, nụ cười có dòng chảy phía trong tim... May, đã nhiều ngôi nhà tình nghĩa, nhiều cháu bé làm Trần Quốc Toản, những cô gái hàng xóm trẻ thơ sang giúp mẹ rổ bèo mảnh ruộng... và ta mừng vì ngày càng có nhiều người hiểu ra phận làm con làm cháu, biết phải đáp đền để lau khô phần nào những giọt mặn trong hồn mẹ, trong vết thương chưa lành lặn...

Đã có người xa xứ hiện về cùng ta trong đêm xuân sum họp. Ta nến và hoa đào, ta bánh chưng và mứt tết, ta trà sen có gương mặt tươi hoa của người thân mến... bỗng cũng ngậm ngùi cho một kiếp kẻ lang thang. Trời bên ấy tuyết rơi tầm tã. Người vừa đi đâu ngoài phố trở về một bóng một thân mà câu thơ đẫm nước mắt:

Tuyết đổ dày thêm đêm lạnh buốt
Người về phòng nhỏ bóng cô đơn
Mở chai bia lạnh thay cơm tối
Ngồi đọc thư nhà lệ chứa chan...

(Bài Giao thừa- Thanh Nam)

Tuyết đã buốt, chai bia lạnh sao ấm được lòng, hay nó chỉ là con dao khoét sâu thêm nỗi giá băng trống trải xứ người, khiến chứa chan, nhòe cả phong thư quê nhà cố quốc... trong tâm trạng kẻ cô đơn đêm giao thừa không Tổ quốc... càng thấm thía câu nói của một ai rằng: "*Không thể đi nhận một người đàn bà khác đẹp hơn, trẻ hơn, giàu hơn... mẹ mình, làm mẹ được...*".

Mẹ ta già, mẹ ta nghèo, mẹ ta mặc váy nhúng bùn, nhưng mẹ đã cho con cả cuộc đời, cho con từ nụ cười đến giọt nước mắt, cho

con mùa xuân, cho con ánh sáng ngọn đèn dầu, bông hoa cải góc vườn, cho con hương thơm nồi nước lá mùi già rửa mặt hôm mùng một Tết... chắc chắn con không bị cô đơn với chai bia lạnh xứ người đêm trắng tuyết. Đội ơn mẹ vạn lần, đội ơn cả những giọt nước mắt yêu thương của mẹ, giọt nước mắt chỉ chảy xuống suốt đời cho con...

Rồi đường xa và năm tháng, ta xa mẹ xa cha, ta rong ruổi xênh xang và vấp ngã... Ta đã nhiều phen phải khóc bạn bè, rỏ lệ vì đồng đội, thương cảm cho kẻ dọc đường tai nạn, xót xa cho cháu bé lạc mẹ... với bao nhiêu câu cười tiếng khóc, khóc không có tiếng, khóc phải quay đi, khóc tức tưởi mà đòi đoạn...

Ta cũng chứng kiến những ngậm ngùi, những hờn oán, những trớ trêu... trong tiếng khóc như ri, khóc như cha chết, khóc như mưa gió, khóc nức nở hay khóc giả vờ, khóc rỏ máu mắt hay khóc nước mắt cá sấu... cho đến khóc vì oan ức không được giải...

Hình như con người sinh ra đôi mắt không phải chỉ để nhìn mà còn để khóc, để rơi nước mắt của mình và làm rơi nước mắt người đồng loại... để giải tỏa nỗi lòng, để hút hồn kẻ khác...

Mong sao, mùa xuân là mùa của tiếng cười, như hoa nở đánh át mùa đông lạnh. Tiếng cười đánh át tiếng khóc, chỉ còn tiếng khóc vui mừng như vợ gặp chồng, con gặp mẹ, mẹ gặp con...

1997

Mùa mơ chín

Hội Chùa Hương từ mùng 6 Tết đến hết tháng Ba lịch trăng con gái. Nhưng với một số người, hội còn kéo dài đến hết mùa hè chói chang khi trên bàn có cốc nước mơ chua dịu mát và đôi khi hội còn kéo dài đến ngày mùng một Tết trong cái khay mứt ngọt sắc có điểm xuyết mấy quả ô mai, được ngọt hóa bằng chút bột cam thảo dịu dàng...

Với người này, Hội Chùa Hương là để tâm nguyện trời phật độ trì, với người khác là để thấm vào hồn chất danh lam thắng cảnh tuyệt vời Đệ nhất trời Nam như lời chúa Trịnh Sâm, người nọ lại là no nê con mắt trong hơi sương khói mưa pha loãng màu hoa gạo đỏ bên sườn núi cùng dập dềnh con đò có cô gái tay tròn, lẳn màu son vai áo, nghiêng vành nón múa đôi chèo cho hồn mình lênh láng (ấy là nói thời Chùa Hương chưa đông chưa lộn xộn), và với người kia, khi đang độ say nhau, đi vào kỷ niệm một mùa tình ái tinh băng nhờ nước non chứng giám... Chùa Hương của cô gái trong thơ Nguyễn Nhược Pháp hình như còn thiếu một điều, cũng may đã có thêm một Nguyễn Bính thấy "thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ...".

Dù ai đi chùa Hương với ao ước gì, thăm cảnh hay xoa đầu cô, xoa đầu cậu, trả hai suất tiền đò, ăn bát chè củ mài trên lưng núi Giải Oan, Cửa Võng, mua nắm rau sắng đã thành giai thoại

Tản Đà và Phạm Thị Cả Mốc (tức nhà văn Phạm Cao Củng lúc ấy đang ở Hà Nam(*)... thì hầu như ít ai không mang về một ít trái mơ tươi, quà cửa Phật, sản phẩm Hương Sơn, kết tinh từ lèn đá từ gió mây, từ mùa đông hoa trắng bạt ngàn, từ lời ước hẹn của bao người ở nhà đang chờ đợi...

Những trái mơ xanh mờ hay vàng ửng, mát mịn một thứ nhung tơ thoảng hương thơm như có lại như không là nỗi khát khao trên đường trẩy hội, ghé hàm răng cho nước ứa chân môi, bỗng thấy đường bớt xa, núi bớt cao, bậc đá bớt trơn... Quả mơ đã hóa phép thần, thành sinh lực mới, thứ sinh lực triệu năm từ nước non tụ lại cho người.

Ai là người đã nghĩ ra trồng cây mơ đầu trên vách đá cỗi cằn Hương Tích? Không thể xác định như đã rõ ràng quả mơ đôi, quả song mai Đông Phù Liệt của cụ Mài tức cụ Đông Mai Đông Phù Liệt (Đông Mỹ - Thanh Trì) được trồng từ đầu thế kỷ này khi có một vị sư già mang biếu cụ lang Đông Cương tạ ơn chữa bệnh, từ đấy cây song mai sinh sôi nảy nở bạt ngàn thành rừng mai quý giá. Tiếc là rừng song mai ấy đang thoái hóa kể cả 43 cây tặng vườn quả trong khu di tích Hồ Chí Minh, chỉ sót lại mấy cây...

Nhà thơ Yến Lan say các cảnh u huyền thiên hình vạn trạng của Chùa Hương đã hạ bút:

Nhưng tất cả chưa phải là Hương Tích

Nếu ngoài kia không nổi một con đò...

(Tập thơ Chùa Hương-1995)

(*) Đỗ Tang nữ gửi rau sắng cho Tản Đà chính là Phạm Thị Cả Mốc-Phạm Cao Củng.

Ta cũng có thể thêm mà không sợ bị chê là tầm thường dung tục: Chùa Hương không hoàn chỉnh nếu không có những rừng mơ cho ta hoa trắng và quả vàng mùa trảy hội xuân, chua một vị chua tinh khiết, thơm một mùi thơm lòng Thiền, hấp dẫn một sức hút mê li, như câu ca dao: "*Của chua ai thấy cũng thèm..*", mà mấy câu đi liền theo là:

Em cho chị mượn chồng em vài ngày

Chồng em đâu phải trâu cày

Mà chị lại mượn cả ngày lẫn đêm…

Trên đất nước ta, nhiều vùng trung du và miền núi có trồng mơ, nhưng quả mơ Cao Bằng, Lạng Sơn, quả to, nhiều nước, chua gắt, người ta mang mơ ấy vào Chùa Hương, giả làm mơ Hương Tích, ai tham to thường mua nhầm, vì nó có nhiều dư vị đắng, riêng cái lông tơ trên mình quả đã không còn mượt mà, mà cứ như mọng nước hao hao giống mận. Mơ Chùa Hương quả nhỏ, vàng tươi, chua dịu, trên nền vàng như sương gió thiên nhiên nhuộm bằng thời gian ấy, còn ẩn hiện những mảnh màu tươi đỏ li ti, như một thứ má hồng trời cho, một thứ điểm tô của duyên thì riêng biệt không ai có thể bắt chước sắc đẹp này.

Tháng Hai tháng Ba (là nói âm lịch) dọc phố Ngô Quyền, nơi ngã ba phố Phạm Sư Mạnh, trước cửa trụ sở Văn phòng Quốc hội, hình thành cái chợ bán mơ tươi. Cô gái ngồi giữa, hai bên quang gánh là hai mẹt mơ xếp cao dần như hai quả đồi bằng những viên ngọc màu vàng, cứ thơm rất xa như mời khách bằng hương, bằng màu, bằng hình khối của thứ Kim Tự Tháp tí hon làm khách không thể hững hờ lướt qua mà không dừng lại, mua một lạng ăn chơi, mua vài cân làm si rô cho mùa hè sắp tới…

Cùng thời gian này, có hàng bán rong những chiếc bình thủy tinh nấu thủ công, còn bong bóng trong thành bình, thứ dụng cụ

đặc biệt dùng cho các bà ngâm mơ, một cân mơ với một cân đường kính, hết xuân sang hạ, si rô vàng sệt, quả mơ co mình lại, nhăn nheo vì đã già đôi chút, chất tinh tuý của mình dâng tặng món mùa hè...

Xin trở lại Hương Sơn mùa hội. Trên đường sang nhánh Chùa Tuyết ta lạc xuống thung mơ xanh ngắt, xin phép chủ vườn chủ núi, ta tha thẩn với tay lên cành cốt cách của loài cây chen đá mà "mót" lấy đôi ba quả sót lại trên cao, nơi đầu cành khó hái.

Món chè kho vét nồi hôm ba mươi Tết là ngon nhất, ngon hơn cắt trên đĩa, cầm cái dĩa mà ăn. Quả mơ mót được, chín thục, đã pha thêm một liều thuốc ngọt chẳng nhiều, nó mới ngon làm sao, ngon đến nhiều năm sau này, nhiều mùa xuân hội hè cây trái sau này trên bao vùng ta trải bước chân...

Chỉ dăm ba quả trong túi anh trong túi em mà như bắt được một kho vàng, bắt được con chim xanh hạnh phúc, bắt được một mùa kỷ niệm không phai mờ, nhớ cả lối cỏ hoang vu sương ướt, cả gốc mơ xù xì xám mốc, cả hòn đá dốc dắt tay nhau, cả mấy cái vại trong lều bà chủ vườn ngâm muối làm ô mai chưa kịp chuyển về thành phố.

Tháng 5 tháng 6 Hà Nội nung người trong cái nắng gay gắt. Đi đâu về, cởi áo đẫm mồ hôi, được mẹ hay vợ hay người em gái pha cho cốc nước mơ, uống đến đâu thấy đất trời sáng ra đến đấy. Mấy thìa si rô đậm đặc, ít nước lọc, mấy thìa đường, thêm cục nước đá ở trên, quả mơ mầu thẫm chìm bên dưới... Chùa Hương hiện ra trong gió trên lèn đá, trong cái lạnh bàn chân trần bước trên bậc rêu phong... quả mơ có phép tàng hình cho ta phút giây sảng khoái. Nhấm nháp vị chua hương ngọt, yêu cả cái đắng nhờ nhợ từ quả mơ từ cái hạt mơ có một đầu nhọn, ngậm lấy nó, lấy đầu lưỡi lùa nó qua phải, qua trái, cho nó rong chơi, cho ta thỏa khát khao hàng giờ không chán...

Rồi Chùa Hương tàn lễ hội, hoa gạo đã bay tơ, hoa phượng gọi học trò chia tay trong sổ lưu niệm... những trận mưa cho ếch gọi tình, những cơn lũ đầy phấp phỏng... ta lại mải mê cùng bận rộn ngày thường... quả mơ sẽ là hồi nhớ, sẽ là thời gian, sẽ thành mơ ước cho một năm sau... còn bây giờ, mưa xuân đang lây phây trên rừng mơ Hương Tích, đang ru trời Hà Nội trong cái võng mùa xuân, ta nâng trên tay trái mơ vàng ửng, chua như một thời con gái, chua như một thuở học trò, chua như trêu nhau, đùa nhau, thèm nhau... cứ đi trên phố Ngô Quyền, có cái chợ bán mơ để ta tự huyễn hoặc mình rằng mình đang sống với Chùa Hương đang mang về tặng người bạn quý những viên ngọc những viên vàng ròng do người thợ Thiên Nhiên tạo tác...

1998

Hai đầu đất nước

Có những đêm khó ngủ, gió rì rào qua hàng cây long não cổ thụ phố Lê, tôi lan man tự đi du lịch qua lòng mình qua miền thời gian, qua kỷ niệm những tháng năm lang thang, bằng cách bấm đốt ngón tay mà đếm, hết bàn tay phải, qua bàn tay trái... rằng mình đã đi đến những tỉnh nào, mỗi tỉnh ấy đã đến huyện nào, mỗi huyện ấy đã đến làng nào, bản nào, vạn chài nào, Mình đã ăn cơm nhà ai, ăn món gì, đã được gặp những ai, tên là gì, gương mặt còn in hằn hay đã phảng phất lu mờ như phủ sương, như lẫn khói... rồi ngày nắng hôm mưa, rồi sớm gặp tối xa, rồi ngã ba nào hỏi đường, cái dốc nào mình nghỉ... con sông nào mình qua...

Đất nước mình dài thế, ai dám chắc rằng đã hạnh phúc đặt cái bàn chân tí tẹo của mình lên khắp chốn, trong mấy chục năm ngắn ngủi của đời mình trai tráng, so với vạn năm triệu năm từ khi có đất nước này?

Nếu tính từ chỏm cực bắc Lũng Cú trên cao nguyên Đồng Văn trong 8 độ 35 phút vĩ tuyến Bắc đến mũi cực Nam nơi xóm Rạch Tàu Cà Mau trên 23 độ 24 phút cũng vẫn vĩ tuyến ấy, thì thấy bản đồ là nhỏ nhưng thực địa lại mênh mông nhường bao, hơn nữa cái xóm mũi kia đâu có ngừng nghỉ khi biển tiến biển lùi, khi phù sa bồi tụ, nó cứ như bàn chân đạp bùn mà vươn thêm ra

biển mỗi năm bao nhiêu thước, đời sau hẳn bản đồ phải vẽ lại chứ chẳng chơi…

Hai đầu đất nước, xin chỉ nói gọn lại hai thành phố có phần tôi quen thuộc chút ít, ở nơi này thì nhớ nơi kia, đến nơi kia lại nhớ về nơi này, chẳng quê hương nhưng cũng vẫn quê hương, có con đường quen có người bạn thân, có món ăn thân thuộc, có màu cây đáng nhớ, có sắc nắng hơi mưa từng làm mình xốn xang tâm trạng…

Hà Nội, nơi tôi lớn lên, có đắng cay và hạnh phúc suốt một đời mình, đã nghìn năm tuổi sắp già bạc cả chòm râu cây si nhưng vẫn trẻ như nàng gái đôi mươi váy ngắn và son phấn tưng bừng.

Còn Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh, mới ba trăm tuổi, là sức trẻ đương thì đang nhiều hứa hẹn…

Hai nơi hai đầu đất nước, mình tự tiếc sinh sau một Lý Công Uẩn, một Nguyễn Hữu Cảnh nhưng lại lấy làm may mắn khi mình được hưởng những kỳ công nghìn năm còn lại của người xưa. Cũng tiếc chẳng được như Nguyễn Tuân, cao hứng, làm cuộc đăng trình, nhảy lên tàu hỏa nằm mấy giấc, thế là rời bóng liễu Hồ Gươm gặp con sông cong Sài Gòn tàu bè nhộn nhịp, chia tay với bát bún thang bà Ẩm chợ Đồng Xuân để nâng trên tay bát hủ tiếu Nam Vang nơi cửa chợ Bến Thành…

Mùa thu Hà Nội như cô gái Liêu Trai, đẹp lộng lẫy kiêu kỳ ám ảnh một đời, có lần tôi bắt đầu lữ hành, phải mặc áo len, nhưng qua nửa đường dài, phải dùng cánh tay làm mắc áo. Ngoài cửa toa tàu, dưới mây trắng máy bay, đâu là Huế có Trường Tiền cầu cong, đâu là Hải Vân lượn khúc, mà khi đặt chân lên Sài gòn, cái nắng rã rượi đón mình như nhiệt huyết. Người bạn đi tiễn chân nơi Thăng Long, chắc về nhà nghe đêm vang tiếng rao ngô rang

lúa rang hạt dẻ… còn mình đây nghe mùi khói dầu hôi dầu cặn nhức đầu, nhận ra nơi vừa đến khác hẳn chốn vừa đi.

Bến Phà Đen của con sông Nhĩ Hà có dốc Vĩnh Tuy, có con đê lấm lem tràn than, chẳng người Hà Nội nào còn đi đón gió với rặng ổi hoang thẫm lời thủ thỉ gái trai mấy độ, còn đây gió đêm bến Bạch Đằng đến sáng khách sạn nổi có cái mồm con cá bằng ánh sáng, gió mơn man, gió lồng lộng, gió mát rượi như một thứ máy lạnh khổng lồ không mất tiền điện… Người vẫn giống nhau trong tiếng nói, trong bước đi, trong các món quà quen thuộc, quả sấu chín và quả cóc, cốc nước dừa tươi và chiếc bánh chuối rán, quả dứa gọt sẵn những đường lượn chéo song song, chứa ẩn chất nước mát lòng, mà thân nó là những đường hào nông nông làm từ con dao sắc ngọt…

Hà Nội có phố Trần Hưng Đạo dài hơn hai nghìn một trăm mét với bóng sấu tỏa tròn xanh mướt bốn mùa che bóng, những biệt thự có vẻ êm đềm quý tộc của khu phố cũ, nơi thoảng hương hoa sữa đêm thu cho tình ái lấy làm trú ngụ… nơi ta quen thuộc tuổi yêu đương chẳng cần nước hoa cũng mê man cùng mái tóc… Còn Sài Gòn, phố Trần Hưng Đạo cũng có đây, con phố dài hơn mười cây số nối Chợ Cũ Sài Gòn vào sâu lòng Chợ Lớn, với bóng cây dầu thưa thớt nhưng tấp nập ngày đêm, xe cộ nườm nượp, chỗ mút đường có Đại Thế Giới còn có tên Arc-en-Ciel thuở trước lần đầu tiên có người Sài Gòn mách nước cho khách lạ là con đường dài lắm, không thể đi chân, mà hãy gọi một cái xe, khi khách hỏi thăm đến số nhà trên một nghìn ấy còn bao xa nữa, người khách lớ ngớ, chưa quen với con số nhà trên bao nhiêu, hẻm bao nhiêu, con số nghìn, khác hẳn một Hà Nội số không nhiều vì phố ngắn, có phố chỉ một số nhà, như phố Hỏa Lò, phố Mai Xuân Thưởng, phố Hồ Hoàn Kiếm chỉ có 52 thước, nơi có món thịt bò khô nổi tiếng cho tuổi học trò…

Đêm Sài Gòn, hình như người ta không ngủ. Âm nhạc và sân khấu, quán rượu và hàng ăn. Xe chuyển và chợ họp... Hai giờ sáng, người này trở về nhà thì người kia đã trở dậy ra đường. Những Hàng Xanh, Cầu Muối, những Bà Quẹo, Bà Chiểu, những Khánh Hội, Bàn Cờ... tiếng còi tàu và bánh xe nghiến vào những chiếc gối thấm đẫm mồ hôi, không hiểu anh nhà văn nghèo Thế Phong kia, viết văn vào lúc nào dưới cái mái tôn thấp tè, ban ngày không dám ngồi dưới nó... cái máy chữ cà khổ của anh mổ lách cách ra sao dưới những ngón tay từng xỏ vào găng đánh bốc... và nhà văn khác, thức ngủ ra sao, khi anh toàn viết văn bằng máy vi tính, bản thảo gửi đến nhà xuất bản là đĩa Compaq, trong khi Sài Gòn suốt hơn hai mươi bốn giờ trong ngày đầy những lời gọi thú vui? Và chàng thi sĩ mở quán cà phê mưa, ròng nước giếng lên mái tôn làm mưa nhân tạo, giữa trưa hè chỉ riêng anh có mưa rào cho khách thèm mưa? Anh nghĩ ra cái tiếng tí tách, thánh thót, rào rào, tầm tã, rả rích ấy vào những đêm ong ả nóng nung hay nhớ về cơn mưa đồng bằng sông Cửu quê nhà mưa trên lá dừa, trên ngọn xoài, ngọn sầu riêng?

Đêm Hà Nội êm đềm ru ru trên hàng sao đen phố Lò Đúc, hàng hoàng lan phố Phan Đình Phùng, hàng cau cổng chùa Trấn Quốc... có những căn gác nhỏ sáng đèn thâu đêm ở góc Hồ Tây, làng Cống Vị, ở khu tập thể (chung cư) Thành Công hay phố Lê, phố Láng... cho bài thơ trang viết ra đời, cho kịch bản mang số phận con người sinh ra đầy quằn quại và hạnh phúc, đầy nức nở và rúc rích... Một Hà Nội văn chương cũng không ngủ từ nghìn năm nay sau bài chiếu "Dời Đô", trước cả cái cửa biển Cần Giờ súng nổ...

Ở một vài khách sạn mấy ông sao mờ sao tỏ, người ta ăn sáng kiểu Tây, uống cà phê nóng trước khi ăn phở hay bánh mỳ cặp thịt và dưa chuột tương ớt, trong khi người Hà Nội phải ăn mặn xong

mới uống, làm cái lưỡi tê đi vì chua cay mặn chát, vì nóng bỏng thì món cà phê mới là hương là vị, nhưng khi ông giáo sư sành ăn uống Trần Quốc Vượng, một người Hà Nội từ Hà Nội vào đây cũng cứ chấp nhận, cứ nâng cà phê trong khi trên mặt bàn chưa có món gì, và trong ruột trên môi cũng chưa có món gì. Ông bảo: Không sao, cứ phải nhập gia tùy tục các bạn ạ, vẫn là trên đất nước ta.

Một người bạn gái Hà Nội đã thành dân Sài Gòn, một lần cho tôi đi ăn bánh cuốn ở Cao Thắng hay Võ Văn Tần gì đó, để cho tôi cảm thấy vẫn không xa bánh cuốn Thanh Trì, cô chấp nhận cốc trà đá lạnh toát nhưng nhạt nhẽo, và cô an ủi: Hãy tưởng tượng đây là ấm trà Thái em pha cho anh ngày nào trong lòng phố cũ đã xa xôi, anh nhé. Làm sao mà từ chối tấm lòng tri kỷ đã cùng nhau chia sẻ niềm vui và nỗi buồn, khi Hà Nội cũng đã quen thuộc với món trà đá trong bữa cơm, trong bữa nhậu...

Hai đầu đất nước, nói sao cho vừa cho hết. Người Sài Gòn ở Hà Nội đâu có ít, Người Hà Nội ở Sài Gòn còn nhiều còn đông hơn nữa... Một trăm con trai, năm mươi người lên rừng, ai ở Phong Châu, ai Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Nội? Năm mươi người con xuống biển ai vào Đồng Nai, Sài Gòn, Phú Quốc, Côn Luân?

Vườn thú Bách Thảo, Thủ Lệ Hà Nội và Sở thú Sài Gòn. Chợ trời Hoà Bình cuối phố Huế và chợ cũ Võ Di Nguy gần Đồng Khánh. Những ngã ba ngã bảy cả hai nơi đều có, hao hao giống nhau khi ta mải nghĩ gì đó, chợt ngửng lên, thấy mặt đường nhựa loáng thoáng bóng cây, nhà mặt tiền buôn bán, chiếc xe xích lô chen xe máy và tắc-xi ghi số điện thoại bên thành xe, trên vỉa hè có quán nước và người con gái ra vào, tay bưng khay nước, giấu tâm sự gì trong lần áo kia không rõ, nơi trái tim còn trẻ mà thì giờ kiếm sống không cho cô nhiều nỗi hẹn hò...

Hà Nội của tôi và Sài Gòn của tôi, hai đầu đất nước, hai đĩa cân của chiếc bàn cân, dập dềnh lên xuống nơi cái điểm tựa, cái đòn bẩy là Huế hay Đà Nẵng, ai cho tôi bồng bềnh, cho tôi thương nhớ... ở nơi này thì mong nơi kia, ở nơi kia thì tưởng về nơi cũ... cứ như ngày và đêm luân phiên không nghỉ...

Người bạn ở cư xá Bắc Hải, người bạn ở khu tập thể Thanh Xuân, có lúc mình sao lãng, có lúc nhớ thiết tha... Đêm nằm, bấm đốt ngón tay, hết bàn tay phải qua bàn tay trái. Ngoài kia những cơn gió thổi qua nóc cây long não cứ rì rầm một bản nhạc đầy tâm sự chỉ có người thức thâu đêm mới hiểu...

Cà Mau là đâu, Cao Bằng là đâu, heo hút và xa vời. Còn hai thành phố thân quen, người bạn cũ và người bạn mới, đan cài trong tâm hồn mình như nan ngang nan dọc trong cái sàng tre, trong tấm thổ cẩm...

Tách cà phê lá me trên vỉa hè trong cái quán tạm sinh viên nơi ấy và tách cà phê bên bờ Hồ Tây đẩy gió thổi từ trăm năm ngàn năm... thổi căng cánh buồm hồn, thấm chất đắng và chất ngọt vào đáy não chứ đâu phải trên đầu lưỡi bì phu...

Không phải lúc nào ta cũng nhớ đất nước mình ở bao nhiêu kinh tuyến đông tây hay bao nhiêu vĩ tuyến bắc nam, nhưng hai thành phố đại diện cho hai đầu đất nước thì có lẽ mấy ai không thấy nó ở trong mình, nơi mình sống hay hơi mình nghĩ đến...

Chắc rồi lâu lâu lại phải lên đường thôi, hai đầu đất nước nói thầm hình như vậy...

1998

Gửi về nơi ấy 300 năm

Hẳn không phải người miền Nam nào cũng đã được đến thăm thủ đô Hà Nội và đương nhiên cũng không hẳn người Hà Nội nào cũng đã được đặt chân đến Sài Gòn, viên ngọc Viễn Đông, thành phố Hồ Chí Minh, đất Trấn Biên xưa và đang là thành phố lớn nhất nước. Nhưng có lẽ ấn tượng về Hà Nội Thăng Long, tưởng tượng về thành phố phương Nam ấy ngút ngàn nắng lửa luôn có những trận mưa ào qua thảng thốt như lá me bay... thì người Việt chúng ta luôn mang nó trong lòng, nếu một lần đến sẽ là hoài niệm, nếu chưa một lần qua sẽ là thương nhớ đợi chờ...

Cách đây khoảng trên dưới 50 năm, khi Sài thành vào tuổi 250, Nguyễn Tuân từng nổi máu giang hồ, nhảy lên con tàu lửa vài toa, một mạch vượt những khúc lưng rồng xương sống đất nước, không hiểu lòng ông đã hòa Hà Nội vào Sài Gòn, hòa Sài Gòn Hà Nội như thế nào, khi con người luôn "Thiếu quê hương" ấy ốp đồng trong những câu văn quần quại?

Câu thơ Nguyễn Bính tha hương "Khi thì Chợ Quán khi Đa Kao..." anh chàng thi sĩ đồng quê mà lang bạt với những "Hành phương Nam" ấy có qua những cái tên không Hà Nội, chẳng Nam

Định, càng không Huế: Bà Quẹo, Hàng Xanh, Cầu Muối, Thị Nghè, Sở Thú... để rồi đấy một lèo ra bưng kháng chiến, với những câu thơ xót dạ:

Hai ta lưu lạc phương Nam này

Trải mấy mùa qua én nhạn bay

Xuân đến khắp trời hoa rượu nở

Riêng ta với ngươi buồn vậy thay...

Vẫn là trên đất nước mình sao lại mang tâm trạng bơ vơ lưu lạc?

Và cũng khoảng thời gian ấy, xê dịch ít vòng quay đào phô, mai nở, những con người Nam tiến xuất phát từ ga Hàng Cỏ, mang trong lòng câu thơ của Huỳnh Văn Nghệ:

Từ thuở mang gươm đi mở cõi

Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long...

mà xông vào lửa đạn, cứu một Tổ quốc lâm nguy

Tết con Mậu Hổ này, có một người tưởng Nam Bộ mà là Hà Nội gốc, từ trong ấy ra với Hồ Gươm ăn tết quê hương, ăn lại bát phở Bắc, ngắm lại đào Nhật Tân, trú tạm nơi Ô Đống Mác. Đó là nhà giáo về hưu Nguyễn Văn Quý, một chiến sĩ Nam tiến, chiến đấu cho Sài Gòn, bị bắt, bị đầy Côn Lôn, ra tù, ở lại miền nóng bỏng ấy lập nghiệp nhưng vẫn quay nhớ quắt (lời ông Quí) cái mưa xuân Hà Nội, dù Sài Gòn, Tiền Giang cũng đã thành quê. Thì ra con đường xuôi nam thiên lý của dân tộc đã thành con đường trong mỗi lòng người, không còn phân biệt Bắc Nam.

Lại nhớ đến một người bạn chia tay nhau trong Hà Nội, anh thành dân Sài Gòn hơn bốn mươi năm qua, nhà văn Thế Phong, con người dùng ngòi bút thách đố với cường quyền Mỹ Ngụy

từng được mời dự tiệc do một "Tổng trưởng" đích thân gửi thiệp, nhưng có phân biệt đối xử, quan chức ở một phòng, bàn tiệc có rượu sâm banh còn văn nghệ sĩ ở một phòng khác, không có rượu sâm banh. Thế Phong trễ tràng chiếc cà vạt trước cho đòi gặp mặt Tổng trưởng chủ tiệc để đòi bàn tiệc của nhà văn cũng phải có rượu sâm banh, bởi theo anh, quan chức và văn nghệ sĩ chưa chắc đã ai hơn ai, đã mèo nào cắn mỉu nào. Khi rượu sâm banh được mang ra, Thế Phong xắn tay áo, dốc rượu rửa tay mà không thèm uống, và cả phòng tiệc làm theo anh... Con người Hà Nội lịch lãm thành con người Sài Gòn ngang tàng ấy, vào năm Hổ này cũng viết thư ra Hà Nội hỏi xem món bún thang với hương cà cuống có còn không, với anh, anh đang đắm mình vào không khí của thành phố mình, kể từ khi Nguyễn Hữu Cảnh được các chúa Nguyễn phái vào đất này dựng xây non nước lúc mà hùm beo rắn rết còn đầy rẫy, rừng lạch ngổn ngang, bùn lầy nước đọng, muỗi vắt kinh người nơi đất mới hoang vu, mỗi người chỉ cần một cái quần xà lỏn (quần đùi) để cho một vùng phì nhiêu sẽ sinh thành phồn thịnh ngày nay.

Từng thời gian dài, Hà Nội được gọi là Hà Thành hoa lệ, còn Sài Gòn là Viên ngọc Viễn Đông, cốm Hà Nội đi máy bay vào đó, xoài cát từ trong đó bay ra. Hình ảnh người con trai da ngăm ngăm đen, có chiếc răng vàng, đầu đội mũ phớt lệch ngang tàng gọi là công tử Bạc Liêu, anh Ba Nam Bộ, anh Năm Sài Gòn với giọng nói ấm trầm... thì người Hà Nội, người miền Bắc đã hòa đồng Nam Bộ và Sài Gòn là một. Ít ai phân biệt đâu là Tiền Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Cà Mau hay Kiên Giang, Rạch Giá... mà chỉ biết đó cũng là người Việt Nam ta, ở tít tận phương Nam nắng gió, sống hiên ngang, phóng khoáng, không cần chắt bóp như người đồng bằng Bắc Bộ quen cùng lam lũ...

Đã từng có ba thành phố kết nghĩa anh em huynh đệ: Hà Nội-Huế-Sài Gòn khi chưa đến thời điểm 1975 cái tên "Thành phố Hồ

Chí Minh" được phổ biến và chính thức hóa khi Sài Gòn vào cái tuổi gần 280.

Tôi từng nhiều lần tạm biệt Hồ Gươm, Hồ Tây vào với Sài Gòn với nhiều mùa khác nhau. Kể cả lúc Sài Gòn chưa nhiều cao ốc, cái chợ cũ Võ Di Nguy gần chợ Bến Thành còn là cái chợ trời inh ỏi băng cát sét, hoặc cạnh đó là cả một phố dài la liệt sách cũ làm mình mê mẩn ước ao, đêm ngủ ở khách sạn loại sang nhưng ăn nắm bột mì hấp của bữa cơm ba hào và tối tối lang thang tìm người bạn cũ vì nghe đồn anh đang làm nghề bán nước mía trên vỉa hè, mệt thì ăn miếng chuối chiên vì nó là món quà rẻ nhất, và sau đó gần hai chục năm sau mới gặp lại anh, mới được biết anh không hề làm nghề đó, hèn chi chẳng gặp được nhau, anh Đỗ Mạnh Tường nhỉ.

Thành phố Hồ Chí Minh không như Hà Nội đường phố nào cũng dài. Nếu phố Hồ Hoàn Kiếm bên bờ Hồ Gươm, thông sang phố Cầu Gỗ ngắn nhất, chỉ vừa 52 mét, điển hình cho một phố ngắn Hà Nội, thì Sài Gòn có những con đường không thể đi bộ, nó dài hàng chục cây số ngàn (cây số ngàn là tôi nói theo cụ Vương Hồng Sển, có lý hơn là nói cây số) như đường Trần Hưng Đạo nối Sài Gòn với Chợ Lớn, như đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, đường Võ Thị Sáu và hàng chục con phố khác.

Sài Gòn cũng như Hà Nội, khá nhiều chợ, từ nổi tiếng hàng trăm năm đến chợ cóc chợ xanh: Bến Thành, Chợ Lớn, An Đông, Tân Định, Bà Chiểu, Hòa Hưng... không đếm xuể như Hà Nội có chợ Đồng Xuân, chợ Hôm, chợ Mơ, chợ Bưởi, cả chợ có cái tên kỳ quặc: chợ Âm Phủ...

Mắt con người miền Bắc lần đầu tiên bị ngợp vì hoa trái miền Nam trong các chợ Sài Gòn, cho đến thời điểm 300 năm này, Hà Nội không còn khác biệt, đã quen với xoài, măng cụt, vú sữa,

chôm chôm, mãng cầu, cam xanh, nhãn trong dịp Tết (miền Bắc tháng sáu mới có nhãn) sầu riêng, cho đến hủ tiếu, "sực tắc" bán rao trên đường phố lúc về đêm (Hà Nội đã mất hẳn tiếng rao như sênh phách ấy rồi).

Đã có lần tôi và nhà thơ Nguyễn Hà đạp chung một cái xe mi ni con vịt từ phố Catina - Tự Do, Đồng Khởi, qua cầu Sơn, ra Thanh Đa, Bình Thạnh, mà không kịp đưa ma người bạn thơ Tuân Nguyễn khi anh đi bị va vào xe tải ngay chân cầu Sơn, chỗ chúng tôi đi qua, anh mang một khối tri thức khổng lồ học được từ Hà Nội vào Sài Gòn chưa kịp thi thố thì đã ngã xuống để tiếc thương cho bè bạn, để đau đớn cho cô Phương Thúy người vợ trẻ, cô giáo dạy đàn, viết kịch bản phim làm thơ... thành người góa bụi.

Một lần khác nhà báo Trần Thanh Phương người trở về miền Nam trước khi Sài Gòn giải phóng, anh khoe những bản địa chí và những tài liệu về Sài Gòn, về Lục tỉnh, về đồng bằng sông Cửu Long mà anh biên khảo đầy yêu mến đất anh sinh trưởng dù anh cũng đã từng gắn bó với Hà Nội mấy chục năm. Chúng tôi đọc nghiến ngấu với bao háo hức khát thèm về vùng đất của nước non mình mà mình chưa được biết, họa chăng chỉ là trong mơ ước và tưởng tượng. Tôi cũng gặp nhà thơ Hoài Anh, một người Hà Nội. Độ này anh có vẻ béo ra, phải chăng vì khí hậu hay vì lúc nào cũng phải "lai rai"-một nét tính cách của dân Sài Gòn, dù anh vẫn không biết đi xe đạp như ngày nào anh còn rong ruổi quanh khu Sầm Công, Quảng Lạc, Chuông Vàng, Hà Nội...

"Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam". Câu nói ấy của Bác Hồ nay càng thấm thía khi ta có một thành phố trẻ mà tưng bừng, vươn lên mạnh mẽ, đi đầu cả nước về công nghiệp. Ba trăm năm, so với gần nghìn năm Hà Nội thì sức bật ấy quả là đáng tự hào và kinh ngạc, nó mới già hơn nước

Mỹ chút ít, nhưng cái nối nó vào với dân tộc và đất nước là ngấm sâu nguồn mạch, bất tận chan chứa, đang phát huy chất Việt Nam dù có pha tạp bởi nó ở ngã ba con đường văn hóa Đông - Tây.

Hà Nội mùa này vẫn đang còn ẩm ướt và se lạnh trong mưa xuân. Mỗi đêm, lặng nghe bản tin thời tiết, không thể bỏ qua đoạn nói về thành phố Hồ Chí Minh mưa nắng ra sao, nhiệt độ 33 hay 35, nghĩ về một thành phố rất quen thuộc với mình trong tâm tưởng nhưng cũng rất xa lạ với mình khi mỗi lần gặp lại là mỗi bỡ ngỡ vì sự đổi thay đầy tốc độ, nghĩ về những người bạn ngồi trong phòng máy lạnh hay người bạn nhà. mái tôn, ban ngày không thể ngồi trong nhà mà phải đến một chỗ nào đó tránh nóng, đêm về mới hì hục miệt mài cùng trang bản thảo góp vào đời sống tinh thần của thành phố bốn năm triệu dân ấy.

Những chiếc toa tàu hạng ba sơn đỏ mà Nguyễn Tuân giang hồ, nay ở đâu? Những quán cơm vỉa hè mà Nguyễn Bính ngồi ăn như một kẻ tha hương, chắc đã thành thiên cổ. Ngôi nhà tập thể ở ngoại vi thành phố, chỗ trú ngụ của nhà thơ Hoàng Tấn thường ký là Hồ Tăng Ấn trong các bài ca cải lương Nam Bộ, một người từng nhiều năm phụ trách mục "Tiếng thơ" trên Đài tiếng nói Việt Nam, nay về hưu, tường treo la liệt tranh và thơ, ông vẫn là một người không quên Hà Nội nên khi gặp "đồng hương Thăng Long" ông trào nước mắt mà cười, dù bề ngoài ông đã thành một ông già Sài Gòn áo bà ba chính hiệu...

Tôi đã lang thang Sài Gòn, nếm vị phở Bắc trong hương nắng với cả giá đỗ sống và rau ngổ ba lá. Tôi đã nếm món bún ốc trên đường Võ Thị Sáu với sợi bún to và cứng, con ốc hơi dai, ăn quả cóc trên hè phố với muối ớt... để Sài Gòn thấm vào mình, để mình hòa vào thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đại đồng tiểu dị, và đồng sàng đồng mộng với người bạn xa nhau lâu, nay gặp giữa ồn ã một Sài Gòn.

Ba trăm năm một vùng đất trẻ của nước Việt bốn nghìn năm. Băm sáu giờ xe lửa hay một giờ bốn nhăm phút máy bay thay cho sáu tháng lội bộ vượt Trường Sơn, thay cho đoàn tàu Nam Tiến năm 1945, Sài Gòn- thành phố Hồ Chí Minh đã gần gũi biết bao, quan trọng hơn, nó vẫn sống trong lòng mình từ bao giờ lâu lắm... Sài Gòn có biết không, hỡi mến yêu kết nghĩa hai vùng Nam - Bắc.

1998

Khâm Thiên mấy thuở

Phố Khâm Thiên, một trong những phố có nhiều biệt danh, giống như nhà báo phải ký nhiều tên, đã gây ấn tượng mạnh trong lòng người Hà Nội qua nhiều thời kỳ.

Nó từng được gọi là phố Cầm Ca, làm ta liên tưởng xa xôi đến người đàn bà được gọi là cô Cầm tài hoa đàn hát trong bài: "Long Thành cầm giả ca" buồn não ruột của Nguyễn Du, từng âm vang sênh phách chát tom tửng tưng đàn đáy... cho đến năm cách mạng Tháng Tám nổ ta mới thay biệt danh khác. Ngay cái tên viết tắt, người ta rủ nhau: "đi ca tê (KT)" , hoặc "xuống xóm" đi, cũng hiểu ngay đó là Khâm Thiên...

Khâm Thiên còn được gọi là phố Nhiệt Đới hay Xích Đạo vì nằm thẳng một chiều Đông Tây, nắng từ sáng sớm đến tối nhọ mặt người, từng chang chang không một chút lá xanh, cho đến năm 1954 mới mọc rặng bàng mướt mắt mùa hè, đỏ rực mùa đông.

Một thời gian, Khâm Thiên là phố làm cưa làm dũa, sau đó được gọi là phố Thợ May. Phố dài 1170 mét, bên chẵn 404 số nhà, bên lẻ có 305 số nhà thì đã có 198 hiệu may, có may đo, có bán quần áo, có bán hàng dệt kim, cùng trên 50 nhà bán quần áo, gọi vui là hàng Thùng hoặc đồ SIDA.

Sau ấn tượng sâu đậm nhất của "Xóm Cô Đầu", thì cái tên phố B.52 đã khắc sâu vào lòng người Hà Nội về một Khâm Thiên đau thương và dũng cảm. Vào lúc hơn mười giờ đêm ngày 26-12-1972, trong trận đánh Điện Biên Phủ trên không của Hà Nội thắng giặc Mỹ ném bom hủy diệt; Trong đêm ấy, đêm giãy giụa của cuối trận giãy giụa pháo đài bay man rợ, bom đã phá hủy 17 tổ dân phố theo chiều dài con đường mặt trời đi qua ấy, phá đổ 534 căn nhà, 120 ngôi nhà khác bị hư hỏng nặng, 283 người dân lương thiện cần lao của Khâm Thiên bị hy sinh, 262 người khác bị thương.

Thoắt mà đã một phần tư thế kỷ trôi qua, phố Khâm Thiên ngày nay đã khang trạng hơn trước rất nhiều, vết thương chiến tranh, vết thương tâm lý cũng được xóa đi, chìm vào quá khứ, hồn thiêng cô Cầm đã bay trong khói, hồn thiêng những người đã hy sinh trong trận B.52 vẫn về bên tượng đài tưởng niệm dựng trên nền cũ số nhà 49, với hai cây hoa đại lấy giống từ cây đại cổ thụ trong Văn Miếu và những khóm thài lài tía được đem từ Chùa Hương về...

Trong những người sống sót, có bà chủ hiệu sách Quốc Việt ở số nhà 274, một hiệu sách tồn tại hơn 40 năm trên đất Khâm Thiên, phục vụ nhiều thế hệ bạn đọc, ông mua sách, đến cha mua sách và đời con cũng lại đến đây mua sách. Và ít ai biết chồng bà, một chứng nhân nữa, đêm B.52 ấy, ông ngồi trong hầm mù mịt khói bom và gạch ngói, chính là nhà thơ, nhà báo, nhà viết kịch Giang Quân, tuy không sinh ra ở đây nhưng đã gắn bó gần cả cuộc đời mình với Hà Nội với Khâm Thiên.

Cuối năm 1997, Giang Quân vừa ra mắt bạn đọc cuốn sách thật đáng quý: "Khâm Thiên, gương mặt cuộc đời" vừa là để nhớ lại một Khâm Thiên có đài Khâm Thiên Giám trong lịch sử, nhớ lại cái thú cầm ca, nhớ lại những 12 ngày đêm không quên của Hà

Nội, đêm đau thương của Khâm Thiên và cũng là để kỷ niệm ngày ông bước vào tuổi 70 "xưa may hiếm".

Phần lớn tư liệu trích dẫn trong bài báo nhỏ này là lấy từ cuốn sách ngồn ngộn tư liệu sống ấy, bởi tuy ông là nhà văn nhưng cũng là người trong cuộc, một người Khâm Thiên, một người bị bom giội lên đầu, một người từng trực tiếp cầm xẻng cứu hầm sập, từng nghe những làn điệu ca trù một thời chưa xa lắm...

Nếu Khâm Thiên chỉ là một phố ngoại ô bùn lầy nước đọng le lói đèn dầu chỉ sáng choang ánh đèn măng sông trong mấy chục nhà hát rồi cách mạng đổi đời cho phố, cho dân phố thì có lẽ nó cũng chỉ như những phố bình thường khác trong hơn 400 phố phường Hà Nội. Hình như Khâm Thiên mang một chất hồn gì đó đặc biệt, một chiếc chứng minh thư có riêng một màu, từ nắng nung nấu, đến tiếng rao hàng đêm khuya, tiếng xe bò lọc cọc chở xác người chết đói lầm lũi đi ra ngoại ô heo hút thảm thương trong bài thơ "Chiếc xe xác đi qua phường dạ lạc" của Văn Cao viết năm 1945... Từ những bước chân phóng túng hình hài của nhà văn Nguyễn Tuân tri kỷ tri âm với người tài hoa nhan sắc; đến một Trần Huyền Trân, một người Khâm Thiên "chính hiệu" mà mẹ ông, một người đàn bà làm nghề hộ lý nhà thương, đêm đêm, kéo vó bên cái Cống Trắng lấy con tôm con tép nuôi con, nên Trần Huyền Trân viết:

Tôi ở lều tranh Cống Trắng này

Chạnh niềm cá nhảy với chim bay.

Đêm đêm kẽo kẹt ngư bà thức

Dăng phải hồn tôi một lưới đầy.

Ngư bà chính là người đàn bà lam lũ, người thân mẫu hiền từ của Trần Huyền Trân, không những nuôi con mà còn đùm bọc

bao dung cả những bạn con bao ngày vất vưởng. Nguyễn Bính, Thâm Tâm... những nhà văn nhà thơ chắc còn sống mãi với văn chương Việt Nam ta.

Vết thương chiến tranh đã được hàn gắn phần nào, chúng ta vẫn còn một Khâm Thiên tài hoa, một Khâm Thiên lao động, một Khâm Thiên đáng trân trọng như nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát từng trân trọng đến đây nghiên cứu về nghệ thuật ca trù dân tộc. Những Đàm Mộng Hoàn, Chu Thị Bốn, Chu Thị Năm lừng danh một thuở. Những Phó Thị Yến sinh ra danh cầm Phó Đình Kỳ và ca sĩ Phó Thị Kim Đức quen thuộc nhiều thế hệ trên sóng Đài tiếng nói Việt Nam, những Nguyễn Thị Phúc sinh ra nghệ sĩ ngâm thơ Trần Thị Tuyết, và Nghệ sĩ nhân dân Quách Thị Hồ, một giọng ca có một không hai, được giải thưởng quốc tế về ca trù Việt Nam, năm nay đã gần 90 tuổi, phải ngồi trên xe đẩy, một ngọn nến trong gió, một ánh sáng vẫn lung linh, mà năm 1942, Trần Huyền Trân đã có câu thơ tặng bà.

Người ơi mưa đấy hay sênh phách

Tay yếu gieo lòng xuống chiếu hoa...

Mảnh chiếu hoa nào rải trên sập gụ, người "kép" nào ngồi bắt chân chữ ngũ lên dây cây đàn đáy, người cầm ca nào ngồi xếp chân bằng tròn còn lấy tà áo dài phủ lên chân cho kín đáo rồi mới đổ xuống những trận bão giông trên bàn phách bằng ba dùi phách chi bằng tre.

Khâm Thiên nay, chỗ trụ sở Tổng công ty xăng dầu, chỗ đoạn đầu máy, chỗ có cái Thiên Kiều bất tiện, hoang vu không bước chân người, trong các triều đại Trần Lê... chính là Đài Khâm Thiên Giám, nơi nghiên cứu thiên văn, xem trăng sao, làm ra lịch hàng năm... (cũng gọi là Tư Thiên Giám, một cơ quan gần giống như Nha Khí tượng Thủy văn ngày nay).

Không phải người Hà Nội nào cũng có dịp đi xuyên qua hàng mấy chục ngõ ngoắt nghéo, chữ chi tưởng đã hết lại mở ra, lối xương cá, lối thông ra đường Lê Duẩn (Hàng Lọng cũ), lối qua Văn Chương sang Hàng Bột, ra ga Trần Quý Cáp… với kỷ niệm như dấu đóng của thời gian: Ngõ Thiên Hùng, Hồ Cây Sữa, ngõ Bãi Cát, ngõ Lệnh Cư, ngõ Thổ Quan… Riêng Ngõ Chợ Khâm Thiên dài 750 mét, đường hẹp, nhà nhỏ, di tích nhiều thời cũ của những người lao động, hàng ngày kiếm ăn trên phố, tối về đây trú ngụ, đã có đến 25 cái ngõ đánh số tỏa ra hai bên, mà nếu ta ngơ ngác, thì nó đúng là Bát Trận Đồ, khó mà định hướng lối ra.

Hai rặng bàng phố Khâm Thiên có sức sống thật lạ kỳ, phải chăng nó cũng mang hồn một Khâm Thiên kiên dũng, bị chột tơi bời trong bom đạn, đến nay vẫn xanh tươi, lại thêu bóng rợp xuống hai bên vỉa hè những ngày gay gắt, lại gửi những lá thư màu đỏ cho người đi đón mùa đông, chuẩn bị mừng năm mới sắp đến là vừa…

Khâm Thiên ngày nay không còn là ngoại ô, nó là một đường phố không trung tâm thì cũng là phố thuộc loại sầm uất của quận Đống Đa phát triển mạnh mẽ, thuộc loại rộng và đông nhất Hà Nội. Cũng giống nhiều phường và phố khác, Khâm Thiên gồm phần lớn những người lao động, các nhà buôn nhỏ, có nhiều đền chùa, cũng nhiều trường học và theo xu thế thời đại mới cũng đã xuất hiện nhiều nhà cao tầng thành khách sạn nhà hàng với nhôm kính sáng choang.

Ít ai còn nhớ Khâm Thiên từng là nơi nhà sáng lập ra nền nghệ thuật xiếc Việt Nam đầu tiên và lừng danh: Tạ Duy Hiển cư ngụ những năm mới vào đời. Không ai còn nhớ một bõ Chũi, một ông già nghèo khổ nhưng hiền lành, nhân đức thường làm công việc đầy khó khăn nguy hiểm là đi “giải quyết hậu quả tình yêu”,

nay ta nói trắng ra là đi chôn cất những cái thai hoang, phải ôm xác đứa bé vào lòng, không áo quan, mà như một cái bọc, một em bé để che mắt cảnh sát Tây, ngồi xe tay kéo, giận châm giục người kéo xe đi mau cho khỏi lộ, ra thoát ngoại ô, tìm đống đất nào đó mà chôn vội chôn vàng, người khá thì cho mấy đồng bạc, người nghèo hoặc chẳng biết của ai thì cút rượu hay tay không, bõ Chũi vẫn cứ làm, xong việc, nhấp cút rượu cho cái khí lạnh khỏi ám vào người...

Cũng nào ai còn nhớ, giống như ngôi nhà 260 phố Huế có Quán Trung Đồ là quán giữa đường xe tang đến đây tạm nghỉ để người đi đưa, cần, thì quay lại, Khâm Thiên có ngôi nhà như thế, (số 157) mang tên Quảng Thiện Đường, nơi đám tang dừng chân, rồi sẽ đi tiếp ra nghĩa trang Quảng Thiện phía Thanh Xuân.

Cuốn sách của ông Giang Quân không chỉ nói cái buồn, mà còn dẫn một chuyện khá vui:

Mùng một Tết Nhâm Dần (5-2-1962) Hồ Chủ tịch đến thăm Văn Miếu và nghe bình thơ, hôm ấy bà Quách Thị Hồ được mời hát ca trù và ngâm thơ. Ông Vũ Đình Khoa, Phó giám đốc Sở Văn hóa giới thiệu: "*Bà Hồ lên hát...*" Bác Hồ đứng dậy, giơ tay đính chính ngay, thật vui, thật dí dỏm, làm cả bái đường Văn Miếu rộn rã. Bác nói: "*Phải nói rõ thế này cho đúng: Bà Quách Thị Hồ hát ca trù, kẻo các cụ phụ lão cười cho. Bác Hồ không lấy vợ lấy đâu ra bác gái...*"

(Sách đã dẫn, trang111)

Trận thắng Điện Biên Phủ trên không trên bầu trời Hà Nội đã có 25 tuổi. Nhớ đến nó là nhớ ngay đến Khâm Thiên, cũng như An Dương, Uy Nỗ, Mễ Trì... mà Khâm Thiên hy sinh nặng nhất. Đã có không biết bao nhiêu thay đổi, nhất là 10 năm gần đây đổi

mới, chúng ta đã có một Hà Nội lớn nhanh thần kỳ. Cuốn sách "Khâm Thiên gương mặt cuộc đời" của Giang Quân khá công phu, ghi lại cho ta biết được cuộc đời dài hàng thế kỷ Khâm Thiên, trong đó có giai đoạn ác liệt này, thật đáng quý, nó đóng góp thêm cho Hà Nội những trang lịch sử hào hùng, những trang hào hoa thanh lịch…

Phố Hoàng Hoa Thám

Nói đến Bắc Giang, nay người ta nghĩ ngay đến cây vải thiều trên đất đồi Lục Ngạn. Nhưng trước đây mấy chục năm, Bắc Giang gắn liền với tên tuổi một người anh hùng áo vải, có thực, kiên dũng, và trở thành huyền thoại: Đề Thám, tức Hoàng Hoa Thám, người lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống Pháp suốt mấy chục năm trời trong cái thế yếu cả về thế và lực, nhưng không chịu đầu hàng, và người ta cũng quên cả tên thật và nguyên quán của ông là: Trương Nghĩa, sinh ra tại làng Dị Chế huyện Tiên Lữ, Hưng Yên vào năm 1845, nói cách khác là trong một trăm năm trước khi có cuộc Cách mạng tháng Tám long trời lở đất.

Do thân phụ là Trương Văn Thận có tham gia cuộc khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn nhưng thất bại, phải tự sát, người chú của ông là Ttrương Văn Thân đem cháu lên Sơn Tây rồi Yên Thế lánh nạn, đổi tên mình là Hoàng Quát và đổi luôn tên cháu là Hoàng Hoa Thám. Thời điểm ấy cả hai chú cháu chắc cũng chưa thể nghĩ rằng cái dòng tên Hoàng Hoa Thám sẽ thành cái tên Hùm xám Yên Thế, gắn liền với một khu vực rừng núi của Bắc Giang, ngàn năm còn sáng chói cùng lịch sử dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa của Đề Thám bắt đầu nổ ra năm 1887 khi Đề Thám 42 tuổi, gắn liền với bao tên làng tên núi: Đồn Gồ, Mỏ Trạng, Yên Thế, Nhã Nam, Cai Kinh, Tam Đảo… suốt mấy chục năm trời

làm thất điên bát đảo chính quyền thực dân Pháp, khiến chính quốc cũng phải lo lắng, nhất là khi con đường sắt Hà Nội-Lạng Sơn được thi công, nhưng lực lượng nghĩa quân Đề Thám không cho chúng ăn ngon ngủ yên mà mưu đồ khai thác Đông Dương.

Cho đến ngày 10-2-1913, gần ba chục năm chiến đấu, thế cùng lực kiệt. Đề Thám bị những tên phản bội mưu sát bằng dao và búa trong một khu rừng Yên Thế, cuộc chiến đấu mới hoàn toàn lắng xuống. Năm 1908, cô bé Hoàng Thị Thế, con gái yêu của cụ Đề bị người Pháp bắt đi, mới 8 tuổi, trở thành hoa khôi ở nước Pháp, đi đóng cinêma ở bên đó, và cả đời không được tiếp xúc với người Việt Nam và Tổ quốc Việt Nam, nói tiếng Việt không sõi. Khoảng những năm Bảy Mươi, Nhà nước ta cho bà hồi hương, bà đã kể lại quãng đời thơ ấu bên cha mẹ trong chiến lũy chống Pháp hồi đầu thế kỷ thật cảm động, làm ta hiểu thêm những ngày oanh liệt và gian nan ấy cụ Đề cùng bà vợ Ba (mẹ cô Hoàng Thị Thế) đã hạnh phúc, đã nguy nan, đã anh dũng thế nào...

Có một chi tiết khá vui, nhiều người chưa biết, do chính nghệ sĩ nhân dân Đoàn Dũng kể lại (vì bà Thế sau thời gian ở Việt Nam đã trở lại sống ở Pháp những ngày cuối đời), nghệ sĩ nhân dân Đoàn Dũng, người đóng vai Đề Thám trong cuốn phim "Dũng sĩ áo nâu" (hay "Lãnh tụ áo nâu") có gặp bà Thế, lúc này bà đã trên tám mươi, anh hỏi: Thưa bà, con đóng vai Cụ có được không ạ?... Bà Thế cười rất vui, vỗ vai Đoàn Dũng nói bằng tiếng Pháp, đại ý: Khá lắm, mày đóng giống Cụ lắm con ạ... Thì ra người con gái ấy, bà lão ấy, tuy xa Tổ quốc, nhưng không bao giờ phai mờ trong tâm khảm hình ảnh người cha, hình ảnh quê hương trong lòng mình, nhất là đó lại là Đề Thám và Yên Thế...

Đã có thời, đó là vào những năm trước Cách mạng Tháng Tám, có những cuốn sách mỏng, viết về "chuyện Đề Thám" lưu

truyền một cách bí mật trong dân gian, tuy nội dung nhiều chỗ không chính xác, nhưng vẫn bị coi là sách cấm, người ta đọc rồi chuyền tay nhau, xì xầm về chuyện xuất quỷ nhập thần của con hổ xám Yên Thế lừng danh, để thích thú với nhau, để chia sẻ một điều gì trong lòng không thể nói ra giữa cuộc đời kìm kẹp...

Ngày nay, Hoàng Hoa Thám đã là một danh nhân, một võ tướng, một con người Việt Nam kiệt xuất. Có khi người ta quên ông là người của Hưng Yên hay Bắc Giang, mà chỉ nhớ đó là một người Việt Nam, một người con của Việt Nam

Hà Nội có một phố, hay gọi là một đường cũng được, mang tên ông. Phố Hoàng hoa Thám, từ ven nội đã nằm gọn trong đất nội thành, thuộc quận Ba Đình, dài hơn ba cây số (theo Nguyễn Vinh Phúc và Trần Huy Bá thì dài 3320 mét).

Bắt đầu từ cuối phố Phan Đình Phùng chỗ vườn hoa Tây Hồ, đầu kia gặp phía sau chợ Bưởi. Con đường này, xưa dân quen gọi là Đường Thành, là một đoạn thành cũ, cũng là mặt đê khá cao, mà đầu thế kỷ này còn là nơi tây đầm, quan chức thuộc địa, dạo chơi bằng xe kéo (pousse pousse), phía đông nó còn dấu vết con sông Tô Lịch chạy qua làng Bưởi, nay chỉ còn là con lạch, một bước nhảy cũng qua. Núi Voi nằm trong nhà máy bia. Núi Cung, giữa làng Đại Yên và Vĩnh Phúc cũng không còn. Chỗ trong vườn Bách Thảo còn một ngọn núi (thực ra chỉ cao hơn 10 mét, đáng gọi là gò thôi) nguyên đây là đất của Trại Hàng Hoa, trên núi mọc nhiều cây Hoa Sưa, mưa xuân, khoảng giữa tháng hai âm lịch hoa nở trắng ngần như tuyết, nên núi này gọi là núi Sưa, tên chữ là Sư Sơn, mà lâu nay rất nhiều người gọi nhầm là núi Nùng hoặc núi Khán. Núi Nùng ở trong thành, đã bị Pháp bạt đi, Núi Khán ở chỗ nay là Ban Văn hóa tư tưởng Trung ương, từng có trường Albert Sareaut.

Dọc đường Hoàng Hoa Thám mươi năm trước còn hoang vu, nay đã sầm uất chẳng kém một đường phố nào khác của Hà Nội. Dấu vết sân Quần Ngựa cũng đang bị mờ nhạt dần. Ta gặp trên đường này bệnh viện A nay là Viện chống lao, Xí nghiệp phim Tài liệu lịch sử, Cục Bản quyền Việt Nam, Cục Điện ảnh, nhà máy bia, ngã ba rẽ vào Hữu Tiệp, nơi lưu giữ chiếc máy bay B.52 bị rơi xuống hồ làng hoa, trường Cao đẳng sự phạm mẫu giáo... cùng nhiều cửa hàng bán xăng bán đồ gỗ, các khách sạn... bên những cây găng tây cổ thụ đầy gai nhọn từ gốc đến cành...

Cũng có thể gặp ở đây nhiều người khá nổi tiếng của Hà Nội đương thời: Họa sĩ Lê Huy Hòa (mới mất); họa sĩ, nghệ sĩ ưu tú Lê Huy Quang, người trang trí cho hàng trăm vở kịch, đại tá bác sĩ về hưu nhưng lại đi làm tượng bằng gốc cây Lê Trọng được trưng bày trong nhiều cuộc triển lãm mỹ thuật trung ương, nhà thơ Vân Long mới chuyển về, thường phải đứng ngay trên mặt đường để đón khách vào cái ngõ ngoằn ngoèo vì nhà chưa có số. Cuối đường Hoàng Hoa Thám (hay là ít đến nhiều) là một cái chợ bán cây cảnh đủ loại, hình như lúc đầu chỉ là khu cảnh của chợ Bưởi, nhưng nó tràn ra đây, phát triển mạnh để đáp ứng thú chơi cây và hoa của người Hà Nội ngày nay.

Hình như trên đất nước Việt Nam, địa phương nào cũng có những con người kiệt hiệt. Riêng Hà Nội với khoảng 400 đường phố hiện nay, những dòng tên anh hùng, liệt nữ, thi bá, văn hào... thì những tên tuổi kia đều được nhập vào lòng mình, vào Hà Nội, mà phố Hoàng Hoa Thám là một, như Yên Thế, cái địa danh lừng lẫy ấy cũng còn được đặt cho một ngõ nhỏ nối phố Nguyễn Thái Học (nguyên là phố Hàng Đẫy) sang phố Nguyễn Khuyến (nguyên là phố Sinh Từ) có chỗ hẹp, hai cái xe đạp cũng phải xuống dắt để tránh nhau.

Cuộc khởi nghĩa Yên Thế với Hoàng Hoa Thám, Hùm thiêng Yên Thế đã lùi vào lịch sử gần thế kỷ. Cụ Hoàng cũng đã thành thiên cổ, đến 1998 này là tròn 85 năm. Nhưng anh linh người xưa vẫn còn đầy khi ta đi trên những con đường của Hà Nội, của đất nước...

1998

Phố Lương Ngọc Quyến

Người Việt Nam chúng ta hay nói rút ngọn, ví dụ tàu hỏa đi Hải Phòng thì gọi là tàu Phòng, đi Thanh Hóa là đi Thanh, lên Thái Nguyên gọi là tàu Thái. Và nay, trà khô, xưa gọi là trà tàu, rồi là trà hương vì ướp một chút hương như ngâu, hồi... dù sản xuất ở Hòa Bình, Hà Giang, Phú Thọ... người bán trà cũng gọi bừa đi là trà Thái Nguyên, nói rút gọn là trà Thái. Có người còn cam đoan là trà Tân Cương, nhưng thực ra cả tỉnh Thái Nguyên chỉ có một xã Tân Cương thì làm sao mỗi năm có hàng chục tấn trà khô bán ở mọi nơi như thế được, chẳng qua là mạo danh cho đắt hàng làm mất cả cái quý của trà Tân Cương, trà Thái Nguyên nhỡ khi mua phải thứ trà xoàng.

Thái Nguyên, một tỉnh miền núi, đứa con đầu lòng của ngành gang thép Việt Nam, lâu nay đã quen thuộc với nhiều người, với những ai ưa uống trà và những ai làm việc trong ngành công nghiệp. Con đường từ Hà Nội lên Thái, qua Phủ Lỗ, Trung Giã, Ba Hàng, Trà Vườn, Lưu Xá đã thênh thang chạy song song cùng đường sắt, chứ nếu nhớ lại khoảng đầu thế kỷ này thì Thái Nguyên chắc còn hoang vu lắm, vắng vẻ lắm, nên thực dân Pháp mới xây nhà tù giam tù chính trị ở thị xã ấy.

Nhưng từ nhà tù này đã nổ ra cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, làm kinh hoàng cho chính quyền thực dân thời đó. Trịnh Văn Cấn đóng chức Đội nên được là Đội Cấn, được Lương Ngọc Quyến, một người tù chính trị, một nhà yêu nước trẻ tuổi làm "quân sư" đã đứng lên diệt đồn, cướp chính quyền trong thị xã. Cuộc khởi nghĩa chỉ tồn tại 6 ngày, rồi phải rút quân ra ngoại thành và bị dìm trong bể máu. Đội Cấn phải tự sát để khỏi rơi vào tay quân thù, Lương Ngọc Quyến vì bị liệt chân nên hy sinh (có thuyết nói ông tự sát để nghĩa quân khỏi bận lòng).

Cuộc khởi nghĩa tuy ngắn ngủi nhưng là tiếng kèn báo hiệu cho những cuộc cách mạng sau đó, là lời cảnh cáo chế độ thực dân hà khắc, dã man đến nay vẫn được lịch sử nhắc đến như một trang hào hùng của dân tộc Việt Nam bất khuất.

Lương Ngọc Quyến là ai mà nay ở Hà Nội có một phố mang tên ông? Đó là con trai cụ Cử Lương Văn Can, một nhà Nho thức thời yêu nước, một trong những người sáng lập phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục nổi tiếng (cũng có một phố Lương Văn Can nằm trên phố Hàng Quạt cũ).

Lương Ngọc Quyến có hiệu là Lập Nham, sinh năm 1885. Ông và em trai là những thanh niên đầu tiên hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật tìm đường làm cách mạng (năm 1905). Năm 1911 ông về Trung Quốc cùng Phan Bội Châu tổ chức ra Việt Nam Quang Phục hội. Năm 1914 ông bị cảnh sát Anh Quốc bắt tại Hồng Kông, chuyển cho Pháp và bị giải về Hà Nội, bị tuyên án khổ sai chung thân và bị đầy lên nhà tù ở thị xã Thái Nguyên. Trong tù, ông đã giác ngộ được nhiều binh lính bằng quan điểm cách mạng và bằng cả đạo đức, nếp sống giản dị, tinh thần bất khuất, thái độ chan hòa dân chủ của mình, vì vậy mà Đội Cấn đã nhờ cậy ông làm "cố vấn" cho cuộc khởi nghĩa. Lương Ngọc Quyến hy sinh rất trẻ, đó là năm 1917, mới 32 tuổi.

Phố Lương Ngọc Quyến này nằm gọn trong khu phố cổ Hà Nội, trong quận Hoàn Kiếm, dài 324 mét, nối từ phố Nguyễn Hữu Huân (xưa gọi là phố Bắc Ninh) sang đến phố Hàng Giày. Đấy là một phố thuộc loại ngắn của Hà Nội, xưa từng là thôn Ưu Nhất và thôn Ngư Võng, huyện Thọ Xương

Khu vực này từng có thời kỳ được gọi là cái dạ dày của Hà Nội, đầy hàng quà đủ loại bán gần suốt đêm vì có có nhiều rạp hát, rạp chiếu bóng, nhiều ổ thuốc phiện bí mật một cách công khai cùng nhiều Hoa Kiều sinh sống, hay thức khuya để cờ bạc, và làm những việc mà chỉ riêng họ thích. Nay giữa phố vẫn còn một rạp hát được xây dựng lại sau năm 1954, nhưng nay cải lương đang không còn khách, rạp bỏ không, đoàn cải lương Kim Phụng cũng không còn hoạt động. Xế cửa rạp có một khách sạn, nguyên là một cửa hàng thực phẩm cải tạo lại, trước kinh doanh thức ăn chín, chủ yếu là giò chả, đắt hàng vào dịp Tết Nguyên Đán (thời bao cấp gần như độc quyền nên đắt hàng là đương nhiên). Dọc phố là những nhà buôn bán nhỏ, từng có hàng phở Kế khá ngon, có hàng cao lâu có món ăn thập cẩm, thời tạm chiếm gọi là cơm Hoa Kỳ, sau hòa bình, món ấy đổi thành "Hồng Kỳ" (tức cơm cờ đỏ). Ghê thay cho thói theo thời của người chủ cao lâu này. Mấy năm nay, hàng ăn lại mọc ra nhan nhản khắp phố, nào cà phê Ca, nào các hàng xôi trứng rán, xôi lạp xường, xôi gà, xôi thịt kho tàu, nào bánh bao nóng, cùng phở, mỳ, cháo và rất nhiều món khác cho khách ăn tới khuya. Ngã ba, phố Lương Ngọc Quyến gặp ngõ Nội Miếu, nơi có nhà sản xuất xì dầu cũng đã thành khách sạn với nhôm kính sáng choang, tây ba lô thích thuê ở đây vì rẻ và cũng vì dễ đi chơi trong khu phố cổ Hà Nội bất cứ giờ nào. Quá một chút, trên phố Hàng Giày, có quán bánh trôi tàu, lục tào xá, chí ma phù của nghệ sĩ ưu tú Phạm Bằng đứng bán (cùng vợ và mấy cô con gái) khi ông không lên sân khấu. Cũng

khá ngon nên đông khách. Có khi chủ quán cùng khách ngồi bên bát chè ngọt bình luận về vở diễn hoặc một cuốn băng hình vừa chiếu trên truyền hình.

Một người Hà Nội, hy sinh ở Thái Nguyên. Trà Thái Nguyên hàng ngày bán nhiều trên phố Hàng Điếu. Hà và Thái duyên tình gắn bó là vậy, chưa kể hàng ngày xe lửa đi về giữa hai thành phố, một Thủ Đô và một cũng là thủ đô của cách mạng, của kháng chiến...

Phố Bắc Ninh

Với khoảng hơn 400 phố hiện nay, Hà Nội thưa thớt dăm ba cái tên phố là địa danh nơi khác, so với các phố có chữ Hàng thì quá ít. Đó là các phố Yên Thế, xóm Hạ Hồi, phố Huế, phố Tuyên Quang (nay là Cao Bá Quát) chợ Hòa Bình tức chợ Trời thực ra là chợ lập ra từ ngày hòa bình. Cũng còn mấy cái tên nữa như Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử, Vân Đồn... nằm ngoài đê sông Hồng. Và Hà Nội từng có một phố mang tên Bắc Ninh. Cứ lẩn thẩn vu vơ nghĩ: Có phố Bắc Ninh sao không có phố Bắc Giang, phố Kinh Bắc hoặc bao nhiêu tên địa phương đáng yêu khác? Thôi đó là việc của một số nhà quản lý, còn chúng ta bằng lòng với những dòng tên ấy chứ sao.

Thời thuộc Pháp, có một phố mang tên thống chế Pê - tanh (Maréchal Pétain), mang thêm tên phố Bắc Ninh, sau đổi thành phố Phan Thanh Giản và nay, tên chính thức là phố Nguyễn Hữu Huân, một đầu là chỗ ngã ba với phố Trần Nhật Duật, nhưng theo một góc nhọn chứ không phải góc thước thợ như những ngã ba thông thường khác. Sau khi lăn mình đi gần tròn 450 mét, nó kết thúc ở ngã tư Lý Thái Tổ và Lò Sũ, mà một thời phố Lý Thái Tổ được gọi là Hàng Vôi trên, phân biệt với Hàng vôi đi song song và nhỏ hơn về phía Đông. Trường tiểu học Nguyễn Du từng được gọi là trường Hàng Vôi cũng vì thế.

Hà Nội là nơi hội tụ nhiều thứ hàng, nhiều nghề, mỗi nghề cũng thường mang một nét gì đó tượng trưng, chẳng hạn các cửa hàng chữa điện thường mang chữ Quang, hàng đồ gỗ mang chữ Lâm, hàng vàng bạc mang chữ Kim v.v... Khoảng những năm ba mươi, thân phụ tôi có mở một cửa hàng chữa điện, đồng thời bán phụ tùng đồ điện như dây chì, dây bọc, bóng đèn, cái phích cắm v.v... có tên là hiệu Tiên Quang, ý là người Tiên Khoán và nối chữ Quang là sáng, để nói điện là sáng, như thế. Sau đến người anh cả tôi nối nghiệp, tên ông là Trong, nên đổi là hiệu điện Quang Trung ở phố Cầu Gỗ. Còn nhiều hiệu khác cũng có chữ Quang như Cơ Quang, Tân Quang, Điện Quang, Minh Quang v.v... Còn những hiệu làm và bán đồ gỗ có chữ Lâm thì người ta thấy tập trung khá nhiều ở phố Bắc Ninh: Những Quảng Lâm, Quảng Nam Lâm, Thành Lâm, Mỹ Lâm v.v...) vì phố Bắc Ninh một thời gần như phố bán đồ mộc từ cái giường đôi, cái ghế đẩu, chạn bát, giá để sách, tủ đứng, bàn làm việc v.v... Có nhà làm ngay đồ trên vỉa hè, có nhà buôn gỗ súc để hàng đống gỗ tròn, trẻ con trèo lên chơi, có nhà chỉ buôn thành phẩm...cho đến thời điểm 1997-1998 này, chỉ còn một hai nhà chế biến đồ gỗ, còn hàng mấy chục nhà buôn, là cất hàng đóng sẵn từ nơi khác đến giường, tủ, ghế, bàn, tủ gương, tủ tường xa lông, những thứ đóng ở Hà Đông, Sơn Tây, Cổ Nhuế. Có thứ gọi là đồ Sài Gòn nữa nhưng thực chất là đóng ở gần đây thôi. Ngoài phố Bắc Ninh (Nguyễn Hữu Huân) nếu muốn mua đồ gỗ thì có thể đến đê La Thành, Giảng Võ, đến phố Quang Trung, Hàm Long (nửa đầu phố). Thế là phố Bắc Ninh mất độc quyền đồ gỗ, nhưng giống bất cứ phố nào khác của Hà Nội trong thời mở cửa, phố Bắc Ninh cũng đủ nhà cao thấp, đủ mặt hàng, từ ăn uống, khách sạn, bán vé máy bay đến tạp hóa v.v...

Phố Bắc Ninh từng có một căn nhà lụp xụp ngoài cửa treo tấm mành cũ, hai bên cửa lùa đóng im ỉm, nhưng rất nhiều văn nghệ

sĩ lui tới. Đó chỉ là một quán cà phê bình dân, nhưng ông chủ quán lại rất Mạnh Thường Quân, bán cà phê chịu, và lâu lâu, các họa sĩ mang trả bằng một bức tranh nào đó, bột màu, sơn dầu, giấy dó, lụa, và thế là quán thành nơi sưu tập tranh giá trị của nhiều họa sĩ tài danh, treo la liệt trên tường từ dưới nhà lên gác, của Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Dương Bích Liên, Lưu Công Nhân v.v... và nghiễm nhiên, ông chủ quán cà phê thành tỷ phú mà lúc đầu ông không hề nghĩ thế. Đó là quán cà phê Lâm, gọi thân mật là Lâm Toét vì mắt ông kém, để phân biệt với quán cà phê Ngọc Lâm phố Hàng Da, cà phê Lâm phố Tô Hiến Thành, ông này nguyên là người định mắc dây cho hệ thống truyền thanh của Sở Văn hóa (nay cũng có khá nhiều tranh treo tường).

Chỗ đầu phố, trước khi có cây cầu Chương Dương đồ sộ người Hà Nội quen gọi chỗ này là phố Cột Đồng Hồ vì có một cái đồng hồ công cộng, lúc chạy, lúc nghỉ. Còn hai bên phố có hai cái ngõ nhỏ, rất Hà Nội. Một là ngõ Phất Lộc, vẫn còn ngôi đình, cổng có chiếc nậm rượu, không tròn, mà bẹp, đứng nghiêng thì thấy như một tấm bìa, nay ngõ này có đủ mọi hàng quà sáng, quà chiều trên nền chữ chi ngoắt ngoéo, nhà bên này tưởng giơ tay với được sang ban công nhà đối diện bên kia. Một con ngõ nữa tên chính thức là ngõ Nguyễn Hữu Huân, trước đấy có tên là phố Bạch Thái Bưởi, tên một nhà doanh nghiệp dũng cảm nổi tiếng hồi đầu thế kỷ, dám kinh doanh cả tàu thủy cạnh tranh với các hãng người Hoa Kiều, người Pháp, lừng danh một thời, có người còn gọi ông là người anh hùng trong thương mại trên các dòng sông Bắc Việt Nam. Khi tên phố đổi, thì tiếc sao, cái ngõ cũng phải đổi theo, Bạch Thái Bưởi chỉ còn là kỷ niệm trong lòng người Hà Nội.

Người xưa nói: Trải qua một cuộc bể dâu... có lý. Nguyên lòng phố Nguyễn Hữu Huân nay phẳng lì, thẳng tắp, nằm sâu

trong lòng đất Hà Nội chứ khoảng trăm năm trước, đây còn là bờ sông, con đê chắn sóng còn nằm hùng vĩ trên lòng con đường ngày nay, cũng như khi Nguyễn Văn Siêu dựng Đài Nghiên, Tháp Bút và bắc cầu Thê Húc đứng ở hồ Hoàn Kiếm còn nhìn rõ ngàn dâu xanh ngắt bãi sông, ánh sáng mỗi ban mai còn lấp lánh ánh nước sông Hồng, chiếu vào tận mép nước Hồ Gươm, vào đỉnh tháp, nên cầu son mới mang tên cầu "Đón ánh sáng ban mai đậu lại"

Phố Nguyễn Hữu Huân nằm gọn trong khu phố cổ, nhưng không còn dáng dấp một chút gì của mấy trăm năm trước. Cũng ít ai còn nhớ nó từng là đất của các thôn xóm Trừng Thanh, Mộc Sà, rồi Trang Lâu, Tả Túc, Ưu Nhất, Trung Nghĩa... của huyện Thọ Xương cũng như ít ai còn biết nó từng mang tên phố Bắc Ninh có Đình Bảng, sông Tiêu, chùa Khám, có quan họ, Luy Lâu...

Nguyễn Hữu Huân là ai? đó là Thủ Khoa Huân, người làng Tịnh Hà, tỉnh Định Tường-nay thuộc tỉnh Tiền Giang-Nam Bộ. Ông thi đỗ thủ khoa năm 1852, nên ông mang thêm tên Thủ Khoa Huân. Ông là một trong những người dấy binh chống Pháp oanh liệt một thời gian dài trên đất Nam Bộ, bị bắt nhiều lần, bị đầy sang đảo Rê-uy-ni-ông, ông vẫn không chịu khuất phục. Năm 1875, chúng bắt lại, tuyên án tử hình, ông tự cắn lưỡi chết không chịu để Pháp chặt đầu. Ông cũng để lại nhiều áng văn thơ giá trị, còn trong nhiều tuyển tập do đời sau sưu tầm.

Đi trên hè đường phố Nguyễn Hữu Huân, cứ mang máng nhớ đây là phố Bắc Ninh xưa. Hàng cây xà cừ lực lưỡng mới trồng mấy chục năm nay, loáng thoáng reo vui, bóng lá thưa thớt chỉ đủ cho gió lướt qua nhè nhẹ, mà mình hình dung ra lơ thơ dòng nước sông Cầu, phảng phất tiếng ca quan họ, thấp thoáng tà áo đổi vai của liền chị ngày xuân cùng cái ô anh hai dùng dằng người ở...

Không hiểu trên các thành phố thị xã khác, có nơi nào có phố mang tên phố Hà Nội? Phố ấy dài ngắn ra sao, nắng mưa thế nào,

người và cây, nhà và hàng họ có những gì? Còn Hà Nội mình đây, đã gom góp bao nhiêu tinh hoa của cả trăm vùng đất nước vào lòng, dù chỉ là thưa thoáng dăm ba, dù chỉ là bước đầu hội tụ. Phố Bắc Ninh-Nguyễn Hữu Huân là một trong số đó...

1998

Phố Đội Cấn

Kinh Đô xưa có Đông Hòe Tây Liễu. Hà Nội đang tự lao tốc độ đưa tàu mình vào ga kỷ niệm nghìn năm. Hòe Nhai còn đó phố xưa. Liễu Giai còn đây phố mới, mang tên Đội Cấn. Mấy chục năm hoang vu ruộng rau vườn thuốc ao bèo bờ tre lối đất, kém 140 thước tây thì tròn ba cây số, phố Đội Cấn một đầu là nhà nghỉ chân cho khách hành hương vào Lăng viếng Bác Hồ, còn đầu kia gặp con đê La Thành Cống Vị với cái dốc cao có thể làm chỗ tập lái xe hơi, nếu ta lên dốc đi men mặt đê một chút, mấy chục năm trước còn cái "Đấu đong người", chỗ mờ sáng người cai cơ cho các chú tập binh vào đấy mà đếm bao nhiêu đấu để nhân lên số lính đi canh gác đô thành...Phố Đội Cấn còn có cái sân bầu dục to rộng gọi là sân Quần Ngựa hoang phế mấy chục năm cỏ mọc giữa mạn tây bắc Thủ đô.

Đây là vùng đất cổ, từng có người con gái Trần Thị Tường mới lên 9 đã theo Lý Thường Kiệt đi đánh giặc sau được phong là Ngọc Hoa Công chúa, cũng là chỗ người con trai họ Hoàng bên làng Lệ Mật Gia Lâm nhờ cứu công chúa con vua mà được đất, mở ra mười ba cái trại (thập tam Trại) đời đời ngày giỗ tổ, trai thanh gái lịch mở hội về bên kia sông cái Nhĩ Hà thăm quê cha có nghề bắt rắn lừng danh.

Mười năm đổi mới, phố Đội Cấn rộng dài thêm chiều cao, đầy tấp nập, hòa mình vào sôi động thị trường, dù vẫn mang hình

hài con phố hình xương cá mở ra hàng chục con ngõ rẽ vào các ngả, nào sang Vạn Phúc phía Giảng Võ, nào dẫn đến làng hoa Ngọc Hoa Hữu Tiệp, có những phiên chợ họp đêm trong sương để gà gáy hoa trảy vào Hà Nội.

Gần cuối phố Đội Cấn, có nhiều khu nhà tập thể, có tòa soạn báo Thanh tra, có khu cán bộ Chính phủ, nếu không hỏi kỹ tên nhà, tên phòng thì khách có thể lạc đường trước bao dãy nhà giống nhau về dáng đồ sộ, về nét kiến trúc, về màu vôi tường, về những ban công hoa leo hay cửa sắt kéo...

Khách sạn và nhà hàng, cờ treo cùng biểu tượng... phố Đội Cấn không còn là vườn thuốc ruộng rau khoai với những ngôi chùa cổ kính im lìm heo hút như chùa Bát Tháp, nhà thờ Liễu Giai... mà nghe nói chính chùa Bát Tháp từng có tên chùa Chân Giáo, nơi vua Huệ Tông nhà Lý bị bức tử năm 1226 dưới tay Trần Thủ Độ (?) và nhà thờ Liễu Giai trong thời kháng chiến bị biến thành nơi giam cầm các chiến sĩ yêu nước chống Pháp, nay đang là một khách sạn bề thế rất trần gian tục lụy chứ không còn là nơi hồi chuông tôn giáo vang vọng sớm hôm.

Mặt đường phố Đội Cấn không rộng, nườm mượp người xe ngày đêm tưởng như nó phải gồng lên vì quá tải, giống như nhiều con đường khác của một Hà Nội vươn mình trong cái thế gò bó vì đất hẹp.

Đội Cấn là ai mà được lấy tên đặt cho một đường phố Thủ đô? Hình như tên thật và quê quán của ông ít người nhớ tới mà thường nhớ đến tên ông người ta liên tưởng ngay đến Thái Nguyên, một vùng đất cổ có sông Công sông Cầu phát tích, từng là chiến khu Việt Bắc, là cái nôi của ngành gang thép Việt Nam, nơi có những ngọn đồi như lưng những con cá voi bị san lấp để mở ra một khu công nghiệp đầu tiên non trẻ Việt Nam.

Đội Cấn tên thật là Trịnh Văn Cấn còn gọi là Trịnh Văn Đạt, người xã Vũ Di Vĩnh Phú, đăng lính khố đỏ và được phong chức Đội (tương đương trung sĩ hiện nay) chỉ huy một đội lính khố đỏ đóng đồn tại thị xã Thái Nguyên. Nếu chỉ có thế thì con người này đã mục nát với cỏ cây qua biến thiên suốt một thế kỷ nước non ngàn cân treo sợi tóc. Ông thành nhân và thành danh, được cả nước nhớ tới chính vì trái tim yêu nước thương nòi, tấm lòng quả cảm, được Lương Ngọc Quyến một người tù yêu nước bị giam cầm trong nhà ngục Thái Nguyên lúc ấy giác ngộ, Đội Cấn đã đứng lên khởi nghĩa, diệt tên giám binh, cướp đồn vào đêm 30 tháng 8 năm 1917, trước cả khởi nghĩa Yên Bái của Nguyễn Thái Học, trước cả phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930.

Lùi lại quá khứ, hồi tưởng thế kìm hẹp của thực dân Pháp vừa bình định đất Bắc, ta càng khâm phục con người dám đem trứng chọi với đá, không sợ đầu rơi máu chảy. Mà quả như vậy, giặc Pháp đem quân đàn áp với lực lượng quá chênh lệch, ông phải rút quân ra ngoài thị xã vào đêm 5-9-1917, và cuối cùng để khỏi rơi vào tay giặc ông đã tự sát trên đất Vĩnh Phú vào ngày 11-1-1918. Cuộc khởi nghĩa chỉ tồn tại mấy ngày, và nói đúng hơn, mấy tháng, nhưng dòng tên Đội Cấn còn mãi là dòng son trong lịch sử dân tộc.

Thì ra đâu có phải chức cao tước lớn hay giàu có sang trọng mới đáng được lưu danh thiên cổ. Có nhà hiền triết đã nói: "Chỉ những ai dám sống và chết cho nhân dân thì mới sống mãi với nhân dân..." có lẽ còn rất đúng với con người tài nhỏ nhưng chí lớn Đội Cấn của Thái Nguyên mãi mãi.

Một lời bài hát Văn Cao đã viết: "Bắc Sơn, Nam Kỳ cùng Đô Lương Thái Nguyên..." chính là nhắc đến cuộc khởi nghĩa ngắn ngủi nhưng lừng danh trên đất Thái Nguyên do Đội Cấn và Lương

Ngọc Quyến lãnh đạo cách đây hơn tám mươi năm, đã tạc vào lòng dân tộc tấm gương vì dân nước của con người do hoàn cảnh phải đi lính cho Pháp nhưng đã dám đứng lên khởi nghĩa chống Pháp mong cứu nước cứu dân.

Cũng chưa rõ các thành phố nào trên toàn cõi Việt Nam, có những đường phố mang tên ông, nhưng Hà Nội và chắc chắn Thái Nguyên, tên ông ngày ngày được nhắc đến với bao thiết tha, ngưỡng mộ...

1998

Mùa chuyển

Hình như mỗi năm khi mùa thu về gạt mùa hè vào quá khứ, đều có một điều. có một điều gì báo trước, lăn tăn trên gương hồ, se se nơi vai áo... còn lúc chuyển mùa, xuân nhường cho hạ, thì không gian dường như cũng có những "anh bưu tá" của nhà trời đi báo tin vào đêm qua, đêm kia bằng những cơn gió nồm lồng lộng, và lơ đãng để quên màu vàng trên ngọn cây xà cừ, trên tầng là sấu... Sáng ra, mặt đường có ai trải thảm tơi bời. Anh chàng lực sĩ xà cừ rì rào điều gì tâm sự, trong khi những cô nàng sấu màu áo quan lục thẫm lại tươi vui, tự dệt cho mình màu áo mới bằng thứ sa tanh màu mỡ gà, màu lá mạ non, cũng có nàng là màu đồng điếu bắt chước màu nõn cây bồ đề nơi cửa Thiền, hay trên ngọn hàng bằng lăng nước tở mở chưa thành lá nõn.

Đã qua tiết Thanh Minh có món bánh trôi bánh nơi Hội Đền Hùng, sẻ ra làm hai mâm, mâm này 50 viên đem lên đỉnh núi, mâm kia 50 viên mang xuống dòng sâu để hồi tưởng Mẹ Việt Âu Cơ cho trăm chàng trai đi dựng nước... Những ngôi mộ trên các nghĩa trang cỏ đã mướt mát màu xanh, yên lòng người nay và đẹp ý người xưa.

Nắng mới còn non, chưa đủ nhuộm vàng hoa bí, nên món rau bí xào tỏi xuất hiện trong những bữa cơm còn ngon vì lạ miệng hơn cả những ninh, hầm, rim, rán...

Ta có thể mặc chiếc sơ mi ngắn tay, hoặc dài tay thì xắn nó lên mà vẫn thắt chiếc cà vạt chéo màu cho thanh lịch người Hà Nội, đến nơi trang trọng.

Những chiếc chăn bông còn uể oải chưa chịu nằm trong bó, ngủ vùi một góc gác xép chờ sang năm, nhưng những chiếc quạt cũng chưa lên tiếng gọi người. Trên đường phố, những xụ xị áo len, khăn quàng… đã giảm, làm thơ thới mắt nhìn cái thanh thoát bắt đầu xuất hiện trên những tròn vai thanh nữ dáng say mê…

Còn lâu mới đến lúc uống cốc nhãn lồng sen mát lạnh và thơm ngọt, lúc này cô hàng bánh gio thủng thẳng đi rong, liễn mật giọt tưới lên những thỏi pha lê màu vàng trong mờ… cho ta đi vào mùa mới, không rét gai ghê cũng chưa nóng nung tầm tã.

Bát canh thịt nạc nấu quả sấu non đang lấp ló một nơi nào, chờ bàn tay người phụ nữ Hà Nội chiều chồng mà có mặt. Cái hạt sấu trắng tinh mềm như hạt ngô nếp, đẹp như cái răng sữa con thơ, ta sẽ được nhai nhai để cảm nhận những ngày chuyển mùa lơ mơ như được uống thứ rượu trời lâng lâng chân bước…

Hình như thi sĩ Hồ Dzếnh có những câu thơ giữ lại được những ngày chuyển mùa này mãi mãi:

Trời đẹp như trời mới tráng gương
Chim ca tiếng sáng rộn ven tường
Có ai trong cửa ngồi hong tóc
Cho chảy lan thành một suối hương

Và cái chàng thi sĩ đa tình ấy kết luận:

Mày ai bán nguyệt, người ai nhỏ
Em ạ, yêu nhau chết cũng đành…

Ôi, nếu yêu nhau mà chết thì uổng phí quá, uổng phí cả tấm gương trời và gió mỏng, uổng cả nắng tơ và hoa gạo, mơ chùa Hương, uổng cả bát canh rau tập tàng (tức rau láo nháo) nấu với trứng cáy sấy khô buộc từng chục một, ăn với quả cà pháo đầu mùa, giòn tan, người bên cạnh cũng thấy ngon nơi cuống lưỡi...

Cây lộc vừng bên hồ Gươm chưa treo những dây pháo đỏ làm ta phân vân không hiểu nên uống một tách cà phê nóng hay ly cà phê đá khi người bạn gái của ta lại thích một cốc nước cam nóng bỏng... Cái thời tiết đẹp lạ lùng và cũng oái oăm, một ngày như chứa đựng cả bốn mùa hoe hoe xuân, trưa ngan ngát nắng hè, chiều lơ mơ thu và đêm lành lạnh, nhưng đắp chăn bông vẫn cứ phải cho đôi bàn chân ra ngoài chăn cho mát tê cảm giác của đêm hoa nhài đang nở... Hà Nội không phải Đà Lạt, những ngày chuyển mùa có đủ ấm lạnh đâu có nhiều cho ta thưởng thức.

Người xưa giàu tưởng tượng: Hồ ngoại ô đã nảy tiền sen, chắc là ngó sen vương tơ lên trời, trả tiền cho mây trắng lãng du để những bông hoa tinh khiết ấy mua về màu thắm và hương ngát, để chia cùng ta niềm bồng bềnh mà ta không biết đang là mùa nào, đang ở đâu, đang có điều gì làm đắm cả hồn ta vào bao la bát ngát...

Quanh Bờ Hồ, những hàng kem chưa đông khách, những cốc kem ba màu, năm màu, thậm chí đến 31 thứ mùi... chưa hấp dẫn lứa đôi và trẻ nhỏ, nhất là tự nhiên người ta lắp thêm mấy ô cửa kính rồi tăng giá lên gấp 5 lần, dù vẫn chỉ là thứ kem ngày cũ trong câu ca: "Mình ơi có đi Bờ Hồ, cùng ta ăn kem cùi dừa..."

Ngày chuyển mùa, hay gọi là giao mùa cũng cứ hay, Hà Nội đẹp như lễ cưới, có lẽ trời cưới đất, đất làm lễ tơ hồng cùng trời và ta là thượng khách, nâng cốc thiên nhiên uống cạn đến giọt cuối cùng khà lên một tiếng đầy rung cảm...

Ven sông, con đê đang được bồi trúc, còn lâu mới đến ngày con lũ Tiểu Mãn đổ về, còn lâu mới bập bềnh củi rều và sóng dữ... Sông Hồng vẫn hiền hòa như cô gái ta yêu, nàng đang thơ thới, nàng đang vào mùa xuân sắc đa tình chứ không dữ dội vội vàng, mặc cho những cánh buồm thời gian xuôi ngược, chẳng đỏng đảnh, phũ phàng quăng quật...

Ta sang qua sông, những làng hoa mới thay cho Ngọc Hoa Hữu Tiệp bị lấn chen, những luống hoa loa kèn trắng muốt gọi mời, thì ra người "bưu tá trời" đã kịp đi đến mọi ngả đường, phố xá và làng mạc, đường nhựa và đường đất, nhà ngói và nhà tranh (mà không phải như Ngô Tất Tố nói: Tắt đèn nhà ngói như nhà tranh-bởi tắt đèn, thì nó cũng vẫn khác nhau lắm đấy...) ngọn cây và hồn người... báo tin mùa chuyển, gieo mầm tươi xanh để hứa hẹn mùa thịnh vượng đón hồi sấm đầu mùa cho ì oạp dòng mương ít ngày sắp tới...

Có em gái nhỏ, để lại bột ngân nhũ trên tay áo mà ngắm nhìn quả ngót mọng đỏ của ngày giao mùa, những quả nhót như cũng đồng tình, tự nguyện làm chiếc tem thư, báo hiệu thời gian đã khác mùa xuân nhưng cũng chưa đến mùa hè...

Vẫn còn những bé em hồn nhiên, buổi tối soi đèn đi bắt ve sầu lột xác bên những gốc sấu gốc me... Những chàng nhạc sĩ chơi vĩ cầm bất hạnh, làm nhức nhối một mùa phượng đỏ, chắc đã động lòng thời tiết, nên mới rời bỏ cái tổ ấm êm suốt mùa đông giá, lên với trời trong suốt pha lê...

Ta hình như cũng trở nên trong suốt với vòm sao còn thưa vắng những ngọn đom đóm đưa đường vì mùa hè chưa vội vã.. Phải ra đường, phải đến một nơi nào đó, phải gặp mặt ai kia... những ngày chuyển mùa hình như nói thế.

4 - 1998

Khi mùa xuân đến

Trên đời này có lẽ không ai không chờ đợi một cái gì. Cứ trắng một đêm mà hồi ức lại xem. Ta đã bé thơ chờ đợi mẹ về, ta đã hoa niên đợi bước chân người yêu đến hay không đến, ta đã run cả thần kinh chờ đứa cọn đầu lòng ra đời trong tiếng kêu xé thịt của một nửa thân ta sau bức tường trắng rợn nhà hộ sinh. Ta đợi bông hoa đầu tiên sau bao nhiêu công phu chăm bón. Ta khốn khổ đợi sáng để đi nhổ chiếc răng đau vật vã canh dài mà cái đau ấy như kéo dài thêm ra mãi mãi... Ta bồn chồn chờ người quay về sau bấy nhiêu thời gian đằng đẵng...

Và ta đợi mùa xuân, đợi Tết. Ta giàu có và ta thiếu thốn. Ta vẫn cứ đợi chờ giữa chợ đời Một Chạp hối hả guồng quay. Làm sao cho con có bộ áo lành, dù là vải thường cũng được. Làm sao có sợi dây chuyền vàng mấy chục Kara cho cái cổ cao ba ngấn nõn nà của "nàng" lấp lánh; Tết ơi, người là thần linh mà cũng là ma quỷ, là gông cùm hành hạ mà cũng là sảng khoái mê ly, là địa ngục hòa lẫn thiên đường, là trần tục chen với tâm linh, mà dù thế nào thì ta vẫn chờ vẫn đợi.

Người đàn bà tóc đã bạch kim lại nói: "Tết nay, "mình" định mua cành đào thế nào?", câu hỏi cứ được nhắc lại đến nay đã đến dăm chục lần trong đêm gió bấc, lá cơm nguội tơi bời trước lúc xuân sang.

Có năm mái tóc ấy cười như ánh hoa đào thắm đỏ một sắc bích nồng nàn. Có năm nàng reo lên cùng ánh đào phai mướt mát tươi ngần cao phẩm cách. Có năm nàng lại im lặng, cái im lặng nghe thấy lời chê cành không như ý... lại có năm nàng lẳng lặng đi mời thêm mấy cánh hồng nhung đỏ thắm để nâng đỡ chút bạch đào quá lạnh, dù đó là sắc trắng trinh ngần không gợn một chút bụi nhân gian.

Chẳng lẽ Tết chỉ có một hoa đào? Nhưng nếu không có hoa đào thì Tết khác nào đêm tân hôn cô dâu bỏ trốn, khác nào bến đò không khách chiều mưa không chút hoàng hôn. Nó chỉ là còn là bữa tiệc linh đình nhưng bao nhiêu món sang trọng do người đầu bếp tài hoa nấu ra cũng đành... không thể, bởi người quên tra muối.

Ta đợi hoa đào mà tưởng mình là chàng Kim đợi tin nàng Kiều suốt mười lăm năm xa cách bặt âm hao, dù mới chỉ hơn ba trăm ngày đi qua kể từ hoa đào năm ngoái...

Ta đã nghe thấy ánh hoa đào mở sắc từ lúc lá đỏ bằng lăng nước ngập đường Thợ Nhuộm, lúc mây rươi vẩn trời, lúc đàn sếu đo mây... biết rằng đây là lúc lá đào về gốc, hoa còn ẩn tế bào, nụ còn nằm trong gốc, chưa có hình có dáng, bởi chính nó cũng đợi mùa xuân, đợi dương hòa sinh khí vỗ về...

Con tàu chở Tết đã khởi hành từ ga Tháng Chạp, hay từ ga mùa xuân năm trước, đang đỗ lại từng ga có tên ngày mùng một, ngày mùng mười, ngày Ông Công Ông Táo... Nó tốc hành rong ruổi, nó chậm rãi nuốt đường, nó lao đi hay bò đi làm lòng ta thắc thỏm...

Người bạn ở Miền Nam mỗi năm chỉ có hai mùa khô và nắng, Tết đến tỏa mồ hôi uống đá chanh mà nhớ về màn mưa bay phấn

trời Hà Nội ảo mờ ngọn tre... Anh gửi cho ta lá thư chữ viết ngoằn ngoèo như rối bời tâm trạng nhớ nhung... Bạn nhớ miếng thịt đông có chất trong như thạch, có lớp mỡ ngần như da con gái... hỏi cái ngõ Phất Lộc có còn mùi cà phê thơm sương sớm mưa thưa, cái ngõ Tràng An cạnh phố Huế ồn ào vẫn cứ tịch liêu như người ẩn dật, cây mai vàng trồng ở vườn hoa Chí Linh có còn sống cho hoa hai độ nở hay không.

Bạn ơi, đây là lời ta gửi đến thay cho lá thư thương nhớ.

Người em gái, nguyên là nữ sinh Trưng Vương, rời Hà Nội theo chồng vào xứ Tháp Bà Pogana Nha Trang mấy chục năm, nơi đầy sóng biển nhưng cũng đầy nắng đỏ, lại hỏi rằng hàng cây cơm nguội đường Lý Thường Kiệt, kể cả hai cây cổ thụ trước cửa nhà thờ Hàm Long và hai cây như hai anh vệ sĩ trước của Tòa Thị Chính nay gọi là Ủy ban Nhân dân, hai cây cơm nguội bao giờ cũng thay áo đầu tiên và ra lộc trước tiên trước mọi anh em mình trên các phố, lúc này ra sao trong mây bạc và sương sữa thế nào...

Em gái ạ, cái phố Liên Trì của em gần hồ Thiền Quang cũng đã nhiều thay đổi. Ngõ cụt khi xưa anh từng đưa em đi học, nay đã bắt vào từng phố, cho rơi cái từ Ngõ đi rồi, không còn giống như em tưởng tượng ngày em chưa là "con thuyền theo lái", bỏ Hà Nội ra đi. Chỗ nó gặp phố Trần Quốc Toản vẫn còn nhà thơ Băng Hồ cư ngụ, vẫn còn cái phố tí tẹo nhưng không là ngõ mà mang tên phố, phố Đoàn Nhữ Hài, nơi nhà văn Tô Hoài ngày đêm vẫn như người lực điền cày chăm chỉ trên những thửa ruộng trắng, tỏa những mùa màng chắc mẩy...

Em gái ơi, đây là lời ta gửi đến thay cho lá thư thương nhớ. Từng có một hoàng tử Đan Mạch của Sêchxpia gọi trái đất này là cái nhà tù lớn. Ta thì không. Ta chấp nhận một Hà Nội của ta như một ngôi nhà mẹ cha cho, một lâu đài cho ta, một thiên đường cha

ông để lại cho ta, ta chấp nhận là con chim trong cái lồng son Hà Nội bởi ta thiết tha yêu, say đắm tình với tất cả mồ hôi và máu thịt tất cả nụ cười và nước mắt đời ta. Mỗi xuân về ta lại được bay lên theo đàn ngỗng trời, theo đàn chim nhạn dệt màn ngang dọc ngoài mưa, được thơm tho hạt cốm ủ lá sen mà chu du khắp nẻo, ta mở hồn theo màu đào bích đào phai ra khắp phương trời. Ta cũng là bóng Tháp Rùa vào ống kính khắp năm châu, những con người từ xứ tuyết miền nắng đến đây, ngủ trọ trong khu phố cổ, tập cầm đũa ăn món bún chả Hàng Mành, ăn bữa cơm bụi phố Đinh Liệt rồi mang theo về nước điệu ca trù từ Bích Câu Đạo quán, làn quan họ từ bái đường Văn Miếu, câu chèo cổ từ phố Nguyễn Đình Chiểu chỉ vài chục chỗ ngồi...

Ta dân thường nhưng ta là hoàng tử của Hà Nội, và Hà Nội là hoàng tử của lòng ta. Đã có lúc ta ăn con ghẹ luộc nơi địa đầu Phú Quốc, con cá kho tộ ở Sài Thành, bát bánh canh, mì Quảng trên vỉa hè Đà Nẵng, bát cơm hến bên bờ sông Hương, con cá chim tươi lẫn cát ngoài đảo Cô Tô, món phở chua biên giới Lạng Sơn... Nhưng Hà Nội vẫn theo ta từng giây phút, vẫn đợi ta về từng ngày, để trình bày viên mứt sen vàng óng phố Hàng Đường, Hàng Điếu, bát bún thang bà Ẩm chợ Đồng Xuân, tách cà phê túi phố Hàng Vôi sau tường nhà máy nước đá một thời... và hoa đào Phú Thượng, Nhật Tân khi ta và mái tóc bạch kim nghiêng mình trong hoa, rối tóc vào hoa, mắt no nê hoa và no nê tình ái.

Cứ đi đôi giày tàng, giày của các hãng "Đinh tường", mà ông thợ giày khoác cái tạp dề xanh, kẹp chiếc đe hình mỏ con chim bồ nông vào hai đầu gối, khâu bằng hai cái kim, chữa lại đôi giày há mõm vá vẹt gót, treo nó lên cái đinh trên tường... Ta đi đôi giày như thế, làm thất vọng mấy bé lang thang đánh giày, ta lội trong hoa, giữa hoa, bên hoa, vào hoa từ vùng đào quanh Hồ Tây đến chợ hoa Hàng Lược. Cái chợ hoa có những cô gái áo nâu tay

cầm cành đào giơ lên như cầm ngọn đuốc bập bùng lửa đỏ soi bước cho xuân về...

Ta gặp ở chợ hoa ông già mặc áo Ba đờ suy nhậy cắn từ năm nao năm nảo, ta cũng gặp những nàng hoa đào thanh tân sắc gái, mơn mởn dậy thì Hà Nội phổng lên. Mọi người đi mua mùa xuân đấy.

Mùa xuân hào phóng, không phải trả tiền, mà cho tất cả, từ sắc màu rờ rỡ đến âm thanh tíu tít, gương mặt tươi hồng, dáng đi uyển chuyển, cái liếc mắt chết người, bất chấp tóc bạc với má hồng.

Chợt mà lại nhớ một ngày chờ Tết, trụ sở Hàng Buồm có cuộc vui chờ Tết, một nhà thơ già ngồi bên nữ thi sĩ trẻ măng, ông ứng khẩu câu thơ hay câu đối: *Bạch phát át hồng nhan*... cô gái làm thơ ứng đối tài tình: *Hồng nhan can bạch phát*... Thì ra mùa xuân đến với mọi tâm hồn cứ gì tóc bạc hay má đỏ... (cũng không nhớ chính xác chuyện này là Trần Lê Văn và Nguyễn Thị Hồng Ngát hay là của mọi người không tuổi chờ xuân Hà Nội).

Ta chờ đợi được mở chai rượu giao thừa, sủi bọt như một trời bong bóng tí hon, như những ngôi sao theo nhau bay lên trong thành pha lê cốc, có lẽ đó cũng là những con mắt mùa xuân, năm nào cũng sơ sinh, Tết nào cũng nguyên khai...

Bạn tóc bạch kim của ta đã phá lệ, không cho mái tóc xõa trên gối, cứ ngồi bên ta, pha một ấm trà, nâng hương mời mọc, cùng ta ôn chuyện bốn mùa, chuyện bốn năm, chuyện bốn mươi năm... qua ánh hoa đào lung linh trên bức tường xanh trứng sáo...

Có bao nhiêu vạn đôi người những đêm nay sống giống ta như thế, bỏ cái tất bật lại sau lưng, đón cái tưng bừng đang đến, nghiêng chén mời nhau hay mời xuân, mời niềm chờ đợi đã về. Người bạn phương Nam. Em gái Nha Trang, cả người đi sang

nửa kia trái đất... có gửi hồn về Hà Nội như ta đang gửi hồn ta đến, mà gặp nhau trong không gian xuân qua sợi dây thần giao cách cảm?

Lạ thế cuộc đời, có sự lặp lại là nhàm chán, có sự đợi chờ là khổ đau, nhưng sự gặp lại của mùa xuân, niềm chờ đợi năm mới tinh khôi như mối tình đầu, như tiếng khóc chào đời của đứa con mình, như bước chân ngập ngừng của người yêu vang vọng trong tâm tưởng, như con tàu qua bao nhiêu ga đã từ từ đỗ lại, trả xuống sân ga người khách ta đang chờ đợi: Mùa Xuân.

1998

Bếp than hồng

Có ai vỗ nhẹ vào vai nên chợt thức giấc, thì ra là cái gió đêm rừng, hơi lạnh sườn đá phả đầy căn nhà sàn cả mấy người đã nghiêng ngả bây giờ ngả nghiêng quanh đống bếp vạc dần. Men rượu cần còn vương vất, miếng thịt rừng nướng thơm chưa thôi luẩn quẩn quanh đây, người con gái tiếp cái "khỏe" vào tay ta đâu rồi nhỉ, chắc ả nàng đã men sườn dốc về một căn nhà sàn nào cuối bản... Ta thức và tỉnh hẳn, bỗng tự hỏi mấy giờ trong tiếng tắc kè gọi nhau văng vẳng gió lùa như than vãn, rừng đã sâu thêm trong nỗi bí mật ngàn đời, chỉ có bếp than hồng mới làm nguội đi niềm hiu quạnh.

Bếp lửa vẫn còn cả thân cây gỗ với một đầu ghếch lên hòn đá, nó vẫn cháy nhưng âm ỷ, có vẻ như đỏ vì lửa lại có vẻ như trắng vì than đã vạc, vì lửa không thành ngọn, vì tro bếp cũng đã uể oải sau buổi tối tưng bừng những cái mâm vàng lấp lóe.

Bếp than hồng đêm ấy sẽ thành nỗi nhớ một đời người, và gợi lại bao nhiêu ánh than hồng trong ký ức... không theo thứ tự trật tự nào, cứ như trong đám đông người con gái nào đẹp là nổi bật lên, được những đôi mắt đa tình chiêm ngưỡng, xoắn xuýt và nàng sẽ bước lên một bước, để lại phía sau những mái tóc hờn ghen.

Ba chồng gạch kê cao, cái nồi ba mươi đầy bánh chưng, ngọn lửa thâu đêm nở hoa cà hoa cải, than hồng nhiều thế, nó phải gạt

bớt sang một bên dưới đáy nồi nước lá mùi già. Bếp thơm mùi lá dong hay thơm thanh củi hoàng đàn, long não, thơm hương nước lá mùi già tắm tất niên hay thơm mái tóc người con gái thoảng mùi bồ kết mà biết đâu một Đặng Thị Huệ, một Thị Lộ, một bà Huyện Thanh Quan, một nàng ca nữ của Nguyễn Công Trứ đã từng: "Thuyền quyên ứ hự anh hùng nhớ chăng" từng gội lên mái tóc chưa hề biết đến thứ mỹ phẩm ngoại lai tây tàu nào thay cho nó. Cái bếp than hồng đêm ba mươi Tết ấy có những viên than đỏ rực, vừa rời đầu thanh củi, lại có viên đã bạc trắng tả tơi, hóa thành tro sau khi nó tự cháy hai lần: Từ củi thành than, từ than hồng thành than trắng mới chịu xong một đời nhân thế. Nhìn nó mà chợt nghĩ có ai ở đời này sống được hai lần như vậy. Thời trẻ trung nông nổi, tiêu hoang tuổi mình, giữa thu nhận cuộc sống vào mình và tự mình tỏa ra trả lại cuộc đời... phần nào chênh hơn, lớn hơn, giá trị hơn... cho đến khi mái tóc phơ phơ tiêu muối, mới muộn màng tiếc nuối, như những thước cuối cùng trên đường đua tốc độ cố guồng đôi chân về đích, mới đem hết sức sắp kiệt tàn ra làm lại, cái nhận vào năm, sáu mươi năm và cái tơ nhả ra của con tằm già... phần nào nhiều hơn, quý hơn không biết nhưng vẫn cố gắng đêm ngày như chiếc đồng hồ chưa hết dây cót, chưa hết pin, như thủy triều rút đi không đành, vẫn cứ nán lại bãi cát bằng cái ngấn của mình... Hai lần sống như thế, có giống hòn than hai lần cháy kiệt trong bếp hồng kia? Hình như quy luật ấy, chân lý ấy không phải là của tất cả mọi người. Chẳng hạn tôi có người bạn thuở trẻ ngang tàng phóng túng đầy tài năng, nhưng khi luống tuổi tự phá buồng gan mình bằng túy lúy, đến nỗi sùi cả da mặt, đến nỗi ít ai còn nhớ đến tài hoa anh. Như vậy, anh chỉ sống có một lần...

Thành phố nơi ta ở, chật chội là lẽ đương nhiên. Bếp than hồng không có nơi trú ngụ, và không thành kỷ niệm nhớ đời với

nhiều số phận, nay còn hiện đại hơn, bếp hơi ngọn lửa xanh lá (có xanh như thế mới là nhiều sức nóng), làm gì tạo ra được niềm vui say đắm đầy mê hoặc như đêm lửa rừng, đêm bánh chưng quê... À có đấy, vợ chồng nhà thơ Quang Huy chắc còn kỷ niệm không quên về cái bếp hơi bị nổ tung suýt chết cả nhà, kỷ niệm máu xương, kỷ niệm khủng khiếp, kỷ niệm rợn tóc gáy đến đời con... Thành phố có những ngã ba ngã tư, có những mùa hè rực mồ hôi và mùa đông tê tái.

Trên con đường lá rụng xạc xào, tiếng gói hay tiếng lá, tiếng chân người hay tiếng bánh xe quay... ta chợt thức cả tim gan tì phế khi "nghe" thấy mùi ngô nếp nướng, thứ ngô non đồng bãi, còn nguyên áo lụa ngoài xanh lá mạ trong lụa mỡ gà, nó cởi áo, lăn mình trên cái bếp than hồng lập lòe tay quạt giấy, quạt nan như nhịp thở đều đặn của người con gái nhà nghèo, con gái nhà lành ngồi bó gối, tay quạt, tay giở bắp ngô, không cần biết khách đứng chờ kia là ai, sang hay hèn, nam hay nữ, mà cứ chăm chú như anh sinh đồ xưa kia cúi gầm viết nốt những câu hoa cho bài văn sắp đến giờ nộp quyển.

Bếp than hồng chỉ là cái chậu men gỉ, cái mảnh nồi hộng vỡ, cái khay nhôm đã bẹp, nhưng kỳ lạ thế, nó chứa đựng cả một sức mạnh nồng nàn, truyền vào bắp ngô, truyền sang bàn tay, truyền lên đầu lưỡi, truyền vào ánh mắt như ái ân thỏa mãn... Than hồng lên chen lẫn than đã vạc trắng, không có ngọn lửa bập bùng thành ngọn, không có ngọn khói lượn bay, chỉ có sự ấm nóng bên chân cột đèn mà đuổi được gió đông lùi xa. Bé gái tí hin ngồi cạnh, chắc là em theo chị ra đây, thỉnh thoảng nhón vài viên than hoa trong cái bị cói rách đã đứt quai, bỏ vào bếp than hồng. Tay nhọ, em quên, quệt ngay lên mặt làm cái má mũm mĩm kia có rồng có phượng.

Không hiểu những người chỉ biết tiệc đứng ngồi, kiểu lên ngựa một nén vàng, xuống ngựa một nén bạc, năm ngày một tiệc lớn, ba ngày một tiệc nhỏ... có được hưởng cái thú ngồi bên bếp than hồng này chờ bắp ngô chín tới nóng rẫy trong tay, có ánh lửa sưởi hồn như thế không, hay chỉ có những người thích lang thang, quen áo vá rượu quê, ưa củ khoai lang luộc với nước vối, củ khoai sọ luộc chấm muối vừng... mới biết trên đời có nó, lấy nó làm niềm yêu, làm kỷ niệm thành phố quê hương còn những nét hoang sơ nghìn thuở của mình...

Cô bán bún chả rong ơi, bếp than hồng cửa cô đã tắt lịm phương nào cùng làn khói xanh phơ phất bay đi không trở lại, Khay than hồng của cô, trái tim hồng của cô chắc đã có một người làm chủ, anh ta hoàn toàn chiếm lĩnh trận địa một mình, làm chúng tôi thành ngơ ngẩn, nhớ cổ tay cầm chiếc quạt long nhài, chiếc quạt nan gẫy cán phải chằng phải buộc nan tre... khay than ấy vạc thời gian, tro đã về với đất, hộp đã nằm bên giậu găng bờ duối nào chăng... để nếu một Tản Đà, một Thạch Lam sống lại cũng phải nắc nỏm nhớ thương...

Các nhà khảo cổ khai quật, thật sung sướng khi tìm ra trong lòng đất những "đống tro bếp" có hòn than, có vỏ ốc bị vỡ, có "hòn ghè" người xưa để lại. Những ai đã ngồi quanh bếp than hồng ấy, họ ăn con ốc, họ rầm rì, họ vắt cái đuôi khố sang bên, họ nhảy múa, họ hát í ô làm tung chiếc lông con chim Lạc giắt trên mái tóc xõa. Và khi lửa tắt, khi than vạc, khi bóng đêm vút qua theo tiếng từ quy, họ dìu nhau đi đâu, vào hang hay lên sườn núi, vệ cỏ hay bờ suối... cho chúng ta được làm hậu duệ của những phút đắm say như thế...

Những chiếc bếp lò bằng đất nung của làng Thể Giao bán khắp kinh thành, khi lằng bị đuổi, nhà tù và tòa án được dựng lên,

những chiếc bếp lò ấy đã lang bạt về những nẻo nào? Không còn ai mua nó về sắc thuốc, không còn ai gọi tiểu đồng nhóm lò đun nước pha trà trong tinh mơ, bếp than hồng đã lụi, cũng khép lại luôn cái bến Giang Tân, Thạch Khối Đông Bộ Đầu bán than hoa từ rừng núi chuyển về, mà nay còn lại chút dư âm: Phố Hàng Than, chỉ bán mua nhiều thứ khác. May ra phố Hàng Chiếu, Hàng Bè cũ kỹ còn đôi ba nơi bán, không phải người mua cho vào lồng ấp bằng đồng để sưởi chân cho các mệnh phụ, mà chỉ cung cấp cho mấy hàng bún chả Sinh Từ, Hàm Long...

Nông thôn mình từng nhiều thế kỷ đun rơm đun rạ, được ấm nước tiếp khách thì lưng áo như có ai dội nước. Than củi chỉ là gộc tre, cành rào, cọc chuồng lợn, chiếc rui mè cũ, cây duối già, cành nhãn gãy... tro rơm rạ chóng tàn, than bếp cũng chẳng đượm hồng mấy chốc. Con gà vào bới bếp, tung bụi mù tro bụi cùng mồ hóng, con chó cuộn khoanh, chó vàng mà thành chó gio, đôi khi chị gái gọi ta vào, dúi cho ta củ khoai lang lùi từ lúc nào không biết. Vỏ khoai không bị cháy vì than quá hồng, nó âm ỷ, nó nục nạc nhưng nó cũng làm ta suýt bỏng tay, phải cho nó nhảy liên tục từ bàn này sang bàn tay kia một lúc, có đôi môi phù phù hỗ trợ đuổi bớt cái bỏng đi. Mẹ còn mắng chị: "Hay ăn thì lăn vào bếp, chẳng ai khen cái nết hay làm..." Khổ thân chị, vì em mà bị mắng lây bởi chị có ăn một mình đâu. Chỉ vì cái đáy nồi cám lợn kia, than còn hồng quá, nhà lại mới dỡ khoai, những củ khoai như lợn con nằm chật một gầm giường, thì hờ hững làm sao được.

Vâng thưa mẹ, con gái biết lỗi rồi, con sẽ lớn lên, con học vỡ lòng từ thuở lên 5 lên 7, để sau này bước sang nhà chồng, con thuộc câu Kiều mẹ ru trên võng: "Dấm chua lại tội bằng ba lửa nồng..." Con bây giờ chưa hiểu, nhưng đời sẽ dậy con, chua cay mặn chát ngọt bùi, nóng lạnh sẽ dạy con... mà bếp than hồng nhà ta, thùng trấu nhà ta, đống rơm nhà ta... sẽ đi cùng con mãn chiều xế bóng,

kể cả lúc có chậu than hồng trong căn buồng kín mít, u ám, nặng nề như khấp khởi mừng vui: Đàn bà đẻ con so phải sưởi than dưới gầm giường đủ trăm ngày.

Có lẽ trên đời chỉ có người thủy thủ trên biển khơi đầy sóng gió mới không có bếp than hồng. Ngồi trên boong ăn cơm, nồi cơm tự nhiên chạy sang thành tàu bên kia, lúc sau nó lại tự động chạy lại thành tàu bên này. Ma ư? Không đâu, sóng làm nghiêng con tàu, nồi cơm trượt dốc, và thủy thủ cứ bình tâm cho nó chạy đi chạy lại con thoi như thế. Bếp than hồng không có mặt trước cái bao la lồng lộng này được, hôm nào trở về, con cá nướng trong bếp do bàn tay người vợ nâng niu sẽ bù lại khoảng trống ấy mà thôi...

Những bếp than hồng thành nỗi ám ảnh người xa Tổ quốc, kẻ phiêu bạt xa quê. Thu về, thắc mỏm, nỗi nhớ mông lung... Lò vi sóng hay lò sưởi điện, đệm điện... có so sánh được với những bếp than hồng cháy đỏ lòng quê không nhỉ.

4-1998

Gia phong vô hình và hữu hình

Mỗi gia đình đều có thói quen riêng của mình, thường phù hợp với tập quán địa phương nơi đó, nhưng tục ngữ đã nói: "Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà cảnh", không gia đình nào giống gia đình nào, từ hoàn cảnh kinh tế, đến sinh hoạt nuôi dạy con, danh giá, thành đạt hoặc thất bại mang ân hận sầu muộn... ra sao, cho đến hai anh em ruột, khi ở riêng, cư trú cạnh nhau chỉ cách cái hàng rào... mà có khi hai gia đình ấy cũng chia ngả rất khác nhau... ta cứ ngẫm mà nhớ lại xem, ta đã gặp nhiều hoàn cảnh như thế.

Đó là nói đại thể, còn thường ra, trong một gia đình, có thể còn là một gia tộc, vẫn lưu giữ và đã hình thành những nền nếp mà cha ông, chú bác đến anh em con cháu... phải cố gắng gìn giữ và phát huy, nói như câu thơ xưa của Lê Quý Đôn

Chẳng phải liu điu cũng giống nhà...

Điều quý báu ấy, ta tạm gọi là Gia phong. Trước hết phong là phong thái, phong cách, phong tục nằm trong phong hóa, nó không thể là cái xấu, là điều giả làm hại đến xung quanh, làm mang tiếng đến gia đình gia tộc.

Nếu người Mẹ là linh hồn của gia đình, dạy con cái từ những điều nhỏ bé, nuôi con khôn lớn bằng cái thiện của chữ Tâm, dạy

con biết thương yêu, khoan dung, hòa nhã, lễ độ, vị tha... thì để gìn giữ gia phong, vai trò người Cha lại mang tầm vóc lớn hơn nhiều: dạy con nghĩa lý cuộc đời, cách sống của con người phải theo cái Đạo làm người, sống cho ra sống, được sống thấp hèn để mục nát với cỏ cây (ngày nay ta thường nói là phải biết cống hiến, hy sinh...), sống trong hơn thác đục, nói như Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ: " Phải có danh gì với núi sông...". Người cha thường lấy thánh thiện hoặc những gương sáng ra dậy con, và nếu người cha là nhà trí thức, hoặc có khi chỉ là ông Khóa, cụ Đồ... thì gia phong còn được nhắc nhở hàng ngày hàng giờ bằng lời lẽ, bằng cả nếp sống cụ thể của người chủ gia đình, như ngầm chỉ rằng người con phải là một phiên bản của người cha, phải giữ được những gì tốt đẹp nhất, những gì là truyền thống quý báu của gia đình và gia tộc.

Tục ngữ ca dao có rất nhiều câu hay, hay như chân lý, không chỉ là nói hình thức bề ngoài mà suy nghĩ, ta sẽ thấy nó có nghĩa sâu xa, động chạm đến danh dự, danh giá, uy tín của gia đình dòng họ.

Cậu con trai ông Đồ cũng giỏi giang chữ nghĩa, nói năng lễ độ tác phong đàng hoàng thì mọi người đều khen "Giỏ nhà ai quai nhà ấy", đâu phải chỉ vì khuôn mặt hay nước da, mà là chỗ gia phong đã thấm vào hồn người như thế nào, thật khác xa con nhà lỗ mãng, thiếu văn hóa, đi ghẹo gái, đi ăn trộm, đi đánh nhau thuê... sẽ bị phê là "Rau nào sâu ấy".

Đứa trẻ lớn dần lên trong lên trong môi trường gia đình và xã hội, yếu tố quyết định là gia đình, trong đó có gia phong, vì thế mới có câu "Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh". Dù rằng cá tính của hai anh em ruột khác xa nhau, nhưng cũng được rèn giũa do cùng một mẹ cha, thì cả hai ít nhiều cũng phải thấm đượm những điều tiếp thu từ thơ bé, mà sau này, đường đời

chia ngả, nghề nghiệp khác nhau, tính tình dị biệt... cũng không thể trở lên con người "quá đáng", làm càn, làm bậy.

Trai gái lớn khôn, lập gia đình, còn có lời khuyên nhủ: "Lấy vợ kén tông, lấy chồng xem giống...". Ở đây không phải là vấn đề môn đăng hộ đối theo nghĩa vật chất giàu có vàng bạc, thông thường, mà chính là tầng sâu văn hóa của gia phong tộc phong, của nếp truyền thống đạo lý. Con một ông giáo khó có thể hòa hợp với con của một tên giết người cướp của. Con của một trinh (không phải chinh) phụ, đạo đức, gìn giữ, tiết hạnh... khó có thể xứng đôi với con một kẻ trăng hoa mang bệnh từng bị chê cười... Không là cực đoan đâu khi nói như thế, nhưng suy sâu thì thấy kẻ gieo gió ắt gặt bão, chí ít gặp cơn giông, bởi người ấy tạo ra xung quanh mình một môi trường, không thể không ảnh hưởng đến những thành viên khác trong đó. Một kẻ chuyên lừa đảo, lường gạt, gian dối... thì đứa trẻ hàng ngày thấy cha hoặc mẹ nó làm thế mà bảo nó là phải thật thà lương thiện... thì như tìm trăng đêm ba mươi cuối tháng. Có lẽ kinh nghiệm ấy đã được đúc kết thành câu: " ở bầu thì tròn, ở ống thì dài", hoặc: "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng"...

Chuyện xưa kể rằng mẹ ông Mạnh Tử phải chuyển chỗ ở nhiều lần vì một lần con bà (Mạnh Tử) cứ bắt chước hàng xóm chơi trò chọc tiết lợn, lần khác thi chơi trò buôn gian bán dối... Bà cụ chọn người hàng xóm là một Cụ Đồ, cậu bé toàn bắt chước học trò, trở nên người học giỏi... Đó là chuyện có thể là huyền thoại. Nhưng ở ta, có ông Nguyễn Cao là một con người dũng lược, có tài, có trí, có học... Mẹ của Nguyễn Cao ở góa sớm. Bà đã bị một lý trưởng ô trọc bờm xơm (bóp vú). Chờ ngày giỗ chồng, bà mời họ hàng và cả tên lý trưởng kia đến dự bữa cỗ, bà đã quì trước bàn thờ chồng và tự tay cắt bỏ vú mình vì coi như nó đã bị làm nhơ bẩn, không còn xứng đáng trên người bà. Bà là người đàn

bà, người mẹ như thế thì thảo nào, con trai bà, Nguyễn Cao chả noi gương mẹ, học được nếp gia phong, trở nên con người học giỏi và nhà yêu nước, còn lưu truyền sử sách.

Nói gia phong tốt đẹp, tạo ra con người tốt đẹp, đúng. Nhưng thử nghĩ ngược lại đôi chút: Thế chẳng lẽ con nhà nông, con người thợ, con nhà thấp kém cứ suốt đời chịu phận kém cỏi, bị xa lánh hay sao? Câu nói:

Con vua thì lại làm vua

Con sãi ở chùa lại quét lá đa

lại cứ đúng mãi hay sao?

Lý Công Uẩn là con hoang, con nuôi một nhà sư mà trở nên vị vua khai sáng nhà Lý. Trần Thủ Độ chỉ là anh dân chài mà trở thành con người lừng danh trong lịch sử, dựng cơ nghiệp nhà Trần, một triều đại vào loại oanh liệt nhất Việt Nam. Tôn Thất Tùng (như lời lúc sinh thời ông kể cho người viết bài này nghe nhân dịp phỏng vấn ông) ông chỉ là con một người phụ nữ nghèo, mẹ ông có vườn chuối cho ông ăn học chứ ông không phải là họ Tôn Thất như trên giấy tờ ghi họ ấy...

Ví dụ ấy nói lên một điều: Con người có chí thì nên, con người biết vươn lên, vượt hoàn cảnh và số phận, biết tạo ra cho mình môi trường... thì sẽ lấp đầy được những bất cập của xuất thân hay bất hạnh. Và như vậy, gia phong hay tộc phong cũng đều do con người tự quyết định lấy phương hướng đời mình, miễn là biết cách sống, biết đạo lý làm người, biết phải làm một người như thế nào mà không chịu chỉ là "Giá áo túi cơm" tầm thường hay bị những cái xấu xa, không văn hóa lôi kéo, xô đẩy...

Nền nếp gia phong còn là một định hướng lập thân cho con người. Chúng ta đang chứng kiến nhiều người thành đạt, hoặc

người tốt, người có ích cho xã hội quanh ta. Người Cha trong gia đình đã biết sử dụng gia phong, tạo ra môi trường hoàn cảnh cho con cái, hướng nghiệp cho chúng noi theo con đường phải đi, mà không cần phải áp đặt, cưỡng chế (một dịp khác sẽ bàn thêm về những người cha quá cứng nhắc bắt con cái theo đúng đường của mình mà không tính đến tính cách hay xu hướng, năng khiếu, làm hỏng hướng đi của con mình).

Đã có nhiều gia đình, con cái thành đạt, gia phong được phát huy, như con giáo sư Tôn Thất Tùng là Tôn Thất Bách, con nhà giáo lão thành Nguyễn Lân là Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Lân Hùng, Nguyễn Lân Tuất... con nhạc sĩ Đỗ Nhuận là Đỗ Hồng Quân, con nhà thơ Chế Lan Viên là Phan Thị Vàng Anh, con nhà giáo Nguyễn Đức An là phó giáo sư phó tiến sĩ Tất Thắng và nhà viết kịch Tất Đạt, con nhà đạo diễn sân khấu Thế Lữ là đạo diễn Đình Nghi... con nhà văn Vũ Ngọc Phan và bà Hằng Phương là viện sĩ Vũ Tuyên Hoàng và nữ họa sĩ Giáng Hương...

Gia phong là một điều gì đó không thể nắm bắt cụ thể như bọc tiền, như lạng vàng, như cái bằng khen đóng khung... Nhưng nó lại rất hữu hình trong tâm hồn ta, trong thể xác ta, từng ngày, hàng giờ. Một lời ăn tiếng nói, một cách tiếp khách, một kiểu học bài, một người bạn nên giao du... Gia phong có khi chỉ là một cái lừ mắt của người cha, một câu chuyện nhỏ trong bữa cơm chiều của người mẹ, một làn khói trên bàn thờ gia tiên... có lẽ nói gia phong là cái nền Văn hóa thấm đẫm vào mọi thành phần trong mỗi gia đình, là môi trường quyết định cho con người chuẩn bị đi vào xã hội, và đã đi vào xã hội thì đúng hơn.

Thật bất hạnh cho những ai không có một truyền thống tốt đẹp trong gia phong như thế, và cũng bất hạnh cho ai đã phá vỡ gia phong của mình, mà nguy hiểm thay nếu có nhiều người cố ý

hay vô tình đang làm mất gia phong của gia đình, tộc họ mình đi, như chúng ta đang thấy nhỡn tiền, có kẻ giàu xổi, có kẻ học đòi mà không được uốn nắn, đang làm băng hoại đạo đức về nền nếp xã hội, nói cách khác là làm mất truyền thống tốt đẹp của gia phong Việt Nam.

Còn nhiều điều đáng bàn về gia phong lắm, để thấu lý đạt tình thì đây là vấn đề đáng cùng nhau bàn luận, nhằm phục hồi những giá trị truyền thống văn hóa, ngăn chặn những điều đang làm tổn hại đến nền văn hóa ấy. Đương nhiên, có sàng lọc, có châm chước, mà mỗi gia đình, mỗi con người đều có thể tự rút ra được những kinh nghiệm, những bài học ngay từ trong gia đình mình, tộc họ mình, để ngày càng tiến hơn nữa, xóa bỏ những cách ngăn giữa tầng lớp xã hội này với tầng lớp xã hội khác...

4-1998

Bữa ăn hoan lạc

Lễ đêm Thiên chúa Giáng Sinh là một lễ trọng nhất trong một năm của người giáo hữu. Nhiều nước coi đêm này là đêm đầu tiên của một tuần hội hè, nghỉ Tết, kéo dài hết ngày Tết dương lịch, đến ngày 2 tháng 1 mới trở lại làm việc bình thường.

Trong một không gian u huyền rét buốt, có năm hanh khô, có năm trời sướt mướt, đi nhà thờ hay ở nhà, ai cũng phải mặc thật ấm, đó cũng là niềm vui cho những ai có điều kiện trưng diện những mốt thời trang mới nhất, đẹp nhất, sang nhất.

Nhà thờ đã treo cờ thánh trắng vàng, chăng đèn sáng trưng từ vườn địa đàng đến các cổng gô tích, cùng là trên đỉnh tháp chuông, như để tiếng chuông vang đi mang theo ánh sáng. Nhà nhà cũng treo chiếc đèn ông sao vàng trắng, ảo mờ ánh nến. Ngay từ tối tiếng cầu kinh đã râm ran đây đó trước ban thờ nho nhỏ trong nhà hay bên hang đá được dựng công phu nơi giáo đường, có Chúa Hài Đồng, vừa ra đời nằm trong máng cỏ, cạnh đấy là mấy con chiên lành phủ phục trước tin mừng.

Lễ trọng bắt đầu lúc nửa đêm, hàng giờ sau mới kết thúc. Cha sẽ giảng bài hay nhất trong năm về lẽ đời, lẽ đạo, về cái thiện cái lành, về niềm vui thiên đường cũng như niềm vui trần thế.

Lòng người tưng bừng trong hân hoan và hy vọng, trong thánh ca trong lời cầu nguyện, trong niềm tin và mơ ước tốt lành.

Lễ tan, cửa nhà thờ thành đêm hội và niềm vui tràn ra các ngả đường, về từng gia đình, thôn xóm, phố phường.

Lúc này mới bắt đầu phút giây sum họp yên vui, là đoàn tụ, chan hòa tình cảm thân thương giống như đêm giao thừa trước ban thờ tiên tổ của người không theo công giáo.

Trong niềm vui ấy, chả lẽ lại uống bát nước mưa lạnh buốt rồi tắt đèn đi ngủ suông. Thì ra cái chuyện uống ăn cũng góp phần quan trọng cho cuộc sống, chả kém gì niềm tin cao xa. Có lẽ vì vậy mà hầu khắp thế giới đều có bữa ăn khuya, gọi là bữa Réveillon, bữa ăn đêm giáng sinh không kể giàu nghèo, no đủ hay thiếu thốn, nhà quan hay dân thường, trí thức hay nông dân…

Mẹ già, chị gái đảm đang đã chuẩn bị từ hôm trước, có khi từ tháng trước, từ chiều, từ chập tối lúc mọi người sửa soạn áo quần đi đến nhà thờ. Bây giờ lễ trọng đã xong, mọi người trong nhà đông đủ, bữa ăn được dọn ra sau khi đã được hâm nóng, dưới ánh nến chập chờn hay ánh đèn ống chan hòa rạng rỡ, làm mặt người cũng rạng rỡ theo trước niềm vui cả tinh thần và vật chất.

Nhiều nước, có tập quán bữa Réveillon nhất thiết phải có một món ăn truyền thống theo qui định (giống như tục ăn bánh chưng ngày Tết Nguyên Đán của chúng ta) như gà tây quay, thịt lợn hầm, hoặc chiếc bánh ga tô nhân nho có cánh hoa hồng bên trong dành niềm may mắn cho ai có nó. Với người Việt Nam bữa Réveillon mới có trên dưới trăm năm nay, không nhất thiết phải như thế, mà tùy theo hoàn cảnh kinh tế, tập tục địa phương mà có các món ăn khác nhau, nó không chỉ là bữa ăn cho khỏi đói mà còn là bữa ăn cho vui, cho long trọng, cho có cớ để ngồi bên nhau thêm giây lát.

Thông thường lúc này đã hai ba giờ sáng, ai cũng nhuốm một chút mệt mỏi, hoặc vì đi dạo phố (như Hà Nội, thành phố Hồ Chí

Minh...) hoặc ngồi nghe giảng, lắng lời ngắm nguyện cảnh thương khó của Chúa Jêsu, bây giờ là lúc đọc lên câu tạ ơn chúa cho chúng con hằng ngày dùng đủ... là lúc xua tan cái mệt mỏi bằng bữa ăn nhẹ đầy ấm cúng.

Trước hết bữa Réveillon phải nóng, có đủ cho mọi người để cái rét mướt phải dừng lại phía ngoài hiên, để cái lưỡi được tê đi trong vị nóng, hương thơm, cái ngọt bùi... cái dạ được no nê trong những giờ đầu tiên một ngày mới, như Chúa vẫn từng mong cho chúng ta như vậy.

Thông thường là món cháo gà, con gà đã nhừ tơi, có thể cầm cái cánh rũ rũ cho thịt gà lẫn vào nồi cháo không đặc lắm, những hạt gạo xay vỡ, khác hẳn cháo hoa, bát cháo múc ra nghi ngút, cháo sánh, rập rờn những vòng tròn mỡ gà vàng ngậy, lấp lánh ánh đèn thành kim cương, bên cạnh hạt tiêu bắc dậy mùi, rau mùi ta lồng không thơm dịu. Trên mâm vẫn có thể có đĩa thịt gà luộc (một con gà khác) với chút lá chanh thái chỉ nổi màu xanh lơ mơ trên nền da gà vàng chóe, chấm với muối hạt tiêu, mang vị mặn vẫn không làm cháo bị loãng như dùng nước nắm.

Cũng có thể là xôi nếp. Xôi trắng lạp xường, hấp hoặc rán, xôi trắng hoặc xôi đỗ ăn với thịt gà thịt kho tàu. Cũng có thể là xôi gấc đỏ rực hay xôi vừng dừa nâu thẫm, tuy nhiên gì thì cũng phải là món mặn chứ không thể là xôi vò chè đường. Món này nếu có chỉ dùng tráng miệng như cà phê, hoa quả, cam, nho, lê, táo...

Rượu là món khó có thể vắng mặt trong cuộc vui mỗi năm chỉ một lần này. Vang hay nếp cẩm, rượu cúc sủi tăm hay rượu mạnh nước ngoài, sâm banh hay bia... tùy theo khẩu vị chủ nhân và khách quý, nhưng không ai quá chén, say mềm, lảo đảo sẽ mất vui.

Lẽ tự nhiên xưa nay bao giờ người cao tuổi cũng được mời đầu tiên, nhưng trong bữa Réveillon hình như ngược lại, người bé nhất nhà, các em thơ được ưu tiên ăn trước. Hình như Chúa trời đã dạy chỉ có trẻ thơ mới là người dễ lên thiên đàng nhất, là người nhiễm ít tội lỗi trên thế gian này nhất. Đêm nay câu nói này được nhắc lại chăng?

Dự một bữa Réveillon, ngoài các thành viên trong gia đình, đôi khi còn có một vài người khách được mời. Đó là chàng trai của cô con gái trong nhà, đó là cô gái ý trung nhân của cậu thanh niên do cậu mời về làm quen dần với không khí gia đình mình. Có khi còn là bạn từ thuở thiếu thời của mẹ, ông bạn đánh cờ của cha, thầy giáo đã nghỉ hưu từng nhiều năm quen thuộc gia đình, một vị đồng hương mới ở xứ quê ra chơi... chủ khách mừng nhau, nâng cốc, tiếp thức ăn, đúng là ngày lễ bất kể ở một chỗ nào, con gà nhà ai đã cất lên tiếng gáy đầu ngày, nhành lá ngoài vườn đã trĩu xuống vì nặng sương khuya, tiếng động cơ xe cộ đã âm vang chuyển lên đường buổi sớm...

Bữa ăn Réveillon, là bữa ăn vui, giao hòa mọi thành phần trong gia đình trước thềm năm mới, vừa là ăn cho no vừa là ăn cho hoan lạc, có lẽ nó, chẳng khác nào bữa cỗ tất niên hay bữa sáng mùng một Tết của mọi người Việt Nam ta. Nó không quá cầu kỳ như cỗ Tết nhưng cũng không quá đơn sơ như nồi ốc luộc đêm rằm tháng Tám. Cung bậc của nó ra sao, thì năm nào nó cũng điệp khúc với người như một phong tục mới, một cảm hứng say sưa.

1997

Tuổi trẻ diệu kỳ

Cuộc Cách mạng tháng Tám nổ ra, những lực lượng nòng cốt từ chiến khu đến hoạt động bí mật ở thành phố, nông thôn, và sau khi cách mạng thành công, người được bầu vào Chính phủ lâm thời, người được phân công dựng lễ đài cấp tốc để Chính phủ ra mắt, và những người được phái vào Huế tiếp nhận sự thoái vị của vua Bảo Đại… hầu hết là những người tuổi đời còn rất trẻ, mới ở cái ngưỡng cửa trên dưới ba mươi. Phạm Văn Bạch 35 tuổi là chánh án tòa án tối cao. Nguyễn Hữu Đang, Phạm Văn Khoa, Bùi Công Kỳ, rồi Trần Huy Liệu, Huy Cận… có lẽ chưa có ai một sợi tóc bạc nào trên đầu, họ phơi phới thanh xuân, là những bông hoa mới bán khai, bắt đầu tỏa hương vào cuộc sống.

Trước đó nữa, khi Đảng còn trứng nước, Nguyễn Văn Cừ 26 tuổi làm Tổng Bí thư. Hoàng Văn Thụ gần bốn mươi tuổi vào Trung ương Đảng. Nguyễn Thị Minh Khai 30 tuổi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, và người yêu nước Nguyễn Thái Học có câu nói bất hủ: "Không thành công thì cũng thành nhân", 26 tuổi thành lập Đảng Quốc dân, 30 tuổi lên đoạn đầu đài, chết cho đất nước. Không thể kể hết được những con người trẻ tuổi nhưng chí khí hào hùng, thành tấm gương chói lọi cho đời sau, mà mỗi lần nhắc đến, xứng đáng để chúng ta thắp lên nén hương tưởng niệm. Tuổi trẻ Việt Nam là như thế.

Những trang sử vàng ấy cũng không chỉ dành riêng cho những người hoạt động chính trị. Trong văn học nghệ thuật đã từng có một Vũ Trọng Phụng 27 tuổi mà sẽ sống nghìn năm, Hàn Mặc Tử 28 tuổi, cùng tuổi với ông sau này lại có một Lê Anh Xuân. Chế Lan Viên nổi tiếng với tập thơ "Điêu Tàn" năm 16 tuổi. Phạm Huy Thông làm kịch thơ "Tiếng Địch sông Ô" lúc đang ngồi trên ghế nhà trường, ngoài 20 tuổi, và ông vua thơ tình Xuân Diệu, chàng hoàng tử tóc xoăn của thi ca cũng mới ngoài hai mươi...

Người ta thường nói "Tam thập nhi lập", ba mươi tuổi là thời điểm lập thân. Tuổi trẻ Việt Nam đã vượt lên trước định luật từ phương Bắc ấy nhập vào ta. Họ là những cánh chim Đại Bàng, là những cây đại thụ tơ non, là chứng minh thư của dân tộc nói theo lời nhà thơ Gam-za-tốp "khi cần đưa chứng minh thư của một dân tộc ra, thì trước hết là các nhà chính trị, các nhà thơ, các nhà khoa học...".

Chúng ta đang sống trong một thời đại trẻ hóa, những người trẻ tuổi đang rất đông, đang năng động, đang có mặt trong tất cả mọi lĩnh vực đời sống xã hội và tuổi thọ cũng kéo dài. Những năm cuối thế kỷ này, người 60 tuổi hình như vẫn còn trai tráng, nhớ lại năm 1945 Bác Hồ mới 55 tuổi đã được tôn vinh là Cha Già dân tộc, càng thấy nay ta tươi trẻ thế nào.

Dọc đường lịch sử, ta lắng thời gian mà nghe tiếng cha ông vọng về cùng non nước: Nguyễn Trãi 20 tuổi đỗ Thái học sinh (tiến sĩ), sau mười năm bị quân thù giam lỏng ở Đông Quan, 38 tuổi tham gia hội thề Lũng Nhai, cùng Lê Lợi chiến thắng. Nguyễn Huệ, người anh hùng thần tốc, người được nàng công chúa Ngọc Hân thương yêu, khóc than bằng những vần thơ thiết tha và trác tuyệt, năm 18 tuổi đã cùng các anh mình phất cờ khởi

nghĩa, 38 tuổi làm vua, 39 tuổi đánh tan mấy chục vạn quân xâm lược, vào ăn tết ở Thăng Long trước ngày hẹn với ba quân.

Trước những tệ nạn xâm nhập vào một bộ phận thanh niên, đúng là chúng ta vô cùng lo lắng. Nhưng bình tĩnh lại, đấy chỉ là một số rất nhỏ, mà những con người thiếu bản lĩnh này không thể là tiêu biểu cho hàng chục triệu thanh niên nam nữ miền ngược miền xuôi, người Kinh hay người Thái người Mường... Dân tộc Việt Nam đang là con tàu băng về phía trước, hướng mặt trời lên, gió đã nổi, xuân đang về, động lực là trái tim hồng huyết tố, là bộ não phi thường. Họ có mặt, họ hăng hái, có người ba mươi tuổi đã thành triệu phú kinh doanh hay sản xuất nông nghiệp. Họ lao vào biển cả, lên biên giới, ngồi trong phòng thí nghiệm, ra công trường, lên bục giảng, tiếp nối truyền thống của 10 cô gái ngã ba Đồng Lộc, 11 cô gái sông Hương đánh tan một tiểu đoàn lính Mỹ, người trí thức Thái Văn Lung, nhà nông học Lương Định Của...

Hai cuộc kháng chiến thần thánh đã đi vào lịch sử, nhưng nghìn năm nữa vẫn được lần giở trong niềm tự hào của những thế hệ mai sau, mà gương tuổi trẻ sẽ còn bừng lên như ánh sáng chiếu qua những tinh thể kim cương lấp lánh. Chẳng cần lập bảng thống kê, mỗi chúng ta, ai cũng có thể đọc lên tên những con người tuổi trẻ chí cao, sức vóc dù mảnh mai nhưng tâm hồn vẫn khổng lồ như chàng trai làng Gióng, cánh tay vút cành tre mà xông pha giành chiến thắng.

Ai tham gia phục hồi con đường sắt xuyên Việt bị hoang vu mấy chục năm cho nó thành cột xương sống Bắc Nam, gần lại những mối tình xa cách, nối chặt bài ca cải lương và khúc hát Quan họ, đưa trái xoài ra kết hợp với chùm vải thiều Lục Ngạn thơm ngon, chuyển gạo đồng bằng Cửu Long ra Bắc, đưa than miền Bắc vào Nam, nếu không phải là những vầng trán chọi mưa,

những cánh tay săn chắc, những ánh mắt sáng ngời của những người tuổi trẻ, những người được gọi là thanh niên xung phong... Ai bắc cầu Thăng Long Bến Thủy, ai đào vàng vùng Đông Bắc, ai lang thang trong rừng sâu tìm tài nguyên cho đất nước, ai ở ngoài mỏ Đại Hùng, mỏ Rồng cho triệu tấn dầu lên mặt đất, ai đang vật vã nắng mưa suốt năm suốt tháng trên những cánh đồng Nam Bộ, Bắc Bộ, khó nhọc đến nản cả cánh cò... nếu không phải là sức trẻ?

Tuổi trẻ là kỳ tích, là men rượu nồng say, là mùa xuân rộn rã, đã làm là ra làm, đã yêu cũng ra yêu mê mệt như tự bỏ bùa, như băng qua núi lửa, như vượt trùng khơi, như dời núi lấp truông... như cuộc thi đấu đến phút thứ tám mươi chín rưỡi vẫn làm nên công chuyện để nổ tung ra niềm vui vỡ ngực.

Ai cũng có một thời tuổi trẻ của mình, từng nắm lấy cuộc đời trong tay, từng gồng vai lên gánh trái đất, mà sức vóc ấy là mẹ cha cho, là dân tộc cho, là tự mình tạo luyện, là đồng đội giúp giùm, cho, là người yêu thương thúc đẩy... cho đến khi cái lồng nan ngực gầy còm trong mùa thu, trái tim con chim đã khàn tiếng hót, ôn lại một thời để vẫn ngẩng cao đầu với lương tâm và cuộc sống, vẫn tự hào như cây nến cháy đến giọt cuối cùng còn tỏa sáng, không một chút tiếc nuối.

Một đất nước già nua sẽ là đất nước bất hạnh và một người trẻ tuổi lạc đường sẽ là bất hạnh cho người ấy. Đương nhiên, cộng đồng đâu có thể làm ngơ, bỏ rơi mà không nâng đỡ, xót xa cho ai đang lầm lạc, lao vào con đường tối đen tệ nạn, không tự nâng mình lên bằng bản lĩnh. Tiếng chuông xã hội đã vang vang. Lắng nghe mà xem, trong đó là nhắn gửi, yêu thương, cảnh tỉnh... mà tuổi trẻ là nhanh nhạy, thông minh, biết theo về chân lý...

Bồng bột, xốc nổi, thiếu kinh nghiệm và kiến thức... chỉ là nhất thời. Ai mà chẳng hơn một lần có nó trong mình. Không sao,

nó như cái nụ còn vương chút ngái nồng, như quả đang xanh nên nhiều phần chua phần chát. Hoa nở thì sẽ hết, quả chín thì sẽ ngon. Ta đang sống trong một thời kỳ thuận lợi nhất, có dĩ vãng oai hùng phía sau, có tương lai xán lạn đằng trước, tuổi trẻ là sức thần trên con đường đã mở.

Mừng biết bao nhiêu khi bạn ta ơi, bạn đang là tuổi trẻ như thế để bước qua thế kỷ này sang thiên niên kỷ ba đang tới.

11-1997

Từ trong tâm thức

Mùa xuân gắn liền với sự mới mẻ tốt tươi đẹp đẽ. Nếu ngày thường, nay ít ai mặc áo vá ra đường thì Tết chắc cũng không ai nỡ khoác cái áo rách đi xông nhà, nếu làm như vậy thì hình như chính mình sẽ không may mắn và còn mang cả cái không may mắn đến cho bạn. Tại sao lại thế? Nếu giáo hữu chờ ông già Nôel mang quà giáng sinh đến cho trẻ nhỏ, thả vào những chiếc bít tất để bên lò sưởi (ấy là theo tục lệ các nước phương Tây) thì người Việt Nam lại chờ để nhận chiếc phong bao, hoặc đồng tiền mừng tuổi, (mà chiếc phong bao phải là giấy đỏ, chưa hề bao giờ có thể là giấy đen) trong đựng đủ loại tiền, thứ nhỏ nhất đến thứ to nhất, thứ nào cũng có, để như nhận một lời thầm là sẽ được tất cả mọi thứ tiền ở trên đời này. Tại sao thế?

Không ai đi xông nhà mà cứ im thin thít, không một lời chúc Tết. Tại sao thế? Có hàng trăm cái tại sao thế như vậy trong ngày Tết và trong cả đời thường.

Ngày khởi công đào móng một căn nhà, ngày phạt mộc, ngày lên nóc (hay cất nóc) ngày hoàn công, mừng tân gia... không ai làm hú họa vào ngày mùng ba mùng bẩy hay nguyệt tận (ngày cuối cùng trong tháng: ba mươi hay hăm chín).

Cuộc đời vốn nhiều rủi ro, bất trắc, nhiều gian truân mà mỗi người phải gồng mình lên để tránh nó, để vượt qua, để vươn lên

với ý niệm khát khao gặt hái niềm vui, sự sung sướng, nói chung là hạnh phúc. Những điều này đều phải nhen lên, xuất phát từ sâu thẳm ý chí, tình cảm tâm hồn, nói cách khác là từ cái phần không thể nhìn thấy, sờ thấy, nhưng ai cũng có, đó là tâm thức, là ý thức, tâm linh, dù người đó ở trình độ nào, thành phần nào, hoàn cảnh nào... Các vị hoàng đế thời xưa cũng đã tin vào điềm may, điều rủi, các nhà khoa học ngày nay cũng tin là có ngày đẹp ngày xấu. Mẹ ta xưa không biết chữ đến các anh em ta đỗ tiến sĩ bây giờ chắc chắn không ai nói tục, đánh mắng trẻ thơ, làm vỡ đồ đạc vào sáng mùng một Tết.

Không phải là cuộc tranh luận xem vật chất và tinh thần nó giằng co, giằng xé trong con người như thế nào, chỉ ôn lại trong ngày Tết, tâm thức con người được thể hiện ra, ra sao, đã thành phong tục truyền đời, thành nếp sống được coi trọng, thành hành vi được duy trì và phát triển, ta thấy dân tộc Việt Nam ta có bao nhiêu là nét đẹp trong tâm hồn, một lĩnh vực mà nếu vứt bỏ nó đi thì có lẽ chúng ta chỉ là cái máy nghiền cơm, cái giá treo áo, là gỗ đá cỏ cây vô tri và bất nhẫn...

Đã từng có tục lệ, sáng mùng một Tết (đương nhiên sau khi có khách xông nhà) người gánh nước thuê xuất hiện kĩu kịt một gánh nước đầy, trong vắt đến tự động đổ vào chum vào bể, rồi mới quay ra gặp bà chủ nhà, thưa mấy lời chúc Tết. Nhà chủ tươi cười vì hy vọng năm nay, tiền của, điều may mắn, niềm vui... sẽ tự chảy về nhà mình như trước. Khẩu trầu trao tay, chén nước mời, người gánh nước thuê nhận chiếc phong bao, chắc chắn phải gấp mười lần giá gánh nước ngày thường, và anh ta cũng mang niềm hy vọng sang năm nay sẽ luôn có được nhiều may mắn như thế. Nay nước máy, nước giếng khoan, bơm tay bơm điện thay thế, nhưng nhớ lại những cái gì đó ở trong sâu xa, đằng sau gánh nước kia, ta còn cảm như nhìn thấy niềm vui lấp lánh của người đón

Tết, bất luận người ấy là bà chủ nhà vàng đeo bạc giắt hay anh làm thuê giặt gấu vá vai quanh năm cơm hẩm.

Tục hái lộc cũng từng diễn ra thật đẹp. Không như ngày nay, có kẻ phũ phàng vặt trụi cả cành già, bất chấp cả cây non trong vườn hoa công cộng, phá hoại môi sinh. Buổi tối ba mươi Tết chủ nhà đã ra vườn nhằm sẵn một cành non nhỏ bé, có lộc, có lá, có thêm nụ thêm hoa thì càng hay, nhớ vị trí của màu xanh ấy, rồi sau phút giao thừa nồng hậu ấm áp lòng người, người ta bước ra vườn, tìm đến chỗ có cành lộc, ngắt đem vào nhà. Đó là lộc trời, hái được, đó là sự tươi tốt, mỡ màng, mới mẻ, đó là sự phát triển, sinh sôi... Tất cả được soi dưới ánh đèn nến sáng trưng, trong hương thơm nhang khói, chủ nhà mới đếm xem số lá chẵn lẻ ra sao, hoa sắp nở thế nào, lộc hé đến đâu, còn e lệ thế nào... để suy đoán về ba trăm sáu mươi ngày sắp tới. Lộc đây còn đi liền với lợi lộc, lộc trời, lộc phát, lộc thánh, lộc đời... Cành lộc còn được cắm trang trọng trên bình hoa thờ, có khi là giắt lên đòn tay mái hiên, nó khô đi cũng không sao, đến cuối năm mới bỏ đi, thả ra sông ra giếng. Ý thức tâm linh con người lúc xuân về Phật thành kính, thành tâm, nghiêm trang mong mỏi. Tiện thể nói luôn chỗ này, vào những thời kỳ nếp sống cũ được duy trì, (cả hay và cả dở ấy) người ta còn quan niệm những ai làm lò nung gạch, nung vôi là sẽ chuốc lấy nhiều điều không may cho con cháu sau này, bởi đó là hành động của kẻ "Nung Cha Nấu Mẹ", coi đất nước sông núi là cha là mẹ thiêng liêng từ ngàn đời, không thể, không nên xâm hại.

Công giáo có những ngày lễ mỗi năm, lễ Các Thánh, lễ Phục Sinh, Lễ Đức Bà lên trời, lễ Giáng Sinh v.v... chứa chan lời cầu nguyện, thì ngày Tết của người Việt Nam không theo tôn giáo nào, hoặc chỉ thờ cúng ông bà tổ tiên... cũng đều có những lời cầu khẩn, có bài bản hoặc chẳng cần bài bản, chỉ xuất phát từ trái tim, từ ý nghĩ mong mỏi tốt lành, đẹp đẽ, như nhớ ơn tiên tổ, cầu chúc cho con cái, hy vọng gia đình thịnh vượng, ai cũng tai qua nạn khỏi, ăn nên làm

ra, phương trưởng, phát đạt, công thành danh toại... tất cả những điều ấy có thể là mơ ước cao xa nhưng cũng có khi chỉ là mong mỏi bình thường... Đó cũng là những điều đâu phải là cốc nước, miếng ăn cụ thể hàng ngày, cái áo xanh xanh đỏ đỏ mới may, chiếc xe mới mua, cái a lô di động giắt thắt lưng cứ kêu ré lên trong cuộc họp... Nó chính là phần sâu thẳm, từng là cái nền cho ta xây ngôi nhà thờ đời ta, từng là bệ phóng cho ta bay lên với cuộc đời, từng là chỗ dựa cho thế hệ sau, cũng như ta là hy vọng của thế hệ trước.

Tại sao những câu chúc Tết nhau đều là những lời tốt đẹp, những Thịnh vượng, Phát tài, Khỏe mạnh, Hạnh phúc, mà (nói vui vui) không là những câu nguyền rủa, những câu xấu xa, hờn giận, mỉa mai?

Nay soi lại, có những câu không phù hợp như "đầu năm sinh con gái cuối năm sinh con trai" chúc "con đàn cháu đống", chúc "nhất bản vạn lợi" nhưng hầu như mọi lời chúc Tết, đều tập trung vào ước nguyện của con người, mà cũng đều xuất phát từ trong ý nguyện thiết tha, cái phần ta có, ai cũng có, nhưng không là da thịt cụ thể hàng ngày...

Tú Xương, con người bất đắc chí, con người nghiêm ngặt với xã hội, trong bài "Chúc Tết" còn phải kết luận là chúc mọi người hãy "sống cho ra cái giống người" nữa là. Cái giống người ấy là gì vậy? Ta tự thấy rất rõ.

Cuộc hành trình trên trái đất thật gian nan, chỉ chưa đầy một trăm cái Tết, có khi còn ít hơn nhiều, phần tâm thức của mỗi con người thật muôn hình nghìn vẻ, nào lúc ra đi, khi trở về, lúc xuống đò, lên xe, khi dựng nhà, hợp hôn, lúc đau yếu, khi đi thi... ai cũng mong một lời chúc tốt lành như để tăng thêm sức mạnh, không ai không cầu chúc, không ai chối từ lời cầu chúc ... Tất cả được vui sướng cất vào tâm hồn, làm hành trang mà vượt sóng, mà rúc rích tiếng cười, mà hoan hỉ sum vầy, mà tin tưởng và hy

vọng trước ngày mai... Ngay cả một con chim, con chim khách, còn mách bảo tâm linh người mẹ chờ con, người vợ chờ chồng, người bạn chờ nhau... ai dám sống kiểu chỉ cầnních cho chặt cái dạ dày rồi o o nằm ngáy?

Trong bữa tiệc vui, bạn bè họp mặt, hay tiễn kẻ lên đường, ta cũng từng nghe: Chúc mừng hạnh phúc, chúc sức khỏe, chúc lên đường may mắn hoặc thượng lộ bình an... Tâm linh hay trần tục?

Tết, khách xông nhà, không ai mong người bất hạnh là người khách ấy. Vui vẻ, xởi lởi, may mắn, nghiêm cẩn, uy tín... Mùng một Tết là mở đầu, một năm còn dài lắm, còn bao bất ngờ sẽ đến, nên hy vọng phải được gieo mầm, người khách xông nhà chính là người gieo mầm ấy, gieo vào tâm thức, gieo vào ý nguyện, gieo vào lòng người, mà tâm thức và lòng người còn sâu hơn đáy biển, ở đấy có vật vã, lo toan, có ước mong, gửi gắm, có chờ đợi... những tốt lành, tất thảy không bày ra như mâm cỗ trước mặt, mà mênh mang trong chiều sâu ta không thể dùng máy tính hay cái thước chia phân chia tấc để đo.

Chuyện lên chùa lễ phật để cầu nguyện, sám hối, chúc cho mình và đồng loại mong đến Niết Bàn cũng là tâm linh, dù rằng lẫn vào đó còn nhiều người ngây thơ dại dột, mê tín, xin quẻ để cầu mong may mắn, chưa thấy đâu, chỉ thấy mang lo vào người. Niềm hy vọng và nỗi lo lắng ấy cũng là phần ta đâu dễ nhìn thấy cụ thể như bức tường cái sân, cái bàn...

Tâm thức, tâm linh con người là vô lượng. Mùa xuân, ngày mở đầu, giờ năm mới, những tốt lành cũng chập chững ngoài thềm... là dịp để mỗi tâm hồn nhích lại gần nhau, mỗi tâm hồn tự nuôi lớn mình thêm... thì những lời cầu chúc, những kiêng kỵ, những ước mơ... đương nhiên cũng phải là tốt đẹp, như lộc đang ra, gió đang lên, nhang khói đang thơm, nụ cười đang mở...

1998

Xuân dân tộc

Không hiểu cái buổi hoàng tử Lang Liêu dâng bánh dày bánh chưng.lên vua cha, thì thời tiết thế nào, mưa phấn sương dâng hay hiu hiu nắng cọ? Bài văn đuổi con thuồng luồng vào sông được viết theo hình chữ Hán nhưng lại đọc theo lời Việt mà thành chữ Nôm, câu chữ cụ thể nào không được ghi lại cho ta hình dung ra sóng nước tre làng, đôi bờ làng xóm ghi trong ấy ra sao, hỡi ông Hàn Thuyên?

Ông thày dạy nữ sĩ họ Hồ "quả mít, bánh trôi..." đã truyền vào con người nổi loạn trong thi ca ra sao mà thơ cô không có một điển cố, một dáng dấp gì của "chi, hồ, giả, dã".

Cậu trai làng thành ông Tam nguyên, chữ nghĩa lừng danh vậy mà thơ ông không có thu vàng hoa cúc, không có rừng phong lá đỏ, cũng chẳng trường đình đoản đình, mà là ao thu lạnh lẽo nước trong veo, với ngõ trúc quanh co, động chân bèo con cá đớp...

Một tài hoa bất tử khác, tuy mượn chuyện người mà nung nấu ra sao để viết thành câu lục bát triệu người trăm năm làu làu trong dạ, những ngày xuân con én, những cành lê trắng điểm...

Nước nào có thư thơ mười bốn chữ so le trên ngắn dưới dài thành lục bát như thế, từ Homère, Voltaire, Puskin, Maia, Bạch Cư Dị...?

Có nhà thơ phát biểu rằng (không hiểu có phần nào cực đoan không): Nhà thơ Việt Nam nào không biết làm thơ lục bát thì dù thơ ông ta hay đến đâu cũng khó lòng là một người Việt Nam...

Lại lưu truyền một giai thoại không hiểu đúng đến mức nào rằng cụ quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng phải viết một bức thư cho người Pháp, nhà học giả giúp việc thưa: Thư còn sai chính tả và ngữ pháp Pháp. Cụ Huỳnh trả lời: Tôi không cần biết cái ngữ pháp của họ. Tôi là người Việt Nam, tôi viết theo người Việt Nam nghĩ và nói theo người Việt Nam, thế thôi...

Cũng khó định nghĩa cái chất Việt Nam có từ Hùng Vương Lang Liêu bánh dày chưng cho đến câu thơ "vén phứa tịnh lên" trong bài thơ Cờ người của Hồ nữ sĩ cho đến câu nói cách nghĩ của nhà học giả khả kính họ Huỳnh...

Người nước ngoài bất ngờ đến run rẩy thần kinh khi nghe câu quan họ và được dịch trước lời ca: "yêu nhau cởi áo cho nhau. Về nhà dối mẹ qua cầu gió bay", mà trước đó do dịch kém, họ hiểu nhầm nội dung là "yêu nhau cởi áo nhau ra..."

Cái nón thúng quai thao, nay phổ biến là nón chóp có phải mang chất thuần Việt, khi cả thế giới biết hình học có hình nón, hình chóp, chóp cụt v.v...

Người Panama đội mũ rộng vành, người Anh điêng đội mũ "phê" gọn trên đầu, người Hoa Hải Nam đội nón cụp vành, trên gồ lên, đan hình lục lăng, người Pháp đội mũ phớt, mũ "cát" (casque), người phụ nữ Ả Rập đội khăn trùm đầu v.v... đấy là chất dân tộc của họ chăng? Còn cái nón Việt Nam từng tạo sự ngạc nhiên đến sững sờ thích thú trong những cuộc liên hoan quốc tế, và khách đến Việt Nam, mua ngay một cái nón đi rong phố lấy làm hãnh diện, cái nón mang chất gì trong nó?

Tết, ta không có tục chơi khúc côn cầu, cũng không cắm cành thông xanh chăng đèn nhấp nháy, không ăn gà tây hầm, không cần bánh ga tô (những tục lệ đã hơi hơi có mặt ở một số thành phố bởi những người lắm tiền nhưng hơi hợm) mà chúng ta ăn bánh chưng, chơi hoa đào, đánh cờ người, quân bằng người thật, làm mê mệt khối anh phải lòng cái mắt đa tình của cô đóng tướng bà vương phải, hay cái cô đóng quân sĩ, sao cái môi chúm chím đa tình đến thế... ta lên chùa lễ phật, ta thắp nhang đen trước bàn thờ, ta treo câu đối đỏ... ta đánh tan cái ngấy bằng vị dưa hành...

Tính dân tộc là gì, xin các nhà dân tộc học giải thích, còn người dân thường, thì hình như đó không phải là váy đầm xẻ đến ngang hông, mà là áo tứ thân, thắt lưng hoa lý hoa đào, cành sen, hồ thủy, là tấm ái dài nhẹ như cánh bướm, thướt tha như dải mây bay...

Một nét tài tình không thể không suy tôn là chiếc áo dài đổi vai, hai tà vẫn cũ, phần vai thay mới, nhưng không phải là áo vá; bởi nó mang một chút gập ghềnh so le cao thấp, tưởng như một sự "chơi chua" như có con mắt họa sĩ mách bảo bằng nghìn năm suy tư lao động.

Ta không quen ăn pho mát nhưng mắm rươi thì... hoặc chả rươi nữa, thì đất trời nghiêng ngả ráng mây, chai to chai nhỏ lăn kềnh trong cái hương thìa là, hạt tiêu vỏ quýt, ngậy, bùi, ngọt, thơm, béo...

Món cá rô hầm trấu đẫm thứ tương sáu tháng dưới gốc cau, ai bảo không là cao lương mỹ vị, khi các nhà hàng đặc sản thời nay gọi là cá kho tộ, mà lõng bõng nước tanh, xương còn gai gai gờn gợn trên đầu lưỡi.

Mái đình nào cong vút đầu đao, ngôi chùa nào cho hương hoa mộc lan lâng lâng để nàng gái phải than:

Qua đình ngả nón trông đình

Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu

Thương một nghìn hay thương mười vạn, có ai đếm xuể cái tình? Có ai đếm được những viên ngói mũi hài đã nằm đó trăm năm nói hộ ra rằng:

Người xinh cái bóng cũng xinh

Người giòn cái tỉnh tình tinh cũng giòn...

Ca dao, chủ yếu là thơ lục bát, là hồn sông cuộn chảy, là mạch núi xuyên ngầm, là hoa xuân bừng nở, là câu hát véo von, là đêm hội làng rộn trống... Có ai người Việt dù tiếng Tây tiếng Mỹ làu làu lại không có trong mình dăm bảy câu ca dao, chắc người mẹ khuyên con nhỏ, nhắc con rằng: "Thương người như thể thương thân" thì không thể nói bằng tiếng tây xí xố. Ca dao là tiếng nói qua lò luyện, như vàng cốm đúc thành vàng nén bền vững vượt thời gian, vượt không gian, ngập tràn khắp ngược xuôi, nam bắc, thành phố, xóm thôn trí giả, dân thường, thôn nữ, mệnh phụ...

Mùa xuân thật lạ, có sức sống phi thường. Nguyễn Bính, nhà thơ dân tộc nhất trong các nhà thơ dân tộc bật lên câu:

Cột nhà hàng xóm lên câu đối

Em đọc tương tư giữa giấy hồng

cho ta nao nao về quê mẹ, cột nhà nghèo khó, chỉ bương, tre, chẳng vàng son lộng lẫy, tết mới có đôi câu đối giấy hồng điều, nhưng hồn ta ở đó, tim ta về đó, ta kính cẩn nghiêng mình trước làn khói nhang phảng phất anh linh tiên tổ, những người tạo ra chất dân tộc, vượt núi băng sông, làm ra hạt gạo, chắt nên ca dao, may chiếc áo đổi vai, tạc đầu đao ngôi đình cong như với bầu trời gần lại.

Hình như ta nghe thấy bóng dáng bà Man Thiện, người mẹ của hai cô gái trở thành Trưng Nữ Vương, những người phụ nữ quật cường làm vua thuộc loại đầu tiên của nhân loại, mà mấy nghìn năm sau, có bao bà mẹ Việt Nam lại bước tiếp con đường gian nan xương máu dâng hiến con mình cho đất nước, được phong tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhưng vẫn chưa hết thiếu thốn, âu lo giữa những thôn làng mới chỉ đủ bát ăn, còn lâu mới sang giàu.

Em bé ba tuổi cũng anh hùng, mười tuổi thành đuốc sống, người luật sư Thái Văn Lung ngã xuống, ông kỹ sư mỗi tháng lĩnh lương hàng chục lạng vàng, nhưng sẵn sàng từ bỏ ánh sáng kinh thành Ba Lê để theo Cụ Hồ về kháng chiến, làm ra khẩu súng Ba-zô-ka, mỗi tháng lĩnh lương mười cân gạo, ông Trần Đại Nghĩa, cái tên được chính Bác Hồ đặt cho vì đã theo về đại nghĩa...

Nước nào trên thế giới cũng có những ngày thiêng liêng của mình. Với ta, cái đêm giao thừa kỳ diệu, cái chiều ba mươi tết sum vầy, cái mưa bay như lụa như tơ như phấn, cái ánh hồng giữa má người con gái ta yêu và hoa đào hàm tiếu... đã thành máu thịt tâm hồn ta, như nếp và men thành rượu, không bao giờ có thể chia tách ra được nữa...

Chỉ nhắc đến những cái tên gợi cảm, ta đã thấy rưng rưng. Giữa trập trùng sóng nước có cái hang Trinh Nữ, người con gái ấy tên là gì, một thứ hoa chăng, một làn hương chăng, bị giặc giết để cô thành nước non sông núi, nơi thế giới công nhận là kỳ quan...

Ta nhớ một quèn Voi Đi, đánh dấu bước chân người anh hùng áo vải thần tốc vào Thăng Long ăn Tết năm Kỷ Dậu, nơi ấy còn dấu vết động Người Xưa, còn hang Trăng Khuyết... Cúc Phương mấy vạn năm xưa, người nướng con ốc ra sao, trăng chiếu chênh chếch thế nào, mà để lại nước non này, gọi là nước nhỏ hay nước Vĩ Đại, ta đều thấy đúng, thấy yêu.

Sông Mã cứ gầm đi, Hòn Chồng Nha Trang sao có tên như thế, quan họ đã vào xuân suốt bốn mươi chín làng đò đưa con sông Cầu dải yếm, mà tiếng "La Hừ... tình tang..." làm bứt rứt khôn khuây. Ta sẽ sang sông, mùa xuân đã chín, trống hội đã vang, cây đàn bầu đã lên dây, cái cây đàn kỳ lạ, chỉ một dây mà gió mưa bão tố, mà tha thiết nỉ non, mà thầm thì duyên phận đến nỗi phải kêu rằng:

Đàn bầu ai gẩy thì nghe

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu...

Đêm óng ánh trăng, chị gái vượt cái sân rêu, giắt bông hoa bưởi lên mái tóc mềm như suối, đến với tiếng đàn như bước vào cõi thần tiên mà cũng có thể là cay đắng... Đàn ơi, có phải thế không cho lòng gái nhớ trai, tình trai mong gái, ngàn năm tình sử chẳng bằng, vì đây là dân dã, chẳng cần ghi vào giấy bản hay giấy hoa tiên.

Nâng một chén trà sen, thứ hương ngan ngát của tình làng, thứ sen nẩy tiền từ mùa hạ năm qua, bây giờ xức cho buổi đầu năm mới...

Mùa xuân dân tộc cũng đã biến thiên nhiều, có chuyển giao và áp đặt, ta chấp nhận những gì làm đẹp cho đất nước quê hương, nhưng ta không thể bằng lòng với ai từng bỏ mẹ mình để nhận một người đàn bà xa lạ phương trời khác làm mẹ chỉ vì người này giàu hơn, đẹp hơn, vàng đeo rủng rỉnh, chân dép chân giày...

Giây phút thiêng liêng năm mới, ta lắng hồn ta, bao điều kỳ lạ quen thuộc ngàn đời nhưng có lúc ta sao nhãng, thức lên rồi, dù chỉ một phần nhưng là Hồn Xuân dân tộc đấy, mình ơi...

Xuân 1998

Thần chú: Tình ơi...

Hôm trước ngày giỗ chính gọi là ngày Tiên Thường, anh em con cháu đã tề tựu đông đủ, nào họp bàn, nào kiểm xem ai còn chưa về, nào chuẩn bị xem ngày mai sẽ làm ra sao, còn thiếu thứ gì không... một không khí náo nức đã dâng tràn gia đình ông Cả.

Còn Tết thì sao? Ngày ba mươi, đêm trừ tịch, tết thực sự đã đến với mọi nỗi lo và niềm vui, với mọi đợi chờ hy vọng và chan chứa vui mừng... Nhưng có lẽ khi hồi trống ngoài đình vang lên, tiếng chuông chùa nhặt khoan văng vẳng, nén nhang thơm ngát trước bàn thờ, lời chúc mừng dâng trên môi... cũng là một thứ Tiên Thường, cái giây phút giao thừa này, năm cũ vừa chào từ biệt, năm mới vừa sang, vừa vào đến bậc thềm, ta đã nghe, đã mơ hồ thấy một không gian tưng bừng lễ hội sắp bắt đầu, những lễ hội mùa xuân, lễ hội tâm linh, lễ hội của mong chờ, của hẹn hò đầy hồi hộp với si mê, đầy bí mật và thương nhớ...

Thảng hoặc đôi nơi mới có lễ hội vào mùa khác như Hội làng Chèm vào tháng Năm, tháng nước sông Hồng đã lũ nguồn tiểu mãn, lễ hội đền Đức Thánh Trần vào tháng Tám, hội chọi trâu Đồ Sơn vào mùa thu... còn phần lớn các lễ và hội đều sống cùng mùa xuân, sau tết, lúc hồn người gọi nhau trong thanh thản nông nhàn, trong sức sống tràn trề, trong mưa ấm và nắng trong, trong ánh

mắt long lanh của tuổi hoa niên bừng bừng không thể đắp chiếu ngủ vùi nơi ổ rơm, trong hương hoa giục người tìm người, làn hương ủ trong mái tóc, giấu trong túi áo như một bí mật thiêng liêng, nhưng khi ta nói câu thần chú "Vừng ơi...", không, ta nói câu tình chú: "Tình ơi...", thì bí mật ấy đã thành của riêng của một người, là nàng, là ta... mặc kệ đất trời nắng mưa hay sụp đổ...

Bốn mùa quạnh hiu chiếc tổ chim tre lũy, mảnh sân rêu và chiếc cầu ao biết bắc vào đâu, khi bốn chung quanh cũng vẫn chỉ là khoai lúa, con đê mất hút về nẻo xa mờ, có mấy khi rảnh mà đi tới cùng trời cuối đất nơi con đê kết thúc. Làng mến yêu, nhưng làng nhỏ hẹp, làng cho ta cuộc sống thanh bình, nhưng làng tù túng giam chân...

May sao, Hội lễ mùa xuân, mà tết là ngày tiên thường, đã cất cánh cho ta bay, cho hồn ta rong ruổi theo gió cờ ngũ sắc, cho tai ta rộn ràng nhịp trầm bổng thiết tha khi có đoàn người gánh những chiếc hòm vuông, mới đến đầu làng đã ríu rít, cuối làng hẹn nhau giờ ấy đêm ấy nhé... mình ơi...

Hội làng, lễ mùa xuân là bữa tiệc linh đình cho con tim và tâm hồn quanh năm khao khát niềm vui khoan nói đến tâm linh, tôn giáo tín ngưỡng...

Cha cứ ra đình dự đám tế thần chậm rãi như thời gian nghìn năm ngừng lại, nào Hưng nào Bái, nào trống lệnh, chiêng hiệu... để Đức Thành Hoàng về phù hộ cho dân cho nước, cho xóm cho làng... phong đăng hòa cốc, mưa nắng thuận hòa...

Mẹ cứ chống gậy lên chùa, thắp nhang lễ Phật, tụng bài kệ lòng lành, nhân đức, xuống nhà Tổ nhai trầu, xếp những phẩm oản có lá mít cắt tròn lót đáy để đón tay cho khách thập phương kể chuyện các vị trụ trì phúc đức ra sao, mong con cháu thịnh

vượng, học theo gương sáng tâm thiện. Mẹ có cầu gì cho mẹ đâu, mẹ một đời chân lấm tay bùn, móng tay xước vì lam lũ, gót chân tòe vì lội đồng, tấm áo nâu cũng đủ, lót lòng bữa ngô khoai cũng xong, nhưng "cá chuối đắm đuối vì con", mẹ cầu cho con, rồi mẹ lại cầu cho cháu, tiếng trống hội xuân chỉ là hồi quang ký ức, mẹ dành cho con gái mẹ, con trai mẹ bước vào đêm mưa xuân lay phay, bước vào màn tơ dệt bằng niềm vui hò hẹn... còn mẹ thắp ngọn đèn hạt đỗ, ngồi trong hiu hiu, chờ con mẹ về, nhìn mặt chúng nó cũng đủ cho mẹ hởi lòng...

Xin mẹ cha tha thứ, chúng con không thể chỉ có niềm vui như cha mẹ. Chúng con là hoa đang nở, là lộc đang đơm, là gió đang thổi, là sông đang cuồn cuộn, chân trời đã mở, thúc gọi tuổi xanh.

Chúng con mang bản thân mình làm thành lễ hội. Em của anh và anh của em...

Cô nàng thế là đã được chọn làm người khênh kiệu. Anh chàng thế là được chọn làm người cầm lộ bộ trong đám rước. Liếc nhau thì chắc thánh thần cũng vui lòng tha thứ, bởi kim cổ thánh thần cho đến người trần, ai chẳng có một trái tim, ai chẳng rực nóng má hồng, đỏ vành tai, rung rung bộ ngực, luống cuống đôi chân... cái ngày nghiêng mái tóc, liếc ngang xem người ấy đứng chỗ nào trong đám hội... mà khúc khích, mà đấm nhau thùm thụp, mà thấy người đánh trống nhưng không nghe thấy tiếng trống, nói như người con trai mắc chứng bệnh oan nghiệt nhưng câu thơ bất tử:

Ngày mai trong đám xuân xanh ấy

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi

Rồi sẽ tay bồng tay mang, rồi sẽ gỡ mái tóc mùa thu, rồi sẽ chỉ là tiếng thở dài kể chuyện ngày xưa...

Vui Đăm rước Giá Hội Thầy

Vui thì vui vậy chẳng tầy rã La...

Hội chùa Thầy với hang Cắc Cớ nó ra làm sao, nóng bỏng đôi vai khi có khuôn ngực như Hỏa Diệm Sơn lách mình đi mà chạm phải... nhưng sao bằng đêm rã đám hội, mấy làng La. Đang thiêng liêng nghiêm trang kính cẩn, chợt mà không còn một ánh lửa nào dù chỉ lập lòe, để cho những ngọn lửa trong tâm bừng lên hoan lạc đến say sưa... trong bóng tối đêm xuân, trong mưa hoa xoan rụng tím, trong gió nồm ấm rợn... ai dìu ai đi, ai nắm tay ai, ai ngả mái tóc vào nhau để thì thầm câu thẹn thùng chất chứa đã bao ngày... Thần linh đã cho phép, mẹ cha không cản trở, bạn bè cùng lứa cảm thông... bờ giếng có cây bưởi đang hoa, quán ngoài cổng làng phơ phất những sợi đêm, gốc duối cổ thụ không có ma đâu người ạ... Và khi đèn sáng lên, sân đình thế nào cũng khuyết một ít đôi người, nhưng may thay, không có ông kế toán hợp tác xã làm cuộc kiểm kê như thế nào giờ... Đêm rã La, có bao nhiêu đôi thành người chung sống cho đến mãn chiều xế bóng, mà nếu không có thể hẳn cái nghèo đã ngăn cách lứa đôi vì tục lệ nặng nề...

Lại cái Hội Chen vùng Hà Bắc cũ.

Hội mở chật sân đình, chật con đường làng lát gạch nghiêng đã chứa đầy thời gian và bước chân bao thế hệ... hội tưng bừng nào đám rước, nào Quan Họ, nào hàng quà... bỗng rùng rùng như bão nổ. Người ta chen nhau. Gái chen trai, đàn bà tha hồ, người chen hích tay, kéo áo, nhưng có lẽ con mắt đã chen nhau xiêu đổ, không phải chỉ người bị chen bật xuống vệ đường, giẫm lên cây lúa non, chạm vào hàng rào râm bụt đỏ hoa... mà lòng nhau đã nghiêng ngả trong cố ý, trong cố tình, trong xếp đặt... Ríu vào nhau, bật ra góc khuất, càng được chen mạnh càng hạnh phúc, càng vui sướng... Lại bất ngờ tất cả như bừng cơn mê. Ai cũng

nghiêm trang như gương mặt ông Phúc ông Lộc trong tranh Đông Hồ dán hai bên cánh cửa... Chuyện chen vừa rồi là giấc mơ chăng? Nào ai biết. Nhưng thoáng lát, lại rùng rùng trở lại, lại nổ ra địa chấn dưới chân người. Nhưng bây giờ có khác. Không phải gái chen trai, mà ngược lại, là trai chen gái, đàn ông chen đàn bà, cụ ông chen cụ bà. Cuộc chen hình như mạnh hơn, nhất định anh khỏe hơn em, nhưng em đừng ngại, cuộc chen đâu phải hơn thua, cuộc chen trong lòng mới là sức mạnh... Xin ai đừng hỏi rồi sau hội chen ấy, có gì xảy ra. Cứ tưởng tượng cũng đủ mỉm nụ cười xuân như ánh hoa đào rung trọng mưa mát lạnh.

Nửa thế kỷ nay, hội Chen cũng như đêm rã đám làng La chỉ còn là hoài niệm, chỉ tàn dư một thời văn hóa dân gian, nó nằm trong tầng sâu ký ức người có tuổi, nằm trong hồn dân tộc, trong bóng dáng những mùa xuân trữ tình của một dân tộc hầu như ai cũng biết làm thơ, ai cũng thuộc ca dao, ai cũng biết hát câu sa mạc...

Mùa xuân năm nào cũng đúng hẹn lại về, về trong tuổi ấu thơ chơi ván bi ván đáo, về trên mái tóc trắng sương hồi niệm mấy thời được làm cô gái khênh kiệu, được làm vai tướng bà trên ván cờ người... được làm anh vác chiếc đao đi bên long đình, làm ông phụ tế... giờ ngồi kể chuyện ngày xưa đầy hào hứng làm tròn xoe những con mắt hạt nhãn... Nhưng có lẽ xuân đẹp đang về trong tuổi hoa tuổi lộc, tuổi má đỏ môi hồng, tuổi nhìn một mà tương tư ba bốn như chàng trai Nguyễn Bính nhớ nhung:

Cột nhà hàng xóm lên câu đối

Em đọc tương tư giữa giấy hồng...

mà nỗi tương tư ấy, màu giấy hồng điều ấy, hương màu xuân ấy chính là sức mạnh chẳng tàn phai, chẳng gì bôi xóa... Ngày nay chúng ta gọi là Văn Hóa.

Văn hóa là gì, có một trong trăm nghìn định nghĩa rằng: Văn hóa là cái còn lại sau khi tất cả đã không còn...

Đúng hay sai, xin tự lòng mình kiểm nghiệm.

Ta đã nghe một hồi trống đêm xuân, ta đã nhìn thấy lá cờ ngũ sắc, ta sờ vào chiếc khánh đá, ta thấm một khói nhang thơm... ta nghe bà nghe mẹ kể chuyện mấy thời, vượt qua giặc giã bão lũ... ta lại xắn một miếng bánh chưng ăn với củ hành nén tươi vàng, ta thơ thẩn bên hàng rào chờ ai bên rặng hoa mơ nở tím, thứ hoa mơ leo, mơ tam thể, chứ không phải mơ trắng muốt Chùa Hương tháng cuối mùa đông... thứ hoa mơ được lấy làm tên con gà mái hoa mơ, te tái chạy qua sân mà cục tác khoe quả trứng tròn cho trái đất sinh sôi...

Lại gặp những con thuyền trong hội Bơi chải, anh chít khăn đầu rìu hay may-ô xanh đỏ, người cầm trống ngõ nhịp bơi chèo... ai trong số ấy chèo khua nước khỏa chỉ vì một ánh mắt đang theo dõi ven bờ, vì một chiếc áo xanh màu trứng sáo nén hồi hộp bằng cách đưa ngón tay lên miệng, vì một câu nói hôm qua hôm kia, hôm trước tết hôm tiên thường rằng: “Anh phải cố...”

Mùa xuân dân tộc đang hồi phục. Lễ hội với mọi âm thanh và màu sắc cũng đang hồi sinh... như không hề cũ, mà không hề cũ cũng là niềm chất chứa đàng sau, bên trong lễ hội, những trái tim người hồi hộp yêu nhau... có lẽ Văn hóa nhất cũng là ở đó...

Mùa xuân hòa đồng

Có một người hỏi, câu Kiều:

"Hiên sau treo sẵn cầm trăng

Vội vàng Sinh đã tay nâng ngang mày..."

thì cầm trăng ấy có phải là đàn cầm, tức đàn nguyệt không? Nếu đúng, thì Việt Nam chúng ta từ bao đời đã biết tận dụng mọi ảnh hưởng văn hóa từ ngoài vào, biến nó thành cái của mình một cách tiệm tiến nhưng sáng tạo, làm giàu cho văn hóa nói chung của mình mà không mất mát gì. Tuy vậy vốn tận dụng ấy không phải là tràn lan, mà thường có cân nhắc chọn lọc, không à uôm, giống như tết ta chơi hoa đào mà không chơi cành cây thông xanh, dù thông thật hay thông nhựa. Lại nữa, chúng ta có cây đàn nhị cũng dùng cái vĩ làm bằng lông đuôi ngựa để kéo, gọi là mã vĩ, khi ta nhập chiếc Violon, dịch ra là Vĩ cầm, lại không có ai dại dột dịch chiếc Violon ấy là đàn đuôi, hay đàn đuôi ngựa, tương tự cây đàn bầu có một dây được dịch là Độc Huyền cầm...

Tiệc sinh nhật đông đủ bạn bè, có thể ăn chiếc bánh ga tô ba tầng sau khi thổi tắt số ngọn nến bằng số tuổi được mừng, nhưng đêm giao thừa, trong khí thiêng sông núi, trong bảng lảng hồn tiên tổ Việt Nam, không ai lại dại khờ để chiếc bánh ga tô như thế (dù bánh rất ngon) lên bàn thờ mà khấn khứa.

Dân tộc Việt Nam được nhào nặn trong máu lửa và mồ hôi suốt mấy nghìn năm có trống đồng Đông Sơn, Ngọc Lũ, có bánh chưng xanh, bánh dày tròn, có ca dao và cơm lam, có cồng chiêng và những đao đình cong vào mây trời, ngày tết có lẽ là dịp thể hiện ra nhiều nhất những gì là tinh túy Việt Nam, những gì từ không ta làm ra có, những gì ta đã Việt Nam hóa cho nó trở nên thuần Việt một cách nhuần nhuyễn quen thuộc.

Trong sách Luận Ngữ, Khổng Tử nói: "Người quân tử Hòa mà không Đồng. Kẻ tiểu nhân Đồng mà không Hòa". Có nghĩa Người quân tử, hiểu nôm na là người có văn hóa, kẻ trí giả, lấy bình tâm hòa khí để ở với nhau, bỏ qua những sở kiến của nhau, những nét sinh hoạt nhỏ mọn đời thường của nhau. Còn hạng tiểu nhân (kẻ tầm thường) cốt thị hiếu, ham muốn tầm thường, cái lợi lộc giống nhau, nhưng khi va chạm đến tư tưởng, lý tưởng thì không thể hòa hợp được vì ghen tỵ, chia chác v.v...)

Câu nói đã được thử thách qua mấy nghìn năm, vẫn làm ta suy ngẫm trong lẽ đời dâu bể biến thiên. Nhìn ra khỏi biên giới, mỗi nước ăn tết một khác, phong tục một khác, nhưng niềm vui do mùa xuân đem lại cho mỗi con người thì đại để có nét giống nhau. Nay là thời đại của tự do. Mỗi quốc gia đều phải được độc lập và tự do. Nhưng độc lập không thể dịch là Đứng Một Mình, không thể bế quan tỏa cảng, đóng cửa biên giới, tự cung tự cấp, tự bọc mình trong chiếc kén nhỏ bé. Câu của Khổng Tử có thể hiểu rộng thêm trong thế giới luôn có sự liên lập liên kết ngày nay. Có thể ta không Đồng với một ai đó, nhưng không thể không hòa với nước ấy. Nhưng hòa mà vẫn phải Ta là Ta, ta vẫn giữ được bản chất của riêng ta, chứ không thể Đồng một cách tràn lan, ồ ạt. Nói theo đương đại tức là hòa nhập mà không hòa tan vậy.

Ta có thể để lớp người trẻ tuổi sáng tác biểu diễn và thưởng thức nhạc Rốc nhạc Pốp, nhưng nếu chúng ta không còn một ai

biết Quan họ là gì thì sẽ không còn một Việt Nam trên bản đồ thế giới. Ta có thể hợp tác cùng trăm nước, giao lưu bằng tất cả mọi thứ ngôn ngữ, nhưng người Việt Nam nói với nhau bằng tiếng Việt không hiểu nhau, hoặc chỉ dùng tiếng nước nào đó để con cái cha mẹ nói chuyện với nhau thì nguy cơ không còn một nước Việt Nam nữa là có thật. May thay, ấy là bàn phiếm mà thôi, chứ điều ấy chắc chắn không xảy ra, bởi vì tết đến, trên mâm cỗ Việt Nam vẫn có đĩa dưa hành nén, củ hành vàng tươi bóc nõn, đã hơi dẹt, phảng phất một hương thơm quê nhà muôn thuở, mà không thể là hộp dưa chuột muối chua, hay quả cà la thầu nâu mặn. Ta nâng chén trà ướp sen thơm ngát những đầm sen trưa mùa hè quê nhà, uống cả bầu trời cao xanh ngắt, uống cả làn gió đung đưa cành tre... ta "hãm" trà với viên mứt sen trần tròn tròn vàng óng, long lanh như những viên hoàng ngọc, mà không thể uống thứ trà quý giá đó với thỏi kẹo bạc hà, chiếc bánh bích quy mằn mặn, gai gai trên lưỡi.

Độc lập và liên lập. Truyền thống và hiện đại. Chúng ta đang Hòa với cả nhân loại, dù có thể chúng ta không Đồng với một ai đó. Những nhà hàng xóm có thể thích ăn chè đỗ đen với cá kho là cái riêng của họ, ta không bắt chước nhưng cũng không áp đặt là họ đừng ăn như thế. Không xâm phạm nhau, tự ta chắt lọc lấy tinh hoa, tự ta tìm ra những cách riêng cho mình... có lẽ khuynh hướng hiện nay chính là cần như thế.

Không ai trong những người dân bình thường thuộc Kiều lại cho rằng chuyện đời cô Kiều không phải Việt Nam; Nguyễn Du là một người Việt Nam vĩ đại ở chỗ đó. Bà Huyện Thanh Quan còn ảnh hưởng phong hoa tuyết nguyệt, hàn ôn, kim cổ, thu thảo, thích dương... nhưng đến cô Hồ, đến con ma tình yêu nữ sĩ phường Khán Xuân thì Nguyễn Du có sống lại chắc cũng phải kính cẩn nghiêm mình thi lễ. Nào quả mít, đĩa bánh trôi, quần

hồng phấp phới, chân ngọc song song, vén phứa tịnh lên, nào tốt thủ thỉ vào cung... là ngôn ngữ của người cấy lúa, anh chở thuyền, cô gái hội làng, anh trai đất bãi... và Hồ Xuân Hương cũng là một phụ nữ Việt Nam vĩ đại, không tiền khoáng hậu.

Lịch sử loài người cũng có nghĩa là lịch sử chiến tranh, Nhưng con người ngày càng hiểu ra rằng không gì quý giá bằng Hòa Bình, bằng sự chung sống. Có nhà văn nói: Chúng ta muốn chung sống trong tốt đẹp chứ không muốn chung sống trong đau khổ. Không có thứ gươm đao súng đạn nào có sức mạnh như lòng người, Lòng người có thể sản sinh ra văn hóa, mà có người định nghĩa: Văn hóa là cái còn lại sau khi tất cả đã không còn...

May thay, chúng ta có một nền văn hóa vượt mọi giông bão, tự ta tìm ta, ta tiếp nhận thêm sự nhiều nguồn sau khi ta đã tỉnh táo sàng lọc, chọn lựa. Chuyện Tấm Cám có hàng chục bản na ná giống nhau ở hàng chục nước, nhưng ta vẫn có một chuyện Tấm Cám riêng với khẩu trầu cánh phượng và câu ca dao "vàng ảnh vàng anh, có phải vợ anh chui vào tay áo..." Thế giới nào có con chim "vàng ảnh" như thế?

Dân tộc nào cũng có thế giới thần linh, tâm linh, tâm thức tôn giáo... của mình. Chúng ta mời tiên tổ ông bà về ăn tết với cháu con. Cảm thông người già, chân yếu tay run, nên con cháu mua hai cây mía voi buộc hai bên bàn thờ, gọi là "Gậy Ông Vải" để đường xa, lối vắng gập ghềnh, ông bà có gậy chống... Sau mồng bốn tết, mâm cỗ hóa vàng, tiễn tiên tổ về nơi cực lạc, cây mía mới được ngả xuống vì chúng đã làm xong nhiệm vụ... Tâm linh là đấy chứ đâu.

Bà ta lên chùa ngày tết. Bà già như thế, còn cầu gì cho bản thân mình? Không. Bà cầu cho con cháu, cho xóm làng, cho đất nước yên bình thịnh vượng, mạnh khỏe tốt tươi... Tâm thức đấy chứ đâu.

Chúng ta cũng có chiếc áo dài, thứ bùa mê cho bao du khách năm châu. Nó sinh ra từ thời chúa Nguyễn Đàng Trong, được nâng niu, cải tiến, nâng cao suốt mấy thế kỉ. Nó hoàn toàn không phải áo Xường Xám, không phải các loại váy dài váy lửng, không phải chiếc Xà Rông... Nó chỉ là nó. Nó là Việt Nam, nó là mảng hồn dân tộc sinh thành, là mảnh hồn ta gửi gắm, nó cũng là thời gian, là văn hóa...

Mùa xuân lại đến. Ta giao cảm với giao thừa, giờ phút của thiêng liêng, ai vũ hội xin tùy. Nhưng ta chắp hai bàn tay trước làn khói nhang bay lượn, cầu niệm giữa đất trời, có mưa sương, có hồn Đất nước trong bao la, hồn ta bay lên, hồn nước nhập vào ta... cho ta thành một nhành tươi xanh như cành lộc mởn màu diệp lục. Một tinh cầu rộng mở, một thế giới hòa hợp, có phải tiếng mùa xuân đang âm vang trong hy vọng tràn đầy năm mới.

1998

Ngày tết lên chùa

Giáp tết, những ngôi chùa nằm mơ ngủ giữa vòng tay cây xanh ôm ấp được ru bằng gió rít hàng tre, sương đông bàng bạc, chỉ có hồi chuông thu không cùng nhịp mõ đều đều như khắc khoải mới làm ta như biết rằng làng ta, vùng ta đang có mặt ngôi chùa mà lòng Thiền đã vượt ra ngoài, thấm vào lòng nhân thế.

Làng ta bao tuổi sao già nua đến vậy. Chùa cũng già như làng ta, rêu mốc cột lim một phần mọt đục, hình như kẽ nứt bệ thờ là khe hở cho thời gian lọt xuống, xếp vào nhau trong cái kho bí mật không ai biết, nhất là những ngày rét mướt, lả cả ngọn cau chênh vênh giữa màu mây xám. Sư cụ già như chùa, già như cuộc đời, và tâm linh già như trái đất mà chùa là điểm hẹn tâm linh.

Trong niềm mơ màng ấy, chùa thức giấc, như bừng tỉnh sau một chặng đường dài từ cõi Cực Lạc trở về. Ấy là ngày tết, có lẽ từ lúc chú tiểu theo lệnh sư ông thỉnh một hồi chuông báo hiệu cho mùa xuân đã sang thay cho mùa đông về với "ba nghìn thế giới".

Trong làng, suốt mấy ngày tết, chùa là nơi đông vui nhất, như mỗi linh hồn đều nghe thấy tiếng gọi mà lần theo, mà tìm đến để mình được thấm một làn khói nhang thơm, ăn một miếng lộc Phật, gặp lại một bóng hình ai xưa đó và cũng là gửi một niềm tin và mong ước đến với thiêng liêng vĩnh hằng cho với nỗi đoạn trường cực nhọc chúng sinh này.

Các cụ các ông thường ra đình lễ thánh thì chùa là nơi các cụ bà, các vãi già, các mẹ ta, các số phận thiệt thòi góa sớm, cả các chị mơn mởn đào tơ dắt theo em nhỏ… gặp nhau bằng câu chào như một khẩu lệnh để cùng đi vào tâm tưởng. A di đà phật…

Thị thành có đủ thứ câu lạc bộ hào hoa và lấp lánh, tết, mọi người còn nô nức lên chùa, huống chi làng ta như cái tổ chim bé nhỏ, quanh năm lặng lẽ âm thầm, chỉ có mồ hôi và cay đắng… thì tết đến, đương nhiên là chùa thành niềm an ủi, cái chiếu trải trên bệ gạch nhà tổ là nơi giải tỏa tâm tư dồn nén mấy trăm ngày.

Nghe một điệu hát chầu văn (do sư cụ mời trong mấy ngày tết) trong tiếng đàn réo rắt và dồn dập, hoặc chỉ là cùng nhau thắt gọn vạt áo, buộc thêm chiếc thắt lưng điều, chống cái gậy tre làm mái chèo, cất lên khúc hát đò đưa trong tích Mục Kiều Liên nghe lời Phật dạy, đi tìm mẹ qua chín con sông, mười ngọn núi nơi âm cung… tự mình biểu diễn, tự mình làm khán giả, tự thưởng khẩu trầu, tự mình tưởng tượng không là mẹ cu, chị đỏ, bà xã, bác nhiêu đày đọa…

Ngoài kia công việc tạm xong. Những gương ruộng đã kín dọc ngang lúa cấy, ăm ắp mây soi, con trâu thong thả nhai ngọn mạ, cháu bé trong nhà đã có bộ quần áo mới, nồi bánh chưng đã tắt lửa, hai chiếc đã đặt trên bàn thờ, nồi chè con ong đã múc ra đĩa.

Đây là giây phút hiếm hoi thanh thản được thỏa mắt nhìn lá phướn năm màu phất phơ trong gió giữa sân chùa sạch bóng như lau.

Ngoài cổng, cái cổng nhà Phật không đóng bao giờ, hai cánh gỗ đã cho tiếng chuông thu không bay qua trăm lần, nghìn lần… chú tiểu đi chợ phiên áp tết về, dán lên đấy hai bức tranh làng Hồ ông Thiện, ông Ác, gương mặt phương phi, tay cầm giáo mác

nhưng chẳng nỡ dọa ai, các ông cũng về chùa ăn tết, các ông cũng là thời gian, là cuộc đời như cụ ta, ông ta, cha ta, từ nhà ra đồng lại từ đồng về nhà, rỗi rãi ngả cây tre xuống đan cái rổ, cái sàng và rít một mồi thuốc lào vang cả lên trăng, bây giờ, các ông về đứng canh chùa để chia lộc cho làng ta khấm khá?

Phật là Thiện, là Lành, là Tâm, là Hỉ xả mà ngày tết dương hòa là lúc ai cũng nhẹ nhõm, muốn được sẻ chia, trao gửi. Những người phụ nữ làng ta cũng chính là những tấm lòng từ bi nhưng vì quá nặng gánh trên vai nên xin Phật trên đài sen tha thứ, bây giờ là lúc tâm niệm, mở lòng, lúc nghe theo cõi phúc. Chùa đáp ứng nhu cầu bức thiết ấy, chùa thành chiếc tổ ấm cho con chim tinh thần về đậu, là lúc ngón tay lần một trăm linh tám hạt tự an ủi mình và an ủi người, vừa cho vừa nhận.

Phải chăng vì những lẽ thông thường và bí ẩn ấy mà đi đâu ta cũng gặp những ngôi chùa to nhỏ. Ai mà không một lần nghe nhắc đến chùa Trấn Quốc, Kim Liên, Quán Sứ ở Hà Nội, chùa Từ Đàm, chùa Linh Quang xứ Huế, chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn, chùa Keo, chùa Tiên Lạng Sơn... hoặc một thời thơ ấu được mẹ cho bám áo lên chùa nhìn pho tượng Hộ Pháp Kim Cương mà sợ sệt, một thời vãn cảnh, thắp một tuần nhang cầu nguyện một lời, có khi chỉ là ngôi chùa làng bé nhỏ, chẳng tiếng tăm, chỉ đơn sơ trong khoảnh vườn những tre trúc, khóm riềng, ngọn cau, cây doi, cây khế, cái giại nứa rêu mốc trắng, tượng Phật ngồi tĩnh lặng trong u huyền trầm mặc âm u, còn sư cụ chỉ nâu sồng, tương cà gầy guộc, bàn chân bàn tay nứt nẻ vì sào vườn sào ruộng, ít cười ít nói nhưng cả làng ai cũng kính yêu.

Bát hương trong đình thường có hương đen, hương vòng, cái vòng như khối kim tự tháp xoay tròn, tỏa ra làn khói lãng đãng mơ hồ, còn chùa hình như không bao giờ có loại hương đen như thế, toàn là hương trầm màu vàng, hương vòng cũng nhỏ, cứ nghi

ngút suốt ba ngày tết khiến nhịp mõ cũng đượm mùi thơm ngát, và Phật trên tòa đang lắng nghe để ra tay tế độ.

Chùa thường thấp, vì khiêm tốn hay vì tránh gió bão xô dồn? Đầu đao có cong cũng chỉ vươn lên nhè nhẹ, không long phượng vàng son.

Nhiều ngôi chùa làng còn phải dùng tranh tre cho nhà tổ, nhất là sau mấy cuộc chiến tranh và thời cuộc chuyển vần.

Phía sau chùa, thế nào chả có vườn tháp, những ngôi tháp hình trụ vuông, nơi yên nghỉ của sự cụ, sư bà, chú tiểu... Thời gian phủ lên một lớp màn mưa gió lặng lẽ im lìm, nhưng tết đến, tháp nào cũng nghi ngút khói hương do bàn tay nhăn nheo các vãi các già kính cẩn dâng lên để mời các vị về cùng quê hương xóm mạc dân làng.

Lại có nhiều ngôi chùa có khu thờ Hậu, sum suê chi chít bát hương, với bia đá, bảng vàng, chân dung tên tuổi... hoặc chỉ mộc mạc đơn sơ, có con nhện chăng tơ mới được dọn dẹp hôm gần tết.

Tết Việt Nam, thiêng liêng và huyền bí, chưa có ai dám tổng kết hay điều tra xem mỗi tết có những gì diễn ra trên tất cả các vùng đất nước với chùa đã thành nếp sống ngàn năm, chan chứa chất nhân văn, nhân bản, (nhà thờ thay cho đình chùa) không lên chùa thì cái tết chua được hoàn chỉnh, lòng người còn phấp phỏng không yên.

Mê tín chăng? Dị đoan chăng? Từ người xuất gia đến kẻ trí giả, ai cũng trả lời ngay được rằng: Hoàn toàn không. Phật cho lòng người thanh thản, cho niềm tin, cho cõi tâm linh rung động, cho cái cuộc đời không thể bán mua, cho mỗi người cái Thiện, cái Lành, cái Đức, mà mỗi ngôi chùa là nơi chung đúc, nơi chia sẻ vơi đầy, không tính toán.

Tết, ngày con người xích lại gần nhau, con người hòa nhịp thiên nhiên, con người Vị Tha hơn Vị Kỷ, thì lên chùa là tất yếu như ta có mẹ có cha, có thầy có bạn như cây phải làm quả, chiều hôm chim phải về tổ, có tâm sự phải được chia cùng…

Trái tim con người còn nhiều bí mật, nhưng mùa xuân là bạch nhật thanh thiên, là tươi non lộc ngày mùng một tết, trong cái vắng lặng ngàn năm, chú tiểu âm thầm cắt tròn khoanh lá mít lót phẩm oản làm lộc Phật, trong nhịp mõ văng vẳng nỗi sầu bi… bỗng bừng lên nhịp sống của những trái tim, những con người, những tình cảm tràn đầy, làm ngôi chùa cũng như được hồi sinh, bước vào xuân mới, hòa nhịp với quê hương đang rộn ràng bao mơ ước hình thành.

Tết 1998

Tách một cái

Ở Hà Nội còn có một phố tên là Ngõ Trạm, lưu lại một nét xa mờ khi khu vực này dựng một cái trạm để chuyển công văn giấy tờ từ kinh thành đi ra các địa phương, vượt những chặng dài thiên lý, lên bắc, sang tây, vào nam... mà trạm tiếp theo phía tây ta vẫn còn gặp: Trạm Trôi, và phía nam là Ngọc Hồi còn đó, đã làm gì có chữ "bưu điện", mà công việc chuyển tấu biểu về kinh, ban lệnh dụ ra ngoài không thể không làm.

Mỗi trạm chuyển công văn giấy tờ như thế thường có dăm ba người phu trạm, đầu đội nón dấu, chân đi đất, quần xà cạp, gặp việc bình thường thì nhận công văn rồi chạy bộ, chả hiểu sức lực dẻo dai ra sao nhưng anh ta phải đem công văn đến trạm sau đúng giờ Dần, giờ Ngọ nào đó, nếu không muốn ăn chiếc roi bò của thầy trạm trưởng. Trạm nào cũng có vài con ngựa để chuyển công văn khẩn cấp, con ngựa ra khỏi trạm thì đi nước một, rồi đến ngoại vi là nước kiệu, vượt qua bờ ao rau muống, bóng lũy tre xanh, nhưng nhiều khi anh phu trạm nhấp nhô bóng dáng khi con ngựa phi nước đại tóa mồ hôi. Cũng con ngựa đường xa ấy nếu tay anh cầm ngọn đuốc cháy đùng đùng, dân hai bên đường phải dãn ra cho nhanh vó ngựa, đó là việc quân cơ trọng đại, cướp của, án mạng, lũ lụt, vỡ đê... chứ không phải chuyện đùa, và ai cũng gọi cái chớp mắt bóng ngựa vụt qua là Hỏa Tốc. Trăm năm sau, chữ hỏa tốc vẫn còn được dùng với mũi tên dấu đỏ, người nhận phải bóc xem ngay.

Cũng nhớ thêm, mỗi lần xong việc, anh phu trạm được nhận mấy "tiền" để nhâm nhi cút rượu, chiếc bánh đa, bát bún gọi là tiền Cước lực, tiền trả cho sức của đôi chân. Chữ "cước" đến nay đã quen tai, ít ai nhớ đến mấy thời đôi chân con người phải chạy gằn, lao đi trong mưa gió, lúc chiều hôm, sớm dầm sương hay đêm rét buốt.

Nay hàng hóa mang theo chuyến lữ hành phải mua vé cước, gửi một bưu kiện đi xa, cũng phải trả cước tùy theo. Con tem cũng chính là tiền cước ta phải trả cho cái hòm trên nóc ô tô, cái bánh tàu hỏa quay tròn, đôi cánh máy bay vượt mây băng gió.

Nhà viết kịch Trúc Đường có lần tâm sự công khai trên báo, ông kể rằng ông đã hư cấu ra chi tiết nhà vua chiến thắng Quang Trung sau ngày mùng 5 tết đã cho gửi ngay một cành đào xuân trên đất Nhật Tân về kinh đô Phú Xuân cho người vợ trẻ yêu quý của mình để báo tiệp. Không ngờ chi tiết ấy lãng mạn, trữ tình, hay quá, đến nỗi nhiều người tin là thật, cả nhà báo, nhà thơ cũng tin như thế, trích đi trích lại, cho nó là lịch sử.

Thật giả đôi khi lẫn lộn cũng là thường tình, nhưng thử nghĩ mà xem, mấy ngày đường, phải có con ngựa lưu tinh, qua mưa gió những trạm dọc đường, Công chúa Ngọc Hân sẽ nhận được một cành đào ra sao, còn tươi hay đã héo, hoa nở hay tơi bời...? Nếu vua Quang Trung sống vào thời chúng ta nay, chắc Người đã fắc một cái, hoặc điều một chiếc trực thăng đồng thời "alô" cũng đã đủ làm vui lòng cô con gái vua Lê Hiển Tông lắm lắm. Thế mới biết chúng ta sung sướng đến ngần nào khi cần nói chuyện với bạn ra, em ta tận cuối trời Phú Quốc, Vũng Tàu... chỉ bấm mấy con số là nghe được tiếng nhau, không cần đến đôi chân người, bốn vó ngựa hay ngọn đuốc phừng phừng...

Bạn ta ở phương trời xa thẳm ba năm không gặp, ta có những ngày vào ra trông ngóng đợi chờ, một tình cờ run rủi, có những

đêm ta khắc khoải đầy vơi... xa mặt nhưng chẳng cách lòng, nhớ một buổi cùng nhau thả bước trong liễu xanh rủ bóng một chiều ngắm đỏ ráng hoàng hôn, một đêm lất phất mưa xuân tay nắm trong tay trao gửi biết bao tâm sự dâng trào và dồn nén... nhưng đành thua không gian mịt mùng xa cách. Chợt mà thương cho thi nhân Phạm Thái khóc thương nàng Trương Quỳnh Như, chẳng gửi bài thơ bằng cách gì, thương nàng công chúa Huyền Trân phải theo chồng về xứ nắng cháy ngút ngàn như một vật hiến tế cho nước non thêm Châu Ô châu Lý, không thể gửi nhớ thương về cung xưa mà nhắn gửi, lại Nguyễn Du, khi về Hà Tĩnh, lên núi Hồng Lĩnh mà chơi vơi ngậm ngùi tâm sự trong biệt danh "người đi săn trên núi Hồng - Hồng Sơn liệp hộ" lúc nhớ về Thăng Long có hồ Lục Thủy, có bến sông Tô, có rượu Hoàng Mai... thì Tiên Điền, Tố Như thi sĩ ngắm trăng, ôm ngựa thế nào, cất vào đáy tâm tư bài thơ máu chảy, chứ làm gì gửi qua trạm người trạm ngựa kia được phong thư chan chứa... Giá những bậc tiền bối ấy được hồi sinh, chắc hân hoan lắm khi cầm con tem trong tay, nói như nhà thơ quá cố Tô Hà:

Phút nhẹ nhàng đặt xuống góc phong thư

Là phút con tem bắt đầu có cánh...

Con tem cất cánh mà cũng chính là hồn ta cất cánh, nó là con chim xanh chỉ biết giúp tình, là con nhạn ngậm thư, nói cách khác, là cả một ngành lớn, có một tiền thân từ khá lâu đời, đang vi vút trong bao la, nối ta với người ta thương thành gang tấc, xóa bỏ mịt mùng ngăn cách, cho hồi hộp mong chờ, có âu lo thắc thỏm và cả chia sẻ buồn phiền...

Ta trần thế dương gian, ta hoài vọng, mông lung, ra đầy cảm xúc... ta biết rằng trong không trung bát ngát kia đang có những con sóng vô hình đang bay đang chạy, đang đuổi theo nhau... cho ta gửi theo, cho ta chờ đợi... không bao giờ ngừng nghỉ.

Ta còn chưa quen với mạng Internet, nhưng con tem thì đã quá quen thuộc, từ cái thuở cha ta phải tha phương cầu thực, "đánh giấy" về cho mẹ ta mỏi mòn chờ đợi, ta đọc lá thư rồi xin con tem ép vào trang sách như một lời kỳ ảo. khoe với bạn bè, ai cũng thèm thuồng.

Sau này ta mới hiểu những người chơi tem là có lý. Con tem đâu chỉ là bức tranh thu nhỏ có đồng ruộng sông ngòi, chim muông hoa lá, lâu đài thành quách, cô gái xòe tung gấu váy... mà nó là một linh hồn sống động, giúp ta bay vượt đường trường, giữ điều bí mật chỉ có ta và "người ấy" biết.

Nhật ấn là lệnh khởi hành. Anh bưu tá là ngọn gió đầy hoan lạc, cô nhân viên ngồi sau quầy kia và cái hộp thư sơn màu vàng đứng cô đơn bên hè... đã chắp cho ta sức mạnh diệu kỳ.

Lâu nay, có thêm các cô 108, làm ta đôi khi sửng sốt, Thiên linh vạn quyển, tiến sĩ văn chương, thạc sĩ khoa học, nhà du lịch hào hoa... các cô là tất cả. Cứ vanh vách, làu làu. Ta cũng đọc đâu phải là ít sách, vậy mà câu nhớ câu quên, chỗ được chỗ mất, nhưng cứ "a lô" một cái, giọng người con gái như từ một cõi mơ hồ đã nói cho ta điều ta ngỡ ngàng chưa biết.

Trăm năm nữa sẽ ra sao, có giống bây giờ ta nghĩ về cái tên Ngõ Trạm, Trạm Trôi có từ trăm năm trước. Có thể lúc ấy con tem chỉ còn là đồ lưu niệm trong viện bảo tàng, là đồ chơi, là kỷ vật nằm trong cổ tích... vì đã có điện thoại hiện hình thay nó. Em gái ra ở Nha Trang, Cà Mau, bạn ta xa vời tận mỏm Hảo Vọng châu Phi.. cứ tách một cái đã nhìn thấy nhau, đã nghe nhau nói, y như ngồi trước mặt nâng lên một chén nhâm nhi...

Cho đến lúc ấy, còn Trạm Trôi không, còn hỏa tốc không, còn cước phí không...? Cuộc đời lao đi nhanh và vui thế đấy.

10-1997

Muốn sang phải bắc...

Có một câu ca dao, hầu như ai cũng thuộc, có lẽ nó được sinh ra từ khi con người biết cho con đi học, dù là học một thày đồ trong làng hiu hắt, một anh khóa bất đắc chí "dài lưng tốn vải" nơi thôn ổ... hay vào trường cửa kính cửa chớp sáng choang mong con đi Tây chiếm cái bằng mà ăn trên ngồi chốc.

Muốn sang thì bắc cầu Kiều

Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy

Cái ý chính của câu ca dao đã thấm sâu trong lòng người như một chân lý bất di bất dịch. Nhưng lẩn thẩn một chút, hình như cũng không ai cần phân tích xem chữ nghĩa ra sao. Sang ở đây là sang trọng hay sang sông? Con sông đời vốn bao la và chẳng bao giờ êm ả, phải sang sông bằng lái đò ngang có cô lái đò tròn vai lẳn áo, chiếc phà bằng đáy với tay đẩy sào tre hay chiếc ca nô sình sịch hiện đại...? Hoặc là sang trọng giàu có, tức là phú quý, mà xưa nay không học thì sao giàu sang cho được? Cũng có thể nhờ cơ may hay thủ đoạn mà có anh dốt nát trở nên giàu, nhưng người đời sẽ gọi anh ta là trọc phú. Mà cũng có thể sang vì làm quan tất nhưng cũng chẳng ai khen anh lính lệ vì tố giác người yêu nước nên được làm quan, anh làm bồi vì tận tâm phục vụ "bà đầm" mà leo lên chức vụ. Hạng ấy chỉ để cho đời mai mỉa, nhưng một thầy đồ trượt thi nhiều khóa liền, một ông Tú Mền Tú Đụp,

sống thẳng cái lưng, ngẩng cao vầng trán, nhờ bà vợ tảo tần, gõ đầu dăm ba đứa trẻ thì vẫn là những tấm gương sáng trong làng, trong tổng, là mẫu mực cho đời, là nền móng cho nền học vấn...

Còn cầu Kiều là loại cầu thế nào, cong hay thẳng, một nhịp hay nhiều dầm, sơn xanh hay sơn trắng... Lại nữa "yêu lấy thầy", có ai nỡ đùa chơi, bỡn cợt, xuyên tạc thành yêu đương nhảm nhí, bồ bịch lăng nhăng không?

Tiếu lâm cũng có một vài chuyện chế giễu thầy đồ, nhưng chủ động là thầy đồ mà người đàn bà góa chính chuyên kia đều cự tuyệt, nên càng thấy cái nghĩa chữ yêu liền chữ kính, nó là yêu mến tôn trọng vượt lên trên dung tục tầm thường.

Câu ca dao là một kinh nghiệm hay bài học, là lời cảnh tỉnh kẻ vô tâm, trở thành lương tri dân tộc và nền tảng đạo đức cho văn hóa, chắc nhiều bậc thức giả không cho là quá đáng.

Dân tộc ta nhiều thế kỷ thiếu nghèo, đi học hoặc cho con đi học đâu phải chuyện dễ dàng, nhưng đã cắp sách đến trường dù giấy bản hay giấy kẻ, ai cũng có người thầy của mình. Từng có những bà mẹ không biết chữ, nhưng mỗi khi gặp thầy giáo của con mình, bao giờ cũng đứng lại, khoanh tay, kính cẩn: Nhà cháu chào thày giáo ạ, hoặc: Nhà cháu chào cụ đồ ạ... cứ như chính mình là người học trò của thầy chứ không phải chỉ có con mình.

Dân ta cũng có một nếp nghĩ thật hay: Làm ơn cho ai phải quên đi, nhưng chịu ơn ai thì phải nhớ suốt đời. Còn có câu: Công cha, Nghĩa mẹ, Ơn thầy. Thầy không nhận mình là người ban ơn (kẻ nào cứ bắt người khác phải nói biết ơn mình thì cũng là đáng cười lắm), thầy chỉ tự coi mình là người lái đò, chở khách sang sông, con sông đời hết chuyến này sang năm khác, thầy không cầu mong được trả ơn, thầy làm nghĩa vụ theo lương tâm mình,

như cái kim trên la bàn, lẽ tự nhiên là phải chỉ theo một hướng. Có lẽ vì thế mà nào có thầy nào, từ thầy đồ đến ông Tế Tửu Quốc Tử Giám giàu có bao giờ, nhưng thầy lại tự hào mình giàu có vì đã để lại trong bao khối óc trái tim học trò đỗ đạt làm đến Thượng thư Tế tướng, khi về thăm thầy cũ, tụt giày, xuống cáng từ đầu làng, biếu thầy ít trà và chút bạc, thầy chỉ nhận trà, và nói: "Thầy dùng trà là đủ, còn bạc, thầy chả cần đến. Anh hãy mang về đi". Mà "anh" đây là ông quan nhất phẩm, quyền nghiêng thiên hạ đấy. "Anh" còn lấy làm vinh dự sung sướng nếu được thầy cho phép anh nhóm lò, nổi lửa, đun nước pha trà hầu thầy như ngày nào tóc còn để chỏm.

Từ trong sâu thẳm tâm tư, người học trò có nghĩ, không ai không chịu ơn thầy. Ngày đầu tiên theo cha đến nhà thầy, cha đã nói: "Xin thầy dăm ba chữ để cháu nó làm người". Cái mầm cây để lớn lên thành đại thụ, cái mầm người để trở thành CON NGƯỜI, hoặc chí ít là người lương thiện bình thường, công cha mẹ là to lớn, nhưng công thầy cũng to lớn xiết bao. Kẻ vong ân thì không đáng làm người, kẻ quên thầy chỉ là cây cỏ. Những học trò của thầy Vũ Tông Phan, nơi trường Hồ Đình (Tòa báo Nhân Dân bây giờ) nhiều người thành đạt, sau khi thầy mất đã dựng lại ngôi trường cũ làm nhà thờ và dựng bia đá để tỏ lòng tri ân báo đáp, đó là những con người chân chính và là người chân chính nên họ cũng là những lương quan, nhân quan trong một thời bão táp.

Khi chữ quốc ngữ chưa xuất hiện, nhiều làng quê hiếu học đều mời người hay chữ (không nề hà bằng cấp bởi học tài thi phận) về "ngồi bảo học". Nhà xa, lương sơ sài, rau muối thế nào xong thôi nhưng tết đến, không thể nào thiếu lễ để tiễn thầy về quê ăn Tết. Hậu hay bạc, tùy lòng, thầy đâu có bán chữ buôn văn, kể công nhắc ơn, nhiều thì tốt (cô đồ ở xa chắc cũng chẳng dư dật gì, mong thầy lắm chứ) nhưng ít cũng chẳng sao, thầy lại khăn

gói tay nải, chia tay học trò, ngậm ngùi như ly biệt, chờ ra giêng thầy trò tái ngộ trong buổi lễ trang trọng khai giảng đầu năm.

Cũng có tục lệ không thành văn nhưng không ai bác bỏ. Tết, đi tết thầy. Cha hoặc mẹ tận tay dắt đứa con mình đến nhà thầy lễ phép nói mấy lời cảm ơn chân thành, rồi mới rụt rè đưa cho người nhà ít vật phẩm chẳng đáng là bao: Chục cam sành, cân mứt, cân đường hoa mai, vài bao chè, chai rượu cúc... sang hơn, có thể là con gà sống thiến, thúng gạo nếp, mấy tờ giấy bạc mới tinh... Thầy không từ chối, nghĩ cũng phải, đây là lẽ công bằng xã hội, thầy cho đứa trẻ những gì quý giá nhất của thầy thì cái lễ kia cũng chẳng so được giá trị. Điều quý giá nữa là tấm lòng tự nguyện, chứ không bao giờ có thầy nào đòi hỏi dù trực tiếp hay gián tiếp.

Những tập quán ấy có lạc hậu phong kiến không, chúng ta có thể đã rút ra kết luận sau một thời cho buông trôi bao giá trị tinh thần, không phân biệt xưa nay, cũ mới, tốt xấu, nên cái giá phải trả là những gì làm ố hoen xã hội bằng tội lỗi.

Cầu Kiều là như thế, yêu thầy cũng là như thế, chứ đâu phải đem phong bì đi xin điểm, tung lời quảng cáo rùm beng chữ nghĩa thành một thứ mặt hàng bán rao tiền trao cháo múc, coi học trò cũng là một thứ "thượng đế" của thị trường, để những con người non nớt ngộ nhận địa vị mình mà quên mất phận học thầy.

Mùng một tết cha, mùng ba tết thầy. Ta thường ăn tết ba ngày. Mùng một là quý nhất, thiêng liêng nhất, phải dành cho việc cúng bái tổ tiên bên nội, chúc thọ ông cao tuổi hay cha già để thể hiện bổn phận làm con. Mùng hai về bên ngoại, họ của bà, họ bên mẹ và cả họ bên vợ cũng ngày này.

Mùng ba vẫn là ngày tết, tưng bừng, trân trọng, nhưng chỉ đến mùng bốn thì đã bước qua cái biên giới thời gian và lòng người,

bước qua cái ngưỡng đến tàn phai nhạt nhẽo, nó hết tết mất rồi, ngày hóa vàng, ngày cỗ cố, ngày đi làm, ngày nối tiếp những công việc thường nhật, quần áo mới cũng chỉ là cái đuôi thừa... vì vậy mà ngày mùng ba phải đến nhà thầy, người cho ta thông tuệ, cho ta ý chí, cho ta cách làm người, cho ta những điều mà một mình ta, ta không thể có, nếu có thì phải bạc đầu năm tháng, lỡ bao thời cơ, dịp may..

Lâu nay chúng ta có ngày Hiến chương các nhà giáo, ngày Nhà giáo Việt Nam, cũng là cái mới, cái tốt để gắn bó tình thầy trò, tỏ rõ công lao của những người góp công to lớn tạo ra xã hội khôn ngoan. Vào hôm ấy đường phố đã bị chiếm lĩnh bởi đông đảo học sinh đến nhà thầy cô, đem theo tinh thần và vật chất, mà hình như đã đôi khi có người cho vật chất là chính, làm méo mó phần nào ý nghĩa thiêng liêng và cao cả, khác với câu ca dao:

"Muốn sang phải bắc..."

Duy chỉ có ngày tết, học trò đến thăm thầy, dù thầy tóc phơ phơ, trò hoa râm sương gió, chuyện trò hàn huyên là chính, bên chén trà tỏa khói, trước đôi câu đối đỏ lời hay, trong niềm đất trời tươi mới thầy sẽ trẻ lại, trò càng hồi ức, một vũ trụ nhỏ được hồi sinh...

Người lái đò năm xưa, người trồng người ấy, người gieo mầm tương lai, người đặt những hạt cát đầu tiên vào lâu đài CON NGƯỜI có thể trào giọt nước mắt hiếm hoi, và hơi nghịch lý phần nào, ta học trò, ta được thầy thưởng cho giọt mắt ấy của thầy (vì ai thưởng bằng bằng nước mắt mấy khi) là niềm biết ơn trở lại của thầy khi biết rằng mình đã không uổng phí một đời làm nghề trồng người gian nan cực nhọc.

Mùa xuân, con xin thầy tha thứ cho con ít có dịp thăm thầy, bởi thầy chắc biết, dòng sông đời đâu có cho con ngừng nghỉ, nó

bắt chúng con khỏa mạnh tay chèo, nhưng cây cầu Kiều đã có, chính là thầy đã bắc cho chúng con noi...

Con xin kính chúc thầy mạnh khỏe, sống lâu, bền chắc như mùa của dân tộc không bao giờ già cũ...

Xuân 1998

Hồn của đất

Biển như một lồng ngực trẻ, suốt đời phập phồng hồi hộp dù có con tàu an ủi hay hoang vắng mênh mông. Còn trời, sao có lúc hân hoan nắng mới lại có ngày ảm đạm mưa dầm... Còn đất, nơi ta quen thuộc, nâng chân ta từ lẫm chẫm đến khi đón ta về sâu mãi mãi, và ta cũng lạ bởi đời ta đâu có thể trải dài cùng ngang dọc khắp tinh cầu, HỒN ĐẤT ở đâu, ta gặp hằng ngày nhưng ta không hiểu được một phần nhỏ bé?

Ngọn Hoàng Liên Sơn, đỉnh núi Tản Viên, hang động Chùa Hương... đất nói gì bừng niềm vĩ đại trường tồn của mình nhắn cùng nhân loại? Ta chẳng có con sông dài nhất nhưng Cửu Long, Hồng Hà một lần ta tắm, ta hiểu được bàn tay Mẹ đất đã hóa thân trong nước, vỗ về thân ta như mẹ ruột ta từng ôm ta vào lòng vỗ về ta từ trứng nước. Con sông Hương trong vắt thoảng thơm cỏ Thạch Xương Bồ, in dấu những triều vua yên nghỉ. Đất nói gì cùng những thế hệ dòng sau?

Một đời người, từ du tử đến lão nông chôn chân trong làng xanh tre luỹ, chỗ nào in dấu bóng mình cúi xuống chuyện trò cùng đất. Bãi tha ma nơi Mẹ ta nằm, con đường làng nơi cha ta dắt trâu ra ruộng, mảnh vườn quen thuộc cho ta hoa lá chim muông, hương thơm và quả chín cho chị gái ta thả gầu nước giếng thơi mát lạnh trên đôi vai trần đêm trăng bí mật, nơi em ta đu

mình trên chạc cây tưởng mình bay lên tầng cao vũ trụ... đất hào phóng, chẳng tiếc gì người, quên tuổi mình đã bấy triệu năm cứ luôn tươi trẻ, luôn mới như vừa được sinh ra trong màu nõn lộc, cỏ non, ẩm hơi sương, thơm mùi mật, thắm sắc gan gà, giàu có thu hoạch và cũng vui mừng chia sẻ nếu ta lăn mình xuống thảm cỏ xanh, đống lá vàng, nền sân gạch, hoặc sàn nhà để duỗi cái lưng sau những giờ "gánh cực mà đổ lên non...".

Đất như thời gian, cứ trẻ trung, cứ hồi sinh hiến dâng, trao tặng. Tiếng suối róc rách, tiếng lá xôn xao, tiếng biển thì thầm, tiếng chim véo von... phải chăng lời của đất, gọi ta, nói với ta, tâm sự nếu ta không bạc bẽo vô tình, nếu ta không vô ơn, bất nghĩa... thì có thể nghe được từ lời dạy dỗ khoan dung đến câu mách bảo, an ủi ta cái năm vườn nhãn mất mùa, chia nỗi buồn sắp gặt mà lụt tràn, mất trắng, giận dữ khi ngọn lửa đốt nương làm đau hồn núi ẩn vào ruột đất...

Từ con người rời hang hốc chui ra, bỏ việc hái quả rừng và nhặt con ốc bên bờ suối, nướng trên hòn đá than hồng, bước vào cái lều lợp lá, biết lấy bàn chân giẫm đất để cắm cây lúa xuống, quây cây que lại mà nuôi con dê rừng, con ngựa hoang, con chó khôn làm bạn... cũng là lúc đất mang chân dung mới, tâm hồn mới, dù có bị cày xới cũng vui lòng vì biết mình giúp cho con người đứng thẳng.

Cánh đồng ta diệp cày loáng nắng, con chim sơn ca nối màu đất nâu già vào bầu trời xanh thẳm bằng sợi dây âm thanh cao vút, đất hình như được bay lên, bay lên trong hồn người, trong mắt người khi họ ngẩng lên, mất hút bóng chim nhưng vẫn giòn giã niềm hoan lạc.

Đã bao lần con người phải đào hầm để đất chở che khỏi cơn giặc giã, đất chở che cả khi anh chàng Thủy Tinh hẹp hòi đánh

ghen báo oán, bằng con rồng xanh nằm gan góc hàng thiên niên kỷ, mà ta gọi là ĐÊ, cho bước chân người về chợ chiều hôm, thả rơi miếng bã trầu, chiếc vỏ mía... đất nói rằng đất là người bạn thủy chung vô lượng.

Mắt đất ở đâu đất ơi, những hình tròn hay "ô van". Con mắt ốc nhồi hay bồ câu, lá răm lá liễu, con mắt đa tình, con mắt lim dim, sinh ra từ vết chân ngựa người trai làng Gióng, từ vạt đất làm nền nhà, từ những cái xoáy vỡ đê, từ nhát mai đào mạch tạo ra gương tròn miệng giếng... nở ra những bông sen trắng sen hồng, bông trang li ti, bông súng tím xoè ô, bè rau muống dập dềnh, cây rau rút như hàng mi con gái, ngọn bèo tấm cho chú rô ron đớp động... Con mắt của đất chính là hồn đất nói cùng ta lời mát lạnh khi ta nhảy cả tuổi thơ xuống tắm, khi cái bắp chân trần trắng ngần bắp chuối chị khỏa cầu ao, làm xao động hồn đất và xao động cả hồn trai trẻ ước ao...

Những đêm mưa nghe tiếng gì lộp bộp nơi vườn chuối sau nhà, đất có não nùng nhớ người xa vắng mà thổn thức, làm tiếng trùng trong đất cũng phải nỉ non mà một câu thơ cổ phải than rằng:

Ta già nghe chẳng sao đâu

Tuổi xanh nghe, khéo bạc đầu như chơi...

Nhưng may thay, hàng cau che dù trước hiên, đất thoảng hương cau như hương thơm cô dâu, trinh nữ dậy thì, và xung quanh sau trước, hoa bưởi gọi mùa xuân, cây sả gọi làn tóc óng, nhánh hương nhu níu kéo tuổi góa bụa cũng trở lại yêu đời, lá chanh ơi, đĩa thịt gà không còn ngủ mê vì thiếu kẻ tri kỷ tri âm... Vườn ta, đất nói, hồn ta đất gọi, chân ta đất mời... hãy cởi bỏ những giày dép mà cho gan bàn chân thấm lời mát lạnh của đất, cái mát lạnh như da thịt cánh tay nõn nà người con gái một lần ta đặt lên đấy chiếc hôn vụng dại.

Hình như mùa xuân trong nhịp trống chèo rộn rã, trong bài hát vặt "Cửa đình" có ba mươi sáu giọng, trong màn mưa trắng bụi như thoa phấn cho má đất... mùa xuân lại bừng giấc mơ, cựa quậy đòi được đóng góp niềm vui cùng người, đỏ như những chiếc đèn lồng gấc chín treo la liệt hàng rào, như hoa lộc vừng rủ từng tràng pháo giữa lấp ló màu xanh...

Không ai sống lơ lửng mà không được đất nâng bàn chân suốt một đời người, kể cả nhà du hành vũ trụ thì cũng phải nhờ bệ phóng từ mặt đất và cuối cùng cũng phải trở về cho đất đón. Thành phố, nhà cao tầng, sàn trải thảm hoa, trần mắc đèn chùm, đệm nhung thay cho ổ rơm thanh bạch... thì cái móng nhà cũng phải cắm sâu vào đất như đời ta gắn bó với nơi chôn chiếc nồi đất góc vườn có đựng nhúm "rau" của mẹ, mà nếu có vạn dặm xa xôi để kiếm tìm hạnh phúc, không thể trở về, thì đất mẹ ơi, góc vườn ơi, quê hương sinh thành ơi, ngàn lần tha lỗi cho đứa con lang bạt hải hồ, cách trở bởi hoàn cảnh xui nên, bắt buộc, đèn sáng, xe nhanh cũng không thể làm con thôi nhớ đến mảnh đất có ngọn rau má, có đầu đao ngôi đình, có luống rau cải, nơi bờ hoang bò lan ngọn rau má, nơi chân tre có nhành lá lốt cớm nắng...

Lâu nay, một cuộc hồi sinh cho những mảnh vườn hoang cây tạp. Hình như hồn đất đã hé nụ cười, vươn lên sai lúc lỉu những chùm quả ngọt Lục Ngạn lệ chi, những Xuân Đỉnh hồng xiêm, những táo má hồng, xoài Nam Bộ bén chân vào đất Bắc từ Viện cây ăn quả do tiến sĩ Trần Thế Tục nhân ra, tên ông trần gian như thế nhưng cũng thần tiên làm vậy khi quả bói độc nhất đầu mùa, được cả chục người, trăm người nâng niu bảo vệ rào che, tường chắn, hẳn để cho hồn đất được cất lên tiếng hát ngọt thơm và lan tỏa trăm vùng sắp tới.

Vườn các cụ đã một thời như cảnh, đất cho người hương hoa, quả ngọt chỉ lưa thưa niềm di dưỡng mà chưa là dinh dưỡng... đất

lên tiếng thở dài, người họp nhau nâng hồn đất lên cung bậc mới, vườn chuyên canh ra đời, xanh mướt bốn mùa, gió mát quanh năm, quả tươi đi vào thị trấn thành phố...

Ngập răng vào trái mận Tam hoa, thơm lừng chuối trứng cuốc mùa thu, Mộc Châu không chỉ có bò cho sữa mà cây mận cũng là hồn đất về xuôi... Lưng núi nương cao, nàng Anh Túc phải lùi, chưa thua hẳn đâu, nhưng đất an ủi con người, sẽ mở trang lịch mới đầy sức lực cho thế hệ mai sau... Cô gái Mông, gái Dao, cô gái Mường, gái Tày... múa nữa đi, khèn nữa đi, cồng nữa đi, then nữa đi... đất không chỉ còn là làn khói chết người, mà đã thơm hương hồi hương quế, thơm ngọt quả đào mịn màng au đỏ tháng 5, mà mùa này, quả còn ú tim, lẩn trốn, cho cây khoe màu hoa rực rỡ ánh đào, trắng muốt băng trinh, ai đó hội xuân, đuổi nhau theo màu gấu váy, thấp thoáng sau rừng hoa, ẩn hiện giữa lưng núi chênh vênh như là hồn đất hiện hình thành câu chuyện tình giữa người tiên và hạ giới, người thực và hồn hoa của Bồ Tùng Linh trong "Liêu Trai chí dị"...

Ta trở về đời, xuôi theo những con đường châu thổ, ta gặp lại những khoang xanh bát ngát, lời chim tiếng lá, tất cả soi vào những con mắt đất đai nhân tạo.

Giàn mướp hoa vàng giơ những cánh tay ra bám vào thanh ngang thanh dọc để thả xuống mặt ao những trái xanh như từng thanh đàn đá, còn mặt nước long lanh tỏa hơi lạnh mát mẻ, tha hồ cho phía dưới, đàn cá đùa bơi, tung tăng như những chiếc tàu ngầm no ấm.

Những con vật nào hoang dại đã tìm ra thêm nơi trú ngụ. Lươn ngắn chẳng cần chê chạch dài, nó đã có tổ. Con ba ba họ hàng nhà rùa cổ đại, cổ như lịch sử, cổ như chuyện xưa, thần Kim Quy tặng người cái móng, đẹp như trao người hào trưởng thanh gươm đuổi giặc, nay con ba ba cứ con đàn cháu đống mà sinh sôi

nảy nở, cả đến đàn rắn độc có thể làm chết người trong giây lát cũng tìm thấy cái hang, (lâu đài nhà rắn, nếu chúng biết quan niệm), nhả nọc độc ra cho con người làm thuốc, thứ nọc kinh hoàng nhưng nay lại là vàng ròng quý báu... Đất đã vì người đến thế đấy, chắc rằng người xắn quần lên, ngày ngày lom khom dưới màu xanh lá, bên gương nước hiền lành... hiểu rõ hơn ai, nghe được tiếng hồn đất hơn ai...

Mùa xuân lại về, vạn vật hồi sinh, nhà ta ở tầng cao thành thị, đất cho hồn hoa hiện lên như mơ, những đào bích đào phai, những cành mai trắng muốt cốt cách, những cành mận đẹp đến rợn rùng cảm nhận, xin cứ để hồn đất hiện lên trong đóa hồng vàng, hồng Đà Lạt mập mạp như mười bảy bẻ gãy sừng trâu... hiện lên trong đoá cúc vàng quân tử, cúc trắng kiêu sa, cúc bạch mi là mắt người con gái ta hằng tưởng tượng, cúc vạn thọ nhắc ta những nấm mồ liệt sĩ mà Quang Dũng từng viết trong bài thơ Tây Tiến:

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành...

Xin cứ để hồn đất hiện lên trong hoa thược dược tràn đầy sức sống, trong niềm Huệ tuyết băng, trong đóa Mặt trời xòe những tia lửa ấm, trong cành Glaiơn nguyên là thanh kiếm dũng sĩ nhưng lại nhờ hồn đất mà nở ra cái đẹp và thanh bình, trong đóa Phù dung một ngày thay áo mấy màu cho thỏa một đời sinh ra từ đất thẳm, trong cành Chân Chim rung rinh những chiếc chân con sơn ca nhỏ bé xinh xinh, gieo màu tím vào lòng người đang yêu đang đợi... Hoa, đúng là hồn đất hoài thai, luân hồi, hiện diện, nhắc ta đang có đất nâng lên.

Còn cao hơn thế, hồn đất cho ta nhiều hơn thế khi khói nhang phảng phất hồn thiêng dân tộc, đọng lại chất thành trong mâm bồng ngũ quả.

Quả bòng đồ sộ như quả quất khổng lồ, quả cam sành ngọt ngào trong màu gốm xù xì già lửa, trong khi cam giấy lại mỏng tang, hằn vết múi như cái vai người con gái sau lần lụa tơ tằm óng ả, nải chuối xanh vượt qua cả mùa đông giá sương tê, mỗi quả là một ngón tay xanh, giơ ra đỡ lấy mùa xuân đang đến... không kể quả khế chín vàng lộc nhà Phật vườn chùa, chùm quất tươi rói như những viên ngọc màu vàng tươi tắn, quả ớt sừng trâu chín đỏ cho thêm màu xuân, cho hồn đất cất thành lời, thành vị...

Đã có bao nhiêu gia đình, bao nhiêu vùng vì nghe được lời của Hồn đất mà đã cho con cái đến trường, bữa cơm có món ngon lành, cái áo không những ấm áp mà còn đẹp đẽ, gian nhà sáng ánh đèn trò chuyện mỗi đêm về...

Đất rộng lượng, đất hào phóng, đất khoan dung, đất đúng là tâm hồn người Mẹ, như Mẹ ta, như Mẹ của Mẹ ta, cũng như Mẹ của Mẹ của Mẹ ta... Ngày nào ta chẳng có Mẹ bên cạnh, trong lòng. Đất cũng vậy, đất luôn đồng hành, đồng cư, đồng tình, không so đo do dự.

Đêm xuân ấm áp, chan hòa, say sưa, ta nghe hồn đất, ta bỗng ngượng ngùng khi ta biết ta chưa làm tròn bổn phận với đất đai. Con người sinh ra vốn liền cái thiện, nhưng vì sự sống, đôi khi con người còn tàn nhẫn với đất đai, xin Mẹ Đất hãy tha thứ, hãy bảy lần bảy tha thứ cho những đứa con dại dột, làm mẹ đất đau lòng.

Giữ gìn lành lặn mặt đất, giữ màu xanh như tấm áo đẹp cho đất, giữ tiếng chim trong trẻo như lời của đất, giữ dòng sông tinh khiết như da thịt của đất... đó cũng là tâm nguyện mùa xuân, để ta đáp lại một phần hồn đất, chắc Mẹ đất đã thấu lời...

1998

Con đường làng

Có một câu thơ đầy gợi cảm về con đường làng Việt Nam:

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo...

Cụ Nguyễn Khuyến đã nói đúng cái thần, cái hồn trăm năm, nghìn năm không cần bình luận gì thêm cũng đã thấy đầy đủ gương mặt một con đường làng mà ta từng một lần đặt chân, trở về quê mẹ hay hỏi thăm đến nhà người bạn...

Nếu mùa xuân này ta trở lại đường xưa, thì đường ơi, có nhận ra nhau, ta có một bộ quần áo mới hơn hay đường mang trên mình nhiều màu xanh chiều rộng?

Thông thường đường làng mở đầu (hay kết thúc) từ chiếc cổng làng, nơi giáp với một vũ trụ bao la là cánh đồng dẫn về những nẻo nào, có người sống cả đời trong làng, không hề đặt chân đến đó một lần, dù ở đấy có xa lộ cao tốc, có đường nhựa phẳng lì, có đá răm trải thảm...

Đường làng đi giữa tre xanh, bên hàng rào ô rô lá như gai nhọn, chỉ có con trâu con bò chiều về, đi qua, mới ngoái cổ lại, tớp một cái, khinh thường gai nhọn rồi vừa thủng thẳng đi vừa nhai như ngẫm nghĩ suy tưởng điều gì về cuộc đời nhưng không cho ta biết.

Lá tre buông mình lờ lững ngày này sang tháng khác, giạt vào hai vệ đường có cây nấm dại, cây hoa mò, sợi rau má, lá củ gấu... đường làng im lặng không than thở, cứ thế trườn đi theo các xóm trong thôn, rẽ vào nhà ai đó, ngoặt phía này, rẽ sang kia, có chỗ thước thợ, có chỗ chữ chi, có nửa đường vòng...

Đón con đường, có chiếc cổng xây bề thế, quét vôi vàng, vôi trắng mỗi khi xuân rập rình trở lại. Cũng có chỗ chỉ là chiếc cổng gỗ, nhưng có mái tranh, y như một ngôi nhà nhỏ, then cửa là chiếc tay thước đã mòn qua bao mùa cấy hái. Đơn sơ hơn, là chiếc cổng nhỏ, phía trên là một cây tre nằm ngang, đan ngang ghép dọc, nếu đóng lại vẫn còn chỗ cho con gà trống vượt qua, con chó đi lọt để đi tìm bạn... Đôi khi, còn đơn giản hơn nữa, cái cổng chỉ là mấy cành rào giương lên, chống bằng một thanh tre chết róc, hạ xuống thì vẫn có thể nhìn thấu trong nhà, người đứng ngoài đường gọi, người trong thưa, như không có cách ngăn.

Ta thả bàn chân trần trên đường làng, nghe mát lạnh gan chân, hơi đất quê mịn màng hay hồn làng xóm thẩm thấu tận đáy hồn ta, con đường làng bình dị thân thương ít được quy hoạch theo một đường thẳng đông tây, hay xuyên chiều nam bắc. Nó là con đường xương cá, cứ như tự nhiên mà sinh ra, tự nhiên mà nên diện mạo, nhưng không, tuy đường do người kiến trúc sư tạo tác, nhưng nó được sinh thành bởi muôn vạn bàn chân, những bàn chân nẻ miếng, những ngón chân tòe ra vì gian lao, những gót rỗ nhọc nhằn, năm này sang năm khác, mùa nọ tiếp mùa kia, có vườn cải hoa vàng chứng kiến cuối đông, có hương hoa bưởi mông lung mùa xuân ngòn ngọt, có tiếng gà xáo xác những trưa im, có cành xanh lòa xòa xuống trêu người, mà còn đôi chỗ ta gặp hàng duối xén bằng bặn, những bằng bặn bằng bàn tay người thợ xén cây nghiệp dư, và néu người thợ ấy quên đi thì lộc nõn, cành non lại đâm chồi như mái tóc trẻ thơ ít gặp ông thợ cạo...

Con đường làng nối những tâm hồn lại với nhau, nếu làng ngoài bãi, ven đê, phù sa bồi đắp, như bãi giữa sông Hồng, như làng Thuận Vi Thái Bình... thì lúc nào nó cũng mang màu nâu non của phù sa trẻ, sau mùa lụt ngập, đường lại hồi sinh, bàn chân người thành chiếc bàn là, thành chiếc bánh xe lu cho êm phẳng.

Làng châu thổ, luỹ tre trăm năm ấm bụi, măng mùa xuân gọi bầu trời trong sáng, những làng như thế từng có Hương ước: Đám cưới nào cũng phải nộp CHEO cho làng bằng mấy trăm viên gạch nung già. Gạch nằm nghiêng bên nhau, viên nọ khít bên kia, có đoạn còn tạo ra bao nhiêu hình, đường chéo như mặt sàn đan khéo. Con đường gạch sinh ra từ đấy, nó bắt đầu từ cổng làng, rẽ ra đình, ngoặt sang chùa, vào từng ngõ chính, gặp cổng nhà ai mới thêm vài viên đá xanh, là mảng vỡ của chiếc cối đá thủng nào kia... Những con đường gạch bền bỉ nắng mưa, không vỡ, không lún, không xô, mà dẫu có thì gạch cheo, dự trữ vẫn còn...

Ngày mùa, chỗ đường gạch quang quẻ, nó được dùng làm nơi phơi rơm rạ, bước chân người êm như đi trên nhung. Mùa thu mưa bay nỗi Ngâu thương nhớ, con đường mang vẻ quạnh hiu như lòng người nơi cách trở, nhưng xuân về, nó lại được vang lên tiếng guốc kỳ cốp vui tai. Lạ một điều, không bao giờ có đôi guốc vang hai âm thanh giống nhau, thế nào cũng phải một trầm một cao, một trong một đục, như song ca, như hòa tấu, như nâng đỡ nhau lên, và đường làng rộn rã, tưởng hồi sinh.

Khe gạch có thể vương sợi rơm sót lại, đã nảy mầm thành cây mạ cớm, bước con trâu giẫm bẹp, nó lại đứng lên, nó chẳng sợ gì xe cộ hay tai nạn giao thông, mà chỉ có gánh gồng, chân đất, bước trâu, may ra mới in dăm ba vết hằn lốp xe thồ mạ, thồ phân, thồ thóc.

Những con đường làng lát gạch ấy hiếm dần, nộp cheo cũng đã thưa đi, hiện đại, con đường mang gương mặt xi măng trắng

lốp, khô cứng nhưng sạch sẽ, mất một phần thơ mộng nhưng thuận tiện, phong quang, âu đó cũng là nét mới bổ sung vào câu thơ Nguyễn Khuyến.

Những làng quê xưa nay, ít khi được quy hoạch từ đầu, nên cũng ít những con đường thẳng tắp. Con đường phải lượn theo cái hàng rào, khu vườn, khuôn ao, nếp nhà mới, nhưng nó vui lòng làm sợi chỉ, dẫn vào từng gia đình ấm cúng, vì thế mà nó là "Ngõ trúc quanh co..." chăng? Con đường quanh co, nhưng lòng người lại thẳng, đó là điều ta phải nhuộm sương trên tóc mới hiểu ra, đường ạ. Nó sinh ra không phải bằng cái thước và cây bút chì, nói như Lỗ Tấn: "Trái đất vốn không có đường nhưng chân người đi mãi mà thành đường...". Hai ông thông gia đầu xóm cuối xóm tìm nhau, bà chị đầu thôn gặp bà em cuối thôn, anh trai làng hẹn nàng thôn nữ nơi bờ giếng, cạnh gốc duối già, đội nhi đồng tập hợp cạnh đình để tùng dinh nhịp trống ếch cổ động, bác kế toán đi họp đội sản xuất, anh tuyên truyền gọi loa... con đường mở lòng đón nhận... Cả những đêm xuân, đâu đó vang nhịp trống hội làng, tiếng rúc rích, tiếng đấm vai thùm thụp, tiếng thì thầm, tiếng chí chóe trêu nhau, trai hòa gái, gái bên trai, đường làng nằm mơ trong thanh bình, một chút tấp nập rồi lại lặng lẽ trong khuya...

Nay nông thôn đổi mới, đường làng cũng thoát xác nhiều nơi. Quy hoạch từ đầu, con đường thẳng tắp, ô tô con trên huyện trên tỉnh về vào tận xóm, đỗ bên ngõ, ngay cái cổng gỗ, tường đá ong, gạch pa panh, thêm mấy cành tre vẫy lá.

Có lẽ chỉ có ngoài "Trại", chỗ tách hộ ở riêng, làm nhà mới, mái nhà còn tươi, vườn còn thông thống, con đường làng còn mang nét sơ khai, có khi chỉ là bờ ruộng đắp thêm, bên bụi niễng, ao bèo, bè muống...

Những chiếc cổng làng nằm rải rác hai bên con đường, vẫn tuân theo nếp nghĩ ngàn xưa, không ăn thẳng vào nhà, mà lệch đi

chút ít. Xứ Huế, còn tạo ra chiếc bình phong xây gạch cuốn thư, hoặc chỉ bằng cây xanh uốn nếp, để từ ngoài đường đi vào, khách cũng phải đi vòng chút ít mới tới bậc thềm. Điều đó giống như mọi căn nhà bao giờ cũng tránh đầu đao đình hoặc chùa hướng thẳng vào gian giữa nhà mình, một điều kiêng cữ bảo lưu?

Có lẽ sẽ đến một ngày đường làng cũng chia ô bàn cờ khi nông thôn được đô thị hóa chăng? Còn lâu lắm, ta chờ, bây giờ, có dịp, ta trở lại con đường làng thuở ấu thơ theo mẹ ra đồng mót lúa, cầm đồng xu ra chiếc quán đầu làng dưới gốc đa mua viên kẹo bột kẹo bi, con đường làng đón ta hồ hởi, hay lòng ta khấp khởi vui reo... Khi ngó qua rào, vườn cải nhà bừng một vầng nắng vàng tươi hoa nở... Đường làng ơi, con đường tình yêu, con đường thương mến, điều không thể thiếu được trong mỗi hồn làng...

1998

Mảnh hồn làng

Trong một bài thơ, Tế Hanh có một ý thơ rằng những cánh buồm trên con sông qua làng, đã thành những mảnh hồn làng, thành mảnh hồn của con người xa làng, nói rộng ra là xa quê...

Không ai không có một quê hương, có thể là nơi mẹ cha sinh thành, chôn rau cắt rốn, cũng có thể chỉ là như Chế Lan Viên đã viết: "Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương" hoặc nữa có thể vì một lý do nào đó mà gắn bó một quãng đời mình đằm sâu mang nặng nghĩa đời, chẳng hạn nơi ta có bà mẹ nuôi, nơi ta có người chị gái một đời ta thương ấy vì chị quá khổ nghèo lam lũ... hoặc nơi ta để lại một kỷ niệm êm đềm, hay để lại trong ta êm đềm kỷ niệm...

Với người Việt Nam thì quê hương phần lớn gắn bó với một làng có cái tên cụ thể, cho dù người đó ở thành phố ngang dọc đường bàn cờ, tóc đã uốn cong bằng lửa điện, ngồi ăn quanh bàn trải khăn trắng tinh... và ngược lại thời gian, đời cha đời mẹ, hoặc lên tới đời ông bà... vẫn từ một thôn làng mà khăn gói ra đi, sinh cơ lập nghiệp, xây dựng cơ đồ, trải qua mấy đời, quê hương vẫn phải là nẻo cho con cháu đi về với từ đường, nghĩa trang, giỗ tết...

Làng đó có tên kép bằng chữ Hán Việt hay chỉ thuần nôm một từ đơn: Kim Liên, Hòa Hiệp, Lâm Du... hay Kẻ So, Kẻ Sặt, cho đến làng Ma, làng Mơ, làng Thứa...

Qua những trùng dương, qua những mây vần gió chuyển, người lữ thứ tha phương, làng, hồn làng, không chỉ là một mảnh nhỏ hình lá buồm của Tế Hanh... mà những đêm tuyết buốt, những ngày gồng vai bon chen, hồn làng là hình sông ảnh núi, là miền hương khói trên bàn thờ tết, là chiếc lá tre, là ngọn cỏ may ven đê nơi con diều giấy chao đảo và đâm cái chúc xuống... nói rộng ra đó là Việt Nam, là màu xanh cây, màu đỏ đất màu nâu áo, màu phù sa, là hương hoa ngâu đêm thu, hương rơm rạ tháng mười, hương bồ kết mái tóc, mùi bùn ao rễ bèo, tiếng lao xao lá đề, tiếng ếch nhái đêm mưa rào, tiếng róc rách con mương rô rạch, tiếng não nuột đàn bầu, tiếng hát ví trên đồng, tiếng kẽo kẹt bờ tre...

Một đêm sương Đà Lạt mờ ảo hương thông. Một sớm sóng xô con rạch cho chiếc xuồng đi giữa đôi bờ dừa nước, một chiều biển gầm nơi cuối trời hải đảo, một khuya lửa rừng có vị thịt nướng xèo xèo trên lửa, một tấm vai trần người con gái cao nguyên... Một trưa dốc dựng, tháo chiếc ba lô trĩu nặng, ngồi nghỉ chân lưng đèo nghe hương rừng ngai ngái phảng phất nghìn năm thưa vắng bóng người, dỡ nắm cơm ra ăn, quệt tay vào vạt cỏ...

Ta đi ra từ làng, hồn làng theo ta... mảnh chiếu vuông nơi nền nhà đất nện, có bóng nắng xiên khoai qua vách thành những quả trứng gà biết lăn, biết dịch trước khi tắt hẳn. Hồn chiếu lúc mới là chiếu tân hôn, là chiếu tiếp khách, mươi năm nó cũ càng mệt nhọc, nó trở thành chiếu trải đầu hè đêm đón gió nam, và cuối cùng nó thành cái manh che cửa chuồng trâu những đêm trở gió... Chiếu đã chứng kiến một đời người, thành mảnh hồn theo con người, toát ra hơi ấm và sẻ chia...

Sân đình ngày mùa lúa chiêm vàng nắng, góc vuông chân tường cớm ngọn cỏ gà cho ta chiều nào vẽ vạch phấn nhảy lò

cò… và ngày xuân mở hội, từ mặt đê, đường trục, từ bến ô tô… ta đã thấy hồn làng bay lên ngũ sắc lá cờ đại, có tua xung quanh như những cái vây lưng con rồng uốn lượn… Hồn làng lên tiếng cắc tùng, hồn làng phơ phất hương thơm nhang khói, hồn làng hiện thành cụ thể những tà áo dài, tha thướt: thụng lam là của các bậc chú bác tham gia hội tế, nâu đỏ vàng xanh là các nàng thôn nữ thanh tân, những the, gấm lụa là những kẻ hành hương cùng một lứa như ta, kín đáo mộc mạc là các mẹ, các vãi già mỗi năm chỉ một lần này, tha thướt và sặc sỡ tung tăng là đàn em nhỏ chưa biết đến những vùng xa xôi sẽ đón bước chân đi lập nghiệp… Ta thắc thỏm trở về để thấm hồn làng vào hồn ta, nào ai còn ai mất những cụ Tư, bác Năm, cụ Đám, ông Giáo, những bà Xuân bà Đông, những chị Hồng chị Mai, những anh Dũng anh Tuấn… nào đời sống khá giả hay còm cõi ra sao, cái khúc mương lở thế nào, khoanh giếng đầu thôn có cạn, bãi Mả Vua, Đồng Dầm, Đống Voi, Trại Nhãn… thêm ai bớt ai, xanh tốt hay phờ phạc…

Ta dừng chân cổng làng, đưa bàn tay lên ngực chặn tiếng trống đang liên hồi trong đó. Tiếng chào lời đáp, câu hỏi lời thưa… đó là hồn làng lên tiếng, an ủi vỗ về hay trách cứ kẻ đi xa đằng đẵng chẳng một thư về…

Đìu hiu bao giờ cũng là nỗi nghĩa trang, những mảnh hồn xây vuông hay chữ nhật, vôi trắng hay cỏ xanh, tường quây hay sè sè một nấm… ở đây có những con người ta từng biết, từng quen, từng ngồi chung mâm, từng chung ván đáo, từng đánh ván bài tam cúc thuở đi trâu, từng làm ta hồi hộp nhìn theo khi mái tóc đung đưa trên đôi vai áo nâu non hay xanh trứng sáo… Hồn ơi, yên nghỉ. Thời gian ơi, xin lặng lẽ cho ta một chút đôi hồi. Đang có những gấp gáp hối hả tưng bừng trước cửa mỗi căn nhà, mỗi khung cổng bởi những hương án đầy cỗ bàn cho làng hân hoan một mùa xuân hội.

Hồn ta no nê trong hương hoa bưởi, hoa ngâu, trong tơ nắng hương mưa hay trong vị bánh chưng bánh dày, bánh xu xê, bánh trôi, bánh chay, bánh đúc dừa, bánh đa, bánh mật... ta không thể chối từ...

Đêm. Ai thả hồn làng lên trời cao trong ánh trăng đầu ngọn tre hồi nhà mà hồn tràn ngập niềm thanh thản tươi ngần đến thế. Người con gái có mái tóc thề làm ta mê mẩn dõi theo, nay vẫn bên hàng xóm, đã tay bồng tay mang, đã nhọc nhằn lấy mất tươi non. Chào nhau mà ngượng ngùng, mà bổi hổi xót thương, mà mang mang bứt rứt. Gọi là gì đây: Cô hay em, chị hay bác, bà hay... chẳng biết, chỉ biết không còn có thể là "ấy" với "tớ". Ta thương người một đời nhọc nhằn, nhanh chóng tàn úa thanh xuân, tay nhăn, chân khẳng, ngực lép vai nhô, má chẳng còn hồng, tóc thôi không mượt... hay người đang âm thầm thương ta chẳng nói, rằng ta lận đận một đời tha phương bỏ làng, đi ở nhà thuê, sống với ồn ào nhức óc...

Mảnh hồn làng xưa vẫn xanh rờn bãi cỏ đầu thôn, vẫn âm âm u u với cái nghè hoang tường long vôi lở, chân nhang xô nghiêng, nhưng vẫn đỏ màu hoa gạo hoa vông như niềm chờ đợi người về...

Những bụi tre độc cô đơn ngoài rìa thôn và trên đồng hun hút vẫn còn, ai cũng bảo đó là tre Thánh Gióng đánh giặc thành cây, thì cứ tin, bất chấp thời gian khoa học hoặc nhà nghiên cứu bằng phương pháp C.14, cũng như vẫn tin rằng cái đầm hoang có con nam nam kéo người chết đuối thay cho kiếp nó, tin rằng có 99 con phượng hoàng từng lượn trên đất làng này, tin rằng con sông đào kia là để đón 18 ông tiến sĩ vinh quy, tin rằng thánh nâng bàn chân khênh kiệu nên kiệu bay lướt qua ngòi biếc, có chiếc cầu đá bằng một phiến đá xanh, đêm đêm có con ma trâu giương sừng, con ma lọ lăn vào chân người, có người con gái bị phụ tình thành ma áo trắng rũ rượi hình hài, khóc than thân phận...

Ta đã thành thị và chai sạn lòng mình đến thế ư khi ta nghi ngờ, ta băn khoăn giữa mộng và ảo, giữa thực và hư, giữa hồn và xác, giữa tâm linh và vật thể... Những tiếng còi xe cứu hỏa xé rách đêm thành phố, những tranh chấp một lối đi trong chiếc sân chung làm hồn ta chật hẹp đi đến thế ư? Hồn làng cho ta mênh mông trở lại. Vẫn chiếc chiếu rung rúc trải trên đầu hè đây, ngoài kia, vẫn manh chiếu rách che cửa chuồng trâu chắn làn gió bấc cho con trâu đỡ đánh sừng đuổi muỗi, vẫn là nhang khói gọi về miền thời gian chìm khuất hư hao nghìn đời sâu nặng lòng người, vẫn là chiếc cầu ao vang lên tiếng ếch gọi mưa, tiếng cá quẫy bèo như có ai khỏa chân ngày cũ...

Ta sẽ thế nào đây khi ngày mai lại phải từ biệt những gì đã trở thành hồn làng? Ta mang theo, ta lưu giữ, ta ân tình hay bạc bẽo với hồn làng, có lẽ chỉ mình ta biết, nếu ta vẫn còn mang trong hồn mình sự sinh thành bất diệt ấy...

1998

Nửa vòng Kinh Bắc

Kinh Bắc nằm gọn trong lòng đất Bắc như bé thơ tròn lòng mẹ, được thừa hưởng những thương yêu nhất của mẹ Việt Nam và rồi đáp đền xứng đáng công lao sinh thành của mẹ, trở thành vùng văn hóa phì nhiêu, bồi trúc tâm hồn Lạc Việt ngày một đầy đặn tầng trầm tích như đạo phồn thực cứ sinh sôi dâng tràn bất tận một nguồn tuôn chảy nghìn đời.

Một sớm xuân nơi chùa Phật Tích còn trầm lặng những con vật gần nghìn tuổi vôi vữa từ thời Lý, như đứng canh trên những tam cấp sườn đồi, chỗ tam cấp do vũ trụ sinh thành để có thể từ đây nhìn ra thế núi hình sông, xóm làng tre pheo đồng ruộng nuôi sống vùng Luy Lâu cổ tích và huyền thoại, lịch sử và văn hiến, mà phía sau lưng kia, tầng đá ong và đá mẹ, tầng thông và cỏ guột, mọc lên một rừng tháp đá tháp gạch đã có ngôi lở lói xô nghiêng vì bàn tay chiếc đồng hồ vĩnh cửu làm bằng mặt trời và mặt trăng vần chuyển... Nơi chùa Phật Tích ấy có pho tượng táng giống như hai pho tượng chùa Đậu ở Thường Tín Hà Tây, trẻ hơn nhiều... Nơi có nhà sư nữ răng đen hạt huyền, ngoài tụng kinh, niệm phật còn phải ngồi trước chiếc bàn đơn sơ để xe nhang độ nhật, tiếp khách thập phương mà bỗng ta tội lỗi, cứ tưởng như chị gái ta hồi sinh trần thế nếu khoác lên tấm vai thon kia tấm áo mớ ba mớ bảy của liền chị 49 làng Quan họ gần kề... Nơi chùa Phật Tích ấy ta gặp một đoàn các bà áo nhung khăn vấn, nhai trầu sắp

nhang vào lễ Phật với lòng sùng kính hệt những người phụ nữ Việt Nam từ thời có cô gái tựa cây hoa lan mà thành hoàng hậu, có người con gái oan khiên Thị Kính mà thành phật Quan Âm, có người biến hóa ra nghìn mắt nghìn tay cho đến nay ta sững sờ thán phục... các bà từ vùng sơn cước Lục Ngạn nghèo xơ, trẩy hội mùa xuân mong mùa màng ngày càng thịnh vượng... Cây vải đã lên đồi mỗi năm cho hàng nghìn triệu quả, không phải đi tiến cống sang phương Bắc mà nổ ra cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan, cũng không thành cái án đời đời oan nghiệt Lệ Chi Viên. Các bà nói: Nhờ cây vải mà vùng chúng em (các bà nhiều tuổi thế nhưng vẫn cứ xưng em, thật lạ cho sự khiêm nhường phụ nữ Việt Nam) đã đổi đời, không còn hộ nào túng thiếu, nhà nào cũng có bát ăn bát để...

Với ta, màu xanh cây không nằm trong phạm vi kinh tế, ta chợt lơ mơ như bắt được câu thơ thần, chợt gặp áng mây ngũ sắc, bất thần quen cô gái lúng liếng mắt dao cau... Ta nghĩ về màu xanh trên những vùng cổ tích nửa vòng Kinh Bắc, Bắc Ninh nay cứ hiện ra đậm đặc trên từng dặm đường ven sông cánh bãi, triền đê di sản...

Sông Đuống trôi quanh bến phà Hồ, cây đa nào cổ thụ. Hàng muỗm hoa màu nâu bên lăng Kinh Dương Vương u mặc... ta phất phơ mái tóc khi những lùm cây nhô lên gần xa như những ngọn đồi xanh, mà nấp trong bóng lá um tùm kia, đều có những di tích đáng kính cẩn nghiêng mình. Đền thờ 8 vị vua nhà Lý có món bánh phu thê tuyệt hảo, mà Hà Nội gọi là bánh xu xê, màu vàng chanh chắt từ quả dành dành, vàng mà trong suốt, vàng như mắt con gà trong tranh Đông Hồ, vàng như cắt từng mảnh từ hoành phi câu đối bày ra, vàng mà hoàng tử Lang Liêu chưa kịp làm bánh dâng vua cha... Cây muỗm tơ, gốc hoàng lan vừa bói lứa hoa đầu, chùm hoa móng rồng còn đang làm nụ để hoàng hôn vài tháng nữa mới ngất ngây không khí hành hương.

Hình như ta vừa trôi hồn ta từ lưng đồi Lim theo lời ca quan họ xuống con sông Tiêu Tương mấy trăm năm vẫn gọi đừng về, đừng chia tay giã bạn. Chiếc nón thúng mang hình mặt trăng hay mặt trời cổ tích… che cho ai nửa mặt hoa sen, còn chập chờn dưới bóng đa xanh, bóng gạo, bóng trúc, bóng tình… Anh bạn từ xứ nắng gắt Tây Nguyên tận mắt nhìn người nặn tò he dân dã, sẽ cho món quà cổ điển này đi máy bay vào trong nớ, kéo dài hội xuân Kinh Bắc đam mê thêm nữa.

Vị chiến tướng của Sơn Tinh nằm đây đã nghìn năm chặn giặc, có tên gọi là CON ĐÊ, tha hồ uốn lượn những khúc lưng rồng, đưa ta vào làng Đình Tổ có ngôi chùa Bút Tháp thênh thang lạn can đá, tháp chín tầng cũng đá ngòi bút đá có gì phảng phất một "Lin Ga" sinh thực khí gợi cho ta nhớ đến Nha Trang Tháp Bà, nhớ đến hội Chen, đêm rã đám làng La, đến hang Cắc Cớ, đến chàng trai nâng ngực cô gái mà thi bắt chạch trong chum, một tay mò con chạch còn tay kia không được rời nhũ hoa cô gái… Kinh Bắc đó cần sinh tồn, cần phát triển, cần người xây dựng Luy Lâu, cần giọng ca quan họ, cần người vẽ tranh Đông Hồ, cần người trồng dâu để giữ gìn bóng tổ: Chùa Dâu, chùa Keo Chợ Sủi, mà sau này nơi đây sinh ra con người tài hoa tự nhận mình chiếm hai bồ chữ, một nửa của cả thiên hạ trong ngoài trên dưới: Cao Chu Thần - Bá Quát.

Hình như cứ một thôi đường chưa khô tấm khăn vắt vai, ta đã gặp một bóng xanh um tùm chở che một di tích ngàn xưa. Sông Đuống mùa này cạn nước, nâng những con sà lan kềnh càng đầy than cám cho các lò gạch ven sông, chẳng thể làm át đi được những xanh cây, xanh mây, xanh hồn Kinh Bắc, có Luy Lâu, Long Biên trước khi có Đại La Thăng Long Hà Nội mấy nghìn xuân.

Chiều dâng sương lam, xanh cây như chạm vào trời, những ngôi chùa, ngôi đình, ngôi đền sắp trở lại u huyền tịch mịch rêu

phong chạng vạng. Con đường thành tấm lụa xanh chợt làm ta ngây ngất như đi trong hương thơm lá nước mùi già sáng mùng một Tết. Thì ra ta đang lướt mình trong vùng rau Phú Thị, bảng lảng hoa cải cúc vàng ngả nghiêng, lăn tăn hoa thìa là trắng đã già và nhất là hương rau mùi làm quả, chắt tinh hương thành hạt cho mùa sau. Hương đồng gió nội không hề có ở thị thành khói xăng và khói than tổ ong sặc sụa. Chỉ bao la, hương mới thực là mình, cho hết mà không cần nhận, hào phóng đến phí phạm, vị tha đến tận cùng... hình như hai bên đường đang có những cô gái Kinh Bắc cắt cây về phơi hạt, cây ứa hương, cây tràn trề, để chắc chắn rằng những đôi bàn tay kia thơm nức hương trời hương đất, mà không một bàn tay phố phường đầy nước hoa hắc hắc nào sánh được. Chợt tham lam: Giá được ghé xuống bờ rau, nắm một bàn tay ấy mà đặt lên chiếc hôn thánh thiện để... không, chẳng để làm gì cả, ngoài một ý tưởng lẩn thẩn giống như một nhà thơ.

Làng Nành - Ninh Hiệp từng là đất của Bắc Ninh Quê Ngọc Hân công chúa, Đình Bảng Đồi Lim, lên Phật Tích, Bách Môn, vào Bút Tháp, thăm ngôi tháp Hòa Phong chín tầng chỉ còn lại một phần ba của chùa Dâu ghé chút chùa Keo hoang phế... ta men theo con đường trải lụa xanh, để lại sau lưng những màu cổ thụ linh thiêng che mát đầu đao, giải vũ, che tấm bia đá oằn lưng con rùa đã lún sâu... ta gặp chỗ xưa kia cô gái hát rằng:

Tay cầm bán nguyệt sênh sang

Một trăm thức cỏ lai hàng tay ta...

Cây hoa lan nàng dựa cũng đã hư vô, người đàn bà nhiếp chính cho nhà Lý thành tâm tưởng... Hoa tầm xuân nở hồng ngoài sân, hoa vấn vương nở trong hồn ta một nửa vòng Kinh Bắc. Nói nửa vòng bởi còn bao khí thiêng sông núi hội tụ mà cái xác phàm trần của ta chưa kịp đến. Nếu có ngày xuất phát từ bến ngã

ba sông Đuống nơi xã Ngọc Thụy, ta lênh đênh một con đò, xuôi cũng được mà ngược cũng hay, sông Đuống cho ta cùng chảy, ghé Tích Giang, Tiêu Giang, sẽ về đến tận đâu, làng Đại Bái gò đồng hay núi Thiên Thai của huyện Lang Tài, Gia Bình, có thể vẫn được nhai miếng bánh đa làng Kế đầy vừng như chi chít vòm sao, hoặc ta về đến Cẩm Giàng đã thuộc xứ Đông... màu xanh di tích, màu xanh di sản, màu xanh hồn ta sẽ còn diệp lục đến thế nào, ta mới nghĩ đã run lòng hoan hỉ...

Cái nôi Kinh Bắc với vùng đất cổ Luy Lâu, so với Phong Châu, Hạc Trì hay Mê Linh, ta sẽ mê đi không cần phân biệt nơi nào nhiều tuổi hơn, ta chỉ biết mỗi mùa xuân, nếu được đắm mình vào màu xanh Kinh Bắc thì hình như máu ta thêm đỏ hồng cầu, tinh khiết hơn, nguồn mạch hơn, hoài vọng hơn... Cái nôi ấy còn đung đưa trong lòng ta mãi mãi.

1998

Những cây cầu

Có lẽ ít dòng sông nào trên mặt đất lại không có cây cầu bắc ngang qua, không có chỗ này thì ở đoạn khác. Bởi một lẽ con người dù ở đâu thì cũng cứ phải tìm nhau, vượt sông mà đến, băng qua sông nước mà về... Ca dao nói còn cái dải yếm cũng có thể bắc cầu thì cây que sao không thể?

Sông lạch miền Nam đất nước, chằng chịt dọc ngang, cầu tre lắt lẻo, cầu khỉ chênh vênh đã thành hình ảnh thân quen của bao người con ra đi để hẹn ngày trở lại, dù chỉ hẹn hai năm nhưng phải trải qua độ dài mười lần hơn thế... Cô gái Cần Thơ áo dài trắng muốt về quê cha hay quê mẹ miệt vườn, bàn chân chưa quen nơi bùn lầy, tay cầm chiếc nón, tay vịn run run, tà áo bay như bướm... nơi phía xa kia, bên bờ lau sậy hay dừa nước um tùm, niềm thân thương chờ đợi... những cây cầu đơn sơ như sinh ra từ mấy trăm năm cổ sơ nâng bàn chân cô, hẳn nó rung rung trong niềm vui được đón người về, nó cũng phập phồng như trái tim non trẻ trong lồng ngực tơ kia...

Còn đồng bằng Bắc Bộ, cái nôi của toàn dân tộc, cây cầu đâu có hiếm, trước hết là những chiếc cầu đá đầu làng, đá xanh nhẵn bóng thời gian, một phiến hay hai phiến, bắc qua con lạch dập dềnh bè muống bè ngổ lẫn cây rau rút như mi nàng gái. Cha ông những thế kỷ xa vời, đã công phu chuyển những phiến đá ấy từ

đâu về, khiêng hay vác, con lăn hay dây kéo... để cháu con qua cầu, ngả nón gió bay. Mỗi cây cầu đá ấy chỉ vài bước chân, nhưng là thân tình gắn bó, là quê hương sâu nặng, là ân nghĩa đời đời, đến nỗi nhiều cây cầu mang thêm huyền thoại có âm hồn, có bóng con ma trêu cợt, có sợi rơm vương vãi bật lên cái mầm mạ cớm, con trâu đi qua, cúi xuống liếm vội ngon lành...

Mấy chục năm thủy lợi, một bản đồ nông thôn mới đã được vẽ lại, đã được nhà điêu khắc dựng lên những cây cầu xi măng cong cong như vành lược, cho con thuyền lướt qua dưới gậm cầu, chở mạ ra đồng, chở lúa về thôn, cho xe đạp bon bon, và giờ đây là ô tô cũng nổ máy vào tận sân đình ngõ sâu rợp bóng tre cau xoan nhãn... Đã thấy những người con trai con gái áo phin nõn, quần si-mi-li, rồi áo pô-pơ-lin màu trứng sáo, quần ga bạc đin... chiều chiều ngồi bên nhau bên thành cầu cùng soi bóng xuống dòng sông đào lờ lững đỏ nước phù sa... Xe cộ không nhiều, người đi bộ cứ thung thăng, em bé tan trường, bà mẹ đã xong mấy nghìn gầu tát... các cô các cậu cứ ngồi bên nhau, chỉ có cây cầu nghe được lời tâm sự, khi tiện tay, chàng và nàng bứt ngọn cỏ gà ném xuống dòng nước lăn tăn, bỏ qua chiếc sào đẩy con thuyền vôi thuyền cát dập dềnh hay khẳm nặng về một nẻo nào trong ánh hoàng hôn đỏ khé trên nền xanh làng xóm...

Hầu như trên đồng bằng cò mỏi Bắc Bộ, những cây cầu tre đã lùi vào dĩ vãng, ở đâu ta cũng gặp những cây cầu thuận tiện cho xe cộ về làng, đó là chiếc công nông phành phạch, chiếc máy kéo kềnh càng, chiếc xe con của ông chủ tịch huyện, chiếc xe máy anh trai làng mới sắm sau mùa thu hoạch bằng cây vườn, nghề phụ... cả khách tham quan di tích hay một đoàn khách nước ngoài du lịch thăm ngôi đình, tấm bia, mái chùa cổ tích nổi tiếng danh lam... Những cây cầu không chỉ là vật liệu cứng bền, nó là sợi dây nối tình, nâng chân, giao hòa... khi những con lạch nhỏ,

con máng nổi mương chìm, con sông đào, con nước duềnh cao... cứ sinh sôi ngày một đông đúc khắp nơi. Có thể trong làn nước đục lờ kia có ngọn rau nghể, rau ngóp ngoi, rau ngổ dại, rau rong lượn lờ... có thể gần đấy có em bé đang cúi lom khom, mò hến hay bắt cua, có thể gần đấy có chiếc cửa cống cho nước chảy vào đám mạ hay chân ruộng vừa cấy... những cây cầu im lặng hay chúng nói gì, ta biết và ta cũng không thể biết...

Hội An có cây cầu Chùa cầu Nhật nổi tiếng. Chùa Thầy Bắc Bộ có hai cái lược chải vào không gian núi non trời nước: Nhật Tiên Kiều và Nguyệt Tiên Kiều, có mái che, có chỗ nghỉ chân khách thơ khách mộng, bên một tòa Thủy Đình trầm tư trong rêu phong...

Lạng Sơn có cầu Kỳ Lừa, Cao Bằng có cầu Bắc Giang, Sông Mã có cầu Hàm Rồng, Hải Dương có cầu Phú Lương, Huế có cầu Tràng Tiền "sáu vài mười hai nhịp" trong câu ca Huế. Rồi những cầu Bo, cầu Gia Bẩy, Lai Vu, cầu Rẽ, cầu Rào, cầu Việt Trì, Bạch Hạc, cùng những cây cầu đang sinh ra, sắp sinh ra vượt con sông Bến Thủy, con sông Gianh, con sông Mỹ Thuận, con sông của cách trở ngàn đời, nay đã bền gan tuế nguyệt để gần lại những dặm đường, những dặm lòng...

Cầu Hiền Lương đã làm xong nhiệm vụ, hai màu sơn của cắt chia đau xót, nay chung một tình nhau, có người đi qua, chăm chăm để ngắm nó một lần cho thỏa những ngày nghe tên nó mà nghèn nghẹn trong tim.

Cầu mây vắt vẻo rung rinh trong sương mưa Sa Pa, chợ tình cho bước chân đi chợ cũng rung rinh theo nhịp, mà có người dung tục, hiểu sai ý nghĩa chợ tình của những trái tim say nồng mà luôn chất phác, gắn bó mà chẳng bờm xơm, uống chén rượu, che ô mà về bản xa xăm để mấy phiên sau mới lại lên đường qua cầu về chợ trong câu hát nhớ nhung...

Có lẽ những chuyến tàu lửa, những chiếc toa dình dình nhịp bánh như một thứ âm nhạc ru ru, mới gặp những cây cầu nhiều nhất trong hành trình đời mình. Tàu qua, cầu đứng đó, gặp rồi qua, qua rồi về... một đi và một ở, làm ta chợt nhớ câu ca:

Thuyền ơi có nhớ bến chăng

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền...

Những cây cầu mang hình năm tháng ấy, ta đi đâu mà chẳng gặp, nó không nhiều như bóng tre, gốc đa, không quen thuộc như gốc đề, hương bưởi... Nhưng nó cứ nằm sâu trong trí nhớ của những buổi lên đường, thăm lại quê hương hay đi điền dã, làm cuộc viễn hành hay giang hồ vặt đôi ngày, sang tỉnh bên thăm bạn hay chỉ lang thang không mục đích một sớm mùa xuân...

Hà Nội, ta đang trở lại sau những chuyến đi. Cây cầu Long Biên già nua đầy mình thương tích, đã có tuổi 96 năm (nó được xây dựng từ năm 1898 đến 1902), có lần cụ Nguyễn-tuỳ-bút đề nghị làm nơi cho khách đi chơi hóng mát. ấy là cụ nói vui khi nó phải chịu hàng chục trận bom tàn phá, nay nó vẫn gồng những khúc lưng rồng cho người đi bộ và xe thộ sơ qua cầu, từ bến Nứa Long Biên sang Gia Lâm Ái Mộ Bồ Đề... còn xe có động cơ thì đã có mấy đàn em của nó: Thăng Long cao dài, Chương Dương thuận tiện, vượt sông Hồng thay nó, mà lớp sinh sau đã lớn cao hơn như một lẽ đương nhiên tất yếu...

Hồ Gươm của Lê Lợi trả kiếm thần chưa có cầu là chắc. Chỉ có bến đá và bờ cỏ. Nay, chiếc lược màu son đón nắng ban mai, tên là Thê Húc mới chải tóc cho sóng mềm tơ liễu, mới đón trai thanh gái lịch, đón bước chân run cao tuổi, bước giày trẻ thơ lũn cũn... qua cầu cong như vành trăng thượng huyền vào đình Trấn Ba mà hứng gió đầy lồng ngực. Nguyễn Văn Siêu, ông Thần Siêu

bạn ông Thánh Quát ấy đã để lại hồn mình trong cây cầu cho triệu người mãi mãi... say mê.

Những cây cầu bằng tre nứa, bằng mây đan, bằng gỗ rải, bằng sắt thép... những cây cầu bằng dải yếm, bằng vô hình, bằng gió cho nón bay cho nhẫn rơi, bằng áo cởi... hình như đất nước đã sinh ra những cây cầu như thế để lòng người bắc vào nhau...

Một lần nào ta đi bộ qua một cây cầu... lòng ta ngân lên khúc nhạc hay câu ca nào đó... người có thấy thế không...

1998

Hội chen

Mùa xuân là mùa lễ hội. Những làng xa mịt mùng quanh năm, thú vui tinh thần ít ỏi, mà người Việt Nam lại là một dân tộc thích vui vẻ, hát ca, nhảy múa, làm thơ, đùa bỡn còn để lại cho muôn đời sau kho tàng tục ngữ dân ca tiếu lâm và phong tục... Một số trong đó do hoàn cảnh lịch sử bị lãng quên một thời gian dài, hầu như đã mai một, nhân ngày xuân khơi lại bó đuốc xưa trong quá khứ cũng là cùng nhau dự một lễ hội tưng bừng trong tâm tưởng, nên lắm chứ?

Làng Ngà, một tên nôm của làng Nga Hoàng Quế Võ, Trấn Kinh Bắc xưa, Bắc Giang ngày nay, không biết tự bao giờ xưa cũ, cứ mùng 6 tháng Giêng mở hội rước thần, thế nào cũng có hội Chen.

Cuộc chen này đầy thú vị hào hứng khác hẳn thứ chen mất trật tự một thời ở các bến tàu bến xe thuở bao cấp, nhắc đến còn toát mồ hôi.

Đám rước bắt đầu từ miếu thờ nữ thần Linh Sơn Mỵ Nương (riêng cái tên Mỵ Nương làm ta liên tưởng đến thời Hùng Vương, nhiều nhân vật mang tên này và làm ta nghĩ hội chen này ra đời đã có một thời gian nặng trĩu trong lịch sử). Giữa lúc nghiêm trang nhất, quan chủ tế, bồi tế, ông già bà cả cầu thần khấn niệm đầy thành kính, thì không hiểu từ một góc khuất nào bỗng nổi lên ồn ào. Thì ra việc CHEN bắt đầu. Đó là lúc đàn ông, con trai, thanh

niên, cả các bà già, thiếu nữ đứng, mà chen vai thích cánh. Họ xô đẩy nhau, giằng co nhau, lẫn lộn vào nhau, bật nhau ra một góc giếng hay bờ tường, gốc cây hay lối rẽ... Nhưng tất cả chỉ có tiếng cười như một thứ nhạc nền hiện đại mà không hề có tiếng la ó tục tằn, cứ như là đã có sự sắp đặt, hẹn hò từ trước, dưới bàn tay một đạo diễn vô hình, và nếu có thì người đạo diễn ấy chính là con tim, là tình yêu, là sự kết đoàn, là hòa hợp,vui vẻ, là tâm linh để cầu cho mưa thuận gió hòa, âm dương kết hợp, làng xóm tươi vui... Cuộc chen xảy ra như một cơn giông vội vã, biết đâu, chỗ nào, ai kia, bàn tay chẳng chạm vào cái ngực chũm cau, hương má hồng ửng đỏ chẳng kề bên tấm vai vạm vỡ người con trai mơ ước... Không sao cả, cứ chen, cứ chen cho thỏa. Giây lát, cuộc chen bỗng im phắc, người người chắp tay cầu khấn thần linh: “Lạy thánh mớ bái, xin phù hộ cho xóm làng già mạnh khỏe, trẻ bình yên...”.

Cuộc rước lại tiến hành trong trống giong cờ mở, đi quanh làng trong ánh xuân tươi rói, bất chấp năm nắng hay năm mưa. Nhưng rồi cuộc chen lại tái diễn, lúc này ngược lại, gái chen trai chứ không phải trai chen gái, bà già chen ông già, nữ tú chen nam thanh, chị trung niên chen anh lực điền... trong tiếng cười hả hê, thích thú.

Lúc sau, đám rước tiếp tục như không hề xảy ra chuyện gì cho đến khi đám rước dừng chân kết thúc. Nhưng không đâu, lúc này cuộc chen lần thứ ba lại nổ ra như sấm sét. Đó là lúc phái nữ của cả làng đi tìm khách đàn ông đến dự hội mà chen. Khách trốn vào nhà cũng bị lôi ra, trèo lên cây cũng bị lôi xuống, rách khăn toạc áo cũng mặc, cứ chen ra sân ra đường, ra đình ra miếu... ra nơi nào tuỳ ý. Đáng chú ý là các cô gái vào nhà ai đang có khách, đều lễ phép thưa gửi với chủ nhà trước đã, rồi mới kéo khách ra để chen, chen trong cái thế chủ động mà lễ phép, chen trong niềm hân hoan của người chen và người được chen... sôi động xóm làng, không ai, không gì ngăn được.

Mấy ngày sau đó, đám tế lễ vẫn được tiến hành như thường lệ tại đền thờ Nam Thần gọi là Đồng Vành. Và lần này các cuộc chen lại tái diễn, lúc gái chen nam, rồi nam chen nữ, rồi nữ làng chen khách thập phương là nam giới cho đến đêm rằm, cuộc tế lễ và rước thần kết thúc tại miếu nữ thần... thì còn thêm tục tắt đèn, giống như đêm rã đám làng La trong câu ca dao:

Bơi Đăm rước Giá Hội Thầy

Vui thì vui vậy chẳng tầy rã La...

Tắt đèn bao lâu, tàn một tuần nhang chăng, những gì rì rầm, gấp gấp trong bóng tối đầy khí dương hòa xuân sớm, chúng ta sinh sau, chỉ tưởng tượng chứ không kịp dự... nhưng có cụ kể lại rằng những đêm tắt đèn ấy, nhỡ ra có ai nên vợ nên chồng sớm thì làng cũng không ngả vạ, mà còn giảm một nửa số tiền nộp cheo cho làng, như ngầm nói đó là do thánh thần phù hộ xe duyên cho họ...

Tương truyền thần Nữ và thần Nam của làng muốn tục lệ ấy được diễn ra, có thế làng mới làm ăn yên ổn. Nếu đúng, thì ra thần cũng như người, thượng giới và trần gian đâu có khác nhau, con người và thần thánh cũng cần có một tình yêu, cần hòa hợp, chan chứa...

Hơn nửa thế kỷ nay, tục CHEN gần như đã mất. Nay cũng chưa ai nghĩ đến chuyện phục hồi, bởi phong tục và nếp sống nay đã khác xưa nhiều lắm, phục hồi một phong tục là không dễ chút nào. Nhắc lại một nét xưa để ta thấy thêm một điều dân tộc ta cũng trữ tình, dí dỏm, yêu đời "dân chủ" lắm đấy chứ. Và có lẽ nó cũng là tàn dư của những tục lệ thờ phồn thực, thờ Linga, múa tùng choặc, tế nõn nường... cầu mong sinh sôi để duy trì và phát huy nòi giống.

1998

Trên đường thành hổ

Hình tượng con Rồng con Hổ không xa lạ gì với bất cứ một người Việt Nam nào, dù đã ai nhìn thấy rồng thực bao giờ, còn con hổ, con cọp, ông Kễnh, ông Ba Mươi, ngài Chúa Sơn lâm... đôi ba người may mắn gặp trong rừng già tranh nứa, mấy người khác thấy nó trong cái chuồng Bách Thú. Lạ một điều, nó đi rồi quay lại, quay lại rồi bước đi, khoan thai và bực tức, đường hoàng ưỡn cái lưng và cong cái đuôi... Nhìn con hổ đi hàng nghìn bước mà vẫn là tại chỗ như thế mới thấy thế nào là giá trị của TỰ DO. Nhớ bài thơ Thế Lữ, có câu thành cửa miệng nhưng chắc nhiều người không biết câu thơ ấy là lời con hổ nhớ rừng, tác giả là vị chủ soái của phong trào Thơ Mới, rồi cũng chủ soái của nền kịch nói nước nhà. Câu: "Than ôi, thời oanh liệt nay còn đâu"... Con hổ thực vẫn là hiếm hoi trên cõi đời đồng bằng, vùng biển, ngay núi cả rừng sâu cũng đã thưa vắng biết bao. Tuy nhiên vẫn có những Ông Hổ, ông ngồi oai vệ, Bạch Hổ hay Hắc Hổ, cũng có khi là Ngũ Vị tướng quân, Năm ông Hổ, cùng ngồi. Đó là bức tranh Hàng Trống, thật đẹp, dù đã cách điệu, riêng bộ râu như ngang tàng hơn, hai bàn tay mập mạp hơn, những cái vuốt sắc nhọn hơn. Điện thờ, cần một bức tranh, đúng như giáo sư Trần Quốc Vượng nhận xét, không ai nói "đi mua" một bức tranh Hổ, mà phải nói "Thỉnh một Ông về" như thế mới là thành kính, mới đủ thiêng liêng, mới xứng khói hương nghi ngút...

Bức tranh anh hùng Tương Ngộ, Hổ gặp Đại Bàng, đấy không còn là con cầm con thú mà là hai tráng sĩ gặp nhau, hai cái phi thường, hai điều dũng mãnh... hai sự ngang tàng, hai niềm mơ ước của người vẽ tranh người chơi tranh, người ngắm tranh...

Con Hổ đi vào đời sống không ít, nó là con vật có thực, không giống như con rồng huyền thoại, xuất hiện nhiều hơn, vàng son lộng lẫy cung vua hay đền chùa đình miếu trầm mặc quê làng...

Cũng chưa rõ tại sao người xưa lấy 12 con Chi để chỉ một giáp, mà không có cỗ voi, không có con cá chép, không có con sư tử nhưng có con chuột bé tí, con mèo ngoan ngoãn v.v...

Nếu lần giở lịch sử, dã sử và văn bản, hẳn những năm Rồng năm Hổ Việt Nam ta đã ghi những trang chói lọi, đấy là công việc của các Thái Sử Công, các nhà sưu tầm, còn người thường bận rộn chúng ta, một đời người sinh, lão, bệnh, tử... ta gặp bao nhiêu năm rồng, bao nhiêu năm hổ, hình như không nhiều lắm dù là người trường thọ.

Có người do công việc mà được cấp một căn nhà nhỏ gần công viên Thủ Lệ, đêm đêm nghe tiếng hổ gầm, cứ ngỡ mình cũng hoang vu núi rừng, giang hồ sơn lâm, cho tiếng hổ đi vào giấc mộng.

Cho đến phút này, ta vừa tiễn con Sửu cần cù vào tuổi, ta đón con Hổ tưng bừng mang xuân mới đến, đã qua cái thời như câu thơ Chế Lan Viên từng viết:

Lũ chúng ta sống trong giường chiếu hẹp
Giấc mơ con đè nát cuộc đời con
Hạnh phúc dựng trong một tà áo đẹp
Một mái nhà tranh rủ bóng xuống tâm hồn

Mà ta đã sang những tháng năm kỳ vĩ, mỗi người là một vì sao trong bầu trời đổi mới, ta cùng tất cả, ta với mọi lòng… ta chung vai gánh vác để đưa Việt Nam Rồng Tiên lên đường trở thành con Rồng, con Hổ, mà con Hổ Việt Nam đã phải qua mấy chục cuộc chiến tranh sinh tồn giữ nước, nên ta hiểu cái giá máu của hòa bình xây dựng con Hổ Việt Nam sẽ là con Hổ hòa bình, con Hổ nhân ái, công bằng…

Đã bao nghìn năm ta chỉ có cây lúa và chiếc thuyền nan, ngọn đèn dầu hiu hắt và bóng tre trên đường làng vắng vẻ… thế mà nay, ngồi ngẫm lại trong cái đêm xuân Hổ náo nức này, ta mới như bừng tỉnh giấc cô miên, ta nâng một chén gió xuân thưởng cho thời gian đang đến. Năm mươi triệu tấn dầu thô từ lòng biển Mẹ đã góp mặt với đời, và đây mới là bước khởi đầu. Ta còn nhiều nơi thiếu thốn nhưng đã có ba triệu tấn gạo, tức là ba tỉ cân gạo ra cùng thế giới. Trên vạn khúc lưng rồng, con rồng Trường Sơn uốn lượn gập ghềnh hiểm trở, ta đã chắp lên hàng vây rồng cho dòng điện xuyên Việt tưng bừng cho thép ra lò, cho máy guồng tốc lực, cho thành phố thức thâu đêm, cho cả bản vắng mù sương rạng tỏa, đương nhiên cho cả cô gái nào kia soi gương mà xoa phấn trong màu ánh sáng chứa chan, không phải chờ ánh ngày để soi vào gương giếng…

Hình như nhiều nơi đã gần 90 phần trăm nhà xưa ngói hóa, những viên ngói phẳng mũi hài, những miếng ngói tây, những tấm xi măng, những khuôn mái bằng… mẹ già ta không còn lo giột, cha ta không cần phải chuyển chỗ ngủ một đêm mấy lần, nhường chỗ khô ráo cho con.

Năm con trâu bước sang con hổ, hai mươi triệu học trò Việt Nam đi học, từ ngôi trường cao tầng đại học đến mái lá đơn sơ mẫu giáo, bi bô chập chững, và thế giới kinh ngạc trao những giải

vàng giải bạc cho toán lý Việt Nam, cái vùng địa lý mấy chục năm trước nhiều người không biết, cái vùng mịt mù khói lửa và tang tóc đau thương suốt ba mươi năm ròng rã chiến tranh thảm khốc...

Nếu mai ngày con hổ Việt Nam vươn vai, nhảy những bước ngang tàng, đập cái đuôi lấy đà, thì cái lấy đà đập đuôi ấy phải chăng là lúc này đây, ta còn nửa lòng cơm thiếu, còn vạt áo phong phanh...

Thế giới đang vần vũ trong cái vòng cạnh tranh khoa học. Ta chưa bằng bạn bè, mà chúng ta có câu chí lý:

"Thua trời một vạn không bằng thua bạn một li."

Ta không việc gì mà xấu hổ khi ta nói thẳng rằng ta còn thua nhiều bạn năm châu nhiều "li" như thế. Biết cái yếu để vượt qua cái yếu mới là dũng cảm, chứ giấu cái yếu đi để sẽ suốt đời kém cỏi thì đâu phải bản lĩnh của đấng trượng phu. Ta tồn tại mấy nghìn năm, riêng Thăng Long sắp bước vào tuổi chẵn nghìn, thì Trượng Phu quá đi ấy chứ.

Ngay riêng lòng ta, mà trước nay ta quen gọi là nội bộ, cũng chưa phải ta đã hết những yếu kém làm phiền não chỗ này, người khác. Luật pháp đã nhiều nhưng chưa phải đã nghiêm tất cả. Người thay mặt cho dân đã công tâm nhưng vẫn lọt vài ba con sâu, dây máu ăn phần thì mới có một Minh Phụng làm mưa làm gió, mới có EPCO nuốt đi hàng trăm tỷ bạc của dân. Nếu số tiền này đem xây trường học thì chắc bão không làm đổ không biết bao nhiêu mái lán gọi là trường, những nạn nhân đầu tiên của mỗi cơn bão lồng qua.

Nhưng cũng mừng như gặp đóa hoa xuân, như người yếu được bồi bổ bằng lạng cao hổ cốt, đó là những ngôi nhà tình nghĩa đã được trao tặng các Mẹ anh hùng, những người có công vì Tổ quốc.

Nếu có được con rồng con hổ, thì phải nhớ ngay đến Rồng Mẹ, Hổ Mẹ, người đã dám vượt tất cả đói nghèo thiếu thốn, dám quên tất cả những đau đớn đợi chờ, khi dâng hiến người thân yêu nhất của mình, khi dâng hiến ngay bản thân mình, cuộc đời mình không hề so đo, tính toán.

Những người hôm nay tóc đã trắng sương có lẽ khó mà chứng kiến năm 2050, con rồng Việt Nam bay lên trong vũ trụ, con hổ Việt Nam gầm lên trên những tác phẩm in dòng chữ "Made in Việt Nam", nhưng ai mà không vui, không tưởng tượng đến ngày đó rồi.

Ta không phải là người thờ vật tổ Totem, nhưng Can Chi vẫn in đậm trong tâm thức phương Đông, mà con hổ vẫn là một linh thần. Để thành Hổ, đâu dễ, đâu chỉ là ngủ một giấc say nồng "một mái nhà tranh rủ bóng xuống tâm hồn" rồi bừng tỉnh vươn vai đứng dậy ta đã thiêng đã quý. Còn vật vã lắm người ơi, ta ơi. Làm sao để có những ngôi nhà, có sàn cao, chung sống với những con lũ ngàn trên đồng bằng sông Cửu Long mênh mông, làm sao những cánh đồng châu thổ hết hạn nẻ khô rang, hết lụt trắng xóa; những con sông phải hiền hòa, mái nhà sàn heo hút nào cũng chan hòa ánh điện, tất cả trẻ em đều được đến trường mà cha mẹ không lo ngày lo đêm vì đóng góp nặng nề, kể cả việc nhỏ là làm sao để anh lái xe đừng say rượu lao xe xuống vực chết người, hoặc người Hà Nội đừng nói ngọng, các biển quảng cáo đừng tây tàu mất gốc...

Hổ là vị chúa Sơn Lâm, Hổ có giang sơn riêng của mình, Việt Nam từng tuyên ngôn: "Nam quốc sơn hà nam đế cư"... Ta chẳng mong ước được trở thành vua chúa, chỉ mong hòa bình, để dải đất cong cong này, cong như những khúc lưng rồng này được yên bình xây dựng. Ta thương những cánh rừng xanh đang dần mất,

nơi xưa kia những bầy hổ vằn hổ trắng tung hoành. Con hổ có dũng mãnh đến đâu cũng không sống nổi nếu không có một giang sơn. Màu xanh vạn cổ, đất đai muôn đời tổ tiên để lại và ta còn có trách nhiệm để lại những tài sản quý giá đó cho muôn đời, thì phải được bảo tồn như một thứ quý giá thiêng liêng, không kém gì di sản của Nguyễn Trãi, Truyện Kiều của Nguyễn Du, bài thơ quả mít tinh nghịch của nữ sĩ Hồ Xuân Hương sinh trưởng nơi phường Khán Xuân đất kinh kỳ.

Hoa đào của kinh kỳ lại một mùa nữa dâng hoa. Những anh bạn trẻ đã biết chơi đào thế, dám bỏ một ngày quý giá cuối năm tất bật lên làng Quảng Bá tìm hoa, tâm hồn hay trí tuệ, thú chơi hay văn hóa đã nhập vào anh thành máu thịt, hở anh bạn làm thơ ấy?

Xuân con Hổ đã đến. Xuân hy vọng đã sang. Xuân tốt lành đã về. Ta là người dân Việt, ta tự thay mặt ta, làm đại biểu cho ta, đón mừng điều kỳ vĩ đang hình thành từng giây từng phút...

Xuân 1998

Gia đình và pháp luật

Chúng ta rất vui mừng vì nước ta là nước thứ hai trên hàng trăm nước ký vào Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Vấn đề bảo vệ bà mẹ và trẻ em đã được quan tâm nhiều, từ cơ quan Chính phủ, đoàn thể đến hầu khắp người dân bình thường. Đó là một tiến bộ của thời đại mới, một nước Việt Nam mới trên nền tảng một nước Việt Nam nghìn năm văn hiến.

Đã hình thành từ rất lâu đời trong gia đình truyền thống Việt Nam một sợi dây huyết thống bền vững, trở thành một nét đẹp của nền văn hóa Việt Nam, ý thức giáo dục đạo đức cho trẻ em ngay từ thơ ấu trong gia đình, tạo những điều kiện tốt nhất cho trẻ đồng thời cũng đề ra yêu cầu cho trẻ một cách nghiêm ngặt về lối sống, nếp sống, về ý thức làm người, về nghĩa vụ với cộng đồng v.v... mà nay ta hiểu là luật pháp, là nghĩa vụ của công dân với đất nước.

Kho tàng tục ngữ ca dao vẫn còn nguyên giá trị là một "túi khôn", là tài sản vô giá, là bài học muôn đời, là kinh nghiệm quý báu, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cho tới chúng ta ngày nay.

Hình như người dân Việt Nam từ xa xưa, ít hiểu biết về luật pháp của các triều vua ban hành bởi điều ấy xa vời quá, nhưng lại rất hiểu các luật lệ của cộng đồng, những tập tục của địa phương,

những "gia phong" kế thừa, nên đã có một xã hội an ninh trật tự, trong sạch, kết đoàn, nhân ái, mà chứng cứ là không một cuộc xâm lăng nào của kẻ thù không bị đánh bại, không một thời đại nào không có những nhà trí thức lớn, có thời gian dài bị lệ thuộc mà không bị đồng hóa, không một kẻ ác nào không bị bia miệng sàng lọc.

Câu cửa miệng ai cũng thuộc: "Dạy con từ thuở còn thơ" thì đến những người phụ nữ nghèo không biết chữ như cụ chúng ta, bà chúng ta cũng hiểu, cũng nhớ. Một nhà bác học lớn như Lê Quý Đôn đã được rèn từ lên 5 lên 7. Một Lý Công Uẩn được làm con nuôi nhà tu hành mà lẫy lừng khai sáng triều Lý, một bé gái 10 tuổi Ngọc Hoa theo cha đi đánh giặc v.v...

Những gia đình nền nếp, cha mẹ là tấm gương dũng cảm, cần cù, nhân hậu, tự mình làm tấm gương, tự mình rèn dũa, chăm sóc hàng ngày cho con cái nên người, mà như không cần phải nhờ đến pháp luật can thiệp. Con cái hỗn hào, vô lễ ư, bất hiếu với ông bà ư, chành chọe, tranh giành với anh em, xóm giềng ư? Tất cả đều được răn đe, giảng giải, khuyên bảo, trừng phạt hay trọng thưởng... đều được tiến hành ngay trong gia đình, trong họ tộc, đến làng xóm là cùng, bởi đến cửa quan là quá nghiêm trọng, là vô phúc rồi.

Nhà nghèo, cha mẹ đưa con đến thầy đồ trong làng, câu đầu tiên là: "Xin thầy dăm ba chữ để cháu học làm người", học làm người cho nên người chứ không phải học để đi lấy sang giàu. Người cha khuyên con:

Con ơi nhớ lấy lời cha

Một đêm ăn trộm là ba năm tù

Tính ngay thẳng trung thực được đề cao, được giáo dục từ thơ ấu. Con gà hàng xóm sang đẻ quả trứng rơi, cũng gọi mà trả, chứ

không thể tham lam, bởi những con người nghèo khó nhưng giàu lòng ấy hiểu rằng bây giờ lấy một quả trứng thì sau này có thể ăn trộm con bò.

Không bậc cha mẹ nào không khuyên con:

Cờ bạc là bác thằng Bần

Cửa nhà bán sạch tra chân vào cùm...

Là thằng Bần (cái nghèo) đã khổ, làm bác nó còn khổ hơn nhiều, hơn nữa vào tù để gông cùm là nỗi nhục cho bản thân, cho gia đình gia tộc, vì "nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại" (một ngày tù bằng nghìn năm ở ngoài).

Nếu cá biệt có đứa trẻ nào ngỗ ngược, thì câu ca dao kia, ngày nào cũng vang lên bên tai:

Cá không ăn muối cá ươn

Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư...

ắt mưa lâu cũng thấm, đi mãi khắc tới, ăn mãi cũng no...

Những câu ca: "Thương người như thể thương thân"... "Thấy người hoạn nạn thì thương..." "Bầu ơi thương lấy bí cùng..." hàng ngày vang lên sau luỹ tre xanh, trên đồng muối, nơi thôn xóm, đã góp phần tạo ra một xã hội Việt Nam lành mạnh: Mẹ từ, con hiếu, anh em hòa thuận, làng xóm chan hòa (nay ta gọi là đoàn kết).

Cõ lẽ chỉ có bọn cường hào ỷ thế cậy quyền mới tham lam, ức hiếp người ngay, còn người dân thường, lòng vị tha được đề cao, tình thương yêu được chăm sóc, người không biết chữ, không ra khỏi làng, cả đời, cũng thuộc câu của Khổng Tử "Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân" (điều mình không muốn thì đừng làm với người khác). Có người còn nhắc con cái: "Nấu cơm giúp người thì được

ăn, đánh nhau giúp người thì mang vạ", một câu nói chí lý chí tình, câu nói đến nay vẫn đáng nhắc lại cho lớp trẻ không biết tự kiềm chế, say rượu vào là trở thành tên côn đồ, đâm chém...

Khi một gia đình đã phải nhờ bàn tay Luật pháp can thiệp thì gia đình ấy đã có nguy cơ đổ vỡ, tan nát. Người Việt Nam dù văn hóa thấp cũng hiểu điều đó, bởi "Vô phúc đáo tụng đình", "Tụng đình rình vô phúc". Ông bà cha mẹ nói như tục ngữ "Con có cha như nhà có nóc", mà không thể để tình trạng "giột từ nóc giột xuống". Nên trẻ em hư là hiếm, rất hiếm, bởi bao giờ người lớn cũng tâm niệm là nuôi dạy con cái chứ không chỉ nuôi không, dưỡng dục chứ không chỉ có dưỡng. Công bằng mà nói xã hội Việt Nam xưa có nhiều điều lạc hậu, cần thay đổi, nhưng riêng việc mỗi gia đình giáo dục con cháu thì vẫn còn nhiều điểm chúng ta có thể kế thừa để phát huy. Có cha nghiêm khắc nhưng bên cạnh là mẹ dịu dàng. Luật pháp cứng cỏi và xa xôi nhưng gia đình, gia tộc nằm ngay bên cạnh và uyển chuyển mềm mỏng.

Cho đến nay, tại sao nhiều trẻ em hư và hỏng? Tuy nhiều, nhưng so tỷ lệ số dân thì gia đình Việt Nam có truyền thống, có nền nếp gia phong, có đạo đức, biết cách giáo dục trẻ em... vẫn là phần lớn, nếu không nói là tuyệt đại đa số. Chắc chắn những học sinh đi thi nhạc, toán, lý quốc tế mang giải vàng giải bạc về, không phải sinh ra và giáo dục trong những gia đình lọc lừa dối trá, bất hiếu, bất đễ.

Từ một việc rất nhỏ như vào bữa ăn, con cái phải mời ông bà cha mẹ, mời từ người trên, lần lượt xuống, đều phải có chữ ạ sau câu, một cách ngồi "ăn trông nồi ngồi trông hướng" đến việc chăm chỉ học hành, kính trọng thầy giáo cô giáo, thương yêu giúp đỡ bạn bè, vị tha sẵn sàng làm việc thiện cho chí phải trung thực, không để cha mẹ phải đi "xin điểm", không gian dối, tránh xa cái

ác, không cờ bạc, hút xách... không đàn đúm bê tha mà phải đúng giờ đi, giờ về... tất cả vẫn được nhiều gia đình quan tâm hàng ngày. Thật đáng tiếc, trẻ thơ còn dại dột, thiếu suy nghĩ, chưa thể phân biệt được phải trái theo lý tính, nên có gia đình chỉ lơ là một vài buổi, con cái đã có nguy cơ hư hỏng, như là đánh đùng một cái, mới ngã ngửa người ra... Đó là kinh nghiệm xương máu, khi pháp luật phải can thiệp, khi anh công an đến nhà, khi bà tổ trưởng đến cho biết thì quả là đã muộn. Kinh nghiệm của ông bà ta, pháp luật là ở ngay mọi việc hàng ngày, chứ không cần chờ pháp luật đến gõ cửa. Nước đến chân, đến thắt lưng mới nhảy thì quá muộn, thì ân hận cũng không kịp.

Đương nhiên luật pháp là vô cùng cần thiết để tạo dựng một xã hội văn minh, an toàn, công bằng. Nhưng tuân theo pháp luật không gì bằng tạo ra nếp sống nền nếp ngay trong mỗi gia đình, cha ra cha, mẹ ra mẹ thì nhất định con cái phải ra con cái.

Ai cũng rõ trẻ em là tương lai của gia đình mình, của xã hội, của đất nước. Con cái là hoa thơm quả ngọt, là niềm vinh dự và hạnh phúc cho cha mẹ hay là con cái là tai họa, là quả đắng, là gai độc cho cha mẹ... chính là ở các bậc làm cha mẹ, yếu tố đầu tiên và quyết định chứ không thể nói: Cha mẹ sinh con trời sinh tính như ngày xưa, mà nói như nhà giáo dục học nổi tiếng Xukhômlinki: "Những điều vỡ lòng về đạo đức được lĩnh hội từ thuở ấu thơ" hoặc câu châm ngôn trong Kinh Thánh: Mặt soi mặt trong nước thế nào thì con cái cũng soi thấu gương mặt cha mẹ thế ấy.

Hồn nhà

Trừ một đôi trường hợp ngoại lệ người sống "vô gia cư" thì ai cũng được sinh ra trong một ngôi nhà nào đó, được sống dưới một mái nhà nào đó, có nghĩa sống với một gia đình, như con thuyền được bơi trên biển cả mênh mông tràn ngập yêu thương của tình ruột rà máu mủ.

Vẫn còn một vài dân tộc thiểu số, dân tộc Lá Vàng chẳng hạn, du cư lênh đênh trên dòng thời gian vô định, trong không gian cay đắng, như triệu năm trước kia, cái mái nhà lợp tạm bằng tấm lá rừng, lá cọ hay lá dong, lá gỗ tếch hay lá lau, khi sương gió nhuộm vàng sắc lá, cái diệp lục tàn phai, họ lại phải tay nải, khăn gói lên đường tìm chỗ cắm cây que dựng căn nhà mới, thực chất là mái lều mới, để khi mái lá úa nhầu... lại điệp khúc ra đi. Con người thoát ra khỏi mái hang vách núi, lần ra bờ suối kiếm con ốc con cá, tìm cái hạt cây mùi quả... mái nhà đầu tiên ấy có giống mái cỏ tranh của dân tộc Lá Vàng khốn khó ngày nay?

Trên cõi đời ngắn ngủi, tuổi thọ con người thời dựng Kim Tự Tháp Ai Cập chưa đầy 30 năm, dựng Vạn Lý Trường Thành cũng chỉ 25 hay hơn chút ít, rồi đời Đinh đời Lê của chúng ta, ngoài ba mươi tuổi đã rời bỏ mái nhà ra nghĩa địa, cho đến Trần, Lê, 49 tuổi đã được gọi là bô lão với lễ thọ khao vọng ăn mừng... và nay, thật vui, khi 60, 65, 70... vẫn trai tráng hăng say... có ai không có mái nhà của mình mà nương tựa tháng năm?

Nhà đất, nhà đá đắp của đồng bào Mông, Dao, nhà sàn của người Mường, người Thái, nhà rông của các dân tộc Tây Nguyên, nhà thuyền lênh đênh năm tháng của ngư phủ vạn chài, nhà tường trình của vùng sơn cước Bắc Ninh, Thái Nguyên, nhà xây cao tầng của thành phố, những tháp này tháp nọ, buyn-đinh ngất nghểu với nhôm kính giam con người vào máy lạnh, cho đến những căn nhà thấp tè vùng duyên hải để tránh cái bão bùng tàn nhẫn và phổ biến là những căn nhà tranh vách đất, ba gian hai chái, hay năm gian hai chái, mà cách điệu đi thành mái nhà chung những ngôi đình làng, bảy gian, chín gian, đầu đao cong vút như đỡ lấy mây trời cho con người gần với mây bay... Ta quen thuộc với mái nhà như hơi thở hàng ngày, như máu thịt trong ta, bởi ta được sinh ra trong đó, mẹ cha ta ở đó, ta lớn lên trong đó, mà nơi nào có hơi thở của con người là lập tức nơi ấy có mái nhà, dù là cái túp cong cong như trên vó bè, dù là một mái vẩy ra, lơ xơ hiên rạ nơi đầu làng mới mở, đến nay những mái bằng "một thò hai thụt", sân thượng, hàng hiên, tường hoa, gạch lá nem hay gạch men trơn tuột...

Cô Kiều di cư đến Việt Nam, không còn là cô gái đài trang Trung Hoa với lầu son gác tía, mà Kim Trọng đi tìm chỉ thấy vách đất tả tơi, với:

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa

Song trăng quạnh quẽ vách mưa rã rời...

làm gì có cảnh "nứt đố đổ vách", dù chỉ là vách trát bằng bùn ngấu ao quê, che những thanh buộc lạt dấu tay còn hằn lồi lõm, vài ba năm mới được phủ một lần áo vôi trắng đơn sơ...

Cao Bá Quát ngang tàng, ông thầy giáo hay chữ, chiếm hai bồ của cả thiên hạ, mà cái nhà của ông chỉ là:

Nhà rách ba gian, một thầy một cô, một chó cái

(vế đối thứ hai là: *Học trò dăm đứa, nửa người nửa ngợm, nửa đười ươi.* - Câu đối của họ Cao).

Nông thôn Việt Nam (ở đây nói chủ yếu miền đồng bằng Bắc Bộ) vài chục năm trở lại đây, đã ngói hóa đến 99 phần trăm, chứng tỏ đời sống đã khá lên, một phần cũng đỡ phải lo cái lợp vì giống lúa mới, rạ quá ngắn, lá gồi không phải dễ mua. Những căn nhà tranh dân dã, cổ xưa, mộc mạc, ân tình, từng có người đàn bà sinh ra một Đinh Bộ Lĩnh, một Lý Công Uẩn, một Hồ Chí Minh... đã thành một phần tâm hồn người Việt.

Có một lần nhà văn Huy Phương kể cho tôi nghe cái cốt một truyện ngắn mà ông định viết (sau ông đã viết và đã in) rằng có bà mẹ lên tỉnh thăm con, mang theo món quà quê là mấy con cua. Người con làm chức to to, để mẹ ngủ trong phòng máy lạnh run người. Nhìn mấy con cua đã chết cóng, nghĩ đến cái lạnh giá của tình người, bà đã run sợ, nâng mấy con cua chết rét, vội vã về quê ngay, nơi bà có mái tranh nghèo nhưng ấm áp...

Căn nhà tranh Việt Nam, ẩn mình trong luỹ tre, có hàng cau, hàng dừa tỏa bóng, có rặng chuối sau nhà che mưa gió thu đông... nơi bé thơ ta, đóng những viên hạt trám xuống nền nhà thành những bông hoa, hàng chữ, trời sao... nơi ta đẽo cột tre làm cái hõng để dành tiền, chỗ chân tường có mùn giun, có con cóc nghiến răng đớp muỗi những đêm hè, có cái góc đầy bí ẩn trong buồng thăm thẳm nơi ta cất giấu kho tàng quý báu của ta là cái nút chai, cái mảnh sành, viên bi, hạt gấc... mà hàng hũ đựng vừng, hàng lọ đựng muối, hàng chai đựng đỗ xanh của bà của mẹ... biết nhưng không nói...

Trưa im, con gà trống hoa cao hứng báo ngọ, mẹ mái mơ te tái khoe quả trứng tròn, một sinh linh mới ra đời nửa chừng,

nhưng với mẹ gà vẫn là hoàn thiện... Còn mẹ ta, đi làm đồng về, ngả cái nón mê ra mà quạt lấy quạt để, xua đi cái nung nấu của trời hè tàn khốc, chứ làm gì ra quạt điện vù vù...

Những trưa im như thế nhiều lắm, xếp đầy một đời ta không hết. Chiếc võng đay như nửa cầu vồng lật ngửa, mắc từ cột bên gian này sang cột gian bên kia, không cần guốc võng đẽo bằng gộc tre, cũng chẳng có cái vòng tròn chôn vào tường như nhà xây hiện nay, chỉ có một chiếc que gỗ nơi cổ võng, vậy mà tiếng ru cất lên vời vợi, đón cơn mưa, đợi cánh cò, mời cái ngủ về tha thiết, lim dim, mơ màng, cả căn nhà cũng thiu thiu theo... Chị gái ta ngủ dậy, còn hằn những hình quả trám trên cái lưng thon, như hình chạm khắc trên đồ gốm thời Trần thời Lý đào được, để trong viện Bảo tàng. Làm gì có giày có dép, nhưng đất mát lạnh gan chân cho hồn quê thấm tận đỉnh đầu, chị soi gương vấn tóc, trong gương có cả bóng chiếc cột gỗ xoan không mọt, có cả bức vách dán tấm tranh bờ hồ xanh đỏ mà các họa sĩ thường chê, nhưng nhà ai chả có... Nhà tranh của mẹ con ta, chị em ta có thật ở ngoài đời, ở trong bóng, ở trong hồn.

Mặc ai ăn cơm quanh bàn, ăn bằng đĩa bằng thìa để vẽ những bức tranh không thể hiểu, hoặc làm ra những bài thơ lục cục gồ ghề, khấp khểnh, những bản nhạc điên cuồng chối tai... còn ta, chiếc chiếu trải xuống đầu hè, chiếc mâm đã mẻ, bát canh cua thiên lý với quả cà nén mặn... căn nhà chứng kiến đời ta lớn lên, tóc xém nắng, nhưng bắp săn gân, ta biết câu ca dao:

Đêm nằm lưng chẳng dính giường

Mong cho chóng sáng, ra đường gặp em

Những câu ca dao đằm thắm say sưa, những điệu lý huê tình con sáo sang sông, những hồi trống đình thúc giục, những hương hoa mộc, hoa ngâu, hoa móng rồng thơm ngát chiều hôm... mà cái

giường tre ấy, cái chõng che kia, chiếc phản long đinh, đã góp mình cùng non nước, biết đâu hai cô bé họ Trưng thuở nhỏ đã từng nằm mà nghêu ngao, chàng lực điền Ngô Quyền sau lúc cầm sừng hai con trâu húc nhau, đẩy bật cả hai ra, về nhà, gác chân chữ ngũ, chờ ăn củ khoai lang... trước khi nghĩ ra chuyện đóng cọc Bạch Đằng đánh tan quân Nam Hán...

Những căn nhà tranh, có lẽ lúc đầu toàn lợp bằng thứ cỏ tranh cứa đứt da tay, sau mới lợp rạ, rồi đến lợp lá gồi, lá mía, lá lau... đều mang tên nhà Tranh, hay nhà Gianh như lớp người già, lùi vào dĩ vãng vì làm xong nhiệm vụ, nhường chỗ cho lớp cháu con ngày nay to cao bền chắc bằng vật liệu mới. Hồn nhà được bàn giao cho nhau trong hồn người như thế nào; ta không thể nghe nhưng vẫn cảm nhận như một tình yêu chan chứa, như một ân huệ nghìn đời, khi giữa nhà, chỗ long trọng nhất, cao sạch nhất, là bàn thờ đầy vẻ linh thiêng, u huyền nhang nến, có hương hồn của cha ông bất diệt... mẹ ta hiện về từng đêm, cha ta phảng phất lời răn dạy, cả chị gái ta bạc mệnh non yểu một đời cũng vẫn còn tâm sự...

Chiều hè nào trải chiếu ra sân ngắm con trăng treo đầu ngọn tre, nghe tiếng gió thổi cây vĩ cầm không gian vi vút... nhà tranh mà thiếu cái mái hiên là thất sách, là không được. Cha đi cày về, quẳng cái điếu cày và mảnh vải mưa xuống mảnh tường hoa lan can xây gạch, mẹ đi chợ về, đặt đôi quang gánh có mớ rau lang, chiếc bánh đa ở đấy rồi mới bước vào nhà... Hàng hiên là trạm nghỉ chân, là tiền sảnh của những lâu đài nguy nga nơi nào đó, là chỗ ông nội ta bước ra, đứng chắp tay chờ khách quý từ xa đến thăm, là chỗ cho con chó nằm giữ nhà suốt đêm cho cả nhà ta yên giấc.

Đêm giao thừa nào, ổ rơm được rải kín một góc nhà, mấy chị em ta rúc rích trong hương thơm của tóc bồ kết hay nước lá mùi

già, trong ngạt ngào đèn nến... căn nhà ta có nơi nào sánh được, dù cho cả thế gian này vàng son hay nhung gấm gọi mời.

Ngày hè nào cơn bão quét qua làng, căn nhà ta thành nơi an toàn như núi đá, như cung điện, như ta thơ ấu u ơ mà căn nhà chính là đôi cánh tay che chở của mẹ cha lam lũ...

Trái đất bao nhiêu tuổi? Con người bao nhiêu tuổi? Căn nhà ta chắc cũng có số tuổi gần bằng.

Đêm lửa đượm rượu cần, nhà chứng kiến. Bữa tiệc cưới cô ta, dì ta, chị ta đi lấy chồng, nhà chứng kiến. Hôm ông ta mất, chiếc quan tài còn nằm nán lại một ngày nơi gian giữa... nhà đưa tiễn. Ngày cả nhà họp mặt để bàn xem có nên cho anh trai cả ta đi xa, nhà cũng góp lời trong cái không khí trang nghiêm trịnh trọng. Mẹ lau nước mắt, cha rít thuốc lào, em gái sụt sùi... nhà biết cả, trong tiếng con thạch sùng tặc lưỡi, trong tiếng chuột rúc trong buồng, trong nhang khói bàn thờ im lặng.

Thật hạnh phúc khi ta có một mái nhà để lớn lên, để thương, để nhớ, để biết ơn, để có thể trở về sau bao gian truân cần được an ủi... Hàng triệu ngôi nhà, căn nhà như thế, chưa phải là lâu đài, biệt thự, còn thiếu những tượng sơn, tranh vẽ, còn thiếu những đệm gấm chăn hoa, nhưng hồn nhà và hồn ta, ai thành nhau, hồn nhà thành hồn ta hòa quyện với hồn nhà... mỗi lòng ta biết chứ.

Cầu mong cho ai ai cũng có một mái nhà như thế để cuộc đời này tràn ngập thương yêu.

1998

Con sông lênh láng

Trên đời này có thứ nào có mặt khắp mọi nơi mọi lúc như nó. Lưu lượng của các dòng sông lớn từ Trường Giang, Đa Nuýp, sông Nin, Mit-xi-xi-pi, Hằng Hà cho đến Cửu Long, Hồng Hà của chúng ta, liệu so với sức chảy của nó thì chưa biết mèo nào cắn mỉu nào. Và trên bao la cao thẳm đêm sao, con sông Bạc, sông Sữa, sông Ngân kia nữa, có so được với thứ làm con người lảo đảo, mê tơi, hưng phấn, vui và buồn, sảng khoái và u mê, hoan lạc và tội lỗi, di chứng tâm thần cho con cái... như thứ gọi là rượu này?

Kể từ thời Hy Lạp cổ đại, tình cờ hái nho về, quên cất giữ, mấy hôm sau, ăn quả nho cay cay ấy thấy có cái gì là lạ xuất hiện trên đầu lưỡi và trong cơ thể, làm con người ngây ngất... người ta bỗng phát minh ra ông thần Đi-ô-ni-dốt, con ma men gọi là rượu nho, thì rượu đã đồng hành với loài người, như từng có chiến tranh đồng hành cùng nhân loại dã man tàn bạo.

Riêng Việt Nam không phải là Hy Lạp, không có nho, nhưng có câu "Vô tửu bất thành lễ", đã khai sinh ra có lẽ từ xa xôi vời vợi biết đâu có trước cả bánh chưng bánh dày của Phong Châu xanh lá cọ?

Rượu nho nguyên chất (và bánh mỳ tinh khiết) đã thành máu và thịt chúa Giê su. Với ta, trong cái rổ con bà nạ dòng cắp bên sườn đi ra nghĩa địa, khi chiếc quan tài được hạ huyệt, thì chiếc

mâm cũng được ngả ra trước cái bệ gạch thờ thổ thần thổ địa, có khi chỉ là trên bãi cỏ úa vàng xơ xác, đĩa xôi và nậm rượu, hay cút rượu chắc đã làm lướt khướt ông Nam Tào Bắc Đẩu, ông thần cầm bút ghi tên người không còn kiếp người ấy… Rượu đem cái ma lực của mình đưa người vào cõi hư vô, thần tiên hay địa ngục, nào ai biết, nhưng người còn sống yên tâm, rượu đã làm xong bổn phận của nó, cái chất cay mà ngọt lừ, mềm môi tì tì uống mãi, cái chất làm tỉnh táo và mê muội, phá tan gan ruột con người vô độ…

Nó được đựng trong thùng, trong chum trong chai to cút nhỏ, chai vuông chai tròn, chai dài chai dẹt, trong bong bóng con trâu, trong cái bụng phủ áo dài cô gái đồng trinh đi qua dinh ông Nghè, trong be sành, chén sứ, trong thủy tinh xanh hay trắng, trong vò gốm chôn dưới đất hay dúi lậu xuống dưới đất chuồng trâu, trong cái nách chàng Chiêu Lỳ Phạm Thái xuống âm phủ cũng không rời, có lẽ Diêm Vương cũng phát thèm mà tha tội khi chàng khai rằng:

Sống ở dương gian đánh chén nhè
Chết về âm phủ cắp kè kè
Diêm Vương phán hỏi rằng chi đó?

- Be.

Nó làm bằng gì mà ghê gớm vậy nhỉ? Men lá rừng, ngô khoai hay sắn cũng được, gạo tẻ thì hay hơn, gạo nếp càng hay nữa, gạo cẩm lại "tuyệt cú mèo" thêm một bậc. Nó được ngâm thêm chục trứng gà, hạ thổ trăm ngày cho gái đẻ, ngâm ba con rắn, cho chàng nào cần bồi bổ khí huyết, thêm con cá ngựa, con tắc kè để tráng dương cường lực, hoặc thang thuốc bắc cho tuổi già, ít sâm nhung, quế phụ cho lão bền ích khí.

Gần đây nó còn được làm bằng các loại quả như dâu, mơ, táo, quả sơn tra, dứa… cũng làm ngây ngất khối người.

Nó có mặt những lúc nào nhỉ?

Khi vui: rượu. Khi buồn: rượu. Đám cưới không thể thiếu nó, thì đám tang cũng cần có nó. Lúc họp mặt đông đủ bạn bè hay khi cô đơn một mình: nâng chén. Đêm hợp cẩn hồng đôi má cô dâu: rượu. Vừa chia tay "anh đi đường anh, tôi đi đường tôi", cái giường chông chênh, trống chếnh: Rượu ơi, hãy đến cùng ta. Đón bạn quý, tiễn khách sang đối ẩm hay li bôi, rượu chia vui sẻ buồn. Đêm Tỳ Bà canh khuya đưa khách, lúc Từ Hải sum vầy, có thể nào thiếu cái say tàng tàng dơ dở. Nguyễn Khuyến Tam Nguyên, ông Nghè Yên Đổ bảo:

Rượu ngon không có bạn hiền

Không mua không phải không tiền không mua...

Câu thơ bất hủ, câu thơ tuyệt cú về cái chất chết người ấy, chắc ngõ trúc quanh co kia đã la đà không ít, nhưng trong nhà thờ cụ Nguyễn, có tấm ảnh cụ nâng chén một mình, khăn đóng áo dài nhưng tay nâng hạt mít, chắc còn dư hương sóng sánh...

Con người mất sớm năm 37 nói phách rằng: "Rượu cúc nhắn đem hàng bánh quẩy..." trong khi ông Tú-không-thịt phải ăn Tết bằng món mứt rận, thì ông Tú chắc là ực cái yết hầu cho nguôi nhớ thứ Hoàng Hoa tửu trong tưởng tượng, rồi hít hà suông tự đánh lừa mình.

Nhà thơ tìm cảm hứng: rượu. Ngư phủ ngoài biển cần dũng cảm: rượu. Đến Thâm Tâm, nhà thơ cách mạng còn phải cảm khái trong bài Hành gọi là Can Trường để lấy dũng khí can trường.

Thà với mãng phu ngoài bến nước

Uống dăm chén rượu quăng tay thước

Cái sống ngang tàng quen bốc men...

Bà nội tướng già rót chén rượu thuốc cho chồng, ông nội cao hứng ép thằng cháu đích tôn 5 tuổi nhấp với ông một tí, phòng Bar khách sạn sang trọng, với những chiếc ghế cao lênh khênh: rượu. Quán nước trà chén 5 xu bên vỉa hè ngã tư (nay là trà hai trăm một chén), cũng tràn ngập "nước mưa", để gặp nhau, để chia tay, để bàn chuyện làm ăn, để giết thì giờ, để chờ một ai đó hoặc có khi chỉ là để chẳng làm một việc gì, nhưng ngồi không thì không chịu được, thế là: "Bà ơi, rót cho xin một chén..."

Từng có những cái quán không biển hàng, không quảng cáo, ăn sâu vào một ngõ nhỏ tuềnh toàng, nhưng "ẩm khách" thì quen thuộc, cả tài tử thi nhân, tao nhân mặc khách, thành danh và tập sự... những Nguyễn Tuân, Hoàng Trung Thông, Mai Văn Hiến, Văn Cao, Hoàng Tích Linh... cho đến một Thành ngỗng, một Thành còm, một Thụ lắp...

Nhà thơ Tạ Vũ có bình rượu rắn, mới ngâm một hôm đã nghiêng bình, uống cạn. Vợ đi vắng quên đổ tiếp, rắn nổi phềnh, thế là rắn thối, đổ đi mà ngơ ngẩn tiếc, chỉ vì thèm không chịu được. Còn nhà thơ Trịnh Thanh Sơn thì say "rót biển vào chai", bài thơ khá hay về cái cô đơn của con người trước biển, nhưng nhớ nhất là rượu hết mà say không biết...

Ngày nay giao lưu bốn bể, rượu trong, rượu xanh xanh đỏ đỏ, nâu nâu... tràn lan, dán tem và chẳng dán nổi tem, vẫn cứ ào ào như suối. Tiếp nhau, "trăm phần trăm", "dô dô", chạm cốc, cụng li. Đi đến Huế hay đến Sài gòn, Cà Mau (là để nói uống một nửa hay ực một hơi đến đáy rồi úp cốc xuống) hoặc uống chuyền, cả hội một vài ba can nhựa, nhưng chỉ một cái cốc, chuyền tay, luân phiên, ít mồi hay nhiều mồi, rắn rết hay thịt cá, chim trời hay ba ba lội bùn... bất chấp.

Vui hay buồn, đông hoặc vắng, sum họp hay chia tay, bất cứ cớ gì cũng làm cho cái nút liège, nút nhựa, nút sắt, nút lá chuối khô,

nút gỗ, nút chằng dây thép, nút mở bằng xoắn ruột gà (tire bouchon) được dùng đến, được mở ra, được bật lên, được quăng đi...

Một thời, nước Ăng Lê có lệ phát lương vào chiều thứ bảy, đã sinh ra khá nhiều trẻ em nửa người nửa ngợm vì các ông bố lĩnh lương say rượu rồi chân nam đá chân chiêu về nhà, vào buồng... tạo ra di họa, và người ta gọi những đứa trẻ đó là đứa con của chiều thứ bảy. Ở nước ta, không ít gia đình có những ông bố lúc nào cũng bí tỉ, đẻ sòn sòn, trong số trẻ con ấy có mấy đứa ngớ ngẩn, tâm thần, kém phát triển trí tuệ, là gánh nặng cho gia đình và xã hội một đời dài.

Ít lâu nay có thành ngữ: "Trẻ uống trà, già tập thể dục". Đó là chuyện ngược đời. Nhưng gần đây, trẻ ít uống trà rồi, mà thay bằng rượu. Vui hơn chăng hay nguy hiểm hơn nhiều? Nghịch lý vì sự buông thả, buông tuồng, quá trớn, nếu không nói là suy đồi, hậu họa cho thế hệ sau khó mà lường hết.

Đã lùi vào quá khứ danh từ "Cuốc lủi" để chỉ thứ rượu lậu, rượu ngang, đối xứng với quốc doanh, mà có người dịch ra tiếng nước ngoài phải nói dài thành: "thứ rượu không được phép, gặp công an, chạy tụt cả dép..." Rượu nay nấu công khai, cán bộ xã cũng có thể nấu công khai tại gia, uống không hết thì bán cho hàng xóm. Có làng đựng rượu vào săm ô tô chở về thành phố, yết biển đàng hoàng. Không còn cảnh Tây Đoan đi bắt rượu lậu, không còn công an xã đi bắt tang vật nào nồi, nào chõ, nào "ống dẫn"... thế là người nấu, người uống cứ tha hồ mà xả láng, lảo đảo, say sưa, mê cuồng, loạn đả, máu chảy, người gục, tan nhà nát cửa, li dị, đánh vợ, đốt nhà...

Bia thực chất cũng là một thứ rượu nhẹ, có độ cồn đủ say. Nhà máy bia đã mở đến nhiều cấp huyện, có lẽ cứ đà này sẽ về đến cấp xã. Hoan hô toàn dân uống bia cho say đứ đừ, vì khốn khổ

chưa, lãi về khoản này nhiều lắm, ngân sách thêm khơ khớ, chỉ không cần biết đến cảnh bét nhè, lái xe say, sinh viên xỉn, cán bộ ngất ngư và chắc chắn nhiều trẻ em "bất thành nhân" sẽ ra đời.

Thần rượu nho Đi-ô-ni-dốt, Máu chúa, lễ thổ thần, kể cả các thần khách sạn, thần vỉa hè quán cóc... đã tự nhân mình lên như đầu Phạm Nhan, như thứ "Ruồi dấm" chỉ mấy ngày đã sinh ra mấy thế hệ con cháu chút chít (nên nó được đưa lên tàu vũ trụ để nghiên cứu).

Người đàn ông nào bị coi là "Kỳ vô phong" (cờ không gió) hình như bị đời nhìn bằng con mắt khác. Đó là những anh chàng khờ dại, sao không hòa mình vào con sông rượu tràn trề, lênh láng, lũ quét hồng thủy hiện nay? Sao không nhập mình vào đó mà lại làm như Khuất Nguyên cổ đại "Nước trong thì ta giặt dải mũ, nước đục thì ta rửa chân", để vừa không được say sưa nghiêng đình đổ quán, vừa bị dè bỉu dưới ánh mắt ngang tàng đỏ xọng của những con người yêng hùng loạng choạng, nhìn trái đất thành hai ba trái đất cho sướng?

Có lẽ chỉ có ông quan tòa trước khi tuyên án mới không uống rượu. Thật thương cho ông. Tửu nhập ngôn xuất, giá mà ông nhấp ít tửu thì không hiểu ngôn ông xuất sẽ thế nào, giống như anh lái xe nhập ít tửu, rồi xuất luôn cả xe ra khỏi mặt đường, chết vài ba chục mạng và cả cái mạng anh ta khi tửu chưa kịp bốc hơi hết.

Nên như thế nào, chả lẽ lại hô: Rượu lênh láng muôn năm.

Chuyện thường ngày

Từ kinh tế hái lượm, thương mại đã hình thành một cách manh nha như cái mầm tí tẹo, khi con người trao đổi cho nhau chiếc vỏ sò vỏ ốc, cái hạt cây hòn sỏi... cho đến chiếc vòng đeo thô sơ bằng đá...

Trong lịch sử, đã có rất nhiều giai đoạn thương mại bị coi thường, thậm chí bị đè nén, đó là chính sách trọng nông ức thương, hoặc trọng công ức thương, tàn dư của nó còn có sự sắp xếp thứ tự trong thành ngữ "Sĩ. nông, công, thương", mà trò múa rối của dân gian còn dựng cả một lớp kịch gọi là trò Tứ Dân. Chưa xa, người đi buôn để kiếm sống qua ngày, chưa hẳn đã là những nhà buôn lớn, mà chỉ là người góp phần lưu thông, trao đổi vặt vãnh nhưng cũng bị coi khinh, gọi là "con buôn".

Có lẽ cũng có lý do của những cái "quá độ" ấy. Một xã hội được dựng lên và tồn tại trên cơ sở, trên cái nền đạo đức Quân, Sư, Phụ, cái nền của đạo Nho, của tôn ti trật tự bất dịch, cần sự lao động cần cù và nghĩa lý trung thực, thẳng thắn, thực thà v.v... thì con mắt nhìn những ai làm thương mại, nhìn nền thương mại, thấy rõ những mặt trái của nó, nào giả dối, nào lường gạt, nào mánh khóe, nào không tình không nghĩa vì tất cả nhẹ hơn đồng tiền, nào cá lớn nuốt cá bé, tiêu diệt nhau kiểu "dỡ nhà hàng xóm về làm bếp của mình"... rồi sau đó, kẻ có tiền như Nguyễn Du nói:

Trong tay sẵn có đồng tiền
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì...

đâm ra khinh thế ngạo vật, coi người khác bằng nửa con mắt khi "nén bạc đâm toạc tờ giấy", khi cảm nhận được mình là kẻ: "Có tiền mua tiên cũng được"... kể từ địa vị xã hội, quan tước, danh giá đến mua chữ của mấy ông đồ nghèo đến nhà mình bán chữ cho lũ trẻ (không cần biết lũ trẻ này dốt nát hay thông minh).

Một xã hội nghèo như nhau, khổ như nhau, nói cách khác, cái nghèo khổ được chia đều bình quân theo đầu người, mà kẻ trí giả trong đó anh khóa, ông đồ, cậu tú... là đại diện, lại có những kẻ "lường thưng tráo đấu", chỉ vì nhiều thủ đoạn mà được "ngồi mát ăn bát vàng", mà nhởn nhơ nhung lụa, thì xã hội sống bằng rau cỏ ấy, không chấp nhận người làm thương mại cũng là có lý của nó.

Khi mà "phi thương bất phú", khi mà Tết đến người ta chúc nhau Nhất bản vạn lợi (một vốn được một vạn lần lãi), và cay đắng như ông Tú hay chữ nổi tiếng, bất đắc chí, nghèo rớt mùng tơi, Tết đến, mất trộm hết, phải ăn món mứt rận, thứ mứt lạc ủ bằng cái áo bông cũ toàn rận kềnh, rận con, nóng, chúng bò ra đen cả mâm mứt, và nghèo đến nỗi giữa mùa hè vẫn cứ phải mặc cái áo đụp, áo mền che cho những thứ mụn vá ở bên trong rằng:

Bức sốt cho mình vẫn áo bông
Tưởng rằng sốt rét, hóa ra không
Một tuồng rách rưới con như bố
Ba chữ nghêu ngao vợ chán chồng...

(Tú Xương)

thì quả là nghịch lý, khi trong đầu chữ nghĩa có thừa, nhưng ngoài đời, cái nghèo như sợi thòng lọng oan nghiệt, và cũng nghịch lý

thay, chính thi sĩ bất hủ này cũng phải tự thú nhận, khi viết về nguồn sống của mình, khi đành để người phụ nữ tảo tần mưa nắng quanh năm nơi đầu mom cuối bãi, nơi quán chợ ven sông, chứ bài thơ, con chữ không làm ra đồng tiền nào cả:

Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi đủ năm con với một chồng…

Những bài thơ lừng danh của ông Tú Vị Xuyên, chàng thi sĩ yểu mệnh năm ba mươi bảy tuổi, chắc chắn là do công lao của người đàn bà đảm đang ấy góp nên, lẽ nào chúng ta khinh thị gọi bà Tú Xương như thế là "con buôn"?

Ngày nay, một thời đại mới đã mở ra. Nhất là mươi năm nay, có lẽ quan điểm cũ đã bị phủ nhận một phần, bởi lẽ nhỡn tiền, là cuộc sống của hàng triệu người hàng ngày, đều có quan hệ đến công việc thương mại. Thử xem, nhỏ như một hạt muối (xin đừng dùng muối thường mà hãy dùng muối i-ốt), que diêm, to lớn như những nghìn tấn máy móc ở một chân trời xa xôi lăng lắc nào mua về… xoàng như một cái kim, sang như lọ nước hoa đắt tiền của (theo lời quảng cáo) những ngôi sao thế giới… thứ cho trẻ nhỏ như cái bút chì, thứ cho ông già như cái khăn quàng ấm cổ… nếu không có người làm thương mại, không có nền thương mại từ vĩ mô đến vi mô (là nói theo thời thượng), nói cách khác là từ chị gánh hàng rong mớ rau, cái tăm đến cả một ngành toàn quốc… thì con người phải chăng phải lùi về thời kỳ hái lượm, tự cung tự túc để tự lo. Chợt nhớ có lúc nhà văn Sao Mai một nhà tiểu thuyết khá nổi tiếng, bỏ thành phố, đi khai hoang, lên vùng sơn cước, ông tăng gia sản xuất được khá nhiều thứ đến dư thừa, nhưng lại thiếu quá nhiều thứ đến kinh khủng. Trồng được cà phê, củi rừng tha hồ đun, tha hồ rang, nhưng không có đường, ông phải uống cà phê bằng cách uống một ngụm cà phê đắng rồi nhai một khẩu

mía mà chiêu cái đắng đi. Mít và chuối để thối, mang cho lợn ăn không hết, nhưng không có vải mặc, phải quấn mấy tầu lá cọ bên bếp lửa. Con cái sốt rét không có thuốc, mang di chứng…

Nói vậy để thấy chuyện thương mại là chuyện đời thường, chuyện hàng ngày, trực tiếp ảnh hưởng đến từng con người, từng số mệnh, tính mệnh con người. Tôi viết dòng này, bạn là người đọc dòng này, có thể nào không ăn cơm, không đi đôi dép, không mặc chiếc áo, không mua quyển vở cho con… thương mại cả đấy chứ đâu. Thương không còn bị ức nữa, mừng chứ.

Tuy nhiên, xã hội phát triển, đời sống mỗi người cũng phát triển, nền thương mại phát triển theo, đó chính là kinh tế thị trường thể hiện ra mọi mặt.

Chỉ có điều, người ta vì trọng buôn bán, trọng lợi nhuận hơi quá mức, nên có lúc người ta đa ngôn, đến độ lòe bịp, gọi người mua hàng là Thượng đế, để vắt kiệt sữa của con bò sữa ấy một cách khôn khéo.

Nhan nhản những lời quảng cáo, mà lời nói và việc làm không đi đôi với nhau. Những tiếng Tây xí xộ được đem dùng tràn lan, cứ như toàn bộ dân tộc này đều là các nhà tiến sĩ ngôn ngữ, lầu thông dăm thứ tiếng nước ngoài, mà quên rằng đến 80 phần trăm dân còn đang sống túng thiếu ở nông thôn, mới đọc bằng cách đánh vần ê a mấy dòng chữ quốc ngữ một cách vất vả, chúng ta còn đang phải phát động phong trào "xóa đói giảm nghèo" chứ chưa phải ai cũng đều đã được dùng nước hoa xịt phòng (và xin lỗi bạn đọc) ngồi hố xí bằng sứ của Ý Đại Lợi…

Những siêu thị mở ra, được lắm, ai có đủ tiền thì cứ vào cái máy chém này, ngửa cổ ra cho nó chém, còn ai không thích thì cứ đến chợ xanh, chợ quê mái lá, không sao cả. Nhưng cứ phân vân

một điều, xưa nay đi chợ, ai cũng đề phòng kẻ cắp, nay vào siêu thị, trước hết cái chợ ấy đề phòng mình (tức khách hàng, tức thượng đế) là quân kẻ cắp. Bằng chứng là có túi, có giỏ, có cặp... phải để, phải gửi ở ngoài, không được đem theo vào quầy hàng, sợ siêu thị bị ăn cắp, nhét hàng vào đó. Đây có phải là danh dự người đi mua hàng bị xúc phạm không? Sao không tăng cường bảo vệ bằng cách khác như tăng thêm người, tăng máy tự động ghi hình? Chả lẽ ai vào siêu thị cũng chỉ nhăm nhăm ăn cắp cả sao?

Thương nghiệp đã có số tuổi gần bằng tuổi nhân loại. Nhưng thương nghiệp, thương mại mới thì còn non trẻ lắm. Trẻ thì phải học là lẽ đương nhiên, nhưng học cái gì, học như thế nào cũng đáng để chúng ta suy ngẫm. Không phải cái gì mới cũng hay, cũng như không phải cái gì hay cũng mới. Một dân tộc phải đứng vững trên hai chân của mình, phải xây dựng trên cái nền tâm hồn của mình, mà trước hết là ngôn ngữ, tập quán, hoàn cảnh kinh tế.

Nhìn vào đời sống một số thành phố, thị xã, thật vui mừng không còn người mặc áo vá ra đường, không ai còn phải áo đụp áo bông giữa mùa hè như ông Tú Xương, không ai còn phải uống cà phê bằng cách ăn kèm khẩu mía... một phần cũng là nhờ ở thương mại phát triển (đương nhiên còn nhờ ở nhiều lĩnh vực khác to lớn nữa). Nhưng nói thế nào là thương mại cũng phải coi trọng tính chất dân tộc, văn hóa dân tộc, coi trọng người dân bình thường, tức là quảng đại người dân chưa nhiều tiền, chưa rủng rỉnh, chưa thể uống rượu giá hàng năm công lao động một chai, chưa phải đã dám dùng nước hoa, thứ nước thơm hắc quá mức thì đúng hơn, giá bằng hàng tấn phân chuồng đem bón lúa... Thương mại không phải chỉ là buôn bán đơn thuần, cái gì bên Tây sản xuất cũng nhập, cũng buôn, tiếng nước nào cũng bắt chước mà nói, dù còn ngọng cả tiếng mẹ đẻ... Mận Tam Hoa, muỗm Mộc Châu còn để thối vì không có cách nào tiêu thụ, nhưng người ta

nhập vong mạng quít, táo, lê của nước ngoài... Lãi hơn chăng? Không biết. Mà đó chỉ là một ví dụ nhỏ.

Có cung thì phải có cầu. Cân đối là lý tưởng rồi. Nhưng xem ra vì một sự cạnh tranh vô tổ chức, cung và cầu đang có lúc vênh nhau. Miền núi cầu muối nhưng cung chưa đủ. Thành phố cung rượu ngoại vượt quá cầu. Đã có một số siêu thị (tiếng Tây là gì gì đó) phải tự dẹp bỏ, tự sập tiệm vì không đúng hướng, vì không nắm bắt được nhu cầu của người tiêu dùng, cũng là một bài học cho ai làm thương mại.

Thời kỳ dùng vỏ sò vỏ hến làm đồng tiền trao đổi đã qua lâu lắm rồi. Nay tiền kiếm được là mồ hôi nước mắt, là công sức trên đồng ruộng, trong nhà máy, trên bàn viết, trong phòng thí nghiệm, trong giảng đường (chữ nghĩa cùng đã có phần thương mại hóa) thì tiền đâu có phải là vỏ sò xúc được ở bãi sông. Người tiêu dùng có bị đi tàu bay giấy lên mây xanh là thượng đế, cũng không thể vứt tiền qua cửa sổ, đương nhiên trừ trường hợp bị lừa, bị mua phải hàng giả, bị là nạn nhân của gian lận thương mại... đó cũng là chuyện thường ngày ở khắp mọi nơi...

Và như vậy, thương mại của kinh tế thị trường là tự do cạnh tranh, nhưng không thể thiếu được định hướng, không thể không có vai trò chủ đạo của thương mại Nhà nước, thương mại vĩ mô...

1998

Quà Hà Nội và người Hà Nội ăn quà

Loại trừ một vài trường hợp như quà Tết, quà biếu, quà cưới... quà mang một nghĩa khác, còn thông thường quà có nghĩa là một món ăn phụ, ăn cho vui, cho ngon, cho thích... chứ không phải món ăn cho no như hai bữa chính mỗi ngày.

Những thành phố càng lớn thì càng có nhiều hàng quà. Những nơi càng thanh lịch thì càng có nhiều món quà ngon, đầy hấp dẫn, có khi vượt ra cả một địa phương mà trở thành nổi tiếng trong cả nước, tượng trưng cho cả một vùng.

Tôi chưa được ăn nhiều món quà của Huế, thành phố Hồ Chí Minh và các vùng khác, nghe nói có nhiều món rất ngon rất lạ. Riêng quà Hà Nội thì tôi đã thưởng thức tạm gọi là nhiều.

Từ lâu rồi, Hà Nội vẫn nổi tiếng là có nhiều quà ngon, ít nơi sánh kịp. Không phải vì quá yêu thành phố của mình mà tôi thiên lệch, địa phương chủ nghĩa, nhưng từ lâu, dư luận chung và các tác phẩm văn chương, báo chí đã công nhận điều đó. Đương nhiên, Huế cũng như thành phố Hồ Chí Minh cùng nhiều nơi khác đều có quà ngon của mình như bánh bột lọc bao tôm... bánh bèo Huế, chả giò Sài Gòn (món này ra đến Hà Nội lại mang tên Nem Rán, được ghi vào từ điển Larousse), thịt bò bảy món, mì

Quảng, bánh canh Đà Nẵng, bánh đậu xanh Hải Dương, bánh cuốn Lạng Sơn v.v...

Những Nguyễn Tuân, Thạch Lam, Vũ Bằng... đã có những trang sách chan chứa yêu mến và tâm hồn say đắm về nhiều món quà Hà Nội như nét văn hóa đáng trân trọng, bảo tồn, như giò lụa, phở, bún chả, bún bung, bún ốc, rươi, bánh dày bánh giò v.v... Nói đến Hà Nội người ta liên tưởng đến hoa đào ngày Tết, thiếu nữ bên Hồ Gươm, đồng thời nghĩ ngay đến bánh cuốn Thanh Trì, cốm Vòng, mứt sen trần... như nhớ một loài hoa là nhớ ngay đến màu sắc và hương thơm của nó.

Vũ Bằng viết "Thương nhớ mười hai" bằng nước mắt, ông gọi hạt rượu nếp là con rệp, con cà cuống là con rận rồng... tinh tế đến mức khó mà trích được ra một câu cho lọn nghĩa.

Thạch Lam viết về bún ốc như sau:

"*Có ai buổi trưa vắng hay buổi chiều, đêm khuya, đi qua các nhà cô đào và các chị em thanh lâu, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhăn các nét mặt tàn phấn và mệt lả, miếng ớt cay làm xoa xuýt những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi giỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình...*" ("Hà Nội băm sáu phố phường" - Thạch Lam)

Sinh thời, Thạch Lam chê phở gà là nhạt nhẽo, và ông còn cho rằng phở thêm hương cà cuống vẫn ngon, ông viết "Rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm ngát lại điểm thêm một chút cà cuống thoảng nhẹ như một nghi ngờ..." (Sách đã dẫn). Câu văn ấy đến nay hầu như chưa ai vượt được ông về nghệ thuật ẩm thực và tài hoa; Dù rằng ngày nay phở gà đôi khi lấn át phở bò. Nguyễn Tuân sinh thời cũng ghét phở gà, và không bao giờ ông

Nguyễn chịu ăn phở tái, mà chỉ là phở thịt chín có màu nâu, bùi, thơm, mềm... Cho đến thời điểm này, nhiều người Hà Nội vẫn không chịu chấp nhận phở tái, phở chặt tú hụ, phở trứng...

Lớp người sau các ông, còn thích thú một món quà đặc biệt. Có lần nhà văn Tô Hoài viết một bài về Hà Nội cho rằng phố Mai Xuân Thưởng gần đường Cổ Ngư là ngắn nhất: 56 mét. Và ông đố xem ai tìm ra một phố ngắn hơn. Vốn là một học sinh Hà Nội, quen thuộc với món quà cực rẻ nhưng cực hấp dẫn, ăn mà chảy nước mắt, mà nồng cái lưỡi đến hàng giờ là món thịt bò khô của mấy chú Hoa Kiều bán ở một cái phố ngắn nhất Hà Nội: Phố Hồ Hoàn Kiếm, chỉ dài 52 mét, tức khoảng một cột đèn. Nó là cái ngách ngang từ hồ Hoàn Kiếm đi sang phố Cầu Gỗ, ít ai để ý đến dù Bờ Hồ quen thuộc đến thế. Món thịt bò khô bán ở đây thành nét đặc biệt của Bờ Hồ, cõ lẽ không một học sinh Hà Nội nào, không một người Hà Nội trẻ nào lại không ghé vào ăn món quà chua cay mặn chát ngọt bùi ấy. Nhà văn Tô Hoài đã cười xòa, công nhận phố ngắn ấy là nhất và món quà ấy là đặc biệt.

Quà là món ăn mang đậm chất văn hóa, vậy thì nó cũng không là cái gì bất biến, trầm trọng. Nó luôn thay đổi, có thứ mất đi, có thứ sinh ra, có thứ thụt lùi, có thứ tiến bộ. Những năm cuối thập kỷ này, quà nằm trong quy luật ấy. Tuy nhiên, tôi xin phép được điểm qua một vài món đã có mặt từ lâu, vượt qua năm tháng, vượt phạm vi Hà Nội, nó hấp dẫn như một giai điệu trữ tình, như bài thơ được thời gian sàng lọc, như nỗi đam mê của tình trai gái, như bức tranh sơn dầu nóng bỏng cảm giác.

Trước hết xin nói về Phở là món quà nơi nào cũng có. Dễ chế biến, dễ ăn, ăn lúc nào cũng được. Nhưng phở Hà Nội có cái duyên riêng, tựa như người con gái ta yêu, thế gian có triệu người con gái nhưng chỉ có một mình nàng là nàng trong sự huyền diệu,

nàng mang lại cho riêng ta, ta chỉ nhận thấy ở riêng nàng. Chả thế mà nhiều địa phương làm món phở, cứ phải trương cái biển lên là "Phở Bắc", "Phở Hà Nội"... mới đông khách. Có lẽ nó cũng như món bánh bèo Huế, hủ tiếu Sài Gòn chăng? Phở là Hà Nội.

Từ đầu thế kỷ này, khi phở còn bán rong gọi là phở gánh thì nó đã có tâm hồn và khuôn mặt riêng. Mới xuất hiện ở Hà Nội, được công nhận ngay như anh khóa rời làng đi thi, đỗ liền một lúc mấy khoa, như cô gái chẳng cần qua vòng loại cũng được công nhận hoa khôi, hoa hậu tức thì.

Bánh phở tráng không mỏng không dày. Thịt bò luộc trong thùng nước dùng, vớt ra để nguội có màu nâu, được thái ngang thớ, mỏng gần như tờ giấy pơlure, nó ngọt, ngậy, bùi, thơm, mềm, không dai, không nát. Bát phở phải đầy đủ gia vị, hành lá thái nhỏ lẫn với rau mùi ta, rau húng láng (thứ rau chỉ làng Láng mới trồng được) hành chần tái, hạt tiêu, ớt tươi. Nó không chấp nhận mùi tỏi, rau húng dổi còn gọi là húng quế hay húng chó, càng không thể có giá sống trộn lẫn.

Linh hồn của Phở là "nước dùng". Xương bò, xương lợn ninh từ hôm trước, sau khi sôi sùng sục thì nhỏ lửa để chỉ lăn tăn, một người đứng cạnh, liên tục hớt hết bọt, để nước dùng sẽ trong vắt như nước mưa, như một thứ trà loãng, ngà ngà vàng vì trong đó có nước mắm ngon, loại hảo hạng. Nước dùng không thể thiếu vài xâu tôm he khô, hoặc sá sùng, nhất là một cái đuôi bò. Mùi hương của nước dùng là lời mời gọi từ rất xa, làm nôn nao con người, khó lảng tránh nó được. Đó là một chút quế chi, một chút thảo quả (còn gọi là thảo tò ho) nướng chín. Mấy tảng gừng già đã nướng, một vốc hành tái cũng nướng qua, thả vào nồi nước dùng âm ỷ sôi đến hết một ngày, hết đến bát cuối cùng, đến lúc về khuya, mấy đồ đệ Lưu Linh tìm phố phường nét đẹp đêm thành phố, ngồi lại để nhà hàng nghiêng cái thùng, dốc toàn bộ số

xương đã mềm tơi, cả cái đuôi bò chắc đã quẫy đến mệt mỏi trong đó, và họ ăn, họ mút, họ uống, họ khà, họ rung đùi, nhắm mắt. Món khuya ấy, gọi là món "Bốc mả", thường chỉ có cánh đàn ông thích thú. Còn mấy bà khuê các chẳng đoái hoài.

Mỗi giai đoạn dăm bảy năm, Hà Nội lại nổi lên một vài hàng phở nổi tiếng, những Trưởng Ca hàng Bạc, phở Giảng và Đông Mỹ phố Cầu Gỗ, phở Tình, phở Thìn phố Bờ Hồ, phở Tư Lùn phố Ngô Quyền, phở tàu bay phố Bà Triệu v.v... Nhiều hàng trong số này treo cả nửa hoặc một phần tư con bò ngay ngoài cửa, khách được chọn món thịt nào tuỳ thích. Chủ hàng huơ dao như tráng sĩ Lương Sơn Bạc, con dao phay chữ nhật, phăm phăm, rồi miết một cái cho mềm, trộn ít gừng đã thái chỉ, đặt lên bát, chan nước dùng cho thành thứ thịt tái hơi một chút hồng hồng, nằm bên miếng giò, (thứ thịt bò cả mỡ cả nạc, đem hấp chín) miếng gầu miếng nạm... Và nước béo nước trong, tuỳ ý khách. Cứ đứng mà ăn, ông Phán sở công, cậu ký sở tư, anh nhà báo, chủ xe hàng, chủ hiệu buôn... nối đuôi nhau mà thưởng thức thứ quà vừa nóng ran người, vừa tê đầu lưỡi, vừa ngọt cổ họng, vừa thơm điếc mũi mà giá cả chẳng đáng bao nhiêu. Nhiều nhà văn nhà thơ rủ nhau đi ăn phở, không gọi là ăn phở, mà bảo nhau là "đi làm hỏng cái lưỡi", bởi đứng ăn xong một bát như thế, cái lưỡi mang cảm giác khác hẳn, không còn nhàn nhạt của sáng mới dậy, không hắc mùi kem đánh răng, và cũng nhất định không được tráng miệng bằng thứ nước trà nhạt thếch của hiệu phở cho người dễ tính súc miệng. Đi loanh quanh đâu đó khoảng nửa giờ, vị phở đã tan đi nhưng cái lưỡi còn dư vị mới "ngã" vào một quán cà phê nào đó, nhâm nhi chất nước màu nâu đỏ, sánh đặc bám vào thành tách sứ, và một khói thuốc thơm "đã đời".

Đã nhiều thời gian, người Hà Nội không dùng thìa để ăn phở. Chỉ một đôi đũa, nào và, nào húp, cho nóng đến miếng cuối cùng,

mà xuýt xoa, mà hít hà, nào giòn sần sật, nào mềm mại giữa hai hàm răng, nào ừng ực... không phải là tục tử phàm phu hay bất lịch sự, mà là để thưởng thức đến cuối cùng cái ngon ngọt. Nay có người cầm đũa sêu sợi bánh phở lên thìa rồi cầm thìa đưa lên miệng, miếng phở đã nguội đi quá nhiều. Thật chẳng khác nào ăn quả chuối tiêu trứng cuốc mùa thu mà chỉ ăn cái vỏ còn thịt chuối thơm lừng vị thu mây gió lại nỡ bỏ đi.

Hà Nội hiện nay có rất nhiều hàng phở. Phở trong cửa hàng, bên quầy nhỏ, phở chõng vỉa hè, phở gánh bán rong... phở bò, phở gà, phở ngan, phở vịt, phở chặt, phở trứng... Có người ăn cho no chứ không phải ăn cho ngon. Phở được chiêu bằng mấy chén rượu trắng, với vài vại bia căng bao tử... Biết nói thế nào, vì đó là sở thích, là khẩu vị, là túi tiền... Người Hà Nội đành thở dài.

Phở là một món quà mặn, phổ thông, hợp với khẩu vị tất cả mọi người. Ăn phở lúc nào cũng được. Điểm tâm buổi sáng, lỡ bữa buổi trưa, thay quà xế chiều, buổi tối rong chơi, đêm khuya cho ấm bụng hoặc mời bạn tỉnh xa về, ăn trong chợ hay ngoài cửa ga, nơi bến xe khách hay trong ngõ nhỏ... Nhưng hiện nay, nếu tôi không lầm thì Hà Nội có rất nhiều hàng phở nhưng không có một hàng nào ngon nổi bật lên, vượt xa các hàng khác. Nó giống như ca nhạc và thơ hiện nay, cứ sàn sàn bằng nhau, có nền mà không có đỉnh, cứ na ná giống nhau. Phở Thìn có đến năm bảy hàng. Phở phố Lý Quốc Sư, phố Nguyễn Hữu Huân, tạm được. Phở gà phố Lê Văn Hưu từng nổi tiếng nhưng hình như người ta đến đây để khoe giàu chứ không phải để ăn một bát phở ngon ra phở.

Ông Chí chuyên làm phở gà phố Trần Huyền Trân đã không còn. Ông Giảng ở phố Cầu Gỗ chỉ bán phở mấy năm đã tậu được nhà cũng đã ra đi... phở Sinh Từ đầy mà nhạt...

Ngoài phở, Hà Nội còn rất nhiều món quà khác như bún thang, bún bung, bánh cuốn Thanh Trì, bánh dày bánh giò, xôi lúa, xôi lạp xường cho đến chả cá Lã Vọng, bánh tôm Hồ Tây, sủi cảo phố Mai Hắc Đế, gà tần thuốc bắc phố Tống Duy Tân, các quán ốc hấp thuốc bắc và cá vùng Quảng Bá Nghi Tàm, thịt chó Nhật Tân, chân gà nướng phía Trung Tự, chân chó hầm ngõ Lê Văn Hưu, không kể những món ăn với bia như nem chua, nộm v.v...

Xin đề cập đến một món quà khác khá đặc biệt Hà Nội: Bún Chả

Nguyên từ những thế kỷ trước, con cá hay miếng thịt lợn đem nướng, nhắm với rượu, gọi là món Khoái Trá. Có lẽ vì khi ăn nó, người ta cho cảm giác rất khoái trá chăng? Lâu dần, Trá đọc chệnh ra thành Chả.

Chả trong bún không phải là chả làm bằng thịt lợn nạc giã nhuyễn, hấp rồi rán trong món Cơm Tám Giò Chả. Chả này là thịt ba chỉ của con lợn nhỏ vừa phải, khổ mỡ không dày, hoặc thịt vai, thịt mông sấn, lẫn nạc và mỡ băm nhỏ. Đó là chả miếng và chả băm, cặp vào vỉ sắt hoặc xâu tre, nướng trên than hồng, thứ than hoa, than hầm xưa dùng cho lồng áp sưởi chân quý tộc, chứ nhất thiết không được là than đá hay loại than nào khác.

Than đựng trong chiếc hộp hay chiếc chậu nhôm nhỏ, cứ phừng phừng ánh đỏ theo tay quạt nan, (nay có thể là quạt điện - mà ở phố Nguyễn Khuyến, người ta cạnh tranh nhau bằng cách nhà này quạt khói sang nhà kia, nhà kia quạt mạnh hơn, nhà này quạt mạnh hơn nữa...). Ăn bún chả hình như người ta còn ăn cả kỷ niệm, vì trong làn khói mỏng màu lam kia, thức dậy cả những gì nằm im lâu nay, bây giờ nó đánh thức lên, nó gọi hồn người mở cửa. Ít thì thật dễ chịu. Nhưng nhiều thì sặc sụa. Vợ giáo sư Nguyễn Tấn Gi Trọng vì sặc khói bún chả từ tầng dưới xông lên,

bà góp ý, thế là cãi nhau với người thuê nhà tầng dưới, tức quá, bà đứt mạch máu não. Kết quả của bữa bún chả đó.

Từng có thời kỳ bún chả bán rong. Cô hàng bún chả mặc áo dài nâu Đồng Lầm, chân đi đất, tóc bỏ đuôi gà, từ ngoại thành vào Hà Nội lúc xế trưa, chỉ một thoáng đã hết gánh hàng. Cô rao không bằng lời mà bằng làn khói xanh lãng đãng mê tơi kia. Một nẹp (hay mẹt) bún chả cô bưng vào nhà cho khách gồm có một bát con lưng lửng thứ nước chấm đã pha bằng nước mắm thật ngon, thêm nước lọc, dấm, đường, đu đủ xanh vuông vắn, miếng ớt đỏ hết hạt như chiếc thoi hồng rỗng ruột, hạt tiêu đen mờ chìm lẫn dưới đáy. Rập rờn chìm nổi trong nước chấm ấy là mấy miếng chả miếng, chả băm đã cháy cạnh, màu cánh gián, vừa chín tới, thơm phức. Cạnh nó là lồng không ít rau sống gồm rau muống Sơn Tây xanh lá mạ, chẻ nhỏ, xoăn tít như nỗi lòng đầy tâm sự, chen vào đấy lá tía tô tím thẫm, kính giới nuột nà, ngổ ba lá đầy hương đồng nội, rau mùi ta loăn xoăn, rau húng Láng thơm dịu, đôi khi còn có lá mùi tàu cạnh răng cưa thơm mạnh. Đương nhiên phải có bún. Đó là những đồng bạc hoa xòe, là những bông cúc trắng ngần, thứ bún gạo tám được thửa riêng cho món này. Nó cuộn tròn, không tơi ra trong bát nước chấm, nó không là bún con cũng không là bún rối.

Lát sau cô quay lại lấy mẹt lấy tiền, người bán người mua, đã quen nhau từ độ nào không rõ, giống như chiếc mẹt nhỏ bằng cái khay, đã lên nước nâu nâu, nhẹ tênh mà hấp dẫn…

Lâu rồi, những cô bán bún chả rong đã già chăng, đã đi lấy chồng hết rồi chăng, đã sang ngang để lại bến sông niềm ngơ ngẩn nhớ chăng? May sao, đã có nhiều cửa hiệu bán bún chả, mà nổi tiếng là bún chả Hàng Mành. Ngoài ra cũng còn có nhiều cái chõng con bày ngang ra trên góc phố, vỉa hè cho món quà ngon

này, và chất lượng đều được đánh giá từ trung bình trở lên, có thể ăn chơi, ăn cho vui, ăn thay một bữa cơm bụi buổi trưa cũng được. Bún chả thường được ăn vào khoảng từ trưa đến ba bốn giờ chiều. Ít ai ăn sáng và càng không phải là món ăn đêm hay ăn khuya.

Sau khi giới thiệu vài món quà mặn, bây giờ tôi xin phép mời quý vị nếm thử một vài món quà ngọt của Hà Nội cũng rất đáng được nhắc tới.

Quà ngọt có nhiều thứ, có suốt ngày từ sáng đến khuya, có suốt mùa từ xuân sang hạ, qua thu đến mùa đông. Có thứ là do nơi khác đem đến, có thứ người Hà Nội tự làm. Bánh gai Ninh Giang, bánh đậu xanh Hải Dương, bánh xu xê Đình Bảng bánh gio của ngoại thành, bánh dầy Quán Gánh, lục tào xá của Hoa Kiều... và những thứ này đều khá phổ biến ở các địa phương.

Có một món quà chỉ riêng Hà Nội, và cũng chỉ một làng ngoại ô Hà Nội làm được: Đó là cốm, cốm làng Vòng.

Hà Nội có mùa thu đầy xao xuyến, một thứ thu làm kinh dị hồn thơ khi làn gió heo may thổi giạt sóng Hồ Gươm từ Hàng Đào về phía Hàng Khay, dập dềnh hoa đỏ lộc vừng làm ta tưởng mình đang sống trong không khí Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ. Sen đã bắt đầu tàn, tiền sen đã rách, chỉ còn lấp ló những gương sen đùa trong nắng hanh mát lành rười rượi. Vai áo mỏng mùa hè khiến ta tê cảm giác với chiều đỏ hoàng hôn và bay bay liễu rủ. Hoa sữa phố Nguyễn Du chưa thức giấc để mộng mị chuyện tình yêu. Đó là lúc mùa cốm bắt đầu.

Làng Kim Lũ, tên nôm là làng Lủ cũng có nghề làm cốm: Cốm Lủ. Nhưng quê hương của Nguyễn Siêu tức thần Siêu bạn thánh Quát chỉ làm được thứ cốm già, cốm khô, lạo xạo, dày mình, bạc trắng. Chỉ có làng Dịch Vọng tên nôm là làng Vòng ở

phía cửa ô Cầu Giấy tức ô Tây Dương mới có mấy trăm năm nghề cốm tài hoa.

Những ruộng lúa nếp cái đã buông câu, nhưng vẫn nguyên màu xanh lá mạ, gieo cấy riêng để cho công việc này, được cắt từng bông, từng lượm, nhẹ nhàng xe gánh về làng. Đêm trăng, một khúc nhạc bỗng tưng bừng rộn rã, từ giai điệu đến tiết tấu, vang qua con đường làng lát gạch, qua lũy tre cổ sơ, qua rặng sồi biếc lá. Đó là ánh lửa rang thóc, là nhịp chày giã cốm thâu đêm. Rang từng mẻ thóc, bao nhiêu lần rang là bấy nhiêu lần giã, bấy nhiêu lần sàng sảy. Tiếng cười nói râm ran, tiếng gió thu thì thầm, ánh má hồng nàng gái, bắp tay cuồn cuộn chàng trai, nhịp quay tròn chiếc giần chiếc sàng, êm êm như hơi thở người tình... Hạt thóc non ngậm sữa, qua nhiều đau đớn ấy sẽ hóa thân thành hạt ngọc lưu ly, xanh óng, xanh rờn, mịn màng và mềm mại, thơm xa như hương đồng gió nội ngoài kia... Hạt cốm mang cả bóng làng quê, mang cả nét tài tình, mang cả không khí mùa thu để sớm mai đi vào Hà Nội.

Cốm đầu nia, cốm dót là thứ cốm ngon. Từng mẻ cốm ít một được nằm mơ màng giữa chăn đệm là tàu lá sen già còn giữ lại chút dư hương, là chiếc lá ráy to như cái bảng pha màu của họa sĩ, óng ánh xanh như một thứ xa tanh mờ mát lịm. Mươi lớp như thế, chúng cùng nhau nằm vào chiếc thúng đã lâu ngày, thớ tre đan cũng ảo mờ năm tháng. Chiếc đòn gánh gác trên gác bếp hay trong góc buồng được đem ra. Đấy là một gốc tre còn nguyên cả gộc, đào lên, chẻ đôi, thành chiếc đòn gánh cong một đầu, đời bà truyền cho mẹ, mẹ truyền lại cho con dâu... Nó chỉ cong một đầu như chiếc thuyền rồng, như con thuyền đuôi én. Lâu nay chiếc đòn gánh cong ấy đã mai một dần nên có họa sĩ trẻ minh họa lại vẽ nó thành cong hai đầu như cánh võng, khá buồn cười.

Ai tuốt lúa, rang, giã cứ làm. Ai bện chổi cứ bện. Còn ai bán cốm thì chuẩn bị mà đi bán. Chuyến tàu điện đầu tiên Cầu Giấy Bờ Hồ sẽ đón gánh cốm lên toa. Bến xuống tùy ý. Hàng Bông, Hàng Gai, Cửa Nam hay Bờ Hồ, cô hàng cốm tỏa vào Hà Nội không bằng lời rao mà bằng hình ảnh chiếc đòn gánh cong một đầu như thế, trên đầu quang tre còn buộc thêm vài cái chổi mới bện bằng rơm mới, xanh tái chứ chưa vàng, đồng màu với bó rơm làm lạt, óng ả và thơm xa. Có gia đình thế nào cũng phải mua cốm kèm theo chiếc chổi ấy treo lên cho thơm thoảng cánh đồng hương lúa.

Gánh cốm chỉ dăm bảy cân, đi mấy phố quen là hết. Gói cốm lồng không hệt như gói hoa cúng của cô gái hàng hoa làng Ngọc Hà, được buộc nhẹ nhàng bằng sợi rơm tươi như chiếc thắt lưng bao xanh trên nền xanh quan lục của lá sen lá ráy mịn chất quê làng. Gói cốm được giở ra, vẫn nằm nguyên trong lá, đặt trên đĩa, để lên bàn thờ thắp hương ông bà tiên tổ, dâng thứ thời trân, thứ quà đầu mùa mỗi năm chỉ có một lần... rồi mới nhón hai ngón tay, nhún lấy mấy hạt cốm thả vào đầu lưỡi, nghe vị thanh thanh, nghe màu xanh mướt, nghe cái ngọt thơm thấm vào cơ thể trong hơi thu man mác.

Không ai ăn cốm bằng đũa hay bằng thìa. Cũng không ai và cốm bằng bát ô tô. Cốm không phải là thứ ăn nhiều hay ăn trong lúc vội vàng hấp tấp, lúc đói ngấu, lúc no căng, lúc say bí tỉ...

Có người ăn cốm với hồng ngọc đỏ, với chuối tiêu trứng cuốc. Nhưng nhiều người Hà Nội khác lại có thói quen chỉ ăn riêng cốm mà không kèm với bất cứ thứ gì, có thế mới thưởng thức hết được những hương vị từ ngọt ngào đến thanh mát, từ màu sắc đến cái mềm cái thơm của cốm. Nó chỉ là nó mà không cần gì bổ trợ, như cô gái đẹp chả cần đến những thứ trang sức bạc vàng nào.

Cũng từ cốm làm nguyên liệu, người Hà Nội chế biến ra nhiều món khác: bánh cốm Hàng Than, gói trong lá chuối xanh, buộc lạt cánh sen, là thứ quà Hà Nội gửi về quê biếu ông bà chú bác rất được quý trọng, nhất là đám ăn hỏi, đám sêu, hay tết... Nó vừa là quà ngon vừa mang ý nghĩa lễ hội và cũng còn là mầu sắc ấm nồng, hòa điệu. Món chè cốm thì có khác, đó là thứ chè đường, đáng lẽ là đỗ xanh vỡ đôi, thổi chín. lững lờ trong chén chè, thì ở đây là những hạt cốm được nở bung như một loài hoa mai chiếu thủy. Cốm xào là cốm ngào đường, để trên đĩa như một thứ chè con ong, ngọt sắc, chỉ có thể ăn vài miếng đã chán. Còn một món khác nữa là chả cốm. Chả thịt lợn, trước khi đem hấp được trộn một ít cốm xanh, khi ăn, miếng chả cốm còn vương một chút hương thơm và đặc biệt là rất dẻo. Có người cho rằng nó không hợp với vị mặn mòi, mà nên để cốm giữ nguyên được chất cốm thanh tao...

Được ăn một nhúm cốm Vòng trong hương thu Hà Nội, trong gió heo may, trong làn nắng như tơ giăng mới thấy hết được cái thanh cái quý, cái tài tình, cái hương vị của món quà quê hương, sống vượt thời gian, và nó cũng đã vượt cả không gian ra với nhiều nơi. Chẳng khác nào tiếng đàn bầu phải vang trong đêm trăng thanh vắng, câu ca trù phải có nhịp phách dồn dập, bài thơ hay phải được ngâm lên bằng thanh đới của con chim họa mi lảnh lót, khiến cả quỷ cả thần cũng phải gật gù nghiêng ngả.

Quà Hà Nội có hàng trăm món, không thể kể xiết. Tôi cũng không dám lạm bàn về kỹ thuật chế biến, bởi đã có nhiều nghệ nhân, nhiều chuyên gia bậc thầy về lĩnh vực này. Múa rìu qua mắt thợ là đắc tội. Tôi chỉ dám nhắc đến nét văn hóa ẩm thực, tức một vài cách thưởng thức món quà mà người này đồng tình nhưng có thể có người khác phản bác. Tôi cũng không dám chủ quan cho quà Hà Nội là nhất, là không đâu bằng, mà chỉ nói đến một vài

đặc điểm của nó, qua kinh nghiệm chủ quan của gia đình mình và bản thân mình.

Nói đến quà, không thể không nhắc đến cách ăn quà của người Hà Nội. Do đời sống kinh tế khá giả, do nếp sống thanh lịch lâu ngày đã thành phong tục, lề thói, nên người Hà Nội ăn quà có khác nhiều nơi khác.

Đó là sự kỹ càng, tinh khiết, ăn cho ngon chứ không phải ăn cho no, ăn thấy thích lấy vui chứ không phải cho đầy bụng, ăn để cảm ứng mình với trời đất thiên nhiên, mưa nắng, đêm ngày chứ không phải ăn thứ gì vào lúc nào cũng được.

Từ nguyên liệu chế biến đến cách gói mở trình bày, xếp đặt đều được con mắt tinh sành chú ý. Bánh giò phải làm bằng bột lọc, lạt bánh cốm phải là màu cánh sen. Đám cưới hỏi có xôi gấc còn đám tang là xôi hoa cau. Chiếc bánh nướng bánh dẻo cắt ra được đặt trở lại nguyên hình, hoặc xếp thành bông hoa chứ không để hộn thành một đống tú hụ. Xôi vò, chè đường không bao giờ bày ra nhiều vì nó là món nước, chỉ để thưởng thức...

Mùa nào thức nấy. Chỉ tiết thanh minh, tháng ba mới ăn bánh trôi, bánh chay, khi vương vấn chút hương hoa bưởi vừa qua mùa, ăn nó trong làn nắng mới chưa oi nồng cũng không còn lạnh giá. Mùng năm tháng năm, tết Đoan Ngọ ăn rượu nếp, mà phải ăn bằng cái bát (còn gọi là chén) bé xíu, cùng đôi đũa cũng bé xíu như một thứ đồ chơi. Trung thu mới ăn bánh nướng bánh dẻo. Mùa đông ăn ngô nướng bên vỉa hè hay lạc rang (còn gọi là phá xang) bán bên Bờ Hồ Hoàn Kiếm. Mùa hè lên đường Cổ Ngư ăn bánh tôm Hồ Tây nghe gió hồ Trúc Bạch thổi lộng ngực mình... Mùa hè ăn chuối ta, thứ chuối quả mập như cổ tay con trẻ, mùa thu mới ăn chuối tiêu trứng cuốc vì mùa này chuối mới được nhuộm màu thu, ngọt thơm như một loài hoa, gần với móng rồng,

dạ hợp... Tết phần lớn ăn mứt bí mứt sen trần ít dùng kẹo hay bánh quy, bánh ga tô...

Còn trong một ngày, người Hà Nội cũng không xô bồ gặp gì ăn nấy. Xôi lúa là món ăn buổi sáng, không ai ăn buổi trưa hay chiều. Nhưng sáng lại không phải là của món bún chả. Bún ốc bún bung không ăn buổi tối mà buổi tối là của cháo, của mì, của lục tào xá, chí ma phù. Khuya có thể ăn xôi lạp xường tức Lồ mai phàn... hoặc mì vằn thắn tức món xực tắc mà không ăn bánh mỳ pa-tê nặng bụng...

Nhìn một người ăn quà, nhai nhỏ nhẹ hay nhồm nhoàm, và lùa hay thanh cảnh, nhai tóp tép hay ngậm miệng, người ta có thể đoán người đó thuộc thành phần nào, có phải là người Hà Nội gốc hay không? Và ăn món nào vào lúc nào, người ta cũng có thể biết đó là người sành ăn, có văn hóa hay tục tằn thô lỗ... Đương nhiên cái gì cũng chỉ tương đối. Ngày nay, người Hà Nội đã pha tạp đi nhiều, món quà thay đổi, cách ăn cũng tùy theo tính cách mỗi người nên đôi khi khó phân biệt, không xác định được chân giá trị.

Và hình như vì phải sống theo một nếp sống hình thành từ lâu rồi, nên nhiều hàng quà, làm quà và bán quà cũng phải theo quy luật ấy. Món sáng, món trưa, món tối, món khuya... đều có những hàng chuyên bán riêng. Mùa cũng vậy, có người chỉ bán bánh trôi bánh chay ít ngày tháng ba, còn mùa khác lại bán thứ khác. Có nhà sản xuất mỗi năm chỉ hoạt động vài tháng, là làm bánh Trung Thu và mứt Tết. Thời gian khác chuyển nghề.

Như trên đã trình bày, Hà Nội cũng như toàn quốc, đang đổi thay nhanh chóng, kéo theo nó là nếp sống văn hóa cũng đổi thay theo, thì chuyện ẩm thực, chuyện ăn quà không còn như xưa là điều dễ hiểu và phải chấp nhận ở một mức độ nào đó. Ví dụ nhiều

người ăn xôi ăn cháo với cả tương ớt (lạp chí chương) mà quên hạt tiêu, ăn phở với giá sống, ăn ốc lúc đêm khuya... Riêng món bánh đậu xanh Hải Dương đã có tới trên bảy chục nhà sản xuất, nên Hà Nội không làm ra nữa. Mà bánh đậu không có hai loại: Khô và ướt, chỉ một loại không ra khô chẳng ra ướt...

Hà Nội cho đến nay vẫn được công nhận là một trong những nơi có nhiều món quà ngon, có suốt ngày, có quanh năm, đáp ứng tất cả mọi khẩu vị khác nhau như mặt biển có thể chấp nhận mọi loại tàu thuyền. Tôi, chỉ là một con thuyền nhỏ bé trong số đó, nên những lời trình bày này chưa hẳn đã là chính xác và cũng chưa thể đại diện cho nhiều người. Vì vậy, mà nếu có sai sót, nhầm lẫn hoặc chủ quan, khiên cưỡng, cũng xin được tha thứ hoặc trao đổi thêm.

Hà Nội tháng giêng năm Đinh Sửu- 2/1997

Ăn gì ngày tết?

Phụ nữ Hà Nội xưa nay vẫn được tiếng là tài hoa khéo léo, ngày tết càng có dịp để những tài hoa khéo léo ấy thể hiện một cách tài tình dù nghèo hay giàu, không kể già hay trẻ…

Nếu người đàn ông Tết đến còn mải chăm chú đến mệt mê vào những thú vui như tìm một cành đào thế, sắc phai mà uyển chuyển, bông mập mà tươi mởn, hoặc một cành mai trắng muốt tuyết trinh, mỗi bông hoa là một hồn bướm đa tình trong truyện Liêu Trai, hoặc giò thủy tiên có thứ hương thơm kỳ lạ, do tài khéo léo của người chơi, đúng giao thừa hương mới ngát tỏa gần xa như không như có, như người mảng rong chơi, lúc này sực nhớ, trở về để đón tân xuân… hoặc những thú chơi xuân tao nhã khác như làm câu đối, tự tay mình viết hoặc đến người bạn cố tri, ra Hàng Bồ… nhờ gió táp mưa sa để vừa là câu đối vừa là thư đối v.v… thì người phụ nữ Hà Nội lại say sưa trong niềm vui chuẩn bị cái Tết cho cả nhà, có thể làm nức tiếng thơm cho cả họ, và cũng có dịp dạy cô con gái con dâu những cái tài tình truyền thống, nó ngủ vùi quanh năm, Tết đến nó mới đánh thức người hay người đánh thức nó dậy để làm thành nét thanh lịch tao nhã, thành kỉ niệm vượt thời gian… đó là những món ăn Tết, mà có khi chỉ là cách ăn Tết…

Một nghìn bông hoa sen hồ hạ thì bao nhiêu nghìn "giọt lệ hương tròn" như đoạn thơ Vũ Hoàng Chương:

Cánh rã rời theo nhịp ngón thon
Trắng phau muôn giọt lệ hương tròn
Lần rơi trên lớp trà khô héo
Lưu chút hương thừa gửi nước non

để cho một cân trà sen ủ kín trong bình, bây giờ mới tỏa hương trên làn hương tóc chén trà bay lượn, một thứ hương thanh tao kỳ thú, một thứ trà đượm ngọt tận chiều sâu trong cổ trong hồn... Những "hạt gạo" trắng phau trên đầu tua nhị vàng bọc trong lớp cánh màu sen, cong hình thuyền, nó sống âm thầm đã 6 tháng nay, bây giờ mới có dịp phô bày như nàng gái cấm cung, gặp chàng trai say đắm... Thứ trà sen ấy chẳng thể nào sánh duyên cùng bánh bích quy hay kẹo bạc hà nhập từ cửa biển đường trời... nó gọi, nó vời người bạn cũ nghìn năm khăng khít: Những viên mứt sen trần, tròn xinh, vàng óng, nuột nà, bở tơi nằm bên nhau trong chiếc đĩa nho nhỏ, trắng tinh cho ngón tay ngà ai đó nhón lấy một viên, "hãm" với hương trà thành đôi tri kỷ.

Tết, người Hà Nội kỹ tính chỉ ăn mứt mà không ăn các loại bánh khác, dù ngon như Gatô, dù quý như Súc cù là. Đó là mứt quất còn tê tê mùi vỏ quả, là mứt mận tím thẫm, có những đường khía xếp lên nhau như cánh hoa đang hàm tiếu chờ phút mãn khai chưa đến... Đó là mứt bí như những thoi bạc trắng ngần đọng li ti những tinh thể sương trời bám vào từ lúc nào không ai biết... Đó là mứt phật thủ thứ quả quý hiếm, được bày trên mâm ngũ quả, mỗi quả đều có những ngón tay chỉ lối cho xuân về, còn dư vị thơm của rượu "Quăng trô" và nhiều thứ khác chế biến công phu từ các trái cây ngon ngọt, cho nên suốt hàng thế kỷ, từ Một Chạp, phố Hàng Đường, phố Huế... các nhà làm mứt đã tấp nập ăn Tết trước mọi nhà. Ai nấu bí, ai ninh sen, ai coi lò, ai ngào

đường, ai rọc giấy gói... cứ tăm tắp vào việc như nhà có đám cả làng sang làm giúp... Thời đó, mỗi cân (loại cân ta 600 gam) mứt được gói bằng giấy bản làng Bưởi, ngoài là giấy bóng kính đỏ, với nhãn hiệu dán bằng hồ bột khảo, mua về ăn Tết đã đẹp, mua về biếu để sêu vẫn quý vẫn sang.

Tết có thể nào thiếu hồn dân tộc trong hình tượng Trời tròn Đất vuông cho được. Đó là bánh dày thửa, mỗi chiếc bánh như một ngọn đồi trắng muốt, như một khuôn ngực dậy thì nở nang, cái triện son đóng trên bánh như một thứ nhụy ẩn hiện. Tết không ăn hết, để dành ra giêng, hôm mưa gió, cắt mấy miếng nướng trên than hoa, dẻo và thơm, bùi và ngậy, như mùa xuân lại tái hồi. Còn bánh chưng đêm giao thừa lục bục nồi bánh, người yêu ơi, anh đến nhà người yêu canh bánh suốt đêm, ngọn lửa bánh chưng và ngọn lửa tình yêu trong hai người, ngọn nào hồng thắm hơn?

Đôi bánh thờ (chiếc bánh được gọi là đồng bánh) gói thêm màu lá xanh, còn tươi màu rừng núi, vuông vức sắc cạnh, buộc chữ thập sợi lạt cánh sen tương phản, gợi quê nhà xa xôi ở miền Trung du hay đồng bằng người Lạc Việt mấy nghìn xuân...

Nhà làm bánh cốm Nguyên Ninh số 11 phố Hàng Than, trữ cốm từ mùa thu, Tết về thành những chiếc bánh cốm xanh rờn từ ruột đến áo, thứ lá chuối ta dào dạt gió bãi, đẹp như lụa tơ tằm xanh óng, thêm sợi lạt đỏ... thêm ít bánh xu xê (tức bánh Phu Thê) đem sêu nhà gái thì dù ngày cưới gần hay còn xa, đôi lứa cũng thắm duyên cầm sắt chẳng phai lìa...

Có một món thật ngon, nhưng không phải người Hà Nội nào cũng có, mà phải là các bà có tuổi, khéo tay, giàu thì giờ, kiên nhẫn mới nấu được: Món Chè kho. Có hai cách: Nấu đỗ thổi, hoặc nấu đỗ rang. Chỉ là đỗ xanh và đường hoa mai, nhưng linh hồn của nó lại từ rừng đại ngàn về, nằm lăn lóc trong ô thuốc phố

Lãn Ông, một thứ quả khô, nhăn nheo, những cái sọc trên vỏ quả chứa nắng mưa dày dạn, tên nó là Thảo quả, dân dã gọi là quả Tò ho, nướng cháy vỏ, lấy cái nhân, giã trong chiếc lon sành, cả phố "nghe" thấy mùi thơm. Chè kho là hương thảo quả, khác chè đỗ đãi có hương va ni nhập ngoại. Miếng chè kho, nhón một ngón tay mà cầm, chẳng cần cùi dìa, phóng xết, hay đĩa nhỏ, hình như hương vị mùa xuân đã thấm qua da tay vào cơ thể, một sự thẩm thấu rộn ràng thầm lặng.

Mâm cỗ Tết của người Hà Nội không cần đầy tú hụ nhưng nó lại là một hòa sắc như bức tranh của họa sĩ thả lên đó mấy làn tóc xanh nhỏ như tơ, thứ lá chanh thái chỉ, thơm hương vườn quê làm ta nhớ đến cành chanh có hoa tím nở trong ánh xuân vườn hôm nào ta cùng ai đó dạo chơi, ta vương lá chạm hoa, thơm nức đến nhiều năm. Đó là bát bóng thả miếng bóng vàng mờ, đi với cà rốt đỏ, mảnh đậu Hòa lan xanh, mấy sợi rau mùi lồng khồng, củ hành chín trong suốt... Đó là đĩa hành nén ngoài vàng chanh trong trắng nõn dâng cho ta vị mặn chen chua, hương thơm hòa cái giòn giòn thích thú hàm răng... Cần màu huyền thì khoanh giò thủ kia, miếng sụn trắng sợi mộc nhĩ đen, khoanh giò có hình số tám, có hình cái eo cô gái. Những giò nem ninh mọc, những luộc rán, kho xào... đều được trình bày cho đôi mắt no nê trước khi ta nâng đôi đũa khô ráo thơm tho cho cái lưỡi phải mệt nhoài trong tấm tắc...

Hình như mâm cỗ Tết của người Hà Nội không cho phép lai căng (đúng ra phải nói Lai Căn, tức là lai gốc) những thứ xa lạ. Hầu như không ai ăn bánh mì pa-tê, giăm-bông vào cỗ Tết. Không ai bày đĩa cà la thầu bên cạnh chiếc bánh chưng đã óng ánh xanh dền. Không thể có cá hộp cạnh khoanh giò lụa hồng hồng như làn da má cô trinh nữ... Cũng không thể tráng miệng bằng cà phê sữa (dù là sữa Miu Meo gì đó) mà phải là chén trà thơm, miếng mứt nhỏ bé rồi tí tách chiếc hạt dưa tí hon chứ không cần sâm banh trong cốc có chân.

Văn hóa, trong đó có văn hóa ẩm thực, luôn biến thiên, luôn thở chung hơi thở phập phồng thời đại... Tuy vậy, Tết vẫn là dịp văn hóa dân tộc được thể hiện ra rất đậm nét, nhiều món sang món quý được phục hồi và phát triển. Chẳng hạn phố Hàng Điếu từng chỉ bán điếu cày, điếu bát, điếu ống, bán cái xe điếu cái nõ điếu... nay trở thành phố bán mứt sen trần và trà Thái (Thái thật và Thái giả), bánh chưng ngày nay có thể luộc bằng nồi áp suất, nồi điện, có thể mời nhau thứ rượu chai vuông, chai dẹt, đủ thứ kẹo xanh đỏ tím vàng từ nhiều nước...

Đó là cái mới, là sự chuyển động của đời sống, chẳng cần phản đối, cũng không thể áp đặt. Riêng nhiều người Hà Nội, nhất là những phụ nữ đầy cốt cách, thì Tết là dịp để ôn lại truyền thống văn hóa, truyền lại cái đẹp đẽ khéo léo tài hoa ấy cho cháu con... cũng là một nét đẹp của dân tộc, của thành phố nghìn năm...

1997

Một tai họa lớn

Người xưa, cho rằng trên đời có bốn cái nạn lớn, cực kỳ nguy hiểm ai cũng phải tránh xa gọi là "Tứ đổ tường". Cách đây khoảng nửa thế kỷ, chưa có từ *ma tuý*, mà thuốc phiện được gọi tên là: *ả phù dung, nha phiến, nàng tiên nâu*, người nghiện bị gọi là *dân ghiền, dân xe lọ, dân mặt bủng môi thâm*... không ai muốn gần.

Khi thuốc phiện được chính quyền thực dân Pháp cho phép bán ra công khai với các đại lý xuống đến huyện, ngoài cửa treo lá cờ Tam tài và lá cờ vàng ba sọc đỏ, với chữ R, O, là hai chữ Pháp viết tắt, có nghĩa là Đại lý bán thuốc phiện (cùng với chữ R.A là đại lý bán rượu cồn, rượu Phông ten). Thuốc phiện lậu và cả rượu lậu là thứ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, ai bị bắt sẽ bị tù lâu dài, có khi bị khổ sai hoặc biệt xứ. Cái nạn thù nhau bỏ bã rượu vào vườn, bỏ thuốc phiện vào nhà rồi đi báo Tây Đoan đến khám nhằm vu cho kẻ đó để trả thù riêng, đã từng làm tan nát bao gia đình vô tội, không biết kêu oan vào đâu.

Với người nông dân, người thợ bình thường, người buôn bán nhỏ, công chức bậc thấp, ai cũng tự mình răn đe mình, tự lánh xa thứ thuốc phiện chết người kia. Một người nghiện là gia đình khuynh gia bại sản, tốn kém, có thứ gì bán đi hết mà hút, mà nuốt sái. Nằm mà hút, đến nỗi cái tai bẹt vào đầu nên mới có tên là

Dân làng Bẹp. Người nghiện thường so vai rụt cổ, lười biếng, quanh năm ngại tắm, có khi tắm bằng mồ hôi mình, nghĩa là nằm lâu trong những ổ hút chật hẹp, ra mồ hôi, thế là quài tay ra sau, lên vai, xuống bụng... mà gãi, mà vê vê viên ghét đen sì, rồi vứt xuống đất. Còn tiền thì hút, thiếu tiền thì chỉ được hút sái, thứ sái ba, sái năm, sái bảy, nên người đã rạc đi, ngày càng rạc thêm. Thậm chí nhiều người, như loại phu kéo xe chẳng hạn, lúc còn của thì nghiện, khi phá sản phải kéo xe, nhưng không thể cai nghiện được, tiền kéo xe chỉ đủ ăn cơm đầu ghế, đến tiền mua sái mà nuốt cũng ít khi có được, nên cơn nghiện lên, đành đi mua một chén nước "Cam Lồ" ực một cái cho đỡ thèm đỡ nhớ, cho cất nổi đôi chân lên...

Những tiệm hút, thường lâu lâu làm tổng vệ sinh, khay bàn đèn, cái tẩu, cái xe, cái tiêm, cái móc để cạo sái, cái cóng bằng đồng đã hết thuốc, mảnh hến đựng thuốc đã dùng xong v.v... và cả cái khăn lau chiếu (thứ chiếu đẫm mồ hôi người nghiện)... tất cả được rửa trong xô nước đen đen nhờ nhờ. Thứ nước này không đổ đi toẹt một cái là xong mà được giữ lại đun nóng lên, cất kỹ, bán từng chén đó chính là tên nước Cam Lồ đấy. Người bình thường, sạch sẽ, mới nghe đến thứ giặt giẻ lau ấy đã rùng mình, nhưng với người nghiện, đang lên cơn thèm, thì chỉ một chút hơi thoảng của thứ chết người đó cũng đủ làm cho họ tỉnh táo, thì bẩn thỉu ra sao, nguy hiểm ra sao, ghét và mồ hôi người ra sao, có đun sôi hay không ra sao... họ bất chấp hết. Dừng cái xe tay kéo ngoài ngõ, vào làm một chén để rồi lại đi tiếp tục làm kiếp ngựa người, họ cứ vất vưởng những ngày tàn đến một hôm nào đó gục hẳn xuống trong căn lều nát nào đó mà thôi, mà xong một kiếp người dại dột, biết hối hận vì lao vào con đường nghiện ngập thì đã muộn.

Chỉ có những người ở tầng lớp trên, quyền cao chức trọng, giàu nứt đố đổ vách, nhà buôn lớn tiêu không hết tiền... mới công

khai hút thuốc phiện như để chứng tỏ mình sang mình giàu. Đó là loại người ngồi mát ăn bát vàng, loại địa chủ mùa đông chọc gậy xuống ruộng rồi bảo: Nước này mà rét à... hoặc nếu xảy ra ở nông thôn thì cũng là những cụ chánh tổng, lý trưởng cựu, có hàng trăm mẫu ruộng, vì cái hôm khao vọng nào đó, cái lần đi dự đám cưới con cụ Tiên Chỉ, quan Bang tá, quan Huyện nào đó, có bắc rạp, có hát cô đầu, và có chiếu bạc, chủ yếu là đánh xóc đĩa, bên chiếc bàn đèn trên chiếc chiếu hoa... thế là một lần quen đi, đâm nghiện, đành sắm lấy cái xe cái lọ, bán dần ruộng đi mà hút, thiếu thì tìm trăm khoanh nghìn đốm mà bòn rút của dân làng, dân lành, của chị đỏ, anh nhiêu, của bà đồ, bác xã... Cùng quẫn thì bán xới, cho vợ lên thành phố làm con sen, đi ở vú, bản thân thì làm phu xe phu mỏ và bỏ xác ở chỗ nào cũng chẳng ai hay... Thuốc phiện đấy, Nàng tiên Nâu đấy, ả phù dung đấy...

Bên trên cỡ ấy, quan huyện nằm trong từ đường, quan Tuần, quan Tổng đốc, Án sát... ở tỉnh, vì đục khoét được nhiều, cũng rửng mỡ lao vào chuyện bàn đèn. Bọn này sống được lâu hơn vì quyền chức to hơn, và cũng có điều kiện để chỉ hút thuốc phiện nguyên chất, mà không hút sái, nên giữ được sức khỏe bền hơn, vả lại còn thể diện "Quan trên trông xuống, người ta trông vào" nên không thể để cho mình có cái hình hài kiểu thân tàn ma dại...

Với người dân đen, cơm còn chẳng đủ ăn, dầu còn không có mà thắp sáng, phải ăn cơm mò, con không có vở mà đi học... thì thuốc phiện là chuyện hoàn toàn xa lạ, cũng vì vậy mà hầu như thanh niên, thiếu niên không ai sa vào cái mê lộ, cái thòng lọng, cái máy chém ấy.

Từng có một chuyện: có địa chủ kiêm chánh tổng mắc nghiện, đã bán đi nhiều thứ, nhà mỗi ngày một nghèo. Một hôm cô con dâu dắt trâu ra đồng, qua cái cổng hẹp, con trâu lịch kịch

cái sừng, cô mắng nó rằng: Sao mày ngu thế, bao nhiêu anh em họ nhà mày còn chui lọt cái lỗ nhỏ như lỗ công cống ngoài đồng, nhỏ như nửa cái lỗ mũi, thế mà cái cổng rộng thế này, mày còn không muốn đi à...

Ông bố chồng, ông địa chủ nghiện kia nằm hút thuốc phiện ở trong nhà, nghe thấy, biết là con dâu nói cạnh mình, bởi cái lỗ nhỏ trên miệng cái xe cái tẩu kia đúng là chỉ nhỏ bằng cái lỗ con công cống, đã làm cho bao nhiêu của cải trâu bò thành ra khói... Ông thấy con dâu nói đúng, còn chuyện ông có cai được không thì... tuỳ ta hiểu.

Nhà văn Thạch Lam, nhà văn Vũ Trọng Phụng bị bệnh lao, nghe người ra xui, hút thuốc phiện, bệnh sẽ khỏi. Nhưng tiếc thay, Thạch Lam vẫn chết ở tuổi 32, Vũ mất năm 27 tuổi vì con vi trùng lao, dù các ông đã mắc thêm cả bệnh nghiện thuốc phiện trong cảnh nghèo túng.

Mấy chục năm qua, cái bệnh thuốc phiện gần như đã được dẹp bỏ về cơ bản. Nhưng lạ một điều, lạ mà nguy hiểm, lạ mà phải lớn tiếng báo động, lạ mà là nguy cơ: Đó là cái nạn ma tuý tràn lan trở lại, lạ hơn nữa lại rơi vào tầng lớp thanh thiếu niên, lớp chưa kiếm ra tiền để tự nuôi sống mình, lớp người sẽ là tương lai của dân tộc.

Nguy hiểm này đang thành con sóng, tràn qua nhiều vùng từ thành thị đến nông thôn với nhiều loại thuốc phiện khác nhau: Cần sa, hêrôin, côcain, thuốc phiện trắng, thuốc phiện nâu... với các loại nghiện khác nhau, từ tiêm vào thịt, vào máu, đến đốt lên mà ngửi, uống nước đã pha, hút trên lửa đèn, nuốt chửng v.v...

Thuốc phiện, gọi chung là ma tuý, đã bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, bị coi là quốc nạn, bị xử lý nặng... nhưng nó vẫn đang có nguy cơ lan tràn. Tại sao vậy?

Vì có những kẻ vô lương tâm, tàn ác như bọn Vũ Xuân Trường và bao nhiêu tên đang lén lút hàng ngày khắp hang cùng ngõ hẻm, trước cửa các trường học... Vì nhiều gia đình chưa quan tâm đúng mức đến con em mình thường xuyên, chỉ cần lơ là để các em các cháu hút hít một lần, đến lần thứ hai là mắc nghiện mất rồi. Lý do nữa là nhiều em nhỏ được nuông chiều, nhất là bản lĩnh chưa vững vàng, bị bạn bè xấu lôi kéo rủ rê, mà quá dại dột, ngu dốt thử một lần cho ra vẻ ta đây... thế là chui vào cái áo quan chưa đậy nắp ấy.

Một người lao động bình thường như mỗi chúng ta, thu nhập mỗi ngày mươi, mười lăm nghìn đã quý, có thể tàm tạm để sống rau dưa. Người bán sức ở các chợ Giảng Võ, Kim Ngưu... mỗi ngày kiếm được mươi nghìn là mừng quá đi rồi. Nhưng với một con nghiện, thì mỗi ngày cần năm bảy chục nghìn, một vài trăm nghìn mới đủ thỏa mãn cơn nghiện... thì đương nhiên những con nghiện này luôn luôn khủng hoảng thiếu tiền để tiêm, để chích, để hút, để hít... Không có bậc cha mẹ nào có thể nói là đủ tiền cung cấp cho đứa con mình mắc nghiện, dù có giàu đến nỗi có dăm bảy khách sạn cho tây thuê bên Hồ Tây. Và đói ăn vụng, túng làm càn, không bòn rút được ở gia đình, thì dọa nạt, đánh chửi, đe giết cả ông bà cha mẹ. Không thỏa mãn thì rủ rê nhau lao vào con đường phạm tội là tất yếu. Đâm thuê chém mướn, đi trấn lột, đi ăn cướp bằng xe phân khối lớn, đi giật áo của các em nhỏ... Cùng quá đã có kẻ tự đốt mình, tự cho đầu vào thòng lọng, tự nhảy gác tầng ba tầng tư... Có thương những thanh niên dại dột này không? Thương chứ, nhưng cũng giận chúng lắm. Chúng tự hủy hoại mình và đồng thời hủy hoại xã hội, để lại vết nhơ cho gia đình và xã hội.

Chúng ta đã mở ra những trại cai nghiện. Đây chỉ là biện pháp tình thế, bị động, chữa cái ngọn mà chưa chữa từ cái gốc.

Không chỉ xử bắn bọn Vũ Xuân Trường, mà cần nghiêm khắc hơn, công khai hơn, kịp thời hơn với bọn vẫn đang lén hút buôn bán ma tuý dưới nhiều hình thức. Cảnh cáo, tù một vài chục tháng, chưa đủ. Phải tuyên án một cách nhanh nhất, phải có mức án nặng nhất, và cũng nên công khai cho mọi người tận mắt nhìn thấy việc thi hành án nghiêm khắc ấy, chứ không chỉ là ba bốn giờ sáng ở một nơi nào đó.

Trong "Tứ đổ tường" thì cờ bạc, rượu chè, đĩ điếm đều nguy hiểm cho xã hội, nhưng nghiện ma tuý phải được xem là nguy hiểm nhất, tàn phá dân tộc, hủy hoại con người và văn hóa, thế hệ này và thế hệ mai sau một cách dữ dội nhất, không thể nương nhẹ như bà mẹ phạt con mà chỉ đánh kiểu phủi bụi.

Các vai trò gia đình, nhà trường, xã hội, luật pháp... đều quan trọng, nặng nề, nhưng dứt khoát phải làm bằng được để cứu vớt hàng vạn con người, cứu vớt cả tương lai.

1998

Khúc đồng dao

Trong kho tàng ca dao, hình bóng Con Cò luôn thấp thoáng ẩn hiện, quen thuộc như trăng sân gió bãi, như cành tre cây lúa, như tiếng mẹ ru chị gọi, như dòng sông con đò, như bóng đa mái quán.

Nhưng còn các trò chơi tuổi bé, mỗi trò chơi gắn liền với những câu ca mà ta tạm gọi là khúc Đồng Dao thì hình như con cò lại bay vào giấc ngủ mất rồi. Nó đã lịm đi, nó không nhảy lò cò với cái gót non hồng, không chạy vòng cùng rồng rắn, không chấp chới với đàn đom đóm, không dung dăng dung dẻ với những ngón tay mũm mĩm và vụng dại...

Mấy chục năm nay, lớp thanh niên khoảng ba bốn mươi tuổi cho chí đàn em trong các lớp mẫu giáo và lớp trẻ chăn trâu cắt cỏ trên cánh đồng mưa nắng, trên mười tuổi, người ta ít thấy các em chơi các trò chơi như một thuở từ rất xa còn lưu lại...

Những khúc đồng dao xưa ấy có đáng đánh mất đi không, khi hình bóng con gà, con cóc, con đom đóm, củ khoai, con cá diếc, cái bánh chưng... cho đến cô bán hàng, bà cụ bán hoa...

Ba bốn bé gái, ngồi duỗi những chiếc chân mập mạp, giọng còn chưa sõi, tay còn tơ như những cánh hoa, các em cùng hát bài Nu Na Nu Nống: *Nu na nu nống - Cái bống nằm trong - Cái ong*

nằm ngoài - Củ khoai chấm mật - Phật ngồi phật khóc - Con cóc nhảy ra - Con gà Tú hụ - Bà cụ thổi xôi - Nhà tôi nấu chè - Tè he cống Rụt...

Đến cái chữ Rụt ấy, những chiếc bắp chân lấm bùn và không lấm bùn, thịt da đỏ hồng màu non nớt, rụt lại hay vẫn duỗi thẳng, rụt đúng hay cố tình rụt nhầm... rồi khúc khích, rồi nắc nẻ, rồi ngả những mớ tóc rối vào vai nhau, vào cái áo nâu, cái áo hoa, cái áo vá... Cái chân nào rụt cuối cùng? Thua cả làng rồi, em ơi...

Một vòng quanh sân, tháng ba hoa gạo nở cho đom đóm bay ra, trong câu hát của chị :

Tháng ba đom đóm bay ra

Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng...

Bé chưa đi tra vừng trên ruộng cùng mẹ được. Bé cũng chả cần biết con đom đóm kia là linh hồn nào về với dương gian, bay vào nhà cho đỡ nhớ thương. Nào, cùng nhau hát, cùng nhau chạy vòng quanh sân, chạy ra ngõ mà vang vang câu hát: *Đom đóm bay qua - Thầy tưởng là ma - Thầy ù thầy chạy - Ba thằng ba gậy - Đi đón thầy về - Bắt con lợn sề - Cho thầy chọc tiết - Bắt con cá diếc - Cho thầy bóc mang - Bắt con tôm càng - Cho thầy bỏ vỏ - Bắt một chị đỏ - Cho thầy ôm lưng - Bóc cái bánh chưng - Cho thầy nhắm rượu...*

Cũng chả biết đây có phải là thầy phù thủy có nhiều phép lạ không, mà thầy lại sợ con ma đom đóm, bé phải đi đón thầy về...

Cái nền sân đất khô rang, có vết nẻ chân chim, trưa, con mái hoa te tái vừa vỗ cánh vừa cục ta cục tác, thế mà trời chuyển, ào ào trận mưa khao khát, nào ta cùng nắm tay nhau trong nhà vậy, quanh cái chiếu trên giường tre cùng hát: *Lạy trời mưa xuống - Lấy nước tôi uống - Lấy ruộng tôi cày - Lấy đầy bát cơm - Lấy*

rơm đun bếp - Ngồi xệp xuống đây... và câu hát như một mệnh lệnh, tay vẫn nắm tay, những cái thân nhỏ bé lũn cũn kia, đều ngồi thụp xuống... và điệp khúc cùng mưa, điệp khúc cùng lời. Người lớn có thể nghiên cứu, suy diễn nào người nông dân cần ruộng, cần bát cơm thơm, cần bó rơm làm chất đốt... Với người bé, chỉ cần câu hát, nó nhắc đến bao điều quen thuộc hàng ngày, quen như bát cơm trộn tương, như mẹ gắp cho miếng cá, như ngọn khói chiều trên nóc bếp, như cái nùn rơm bện cha mang theo ra đồng cày ruộng để hút thuốc lào...

Hôm đẹp trời, có con chim sẻ, chim ri, chim chích, chim sâu bay qua sân qua vườn, sà xuống giậu mùng tơi đỗ ván, nhảy lích tích trong cây chanh tứ thời, ta cùng hát: *Có con chim chích - Nó đậu cành chanh - Tôi lấy hòn sành - Tôi văng vào cổ - Đem về làm cỗ - Được ba mâm đầy - Ông Thầy ăn một - Bà Cốt ăn hai - Còn cái cổ cái tai - Đem về biếu chú - Chú hỏi thịt gì - Thịt con chim chích...*Câu hát quay lại, câu hát tiếp nối, câu hát vòng tròn... mãi mãi và mãi mãi, dù chẳng hiểu ông Thầy là ai, bà Cốt thế nào, một con chim mà làm được ba mâm cỗ, với lại chim có tai không...

Những bàn tay tinh khiết của tuổi ba, tuổi bẩy, chưa hề nhuốm mùi tục lụy, cái lòng bàn tay chưa rõ ngang dọc những đường tình duyên, số phận, những gia trạch, phu thê... Nào, một bàn tay xòe ra, những ngón tay chỏ lươm xươm cái móng, đặt vào chính giữa và câu hát cất lên: *Chi chi chành chành - Cái đanh thổi lửa - Con ngựa chết trương - Ba vương ngũ đế - Cấp kế đi tìm - Con chim ù ập...* Cái chữ ập khắc nghiệt, ngón tay bị mắc bẫy như con chim non vướng vào tấm lưới để bị phạt xòe bàn tay ra thay thế... Trò chơi tiếp diễn, người được chẳng được phần thưởng nào, người thua cũng vẫn cười ngặt nghẽo.

Từng có nhà nghiên cứu cho đây là câu đồng dao lịch sử nói về cò súng trong câu cái đinh thổi lửa, và ba vương ngũ đế là mấy vị vua yêu nước ra chiếu Cần vương... Đúng hay sai, có lý hay khiên cưỡng. Trẻ thơ bé hồn nhiên đâu cần những khúc mắc của người lớn, mà chỉ cần có một trò chơi, có câu hát, có bước chân lò cò, có cái nhìn long lanh, có cái vồ vào nhau cho thích...

Đêm trăng sáng, sân gạch trước nhà hay vỉa hè thoáng mát, đâu cũng được, miễn là có chỗ mà đặt bước chân, có câu hát để thuộc lòng với nhau, tay dang tay, cười cùng cười, nói cùng nhịp: *Dung dăng dung dẻ - Dắt trẻ đi chơi - Đến cổng nhà giời - Lạy cậu lạy mợ - Cho cháu về quê - Cho dê đi học - Cho cóc ở nhà - Cho gà bới bếp - Ngồi xệp xuống đây...*

Con cóc là cậu ông trời mới có thầy đồ cóc ngồi dạy học, mới có con cóc trên mặt trống đồng, mới có ba con đỡ cái đài nghiên trên cổng đền Ngọc Sơn, mới có câu: Cóc chết ba năm quay đầu về núi, mới để nhà thơ họ Hồ than thân não ruột khóc chồng là ông Tổng Cóc:

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé

Ngàn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi...

Và cậu mợ đây chắc chắn không phải là để gọi cha mẹ theo kiểu học làm sang ở thị thành, mà chính là người đàn ông em trai của mẹ, và người được gọi là mợ ấy chính là vợ người đàn ông kia, người cũng thân tình, theo như phong tục nghìn xưa còn tàn dư mẫu hệ, người cậu đóng vai trò quan trọng trong tộc họ, hơn cả người cha, người chú, và cũng khác câu thơ trong truyện Hoàng Trừu:

Chồng cô vợ cậu chồng dì

Trong ba người ấy chết thì không tang...

Chết không phải để tang, người trong câu thơ kia, có một người

là Mợ, nhưng trong câu đồng dao nọ, thì Mợ lại đáng yêu nhường bao, khi cháu xin phép để về thăm lại quê hương...

Vẫn những cái bắp chân nõn chuối, đỏ hồng bé xíu mà ta muốn vuốt ve nựng nịu, muốn đặt lên đây cái hôn âu yếm của người làm cha làm mẹ, mấy cái cùng duỗi song song, tạo ra khuôn hình thước thợ của đôi chân và thân hình bé tẹo, rồi câu hát đồng thanh vang lên, giọng còn chưa ra giọng, có chữ tròn, có âm còn ngọng: *Xỉa cá mè - Đè cá chép - Chân nào đẹp, thì đi buôn men - Chân nào lấm lem, thì làm chó làm mèo...* Anh cu nào bị hứng lấy cái chữ Mèo ở cuối câu kèm theo chiếc đập tay lên đó là thua, là phải cắn gâu gâu, phải kêu meo meo cho mọi người được trận cười thỏa thích. Cũng chẳng ai hiểu men là gì, tại sao chân đẹp mới được buôn men, cái chất làm cho người lớn ngả nghiêng từng chai từng hũ kia, ai người bé cần biết ngọn nguồn làm gì cơ chứ.

Có lẽ tuổi thơ nghịch ngợm, ưa chạy nhảy, ưa đùa nghịch, ưa cảm giác mới vừa hồi hộp vừa sợ hãi vừa oai hùng, vì thế mới có trò chơi phụ đồng chổi. Lấy trộm nén hương trên bàn thờ, tụm năm tụm bảy, ngồi xung quanh một người gan dạ, anh hùng, chân xếp bằng, tay ôm cái chổi lúa cùn, và cái cổ cái đầu lắc lư điên đảo theo những câu hát linh thiêng như thần chú, bí hiểm như sắp phát hiện kho tàng, lạnh lẽo như trong đêm tha ma, rùng rợn như cõi u hồn...

Câu hát âm u, nhịp điệu rằng:

Phụ đồng phụ chổi - Thôi lổi mà lên - Ba bề bốn bên - Đồng lên cho chóng - Nhược bằng cửa đóng - Phá ra mà vào - Cách sông cách ao - Đồng vào cho được - Cái ron vun vút - Đồng vụt cho đau - Hàng trầu hàng cau - Là hàng con gái - Hàng bánh hàng trái - Là hàng bà già - Hàng hương hàng hoa - Là quà cúng Phật

- Đội mũ đi tế - Là quan Chưởng Đô - Đánh trống phất cờ - Là phụ đồng chổi...

Người ngồi đồng ngất ngư, rồi lăn đùng ra, rồi ngồi dậy, rồi cầm cái chổi cùn mà lia lịa quét sân quét hè trong tiếng hò reo, trong nhịp vỗ tay, trong ánh mắt sợ sệt của đàn em bé hơn, của tí gái chỉ dám đứng phía xa ngó đến... Cờ chỉ là tàu lá chuối, chiếc cành tre đuổi vịt, trống thì có sẵn trong mồm, dùi trống là cái lưỡi... Trò phụ đồng chổi tinh nghịch chỉ có con trai dám chơi, nhưng bé gái cũng thuộc câu đồng dao đâu kém, dù không biết ông quan Chưởng Đô ra sao, nhưng biết hàng quà bánh, hương hoa, cái roi trong tay bố, cái mũ có dải hôm ngoài đình làm lễ tế thần...

Lại còn "Xúc xắc xúc xẻ", còn "Rồng rắn lên mây" cùng "Chồng hoa chồng nụ", "Nhảy vô", "Thả đỉa ba ba"... trò chơi nào cũng có những nhịp đồng dao hòa tấu.

Các nhà ngôn ngữ có thể nghiên cứu đi sâu, các nhà phong tục học bàn điều này điều khác... Riêng tuổi thơ đâu cần biết nghĩa lý xa vời, mà chỉ biết đó là những gì thuộc quanh mình nơi làng quê quen thuộc thân yêu, sợi rơm, bát cơm, giọt nước mưa, con gà, con lợn, chiếc bánh chưng, con đom đóm, chị đỏ yếm đào cho ông phù thủy nhìn thấu cái vai trần thèm muốn.

Ca dao phần lớn là lục bát để còn ngâm ngợi thành bồng mạc, sa mạc hát ví, hát đúm, hát ru, trống quân cò lả... Những khúc đồng dao phần lớn mang nhịp điệu bốn chữ, có vần lưng vần chân cho dễ thuộc: Phải chăng đây là những bài học vỡ lòng của quê hương, khi bé chưa đến tuổi học trò, hay không thể đến trường vì nghèo thiếu?

Các bài đồng dao cũng theo quy luật : Nhiều dị bản, mỗi nơi có những khác biệt khác nhau, bởi truyền khẩu là chính, nôm na là chính.

Trẻ thơ hiện đại có nhiều trò chơi mới, có trò chơi bắt chước Tây Tàu, đắt tiền. Có trò chơi kèm theo bài hát được lồng nội dung chính trị và thời cuộc... Lớp đang học mẫu giáo bây giờ và lớp cách đây hơn nửa thế kỷ đã khác nhau nhiều lắm... Những câu đồng dao sẽ ra sao, còn mất thế nào có đáng được quan tâm không? Ý nghĩa giáo dục về phong tục, về văn hóa, về đời sống, quanh mình, về ngôn ngữ, về tiết tấu nhạc điệu, về tình yêu thương nhau trong lứa tuổi... hình như làm cho chúng ta nhớ lại điều gì trong sâu thẳm lòng ta?

1998

Hội lễ thờ mẹ

Từ bao giờ không rõ, nhân dân Việt Nam không chờ các nhà vua phong, mà mình tự phong cho 4 vị thần của lòng mình là những con người tồn tại mãi mãi với đất trời sông núi: Tứ Bất Tử.

Phù Đổng Thiên Vương, người anh hùng lập công chói lọi, thắng trận xong, treo áo lên cành cây, bỏ về trời, không màng danh vọng chức tước. Thánh thứ hai là Tản Viên, người chúa của ngọn Ba Vì chất ngất, người đã dạy dân làm nhà lên cao thắng giặc lũ bạo tàn, người là hiện thân của thầy lang đi chữa bệnh cho dân nghèo, tay chống gậy, vai khoác tay nải thuốc, chữa bệnh xong là thoắt biến đi, và đó cũng chính là Sơn Tinh trong chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh. Thánh thứ ba là người con trai nghèo. Hai cha con nghèo đến nỗi phải mặc chung một cái khố, ai ra đường đi đánh cá thì mặc, ai ở nhà thì chui vào trong lều mà trốn. Chính hôm chàng trai ấy, tên là Chử Đồng Tử ở nhà, thì không ngờ Tiên Dung công chúa, người con gái yêu của Vua Hùng rong chơi trên sông, ghé vào bãi cát quây màn lên mà tắm. Khi nước giội trên đôi vai trần ngọc ngà có lẽ câu thơ Nguyễn Du hiện lên là tả nàng Kiều cũng là tả công chúa khi nàng khỏa thân: "dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên" thì nước trôi, lộ ra một chàng trai nằm ẩn mình dưới cát với thân hình của anh dân chài vạm vỡ, da nâu bóng, bắp thịt như chão bện. Chỉ có hai người con trai và gái cùng

khỏa thân trong cái màn tắm ven sông hoang vu, chuyện gì sinh ra để động đến cả đất trời, tiên thánh và triều đình vua chúa... Rồi họ trở thành tiên, bay lên trời và mối tình ấy ngàn đời không chết. Họ bất tử với dòng sông Hồng còn đó, thôn Đa Hòa uy nghi ngôi đền ven sông, nơi bãi tắm xưa còn kia. Một ngôi đền không thờ chiến công mà chỉ để thờ một mối tình kỳ lạ, thờ đôi trai gái yêu nhau phải trốn lên trời để nay ta còn phải học cách yêu nhau... (nay thuộc huyện Châu Giang, Hưng Yên).

Và vị thánh bất tử thứ tư là Mẫu Liễu Hạnh. Cho đến nay, có tài liệu nói rằng trên đất nước này có đến hơn hai trăm ngôi đền cùng thờ cúng người phụ nữ Việt Nam tài sắc song toàn ấy, người được toàn dân phong tặng chức "Mẫu Nghi Thiên Hạ" mẹ của muôn dân, mẹ của muôn đời. Ai chẳng có mẹ. Và không một người mẹ nào không thương yêu con mình. Tôn thờ một người phụ nữ làm mẹ, người Việt Nam nói gì trong suy nghĩ, nói gì về đạo lý làm người, nói gì về lẽ sống thiết tha để mỗi năm, tháng ba lịch trăng, lịch con gái, lại tưng bừng lễ hội đến tưởng niệm người mẹ chung thiêng liêng ấy, nơi bà sinh ra, tại xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, Hà Nam... mà dân gian gọi nôm na là Hội Phủ Giày.

Phủ Giày cổ sơ nguyên là Kẻ Giày, từ khi Bà chúa Liễu được phong tặng Công chúa mới đổi tên thành Phủ Giày. Người con gái ấy nguyên là con Ngọc Hoàng Thượng đế, đánh vỡ chén ngọc mà phải đầy xuống hạ giới, từ Quỳnh Hoa nàng thành Giáng Tiên, đầu thai ở nhà Lê Thái Công, lấy chồng, đánh giặc, làm thơ, đàn hay hát giỏi, tài hoa bậc nhất trong thiên hạ, đã từng họa thơ với Trạng Nguyên làng Bùng tức Phùng Khắc Khoan, nơi ven Hồ Tây, chỗ ngày nay là Phủ Tây Hồ, truyền rằng đây cũng là chỗ bà hóa để về trời.

Phủ Giày cách Hà Nội về phía Nam không xa, chỉ vài giờ xe chạy, con đường số Một dẫn ta đi trong hương lúa, gió đồng, giữa làng mạc tràn đầy hồn Việt, tre chuối múa áo xanh, ao chuôm làm gương nước cho mây soi mặt, đến thị xã Hà Nam, ta vẫn đắm mình trong đồng bằng Bắc Bộ bạt ngàn phì nhiêu, cò bay mỏi cánh.

Tết qua lâu rồi, đã tan phiên chợ Viềng la liệt thịt bò thui, để cả con, cứ tự xẻo lấy miếng nào ngon nhất mà chấm tương gừng như cách đây hơn hai trăm năm, khi nghĩa quân của Nguyễn Huệ đi đánh giặc về, được bữa khao quân ngay bên vệ đường, ngay trên bờ cỏ, ngả ngốn với bong bóng trâu đầy rượu và món thịt bò non thui chín vàng, đặt ngay trên lá chuối...

Ta vào phủ Yên Cát, nơi có một quần thể kiến trúc uy nghi, lộng lẫy, có mái đao cong, có giếng xây tròn, có hồ bán nguyệt, có cầu đá xanh, có lễ hội tưng bừng với nhang khói u huyền, câu hát chầu văn bên cây đàn nguyệt tưng tưng... Tháng ba lịch trăng, gió còn non, nắng cũng non, xuân thì một chút hơi già... Mẫu là mẹ chung, Mẫu đã đợi chúng ta, những đứa con tứ xứ trở về. Cờ hội ngũ sắc phấp phới, trống chiêng vang rền, đám rước dài hàng nghìn thước qua cánh đồng lúa đã vào thì con gái, ta ngồi xuống sân đền, ăn bát bánh chay, bát bún riêu, ngắm người đi hội cho lòng mình náo nức với trăm quê. Ta đi vào lăng viếng Mẹ. Lăng xây bằng đá ngũ sắc, lựa chiều ánh sáng ban mai, tuỳ theo góc đứng, ta sẽ thấy những đóa hoa sen tạc bằng đá khối, lúc màu này, khi sắc khác, xanh, vàng, tím đỏ... lạ kỳ.

Lễ hội Phủ Giày, kéo dài cả chục ngày, nhiều trò chơi, đặc biệt có đánh cờ, trò kéo chữ, một cuộc đua tài về chữ nghĩa với ý tưởng cho đất trời thanh bình, quê hương thịnh vượng, xóm làng phong đăng hòa cốc, trai gái thân thương... Hãy mua về chiếc khánh có sợi tua đỏ làm kỷ niệm, hãy chụp bức ảnh bên cây chuối

lạ, một buồng mà có đến hơn hai trăm nải, dài từ ngọn đến chấm gốc trên đất đồng bằng...

Cũng dịp hội này, nếu không về được quê hương nơi mẹ sinh thành, thì có thể ghé lên Hồ Tây ngay sát bên thành nội, ta vào phủ Tây Hồ, chỗ xưa kia, Mẹ hóa thành người tiên nữ thiết tha, hẹn ông trạng nguyên tài hoa gặp nhau mà xướng họa những vần thơ...

Cũng giống như các Đền, Phủ khác, có bàn thờ Tứ Phủ công Đồng: Mẫu Thượng Thiên (trời) Mẫu Địa (đất) Mẫu Thượng Ngàn (Mẹ của rừng) Mẫu Thoải (Mẹ của biển). Hãy gạt ra ngoài ý nghĩ xem có dị đoan hay không có dị đoan mà ta chỉ nghĩ về nước non rừng biển, về những con người mở nước, dựng nước, truyền lại cho ta tài sản quý báu nhường này, từ bạt ngàn rừng núi đến trùng trùng biển cả, từ những áng mây trôi đến cánh đồng chan chứa những dòng sông bề thế... Ta là du khách hay là thần dân của một nước non, có những con người không bao giờ mất, được toàn dân phong thánh, mà đây, Mẫu Liễu Hạnh là một trong số đó...

Cây vối già ngoài sân vẫn nghiêng thân soi nước xuống Tây Hồ, dù ngoài kia, những lâu đài cao tầng hiện đại đã mọc lên, vượt tầm nhìn qua lá biếc...

Lâu nay Phủ Tây Hồ nổi tiếng thêm về món bún ốc. Hàng chục quán bán món ăn từng khiến một ngòi bút Thạch Lam phải ưu ái tiếng khen, khi cái chua cay mặn ngọt làm ứa những giọt nước mắt "... còn thật hơn những giọt lệ tình..."

Đường vào Phủ, có hàng phi lao ba bốn chục tuổi, có lẽ vẫn ru những cây vĩ cầm cho hồn một Đặng Thai Mai, một Xuân Diệu (tên hai nhà văn được đặt cho đường) rì rào văng vẳng với Hà Nội mến thương... Hoa Tết quanh đây đã hết. Những cây quất vàng

cũng đã theo Tết về các ngả. Một vùng làng nước xanh tươi trù phú đây, vẫn đón ta vào như cánh tay người cũ... thoáng hương thơm hoa bưởi vườn ai đâu đó...

Thành ngữ có câu: Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ. Ngày 20 tháng Tám hàng năm, ta đi đền Kiếp Bạc để tưởng niệm vị tướng lừng danh Trần Quốc Tuấn tức Hưng Đạo Vương. Còn tháng Ba, đi hội Phủ Giày, lên với Phủ Tây Hồ, ta tưởng nhớ về Mẹ Việt, để lòng mình đỡ một phần thắc thỏm không lên được Đền Hạ thờ Mẹ Việt Âu Cơ nơi đền Hùng xã Nghĩa Lĩnh, núi Hy Cương, Phú Thọ...

Mẫu Liễu là công chúa. Còn Mẹ ta chỉ chân trần, áo vải, nhưng ta vẫn thấy cả hai như một, gần gũi với hồn ta sâu thẳm, mùa xuân trẩy hội, mùa xuân về thăm mẹ cách xa cho đỡ nhớ nhung, có Tứ Bất Tử, trong đó là Mẫu Liễu Hạnh. Mẹ ta không bất tử, nhưng với mỗi lòng con, thì Mẹ của con ơi, Mẹ cũng là Bất Tử. Phải chăng hội xuân này còn thầm vang câu ấy?

3-1998

Con vật thiêng

Trong văn chương nghệ thuật, các loài ngư điểu, cầm thú … có mặt khá nhiều như những biểu tượng, như những nỗi niềm, như cái cớ cho tâm sự con người trần thế vốn nhiều duyên nợ nhân gian lên tiếng. Đàn én gọi mùa xuân. Con chim bồ câu nâng trời hòa bình. Con nai vàng ngây thơ, con sư tử dũng mãnh, thậm chí tả con người, người ta phải nhờ đến bao loài: Râu hùm, hàm én, mắt phượng, mày ngài, lưng gấu, tay vượn… cho đến xấu xí như ti hí mắt lươn, mặt chuột kẹp, mũi sư tử, gù lưng tôm.v.v…

Con quạ vốn bị người đời ghét bỏ vì tiếng kêu hãm tài của nó, nhưng người ta vẫn coi nó là con vật chí hiếu khi có con quạ già được con quạ non rút nước bọt ra, gầy như xác ve, để làm chiếc gối cho quạ mẹ. Và nó là thiên thần, là ân nhân khi đàn quạ bắc cầu Ô thước cho mối tình triệu năm không phai lạt của người con gái dệt vải và chàng chăn trâu bên con sông bạc trên trời, mà đi trên cái cầu bằng cánh quạ nối nhau ấy, nước mắt đôi tình lã chã thấm lòng ta trong tháng Ngâu sướt mướt.

Người con gái ta yêu thuở hoa niên trong vắt, đôi mắt chưa vẩn bụi trần, chưa vương tục lụy, còn như mắt nai vàng ngơ ngác, như mắt thỏ sáng ngời… Lưu Trọng Lư khi viết câu thơ nai vàng, có lẽ ông đã nhớ đến người con gái con quan, dòng hoàng tộc ở

Huế, khiến ông phải chui rào mà hò hẹn cô gái tên Lệ Minh sau này đi với ông suốt một cuộc đời. Nhà thơ không cho ta biết, may mà người em trai của Lệ Minh là Nguyễn Phước Túc đã lộ BEM như thế.

Nguyễn Bính thơ thẩn trong vườn xuân đầy hoa cam hoa bưởi, cũng chỉ thấy: én liệng ong bay bướm vẽ vòng... hẳn là hồn thi sĩ cũng như ta bay bổng trong cái bay kia, trong ánh hào quang kia trong cái mộng mơ kia mà trong nàng là cả muôn vàn chim muông hoa lá, nói cách khác, nàng đã hóa thân thành vũ trụ.

Trong con mắt của nàng Kiều cô đơn chờ đợi thì Từ Hải là cánh chim Hồng chim Hạc bắt nàng đăm đăm mòn mắt nhớ nhung, khi Tiên Điền viết: "Cánh hồng bay bổng tuyệt vời..." và chính người lính lừng danh Trần Quốc Tuấn đã phải ví người gia nô, gia thần Yết Kiêu với con chim Hồng ấy: "Chim Hồng bay được là nhờ sáu trụ lông cánh", khi Yết Kiêu chờ ông ở bến Đông Bộ Đầu đẫm đầy sương áo trong đêm rút khỏi Thăng Long cách đây 8 thế kỷ...

Muông thú được dẫn ra, so với con người, chính muông thú lấy làm vẻ vang hay con người mới thêm vinh dự? Chợt nhớ lại mà thương cho nhà văn Nguyễn Vỹ đã hạ bút.

Nhà văn An Nam khổ như chó

đến nỗi có người gượng cười phê rằng so sánh như thế thì chó nó nhục chứ chúng ta đâu có nhục. May mà nay chúng ta đã là người Việt Nam rồi, và có kẻ còn làm ma cho chó bắt tất cả mọi người dưới quyền hắn đi đưa đám như đưa đám cha hắn.

Không thể nói hết được kho tàng đồ sộ văn hóa của con người trong đó có những biểu tượng, những nỗi niềm, những gửi trao, những con vật đã thành bạn của con người từ muôn năm trước.

Tuy vậy, không phải người bạn nào cũng đáng đặt lên bàn thờ. Trong thú chơi, người ta còn gặp những cái lèo của tủ chè, tủ chùa, sập gụ, hoành phi, câu đối, những con vật hiền lành, dân dã: nào chùm nho con sóc, nào đàn vịt lội ao sen, nào con dơi ngậm đồng tiền, nào con rùa đội hộp sắc hay ống quyển… Sơn son thếp vàng, sơn then bóng lộn, đánh véc - ni nâu giòn … chúng vẫn sống cùng người, im lặng, hiền lành, tinh nghịch, chỉ mang lại niềm vui mà không một lời ta thán…

Riêng con cò, con vật quen thuộc với quê hương làng xóm, luôn thức ngủ cùng ca dao, luôn sẻ chia thôn dã, luôn chớp trắng cánh đồng mưa nắng… Đã có hàng trăm câu ca dao về con cò, đã có hàng triệu giấc ngủ có cánh cò ru võng… cả con cò lặn lội và con cò xả đời mình cho con cái… nhưng thân phận con cò cũng chỉ là người bạn thân thiết với nỗi sống lầm than con người. Nó không được đặt lên bàn thờ bao giờ. Nó không kiêu sa như con thiên nga, không đắm đuối như đôi uyên ương (một loại vịt thôi) dù có lúc nó nỉ non, nó trong trẻo, nó oan uổng bị con vạc con bồ nông đổ cho tội giẫm nát bờ lúa xanh mới cấy…

Còn con chó nữa, không thể quên được người bạn trung thành suốt đời của ta nếu trong đời ta đã một lần nuôi được con chó tinh khôn, chó vàng hay chó mực, chó khoang hay chó đốm, con Vàng của Lão Hạc, con vàng của thi sĩ nhỏ tuổi Trần Đăng Khoa, con Misa hay con Lili kiểu thành thị, như con Tũn, con Vện… Nó đã bị "hóa kiếp" rồi, nó không còn nằm rét ngoài hiên canh cho ta yên giấc, không còn cuộn khoanh dưới chân mỗi khi ta đi xa về, không còn ngồi chờ đầy kiên nhẫn mỗi bữa ta ăn cơm, không còn nhảy ùm xuống ao theo miếng gỗ ta ném xuống, tha về thả tận tay.

Được an ủi một khi phần đầu xóm ngoài cửa đình, ngoài cổng chợ, nó thành con chó đá, ngồi lún hai chân sau xuống đất, khuất

cả cái đuôi luôn cười với con người, và cái mõm bị vạt đi một miếng để nó khỏi thành "tinh"... Con chó đá ấy chết đi, cũng không được thờ trong nhang khói. Khổ thân một đời chung thủy.

Vượt lên văn chương, nhiều con vật ta từng quen thuộc hay chưa hề nhìn thấy lại được thờ trong các đình chùa miếu mạo.

Tứ linh là 4 con vật linh thiêng như thế: Long, Ly, Qui, Phượng. Phương Tây cho con Rồng là con vật phản trắc, xúi quẩy... Nhưng phương Đông, ngược lại, con rồng là biểu tượng của cao quý nhất, thiêng liêng nhất: Nhà Vua, áo nhà vua thêu rồng, rồi mặt rồng, giường rồng (long sàng), mình rồng, (long thể) đến cái thềm đặt chân cũng được gọi là Bệ rồng. Nơi rồng xuống đẹp nhất: Hạ Long, nơi rồng lên thiêng liêng: Thăng Long... Con rồng trên nóc đình tạ, văn miếu (Lưỡng Long chầu nguyệt, Lưỡng Long tranh châu). Cùng với con Rồng là con Ly tức con Lân, con Kỳ Lân mà có lẽ đã nghìn vạn năm chưa ai nhìn thấy, họa chăng trên các cột trụ tam quan, trong đám rước đêm Rằm tháng Tám, đám múa Lân. Con Rùa đã quen thuộc biết bao nhiêu, không kể cái mu rùa dân gian cười cợt, mà chuyện tiếu lâm kể rằng người đàn bà góa yêu chồng, khấn rằng:

Bố thằng cu, hỡi bố thằng cu

Có linh thiêng thì về đậu lên mu con rùa...

Nó đã đi vào ca dao:

Thương thay thân phận con rùa

Lên đình đội hạc xuống chùa đội bia.

Văn Miếu Hà Nội còn 82 tấm bia tiến sĩ đứng mấy trăm năm sừng sững trên những tấm lưng đá lặng im, trơ gan cùng sương gió. Và ngôi đình nào chẳng có đôi hạc thờ, chân cao ngẳng,

miệng ngậm viên ngọc tròn, bàn chân hạc thiêng thường đứng trên lưng rùa như một định mệnh, một quy tắc, một tâm niệm.

Còn con Phượng Hoàng, con chim Phượng và con chim Hoàng, đôi trống mái song song, liền kề ân ái, son sắt bền lâu, con vật thiêng chỉ xuất hiện vào thời đại Thái Bình. Ta chỉ tưởng tượng thấy nó, ta chỉ mơ màng điệu múa của nó, ta chỉ thoáng tâm tưởng tiếng kêu như nhạc tiêu thiều của nó... Nhưng đi đâu mà chẳng gặp trong các bức phù điêu, trong tranh vẽ, trên bức chạm, bức khám, trong hậu cung thâm nghiêm, trên long đình, trước hương án... Con Phượng hoàng đất có cái mỏ khổng lồ trong vườn Bách Thú là có thật, nhưng nó khác xa con vật thiêng liêng mà ta hằng chiêm ngưỡng với tâm linh người xưa truyền lại.

Nói về đôi hạc thờ, cũng là con vật huyền thoại, nó như một vị tổ tiên cô trên thượng giới, thoát xác ra ngoài cõi thế, về với con người trong đĩnh đạc trang nghiêm, chứng kiến vần chuyển thời gian dâu bể, nhận lấy lời nguyện cầu mong mỏi của con người còn lắm truân chuyên luôn ước nguyện thiện lành...

Người theo Ấn Độ giáo coi bò là con vật linh thiêng. Người theo đạo Hồi không ăn thịt lợn. Còn con Hạc cao gầy kia có phải một phần thoát thai từ vật tổ Totem chim Lạc trên mặt trống đồng, nhắc ta những điều tổ tiên chưa nói hết trong bảng vàng bia đá?

Nhiều vùng nông thôn thường truyền miệng những con ma trâu, ma xó, ma lọ, nó là những ác thần, không ai yêu mến, nhưng lạ một điều, đồng bào nhiều vùng miền núi, ăn thịt trâu xong, thường giữ lại bộ xương đầu trâu trắng rợn, còn nguyên đôi sừng cong vút mun đen, đặt ngay nơi chân cầu thang, khách bước lên sàn là gặp ngay nó như gặp vị thần gác cửa.

Và nhiều ngôi đình làng, hai bên sàn cao, có con voi con ngựa to bằng thật, đặt trên bánh xe, mùa xuân mở hội, trai thanh gái tú

đẩy voi đẩy ngựa theo đám rước thần, có lẽ đó là những con vật tuỳ tùng của thần nhân dù thượng đẳng hay trung đẳng. Voi ngựa ấy ngày thường trầm mặc trong bụi bặm và nắng gió, trong hương tre trúc, trong bát ngát xanh đồng... mùa xuân mới thức dậy vươn vai đôi chút như con ngựa sắt của chàng trai làng Gióng thoắt phi ra lửa đuổi quân thù: những loài gian ác.

Đôi ba ngôi đền thờ thánh, những Tam Phủ, Tứ Phủ... từ xà ngang câu đầu, từ cửa võng... rủ xuống những lá phướn, những chiếc nón màu xanh đỏ tua thao... thế nào chẳng có đôi rắn thần có mào đỏ lự, to như con trăn, uốn mình vào xà gỗ, tạo cảm giác rợn rùng cho đệ tử trước thiêng liêng. Phương Tây quan niệm con rắn là phản trắc, là dối trá, là đáng ghét. Còn phương Đông ta, con rắn cũng đã thần hóa, oai nghiêm, được thờ như điều may mắn, đem lại lộc tài.

Nhiều ngôi đền như thế còn thờ Chúa Sơn Lâm: Ông hổ, Hắc hổ, Bạch hổ, Ngũ hổ (mà không thờ sư tử là một vị chúa sơn lâm khác)... Mua một bức tranh về thờ trong Điện, không ai nói đi mua, mà phải nói: Đi thỉnh một Ngài về. Không có chuyện mua bán, tiền nong, thị trường ở cõi linh thiêng này, nó đã bị gạt ra khỏi tâm linh hướng thiện. Đó là điều hay chứ sao?

Trở lại đôi hạc thờ ở nơi thờ cúng, con hạc vẫn mang một điều gì siêu thoát, có lẽ con chim thần ấy vỗ cánh giữa trời xanh thì hồn người bay lên theo như nhà tu hành thoát tục, vì thế mà truyện Kiều đã năm lần nhắc đến con chim Hạc, đều là những thanh tao nào "Trong như tiếng hạc bay qua", nào là: "Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu", nào là "Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao..." Một câu thơ cổ khác nói về sự nhàn du phóng khoáng, đã viết:

Nghêu ngao vui thú yên hà

Mai là bạn cũ, hạc là người quen...

Thì rõ ràng con hạc đã là bạn của người quân tử, không ham danh lợi nhỏ nhen, không đua chen thế tục lợi quyền, không tranh giành địa vị hư danh...

Đôi khi cũng tự hỏi vậy thì con chim hạc quân tử ấy sắc lông thực tế ra sao, khi nó đứng đây, lông cánh lông đuôi vàng son rực rỡ, còn trong thơ Đường, Thôi Hiệu lại nói đến Hạc Vàng mà Tản Đà đã dịch ra thơ Việt nằm trong lòng nhiều thế hệ:

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu

Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ...

Hạc vàng mất hút từ xưa

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay...

Ta cũng bay theo mây trắng có bóng hạc xa vời, nếu một hôm nào đó cảm thấy hồn mình lâng lâng, muốn trở thành tiên ông, thi sĩ... như Nguyễn Công Trứ con người lừng danh, tài trí tột bậc, lại bỗng tuột xuống thành anh lính trơn, nay gọi là anh binh nhì "Đơ dem cành cạch" (deuxième classe) trong câu thơ chắc ông cũng rung đùi, nâng nậm rượu rút từ ngang lưng ra, ngả cổ, nheo mắt về đời:

Của giời giăng gió khó vô tận

Cầm hạc tiêu dao đất nước này...

Nay, có nhiều người cao tuổi về nghỉ nhưng chưa thể tiêu dao, hẳn trong sâu thẳm tâm hồn, chuyện lợi danh là cái vặt, bản thân các cụ cũng đã "chân cò gối hạc" nhưng tấm lòng son kia vẫn còn như thân hạc ngậm viên ngọc quý cuối đời, để truyền cho thế hệ sau bao điều đáng quý.

Những con vật trong văn chương, những con vật được tôn thờ, những con vật thoát khỏi đời thường, đi vào tâm hồn và tâm thức, đã góp phần nâng cao lên, thoát ra ngoài vòng tục lụy, nói theo đương đại, ta nhờ nó Hướng Thiện rất nhiều, chẳng đáng ghi công nó hay sao?

Con vật có thực hay con vật huyền thoại, con vật trong rừng sâu bí ẩn hay trên tầng mây bát ngát, con vật giữa bao la sóng cả trập trùng hay trên cánh đồng ông cha ta tạo dựng... ta xin được kính cẩn nghiêng mình...

4-1998

Chị ơi

Người phụ nữ thiêng liêng thứ hai trong đời ta, không phải là cô gái ta yêu say mệ điên đảo, sẽ đi cùng ta đến cùng trời cuối đất, suốt đời, cho ta hạnh phúc và tân toan, người yêu và là vợ ta ấy, mà người thiêng liêng thứ hai kia là Chị gái của ta. Đương nhiên người thứ nhất không ai khác là Mẹ, người đã sinh thành, đã nâng niu nuôi dạy, đã cho ta cả cuộc đời, người không một phút nào không thương yêu ta dù cho có lúc ta mảng vui mà lãng quên nghĩ về nơi quê xa có mẹ...

Nàng gái ta yêu đến với ta say lắm, năm mười lăm hay hai mươi tuổi. Còn chị, chị mến thương ơi, từ thơ bé biết "chim chim" bàn tay, biết "thổi cơm" bằng phì phì nước bọt, chị đã ôm ta vào lòng, chị đi đâu về là vồ vập hôn ta như mưa như gió, chị vỗ về, đu bổng cánh võng như vành trăng khuyết cho ta bay vào xứ sở thần tiên, chập chờn mặt ao con trê con diếc: à, ơi...

Cái ngủ mày ngủ cho lâu

Mẹ mày đi cấy đồng sâu chưa về

Bắt được con diếc con trê...

Hay thấp thoáng đồng xanh có:

Con cò con vạc con nông

Sao mày giẫm lúa nhà ông hỡi cò...

Những ngày mẹ mải chợ đường xa, những hôm mẹ thánh thót mồ hôi trên cánh đồng nắng mưa tầm tã, chị đã thay mẹ, bế ta vẹo xương sườn, cõng ta trên lưng vào ra khung sân hay đi dọc con đường làng xin sữa cho em, lúc lúc em nặng, chị mệt nhoài, chị lại dừng chân xốc em lên rồi lũn cũn cái bóng hai chị em giữa quê im mà như mênh mông trời đất... Chị đảm đang ngay từ khi lên năm lên bảy để đỡ đần mẹ hay chính từ trái tim nhỏ nhoi như con chim sẻ trong cái ngực gầy kia đã yêu ta, thương ta bằng cả một tình mẹ chưa hình thành hoàn chỉnh. Có lúc đứa bé hư là ta ấy hờn dỗi, quẫy đạp, cào cấu đến xước cả da thịt chị, chị vẫn cười trong giàn giụa, vẫn như bà mẹ nhỏ đầy nhân từ tha thứ... Phải lớn lên ta mới nhớ lại để hiểu rằng tâm hồn người phụ nữ Việt Nam nhỏ bé ấy đã sẵn sàng chứa đựng bao nhiêu độ lượng vị tha hy sinh và chịu đựng...

Từ cái thuở mái tóc sém nắng đi bắt con cua, đi mót bông lúa củ khoai, gọi em lại giúi vào tay con cua nướng, củ khoai lùi, hai chị em như hai đứa lọ lem... cái thuở chị bẻ que rào làm đồ chơi cho em, chị nhường em khẩu mía nạc còn chị nhằn khẩu mấu... cho đến khi mái tóc mượt bờ vai con gái, những làn suối đen huyền trên lẳn tròn thanh nữ, chị đã biết giắt bông hoa bưởi vào khăn vấn, bông hoa lan vào túi áo... đi một mình ra sân đình hay sang bên hàng xóm có mấy anh mấy chị rúc rích những gì ta không hiểu, ta vẫn là cái đuôi, bám theo tà áo chị, chị càng độ lượng cho ta chiếc kẹo hay tờ giấy màu làm đồ chơi kèm theo câu "Cu không được nói với mẹ, nghe không..." Ô, những bí mật muôn đời của loài người, của mỗi con người, cho đến khi ta cũng bị một mái tóc nào kia hớp hồn, ta mới lờ mờ hiểu ra thế nào là tiếng trống ngũ liên trong ngực...

Đã bao nhiêu lần chị xắn quần, để lộ bắp chân nõn chuối, lội xuống chiếc ao bào toen hoẻn, con đỉa trâu bám vào đây no căng,

hằn rõ như một vết mực tàu trên trang giấy trắng, chị vẫn cặm cụi rửa rổ bèo cho đàn lợn chiều hôm đang phá chuồng đòi ăn, chị dắt ta về trên con đường cát mịn, rỏ từng giọt nước như những ngôi sao lặn ngay vào cát, mà trên lưng áo chị nổi mờ vết cặn mồ hôi trắng như muối đọng, ta đâu hiểu hết những vất vả lam làm của người con gái quê nghèo biết giúp mẹ đỡ cha, trông em từ tấm bé...

Rồi lớn lên, ta đi học, trường làng trường huyện, trường tỉnh, ta mải mê, ta rong chơi, ta lãng quên... người chị gái - người mẹ thứ hai của đời ta... còn đó.

Buồn cười ngày đám cưới chị, ta cứ bám vào áo chị đòi theo, một thứ hương gì từ người chị tỏa ra, hương ngâu hay hương sói, hương huệ hay hương sen... hương trinh nữ hay hương hạnh phúc, hương chờ đợi để đón nhận ái ân hay bất hạnh... ta đâu biết, ta chỉ thấy là ta mất chị, nên ta ghen với anh con trai đóng vai chú rể ta muốn làm chú rể, thay anh để gần chị mãi mãi khiến mọi người cười ồ, không cho ta bước theo chị vào căn buồng mà ta chắc trong đó toàn những điều bí mật ly kỳ bắt mất chị ta.

Người chị trong "Lỡ bước sang ngang" của Nguyễn Bính, người chị gánh thóc "dọc bờ sông trắng nắng chang chang" của Hàn Mặc Tử, người chị đánh lừa em tìm lá diêu bông của Hoàng Cầm... và người chị của ta, của vạn chú bé như ta... ai hạnh phúc và ai khổ đau, ai viên mãn và ai giữa đường đứt gánh, ai ra đi trong tuổi thanh xuân và ai mòn mỏi đợi chờ để trở thành người mẹ liệt sĩ sau này... nào ai tổng kết được bao giờ.

Mùa xuân, chị theo mẹ lên chùa, còn em thì theo chị. Hai chị em mình ngắt trộm quả khế chua, chị bảo để chuốt cho hàm răng chị vừa nhuộm hôm nào... Đêm về, em gối đầu lên tay chị mà mơ giấc mơ thơ bé có bà tiên phơ phất chiếc thắt lưng hoa đào hoa lý, chị ấm nồng thơm tho, chị chở che để sương vườn khuya

phải lùi xa, chỉ còn hơi thở đều đều chị phả lên em cho em được đắp tấm chăn bằng hơi thở ấy. Chị có nằm mơ không, và mơ thấy gì, em không bao giờ được biết, có lần em hỏi, chị chỉ cười mà chẳng trả lời...

Mẹ chúng ta đã theo cha đi mãi mãi. Chị em mình cũng mỗi người một ngả đường đời. Nhưng chị thì luôn nghĩ em có được hạnh phúc không, trong khi đứa em chị nhiều khi quên bẵng nơi làng xa vẫn còn bà chị với đàn con thiếu thốn vì nó còn mải mê cùng bao điều xung quanh nó. Em xin tạ tội cùng chị, chị có tha thứ cho em không, mà chị vẫn cứ xởi lởi hỏi han: Độ này cậu sống ra sao, vợ chồng có hạnh phúc không.

Những người phụ nữ quê mùa (xin tạm gọi là như thế) với những nàng gái phấn son váy ngắn dài... có điểm nào chung, ai có em và ai không có, ai sống cho người khác và ai sống cho mình? Hình như mỗi thời có một tiêu chí riêng, không thể bắt xưa như nay cũng như không thể bắt nay thành xưa... Nhưng hình như có một điểm chung là: Ai không có chị sẽ mang một thiệt thòi to lớn. Chị làm mềm mại cho tâm hồn em khi em khô cằn và lý trí. Chị là gió mát cho cuộc đời em khi em phải lao vào những ngọn lửa tân toan mà giành giật cuộc sống vốn chẳng bao giờ bằng lặng.

Chả thế mà có những người phải tìm cho mình một người chị kết nghĩa để mong niềm an ủi sẻ chia... bởi tâm hồn và trái tim phụ nữ thường bao dung, hào phóng, cho nhiều hơn nhận, như sợi lạt mềm mà buộc chặt, như hương hoa mà an ủi ta nhiều...

Chị, tiếng gọi bình dị mà chứa hàm những gì cả đời ra mong ước, những gì ta được ban tặng. Ta vui, chị chia vui. Ta buồn, chị an ủi, ta ăn năn, chị nâng đỡ, ta lỗi lầm, chị tha thứ... Chị chính là người mẹ thứ hai của mỗi người đàn ông, dù đó là ông hoàng hay anh dân thợ, dù đó là thi sĩ lừng danh hay cậu học trò vụng dại...

Rồi người đàn ông nào cũng có người đàn bà của mình, con anh ta cũng sung sướng khi được cất lên tiếng gọi: bác ơi, có nơi là cô ơi. Không ai thay thế vị trí nồng say của người yêu dấu, người đầu gối tay ấp, người hòa chung hơi thở trong câu "anh em quen tiếng vợ chồng bén hơi", nhưng Mẹ ta và chị ta gắn bó với ta một cách riêng thành kính với ân nghĩa sâu như lời ru trong cánh võng bé thơ đã thành máu thịt, như những chiều muộn, chị cõng ta chờ mẹ bên bậu cửa nhạt nắng trong khói lam mờ nhà ai nổi lửa...

Phải đến khi tóc ta như biển khơi nổi sóng bạc đầu, ta mới càng hiểu chị ta, mẹ ta đã in bóng trong hồn ta đậm nồng đến thế nào, khi mẹ cũng như chị đều đã thành thời gian vĩnh viễn, không còn cần đến quả khế vườn chùa hôm Tết, không còn cất lên tiếng ru: con trê con diếc con cò... khi một đêm quán trọ dọc đường, ta lạnh lẽo một mình mà hồi tưởng những trang tuổi cũ ... ta chợt phải thốt thầm: Chị ơi...

1998

Xuân chẳng riêng ai

Người ta hay nói: người già là người đang sống trong mùa đông của cuộc đời mình. Nếu đúng thế thì người già không còn có gì là mùa xuân nữa ư?

Chẳng lẽ chúa xuân, ta quen gọi là Nàng Xuân lại hẹp hòi đến vậy, ngoảnh mặt làm ngơ, phũ phàng khước từ niềm vui cho những ai cao tuổi ư? Không phải thế, dứt khoát không phải thế.

Cành đào rực rỡ kia, đóa hồng nhung hồng thắm nọ, chén rượu giao thừa đựng cả vũ trụ dương hòa, chẳng lẽ gạt người già ra ngoài thềm mưa lạnh được chăng?

Một nhà văn đã nói: "Không phải người 60 tuổi là người già, mà người già là người ba mươi tuổi đã xì hơi". Có lẽ đúng chăng, khi thời gian đọng lại thành tuổi tác và cách sống, cách nghĩ, nếp sinh hoạt của con người là quyết định cho cái già và cái trẻ.

Thời gian không chỉ là những cặn vôi đọng trong chiếc ấm dùng đun nước để pha trà, mỗi ngày dày thêm một tí, khô cứng, đông đặc... làm chai lì cảm xúc và tinh thần, nếu con người vẫn có một tâm hồn chan hòa vào mùa xuân cùng những gì xung quanh đang có.

Ai cũng có một thời trẻ trung sôi động đầy niềm vui và lo toan, náo nức và mơ mộng, say mê như nhấp rượu tình yêu, tràn

trề sinh lực như cầu thủ bóng đá, tưng bừng như hội rước mùa xuân, cháy bỏng đến bàng hoàng như nụ hôn đầu tiên ngượng ngập... và khao khát, và dằn vặt, và buồn đau trong vật lộn kiếm tìm, trong ước mơ, trong cơm áo, trong lo toan cho bản thân, cho vợ cho con...

Đêm tân hôn huyền ảo, ngày lang thang bệnh viện trước tình trạng đứa con đang trầm trọng, buổi lỡ một chuyến đi danh và lợi... cái guồng quay mà Ôn Như Hầu đã viết "Cái quay búng sẵn trên trời", nó guồng con người vào vòng đu tung hứng, bắt tuổi trẻ phải toát mồ hôi sớm tối, phải thao thức trắng đêm để tìm giải pháp. Tuổi trẻ đồng nghĩa với hành động, chứ không phải nhàn tản, bởi như một danh ngôn: Ai không hành động gì nghĩa là tham gia một hành động xấu...cho nên từ một trí giả đến một anh khờ, tuổi trẻ đều dắt đi trên đường đời cả giông tố và hoa hương, cả chông gai và hào quang, cả hạnh phúc và đau khổ...

Chỉ đến khi được đón dăm sáu chục mùa xuân, chơi dăm sáu chục cành đào Tết, mới là lúc bình tâm suy ngẫm trong màu thời gian đã nhuộm mái tóc sương mơ... Vậy, mùa xuân có phải không phải là của người cao tuổi, câu hỏi thông thường và khắc nghiệt.

Thi hào Đức, Gớt ngoài tám mươi tuổi mới hoàn thành tác phẩm bất hủ và còn yêu đắm đuối cô gái ngoài hai mươi tuổi. Tề Bạch Thạch vẽ những bức tranh đẹp nhất khi ở độ tuổi bát tuần. Đành rằng có một thi sĩ Vương Bột, văn sĩ Vũ Trọng Phụng tài hoa nở rộ và ra đi ở tuổi 26, 27, nhưng người thầy vạn thuở Chu Văn An dâng sớ Thất trảm ở tuổi bao nhiêu? Phạm Đình Hổ, người còn để lại những trang viết hào hoa tao nhã, khi ông viết "Nhà ta ở phường Hà Khẩu..." với Vũ trung tuỳ bút, những bài tuỳ theo ngọn bút trong mưa, tức là tuỳ theo những sợi vô hình bay ra từ chân tóc, đậu xuống trang giấy còn đậu vào lòng người

suốt mấy trăm năm, khi ông cũng không còn trẻ tuổi...Ai dám bảo mùa xuân không phải của người cao tuổi, khi chợ hoa Hàng Lược kia, những ông râu cước, những cụ tóc mây... ngắm nghía cây đào thế say mê đến thế, xem một nhánh chi mai muốt trắng, trầm trồ trước một phong lan vương giả tài tình, chau chuốt nâng niu giò thủy tiên thần dị nở đúng đêm giao thừa ngan ngát... với bàn tay móng dài, da đã nhăn nheo, những sợi râu ám khói thuốc từ cái tẩu bất li thân mấy chục năm ròng.

Chắc chắn nếu tuổi trẻ đam mê hội xuân, có nhạc Rốc hoặc bạn tình mi cong, môi đỏ thì chỉ có người cao tuổi mới đủ lịch lãm để hãm, để gọt, để thúc Thủy tiên trong Hội thi hoa, giật lấy cái giải khôi nguyên, thủ khoa, chỉ có vuông lụa đỏ và bao chè nhưng là cả một đời dằng dặc phổ vào cốc pha lê hoa kia tài tình đến thế.

Xin vâng, người cao tuổi không còn phải lo toan cơm áo gạo tiền, thuốc thang bệnh viện hay quyền chức ganh chen, mà như Nguyễn Công Trứ đã nói: "Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp..." cứ ngất ngưởng bước thấp bước cao, vui cùng thiên nhiên hoa cỏ, bạn bầu... thì mùa xuân chính là lúc là dịp để tâm hồn già càng thanh thản, là lúc là dịp để người cao tuổi hòa đồng vào những thanh cao và thanh tao, vào niềm vui không vụ lợi, vào cái say không cần rượu vào ánh mắt người bạn đời chung thủy trong chữ NGHĨA mặn nồng chứ không phải cái mặn nồng xoắn xuýt.

Thú uống trà, dù là trà mộc nguyên sơ như Cao Bá Quát đến trà sen, trà sói, trà hồng mai nơi cửa thiền, người có tuổi mới thấm hết sự ngọt bùi sảng khoái, thanh tịnh của tâm hồn sương sớm.

Lại nhớ thêm câu: "Trẻ vui nhà già vui chùa" để nói về bà của bà chúng ta, mẹ của mẹ chúng ta. Mẹ từng vui khi vạch áo cho

con bú, con no nê, quẫy đôi chân đỏ hồng, đạp vào không gian mẹ cười nụ cười thỏa mãn của chắt chiu ôm ấp... nhưng khi lưng mẹ đã còng, sau cái yếm kia là bầu sữa mẹ đã dốc hết cho con, nay, cửa chùa hương khói ngát thơm, tâm linh dẫn lối, mẹ đi cùng bạn lứa, cầu trời niệm phật, không phải cho mẹ mà cho con cháu, mẹ vui xuân trong niềm vui của cháu con khôn lớn, ăn nên làm ra, biết noi đường thiện...

Mùa xuân của người cao tuổi càng ý nghĩa trong vui vầy sum họp thuận hòa hiếu đễ. Cháu biếu ông đôi bít tất, quyển vở bìa cứng để ông ghi những bài thơ trong tổ thơ các cụ, con tặng mẹ tấm áo ấm để mẹ vui chùa... Kể chuyện cổ tích, chuyện "ngày xưa" cho các cháu nhỏ, nói lại ngày trẻ ông bôn ba vượt biển băng rừng, đi thi hay đắp đê, ngồi ghế thủ trưởng hay làm anh Vệ quốc đoàn, anh Vệ túm... cũng chính là niềm xuân đầy tươi trẻ, làm tâm hồn người già thanh xuân trở lại biết chừng nào...

Tuổi thọ ngày nay đang dần được nâng cao, 60 tuổi còn chưa được gọi là người già, vẫn nhanh nhẹn, xông pha, vẫn đầy sinh lực, mùa xuân là dịp tặng cho tất cả mọi người niềm xanh tươi, mới mẻ. Mùa xuân vốn hào phóng, chia đều lộc cho bất cứ người nào. Với người có tuổi thì mỗi xuân càng thêm độ dày của cuộc đời, nói như Nguyễn Du "ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng...".

Cũng không loại trừ có người mùa xuân về là lúc u hoài và luyến tiếc. Đứa con nào bạc bẽo, đưa cháu nào vô tâm... khiến tuổi già buồn tủi, là cái tội người trẻ chứ không phải là lỗi của mùa xuân, của hoa xuân, của mưa xuân ấm áp.

Người Việt Nam chúng ta có truyền thống gia đình gồm vài ba thế hệ. Có câu: "Một mẹ già bằng ba mẫu ruộng", và "con có cha như nhà có nóc"... Ba mẫu ruộng là của ăn của để. Cái nóc nhà là nơi cao nhất, vững nhất che chở cho con người mưa nắng bão bùng...

Tuổi già là thế, ngược lại tuổi trẻ cũng là mùa xuân cho tuổi già niềm vui viên mãn, ít ra là thanh thản, để ngắm một ánh hoa đào, để nâng lên chén trà ngát hương, để hòa đồng tâm thức, để tạo dựng những xuân đang đến mỗi mùa...

Cuộc sống vốn vô cùng quý giá, như thi hào bất tử Homère trong trường ca Iliade đã viết: "Vì theo tôi không gì bằng sự sống. Người ta có thể cướp bò, cướp những con cừu khỏe mạnh, mua giá ba chân, ngựa đầu vàng... nhưng đời người, một khi đã vượt qua giới tuyến của hơi thở, thì người ta không thể cướp lại được, mà cũng không thể nào mua lại được...". Vậy thì, có người cao tuổi, có ông bà, cha mẹ cao niên trong nhà để cùng hưởng mùa xuân tươi tốt, yên lành là niềm hạnh phúc lớn lao, không phải ai cũng có. Tuổi trẻ biết làm ra mùa xuân, tuổi già biết vui cùng xuân, niềm xuân ấy chẳng giá trị nào so được...

1998

Chuyển động sau mùa 30-4

Hà Nội lại sắp tàn những ngày giao mùa trời chuyển, như câu thơ tài hoa của cố thi sĩ Hồ Dzếnh:

Trời đẹp như trời mới tráng gương

Chim ca tiếng sáng rộn ven tường...

khi những chàng lực sĩ Xà Cừ đổ lá tơi bời và hàng sấu trên đường Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Ngô Quyền thay màu quan lục bằng những chùm lá dệt bằng xa tanh mờ bóng lộn màu lá mạ, khi những cô hàng Mơ bán những mẹt mơ cuối mùa trên hè phố Phạm Sư Mạnh, mỗi mẹt mơ được xếp thành hình Kim tự tháp vàng tươi, ửng lên chút hồng đào thơm nức... Thế có nghĩa là mùa Tháng Ba lịch trăng đang qua, tháng Tư lịch mặt trời đang đến, tháng có ngày nghìn năm nữa không quên: ngày 30 tháng Tư, ngày nguyệt tận, ngày cuối tháng ngày cuối cùng của chiến tranh khốc liệt suốt hơn ba mươi năm trong lịch trình mấy nghìn năm dựng nước của con cháu Lạc Long Quân và Âu Cơ, con cháu Vua Hùng có cột đá thề trên đỉnh núi Hy Cương - Phong Châu lịch sử.

Mùa này, ngày này Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh đang vào mùa nóng nhất. Mưa còn đi vắng. Gió sông Sài Gòn từ biển Đông vào không đủ sức làm mát cho hơn bốn triệu người mà phải

nhờ sự hỗ trợ của nhiều máy lạnh ro ro, khiến có anh nhà nghèo, ở nhà mái tôn, ban ngày đành rong ruổi phố phường, ngắm hoa cây dầu như chiếc đu xinh, quay tròn trước khi buông mình xuống đất, tối về mới dám bước lên căn gác chạm đầu, hầm hập "mùi nhiệt đới" chang chang đang dần nguội, giở cái máy chữ ra mà lách cách.

Cũng ngày này năm 1975 ấy, Tràng Tiền (giống như phố Đồng Khởi - Catinat của Sài Gòn) chật ních người xe, vì không ai có thể cầm giữ được hân hoan mà không ra đường để chia sẻ, để cảm nhận, để chung vui với mọi người, tôi đã gặp Trúc Thông, một nhà thơ tài hoa, luôn muốn cách tân thơ. Anh cũng giàn giụa nước mắt khi đứng trước cửa Bách hóa tổng hợp, không phải để mua gì mà chỉ để hòa mình vào muôn tấm lòng người Hà Nội. Chúng tôi tự nhiên cũng bắt tay nhau cứ như lâu ngày không gặp mà thực ra là vừa gặp nhau hôm qua hôm kia trong phòng bá âm của Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, cái động tác bắt tay ấy cứ tự nó hiện ra, tự nó bật lên như cái mầm cây phải vươn ra ánh sáng như ngọn nến châm lên là tỏa rạng... Và chúng tôi cùng cười, cười trong nhạt nhòa nước mắt, cười trong âm thanh xốn xang, trong muôn khuôn mặt háo hức cứ như nằm mơ, chưa tin đây là sự thực, mà không biết rằng đây là phút giây lịch sử hào hùng nghìn năm một thuở, có lẽ như xa xưa, khi Quang Trung đuổi Tôn Sĩ Nghị, khi các Vua Trần cùng Hưng Đạo Vương trở về kinh sư với câu thơ:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kinh âu

Có người tạm dịch là:

Xã tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng

Thấm thoắt, thế mà đã 23 năm, gần một phần tư thế kỷ, gần một nửa đời người, kể từ cái buổi chiều giao mùa không mưa không nắng ấy, buổi chiều đẹp như trời đã hòa bình, đẹp như ước mơ vạn năm của cha ông yêu tự do và một lòng dựng nước ấy... Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và khắp các vùng đất nước đã đổi thay kỳ lạ.

Cữ này năm ngoái, tôi hòa vào cái nắng nóng Sài thành Chợ Bến Thành đã khang trang hơn trước nhiều. Công trường Quách Thị Trang, nơi Nguyễn Cao Kỳ từng dựng pháp trường xử tử người yêu nước với tội danh Cộng Sản, Việt Cộng, Bắc Cộng... đang có ghế đá cho từng đôi người ngồi nghỉ chân, không còn cảnh những người đi đổi tiền rong như những năm 1976-1979, lần đầu tiên tôi đến Hòn Ngọc Viễn Đông sau giải phóng.

Sức sống Việt Nam thật lạ kỳ. Sài Gòn đang tiến tới kỷ niệm 300 năm ngày thành lập. Đây là vùng đất trẻ so với Thăng Long - Hà Nội nghìn năm. Một Lý Công Uẩn, sau đó 700 năm, một Nguyễn Hữu Cảnh... dựng lên hai đô thành ở hai đầu đất nước, người dân nào đầu tiên mở đường lập ấp, vượt qua bùn lầy lau sậy, hùm báo rắn rết để Hà Nội chiến thắng máy bay B.52, để chiếc xe tăng anh Giải phóng quân húc đổ cánh cổng dinh Độc Lập và lá cờ đẫm máu quá trình khói lửa phấp phới tung bay, báo tin cho triệu trái tim Sài Gòn háo hức từ nay là người dân độc lập trong hòa bình.

Tôi đã thả bước chân ra Thanh Đa, vào cảng Nhà Rồng, đi sang khu Khánh Hội, dọc con đường Trần Hưng Đạo hun hút suốt từ Chợ Cũ vào Chợ Bình Tây, đến Cầu Công Lý nơi anh Trỗi định giết thù, ăn bát canh củ cẩm tím mờ như áo người con gái Huế với hương thơm gia vị là mùi tàu ở cư xá Thanh Đa, cư xá Bắc Hải... để cảm nhận vào mình một Sài Gòn, thành phố đã mang

tên Bác: Hồ Chí Minh rực rỡ khác thường so với những chuyến tôi vào thăm lần trước.

Hình như Sài Gòn cũng như Hà Nội, đang mỗi giầu lên nhanh chóng và thực sự. Anh bộ đội hành quân 6 tháng vượt Trường Sơn để vào tiếp viện cho B cho C, hẳn không nghĩ rằng công lao của anh được nằm vô hình trong những bó hoa hồng hoa cúc, hoa dơn mà những ai kia đang tặng nhau trong sương sớm, trong tiệc sinh nhật buổi chiều (ấy là theo thói quen người thành phố, chiều chỉ bắt đầu từ lúc đã lên đèn, và tối là lúc kết thúc vào khoảng 24 giờ đêm).

Người chị gái của tôi trong hẻm Trần Quang Diệu đã kịp gặp em mình sau bốn chục năm xa cách. Chị cũng như bao người phụ nữ Sài Gòn khác, phải vật lộn với đời thường, có khi buộc phải đi làm "Sở Mỹ" lần đầu tiên gặp tôi, có chút ngỡ ngàng, tủi phận, vì chẳng biết đứa em trai, mình từng bế ẵm đang đứng trước mặt mình kia nó nghĩ gì, vì dù sao nó cũng là "một tên Việt Cộng" một tên "Cộng sản Bắc Việt"... Chị gái của em ơi, không có người Việt Nam nào thua trong trận chiến này, trừ một hai tên đầu sỏ đã cuỗm vàng chạy ra nước ngoài. Tất cả chị em mình, những người Việt Nam, con cháu của Lạc Long Quân và Âu Cơ... đều là người chiến thắng, đều là người của đất nước này, sinh ra và có thể chết đi cho đất nước này, dù ở Hà Nội hay Sài Gòn. Ở Nha Trang, Bắc Ninh, hay Phú Quốc, Hạ Long... chị đã cười tươi trở lại, cho tôi ăn một bữa cơm có món rau muống luộc, không hiểu ngắt từ kênh rạch hay thửa ruộng nào nơi ngoại vi thành phố, mà sao nó cũng giống hệt như ngọn rau làng Láng, rau hồ Ba Mẫu, rau Thanh Trì Hà Nội ...

Cho đến năm nay Sài Gòn đã có nhà cao tầng, trên con số 37, còn Hà Nội thì cũng không chỉ là tầng trệt, loại nhà cho công chức ở trong khu vực phố Mai Hắc Đế, Triệu Việt Vương, hay

nhà ống Hàng Đào Hàng Gai, có chiếc non bộ con con, cái lồng chim khướu, chim yểng... mà cũng hơn mười tầng. Chúng ta không đánh giá văn minh sang trọng chỉ bằng tầng nhà, bởi ta chưa có nhà trên 140 tầng, nhưng dù sao đây cũng là điều mừng vì tốc độ dựng xây đang trên đà tăng tốc. Chúng ta đánh giá những gì còn ở sâu trong tâm hồn người Việt Nam, không kể Bắc hay Nam, đó là đạo lý, gia phong là kiên cường bất khuất, là tấm lòng yêu nước và tính nhân đạo cao cả là sự hy sinh bền bỉ suốt mấy chục năm để có ngày 30 tháng 4 hùng tráng như một bản anh hùng ca bất hủ.

Trong dịp vào Nam năm ngoái, tôi cũng đã ra đảo Phú Quốc, dầm mình vào trong sóng nước biển Đông. Trong xanh và hiền dịu, phi lao và bãi cát, người con gái bán nước dừa tươi... sao mà gợi nhớ về địa đầu miền Trung có Sầm Sơn, Cửa Lò, sao mà gợi nhớ về Hạ Long, Bãi Cháy, Trà Cổ nơi bắt đầu đất nước.

Nhà tù Phú Quốc chỉ còn là bãi hoang vu. Làng chưa sum suê cây trái. Con trai biển còn âm thầm làm ngọc dưới lòng sâu... Những ai bỏ mình nơi bức tường đổ nát kia, rồi phải nhớ lại mà đền ơn, rồi phải mở những con đường từ Bắc Đảo đến An Thới cực nam đảo, cho những người lam lũ này cũng được như Sài Gòn Hà Nội... Con người trên bảy mươi tuổi, người Việt gốc Miên, tên là Danh Tỷ, có mươi bể chượp, mỗi bể vài chục tấn cá, để nước mắm Phú Quốc lừng danh đi đến mọi miền, ông chỉ mặc một chiếc quần xà lỏn tiếp khách phương xa, nhưng chẳng mấy ai lấy làm phật lòng. Người của sóng gió, người của công việc, người của một miền đất còn chưa khai phá hết, đang trèo lên những thành bể chượp kia, tôi có cảm giác như ông cũng đang trèo lên những nấc thang thành công đang mở ra từ sau ngày 30 tháng 4 năm nọ.

Cây cầu Nguyễn Trung Trực trên đảo cũng là bến tàu giao thông với đất liền Kiên Giang Rạch Giá, tấp nập người qua lại, cây cầu mang tên con người có câu nói nổi tiếng, đại ý, đất hết cỏ thì Việt Nam mới hết người đuổi giặc... ông đã sừng sững như câu nói xưa: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì bệ hạ đừng lo"... và "Nếu muốn hàng thì trước hết hãy chém đầu thần đi đã"... của những người Việt Nam cách đây bảy thế kỷ, và cũng được lặp lại trên miệng người con gái bị kết án tử hình vẫn tươi cười như hoa nở vì tin vào chiến thắng, tin vào chính nghĩa, tin vào dân tộc. Đêm nằm trên bãi biển Phú Quốc, nghe tiếng sóng thì thầm, cứ lan man, nếu không có ngày 30-4-1975 thì không hiểu bao giờ một người Hà Nội như tôi mới được đến nghe sao rụng phía chân trời dạt dào hồn thiêng đất nước như thế... Thì ra cái Hồn của ngày lịch sử ấy đã thấm sâu vào từng hồn người, hồn đất, từ chàng thi sĩ cực đoan, đến vùng đảo hoang vu còn chưa khai phá... từ người phụ nữ nghèo sống trong hẻm Sài Gòn đến những làng hoa rực rỡ trên đất Bắc...

Sau ngày 30 tháng 4, bắt đầu mùa hè Hà Nội, bắt đầu mùa mưa Sài Gòn... nhưng sau ngày 30 tháng 4, thì thực sự là trang sử mở huy hoàng cho cả một Việt Nam đĩnh đạc đi lên...

4-1998

Trăm năm vàng ngọc

Sinh thời, Xuân Diệu có góp ý cho một nhà thơ trẻ về sự khác nhau giữa thời gian và thời giờ. Tôi cho là rất đúng, hai từ này, hai khái niệm này có sắc thái, ngữ nghĩa khá khác nhau. Hãy nói riêng chữ "Thời" và chữ "Thì". Nguyên là chữ Thì, nhưng vì triều Nguyễn, phải kiêng tên của Vua Tự Đức nên phải nói ra thành chữ Thời, nên "thì giờ" thành "thời giờ", Ngô Thì Nhậm thành Ngô Thời Nhiệm... và lâu nay, do thói quen, do tập tục địa phương, nói thời gian thành thì gian, thời giờ hay thì giờ cũng đều được cả. Còn chữ "Gian" không phải là Gian giảo, mà nghĩa của nó là một khoảng, như Băng gian (thời gian giữa hai đợt băng hà của trái đất, khoảng một vạn năm), khu gian (một khu vực của ngành giao thông vận tải) không gian là khoảng đất và trời con người đang sống, hoặc căn nhà có ba gian, ngôi đình có bảy gian v.v...

Nguyễn Du viết: "Trăm năm trong cõi người ta". Đó là thời gian của một đời người, dù rằng đã mấy ai được hưởng trọn một trăm mùa xuân hoa nở, mùa thu lá bay như thế. Thời con người phải đi xây Vạn Lý Trường Thành, xây Kim Tự Tháp, tuổi thọ của con người mới khoảng trên dưới ba mươi năm. Những di cốt hóa thạch mà các nhà khảo cổ tìm được, tuổi con người còn ngắn hơn nữa. Thời Đỗ Phủ nhà Đường, cách đây hơn nghìn hai trăm năm, 70 tuổi đã là rất hiếm, nên ông nhà thơ ấy mới có câu: "Nhân sinh

thất thập cổ lai hy". Ta cũng nhớ luôn cả những kinh nghiệm người xưa: Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ nhập tri thiên mệnh, lục thập nhi nhuận nhĩ, thất thập cổ lai hy... (người đàn ông ba mươi tuổi đã phải lập được thân, tức gây dựng được sự nghiệp, hành trang, bốn mươi tuổi đã biết nhiều việc đời, không còn những nghi ngờ ám ảnh, năm mươi tuổi đã là thọ, biết mệnh trời, sáu mươi tuổi nghe việc đời đã thấy thuận tai, không hay tranh cãi nữa và bảy mươi tuổi đã là người hiếm có trên đời này...).

Tuổi thọ của con người đương nhiên phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, nhiều điều kiện. Xã hội ngày một tiến lên văn minh, tuổi thọ nay được kéo dài hơn nhiều... Nhưng cái khuôn "trăm năm" đầy oái oăm, định mệnh, nghiệt ngã... kia, đã mấy ai đạt được, chứ chưa nói đến vượt qua nó, trừ đôi ba trường hợp ngoại lệ rải rác đó đây...

Nói cho vui, cuộc đời ngắn lắm, ngắn đến nỗi người ta chỉ đọc có hai câu đã xong quyển Truyện Kiều trên ba nghìn câu:

Trăm năm trong cõi người ta

Mua vui cũng được một vài trống canh

Thần chết khoác áo đen, tay cầm lưỡi hái, lia đi một cái, thế là thời gian của một con người ngừng lại trong đứt đoạn, chả thế mà thời cổ đại Hy Lạp, nhà thơ Homère đã viết trong trường ca Iliade: "Vì theo tôi, không gì quý bằng sự sống... nhưng đời người, một khi đã vượt qua giới tuyến của hơi thở thì người ta không thể cướp lại được mà cũng không thể nào mua lại được...".

Chúng ta tiếc thương xiết bao cho những con người biết dùng thời gian của mình mà không được, vẫn cứ bị nửa chừng đứt đoạn như Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Nhược Pháp,

Nguyễn Văn Trỗi... như thập loại chúng sinh "lặn mặt trời lẩn thẩn bò ra" của trái tim lớn ngàn năm còn rỏ máu Nguyễn Tiên Điền trong "Văn chiêu hồn" và từ thiên vạn cổ, có mấy ai được sống như Khương Tử Nha, ngồi câu bên sông Vị bằng thứ lưỡi câu thẳng, mặc cho thời gian vi vút đi qua...

Thời gian - (nói như Từ điển) là một đại lượng chỉ trôi đi một chiều, không bao giờ trở lại... Ta mất thời gian là mất chính cuộc đời ta, nói như một nhà văn: mất tiền bạc không sao; mất sức khỏe không sao, mất tình yêu không sao... nhưng mất thời gian là mất tất cả, có nghĩa là thời gian sẽ làm ra được tất cả cho mỗi con người. Có tờ báo đăng mẩu chuyện vui đáng suy nghĩ, đó là chuyện ông vua máy tính, vua điện tử hiện nay, thấy tờ trăm đô la không cúi xuống nhặt, vì cúi xuống sẽ mất một khoảng thời gian mà nếu ông ta đi thẳng, thì ông ta còn có thể làm ra được nhiều hơn thế.

Chúng ta lại thương và tiếc biết bao nhiêu cho không ít người trong cuộc sống hôm nay đang bỏ phí thời gian, tiêu phí thời gian vào những trò vô bổ, vô ích, khi họ nói rằng làm thế "để giết thời gian ấy mà"... Ôi, thời gian bị chết oan, bị giết một cách thảm khốc, không thương tiếc thì thời gian có tội hay thủ phạm có tội? Hỏi tức là trả lời vậy. Cái anh chàng dại dột điên khùng phải ngồi "bóc lịch" có ăn năn, hối hận, có tiếc thời gian không nhỉ? Những ngày dài lê thê, những đêm dài không ngủ, những mưa gió não nề, thời gian hiện hình thành con dế chân tường, thành con Cóc nghiến răng, thành ánh nắng ngoài sân, thành tiếng gió khua lau, thành cái giường ê ẩm... nó vô hình nhưng rất hiện hữu, nó lên tiếng, nó thúc gọi, nó dằn vặt nuối tiếc... mà con người đành chịu thua một bàn không gỡ.

Đã có những lúc mỗi chúng ta tiếc thời gian vô cùng mà đành chịu đựng. Chiếc ô tô chết máy dọc đường. Chuyến tàu về ga quá

chậm khiến ta chờ mỏi mắt mỏi chân. Ta bỏ phí những năm tuổi trẻ? Không ai cả, trừ ta hứng chịu, và mang nặng nó, cái hứng chịu ấy suốt đời.

Đành rằng mỗi cây mỗi hoa, mỗi người sử dụng thời gian mấy chục năm đời mình mỗi khác, nhưng từ khi 18 tuổi đến lúc xế tà, tay run gối mỏi, mỗi ta được bao nhiêu, ta làm gì cho ta, ta làm gì cho ai, ta làm gì cho xung quanh.

Vũ Hoàng Chương có câu thơ buồn não nuột:

Ai đã làm chi lòng ta
Ta đã làm chi đời ta
Cho đời tàn tạ lòng băng giá
Sương mong manh quạnh chớm thu già...

và: *Ngoài ba mươi tuổi duyên còn hết*
Một ván cờ thua ngả bóng chiều...

Thời gian rên xiết nức nở phù du, như con "Vờ" bên sòng chỉ sống có một ngày, như đóa phù dung không vượt nổi chiều hôm.

Có bao đêm ta thức một mình, đau cả đầu gối, và mắt cá chân, giở mình về phía nào cũng là đêm, ấy là lúc thời gian đàm luận. Ta thức đêm là mua lấy cái chết sớm vì mệt mỏi thần kinh hay chính là để kéo dài thời gian cuộc sống? Tuỳ mỗi ta thôi.

Nhìn chung thì thành phố khác lắm với nông thôn. Thời gian trong luỹ tre làng và trên đồng ruộng, chập tối gà lên chuồng đã tưởng như đã khuya, liu riu ngọn đèn hạt đỗ, leo lét kiếp tối tăm trở dậy canh ba, ăn bữa cơm đèn, nắng quái về nhà, uống gáo nước mưa... thế là hết một đơn vị thời gian đời sống. Còn thành phố, tiếng rao quà đêm kéo dài thời gian hay ánh đèn chong mắt, bắt ta

vào cái guồng mỗi ngày không chỉ có mấy giờ ánh sáng. Thời gian của cô gái hái rau ven nội. Thời gian thi sĩ và thời gian người thợ đục đá, chắc cũng khác nhau, dù họ cùng phải đục vào phiến đá cuộc đời, làm ra bài thơ và pho tượng, khô như đá hay mềm như lụa trong tác phẩm…

Người nam và người nữ cũng không dùng thời gian như nhau.

Thời gian mù mịt những dặm về xa lắc, ta chưa thể hình dung ra cái năm cái tháng, cái thập kỷ, thế kỷ và thiên niên kỷ ta không có nữa, thì những gì sẽ xảy ra trong vũ trụ này. Nhưng thời gian hàng ngày ta đang có, thì ta và thì giờ đồng nhất, đồng hành, song song tồn tại. Phải ngồi nghe một ai đó nói trường ba khoát bảy, trường giang đại hải, toàn những điều cũ rích, hay lặp lại những "nói chung là", "mức độ nhất định", "về một phương diện nào đó", "thì là mà", "cái vấn đề là cái vấn đề"… ta sẽ cảm nhận được thì giờ quý giá như thế nào, khi dòng máu trong người ta cũng uể oải, quai hàm thiếu máu nên nó cứ ngáp lên ngáp xuống…

Ông khách đến chơi nhà, chẳng có lý do gì, cũng chẳng cần cầu cạnh xin xỏ gì đâu, thế mà ông ta dùng ta làm con dao để ông ta "giết thì giờ" thì có tội nghiệp cho ta không chứ? Dây cà ra dây muống, ta chịu trận, phép lịch sự xã giao không cho phép ta "tự đánh tháo mình" đành ứ hự cho qua, đành ngậm quả bồ hòn trong tách nước trà đã nhạt mấy lần… Thời giờ ơi, khổ thân ta và cũng khổ thân anh.

Có lẽ chỉ có người già là người giàu thời giờ và cũng ít thời giờ hơn cả, nên các cụ thường quý thời giờ. Chả lẽ ngồi quay mặt vào tường suốt ngày mà đếm tiếng tích tắc đồng hồ, đành cho thời gian đi ra bãi cỏ với mình vươn vai duỗi tay, giơ chân và gió sớm, nắng trưa, ánh chiều đến và đi thì mặc chúng…

Có những con người không chịu thua tuổi già, không chịu phí thời gian và thời giờ một chút nào, mà Nguyễn Khắc Viện là một mà, Đào Duy Anh là một, hai mươi tuổi hơn đã làm Từ điển, nằm trong tuổi lão lai cũng không rời cây bút, kể cả lúc gay go nhất trong bom đạn, đáng lẽ xuống hầm trú ẩn thì cụ Đào nằm trong cái lều lợp rạ giữa vườn song mai Đông Phù Liệt của cụ bạn già Mai Lâm làm cho, mà hoàn thành Từ điển Truyện Kiều, mấy trăm trang hoặc có nhà thơ mỗi đêm thức thêm mấy giờ đồng hồ để đọc thêm vài mươi trang sách, chứ không chịu đi ra quán chân chó mắm tôm tiêu vèo buổi tối.

Thời gian dằng dặc đời người. Thời gian quý giá mỗi ngày. Xuân Diệu có lý khi ông dùng nó trong ngôn từ và trong thi phẩm.

Em, em ơi, tình non sắp già rồi...

để sống với thời gian quý giá và không mất thì giờ vào những rông dài cho đến khi ông về Văn Điển.

Gần đây, nghĩa là thời gian gần đây, thời gian và thời giờ hầu như ít còn được phân biệt. Chẳng hạn có người viết và nói: Vừa qua và Vừa rồi. Hãy thử nghe xem trong một hội nghị, người lên nói sau, thế chân người vừa bước xuống, mà nói:

- Vừa qua, đồng chí X đã phát biểu...

Mà đáng lẽ phải nói: Vừa rồi, đồng chí X... Hoặc tuần trước, tháng trước, năm ngoái, đã làm xong một việc, nay nhắc lại để rút kinh nghiệm, mà nói:

- Vừa rồi, chúng ta đã giải tỏa dòng mương... mà đáng lẽ phải nói: Vừa qua, chúng ta đã...

Xem thế thì thấy Vừa Qua là cái gì đã hơi lâu một chút. Còn Vừa Rồi là cái gì vừa mới xảy ra ngay lúc trước đây chưa lâu...

Chẻ sợi tóc ra làm mấy, nghĩ cũng hơi lẩn thẩn, có thể làm mất thì giờ của người khác, nhưng nói là quyền người nói, còn nghe hay không là quyền của người nghe, trong khi thì giờ và thì gian (hoặc thời giờ và thời gian) của mỗi chúng ta đều hạn hẹp và quý báu.

Làn gió thoảng qua còn rung động hàng tóc liễu. Biết đâu, bước vào thế kỷ sau, tuổi thơ trung bình của con người sẽ vượt cái ngưỡng câu thơ mở đầu Truyện Kiều, đó là mơ ước, là mong mỏi, thì đôi câu ba điều nhỏ mọn này, có khi cũng là để mua vui vài ba phút lúc trà dư tửu hậu, cho người biết quý thời gian cũng như cho ai thích "giết thì giờ"...

Cái thời có khẩu hiệu "Tám giờ vàng ngọc" đã qua. Có lẽ ngày nay, mỗi ta đều thấy 24 giờ mỗi ngày đều là vàng ngọc, và mấy chục năm trong cõi đời hạn hữu cũng đều là vàng ngọc, thứ ngọc Biện Hòa trong Đông Chu và thứ vàng bốn con chín của thị trường hiện tại...

4-1998

Món Hà Nội

Xin nói ngay, *Món* này không phải là món ăn thông thường có thể.cầm đũa gắp theo kiểu người Việt Nam ta, hay cầm thìa dĩa ăn theo kiểu Tây phương mà có người Việt Nam cũng học đòi làm sang dùng nó, chẳng hạn trong phim ảnh để diễn tả cảnh giàu có của ai đó, mà ông đạo diễn làm như thế là giết chết luôn chất Việt Nam trong nhân vật...

Tuy không ăn được nó, nhưng có lẽ ai cũng thèm được một lần "ăn" nó nếu là người chưa từng được đến, còn người nào đang ở trong lòng nó, thường xuyên được ăn nó thì phải đôi lúc chợt nhớ ra mới thấy mình hạnh phúc như thế nào. Cái món Hà Nội này, hay nói chung là món thành phố này thật kỳ lạ lắm.

Chợt nhớ trước Cách mạng tháng Tám có một nhóm thanh niên yêu nước tiến bộ, trong đó có Lưu Hữu Phước, Dương Đức Hiền... một lần lấy cớ đi du lịch, đi cắm trại, ra tận sông Bạch Đằng múc mấy chai nước sông "Đằng giang tự cổ huyết do hồng" ấy đem về Hà Nội tặng người yêu, coi như một món quà quý giá... mà nghĩ lẩn thẩn không hiểu ngày nay có ai ở một miền xa xôi về Hà Nội múc chai nước Hồ Gươm đem về nơi ấy để làm kỷ niệm cho người thương mến không nhỉ, thứ nước có tảo lam, có bóng dáng con rùa vàng nghìn xưa, có "nước thủy" của tấm gương kim cổ mà Bà Huyện tài hoa đã có lần thấy nó chau mặt vì

tang thương dâu bể, nhưng với người Hà Nội hàng ngày đi quanh nó, ra bờ nó tập dưỡng sinh, ngắm cây lộc vừng mỗi năm ra hoa hai lần, thì cứ thấy nó quá quen thuộc, bình dị, không khác mấy với người con gái ta từng yêu mê mệt, xa một lúc đã điên đảo cả tâm hồn, vậy mà sống với nàng nay cả hai đầu bạc, có lúc còn giận hờn nhau một cách phi lý.

Món Hà Nội này vẫn là mơ ước của bao người lắm chứ, nào là tàu hỏa đi trên cao như mái nhà ở cái phố cong cong như vành trăng khuyết, nhà nọ ở trên đầu nhà kia mấy tầng chất ngất, đêm thức rất khuya như không biết ngủ là gì, đặc biệt là đèn sáng mà ca dao nói "Hà Nội như động tiên sa..." cũng là bao nhiêu thứ mới nghĩ đến đã không tưởng tượng được quê mình mà có thế.

Tôi, anh chàng Băng Sơn này, tức thằng cu Bốn cánh đây khoảng sáu chục năm, mơ ước được "Đi Hà Nội" mới mãnh liệt làm sao. Lúc ấy, tôi là đứa nhỏ sống ở Cẩm Giàng với mẹ. Cẩm Giàng không phải là làng quê, mà là một thị trấn có phố, có chợ, có ga, trên bến dưới thuyền sầm uất, cũng tấp nập rộn ràng, không khác mấy so với thành phố, nhưng Hà Nội vẫn là tiếng gọi như ma ám, như hơi cơm của kẻ nhịn đói lâu ngày, như lời mộng mị thiết tha... Tôi có hai người cậu (em mẹ) ở Hà Nội, đó là những người tôi mới chỉ thoáng gặp một đôi lần khi các ông ghé về Cẩm Giàng thăm mẹ tôi, quần áo sang trọng, ngả mũ cúi đầu chào mẹ tôi một cách kính cẩn. Đó là ông Phán Thọ và ông Giáo An (ông Giáo An chính là thân phụ của nhà viết kịch Tất Đạt và phó tiến sĩ Tất Thắng, Tổng biên tập Tạp chí sân khấu sau này). Một lần mẹ tôi được các cậu ấy mời lên Hà Nội ăn giỗ, tôi đòi đi theo. Mẹ tôi ừ hữ, nhưng rồi tàu đến, mẹ tôi lên tàu, còn tôi bị giữ lại ở sân ga, nghĩa là tôi không được đi, mà sau này mẹ tôi giải thích rằng mẹ không thể cho tôi đi theo được, vì nhà mình nghèo, cho trẻ con đi theo, nhỡ có gì thất thố, hoặc bị coi là tham ăn tục

uống, không hợp với nghi lễ của dòng họ lớn... Tôi đứng ở sân ga khóc lóc, kêu gào, và cái quần trúc bâu tôi mặc ướt sũng từ lúc nào tôi cũng mặc kệ, mà lạ gì, trẻ em hễ khóc là nhất định thế nào cũng "tè" một cách đương nhiên. Sáu mươi năm, tôi không quên được những dòng nước mắt mong mỏi Hà Nội ấy cũng như tôi đã là đứa trẻ không sợ đái dầm ngay trước mặt mọi người chỉ vì chưa được "đi Hà Nội".

Lớp thanh niên trên ba mươi tuổi ngày nay, nếu nhớ những ngày sơ tán chống Mỹ, phải tản ra như đàn chim non xa tổ, đi khắp các vùng xa, đêm đêm nhìn về quầng đèn sáng, nơi ấy là Hà Nội mà nhớ nhung, mà mong mỏi... mới thấy Hà Nội gắn bó như thế nào, thiêng liêng như thế nào, nhớ từ một tiếng rao đêm, một tờ lá rụng, một gói xôi lúa buổi sáng, một ánh lửa hồng ngô nướng chiều đông, một buổi tan trường ríu rít, một thứ gì hữu hình và một cái gì như có lại như không, nó nằm ngay trong thân mình, trong máu mình, chỉ mong được quay lại nơi ấy một ngày, một giờ rồi đi ngay cũng thỏa mà không được... cho nên nước mắt trào ra, nỗi nhớ ùa lên, tâm hồn bứt rứt, miếng cơm đắng lưỡi... Hà Nội ơi... mình tự thốt lên hay Hà Nội lên tiếng, mình cũng không biết nữa.

Tôi có một người bạn tên là Tân, do tình duyên lỡ dở, anh lại lấy người vợ ở làng quê. Thuyền theo lái, những ngày đầu tiên chị theo anh về Hà Nội, chị chỉ thích một điều: Đi xem đèn buổi tối. Quê chị gần Đông Triều, những sông cùng núi, những ruộng cùng ao... Hà Nội người ta làm gì mà thắp nhiều đèn thế nhỉ. Chị đã xem, xem mãi không chán, cứ ngây người ra thích thú, sau này khi chị thành mẹ chồng, chị mới thôi, không ngạc nhiên về đèn Hà Nội nữa.

Chắc rằng khi Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ vùng Hoa Lư chật hẹp về Đại La này, Thăng Long Hà Nội lúc ấy chưa thể

là chiếc đèn kéo quân khổng lồ như thập kỷ cuối cùng của mười thế kỷ sau đó, gọi là ngày hôm nay. Người ta đi đâu mà chạy đuổi nhau thế nhỉ, mà hối hả, mà liên tục, mà lớp lớp say mê, bừng bừng cứ như câu thơ Xuân Diệu:

Nhanh với chứ vội vàng lên với chứ

Em, em ơi tình non sắp già rồi...

Ở làng quê mình, bóng đa êm ả, con trâu đi ngẫm nghĩ như một nhà hiền triết, thỉnh thoảng ngoái đôi sừng cong lại, vơ cành ô rô gai nhọn mà nhai ngon lành, cứ như trái đất đã ngừng quay... thì ở đây, thành phố, những ngã tư, những con trâu con voi, con hà mã, con tê giác... lao đi, gầm rú như sợ trượt mất con mồi ở phía cuối đường. Cả đống quần lam áo lũ chỗ chợ cơ bắp cũng hối hả, guồng theo khi có bóng một chiếc xe máy đỗ lại, ghếch chân hỏi xem ai có thể đi làm một hai buổi tạm.

Có những vườn hoa trồng cỏ mượt. Cỏ cũng phải trồng cơ đấy khác hẳn nơi ta ở, việc phát bờ, vơ cỏ cùng câu hát ví cất lên, chiếc nùn rơm bốc khói cho điếu thuốc lào tanh tách âm vang cánh đồng có chiếc diều hâu lượn lờ cao tít... Còn cỏ ở đây, người ta phải xén bằng cái máy chạy re re thay cho chiếc lưỡi hái một thời hệt chiếc hái của Thần Chết trong những bức tranh tưởng tượng và mỗi khi lưỡi hái ấy cùn, người thợ vườn hoa đứng lại, chống ngược hai lên, rút ở thắt lưng ra hòn đá mài, không mài lưỡi hái vào hòn đá mà mài hòn đá vào lưỡi hái, giống như những người mài dao rong (thường là người có tuổi) ngồi mài hàng đống dao hàng phở, hàng thịt, sao mà nhiều dao thế, hoặc mài cái lưỡi dao của máy xén giấy, cái lưỡi dao to như chiếc chiếu cuộn, cũng phải mài hòn đá vào lưỡi dao chứ không mài lưỡi dao vào hòn đá... Thành phố có khác. Hay thật. Cũng nghĩ vui vui, người ta thường bảo nhau rằng ai mài dao mà sắc thì thường nghèo. Quả

là chí lý. Những ông thợ mài dao này làm gì có ai giàu bao giờ đâu. Tại tài của ông hay tại cuộc đời có nhiều dao cùn nhỉ?

Hà Nội có sức hút kỳ lạ, như một thanh nam châm khổng lồ mà mỗi thân phận nhỏ bé của chúng ta đều là bụi sắt. Phạm Đình Hổ ở Đan Loan Hồng Châu, Cao Bá Quát ở Phú Thị Đông Ngàn, Thạch Lam ở Cẩm Giàng, và xa nữa, Nguyên Từ Quảng Nam, Nguyễn Du là Hà Tĩnh... Hồ Xuân Hương quê gốc Nghệ An, Lý Công Uẩn Cổ Pháp Kinh Bắc... thế mà họ đã thành một phần của Hà Nội, còn nữa Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Trần Nhân Tông và trăm nghìn con người muôn phương tụ hội làm ra Hà Nội hay ngược lại, Hà Nội góp phần làm ra những nhân tài lừng lẫy mấy thời, để ngày nay ta được hưởng cái Món Hà Nội hàng ngày, hàng đêm, ta uống gió hồ, ta hòa tóc liễu, ta lắng tiếng rao khuya hoặc mơ màng ngày thu quyến rũ... Hà Nội đã vào đẫm cả hồn ta đầy vô thức.

Ngày nào tôi cũng phải lang thang một hai vòng Hồ Gươm, rẽ vào quầy bán báo, tạt ngang một ngã tư, liếc người bên cạnh là cô gái hay ông già trước ánh đèn xanh đỏ giao thông: mình chưa bao giờ nghĩ đem một chai nước hồ về nhà đặt lên bàn để đêm đêm có hiện lên thần rùa hay không, nhưng ngày nào không đi như thế thì hình như còn thiếu một điều gì, mất một cái gì vừa thừa ra một niềm vô ích.

Có người bảo Hà Nội sao lắm hàng quà thế. Ở trong quê, đôi khi mới xuất hiện một bác bán quà nghiệp dư, ban ngày là ông phó cối, đi rao, như một ánh gió lênh đênh, đóng thuê những cái cối xay bằng tre bằng đất... Lúc không người thuê, ông làm gánh cháo gà cháo vịt, gia vị chỉ có chút hành răm cùng thứ hạt tiêu giã dối đựng trong chiếc ống tre khoan một lỗ, được lượn một vòng tròn trên bát cháo... Hà Nội. Thành phố, không chỗ nào không có hàng quà, từ ốc vặn khêu bằng gai bưởi, nước mắm gừng xì

xụp đến bún chả thơm lừng khói lam mời gọi, từ kẹo bông toàn mùi đường cho đứa trẻ con đến ngả nghiêng đèn mờ người ta ăn uống gì không biết, từ tinh mơ con đường ven nội đến đêm vật vờ bến tàu bến xe... Hình như người ở đây không ăn quà không chịu được, và ăn quà cùng không ngủ đã thành một điều làm ra thành phố, làm ra nếp sống của riêng mình.

Có những món rao hàng mà không ăn được: sắt vụn bán đi... Người đi rong giục các nhà bán đi, chứ không phải là câu hỏi: Ai có sắt vụn bán không? Một thuở, như câu ai mua rươi ra mua?

Bước vào thời cổ đại đồ nhựa và điện tử, thành phố đang mua lấy nhiều cái mới, nào váy cưới bảy tầng nào bít tất màu da chân, nào kính nâu mờ bí mật... người ta mới thấy quý một bóng tre vẫy lá vào hồn nghìn năm yêu dấu. Vườn hoa Con Cóc, cổng thư viện khoa học, gần 4 cây gỗ Tếch bờ Hồ Gươm, hai bên cánh gà Lăng Bác thấp thoáng làn gió quê hương trong những mũi tên xanh, con thuyền trẻ thơ xanh, cành phướn xanh... gọi về một cánh cò mờ xa hay tiếng gà trưa te tái, gọi về đêm trăng mát rượi cành mềm... Cuộc đời của làng xa hẻo lánh. Bảy giờ tối đã lên giường, chỉ mỗi trò chơi vợ chồng rồi thiếp đi trong mịt mùng... khác hẳn ở đây nửa đêm, đồng hồ Nhà thờ lớn đánh boong boong mười hai tiếng mới chỉ hoàng hôn, bắt đầu pha nước trà hoặc chuẩn bị bữa ăn đêm mà làm việc với ánh đèn có cái chao như chiếc nón bằng ánh sáng.

Triệu con người đang sống cùng Hà Nội, hàng ngày đều ăn món quen thuộc Hà Nội của mình, đến nỗi có lúc quên mất là mình ăn Hà Nội hay Hà Nội ăn mình, phải như một người Hà Nội sinh ra ở Ô Đống Mác (hay Ô Ổng Mạc) xung phong Nam tiến rồi sống chết với đồng bằng Nam Bộ nửa thế kỷ, ngày được trở về Hà Nội, mới cảm nhận được hết cái món Hà Nội nó lung linh, nó chan chứa, nó thần kỳ như thế nào trong lòng mình suốt dằng dặc

đời người, có lẽ lúc ấy mới thấy Hà Nội là thế nào như những người thanh niên múc chai nước Bạch Đằng để rót vào mình điều sâu nặng. Đó là tâm sự của người chiến sĩ, người thầy giáo Nguyễn Văn Quý ở Tiền Giang trở về trong cái Tết con hổ vừa qua, đi ngắm hàng liễu chỗ Hàng Khay, thăm lại cây muỗm già Quán Thánh, sờ vào bức tường bao Văn Miếu, đứng trên đê sông Hồng giàn giụa nước mắt nhìn dòng đỏ phù sa, thấy những khúc lưng rồng cầu Long Biên mất đi mấy nhịp cứ gọi nó là Paul Doumer, và gọi hồ Thiền Quang là Hồ Halais.

Ông Quý ơi, Hà Nội của chúng ta và của ông là của chung của tất cả mọi người. Món này ai cũng có thể ăn được. Ăn một lần trong một đời, ăn cả đời không hết, ăn nó mà lớn lên cho mình, lớn lên cho Hà Nội, cho quê hương.

Cây vải chua ở vườn Nhà khách Chính phủ, nơi từng được gọi là dinh Thống sứ, là Bắc Bộ Phủ, nơi có người tự vệ Lê Gia Định hy sinh đêm đầu kháng chiến, cây vải, cây tu hú ấy mùa xuân nào cũng ra hoa, hẳn nó nhớ bạn nó là rặng vải ven sông Thao, sông Đáy hay đàn em vải thiều Thanh Hà, Lục Ngạn… nó có biết đâu cũng đã thành một món cho những ai yêu mến đất này ăn hình ảnh nó vào hồn, chỉ khi đi xa, nó mới sống lên như một tình yêu thời trẻ.

Ai đang sống ở Hà Nội đều là người Hà Nội. Nhà văn Tô Hoài, con người Hà Nội sinh ra ở làng làm giấy bản, nói thế, và tôi đồng tình thế. Hà Nội đã thành món nuôi ta hàng ngày, quen thuộc như nước gương Hồ Hoàn Kiếm, quen thuộc như ánh mắt người đàn bà đã chung sống cùng ta gần đạt đám cưới vàng cưới bạc… nói bao nhiêu cũng chưa đủ mà có khi chỉ một cái liếc tình đã rung động hồn sâu…

4-1998

PHẦN BỐN

Miếng cơm

Không hiểu người ta nghĩ ra huyền thoại Ông Gióng là ai mà có chi tiết: Ông Gióng hay cậu bé Gióng ăn hết ba nong cơm với ba nong cà, mà không ăn hết ba nong thịt hay ba nong bánh bao bánh mì, thứ cơm mà nghìn đời sau, đến cha mẹ ta, ta và con cái ta vẫn hàng ngày nâng bát.

Miếng cơm nhỏ bé mà to lớn làm sao. Nó đi với dân tộc ta từ bùn lầy mông muội, hoang vu lau sậy và hổ báo dữ dằn để thành đồng bằng bao la cánh cò vẫy mỏi.

Ca dao chắt từ tinh túy đạo lý làm người, công ơn, tình nghĩa:

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa

Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.

Cái răng sữa mới nhú chưa kịp sún, mẹ đã mớm cho ta dòng sữa gạo thơm hương, mẹ phải dùng cái lưỡi mình để lọc xương dăm cho con khỏi hóc (mẹ có hóc không thưa mẹ) cho ta thành người, cho ta sẽ ngày mai khôn lớn... hạt cơm đâu chỉ là chiếc hạt của

cây hòa thảo. Đó là nước nguồn vô tận, là núi Thái Sơn, từ mái đá che mưa, từ tranh tre tần tảo cho có một Việt Nam trên tinh cầu này sáng lòa bao thời đại.

Chúng ta không phải người tây nên ai cũng quen với hạt cơm, bát cơm thơm nóng hàng ngày. Bánh mì, bánh bao phải lâu lắm mới vào đây làm người khách trọ. Trẻ thơ vòng tay nhau hát bài đồng dao đêm trăng sáng sân quê: "*Thả đỉa ba ba - Chớ bắt đàn bà - Phải tội đàn ông - Cơm trắng như bông - Gạo tiền như nước...*" là câu hát tình cờ ghép vần lựa điệu hay chính là mơ ước khát khao nghìn thuở của kiếp nghèo bới đất vật cỏ cắm cây lúa xuống:

Trông trời trông đất trông mây

Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm

Nắm rạ phơi khô đánh đống để rút dần, ngọn cỏ ràng ràng cháy nỏ, bùng lên ngọn lửa trong ba ông đồ rau cho ta niêu cơm, hay cái nồi ba nồi bảy, chiếc vung đất kênh lên nồi cơm có chút cơm hớt lẫn chút tro đen. Không bỏ phí hạt nào. Cơm hớt cho con chó con gà quen thuộc ngon lành chung sống. Cả miếng cháy xém cạnh nồi, đứng dựa cột mà ăn, ra đầu hè ngồi nhai... ngọc thực đấy chứ đâu phải là của phí.

Bữa ngự thiện của nhà vua chắc cơm gạo tám, gạo dự, hay gạo nàng hương... còn ông bà ra, cơm hẩm cà kho, gạo xay gạo lức, ngày ba tháng tám, dễ gì cái nồi được đầy, dễ gì cái bát được lưng lưng...

Ta đi trăm bến nghìn sông, mẹ gửi theo mo cơm nắm muối vừng như gửi theo tấm lòng cầu chúc bình an đi đến nơi về đến chốn. Năm 1945, hai triệu người chết đói vì thiếu một miếng cơm đỡ lòng khi đói lả. Những nắm cơm bán rong, tròn bằng chiếc bát, dẹt như chiếc bánh dầy, lõm một chút để đựng hạt muối vừng mặn

chất giá trị khoảng 2 quả chuối, thế mà cũng có thể cứu được mạng người thoát cơn ẩm phủ qủy khóc thần sầu, trở lại làm người tiếp tục. Miếng cơm mạng người. Thế thì miếng cơm là vĩ đại hay dám coi thường?

Ai còn nhớ những chiều đông tê tái, được trở về căn nhà ấm cúng ngọn lửa hừng, mẹ xới cho bát cơm nóng hổi, thơm lừng như một phép màu đủ sức hồi sinh. Hạt cơm như một phép tiên, hạt muối như viên thuốc bổ. Mẹ cha làm ra hạt cơm ấy, nó trắng ngần trong lòng bát, nó ngào ngạt hương quê, nó tràn đầy chân tình và sức mạnh, đâu có dễ dàng xuất hiện để ta tự nhiên tọa hưởng kỳ thành. Mồ hôi và nước mắt, máu đỏ cùng tả tơi da thịt chống lại rắn rết và cái ác dập dình để có miếng cơm, dễ gì ta thấu được một lúc một ngày...

Nay nhiều nơi đã đun bếp điện, bếp hơi, nắm rơm nắm rạ hay mớ củi rào khói cay sè đôi mắt đã lùi lên miền núi cao sương phủ hay làng xa hun hút cuối con đường xe chạy, những bữa cơm ăn trong ánh đèn sáng trưng thành phố, những miếng cơm gẩy gẩy trên đầu đôi đũa mun, đũa ngà, chắc chẳng ai nghĩ xa xôi đến chiếc bát đàn cóc gặm và chiếc niêu đất ám nặng tro than mấy thuở, từ thời một hạt cơm cõng một củ khoai, một hạt cơm lẫn vào một bát rau phơi khô hành cháo loãng...

Những cánh đồng bát ngát chân mây thật thơ mộng dưới ngòi bút thi nhân nghệ sĩ... nào khói lam chiều, nào hương lúa xanh rờn, nào ánh trăng ngần má người con gái... nhưng phũ phàng sao sự thật, cơm niêu nước lọ ăn xó mó niêu đâu đã hoàn toàn đi vào dĩ vãng. Quên ơn những luống cày và bàn tay vơ cỏ, quên hơi cám, bát cơm nguội lót lòng... chưa phải đã hết ở những con người không hề biết phân biệt cây cỏ lồng vực với ngọn lúa trổ bông...

Người Việt Nam thường hỏi thăm nhau: Anh đã ăn cơm chưa, mà không hỏi anh đã ăn tiệc chưa, hay anh đã ăn bánh mì chưa. Người ta hỏi về sức khỏe nhau cũng không hỏi: Độ này mỗi bữa bác ăn được mấy lạng thịt hay mấy cân cam mà chỉ hỏi: Độ này bác ăn mỗi bữa được mấy lưng hay mấy bát. Lưng hay bát là thứ đựng trong cái bát đấy, là hơi thở sự sống, là sức bền con người, là nhịp đập trái tim thoi thóp già nua đấy... Nói cách khác, chính là miếng cơm đấy ạ.

Những xôi vò chè đường là quý, những giò nem ninh mọc là sang, nhưng kinh nghiệm truyền đời: *Cơm tẻ nỏ xôi vò chẳng thiết,* nhưng *Cơm tẻ là mẹ ruột.*

Có thể uống gáo nước mưa là thứ của trời rơi xuống, ban tặng cho con người chẳng mất tiền mua. Nhưng miếng cơm khác lắm. Một nắng mấy sương, như câu:

Trâu ơi ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

Và

Bao giờ cây lúa còn bông

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn...

chứ trời chưa bao giờ mưa xuống, ta mang cái nong cái chậu ra ăn mà hứng đầy thóc vàng quý giá.

Cơm rang, cơm nắm, cơm nguội, cơm xới vào cặp lồng mang đến cơ quan hay ngoài đồng cho một bữa cơm trưa, cơm bụi vỉa hè, bữa cơm làm việc, mâm cơm sinh nhật... đều là miếng cơm ta biết ta quen, là người mẹ thứ hai cho ta sức vóc và trí tuệ, cho ta thân hình và dẻo dai bền bỉ một đời người.

Nước ta nông nghiệp, cây lúa đi theo con người từ trước cả các Vua Hùng. Ta biết miếng cơm khi còn là bào thai trong bụng mẹ, ta nhớ về tổ tiên trong mâm cơm cúng chỉ xới một chút xíu hay bát cơm chồng hai làm một. Mong sao, những hạt gạo đồng xa đồng gần, sương nắng bão bùng mưa gió... được đến với tất cả mọi người, không ai phải chịu cảnh thèm hơi cơm dạ xót như bào vẫn đang còn rải rác những vùng xa hiểm trở hay non cao khuất lấp rừng già. Hy vọng và mong chờ cháy bỏng không bao giờ còn có cháu bé như con ruột của nhà văn Nam Cao không có miếng cơm nhỏ nhoi mà đành lìa bỏ cuộc đời trứng nước.

Miếng cơm mà Nam Cao kiếm không đủ cho con ấy, là miếng cơm oan nghiệt hay miếng cơm tình nghĩa, khi nó còn theo con người sau khi rời bỏ cõi đời này, đi về với hư không. Bát cơm xới lồng, hai chiếc đũa bông kẹp lấy quả trứng bóc nõn làm của ăn đường cho linh hồn từ nay bơ vơ trong âm thế. Hồn có nhớ về mái ấm thân thương, hàng ngày nâng đôi đũa và cơm, thì đây đôi đũa và bát cơm đi theo người, dù lên trời hay xuống đất sâu... có miếng cơm lót lòng mà tìm siêu thoát.

Nhiều nơi còn có lệ cúng cơm suốt 49 ngày. Cứ đến bữa, trước khi gia đình dùng bữa, con cháu phải dâng trước bàn thờ (linh sàng) người mới mất mâm cơm, có đủ các món người dương gian đang dùng, y như người ấy chưa hề ra đi, chưa hề khuất bóng, vẫn hiện diện trong nhà vẫn bắt đầu bằng lời mời khi nâng bát cơm và đôi đũa. Hồn có về không, hồn có "ăn hương ăn hỏa" không, không biết, nhưng nếu không "cúng cơm" đủ 49 ngày thì không thể yên lòng, thì sẽ thành kẻ bất hiếu vô lương. Miếng cơm đã trở thành nghi lễ đời người, thành thuần phong, thành đạo đức...

Một ngày lễ trong năm, thành phố ít biết nhưng người làm ra hạt gạo lại coi trọng: *Lễ Cơm mới*. Lúa gặt về, tuốt ngay một

lượm, thổi nồi cơm mới cúng tổ tiên trời đất. Hôm ấy cả làng ngát thơm hương cơm mới, hương bay từ nhà ra sân ra vườn, vượt hàng rào, bay lên ngọn tre ngọn cau... có lẽ lên tới Ngân Hà có chiếc gầu sòng tát nước. Thành phố ăn theo: con chim ngói và đĩa xôi thành thời trân quý giá, thành lễ đón mùa thu, thành phấp phỏng chờ đợi con rươi vỏ quýt đưa đường và chờ đợi mùa hoa đào sẽ đến sau vài con trăng nữa.

Chắc rằng trăm năm nữa, dòng máu người Việt Nam ta vẫn có màu đỏ do hạt gạo miếng cơm đem lại, dù có thể lúc đó ít dùng đến cái mâm son mâm thau mà đã ngồi quanh bàn khăn trắng.

1999

Manh áo

Trong tứ dân: Sĩ, Nông, Công, Thương và từ Nam, Phụ đến Lão, Ấu, nếu chỉ để duy trì tồn tại cấp thấp như một loài cỏ cây mà chưa nói gì đến thượng tầng cao siêu văn hóa thì sau Miếng Cơm là Manh áo.

Không có miếng cơm, con người ngừng sống. Còn nếu không có manh áo còn có thể nhẩy xuống cát mà tự che thân như Chử Đồng Tử, hoặc bẻ cành lá che lên bụng hoặc khum khum bàn tay trong kiểu tắm ao ở quê nhà dân dã.

Một trong những mục đích đầu tiên của mọi cuộc cách mạng là làm cho dân No Ấm. Tức là có Miếng Cơm và Manh áo.

Từ cành lá, mảnh vỏ cây khi bộ não con Vượn người biết đứng bằng hai chân, ngồi bên đống lửa trong hang rồi thoát ra ngoài, xuôi dần về đồng bằng, Manh áo cũng tiến lên theo, không chỉ là để che chỗ cần thiết mà còn cho toàn thân ấm áp, phân biệt loài Cái và giống Đực, cách điệu lên với mọi điều có thể nghĩ ra và tìm thấy, nay ta gọi là Văn Hóa. Manh áo đã có số tuổi hàng triệu, lúc đi chậm, tiến nhanh, cho đến hôm nay, chính lúc tác giả viết dòng này và bạn đọc dòng này, Manh áo vẫn là đồ dùng thiết thân cho mọi người ở mọi nơi mọi lúc, cho dù hình thức của nó đang văn minh nhất, che đậy chỗ không cần thiết, hở hang, chỗ ngược lại như thời trang hoa hậu hay trịnh trọng bên bàn ký hiệp định ngoại giao hoặc hợp đồng kinh tế của mấy nhà tài phiệt...

Manh áo (nói chung là trang phục đã quen thuộc đến nỗi có lúc người ta quên rằng nó được sinh ra từ lúc nào, từ ông vua chỉ mặc áo một lần nên một đời làm vua phải may vài ba vạn bộ cho đến anh cùng đinh quanh năm độc một mảnh quần cộc vá víu, tối giặt nó thì đắp chiếu ngủ, sáng ra lại có cái mặc, từ nhà triệu phú đi máy bay hạng nhất dành cho VIP (nhân vật quan trọng), vào khách sạn 5 sao đến chị đỏ vùng xa buộc túm bằng sợi rơm nơi đũng váy để chổng mông làm cỏ vẫn có phần kín đáo... Manh áo đi theo con người, dính liền với đời sống như duyên nợ, có mày thì có tao, có tao thì phải có mày.

Xem kìa, trên ruộng dưa, cái que chữ thập đội chiếc nón mê, có cái vọt tre phơ phất túm lá chuối khô, chỉ cần thêm "manh áo" tơi cùn, thế là thành một "con người" biết cử động, đuổi đàn chim tinh nghịch định bới tìm hạt đậu mới gieo, ta gọi nó là anh Bù nhìn.

Một bài ca cũ còn có câu:

Ới anh ơi, đồng tiền nặng thì đồng tiền chìm,

Anh bù nhìn nhẹ thì anh bù nhìn nổi...

Khen cho ai đã mỉa mai cái giống coi trọng đồng tiền hơn người khoác manh áo, dù chỉ là áo lá tả tơi...

Không hiểu cái áo ngày cưới của nàng Mỵ Châu ra sao, có giống chiếc váy cưới xa tanh trắng bẩy tầng quét lê đường làng dính phân trâu ta gặp đó đây năm cuối thế kỷ này? Từ chiếc váy đụp ba bức đồng bằng đến chiếc váy Mèo xòe trong nếp li (plie) mỗi bước đi nó như cây nấm xoay xoay kỳ thú và tấm váy Thái làm cái eo con gái như tấm thân nàng Tiên cá cho chí cái váy xẻ lung tung năm sáu mảnh trên sân khấu đầy khiêu khích dưới ánh đèn vạn nến, (nói như thơ Hàn Mạc Tử để: *"lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe")* cho chí đôi ống quần cũ được xé ra làm thành đôi

xà cạp cho cô gái quê đi cấy, lội ao lấy rong rêu nuôi lợn vừa chống đỉa cắn vừa giữ cho chồng cái mịn màng và làn da trắng ngần trắng rợn, nghĩa là nghèo cũng vẫn phải thần tiên tột bực... ta càng thấy manh áo nói chung đâu phải chuyện tầm thường mà không kèm theo văn hóa vào vật dụng thiết yếu ấy?

Có người phải nhịn ăn liền dăm bữa, nhưng ai mà chẳng mang manh áo liên tục đêm ngày từ trong nhà ra ngoài ngõ hay ra đường, đi trên phố (trừ đôi ba người điên, bộ não đã hỏng đi, thì không kể).

Chỉ lọt lòng một lúc, con người đã gắn đời mình với manh áo. Chiếc áo lọt lòng sẽ thơm thơm và hôi hôi mùi sữa và hương da thịt cho đến khi con tim kia lặng tờ viên đá, bộ quần áo đẹp nhất được mặc vào để ra đi cùng cát bụi, tấm áo chắc cũng được khoác linh hồn như người, nó cũng vui buồn, khi khô lúc ẩm, khi phẳng lúc nhàu, nó là một phần đời người trong cõi nhân sinh vừa dài vừa ngắn này, người vinh thì nó cũng vinh, chủ nhục thì áo nào chẳng nhục khi về đến nhà nó bị đứt tung, quăng không tiếc tay vào một xó.

Từng có câu chuyện vui, có thể cười ứa lệ rằng: Có người được mời đi ăn cỗ. Ông ta mặc cái áo cũ rách, người ta không cho vào cổng. Ông ta về thay áo, khoác tấm áo thêu bảnh chọe, thơm phức, thế là ông ta được mời ngồi lên mâm nhất. Suốt bữa, ông ta gắp thức ăn không đưa lên miệng mà chỉ để vào vạt áo. Có người hỏi, ông ta đáp: Người ta mời chiếc áo ăn cỗ chứ có mời người đi ăn cỗ đâu.

Hình như ngày nay chưa hết những câu chuyện tương tự. Có ai dám mặc cái áo vá, áo nhàu đi dự bữa chiêu đãi long trọng không? Đã có chuyện có một người từng ăn ở trong những khách sạn sang trọng nhất ở Paris, Nữu Ước, Luân Đôn, Rome, thế mà

chỉ vì xoềnh xoàng, không mặc complet, vào khách sạn Maritus hơn chục tầng chỗ đầu đường Thanh Niên Hồ Tây, đã bị nhân viên tiếp tân từ chối, không cho lên tầng, không cho sử dụng thang máy... để nhường chỗ cho mấy người tây ba lô và mấy cô đầm mặc áo ba lỗ. Chuyện xảy ra ngay giữa lòng Hà Nội chiều ngày 3 tháng 10 năm 1999 (thì ra Hà Nội đang có nguy cơ biến thành đất ngoại bang mất rồi, bởi thế cái áo có thể (tôi nhấn mạnh chữ có thể) làm nên thầy tu được lắm. Thế mới biết người xưa nghĩ sâu nghĩ xa, kiểu nghĩ "nông nổi giếng thơi" vậy khi có câu: *"Quen sợ dạ, lạ sợ áo"*. Đúng một nghìn lẻ mấy phần trăm. Đã quen nhau, đã biết nhau, thì thức lâu mới biết đêm dài, tấm lòng mới là quan trọng, mới thu được nhân tâm, mới tỏ được vị tha hay đố kỵ, bao dung hay hẹp hòi, hào phóng hay bần tiện... Còn nơi lạ, cái áo nó hô to lên câu giới thiệu hộ người mặc nó rằng đó là ai, là bộ óc khổng lồ hay chiếc bù nhìn trong ruộng dưa. Thiên hạ chưa cần biết tấm lòng ấy ra sao, nhưng sợ chiếc áo trước đã, lóe mắt vì chiếc áo trước dã.

Nguyễn Du cũng từng nói:

Những phường giá áo túi cơm xá gì...

Cái giá để mặc tấm áo vào, cái túi để đựng bát cơm ngày, còn cái óc thì rỗng không, tấm lòng thì đen kịt, tài năng là gió bay, tâm hồn là con quỷ... những thứ đó, thời nào chẳng có, Nguyễn Du bất bình thì cũng phí đi thôi, thi sĩ Tiên Điền ạ. Nay thiếu gì kẻ ăn mặc sang trọng rồi phải ra tòa lĩnh án chung thân và tử hình. Cũng đâu có thiếu những người phụ nữ nghèo, áo đụp, quần vá mà là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng chói sáng.

Đã lâu lắm rồi, trên cánh đồng bao la, không thấy xuất hiện chiếc áo tơi bằng lá gồi, cổ vương chiếc thừng để thắt cho khỏi tuột. Thời đại nylon, áo mưa phổ biến làm bằng màng mỏng, kể

cả thứ dùng một lần, giá chỉ bằng vài quả ổi, hay chính đời sống nông thôn đã khấm khá, ít còn thấy anh bù nhìn trên ruộng dưa đưa đội chiếc nón mê và lưng khoác chiếc áo tơi lá cùn như thế?

Lại có câu: *Già được bát canh, trẻ manh áo mới.* Bộ quần áo mới hôm mùng một tết, ngày khai trương, buổi lễ đón dâu.. lòng trẻ nào không xốn xang khấp khởi, không hồi hộp mong chờ. Manh áo đi với con ngườ, nó mang đủ bẩy cái tình người: Hỷ, Nộ, Ai, Lạc, Ái, Ố, Dục... từ tấm áo tế đoàn nữ quang mỏng tang, làm thánh cũng ngỡ ngàng đến chiếc áo gi lê vài chục túi của anh phóng viên nhiếp ảnh lăng xăng trong hội nghị, từ chiếc áo bé xíu trên "bãi biển không có nước" chỉ có ánh đèn, đến tấm áo vét tông kèm cà vạt của mấy chàng xích lô riêng vài ba khách sạn bắt buộc đồng phục... ta thấy áo có thiên hình vạn trạng, chân phương và biến tướng, với đủ thứ tiếng nói trang trọng hay nhí nhố, có bản sắc hay ngoại lai...

Từ khi con người biết đập dập tấm vỏ thân cây che thân đến bây giờ, có bao nhiêu chất liệu được làm thành manh áo? Không thể thống kê, dù bằng máy tính thông minh kèm bộ nhớ. Chúng ta từng chỉ có thứ vải ta dệt ở những làng quê, khổ rộng hai gang tay, thứ vải lương chợ Dầu mặc một mùa là bợt đến một thời có cái áo bông tầu xanh, bốn túi và chiếc quần lụa hoa dâu đen... từ cái váy lĩnh, váy sồi xe mặc chùng cửa võng đung đưa sợi xà tích bạc hay đến chiếc áo khách cài cúc phía bên kèm theo chiếc quần nâu lá tọa... đến nay là "Đóc Mơi", là "Siu", là "K.T" là sợi tổng hợp bí mồ hôi... với những kiểu cách cũ càng và tân kỳ, nền nã đoan trang và điên rồ kỳ quái được phô diễn nhún nhẩy trên sân khấu thời trang được báo chí "lăng xê" quảng cáo... Tấm áo đã mang trong hình hài nó một con đường dài triệu năm, già bằng tuổi con người, già hơn cả hạt thóc, hơn cả các triều đại vua quan, già hơn cả những bài thơ hay nhất...

Bà Huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương không hiểu mặc thứ váy gì khi làm câu thơ "*Một mảnh tình riêng ta với ta*" và câu "*Thân em thì trắng phận em tròn*"? Nguyễn Trãi và bà Lộ khi ra pháp trường chịu án chặt đầu, mặc tấm áo thế nào? Nguyễn Du chắc không bao giờ cởi trần trùng trục ra đường như mấy "thanh niên thời đại". Và bạn nữa, độc giả mến thương của tôi, bạn mặc chiếc áo may ô ba lỗ valide hay chiếc áo lót cổ vuông may lấy? Bạn mặc chiếc sơ mi thượng hảo hạng Pierre Cardin hay chỉ là chiếc áo cổ bẻ cong do ông thợ may thị tứ cắt vụng còn rúm đường khâu? Dù gì thì nó cũng là manh áo, vừa là che thân, vừa là gia cảnh cũng vừa là văn hóa.

Sợi của quả bông là để nuôi cái hạt bông. Sợi tơ tằm là viên gạch xây nhà của con tằm con nhộng. Sợi len là vũ khí chống rét của con cừu. Sợi tổng hợp là con của công nghiệp khoa học... Tất cả bọn chúng đều được (hay đều bị) thành tấm áo cho con người, dù con người đó là anh ngư phủ phải chống cái gió rét khơi xa hay nhà ngoại giao chuyên mặc "bộ đồ lớn" vào hội nghị đàm phán...

Cái mặc, tức manh áo đã thành chuyện thường ngày, quen như ta quen chính mùi da thịt của bản thân mình. Chỉ có điều, không hiểu lúc nào ta tự hỏi: Ta có là cái giá để mặc manh áo vào đấy không? Chắc ít ai dám tự trả lời một cách thành thật hết lòng. Cũng không hiểu có bao giờ nó tự hỏi hay than thân rằng ta đang che ấm cho ai đây, xứng đáng và không xứng đáng. Manh áo trên mình anh liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân... và manh áo trên thân bọn Phạm Nhật Hồng, Liên Khui Thìn đã ăn cắp của Nhà nước (cũng là của người nghèo) hàng mấy nghìn tỷ đồng, tức là mấy triệu triệu bạc, có tự xót xa thân phận cho từng sợi dọc sợi ngang, từng đường kim mũi chỉ?

Riêng một nước ta, mỗi ngày có gần trăm triệu tấm áo, tức manh áo được dùng đến, nếu chúng nó biết chuyện trò, hẳn có

bao điều thú vị, đem ghi âm thì phải mất bao nhiêu cuộn băng và nghe thì mất bao nhiêu thì giờ? Không biết. Chỉ riêng một mình ta, một con người, từ người viết đến người đọc dòng này; chắc cũng có đôi ba điều suy nghĩ khi khoác lên mình manh áo để bắt đầu một ngày cuộc đời ngắn ngủi này.

1999

Đồng quà

Tôi đã viết bài "*Miếng cơm*", và bài "*Manh áo*", vậy thì không thể không viết "*Đồng quà*" cho phải.lẽ, dù trước tôi đã viết "*Quà và cách ăn quà của người Hà Nội*".

Sống bằng cơm, chứ ít ai sống bằng quà, trừ người bán quà, lấy lãi từ quà làm kế sinh nhai độ nhật hay làm giàu.

Đích thị quà là món ăn thêm ngoài bữa ăn chính, ăn cho vui, ăn cho đỡ nhớ một điều gì, ăn cho đỡ thèm một cái đã qua, ăn để thay đổi cảm giác, kể cả ăn để giết thì giờ hoặc chẳng để làm gì cụ thể cả (như cắn hạt dưa trong khi chờ tầu chẳng hạn).

Ấy thế mà trên đời này không thể tổng kết cho thật chính xác có bao nhiêu thứ quà, địa phương nào có món quà "hoa hậu" nghĩa là xếp loại nhất. Thử tưởng tượng nếu tất cả mọi nơi mọi lúc, bỗng nhiên bị triệt tiêu hết mọi loại quà (đã có thời gần như thế), không ai được ăn bất cứ một thứ quà gì ngoài hai bữa cơm mỗi ngày, thì sẽ ta sao nhỉ? Cuộc sống vẫn còn rộn rã hay chỉ là nỗi hoang vu như trong rừng sâu không bóng người, nhất là trong các thành phố, có sinh hoạt liên tục suốt 24 giờ không dứt?

Có ai sống một đời dăm chục năm mà chưa hề một lần nào được ăn quà? Chắc là không, dù là nghèo nhất. Họa chăng nếu có thì đó là Khương Tử Nha tức ông Lã Vọng ngồi câu cá suốt hơn

80 năm bằng cái lưỡi câu thẳng, ông không câu cá mà câu thời thế, câu sự đợi chờ, câu thời gian... và lúc đó cũng không có hàng quà đi bán rao dọc bờ sông Vị chỉ có một người ngồi duy nhất là ông.

Cũng nghĩ mà thương cho mấy vị hoàng đế thời xưa, dễ gì mà đi ra phường phố ăn quà như chúng ta nay. Đi đâu cũng tiền hô hậu ủng, kèn trống xập xình, muốn ăn một bát bánh đúc riêu, một bát ốc luộc, một cái bánh gù... ai cho ông ngồi xuống bên đường cái mà ăn. Có lẽ vì thế mà có lắm ông thích "vi hành" cả ban ngày và ban đêm như giai thoại về Lê Thánh Tông cho anh thợ nhuộm đôi câu đối, cho chị hàng tiết canh lòng lợn đôi câu đối khác. Riêng cái sự ăn quà thì ta sướng hơn mọi loài vua chúa. Ta thỏa thích, ta tha hồ, ta tự do (đương nhiên trong túi phải không rỗng tuếch).

Quà sáng, quà trưa, quà chiều, quà khuya, mỗi thứ mang một khuôn mặt khác nhau. Quà ngày mưa, quà lúc nắng, quà mùa đông, quà mùa hè... cũng thế. Quà trên đường xa còn phải tiếp tục dặm ngàn, khác quà đi rong qua cửa nhà ta. Quà ở phòng chờ ga xe lửa, bến tàu thủy, cửa trường học, giống nhau và khác nhau là đương nhiên.

Riêng món quà chợ thì hầu như ai cũng từng được ăn nó bằng cả tấm lòng chờ đợi, sự háo hức, nỗi yêu thương, niềm khắc khoải. Mẹ đi chợ, chị đi chợ, bà ngoại đi chợ... Ta ngồi chờ nơi bậu cửa, bóng nắng đổ dài cái tầu nhà, mái gà đã te tái chạy vụt qua sân cục ta cục tác khoe cái vũ trụ của mẹ gà vừa ra đời còn bí mật trong góc ổ; cái ngủ xoa lên mắt ta chập chờn thiu thiu gật gưỡng cái đầu... Bất thình thình, bước chân đánh thức ta, một tấm mía, một xâu khế, quả chuối, chiếc bánh đa, viên kẹo vừng kẹo bột, thanh chè lam, mấy củ ấu hay xâu hạt mít... có bao nhiêu thứ linh đình trong tuổi bé đã òa ra, ta đón nhận như ngày hội đăng

quang phấp phơi cờ hoa... Những thứ quà chợ quê rẻ tiền ấy đã đi theo ta suốt đời người, ngon mê tơi đến mãn chiều xế bóng, dù sau này ta thành ông tướng cầm quân, nhà thơ trứ danh hay vẫn chỉ là bác cu Tèo, anh đánh giậm, dù sau này ta ra với chân trời bao la xứ lạ vẫn chỉ vò võ quê nhà có chiếc bậu cửa đầy vết dao băm chặt...

Nói thế có thừa không khi xưa nay, làng quê nào cũng có cái chợ quê đông đúc hay lèo tèo, họp hôm họp mai, thành phiên hay rải rác, có lều tranh túp lá hay cầu quán xây vòm, có người chuyên nghề bán quà hay chỉ là nông nhàn thêm thắt... và ai trong chúng ta chẳng còn vương vấn chút "gien" nông thôn dây mơ rễ má với một làng quê nào xa vắng phảng phất tiếng rù rì chợ ấy lúc đang đông?

Thắng cố miền ngược mà Tô Hoài nhiều lần ăn hay cháo lòng tiết canh khiến Nguyên Hồng thích thú lau nước mắt, chân chó hầm ở phố Lê Văn Hưu nay hoặc cốc nước chè xanh "Hàng nước cô Dần" của Thạch Lam... quà cả đấy.

Thành phố càng lớn thì hàng quà càng nhiều, nó theo bài học tiểu học gọi là tỷ lệ thuận. Lượng nguyên liệu để làm ra quà với lượng làm ra hai bữa chính, thứ nào nhiều hơn, cuộc đọ sức ấy bất phân thắng bại.

Có người thích ngất ngưởng bia rượu lai rai, nhoèn mắm tôm lên mép cũng không sao, có người lại thanh cảnh vừa đi quanh bờ Hồ Gươm vừa nhí nhách viên lạc rang, thổi tung cái vỏ lụa màu nâu thoáng hương húng lìu va ni (xin đừng nói ngọng thành va li) mà trò chuyện hay độc thoại tâm tư. Người này ba giờ đêm đi tìm hàng cháo gà để đổi thay vị giác, người khác lại cần món chè ngọt lúc xế trưa cho cái bụng đỡ ngang ngang vô duyên ý ách... Bách nhân bách khẩu. Bá nhân bá tính (dù bá hay bách cũng chỉ là một

từ nghĩa là trăm). Vì thế mà quà là con số trăm chứ không phải là con số một, số chục nhạt phèo đơn điệu.

Có quà mặn, quà ngọt. Có quà đặc, quà nước, có quà bánh, quà bát, quà đĩa, có quà ăn bằng đũa, có thứ chỉ cần ăn bốc, có quà phải nhâm nhi thanh thản, có thứ lại phải ăn thật nhanh cho nóng. Có thứ đánh tì tì, nhưng có quà chỉ đôi khi thi thoảng... Không có một trăm một nghìn cô gái giống hệt nhau, dù họ được mặc váy mỏng váy dầy một màu, được huấn luyện để giơ tay giơ chân cùng động tác trên sân khấu trong cùng ánh đèn lóe sáng và điệu nhạc rậm rật, nhưng trăm nghìn ấy thực ra vẫn là khác nhau lắm lắm. Quà cũng vậy, không có hai hàng quà giống hệt nhau, không có chiếc bánh giò nào giống chiếc bánh giò nào, không có chị hàng rong bán bánh đúc lưỡi mèo chấm tương hoặc chấm mắm tôm pha loãng, giống hệt nhau ở hai buổi trưa giống hệt nhau. Na ná nhau thì có, như thơ đăng báo hiện nay cứ na ná giống nhau, nhưng thực ra không thể không có hai Nguyễn Bính, có hai Quách Tấn, có hai Trần Huyền Trân... và thơ Đường, không thể nhầm Thôi Hộ với Thôi Hiệu...

Nói thế có vẻ rông dài, nhưng theo tôi, thơ cũng là một thứ quà tinh thần cho đời sống trăm vẻ. Cuộc đời không thể thiếu thơ cũng như không thể thiếu quà. Đã mất đi Bà Hai Tầu bán bánh cuốn nóng khuya phố Huế, đã vắng đi Bà Ẩm bún thang chợ Đồng Xuân, đã không còn một phở Tình, phở Giảng, phở Tàu Bay... khiến cho quà mất đi một phần tinh túy, khiến tôi đôi khi không trả lời được người bạn ở xa về cứ hỏi: Hà Nội nay, phở nơi nào ngon nhất, bún thang chỗ nào ngon nhất? Đành ú ớ nhì nhằng đánh trống lấp cho qua. Cũng may vẫn còn món cốm Vòng, còn hàng bánh cốm Nguyên Ninh, còn bánh đậu xanh Bảo Hiên rồng vàng... (dù nay có đến hàng chục nhãn rồng vàng lẫn lộn)...

Quà ngon hay không tùy thuộc vào cái gì? Thật khó xác định. Đắt hay rẻ là ngon? Cà phê khách sạn 5 sao đắt gấp mười lần cà phê "Lâm toét" hay Lâm Tô Hiến Thành, nhưng người sành cà phê có thể kết luận rõ ràng đâu là nước vối đâu là cà phê. Một suất quà sang trọng, trọn gói 7 đô la, tương đương một trăm nghìn với bát bánh đúc riêu rau chuối thái mỏng giá vài nghìn, ngon và không ngon, không thể định. Thì ra quà ngon còn tùy thuộc vào người ăn quà, chỗ ăn quà, giờ ăn quà, cách ăn quà giống như người đàn ông này thích cô gái da trắng nõn, người khác thích da bánh mật, người thích mũm mĩm, kẻ ưa người dây... người cần một nét liễu buồn lơ đãng, kẻ khác thích nhí nhảnh đong đưa...

Nơi nào có quà ngon nhất? Cũng khó trả lời ngay. Địa phương nào cũng đúc tinh túy của mình thành món quà riêng độc đáo. Sang đến nơi khác, nó đều bị "Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều" rồi "kẹo cu đơ, kẹo mè sửng, bánh gai Ninh Giang, bánh cuốn Thanh Trì, hủ tiếu Sài Gòn, phở Hà Nội và hàng nghìn món quà khác... quà không là độc quyền của một địa phương duy nhất, độc nhất. Người kỹ tính, kẻ dễ tính, ăn lấy tinh, ăn lấy được, ăn cho vui hay ăn cho no thay bữa... đúng là nhân tâm tùy thích.

Và nếu nói dăm ba câu lãng đãng về quà thì cũng chỉ là "chủ quan hạng nặng", là ếch ngồi đáy giếng, chứ không thể đại diện cho ai. Sơ sài là cái chắc.

Từ quà để ăn đến quà làm việc khác không để ăn, quà đã đi một đoạn đường dài biến nghĩa.

Quà biếu cấp trên bằng phong bì, chắc chắn cái phong bì ấy không để ăn để nhai ngay trước mặt người đưa biếu.

Đi nước ngoài về, tặng người thân món quà, lọ nước hoa, thỏi son môi, cái ghim cài cà vạt... cũng không phải để ăn. Nó không

phải là quả cóc ăn ngay nơi sân trường của tuổi gái dậy thì. Tết, con cháu gửi quà về quê biếu chú bác cô dì, từ chục bánh cốm đến chiếc khăn quàng, từ chai rượu quý đến cây bút máy... vẫn là quà thôi, như quà mừng thọ, quà chúc sinh nhật, quà mừng đám cưới... quà đã khác xa chiếc bánh rán chợ quê, món "ăn nhanh" thành phố...

Tựu chung, quà là một trong nhiều gương mặt đời sống, nhất là những nơi đô hội. Nó không chỉ là một món ăn phụ, nó còn mang ý nghĩa văn hóa, kinh nghiệm và tài năng bao đời... Từ cô gái "ăn quà như mỏ khoét" đến bà mệnh phụ ăn quà không muốn cho ai nhìn thấy, từ người bị bao vây chẳng bao giờ được la cà vào các hàng quà rong đến quà ven con đường đầy gió bụi... quà đã đi vào đời sống, tạo ra nét sinh hoạt đầy màu sắc và tính cách, cả kinh tế, phong tục, tập quán và bản sắc dân tộc, mà ta quen gọi là văn hóa.

Từ chiếc kẹo vừng, kẹo bột có hình cong vặn vỏ đỗ đến những thanh súc cù là, từ chiếc bánh đa khoai nướng thơm phức giòn tan đến những thứ bánh ngoại lai đóng hộp đỏ xanh... quà đang phát triển. Phát triển là mừng. Một xã hội mà không có một thứ quà nào thì có lẽ mọi người phải mặc áo cà sa hết. Đơn điệu thế thì buồn thật.

1999.

Tấm bánh

Đi cùng "*Miếng cơm, Manh áo*", còn có thành ngữ quen thuộc "*Đồng quà, Tấm bánh*". Có lẽ không một ai lại chưa từng ăn quà, ăn một thứ bánh gì có rải rác "khắp chợ cùng quê".

Cơm là tiết thực, còn bánh đích thị chỉ là quà, dù có thức ăn hương ăn hoa, có thứ ăn no được, ăn thay bữa. Trong lầu son gác tía, có đĩa sứ Giang Tây, Nhật Bản với đũa ngà đũa mun, thanh cảnh ngẫm nghĩ, nhón vài ba miếng vừa ăn vừa lơ đãng xa xôi, đến cái quán lá xiêu vẹo nơi gốc đa đầu làng đầy gió thổi và lá rụng tơi bời hôm trở gió cho tới ven con đường đỏ bụi dẫn về nẻo tít xa có cái túp che phía hậu bằng manh cót hay chiếc nia sứt cạp với chiếc chõng tre, ghe đất... ở đâu ta cũng gặp những chiếc bánh quen thuộc sinh ra đã bao nhiêu tuổi, có khi già hơn cả người bán hàng, già hơn người ăn, già hơn cả ông bà người ăn.

Trên những chuyến xe lửa đường ngắn đường dài, những con tầu thủy chạy bằng than, bằng hơi nước, bằng dầu hôi, boong tàu la liệt người đứng kẻ ngồi hoặc những bến xe khách liên tỉnh lúc nào cũng xô bồ vội vã xộc xệch, hình như thiếu hàng bánh ngồi một chỗ hay cắp bên sườn bán rao, thò tay qua cửa xe mời mọc, thì không còn là bến ấy nữa.

Từ thuở lọt lòng, mẹ ta thiếu sữa, chị gái bưng cái bát ra chợ quê mua cái bánh khoái, bánh Dương cho ta nuốt chửng no kềnh

bụng, thứ gọi là bánh nhưng nó là một thứ cháo nấu bằng bột như cháo sườn thành phố cho đến lúc hai hàm răng đã ném lên mái nhà hay gầm giường hết cả cùng câu thần chú linh thiêng: "Chuột chuột chí chí, rụng răng này mày mọc răng khác", nhưng răng không bao giờ mọc nữa, cháu con hiếu thảo gửi về biếu phong bánh Đậu xanh, giấy bóng kính mờ càng mờ thêm vì mỡ thấm, hoặc chiếc bánh Cốm tươi xanh màu lá chuối, có sợi lạt cánh sen buộc chữ thập chỉ nhai bằng đôi lợi già vẫn cảm thấy ngọt bùi... Bánh đi vào đời sống như một bộ phận của đời người bất kể tháng năm nhanh chậm hay bốn mùa oi nồng giá buốt...

Có thể chia bánh ra hai loại: Bánh Mặn và Bánh Ngọt. Tiễn năm cũ đi đón năm mới về, có bánh Chưng bánh Tét, thứ bánh theo truyền thuyết có từ thuở Vua Hùng mở nước. Đi cùng nó là Bánh Dày, tượng trưng cho Trời tròn Đất vuông. Triết lý đã mờ đi nhưng mùa xuân thì bao giờ cũng trẻ, bánh chưng không thể thiếu, không hề vắng mặt. Chiếc bánh chưng dền, chất diệp lục lá dong đã hòa tan vào hạt nếp ta chỉ cần ăn một miếng chéo, một phần tám là đủ, là hương đất nước ngàn năm thấm vào hồn, hưởng ứng với thời gian.

Bánh chưng có đàn em của nó, khi trên đường xa, ta ghé vào mái quán, bóc chiếc Bánh Chưng Gù như bàn tay nắm lại, dùng cái bơi chèo nhỏ xíu bằng tre, vừa làm đũa, vừa làm thìa, ta ăn cả hương lá chuối thanh thanh đượm vào lòng bánh. Đi cùng nó có thể là bánh Rợ, bánh Nếp, hoặc bánh Tẻ, bánh Vuốt, tuy nhàn nhạt, cứng mình nhưng là thứ quà lạ miệng, không phải được gặp luôn luôn. Bóc chiếc bánh, ruột nó màu trắng đục, một chút nhân đỗ xanh nhừ nục bùi bùi. Cái lưỡi quen cao lương mỹ vị thì ăn một lần cho biết, cho nhớ chuyến đường xa. Trong quán ấy còn có thể xuất hiện chiếc bánh Sắn, bánh Ngô của năm đói kém đã qua nhưng bánh nhắc nhở ngày ba tháng tám. Bánh sắn là bột sắn đồi giã nhỏ, nhưng vẫn lật sật, và phía ngoài mềm mại nhưng phía

trong, chỗ gần nhân đường nhân đỗ thì nó "lại gạo" cứng hơn nhiều. Xin đừng vứt bỏ, cái duyên của nó chính là phần cứng ấy.

Lâu nay, chiếc bánh Khoai ít thấy, không phải là bánh đa Khoai thơm lừng trên lửa nướng mà là bánh gói bằng khoai sọ thái miếng, nhân đỗ xanh và thế nào cũng có một miếng mỡ phần mát lưỡi. Phải hỏi nhà hàng, bởi hình nó cũng quen thuộc, gần gũi với bánh chưng gù, bánh rợm, dễ nhầm.

Bánh Giò là loại khác hẳn. Trước cách mạng tháng Tám, phố Đờ Măng (Phùng Hưng nay) có hàng bánh giò nóng nổi tiếng làm quà sáng, quà trưa (khoảng ba giờ) hoặc mua cho trẻ thay bữa bột, nổi tiếng một thời Hà Nội ăn ngon mà thanh lịch. Bóc chiếc bánh giò nóng còn nghi ngút, lá bánh thành chiếc đĩa, dùng đôi đũa tre hoặc chiếc cùi dìa nhỏ xúc mà ăn, vừa ăn vừa thổi, thích thì kèm thêm miếng chả quế, giò lụa, giò bò. Không thì chỉ riêng một mình nó cũng đã là thịnh soạn ngon lành. Đường xe lửa Hà Nội Hải Phòng từng có món bánh giò ngon không kém, làm từ nhà bà Cả Lạc ở ga Cẩm Giàng đưa lên bán suốt dọc đường, trên mọi chuyến đi về. Người viết bài này năm học lớp một tức lớp Đồng Ấu thường bị thầy giáo Lạc (trùng tên) mắng oan là "dân bánh giò" bởi tôi gọi bà Cả Lạc bằng bá ruột, chứ gia đình tôi có làm bánh giò đâu. Cũng là một kỷ niệm êm đềm và chua xót. Đi kèm bánh giò có bánh Dày, không phải bánh dày nặng hàng cân, trên in triện đỏ, làm đồ sêu, tết mà là từng cặp hai chiếc một, nằm trong một mảnh lá chuối tươi, khi ăn bóc lá, chập hai cái lại với miếng giò miếng chả làm nhân. Nó là đồ nguội, gói nửa kín không như bánh chưng, bánh rợm kín hoàn toàn.

Ca dao nói:

Vợ chồng ta bánh đa bánh đúc

Vợ chồng nó một cục mắm tôm

Suốt ngày gắt gỏng nhau như mắm tôm thì còn gì là hạnh phúc. Nhưng món bánh Đúc chợ quê thật là tình tứ mặn mà, bánh đa bẻ ra giòn tan ăn chung nhí nhách, có lẽ còn ăn nhanh cho thêm ngon nữa. Bánh đúc lưỡi mèo chấm tương, bánh đúc chấm mắm tôm quà chợ, bánh đúc riêu cua ngọt lịm và mát lạnh ngày hè trên đường chân mỏi... thì những thỏi xi-vê, những Hăm-bơ-gơ, những xa-lát Nga toàn bơ... có lẽ cũng chỉ nên đứng xa, cúi đầu mà chiêm ngưỡng món quà Việt Nam ngon suốt một đời này.

Khuya, đang mơ màng chập chờn trong gió chuyển, vẳng từ xa tiếng rao như gay gắt, như thúc giục, như hồn ma lên tiếng: Bánh Khúc đây. Tưởng tượng từ lúc nghe, thấy thứ xôi nếp trắng ngần, dẻo quẹo bám xung quanh chiếc bánh màu xanh già, thơm phức. Phải mở cái then cửa ra mà tìm anh bánh khúc, vừa ăn vừa nhớ về thơ ấu, ta cùng chị gái nhỏ nhoi ra đồng cuối chạp tìm rau khúc về cho mẹ làm bánh nghi ngút chõ đồ, và ta được ăn chiếc bánh thần tiên mà bà tiên là mẹ ta, chị ta, hiện ra trong xóm làng chỉ có lũy tre, sân đất, ngọn cau cùng ổ rơm ấm áp...

Ai xa Hà Nội có lần nào thưởng thức bánh cuốn Thanh Trì mát như lụa, mềm như da trinh nữ, thạnh thanh hương gạo tám, có cà cuống thì thành đại tiệc mà không có cà cuống cũng đủ thành thịnh soạn bữa quà sáng thanh tao. Lạng Sơn có bánh cuốn nhân trứng. Đêm nhiều nơi có bánh cuốn nóng nhân thịt xào, tùy khẩu vị và ai cần năng lượng.

Hà Nội có con tàu xanh không bao giờ đắm, đó là đường Cổ Ngư (Thanh Niên) đi nổi giữa hai con hồ xanh ngát. Dừng chân mà đón gió, mà ngắm trăng mà nghe sóng vỗ, và cũng nên dừng chân để đợi chờ đĩa bánh Tôm nóng giòn đầy hấp dẫn, từ con tôm ngọt lự, miếng bột mì vàng ngậy, mảnh khoai con chì thơm như bếp quê khoai nướng ngày xưa cùng cay chua mặn ngọt bùi béo và mát lạnh

các loài rau sống kèm theo. Bánh tôm ăn ở nơi khác thì vô duyên, phải chăng vì Hồ Tây đượm hồn vào bánh nên mới thi vị. Nó cũng khác bánh Phồng Tôm rán phồng cho dân bợm nhậu.

Còn bao nhiêu thứ bánh khác nữa không kể xiết: Bánh Ít, bánh Bèo, bánh Xèo, bánh Mảnh cộng, bánh Bông Lan, bánh Bột lọc nhân tôm... trải dài theo những con đường nam bắc...

Quà ngọt là bánh cũng ăn không xuể một đời giàu sang hay tằn tiện. Đám cưới, ngày tết, hôm Sêu có thể nào thiếu chục bánh cốm lá xanh, cặp Xu Xê có đôi tượng trưng hạnh phúc? Đi cùng nó còn có bánh gai, bánh gấc, phong kín đầy bí mật trong lá vườn nhà hay lững lờ bỏ ngỏ, lộ ra khuôn hình mũm mĩm tròn tròn, chỉ cần thi thoảng chạm ngón tay vào nó.

Vùng Hải Dương có bánh đậu xanh Bảo Hiên, nhãn hiệu con rồng vàng. Nay có đến hơn bẩy mươi nhà làm nó, kèm thêm bánh Khảo có nhân đỗ xanh, đỗ đen, nằm thành thỏi dài ở giữa hoặc không nhân, trắng phau bột khảo, ngọt sắc và dễ sặc nếu không pha sẵn ấm trà ngon mà nhấm nháp.

Tháng Ba có bánh Trôi bánh Chay bẩy nổi ba chìm, vừa là sự tích hàn thực ông Giới Tử Thôi vừa là tượng hình trăm trứng của tổ tiên Lạc Long Quân và Âu Cơ lên rừng xuống biển với hai mâm đầy trăm viên trắng muốt trong không khí cuối xuân đã chuyển mùa sang hạ.

Tháng Tám Trung thu, bánh Nướng bánh Dẻo, bánh Mặt Trăng lại trở về cho ta đón trăng thu như rót bạc lỏng xuống trần, có tiếng trống múa lân thúc giục, có bưởi Đoan Hùng, có Hồng Hạc giòn tan, có nồi ốc luộc béo ngậy, có cốm Vòng như ngọc lưu li, có chuối tiêu trứng cuốc lốm đốm như thêu nâu lên vỏ vàng đượm gió mùa thu...

Quà chợ xa xăm mấy thuở, món bánh Đa khoai nay ai còn nhớ, còn làm, còn thấy? Đó là khoai lang nghiền nhỏ, đúc thành chiếc bánh chỉ nhỉnh hơn miệng bát ăn cơm, buộc từng chục một, mùi khoai nướng thơm lừng như nó không hề tan biến, chỉ ẩn mình vào quán chợ, ngọn lau bờ đầm, ngõ trúc, khi mẹ cho ta chục bánh đa khoai nó hiện lên ngay như "Ông Bụt" trong cổ tích để an ủi buổi chiều chờ đợi mẹ về. Bánh Gio đặc biệt vì vị đắng và trong suốt màu vàng quả dành dành, gọi mật mía đến thành đôi mát lành thú vị. Bánh Đa nướng thì to hơn, từ bánh đa đường Kẻ Sặt, Ninh Giang đến bánh đa Kế của Bắc Giang chi chít thứ vừng đen bùi ngậy hay bánh đa mặn bẻ vào bát bún bát phở vùng Thanh Hóa, bánh đa để nấu rau rút cua đồng vùng Hà Nam, Phủ Lý, Hải Dương... Chiếc bánh đa quen như hình ảnh cô gái làng, anh thợ cày, bác nông dân, và cụ ngồi quán, nó vừa làm chiếc nón che nắng, vừa làm cái quạt phây phẩy gió trưa và vừa là món quà đông nhất và rẻ nhất...

Món mộc tồn không thể thiếu nó. Gần đây có thứ bánh đa không nướng mà chao vào chảo mỡ, ngon nhưng dính tay, khó chịu dù nó đi cùng bia cùng rượu làm nhiều đồ đệ Lưu Linh mê mẩn. Khác hẳn thứ Bánh Đa Nem mà người ta dịch thành tiếng nước ngoài là "Giấy làm bằng gạo", cần thiết đến nỗi thời bao cấp khó khăn, tết đến, mỗi gia đình được phân phối một bó khoảng 50 chiếc.

Bánh Rán nữa chứ, từ bánh rán chợ quê, vỏ giòn mà ruột bọc nhân đường còn dẻo thứ bột nếp chín mờ, vừa ăn vừa thổi, nhón lấy chiếc bánh ngay trên thanh sắt đặt ngang miệng chảo, cô hàng bánh vừa nặn vừa cho mỡ, vừa chuyện làng quê xóm mạc, quen thân với khách ăn quà, đến bánh rán tàu tròn xoe, cái nhân đỗ kêu lục cục, hoặc bánh rán ngào đường, bánh rán đùi gà, bánh rán nhỏ gọi là "bánh nhãn"... đi đâu mà chẳng gặp thứ quà cho vui miệng này.

Một đời người ta sống bao năm ngồi ăn bao nhiêu cơm và vừa đi ăn vừa ăn bao nhiêu loại bánh? Không thể nhớ cho đến ngọn ngành như trí não và tâm can ta đầy ắp hình ảnh người thân, nơi ở, đường qua...

Có nhiều thứ bánh du nhập, tuổi còn non, nhưng hầu như đã nhập cư vĩnh viễn xứ này. Viên bánh Bàng hình quả bàng chín mùa thu, xôm xốp ngòn ngọt, vui vui, đến bánh Bò xốp như phổi con bò, bánh Quẩy là hình vợ chồng tên gian tà Tần Cối, bánh Sừng bò cong như đầu con bò tót Tây Ban Nha (còn gọi là bánh Sữa) bánh Bích quy, mà biến tướng thành quy gai - xốp, một thời nhọc nhằn, phải xếp hàng chờ đợi mất ngày mất buổi để có cân bánh ăn tết, không ngon nhưng không thể thiếu.

Sang trọng thì có bánh Ga-tô nhiều loại, từ "Min phơi' đến "Su kem", từ "Mô Ka" đến bánh sinh nhật, nay thêm bánh Súc cù là, nhân nho, nhân quả sê ri... thành phố mới ưa dùng, khác những vùng xa, chiếc bánh Vừng vòng, bánh Chả đã là quý hiếm. Phổ biến nhất có lẽ là bánh Mì, từng có tên là Bánh Tây, do từ phương Tây, người Tây mang đến. Nó là quà và cũng có thể là cơm, ăn cho vui mà cũng ăn qua bữa, ăn với món sang trọng như bít tết, súp, sốt vang, gà quay... mà cầm chiếc bánh không, vừa đi vừa gặm cho qua ngày cũng được... Có những buổi sáng mờ sương, bất ngờ đi ngang qua lò bánh, mùi bánh vừa chín bay ra, phảng phất trong gió, ta tưởng như đã nhìn thấy chiếc bánh mì vàng rộm, nở bung, đường khía tở mở, cái vụn bánh cũng giòn, cũng càng nhai càng ngọt. Hình như nó còn gọi thêm người bạn đồng hành là chút pa-tê, giăm bông, cùng một tách cà phê đen pha túi vải, bất cần cà phê có trộn hạt muồng (hay thảo quyết minh) hoặc ngô rang cháy hay không. Xà xuống vỉa hè bên cạnh cái lò than đỏ rực, ta ăn cái giòn, ta ăn cái nóng, ta ăn mùa thu, ta ăn sương sớm, bánh mì thành một tác nhân cho ta vi vút điều không thể nói

bằng lời. Bánh Mì hơn hẳn bánh Bao, thứ bánh mặn hoặc chay, ăn ngay trong hiệu hoặc mua về gia đình. Nó bứ, nó không là món ăn ưa thích của cái lưỡi Việt Nam chăng?

Mỗi vùng trên khắp đất nước, mỗi mùa trong năm, mỗi tầng lớp giàu sang hay lam lũ, nơi đô hội hay vùng xa vắng lặng... đang có bao nhiêu thứ bánh, những "Tấm bánh" đã đi vào đời sống dân ta, dù tuổi nghìn hay tuổi chục... mà chắc nếu có thì giờ suy ngẫm và nhớ lại, ta sẽ cùng nó song hành, vui buồn, no đói với nhau.

Chắc chắn còn nhiều thứ bánh mà bài không nói hết xin bạn đọc mến yêu tự bổ sung vào kho tàng trong hồn mình, những thứ bánh không bao giờ mất đi, chỉ mơ hồ lãng đãng rong du đâu đó...

10-1999

Món sở thích

Mỗi người tùy theo sở thích, thói quen mà ưa đôi ba món nào đó đồng thời kỵ món nào đó, mới nghe đến nó đã rùng mình. Rươi chẳng hạn, người ăn được thì cho là món kỳ thú, nhưng không ăn được thì hình dung ra đó là những con giun con đỉa và tanh tưởi ghê người.

Ngày ốm mệt, nằm trên giường bệnh, nhiều người thèm món này món khác, tưởng như nếu có ngay bên cạnh thì có thể ăn hàng đĩa hàng cân không chán. Nhưng khi có, chỉ nhấm nháp vài miếng đã chán, đã xua tay. Tại sao thế? Chính là kỷ niệm thức dậy, món ăn sống lại, dĩ vãng hồi sinh. Kèm theo món ăn là không khí ngày hôm được ăn, ánh mắt người trao cho món ăn, hoàn cảnh mưa hay nắng, sớm hay khuya, hương vị được lồng vào, được tan ra trong khung cảnh mà không dễ gì lặp lại một đời người sau này bôn ba lặn lội. Đó là ăn bằng trí nhớ, ăn bằng hoài niệm, ăn bằng cảm giác cảm xúc nằm sâu kín trong ký ức. Củ sắn nướng chẳng hạn. Từng được ăn miếng sắn lùi trong bếp lửa nhà sàn trong một đêm lạc đường mưa rét giữa rừng khuya, cô gái sơn cước nâng miếng sắn nóng rẫy, kèm theo là óng ánh má hồng hào phóng... mười năm, hai mươi năm... dễ gì quên được. Nay, trong một chiều thành phố, cầm một miếng sắn nướng trong tay, hình xưa thấp thoáng, nét xưa mơ hồ, tình xưa trỗi dậy... trong khi cái dạ dày mình đã lưng lửng tiệc tùng. Miếng sắn thành nhạt nhẽo

vô duyên, đớ ra khó nuốt... và vô tình thốt lên: Sắn bây giờ không ngon bằng sắn ngày xưa, hay là giống sắn mới lai tạo? Hoàn toàn không phải. Vẫn là giống sắn trên đồi, vẫn là chín bằng bếp lửa, nhưng vì thiếu cái không khí dạt dào và mê hoặc của đêm rừng ngày ấy mà thôi.

Cũng vì thế mà thường nghe thấy nhiều câu nói, đại loại: Cốm bây giờ nó thế nào ấy. Phở bây giờ không ngon bằng trước. Bánh đậu xanh sao mà lạo xạo thế nhỉ? Con cá rô nấu canh cải không ngọt bằng ngày xưa v.v...

Thực ra, sản vật vẫn thế, có khi còn được chăm sóc cho ngon hơn, quý hơn... nhưng không ngon bằng ngày xưa chỉ là tại cái lưỡi của ta, cái mắt của ta, cái tầng sâu trong ta, cái tình của ta... qua thời gian mà đổi khác.

Cái lưỡi của người ốm đăng đắng. Cái lưỡi của người lành đã tê đi vì chua cay mặn chát của cuộc đời. Chỗ ta ngồi ăn hôm nay không phải là chỗ ngày xưa. Người cho ta món ăn không là ánh mắt chứa chan thuở nọ...

Tuổi trẻ thường ít dĩ vãng hơn, cộng thêm sức khỏe của hàm răng nên ăn gì cũng ngon, đến hạt sạn trong bát cơm cũng nuốt luôn, không cần đếm xỉa... Còn người có tuổi, đã mang bao nhiêu mùa xuân thu trong tâm khảm, có món gì mà không dính dáng đến bao nhiêu năm tháng từng in đậm vào tâm. Cho nên có những món ngon bị chê một cách oan uổng bởi nó xuất hiện không đúng lúc đúng thời.

Tại sao giữa thành phố giàu sang, món ăn ê hề, vẫn có nhiều người thích món rau muống luộc chấm tương mà bỏ qua đĩa thịt quay hay gà rán? Đành rằng rau muống ngon thật, nhưng cái ngon của nó còn đựng cả chiều sâu năm tháng, chiều dài đời

người, chiều rộng quê hương... ăn không chỉ là một hành động, mà còn là chất xúc tác, cái cớ để hồi tưởng, để đánh thức kho báu trong hồn, bắt nó mở tung cánh cửa mông lung sâu thẳm...

Còn khẩu vị, người ưa món này, người ghét món khác cũng là đương nhiên. Có người thuở bé rất thích ăn tương, có thể chỉ có thìa tương rưới lên bát cơm cũng "đánh thủng nồi trôi rế", nhưng lớn lên cứ nghĩ đến tương đã sợ. Thì ra có lần anh ta ăn phải một bát tương có những con bọ chết, mà con bọ với hạt đỗ trong tương thật khó phân biệt, chỉ nhai giữa hai hàm răng, nó nổ đánh "bép" mới biết. Từ đó mà cạch. Lại có người khác, đêm ngủ nhờ nhà bạn, gối phải cái gối lũ con chủ nhà bị bệnh thối tai, cái mùi kinh khủng. Sáng hôm sau, trên mâm có bát tương, "nghe" lại đúng cái mùi đêm qua, anh ta nhớ đến giấc ngủ trằn trọc không sao ngủ được đêm trước, mà không dám đụng đũa vào bát tương, dù là món bê thui đang chờ đi cùng món tương thoang thoảng ấy.

Có người lại không biết ăn da gà, dù đây là món ăn tuyệt hảo, phần ngon nhất của con gà. Có người cả đời không dám gần bát mắm tôm. Ăn cùng ai có món mắm tôm, anh ta lấy cớ, lùi ngay, không ngồi chung mâm nữa. Nhất là chung mâm với chàng ưa mộc tồn hay lòng lợn, chấm miếng thức ăn xong còn rê lên đĩa...

Có người không bao giờ ăn thịt ếch vì có lần bản thân phải mổ ếch, lột da, chặt đùi, lộn cả cái tù và... Thấy cái đùi mập mạp của con ếch cứ giật giật, tò mò, anh ta tiện con dao, mổ ra xem, thì ra một búi sán màu trắng ngà đang cựa quậy... Từ đó mà đến món đùi ếch tẩm bột rán, anh ta cũng đành chịu vì hình ảnh mớ sán ngày xưa cựa quậy trong đầu, đúng ra là đang cựa quậy trong dĩ vãng.

Có người không ăn được lươn vì sợ mùi tanh của nó. Người khác lại coi lươn là món bổ âm, mỗi tuần không ăn món miến

lươn vài lần là thấy thiếu. Người uống được rượu thường không thích miếng thịt quá nạc. Phải dính chút xương để cầm lên mà gặm, mà xuýt xoa, mà giòn rau ráu, mà đưa cay, người khác lại chỉ thích nhai cái đùi gà có thứ thịt màu nâu, toàn nạc...

Người này thích món sứa tươi (sứa chứ không phải là sữa) ở cổng chợ ngày tháng ba giao mùa, nhưng người khác lại khiếp vì miếng sứa đỏ lòm, khai khai mùi vỏ sú nên bịa ra là người vùng biển ngâm sứa bằng nước giải, nhưng thực ra, đồ thủy hải sản thường nhiều chất U-rê, khai là đương nhiên, chứ không hề là nước giải. Người này thích ăn con nhộng tằm nhưng người khác sợ nó vì nhìn hai cái chấm mắt đen thô lố của nó.

Nguyễn Tuân từng chỉ ăn phở thịt chín, không bao giờ ăn phở tái, phải chăng có lần nào ông nhìn thấy tảng thịt sống có nhưng hạt gạo, nghĩa là những nang sán của con bò bị bệnh sán?

Có người không ăn được rau xương xông vì cho là nó có mùi dầu hỏa. Có người không ăn cá trê vì nghe đồn cá trê càng béo là do càng sống trong mả người chết.

Có người rất sợ rau cần vì trong rau cần thường có nhiều con vắt hồng hồng như đỉa con (dù khi rửa rau, ngâm chút muối, vắt sẽ rụng xuống đáy chậu hết ngay)

Ngày nay ở thành phố, nhiều gia đình khá giả, thực phẩm được chọn lọc, chế biến kỹ càng, thức ăn mỗi bữa thường không hết... vì vậy mà nhiều em bé được nuông chiều, chỉ quen một số món ăn quen thuộc nào đó, không biết đến nhiều món ăn thông thường, dân dã, mộc mạc đã thành món ăn truyền thống, từ đó lớn dần lên những em bé này cũng thành những người không biết ăn nhiều món, bị thiệt thòi mà các em không tự biết, chẳng hạn món Mắm Đồng, món Rươi, món Hến.. mà chỉ quen súc cù là, pho mát, giăm bông...

Món ăn trong dĩ vãng, chứa đầy kỷ niệm hay món ăn hàng ngày trong hiện tại, ngon hay không ngon, ưa thích hay bị chối bỏ... là không thể áp đặt. Nó tùy thuộc vào hoàn cảnh sống của từng người, của nền kinh tế chung, của sở thích, của sự kỹ càng hay xô bồ dễ dãi... Lại vì thế mà nhớ đến câu chuyện ngụ ngôn của Ê-Dốp: Ngon hay không ngon, tất cả là do cái lưỡi con người. Năm Tỷ người trên trái đất thì có năm tỷ cái lưỡi. Không ngoa. Tại sao Huế và miền Trung nói chung ăn cay được đến thế? Tại sao phương Tây ăn được món Pho mát nặng mùi đến thế? Tại sao nhiều người Việt Nam thích món mắm tôm có mùi khó chịu đến thế? Tại sao có người dám ăn tiết canh đỏ lòm cả răng miệng, trong khi người khác đến thịt tái cũng không dám ăn, thậm chí món nem chạo làm bằng thịt chần tái cũng không dám đụng đến?

Có lẽ, nói như Tản Đà vẫn đúng. Một món ngon, đâu phải ăn ở đâu cũng được, ăn lúc nào cũng được, ăn với ai cũng được, ăn bằng thực cụ gì cũng được. Và cũng không nên ép một ai ăn món gì mà người đó không thích hoặc không ăn được. Mà suy cho cùng, cứ gì món ăn, cả các thức khác trên đời, áp đặt đâu phải tốt nhất.

1999

Ăn trong ngôn ngữ

Ăn uống là việc hệ trọng trong cuộc sống. Từ con sinh vật đơn bào đến cỏ cây, loài vật và cao cấp là con người, nếu "không ăn thì mẻ cũng chết", bởi "có thực mới vực được đạo" dù rằng đôi khi "Miếng ăn quá khẩu thành tàn"...

Trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày của chúng ta, từ ĂN xuất hiện luôn luôn. Nó được ghép với tiếng (từ tố) khác thành từ ghép, hoặc từ tổ, hoặc thành tục ngữ, thành ngữ, ca dao... có lẽ không ai không dùng đến đôi ba lần trong một ngày.

Hãy nó đến từ ghép có hai tiếng, ta hãy thử liệt kê sơ sơ, dù có thể đó là nói về ăn cụ thể, hoặc đã biến nghĩa hoàn toàn, ăn không còn là động tác nhai và nuốt...

Ăn chơi - Ăn mặc - Ăn ở - Ăn nằm - Ăn chắc (chắc chắn là thắng) - Ăn thua (cay cú) - Ăn chia - Ăn tết - Ăn đứt - Ăn theo - Ăn bám - Ăn mừng - Ăn dỗ (ăn lạm vào phần của em bé) - Ăn lộc (thánh cho) - Ăn xin (ăn mày) - Ăn trộm - Ăn cắp - Ăn cướp - Ăn vụng (Ăn giấu giếm và còn có nghĩa ngoại tình, "ăn phở") - Ăn mảnh - Ăn tham - Ăn bẩn - Ăn gian - Ăn sương (ăn trộm hoặc gái điếm) - Ăn lại - Ăn người (thích phần hơn người khác) - Ăn chay - Ăn gió (chiếc diều giấy được gió) - Ăn quân (đánh cờ) - Ăn hàng (tàu thủy ăn hàng) - Ăn thuốc (hút thuốc lào thuốc lá) - Ăn chặn - Ăn đút (ăn hối lộ) - Ăn non (đánh bạc, bỏ nửa chừng,

sau khi được) - Ăn vã - Ăn ảnh (có nét riêng, chụp ảnh dễ đẹp) - Ăn riêng (ra ở riêng) - Ăn tiêu (chi phí nói chung) - Ăn tay (khâu bị bên dài bên ngắn) - vân vân và vân vân...

Không cần tra từ điển, hãy tự khai thác trí nhớ, có thể chúng ta còn tìm thêm ra được nhiều tư tương tự về động từ ăn, nguyên nghĩa hoặc biến nghĩa, có gần có xa, có thực có ảo...

Đó mới chỉ nói riêng đến các từ có hai thành tố, nói nôm na là từ ghép, có hai tiếng hoặc hai thanh. Từ có Ba tiếng ít hơn. Nhưng từ Bốn tiếng lại cũng khá nhiều, có thể đã thành tục ngữ, thành châm ngôn xử thế, nhưng cũng có thể mới là một tổ từ quen thuộc, chẳng hạn: Ăn xổi ở thì - Ăn vóc học hay - Ăn tàn phá hại - Ăn sóng nói gió (chỉ những người đi biển) - Ăn sống nuốt tươi - Ăn thùng uống vại - Ăn cơm trước kẻng (một hiện tượng đáng chê trách hiện nay) - Ăn xó mó niêu - Ăn la ăn liếm - Ăn miếng trả miếng - Ăn mày cửa phật - Ăn gió nằm sương - Ăn no vác nặng (chỉ người ngu đần) - Ăn đời ở kiếp - Ăn nhờ ở đậu - Ăn gửi nằm nhờ - Ăn trên ngồi chốc - Ăn hớt cơm chim (một hành động vô lương tâm) - Ăn không nói có - Ăn hương ăn hoa - Ăn Bắc mặc Kinh (mà có người cố tình nhầm một cách khiên cưỡng thành Ăn Bắc mặc Nam)...

Các cụm từ hoặc các ngữ, trên bốn yếu tố cũng có nhiều, hoặc từ Ăn được nói xen vào giữa câu, không hiếm, ví dụ: Ăn trông nồi, ngồi trông hướng - Ăn có mời, làm có khiến - Ăn đi trước, lội nước đi sau - Miệng ăn núi lở - Ngồi mát ăn bát vàng - Hay ăn chóng lớn - Ăn như tằm ăn rỗi - Thợ may ăn giẻ thợ vẽ ăn hồ - Làm nghề gì ăn nghề nấy - Ai biết chỗ ma ăn cỗ (nói về hành động lén lút, bất chính) - Bốc xương ăn thịt (nói về tục lệ bốc mộ ở nhiều vùng thôn quê...

Có lẽ trong kho tàng ca dao tục ngữ đồ sộ thì nói về tình yêu trai gái là nhiều nhất. Sau đó đến á quân phải nói về ăn uống, mà

ăn là chủ yếu, phần uống ít hơn nhiều, đại loại: Nam vô tửu như kỳ vô phong - Vô tửu bất thành lễ - Tửu bất khả ép, ép bất khả từ - Rượu chè bê tha - Rượu chè cờ bạc - Tửu tam trà nhị - Rượu sớm trà trưa... Tiền hối lộ còn được nói cho nhẹ đi là Tiền Trà Thuốc...

Trong một số bài khác sẽ nói xin nói riêng về từ Ăn trong ca dao, và từ Ăn trong tục ngữ. Có những câu còn nguyên giá trị, và cũng có những câu cần sàng lọc trong thời đại mới... nhưng chung quy, chuyện Ăn Uống quả là quan trọng, được thể hiện trong ngôn ngữ, từ khẩu ngữ đến văn bản... và như vậy, có một nền văn hóa về ăn uống là đương nhiên.

1999

Bức tranh diệp lục

Không hiểu khi bà Tú long đong vất vả "*quanh năm buôn bán ở mom sông*" để nuôi ông Tú với 5 đứa con lau nhau lít nhít nơi thành Nam ấy, thì mâm cơm hàng ngày - ngoại trừ những bữa ông Tú ở nhà cô đầu này nọ - thì có những món gì, trong đó rau gì là chính?

Và tửu đồ thi bá cả đời thi trượt, không đỗ nổi cái tú tài, nhưng chắc còn lưu danh muôn thuở khi núi Tản chưa mòn và sông Đà không cạn, thì bát canh rau sắng chùa Hương có đi cùng với chiếc chén nâng lên đặt xuống, mà thi nhân phẫn chí, thở than: *Cái dưa thì khú cái cà thì thâm..* món rau sắng ấy mang hồn non nước ra sao đến nỗi thành giai thoại?

Chất diệp lục xanh rờn, xanh biếc, xanh non xanh óng vào ta thành máu đỏ thì xanh biến đi đâu và đỏ hình thành như thế nào, quen thuộc thế nghìn năm nhưng ta không hề rõ.

Ta nói rau cỏ thì cỏ cũng là rau, nhưng nếu ta nói rau và cỏ thì cỏ không còn là rau nữa. Có công chúa Tiên Dung chiêu đãi chồng là chàng nghèo họ Chử, thì trên cái thuyền hạnh phúc chòng chành ấy có rau không?

Lá ngón ăn chết người nhưng rau mùng tơi thì mát ruột. Phải có bao nhiêu người tiền sử chết đi mới mua được kinh nghiệm tránh ngọn rau ngón ấy?

Cái mầm cái ngó mọc ngầm dưới đất nở ra bông sen, cái nụ cái hoa trên cành mềm lả lướt nở ra mùi hương thiên lý... đều là rau cả. Ngọn rau khúc hoang dã trên cánh đồng sau vụ gặt, chiếc lá rau dệu người đàn bà nghèo khó nông thôn bao đời đi kiếm về thành rau tập tàng, cho đến chiếc ngồng cải hoa vàng như nắng ấm vườn đông, ngọn lang bò ngổn ngang mặt luống hay sợi rau muống chẻ nhỏ xoăn tít không thể thiếu khi nâng bát bún riêu cua... rau thành nhịp phách trong bản nhạc hàng ngày dù ta buồn hay vui, khổ đau hay hạnh phúc.

Mắt đa tình nàng gái xa xôi cay cay dã vị còn vương một chấm màu nâu như nốt ruồi "thương phu trích lệ" là thứ rau quê ẩm ướt ta gọi rau răm cũng có sức mạnh nâng món trai món hến thành bát canh tuyệt hảo. Ca dao nói: "Con mắt lá răm lông mày lá liễu" là thế, có khi ta chết mệt vì một ánh mắt lá răm trên bến đò xa lạ hay cái ga xép heo hút dọc đường, sau bao năm ánh mắt cứ chớp động hồn ta mong gặp lại... Nguyễn Tuân hơn một lần chiêu đãi khách phương Tây đã dọa phải gắp thứ tự mươi thứ rau trên mâm đồng, nếu sai trật tự, nếu lộn số... thì bệnh viện sẽ chờ kia. Khách hoảng hồn xin chắp tay vì không thể lưu vào bộ nhớ, nó còn khó hơn câu đố của con Nhân Sư Ai Cập. Nguyễn mới hà hà cho khách tung hoành đôi đũa tùy nghi. Đó là những thứ rau gì trong bữa mắm rươi mắm đồng mộc mạc: muống chẻ, kinh giới, tía tô, rau ngổ, thìa là, cải cúc, hành hoa, húng Láng, mùi ta, mùi tàu, cần sống, cải non (thứ cải vừa gieo cần tỉa bớt)...

Phải chăng mâm rau đã thành bức tranh *Van Gốc* hay bí hiểm như nụ cười *nàng Giô Công*

Cải làn xào thịt bò. Cải canh nấu cá rô điểm hương gừng. Cải ngồng luộc nhờ nhợ đắng. Cải cúc tra thìa là. Cải thìa xào cá quả. Cải bắp bánh tẻ muối dưa... Và cải sen tức cải trắng chỉ lấy cái cuộng xào bồ dục... có ai không từng nếm?

Hẳn Tú Xương đã ăn món rau muống luộc chấm tương khi ông lâm vào cảnh: *Một tuồng rách rưới con như bố* nhưng vẫn đùa: *Hai chữ nghêu ngao vợ chán chồng...*

Ông nói thế thôi, chứ thơ ông đọc mãi cũng chẳng ai thấy ngao ngán bao giờ, giống như chúng ta, ăn món rau muống từ thuở lọt lòng đến khi đầu bạc vẫn cứ ngọt mềm đầu lưỡi, và nói không quá, Lý Công Uẩn khi còn là chú tiểu trong chùa ở hương Cổ Pháp cho đến cậu bé Trần Cảnh của Nam Hà sau trở thành Trần Thái Tông... có thể nào không biết món mầm đá ngàn năm rau muống.

Cái ông Trạng Quỳnh lỡm nhà Chúa, cho chúa ăn món Đại Phong với Mầm Đá ấy cũng xuất thân từ ruộng đồng tre lúa mới có thể biết được mùa màng theo năm tháng.

Trạng chết chúa cũng băng hà
Dưa gang đỏ đít thì cà đỏ trôn...

Cà cũng là rau quen thuộc từ Thánh Gióng ăn ba nong mặn để lên ngựa ra roi đến Hồ Chí Minh bỏ đĩa thịt gà mà chỉ gắp đôi quả cà xứ Nghệ (thơ Việt Phương). Ta đời thường áo vải, ngọn rau gắn bó suốt đời như bạn đồng hành mưa nắng.

Mùa xuân có bát canh cần mà người mẹ khôn ngoan không gả con xa. Mùa hè bát canh rau đay, mùa thu canh cải, mùa đông nhiều rau nhất, tha hồ chọn lựa.

Người ốm có canh rau ngót mát lành. Đường xa mệt mỏi có bát nước rau muống luộc thanh thanh thì những bóng cá thu, mực xào, chim tần, vịt nhồi cũng thua xa... Mâm cỗ tết cũng không thể thiếu màu xanh diệp lục. Mấy sợi rau mùi điểm xuyết cho bát nấu bát ninh. Quả đỗ Hòa Lan xanh nõn trên nền vàng chân tẩy. Đĩa

rau xà lách cho món nem, những thỏi dưa hành vàng tươi là tiếng song loan điểm nhịp cho bài ca quá rộn ràng bứ mắt.

Có lẽ Tản Đà không là ngoại lệ khi ông muốn đào nền nhà lát gạch lên để trồng đôi ba ngọn rau húng Láng chứ không cần ngăn sân lại để nuôi con gà sống thiến.

Cứ thử tiệc tùng dăm bữa liền mà xem, cái lưỡi cứng đơ ra, cái hàm mệt nhọc, mới thấy chất diệp lục mềm mại non tơ mát lành kia có sức mạnh ra sao, ngay cả một sợi tơ sợi tóc lá chanh thái chỉ trên nền vàng da gà cũng quý làm sao, duyên dáng làm sao, nếu thiếu nó thì đĩa thịt gà trơ trẽn như gái điếm già làm duyên không phải lối.

Từ người lính chiến chinh hái ngọn rau tầu bay rong rừng (dù biết ăn nó là hoại huyết) đến cô gái Hàng Bạc ăn kiểu huyền thoại cái giá đỗ cắn đôi, từ đứa con dâu hư đốn nấu đỉa hẹ cho mẹ chồng ăn nói dối là rau hẹ, mẹ chồng mù mỗi bữa thấy rau dai mà không nhai được, giấu xuống chân giường một ít, con trai bà về, bà cho xem thì nhung nhúc lũ đỉa ngoi lên, cô con dâu tai ác kia hết đường chối cãi mới có câu "rành rành như canh nấu hẹ" cho đến nay, ta nhắc nhau "Cần tái cải dừ" hoặc cây chuối non thái mỏng tang thành rau ghém ăn với bánh đúc riêu cua trên đường xa nắng gắt và bạt ngàn chợ cóc, chợ xanh trăm loài rau mời mọc... ta thấy máu ta đỏ là nhờ diệp lục xanh ngời cho nẩy nở tài năng từ danh tướng đến thi nhân, vương hầu và dân chúng, thục nữ lẫn thuyền quyên mà ta chắc một cô chiêu Trần Thị Thái dọn mâm cơm cho thầy đồ Nguyễn Phi Khanh, một bà nông dân mò cua bắt ốc đẻ ra Đinh Bộ Lĩnh, một cậu Chiêu Bảy viết câu thơ về người nghèo khổ trong Văn Chiêu Hồn: *"Đòn gánh tre chín rạn đôi vai"* đến Hoàng Hoa Thám mười năm ăn rừng ở núi nơi đồn Phồn Xương cho chí hàng triệu anh lính Trường Sơn và những Bà

Mẹ Việt Nam anh hùng... không ai không gắp ngọn rau bằng đũa tre đất Việt, thứ rau tạo ra máu thịt đời người, thứ rau đủ màu tranh vẽ trên mâm cơm hai bữa mỗi ngày.

Không thể biết hết được những bức tranh trong các bảo tàng, thì cũng không thể nói hết được các loài rau đi cùng dân tộc này từ khi mở nước.

1999

Nước mắm món khôn ngoan

Nhiều nước muốn điều hòa mặn nhạt món ngày thường hay đại tiệc cũng chỉ là đĩa muối. Cam-pu-chia có món mắm Bồ Hóc, Trung Hoa có xì dầu, xắng xáo. Một vài nước khác có magi làm bằng thịt nạc là loại sang, còn loại thuờng làm bằng móng con lợn...

Hình như chỉ đôi ba nước vùng Đông Nam Á và có biển, nhiều cá mới có món NƯỚC MẮM. Nói ngay, nước mắm là mắm nhưng không phải là mắm như mắm tôm, mắm ruốc, mắm cá.

Ở nông thôn, món tương là phổ biến vì gia đình nào cũng có thể chế biến được, nên có câu: "Tương cà là gia bản". Còn nước mắm không hẳn thế, cơ sở để chế biến phải to rộng, có vốn lớn, có kỹ thuật, gắn liền với vùng nguyên liệu dồi dào, thành một hãng, một ngành chuyên môn. Nhưng về việc dùng nó, ăn nó thì hầu hết người Việt Nam đã quen thuộc hàng ngày, già trẻ lớn bé, thành thị nông thôn đều không ai xa lại với nó.

Người Pháp dịch nó là La saumure (la sô muya) không hẳn đã chính xác, có lẽ gọi nó là Le Nước Mắm (Lơ nước mắm) mới là đúng hơn cả, vì nó chỉ là nó, nó là Việt Nam, nó không giống bất kỳ một món nào của bất cứ nước nào, dù ngày nay nó đã có

mặt ở Paris, Luân Đôn, Mỹ, Nga... thiết yếu với đời sống người Việt Nam sống ở nước ngoài và lây lan sang người dân nước ấy.

Đã từng nhiều thời kỳ lưu truyền nhiều quan niệm thô sơ, món gì bổ đều là "độc" nên gái đẻ, tức người đàn bà ở cữ phải kiêng kỵ hầu hết các món ngon, chỉ được ăn cơm tẻ với món nước mắm chưng (tức nước mắm cô đặc lại) thế mà sản phụ vẫn khỏe mạnh, thừa sữa cho con bú.

Kinh nghiệm dân gian, người bị bỏng, sơ cứu bằng cách bôi đẫm nước mắm ngon vào chỗ bỏng, sẽ không bị phồng, không bị loét. Người thợ lặn trước khi xuống nước trong ngày rét buốt, được uống một bát nước mắm ngon thì có thể lặn sâu, lặn lâu hơn, nói cách khác là đủ năng lượng để bền sức lặn hơn.

Tại sao thế, nhà khoa học đã trả lời được rồi, bởi nước mắm chính là đạm tinh khiết, là prôtit được tinh chế, chắt lọc với các at-xit a-min cần thiết từ con cá.

Con cá đánh lên bờ mấy tiếng đồng hồ đã ươn, một ngày là thối, nghĩa là bị vi sinh hủy hoại. Từ xa xưa, làm gì có nước đá mà bảo quản, nếu dùng muối để ướp, đem đi xa, cũng không thể thắng được thời gian, đem phơi khô thì cồng kềnh và giá trị con cá đã mất đi phần lớn.

Với một bờ biển dài hơn 3200 cây số ngàn, lượng cá đánh được không nhỏ, ăn tươi làm sao hết được ngay một lúc khi giao thông vận tải chưa phát triển; vì thế mà một sáng kiến kỳ vĩ đã nảy sinh do tính toán hay tình cờ, thành cái vốn quý báu đời đời. Chưa ai biết người đầu tiên nghĩ ra cách làm nước mắm là ai, trình độ tri thức ra sao, phát minh ra cách ăn dè cá lâu dài ở thế kỷ nào, mà khôn ngoan đến vậy.

Ngày nay, món nước mắm đã phổ biến đến mức nó thay thế được cả tương, cả xì dầu. Nó là món nước chấm trên mâm cơm

để điều hòa khẩu vị từng người mặn nhạt. Nó vượt xa cả mắm cáy, mắm cua, mắm cá hay các thứ nước chấm nhập từ nước ngoài. Không những thế, nó còn là gia vị quý trong nhiều món khác. Thiếu nó là không được, là vô duyên, thậm chí hỏng cả món ngon ngay. Không một bà nội trợ nào dù giầu sang quyền quý hay dân dã thiếu thốn lại để cho gian bếp nhà mình thiếu chai nước mắm (loại ngon tức giàu độ đạm hay loại rẻ tiền, xoàng xĩnh).

Khoanh giò lụa trắng hồng, mịn màng như da trinh nữ, khi thúc thịt đã giã nhuyễn, không thể thiếu chút nước mắm ngon gia giảm. Muối ư? Hỏng ngay. Tương là tối kỵ. Xì dầu chăng? Mặt giò sẽ tối xầm như mây đen giông tố và không còn hương vị của giò nữa. Bỏ đi thôi.

Nồi nước dùng của món phở, món bún thang dù nhiều xương gà xương lợn đến đâu cũng không thể thiếu được ít nước mắm ngon tra vào khi nó đang sôi sùng sục. Các món xào nấu khác như thịt bò xào, bồ dục hành tây, vịt hầm, gà tần... cũng đều cần nước mắm khi đang chế biến chứ không thể là tương là mắm cua, mắm cá.. Ngay món cá kho ăn tết hay con cá thu kho với nước trà đặc, thì nước mắm, vẫn là yếu tố quyết định cho nó, ngon hoặc không ngon, rắn đanh hay bở bùng bục, tanh nồng hay thơm lừng, để được hàng tuần hay một ngày đã thiu... nước mắm là linh hồn của món ăn, từ bình thường thành quý giá.

Từng có những thứ nước mắm ngon nổi tiếng được toàn dân biết đến, đi vào ca dao (Dưa La húng Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét) và được xuất khẩu đi các nước như nước mắm Ô Long (con rồng đen) nước mắm đóng lu Phan Thiết, nước mắm Phú Quốc, nước mắm Nghệ An, Cát Hải theo thuyền mành đi mọi ngả nước non...

Truyện dân gian chê anh hà tiện (một loại truyện cười Gabrôvô Việt Nam) là truyện Cá Gỗ. Một người đi đường xa

mang theo cơm nắm, kèm theo là khúc cá bằng gỗ làm giống một khúc cá rán. Đến đâu, anh ta cũng giở nắm cơm ra ăn, và chỉ cần xin nhà hàng cho một ít nước mắm để chấm cá. Mỗi miếng cơm, anh ra chấm con cá gỗ vào nước mắm và mút một chút. Thì ra bữa cơm ngon lành và không mất tiền ấy, chính là anh ta ăn cơm với nước mắm. Giá trị của nước mắm đâu phải xoàng nếu ta bỏ chi tiết châm biếm hài hước kia đi.

Chắc chắn làm nước mắm phải gắn liền với nghề đi biển, gắn liền với tài nguyên biển. Nó thành một công nghệ được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Cá đánh về (ngon nhất là cá cơm) cho vào bể ngâm, gọi là "chượp". Cơ sở còn nghèo, có thể sắm loại chum Thổ Hà là thứ sành truyền thống, dùng trăm năm không hỏng. Nghèo hơn thì xây bể xi măng. Cơ sở lớn có thể đóng bể bằng loại gỗ đặc biệt, càng dùng càng bền, mỗi bể gỗ chứa vài chục tấn cá chượp. ông Sáu Danh tức Sáu Tỷ ở đảo Phú Quốc có vài chục cái bể gỗ như thế, thừa tiền cho con cái du học nước ngoài và lên sống ở Sài Gòn (ông vẫn đang sản xuất nước mắm theo phương thức cổ truyền và đại đởn như thế).

Chượp được phơi nắng trong 6 tháng, cá và muối ngấm sang nhau, được đảo đều theo một chu kỳ nhất định. Con cá tan vào muối, thành một thứ nước. Nói cách khác, con cá được muối hòa tan toàn bộ chất thịt, chất đạm ngon lành, nghĩa là biến con cá thành một thứ nước ngọt nguyên sinh. Từ nước thịt màu mật ong này, đem nấu, đem lọc, đem pha hay để nguyên, càng ngon thì càng để được lâu, đem đi đâu cũng tiện, ăn ít hay ăn dè tùy hoàn cảnh. Ăn nước mắm chính là ăn cá vậy, một kiểu ăn khôn ngoan, vừa ngon, vừa lành, vừa bổ, vừa kinh tế.

Có thời nhiều kỹ sư nghiên cứu làm nước mắm trong nửa tháng theo quy trình công nghiệp cải tiến. Tiếc sao, thứ nước

mắm nhân tạo ấy chỉ để ít ngày đã thối, bỏ đi. Thì ra trong 6 tháng, con cá còn được nắng trời hun đúc để đượm thêm hương biển sức người mới thành món ngon món quý chứ đâu cần chỉ ăn xổi ở thì là được.

Người Pháp, người Ấn Độ (còn gọi là ông Tây đen bán vải) lấy vợ Việt Nam, quen nước mắm thành nghiện, mới thấy đĩa muối trên bàn ăn là "cứng", là khó ăn và mới cảm nhận được cách ăn cá tan thành nước này là tài, là khôn, là giỏi.

Có thể gọi nước mắm là một thứ đặc sản Việt Nam chăng? Nghe nói một số nước vùng Đông Nam Á cũng đã quen dần với món nước mắm, nhất là mấy nước nhiều cá biển.

Còn các nước khác, nào Pho Mát Hà Lan, vịt quay Bắc Kinh, trứng cá hồi Nga, Hăm-bơ-gơ Mỹ, bơ Pháp... nổi tiếng thế giới nhưng cách biến con cá ra thành nước để ăn được lâu dài có lẽ Việt Nam đáng được ghi vào bảng vàng ẩm thực của loài người chăng?

Thế giới còn bao nhiêu món ngon nữa mà ta biết và chưa biết. Chúng ta còn nghèo, bữa ăn chưa nhiều món ngon, chưa nhiều cao lương sơn hào hải vị, nhiều gia đình còn lấy món Nước Mắm làm đầu vị để đưa đẩy rau dưa thì nước mắm thành quen thuộc, dù thế giới có gọi nó là đặc sản hay không, ta cũng vẫn tự hào về một cách ăn khôn ngoan khéo léo của nghìn xưa truyền lại. Và còn biển, thì nước mắm vẫn còn, và chắc chắn còn phát triển. Ba mươi độ đạm hay ít hơn, sang trọng hay thiếu thốn, nước mắm vẫn đi cùng ta mãi mãi.

Ghi thêm: Nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, người có nhiều ca khúc tuyệt hay một thời chính là con cháu của hãng nước mắm Vạn Vân vùng Cát Hải - Hải Phòng ấy, ông sống một đời giầu có, nhung lụa, chỉ chuyên sáng tác... có lẽ nhờ vào những bể chượp khổng lồ kia chu cấp.

1999

Bữa cơm chiều

Thông thường, đã thành lệ, bữa ăn sáng không phải cả nhà đều ăn một món và ngồi quanh mâm. Tùy theo sở thích, mỗi người có thể ăn theo ý mình, và ngồi đâu ăn cũng được, có khi ăn ở dưới bếp, trong buồng nhỏ mà cũng có thể đến một quán hàng nào ăn cũng không ai bắt bẻ ai.

Bữa trưa, còn cả một nửa ngày lao động, chưa thể nhàn nhã để hưởng niềm vui gia đình với không khí đầm ấm bên bữa ăn. Chiếc bánh hay bát xôi mang ra đồng, ngả ra dưới gốc đa, nhai chệu chạo, nuốt vội vàng rồi tợp một ngụm dài nước vối, vì thửa ruộng đang bừa dở còn chờ, vì đám mạ mới nhổ một nửa, vì đường cấy còn loáng nước chưa kín cây lúa...

Thành phố càng tất bật. Góc phố, chỗ ngã tư ồn ào, hàng cơm bụi-cơm đầu ghế-đã đông người, kẻ đứng, kẻ ngồi, người cầm đũa, người rút mảnh giấy vệ sinh lau bát sẵn... nơi nhiệm sở đang chờ, cánh cửa mới khép hờ để còn phải ngồi vào đấy cho đến chiều hôm tan tầm mới có thể rũ áo đứng lên. Mà cũng có thể ngả cái cặp lồng cơm, lồng khồng ít cơm đã nguội, chút thức ăn đạm bạc, con tép, quả cà, khúc cá... Hiện đại hơn, gọi "a lô" cơm hộp, nhai như nhai rơm, cơm khô, thức ăn đã nguội, canh đựng vào chiếc ca nhôm ca nhựa... đầy tính tạm bợ...

Từ nông thôn đến thị trấn, thị xã và thành phố, nhịp sống dồn đuổi con người phải vắt sức mình vào công việc. Cái cuốc trong

tay, hai sương một nắng, hoặc chiếc bút tập hồ sơ những giờ dài lê thê căng thẳng... những bữa ăn trở thành công thức khô khan, nó có nghĩa vụ đỡ cho con người mỏi mệt, con người có nghĩa vụ gặp nó để đi tiếp một ngày, không giống như nhà văn Lan Khai một thời (từ trước cách mạng Tháng Tám) mỗi bữa ăn là một nghi thức trang trọng, ngồi vào bàn, phải thắt cà vạt, phải rửa kỹ bàn tay, phải vừa nhai vừa ngẫm nghĩ như để thẩm thấu khí thiêng trời đất trong từng miếng nhỏ ngọt ngào hay cay chua mặn chát.

Càng hiện đại, con người càng bị thả vào cái guồng cối xay như hạt thóc theo cái giằng quay, cam chịu số phận cuốn hút và đưa đẩy.

Đã có những gia đình buổi chiều cũng đi ăn cơm bụi. Cả tuần bếp không đỏ lửa. Thôi cũng tùy. Nhưng may sao, vẫn còn nhiều gia đình, nhất là ở nông thôn hoặc gia đình có người ở nhà trông nom việc nội trợ, nên vẫn còn bữa cơm chiều khi lên đèn, khi trăng ló, lúc hiu hiu rét ngọt hay phất phơ gió đưa một thoáng hoa nhài hoa ngâu cùng là tiếng cá đớp bèo xô động mặt ao quê...

Manh chiếc rách, thủng giữa, không sao, cái mâm đặt vừa vào đấy, vẫn là thịnh soạn bữa cơm đạm bạc. Đâu phải chỉ ăn cơm, mà còn ăn không khí, ăn nhau, ăn trong câu chuyện một ngày vừa dứt, chuyện hôm qua, chuyện tháng trước, chuyện ngày mai...

Cái chõng ngả ra bên thềm, giát tre đã bóng, con chó nằm phủ phục đợi chờ miếng cơm hớt lẫn tro còn nóng. Góc vườn, thoảng tiếng ào ào ai tắm hay giửa mặt rửa chân, mặc cho mặt trời chìm vào phía chân trời nơi cổng làng có con chó đá, cái bụi ké đầu ngựa hay bông súng tím bắt đầu giấc ngủ cụp đài hoa...

Con cá bống kho khô, bát tương ngọt lừ sóng sánh. Bát canh cua đồng hoa thiên lý hay rau láo nháo bùi bùi. Con châu chấu

rang thoáng vị lá chanh thơm dịu. Miếng đậu phụ vừa luộc còn nóng nên mềm mại chờ người nâng chén rượu lên, khà một tiếng để gắp nó vào bát sau khi chấm tí muối ớt đỏ tươi, gắp cả cho cái bát xinh xinh trẻ nhỏ, cùng chia sẻ miếng ngon với tấm lòng thân thương trìu mến.

Không chả quế giò lụa, không gà hầm chim quay, chỉ là con cua nướng, ngọn rau khoai, miếng bí luộc... óng ánh dưới trăng ngà treo trên ngọn tre đang la đà mát rượi hay tiếng ếch gọi mưa từ bờ chuôm như một thứ nhạc nền, như một thứ nhạc cung đình mà cả gia đình đang cùng chung bữa ngự thiện nhà vua, bữa tiệc sau khi thửa ruộng được tát nước đầy, đường cầy óng ả, ruộng lạc đã dỡ... con lợn xuất chuồng cân được giá, chuồng trâu đủ cỏ suốt đêm nay...

Bữa cơm chiều êm ả nhưng không im lặng. Vợ xới cho chồng thứ ngọc thực lùm đầy, trao bằng đôi tay chai sạn nhưng kèm ánh mắt chứa chan, có khi còn là cái yếm trễ tràng, lộ ra bầu sữa căng tròn cho cái miệng xinh xinh thơm tộp tộp khiến người bố trẻ ngồi phía đối diện cũng phải sốt ruột kêu lên: "Thằng cu, để mẹ ăn cơm với chứ..." và người mẹ trẻ vén tà áo, nói lửng lơ: "Kìa nhà em...".

Bữa cơm chiều còn kéo dài đến lúc bát đĩa lách cách bên bờ giếng thơi, còn trên chõng là ấm trà xanh với cái điếu thuốc lào vang lên dõng dạc...

Có thể nghe được cả tiếng cái giếng khoan òng ọc theo cánh tay bơm cho vòi tóa lóa và tiếng nhà ai sàng sẩy thứ hạt gì quay tròn như tiếng làng xóm nghìn năm.

Đêm nay, chiếc giường tre hay giường gỗ xoan đào có cót két kêu lên hay im lặng nhịp võng đưa, ai mà biết được dư âm của

những bữa cơm chiều trong chạng vạng làm nhọ cánh cò bay mải miết và ngoài sân đình, đội văn nghệ chờ nhau để lới lơ câu hát giao duyên, có anh có chị ngấm ngầm liếc trộm...

Thành phố có bữa cơm chiều kiểu khác. Chiếc mâm đồng sạch bóng hay bộ bàn ghế Xuân Hòa bày ra, chai bia hay chén rượu ngâm thuốc, thìa canh nếm để gật gù hay con trẻ bốc vụng một miếng trên mâm, bố mẹ biết cũng lờ đi như không biết vì đã là giây phút quây quần sau một ngày mỗi người tản mác ra một góc thị thành lo toan vất vả.

Giờ này đường phố có lẽ là vắng nhất. Những con ong đều về tổ của mình, góp mật hoa phấn hoa là những câu chuyện một ngày gồng sức ra gánh vác. Công trường, xưởng máy, hiệu buôn, đường ngắn đường dài, lớp học, bài vở, chuyện tờ báo bị phanh phui, chuyện bà cụ nhầm tên phố... từ tốn, thong thả, nhẩn nha... để hạt muối tỏa hết vị đậm đà, miếng trứng tráng ngọt thơm, ngọn rau mát lưỡi... khiến máy thu hình cứ nói mà có lẽ chẳng ai nghe vì quanh mâm cơm, rôm rả vẫn cuốn hút mọi người, nào ngắm nhau, nhường nhau, nghe nhau, gắp cho nhau, góp câu nói tiếng cười như gia vị, một loại gia vị không thể có ở bất cứ nhà hàng, khách sạn nào trong cõi thế gian này.

Ngày đã đi hết một vòng ánh sáng. Bữa cơm chiều phải chăng là tiệc tiễn chân mặt trời về phía bên kia mặt đất, và cũng là để đón một buổi tối và đêm nồng đượm tình nhau. Vợ chồng, cha mẹ và con cái... sum vầy, chan hòa và chia sẻ, đùm bọc và nâng đỡ...

Những bữa cơm chiều, thông thường như hơi thở hằng quen, có thể khác nhau về chi tiết, thịnh soạn hay đơn sơ, sớm hay muộn vòng tròn kim phút, có người quên bẵng đó là niềm hoan lạc, phải đến khi lỡ độ đường xa lắc, chiếc xe chết máy dọc đường không về kịp hay vì việc gấp mà phải ở lại một phương nào, đêm

ngủ trong quán trọ, ngồi bên mấy người xa lạ, ăn món ăn nơi quán xá không quen mùi vị... mới sực nhớ ra những bữa cơm chiều trong không khí ngọt ngào của hương yêu thương trìu mến, ta bưng bát cơm, ta húp thìa canh, ta gắp miếng thức ăn đưa lên miệng... không chỉ ta ăn mà còn là hưởng đầy hồn thứ bùa mê của những trái tim trao cho nhau tình ruột thịt.

Đôi khi lữ hành. Tiệc tùng cũng chỉ là thưa thoảng. Một đời người - đương nhiên trừ kẻ cô đơn - những bữa cơm chiều như lễ hội tiễn một ngày thiêng rời khỏi đời ta đi vào quá khứ, ta ăn niềm không khí, ta ăn sự chan hòa, ta nâng ánh mắt nhập đầy lòng... thì không chỉ là no cái bụng mà chính là no nê một cõi người.

1999

Thanh trong nước vối

Hình như chúng ta đang bước vào thời đại ăn bánh mì kẹp thịt và kỷ nguyên uống Côca Côla, giống như đang là giai đoạn đồ nhựa thay cho tre trúc mộng mơ đầy kỷ niệm.

Thành phố Hồ Chí Minh có món trà đá, đá là chính còn trà thật loãng, uống cho no cho lạnh chứ không phải để thưởng thức hương vị của món đồ uống nghìn năm quý báu. Từ sau giải phóng, trà khô (thường được gọi là trà hương, trà móc câu, trà tuyết, trà Phú Thọ, Thái Nguyên) mới bắt đầu có mặt và dần quen thuộc với xứ nóng quanh năm, pha từng ấm nhỏ, uống bằng chiếc chén nhỏ xíu, thật chát nhưng qua cái chát thì vị ngọt xuất hiện, ngọt đậm trong cổ họng như dư ba còn ngân mãi trong lòng sau khi bản nhạc hay đã dứt.

Trà xanh (tức trà tươi) cũng đã bị đẩy lùi về các làng xa, trên những nẻo đường dài có cái quán tranh bên đường lặng lẽ, pha từng ấm thật to ủ bao tải hay nấu một nồi to uống suốt đêm trăng với rổ khoai bùi và câu chuyện xóm thôn...

Có một món đồ uống đã bền như màu áo nâu của mẹ ta, bà ta, thanh thanh, man mát, ngọt thoáng như hương cam thảo... cũng đã bị phiêu bạt về nơi nào không rõ. Đó là Nước Vối.

Quê nhà, bên bờ ao, cuối khoang vườn, có cây vối cổ thụ tưởng như bị lãng quên, nhưng năm nào cũng cho lá xanh, mỗi

phiến lá bằng bàn tay (Phủ Tây Hồ trên Hồ Tây còn cây vối cổ thụ như thế). Nụ vối từng chùm, vàng tươi cũng có thể thành đồ uống. Quả vối chín đỏ gọi đàn sáo đàn vẹt từ đâu về ríu rít. Lá vối mới là chính. Lá chặt cả cành con, bó lại, vứt xuống ao vài ngày rồi đem phơi khô, băm thật nhỏ. Cứ tưởng như lá thạch nhưng không phải thạch, có thể dùng dần. Một nhúm lá vối khô sắc đặc thành nước cốt khá đắng. Đem nước cốt này pha với nước mưa giữa trời hay nước đun sôi để nguội, từ mầu nâu huyền chuyển sang màu nâu vàng trong vắt. Đi làm về, tu một hơi dài, cái nóng, cái mệt tiêu tan. Nước vối dựng trong cái ấm đất, cái tích sứt vòi, rót ra bát, chiếc bát chiết yêu, bát đàn dân dã mộc mạc. Hình như chưa có ai bao đời nay rót nước vối ra cốc thủy tinh hay pha lê, uống bên bàn rải khăn trắng muốt, hay dùng để chạm cốc (cụng li) mà nó chỉ quen với cái yết hầu lên xuống kêu thầm ực ực...

Vụ lúa chiêm, trời gay gắt nóng. Đêm hè, trăng bơi trên bầu trời, còn sân vừa dịu cái âm âm, rải chiếc chiếu, đặt ngọn đèn, châu chấu từ đâu không biết, vù vù bay đến, chỉ loáng một lát đã đầy chai, thứ châu chấu trứng còn được gọi là tôm bay, béo núc. Thứ tôm bay này bỏ cánh bỏ đầu, rút ruột, đem rang khô và điểm chút lá chanh thái chỉ... là món ngon kỳ lạ của đồng quê, những ngày đông đồng vắng chợ. Bát cơm để thật nguội cho mát đôi môi, chan thứ nước vối lành hiền ăn với con châu chấu ấy thì cao lương mỹ vị trong khách sạn cũng chưa chắc đã sánh bằng. Châu chấu đậm. Nước vối thanh. Cái ngọt và cái mát nâng đỡ nhau, không nồng, không gắt, không ngấy... Chỉ cần ăn một lần để nhớ một đời, nhớ cả ánh trăng ngà trên ngọn cau, cành tre và tiếng đêm mát rượi...

Thành phố, con châu chấu là của hiếm. Không sao. Tục ngữ có câu "Tương cà là gia bản" Quả cà đã quen thuộc từ mấy nghìn năm, thuở Ông Gióng ăn hết ba nong đầy (lạ thế đấy, Ông không

ăn ba nong thịt mà chỉ ăn ba nong cà?). Quả cà giòn tan đậm miệng, có khi nén nửa năm rồi, mặn gắt, cắn miếng cà rồi và miếng cơm đã chan nước vối thanh thanh, ta cảm nhận được điều gì, người ơi? Ai đã từng ăn như thế mới thấy hết được chất nước non thấm sâu vào ẩm thực. Nghèo đã đành, nhưng rút từ cái nghèo ra miếng ngon mới là tài tình muôn thuở. Nước vối với quả cà, rẻ tiền đến nỗi xin đâu cũng được, nhưng ngon thì hồ dễ mấy ai ngày nay biết đến, khi chỉ quen với cá bỏ lò, gà tần thuốc bắc, thịt nướng, chim quay, bóng thả, canh giò... cho đến Giăm bông, patê, bíp tếch...

Đời sống đang dần tiến lên. Nhiều món ăn Âu, Á đã xuất hiện với đời sống phố phường thành thị. Các đồ uống đóng chai, chai vuông, chai tròn, chai dẹt, có men và không men... có làm tê tái cái lưỡi con người, lãng quên đi màu vẻ của thời gian hun đúc.

Người ta đã quen với trà hòa tan, trà đóng hộp, trà pha từng tách có cái dây chỉ buộc... không hiểu có phải vì thế mà trà xanh, nước vối tủi thân, đã lánh mình vào những thôn xa hẻo lánh? Tìm được một bát nước vối bây giờ không dễ. Nhưng thử một lần xem, về quê một lần đi... ta cảm nhận được một điều gì đáng yêu đáng quý xiết bao, trong đó có món nước vối quê nhà, chát mà ngọt, trong vắt như hồn người, để tìm ra điều sâu thẳm vô thường...

1999

Tục ngữ về ăn uống
Kho tàng cẩm nang

Có một đại dương mênh mông, chí ít là một dòng sông nghìn dặm, ta bơi suốt đời không hết chân lý và kinh nghiệm thẩm thấu đầy chất văn hiến vào ta. Đó là kho tục ngữ do tác giả là cả dân tộc sáng tạo ra, trong đó tục ngữ về ẩm thực là một mảng to lớn, quý báu, ta áp dụng vào mọi trường hợp ứng xử giao tiếp đều được.

Từ chân lý hiển nhiên: *Có thực mới vực được đạo. Không ăn thì mẻ cũng chết,* hay văn hóa bóng bẩy: *Thực túc binh cường, dĩ thực vi tiên...* nhưng kèm theo đó là lời răn dạy không bao giờ cũ: *Miếng ăn quá khẩu thành tàn,* hoặc *Miếng ăn là miếng nhục* (còn là chơi chữ vì nhục là thịt).

Nghìn năm dân ta nghèo, nên phải giữ đạo nhà nền nếp: *Tương cà là gia bản, và Cơm tẻ là mẹ ruột,* hay là: *Cơm tẻ no xôi vò chẳng thiết...*

Bao nhiêu kinh nghiệm của tổ tiên ông bà đến nay vẫn mới, vẫn "hiện đại" khi lao động để có cuộc sống không phụ thuộc vào ai, tạo ra tự do, tự tại: *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ,* cho đến biết giữ gìn nhân cách làm người từ cụ thể đến trừu tượng: *Đói cho sạch, rách cho thơm* và *Nhà sạch thì mát bát sạch ngon cơm.*

Trong nhà, trong bữa cơm, chuyện *Liệu cơm mà gắp mắm* là bài học vỡ lòng, nhưng ra xã hội, làm cỗ cưới cho con, làm cỗ giỗ cha mẹ, tổ chức ăn tết cho gia đình thì liệu cơm gắp mắm như thế lại hóa thành phương châm xử thế để không ai có thể chê cười.

Không ai khen anh chàng thích *Bóc ngắn cắn dài*, cũng như hậu quả khôn lường cho ai không biết tự lượng sức mình mà cứ thích *Đũa mốc định chòi mâm son.* Dù rằng cạnh đó còn có nghịch lý không phải lúc nào cũng đúng: *Trâu ta ăn cỏ đồng ta.*

Đoảng nhất là những ai *Thực bất tri kỳ vị,* nên kinh nghiệm về cách ăn (cũng là rộng về ứng xử) không thiếu cho ai muốn thành người lịch lãm: *Đầu trôi môi mè* mới là chỗ béo chỗ ngon. *Nhất thủ nhì vĩ* là món quý. Nó tương tự như: *Nhất phao câu nhì đầu cánh* (hay bầu cánh?). *Chuối đằng sau cau đằng trước,* vỏ mỏng, quả chín đều thơm lựng mới là miếng ngon đáng ăn (cũng có thể là kinh nghiệm trồng cây: Chuối trồng sau nhà cho kín và ấm, cau trồng phía trước, không tốn đất, vườn không bị cớm lại còn đẹp như những chiếc ô che).

Tháng Tám cá chép mới béo, đã đi vào tranh dân gian khi con cá tìm trăng, bơi lội trên tường thích mắt. *Lý ngư bát ngoại* (tức bát nguyệt) là thế. Và mang cái chân giò đi biếu hay mua cái chân giò để ăn cũng khác nhau xa. Để ăn thì cái chân sau nhiều thịt nạc nhưng không đẹp vì nó là cả một tảng, một cục. Biếu nhau cái chân giò trước mới đẹp vì con dao hàng thịt lượn một vòng tròn, gần đến vai con lợn, tuy nhiều bì nhiều mỡ nhưng trông to và đẹp đáng yêu hơn nhiều, vì thế mới có câu: *Ăn chân sau biếu nhau chân trước.*

Con cá quả (cá chuối, cá sộp) còn tươi rói, quẫy trong thùng nước mà đem làm chả xào, đem nấu ám rau cần, nấu canh rau cải điểm chút gừng mới ngọt làm sao, thơm làm sao. Chính vì thế mà

Ăn muối còn hơn chuối chết. Cá chuối đã chết ngửa mình, thịt rã và tanh, thà ăn muối còn hơn. Món sang trọng, quý giá là đôi *bồ dục,* nhưng đem *chấm nước cáy* thì thật phí hoài. Đã có câu *Bồ dục không đến bàn thứ tám,* tức là những mâm dưới, những người không được ưu tiên. Chỉ có bàn thứ nhì mới có, nhưng nếu đem nước chấm cáy có mùi thum thủm thì nó chỉ còn là của phí hoài, chẳng khác nào câu ca dao châm biếm:

Trai tơ vớ phải nạ dòng

Như mắm cáy thối chấm lòng lợn thiu...

(có người đọc câu này thành: *Dùi đục chấm mắm cáy* cũng có nghĩa, và chấp nhận được, để nói người thô lỗ, không biết ý nhị là gì).

Trà và rượu là thú vui, là để thưởng thức, nó có quy định của nó (dù không ngặt nghèo cho lắm) *Tửu tam trà nhị* là sao? Rượu đến chén thứ ba mới ngấm, mới phừng phừng cao hứng. Trà đến nước thứ hai mới ngon, mới nhiều dư vị (nước thứ nhất chỉ là nước rửa chè). Nhưng tri âm, tri kỷ, khi tao phùng lúc tiễn biệt, rượu phải có ba người, mà nhâm nhi nâng chén. Cũng có lý.

Một kinh nghiệm không hiểu còn có thể áp dụng được không của những ai từng được tiếng là sành sỏi:

Cau phơi tái, gái đoạn tang, chim ra ràng, gà mái ghẹ. Đã từng có câu nhắc nhở cô con dâu ngoan: *Rau muống tháng 9 nàng dâu nhịn cho mẹ chồng ăn,* vì tháng ấy rau hết mùa, cái thứ rau mầm ngắn, ít, nên quý. Nay có khác. Rau muống có quanh năm, lúc nào cũng tươi rời rợi. Mừng chứ.

Lại có câu: *Đói thì ăn rau má, đừng ăn quấy ăn quá mà chết,* để nói về riêng đạo lý làm người. Đói thì đói, cũng không thể vì

đói mà cái gì cũng ăn, kiểu *Đói ăn vụng, túng làm càn...* Vẫn cứ phải suy nghĩ mà chọn lựa, vẫn phải giữ được cốt cách con người. Chí lý thay.

Cách ăn gia vị cũng không thể tùy tiện. Ai mà chẳng thuộc câu: *Con gà cục tác lá chanh...* nhưng đó là ca dao rồi, còn tục ngữ thì lại nói: *Trâu tỏi, bò gừng,* và *Thịt đầy giành không hành không ngon.*

Riêng tục ngữ ca ngợi sản vật từng địa phương cũng khá nhiều, nơi nào cũng có thể tự hào về món ngon, về cách ăn ngon của mình, chẳng hạn: *Giò Chèm Nem Vẽ, Bánh cuốn Thanh Trì, bánh dì (*bánh dầy) *Quán Gánh, Rau muống Sơn Tây, điếu cầy Hà Nội, vải Thanh Hà, cà xứ Nghệ v.v...*

Không nói tục ngữ nói về tình yêu trai gái có khi phải mượn đến miếng ăn hớp uống; chỉ nói một trường hợp người ta ví cái cổ tay con gái, cái gáy trắng nõn nà người đi phía trước, sao không ví màu trắng ấy là trắng như vôi, trắng như phấn, trắng như bột, trắng như giấy... mà lại ví: *Trắng như ngó cần.* Cái mầu trắng của chiếc ngó cần nó mịn màng, nó ngon giòn, nó say lòng thèm khát làm sao? Có lẽ phải nhiều thời gian lắm mới rút ra được điều kỳ thú ấy.

Trong thương mại, chuyện chiều khách là tất yếu, khác hẳn một thời cửa quyền hách dịch, mắng khách như hát hay, vì thế mà tục ngữ nói: *Bán hàng ăn những chũm cau.* Cái hay cái đẹp cái tốt cái ngon... nhường cho khách đã thành cách xử lý thông minh và văn hiến.

Một bài ngắn không thể nói hết được kho tàng tục ngữ phong phú ấy như *Ăn lấy chắc mặc lấy bền. Cơm không rau như đau không thuốc. Miếng ngon nhớ lâu lời đau nhớ đời, Miếng khi đói*

bằng gói khi no... cho đến miếng ngon mà Diêm Vương cũng phải phát thèm như: *Sống ở trên đời ăn miếng dồi chó...* hoặc chuyện nhân duyên trai tài gái sắc hay Thị Nở Chí Phèo: *Nồi tròn thì úp vung tròn, nồi méo úp vung méo...* thật lắm, thật đúng, thật tài.

Góp thêm vài cảm nhận, sơ lược đôi lời, chắc chắn mới chỉ là xới lên cái màng mỏng trên mặt hồ bát ngát. Hy vọng còn nhiều thức giả bàn thêm cho sâu cho rộng.

1999

Đôi câu ca dao về ăn uống

Ca dao có dính dáng đến văn hóa ăn uống là cả một kho tàng. Nào là giới thiệu sản vật quý của từng địa phương như: *Dưa La, húng Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét...*"hay kinh nghiệm về một cách ăn ngon:

Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo thì lòng mới ngon

hoặc đi từ ăn uống sang lĩnh vực khác, như nói về yêu thương:

Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon

nỗi hận đời vì cái nghèo trói buộc:

Hễ mà chết mất thì thôi,

Còn sống có lúc no xôi chán chè

lời thở than vì gian nan cực nhọc:

Một ngày hai bữa cơm đèn

Còn gì má phấn răng đen hở chàng

hoặc là một cách ứng xử lễ phép, văn hiến với lời mời mọc bất kể thân sơ:

Gió nồm là gió nồm nam
Có người bên ấy ăn tham không mời

cho đến niềm thông cảm khi phải tiếc than cho số phận ai kia không xứng đáng:

Tiếc thay hạt gạo tám xoan
Thổi nồi đồng điếu lại chan nước cà...

Gạo tám là đặc sản, cực ngon, thổi nồi đồng là sang trọng, nhưng chan với nước muối cà đã có mùi kháng thì không thể ăn được, chẳng khác nào "người ấy" xinh đẹp, nết na đúng thuyền quyên thục nữ mà lại rơi vào cảnh ngâu vầy chuột vọc, thì không đáng tiếc sao được.

Hoặc một khái niệm xa xôi hơn nữa: Nội dung và hình thức mỗi con người. Được cả hai thì tuyệt vời rồi. Nhưng nếu chỉ được một trong hai, thì nội dung bao giờ cũng là điều đáng chọn hơn. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn là thế. Ở đây là tấm áo vá đẹp và chiếc áo may vụng, nhưng còn đáng chú ý hơn là chất rượu của đời:

Rượu ngon chẳng quản be sành
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may

Cái be sành màu da lươn, có thể xấu xí, xù xì, méo mó, nhưng trong lòng nó là chất rượu thơm ngào ngạt, chất men say nồng, thì còn hơn trăm vạn lần chất nước ốc nhạt phèo đựng vào bát sứ hay nước giếng đựng trong bình pha lê chỉ làm cho người uống óc ách cái bụng. Nàng con gái ta yêu, nàng là chất rượu say nồng ấy, kể chi nàng vất vả chân lấm tay bùn hay nắng sương làm rám đôi má hồng kia.

Xưa nông thôn chỉ có ai đỗ đạt hay chức sắc mới được biếu đầu gà và má lợn. Đã có hẳn câu chuyện về nàng gái từ chối ông

Lý ông chánh để đi đến với người yêu chỉ là chàng bạch đinh phải kiếm sống bằng cách câu rê trong thiên hạ:

Đầu gà má lợn thì chê

Lấy anh câu ếch rủ rê ao bèo...

Từ miếng ăn mà suy ra đến số phận và tình duyên, về lề thói phong tục gả ép làm lỡ đời người. Triết lý cao xa ở đâu không biết, còn ở đây, là chân chất, là nhân bản, là chuyện trái tim con người, là cô gái dũng cảm dám khinh thường giầu sang danh vọng để bảo vệ tình yêu.

Các bà mẹ nông thôn, có người suốt đời không ra khỏi lũy tre làng mình, nhiều làng còn có phong tục không gả con gái đi xa, thậm chí chỉ là làng khác (nay lại là một hạn chế vì cục bộ) mà chỉ muốn con cái cháu chắt quanh quẩn với mình trong thôn xóm cho luôn luôn được thấy sự thương yêu gắn bó của tình máu mủ họ hàng. Kể từ một miếng ăn hớp uống:

Có con mà gả chồng gần

Có bát canh cần nó cũng mang cho

Việt Nam ta tôn trọng ngày lễ ngày tết. Tết Cả tức Nguyên đán là linh đình nhất, to nhất. Một câu đối nhưng cũng có thể cho là câu ca dao, vì người Việt Nam nào cũng thuộc, trong 6 thứ đề cập đến trong đó thì chỉ có 3 thứ là chơi, còn 3 thứ là ăn, tức là ăn và chơi chiếm tỷ lệ bằng nhau:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh

thì ta thấy miếng ăn đâu phải là không quan trọng, khi: Có thực mới vực được đạo, khi: Không ăn thì mẻ cũng chết.

Chuyện kén vợ, kén con dâu xưa nay là hệ trọng. Có người ra chợ kén cô gái ăn quà giò chả mà không kén cô gái ăn quà bánh đúc chấm mắm tôm vì cho rằng ai biết ăn ngon người ấy mới biết làm giỏi. Nhìn người mà suy đoán. Nhẹ nhàng hay lạch bạch. Nhanh nhảu hay đần độn... Có nhầm thì cũng chỉ là nhầm tiểu tiết. Từ kinh nghiệm chọn thực phẩm, thứ thiết yếu hàng ngày, để đi chọn người, quả là một kinh nghiệm truyền đời đáng nói:

Hãy nghe: *Cá tươi thì phải xem mang*

Người khôn xem lấy hai hàng tóc mai..

Tóc mai ra sao, ta chưa biết. Nó cong như hai dấu hỏi hai bên thái dương, nó mướt mồ hôi, mịn màng bên hai má trắng hồng hay nó xoắn xuýt rối bù, hoặc nó cụt lủn...? Các bà không cho ta biết cụ thể, nhưng có thể suy ra, cách chọn người phải xuất phát từ chọn món ăn được nâng lên nhiều bậc cao hơn nhiều.

Từ chuyện ăn uống để dẫn vào tình yêu, ca dao có khả năng mạnh mẽ khôn lường:

Tay bưng đĩa muối đĩa gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau

hoặc còn đằm thắm da diết hơn nhiều, khi tương tư thì người ta đâu chỉ có ăn uống, và tấm lòng, tấc dạ đã biến nghĩa, đã cách điệu, đã trừu tượng hóa, đã tâm linh hóa chứ đâu còn chỉ là bộ ruột hay cái dạ dầy của sinh vật. Yêu nhau khiến:

Cơm ăn mỗi bữa một lưng

Nước uống nửa chừng, để dạ thương nhau...

thì tình yêu hiện đại, tình yêu "hành động" ngày nay chắc còn thua xa, còn đuổi không kịp (thứ tình yêu "hành động" đáng phê phán, thứ ăn cơm trước kẻng trái đạo lý dân tộc, khó mà chấp nhận).

Còn rất nhiều câu ca dao hay nữa, nó song song tồn tại với kho tục ngữ, phần lớn là kinh nghiệm sống, rút ra từ chủ đề cái ăn hớp uống, nói về nó và nói sang vấn đề khác, cao rộng hơn.

Ở đây chỉ điểm ba câu ca dao quen thuộc. Phần tục ngữ còn đề cập trong một bài khác. Cũng là cưỡi ngựa xem hoa, nếu không nói là thầy bói xem voi, hay khen phò mã tốt áo. Nhưng thuộc ít câu ca dao, nghĩ về nó cũng là điều bổ ích cho kinh nghiệm ứng xử đời người, bởi chuyện ăn uống là chuyện quen thuộc hàng ngày, nỡ nào lại hững hờ với chân lý rút ra từ đó.

1999

Sạn trong cơm tám

Tục ngữ ca dao là một kho vốn sống, một kho kinh nghiệm ứng xử, có thể gọi là Cẩm nang, là túi khôn muôn đời. Phần lớn là các tác giả khuyết danh, ít chữ nhưng lại là những con người mang tâm hồn nhân hậu, biết đường ăn nết ở và ghi lại những điều tai nghe mắt thấy. Cũng có thể do các nho sĩ thân hào sáng tác, lâu ngày, kinh nghiệm còn lại, còn tác giả bị lãng quên.

Thời đại thay đổi, tư duy và các tiêu chí đạo đức cũng thay đổi theo. Nay ta còn thấy có nhiều câu ca dao tục ngữ không còn phù hợp với hiện đại, ví dụ: *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau.* Đây là lối sống của anh tham ăn hay của anh khôn lỏi ? Ăn cỗ mà đi trước rõ là được món ngon hơn, sạch hơn, đầy đặn hơn. Còn lội nước thì ai đi trước, ai dẫn đường rõ ràng là phải hứng chịu vấp váp, tai nạn bất ngờ, nguy hiểm hơn. Tranh cái tốt về mình, nhường nguy hiểm hoặc cái không may cho người khác... là không đáng khen chút nào, nếu không nói là đáng trách.

Một hành động thời nào cũng đáng phê phán là kẻ vô ơn, quân bất nghĩa, kẻ *Ăn cháo đái bát*, hoặc *Ăn cháo đá bát.* Nay kẻ nào áp dụng cái đó vào mình là kẻ đi ngược lại nhân luân, coi thường đạo lý làm người, quân vô lương. Phải nhớ đinh ninh câu:

Một miếng khi đói bằng một gói khi no để mà ghi tạc, để mà trả ơn và cũng là để áp dụng với người bất hạnh, thiếu thốn.

Lao động để giải phóng con người, để tự nuôi sống không phụ thuộc vào ai, dù rằng lao động bao giờ cũng phải đổ mồ hôi, phải quần quật, vất vả. Câu *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ* vẫn còn đúng, nhưng chỉ có kẻ lười biếng, sợ vất vả, ngại nhọc nhằn mới nghĩ rằng: *Nhịn đói nằm co hơn ăn no vác nặng.* Một con ong còn phải đi tìm hoa, con mèo rình chuột, con thỏ đào hang nữa là... nếu cứ nhịn đói, thì sao có thể là con người được?

Không phải trên đời ai cũng đều may mắn, sinh ra rong nhung lụa, lớn lên được thừa hưởng gia tài to lớn để có thể *Ngồi mát ăn bát vàng.* Câu tục ngữ này còn ám chỉ những kẻ sống không trong sáng, bòn rút của người khác, tham lam tham nhũng, vơ vét... mà có. Những kẻ này sống nhởn nhơ theo kiểu *Sống chết mặc bay, tiền thày bỏ túi,* mặc kệ xung quanh sướng khổ ra sao không cần biết, chỉ ích kỷ biết có một mình mình kiểu vinh thân phì gia.

Xưa nay rượu là món uống quen thuộc trong xã hội nhưng nó là món không đáng khuyến khích, bởi đã có không biết bao nhiêu tai họa sinh ra từ nạn say rượu. *Tửu nhập ngôn xuất,* tức *rượu vào lời ra* (còn có người nói *tửu nhập ngôn sơn sơn* vì chữ Hán, hai chữ Sơn chồng lên nhau thành chữ xuất). Mấy ông cãi nhau ngay trong mâm rượu, mấy thanh niên rượu vào rồi gây gổ, đâm chém nhau ngoài đường, anh chồng say rượu về nhà hành hạ vợ con... nên câu "*Nam vô tửu như kỳ vô phong*", không còn phù hợp. Một câu khác khá hay: *Tửu bất khả ép* là đúng, nhưng vế sau của nó lại rất không nên áp dụng: *Ép bất khả từ.* Với hành động không được từ chối này, ta thấy nạn chuốc nhau, ép nhau uống đến bí tỉ, đến say khướt khiến vừa lãng phí vừa điêu đứng cho nhiều người, nhất là những ai tửu lượng kém.

Trong giao tiếp, ai cho ta cái gì, ta phải tìm cách tìm dịp để biếu lại một thứ gì đó. Ấy là thông lệ. Nhưng cái thói móc ngoặc, mà cả, cò kè "*Ông giơ chân giò bà thò nậm rượu*" lại không phải là hành động trong sáng của người lương thiện, đúng đắn, mà nó ngầm chứa sự lợi dụng nhau mà thời gian qua, ta thấy bao nhiêu thất thoát tài sản của công.

Một kho tàng tục ngữ ca dao đồ sộ, phần lớn còn nguyên giá trị nhân văn như một túi ngọc cho muôn đời. Tiếc sao lẫn trong đó cũng còn đôi ba viên sỏi, nay cần sàng lọc như nhặt hạt sạn trong bát cơm gạo tám để vàng thau lẫn lộn, cũng là một cách nâng cao văn hóa, ở đây là văn hóa ăn uống, cho đời sống xã hội tươi đẹp thêm, mà trên đây chỉ là sự gợi ý nhỏ với vài ba câu hằng quen thuộc.

1999

Sông rượu

Hớp rượu đầu tiên một đời người chắc chắn là vừa cay vừa đắng vừa nồng, có khi sặc sụa, có thể phải phun ra phì phì như con rắn hổ mang phun nọc độc. Còn chén rượu cuối cùng, chai rượu tu ừng ực cuối cùng, ca rượu ngon lành cuối cùng trước khi nằm bệt trên giường bệnh nhà thương hay gục xuống sàn nhà, dúi dụi nơi gốc cây ngã tư để rồi đưa con người nghiện ngập la đà ấy sang cõi khác, nó ngọt lừ ra sao? Đó là con đường dài mười năm hay ba bốn mươi năm đi theo người đồng hành, và cũng có thể nó là một hồ đầy tràn cho con người tự thả mình vào đáy mà nổi chìm lăn lóc, mỗi ngày chìm sâu thêm một chút. Ngẫm xem, không ai uống nhiều rồi mỗi ngày uống ít đi một chút mà chỉ ngược lại, uống ít rồi mỗi ngày uống nhiều hơn lên, có người bản lĩnh thì còn giữ được "tiên tửu", còn người khác thì vô độ, bét nhè, tự phá hại tim gan lòng ruột đầu óc thần kinh.

Không dám nói tất cả những người uống rượu đều thành nghiện rượu, nhưng chất men say sưa này quả là có sức mạnh khó thoát, mặc dù ai cũng biết rằng rượu không phải là hoàn toàn vô hại.

Ở nước Anh Cát Lợi thời trước, chiều thứ bẩy người đi làm được lĩnh lương (thời ấy đuọc nghỉ một ngày chủ nhật thôi đã là mơ ước) nhiều người đã thả đồng lương vào thùng rượu, hũ rượu, hầm rượu, chai rượu, về đến nhà là bét nhè, và hơn chín tháng sau,

có những đứa bé ra đời bất thành nhân, từ tâm thần đến quái thai, từ câm điếc đến nửa người nửa ngợm, và người ta gọi chúng là những "*đứa con của chiều thứ bẩy*". Chúng là gánh nặng của gia đình và của cả xã hội.

Ở nước ta cũng có những gia đình người cha nghiện ngập, nên đã sinh ra một đàn con mà có đến vài ba đứa không thành người, đứa tâm thần, đứa dở hơi, đứa dở ngô dở ngọng. Sau này người vợ về già kén cho con gái, đầu tiên bà hỏi người con rể tương lai xem anh ta có phải người nghiện rượu không, vì bà ta chính là con chim bị tên bắn nên bây giờ sợ cả chiếc cành cong.

Phản đối hoàn toàn uống rượu là không được. Tất nhiên. Nhưng ca ngợi rượu như lời Lý Thái Bạch thì cũng không là thượng sách.

Những con suối rượu họp lại thành sông và dâng tràn thành đại dương, nổi sóng đã nuốt chửng bao nhiêu kiếp người, ai mà chẳng chứng kiến. Một Chí Phèo là điển hình, nhưng để có một anh Chí, Nam Cao phải rút ra từ bao nhiêu con người thực ngoài đời?

Những quán rượu công khai và quán rượu trá hình, những lò nấu rượu kiểu chưng cất với cái "ống dắm" đến nấu nồi hơi hiện đại, những con tầu, những va li đem rượu từ khắp nước vào đây, dán tem và không dán tem... đến mọi cách uống khác nhau, từ cha sai con ra chợ đầu làng, ra thị trấn mua một "cút" một "cóc", một "góc", một chén, đến trốn vợ, lỉnh đi uống vụng... từ vui bạn bè với mộc tồn, gói lạc rang hôm trời mưa gió đến buổi liên hoan, đám giỗ, đám cưới, đám tang..., từ thách đố đến uống thi, chạm cốc cụng li, chuốc nhau trăm phần trăm với câu nói khích "Nam vô tửu như kỳ vô phong", từ gặp gỡ quá vui đến cô đơn quá buồn, từ trúng mánh một đám thật to gọi là *vào cầu lửa* đến thất bại đớn đau ê chề phá sản... từ thi sĩ chờ cảm hứng đến kẻ đánh nhau thuê

cần thêm can đảm... món rượu xuất hiện thật tai quái khó mà từ chối. Một lần, hai lần và vô hồi lần, nó thành cái tên thứ hai đi theo người suốt một đời chứ không còn là chai rượu cúng thổ thần hôm đưa ma, không còn là niềm vui sum họp hôm sinh nhật, li rượu mùi lúc giao thìa, chén rượu mừng lễ Đại thọ...

Có thi sĩ đã chớm bước vào văn đàn, mới mấp mé của sự nổi danh thì đã tự bước xuống cái hố thẳm sâu đầy rượu, lúc nào cũng say, gặp ai cũng xin tiền uống rượu, sáng trưa chiều tối, xuân hạ thu đông, lúc nào cũng ngất ngưởng bộ mặt đỏ, chân đăm đá chân chiêu... khiến bạn bè truyền tin cho nhau là nên lánh mặt anh ta, và kết cục là vài chục năm anh ta chẳng còn viết được cái gì ra hồn, trừ cái tiếng nổi lên là "bợm rượu".

Hoàng Trung Thông sinh thời là người nổi tiếng uống nhiều, càng say càng nói hay viết đẹp (ta gọi là thư pháp) nhưng ông không bao giờ nát rượu, không bao giờ nhảm nhí vô lối kể cả lúc ông phải nhờ người đỡ vai, dìu về ở phố Ngô Quyền. Nhiều lần ông ngồi uống trong các ngõ 107 phố Huế, hỏi bác Nguyễn (tiếng gọi tôn trọng đối với Nguyễn Tuân) xem ăn giò lưỡi mèo với đậu phụ nướng vàng cách gì là ngon nhất, hợp với "cái tang" rượu quê nhất; Nguyễn chỉ cười, ông nâng cái chén Bát Tràng phẳng đáy nhâm nhi từ tốn và khe khẽ nhấp như sợ môi mình va vào miệng chén. Nguyễn nổi tiếng về uống rượu, người ta còn đồn, đi đâu (Mà bác Nguyễn thì đi nhiều lắm) ông cũng mang lỉnh kỉnh hàng chục thứ rượu khác nhau để tránh cái tạp nham trên đường. Nguyên Hồng thì uống ở đâu, uống gì cũng được, lấy chiếc khăn mặt bông màu cháo lòng vắt vai lau mắt lau miệng và nhiều lần khóc hu hu, vì rượu không ngon mà cũng vì ... không duyên cớ. Họa sĩ Mai Văn Hiến người đã cao to, rượu vào, ông trở nên lênh khênh, nhưng rượu không làm tay ông run, và cây cọ vẫn vững vàng đầy sức mạnh.

Trúc Cương có những bài thơ rất hay về Tây Nguyên, nhưng từ khi gần về hưu trở đi, rượu đã hại anh nhiều, chưa thân tàn ma dại nhưng những bài thơ hay đã bay đi mất theo men rượu, khiến nhiều nhiều người buồn cho anh.

Văn Cao những năm cuối đời, không hiểu tại cần cảm hứng hay tự thương thân mình chìm nổi, mà ông tự phá tim gan tì phế của mình đến thế. Có lần ông đi bệnh viện, bạn hỏi độ này trong khi chữa bệnh bác sĩ có cấm uống không. Ông bảo bây giờ mỗi ngày chỉ uống hai lần, mà không nói uống bao nhiêu chai. Rồi ông chỉ vào cái ca Trung Quốc tráng men, nói thêm. Mỗi lần một ca. Thì ra đơn vị tính của ông là thế, và một lít đã tàn phá đi bao nhiêu tế bào sống của con người tài năng ấy?

Nhà thơ trẻ Định Nguyễn còn quá trẻ mà rượu đã đưa ông đi, cái quán trúc ông hằng đến, người ta còn đặt bàn thờ để tưởng nhớ con ma men. Ông bạn họ Đỗ của tôi suốt mười năm trời, thơ cũng không có bài nào hay, tranh cũng không có bức nào triển lãm, nhưng tìm ông thì cứ ra các quán rượu quen là thấy, hôm ông ngồi với mấy cậu trẻ tuổi, hôm ngồi với họa sĩ chuyên "mi" báo, lúc ông la đà với bác vẽ biển quảng cáo, lúc ông nói dự định sẽ sáng tác y như một thiên tài, nhưng tan men rượu, ước mơ ấy cũng bay theo mất hút...

Tôi cũng có người anh họ, con cô con cậu khi rượu vào, trời cũng bé, anh chửi cả họ hàng làng xóm, đến mẹ tôi là cô ruột, nếu không lót tay thì cũng là nạn nhân của anh ta luôn và cái thùng rượu ấy hút hết sinh lực, của cải; lũ con anh ta không đứa nào học qua cấp Một. Nguyễn Bính uống rượu, bị cảm trong trận mưa rét cuối năm ở Nam Định, đến nỗi ra đi vào đúng ngày năm cùng tháng tận, mới ở cái tuổi 48, mang theo bao nhiêu bài thơ lẽ ra phải được ra đời như "Lỡ bước sang Ngang", "Người hàng xóm",

"Hoa với rượu", bài "Hành phương Nam", "Đêm sao sáng"... Nhà viết kịch Hoàng Tích Linh khi tôi mới quen, ông chỉ uống trà, và nhấp một chén đã lảo đảo, nhưng cuối đời, nghĩa là vài chục năm sau, lúc nào ông cũng "phừng phừng" (chữ dùng của ông), ông uống không ra bữa nữa, và luôn kể tiếu lâm. Đại khái tôi nhớ một chuyện: Trên tàu điện, có anh cứ tìm cô gái đẹp mà xô vào, ngã vào, cô gái kêu lên, anh chữa ngượng: Hoàn xảnh xô đẩy... Ta nhớ lại tàu điện có lúc đông thế nào, người ta xô đẩy nhau thế nào mới thấm thía cái từ "hoàn cảnh" ông dùng. Và càng thương ông, vì hoàn cảnh mà ông cũng mất đúng ngày ba mươi tết, quan tài ông đưa từ Hà Nội về Phù Lưu - Bắc Ninh chỉ thưa thớt ít người đưa tiễn trong mưa gió cuối năm.

Có người bảo khi say người ta mới "người" nhất, mới thật nhất, mới là mình nhất. Đúng hay sai, xin mời các vị "ngất ngưởng tiên sinh" chỉ giáo. Chỉ biết, rượu cũng là một thứ thuốc độc, không kể những vụ đâm thuê chém mướn, cha con gây lộn, vợ chồng lục đục, bát đĩa tung bay, người xiêu thân vẹo, con cái tật nguyền, có kẻ còn gây ra tội ác.

Đã có bao nhiêu tài năng bị con ma men lấy đi. Bao nhiêu năm tháng đời người bị rút ngắn. Bao nhiêu buồng gan bị ruỗng ra chỉ còn xơ cứng, bao nhiêu bộ thần kinh bị "chập". Nhưng hình như con sông rượu vẫn đang mùa lũ bão, và xung quanh ta, bạn bè ta, họ hàng ta... toàn những cảnh nhỡn tiền, không ngày nào ta không gặp.

Lúc nào, ai, ở đâu... rượu được đem ra nhiều nhất? Mùa xuân hay mùa thu? Trí thức hay nông dân? Quán chợ, lều tranh hay nhà cao cửa rộng ghế đất hay tiệc đứng cỗ ngồi?

Từ cái thời người ta vô tình để quên quả nho, nó tự lên men mà thành chất say sưa cổ đại, đến thời rượu làm Lý Bạch ngã

xuống sông mà chết đuối, từ Phạm Thái ngạo nghễ tuyên bố: *Một trăm hồ rượu không đầy con mắt mỹ nhân* đến cái bong bóng trâu cô gái đồng trinh bán rượu cho cậu quyền chú lính cơ, lính lệ áp môi vào tu từng ngụm, gọi là từng ực, rồi rượu Phông-ten gọi là rượu Ty, cho chí rượu lậu Tây Đoan đi lùng bắt... Từ rượu cẩm cho gái đẻ đến rượu thuốc cho cụ cố, rượu sắn làng Vân, rượu đựng vào săm ô tô đi xe tải đến mọi nơi... cùng các thứ chai vuông, chai bẹt, chai bầu dục, chai bọc rơm, chai có bi trong nút, chai có cái mở hình ruột gà mới khui được... ai cũng biết cái hại to lớn của nó nhưng vẫn cứ thích thú. Lâu nay, hình như lớp trai tráng thanh niên lại ưa nó hơn cả lớp người già. Rượu tràn lan như một bệnh dịch, trong đó bia cũng là môt thứ rượu nhẹ, là rượu trá hình, đã lây lan nhà máy bia xuống tận xã. Có tỉnh còn ngược đời, dùng ngân sách cả năm của tỉnh để mở nhà máy bia, làm như toàn dân không ai cần ăn cơm đi cấy mà chỉ cần ngồi chơi uống bia là đã tới thiên đàng nay mai.

Người xưa nói "Vô tửu bất thành lễ", mâm cúng nào cũng phải có chút rượu như lệ thế mới thiêng. Nay có những con sâu rượu cải biên, ứng tác: "Vô tửu bất thành nhân", không là người. Quả là một định lý đảo ghê rợn, kinh khủng.

Con sông thời gian đang chảy vào thế kỷ XXI. Con sông rượu chảy theo ra sao nguy hại thế nào, chưa thể biết được, những con thuyền nào sẽ đắm vào trong đó mà có thứ phao cứu sinh nào có tác dụng?

1999

Áo mặc

Có bao nhiêu thứ áo trên cõi đời vừa ngắn vừa dài, vừa sung sướng vừa khổ đau này? Nhiều lắm, nhiều như lá rừng, như sóng sông, như cát bãi, như nỗi niềm... không kể xiết.

Xa lạ nhất là áo hoàng bào của nhà vua vì mấy ai được thấy bởi vua đi đâu, dân chúng phải qùi mọp bên đường, ngẩng nhìn là chết chém. Gần gũi nhất là chiếc áo cánh, áo khách bám vào đôi vai gánh cuộc đời nặng nhọc nắng sương mồ hôi đọng trắng rồi mủn đi vẫn còn tiếc rẻ.

Nặng nhất là chiếc áo quan chỉ dùng một lần rồi rũ bỏ, gác lên mô đất bới đào, có tên mới "ván thôi" đem bắc cầu ao, chắn chuồng lợn lấy "khước", không hề nghĩ đến thịt người tan trong đó. Một thứ áo khác đậm hơi người, thơm tho hay hôi hám, quý báu hay ghê rợn, bởi nó bám sát vào thịt da, chiếc "áo con" một thời mang tên yếm thắm và sau này được cười đùa là "chung chiêng, quang gánh" mà chuyện Đông Chu Liệt Quốc bên Tầu còn ghi: cả nhà vua và ông quan nhất phẩm xin được, xé đôi, mỗi người một mảnh giắt vào khăn đội trên đầu cho đỡ thèm, đỡ nhớ, và mỗi khi hít hà lại tưởng như được gần gụi tấm thân ngà, làn da trứng bóc, mịn như mỡ đông tuyết đọng.

Ai xênh xang nhung lụa gấm vóc lượt là trong lầu vàng điện ngọc trong lâu đài vàng son đầy những hoành phi, câu đối, lộ bộ, giáo gươm, những màu áo thướt tha thêu rồng dệt phượng... trong

khi ai thở than não nuột nỗi rỗng không cái bụng trong túp lều hoang nơi chân cầu quán chợ:

Ăn mày là ai, ăn mày là ta

Vì chưng áo rách hóa ra ăn mày...

Xưa nay, áo lành nhiều hơn hay áo rách nhiều hơn trên vóc dáng con người từ thị thành đô hội đến thôn quê trầm lặng, hẻm núi hoang vu?

Ngay từ khi con người rời hang đá, đi xa dần đống lửa nướng miếng thịt rừng và chiếc hạt lượm về, chiếc áo đã được sinh ra, từ lá cây tươi, từ vỏ cây khô, từ miếng da thú, từ những sợi cói bện vào nhau... cho đến muôn sau, có sợi tổng hợp chất từ dầu mỏ khai lên...

Thế kỷ XXI chiếc áo sẽ thế nào? Có còn "măng tô san", "pa đờ suy", veston cho nam, veste cho nữ, hếch hác để khoe cái ngực, thủng toang hoác để lộ thịt lưng?

Chiếc áo tơi lá gồi, cổ áo là sợi thừng thô nhám, khoác lên cái lưng bán cho trời bất chấp mưa nắng bão bùng, nay hình như chỉ còn trong bảo tàng thâm nghiêm. Khi nó cùn đi, rách bươm như những chiếc đuôi diều giấy, nó còn lay lắt sống thêm, thành thân hình anh bù nhìn trên ruộng dưa, bãi đỗ thay người đuổi đàn chim khờ dại.

Tục ngữ có bài học chua cay thấm thía:

Quen sợ dạ, lạ sợ áo

Lòng người không là chiếc bánh bóc ra xem, hiền lành khoan dung, hào phóng, vị tha hay ác độc, nham hiểm ghét ghen, ti tiện, vì thế phải quen lâu, biết lâu, như:

Thức lâu mới biết đêm dài
Ở lâu mới biết rằng người có nhân

mới thấu hiểu lòng người, mới kính phục kẻ hiền nhân và tránh xa kẻ ác nghiệt.

Còn chiếc áo, người vác thuê nhất định có cái áo khác người thuê vác, nhưng lần đầu tiên mới gặp, có khi cái áo hào nhoáng bên ngoài nó cũng đánh lừa được người nhẹ dạ, nhưng trước hết, cái áo nói lên thành phần, nhân cách nghề nghiệp, nghiêm chỉnh hay lếch thếch... Vào cuộc hội thảo khoa học, cuộc bình thơ, buổi nghe thuyết trình quan trọng, không thể mang chiếc áo nhầu nát, rách bươm, cúc nọ cài khuyết kia... ví dụ thắt cà vạt mà bỏ áo ra ngoài quần thì không điên cũng mất trí... nói cách khác, cái áo đóng vai trò khá quan trọng, không thể coi thường.

Cuộc đời chiếc áo cũng đã bể dâu nhiều lắm, không chỉ là vật che thân, có chỗ xỏ tay, ôm vào cổ người. Dài ngắn, rộng hẹp, dầy mỏng, hở chỗ này, kín mảng kia... thật thiên hình vạn trạng, từ cái áo kép chần bông, dài đến mắt cá chân của cụ già khá giả đến cái áo chỉ lửng ngang bụng của cô gái Mường, từ tấm áo dài như bướm bay, như sương khói, như hoa nở đến chiếc áo hở rốn của thanh niên hiện đại, từ chiếc áo khoác mầu xẫm mùa đông màu nhạt mùa hạ đến cái áo bông xanh công nhân cho tất cả mọi người, mọi chỗ (mà cũng phải bình bầu, phân phối, có tem, có phiếu...) từ chiếc áo phin nõn của bà phán suốt đời ru rú trong nhà đến chiếc áo ka ki bốn túi kèm theo chiếc túi đeo vai của chị cán bộ phòng thuế, từ chiếc áo trấn thủ bông của anh tự vệ sao vuông ngày kháng chiến đến chiếc áo gi lê trong khách sạn ngày nay, từ chiếc áo vải sô hôm đám tang xổ gấu, thắt bằng dây chuối khô đến chiếc áo thụng lam buổi tế thần... thật lắm vẻ quen và lạ.

Đã có lần chúng ta gặp mấy người nước ngoài đến ta đúng vào mùa đông mưa phùn, cái rét tê dại, dù nhiệt độ chưa dưới không (0 độ) nhưng vẫn rét hơn cái rét của nước họ ghê gớm, họ liền có sáng kiến mua cái ruột chăn bông cá nhân, đục thủng một lỗ ở giữa để chui đầu vào, chiếc chăn hóa thành tấm áo dị kỳ lạ mắt, nhưng ấm áp, và cũng chẳng ai chê cười là quái đản.

Đẹp nhất là áo đón tết hay trong ngày đám cưới? Thích nhất là ai khi có tấm áo mới may, hay là:

Già được bát canh trẻ được manh áo mới?

Đã có chuyện một vị đại khoa về hưu, ông mặc tấm áo tầm tầm đi ăn cỗ. Chủ nhà không cho vào. Về thay áo đẹp, ông liền được mời lên cỗ nhất ngay. Suốt bữa, ông gắp thức ăn đặt lên vạt áo, có người hỏi, ông đáp: Người ta mời cái áo ăn cỗ chứ có mời người mặc áo đi ăn cỗ đâu, nên cái áo đáng được như thế. Chuyện mỉa mai mà thành chuyện để đời về đối nhân xử thế, về tấm áo và con người, nói cách khác về nội dung và hình thức, về thực chất và cái vỏ bên ngoài.

Có danh nhân đã nói: "Nếu một người khen tôi vì chiếc áo đẹp thôi, thì có gì để tôi lấy làm vinh dự?" Bộ óc, trái tim, tấm lòng... và cái áo, đâu là chân tướng? Quả mít thơm ngon đến thế mà cái áo của nó xù xì gớm ghiếc, có nên vì cái xấu xí bên ngoài mà bỏ cả chất ngon chất ngọt trong từng múi mít?

Tấm áo dài trên thân thiếu nữ Việt Nam đang trở thành quốc phục, là niềm tự hào về trang phục dân tộc. Tiếc sao, chúng ta không có quốc phục cho nam giới. Chiếc sơ mi, bộ Âu phục có cà vạt chỉnh tề, có "pốt - sét" trong túi ngực, cài chéo vạt hay cài thẳng (croisé hay droit) là của châu Âu và đã quốc tế hóa mà không phải là của ta. Tấm áo dài may bằng the, bằng đoạn, màu đen hay lam bị coi là cổ hủ, không còn ai mặc, trừ sân khấu. Biết

sao đây? Cái áo không chỉ nói lên tư cách người mặc nó mà còn có thể nói lên thời đại nó được sinh ra.

Cái áo lót cổ vuông may lấy mặc ở nhà cùng với chiếc áo đại cán bốn túi, cổ đứng thẳng đơ đã lùi vào dĩ vãng. Nay, mấy anh đạp xe thuê cho vài ba khách sạn ba bốn sao cũng đã được mặc áo veston. Hàng áo mở ra la liệt, mua một bộ thật dễ dàng như mua bó rau, con cá. Tuy nhiên, không vì thế mà người có nhân cách, người cẩn trọng ăn mặc một cách tùy tiện à uôm. Đi làm việc thiện, thăm mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà các cháu nghèo vượt khó đâu cần com lê thơm phức, áo dài nhung thêu rồng thêu phượng...

Giản dị, nghiêm trang, sạch sẽ có lẽ là tiêu chí hàng đầu cho mọi loại áo.

Tục ngữ có câu: "*Chiếc áo không làm nên thày tu*". Và dân gian còn lưu truyền câu khác bất hủ:

Y phục xứng kỳ đức

Xã hội có giàu nghèo, có người sang kẻ khó, vải lụa cũng có trăm nghìn loại. Hoàn cảnh càng khác nhau trên đường đời giao tiếp. Nhưng không ai không mặc áo, dù là tấm áo đơn sơ nhất, chỉ là mảnh vải can lại để che lưng che bụng, hay chiếc áo đắt tiền quý giá, mặc trong lúc nghiêm trang quốc lễ...

Chỉ có bé em vừa lọt lòng mẹ là không mặc áo và người ra đi vĩnh viễn mặc bộ quần áo lần cuối cùng trở về gió bụi là không thay áo nữa. Còn chúng ta... chiếc áo đã thành một phần thân thể, đâu phải chuyện đáng coi thường.

Chỉ mong sao chuyện cơm áo không làm, con người thành kẻ ác, và nếu chỉ là *phường giá áo túi cơm* thì cũng chẳng có gì mà hãnh diện với đời.

1999

Hồn sâu Hà Nội

Chế Lan Viên có câu thơ hay, như một định lý:

Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn...

Chữ tâm hồn ở đây là tâm hồn thi sĩ, là day dứt, thương yêu, là nhớ nhung kỷ niệm, là sâu nặng tình người... mà thi sĩ sẽ mang nó trong hồn mình suốt một đời người.

Nhưng ngoài ra cũng có thể hiểu một cách khác dù rất chủ quan: Tâm hồn của mảnh đất ấy, mỗi mảnh đất ấy đều có một tâm hồn, ai biết đến hay không, đất ấy vẫn trường tồn.

Mỗi lần đi qua Hà Tĩnh, người ta hay nghĩ đến đây là quê hương của Nguyễn Du, người mang nặng đẻ đau ra cô Kiều trăm năm vẫn sống. Đi tàu Hà Nội Hải Phòng qua ga Cẩm Giàng, nhiều người thầm nhắc lòng mình: Đây là nơi Thạch Lam sinh ra, người để lại những bài văn bất hủ như "Hà Nội băm sáu phố phường, Sợi Tóc, Đêm Giao thừa, Nhà mẹ Lê...".

Chỉ riêng trong lòng Hà Nội, cái nôi của văn chương văn hiến, từng mảnh đất phố hay phường cũng có thể làm, tâm hồn ta rung lên như sợi dây đàn cảm ứng, nhớ một đồng điệu xa mờ bảng lảng. Hàng Bạc hay Hàng Buồm, nơi cửa sông Tô Lịch, cứ nhắc ta về một ông Phạm Đình Hổ với câu văn giản dị như lời nói

thông thường: "*Nhà ta ở phường Hà Khẩu*". Hồn Nguyễn Văn Siêu đêm đêm có bay về mài mực và tung ngọn bút trên đài Nghiên Tháp Bút để nước Hồ Gươm sóng sánh long lanh câu thơ và câu văn trong "*Tùy bút lục*"?

Những bài thơ ngâm vịnh tạc thù giữa bà chúa Liễu Hạnh và ông trạng làng Bùng Phùng Khắc Khoan trong đêm trăng hồ Dâm Đàm sương phủ là những bài gì giữa phẩm tiên và nho sĩ mà nay mỗi lần ta đến phủ Tây Hồ, cái mùi, vị bún ốc phàm trần chẳng thể đánh bạt nỗi thuyền quyên tài tử?

Đời thường, ngày thường, lúc hoa đào theo người về từng phố ngõ đón xuân hay mùa hoa bằng lăng nước tím lơ mơ, lúc hoa xoan tây đệm cho dàn nhạc ve sầu nỉ non cất tiếng, giữa ngày mưa bong bóng phập phồng hay đêm thu thơm nỗi hoàng lan quý phái và hoa sữa nồng nàn... ta, người dân thường thành phố, thả bước chân vào mảnh đất kinh kỳ nghe hồn mình cũng một chút lênh đênh.

Mỗi phố lặng tờ kia hay âm vang tiếng phách gõ rao món ngon "xực tắc" nọ, ta nhớ đến một người nào đã ra đi thành lữ thứ bặt tin, nửa trăm năm không trở lại, hay một bóng hình đã vĩnh viễn trong cỏ thu vàng chẳng bao giờ về lại cùng ta... Ta nhớ đến một khuôn mặt trăng rằm, một đôi mắt tinh anh chơm chớp hàng mi như lá điền thanh, lá me keo, hoặc một nụ cười nửa miệng để bắt ta phải trằn trọc hiểu nhiều... Xuân Diệu từng có câu thơ đùa:

Nhà tôi hăm bốn Cột Cờ

Ai yêu thời đến ai lờ thì thôi...

mà sau đó cô Thúy Bắc, từng có thơ hay như rút ruột mình thành "Sợi nhớ sợi thương" để "Ngả về phương anh", kém nhan sắc nhưng tài hoa không kém, cũng mạ lại câu thơ kia thành:

Nhà tôi ở xóm Hà Hồi

Ai yêu thì đến, ai hời thì không...

mà sau này, chị không "ra đi" từ xóm Hà Hồi quanh co chữ chi ấy, nhưng lại ra đi từ tầng 4 khu nhà tập thể Giảng Võ, láng giềng nhà văn Hoàng Quốc Hội và nữ sĩ Nguyễn Thị Hồng, người có bài thơ "Lời tượng nhà mồ" ta đọc lại mà gai ghê cảm giác như lạc vào cõi âm hồn Tây Nguyên bập bùng ngọn lửa tình không bao giờ tắt...

Cái phố Đình Ngang hơi chéo nơi gần cửa Nam tức cửa Đại Hưng nhiều triều đại trước, Cao Bá Quát đã về đâu? Phải chăng cũng gần kề chốn này, nay có rạp chiếu bóng mang tên Tây loảng xoảng thứ kim khí *Mê tal*, là nơi từng có gian lều của người bị giam lỏng 10 năm giữa Đông Quan trong câu thơ: "*Góc thành Nam lều một gian*" từ gần 600 năm về trước?

Nguyễn Vang-bóng-một-thời thường đề lạc khoản dưới những bài tùy bút "Am sông Tô", cái am tranh lá bên bờ sông Tô Lịch có thật hay không có thật khi quê ông là làng Mọc kề bên con sông *Vừa trong vừa mát* để trai gái *dừng chèo ghé sát thuyền nhau* trong ca dao? Nguyễn đã khoác cái bị cói trong đựng đủ thứ rượu hợp "gu" mình đi về cõi tiêu tao mà nay có kẻ hậu sinh chê ông là không biết uống nước trà. Làng Mọc tức Giáp Nhất vẫn còn còn cả ngôi mộ đá hoa cương của ông "vua phóng sự đất Bắc Kỳ" Vũ Trọng Phụng rời bỏ kinh thành mới 27 tuổi đầy sầu tủi.

Ta đi qua con đường Điện Biên, đã nhìn thấy mấy cây đề cổ thụ, quá nhà Xuân Diệu mươi bước chân, chợt nhớ người bạn gái lớn tuổi mang họ Thạch: Thạch Trang Đạm, không hiểu bà có một chút nào dòng máu Khơ Me của dải đất miền Trung ra tập kết và đã trở lại quê mình sau giải phóng, đã mấy chục năm không còn

gặp lại. Bà không phải người nổi tiếng để ai cũng biết như một Hồ-Thơ-Nôm hay Bà-Huyện-Thăng-Long-thành-hoài-cổ, nhưng ít ra bà đã Hà Nội liền mấy chục năm, có tình yêu và hạnh phúc, sinh con đẻ cái ở giữa lòng Hà Nội.

Qua phố Quán Sứ không còn một sứ quán Chiêm Thành Trung Quốc nào, mà chỉ còn ngôi chùa mới xây thế kỷ Hai mươi, chợt nhớ nhà báo Thái Cương, mà sinh thời ông hướng dẫn lối vào nhà: Nhà tôi bé nhỏ nằm lọt thỏm giữa hai ngôi nhà lớn hai bên. Ôi, Thái Cương, bây giờ ông ở một mình trong gian nhà dài hai mét, rộng sáu mươi phân, có chật lắm không, và đệm đêm có ngồi dậy viết thêm cho các tờ báo nào nơi ấy?

Đi thêm chút nữa, qua phố Triệu Quốc Đạt ngắn ngủi, từng có nhà "lục xì" ngay trên cái sân riêng của bệnh viện Võ Tánh (nay là sân sau của bệnh viện Bà Mẹ và Trẻ em), chợt nhớ người bạn học thuở đầu xanh cùng nhau đi ăn bánh tôm Hồ Tây và chia nhau viên phá xang nóng giòn Hồ Gươm. Anh Chính, anh ở xa Hà Nội đúng nửa vòng trái đất. Hà Nội vẫn chờ đứa con xa xứ bằng tấm lòng bao dung và tình bè bạn, bằng tâm hồn của đất đai như ngọn cây hoa hoàng lan đã cao vượt mái nhà, nhưng gốc vẫn nguyên chỗ cũ.

Vòng xuống hồ Thuyền Quang, quặt vào ngõ Liên Trì, cái tên nhắc nhở thế kỷ trước đây là "Ao sen", có hai người con gái đã không - Hà - Nội. Một người rời bỏ chồng con về Văn Điển. Còn cô em lại theo chồng con vào xứ chim yến và trầm hương, kề bờ biển, có Tháp Bà ta gọi là Nha Trang... Những người Hà Nội ra đi, lớp này tiếp theo lớp khác, để có một Hà Nội mới, người Hà Nội mới, lớp này tiếp theo lớp khác, từ những đại lộ thênh thang đến con ngõ u hoài tịch lặng.

Chị Quỳ ở ngõ Phất Lộc, quán bà Tộ Béo (tục danh là Mụ Béo) kề nhà Thủy Tạ, nhà vô địch Đông Dương về bơi lội ở làng

Yên Phụ Hùng Nhân, nghệ sĩ Mộng Dần sau đền Bà Kiệu, chú tàu què bán lạc rang ở sát tường đền Bạch Mã, anh em ông giáo Anh văn Lê Bá Kông, Lê Bá Khanh thường đến nhà vợ ở phố Lê Văn Hưu, gọi là hàng kem Bình Minh... hoặc hàng phở Giảng ở phố Cầu Gỗ, hay quán Trung Đồ, tức quán *giữa đường*, nơi tạm dừng chân của những chiếc xe tang độc mã hay tam mã (260 phố Huế), nhà may Sửu giữa phố Tràng Tiền, trưng biển đề có bằng *Hàn lâm Viện Pháp hẳn hoi* (sau thành bố vợ một ông Bộ trưởng của chính quyền chúng ta)... không thể một lúc mà mang hết những gì chứa nặng tâm tình giãi bày lên trang giấy. Hồn đấy. Hồn đất đấy.

Vườn Bách Thảo, nơi buổi trưa ta ngồi học trên bậc cỏ sườn ngọn núi Sưa (tức Sư Sơn), từ mấy thuở, những ai lại ngồi đấy học bài hay ai ngồi choàng vai thủ thỉ, ta bạc tóc vẫn không quên tiếng ve sầu rỉ rả, và có con ve còn động tình, thả giọt nước xuống vai ta mà nó không cần biết đời nó và đời ta, cái vào dài hơn, cái nào có lý.

Nhiều người bận rộn, không còn thì giờ để rong du, Hà Nội hiện lên trong lòng họ ra sao, ai mà biết được. Anh tự vệ Chợ Đồng Xuân dùng dao bầu giết giặc đã thành hồn Hà Nội chìm sâu. Người chuyên viết ca dao, tác giả bài *Đóng nhanh lúa tốt* do Lê Lôi phổ nhạc, cũng đã rời bỏ ngôi nhà 105 phố Phùng Hưng mà ra đi vĩnh viễn, chắc cả thi nhân và nhạc sĩ đã đồng ca tác phẩm ấy trong chiều sâu Hà Nội khuất chìm...

Đến lúc Hà Nội tròn nghìn năm, con đường Hòe Nhai, Liễu Giai hẳn đẹp hơn, dù nó không còn là đại diện cho một kinh thành Đông Hòe, Tây Liễu, mà tưng bừng một "*Hà Nội như động tiên sa*" kiểu mới, kiểu của những người thế kỷ sau đang chầm chậm đỗ vào ga Hà Nội...

1999

Có bao nhiêu Hà Nội?

Hà Nội với người này là những đêm hồng khách sạn, những vườn mờ cà phê, những rạo rực ka-ra-ô-kê sờ soạng, những bữa tiệc đứng ngồi thức ăn thừa mứa... Nhưng với người khác, Hà Nội là những con đường hun hút đầy người nhưng không ai hỏi mua chiếc rổ nhựa hay chiếc áo đung đưa trên xe đẩy, rời rã bước chân để tối về nhà trọ tạm bợ ven sông, trừ tiền ăn và tiền trọ, hết phần gửi về quê xa cho đứa con mong mỏi tiền học tiền ăn.

Với người khác nữa, Hà Nội là ngã tư xô đẩy chen lấn toàn cánh áo vá với cái xe đạp cởi truồng cùng đôi thúng rách cứ chờ đợi sáng này sang tối khác nơi cho sức đôi tay thèm được dùng để đổi lấy miếng cơm những ngày nông nhàn từ Hà Nam, Thanh Hóa. Cũng có thể Hà Nội là những "cuốc" xe quanh co đạp từ phố này sang phố kia, hai bên phố nhấp nháy ánh đèn xanh đỏ tím vàng, còn chiếc xe tàng ba bánh lặn lội suốt khuya từ cửa ga Long Biên sang cửa ga Trần Quý Cáp ra Cầu Giấy lặc lè rau đậu gay xuống chợ Mơ tanh tưởi con lợn vừa cạo lông, mổ phanh nhễ nhại...

Hà Nội là từng căn buồng toàn mùi khói than tổ ong không lối thoát bay ra, ám vào đình màn, chui vào giấc ngủ, quyện lấy tiếng ngáy mệt nhọc khò khè... nhưng Hà Nội cũng là bàn cờ thế chiều hôm bên Hồ Gươm tranh cãi về một nước xe lồng pháo lệnh hay vén tượng để diệt con tốt định qua sông...

Từ dưới đáy (chữ của Mácxim Goócki) cho đến lâu đài chon von chon vót, từ những dòng mương ngập ngụa và đường dạo đầy xanh cỏ mượt... mỗi người mang một Hà Nội của mình mỗi cách.

Tiếng chuông Trấn Võ vẫn còn, nhưng canh gà Thọ Xương đã bặt. Mặt gương Tây Hồ khói tỏa nghi ngút ảo mờ vẫn còn nhưng nhịp chày Yên Thái đã im. Cây dó thành giấy bản đêm đêm tan nát đời mình trong lòng cối và nấu nung với vôi nồng bên bờ con sông Tô Lịch... đã im hơi. Ngồn ngộn từng núi giấy Bãi Bằng Vĩnh Phú và từ các nước đổ vào, ai còn cần giấy bản phơi trên đường tàu điện thuở nào?

Đã thấy cả giá đỗ sống thả vào bát phở gà phố Tông Đản Hàng Vôi làm lạc đi một Hà Nội nguyên lành hương vị.

Thuở vua Lê Chiêu Thống trả thù chúa Trịnh đốt trụi cung Thụy Khánh trên hòn đảo Ngọc thì cây cầu bằng tre hay bằng gỗ, rung rinh bóng nước rùa thiêng thoải mái tìm bãi đẻ, chắc rằng cây đa cây si hay cây gạo vẫn gặp những phụ nữ mặc váy ba bức và đội chiếc nón quai thao, đi chân đất, ai quý tộc hơn mới có đôi dép da trâu không đế, có vòng da để xỏ vào ngón chân giữa, những bàn chân Giao Chỉ, xòe ngang ngón cái như ngón nọ hỏi ngón kia... Điếu Ngư Đài, nơi vua chúa ngồi câu, câu con cá hay câu gió sương, câu vào nước hay vào thời gian khi con người tên là Bá hộ Kim chưa xuất hiện, chưa táng cốt của mẹ mình vào gò Rùa mong giàu sang phú quý, mà người Hà Nội đã nhân mưa gió, không cho hắn thực hiện ý đồ trọc phú...

Hà Nội ấy, phố phường nào cũng có hai cổng hai đầu phố, ban ngày mở ra, tối đóng lại bằng hàng rào, phiên liếp hay những thanh gỗ sơ sài. Người xưa nói: Phòng người ngay chứ ai phòng được kẻ gian. Đúng quá. Cổng ấy là của những người Hà Nội thẳng ngay, bộc trực, có thể ăn một xu cơm nắm chả trâu hay bánh

bánh đúc riêu cua mà đi vớt củi rều trên sông Hồng hay gánh nước thuê, bẻ cái cò bằng thanh đóm nứa để tính tiền, nhưng quyết không tơ hào những gì không phải mồ hôi nước mắt của mình.

Một cô gái chanh chua phố Hàng Bè mà còn bị Ba Giai Tú Xuất mắng cho một trận không lời bằng cách đêm ba mươi tết cho khiêng đến cửa nhà cô chiếc quan tài màu đỏ máu cho cô chừa thói đanh đá cá cày khinh người bằng nửa con mắt hoàn toàn không Hà Nội, thì đủ biết Hà Nội bên cạnh vàng son gấm vóc lụa là, còn có một Hà Nội thanh lịch hào hoa tao nhã nhường bao.

Hà Nội bao giờ cũng là ngọn đèn tự tỏa sáng. Có kẻ dại khờ lao vào đó như con châu chấu ma, con thiêu thân. Nhưng những ai *Hà-Nội-thực-sự* thì lại khác, đi vào ánh sáng và góp thêm ánh sáng, nâng Hà Nội lên tầm sang trọng mới, thanh cao mới, không cho những Xuân tóc đỏ, Típ-phờ-nờ cùng những tên hãnh tiến rởm đời được lộng hành nhăng nhít.

Con dao mổ của nhà phẫu thuật tài ba Vũ Trọng Phụng một thời và nay có những nhà tài ba khác đang âm thầm gọt bỏ, cắt đi những cái ung nhọt cho một Hà Nội ngày thêm cường tráng, mà ta không biết hết được những con người lặn lội sớm hôm trên mọi ngả đường Hà Nội như thế.

Chúng ta không vui gì khi cháy một chợ Đồng Xuân, khi chỗ này chỗ khác còn lén lút những tên Vạn Tóc Mai (nhân vật nghiện thuốc phiện của Vũ Trọng Phụng trong cuốn "Giông Tố") hoặc phố nào cũng có những quán "hát bằng tay" hoặc hễ mưa là úng ngập, hoặc vì thiếu nước sạch mà khai sinh ra các bể nước ngầm, làm bếp, giặt giũ ngay trên vỉa hè... Nhưng đó vẫn là Hà Nội, một Hà Nội thiên hình vạn trạng cao sang và dân dã, tinh anh và lam lũ, một Hà Nội của đêm hồng tiệc đứng tiệc ngồi và một Hà Nội của hàng rong xe đẩy...

Phải chấp nhận như năm ngón tay còn có ngón dài ngón ngắn, như trời mưa có người đội mũ, có người che ô nhưng có người cứ lao mình vào mưa mặc cho nước mắt trời ướt sũng.

Mười năm đổi mới. Còn một khoảng thời gian 10 bằng thế nữa mới bước vào nghìn tuổi Thăng Long, nhưng Hà Nội đã khai sinh ra hàng loạt phố rộng dài, tươi đẹp: những Tôn Thất Tùng, Nguyễn Tuân, Đặng Thai Mai, Liễu Giai, Xuân Diệu, Huỳnh Thúc Kháng.v.v... thì con đường nhựa quanh bờ Hồ Tây khoảng hai mươi cây số sẽ ra đời là chắc chắn. Nó sẽ giống như đường Đinh Tiên Hoàng, Lê Thái Tổ quanh hồ lẵng-hoa-Hoàn-Kiếm, các em ta có thể ngồi trên ghế đá cạnh vườn đào Nhật Tân như ngồi trên vườn hoa Chí Linh, có thể vào thăm ngôi chùa Kim Liên như vào Ngọc Sơn có đình Trấn Ba thơ mộng, cũng có thể bày bàn cờ thế ngay tại Nghi Tàm xem cây cảnh mà bình luận con pháo con xe cạnh thế cây la hán, bách tùng, vạn tuế...

Có người hỏi chất Hà Nội là gì? Là Thạch Lam chăng, là Vũ Bằng chăng, là Phạm Đình Hổ hay Nguyễn Văn Siêu chăng? Đều không chính xác dù tất cả đều mang hồn Hà Nội.

Mỗi chúng ta đều đang Hà Nội. Miếng xôi lúa và bát phở bò, hương cà cuống và tà áo dài phơ phất, một câu chào và một lời thưa chắc rằng bà Ỷ Lan sống lại, bà Hồ Xuân Hương hồi sinh... cũng phải tung ngọn bút châu phê vào câu thơ thần, khuyên đỏ cho một Hà Nội vẫn tài tình, nghĩa là vừa tài vừa tình, không lẫn với bất cứ nơi đâu.

Anh bạn đứng chờ ở chợ lao động Giảng Võ, Kim Ngưu hay cô gái bấm đèn ghi mã số vạch trong siêu thị, chị bán hoa rong từ hoa khô bất tử đến hoa lau, hoa li, cùng với bà cụ bán hương nến phố Hàng Mã hay nghệ sĩ lên sân khấu nhảy múa xì xồ... tất cả đang làm ra một Hà Nội trên nền xưa là những khúc lưng

rồng vươn vào mây trăm sắc. Có trầm lắng sâu sa và cả ngỡ ngàng ảo hóa, không sao cả, thời gian là cái sàng, là cái lọc như ta có gạo ngon và cám bổi, có chất cà phê đặc sánh thơm lừng và cái bã bỏ đi.

Bà Trần Thị Dung, mẹ của Chiêu Thánh - Lý Chiêu Hoàng, sau bà là vợ của Thái sư Trần Thủ Độ, người chỉ huy cuộc tản cư khỏi kinh thành Thăng Long nghiêng ngửa, chắc bà cũng mỉm cười toại nguyện vì đã có một Hà Nội thật hòa bình.

Chúng ta yêu hòa bình từ máu thịt, hiểu giá của Hòa Bình to lớn nhường bao nên Hà Nội trở thành thành phố Hòa Bình là tất yếu, cho dù nền đất Thăng Long đã bao lần chiến địa, còn đang phải vật lộn với thiên nhiên, chống lũ, chống úng, chống hạ, và chống cả những gì thô lậu đang len lỏi vào Hà Nội thanh lịch ngàn năm.

Những đám mây bay trên bầu trời soi hồ Gươm, mang hình mây thuở trước, nhưng lòng mây đã khác, hơi nước đã mới, thì Hà Nội cũng gần như thế. Cái mới đang đà nẩy nở, giầu và nghèo, sang và trọc, cao và thấp là đương nhiên. Nhưng tuổi nghìn sắp tròn, nghìn nữa sẽ đến. Hà Nội không thể nào, không lẽ nào chùn lại.

1999

Con tàu Hà Nội

Hà Nội là một con tàu khởi hành từ ga Luy Lâu, Long Biên, Long Đỗ, Đại La, Thăng Long... đã qua mấy nghìn ga và còn lao đi với tốc độ phi thường bao nhiêu vạn ga nữa ta nào biết được. Ta lữ hành, ta "quá giang", vừa bước lên bậc toa đã vội vàng hành lý để xuống tàu vì còi âm vang ngắn dài giục giã. Chỉ qua mấy chỗ nối ray, kình kình nhịp âm thanh đứt nối, chiếc vé trong túi đã hết thời hiệu khiến ta muốn cũng không được, đành phải chuyển tàu về ga cỏ vàng hay đài hoàn vũ khói bay... Và con tàu-Hà-Nội-không-ta, vẫn cứ vun vút lao đi, tự đổi thay bằng lớp hành khách khác.

Thánh Tản Viên có từng là một hành khách ghé qua Hà Nội như thế? Thục Phán, Ỷ Lan nguyên phi, Bà chúa Chè Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, cho đến Nguyễn Nhược Pháp, Tản Đà, cô huyện Cúc giết chồng đêm tân hôn vì thằng chồng xỏ lá, người con gái hiếu thảo con nhà văn Vũ Trọng Phụng là Vũ Mỵ Hằng mới ra đi mấy năm nay, hoặc tao nhân như Phùng Khắc Khoan làm thơ đối đáp với bà chúa Liễu Hạnh trên Hồ Tây hay hơn 250 người hy sinh đêm Khâm Thiên 1972 cho Hà Nội... con tàu Hà Nội vẫn đi, vẫn chạy, vẫn bay vượt những dặm đường trường ngày càng thêm đông khách mang theo đủ thứ hành trang từ bát nước chè xanh nơi "Hàng nước cô Dần" đến chiếc kẹo bột làng Lủ quê ông Thần Siêu, từ con cá rô đầm Sét đến chiếc bánh cuốn Thanh Trì, từ món

phở không đâu bằng đến miếng đậu làng Mơ rán phồng hay chén rượu cúc Hoàng Mai, ngọn rau muống xanh rờn chẻ nhỏ xoăn tít giòn tan...

Sấm trạng từng nói "Thăng Long phi chiến địa". Sai. Thăng Long chiến địa quá đi chứ. Khói lửa bao phen tơi bời phố xá. Giặc Ân có tràn qua đây khiến Thánh Gióng phải nhổ tre mà đánh còn vết chân ngựa vùng Luy Lâu và những khóm tre ngà đơn độc trên cánh đồng Kinh Bắc? Tết Kỷ Dậu thần tốc Quang Trung, những Đống Mực, Ngọc Hồi, tả tơi cầu phao Tôn Sĩ Nghị, những lần quân Pháp đánh thành cách nhau tròn 10 năm cuối thế kỷ trước còn vết đạn trên cổng thành cửa Bắc đã xanh rêu...

Bãi Gáo là đâu, đầu tử tù yêu nước bị bêu trên cọc là đâu, ai qua quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục chỗ Đài phun nước Hồ Gươm bây giờ có nghe gió khuya rền rĩ tiếng máu tuôn ngập cỏ.

Năm 1940 máy bay Mỹ ném bom Hàng Da, khoảng 1967 bom bi Mỹ vương xác người trên cây đa đền Bà Kiệu, làm thủng chỗ ô kính quầy sách quán Nam Hùng dựng dưới gốc vông già trước cổng Ngọc Sơn, làm nhớ lại mùa đông 46 ngút trời Liên Khu Một. Đồng Xuân giết giặc bằng dao bầu dao phay và bom ba càng quyết tử... Cầu Long Biên, Ga Hàng Cỏ gạch ngói xô nghiêng nát vụn, vàng với đá thử lửa, thi gan...

Con tàu Hà Nội qua những nhà-ga-thời-điểm-ấy vẫn kéo còi tiếp tục cuộc hành trình chỉ để lại sân ga những tượng đài bất tử còn mãi với lòng người và đất nước...

Chiến tranh là máu chảy. Chiến địa là nhất thời dù cái nhất thời đầy đau đớn hy sinh. Nhưng trường tồn là vạn dặm hòa bình cho làng hoa phát triển, cho đền đài miếu mạo uy linh, cho phố phường còn khắc tên mình vào lịch sử những Hàng Đào, Hàng

Lam, những Hàng Cau, Hàng Vôi, Hàng Chĩnh, Hàng Mắm, Hàng Muối... cho những bản tình ca vang vọng Bích Câu thờ chuyện tình yêu từ trong tranh bước ra, thờ người thầy giáo họ Chu có người học trò dám đem đổi cả thân mình làm mưa cứu dân lành thoát khỏi cái cháy khô hạn hán; Có thầy ấy thì phải có trò ấy, chàng hoàng tử con Long Vương tung nghiên mực lên trời làm mưa dù biết rằng hôm sau bị hiện nguyên hình con thuồng luồng nổi lên trong Đầm Mực, không bao giờ trở lại làm anh học trò Hà Nội.

Hà Nội là một bản tình ca hay một khúc quân hành hùng tráng, là nhịp đàn bầu "thân gái chớ nghe" hay bản giao hưởng thơ 5 chương đủ bộ gõ, bộ dây, bộ hơi rền vang tám cõi. Văn Cao đêm tiền cách mạng lang thang nơi đầu ô ghi lại những âm thanh xe bò lọc cọc chở các người chết đói đi về tiếng gà gọi sáng bên cạnh những ơ hờ phấn nữ Khâm Thiên... mà sau này ta còn gặp ngôi mộ lộ thiên đầy sọ người nơi nghĩa trang Hợp Thiện Quỳnh Lôi, nơi nhà máy khăn mặt khăn tay xóa mờ thê thảm.

Ba mươi năm ta phải nghe mãi những khúc quân hành, nói, lại có người kêu "biết rồi, khổ lắm, nói mãi", nhưng tình ca hoa sữa đêm thu, bài thơ áo dài cánh bướm, sợi dây đàn huyễn hoặc, mái tóc huyền buông bắt lưng thon thanh nữ... đâu có ngừng nghỉ lúc nào.

Ngã tư này bắt sang ngã tư kia, những hành khách của con tàu Hà Nội, những thính giả của bài ca du dương và hùng tráng... lần lượt thay nhau không có mặt để cái "Rốn con rồng" này thành tâm điểm Delta tức tam giác châu sông Hồng cổ đại và tân kỳ vững chãi.

Có người đi trọn đời mình đến bến bình yên gần thế kỷ. Lá buồm ngực căng phồng như gió lộng Hồ Tây, một đời ra đi trong xe tam mã viền đen có khăn vàng khăn đỏ, nhưng cũng có người

đành kiếp một phù du nơi bãi cỏ đầu mom vô thừa nhận, chưa kịp u ơ tiếng Hà Nội đã nhòa. Con sông Hồng năm nào cũng cuồn cuộn phù sa phồn thực sinh sôi, có năm dềnh xác hổ xác trâu giạt vào bãi Phà Đen hay lò bát ông Thiếu Thanh Trì... những đàn cá nào quẫy đẻ theo con nước không cần thiết sau thân đê kia là ánh đèn tóa lóa mặt giai nhân chuếnh choáng thơ Vũ Hoàng Chương và "trời đẹp như trời mới tráng gương" Hồ Dzếnh.

Một Nguyễn Văn Vĩnh suốt đời dâng hiến cho Hà Nội, dám từ chối Bắc Đẩu Bội Tinh nước mẹ, cam chết nghèo bên đất nước Triệu Voi lúc chưa tròn sáu chục mùa xuân trên tóc.

Một giọng ca trù như chuông vang ngọc rót Quách Thị Hồ lấy từ đâu ra hay từ lòng giếng cổ Thăng Long Hà Nội để ngơ ngẩn cả Liên Hiệp Quốc UNESCO, chắc bà thế nào chẳng từng ăn hạt cốm làng Vòng hay chiếc bánh đúc lưỡi mèo chấm tương Cự Đà sánh như mật ong rừng nguyên chất.

Chiếc xe ngựa Mê Ly lộp cộp vó ngựa mới qua Bỉm Sơn Kẽm Trống đành từ biệt Thanh Hoa Thanh Hóa mà chở chàng họa sĩ họ Hoàng quay lại, còn con tàu Nam Tiến xuôi vào Quảng Bình, Châu Ô, Quảng Ngãi, những gì Hà Nội mang theo để ba mươi năm sau mới trùng phùng đoàn viên tái hợp.

Gọi Hà Nội là tình ca là đúng, nhưng gọi Hà Nội là hùng ca hoành tráng cũng vẫn không sai. Con tàu Hà Nội đuổi theo những làn mây viễn xứ có thấy xót xa nuối tiếc khi bao hành khách đành sớm rời bỏ chiếc toa thân yêu để tay nải gió đưa có vòng hoa đưa tiễn.

Được là một hành khách trên con tàu Hà Nội loang loáng và lấp lánh thời gian, dù chỉ là một chặng đường vô cùng ngắn ngủi nhưng là cả đời ta gắn bó thiết tha, ta hy vọng, ta hoài bão, ta ước

mơ, ta mong mỏi... chẳng bao giờ thỏa mãn khát khao như được vùng vẫy giữa lòng sông tình yêu, càng đẫm càng thèm. Thì ra Hà Nội không chỉ là tình ca mà còn là người đàn bà đẹp đầy mộng mị đắm say vì nàng mang bùa mê thuốc lú cho ta chẳng bao giờ tỉnh được. Nàng có, nàng rất thực bên ta, ngoài ta, trong ta, khiến ta bứt rứt như đứng trên tổ tổ kiến vàng như uống nhầm thứ rượu tình cổ đại khiến Tiễu Nhiên My Cơ chẳng thể chia lìa. Cửa ô ông Mạc hay Đống Mác đã mở rộng Trần Khát Chân, cái đấu đong người trên bờ sông Tô người xưa ghé sát thuyền nhau lỏng lơi yếm thắm, một nét liễu mềm Hàng Khay hay pho tượng A Di Đà chùa Thần Quang Ngũ Xã, một ngôi trường Bưởi trên nền đất chùa Châu Lâm tức chùa Bà Đanh còn vọng tiếng gà Thọ Xương và nhịp chày giã dó làng Hồ, đôi ba tiếng guốc thầm thì ngõ vắng như tiếng hô lời ứng nhặt khoan của người đàn bà hơn một đời xuân sắc... là của những hành khách xuống ngang đường, từng ngồi trong toa tàu Hà Nội, không cần biết trăm ga nghìn ga tiếp nối muôn sau.

Ga Hàng Cỏ hiện nay có những điều độ viên tài giỏi để hàng ngày bao chuyến tàu xuất phát đi về không va vấp. Còn con tàu Hà Nội. Điều độ viên là ai nhỉ? Là nhịp nước non hay hồn Thiên cổ, một trong một trăm người con trai của cha Lạc Long và mẹ Âu Cơ? Có Đinh Bộ Lĩnh phất cờ lau, có Lý Công Uẩn gọi rồng, có Nguyễn Minh Không chở đầy một thuyền đồng thau đồng đỏ đúc con trâu vàng gọi mẹ, có nàng công chúa con vua Lý dạy dân chăn tằm dệt lụa khai sinh Nghi Tàm, có Hải Thượng Lãn Ông tặng bạn tri âm thời trẻ cỗ hậu sự để đền ơn tri kỷ, có người tưới cỏ bên hồ Gươm, có người chui cống ngầm hót bùn lưu cữu, có bà cụ bung ngô để sớm mai có món xôi lúa ngon lành, màu đỗ vàng ươm như áo nhà vua thuở ấy... tất cả đã đẩy con tàu Hà Nội vượt đường xa và tất cả đều đã ngồi trong con tàu rền rền khúc

nhạc liên thanh, đến ta mới chỉ là một đoạn còn đoạn sau hành trình ta không thể biết.

Hà Nội đang tình ca, đang giao hưởng, đang buông bắt sợi tơ độc huyền cầm... Hà Nội đang trên đường tốc độ, ta hành khách một đoạn đường là một hạnh phúc chẳng gì so sánh được

1999

Ngày thành thị

Ngày và đêm là của chung vũ trụ và loài người. Nó cũng là của làm việc và tình ái, của tạo dựng và hủy diệt, của lầm than và hạnh phúc, của lụi tàn và sinh nở... Ai cũng có Ngày và Đêm của mình. Nơi nào cũng có Ngày và Đêm của mình. Lúc nào cũng có Ngày và Đêm của mình... Tuy nhiên, từ những thời cát cứ, tản mác rồi con người lập ra đô thị, đô thành, vương quốc... thì thành phố và nông thôn có Ngày và Đêm càng cách xa nhau, càng khác xa nhau.

Ngày nông thôn, tức ngày làng quê, thường ngắn hơn ngày thành phố, không có thời gian để ngắm bông hoa hồng nở hay làn gió rong chơi. Gà gáy sang canh là bắt đầu Ngày, ngọn lửa từ chiếc nùm rơm được thổi bùng cho ba ông đồ rau reo múa trong ánh hồng bồ hóng. Loe lóe chút mặt trời, bữa cơm trong nhập nhoạng, vội vàng vì con trâu đã đánh sừng đuổi muỗi cồng cộc then tre. Mà nhập nhoạng cũng chẳng sao vì có gì mà gắp đâu. Đôi đũa tre nhàn nhã chỉ gắp chút rau chút mắm cho xong.

Câu ca của người vợ hiền lam lũ than thân, thanh minh hay trách cứ anh "chường":

Một ngày hai bữa cơm đèn

Còn gì má phấn răng đen hở chàng?

còn là may, vì có nhiều nơi chỉ một bữa cơm sáng sớm, còn tối về ôm cái bụng rỗng không đi ngủ, may ra ấm củ khoai, miếng sắn cầm hơi.

Một ngày trên đồng muối chang chang héo quắt thân còm. Một ngày trên đồng lúa è vai kéo cày hay mỏi nhừ cái lưng cúi gập. Một ngày rã rời đôi tay kéo gầu dai, đẩy gầu sòng. Một ngày lặng tờ trưa im, chỉ có tiếng võng kẽo cà rười rượi như điểm nhịp cho mái gà te tái khoe quả trứng vừa sinh. Hàng rào lim rim. Bờ tre xào xạc. Khuôn giếng ngái ngủ... cho đến lúc hồi chuông thu không văng vẳng, tiếng chuông nhà thờ gọi đi chầu... ngày lịm đi hơi trong sương mờ đục hay trong hoàng hôn dữ dội thì ngày cũng đang tự chết, đang tự vùi mình vào dĩ vãng, tự xếp mình vào nghĩa địa thời gian...

Những hạt đỗ đĩa đèn, những tiếng than vãn của rặng chuối sau nhà, những tia vàng đom đóm chớp chớp như những con mắt không đủ sức để dệt thành sợi sáng... Vừa tối xong đã tưởng là khuya khiến tiếng cá quẫy ao bèo cũng vang rõ cái ùm ùm sống đổ. Ngoài sân tối om. Chỗ góc vườn đầy bóng tối. Con đường làng im thít hoang vu như chết lặng trong tịch mịch. Tiếng chó sủa trăng từ một nẻo ngõ mơ hồ như tiếng con nam nam dưới ao, con ma trâu ngoài trại... làm căn nhà thành cái hang. Không phải nơi nào cũng có tiếng trẻ học bài như cuốc kêu mà phần nhiều là tiếng đêm rỉ rả dưới gầm giường con dế nỉ non hay con cóc nghiến răng, con gà xáo xác vì có gì như con cáo con rắn rình mò... Đêm đến thật sớm. Khuya đến thật nhanh. Ngày tàn vội vàng như đã triệu lần tàn vậy...

Lâu nay tiếng giã gạo thùm thụp, tiếng cối xay lúa rì rầm cũng đã thôi vang vọng vì có cái máy xát đầu làng giữa ban ngày làm hộ. Đêm càng khoe sức mạnh âm u...

Thành phố thì khác hẳn. Một nét chia cách thành thị với nông thôn chính là thành thị có *Ngày* kéo dài lấn phần *Đêm*, xóa bớt cái tù mù bằng ánh sáng, chia nát thời gian ra bằng chiếc kim chạy vòng tròn. Không phải chỉ có 8 giờ vàng ngọc mà hầu như suốt 24 giờ đều ngọc vàng cần chi chút, cần tận dụng. Một thành phố mà mới 9 giờ tối, nói kiểu mới là 22 giờ đã đi ngủ, đã chơi trò vợ chồng trong lờ mờ, đã im ỉm những căn nhà kín cửa, đã vắng tanh những nẻo ngã ba ngã bảy... thì đó là nông thôn, hay đã nông-thôn-hóa mất rồi, không còn là thành thị nữa.

Đêm thành phố thường ngắn ngủi. Có bao nhiêu người lấy đêm làm ngày - dù là nghề lương thiện. Anh thợ nhà in, chị phóng viên viết báo, nhà thơ yên-sĩ-phi-lý-thuần (nghĩa là cảm hứng) bắt đầu từ lúc cái máy thu hình có lời "xin chào các bạn và quý vị", nói cách khác là hoàng hôn buông xuống lúc gần nửa đêm. Con tàu vào ga sá chi những cột đèn đã lạnh sương khuya. Các hàng ăn quán nước thi sức mạnh thần kinh không ngủ với thời gian. Bảy giờ tối mới bắt đầu một ngày làm ăn buôn bán kinh doanh phục vụ... Những loại xe hai bánh, ba bánh, bốn bánh... làm đêm cũng phải thành ngày khi 8 giờ tối mới bắt đầu một ngày của rạp chiếu phim, đêm ca nhạc và sau đó mấy tiếng đồng hồ, thành phố rồ lên như một cơn sốt ở những dãy phố mệnh danh là "dạ dày thành phố" có đủ thứ ngon ngọt bổ béo mà con người có thể nghĩ ra làm ra cho những chiếc bụng đang cần ấm nóng ngoài hai bữa cơm nhà quá quen quá nhàm như cái đĩa hát đã mòn cả rãnh mà cứ phải nghe lại ngày này sang ngày khác.

Bàn ghế bày la liệt trên các vỉa hè, đèn bắt đầu nhấp nháy như những con mắt mồi chài. Tiếng xe rít lên. Khó có thể gặp những người trẻ tuổi đi ngủ lúc vừa chập choạng sau bữa cơm chiều.

Sáu giờ chiều, đường phố vắng nhất. Người đi làm đã về đến nhà. Người đi chơi còn bận ăn cơm. Đây là lúc ngày đổi ca cho

ngày. Hàng vạn ngọn đèn thay cho mặt trời, gọi ngày đừng đi vội. Và ngày thứ hai của một ngày lại bừng lên từ 7 giờ tối cho đến lúc nào không ai có thể rành mạch như một với một là hai.

Khi cô gái nhà nghèo dậy lúc nửa đêm đến lò bánh mì nhận bánh, bà hàng xôi bắt đầu bắc bếp, bác hàng phở này thông lò, đặt nồi nước dùng lên bếp thì vẫn có bao người khác chưa kết thúc một ngày làm việc. Một dòng liên tục không ngắt quãng. Khuya, mớn "bốc mả" ở ngã tư nào bắt đầu tiếng mút chùn chụt, tiếng nuốt ừng ực, tiếng nhai gau gáu thứ xương ninh đã nhừ của hàng phở quen, vẫn cứ là ngày chưa chấm dứt, vẫn là chưa đến hoàng hôn. Một hai giờ sáng, nghĩa là đã của hôm sau, vẫn có anh bánh khúc nóng, chị bán bánh mì, thì cũng có nghĩa là còn rất nhiều người chưa đi ngủ, chưa cho là một ngày đã hết, cả bác tẩm quất mù ôm chiếc chiếu đi rong sờ đường bằng chiếc gậy và tiếng rao như quất vào da thịt chỉ có một âm thanh buốt như dùi xuyên vào da thịt, cũng vẫn là một ngày của bác và một ngày của ai đó cần đấm bóp nắn xoa...

Trong khi đêm quê im đến rợn người trong tiếng cú kêu ngoài ngọn cây đa thì đêm thành phố lại tỉnh như sáo với âm thanh hối hả và chân người nhộn nhịp cứ như là trái đất đã ngừng quay, mặt trời đã chênh chếch ngọn tháp nhà thờ gần đó và con người thành thị vẫn cứ phải dùng đến đôi chân nhiều hơn là cái lưng sóng soài trên chăn chiếu.

Lấy đêm làm ngày để ngày dài ra là kéo dài cuộc sống hay tự rút ngắn đời mình vì tổn thọ? Tùy người hiểu. Và thành thị với nông thôn hẳn hiểu khác nhau. Làng thôn càng nhỏ thì ngày càng ngắn. Thành thị càng lớn thì ngày càng dài. Cũng chưa có cuộc điều tra nào, bản thống kê nào xem phần ngày có ánh mặt trời và phần ngày chỉ có ánh đèn, thành thị đã thu và chi con số bao

nhiêu, những công trình sáng tạo tư duy được công bố là bao nhiêu. Có lẽ chỉ có loài cây của nông thôn và thành thị là giống nhau. Chập tối, cây muồng vàng, cây keo me, cây vàng anh khép mắt và hương nhài bắt đầu chu du, dạ lan hương tha hồ tỏa ngát... còn con người, trang giấy và thửa ruộng vẫn khác nhau nhiều, chiếc bút và chiếc cuốc là khác nhau, mặc dù không ai dám nói rằng cái nọ hơn cái kia, cái kia giá trị hơn cái nọ.

Người ca sĩ tẩy trang lúc mấy giờ? Anh công an cứu hỏa vào ca trực đến lúc nào xong? Cô công nhân môi trường cất cái chổi đi, người bác sĩ xong ca mổ cấp cứu hẳn không chỉ lấy hai chiếc kim đồng hồ làm hạn mức. Và khi xong, mấy ai chịu ôm cái bụng rỗng mà đi ngủ. Ngã tư nào chẳng có những ngọn đèn mời mọc. Và đó mới đích thị là cuộc sống thành thị, là *Ngày thành thị*, là không phải lúc gà lên chuồng đã là tàn một ngày trời.

Còn bao nhiêu điều nữa xảy ra của một-ngày-đèn thành thị. Đại đồng tiểu dị, từng hoàn cảnh khác nhau như tờ mờ sáng anh làm nhiệm vụ tuần tra bắt đầu đi ngủ thì đã có các cụ thức dậy đi tập dưỡng sinh ngoài bãi cỏ... Ngày thành thị không có bắt đầu và chấm hết một cách rõ ràng. Và có thể nói: có như thế mới là Ngày Thành Thị.

Xưa nối vào nay Hà Nội

Những người dân thường sống trong thành Đại La và những người dân vùng Hoa Lư theo đoàn thuyền của Lý Thái Tổ vào thành Đại La để trở thành người Thăng Long... hồn họ ở đâu và đã bay vào cây cỏ chốn nào?

Người thợ đá tạc nên con ngựa sân triều, qua chiến tranh, con ngựa cũng vất vả gian truân, khiến ông vua anh hùng Trần Nhân Tông bật ra câu thơ bất hủ:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

người thợ đá ấy đã tạc muôn triệu làn mây trắng thành vân cẩu nơi đâu?

Cả người đàn ông hay trai đinh dựng cây que thành căn lều tranh cho Nguyễn Trãi mười năm bị giam lỏng đất Đông Quan khiến lòng than thở:

Góc thành nam lều một gian...

đã hư huyền ra sao, chắc cái cưa cái đục, con dao rựa cũng đã cát bụi mịt mù dĩ vãng.

Người đàn ông không tên ra đi để người vợ trẻ khóc chồng mà Hồ nữ sĩ ma quái quật cường phải khóc theo và khuyên nhủ:

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng

Nín đi kẻo thẹn với non sông...

người đó làm nghề gì, chết năm bao nhiêu tuổi, người góa phụ kia đẹp não nùng hay bạc phận thuyền quyên ra sao... tất cả đã chìm vào sâu thẳm Thăng Long, thành cái nền nghìn năm thịnh vượng vui buồn sướng khổ, mà Bà Huyện hay thơ âm thầm giọt lệ:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

phảng phất niềm đồng cảm cậu Chiêu Bẩy Nguyễn Tiên Điền:

Thiên niên cự thất thành quan đạo

Nhất phiến tân thành một cố cung

(Những lâu đài nghìn năm thành đường dài, một tòa thành mới làm mai một những cung xưa).

Hà Nội mới hơn 170 năm sừng sững trên Thăng Long nghìn tuổi. Từng có một cô gái đĩ, một me tây làm hoen ố kinh thành, phá đi lịch sử thiêng liêng mà làm giàu, cái mụ Tư Hồng đó cũng đã "cát bụi trở về cát bụi" nhưng Hà Nội Thăng Long không mất.

Một ngày thu ta đi trên đường Kim Mã (đường con ngựa vàng) rộng rãi hai làn xuôi ngược, có khách sạn cao tầng người Bắc Á vào đây, gặp ngã tư Liễu Giai gợi nhớ đường hòe dặm liễu nghìn xưa, gặp ngôi đền thờ Linh Lang, nguyên là hoàng tử con vua, có công đánh giặc nhưng không màng danh lợi, xin được ở chốn này và đã biến thành con thuồng luồng lao vào ngòi biếc với rặng si già và rừng trúc xanh xao... Ta không rẽ lên con cầu

Thăng Long cao vợi có những con đại bàng màu trắng bạc bay đi tám cõi đông tây... Ta nhẩn nha đi thẳng đến xứ Đoài mà thơ Quang Dũng gọi là Mây trắng... mà Tản Đà còn nghe con cá nhảy trong thơ Đà Giang cuồn cuộn... Ta bỗng như gặp ai kia đang lững thững tay nải gió đưa, khăn gói quả mướp trong tiểu thuyết "Quê nhà" của Tô Hoài trán hói, số tác phẩm đã cao hơn chiều cao thân ông, đó là những con người áo nâu chân đất, đi làm nghĩa quân, uống bát nước chè xanh nơi gốc đa, giở nắm cơm nắm ra ăn với muối vừng, chả trâu, lặng lẽ trao nhau mật khẩu và lặng lẽ trở về trên con đường thiên lý và phên giậu Thăng Long...

Một nghìn năm đã thành Xưa. Nửa thế kỷ đang là NAY. Tấm áo dài Lơ Muya (Le mur), áo Cát Tường, áo Tân thời đã thành hồn Hà Nội, thành biểu tượng Việt Nam với hai tà cánh bướm dựng đầy gió rượi nước non này, mà Nguyên Sa, một nhà thơ sống trong chang chang Sài Gòn nhìn thấy gió tung tà áo thổi ngợp hồn:

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát

Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông

Hà Nội bây giờ váy nhiều hơn tà áo dài thơ mộng ấy. Nào váy công sở lộ đôi bít tất màu đùi non, nào váy xẻ tà đầy khiêu khích trong nửa kín nửa hở, nào váy liền, váy nổi, nào sắc cầu vồng bình minh và hoàng hôn, màu đêm đen rùng rợn... không sao cả. Không đâu có những tà váy lạ kỳ đến thế bằng Hà Nội, bởi Hà Nội nghìn năm vẫn là Hà Nội cách riêng không lẫn, cho dù váy Mèo, váy Tây Nguyên, váy ba bức hay Paris, Mạc Tư Khoa, Nữu Ước... cũng không thể là Hà Nội, và nếu từ đó vào đây, thì nó cũng phải Hà Nội hóa trên tấm thân thon Hà Nội.

Trong cuộc thi "tìm hiểu Thăng Long của em" có câu hỏi: Mùa nào Hà Nội đẹp nhất? Mọi cái miệng xinh xinh đều trả lời: Mùa Thu.

Chả ai còn biết mùa thu năm 1010 khi bước chân vua Lý đặt lên bãi đất sông Hồng ra sao. Nhiều em cũng không được chứng kiến mùa thu *"Tôi nói đồng bào nghe rõ không?"*, không được thấy mùa thu 1954 tên lính Pháp cuối cùng lũi cũi trên từng thanh gỗ cầu Long Biên, trả lại Hà Nội cho vinh quang và say đắm người Hà Nội.

Cốm ơi, sen Tây Hồ ơi, nắng hanh vàng cho rùa thần sưởi ấm ơi, lá cơm nguội vàng ơi... và... Ta ơi, ta Hà Nội cho ta và ta Hà Nội cho triệu người trăm nẻo, làm gì có hai Hà Nội trên trái đất này.

Cà Mau và Phú Quốc, Côn Luân, Trà Cổ, Mù Cang Chải và Lũng Cú đến Cô Tô, Tây Trang hay Đà Lạt mù sương, Hòa Bình hồ sáng... có bao nhiêu tâm hồn ngày đêm hướng về đất thiêng mà ta là người diễm phúc ngày nào cũng gặp Hồ Gươm liễu rủ và lộc vừng treo đỏ những tràng hoa...

Ngay một món dung dị đến tầm thường là xôi lúa Hà Nội cũng khác xa thứ ngô bung hay mèn mén bao nơi, không hiểu *hoàng hậu tựa gốc lan* có từng ăn nó? Nguyễn Huy Lượng và Phạm Thái - Chiêu Lỳ viết *Tụng Tây Hồ phú* và *Phản Tụng Tây Hồ phú* hào hoa và đanh thép, cân não và tài tình, cuộc bút chiến lừng danh... có từng ăn nó?

Ta ra bến Tây Luông, con sóng nào của sông Hồng đã đưa nàng công chúa Huyền Trân sang xứ người đổi về hai châu Ô, Lý? Nay nhà hát thành phố vào trăm tuổi cho một Hà Nội kiêu sa trai thanh gái lịch nghe giao hưởng rồi ra về, bước trên bậc đá xanh, nghe mùa thu vương trên đôi vai như hồn một Hà Nội thầm thì...

Nửa triệu con xe máy không làm nên Hà Nội, dù chúng đã thay tiếng lóc cóc bước chân con ngựa của kinh thành lung linh hồn vua chúa xuống con thuyền ra *Điếu Ngư Đài* câu cá lẫn câu trăng, nơi còn ngọn tháp Rùa đọng thời gian nhắc nhở.

Ta tự lạc mình vào khu phố cổ. Rạp hát Tố Như, nơi khai sinh ra đội *"Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"* đã vừa là xưa nhưng vẫn là nay, chữ Tố Như này có phải tên ông khổng lồ họ Nguyễn khai sinh ra một nàng Kiều thuần Việt vừa quốc sắc thiên hương vừa nghĩa tình trọn vẹn?

Nhà thơ Hy Lạp gọi Hồ Gươm là lẵng hoa giữa lòng thành phố. Người Việt Nam thì bảo Thăng Long Hà Nội là cái nôi nuôi lớn hồn nước Việt trường tồn, từ một câu ca, giải yếm, đến những tài năng chói sáng, chói sáng từ chiến công đến một món ăn ngày thường làm hồng cầu ta thắm đỏ.

Không thể tính diện tích của Hà Nội bằng thước vuông hay cây số vuông. Trên nền kiến tạo nước non, bao lớp người Hà Nội sinh thành và gió mây đã để lại cho ta một Hà Nội lạ kỳ, chỉ có thể đo được bằng tâm hồn dân tộc Việt Nam.

1999

Ân tình Hà Nội

Cuộc đời, không ai định trước được ngày mình sinh ra và nơi mẹ cho giọt sữa đầu tiên.

Nhà văn Nga Pautốpxki được chứng kiến giao thừa hai thế kỷ Mười chín - Hai mươi, ông cho là diễm phúc cực lớn đời mình. Ông đúng. Những người đang sống hôm nay, ai đã được chứng kiến phút giao thừa của hai thế kỷ: Thế kỷ cuối cùng của Thiên niên kỷ II và thế kỷ đầu tiên của Thiên niên kỷ III vào cái lúc hai chiếc kim đồng hồ chập vào nhau khi vũ trụ điểm Không giờ ngày 1 tháng 1 năm 2001.

Giao thừa thế kỷ đã diễm phúc. Giao thừa Thiên niên kỷ còn diễm phúc biết chừng nào?

Phút giây có một không hai đó, phút giây lóe sáng lên một lần trong chớp mắt nhưng ở lại một đời, muôn đời, ai phải nâng ly rượu lên mời vũ trụ và mừng cho bản thân mình, ai sẽ cất tiếng chào đời đầu tiên trong nỗi đau đớn quằn quại của mẹ mình kèm theo là nụ cười hả hê thỏa mãn của mẹ thấy mặt con mình vừa khai sinh nằm bên cạnh?

Không hiểu con người chứng kiến phút giây quyết định vào mùa thu năm 1010 được đổi tên từ Đại La ra Hà Nội nghĩ gì trong bàng hoàng bỡ ngỡ? Ai là người đầu tiên nghe thấy quyết định

năm 1831, Thăng Long chỉ còn là Trấn Bắc Thành, nếu có đồng âm thì cũng là dị nghĩa, Long con rồng thành Long thịnh vượng, người ấy nghĩ gì, ngửa bàn tay hứng lấy sợi gió thổi suốt vào lòng tê buốt?

Và thương biết bao nhiêu những ai "ra đi" vào lúc quân thù đánh thành làm ngửa nghiêng khói lửa, *"Thăng Long phi chiến địa"* đã *"Thăng Long chiến địa"* ngút ngàn, nhà xiêu ngói sập, vàng đá tan hoang.

Người nghĩa quân ngã xuống ở cửa ô Tây Dương (Cầu Giấy) sau khi hạ gục tên giặc xâm lược Gạc Nhe (Fracis Garnier) và tên Henri Rivière, người ngã xuống khi tướng quân Hoàng Diệu tự treo mình để nêu tấm gương trung trinh muôn thuở, người ngã xuống giữa phản thịt Chợ Đồng Xuân sau khi cầm dao bầu quần nhau với giặc Lê Dương da đen da trắng ngay giữa lòng thành phố... người nằm lại nơi nấm mồ vô danh, liệt sĩ và dân thường Hà Nội, trí thức và chị bán hàng rong, anh tự vệ sao vuông và chú bé học sinh mới lông tơ trên mép... Chỗ ấy nay đã thành chợ dưới hàng cây long não nõn lộc mùa xuân, um tùm mùa hạ... Những người ấy nghĩ gì khi đã bảng lảng khói sương làm hồn cho thành phố Thủ Đô bước vào năm tuổi 990 và 1000 vinh quang và lịch sử, thăng và trầm, giàu sang và cực khổ, giòn giã nhịp cười và não nùng giọt khóc...?

Người sinh ra năm 1900 khó lòng mà chứng kiến ngày huy hoàng năm 2000 và 2001 dù cố gắng bao nhiêu, dù chạy đua với thời gian như cuộc Marathon không cân sức, như anh bạn nhà thơ Nguyễn Hà của tôi, đành chia tay cùng thành phố trong nuối tiếc muôn trùng.

Nhưng chắc chắn nhiều người ra đời năm 1945, năm lá cờ sao vàng khổng lồ buông từ nóc Nhà hát lớn xuống sát mép đá xanh

làm ra Cách mạng, năm Bác Hồ dõng dạc và thân tình hỏi cuộc mít tinh: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?"... Hoặc những ai bắt đầu đời sống năm 1954, quân ta về giải phóng thủ đô sau chín năm khói lửa ta tiếp quản một đô thành có băm sáu phố phường lịch sử, có Hồ Tây như gương mặt mỹ nhân, có Hồ Gươm như lẵng hoa tươi ngàn tuổi, có mái ngói rêu phong nhưng cũng có hoa đào chúm chím nữ trinh, có hào hoa mà cũng có nhọc nhằn, có yểu điệu mà cũng đầy khí phách... sẽ được thấy năm 2001 này.

Và ai nữa được nước non chấp nhận làm người năm 1975, đang miệt mài trong trường học hay đang mặc những thời trang Đông Tây mới nhất mà Ỷ Lan cũng không có, mà Ngọc Hân không dám mơ tưởng, mà An Tư công chúa ngậm ngùi không biết. Đó là Mùa xuân Chiến thắng, đó là bước lùi nhảy xa trên đường Đổi Mới cho ta có đà vượt vào thiên niên kỷ tới.

Mùa Ngâu năm nay ít mưa, có nhiều cơn bão dập dình rồi phải tan đi ngoài xa tít. Thu đẹp não nùng. Hồ Gươm cứ dâng đầy, lăn tăn sóng như cười hoa cười nụ. Chúng ta ơi, bạn mến thân ơi, có lúc nào người phiêu bồng tâm trí, thả hồn vào Hà Nội để tâm sự một mình?

Hà Nội đã cho ta những gì từ khi ta oe oe đến nay căng phồng tảng ngực, bồng bềnh mái tóc, nuột nà thân thon, sức vóc thể hình, trán hằn nếp nhăn, mái đầu phơ bạc?

Chắc là có và có nhiều là khác.

Ta từng là chú bé lon ton trong vườn hoa, là cô bé quỳ hai chân lên chiếc ghế dọc toa tầu điện mà nhìn phố xá giật lùi, rung rinh quả sấu chín vàng tít ngọn cây ươm nắng, là cô dâu bước lên xe hoa giữa hai bên hàng phố trầm trồ... Ta đã từng một lần nào lội xuống Hồ Gươm nghe cái mát lạnh của vương quốc Rùa

thiêng thấm vào da thịt chưa? Ta đã bao giờ trèo lên chót vót nóc cầu Long Biên như anh bộ đội canh trời thập niên Sáu Mươi gian khổ chưa? Trên ấy mây xanh phấp phỏng, gió trời hồi hộp, mặc cho sóng đỏ gầm cầu mang bóng Hà Nội về Đông.

Ta ăn bao nhiêu ngọn rau muống xanh Hồ Bảy Mẫu? Ta dạo bao đêm hoa sữa ngạt ngào tình ái chở che cho hai mái đầu xây mộng đẹp? Ta ăn phở ở những phố nào, những Trưởng Ca, ông Giảng, ông Hói, ông Đông Mỹ, ông Thìn, ông Tình? Một đời ta, nhấp bao nhiêu tách cà phê, từ cà phê "bít tất" của Nhà máy nước đá, đầu phố Đờ Măng (Phùng Hưng nay) đến cà phê Bằng, cà phê Nhân, cà phê Lâm toét, pha bằng phin nhôm trịnh trọng, tí tách hay cái chén đã thành cao?

Hà Nội cho ta, hình như không thể tính, giống như Mẹ Cha đã cho ta, đứa con trứng nước và trưởng thành, mà ca dao đã hát: *"Cha mẹ nuôi con bằng giời bằng bể..."*

Dòng chữ đầu tiên, trò chơi đầu tiên, đồng lương tháng đầu tiên, bài thơ đầu tiên, giọt nước mắt vui mừng đầu tiên, cái tang đầu tiên, cuộc chia ly đầu tiên, căn phòng đầu tiên... cho đến cả đắng cay và thất bại: Lời từ chối đầu tiên, cái vấp ngã đầu tiên trên đường sự nghiệp, bữa nhịn đói đầu tiên, đêm mất điện đầu tiên, chuyến lỡ xe đầu tiên làm mất một đăng trình...

Ta nhớ và không nhớ. Ta đầy lên ngày một. Ta "ăn vóc học hay", ta bắt đầu và làm lại trong thắng lợi và thất bại. Bữa tiệc đầu tiên còn chưa biết cầm dao tay nào, dĩa tay nào, ăn món gì trước, món gì sau...

Giường bệnh viện nồng nặc mùiÊte và hương Crêzil, ta vật lộn và Hà Nội trả về ta cuộc sống. Rồi Hà Nội cho ta tà áo đầu tiên, nó sẽ bay mãi trong tim ta như gió thu, như hoa xuân, như chói chang nắng hạ, như chăn ấm đêm đông...

Bạn mến thân ơi, ta đã đi bao nhiêu dặm dài trên những con đường Hà Nội từ thênh thang Hàng Lọng, mát rượi Phan Đình Phùng, thơm ngát Trần Hưng Đạo, chen chúc Hàng Ngang Hàng Đào, ồn ã cửa ga, cho đến quanh co ngõ nhỏ, tịch mịch một Tràng An chữ chi hay Phất Lộc ngoắt ngoéo, Hà Hồi ra ba bốn ngả.

Hà Nội cho ta hào phóng. Lặng lẽ thâm u Đền Quán Thánh, thanh thản chùa Thiền Quang, đồ sộ tượng Huyền Thiên nơi Hàng Khoai, trang trọng Nhà hát lớn, suy tưởng Bảo tàng lịch sử, chen vai xe cộ Ngã tư Trung Hiền, vun vút đường Nguyễn Trãi vào tỉnh Đơ hay băng băng đường lên Thăng Long Nội Bài ra thế giới...

Căn lều một gian của Nguyễn Trãi mười năm bị giam lỏng đã không còn, nhưng còn kia một chùa Chân Tiên, nơi ký giấy đầu hàng của tướng xâm lược Vương Thông, mới làm lại tam quan cửa vàng son lộng lẫy. Còn đó một Đình Ngang nơi nhà xưa Cao Bá Quát, một Nguyễn Siêu có trường học ông Phương Đình. Còn đó một Hàng Cau, từng có nhà riêng của Nhất Linh với bà vợ buôn cau, nay là phố Hàng Bè, nơi Ba Giai Tú Xuất lõm kẻ chua ngoa bằng chiếc quan tài đêm ba mươi tết...

Không thể kể hết những gì Hà Nội cho ta một đời mấy chục năm ta ngắn ngủi. Ngắn ngủi nhưng tràn đầy hạnh phúc khi ta hòa hồn ta vào triệu hồn Hà Nội đang hối hả làm mọi việc cho tuổi tròn nghìn Hà Nội, mà trước mắt là *Chín thế kỷ chín Thăng Long.*

Bệnh viện phụ sản đêm nào cũng có nhiều cháu bé Hà Nội ra đời, nhà tang lễ Phùng Hưng ngày nào cũng có người Hà Nội "ra đi". Còn ta, bạn mến thương ơi, Hà Nội cho ta như lòng biển cả không thước nào đo, không lượng nào đếm. Ta đã trả gì cho Ân tình to lớn ấy? Có thể ta không chính khách, không đại trí thức, không thiên tài, không lỗi lạc. Ta chỉ dân thường, ta Hà Nội, ta nhà chật và ta ngã tư. Mùa thu có ba con số 9 này ta đã nghe thấy

những con sóng lừng vận chuyển trong lòng Hà Nội. Hình như không ai không chuẩn bị một điều gì để góp mặt với Nghìn năm.

Siêu phàm hay hạt cát. Lũ nguồn hay giọt sương... Chuyện xưa con chim ăn khế trả vàng. Hà Nội cho ta cuộc đời, cho ta niềm sống, cho ta toàn bộ đời ta. Ta trả nghĩa Hà Nội thế nào... Khoan, đừng vội trả lời mà hãy "tua" cuốn phim đời ta nhắc nhớ...

Hình như hơn bốn trăm đường phố những đêm này đều có nhiều người không ngủ. Những gì sắp sửa sinh thành? Trong khi Hà Nội vẫn cho, vẫn hào phóng như lòng mẹ.

1999

Mấy nẻo ngoại ô

Đã có một thời chưa xa, Hồ Gươm mênh mông trong mắt, còn nội thành lại tọen hoẻn những đường hẹp ngõ nhỏ quanh co. Từ tháp Hòa Phong trầm lặng, từ gốc cây gạo già cửa đền Ngọc Sơn xù những trăm bướu thời gian... ta hướng theo các nẻo ngoại ô mà thấy xa hút như đường trường mỏi ngựa.

Có một lần nhà văn nữ Lê Phương Liên, lúc ấy là cô giáo trẻ lên phát biểu ý kiến, đại ý nói: Tôi phải ra tận Đông Anh xa lắc... làm mọi người cười rộ, vì thấy thương cho người con gái đôi mươi phải xa trung tâm Hà Nội, "phải ra tận nơi đèo hiu hút gió ấy", cứ như lên Mù Cang Chải, lên Lũng Cú, lên Mèo Vạc, Quản Bạ... rùng mình.

Ngày nay Hồ Gươm hình như thu mình lại, hẹp đi, không chứa được hết bóng những ngôi nhà cao tầng soi xuống. Còn những nẻo ngoại ô sao mà gần thế.

Giữa đường phố Huế, xuôi chợ Hôm mấy bước chân mà đã phải có cái quán Trung Đồ tức "quán giữa đường" để người dừng chân, ngựa tạm nghỉ khi đưa cỗ linh cữu về cõi vĩnh hằng mù mịt. Nay, chỗ ấy là số nhà 260, một trong những trung tâm thành phố, còn nghĩa trang Quỳnh Lôi cũng chẳng xa gì, thành khu nhà ở, thành nhà máy dệt vải, dệt khăn mặt khăn tay, thành con đường mang tên người nữ liệt sĩ Minh Khai chỉ huy cuộc khởi nghĩa

Nam Kỳ. Đi thêm chút nữa, ta gặp hoa hồng Vĩnh Tuy thay cho Ngọc Hà Quảng Bá làng hoa nghìn tuổi, và nếu dấn "ga" thêm chút ít, ta gặp làng Thanh Trì bánh cuốn lụa mỏng mát mềm truyền thống quà ngon Hà Nội.

Đuôi Cá là đâu, hình như ngút ngàn tít tắp, cái ngã ba có con đường chéo tạo ra chiếc đuôi con cá chép, cá rô Đầm Sét, còn phảng phất ngôi chùa Sét xây gạch Bát Tràng và đầm ao dập dềnh bèo ong bèo Nhật Bản, sẵn sàng cho nghỉ đôi chân người trên đường thiên lý về Nam. Trước năm 1940, đường sắt quãng ấy gọi là Cầu Tiên, một lần chuyến tàu Văn Điển đâm vào chuyến tốc hành Sài Gòn, hơn hai trăm người tử nạn làm hành khách xôn xao lo lắng, khăn gói quả mướp đi tìm người thân, nhưng rồi "ông Sếp ga" người Tây chỉ phải phạt *Một đồng bạc Đông Dương danh dự.* (?) Nay ga Giáp Bát là ga lập tàu, nó chưa ngoại ô, nó đầy tấp nập, nó thuộc quận nội thành Hai Bà Trưng đông đúc.

Phía Tây thành phố, ngã tư Hàng Lọng Khâm Thiên đã âm u le lói ngọn đèn dầu, chỉ lóe ánh Măng Sông chát tom son phấn chen vào áo vá chân trần khi những Chu Thị Bốn, Chu Thị Năm, Mộng Hoàn sênh phách cầm ca. Trần Huyền Trân, nhà thơ tài hoa Ngõ Trắng giữa phố mà như lạc loài xa lạ với phồn hoa ồn ã cách xa chỉ dăm trăm thước, nên ông thở than:

Tôi ở lều gianh Cống Trắng này
Chạnh niềm cá nhảy với chim bay
Đêm đêm kẽo kẹt ngư bà thức
Giăng phải hồn tôi một lưới đầy...

Khâm Thiên bây giờ là phố thợ may, dài gần hai nghìn thước, bạt ngàn quần áo bình dân, ka ki cỏ úa, bò mài bò mốc, dù nắng đi một vòng cung từ đông sang tây từ sớm đến chiều, mà tán bàng

cứ non tơ, không át đi màu nhiệt đới, cả sau trận bom B52 hơn 250 người ra đi cho Hà Nội đứng thẳng làm người.

Chợ Dừa là một cửa ô già hơn bất cứ ai già nhất Hà Nội. Đường hai chiều nhựa phẳng ap-phan, chớp mắt đã đến Ngã Tư Sở từng heo hút chia tay hai tài năng lớn Tản Đà và Vũ Trọng Phụng, liền số nhà nhau nay không còn dấu vết. Trung tâm thương mại nằm kề bên bờ con sông Tô Lịch một thuở trữ tình, con sông nghe mơ hồ nỗi nhớ nhung như không hề có thực, nay ai vội phóng xe hẳn không kịp nhận ra Cầu Mới bắc ngang, bởi câu Kiều tả đúng:

Ngựa xe như nước áo quần như nêm

Nghĩa trang Quảng Thiện - Thanh Xuân là đâu, khi mùa xuân, ta đi thắp nhang trên mộ người chị gái tóc dài Hà Nội. Nay ta đi tìm nhà bạn khu Thanh Xuân Nam và Bắc, nhà dựa vai nhà. Tỉnh Đơ tức thị xã Hà Đông có làng dệt lụa hình như đã tự di chuyển cho gần kề Hà Nội, bởi sao mà gần thế. Vừa đi khỏi nhà thờ Hàng Bột (Sơ Ăngtoan), nơi từng dung nạp những cô gái dại dột, đến đây mãn nguyệt khai hoa cho kín đáo dưới bàn tay đầy nhân đạo, những bà Sơ mũ hồ bột trắng tinh nhưng trái tim suốt một đời đỏ thắm, vừa qua đấy, nay không nhận ra tháp chuông nhà thờ, mà đã đến thị xã tỉnh Đoài nhộn nhịp như một vệ tinh Hà Nội.

Khái niệm địa dư với 5 cửa Ô thần thánh không còn chính xác. Ta lẫn lộn hay Hà Nội vươn vai Ông Gióng?

Con đường Giảng Võ hoang vu, đê cao cỏ rậm, nhà nguyện tên quan năm Pháp Henri Rivière đã chìm vào quá khứ. Hàng xà cừ đã cổ thụ che rợp nghìn nhà bán tủ sách, giường tây mô-đéc, tủ gương choáng lộn. Bên kia đường là Cầu Giấy đi từ Kim Mã. "Con ngựa vàng" đã lồng vó phi nước đại cho những làn xe dẫn

đến cầu Thăng Long sân bay và Sơn Tây xứ Đoài mây trắng có nhà thơ Quang Dũng, Nguyễn Hà, Doãn Trang, Tản Đà yên nghỉ.

Con hổ nào gầm, con voi nào hú, con cá sấu nào quẫy đuôi nơi vườn Thủ Lệ, từng có rừng trúc lao xao, rặng si quần quại soi nước hồ trầm mặc lặng tờ như từ mấy nghìn năm. Rặng muồng hoa vàng và hàng cây bằng lăng hoa tím cứ rờ rỡ đón khách từ Hồ Gươm đến đây thư giãn, và bao lâu nữa, làng Dịch Vọng có món cốm Vòng sẽ là một phường nội thị như làng Láng rau thơm, làng hoa Phú Thượng? Trạm Trôi, phố Nhổn, thị trấn Phùng, trăng xứ Đoài vằng vặc, gió cánh đồng thơm hương... cứ như hàng xóm nhà ta, thoắt đi thoắt đến... chỉ gang tấc đã kề bên, chỉ lát giây đã hàn huyên có thể ăn món nem Phùng thơm nức và nhai ngọn rau muống Sơn Tây xanh rờn giòn tan như pháo.

Sông Hồng bao lần đổi dòng từ cầu phao Tôn Sĩ Nghị vỡ toang, đến cầu long Biên trăm tuổi, cầu Chương Dương thẳng tắp, cầu Thăng Long chênh vênh... Gia Lâm, Bồ Đề, Thượng Cát, Cổ Bi, Dâu Keo, chợ Sủi... lũ lượt rau xanh thành dòng sông mát rượi bữa cơm hàng ngày, cứ kìn kìn đổ vào Hà Nội, không còn chỉ là quang gánh, mà đã xe thồ, xe máy, ô tô cho tươi non đượm từng giọt sương mai thơm thảo.

Con đường số 5 tính từ đâu nhỉ? Từ trung tâm Bưu điện Bờ Hồ hay từ cầu Chui đã được nâng cao? Sân bay Gia Lâm nghe xa như lịch sử đã có máy bay lên thẳng đón khách rong chơi ra Hạ Long, Trà Cổ trong nháy mắt. Không ai còn nhớ vết thương rỉ máu ngày dân Gia Lâm, Đông Dư, Thổ Khối... nhổ lúa trồng đay và sau đó nhổ đay để mở rộng bãi tàu bay cho Nhật.

Ngay nhà ga xe lửa Gia Lâm cũng khuất chìm vào khu nhà giữa phố, những con tàu ngược Đồng Đăng, Yên Bái... kéo còi chẳng làm thơ bé giật mình. Nó cứ đi, nối đoạn đường gần với Hà Nội thênh thang.

Nhà văn nữ Lê Phương Liên đã đứng tuổi. Một Hà Nội chật hẹp và Đông Anh xa xôi đã thành chuyện kể dưới ánh đèn đêm. Hăm bốn cửa ô, rồi Mười tám cửa ô, sau đó là Năm cửa ô đã phảng phất như hồn người cung nữ dệt lụa bên bờ hồ Trúc Bạch thuở Trần - Lê.

Những nẻo đường vượt các cửa ô xưa ra ngoại thành hầu như không còn ranh giới. Những Tây Long (hay Tây Luông), Hàng Mắm, Trừng Thanh, Yên Hoa, Thổ Khối, Thạch Tân, Đồng Lầm, Đống Mác, Trung Hiền, Cầu Dền đã mịt mờ tiềm thức chẳng có biển để nhắc nhớ. Chỉ có những con đường vươn dài, vươn mãi, vươn xa cho trung tâm Hà Nội nở bừng như hạt ngô nở ra bông hoa mai xòe rộng.

Hồ Gươm chật chội, đương nhiên. Ngoại ô không hiện hình cửa ô cụ thể, ngoại trừ chiếc cổng xây gạch Bát Tràng có lệnh quan Tổng đốc Hoàng Diệu nhắc quân quan không được những nhiễu dân lành: Ô Quan Chưởng, là chứng nhân duy nhất, nơi bà Thị Lộ từ Tây Hồ xuống đây bán chiếu, gặp người tình muôn kiếp là ngôi sao sáng Ức Trai.

Người Hà Nội hôm nay, ai còn quê quán những nẻo đường đi ra bốn phía, để ngày "ra đi" là ngày trở lại quê nhà? Bánh gai Ninh Giang, bánh dày Quán Gánh, vải Thanh Hà, Lục Ngạn, nhãn Hưng Yên, rau sắng Chùa Hương, hồng Hạc Trì, na Đồng Mỏ, chuối Phú Thọ... đã êm ru như nằm nôi mà vào nội thành Hà Nội.

Một ngày bình thường, có ai đi hết được những dặm ngoại ô đã hình thành và còn đang quy hoạch?

Từ những cái cổng tre phên có anh tuần đinh canh gác một thời xa thế kỷ đến bốn làn đường, sáu làn đường xe chạy... Hà Nội đang là vận động viên điền kinh thi tốc độ dung nạp người

đi bộ ba nghìn bước chân quanh Hồ Gươm, cho đến người lái máy bay vào thành phố Hồ Chí Minh, lên Điện Biên, ra Cát Bà... hay xuôi ngược sông Hồng trên tàu du lịch ghé bến Chèm hay lên bãi Tiên Dung để tự mình đo Hà Nội bằng cái thước đo tình yêu Hà Nội...

Ta bỗng cũng muốn làm cuộc đăng trình, ra cùng các nẻo ngoại ô khoáng đạt muôn trùng như thế.

1999

Đưa Nguyễn Hà đi

(Vô cùng tưởng nhớ Nguyễn Hà)

Có rất nhiều đêm mất ngủ hoặc không tự cho mình ngủ, tôi nằm im như xác chết để khỏi cho vợ biết rằng mình mất ngủ, chỉ có cái đầu cựa quậy và lẩm nhẩm một mình không thành tiếng. Lần theo từng đốt ngón tay mà đếm, hết các đốt ngón một bàn tay là một đốt của bàn tay kia, kiểu như chiếc bàn tính người Trung Hoa, que này là đơn vị, que tiếp sau là hàng chục, que kế là hàng trăm...

Từ khi dính vào bút mực, tôi đã quen biết bao nhiêu là bạn văn chương, từ những cây đại thụ, những lớp đàn anh, đến *"cùng một lứa bên trời lận đận"*, lớp đàn em... Nhiều lắm, hai bàn tay không tính hết. Chục rồi trăm, cho đến con số nghìn có lẻ.

Trần Huyền Trân đã:

Tôi nghe xa lắm làn mây trắng
Rời bóng kinh thành lững thững đi...

khi ông thực sự ra đi không lững thững chút nào vì phải tháo hết hai chi, người chỉ còn một khúc ngắn ngủn.

Quang Dũng với Sông Mã gầm lên khúc độc hành để rồi:

Mây ở đầu ô
mây lang thang

và khi ông "lang thang" thực sự thì đã phải nằm trên giường gần bốn năm trời, vần lên đặt xuống như một khúc gỗ nặng khi bà Thạch vợ ông, cho ông ăn uống hay tắm rửa cho ông.

Lữ Huy Nguyên mất đột ngột, chị Thúy Bắc còn đột ngột hơn, Đào Cảng mất ở Hải Phòng, Kim Ngọc Diệu ra đi từ Nam Định, Lai Vu từ Hà Tây hay vợ chồng Lưu Quang Vũ - Xuân Quỳnh tử nạn nơi chân cầu Phú Lương, Quỳnh mang theo đôi mắt "rất cười" còn Vũ hình như vẫn cưỡi cái xe đạp tàng tàng "Pơ Giô con vịt", kể cả cha của Vũ là ông Lưu Quang Thuận, người chiêu đãi tôi chén nước trà 5 xu nơi sân vận động Hàng Đẫy trước hôm ông rời bỏ chúng ta chỉ có vài ngày. Có lần ông nói vui: "Thằng Băng Sơn là thằng trẻ nhất trong những người già và già nhất trong những người trẻ", chẳng biết là chê hay khen nhưng tôi yêu mến cái nhận xét ấy. Và cũng giống như chuyện cả đời viết văn làm thơ, sách in không dưới vài chục tác phẩm, nhưng tôi không hề là Hội viên Hội nhà văn Việt Nam bởi Hội đồng thơ khi xét duyệt thì cho rằng văn xuôi tôi hay hơn, để sang bên đó, còn hội đồng văn xuôi thì cho rằng thơ tôi đọng lại hơn, xin xếp sang ban thơ, cuối cùng tôi không là hội viên của bất cứ bên nào cả.

Hồ Minh Hà khi chết cũng không là hội viên, anh thoát chết vì đốt cái nốt ruồi xuýt ung thư máu, phải nằm bệnh viện hơn năm trời, nhưng rồi cũng không thoát khỏi chuyến đi từ nhà tang lễ quân y phố Đốc Ngữ.

Tuân Nguyễn chết vì tai nạn ô tô ở gần cư xá Thanh Đa để lại một Phương Thúy bơ vơ xứ lạ, mà thương thay, anh từng viết câu thơ bất hủ khi nghe bài nhạc "Sông Đa Nuýp xanh": *Những con người nước lạ phải lòng nhau.* Bạn anh, Thúc Hà, người nổi tiếng vì bài thơ "Chờ con má nhé" và nổi tiếng vì câu nói của anh: "Tôi có ba cái nhất ở Hải Phòng: Thơ hay nhất, dạy văn giỏi nhất, và

vợ đẹp nhất". Quả là chị Thúc Hà đẹp thật, một giai nhân đích thực, nhưng Thúc Hà cũng đành để lại tất cả khi chiếc xe định mệnh cuốn anh đi về nẻo xa vời.

Tôi cũng từng đứng trong đám đông đưa tiễn Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Văn Cao, Bùi Xuân Phái, dự lễ truy điệu Chế Lan Viên, Hoài Thanh... nhưng cũng chỉ là đàn em mà chắc các ông không nhận ra trong một rừng chân người đứng đó và những cái đầu cúi xuống rưng rưng ngấn lệ.

May thay, bạn còn sống vẫn nhiều hơn. Tạ Vũ làm nhiều người khó chịu về cái nát rượu của anh. Trúc Thông thì cực đoan từ đời đến thơ. Cô em gái thuở hoa niên Hương Huyền bỏ thơ đi làm cô giáo, khi về hưu thì mắc bệnh suy tủy lay lắt ở Nha Trang biển gió. Lê Minh Hợi lại bỏ nghề dạy học để làm thơ, một cách làm ngược lại. Vũ Bão, người viết văn đầy dí dỏm nhưng chân tình, tuyên bố xanh rờn phải in được tác phẩm có đầu đề bắt đầu từ chữ A cho đến chữ Z, nay anh thực hiện đã gần đủ, đang nằm bệnh viện vẫn cười làm khối anh "vãi linh hồn" khi đọc văn anh. Cô bạn gái Phạm Hồ Thu không hề mang nghề phóng viên của mình vào những bài thơ da diết gai người, người to béo một cách hài hòa nhưng tự nhận là "đứa em bé bỏng" với người yêu. Đinh Quang Thành tóc trăng như mây không kể tuổi, thích được đèo tôi bằng xe máy lang thang sang các tỉnh bạn. Mai Nam cứ cười hà hà khi bị châm chích. Hoàng Quốc Hải bộc trực, không chịu được cái "lệch lạc" cả trong văn lẫn ngoài đời... Lê Tám cuối đời làm thơ chính trị, khác hẳn một thời xa, thơ anh dào dạt dưới bút danh Lương Danh Hiền, còn Huyền Tâm chuyên làm ca dao nổi tiếng với bài "Đóng nhanh lúa tốt" do Lê Lôi phổ nhạc, suốt một đời độc thân, đánh cờ một mình, khi mất, bạn bè truy điệu, phải làm lễ ngay ngoài vỉa hè phố Phùng Hưng và khi sống, thường lầu bầu với Lê Bầu phòng bên cạnh vì Lê để ánh sáng lọt qua khe liếp

làm Huyền không ngủ được. Còn Lê Bầu thì đích thực là lực điền, ăn to nói lớn, cười âm vang, da đen nhẻm, đi vững chắc như một con voi châu Phi và là một trong ngũ hổ Hà Nội.

Lữ Giang hay so sánh nhuận bút nơi này cao nơi kia thấp dù anh có bài "Tiếng đàn bầu" nổi tiếng nhưng đàn bầu mà kêu tích tịch tình tang thì cũng là cây đàn lạ. Một con hổ khác là Tạ Hữu Yên, nguyên đại tá bốn sao, ăn rất mặn, người chắc như một cây lim, có lẽ các nhà khoa học phải xem lại lý thuyết khuyên người già nên ăn nhạt để tránh bệnh cao huyết áp. Yên Thao, người có bài thơ "Nhà tôi" trong kháng chiến, nay thành ông Nguyễn Bảo trào phúng, khác hẳn câu thơ:

Nhà tôi ở dưới chân đồi

Có giàn hoa lý có người tôi thương

mà nước ngoài vừa dùng, trả ông 800 đô để đủ in một tập thơ tặng bạn bè, thơ cười và thơ khóc.

Ngô Quân Miện một đời làm thơ, hiền như đất thế mà cũng có lần bị "đảo chính" vì cái ghế Tổng biên tập một tờ báo. Ông chẳng cần, cứ lần lượt in hết tập thơ này đến tập thơ khác và còn đùa, tự riễu:

Miệng cười lấp lóa răng nhà nước

Mắt lão mơ màng kính quốc doanh

để nói về hàm răng quá yếu và đôi mắt cận thị của mình trong thời bao cấp phải khổ sở đi chữa răng mua kính thế nào.

Trong làng văn chương chữ nghĩa nhiều người cao thượng, trung thực, tài năng, tốt bụng, vô tư, hào phóng, thủy chung, tâm huyết... nhưng tránh sao đôi ba kẻ lách luồn, kiêu ngạo, lèo lá, sai ngoa chẳng kể làm gì. Với tôi, yêu thì gần, không hợp thì xa,

đã có đời phán xét, mình chẳng thể mua oán chuốc thù làm chi cho mệt.

Hàng nghìn người tôi điểm tên những đêm mất ngủ như thế, người còn kẻ mất người xa kẻ gần, kẻ già người trẻ, có người yêu tôi và chắc chắn có người ghét tôi lắm lắm. Đương nhiên thế, bởi thế mới là Đời.

Từ hôm Nguyễn Hà chết, tôi cứ nao nao. Biết trước từ vài năm rồi nhưng khi anh ra đi, tôi thấy hẫng hụt không gì bù được. Chợt mà mình tự trách, sao khi còn nhau, người thân kẻ sơ, mình nỡ lòng hời hợt, lảng xa.

Trần Huyền Trần làm bài thơ nhớ Thâm Tâm:

Ngoài phố mưa bay xuân bốc rượu

Tấc lòng mong mỏi cháy tê tê

Hỡi ơi bạn tác ngoài thiên hạ

Chẳng đọc thơ ta cũng ắt về...

Không, đó là bốn câu thơ của chính Thâm Tâm mà Huyền Trân họ Trần lấy làm tiêu đề, lấy làm cảm hứng, còn Huyền Trân thì:

... Ào ào năm tháng trôi mau

Xanh thêm ngọn cỏ - Người đâu không về.

và:

Nhớ người không uống rượu cay

Mưa rơi mái tóc mà say trong lòng...

Hình như những người ra đi đều để lại một cái gì chuếnh choáng ngất ngư trong lòng người còn lại. Vậy thì khi đang có nhau, sao ta nỡ hững hờ chểnh mảng với nhau?

Bây giờ đọc lại những câu thơ hay mà Tô Hà dầy công tìm tòi sắp xếp trong cuốn "Những câu thơ trong trí nhớ" muốn gặp lại Tô Hà, đâu còn có được? Sau khi anh nằm tạm ở Văn Điển thì anh còn đi đâu nữa hở Tô Hà?

May thay, vẫn còn đông (tuy không đủ) bạn bè trên mặt đất chứ không phải dưới mặt đất.

Bên kia cầu sông Cái, Thanh Hào vẫn thực thà và khờ khạo vẫn cần cù như thuở anh là thợ nhà in Ngô Tử Hạ, là người làm vườn ươm hạt bán cây giống. Anh bằng tuổi tôi, tuổi con Khỉ những bãi lở sông bồi, nhưng đạn bom hủy diệt, nhưng số phận đa đoan nên mặt anh ngang dọc những đường thời gian cầy sới, không kể cái buồng gan, cái khớp chân hành hạ lúc trở trời. Tùy bút của anh còn mộc mạc, thơ anh lắm lúc vụng về nhưng chẳng trách được chất nông dân còn đọng trong người từ lúc mẹ cha sinh. Anh là bó hoa vườn tặng ngày sinh bạn, là chùm khế mùa xuân đưa tiễn khách đến nhà, cứ lẳng lặng như đồng bãi ven đê.

Vân Long nữa, một nhà thơ luôn tự cách tân, luôn cựa quậy để tự thoát khỏi mình dù không phải lúc nào cũng thành công. Tôi biết Vân Long cùng lúc với biết Nguyễn Hà, chừng non nửa thế kỷ đầy biến động. Hết lòng với bạn, hào phóng sẻ chia, long đong mấy đận, nhưng anh là người chí tình với bạn, chính anh đã nhiều lần cứu tôi cả vật chất lẫn tinh thần những lần tôi lao đao khốn khó. Tuy nhiên, rồi đường thơ của anh và tôi dần xa nhau, khoảng cách cứ dãn dần ra, dãn dần ra dù chúng tôi không có gì mâu thuẫn, không hề giận nhau vì tiền tài hay danh vọng. Trước khi anh bạt đi Hải Phòng 15 năm thì Nguyễn Hà cũng bạt đi chừng ấy thời gian miền Vĩnh Phú. Đã nhiều lần chúng tôi đi thăm nhau, vượt đường xa bằng xe đạp để ăn bữa cơm tập thể ba hào hay thức với nhau vài đêm thơ cho đỡ nhớ. Có người nhận xét trong thơ

anh, tôi không có bóng hình mình. Anh hay viết về những người nổi tiếng, không sao, nếu tôi không có trong thơ anh là tại tôi thôi, có thể chỉ còn là hoài niệm xa xôi về một thời trẻ tuổi, còn bây giờ anh là nhà thơ hay triết lý, còn tôi là người viết tùy bút đầy cảm tính, khác xa nhau.

Với Nguyễn Hà thì có khác. Vân Long không thân Nguyễn như tôi thân với Nguyễn. Không hiểu do đường đời chia ngả hay tính cách, sở trường? Thì cứ để nguyên như thế để thời gian thẩm định, khi Nguyễn đã ra đi, đã tro tàn trên mặt sóng, đã lạnh cỏ nơi quê Phùng, đã không bao giờ Hà Nội nữa.

Một tháng lẻ bốn ngày Hà nằm bệnh viện Giao thông ở đường Láng, cách nhà cũ cụ Tú Mỡ ngàn bước chân. Tôi biết Hà sẽ không bao giờ trở về tầng bốn khu tập thể Thành Công nữa. Cái ống truyền huyết thanh không rời cánh tay. Cái bình dưỡng khí không rời lỗ mũi. Một ngày nắng đẹp, Đình An phóng viên ảnh của Báo ảnh Việt Nam kéo tôi đi chụp ảnh các cửa ô và nhân thể vào thăm Nguyễn Hà, anh đã chụp được bức ảnh cuối cùng, bốn ngày trước khi Hà thành con ma tro khói.

Tôi từng đi với Nguyễn Hà bằng máy bay, tàu thủy, xe lửa, ô tô, xe máy, xe đạp, đi bộ, rong ruổi bao nhiêu dặm trường đất nước từ Hạ Long đến Phú Quốc, từ Nha Trang đến Đền Hùng, từ Sơn Tây đến Hải Dương... nhưng sáng ngày 14-8-1999, lần đầu tiên tôi với Nguyễn đi chung một chiếc xe hòm, tôi ngồi, còn anh nằm, đắp tấm vải trắng lạnh lùng câm nín, ngay trên sàn xe, đi từ đường Láng về nhà tang lễ Phùng Hưng, vào ngủ tiếp trong phòng lạnh, lạnh một đời người, lạnh đến ngàn năm.

Một ngồi, một nằm, chuyến xe cứ như đi trong vần vũ khấp khênh của Truyện Kiều chia biệt, mà không ai biết có một nhà thơ từ nay không bao giờ làm thơ nữa.

Ngay hôm ấy bạn bè đều được loan tin. Trần Quốc Vượng đúng lúc ấy bị ngã chẹo xương sống nên theo gợi ý của nhà văn Hoàng Ngọc Hà, Hội nhà văn Hà Nội sẽ phải có điếu văn mà phụ nữ thì đọc không tiện. Thế là mọi người nhớ đến Vũ Bão. Vũ Bão sẽ phải thay mặt anh em nhà văn khóc tiễn Nguyễn Hà lần cuối, thay cho Trần Quốc Vượng. Chiều 14-8-1999, trên đường Bờ Hồ, tôi kể cho Vũ những gì tôi biết về Nguyễn, cứ như tôi tự thuộc mình, mà Vũ cũng không cần ghi chép vì quá biết rõ về nhau. Hà ơi, cốc sấu dầm lạnh từ ruột gan nên không ai dám uống. Kinh Thi của Nguyễn còn đang nằm trong nhà in, chỉ có *Hà Thành hương và vị* tôi luôn để trong cái túi vải bên sườn mang theo có chữ ký của Hà. Lúc ấy tôi cũng chưa hình dung ra Nguyễn sẽ còn hiện về, lảng vảng hồn ma với tôi bao nhiêu ngày đêm nữa như anh từng đến tôi hàng ngày, đòi cốc trà đường và điếu thuốc Thủ Đô, bất chấp thầy thuốc và chị Thúy Mai bắt anh kiêng cữ, hoặc anh trên tầng tư, để riêng một cái tách sứ, cái đĩa và cái cùi dìa bạc dành cho một mình tôi khi chúng tôi gặp nhau dù mùa đông hay mùa hạ, dù mùa được cành đào thế Nhật Tân hay ký tặng nhau cuốn sách vừa còn thơm mực, do Nhà xuất bản Văn hóa Quang Huy hay nhà Hà Nội Đỗ Ninh hoàn toàn bao cấp...

Ngày 16-8-1999, nhà tang lễ Phùng Hưng đông nghịt. Hơn bốn chục tòa soạn báo, hơn hai trăm cây bút, khoảng gần chục nhà xuất bản, kể cả Hà Tây và Bộ Thủy sản nơi anh từng công tác trong phòng tuyên truyền. Nguyễn Hà nằm im lặng, hốc hác vì suy kiệt toàn thân bởi bệnh đái tháo đường biến chứng vào gan vào phổi, không hiểu anh có nghe thấy người của ban tổ chức là Nguyễn Kế Nghiệp tuyên bố lời mặc niệm, tiếng khóc của Vũ Bão, của Phan Văn Đà, của vợ con, bè bạn, họ hàng, láng giềng, con nuôi, người được anh từng bênh vực... và anh có nhận bài thơ tôi đốt thành tro trước bình hương rờn rợn.

Tôi cứ tưởng như Nguyễn Hà đang ngủ hay đang đứng phía sau lưng tôi, đang trao bài cho Đỗ Hóa, đang góp ý với Trần Xuân, đang tranh luận ở báo Người Hà Nội, cho anh kia là dốt nát, hợm hĩnh hay đang gặp Nguyễn Triều ở báo Hà Nội Mới chủ nhật để đưa bài về phố phường Hà Nội, mà cũng có thể anh đang kể chuyện cười Văn Lang ở lưng chừng Tam Đảo, ở nhà vợ chồng Nguyễn Bùi Vợi - Đỗ Thị Từ hoặc đang uống rượu thi với bà chủ tịch công đoàn tỉnh Hòa Bình trong đêm Kim Bôi... Anh cứ hiện diện trong đám người đi tiễn một ai bạn thân đang nằm trong kia chứ không phải là anh, như hôm nào chúng tôi đi tiễn Lữ Huy Nguyên, Phạm Gia Bình, Phan Kế Hoành, Nguyễn Thái Vận, Doãn Trang hay chị Vũ Mỵ Hằng con gái nhà văn Vũ Trọng Phụng. Anh sắp nói một câu gì nhỉ? Lau nước mắt - anh vốn mau nước mắt - rồi tạt vào cái quán bất kỳ, tôi uống cà phê nâu còn anh gọi cốc cam vắt ít đường để hứa hẹn sống sang thiên niên kỷ III, in thêm vài chục cuốn thơ và phóng sự... rồi lại tiếp tục rong du Đông Đoài Nam Bắc.

Không thể nghĩ rằng chúng tôi lại đưa anh vào đài hóa thân Hoàn Vũ để ba ngày sau đó, lên cầu Thăng Long lộng gió và ào ào con lũ đang lên, chị Thúy Mai, con trai, anh Đinh Quang Thành, Vũ Bão và tôi, tung bình tro vào bầu trời đầy thu để đưa anh ra biển cả cho anh tiếp tục một đời lang bạt hải hồ mà anh hằng ưa thích.

Thả mười bông hồng đỏ, thứ hoa anh thường mua cắm để đón tôi những hôm tôi hẹn đến, tôi thầm nói không hiểu anh có nghe không: Nguyễn Hà ơi, Huyền Sơn ơi, tối nay là cậu ra đến biển rồi...

Nhưng hình như không phải. Tối đó và nhiều ngày sau này nữa, Nguyễn cứ đến thăm tôi như ma ám. Tôi thấy căn gác phố Lê Văn Hưu của mình đầy tràn Nguyễn Hà, bảng lảng Nguyễn

Hà, mông lung Nguyễn Hà. Anh im lặng ngồi xuống ghế, anh im lặng nhìn tôi, cúi xuống trang bản thảo cùng tôi. Không hiểu tại sao tự nhiên con chó của tôi lại vẫy đuôi? Nó ngủ mơ hay thấy Nguyễn Hà đang đến?

Nửa tháng trời, tôi viết hơn chục bài thơ toàn về Nguyễn. Trần Huyền Trân khóc Thâm Tâm, Thâm Tâm bảo:

Hỡi ơi bạn tác ngoài thiên hạ

Chẳng đọc thơ ta ắt cũng về...

Thơ tôi, bài nào mà Nguyễn chẳng đọc từ bản thảo. Nhưng những bài thơ về Nguyễn này, sao Nguyễn không một lần đọc nữa? Anh không khen chê, cũng không sửa chữa. Anh chỉ im lặng. Bây giờ tôi mới cảm thấy mất thật sự Nguyễn rồi. Anh sẽ không bao giờ đọc thơ tôi nữa dù là viết về anh hay về Liêu Trai, về hoa đào, về mùa thu Hà Nội gì gì...

Một hôm Giàng A Thênh đưa cho tôi xem cuốn băng hình tôi và Nguyễn lên Đồng Mô có vợ chồng Cường - Vi đi cùng. Tôi tưởng Nguyễn từ trong phim đang bước ra vì nghe rõ tiếng anh cười khi hai chúng tôi nảy ra ý đồ mở chợ hoa "Đào thế Thăng Long", trưng bày 100 cây đào thế kèm thơ đề và rượu nút lá chuối vào tết 1996. Khi máy tắt, Nguyễn biến đi ngay, chỉ dư âm nhịp cười không tắt, tôi và anh Thênh lặng nhìn nhau không nói. Chắc Nguyễn Hà đang đứng xen vào giữa tôi và Thênh không chỉ chiều hôm ấy mà cả chiều nay trời đang tắt lịm hoàng hôn đầu thu.

Nguyễn Tuân từng nói: Khi ông chết hãy chôn theo ông một anh phê bình. Nguyễn không nói thế, anh chỉ nói với tôi có hai từ suốt hơn tháng nằm trong bệnh viện: "Tiếc quá". Nhưng với tôi, Hà mang đi của tôi nhiều hồn lắm, nhiều tình lắm, nhiều nước mắt lặng thầm một mình lắm.

Lời *Tin buồn* trên truyền hình đã xóa. Nhưng điện thoại và thư tôi nhận được để chia buồn không ít, kể cả người đi xa không kịp về đưa tiễn hay người không biết anh "đi".

Nguyễn Khuyến biệt Dương Khuê, Huy Cận biệt Xuân Diệu, Trần Lê Văn biệt Quang Dũng... không hiểu đau đớn thế nào? Riêng tôi, mất Nguyễn Hà thì nỗi biệt này hình như tôi vẫn không chấp nhận, cứ như Nguyễn đang mải đi đâu đó vài ba ngày, tôi phải đi lĩnh nhuận bút và báo biếu để đem về cho chị Thúy Mai, và khi đặt tất cả lên bàn thờ, tôi mới ngờ ngợ rằng tôi không còn Nguyễn.

Tôi còn nhiều bạn thân sơ khác nữa. Không hiểu hôm đưa tang, ai đã nói với tôi: "Lúc này, khi Nguyễn Hà không còn, mới thấm thía một điều: Tại sao khi sống, ta hờ hững, ít yêu thương... để rồi lúc này đây ân hận..." Nguyễn Bùi Vợi chăng? Vũ Quần Phương chăng? Lê Huy Quang chăng? Ai nói thì cũng đúng. Và ai rồi cũng phải như Thâm Tâm, Nguyễn Hà, Thạch Lam, Dương Quảng... nhưng day dứt nỗi niềm đâu dễ nguôi ngoai, hỡi những ai từng quá lạnh lùng cùng bè bạn để rồi thấy bạn về đầy hồn mình mà không trò chuyện được.

15 ngày sau khi Nguyễn Hà ra đi.

(29-8-1999)

Bứt rứt

Có những chiều như thế, có phải "Nhàn cư vi bứt rứt" (không phải là vi bất thiện), tâm hồn ta như thừa ra một cái gì, thiếu vắng những cái gì, không rõ rệt chỉ mang máng như một khuôn mặt người nào cố nhớ mãi xem gặp ở đâu, tên là gì mà không thể nhớ.

Vẫn là bầu trời quen thuộc với khung cửa sổ có chấn song mà ta tự nguyện làm người tù của chính mình một đời vừa thật dài vừa thật ngắn, vẫn là những âm thanh quen thuộc vừa ồn ào vừa lặng tờ từ tiếng chọc tiết lợn òng ọc đến nỉ non lời dế kêu thu, tiếng bộ óc ta cựa mình không ngủ.

Hình như lưỡi đắng vì thiếu một ngụm trà thơm, một làn khói mỏng, một giọt mưa lạnh toát cho đổi thay cảm giác nhàm chán đời thường... nhưng cũng hình như là thừa ra tiếng tích tắc quá chậm chạp của chiếc đồng hồ vô cảm, thừa ra mười ngón tay không biết làm gì, không biết bấu víu vào đâu cho mạch máu trong đó đỡ rần rật phí hoài hết khua lên lại buông xuống, như hình nộm con rối đã bị tháo hết dây điều khiển, nó rủ xuống, nó tàn tạ đi cùng xó tối...

Muốn về thăm quê, một miền yêu thương xa tít tận cuối trời có hoa vàng và gió tím, có bãi mượt và mây đùa, có sóng xanh và cánh buồm ảo mộng... nhưng bứt rứt thế lòng ơi, làm gì có một

quê hương như thế của riêng ta, kẻ lang bạt mấy đời, bản quán chỉ còn là tưởng tượng, chỉ là câu chuyện kể xa xăm của tiền nhân đã đi vào vĩnh viễn, để ta lại cho con quái vật thành phố nuốt chửng ta vào lòng nó đầy chật chội và vội vàng hối hả, căng ra như sợi dây nỏ sắp bật tên. Thảm thương cho ta, kiếp không còn quê quán, không nơi nương tựa nét hồn, không còn chỗ ấm êm mà gửi gắm. Lờ mờ đến nỗi ta không nhìn rõ cả nét mặt mẹ cha vì lâu quá rồi ta tự xa lạ với chính mình trong vật lộn. Bỗng tự xót thương tủi phận, mai kia ta chết, mảnh đất nào là nơi ta lấy làm giường vĩnh viễn, cỏ vàng hay tạm ba năm, khói bốc hay lửa điện nghìn độ, tro ta bay trên ngọn sóng sông dài hay lưng một ngọn đồi heo hút trẻ chăn trâu tha hồ giẫm đạp? Không có quê mà về, sống đã thảm mà chết còn thảm hơn biết bao nhiêu?

Đọc tờ báo có dòng tin cáo phó, in dòng chữ:

...An táng tại quê nhà...

làm ta mủi lòng càng bứt rứt những chiều thừa cả hồn mình trong nỗi một mình. Đồng Vua, Đống Mả Tầu, Ao Voi, cánh Bãi Soi, Đầm Cò... của Hà Nam, Nam Định, của Hưng Yên Hải Dương, của Thanh Hóa Nghệ An, của Sơn Tây Bắc Ninh, của Bắc Giang Phú Thọ... chẳng nơi nào dành cho ta một chỗ, dù chỉ nửa thước vuông sâu hút.

Thương mình bỗng lại thương người. kẻ xa xứ biệt làng tận nửa vòng trời bể, nằm hiu hắt giữa nước người toàn tiếng nói xi xô, hẳn trước khi ta bắt chuồn chuồn, bộ óc đã hiện lên ngọn cỏ may nghĩa địa xa vời thơ ấu nhưng không còn cách, không bao giờ còn cách trở về.

Bứt rứt chiều trống trải. Hay là đi ra đường nhỉ? Đi đâu trong ánh chiều vàng vọt cuối thu đã tơi bời cả câu thơ nức nở:

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san...

Đây là thành phố, làm gì có quan san, quan tái, biên thùy. Làm gì có hoa lau giạt về một chiều gió thổi như cái bờm ngựa mệt mỏi gục vào hoàng hôn không một chút hơi người.

Cái ngã tư quen thuộc kia, không ai nhìn ta, không ai biết ta, không ai ngoái lại hay vẫy ta một lời xã giao lạnh nhạt. Gốc cây xù xì ta biết nó từ phút đầu tiên còn phải quây bằng chiếc lốp xe đạp hỏng và những mảnh sắt tây thừa nhọn hoắt (gọi là Đề sê) nay nó vươn cao, nó cũng vô tình, cũng thờ ơ mặc cho gió đi qua, mặc cho hồn ta khoác lên mà nó không thèm nhận...

Ta thành cái bóng thừa vô dụng của chính ta. Hay là ta chẳng để lại được gì cho cuộc đời này, dù chỉ là hạt bụi, chỉ là chiếc là dưới bánh xe quay?

Nguyễn Tuân từng viết cuốn tùy bút dài: *Thiếu quê hương*, nhưng khi in lại thành tên *Quê hương*, bỏ đi chữ thiếu. Những ngọn núi Ô Quy Hồ, ngọn núi Cai Kinh, ngọn đồi Phủ Liễn, ngọn đỉnh Hy Cương... những con sông cuồn cuộn rồng bơi hay chỉ là chiếc lạch quèn, lội qua không cần vén chiếc váy ngắn, nào sông Neo, sông Luộc, sông Văn Thai, sông Tràng Kênh, sông Vọ Bè... Cầu Chày, sông Cà Lồ, sông Xóm Chùa, sông Cô Gái Chửa Hoang... cái gì là của ta, cái gì để cho ta? Chẳng gì cả mới đớn đau và bứt rứt chứ.

Một đời lầm lỡ là đã trót bỏ quê hương. Nhưng đâu phải tại ta này. Cụ nội ta, ông nội ta, cha ta đấy chứ. Ta là hạt mưa tự nhiên rơi xuống trong cái đêm mộng my người xưa tình cờ như chiếc lá thứ một triệu, thứ mười triệu của cây long não, xà cừ đã trăm năm đứng trên hè phố. Nó xanh và nó rụng, chẳng hề ai biết. Nó mưa và nó nắng đời cứ vô tình mặc kệ. Đã có một lúc nào nó bứt rứt như chiều nay ta thừa ta và thiếu ta trong bứt rứt?

Không hiểu ai là hậu duệ của người dân đi theo Lý Thái Tổ từ Hoa Lư ra Đại La? Nghìn năm rồi. Ba mươi thế hệ rồi. Quê cũ nếu còn thì vương vấn một chút Cổ Pháp, Đình Bảng hay rặng đá vôi cuối cùng châu thổ? Đất này, *tứ chiếng* đã thành bản địa. Tiếng nói pha trộn, dấu hỏi là dấu ngã, chữ lờ và chữ nờ, những cuộc di rời ào ạt để thành phố mang trong lòng nó người không quê mà người còn đậm chất quê riêng, và khi "tin buồn" đăng lên, làm nao nao kẻ khốn cùng không đất cũ.

Ta đứng bên hồ từ lúc nào không biết. Đang có phong trào chiều chiều người ta đua nhau tập đi bộ quanh hồ. Giày vải và quần soóc, đi như ma đuổi, hở cả bộ đùi phốp pháp như khoe cái thừa ăn thừa mặc ngộn nghện căng sức nên sợ cái chết đến mau. Không ai cấm, cũng không ai cười, và có khi cũng không ai thèm nhìn, vì đã thừa mứa những điều kỳ lạ của một thành phố có hàng trăm thành phần thi nhau khoe cách sống.

Trong số ấy, ai còn nhớ một mảnh hồn làng có lũy tre và hương hoa cau, ai còn mênh mang một làn trăng đêm hè rười rượi? Son phấn có thể xóa mờ đi nhiều thứ.

Có ai trong số ấy bứt rứt vì một ngày đang qua đi vô ích, cánh tay thừa ra vì không biết làm gì, không có gì để làm, không biết bấu víu vào đâu?

Chợt nhớ câu thơ Nguyễn Bính dịch:

Nửa đêm cái hẹn qua rồi
Quân cờ gõ nhẩm làm rơi hoa đèn

Cái ông thi sĩ nặng lòng quê ấy, nửa đêm một mình không bạn, thắp đĩa đèn dầu lạc mà chơi cờ một mình mới buồn đến nỗi gõ quân cờ xương làm động cả quỷ thần hoang vắng, khiến ngọn đèn

rung lên, giật lên, rụng chiếc hoa đèn vào tâm sự… Còn mấy cụ ngồi kia, mấy anh ngồi đó, bứt rứt nỗi gì mà tranh cãi, chí chát quân cờ nhựa cho qua nhanh ngày tàn không thương tiếc?

Không hiểu những chí chát quân cờ ấy có làm vơi đi những cảm xúc thơ không, bởi nay, nhiều người làm thơ lắm. Có thể lấy thúng mà đong thơ, lấy tàu mà chở thơ không hết. Nào là *Tiềm ẩn*, nào là *Tiếp cận*, nào là *Vừa quen vừa lạ*, nào là *Cỏ là chỉ có đấy thôi*… nào là *cô đơn* và *môi hôn* nữa… Thơ cũng như bàn cờ, cho mọi người một cách hào phóng không kể xiết, ai muốn bao nhiêu cũng được vì thế mà có một Xuân Diệu lại có thêm Nguyễn Xuân Diệu, Lê Xuân Diệu, Trần Xuân Diệu, Bùi Xuân Diệu, Hoàng Xuân Diệu và vân vân Xuân Diệu… đến hoa cả mắt.

Mỗi chiều như thế này, một vòng bờ hồ có mấy vạn người? Trong đó có bao nhiêu nhà thơ còn "tiềm ẩn"? Ta lẩn thẩn tự hỏi mà không biết có ai dám trả lời câu hỏi ngây ngô ấy?

Đi một vòng ba nghìn bước chân vì không ngồi, không dựa cái xe đạp vào gốc cây nên anh mũ kê pi áo xám tay đeo băng đỏ không đuổi. Thì ra bờ hồ vẫn còn là của mình, của người chân đất, của mấy người nghèo. Tưởng đi như thế lòng đỡ một phần bứt rứt, nhưng té ra không phải, vẫn có những con rôm bò trong hồn, cắn trong lòng.

Đành để lại làn tóc liễu cho chiều và ánh nước cho đêm, ta gánh nỗi bứt rứt trở về nơi ta đang chất chứa niềm mong có một quê xa mà tưởng vọng.

Giờ này, từ các nẻo ngoại ô, ai đang vào thành phố từ những con đường thiên lý? Ai đang ra đi, tỏa ra các ngả về tứ trấn phên giậu của kinh thành? Hình như những nơi ấy, con người không có thì giờ mà bứt rứt, con người không có bốn tay, sáu tay để làm kịp

những điều cần làm, không có đủ những ngày đêm cho năng lực phát huy...

Ta bứt rứt, ta thành vô lý, ta thành cái bóng mịt mùng vô tích sự mất rồi.

1999

Cuối giêng

Cuối giêng. Lộng nồm. Tết đã ngủ yên dưới đáy bát nhang. Những người quét rác đã làm đám ma cho không biết bao nhiêu cành đào tàn rữa, màu hoa nhợt sắc chết trôi. Đêm nằm, đắp chăn thì nồng nồng, không đắp thì gai gai đôi vai, chợt nhớ đến người bạn cũ xấu số, yểu mệnh là kịch sĩ Khôi Viên, lúc khổ nghèo từng phải đi làm nghề gãi chân thuê cho mấy chú khách Sầm Công, những ngày như thế này, bà chủ đắp chăn, bắt anh phải ngồi phe phẩy chiếc quạt và gãi vào gan bàn chân cho bà thiu thiu. Anh mà quên quạt, làm bà tỉnh giấc, anh ăn liền mấy cái đạp vào mặt ngay, vì vậy suốt một đời, anh không thể quên cảnh đó, kể cả màu bắp chân trắng ngần nõn chuối mịn màng như có thể ăn được mà anh có nhiệm vụ phải làm cho nó mát trong cái ấm nồng.

Cuối giêng. Lộng nồm. Ngoài đường phố, những cây cơm nguội đã xanh rờn lộc biếc, những cây sưa thả hết lá cho trời để sắp sửa đón tuyết băng Bắc cực về làm hoa trắng đậu khắp các cành thấp cành cao. Đường phố ứ xe máy, loại phành phạch, loại rì rì, loại kêu thét... có bao nhiêu là váy khoe đùi như người đàn bà Hoa Kiều trước đây nửa thế kỷ bắt người quạt thuê kia làm mát. Bít tất màu da chân khiêu khích. Màu tuyết nhung mơ màng. Màu đen huyễn hoặc đầy bí mật. Màu da đồng hứa hẹn mê tơi, cả màu da thực sự trắng nõn và nâu bóng, gầy guộc và mũm mĩm,

khẳng khiu và tú hụ... không hiểu có là một trong những nguyên nhân làm cho những con mắt hếch lên, đuổi theo, nên lạng tay lái và đâm chết, làm vỡ sọ, gãy chân những ông già loạng choạng ngay cạnh vỉa hè?

Chưa bao giờ đường phố Hà Nội lại nhiều xe máy như ngày nay, nhiều đến nỗi chỉ có thể lấy các con số hàng ăn uống vỉa hè và nhà hàng ra mới đọ được.

Có những chiếc xe quý tộc chở những bộ đùi trắng hếch lên như nói "hãy nhìn vào đây..." thì cũng có những chiếc xe chở trên tay lái mấy chục con gà con ngan vội vàng xé gió đến một cái chợ nào đó, hai bánh xe còn mang cả màu bụi đỏ, ý chừng nó đã đi từ một nẻo trung du nào đó về đây, lam lũ, thực dụng, bất cần... Hàng ăn cũng vậy. Đói khát chăng? Không. Thừa mứa là khác mới có nhiều xô bồ đến thế. Hình thành một lớp người không đi quạt thuê hôm cuối giêng lộng nồm, mà là loại người đứng giữa đường, giơ tay bắt khách, tranh nhau giữ xe, đưa khách vào quán bia, như ở phố Phan Chu Trinh, Nguyễn Du... các quán "Bò tùng xẻo", cũng như sinh ra một loạt người trông xe đạp tận khuya ở các quán hát "kao kê" để ở trong kia người ta làm gì nhau, những người này ở bên ngoài không cần biết, miễn là ngày có hai bữa cơm để tạm xa đồng ruộng lúc nông nhàn, và cũng nhàn hơn mấy anh có chiếc xe đạp "cởi truồng" và cái sọt long cạp đi chở thuê phế thải xây dựng, mắt trước mắt sau, đổ ụp xuống ven đê hay chân cột đèn nào đó để làm khổ thêm mấy chị "môi trường" phải xúc vào xe ba bánh lúc nửa đêm...

Cuối giêng. Lộng nồm. Xung quanh Bờ Hồ Gươm đã thấy đôi ba bàn cờ thế, hai người đánh cờ thì im lặng, nhưng người đứng người ngồi xung quanh thì bão nổi đùng đùng tranh cãi. Cờ ngoài bài trong là vậy. Có mấy cái biển "Cấm để xe đạp xe máy và hàng

rong bán ở đây" rải rác quanh hồ, cũng anh áo xám mũ kê pi đi đuổi, nhưng xem ra thật buồn cười. Tại sao lại không cho người ngồi hóng gió mát để xe bên cạnh mình ngay trong khu vực rộng rãi như phía tây Bờ Hồ? Chả lẽ mấy cụ về hưu, mấy bà đi tập vì di chứng mạch máu não ra đây lại phải đi gửi xe ở phố khác rồi mới được vào với gió hồ và bầu trời thành phố của mình? Có nhiều cụ đã đề nghị xem xét lại cái quyết định vô lý này. Còn cấm hàng rong ư? Ta có thể gặp đậm đặc những người nghèo khó đi bán nước chè pha sẵn trong chai nhựa (để dễ chạy), củ đậu, hạt bí, bánh đa, quả cóc, múi bưởi, gói ô mai, kẹo cao su... nghĩa là những thứ quà rẻ tiền nhất. Người bán hàng ấy là ai? Một chị đi rong bán bánh rán, áo vá, một em bé "đeo" khách nước ngoài nhằng nhẵng như đỉa, một cô bé bán nước ngô luộc, một bà nạ dòng xem chừng cán bộ về hưu... họ nhớn nhác, lủi như chạch, lấm lét, giục khách uống nhanh, vứt toẹt cái lá bánh để chạy vội khi thoáng bóng anh cảnh sát. Sao thế? Có biển cấm nhưng đâu có cấm được. Lệnh ban ra mà không hiệu quả. Thà bỏ cái biển đi có lẽ hơn, cho nó khỏi chờn, khỏi thành tiền lệ để coi thường pháp luật.

Cuối giêng. Lộng nồm. Hàng kem chưa đông khách. Nhưng cái quán ở Bờ Hồ tự nhiên thành độc quyền, tăng giá kem lên hàng chục lần, trong khi thông báo về giá cả hàng ngày trên các báo nói rằng mọi thứ nguyên liệu lương thực, thực phẩm ổn định, chỉ tăng nhẹ, nhích lên chút ít, nghĩa là giá chỉ tăng vài phần nghìn, thậm chí một phần trăm; hóa ra có cái gì đó mập mờ khó hiểu.

Cuối giêng. Các báo lại đều ra sau số tết gộp số và không gộp số. Sướng nhất có lẽ là người đọc báo bây giờ. Đến mấy "chợ báo": Hàng Trống, Tràng Tiền, Lý Thường Kiệt, cuối Bà Triệu v.v... cứ gặp xanh đỏ tím vàng hoa cả mắt, tha hồ chọn, tha hồ tìm, đọc nhờ mấy cái đầu đề, không mua tờ nào, cũng không sao. Cô bưu điện, cậu bán hàng... vẫn cứ tươi cười như người thân

thuộc. Loại báo thể thao và vụ án xem chừng vượt lên chuyện văn chương thơ phú. Nhiều nhà văn nhà thơ phải đi viết báo để sống (một cách lương thiện) thậm chí có anh lao cả vào chuyện bình luận bóng đá, nhưng chỉ sau vài bài, anh không có chuyên môn nên bài anh sai toét và nhạt hoẹt, làng thể thao cười và chê, chả biết anh "bình luận viên bất đắc dĩ" này sẽ bình cái gì và luận cái gì nữa đây?

Một thành phố có triệu nét sinh hoạt đời thường. Từ 5 giờ sáng mấy cụ rủ nhau ra bãi cỏ tập dưỡng sinh đến khuya đêm, anh bán bánh khúc "lóng" đạp xe bán rao... khóc cười đủ cả. Nhà tang lễ hết đám này đến đám khác. Các nhà hàng tổ chức lễ cưới dập dìu ríu rít. Quảng cáo thông tắc vệ sinh và cho thuê xe đi lễ... chen nhau trong cơ chế thị trường, nói cách khác là một cái chợ với đầy đủ nét "văn hóa chợ búa" cạnh tranh...

Duy có một điều rất vui là không như đôi ba nước khác, với những tin nổ bom khủng bố. Thật rợn người. Hà Nội yên tâm khi đi ra đường, từ bến tàu bến xe, nhà ga, siêu thị... thanh thản trong nhộn nhịp. Đó là lời một ông già về hưu hàng ngày đạp xe rong phố, cho mái tóc bạc bay tung cùng gió thành thị, ông chẳng làm phiền đến ai và cũng chẳng ai làm phiền gì ông, ngoại trừ ông ghét cay ghét đắng kiểu vào siêu thị phải gửi túi bên ngoài, cứ như khách sắp thành tên ăn cắp nên người coi chợ phải cảnh giác dè chừng.

Cuối giêng. Lộng nồm. Thời tiết Hà Nội đang mê hoặc lòng người. Đẹp. Đẹp một cách não nùng và hào sảng khi cây quanh hồ đang sắp bật lên những loài hoa quý đợi chờ.

Ngày muộn

Một chiều chống chếnh tâm hồn, tôi chợt nhớ đến hai câu thơ của Thâm Tâm, có vẻ vừa vô nghĩa vừa sâu sắc, có sức âm vang lay động từ một thuở tóc mình xanh mướt vô tư.

Cuối thu mưa nát lòng dâu biển

Ngày muộn chuông đau chuyện đá vàng...

Năm nay sau tết, vào xuân sớm nên vắng thứ mưa bay cho lữ thứ nhớ về tóc liễu Hồ Gươm rũ rượi nỗi "lệ ngàn hàng..." (thơ Xuân Diệu). Hàng cây long não cổ thụ phố Lê vẫn óng ánh màu quan lục thẫm nhưng đã bật ra những cái búp thẹn thò chập chững, có lẽ chúng đang đợi chờ những con sâu cước từ một nẻo trung du theo gió bay về ăn màu xanh lá mạ mà dệt kén say sưa...

Đúng là ngoài cửa kia ngày muộn đang dâng. Mình may mắn chẳng như thi sĩ yểu mệnh chết trên rừng vì sốt rét sau một đời tài hoa mà bạc phận, có ngày đến nhà xuất bản xin ứng trước mà ông chủ nhà xuất bản ấy còn nỡ nói vỗ mặt: "Ông dừng vay trước thì hơn..." (Chuyện này do nhà văn Thanh Châu kể lại). Chuyện đá vàng của mình xuôn xẻ, hai mái đầu bạch kim trắng cước vẫn gần kề rủ rỉ suốt gần nửa thế kỷ ấm êm, càng không như một bài thơ in trong *Xuân thu Nhã tập:*

Duyên trăm năm đứt đoạn

Tình một thưở còn hương...

hình như của Đoàn Phú Tứ từng rất sang trọng, mặc complê đũi nhưng rồi có giai đoạn phải ra chợ Châu Long nhặt rau thừa về nuôi lợn để lợn nuôi mình...

Ngày muộn. Tình muộn. Ta cũng sống đến đời muộn rồi chăng khi chiều xuân không hoàng hôn có những núi mây đồ sộ ngổn ngang, mà chỉ bàng bạc một nỗi mang mang lất vất...?

Phải. Từng có những hoàng hôn đỏ khé chân trời, lóe tia dẻ quạt như trong tranh Thánh của La Mã từ mấy nghìn năm do những con người khổng lồ thoát ra khỏi thời Trung cổ vẽ. Lại từng có những hiu hiu chiều lan tỏa, cái dải lụa sương lam nơi chân tre tịch mịch và lưng đồi trụng du thoai thoải như để cho chiều muộn trôi nhanh xuống những bờ mương và mái lá chỉ có tiếng cọn nước điểm nhịp thời gian...

Chiều muộn. Ngày muộn... Ga xép, tàu dừng... để lại tiếp tục đi xa...

Hiu hắt do cảnh quan hay tại lòng người trong đó? Những tiếng chuông thu không ta không nhìn thấy nhưng nó có thực, nó tô màu vào chiều muộn đến nao lòng khi con gà xáo xác vỗ cánh lên chuồng, khi con trâu được tha, uể oải chân về sau một ngày oằn sừng kéo mặt đất lên, khi anh đi câu vác cần trở về, rửa đôi chân lấm nơi bờ ao nghe sung rụng vào mặt ao hay vào lòng mình.

Một thời chưa xa, không có điện. Chiều muộn, người gác ghi phải sửa soạn những chiếc đèn vuông kính xanh kính đỏ để ông xếp ga đón tàu và mang hai cái ra hai đầu ghi treo lên tù mù như mắt con ma chớp đón con tàu xuôi ngược... Ngày muộn. Ai thành phố vội về, tốc cái xe máy mã hồi hối hả, ai gác mái chèo, bắc tấm ván lên bờ sai con trẻ đi mua cút rượu cho thuyền cũng nghiêng ngả say theo, khi trong chiếc lồng sau lái, con gà mái không chịu

cho con gà trống gạ gẫm ân ái... và ai sửa soạn một tối hành nghề soát lại những chiếc đĩa CD cho dập dìu và chua loét, khàn khàn và gân cổ khách hát xì xồ giần giật, làm ca sĩ nửa mùa...

Ngày muộn. Giờ chờ đợi bữa cơm chiều. Đói ngấu hay đầy bụng, ngang ngang đầu lưỡi tê dại vì đôi chân khật khưỡng... Không ai giống ai, như nghìn loài cây sinh ra mà lá chẳng giống nhau, nghìn con sóng vỗ vẫn thành bao điệu nhạc rì rầm kiểu ghi âm khác lạ.

Ngày muộn. Tàn một khoảnh khắc để sẽ tiếp nối cho cùn đi sinh mệnh đời người ngắn ngủi.

Đèn đường chưa sáng. Trăng chưa lên. Mặt trời chưa thiếp đi mệt mỏi. Lúc "giở giăng giở đèn" là nó, cái thứ ánh sáng làm vàng ệch mặt người, làm tím bầm cây cỏ, làm sa sầm mặt sông, làm lao xao bờ lau bụi trúc.

Đôi vợ chồng mới cưới mong cho ngày muộn qua mau. Người độc thân nghe gió nức nở mà nghẹn ngào nỗi cô đơn lẻ chiếc.

Hôm nay đã xảy ra chuyện gì, có ai đến nhà ta, ta đã làm ra cái gì trong một đơn-vị-đời-ta? Trên mặt quả bưởi khổng lồ "tam sơn tứ hải nhất phần điền" này, đã có bao nhiêu chiếc lá sinh ra, bao người ngã xuống, bao bữa ăn được dọn, bao nhiêu nụ hôn và bao nhiêu chiếc quan tài được hạ huyệt, bao nhiêu chữ ký được ngoằng ngoằng...? Ta hỏi vào im lặng. Ta thấy vương hương dầu gội "ba trong một"mà chẳng còn mùi bồ kết hớp hồn trai tráng si mê...

Bà hàng phở chõng nhà bên đã lịch kịch dọn hàng. Bà quạt lò, ông kê ghế, đứa con nhỏ quét vỉa hè, cậu con trai thi trượt ở nhà giúp mẹ, đã chăng sợi dây điện lên chạc cây như trong chuyện Tàu ngày xưa treo ba cái chổi lên trước cửa để báo hiệu cho mọi người biết đây là quán rượu. Con gà thành vật tế "thượng đế", bị băm vằm và xé nhỏ. Còn lâu lắm, lâu nữa mới đến giờ có món "bốc

mả" chùn chụt, xuỵt xoạt, ừng ực, gau gáu kèm tiếng xỉ mũi, ho sặc vì cay chua bùi ngọt điên mê trong giờ cuối cùng hôm nay, giờ đầu tiên hôm sau khi bà hàng phở tay nhầy mỡ đếm tiền thu hoạch, ông thu ghế, cậu con trai cất đi sợi dây điện và kiêm luôn việc quét vỉa hè vì chắc cô em gái đã mơ giấc thần tiên như "Em bé bán diêm" của văn hào Anđécxen trong gian nhà chật chội, lỉnh kỉnh nồi niêu dưới gầm giường, bên màn gió đầy vết tay hoen...

Ngày muộn đang thành con sên đi ngang qua một nửa tinh cầu lam lũ nhiều hơn sang trọng, mồ hôi nhiều hơn nước hoa...

Thâm Tâm có những tâm sự gì khi viết đôi câu thơ như thế? Không biết. Ông đã thành cái bóng đi qua cuộc đời dâu bể. Nắm xương tàn thành cát bụi, nhưng thơ ông thì người đời còn đọc, khi còn có những ngày muộn trôi trôi.

Ai vui với ngày muộn, về nhà cởi đôi giày và đôi bít tất nồng mồ hôi, đi trên nền gạch hoa trơn tuồn tuột? Ai buồn vì ngày muộn chỉ là một khoen trong cái xích lê thê, qua cái này, còn nhiều cái khác loảng xoảng tiếp theo? Không chỉ có không gian làm nền mà có một cái gì ở trong sâu thẳm kín, hồ hởi và bẽ bàng, nồng hậu và tả tơi cứ diễu hành trong ngày muộn bắt ta chấp nhận dù ta vô cùng mong chối bỏ, khước từ.

Rồi đêm ập xuống như tấm màn sân khấu hết tích trò, hay chữ HẾT ở cuối cuốn phim. Ta lang thang vào ta, vào hồi chuông hồn ta lấp lánh vàng đá hay ta tự rong chơi ngoài đường xa tít tắp đến nỗi nàng tóc bạch kim không thể đi cùng? Lạ thật. Vàng còn chảy trong lửa. Đá còn bị nước bào mòn. Ta có bị những ngày muộn làm tan nát hay không, ta càng không biết, như con tàu ra đi, còn lâu mới tới đích cuối cùng.

1999

Đêm không ngủ

Có những đêm không ngủ, ta nằm nhìn lên đình màn, nhìn vào màu đen của mịt mùng thao thức, ta bỗng thấy hiện ra một con người trong ta (hay ngoài ta cũng thế) đi đôi bàn chân lấm lem đạp lên mảnh sành mảnh sứ chẳng sợ tóe máu gan chân, rồi nhảy ùm xuống cái chuôm mà lặn ngụp như nếu không thế thì làn nước kia biến mất, hái lấy bông sen bông súng hay bông hoa trang bé tí tẹo trắng tinh. Hắn là ta đấy, hắn rụt rè vào cổng nhà thầy, lấm lét nhìn cái roi mây trên tường, cái bảng đen như một khoảng trời chữ nhật đầy mây giông đen kịt, thầy là ông khổng lồ có phép thần thông, hét ra chữ, vung tay hóa con lươn trên lưng hắn...

Cũng chính hắn ta, lăn mình vào thảm cỏ ven đê chiều lộng, chạy thi với gió trời và gió đồng, chạy thi với những màu trắng bạc trên không đang rong ruổi bước sông hồ làm mưa ở một phương trời nào không biết, còn ở đây, cái diều cánh cốc, diều vuông có sợi tua đuôi vẫy vẫy như con rắn vẽ, thả xuống cỏ xanh niềm vui đầy tiếng reo hò vang cả bụi mía bờ lau...

Hoàn toàn không có khái niệm thời gian. Thời gian là vô hình vô ảnh, nó lướt đi kệ nó, ở ngoài con đê và cánh diều ở ngoài con buồm đang lửng lơ trên sông...

Đến một hôm nào, rặng tre sau con đường làng tung bay tiếng gió, hắn ta mới chợt nhận ra cái gì đó gọi là thời gian khi vừa gặp

nhau đã phải chia tay để về trong lời người con gái nói: "muộn rồi, em phải về kẻo mẹ mắng...".

Khuya. Trên đình màn, con thạch sùng hay con thời gian đang luẩn quẩn những sợi màu đen. Hắn nhìn vào lòng mình hắn bơi qua con sông và leo lên sườn núi, vẫy vùng trong ngày tháng nắng mưa và nhọc nhằn đá tai mèo khấp khểnh... Không có thời gian nào thực thể của loài người lại vút nhanh đến thế. Mười năm, hai mươi năm chỉ trong chớp mắt, trong cái duỗi chân hay tiếng muỗi vo ve...

Hắn dự đám cưới của mình và đi đưa tang người bạn. Tiếng cười và tiếng khóc. Người đàn bà đầu tiên và nắm đất đầu tiên. Thiên đàng đầu tiên và địa ngục đầu tiên... Những đêm ấy có giống đêm này dù đã bấy thời gian...

Cái người mà ta gọi là hắn ấy đang dập dềnh trên còn tàu ngàn cây số, lẫn trong mùi mồ hôi lạ, ánh đèn ma quái của toa tàu làm ta nhìn rõ cô gái mệt mỏi đang ngủ gà, rểu dòng nước bọt không thèm lau không thèm biết vì đường trường còn lơ còn lắc hành trình. Cái đầu cô theo nhịp bánh nghiến chỗ nối ray mà nghiêng ngả như cô đang bị tội giảo hình mà gió thì vô tư đánh vào cái cần treo lơ treo lửng. Con gà trong lồng dưới chân không gáy mà càng không cục tác. Nó chột lứa đẻ. Nó cũng đang bị cầm tù trước khi đến pháp trường còn ở một gian nào đó cuối đường xe.

Đình màn cũng xột xoạt. Thành phố không tiếng gà. Êm ắng, khác hẳn một thời mọi nhà tắm biến thành chuồng lợn, mọi ban công biến thành chuồng gà nên xáo xác âm vang tiếng đồng hồ báo thời gian do con người nuôi nấng bằng cơm thừa rau bỏ.

Bữa trà tiếp khách ở quê ra, bây giờ mới như trận đòn thấm vào cân não. Chợt ta nhớ đến câu thơ hình như của người đàn bà

tài tình mà bất hạnh quệt cái-gì-đó-không-biết mà đem ra mời khách ăn trầu.

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non...

Ta, đàn ông, ta con trai, ta giống đực, làm gì có cái hồng nhan mà trơ ra được. Cũng chẳng có tiếng trống cầm canh, càng không còn ai ăn trầu, nên câu thơ kia thành ám ảnh:

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi

Này của Xuân Hương đã quệt rồi...

Trên cõi nhân gian đầy ắp và thiếu thốn thời gian này, cái gì không thể ăn mà vẫn ăn được? Cái gì có thể ăn mà không dám ăn vì có lương tri dựng cái ba-ri-e ngăn cản?

Ta đang ăn đêm đây và đêm đang ăn ta đây. Ta ăn đêm có nghĩa là ta ăn thời gian, ăn đời ta thêm ngắn đi một chút. Còn đêm ăn ta như nó từng ăn cả loài người từ vùng cực đầy rét buốt đến xích đạo ngút ngàn khói nắng. Mọi cái ăn nhau, chỉ có thời gian chứng kiến, thời gian trọng tài.

Ngày xưa Ngũ Tử Tư qua một đêm mà đầu bạc. Ngày nay, người ta có thể thắng (dù là tạm thời) thời gian bằng nhuộm tóc, bất cứ màu gì, xanh đỏ tím vàng đen trắng, đến lông chó còn có thể nhuộm để lừa người. Sớm mai này ta phải đi nhuộm tóc chăng?

Những bộ óc vĩ đại của loài người đã thắng thời gian như Aristote, Nguyễn Trãi, Vichto Hugô, Khuất Nguyên, Lý Bạch, Balzắc, Nguyễn Du... có bao nhiêu đêm trong đời tự nhìn thấy thằng người mình trong bóng tối? Vườn Lycée và lưỡi dao của kẻ sắp chém đầu, tên khốn nạn Tênacđiê, có dòng suối giặt giải mũ rửa chân, bài thơ ca ngợi nước da mỡ đông người đẹp họ Dương

và lão Gôriô keo kiệt. Những Bạc Hạnh Bạc Bà mà nay đang đầy rẫy khắp nơi... họ, những cái cao thượng và thấp hèn, cái vĩ đại và nhơ bẩn... có thành hồn ma ám ảnh, bay lượn suốt đêm trường mộng mị, rõ ràng và mù mờ, có thời gian và mông muội vô tri...?

Còn ta vô danh, ta hạt bụi, ta làn gió mỏng, ta con muỗi con kiến con ong, ta chiếc lá trong rừng đại ngàn vô số... ta đang trở mình ê ẩm giấc thức, ta thơ bé và già nua, ta đứng trong vòng phấn caucase của Brecht, không ra ngoài chuyện mớ rau và hạt gạo. Ai thở dài thế nhỉ? Thì ra ta tự thương mình như bao nhiêu triệu con người đã giống ta như thế trên khắp quả bưởi khổng lồ này, nói như Xuân Diệu, cái quả tròn nước mắt đang bay này.

Hàn Mặc Tử đi chưa hết nửa đời trai trinh bạch và ông Khương Tử Nha ngồi trên sông Vị câu cá mà không có lưỡi câu (hay lưỡi câu thẳng vì không cần cá) ông câu thời gian so với Hàn rụng từng ngón chân tay, chẳng câu những câu thơ từ trăng từ hồn từ mộng, ai không ngủ hơn ai?

Ông Van Giăng chui vào áo quan được chôn sống để thoát ra khỏi nhà tu kín, cái đêm ông nằm trong đất kín bưng và ngột ngạt sợ đến ngất đi vì nghĩ có thể người ta đã quên và ông sẽ không bao giờ trở về cuộc sống... có giống những đêm không ngủ của nhà văn Nam Cao nghe tin con chết đói mà không dám về vì không có một xu trong túi?

Ta lang thang từ ngoài ta vào trong ta, để từ trong ta ra với thời gian vi vút đêm đời. Phăng phắc hàng cây long não cổ thụ phố Lê, chỉ đôi lúc mới rồ lên con xe ở phía ngoài nào như ngoài phố Huế, quãng phố Ngô Quyền. Thì ra cũng vẫn có những người đang thức. Hình như ở đâu có con người thì ở đó có những hoạt động qua đêm, tự mình hoặc do người bắt thế. Cạnh nhà ta có bà hàng xôi chắc bà đã dậy nhóm cái bếp đồ cho gạo chín, thếp lá

bàng để gói xôi chắc đã được lau bóng như lụa nõn, chúng đang ngủ lơ mơ không cần biết kiếp người lặn lội đêm ngày...

Người đàn bà của ta đang ú ớ. Chắc nàng đang mơ thấy món rau bí xào tỏi có quả bí tròn như hòn bi ve, sần sật bùi bùi ngon hơn cả món giò mua ngoài chợ còn dính mùi dao thớt vì thái lẫn cả thịt sống thịt chín mà ta rất sợ.

Ngủ đi con sư tử Hà Đông bé bỏng của anh. Ngủ đi con gà mái khổng lồ của tôi. Ta tự cười thầm vì những biệt danh ta đùa vui cho bạn bè cười rũ rượi. Thời gian có bao giờ biết đùa không nhỉ khi lịch sử lặp lại nên có những cuộc đảo chính đẫm máu các cung đình nhân loại hoặc yêu nhau không lấy được nhau, hay tình sâu mà tử biệt để suốt đời thương nhớ...

Lan man là cái bệnh của thi sĩ từ thi sĩ tài danh đến thi sĩ nửa mùa. Nguyễn Bính viết:

Nắng mưa là bệnh của trời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng...

Còn ta, nếu ta làm thơ thì ta phải theo gương ông Bút Tre, không vần cũng bắt nó thành vần, đại khái:

Nắng mưa là bệnh của trời

Nói dài là bệnh của tôi làm thờ (tức làm thơ)

vì nếu không thế, sao thành câu thơ được, ông Bút Tre nhỉ?

Chợt nghĩ mà bật cười (đương nhiên cười không thành tiếng để "nàng" khỏi thức giấc) nghĩ đến một câu chuyện vui: Nhốt một trăm anh say rượu lại với nhau trong một căn buồng. Đố ai hiểu câu chuyện sẽ ra sao, xảy ra điều gì khi cả trăm anh đều cho mình không say, và chỉ nói mà bất cần người nghe, hoặc tập trung một

trăm ông làm thơ con cóc lại, mỗi ông đọc một bài thơ, tiếp là "Em xin đọc bài thứ hai, bài thứ ba..." kiểu thơ:

Gặp nhau xin nói một khi

Nếu không có rượu tôi thì mênh mang...

Ờ, thì ra mình cũng mênh mang mất rồi, tại cái đêm không ngủ này thôi, xin trời tha thứ đừng cho thời gian dừng lại, kẻo các nhà thơ ấy giận.

Không thể nào kết thúc những mênh mang ấy khi mịt mùng chưa qua hết, khi cái trằn trọc cứ như con sên trườn qua bộ óc đất thó của ta. Giá bây giờ được ăn một thứ gì nhỉ? Bữa tiệc linh đình thừa mứa hay con châu chấu rang lá chanh ăn với nước vối chan cơm. Bát bún thang nóng bỏng lưỡi có hương cà cuống diệu kỳ hay chiếc nem rán khô khốc chẳng chút mùi vị gì trong tiệc chiêu đãi nơi khách sạn?

Nói đến chuyện ăn uống chợt nhớ đến tiếu lâm. Đôi vợ chồng trẻ nọ có nuôi thằng nhỏ giúp việc. Gọi là nhỏ nhưng đã là anh thanh niên (nay ta quen gọi là Ô-sin) Anh chồng thích ăn cá rô rán, nhưng cái đầu không bao giờ ăn. Thằng nhỏ bữa nào cũng phải ăn sau, toàn là cơm nguội và đầu cá rô. những thứ không thú vị gì. Lúc rửa bát, nó nói một mình: "Mẹ kiếp, ăn cơm nguội với đầu cá rô thế này đến dài cả con b... ra mất thôi". Tình cờ cô vợ trẻ nghe được, từ hôm ấy, cho thằng nhỏ ăn toàn cơm nóng và cái lườn cá. Còn bao nhiêu đầu cá rô và cơm nguội, cô ta bắt chồng ăn hết để thầm mong như lời thằng nhỏ nói...

Thì ra chuyện ăn uống đâu chỉ là cho chặt cái bụng. Nó còn là văn hóa, nghiêm chỉnh và đùa vui, nói như nay là văn hóa nữa lắm chứ.

Thời gian vốn vô tình. Lan man đến đâu rồi thời gian cũng có phép màu của nó. Chú bé ngày xưa, cái người gọi là "Hắn" ngày nào và ông già lẩm cẩm đêm qua, nhập làm một. Những vĩ nhân đều biến mất khi ngoài đường vang vọng tiếng chân người và con xe máy rú ga mang hàng đến chợ Hôm gần đấy. Hàng là mấy chục con gà con vịt còn sống, treo ở ghi đông, chúc đầu xuống nhưng chúng cứ cong cái cổ để cho dễ chịu trước lúc bị hành hình, cùng là những con lợn đã làm thịt, cái bụng mổ phanh hết cả lòng gan tim phổi, da thì đã cạo trắng nhễ nhại, trắng như đùi non đầm già...

Lại phải lịch kịch pha một ấm trà mới để lúc nữa đây không gà gật rểu cả nước bọt như cô gái trên tàu ngày nọ. Và bắt đầu một ngày, bắt đầu một nhịp thời gian, đương nhiên không thể nói cùng ai những gì đã hiện lên đêm qua để lao vào vòng cơm áo ngặt nghèo cứ xô con người đi hết lớp này đến lớp khác như sóng trùng dương.

1999

Tiếng gõ

Trong dàn nhạc thường có bộ Gõ, bộ Hơi, bộ Dây... Nhạc trẻ, những thứ Pốp, Rốc, bộ gõ tạo ra tiết tấu đến đinh tai nhức óc, át cả giai điệu khiến nhiều người không chịu được, đang là nét thời đại, nét làm "vãi linh hồn" như Vũ Bão nhà văn có phong cách hài hước riêng đã viết.

Đang đêm yên bình, đều đều hơi thở người bạn trăm năm, ta lơ mơ về một ảnh hình thanh thoát của giấc mộng ảo huyền không hiểu đã xảy ra trong quá khứ một thời lăng lắc hay báo hiệu sẽ có ở một miền thời gian nào chưa biết trước... đang đêm yên bình như thế chợt giật mình vì có nhịp dồn dập gõ liên hồi lên cánh cửa như cấp báo, như cầu cứu... ta sẽ thế nào? Ai nằm yên, nghe ngóng? Ai đạp chăn vùng dậy không quờ chân tìm đôi dép? Những tiếng gõ, không phải gõ lên mặt gỗ vô tri mà là gõ vào hồn ta hốt hoảng, gõ vào giấc mơ như lưỡi dao, cái vồ cắt đứt, xé toang cái màn dệt bằng những sợi thần kinh, dệt bằng ảo giác, dệt bằng sương khói... Ta tưởng tượng xem: Một người mặt mũi đầm đìa máu chảy đang giơ tay van nài, hay sừng sững một "Ông tây đen" da đen kịt lẫn vào bóng tối chỉ trắng dã hai con mắt đứng đầy khuôn cửa... hoặc một người con gái xõa tóc, áo dài phơ phất tả tơi lắp bắp lời không rõ... Ta sẽ phản ứng thế nào? Tiếng gõ ấy đúng là căng thẳng hơn tiếng dây, tiếng hơi của cuộc đời đôi khi du dương, đôi khi nức nở, đôi khi nghẹn ngào... nó gõ nát bao

nhiêu "nơ-ron" trong bộ não chưa bình tĩnh nửa mê nửa tỉnh nhưng suốt đời đâu dễ hồ quên?

Trước cách mạng Tháng Tám, có nhiều đêm quê làng êm ả, chợt vang xa tiếng chó sủa trăng và sau đó tiếp liền văng vẳng tiếng ngũ liên cấp báo, hối hả, những tiếng gõ trên mặt trống da trâu hay trên núm đồng lạnh toát, ta nghe như từ một cõi âm ty, đâu đó có ngọn lửa cháy nhà hay ngọn đuốc "bật hồng" đầy tử khí của bọn người bôi nhọ nồi lên mặt vào nhà ai kia, làng nào kia tàn phá, giết chóc và cướp bóc... Những tiếng gõ như âm hồn, lan qua những đồng lúa và lũy tre, lan qua mặt sóng lặng tờ và mặt trăng đỏ khé, lan qua bãi tha ma nên nó mang theo hơi lạnh toát, đến với tai người, đến với cõi lo sợ bạc tóc...

Có tiếng "ục" một cái rồi nước nguồn sôi réo, cuốn phăng nhà cửa tre pheo trâu bò, giường chiếu, trẻ thơ... hay những bước chân rậm rịch chạy tán loạn khi bọn cướp vào làng, những bước chân gõ vào nền đất khổ đau... mà ta nghe lúc gần lúc xa, khi rõ khi mờ, nhạt nhòa và hối thúc khiến cái ngủ cũng bay đi tức thì, ta phải ngồi lên, vặn to ngọn đèn chờ sáng để biết những điều chưa biết, những điều tiếng gõ kia báo cho ta biết trước những điều khủng khiếp.

Có lẽ những tiếng gõ ấy đã sinh ra từ khi có chú bé lên ba còn nằm tròn lòng mẹ khi giặc Ân ồ ạt kéo vào những ruộng lúa bãi cà, làm đứt dây võng, làm nát cái nong...

Một đời người, có ai không từng nghe bao nhiêu tiếng gõ. Tiếng búa của quan tòa khô khan rợn gáy trong những phòng xử án có lót gỗ lửng màu nâu u ám quanh tường. Tiếng gõ của chiếc búa đóng con cá vào nắp quan tài, đóng xuyên cái đinh mười phân để đời đời ngăn cách sinh ly tử biệt. Tiếng gõ của cái sênh tre tươi người chấp trưởng kèm tiếng hô khi đám tang khởi hành

đi vào con đường hun hút của kiếp người đứt đoạn: "Một tiếng bỏ đi, hai tiếng chạm tay, ba tiếng nâng cữu... này...".

Tiếng gõ là hai vật chạm vào nhau, ép cho không khí phải bùng ra tiếng nổ âm thanh, mấy khi là tiếng của thanh thản, dịu dàng, kể cả tiếng bàn phách và ba cái roi phách dập dồn mưa gió trên mặt chiếu hoa đủ mặt tài tử thuyền quyên ứ hự... Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê đã bao lần trong đời mình gõ roi chầu hòa vào nhịp phách đảo điên mê tơi, oán hờn và nổi tố giông quần quại ấy? Nó không giống tiếng guốc của vó ngựa gõ vào nền đường đá răm tóe lửa hay lưng đồi bụi cỏ bốc cao; trong bản nhạc nổi tiếng một thời của Lê Thương mà bài *Hồn Vọng phu* còn vang vọng nỗi binh đao lửa khói và niềm khắc khoải chia tay:

"Ngựa phi đường xa - hí vang trời - Chiêng trống khua trăm hồi - Ngần ngại trên núi đồi - Và vọng đi khắp nơi...

Ta cũng vẫn còn nghe tiếng vó ngựa lốp cốp của anh phu trạm hỏa tốc trên đường, khói bay như chiếc khăn quàng ma quái của người đẹp vô hình, từ kinh sư ra đi hay những dặm trường kinh lý trở về kinh khuyết... nó khác xa tiếng còi ghê rợn của xe cứu hỏa, xe cứu thương ngày nay giữa phường phố đông người.

Nhà thơ Yến Lan để lại bài thơ hay "Bến My Lăng" mà mỗi lần đọc lại, ta nghe thấy tiếng gõ của móng ngựa dồn dập gõ vào cân não, gõ vào thời gian, gõ vào mặt sông, gõ vào con đò, gõ vào chòm râu ông lái đò cũng là gõ vào tâm thức, dù ông không nói gì về con ngựa:

Nhưng đêm kia có một chàng kỵ mã
Nhúng đầy trăng màu áo ngọc lưu ly
Chàng gọi đò, gọi đò như hối hả
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi...

sao mà khác tiếng gõ mạn thuyền của ca công bất hạnh Trương Chi nghìn đời không tan mối tình hoa mộng:

Ngồi đây ta gõ mạn thuyền ta ca...

Trái đất còn riêng ta...

Không. Trái đất còn nhiều Trương Chi lắm Văn Cao ông ơi. Nếu không thế, sao sinh ra cái vồ gõ vào thành chuông để lan tỏa nỗi đợi chờ chúng sinh thoát tục trở về cùng cõi Niết Bàn mỗi lúc Thu Không? Những chú tiểu và hòa thượng nào đã bước dè dặt lên gác chuông le lói ánh chiều tịch lặng, giơ chiếc vồ gỗ mít lên cho hồn chuông u u âm âm bay qua những ngọn tháp vườn chùa, đậu lên thân phận con người bùn lầy nước đọng chỉ biết cúi vào ngọn lúa.

May sao cũng không chỉ vậy. Ngoài những nhịp gõ của chiếc mõ cô đơn yên phận như những tiếng chim vỗ cánh khắp trời đêm mà chẳng biết về đâu... ta còn nghe sôi huyết quản những sáng tưng bừng của hồi trống ngũ liên giục "Ông Trâu" vào sới. Ông Trâu không phi theo nhịp gõ. Những lá cờ đuôi nheo và cờ vuông ngày hội cũng không phần phật cùng tiếng trống tiếng chiêng liên hồi. Chỉ có tim người đập theo ngày Đồ Sơn:

Dù ai buôn đâu bán đâu

Mùng mười tháng Tám chọi trâu thì về...

Có ai có thể thống kê được những tiếng gõ trong đời, đời chung và đời mình, từ tiếng kẻng báo động nơi địa đạo Vĩnh Linh đến tiếng bom gõ tung nền đất mẹ xé nát thanh bình, cắt ngang đời em nhỏ mới bi bô, đến tiếng gõ của ngư dân dụ cá vào vàng lưới trong hồ... từ tiếng gõ đế giày của người đàn ông lửa đốt lòng chờ tiếng khóc oe oe trong gian buồng bên cạnh đầy bí mật có người đàn bà đang vượt cạn... hay tiếng gõ của anh hàng "xực

tắc" trong đêm mưa gió não nề phường phố, loãng vào ngọn cây chết đứng và giấc ngủ kẻ ấm no...

Từ tiếng gõ cái thước của cô giáo lên bảng đen cho bé thơ ngây tròn mắt đến tiếng gõ của cậu hoa niên mới tập làm người lớn, lần đầu tiên viết lá thư xanh trong đó có tiếng gõ của trái tim khờ dại, ta đi trong tiếng gõ hay tiếng gõ thấm vào ta, đi vào sâu thẳm và nằm suốt một đời trong đó, đôi khi nó ngủ yên, có lúc nó hồi âm phập phồng nhịp tiết tấu như nhịp thời gian trong chiếc đồng hồ quả lắc đánh ba giờ khuya, nhịp máy chữ mổ cò nhát gừng chểnh mảng và đứt đoạn, gõ dừng, dừng gõ... như người nói lắp.

Những đêm rừng chỉ có tiếng lá gõ vào gió hay gió gõ vào suối hay suối gõ vào tình... anh trai nào dùng chiếc lá làm lời, không biết đến tiếng gõ bên nan nứa, mà cô gái nằm trên đệm bông lau vẫn nghe thấy hồn ai gõ vào cái mầm non trong ngực, phải bật cửa đi vào đêm vi vút để rồi họ "Đổi cái hơi" (như lời một bài thơ miền núi) có khi đã có từ cái thời xa lắm chưa có chúng ta, khi tiếng chày gõ vào xôi nếp thành bánh dày cho hoàng tử dâng vua cha, tiếng dùi gỗ gõ vào mặt trống đồng xòe tung tia lửa mặt trời bắt rừng núi suối nguồn âm vang lời non nước, mà cho đến lúc sắp bước sang thiên niên kỷ thứ III này, ta vẫn thi thoảng nghe một đàn con gái váy lửng, gõ chày vào máng gỗ cho nhịp chân thon nhảy múa quanh sàn, ngất ngây cả "khòe" rượu cần chuếnh choáng người Việt cổ gọi là dân tộc Mường đậm đà câu hát nhai trầu...

May sao, đồng bằng đã tồn tại dai dẳng nhịp gõ từ chập tối đến khuya đêm. Những mỏ chày đổ xuống lòng cối đá chôn chìm mặt đất, đã ít dần đi, thay bằng tiếng rè rè máy xát. Từng lưu truyền câu chuyện vui: Người vợ xa chồng, giã gạo nuôi con, đêm đứng giã gạo một mình, đu bàn chân lên cần cối là cây gỗ xoan đào, cái cối cứ âm u, nghẹn ngào, rền rĩ chỗ ngõng cối, từng nhịp chày

điểm nhịp tiếng gió khua vườn chuối, nghe như âm thanh của tiếng: "Cháan... thật...", "Cháan... thật..." mà tiếng *chán* là tiếng rên của bản lề mòn mỏi, còn tiếng *thật* chính là tiếng nhịp gõ mỏ chày. Một hôm kia, chồng về, hai vợ chồng cùng giã, chân đưa nhịp, mỏ chày gõ nhanh hơn, tiếng rên bớt đi não nuột, thành nhịp dồn dập: Thích thật, thích thật... vừa vui tai, có lẽ cái cối cũng cảm thông khi người vợ ôm lưng chồng hay người chồng ôm lưng vợ mà không cần ôm vào sợi dây thừng thõng từ đòn tay xuống.

Những cái cối u buồn và nặng nhọc ấy sinh ra cái tấm, cái cám, cái mẩy cái mày... nên mới có chuyện Tấm Cám, có cái sảy cái sàng, cái giần cái nia truyền kiếp. Tiếng gõ cối chày tắt đi làm ta vui mừng vì đỡ cho mẹ ta chị ta sau ngày mưa nắng ngoài đồng, đêm về không còn phải vật lộn cùng thời gian âm u và vất vả, nó tắt đi theo tiếng *mộc đạc*, tức cái mõ làm bằng gộc tre còn vết rễ tre lưu cữu câu "chiềng làng chiềng chạ...". Đổi đời rồi. Thay vào đó là tiếng trống ếch đoàn thiếu niên nhi đồng dập dình đi cổ động "sạch làng tốt ruộng", "ba sôi hai lạnh" v.v...

Tiếng gõ của con cú trên ngọn cây đa cây thị từng làm gai ghê người yếu vía. Nó không giòn như nhịp phách, không làm cho hồn phách con người lâng lâng như một khúc ca trù mà nó như những hồn oan của bao thời hiện về lảng vảng với con nam nam bên bờ ao, cái vất vưởng của người bị sét đánh chỗ bìa làng... ta hiểu ra rằng con cú không tội tình gì khi gõ vào đêm, khi điểm vào sương tiếng gọi đàn đuổi chuột. Nó là bạn con người. Nó cũng như cây đàn bầu khoan nhặt bổng trầm, hay cái gõ vào dây đàn trên mặt chiếc thùng chôn dưới đất để trai gái đối đáp điệu *Trống quân*, khiến ta nhớ đến Chinh phụ ngâm có:

Trống trường thành lung lay bóng nguyệt

Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây...

khiến ta giật mình thảng thốt những đêm xưa phải tiễn người thân yêu đi biệt:

Thùng thùng trống đánh ngũ liên

Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa...

Một chiều nao hay sớm nao, ta nghe những tiếng gõ điểm vào ký ức, tiếng gõ báo trước ngày mai, không phải tiếng kèn hay tiếng đàn Organ, tiếng bộ gõ của nhạc ngoại lai làm ta chóng mặt... ta chợt hiểu rằng ta từng ăn no bao nhiêu tiếng gõ, tiếng của lo âu và tiếng của vui mừng, tiếng ngũ liên cấp báo và tiếng của hội xuân vừa mở...

Ta lắng nghe, và chính ta cũng tự gõ vào sâu thẳm đời ta để âm vang những gì cho ta một đời hòa vào dân tộc.

1999

Ngày đáng nhớ

Thêm một ngày là đời ta ngắn đi một đơn vị chiều dài không có cách gì chuộc được. Nhưng thêm một ngày là ta có thêm ít nhiều gì đó đời cho ta, tặng ta, biếu ta chẳng hạn tình yêu, thành công, danh vọng, tiền tài mà cũng có thể là thua thiệt, mất mát, đau đớn...

Một ngày, không nghĩa lý gì khi nó giống nhau như hết giọt nước này đến giọt nước khác trong cái trận mưa rào lênh láng dai dẳng. Một giọt rơi xuống, tan đi, lẫn vào vạn muôn trong dòng sông, trong mặt biển mênh mông cuồn cuộn.

Nhưng thật lạ lùng, trong sợi xích làm bằng nhung ta gọi là đời ta mười mấy năm ấy, có những ngày ta chẳng thể nào quên, nó như con dấu nung đỏ đóng vào tim ta đời đời không nhòa xóa ta gọi là ký ức.

Lại có những ngày ta mong cho nó qua thật mau, ta chán nó, ta sợ nó, ta hận nó như cái ngày bọng răng mâng mủ, chờ đến sáng mai gặp ông nha sĩ, hoặc ngày cuối cuộc hành trình biển bão, sóng cả, gió to làm ruột gan muốn bật ra ngoài, làm mặt xanh mặt vàng thay đất trời tóe lóe, chỉ mong cho chóng đến đất liền ta ngã vào lòng bờ là bãi cát hay chiếc cầu ván chênh vênh, là vạt cỏ hay vòng tay người đón.

Và ngược lại, có những ngày ta nôn nao xao xuyến mong mỏi nó hãy nhanh chân đến, đừng chờn vờn làm ta sốt ruột, không hiểu nó có giống ý nghĩ của con chuột thà cứ bị ăn thịt ngay đi, chứ con mèo chờ đợi đừng chơi trò vờn nhau lâu đến thế... hoặc là cái ngày sau bao năm đằng đẵng chia xa, mai sẽ được trở về nơi chôn rau cắt rốn, gặp lại mẹ cha, gặp lại khuôn mặt từng áp vào ta một thuở hoa niên say đắm, ta soi vào đấy mà thấy đầy ắp niềm hân hoan đáng sống. Thế mà cái đêm nay trớ trêu, có tốc độ con sên, con rùa, tốc độ của đồng hồ chết, tốc độ lá gồi nảy nở một tháng mới sinh ra được một tầu. Gọi là sốt ruột thì cái từ này gầy guộc quá, nghèo nàn quá, mỏng manh quá, sơ sài quá, nó vừa nung nấu vừa lặng lờ, vừa bừng bừng vừa ngất lịm, vừa đứt nối vừa dai dẳng khiến ta có đủ thời giờ để đếm mấy trăm xác muỗi trong lòng hai bàn tay nhòe máu trong đêm.

Đêm trước lúc tờ mờ sáng hành hình có tiếng tùng-bi-li... phập, Nguyễn Trãi và bà Thị Lộ, Nguyễn Thái Học, Trần Cao Vân... có thấy nó dài như thế nào không nhỉ? Ta lờ mờ ước đoán mà một chuỗi bao nhiêu ngày đã vun vút trôi qua, không có ai có thể trả lời cụ thể nhưng ai cũng có thể hình dung sự thể.

Muôn ngày theo nhau lần lượt trôi đi. Nhưng giữa cái chuỗi có ăn ngủ cho sinh tồn ấy, ai chẳng có những ngày kỳ lạ, không thể quên, không bao giờ mất, nó sẵn sàng hiện ra trong trí nhớ, ngay trước mắt với toàn bộ màu sắc hình hài, âm thanh sắc cạnh.

Một ngày ta tiễn biệt người đi, tiễn một lần để thành mãi mãi, như Thái tử Yên Đan tiễn Kinh Kha sang Tần, như người đàn bà khổ đau tiễn chồng ra trận trong *khúc ngâm Chinh phụ* mà tài tình của Đoàn Thị Điểm còn hơn cả ông cử nhân Đặng Trần Côn đã vắt tim nặn lệ sinh thành. Nhớ lắm, cậu học trò họ Đặng bị người liền chị coi thường là thơ trẻ mới ngày đêm trằn trọc dặm bút nghiên tạo tác, khiến khi cầm trong tay những dòng chữ hiện hình nhân

thế, bà liền chị phải tay nâng ngang mày, bái phục, đem hết tài tình ra diễn lại thành ngâm cho đời sau chúng ta giầu có tình người như thế. (Tiếc sao, họ lại không trở thành vợ chồng, nay có bao người nên duyên, sá kể gì thân phận hay tuổi tác, có người đàn bà lấy người đàn ông kém mình hàng chục tuổi đấy thôi).

Trở lại chuyện một ngày đáng nhớ. Ngày bạn ra đi. Ngày ta đánh mất. Ta còn lại nắm cỏ vàng thu nhợt hay còn lại chiếc khăn tay vẫy vẫy trong tiếng còi tàu một đi là vĩnh viễn. Ngày hôm ấy có những gì khác hẳn ngày thường, hình như nó tự tách ra, đứng riêng ra, nó mở to con mắt để xem các ngày khác tuần tự theo nhau diễn ra trên con đường bằng lặng. Nó im lặng và lên tiếng. Nó đứng lại không bao giờ đi nữa. Nó thành tấm bia đá, thành cột cây số chôn nơi vệ cỏ, bất chấp nắng mưa, vượt qua quy luật, coi thường cả ta là con người chủ thể mang nó trong lòng ta. Nó không bao giờ nằm, không bao giờ ngủ, nó tự biến thành mảnh thủy tinh sắc ngọt, thành cái dằm trong mắt, thành cái gai trong ngực. Có thể nhiều ngày ta mải trà sớm rượu trưa, mải rong chơi đàn đúm, nó lùi lại hậu trường, nhưng chỉ thoáng gió reo mầm nõn hay động tiếng sương thềm, nó sừng sững hiện ra, hiện lên như hồ nữ Liêu Trai, như Giáng Kiều trước mắt Tú Uyên, như trần trụi Chử Đồng Tử trước chim sa cá lặn dầy dầy sẵn đúc Tiên Dung công chúa.

Cái ngày cụ thể ấy nó tròn mình lại như thế nào để nằm đủ vào trong hộp sọ nhỏ bé của ta?

Nếu người con sống, thì nơi phương trời kia, có bao giờ cái ngày chia tay ấy sống lại như thế hay người đi bao giờ cũng dễ quên hơn người ở lại. Nếu người đã nằm trong đất nặng nề và nhẹ tênh, đã lần nào người về báo mộng, ấp úng lời chưa thỏa cho người dương thế bàng hoàng khắc khoải bao ngày sau đó. Ta đi thăm lại nắm đất sè sè hay ra bến tàu nhà ga chỉ gặp hạt cát khác, hòn đá khác bởi đã là ngày khác, những ngày vô danh, những

ngày vô cảm... còn cái ngày ta tiễn nhau đi thì đã thành Kim Tự Tháp hay Vạn Lý Trường Thành của vũ-trụ-lòng-ta.

Thời gian vốn không bao giờ quay ngược. Nhưng ngày không quên ấy làm trái đất dừng lại và cài-số-lùi mạnh lắm. Người ta thường bảo: Tuổi trẻ chỉ nhìn về tương lai. Tuổi già mới hay nhìn về quá khứ. Nhưng nhìn vào quá khứ có phải đã là mang tuổi người già? Đôi trai gái đang xoan ba mươi tuổi kia chả lẽ không nhớ ngày cưới và đêm tân hôn phập phồng thấp thỏm hồi hộp run rẩy... mới chưa lâu ư? Nàng tài tử bước ra từ bóng tối vô danh tiến vào hào quang sân khấu chói lòa ấn tượng, chả lẽ lại quên đêm đầu tiên biểu diễn, cái đêm là ngã ba cuộc đời, cái đêm là phút khởi hành của con tàu số phận?

Một hôm chuyển mùa hay một đêm mưa rả rích, một chiều thu muộn hay một bảng lảng gió xuân... có bao nhiêu ngày như thế sống lại. Cái ngày cô gái thành đàn bà. Anh con trai thành đàn ông. Ngày hoàng hậu Dương Thị quyết định chung sống với người chồng thứ hai là tướng quân Lê Hoàn. Ngày ta bị tiếng sét của mối tình đầu chụp lấy, ngày ta thi đỗ và thi trượt. Ngày mẹ ta và cha ta tay bắt chuồn chuồn nói chưa hết nửa lời đã thành thiên cổ mà giọt lệ chưa khô trên hốc mắt đớn đau. Ngày ta thả nắm đất lên nắp quan tài người tri kỷ để chỉ còn thoáng hiện người ấy mỗi khi đông đủ bạn bè hay ngả nghiêng chén rượu như một câu thơ Đường đã hơn nghìn năm còn mới:

Cành thù tưởng lúc lên cao bẻ

Đủ mặt anh em thiếu một người...

Hỡi người bạn nơi phương trời thẳm sâu hay tít tắp, ngày nào trong lòng bạn có hình ta mà người mang theo để thấp thoáng hiện lên như leo lét nến mòn? Ngày nào là giây phút ta còn nhau để sau đó giây phút mất nhau? Người có nhớ?

Ta không phải là tôi. Ta là đôi gót chân son và đôi môi mọng đỏ. Đôi vai muốt mịn lẳn tròn và vùng ngực thanh tân cùng suối tóc đầy tràn hương kỳ lạ. Cũng là ta, người con trai đôi mươi sượng sùng bỡ ngỡ, lời run vụng dại không nói đúng được ý mình nhưng người nghe lại say mê vì thế...

Ngày biết được điều đó, thiêng liêng và trần tục, ngây ngất và hoảng hốt, vừa làm nên một cái gì đó và mất đi một cái gì đó, ngày tạo ra sự còn lại của đời người, thành điều bí mật muôn đời nó như dòng máu luân chuyển trong hệ tuần hoàn ta học từ thơ bé, không bao giờ chảy ra được ngoài thân vì chảy ra là chết, ta sung sướng và đau khổ mang nó, ta thanh thản và dằn vặt đi cùng nó. Không bao giờ có sự gọi là Kiểm Thảo hay Xưng Tội kéo được nó ra khỏi người ta, và nó cũng không bao giờ chết, cứ sống lại chập chờn linh thức, ta chỉ có thể gọi nó là chính mình.

Có ai không có những ngày đặc biệt như thế? Người bạn tri âm của ta, người dưới mồ hay người lữ thứ biệt tăm có còn ngày đó trong xương trong đất hay trong não giữa vòng quay xứ lạ?

Ăn ngủ là thường tình. Đi đứng là đương nhiên. Trò chuyện là thông lệ. Một vạn ngày hay ba vạn ngày. Tám mươi năm như Nguyễn Khuyến hay vài chục năm như Hàn Mặc Tử... làm người hùng như Lê Văn Trương hay sầu đau như Ngọc Hân công chúa... những ngày đặc biệt thường được lung linh sống lại như thế nào... giá có phép thần giao cho ta biết được, hẳn trái đất phải nặng thêm vì những pho sách quý, những điều không thể chỉ là mớ rau con cá hoặc tranh cãi nhì nhằng nơi chợ búa...

Và ta cũng sẽ thêm được những gì góp vào đời ta, giầu thêm hay nghèo đi, ta có thêm hoặc ta mất mát... với bao buồn vui, hy vọng và thắc thỏm đợi chờ...

1999

Nghìn đời câu hỏi

Cuộc đời luôn luôn có những câu hỏi cho mọi người, cho từng người. Có câu có thể trả lời ngay như thầy giáo và học trò trong lớp. Có câu lại tìm cả đời mà không lời giải đáp, thậm chí nghìn đời còn hoang vu chỗ đặt dấu hai chấm trả lời như con người từ đâu sinh ra, vũ trụ tại sao mà có?

Lũy tre đêm đêm hỏi gì mà kẽo kẹt não nề trong gió mà gió thì lạnh lùng đi qua chỉ để lại bàn tay vô hình bứt tơi tả lá.

Cây lúa đã cắm xong trước tiết lập xuân nhưng câu hỏi còn bỏ ngỏ, liệu năm nay thời tiết thất thường mưa nắng hay thuận hòa cho vàng ruộm mùa màng gặt hái ấm no?

Người đàn bà mang trái đất trong bụng có câu hỏi mà chín tháng mười ngày mới có trả lời: Con trai hay con gái? Tám mươi phần trăm nông dân, làng xa khuất nẻo, thiếu thốn kề bên, làm gì có siêu âm mà biết sớm như ở đôi ba thành thị phải bảo hiểm tốn tiền và nhiêu khê thủ tục. Đành chờ, đành xoa xoa cái bụng căng tròn hy vọng, đành thắc thỏm nghe cái quẫy đạp mong manh cho đến lúc được mỉm nụ cười trong mệt mỏi, khi bà đỡ báo tin trong oe oe tiếng khóc chào đời của giọt máu mình sinh thành hoa nở. Và từ phút ấy một câu hỏi lớn hơn, lớn gấp nghìn lần bắt đầu xuất hiện. Con mình sẽ ra sao, đứa con ấy sẽ học hành thành đạt ra sao hay lại rẽ ngang lối áo cơm vất vả nhọc nhằn nửa lòng cơm rau

cháo loãng? Trời cao cứ thả mây vào lãng du. Đức Phật trên tòa sen trầm tư im lặng. Câu hỏi đi theo trong ánh đèn tù mù, trong nắng sớm con đến nhà thấy vỡ lòng những luống xanh đầu tiên cây chữ, trong mưa chiều tưới đẫm hàng rào mà con còn đội áo đường xa không về kịp, trong đêm văng vẳng tiếng vạc kêu sương và đàn chuột rúc rích căn buồng chỉ có chiếc sào vắt mấy áo quần cũ vá...

Đường còn xa lắm. Câu hỏi còn lơ lửng. Mẹ cha nuôi câu hỏi vạn ngày, vạn đường cày trên ruộng và vạn đường cày trên trán, trong lòng, cụt cả móng tay, tõe cả bàn chân, tàn đi bao ngọn lửa bập bùng căn bếp khói...

Ta hỏi em ngày đôi ta mười tám tuổi. Em chẳng trả lời. Em chạy vụt đi, đung đưa mái tóc như đuôi ngựa đường trường không ngoái lại. Ta một mình bên nỗi hoang mang. Cây gạo rụng hoa tơi bời bên sông đâu phải tiếng trả lời. Ta nhìn vào bàn tay mình, chẳng thấy dấu vân tay em nhưng nghe còn ấm nóng. Ta thành tên ngốc không hiểu bước chân kia thầm chứa câu trả lời bất tuyệt của người con gái đã đến nơi hò hẹn là đã trả lời bằng một hương hoa bưởi cài trong mái tóc làm duyên, nói như Kinh Thi mấy nghìn năm: *"Người con gái làm đẹp là vì người mình yêu..."* như con chim hót lời vang vọng vì có con chim khác đang dập dềnh cành lá đợi chờ.

Con rùa đá đội bia kia có vô tri như ta hằng nghĩ về loài gỗ đá? Nó có hỏi tại sao nó phải mang hàng tấn tên người khắc vào thời gian dằng dặc và những con người có tên như thế đã mang lại những gì cho loài mà nó không hiểu phải gọi là người hay một thứ biết cử động hoàn toàn khác nó? Khúc gỗ, tảng đá, hòn đất... triệu năm im lặng mỏi mòn quên lãng, nhưng một hôm nào cái loài biết cử động, hoàn toàn khác con rùa kia, biết tới, chạm bàn

tay vào, đặt ra câu hỏi: Ta đục đi chỗ này, ta đắp thêm chỗ nọ, nên to ra hay bé đi, nên nhìn nghiêng hay ngắm thẳng...” câu trả lời vang tới đâu là bàn tay đặt vào đấy và sinh thành, hoàn tất. Khúc gỗ, hòn đất, tảng đá... bỗng theo câu hỏi mà có linh hồn cho con rồng bay lên, vươn mình vào mây gió, cho pho tượng Kim Cương đứng dưới mái chùa, cho những nẻo nhà mồ Tây Nguyên bạt ngàn vườn tượng làm kinh ngạc những bộ óc khổng lồ lần đầu tiên khám phá...

Chiều nay nhà mình ăn cơm với gì hở em? Bộ quần áo này giá bao nhiêu, cô bán hàng ơi? Mẹ ơi, con ở đâu sinh ra? Tại sao con lại có em bé? Tại sao nước này giàu có, hùng cường và anh hùng mà dân tộc kia lại suy vong đến nỗi chỉ còn đôi ba dư ảnh? Đời thường, có bao nhiêu câu hỏi, dễ mà không dễ trả lời, ta cố trả lời và ta cố không trả lời dù ta chỉ biết điểm chỉ vào tờ đơn gán ruộng rồi bán xới mà đi hay ta là nhà thông thái thiên kinh vạn quyển đông tây kim cổ uyên thâm...

Nguyễn Du có câu thơ kỳ dị:

“Đầy nhà những đàn cùng sách chỉ làm cho mình thêm ngu đi...”.

Cái ông thi sĩ nhìn thấu vào nhân loại, cái ông bạc đầu hướng lên trời mà kêu than thống thiết (tráng sĩ bạc đầu bi hướng thiên) rằng:

Đau đớn thay phận đàn bà...

thì ông có ngu thật không? Ông ngu đến đâu? Tại sao ông lại ngu? Vì đâu mà ông phải ngu như thế? Phải chăng ông ngu vì thấy mình không làm được gì hơn, trước những cái ung nhọt Bạc Hạnh, Bạc Bà, những Tú Bà, thằng bán tơ, Hồ Tôn Hiến...? Vẫn là những câu hỏi như ta đang hỏi: Tại sao thanh niên mà dại dột

lao vào con đường ma túy, rượu chè cờ bạc để tự hủy hoại thân mình và làm băng hoại xã hội, ta chống mãi mà chưa thể nào chấm dứt?

Huy Cận cũng từng cho rằng các vị La Hán chùa Tây Phương đang có những câu hỏi lớn, không lời đáp nên mặt các vị còn phải chau với tang thương nhân thế.

Mỗi sáng thức dậy, ta còn phải tự hỏi: Hôm nay trời đẹp hay xấu, mưa hay nắng, lát nữa ta gặp chuyện vui hay buồn, may hay rủi? Huống chi mênh mông vũ trụ, bát ngát càn khôn, lê thê nhân loại, dằng dặc những số phận con người...

Một ngày đã thế, một năm còn hơn thế. Phút giao thừa, nâng chén trên tay, có ai không tự hỏi năm nay rồi sẽ ra sao? Bội thu hay thất bát? Thành công hay thất bại? Tấn tới hay dậm chân thậm chí thụt lùi? Có khi hỏi mà đã tự trả lời vì "nhân định thắng thiên" vì ta cầm số mệnh của ta đã chắc bàn tay, nhưng có khi lởn vởn một làn mây không báo trước, thấp thoáng một bóng oan khiên không ngờ. Có thể có những người cha người mẹ muốn con mình làm chánh án. Nhưng không có người cha người mẹ nào muốn con mình thành tội phạm. Ông chánh án khi bắt đầu thụ lý hồ sơ tự hỏi: "Mình xử ra sao đây?" Còn tên tội phạm đứng trước vành móng ngựa tự hỏi: "Ông chánh án kia xử mình thế nào đây?" Những câu hỏi chết người, những câu hỏi đầy sinh mệnh. Những câu hỏi làm rung rinh cả tâm hồn bao người liên đới. Những câu hỏi từ thuở manh nha pháp luật cổ sơ đến thời ghế điện... vẫn cứ làm ta nghẹn thở đợi chờ trong phấp phỏng và hồi hộp.

Nhỏ nhoi như anh chàng đi câu, sáng sớm vác cái cần ra khỏi ngõ cũng phải tự hỏi: Hôm nay được con gì, to hay nhỏ? Cuộc đời hàng ngày có bao nhiêu anh đi câu như thế? Chị đi buôn đường dài, anh mua sắt vụn, bác thợ hoạn lợn rong quê, chàng thi sĩ tìm tên mình trên báo, ký dưới vần thơ còn sai niêm luật điệu vần, cho

chí phòng sang, khách sạn, ông cà vạt đi ký hợp đồng trong "bữa ăn làm việc" với chủ đầu tư... con cá nào mắc câu, con cá nào sổng mất? Để đêm về hỏi vợ một câu ấp úng chỉ hai người nghe riêng hay nằm suông nghe sương trên tàu chuối, tự hỏi mình "sao khổ thế này?".

Và ai tự hỏi, sau khi vào lò hoàn vũ, ta là ai, ta đi đâu, ta còn gì không? Như Chế Lan Viên từng hỏi trong thời Thơ Mới cách đây hơn nửa thế kỷ:

Ta là ai hay ngọn gió vô hình...?

Và nếu tất cả những con người vô hình không bóng đã tan đi từ tạo thiên lập địa, đến một hôm nào đó đều sống lại, cùng đứng bên nhau, thì bao nhiêu nghìn triệu bàn chân ấy phải chen nhau nát cỏ thế nào? Chợt nhớ đến vở kịch vui ngắn của Pháp "Người thầy thuốc xứ Cucunhăng", có một người có phép có thể làm mọi người chết từ 5 năm trở lại đây sống lại. Cả làng nghe tin ấy, đổ xô đến, mong người thân của mình trở về. Nhưng rồi một câu hỏi được đặt ra. Nếu chồng cũ mình sống lại thì người chồng mới đi đâu? Nếu cha mình sống lại thì nghĩ sao khi anh em kiện nhau chia gia tài khi ông vừa nằm xuống? Nếu vợ mình sống lại thì biết nói thế nào khi mình nghe vợ mới mà đuổi con đi, chẳng biết nó bây giờ ra sao? Cuối cùng, không ai tự trả lời được, và những câu hỏi ấy vẫn còn lơ lửng không chỉ trên sân khấu mà lơ lửng trên đầu toàn thể loài người.

Có lẽ không ai trên cõi đời này không từng có những câu hỏi với người bên cạnh, người xung quanh, và cả với quần thần tài trí vô song... đến anh đánh giậm chỉ có chiếc khố dây và manh chiếu rách...

Hỏi là quyền của mọi người. Còn trả lời ra sao thì ai dám trả lời cho trọn vẹn? Đó cũng là một câu hỏi chăng?

1999

Vượt dốc

Thời thơ trẻ, môn vật lý có bài học "Mặt phẳng nằm nghiêng". Thì ta cũng hiểu lơ mơ là nó ngầm mang một cái gì đó gọi là sức mạnh, không thẳng đứng cũng chẳng nằm ngang.

Phải dọc đường mưa nắng, ta mới dần thấm những bài học rất thông thường như thế, như mẹ ta dạy: "Ăn cơm phải biết giở đầu đũa", như cha ta nhắc khi đi đường buổi tối phải nhớ "Mưa trắng nắng đen", nghĩa là trời mưa xong thì đừng bước vào chỗ có màu trắng, trời nắng thì đừng đặt chân vào khoảng màu đen. Trắng là chỗ nước đọng giữa mặt đường khô. Đen là bùn lầy trên mặt đường phẳng... Mỗi lời ta học được là một cái dốc ta phải trèo qua, vượt lên mà đi tiếp.

Từ cái bậc tam cấp bằng chiếc cối đá thủng ở sân nhà đến ngọn Pha Ú Hồ vượt Thung Khe bắt vào Trường Sơn cao nghi ngút, từ cái gò hoang đầu làng có ngôi miếu cổ nham nhở vết cỏ trâu đến đỉnh Ba Vì thắt cổ bồng bay Yên Tử cheo leo sương phủ, từ lưng chừng Tam Đảo thông reo đến quanh co Đà Lạt mưa giăng, từ con đường son đỏ nơi biên giới Đồng Đăng đến bậc đá trơn rêu vào động Chùa Hương có vị mơ chua gái dở... từ con phà qua Cửa Lục Bãi Cháy Hồng Gai bước lên con đường dốc thoải để tiếp tục hành trình... cho đến ta ngồi trong chuyến xe qua Hải Vân mà bánh xe rền rĩ, qua Lang Thít, Đồng Mỏ lấp loáng ánh

rừng, ta lên cao dần, ta vượt dốc mà ta như vô cảm... cuộc đời ta luôn phải vượt dốc, lên dốc để đến một nơi nào, chiếm một cái gì, tìm ra điều ta chưa có...

Nhà thơ tìm thi tứ đêm đêm có phải là vượt dốc do chính mình dựng lên, chính mình vượt được hay không vượt được.

Anh chiến sĩ biên phòng vượt cái dốc này, đặt chân lên cái dốc khác sau khi đã vượt được cái dốc nhớ quê nhà có đôi mắt ngóng đợi mấy mùa hò hẹn.

Cái dốc của những kỳ thi tuổi học trò và cái dốc tự vượt mình trong vòng cơm áo có giống nhau về sự nghiệt ngã và tai ác? Nhưng không thể nào không vượt. Mà đã lên dốc, vượt dốc thì chẳng có ai, chẳng có người nào đẩy phía sau lưng ta, đỡ đôi bàn chân ta. Tự ta làm ra sức mạnh. Tự ta vượt bằng tiếng đập trong lồng ngực phập phồng hổn hển tỏa mồ hôi. Nhà thám hiểm tự nguyện trèo lên đỉnh Ê-vơ-rét có lẽ khác với người nô lệ phải vượt trăm nghìn ngọn hiểm xây Vạn Lý Trường Thành hoặc kẻ lao công kéo viên đá xây Kim Tự Tháp. Còn ta, ta tự nguyện vượt đỉnh Ê-vơ-rét của ta. Vạn lý Trường Thành của ta, Kim Tự Tháp của ta... khi tuổi hoa niên ta nắm tay nàng ngỏ một lời ấp úng, khi ta cố quên cái ngủ đè nặng đôi mi để tiếp tục việc dở dang, khi ta cố nuốt nỗi buồn phiền vì công trình thất bại... Con dốc có thật và con dốc vô hình, chẳng bao giờ bằng lòng ta đứng lại. Đứng lại là tụt xuống, là trở về dưới đáy, là trôi vào cái vòng tròn của con số không khổng lồ nó sẵn sàng đợi ta để cười chê ta một mẻ đáng đời.

Ông Tôn Thất Tùng khi mổ tim khô, lúc bắt đầu con dao lá lúa, ông đã vượt con dốc mà nhân loại đặt ra trước mặt ông như thế nào, có giống người chiến sĩ kéo pháo vào Điện Biên trong câu hò:

Đèo cao thì mặc đèo cao

Tinh thần yêu nước còn cao hơn đèo...

mà nhạc sĩ Hoàng Vân cũng tự vượt cái dốc âm thanh để tạo ra bài ca bất hủ một thời sôi động.

Hình như mỗi ngày là một con dốc, có thể chỉ là thoai thoải, nhưng cũng có thể là dựng đứng gian nan, ta không còn cha mẹ để dắt ta bước qua cái dốc bằng chiếc cối đá thủng sân nhà, ta cũng không có "ông quan thày" nào phía trước giơ cánh tay ra kéo ta lên đầy hỉ hả. Chỉ có mình ta tìm chỗ mà khỏa mái chèo vượt thác, mà đặt bàn chân tóe máu vào mỏm đá tai mèo, mà bước lên cái thang nhà sàn chênh vênh có lửa ấm nếp thơm hay cái lều canh lúa hoang vu chỉ có con rắn cuộn khoanh ngái ngủ...

Đền Độc Cước chờ ta, chùa Trăm Gian tịch mịch chờ ta, núi Phật Tích có vườn tháp cổ chờ ta, câu hát "trèo lên quán dốc..." quan họ chờ ta, ván cờ tàn xe pháo mã chờ ta... cái dốc đông đúc đua chen hay cái dốc mơ màng hiu hắt... cứ theo ta như một nỗi niềm định mệnh.

Kiên quyết và nhu nhược; sảng khoái và chần chừ, cố gắng và buông trôi... cái dốc không biết nhưng ta biết. Ta phải tự sắm lấy cái gương chiếu yêu để tự soi mình, mà cái dốc kia lấp loáng ảo mờ nhưng nghiệt ngã. Cuộc kéo co trong ngày lễ hội cũng là một cuộc vượt dốc ta chẳng thể lùi, chẳng thể buông chân. May ra trong số người đứng vòng quanh, có một đôi mắt háo hức đang chờ đã đặt một viên đá vào chân ta, thầm nhắc ta lời chỉ hai ta biết, phía sau cái dốc cần vượt này chỉ có một nụ cười tin tưởng... Nghìn người xung quanh đâu biết ta gân chão trên cánh tay, căng dây đàn bầu trong thần kinh, xe tứ mã phi đi trong huyết quản...

Cái dốc tình yêu thật mới gian nan, dễ đến vô chừng và khó tựa vô biên. Đỉnh điểm của nó ở chỗ nào, tận cùng mê đắm ra sao,

chưa biết, nhưng cái dốc mới kinh dị làm sao, nói như thơ Quang Dũng trong Tây Tiến:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm…

Đoạn trường sao là cái dốc đời người, cô Kiều phải ròng rã mười lăm năm vượt con định mệnh thăng trầm dốc ngược. Ta không Kiều, ta không Quang Dũng, hàng ngày ta chỉ có cái dốc cầu thạng vài ba chục bậc, nhưng phố phường đô thị hay đường xa đêm dài, lời cô hàng xóm chanh chua hay tiếng xe rồ xóc óc, bát canh lỡ tay quá muối hay câu từ chối gắt nồng kia nọ… ta có dám vượt nó không hay ta bị cái dốc ấy đẩy xuống não nề?

Chợp mắt thêm một tí, ngủ lười thêm một tí, vì miếng ngon mà ăn thêm một tí, vì một lời khen xã giao mà hí hửng thêm một tí… cái dốc này đẩy ta đi đâu, ai trong ta mang nó?

Xã hội ngày nay, nhiều người thường nói: Chịu nghèo là hèn, là xoàng, là nhục. Nhưng vượt dốc ra sao thì người ta không nói. Nó dẫn lên chỗ dây leo chằng chịt đầy gai và con vắt hút máu người hay dẫn lên con đường chỉ có trống chiêng lễ hội? Tự ta phải tìm và phải vượt, chỉ một mình ta, hôm nay, ngày mai, ngày kia và nữa nữa…

Từ bậc thềm có cái cối đá ở sân nhà đến những dốc dài thăm thẳm, lời bài học hay âm thanh vũ trụ… cái dốc đời người mới dài đằng đẵng làm sao, nhưng lẽ nào chùn bước mà không vượt?

1999

Đôi dòng kỷ niệm

Thấm thoắt đã 40 năm, tôi không còn nhớ cụ thể được ngày tháng chính xác ra sao, nhưng cái cốt lõi thì đã in sâu vào tâm trí, không thể phai mờ. Nó còn đọng lại thành ký ức, chất chồng dồn nén như từng viên gạch được xây thành căn nhà, nếu có thể gọi cuộc đời ta là căn nhà như thế.

Sau ngày Thủ đô giải phóng ít hôm, có một cuộc họp thật trang trọng giữa những văn nghệ sĩ đi kháng chiến trở về và những văn nghệ sĩ trong lòng Hà Nội. Cuộc họp ấy được tổ chức ở phố Tông Đản (Nay là Ban Văn hóa Đối ngoại) trong một biệt thự ba tầng có khuôn viên rộng rãi. Tôi cũng được mời dự họp vì trong thời gian ở Hà Nội, tôi hoạt động văn hóa, làm thơ đăng báo, những bài thơ hướng về kháng chiến (mà nay nhìn lại, thơ cũng chỉ thường thường bậc trung) hơn nữa, trước ngày giải phóng Thủ đô, mấy anh em chúng tôi thành lập một đoàn kịch để đón ngày quân ta về Hà Nội, cũng ra mắt công chúng được ít buổi, ngoài ra, tôi (và cả vợ tôi - chị Mai Phương) còn tham gia nhiều đoàn văn nghệ khác biểu diễn ở nhiều rạp chiếu bóng, trình bày chủ yếu là những bài ca yêu nước, hướng về kháng chiến và dân tộc.

Tôi còn nhớ Ban kịch Tháng Mười ấy, vừa có nghĩa Tháng Mười là mùa gặt, là hạnh phúc, đồng thời Tháng Mười còn là

tháng của Cách mạng Liên Xô, cuộc cách mạng mà chúng ta, theo đường lối ấy. Vở kịch chúng tôi công diễn là vở *Ngày Mới*, kịch nói ba màn, do tôi và anh Vũ Minh Tân và chị Thùy Linh cùng bàn bạc nội dung, chia lớp lang, do tôi chấp bút những ngày tôi phải chạy ra vùng Đông Triều để tránh địch bắt lính. Trước ngày tiếp quản thủ đô ít hôm, chúng tôi trở về Hà Nội một cách lặng lẽ, có anh Hoàng Công Khanh tham gia sửa chữa, thêm bớt và sau đó đề là "sáng tác tập thể", một kiểu sáng tác được khuyến khích lúc bấy giờ. Sau khi công diễn, đoàn kịch còn được sự hỗ trợ của anh Nguyễn Bắc, giám đốc Sở Văn hóa lúc ấy giúp đỡ bằng cách miễn giảm thuế du hí.

Vì những lẽ trên mà vợ chồng tôi có mặt trong buổi họp mặt vừa trang trọng, quan trọng, và thân tình giữa những người "trong làng văn nghệ" nhưng nhiều người chưa hề biết mặt nhau.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp trực tiếp những người đàn anh tôi từng ngưỡng mộ từ lâu như Xuân Diệu, Nguyễn Xuân Khoát, Phạm Văn Khoa, Phạm Văn Đôn, Phạm Văn Chừng, Thế Lữ, Song Kim và hàng chục tên tuổi lừng danh khác. Lúc ấy Phạm Văn Khoa chưa là bạn đời của Bích Châu một diễn viên kịch nói tài năng.

Có một vài chi tiết lý thú như sau này tôi biết, Phạm Văn Khoa đi kháng chiến trở thành đạo diễn điện ảnh, nhưng trước kháng chiến anh ta là một trong mấy người đã được phân công dựng Đài Độc Lập ở quảng trường Ba Đình để Bác Hồ đọc bản tuyên ngôn ngày mùng 2 tháng 9 lừng danh, cùng với Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Dực (anh này là con cụ Nguyễn Văn Vĩnh, người đã từng từ chối huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh của Pháp và chết nghèo khổ ở bên Lào, anh Dực cũng là anh ruột của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp, tác giả bài thơ "Đi Chùa Hương" tuyệt

tác). Chừng ba mươi năm sau, sau khi chị Bích Châu qua đời, tôi mới biết tôi và chị có họ, cùng chung một cội nguồn ở quê hương Linh Đàm (ngoại thành Hà Nội) nhân một cuộc họp họ, người chị ruột của chị là chị Tài nhà ở Hàng Mành cho biết, và họ hàng còn có nhà viết kịch Tất Đạt, nhà nghiên cứu sân khấu, tổng biên tập *Tạp chí Sân khấu* Tất Thắng. Tôi là em chị Bích Châu nhưng là anh của Tất Đạt và Tất Thắng. Tiếc sao, biết muộn quá, nên thời kỳ tôi ở đoàn kịch nói Trung ương, tôi và Bích Châu thân mật lắm nhưng không hề biết là mình có họ.

Trở lại chuyện cuộc họp mặt trên, một không khí chan hòa, cởi mở, không phân biệt trẻ già hay tài năng cao thấp, không phân biệt ngoài hậu phương hay trong lòng Hà Nội, nhưng dù sao lớp trong Hà Nội chúng tôi, nhất là còn trẻ như tôi (mới ngoài 20 tuổi) vẫn khiêm tốn và giữ một khoảng cách với những tài năng đã sáng chói đang có mặt ngay bên cạnh mình.

Văn, thơ, họa, nhạc, kịch, điện ảnh... có đủ mặt những "anh hùng". Thế Lữ gầy gò, Xuân Diệu còn dùng một cái mùi xoa tự tạo bằng một mảnh vải xanh khâu chỉ trắng. Phạm Văn Đôn cao lênh khênh, Trúc Quỳnh người nổi tiếng trong vai kịch Phồn Y vở Lôi Vũ của Tào Ngu, còn rất trẻ và rất đẹp, Phạm Văn Khoa đang ở ngành điện ảnh còn non nớt, người cao to khỏe mạnh, hoạt bát (nếu tôi nhớ không nhầm thì anh Khoa còn hay mặc quần soóc như một nhà thể thao).

Cuộc họp để lại ấn tượng trong lòng chúng tôi một kỷ niệm sâu đậm, vì có thể nói cuộc họp đã tập hợp đầy đủ những gương mặt và tài năng của làng văn hóa văn nghệ cả nước, từ Nguyễn Tuân được giới thiệu là Tổng thư ký... chỉ mặc mỗi quần áo nâu xuềnh xoàng đến Đào Mộng Long người nhỏ thó, từ nhà viết cải lương Sỹ Tiến ở trong thành đến em ruột ông là nghệ sỹ Sỹ Hùng từ hậu phương về v.v...

Phải nói ngành điện ảnh lúc ấy của chúng ta còn đang phôi thai, mới manh nha chập chững, chúng tôi chưa biết gì nhiều về phim ảnh của "hậu phương", sau đó được xem phim "Việt Nam trên đường thắng lợi" của nhà đạo diễn Liên Xô Các Men làm chung với Phạm Văn Khoa mới thấy có cái gì đó thật mới lạ, thật đáng vui, khác hẳn những phim chúng tôi được xem trong lòng Hà Nội như *Cuốn theo chiều gió, Samson và Đalila, Quơ Vadis* hay kịch của Tào Ngu, kịch thơ của Vũ Hoàng Chương v.v...

Cuộc họp kết thúc, cuộc đời bình lặng (nếu có thể tạm gọi là như thế) trôi đi, mỗi người lao vào một công việc, một ngành nghề mà mình ưa thích và lựa chọn, ít có điều kiện để người nọ gặp người kia.

Tôi cũng không nhớ ngày thành lập ngành Điện ảnh Việt Nam là ngày nào, anh Phạm Văn Khoa hoạt động ra sao, nhưng sau đó có xem phim *Chung một dòng sông* do chị Phi Nga (vợ anh Phan Vũ) và anh Mạnh Linh (diễn viên kịch nói ở Hà Bắc chuyển về Hà Nội sau giải phóng, có thời cùng ở Đoàn kịch nói với tôi) đóng những vai chính. Trước hết, nó đã nhen lên niềm vui và lòng tự hào vì lẽ chúng ta đã có phim của ta, không còn chỉ có xem phim Mỹ phim Pháp phim Nhật như trước đây (phim Nhật gây ấn tượng nhất là *Rhasamon*, tác giả được giải Nobel).

Cũng không còn nhớ do bạn bè truyền tai nhau hay đọc thông báo trên báo, tôi được tin ngành Điện ảnh tuyển diễn viên cho ngành, lớp đầu tiên ở Hà Nội. Vốn say mê sân khấu chứ chưa hề biết gì về điện ảnh, nhưng đã từng xem phim nhiều, từng lên sân khấu, tôi ngây thơ nghĩ rằng hai ngành này gần gũi với nhau nên tôi đã hồi hộp chuẩn bị để thi vào làm diễn viên điện ảnh. Háo hức lắm, khấp khởi lắm, nhất là còn trẻ, đầy nhiệt huyết, nên một mặt tôi luyện tập một vài tiểu phẩm nhỏ, mặt khác tôi viết một lá

thư tay cho anh Phạm Văn Khoa, nhắc anh về cuộc họp mặt ở phố Tông Đản, coi như "người quen cũ" để mong anh giúp đỡ. Thực lòng, tuổi trẻ bao giờ cũng dễ lạc quan, cũng tự đánh giá mình cao hơn điều mình có, nói cách khác là nhiều chủ quan.

Một ngày mưa tầm tã, cái mưa từ đêm qua, hôm qua, kéo dài sang hôm sau, đường phố cỏ cây ướt sũng, tôi đi bộ từ phố Lê Văn Hưu lên phố Hoàng Hoa Thám (số nhà 72 thì phải) lúc ấy không phải ai cũng có được một cái xe đạp mà đi, xa chừng 6 cây số. Tôi được trình diễn tiểu phẩm của mình trước rất nhiều người tôi chưa hề quen biết một cách đầy tự tin.

Tôi cũng không hiểu nếu may mắn tôi trúng tuyển hôm đó thì cuộc đời tôi đã rẽ ngoặt sang con đường nào, như một số gương mặt diễn viên và đạo diễn có mặt hôm thi tuyển ấy. Sẽ là may mắn cho tôi hay không may mắn cho tôi. Sẽ là diễn viên "lão làng" vì thoắt đã hơn 40 năm, hay nghề diễn viên ấy đã tạo cho tôi thành con người khác, không đi viết văn viết báo như ngày nay?

Lúc ấy anh Danh Tấn, chị Trà Giang chưa xuất hiện. Anh Trần Công còn rất trẻ. Những Lâm Tới, Thế Anh và hàng trăm tài năng đang có mặt trên màn ảnh hôm nay cũng chưa xuất hiện, có nhiều người còn chưa được sinh ra trên cõi thế gian này như Huệ Đàn, Quyền Linh, Lê Tuấn Anh v.v...

Sau cuộc thi tuyển, tôi chờ mãi không thấy được gọi, và biết là mình "trượt". Cũng đáng đời cho một chút ngông nghênh, một chút quá tự tin, một chút đánh giá hơi cao về mình. Phải chăng vì tôi diễn hơi "kịch"? Vì gương mặt gồ ghề xương xẩu của tôi không "ăn ảnh", vì cái thân tôi gầy gò (tôi chưa bao giờ béo từ trẻ đến nay gần 70 tuổi).

Tôi không hề giận hay oán trách anh Khoa cũng như Ban giám khảo, mà tự an ủi rằng "chắc mình không hợp". Và thế là

tôi yên tâm rẽ sang con đường khác, con đường cũng không kém phần gian truân vất vả so với nghề diễn viên điện ảnh: nghề văn, tiếp tục công việc tôi theo đuổi từ nhiều năm trước, trước khi thi vào ngành điện ảnh.

Một thời gian ngắn sau đó, Xưởng phim (tên gọi lúc ấy) mở xưởng lồng tiếng do anh Bích Lâm, nhà điện ảnh chuyên nghiệp và nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc, tục danh là Phúc Rỗ, có bài nhạc *"Lời du tử"* nổi tiếng, phụ trách, tôi động viên Mai Phương, vợ tôi thi vào và trúng tuyển, làm diễn viên lồng tiếng, lớp đầu tiên, làm việc tại phố Bà Huyện Thanh Quan bây giờ.

Lồng tiếng là một ngành nghề mới, hoàn toàn mới. Vào được đây, trước hết phải là diễn viên. Chỉ khác là không có mặt, chỉ có tiếng trên màn ảnh. Trước đây, ở Hà Nội, chiếu phim Pháp hoặc phim Mỹ, ai hiểu tiếng Pháp thì thấy hay, còn không thì dựa vào phụ đề tiếng Việt, và sau này mới có lời thuyết minh phim. Xem phim có phụ đề thật vất vả. Hiểu được lời nói thì không chú ý được hết hình ảnh. Mải xem hình ảnh thì vụt qua đi mấy dòng chữ phụ đề. Thuyết minh tốt hơn nhiều, vừa nhìn, vừa nghe được. Nay có phim lồng tiếng, ưu điểm sẽ là vượt trội, dù lúc đầu có người chưa quen, còn thấy "sượng", vì người tây, người da đen, người Mỹ cũng nói tiếng Việt... nhưng lâu thành quen, nghe và xem một phim lồng tiếng, sẽ lĩnh hội được cả hình ảnh và âm thanh, hay hơn nhiều, nó còn khác xa một trời một vực với loại phim câm những năm hai mươi ba mươi của thế kỷ này khi Charlot với cái gậy và cái mũ xuất hiện, không có lời.

Vợ tôi đi làm hai buổi ở xưởng phim lồng tiếng, nhờ vậy mà có người bạn thân là chị Huấn, đồng nghiệp, một cô gái nhẹ nhõm, dễ thương, em gái ruột đạo diễn Phạm Văn Khoa và là vợ nhà văn Đoàn Giỏi, sau chị cũng phải chuyển nghề đi kéo đàn

violoncelle ở dàn nhạc giao hưởng, và đã mất trước Đoàn Giỏi nhiều năm. Điều này càng chứng tỏ, với đạo diễn Phạm Văn Khoa thì công việc là quan trọng, dù quen hay người ruột thịt, nếu không hợp với công việc, ông cũng không thể vì tình riêng mà bỏ cái chung.

Thêm một chi tiết cũng đáng nói về Phạm Văn Khoa, tôi nói không phải để bới móc đời tư người quá cố mà để nói về tình người, về tấm lòng, về sự chân tình của ông. Sau khi chia tay với Bích Châu, chính Phạm Văn Khoa đã lo lắng cho hạnh phúc của người vợ cũ, đã đứng lên tổ chức đám cưới cho Bích Châu tìm sang bến khác, ông mới yên lòng, dù lúc này ông không còn khỏe mạnh trai tráng như trước. Anh em quen biết ông, càng kính phục và yêu mến ông thêm vì lẽ đó, ngoài tài năng của người đạo diễn, ngoài cái tâm cái trí của con chim đầu đàn trong ngành Điện ảnh Việt Nam.

Người ta nói "Thời gian như bóng câu qua cửa sổ". Đúng. Một lớp người cũ đã ra đi. Bao lớp người mới đã có mặt. Bốn chục năm, năm chục năm, mỗi con người đã làm được bao nhiêu công việc, có thành công, có thất bại. Mỗi ngành cũng đã trưởng thành, vượt qua bao nhiêu bão tố chông gai. Ngồi nhớ lại thì nhanh, nhưng một chặng đường dài thì đâu có chóng. Trong bão táp của đất nước, đã có một Việt Nam đứng lên chói lọi. Ngành Điện ảnh Việt Nam sinh ra và trưởng thành cũng đã gặt hái được nhiều thành tích phi thường. Phạm Văn Khoa không còn. Có những con người gồm đạo diễn, diễn viên, quay phim, viết kịch bản... gạo cội, người mất kẻ còn, người rẽ ngang sang đường khác, người về nghỉ tưới cây, người vẫn đang "lặn lội" dưới ánh đèn hàng nghìn nến sáng chói. Tôi không may mắn được là một người của ngành điện ảnh, như có lẽ tôi vẫn coi ngành ấy là bạn của mình, vì hàng ngày, hàng năm xem phim, gặp người quen cũ, tiếp xúc với người

sinh sau, theo dõi đều công việc của một ngành công nghiệp tổng hợp, vừa là kỹ thuật, vừa là tài năng, vừa là tâm huyết, vừa là chiến sĩ trên mặt trận văn hóa...

Nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc không còn là Phúc Rỗ, vừa còn là nhạc sĩ vừa là họa sĩ tài ba có hàng trăm tác phẩm hội họa chân dung văn nghệ sĩ. Và bao nhiêu nghệ sĩ khác, có tên hoặc chỉ âm thầm trong xưởng... đã tạo ra được khuôn mặt Điện ảnh Việt Nam đáng tự hào, đáng vui mừng, không chỉ cho hôm nay mà còn bắc cây cầu sang thiên niên kỷ tiếp theo.

Đôi dòng dông dài trên đây không hiểu có thừa không?

1999

Mùa xuân châu thổ

Châu thổ sông Hồng, thuở ấu thơ đi học còn phải ra rả như cuốc kêu là Đen ta đùy Tông Canh (Delta du Tonkin), có đỉnh tam giác là Việt Trì sống trong lòng người với bài phú *Ngã Ba Hạc* của danh sĩ Nguyễn Bá Lân (1701-1785) rồi được người sau đắp bồi thêm bằng bài ca *Du kích sông Thao* của nhạc sĩ Đỗ Nhuận, và đáy của hình tam giác ấy là một xanh rờn sóng nước từ Quảng Ninh than đến Ninh Bình Tam Điệp sống lung linh nhờ tài thao lược lui quân để chiến thắng của Ngô Thì Nhậm... từng là cái nôi của dân tộc nghìn đời Luy Lâu - Cổ Loa - Phong Châu - Mê Linh - Long Đỗ - Thăng Long - Hà Nội, cũng là cái nôi của ngôn ngữ *Tơ-lâu* thành con trâu, *tơ-lem* thành Chèm, thành Từ Liêm, loại ngôn ngữ làm thành truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Hồ Xuân Ma Quái, quê hương của thạp đồng Đào Thịnh có hình người đang làm ra con người ngay trên mặt thạp một cách ngang nhiên dưới ánh thanh thiên bạch nhật đầy đạo đức chẳng cần nửa kín nửa hở nhập nhèm tú mú...

Hình tam giác thiêng liêng cổ xưa nhưng vẫn mới ngần cũng còn là quê hương của Hồng Châu, Sơn Nam, Kinh Bắc có hát trống quân, chiếu chèo, quan họ còn đang véo von đến tận những trời băng tuyết mê hồn dù ngày nay có ai kia mê ngoại, thích Pốp, Rốc động kinh hơn là nhịp đàn bầu, cây đàn đáy và *Cầm Giả Ca*, và *"Ứ hự giữa đồng..."* những Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ...

Trong tam giác châu ấy, đang có hơn chục triệu trái tim hằng đập từ thành thị đến mái nghèo tranh lá, và cũng có những tha ma mộ địa, những nghĩa trang đêm đêm lập lòe ánh lửa lân tinh như hồn xưa mang khối chưa tan. Dâu bể là thường tình. Chia tách, sáp nhập, thay tên, đổi giới cũng là mưa nắng của đời. Nhưng đến nay, tỉnh nào trong châu thổ ấy hoàn toàn bằng phẳng (tương đối) nghĩa là không có núi?

Từ thuở nào hồng hoang, biển tiến biển lùi, tạo sơn, sông sống và sông chết, gò đống mấp mô, đồng vàn, đầm trũng... những ông Đùng bà Đà gánh đất gánh đá không đứt quang gánh đánh rơi gì, nên không có những rặng lưng rồng nhấp nhô, không có ngọn trơ trọi một mình một khoảnh?

Hình như có hai tỉnh thiệt thòi như thế. Đó là Hưng Yên và Thái Bình chăng? Hai tỉnh gồm bốn chữ đều mong mỏi tốt lành, nơi thì từng có Phố Hiến lừng danh, nơi lại là quê hương của cánh đồng 10 tấn ấm no thời đại mới.

Không nói những Hoàng Liên Sơn cao ngất, những mù sương Pha Đin, những lèn đá tai mèo cứa nát bước chân từ anh bộ đội biên phòng đến đoàn quân vua Lê Lợi vượt sông Đà mấy trăm xưa dẹp loạn còn để lại tấm bia Hào Tráng nay là hồ Ánh Sáng Hòa Bình... Không nói những chiếc gấu váy thổ cẩm, thêu hoa thêu lá cứ phập phồng theo bước leo đèo hay dắt ngựa đi chợ là đà men rượu và bát thắng cố nghi ngút và những chiếc khèn môi gọi bạn tình qua cửa "vóng" những đêm trăng hay cái que chọc qua khe nứa nhà sàn để rủ nhau vào rừng chơi nhởi, mà ai biết được sẽ là nắp thạp đồng Đào Thịnh hay điệu "múa Mo múa Chày" đụng nhau đầy bí mật trên đệm cỏ thanh hao và ngọn ràng ràng cùng lá mục hoang sơ...

Hãy nói gần ta châu thổ, mấy dặm chân đã gặp Ba Vì Tam Đảo của Sơn Tây, Vĩnh Phú, hoặc gần hơn nữa có núi Sài Sơn với

hang Cắc Cớ, có rặng đồi làng So làng Sở, có núi Trầm của xứ Đoài chưa mỏi cánh chim bay.

Bắc Ninh còn đó Thiên Thai mấy đỉnh, còn đó đồi Lim "con chim loan phượng" hát thâu đêm mà tuổi thơ ta chưa biết xe chỉ nhớ thương, chưa biết ướt đầm nước mắt khi chạm vào vạt áo, đã hát đầy thích thú:

Trèo lên trên núi Thiên Thai

Thấy ông bụt ốc đang nhai kẹo vừng...

Hải Dương có núi Đông Triều, có Yên Tử Chùa Đồng nhà vua từ bỏ vinh hoa để thiền, để lắng, để nằm ngủ với núi mây. Côn Sơn đàn cầm và nhạo thông gối đá là đây, nhưng còn người đâu được yên thân như cây cỏ lá hoa nên đôi anh hùng thục nữ đành hứng lấy lưỡi dao oan nghiệt đời đời vụ án Lệ Chi Viên, năm trăm năm nhật nguyệt không mờ, ta còn nghe tiếng cùm tiếng xích loảng xoảng và tiếng chiêng tiếng trống pháp trường đẫm máu người trung trinh trong buổi sớm bị hành hình...

Hà Nam có rặng đá vôi hang động soi mình vào sông Đáy như chiếc thắt lưng xanh châu thổ, mới phát hiện ra Ngũ Động Thi Sơn gần kề quê hương Bà Chúa Liễu.

Mấy ngả cổng xanh quanh trung tâm châu thổ, núi đều tô điểm sơn thủy hữu tình. Hưng Yên, Thái Bình thiệt thòi có bao giờ thèm khát một dốc đá cao thông ca vi vút hay róc rách một con suối lưng chừng sa nửa vời như một khúc tương tư?

Hưng Yên có cánh đồng Tam Thiên Mẫu khiến cô gái đen nhẻm má hồng phải thở than:

Chắp tay vái lạy đòn càn

Đồng Chung, đồng Thứa, đồng Đan đừng vào...

khi cô còn mang niềm vui vì có cây nhãn lồng ngọt hơn đường phèn, có quả táo Thiện Phiến ửng má hồng mịn mát ngón tay và rân rân đầu lưỡi. Có ai không từng giữa mùa hè tầm tã mồ hôi được ăn bát chè sen long nhãn như một liều thuốc lạnh mát hồi sinh. Hưng Yên cho đấy, tặng đấy khi bạt ngàn rặng nhãn, khi phấp phới và thơm ngát đầm sen, bơi con thuyền thúng lặn vào màu xanh bất tuyệt, ta ngủ với hương sen, trời cũng để yên, không ghen tị.

Thái Bình có ai vắt kiệt sức mình làm ra hạt muối như Nam Định xóm giềng? Không muối ư? Cái chết đấy. Càng nắng thì vai áo càng bạc ngấn mồ hôi và cái nón mê tơi tả, chiếc gầu, chiếc chạng càng căng lực mỏi nhừ, nhưng hạt muối càng ngọn càng trắng, cho Hà Nội có đĩa thịt gà lá chanh chấm vào đĩa muối thành thi vị. Gác chuông chùa Keo có an ủi phần nào những tháng ba ngày tám từng cướp đi bao sinh mạng chỉ rau má cầm hơi, mà nhà nhiếp ảnh Võ An Ninh đã ghi lại thảm thê ngày tiền khởi nghĩa: 1945 !

Ai hạnh phúc được lăn mình vào những triền đê tím cỏ may như nhung nâu biếc, ăn chiếc bánh gai Ninh Giang, chiếc bánh đậu xanh Hải Dương, chiếc bánh đa Kế Bắc Giang, chiếc nem Đan Phượng, chiếc bánh dày Quán Gánh, chiếc xu xê Đình Bảng... và lang thang trên những cánh đồng lảnh lót sơn ca, những lũy tre như tranh lụa, những rặng vải thiều còn phảng phất hồn một Mai Thúc Loan và xa nữa là đôi môi người đẹp Dương Quý Phi ăn quả vải ấy cho Đường Minh Hoàng càng say đắm... hoặc một đêm trăng trong chiếc vó bè kẽo kẹt với dập dềnh, gờn gợn tiếng lau khua giữa một mênh mông không bờ bến như chỉ còn ta và tiếng cá quẫy ì ùm vừa thần tiên vừa nhân thế...

Con sông nào là nguồn sữa nuôi châu thổ? Các nhà địa lý đã thống kê. Cứ trên hai mươi cây số vuông đất đai thì ta đã có một

cây số dài sông lấp lánh ngọt ngào. Bến Tuần Vường, Tân Đệ, bến Bình, Phả Lại, bến Trung Hà, bến Hồ... Những sông Thao, Nhĩ Hà, những sông Cầu lơ thơ nước chảy, những sông Thương bên đục bên trong, những sông Đáy, sông Kinh Thày, Lai Vu, những Ninh Cơ, Tích Giang, Tiêu Tương như từng dòng thơ nuôi lớn hồn ta... cả những con sông nhỏ nhoi có tên và không tên, thuở ấu thơ ta lội qua tìm con hến con trai, vớt chút rau rong cho mẹ, có người chị gái kéo thuyền lúa chiều hôm, có lá buồm hình chiếc kẹo lạc như rong chơi nhưng ba hòn đá chỗ mũi thuyền đầy vất vả mới vương ngọn khói lam mờ nhà chài long đong số kiếp... Bờ xôi bãi mật là bãi ngô phơi lụa, là vạt đỗ xanh già, là đồng dâu vương vít sợi tơ giăng, là mùa xuân hoa gạo đỏ rơi đầy vai áo người đi chợ, là giang đầu sum họp và chia ly, là mùa hè dữ dội lũ nguồn phấp phỏng, là mùa thu con dang con diệc ngủ lơ mơ một chân co như nhà hiền triết nghĩ suy, là mùa cưới qua sông có trẻ chăng dây lụa đỏ để có tiền quà, tiền đánh đáo (có thể đứa trẻ ấy là ta, mấy chục năm còn hiện chiếc nón cô dâu nghiêng nghiêng xấu hổ, chị chỉ cười khi ta hát:

Cô dâu chú rể... đội rế lên đầu...

Phải lâu lắm sau này mới có chiếc máy cày có bánh lồng xùng xục. Chứ từ xa xưa, chiếc gầu sòng ba chân, con trâu oằn vai, bước một, kéo chiếc cày chìa vôi và chiếc bừa gãi đất... thế mà châu thổ cho ta có một Lê Quý Đôn, một tam nguyên Nguyễn Khuyến, một Hoàng Hoa Thám, một Lương Thế Vinh, một Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên năm 13 tuổi...

Đã bao nhiêu giông tố và bão lũ tràn qua. Gần sát cái đáy tam giác là biển Đông, nhà cửa phải thấp nhỏ, còn đắp thêm gờ cho khỏi tốc mái lá mía lá gồi hay cỏ tranh, mớ rạ. Đã bao nhiêu triệu thế hệ con cà cuống sinh ra, chết đi, nối dõi trong những bờ cỏ lấp xấp nước bùn và bao nhiêu kiếp bọ bèo, đom đóm đêm đêm

cứ định mang chiếc kim vàng ra mà vá bầu trời mênh mông khắp một miền ta đi không thấu. Ông già ngồi câu "tựa gối ôm cần" hay câu cả mùa thu đồng bằng đất Bắc, để từ đây mà dân tộc lần lần có châu Hoan châu Ái, châu Ô, châu Lý, Trấn Biên...

Châu thổ là thịt xương thiêng liêng dân tộc. Nay đang thêm bao nhiêu động mạch, tĩnh mạch, vi ti mạch... len lỏi vào từng tế bào làng xóm, cho cô gái Nam Hà không còn phải cắt tóc lá khoai (chỉ còn cái chỏm trên đầu) mà đội đất, cô gái Hải Dương không còn phải mặc chiếc váy đụp buộc thêm sợi rơm vào đũng vì cứ cúi suốt ngày mà đi cấy tái giá mùa tháng tám bão giộng... cho cô gái Sơn Tây không còn "yếm thủng tày giần" cho cô gái Hương Sơn không chỉ có "rừng mơ hiu hắt".

Xe pim pim vào đến sân gạch. Bạt ngàn nhà "Một thò hai thụt", "một thụt hai thò", trên đó là những dàn ăng ten xem được trận bóng đá cách nửa vòng trái đất một cách tức thì. Chưa hết cách xếp ải, đổ dầm, chưa hết cái vồ quay đập đất trồng khoai tra đỗ nhưng "Điện, Đường, Trường, Trạm" là thành câu cửa miệng và sinh hoạt hàng ngày.

Châu thổ đang lấn vào biển biếc. Ta đang đi vào tương lai. Châu thổ đi cùng ta trên dặm đường xuân hối hả.

Mùa xuân và đổi mới là sức kéo. Những nghìn năm nghĩa trang là sức đẩy. Con tàu ta, con tàu châu thổ đang đà.

1999

Vườn các cụ

Mùa xuân là của tuổi trẻ hay người già? Mùa xuân, ta lang thang trên đường xa, rẽ vào những thôn làng đã ngàn đời quen tịch lặng đang thay đổi từng ngày, ta sẽ gặp những người ươm mầm xuân mà không phải là người trẻ tuổi.

Chỗ đầu thôn hay cạnh chỗ ngôi chùa, bãi đất hoang hay cái đầm mới vượt, cạnh tha ma hiu hắt mấy thời... bỗng mắt ta no nê một màu xanh tươi mởn: Thì ra đó là một khoảnh vườn đã sum suê hoa trái, mà cổng vào có đôi nghê đá hay con rồng vươn mình, tấm bia mờ nét rêu phong, lang bạt từ ngôi đình, tòa miếu nào không rõ... ta sờ tay vào đá lạnh như gặp thời gian ngàn cũ đọng lại nét lờ mờ. Ta bước vào con đường đất mịn, cỏ tóc tiên hai bên chưa đến mùa nở những đóa hồng tươi, thế là ta đã đứng giữa "Vườn các cụ" mà ta không e sợ bị coi là khách lạ.

Cụ ông mặc tấm áo bộ đội cũ hay màu nâu dân dã như cha ta, ông ngoại ta, cụ bà chùm tấm khăn vuông đen đã bạc màu mưa nắng, chiếc áo bông trần quả trám quân cờ cũng đã ba đôi chỗ lòi bông sờn vá... cụ thì cúi lom khom, cụ thì ngồi nhặt cỏ như hình ảnh bà nội ta ngày nào xa lắm, cuối đông ngồi lê trên ruộng đầy chân rạ, hái nắm rau hoang về làm món bánh khúc cho tuổi thơ ta ngây ngất... Các cụ đang chăm sóc khoảnh vườn bằng tất cả những gì còn sót lại sau một đời người chân lấm tay bùn nuôi cho

mẹ cha ta trưởng thành, cho cả chính ta khôn lớn, bây giờ tay đã run run các cụ lại dồn sức vào gốc táo má hồng, cây táo Thiện Phiến cây hồng xiêm chĩu chịt, hàng đu đủ ẫm em từ gốc đến ngọn, những gốc cam treo đầy trái ngọt như những quả làm bằng vàng ròng vàng nén, rặng chuối trĩu buồng như những ngón tay xanh ngửa ra hứng gió hứng nắng đồng quê thơm thảo...

Trước ba gian nhà đơn sơ nơi các cụ nghỉ tay uống bát nước trà xanh hái ngay vườn nhà mình, cũng có cái giàn treo lơ lửng và la đà những chiếc đèn lồng cái đỏ, cái xanh, cái ương ương vàng nhạt. Gấc đấy. Xôi đám cưới, xôi ngày tết, xôi đám hội... quả gấc đến với mỗi nhà có khi là quà tặng của tuổi già cho vườn trẻ, có khi là rẻ bằng nửa giá chợ để góp quĩ thọ cho thôn...

Hàng rào xén tỉa bằng bặn cũng là cây quen thuộc, bạc hà, ngải cứu, tía tô hoặc vươn cao mấy gốc xoan đào, mấy cây bưởi cho mùa xuân thơm ngát hương hoa...

Vườn các cụ, những bài thơ xanh sinh ra từ những tấm lòng yêu quê hương và thương con cháu. Đàn trẻ nào tan trường như bầy chim non ùa vào xin quả, cứ vin cành mà chọn lấy trái táo ngọt thơm. Ông đứng vuốt râu nheo mắt, bà cười móm mém hàm răng thấy cháu chắt được hưởng bóng xanh người cao tuổi...

Người xưa bảo "Trẻ trồng na, già trồng chuối". Nay, không hẳn. Vườn các cụ cũng có na có bưởi, có trứng gà, hồng xiêm, có cây ngọc lan thơm ngát, có cây dừa bên bờ ao chải tóc lá vào mây... những loài cây mười năm mới bói. Có sao đâu. Trồng cây là cho lớp người sau chứ đâu phải chỉ cho mình. Lớp này chưa kịp lớn, chưa kịp hưởng thì lớp sau được trảy ngọt ngon. Người tóc bạc da mồi chưa kịp nâng quả lòng tay thì đã có lớp người sau kế tiếp được hưởng ngọt lành. Hạnh phúc là được thấy người khác, người sau hạnh phúc. Quả ngon là thấy người khác được ngon.

Vườn các cụ là di cảo, di chúc, di sản của lớp ông bà để lại cho cháu con, là của người già ươm mầm xuân cho lớp người trẻ tuổi.

Một góc vườn kia, ngày tết, rau mùi đã già, có bao nhiêu nồi nước rửa mặt sớm xuân có hương thơm lá mùi già ngây ngất từ vườn này đến mỗi gia đình, cho cụ già hít hà, cho cô gái bâng khuâng, cho trẻ mang suốt đời hương thơm kỷ niệm. Và mảnh đất bờ con mương tí tẹo, vạt cải hoa vàng, vàng như muôn cánh bướm, vàng như ánh nắng thu hanh đợi mùa sau thành luống cải xanh rờn, bây giờ đang ngậm sương làm hạt, đang như người già chắt chiu sức sống để mùa tới đơm hoa... vườn các cụ cũng là những làn nắng ấm cuối đông mang lửa ngầm cho lớp sau rực rỡ.

Nhiều khu vườn còn được điểm trang bằng dăm ba loài hoa tết, dù chỉ khiêm nhường một góc. Vài gốc hồng quế hồng lam, dăm củ thược dược, mấy khóm huệ tinh khiết, đôi ba giò cúc chi, cúc vạn thọ, một nhành lan lô hội lửng lơ trên thân cây cau cây dừa, đung đưa những chiếc lá mềm như lụa xanh trang điểm...

Phong trào Vườn Ao Chuồng (gọi tắt là VAC) đang phát triển, nhiều gia đình giàu lên nhờ thu hoạch từ những dẻo đất hoang hóa, những cái ao chỉ rau rong rau dừa. Đó là lao động nông nhàn, là gia đình chăm bón. Còn vườn các cụ lại khác.

Công sức, mồ hôi của người cao tuổi rót xuống nõn cây cho làng thêm xanh đẹp, thu nhập chắc không là mục đích đầu tiên, càng không phải mục đích cuối cùng. Mà chính là tấm lòng vì dân vì xã, vì lớp trẻ, vì niềm vui cho tuổi thọ thêm bền, cho con chim tìm về làm tổ, cho cảnh trí vui tươi, cho lòng người thư thái. Đương nhiên, nhiều khu vườn các cụ thu hoạch cũng đáng kể lắm đấy.

Thật hạnh phúc khi trong gia đình mỗi chúng ta còn có ông bà hay các cụ để làm chỗ dựa cho cháu con, như cái nóc của mái

nhà êm ấm và bền vững. Vườn các cụ cũng là tấm gương xanh đầy trăng, đầy gió, đầy hoa trái ngọt lành cho lớp người sau, cho ta có lúc nào lãng đãng bước chân lạc vào ngồi dưới bóng xanh, bên mái tóc trắng phơ mây mùa hạ, nghe được đôi ba lời dạy bảo đầy kinh nghiệm của lớp người tuy cao niên mà vẫn dâng hiến nốt những gì còn lại...

Mùa xuân nảy lộc đơm chồi. Các cụ cũng là người làm cho mỗi mùa xuân thêm đơm chồi nảy lộc. Và như vậy, người già vẫn làm ra mùa xuân, và mùa xuân cũng vẫn là của người già chứ đâu riêng gì tuổi trẻ. Vườn các cụ đang dâng đầy niềm vui như thế ở khắp các vùng non nước quê ta.

1999

Mật ngọt Bắc Giang

Trong hồi ký văn chương, nhà thơ say họ Vũ kể lại một chuyến giang hồ vặt từ cố đô, xuất phát tại ga xe lửa "Đầu cầu" lên phía Bắc, do ông xếp ga Trần Nhân Cư gửi khách đi tàu không mất vé, mấy người làm bài thơ liên hoàn có câu:

Tô Hoài, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương

Tầu thét vào ga phủ Lạng Thương…

Và:

Dòng trong dòng đục thêm ngao ngán

Chùm chín chùm xanh uổng vấn vương…

Phủ Lạng Thương chính là ga Bắc Giang, dòng trong dòng đục cũng chính là sông Thương mà ca dao đã véo von như từ tiền kiếp:

Sông Thương nước chảy đôi dòng

Bên trong bên đục anh trông bên nào…

nhưng còn cụm từ "chùm chín chùm xanh" thì không biết các tác giả ấy nói về cái gì, một chùm người từ thi sĩ đến khách má hồng hay những quả tu hú, quả sim rừng nơi vùng trung du còn nghèo nàn hoang vắng cách đây hơn nửa thế kỷ?

Lại theo kiểu "tùy bút" mà "tùy nghĩ" lang mang qua thời gian theo cái xương sống đất nước còn ớn lạnh vết thương khi

Nguyễn Trãi phải theo cha đi đầy biệt xứ trên con đường thiên lý từ Thăng Long Đông Quan vượt Kinh Bắc, bước qua cửa ải Quỷ Môn quan lên Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa... Đoàn tù giải đi, có Nguyễn Phi Khanh, họ có nghỉ lại một đêm nơi phủ Lạng Thương khi ấy? Chén rượu biệt ly đong đầy nước mắt chắc chưa kịp tưới xuống ngọn đồi màu đỏ máu vì đường còn dài hun hút nỗi tử biệt một đi không bao giờ trở lại. Và khi Nguyễn Trãi nghe theo lời dạy của cha, quay lại để nuôi chí phục thù, lấy lại non sông, chàng trai ấy, con rồng còn ẩn mình ấy, có đi qua phủ Lạng?

Kinh Bắc là một trong tứ trấn bảo vệ Thăng Long. Văn hóa Kinh Bắc cũng là cái nền để văn hóa Thăng Long phát triển.

Những tay nải gió đưa, những khăn gói quả mướp từ xuôi ngược lên mà làm quê mới từ ngược về xuôi cho đồng bằng có mộc nhĩ nấm hương, có măng khô, tre nứa...

Chàng trai đất Tiên Lữ Hưng Yên dựng lũy lập đồn mười năm chống giặc hung cuồng, được mệnh danh là con hùm xám Yên Thế với núi Cai Kinh, với Đồn Gồ, Mỏ Trạng, với đồn Phồn Xương như huyền thoại trong lòng người để dựng tượng đài bất tử ông Đề Thám Hoàng Hoa... mỗi khi ta nhớ đến câu: “Trai Cầu Vồng Yên Thế...” thì Bắc Giang đây, thì cái nôi này hẳn đã ru cho lòng sông Cầu lơ thơ nước chảy, dòng sông Thương tràn vào thơ ca, chảy vào mạch đất những Lục Ngạn Lục Nam, nơi kề bờ con sông Lục Đầu còn tím ngắt áo chàm, còn nâu già màu da rám nắng...

Cách đây khoảng hơn nửa thế kỷ, tôi là chú bé mê trò đánh khăng. Mỗi lần có con thuyền tô hai tròng mắt nơi đầu mũi, chở nặng thứ củi khô từ Chàng từ Chũ về xuôi, thanh nào cũng thẳng, cũng nuột nà, là một lần tôi chọn được bộ khăng đầy thích thú. Người nghèo, đất nghèo, vào rừng kiếm củi để bán cho những người nghèo khác những vùng xa. Chàng, Chũ là cái tên xa vời,

mang vẻ gì heo hút như có con ma gà, mà chài ghê rợn tiếng cú kêu và tiếng rừng xạc xào đe dọa. Nơi ấy là đâu? Không biết.

Thi thoảng, chỉ Tết đến mới được chạm tay vào da quả cam Bố Hạ, nó là thứ sành nung già, màu vàng loang chút lam xanh, nó không giống gốm Thổ Hà và cái vại nén cà, muối dưa quen thuộc, thứ sành già này ruột đỏ au một thứ mật ong vừa chua vừa ngọt, mát tê đầu lưỡi, để trên bàn thờ thành mâm ngũ quả như linh hồn đất nước hiện về, rằm tháng Giêng còn tươi rói, xù xì mà như căng phồng, óng ánh nước men trời đất…

Năm 1947, tôi mới biết thế nào là cây dẻ trên đồi Nhã Nam, thứ quả đầy gai nhưng cái hạt bùi những đêm mưa gió bên ngọn lửa bập bùng ấm áp gió rét Bắc Giang…

Giặc Pháp tưới xăng đốt thị trấn Nhã Nam, chợ Bùng bị đạn bắn, tôi nằm trong chiếc hầm đào sâu trong lòng đồi, trên lưng đồi là hoa mua hoa sim tím rung rinh che chở, vẫn nghĩ rằng Bắc Giang là đất thiêng nhưng nghèo khó, với những tiếng địa phương chưa quen, như "Trạc" là sợi thừng, "Trỗi" là đứng dậy, mà người Hà Nội ít dùng.

Bắc Giang quen thuộc trong tiềm thức, nhưng vẫn là xa lạ trong những bước đi dài ngắn đời người chỉ có Hồ Tây, Hồ Gươm, có phố Hoàng Hoa Thám, có ngõ Yên Thế…

Dòng đời tuôn chảy, con sông Hồng mãi mãi trôi xuôi, dòng Thương, dòng Lục Đầu mải miết, nhiều khi phố phường và tường gạch xi măng làm con người quên mất cái đầy đặn chắc nịch đỏ hồng của bức "tường trình" cùng ngọn măng nơi chợ núi, thứ măng trúc lơ xơ như mảnh áo tơi ngày mưa gió…

Chỉ đến mấy năm nay, cả nước mới biết Bắc Giang bừng thứ quả ngọt lừ, từng dấy lên cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan tức

Mai Hắc Đế, thứ quả đậm mồ hôi cống tiến để nàng Dương Quý Phi, người con gái làm điên đảo ngai vua đời Đường có ông Đường Minh Hoàng còn lên cả mặt trăng tìm người yêu, tìm khúc múa Nghê Thường khi Dương Quý Phi không còn ngập đôi hàm răng ngọc ngà vào cùi quả vải Nam phương cho nở ra nụ cười mê hoặc.

(Mà biết đâu quả vải thời ấy chỉ là quả tu hú, có cái vỏ sần gai, mang vị chua gái dở chứ không phải là thứ đường phèn do nắng gió đúc nên, gọi là quả Lệ Chi cho sang trọng - vì cây vải tổ đất Thanh Hà mới có mấy trăm năm đang xanh lá giữa Hải Đông).

Có một anh bộ đội quê đất Thanh Hà vì yêu đất mới mà lập thành quê, nó như nhà thơ họ Chế:

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương...

anh mang chục cành vải chiết lên đồi, để không ngờ vài chục năm sau, Bắc Giang, mà điển hình là Chàng, Chũ thành một vùng xanh cây và đỏ quả cho cả đất nước biến thành Dương Quý Phi và Đường Minh Hoàng hết, mỗi mùa vải chín.

Những ngọn đồi sỏi cứng và đá gan gà, nước xói trơ xương chỉ có ngọn cỏ ràng ràng và nắng khét. Chỉ có củ cang và sim cằn hoang dại, vậy mà đã có một phép thần kỳ lạ trong lòng đất, nuôi mát những sợi rễ li ti, chắt lọc lấy mật ong và hương thơm, ki cóp thành nhà cao cửa rộng với xe máy vi vu và máy móc hát ca trong từng làng xóm. Năm 1998 có hơn 4000 tấn quả, sang năm 1999 đã nâng lên thành 1 vạn hai nghìn tấn quả, nghĩa là mười hai triệu cân, đổ đồng trăm quả một cân thì con số mười hai tỷ viên ngọc ngọt thơm cho khắp Đông Tây Nam Bắc, bóc mà ăn từng quả bừng những ngón tay búp măng trắng muốt, những ngón tay xù xì bùn lấm đồng quê, bằng chiếc cốc pha lê ướp thêm đường để trong tủ lạnh, ăn đi, ăn đứng, ăn ngồi, ăn nằm... thỏa thích.

Người cảm ơn đất cho ngon cho ngọt. Đất cảm ơn người cho giàu cho có. Chả thế mà Bắc Giang và Lục Ngạn đã lặn lội về Thanh Hà, thành kính thắp nén hương tưởng niệm trước gốc cây vải tổ, chứ không như xưa nay người ta chỉ quen thắp hương trước Thần trước Phật.

Mùa vải, vợ tôi thường mua một vài cân vải cho cả nhà ăn trong ánh đèn nhân tạo. Ngon lắm chứ. Có gia đình Hà Nội nào không ăn vải như từng ăn nhãn Hưng Yên, chuối tiêu Phú Thọ, mận Lạng Sơn, xoài cát miền Nam, muỗm Yên Châu, mơ chùa Hương...

Nhưng chợt mà thương hàng triệu người ăn vải trong ánh đèn nhân tạo ấy. Lục Ngạn, Bắc Giang mời gọi. Những ngọn đồi không còn hoang vu cỏ dại mời gọi, đất đồi tuy thoai thoải nhưng chân ta giẫm lên thảm lá chưa kịp héo, ta quên đây là đồi thuở Nguyễn Trãi tiễn cha, ta được chủ nhà mời ra vườn đồi xem cây ngắm quả, mà đằng sau lời mời ấy ngụ ý rằng khách hãy tha hồ đứng với hồn cây, tha hồ ngắt lấy chùm vải chín trong tầm tay, có khi còn phải cúi xuống mới hái được vì những viên hồng ngọc ấy treo la đà từ cao chí thấp, đung đưa trong gió, thắm lên trong nắng, và bóc đi, và cho hàm răng ngập vào cái cùi trắng ngà màu da con gái kia đi, trong đó có hương trời, hương đất, vị nắng vị gió, có tấm lòng của bao người quyết bước qua đói nghèo, làm nên kỳ tích một vùng trung du, sơn cước từng chỉ có bó củi về xuôi.

Quả vải ở đây, vẫn nằm trong cái nôi thiên nhiên tình tứ, còn đọng tiếng ong bay rù rì mùa hoa, còn đọng cả tiếng la hừ quan họ (Bắc Giang cũng nhiều làng quan họ lắm đấy), còn âm vang con nước đục trong khiến ta chợt thấy ta cũng thiên nhiên, ta trữ tình, ta đắm đuối... mà quả vải, cùi vải kia... là một làn môi hồ nữ hiện về.

Giầu xổi thì không bền. Bắc Giang chưa phải đã giàu tất cả. Làng xa bản vắng còn nghèo. Cây vải đang được dùng làm vật phẩm xóa đói giảm nghèo. Vườn tình nghĩa, làng tình nghĩa... thủy thổ hợp hay không hợp ra sao sau này, chưa biết, nhưng cây vải đã từ Lục Ngạn ra đi, về với những vùng nuôi hy vọng. Ta hy vọng theo. Ta còn hy vọng như tiến sĩ Trần Thế Tục đang hy vọng miền Bắc sẽ có những vùng chuyên canh cây xoài để có quả quanh năm. Và biết đâu, thế hệ sau, sẽ thêm nhiều làng Vòng sinh ra hạt cốm như ngọc lưu ly, nhiều nhãn Hưng Yên ở các vùng ta đang còn chưa biết.

Nửa thế kỷ trước, Vũ Hoàng Chương làm cuộc giang hồ vặt, Bắc Giang còn là Phủ Lạng Thương, ông hẳn không biết rồi sẽ thành Hà Bắc, thành Bắc Giang... thành quê hương thứ hai của thứ quả Dương Quý Phi và Đường Minh Hoàng, thứ quả chỉ ăn chất sỏi cứng trên đồi mà tạo nên mật ngọt. Đến nỗi Phú Thọ, Thái Nguyên, Đông Triều, Chí Linh (của Hải Dương) cũng phải cho quả vải chu du về Lục Ngạn Bắc Giang, mượn tạm cái tên đất mới vùng này mới tiêu thụ được, như một thứ "giấy thông hành Lục Ngạn" được bảo đảm trên đường.

Con đường thiên lý từ Lạng Sơn xuôi Nam, có những dòng sông trong tâm hồn người vẫn chảy theo mải miết Kinh Bắc, Bắc Giang cũng đi cùng, đã ngọt ngon cho cả nước, nhưng có lẽ hy vọng còn đang phía trước như hoa đang mùa thụ phấn để quả trĩu cành mùa tới.

Bắc Giang 6-1999

Tiếng đầu tiên trong sạch

Tiếng đầu tiên thiêng liêng nhất thốt ra từ cái miệng xinh thơm của đứa trẻ là tiếng Mẹ, có thể còn chưa rõ, còn ngọng, còn líu lo như con chim non tập hót.

Đến một lúc nào đó, con tim biết thổn thức, nó phải tìm lấy tiếng đầu tiên chứa đầy vũ trụ, có sóng dạt dào, có rừng xào xạc, có bão bùng gầm thét, có ngọn lửa rừng tỏa ánh hồng thắng nỗi buốt tê, tiếng đầu tiên ấy như thế nào, ai chẳng từng một lần thốt ra, ta biết vì ta đã trải, nhưng ta không biết vì từng có triệu triệu linh hồn lên tiếng ấy ở khắp mặt tinh cầu, trong đêm bắc cực băng tuyết lấp vùi, trong rừng giá xích đạo răng rắc cái đệm lá cây, trên biển đong đưa con thuyền mỏng mảnh chao nghiêng vì nhịp tim người và ngay cả những gian lều xiêu vẹo hoặc lâu đài nguy nga kiêu kỳ kênh kiệu... từ vườn địa đàng của người con gái "đầu tiên Eva" lần đầu tiên xấu hổ lấy cái lá nho, lá táo che thân đến anh Chí Phèo và chị Thị Nở nghe tầu lá chuối ướn sương, từ ông vua Minh Mạng có đến 146 người con, mỗi năm bắt hàng trăm cung nữ lội hồ tắm để chọn lựa, thải dần, cho chí người con gái lỡ thì đêm xuống đi xin đứa con cho tuổi già bớt niềm cô quạnh nơi thôn xa hay lưng đồi một mình hẻo lánh...

Không hiểu khi dứt nỗi bàng hoàng trong lều tắm ven Bãi Tự Nhiên nơi sông Hồng, thì "tòa thiên nhiên" của cô công chúa Tiên Dung kia nổi da gà ra sao lúc chợt thấy dưới chân mình lồ lộ một con rồng cuộn khúc với khoang ngực căng phồng, cánh tay chão bện, đôi bắp đùi như càng con dế mập... Tiếng đầu tiên ai nói và nói thế nào, thảng thốt hay run rẩy, đứt hơi hay thì thào...? Cũng có thể là chàng họ Chử không nói, nàng công chúa cũng lặng im, để lời nói đầu tiên ấy tràn đầy bằng con mắt giao nhau hút hai thân hình làm một.

Và Vua Hùng, tiếng đầu tiên khi biết chuyện là bão táp phong ba cuồng nộ, là tiếng tuốt kiếm cho kim khí sáng lòa hay tiếng lặng im vì vượt cái ngưỡng sấm sét trong lòng ghìm chứa?

Chử Đồng Tử và Tiên Dung đã lên tiên, để lại cho ta niềm thắc mắc ngàn đời, nhưng biết đâu, đã có nhiều tiếng đầu tiên giống thế.

Một chuyện tình bi thảm khác mang theo bao nhiêu triết lý đời người, nào giai cấp giàu nghèo, nào yêu cái đẹp và yêu người làm ra cái đẹp, nào trái tim và con mắt đi ngược chiều nhau... nhưng ta cứ phân vân không hiểu lần đầu tiên, cô con gái quan tể tướng và anh dân chài nghèo khó bến sông kia, gặp nhau, họ nói gì câu nói đầu tiên?

Đương nhiên không phải là câu hát hay tiếng sáo mê hồn, không là ân ái gắn bó, không là hổn hển ngọt ngào, không là mật ngọt rót vào tai... mà có khi là tiếng thét kinh hoàng của người con gái, là tiếng thở dài não nùng của người con trai phải quay thuyền cho khuất mắt giai nhân. Không thể có tiếng "chàng", "nàng" mà chỉ có hờn căm, oán hận.

Hễ nghe tiếng hát thì thương

Hồ trông thấy mặt anh chường lại chê...

Trương Chi bỏ đi, thả tiếng hát vào lau lách và những con sóng còn tình nghĩa hơn con người, còn My Nương buông rèm xuống, nức nở thở dài trong nỗi thất vọng nghìn năm, không có tiếng đầu tiên mà chỉ toàn những tiếng cuối cùng chỉ có tiếng sóng trầm mình và tiếng chén ngọc vỡ toang.

Đời thường lúa ngô và rêu cỏ, hẳn nhiều người không chọn được tiếng đầu tiên và nhiều người khá quên tiếng đầu tiên ấy. Những dâng hiến và tước đoạt, những trao gửi và "ừ hự", những đắm si và ức chế... hẳn những chiếc sọ người trong hang đá Sơn Vi, Núi Đọ, Cúc Phương mờ xa ấy đã cho nhau cái hạt rừng và con ốc nướng để nói tiếng đầu tiên, nền móng cho ngữ ngôn hiện đại trên chiếu hoa và trên đệm gấm...

Trần Khắc Chung sau khi cứu được Huyền Trân công chúa thoát khỏi giàn thiêu, thì trên biển Đông cả năm dài ấy, mặc cho hoàng hôn buông xuống hay chân trời sấm động, họ nói tiếng đầu tiên ra sao, tiếng ấy đã chìm vào thời gian sáu trăm năm nay hay chìm vào đáy cát biển sâu có con bạch tuộc hút máu người, con cá he biết phát sóng âm thanh tình tự. Họ liều lĩnh vì say si hay vì tiếng đầu tiên đã chất chứa trong lòng như hỏa diệm sơn chờ lúc này bùng nổ, phún thạch lời nói phun trào bất chấp búa rìu nguy hiểm. Phi thường là sức mạnh con tim.

Một đôi thục nữ thuyền quyên và anh hùng cái thế khác cũng từng làm ta ngơ ngẩn. Nàng Ngọc Hân công chúa mới mười sáu tuổi đầu sống trong cung cấm Thăng Long, lần đầu tiên ngả mái tóc mây vào ngực người anh hùng Nguyễn Huệ mà mùi khói chiến trường chưa tan hết, tiếng đầu tiên của họ là gì nhỉ? Chắc không thể là tiếng "anh", tiếng "em" hiện đại, cũng không là

"chàng và nàng" như mấy chục năm gần đây. Là Quân vương chăng, là Phu quân chăng, là Ái khanh chăng, là gì gì nữa để thay cho tiếng "tôi mình", thay cho lời "cậu mợ", thay cho "bu nó, thầy nó".

Các sử gia kinh điển thường biên niên sự kiện, tránh những điều họ cho là nhỏ nhặt, tạp nhạp dân thường... nhưng đời đâu chỉ có vài vị vua chúa và hoàng hậu mà còn có hàng triệu đêm "anh em", hàng triệu "bu nó, thầy em", hàng triệu tiếng chim đêm mách lẻo ngoài vườn, hàng triệu tiếng tàu cau rơi sân lạnh để con người tồn tại lớp lớp mai sau.

Truyện Kiều từng bị kết án là "Dâm thư", Vũ Trọng Phụng, "ông vua phóng sự", một nhà văn kỳ tài cũng từng bị kết án oan uổng là đồi trụy, thì đương nhiên ta chẳng thể nghe rõ những tiếng đầu tiên từ tiền sử cho đến lúc ta có hôm nay. Nhưng chắc chắn thằng cha Mã Giám Sinh khi "đã tỏ đường đi lối về" thì hắn cần gì tiếng đầu tiên khi bỏ cho "đuốc hoa nằm trơ" cạnh đó. Còn đã là con người, có trái tim và tâm hồn, biết sống cho ra sống, thì ai chẳng có tiếng đầu tiên của mình khi bước qua ngưỡng cửa gái trai. Loại trừ những thứ giả vờ là đầu tiên vì đã chai lì thì dòng sông đời vẫn ạt ào tuôn chảy, trong veo ngọn sóng và vi vút lá buồm, từ lúc đẩy con thuyền ra khỏi bến cô đơn, lấy đà cho nó rong ruổi đến những chân trời mê ly và hạnh phúc, tiếng đầu tiên bao giờ cũng sượng sùng bỡ ngỡ nhưng đáng được đúc vào "kim sách" thẻ vàng muôn thuở.

Nếu một thời dài, cha mẹ dạy con:

Làm trai chớ đọc Phan Trần

Làm gái chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều...

chính là muốn cho con cái giữ được tiếng đầu tiên trong sạch như suối nguồn, dù có phần khe khắt. Còn cái câu hổn hển "Tào đây,

tào đây" để chị Dậu phải vùng ra chạy vào bóng tối, "tối như cái tiền đồ của chị", thì nhà văn Ngô Tất Tố đã tiên đoán trước, đâu có hết, và cũng như Nguyễn Du đã nói:

Những phường trên bọc trong dâu
Thì con người ấy ai cầu làm chi...

Hiện đại, có bao nhiêu quan niệm mới. Chúng ta đã bắt đầu giáo dục lớp trẻ về Giới và Giới tính. Một vấn đề cực kỳ khó khăn và tế nhị. Người giảng đỏ mặt. Người nghe che miệng cười khúc khích. Có mâu thuẫn gì với ý nghĩa của tiếng đầu tiên trong đời người còn trong sạch như suối đầu nguồn mới nửa chừng róc rách, mới ngập ngừng người nói và hồi hộp sung sướng người nghe?

Có người cho rằng nói đạo lý và đạo đức bây giờ là gàn dở, nhàm chán và hâm tỷ độ. Chả lẽ chúng ta có thể chấp nhận kiểu hôn nhân thử nghiệm, một đời người sẽ nói "tiếng đầu tiên" hàng chục lần, trăm lần? Chả lẽ chúng ta vui lòng khi thích thì đến với nhau, không thích thì vội vàng bỏ nhau bằng được, để đi tìm của mới, của lạ, lại nói tiếng đầu tiên lần nữa và lần nữa...?

Chúng ta từng có trong lịch sử một bà Tú Xương "Nuôi đủ năm con với một chồng", từng có một thiếu phụ thôn Nam Xương chỉ vào cái bóng trên tường mà dỗ con rằng cha con đấy, khiến khi chồng về, chồng hiểu nhầm làm nàng tự vẫn, từng có một bà mẹ của danh sĩ Nguyên Cao, tự cắt ngực mình vì bị tên lý trưởng chạm tay vào đấy... chứ đâu phải chỉ có một nàng Mỵ Nương phụ người, chỉ có bà Phó Đoan chung thủy với cả mấy đời chồng, từ chồng Tây đến chồng ta?

Cái đẹp là không bao giờ cũ. Văn hiến là cái đẹp. Hiện đại đến đâu cũng không thể phủ nhận một nền tảng văn hiến dân tộc đã truyền lại từ nghìn đời. "Tiếng đầu tiên" là một nét đẹp trong đó.

Ngai vàng có thể sụp đổ. Những thứ lai căng sẽ được sàng lọc qua thời gian và lương tri dân tộc. Chỉ có tâm hồn dân tộc mới bền lâu, trường tồn bất tử.

Giữ cho được niềm trong sạch từ tiếng đầu tiên cho đến mãi mãi, mới là hiện đại đích thực.

1999

Bánh xe quay

Con người biết dùng hình tròn cho nó lăn đi thành chiếc bánh xe đã mấy nghìn năm từ La Mã cổ đại, Xuân Thu Chiến Quốc...?

Các nhà triết học xa xưa còn tranh luận không ngã ngũ rằng cuộc đời này *có* và *không* là thế nào, cái gì giá trị hơn, quan trọng hơn, thiết thực hơn, họ đã dẫn bánh xe ra để làm chứng lý. Vì sao cái bánh xe quay được? Người bảo do sức kéo, người khác bảo do cái rỗng không. Nếu trục xe và bánh xe mà đặc, mà không rỗng, mà không có chỗ trống không thì chắc cái bánh xe không thể nào quay được...

Những bộ óc thiên tài của nhân loại, những con người khổng lồ trong lịch sử mang bao nhiêu chất người vĩ đại và bao nhiêu chất tinh tinh hoang rợ mà nghĩ ra được cái quay quay cho bao nhiêu nghìn năm và bao nhiêu triệu triệu con người được nhờ vào đó.

Ta đời thường, áo vá vai và quần vén ống, ta chẳng tham gia vào cuộc tranh luận dằng dai về cái rỗng không trong bánh xe lăn cũng như ít quan tâm đến khái niệm *con ngựa* và *con ngựa trắng* thì con nào là con ngựa đích thực của những triết gia kỳ vĩ.

Ta đi ra từ chiếc đòn gánh trên vai chín rạn nỗi nhọc nhằn vượt đầm lầy hồ ao chỉ hoa sen hoa súng điểm trang, ta đi ra từ hai bàn

chân đất giẫm lên con đường cong queo gập ghềnh bùn cỏ từ lưng đồi Phong Châu sim mua tở mở đến ven biển còn loang máu Mỵ Châu trên bãi cát... nào đâu đã quen thuộc vết xe đi. Họa chăng lá buồm rong ruổi hay vó ngựa lốp cốp rồi đến cái cáng võng dày đè vai người đến đường xa hiểm trở.

Bà Huyện Thanh Quan vượt đường thiên lý vô Kinh chắc không bằng chiếc vòng tròn lăn đi với khoảng trống nơi trục bánh, và khi cái cáng hạ xuống cho người gánh nghỉ chân, người nằm cáng thư giãn, bà thốt lên:

Dừng chân đứng lại trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta...

thì cũng giống trước kia, Nguyễn Hoàng nghe theo lời La Sơn Phu Tử "Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân" và xa xôi nữa công chúa Huyền Trân đổi tấm thân cành vàng lá ngọc lấy hai châu Ô, Lý cũng chưa thể có cái lăn lăn như thế, dù là một bánh, hai bánh hay ba bốn bánh.

Nguyễn Phi Khanh nữa, ngược đường ông chúa Nguyễn, lên mạn Bắc cổ mang gông, chân nặng xiềng, vai chỉ tay nải gió đưa thì nỗi bụi đường đất đỏ và niềm gió thổi trong lòng cả mấy cha con, Nguyễn Hùng, Nguyễn Trãi... làm gì có con ngựa kéo chiếc xe như cô Kiều bắt đầu cuộc đời mười lăm năm luân lạc:

Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh

Chiếc xe có ở Việt Nam từ bao giờ, thôi thì cũng chẳng cần nhọc lòng tra cứu.

Chưa xa xôi lắm, thời ông phó bảng Nguyễn Sinh Sắc vô kinh làm quan, cũng chỉ bầu đoàn là gánh gồng cáng võng, chân đất lội đèo, vai đùm cơm nắm, tay còn phải cầm con dao rựa để bạt

lau phát sậy hoang vu, chém rắn mở đường, nghe hoàng hôn xuống tê buốt bàn chân dọc cái xương sống Đất Nước, ngày đi đêm nghỉ, chứ đã làm gì có chiếc bánh xe dù là xe cút kít.

Thế kỷ Hai mươi này cuộc đời là ngựa thần Thánh Gióng Đêm nằm nghe tiếng còi tàu rời ga Hàng Cỏ, ta biết có những chuyến lên đường, mà cái bánh đà sắt thép kia bắt đầu quay tít: nghe tiếng máy rồ gầm rít gần xa, ta biết có người ngồi trước tay lái cho những chuyến xe hối hả về một nẻo nào ta không biết, người thức với xe và người thức chờ xe đến, thời gian không được nghỉ ngơi phút nào... những chiếc xe có bánh tròn lăn đi vội vàng tốc lực đã thành quen thuộc, như chúng sinh ra từ khi ta chưa có mặt trên đời và chúng tồn tại phát sinh thêm khi ta không còn nữa, chẳng ai nghĩ rằng đã có lúc trên mặt đất này hoàn toàn không có bánh xe đi.

Tại sao con người không làm bánh xe hình vuông, lục lăng hay bát giác? Phải hàng vạn năm mới có thể nghĩ ra định lý ta cho là sơ đẳng ấy.

Trên những cánh đồng muối nào, Quất Lâm, Lạc Quần, Văn Lý hay Sa Huỳnh nắng tráng mặt gương muối mặn, còn ai dùng chiếc xe cút kít một bánh với cái càng đẩy mướt mồ hôi để chở thúng muối về kho tạm, cái bánh đơn có thể luồn lách ngay trên bờ ruộng hẹp, chỉ bằng chiều dài vài bàn chân?

Trong cuốn *Quốc văn Giáo khoa thư* có bài học kèm minh họa ta học thuở tóc trái đào khét nắng, có hình chiếc xe cút kít ây lên đèo trong nắng, chở con lợn trói chân, cả người và cả vật nhọc nhằn, ta nghe tiếng "cút... kít..." âm vang suốt một thời thơ ấu ta đi từ làng lên huyện, từ huyện lên tỉnh chỉ có bàn chân quấn chiếc mo nang, dọc con đường người đi kẻ về, tuyệt không một bóng xe qua.

Nhà văn Nguyễn Công Hoan viết truyện ngắn "Ngựa người và người ngựa" nửa thế kỷ đọc còn rúc rích, cười xong mà ròng ròng nước mắt cảm thương. Người cu li xe và cô gái bán mình chắc cũng không biết rằng chính người Pháp đã mang chiếc xe tay kéo kiểu ấy đầu tiên nhập vào Việt Nam gọi là xe Ô-mích, người ta bảo từ Tân Gia Ba, người khác bảo từ Hồng Kông... mà ta biết rằng nó đã đi vào trong bức tranh của Nguyễn Ái Quốc trong tờ báo *Người cùng khổ*, cũng như ta biết những người cu li xe ấy không ai không bị ho lao vì kiệt sức, và sống không quá được tuổi bốn mươi.

Có một câu châm ngôn rất hay: *Người kéo xe không hát, chỉ có người ngồi trên xe mới hát.* Ê chề những kiếp người như thế. May thay, chiếc xe tay kéo được thay bằng chiếc xích lô người đạp, và nghe nói miệt Cần Thơ có thứ xích lô máy, người cũng không còn phải đạp, gọi là "xe lôi", cái máy nó lăn và nó lôi người đi một đoạn đường nào đó.

Những chiếc xe ngựa của Đà Lạt nay làm trang trí cho người tìm cảm giác du dương mới lạ, nó có gì giống như chiếc xe Thổ mộ trên đồng bằng Nam Bộ, giống như chiếc xe ngựa Bắc Bộ chậm chạp trước khi chiếc ô tô xuất hiện báo hiệu một thời kỳ cơ giới tung hoành. Thời gian đó mấy ông quan tri huyện sắm chiếc xe hòm kính sơn đen, sang hơn thì hình xe vuốt cong phía sau gọi là xe "đít vịt" cùng thời với chiếc áo dài của họa sĩ Cát Tường (Lơ Muya - Le mur) cải tiến, gọi là áo Tân thời. Nó lăn đi đâu - chiếc xe quan huyện ấy - thì dân chúng tán loạn đến đó, nó chẹt chết dân đen cũng chẳng sao mà.

Ta dần quen thuộc với chiếc xe bò. Xe do con bò kéo hay con trâu kéo, con ngựa kéo và cả người gò lưng mà kéo mà đẩy cũng đều gọi là xe bò, thì ra kiếp người đâu hơn kiếp con bò một thuở.

Bánh gỗ nan hoa như những tia mặt trời xòe lửa, rồi cải tiến thay bằng chiếc bánh ô tô cũ, vẫn cứ là xe bò, kể cả chiếc xe bò do con trâu kéo, chở tên giặc lái máy bay Mỹ đang bay hai nghìn cây số một giờ trên trời nhả bom trút đạn, khi rơi xuống, ngồi trên sàn xe rơm rạ lót êm với tốc độ chỉ bằng một phần nghìn là ba cây số mỗi giờ, giải nó lên huyện đội và để đến nhà giam gọi là khách sạn Hilton.

Nhà văn Lê Khánh có một truyện ngắn rất hay trước thời chống Mỹ, một đêm trăng lỡ xe, anh (nhân vật) đi bộ, tình cờ đi theo một đoàn xe bò chở rơm chất ngất, mỗi xe là một quả núi di động, và anh đi theo, anh đẩy xe cùng suốt một đêm trăng.

Nếu có dịp về quê, ta vẫn còn có thể gặp những chiếc xe bò như thế, nó mang hàng thế kỷ trong vòng bánh xe quay, nó là bóng dáng tảo tần khuân vác của bao làng nghèo xa thiếu chưa hẳn đã hết hoàn toàn.

Một thời gian có phong trào "giải phóng đôi vai" chiếc xe "ba gác" thay chiếc đòn gánh đòn càng mang mạ mang phân ra đồng, chở lúa chở khoai về nhà... Không hiểu sao nó ít dần đi và chiếc đòn gánh quay trở lại. Chỉ ít lau nay, dưới ruộng là con trâu đỏ bánh hơi hay bánh lồng sùng sục quay tròn, thì trên bờ mới thấy những chiếc xe đạp "cởi truồng" thồ thay sức người, nó nằm nghiêng bên bờ ruộng đợi người xong buổi, xích líp không dầu, bánh vành đầy bùn đất, nó chia sẻ đời mình mà không được nửa lời ta thán, ngoại trừ tiếng cót két vô tư.

Mới mấy chục năm gần đây, chiếc xe đạp là cả một gia tài. Đi xong, về nhà còn lau chùi, treo nó lên, bọc cái yên có tua, lắp quả bóng tròn vào tay lái cho rung rinh. Chiều thứ bảy là *"cất cơm bơm xe"* đã thành tiếu lâm thời đại.

Thập niên cuối thế kỷ XX, xe thành mắc cửi, đủ thứ "đời" hai bánh, ba bánh, bốn bánh và cả 5 bánh như máy bay, đủ hết.

Đường ngắn, đường dài, êm ru hay xóc nẩy, đèo cao dốc ngược, an toàn hay tai nạn thảm khốc, kể cả lũ ngông cuồng đua xe lạng lách giữa phố đông... chiếc xe đã thành quá quen với đời thường, từ người dùng xe làm phương tiện đến người dùng xe để khoe khoang giàu có hay chức tước.

Anh lính Trường Sơn sáu tháng đi chân, nay chỉ cần vòng bánh xe quay hơn một ngày là tới. Nguyễn Trãi vâng lời cha, quay về từ ải Nam Quan đến Đông Quan là bao nhiêu đêm ngày, nếu còn thì nay từ xứ hương hồi về Hoàn Kiếm chắc chỉ mất một đêm ngon giấc, mặc cho xe nuốt hành trình xình xịch.

Không thể hình dung cuộc đời nay lại thiếu các loại xe. Chiếc cáng đã nằm im trong bảo tàng. Người gánh cáng, tức "đểu cáng" đã thay ngữ nghĩa. Anh xà ích đánh chiếc xe tang đã thay bằng các bác tài vi vút.

Chỉ mong sao mọi loại xe, mọi thứ "con xe" cho ta vượt thời gian mà không vượt cái thảm khốc cuộc đời huyệt mộ.

Ta lên đường, nào hãy đi đến chốn về đến nơi bằng những vòng tròn, rỗng không và quay đều vần vũ...

1999

Tấm lòng

Nhiều người đều nhất trí cho rằng người Việt Nam là dân tộc sống thiên về tình cảm nhiều hơn là lý trí, cũng có nghĩa coi cái TÌNH là quan trọng, lấy tình để giải quyết hơn là lấy cái Lý. Cực chẳng đã mới dùng đến LÝ (và cả bạo lực như các cuộc kháng chiến cứu nước).

Trong tình hình nước sôi lửa bỏng, trứng để đầu đẳng mà Vua Trần còn mở Hội nghị Diên Hồng như mở một bữa tiệc để hỏi những người dân thường không có chức tước học hành... hoặc xa hơn nữa, câu chuyện huyền thoại thương tâm nghìn sau còn thương cảm: Nàng Mỵ Châu quá trọng cái tình mà xui nên mất nước, lại còn ngây thơ tưởng tình mình trong sáng thiết tha, nên phải chết vì vết lông ngỗng dọc đường... cũng là một trong muôn vàn minh chứng.

Ta thuộc câu: *"Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy"* chứ không là công ông chánh án, nghĩa ông luật sư, ơn ông quan Tổng đốc. Trong khi đó thì câu răn dạy đời đời như chân lý: *"Vô phúc đáo tụng đình"* được đem ra làm châm ngôn đời này sang đời khác.

Cái tình người được coi là chuẩn mực của đạo đức, lẽ sống: *"Thương người như thể thương thân"*, *"Thấy người hoạn nạn thì thương"*, *"Anh em như thể tay chân"*, hàng xóm thì *"Tối lửa tắt đèn có nhau"*... vợ chồng thì *"Một ngày nên nghĩa"* như *"một*

chuyến đò nên quen" huống chi là phải sống chung đến răng long đầu bạc.

Câu ca dao vui vui ít người không thuộc:

Đàn ông không râu bất nghì
Đàn bà không vú lấy gì nuôi con

thì cười đấy mà sâu sa đấy, chân lý đấy. Đàn ông dứt khoát phải có râu, đàn bà nhất thiết phải có vú, và đã là người thì nhất thiết phải có nghĩa (nghì là nghĩa, nói cho vần). Không thể khác được. Khác là nghịch lý, là trái quy luật, trái đạo làm người.

Nguyễn Trãi Lê Lợi mở đường cho Vương Thông, cấp lương cho ngựa để hàng tướng, hàng quân về nước, chả là tình đó ư? Gần đây ta còn thả sĩ quan binh lính địch, cho quần áo, túi xách, cho đi máy bay những tên từng bắn dân ta, chả là tình là nghĩa đó ư?

Một kho tàng ca dao tục ngữ đồ sộ. Một gia tài văn hiến vẫn sống động của người già răn dạy tuổi thơ những đường ăn nết ở, từ trong gia đình đến xã hội (nhỏ là làng xóm có hương ước), từ nhà trường đến cộng đồng toàn xã hội mà nay ta gọi là "bản sắc dân tộc", nào là *"Tiên học lễ hậu học văn"* nào là *"Lá lành đùm lá rách"*, *"Miếng khi đói bằng gói khi no"*... bất chấp thời đại đồ nhựa thay cho đồ mây tre, thời đại nguyên tử, điện tử thay thời đại ánh đèn dầu lạc dầu vừng hay cà boong le lói, bất chấp thời đại *"người với người là chó sói"* có thể ăn thịt nhau vì tiền vì vàng vì cạnh tranh thị trường ô tô, thịt bò, chuối hay gì gì nữa...

Chúng ta đã xây và tặng hàng ngàn "ngôi nhà tình nghĩa" chứ không phải nhà "theo quy định" hay "nhà đền bù" đã chứng tỏ cái TÌNH trong tâm hồn người Việt Nam lớn hơn mọi thứ trên đời, nó thành Văn hóa, theo định nghĩa của nhân loại là *"Sau khi mọi*

thứ qua đi, cái còn lại chính là VĂN HÓA ". Cái Tình ấy chính là văn hóa vậy.

Trong một lĩnh vực khác hẹp hơn, cái Tình cũng nổi trội, hầu như lấn át nhiều lĩnh vực. Đó là văn hóa nghệ thuật. Dân ca quan họ có thể gọi là một thể loại TÌNH CA, bên cạnh những dân ca Phú Thọ với hát xoan hát ghẹo, dân ca Thanh Hóa, dân ca đồng bằng Bắc Bộ với hát trống quân, hát đúm v.v...

Chắc chắn người sáng tác ra các loại hình ấy không phải là các nhà khoa học, từ luật sư đến nhà cơ thể học, nhà thiên văn hay kinh tế, mà chỉ có thể là những tâm hồn Việt Nam chan chứa nồng nàn, lấy cái TÌNH làm tiêu chí số Một cho sáng tạo.

Truyện Kiều cũng là một bản tình ca hơn ba nghìn câu thơ về tình người.

Các nhà Y học, giải phẫu học, cơ thể học có thể gọi là *lòng* là *ruột*, phân biệt *tim*, *gan*, *dạ* với *óc*... những bộ phận của chiếc máy người. Nhưng với nhà thơ, hoàn toàn không phải thế, Lòng không là ruột, Gan dạ không phải là phủ tạng. Óc rất ít được dùng trong thơ ca.

Kiều có đến 162 trường hợp chữ LÒNG được dùng để nói mọi trạng thái tình cảm của con người, không như có thời báo "Ngày nay" (trước cách mạng) vẽ bức tranh vui cạnh hai người ngồi trước đĩa lòng lợn với câu chú thích lấy từ Kiều:

Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng

mà ta sẵn sàng tha thứ kiểu hài hước chỉ để cười giây lát.

Nào là: *Dẫu thay mái tóc dám dời lòng tơ*

hoặc: *Lòng quê đi một bước đường một đau*

hay: *Lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng*

cho đến: *Mặt tơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng*

hay: *Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương...*

Từ ca dao: *Yêu em anh để trong lòng*
Việc chung anh cứ phép công anh làm...

thì Nguyễn Bính lại có câu:

Lòng em như chiếc lá khoai
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu

và Hàn Mặc Tử: Khách xa gặp lúc mùa xuân chín
Lòng trí bâng khuâng chợt nhớ làng...

đến nhà văn Lê Văn Trương, một người hùng, viết văn như búa bổ cũng có nhan đề sách là "Một kẻ có lòng"... thì ta càng thấy cái TÌNH được đề cao như thế nào, khác hẳn lâu nay có nhiều nhà thơ non tay, chẳng thấy tình đâu, chỉ có những "hiện đại" trong "Tiềm ẩn, Vĩ mô, Bùng nổ..." hèn chi thơ họ bị rơi vào quên lãng ngay từ khi vừa viết ra xong.

Hình như có người nhận xét dân tộc Việt Nam là một dân tộc toàn thi sĩ và nhạc sĩ. Xuất khẩu thành thơ, thành nhạc. Người làm thơ, từ ông tiến sĩ đến người không biết chữ cũng làm thơ và có mặt trong mọi xóm thôn làng bản trong mọi thời đại. Phải chăng đời sống tình cảm, nền văn hiến lâu đời là mạch nguồn cho con người sống với nhau bằng những mối tình gắn bó, nó cũng đồng nghĩa với "tâm hồn thơ" của các thi nhân?

Thơ và nhà thơ không có tình là thơ chết và nhà thơ giả. Cũng như xã hội nhiều cá lớn nuốt cá bé, cạnh tranh thương trường, làm

hàng giả là một xã hội nguy cơ thoái hóa, bị lung lay từ nền tảng mà nhiều người có lương tri đã lên tiếng cảnh báo.

Đương nhiên một xã hội muốn bình yên cần có một nền pháp chế. Muốn tiến lên sánh vai cùng nhân loại cần khoa học kỹ thuật, nhưng luật pháp là răn đe, là phòng ngừa, quan trọng hơn là khi nó phải giơ bàn tay thép ra can thiệp. Vợ chồng phải đưa nhau ra tòa, ông chánh án tuyên phạt đứa con nghiện ma túy... anh công an xích tay thằng ăn cắp... những gia đình ấy tan vỡ mất rồi. Kỹ thuật và khoa học không thể chia sẻ tình cảm trong gia đình. Mỗi thắng 60 bữa cơm bụi, chồng một nơi, vợ một nẻo, con cái ở đâu thì tùy... cũng là phá vỡ nền tảng một gia đình truyền thống và chuẩn mực. Không thể dùng máy ghi âm mà ru cháu bé ngủ ngon, không thể mở máy thu hình suốt 24 giờ mỗi ngày để thay cho lời thủ thỉ vợ chồng con cái. Đua xe tốc độ, bài hát tây tầu, chuyện đặc nhiệm bắn súng đì đoàng, đầu rơi máu chảy hay quảng cáo dầu gội đầu chiết suất bằng khoa học không thể thay thế cho niềm vui nỗi buồn, lời nhắc nhở, câu nâng đỡ... giữa những người thân yêu trong gia đình, chẳng hạn những câu:

Chồng giận thì vợ làm lành
Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì...

hoặc câu: *Công cha như núi Thái Sơn*
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

hay câu răn đe:

Con ơi nhớ lấy lời cha
Một đêm ăn trộm là ba năm tù...

hoặc nữa, nói về danh dự con người:

Trăm năm bia đá thì mòn
Nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ...

và nhiều, nhiều lắm.

Trở lại "Tấm lòng", một câu quan họ hát rằng:

Cầm lòng vậy, đành lòng vậy...

sao mà tha thiết thế, nó khác xa cái tiếng lạnh tanh "bai bai" lai căng của mấy người hãnh tiến học làm sang thiếu hẳn tình người đang có nguy cơ tràn lan các thành thị.

Nói cái TÌNH, có lạc hậu không?

Hãng Dầu khí Việt Nam hàng năm tặng quà tình nghĩa hàng tỷ đồng cho thương binh liệt sĩ chẳng là tình đấy ư? Còn nếu anh em kiện nhau ra tòa để chia gia sản, người được kiện, có tỷ bạc trong tay nhưng suốt đời anh em không nhìn mặt nhau, thì tiền bạc để làm gì? Nếu trốn ra nước ngoài, ở biệt thự, giắt yến vàng vào thắt lưng mà quên cả ông bà cha mẹ nước non thì giàu để làm gì, miếng cơm ngọt hay đắng?

Từ cuộc đời vào thơ ca, từ thơ ca đến cuộc đời, dân tộc Việt Nam, nền văn hiến Việt Nam bao giờ cũng coi TẤM LÒNG là quan trọng, nói cách khác, cái TÌNH, cái NGHĨA mới là lẽ sống, là văn hóa. Ngàn đời đã thế, có lẽ ngàn sau còn phải thế.

1999

Vương tơ

Nay đang thời khoa học. Người ta có ý định dựng lại con đường tơ lụa từ Trung Hoa qua Tây Á sang Châu Âu. Chợt mà như có sợi tơ trong đầu vương vít như tơ gạo mùa hè, tơ sen trong ngó, nhưng đúng hơn có lẽ là tơ tằm trong những tấm lụa nuột nà bao thế kỷ mà bà Hoa Dung công chúa, mẹ đẻ chúa Trịnh Sâm - ông chúa hay thơ và ưa du lịch - được liệm bằng 32 lần lụa, yên giấc ngàn thu trong đất hơn ba trăm năm không mục nát.

Truyện Kiều viết: *Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.* Sử xanh là những mảnh tre ghép lại. Ta còn cụm từ: *Thẻ tre lụa trắng* sinh ra tiếp sau đó, mà trong một số phim lịch sử Trung Quốc ta thấy nàng Ban Tiệp Dư viết sách trên thanh tre, và các nhân vật viết thư cho nhau trên lụa trắng…

Hà Nội có hồ Trúc Bạch. Đó là dư ảnh, ảo ảnh của một thời gian chứa vàng son cung cấm, nhưng bạc phận là bà cung nữ già, cô phi tần trẻ mắc tội bị đầy ra đây phải tự trồng dâu chăn tằm dệt lụa mà sinh sống. Những tấm lụa ấy gọi là trúc bạch. Dịch lên ven Hồ Tây chút ít, có làng Nghi Tàm, một trong những quê hương của nghề tầm tang di tích cũng tạo tác kỳ tài ra thứ lụa mỏng mềm như thịt da người óng ả thanh tao. Nguyễn Bính thế kỷ này viết:

Em là con gái trong song cửa

Dệt lụa quanh năm với mẹ già

Lòng trẻ còn như vuông lụa trắng

Mẹ già chưa bán chợ đường xa...

và Quang Dũng viết bài thơ Tây Tiến bất hủ giữa làng tằm Phù Lưu Chanh (Hà Tây) trên đường hành quân, trong khi còn một làngPhù Lưu khác của Bắc Ninh là quê hương của nhà văn Hoàng Tích Chu, họa sĩ Hoàng Tích Chù, nhà viết kịch Hoàng Tích Linh, nhà thơ Hoàng Thúy Toàn, tên nôm là Chợ Dỗu kề gần Đình Bảng, làng có thứ the mỏng như không khí bao thời may áo cho thầy đồ, anh khóa, ông cử đi thi...

Ca dao thì viết: *Một nong tằm là năm nong kén*

Một nong kén là chín nén tơ

mà thi sĩ Cẩm Lai làm thành thơ và phổ nhạc nổi tiếng một thời, trong khi thực tế, người làm nghề tằm tơ thì nói:

Làm ruộng ăn cơm nằm, chăn tằm ăn cơm đứng...

Đã có lần tôi về làng Thuận Vĩ - Thái Bình, nay đổi tên thành Bách Thuận (một trăm điều thuận lòng) thăm hai con sông đào mang tên lãng mạn như thơ: Lắng Sa một và Lắng Sa hai, cứ ngan ngát hương ngâu đêm không ngủ, cứ bồng bềnh bông hoa súng tím hồng trong ao, cứ nghe rào rào tằm ăn hai, ăn ba, ăn rỗi... mà có lúc giá cả không hợp lý, người ta bực mình, chặt hết ngâu đi (thứ hương ướp trà tuyệt vời) nhưng nghề tằm tang thì vẫn giữ. Bữa cơm hôm ấy có ba bốn món nhộng chế biến khác nhau, một hình hài khác của loài sâu ăn lá, thứ lá mà Chinh phụ ngâm não lòng chia biệt:

Cùng ngoảnh lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh biết mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai...

Nguyễn Trãi cũng từng nhắc đến "tang ma" tức là cây dâu và cây vừng trong nghề trồng trọt, nhắc nhở mọi người hãy học lấy lời ăn tiếng nói nơi "tang ma" ấy... cho đến Nguyễn Du bật lên tiếng thở dài vẩn cả trời mây:

Trải qua một cuộc bể dâu...

để nói về đổi thay trời đất và thay đổi cõi lòng người, thoát ý từ câu nói cổ "Thương hải biến vi tang điền..."

Đã bao nhiêu nước chảy qua cầu, đã bao nhiêu lứa dâu non ngon miệng tằm, đã qua bao nhiêu kiếp kén được ươm thành tơ chuốt, mà thi sĩ Hồ Dzếch, lấy quê mẹ Việt Nam làm quê gốc, viết rằng:

Nhịp đời định sẵn từ xưa

Ươm tơ tháng sáu, lên chùa tháng Giêng...

Từ con đường tơ lụa như huyền thoại đến phố Hàng Tơ đầy hoài niệm trong lòng phố Hàng Đào đến những phiên chợ tơ của tỉnh Đơ đổi trao mua bán, tay nải, váy sồi lùi vào một tỉnh Hà Đông hiện đại, còn mát rượi lòng người nơi Sài Gòn cháy nắng, cháy lòng thi sĩ nhớ thương:

Giữa Sài Gòn anh đi mà chợt mát

Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông...

...Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng

Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng...

(Nguyên Sa)

thì như vậy cây dâu và con tằm đã chọn đất này qua bao nhiêu nắng mưa giông bão thời gian?

Người ngồi đồng (một loại mê tín) còn lấy roi dâu đuổi con ma. Con sâu dâu làm thuốc. Tầm gửi cây dâu cũng là thần dược... thì cả văn chương và khoa học đến tín ngưỡng cũng đâu có xa rời cây dâu và con tằm xa xôi ấy?

Chưa bao giờ đất nước ta thay đổi nhanh chóng như từ giữa thế kỷ XX này, nhất là thập niên cuối, sắp đón chào thiên niên kỷ mới trong vòng tay nhân loại. Vẫn còn cách nói ví von: Nhà thơ như con tằm nhả tơ làm kén cho đời... nhưng trên những triền sông bãi cát, những cánh đồng phù sa hay đồi dốc trung du... cây dâu còn được bao nhiêu, con tằm có còn được nâng niu chăm sóc, dù rằng khuynh hướng thế giới đang trở về cổ điển, ưa lụa tơ tằm hơn vải hóa học, vải chất dẻo... để đung đưa chiếc lưng thon, phập phồng bộ ngực thanh tân dưới làn lụa mát như nước, mỏng như sương, mềm như tay vuốt, đẹp như hoa...?

Cũng hình như chưa bao giờ chúng ta có nhiều "nhà thơ" như ngày nay. Nhưng hình như không có ai than vắn thở dài như chàng thi sĩ chân quê Nguyễn Bính:

Nào đâu cái yếm lụa sồi...

mà tất cả hầu như đã hiện đại hóa cùng thời đại. Người yêu của các nhà thơ hôm nay là ai? Nhân viên ngân hàng, kế toán, xã viên hợp tác xã, thanh niên xung phong, cô giáo, mậu dịch viên, y tá, bác sĩ... và họ trang phục ra sao. Len Anh, dạ Đức, vải Nhật, chí ít thì cũng "KT", "Lon"... hóa thành vét tông, váy xẻ, váy dài, váy lửng hay chiếc sơ mi cổ bẻ... Đương nhiên, không có ai đáng trách trong chuyện này từ chọn người yêu đến chọn trang phục. Phải chăng vì thế mà trong các tuyển tập thơ tình đến thơ đăng

báo, tập thơ riêng đến tập thơ các ngành tập hợp in ra... ta không còn thấy bóng dáng tà áo lụa với chiếc lá dâu xanh, con tằm hiền lành và thơ mộng?

Có lạc điệu không khi có ai mặc tà áo lụa ra đường? Các cuộc biểu diễn thời trang, người đẹp, chuyên đề, ta vẫn thấy lụa tơ tằm Việt Nam được giới thiệu một cách trang trọng và được trầm trồ... nhưng trong thơ sao vắng bóng? Hình như có một nguyên nhân nào đó. Đã lâu không thấy ai nói gì về xí nghiệp dâu tằm tơ Bảo Lộc, về các làng Trinh Tiết, về lụa Hà Đông, về bãi giữa sông Hồng trồng dâu còn mang nhộng vào nội thành để có món nhộng rang lá chanh thú vị, và làng Bách Thuận cũng đã lu mờ như sương khói phôi pha từ tỉnh Thái Bình quê lúa là chính.

Nguyễn Du viết:

Con tằm đến thác vẫn còn vương tơ.

và: *Dẫu lìa ngó ấy còn vương tơ lòng...*

Những sợi tơ vấn vít, những chiếc nón trắng thấp thoáng trong nương dâu xanh rờn, những nong tằm rào rào như mưa thầm đổ trong khuya và cô gái Đình Bảng Chợ Dầu váy lụa chùng cửa võng, hếch phía sau một tí để lộ chiếc gấu váy cạp điều khiêu khích, mỗi bước đi như có gió thổi trêu ngươi cùng tiếng lách cách của sợi xà tích bạc đung đưa... hình như đã xa rồi, xa lắm, xa như giấc mộng đêm say... xa như người con gái bỏ ta mà sang bến lạ...

Chúng ta đang đứng trước nhiều thử thách: Màu xanh của môi trường đang bị lấn chiếm. Kỹ nghệ, công nghệ còn chắp vá, hàng ngoại lai (và cả văn hóa ngoại lai) ngày càng tràn lan các nghề truyền thống đang đứng trước nhiều nguy cơ mai một, trong đó màu xanh cây dâu, niềm óng chuốt tơ tằm, nền văn hóa nội

địa, bản địa, một nghề cải thiện đáng kể cho dân sinh... cứ ngày một lùi sâu, lùi mãi.

Khoa học phát triển là quy luật, là đương nhiên. Phố Hàng Gai (Hà Nội) đang tự biến thành phố bán loại mặt hàng lụa và thêu cho khách nước ngoài, tức xuất khẩu tại chỗ, liệu nó có cứu nổi con tằm và những nương dâu hay đành như câu Kiều:

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà...

Vùng nào, làng nào, nhà thơ nào, nhân vật nào... đang làm con tằm cho hồi sinh một niềm thơ dân tộc? Bỗng lòng mình băn khoăn như vướng sợi tơ chưa thể gỡ.

1999

Một ánh trông chờ

Câu ca dao đầy lo lắng hồi hộp:

Trông trời trông đất trông mây

Trông mưa trông nắng trông ngày trông đêm

có từ thuở nào không biết, cứ mang nỗi phấp phỏng hãi hùng của con người khi còn đá cứng hơn chân mà phải trông cho chân cứng hơn đá. Nó vượt xa niềm hoài vọng khắc khoải của người ngửa cổ trông vào trời sao:

Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ

Buồn trông con nhện giăng tơ...

vì ít ra thì con nhện "còn chờ mối ai...".

Đêm trung thu, mặt Thúy Vân lồ lộ vẫn bắt người dõi theo để đợi chờ mùa sau còn là hy vọng: *Muốn ăn lúa tháng Năm trông rằm tháng Tám.* Từ chập tối ánh ngày le lói đến lúc trăng ngang đầu ngọn tre, bằng con sào, quá mang tai, lên đến đỉnh đầu, nghiêng một chút phía tây hay tà tà ngả non đoài bệch bạc... cho tới tiếng gà níu con trăng xuống chân trời tím ánh phản chiếu một đêm tàn... trăng mờ hay sáng, trăng tán hay quầng... mà ức đoán mùa chiêm mưa nắng, hạn lụt sâu bệnh... Chả bao giờ con người hết được nỗi lo như cái gánh trên vai cứ thế mà đi ngày này sang

năm khác trên nẻo vô định nhọc nhằn miếng ăn mảnh mặc...

Nhà thiên văn có ống viễn vọng hay bộ óc viễn vọng, nhìn ra đâu là chòm Thiên Mã, Sư Tử, Đại Hùng, Song Ngư... thì khi ngóng lên trời có nhồi mồi thuốc lào vào chiếc điếu cày rít lên âm vang mảnh sân đất nện?

Đôi mắt thường hấp háy vì một đời quen nước ao làng, chỉ thấy chiếc Gầu Sòng, Con Vịt, quá lắm là ngôi Bắc Đẩu hay chiều có sao Hôm, sớm có sao Mai... an ủi. Con Vịt mò dòng Ngân Hà suốt đời cái diều vẫn lép. Ông Thần Nông cúi gù chiếc lưng còng mà bồ thóc vẫn vơi... Đồng ta mưa nắng, ta *trông trời trông đất*, ta trông đôi bàn tay mình mòn vẹt mười chiếc móng bới đất vật cỏ từ mờ mờ sương sớm đến nhọ mặt người cánh cò về tổ, bóng người thành vệt vá vào màu xanh thăm thẳm, vương bao nhiêu giọt mồ hôi thành con đường vô hình lát lối đi về từ luống cày tịch điền đến đêm trừ tịch có hồi trống sang xuân... vẫn cứ phải ngước trông lên trời, cúi trông mặt đất, nhắm mắt tự trông vào đáy lòng mình mà cấy vào đấy ước mong...

May sao, dải đất này trời thương đất đỡ, không đến nỗi hoang tàn gạch ngói vùi hàng vạn người vào cơn giận dữ của lòng quả địa cầu sôi lửa mà ta gọi là Động đất còn nhà khoa học gọi là Địa chấn. Nhưng ký ức núi sông còn ghi chưa phai màu mực những năm Tỵ năm Ngọ, những trận 18 năm liền đê vỡ, những Sơn Tinh Thủy Tinh dằng dai ù ầm giặc nước, những *"oai oái như phủ Khoái xin tương"*... cũng là nắng khô đồng cỏ, hạn toác ruộng màu, cháy xém cả mặt người hốc hác khiến con thuồng luồng thèm nước phải ngược dòng Phú Lương tìm sống để nẩy sinh một Nguyễn Thuyên thành Hàn Thuyên làm văn xua đuổi...

Lai Châu Sơn La là đâu hay gần kề bên nách Thăng Long mà lũ quét, đá lở núi căn, cầu sập? Đồng bằng Cửu Long là đâu mà ta quen với câu nói mới *"Sống chung với lũ"*?

Câu ca xưa văng vẳng *trông trời trông đất*... ta lại đang nghe, hình như từ thời tiền - Nguyễn Công Trứ mở Tiền Hải Kim Sơn, bắt con sóng thần lùi xa, bắt bãi sú thành đồng cói...

Những đồi bát úp, những dải đá ong có phải từng là những con quái vật oằn mình vùng vẫy rồi bỗng dưng đông đặc lại thành trung du cằn khô, ẩn tàng màu mỡ mà ta không khai thác nổi cho đến khi cây vải lên đồi Lục Ngạn, cây na vươn tới Đồng Mỏ Lạng Sơn, cây cà phê ăn chất Badan... ta mới thực sự là nửa trăm người con trai vua Rồng xuống núi mở đất, thực sự cấy trồng cho thỏa lòng bà Tiên Âu Cơ mang bọc trứng?

Bao lâu rồi ta dạy con em rằng: Nước ta giàu đẹp? Có là vui quá sớm không khi vẫn cứ phải trông trời trông đất trông mây, trong khi có quốc gia lại dạy con em rằng đất nước nghèo lắm nên người phải gắng công, cho nên ngày nay họ đang thực sự đứng hàng đầu thế giới? Chỉ một câu ca dao, chỉ là một khẩu hiệu mà là quan niệm nghìn đời, đổi thay và không đổi thay, vật vã và vùng lên, tự đốt mình trong hỏa thiêu mà đứng vững như con chim thiêng nghìn tuổi, lao vào ngọn lửa để tự hoài thai thành kiếp mới cho như câu chuyện huyền thoại về loài phượng hoàng cổ tích?

Từ vệ tinh, mắt người đã nhìn thấy Vạn lý trường thành. Còn ta? Người điêu khắc mới, nhà kiến trúc mới đã chạm khảm mặt đất này thành những đê nghìn tuổi, những dòng sông vạn cây số dọc ngang, nếu từ vệ tinh, có bức phù điêu hoành tráng hiện lên đỏ phù sa hay xanh cây biếc cho ta đỡ một phần trông ngóng trời mây? Nghĩ mà vui vui đôi chút. Lâu nay, nhiều người cứ tối tối không phải ra bờ ao hay ngửng tới vòm trời xem chiếc Gầu Sòng, Thần Nông, Con Vịt... mà ngóng vào cái màn hình nghe dòng tin thời tiết. Một trăm người trông trời thay cho triệu người. Một vạn

người trông trời thay cho hàng chục triệu người trên mặt đất. Những Sa Pa, Phủ Liễn, những trạm đo gió lượng mưa, những chiếc bút chì ghi đường đi con gió... không còn phải phấp phỏng nhìn vào làn mây thành hay mây đe, mây lăn hay vẩy tê tê, hoặc nghe cái khớp đầu gối mình nhức buốt vì trời chuyển gió mưa... như một thời người lính thú nhìn về chân trời xem đám khói đốt bằng phân chó sói có bốc lên mà liệu bề báo động giặc giã vượt biên cương....

Khi Bà Huyện Thanh Quan dừng chân trên Đèo Ngang than thở:

... trời non nước

Một mảnh tình riêng ta với ta...

thì hình như cái từ ghép "môi trường", "môi sinh" chưa ai dùng đến, mặc dù vẫn là cỏ cây chen đá lá chen hoa vẫn là nhìn sợi rễ đa đen hay trắng, nhìn ngọn cỏ gà xanh hay vàng, nhìn đàn chuồn chuồn cao hay thấp... vẫn là "thưa hồng rậm lục", vẫn là "da trời ai nhuộm mà xanh ngắt..." như từ khai thiên lập địa.

Hình như giọng nói của cô Thanh Thư, phát thanh viên quen thuộc, không đọc thời sự mà chuyên đọc tin thời tiết, cô đứng trước tấm bản đồ ta quen từ thuở còn học bài địa dư "Nước Việt Nam cong hình chữ S..." ngày lớp Một lớp Hai, mà nay đã khác xa rồi khi nước Việt Nam trải ra vùng lãnh hải bao la cho hình hài vươn rộng chủ quyền. Có người từng đặt chân đến mọi vùng trên bản đồ ấy từ Lũng Cú đến Cà Mau, từ Mù Cang Chải đến Trường Sa Phú Quốc, từ Trà Cổ đến Hà Tiên... lội đèo, băng suối, ngủ rừng, ăn rau tàu bay... nhưng cũng có người cả một đời chỉ *"trông trời trông đất trông mây"* mà bước chân chưa hề ra khỏi lũy tre làng và cái cổng gạch có chuồng cu cho anh tuần đinh canh gác nhìn ra bốn phía đông tây nam bắc, nhìn thấy sao Bắc Đẩu nhưng

chưa hề nhìn thấy hồ Hoàn Kiếm, nhìn thấy bông hoa sen rìa làng mà chưa hề gặp một nhánh chín con rồng cuồn cuộn tít chân mây... Cô Thanh Thư nhìn hộ, nói hộ, và hình như ngày nào không một lần nghe cô là một ngày không bình yên đồng ruộng.

Câu ca dao cũ nói ở trên còn một câu thứ tư nữa:

(Trông cho chân cứng đá mềm)

Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng...

Thềm lục địa và lãnh hải mênh mông. Biển khơi và trùng dương bát ngát. Đã từng bao thuở có những người đàn bà chờ chồng mòn vành khăn trắng khi bão biển xô lên dìm con thuyền mỏng mảnh vào thăm thẳm đời đời. Vẫn là nỗi ngóng trông và hy vọng, vẫn là con mắt và tấm lòng thiết tha cuộc sống. Hành lang biển Đông là đây. Trời yên biển lặng là khao khát vĩnh hằng. Phi lao reo reo, mái lá dừa chờ đợi, ngọn lửa hồng tí tách bập bùng... không phải là cô Kiều:

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

hiu hắt đến quặn lòng thắt ruột mà là vồng ngực người thân, là khoang cá nặng, là mùi mồ hôi nồng mặn thân quen. Người trở về từ môi trường khắc nghiệt, mang theo chiến thắng, bỏ lại ngoài ấy những ngôi sao long lanh trên mặt sóng giữa tầm tã nắng trưa hay đêm buốt gió gào... người về với màu xanh cây cỏ bãi bờ, với cánh tay:

Gối mền gối chiếu không êm

Gối lụa không mềm bằng gối tay em...

Thì ra ta đã đi qua một chặng lịch sử ngàn năm từ con ốc con sò nướng trên than hồng hang núi, đến động Người xưa của Cúc

Phương, qua Ốc Eo, qua bao triều đại chỉ biết trông trời trông đất… đến lúc có thể nghe nhau qua vạn cây số từng không sóng điện… nhìn thấy nhau, trông được nhau khi ấn cái nút đầu giường…

Không hiểu đến lúc nào thì ta có thể bấm cái nút trong nhà ta để trời đang mưa hóa nắng, trời đang nắng phải làm mưa… như chuyện cổ tích kể rằng ngày xưa khi lúa chín, tự nó lăn về nhà ta, mỗi hạt to bằng cái thúng, chỉ vì ta dại dột đập nó vỡ nhỏ ra nên nó giận dữ không tự về từ đấy. Có khi là sẽ có một ngày như thế.

1999

Về quê ăn tết

Hình như người thành phố lớn sinh cơ lập nghiệp, giàu nứt đố đổ vách, dựng nhà cao cửa rộng, ăn bát vàng, mặc trắng trơn, đi xe bóng loáng... hay lam lũ sớm khuya tảo tần chợ hôm chợ mai, gầm giường là nồi niêu củi bếp... không mấy ai là không dính dáng một chút gì đến một vùng xa gọi là quê hương, là quê cha đất tổ, dù chôn rau cắt rốn ở nơi đô hội đã trải mấy đời.

Trong tâm hồn vẫn luôn phảng phất mơ hồ một chút bờ tre rặng duối, triền miên tím vạt cỏ may, khuya đêm tiếng quả sung rụng xuống ao bèo đánh tõm, đêm trăng sáng, bóng tầu nhà kẻ vệt xuống sân có cái chõng tre đã bóng màu thời gian trò chuyện... và bao nhiêu thứ khác vẫn còn hay đang dần mai một trước một thời đại đồ nhôm đồ nhựa và đồ điện tử, chỉ còn là kỷ niệm bảng lảng trở về mỗi khi trời trở gió...

Và xuân về, xuân đánh thức "cô công chúa ngủ trong rừng" trong lòng người. Bỗng có ai bật lên câu nói như lời tự hứa, như câu tự thán, như giọt nước cuối cùng làm tràn cốc nước: *Năm nay phải về quê ăn tết.* Rồi có về được không hay có bao nhiêu cuốn hút khác nó níu chân và buộc chặt hồn người, nó mong manh tơ nhện mà bền chắc như chão xơ dừa khiến người này thực hiện được, người kia đành chép miệng thở dài lỡ một chuyến mùa xuân.

Hình như đã vang lên, đã bốc cao, đã lan tỏa, đã thầm thì thúc gọi, đã lay động tận tâm can làm bứt rứt nỗi niềm... HỒN QUÊ

đấy. Hồn quê bay từ vài chục dặm đường, từ trăm cây số, từ năm ngoái hay mười năm trước, từ ấu thơ hay lúc cất bước ra đi còn ngoảnh lại thấp thoáng ngọn đa nơi ngã ba đầu làng sương bụi...

Thành phố đã họp chợ hoa đủ triệu cành tươi thắm cho trăm phương hội tụ. Món ăn truyền thống và tân kỳ, áo quần từ trời Tây trời Đông tràn đường phố... Nhưng làng quê, làng ơi, người thân ơi, nấm mộ nghĩa trang cỏ vàng hiu quạnh ơi, con đường lát gạch nghiêng ơi... đã thành nỗi niềm, thành ám ảnh, thành thao thức đấy.

Đã "nghe" thấy màu hoa mận trắng góc vườn vươn cao vượt màu vàng hoa cải vạt rau làm giống rung rinh muôn cánh bướm vàng, muôn cánh nắng thu. Đã "nhìn" thấy tiếng kêu con chim khách rung rung đôi chân mỏng mảnh khô gầy trên cành bưởi lúc lỉu quả để dành bày mâm ngũ quả chỉ chiều nay hay mai là bị trảy. Đã muốn ngồi xuống bên cạnh mấy cậu học trò nghỉ tết, đang dùng tro dùng trấu lau rửa đánh bóng bộ đồ thờ bên cầu ao có cây vối già cứ choãi chân vào đáy sân cho cành xanh la đà soi xuống mặt ao làm đỏm.

Mấy cô gái nhà ai mới lớn không thể nhận ra là cái Mơ hay cái Mận, là cô Đào hay cô Gấm, chị Thắm chị Tơ, chỉ thấy đó là những đôi mắt hạt nhãn, bộ ngực chũm cau, chiếc lưng thon óng ả hình số tám... đang rúc rích ngồi rửa lá, những tầu lá dong như con mắt xanh hình thuyền ướt át vì thấm lệ vui đón mùa xuân mới...

Hậu cung ngôi đình tịch mịch quanh năm, tịch mịch từ nghìn năm làng mới lập, tịch mịch để đôi rắn thần có thể quấn quít nhau làm tổ đã mở toang đôi cánh cửa im lìm, khiến đàn chim sẻ bay vù ra khi bóng ông từ vào lau rửa, thắp ngọn đèn liu riu châm lên tuần hương thơm ngát. Làng ta mới có món tiền công đức để thay lại chiếc cột lim bị mọt, thếp vàng lại chiếc cửa võng, cuốn thư, dăm ông cựu chiến binh không cần nhờ đám thanh niên nghịch

ngợm tự mình chui xuống gầm sàn đình bằng gỗ, quét đi đám bã mía đêm hội, nhổ sạch ngọn cỏ cớm nắng ngả nghiêng, lau như li như lai hàng con tiện chấn song để vài ba hôm nữa, có cô Thị Mầu, nàng tiểu Kính Tâm, có anh bộ đội, có chị y tá "kế hoạch" lên biểu diễn, ý ở câu hát huê tình có thể làm đảo điên cả đôi hạc thờ và cỗ voi gỗ ngựa gỗ đứng mòn chân trên bánh xe lọc cọc...

Ngoài kia, vượt bốn cổng làng có vòm cong như nửa vầng trăng khuyết, những vầng trăng mọc lặn chẳng hao mòn, là cánh đồng phẳng gương lấp lánh, mạ cắt bằng ngọn, cấy xuống thẳng hàng đang bén rễ, chưa đủ sức lả lướt theo chiều gió mà các nhà thơ gọi là Đông phong, tức gió xuân thổi từ phía đông lại chứ không phải gió mùa đông.

Không có cối xay cối giã, nghiền nát cả đêm khuya và giã tơi bời bóng tối. Thay vào đó là máy xay máy xát, mọi người đã quen với tiếng mới "Công tơ tổng" "Oát" "Vôn" cứ rì rầm như mưa rào đâu đó cho thúng gạo ngon lành. Từng có một câu chuyện vui về chiếc cối già nằm dài ở gian đầu hồi. Chồng đi vắng, nhà chỉ một mình, chị đỏ giã gạo cũng một mình. Chiếc bản lề kêu rin rít, lâu lâu mỏ chầy mới rơi vào lòng cối, nghe chệch đi là: "Chán... thật, chán... thật". Hôm chồng về, hai vợ chồng ôm lưng nhau dận chân giã gạo, sức hai người làm cần cối nhanh lên, mỏ chầy rơi liên tục, tiếng bản lề cũng kêu nhanh hơn, nghe ra là "Thích thích thật, thích thích thật!" Ôi cái thú vui làng ta thật bình dị, chân chất, ngọt ngào, thành phố toàn hát bằng tay, say mèm nghiêng ngả, sao mà có được.

Đệm "mút" đã về đến nông thôn, nhưng ông nội ông ngoại ta vẫn thích nằm ổ rơm như ngàn thuở. Ông bện chiếc nùn dài như con trăn, quây một hình vuông, rải rơm vào đó, ổ rơm thành con thuyền bồng bềnh mang đầy nắng ấm mùa thu tỏa ra vừa là sóng

vừa là lửa. "No cơm tấm, ấm ổ rơm", ông bảo thế, mà chỉ những ngày áp tết này, phía sau nhà rặng chuối rét mướt, bờ tre thì thào, chuồng trâu đã căng lên manh chiếu rách, mặt ao không động tiếng cá tìm ăn vì có lẽ chúng đã chúi xuống đáy bùn trong chiếc "ổ rơm riêng của loài cá", thì chiếc ổ rơm mới thần tình, mới kỳ diệu mới đúng là quê Việt trăm nghìn năm đầy thóc lúa và rơm rạ.

Rét ngọt, năm mưa phùn, năm nắng hanh, trời đất như thoát xác ngày thường, phiên chợ áp tết đã tan, gồng gồng gánh gánh, bao nhiêu là thứ, từ tờ tranh lợn xoáy âm dương đến đôi mía voi tím sẫm làm "gậy ông vải", từ gói muối gói bằng lá ngái còn tươi đến những cục vôi sống gói bằng lá chuối khô và vôi bột để vẽ cung tên ra nền sân lối ngõ, cho đến bóng bay xanh đỏ, đôi giày tí xíu cho bé mới lọt lòng, thỏi môi son, chiếc "áo con" có rua có viền, cùng chai nước mắm ngon, hộp mứt, gói trà hảo hạng...

Mọi thứ đều kèm theo chữ Tết ở phía sau: măng tết, áo tết, mứt tết, bánh cốm tết, ... như chữ tết mới là linh hồn, là tinh chất của thứ hàng hóa được mua về, được dùng đến vài ba ngày tới.

Đã quen thuộc nửa thế kỷ nay là cờ đỏ sao vàng, nhưng phục hồi đầy hoan lạc là lá cờ đại, cờ hội ngũ sắc có tua răng cưa xung quanh như những dải vây rồng.

Giữa màu xanh tre, trúc, đa, đề, chuối, mít, vươn lên là ngọn cau ngọn dừa. Đi từ ngoài đê, từ ga xe lửa, từ con đường trục, dưới rặng phi lao... nhìn về làng mà líu ríu bước chân, mắt ta chợt nhòa đi khi hiện lên thấp thoáng màu cờ ngũ sắc rập rờn nổi bật. Không còn là những mảnh vải ghép vào nhau mà đã thành hồn thiêng của Đinh Lý Trần Lê, của Bạch Đằng, Đống Đa, Hàm Tử, của trường thi tạo ra ông tiến sĩ cử nhân, của đám rước thần kiệu bay, bay qua con ngòi mấp mô cỏ rậm, của hội chọi trâu, của cuộc thi thổi cơm thi, của đoàn thuyền bơi chải, và trong lòng ta, đó là

sân đình, có tường bao, có cột trụ, có trai gái bá vai nhau xem hội, có cuộc tế thần thiêng đến nín thở...

Trăm nghìn hình ảnh sắc màu hương vị của quê hương đã hiện lên khi mới tự hứa thầm "*Năm nay về quê ăn tết*". Còn có người lâu lắm đã quên mất vị con cá trê nướng, bát tương ngọt lừ, con chạch om, mớ rau cần thơm mùi thìa là, vì toàn cao lương mỹ vị. Bữa cỗ quê có đĩa thịt mỡ thái rối, mới nhìn đã ngấy, có bát măng nấu chưa nhừ, thứ măng áo tơi chứ không phải măng lưỡi lợn... nghĩa là bữa cỗ không thể ngon theo khẩu vị người thành phố. Nhưng về quê ăn tết đâu phải là để ăn. Ta cần cái khác, ta ăn cái khác, ta thẩm thấu vào thân ta và hồn ta cái khác. Đó là không khí đầm ấm của quê hương, là tình người không hề phôi pha dù xa xôi trăm dặm, là nghĩa vụ làm con làm cháu với tổ tông, là tìm lại cho ta dư vị của ngày qua dĩ vãng, là kiếm lấy hành trang cho đoạn đường đi tiếp trên thành thị.

Ai không có một quê hương để về ăn tết, thật là một thiệt thòi lớn trong đời. Cái cây bị chặt gốc, mất rễ cái, chiếc mầm không được bón chăm, tiếc lắm.

Năm cuối cùng Thiên niên kỷ này, quê hương ta đã thay đổi muôn phần. Nhưng không thay đổi, có lẽ vẫn là tình người, hồn người, nếp sống được truyền lại bền bỉ dẻo dai mà ta hạnh phúc được mang một phần trong máu thịt.

Về quê ăn tết chính là thắp sáng lên ngọn lửa nghìn đời ấy, nối dài thêm sợi tơ dăng từ Văn Lang Âu Lạc đến Việt Nam hiện đại mãi sau nữa.

Xuân 2000

Hạt thu

Có ai đã đôi lần thế này: Ra ga đón người thân, chờ mãi vẫn không thấy con tàu về, sốt ruột, đi làm một việc gì đó: uống nước, rẽ vào hiệu tạp hóa gần đấy, sà vào chỗ hai ông lão say sưa ván cờ tàn... bẵng đi là mình ra đây chờ con tàu mong mỏi, bỗng con tàu không báo trước, vào ga lúc nào mình không biết. Thế là hồi hộp, hối hả, ríu rít, cả lo lắng lẫn băn khoăn... vì điều mình chờ đợi đã đến nơi rồi.

Hình như mùa thu cũng thế. Nhiều lần như thế. Những ngày oi nồng nhất, hầm hập nhất, chang chang nhất bắt ta mong thu đến. Ta chờ mùa thu đầy khắc khoải, mong một làn gió mong manh mang cái se se lùa vào mái tóc, đem lại những gợn sóng hồ đầy hơi ướt tê tê... Nhưng mùa hạ nghiệt ngã, mùa hạ cay nồng đang sung mãn làm ta phải gồng sức lên mà chống chọi với những con rắn vô hình bò trên lưng, trên trán ta lau không kịp, ta phải căng những bước chân vượt con đường gập ghềnh cơm áo giữa sấm sét ầm ào, giữa bão tố ngả nghiêng, giữa cơn thịnh nộ lũ quét, giữa giấc trằn trọc vệt chiếu hằn vào da thịt như cói dệt lên lưng và mặt chiếu thì in hình ta bằng thứ mực loãng thẩm thấu qua từng lỗ chân lông, rõ ra màu thâm thâm chua loét... Ta quên là ta đang đợi thu, bởi con tàu thu chắc còn mải rong chơi nhởn nhơ từ một nẻo nào xa lắm, hình như nó đủng đỉnh, lừ đừ, giống đứa trẻ thơ lần đầu lên ngọn đồi hoa, thấy bông hoa nào cũng

dừng lại ngắt, thấy ngọn cỏ nào cũng mềm cũng lạ nên đường thành xa, xa mãi không tới đích, cũng giống như con thỏ chạy thi trong ngụ ngôn của ông Lã-Phụng-Tiên, cứ mải nghịch đùa cùng vệ cỏ ven đường mà quên cả cái đích phía kia... khiến con rùa thắng cuộc.

Thu cũng thế chăng, hồn thu cũng lãng đãng chẳng cần biết ai chờ ai đợi ở cuối mỗi năm trời đất chăng?

Rồi bất chợt một hôm, ngày "Lập thu" đến và đi lúc nào ta quên khuấy vì ta còn mải ăn bát nước canh rau muống có chiếc hạt sấu già nâu cứng, còn mải húp bát canh mùng tơi mềm đầu lưỡi, mải uống cốc nhãn lồng sen lạnh buốt thịt da và ngọt thơm kỳ thú...

Cuối ngày, một làn gió nhẹ bay qua ngọn bông hoa móc diều ngoài song cửa, bay qua bông hoa quỳnh bừng nở như em bé bỗng hóa gái dậy thì rực rỡ một loài thơm.

Xem lại tấm lịch trên bàn, thì ra "Lập thu" đến từ hôm qua, đến từ sớm nay... mà ta không biết, ta lỡ một hẹn hò.

Tiếc quá, thu ơi. Thế là hồi hộp, hối hả, ríu rít, cả lo lắng lẫn băn khoăn... vì điều mình chờ đợi đã đến rồi mà ta lỡ đón.

Chưa ngâu thu sùi sụt. Chưa cốm thu xanh ngời. Chưa xạc xào cánh chim ngói chở đầy thu trong màu nâu ánh bạc. Chưa Bích Khê ngỡ ngàng:

Ô hay, buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi, vàng rơi, thu mênh mông...

chưa Nguyễn Hà tha thiết:

Thương yêu dồn đỏ lá

Rưng rưng trên cành bàng

Còn hàng trăm hàng nghìn cái chưa mà thu non còn giấu kín trong cái ngực chũm cau của một mùa vừa quay lại mà hè già xô đẩy, lấn át bằng xanh diệp lục.

Lá vàng khô và con nai ngơ ngác Lưu Trọng Lư, những "Chao ôi là hương cốm, rối lòng ta thế ư" với Trần Mạnh Hảo, những "Sương thu xuống, gió thu về bồng bềnh" khiến Nguyễn Bính thở dài não nuột:

Đàn ai chừng đứt dây tình
Nổi lên một tiếng buồn tênh rồi chìm...

Cũng còn lâu mới là Thu của Lâm Huy Nhuận khi:

Thu đi để lại bên thềm
Nghìn con mắt lá đang nhìn về đâu...

bởi hôm qua, hôm nay, hôm lập thu, trên mọi cành cao thấp, những con mắt xanh ấy vẫn long lanh và lung linh, vẫn chia sẻ với ta một chút gió mỏng tang, mỏng như không có gió, mỏng như hạnh phúc đời người, như một cánh nhài non yểu...

Cái ông nhà thơ gầy gò, mắt lại hay hấp háy hẳn hơn đôi lần lỡ nhịp như ta, nên nhắn theo cánh chim sải vội cứ như chim bay ra ngoài trái đất:

Mây vừa qua, trăng đã thu
Tận cùng xa thẳm của hư vô
Cánh chim vội thế, không hay biết
Trái đất sau lưng đã trở mùa...

(Ngô Quân Miện)

thật khác xa mùa thu Nguyễn Khuyến khi thu đã trong veo và lạnh lẽo, khi ông tiến sĩ dám dí dỏm đùa cả thần linh, viết chữ

Nhất thẳng, đọc lên thành chày đứng nghĩa là đừng cháy, khi ông ôm cần mà câu được cả nghìn mùa thu vào hồn dân tộc.

Thu đang bỡ ngỡ rụt rè. Thu chưa trưởng thành. Thu mới nhú cái mầm sương chưa tìm ra nơi cắm rễ.

Lại có ai một lần thế này: Người yêu đi lấy chồng vẫn không quên nghĩa cũ tình xưa, gửi cho ta tấm thiếp hồng oan nghiệt, mời ta dự cưới. Khi chợt nhớ ra, đến nơi thì con đò đưa dâu vừa rời bến sang sông, hình như trên mặt cát bến buồn còn ấm vệt giầy bịn rịn. Ta đứng nhìn theo, ta trộng vời con nước, ta ôm lấy con gió thừa vương lại mà nuối tiếc một cung đàn trác tuyệt chỉ dư âm.

May thay, mùa thu không hẳn thế. Thu còn dài 90 vòng mặt trời mặt trăng thực tế và mộng ảo. Còn đồng lúa vàng mơ ngút ngát đến chân trời có những cô thợ gặt trùm khăn chỉ cho ta cảm thấy láy tròn hai hạt nhãn nhìn ta tinh nghịch như nói thầm rằng anh chàng kia ơi, có biết môi em đỏ thế nào, có biết má em hồng trắng hay đen giòn ra sao, có biết em mặc áo dài tay hay quấn đôi xà cạp kín chân là để gìn giữ màu da nõn nà cho ai, mịn màng cho ai sau những gầu nước giếng thơi ào ào róc rách để người phải run lên như Chử Đồng Tử gặp Tiên Dung...?

Cũng còn những đêm trăng huyền ảo mà Hàn Mặc Tử đã bật ra câu thơ thần:

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay?

Con thuyền trở đầy trăng ấy chắc cũng một lần lỡ nhịp trở về khi Hàn lìa đời ở tuổi đắm say chờ đợi. Nhưng với ta, ta vẫn còn nhiều con trăng từ lá lúa đến lưỡi liềm, từ bán nguyệt đến khuôn mặt Thúy Vân cho trăng thấm vào ta, cho ta tan vào trăng, cho ta

cũng ảo huyền mộng mị mê tơi khi ta nhìn vào hai mặt trăng nhỏ xíu long lanh ngời ngời những mùa tình.

Ta còn thu trong trái hồng đỏ thắm, trong tiếng bập bùng hồi trống múa lân rung rinh cả làng quê mấy thuở bé thơ. Ta còn được lăn mình vào đê cỏ may tím biếc heo heo con gió thổi dọc sông lên, mặc cho cánh buồm trôi vào nẻo xa mờ cuối mùa thu gầm gào ầm ã.

Ta còn cả một mùa thu trước mặt với đàn sếu bay đi như mũi tên về phương trời vô định, nơi ấy không biết là đâu, có ai xa xứ mong ngày trở lại.

Ta còn cả một mùa vàng hoa cúc, màu vàng làm tươi lại đất trời, bớt đi niềm tê tái của nhợt nhạt mây thu, màu vàng khiến lá cây cơm nguội cũng thèm thuồng, phải tự nhuộm mình khiến nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ngơ ngẩn cùng mái rêu phong, cùng đàn sâm cầm chao nghiêng hoàng hôn sóng sánh. Ta còn cả một mùa xe hoa nối đuôi nhau đi vào những đêm phập phồng hồi hộp, triệu năm không hề cũ, dù là danh tướng thuyền quyên, tài tử mỹ nhân hay anh hai cái hĩm... từ danh tướng Lê Hoàn với bà từng một lần làm vợ vua, người họ Dương... đến Thế Lữ, ông vua *thơ mới* và *kịch nói* Việt Nam đem bó hoa đến cầu hôn nữ nghệ sĩ Song Kim... cho đến tiếng kèn lá đêm trăng thổi qua khe nứa nhà sàn để gọi cô gái vào rừng, hoặc vườn chuối ven sông, tầu lá chuối nặng sương đêm cũng phải ưỡn lên trong hồn Nam Cao đặt bút...

Thế là ta cũng đã thu. Mượn một hai dòng nhưng bản trường ca còn bất tuyệt. Sẽ có trang cốm xanh màu ngọc, trang na ngọt đến rùng mình, trang thị truyền thuyết luân hồi, trang sương mơ hồ như khói, đương nhiên có cả trang mưa buồn Thâm Tâm:

Cuối thu mưa nát lòng dâu biển

Ngày muộn chuông đau chuyện đá vàng...

và nỗi sầu Tản Đà:

Sông thu đưa tiễn bao ngành biệt ly...
Nhạn về én lại bay đi
Đêm thì vượn hót ngày thì ve ngâm
Lá sen tàn tạ trong đầm
Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc họa...

Ta ngửa bàn tay trong thu non. Chưa ướt giọt lệ trời. Hàng cây trước cửa vẫn rì rào như lưu luyến mùa hè khệnh khạng nặng nhọc những trận nắng đỏ mắt người.

Hạt thu vừa gieo. Xin nâng một chén mừng nhau.

1999

Con rồng dân gian

Thông thường, con rồng tượng trưng cho vua chúa, có khi gần như độc tôn, dân gian bị cấm, không được dùng dù dân tộc ta tự nhận là "con rồng cháu tiên". Nhưng cái gì mà chẳng có ngoại lệ. Kho tàng tục ngữ ca dao đồ sộ ngoài những mây mưa, lụa đào, chim xanh, gừng cay, muối mặn, con đò bến nước, chum tương rau muống... thì cũng thấp thoáng ít câu về con rồng, con vật thiêng liêng trong Tứ linh, con vật huyền thoại, con vật tưởng tượng... được dùng đến một cách dè dặt hoặc da diết bởi tình yêu trai gái. Chắc rằng vua ở xa lắm, quan cũng chẳng gần dân nên trong những thôn làng hẻo lánh, giữa đồng ruộng bao la, trên dòng sông bát ngát, cạnh quán chợ lèo tèo... câu ca dao về con rồng cất lên thành lời tâm sự, thành câu "hát ví" thì cũng không ai bắt bẻ.

Phần khác dân tộc ta rất hay ví von, nói có vần có điệu, xin lỗi độc giả, đến câu chửi của hai bà dù bốp chát cay độc đến đâu cũng còn có vần điệu nữa là... cho nên không lạ gì, có người nói dân tộc ta là dân tộc thi sĩ và ca sĩ. Ai cũng làm thơ được, mà thơ lục bát là chủ yếu, đọc lên là thành âm nhạc, thành giai điệu, còn rõ ràng trong các câu ca quan họ, hát văn, hát xoan, hát ghẹo, trống quân, hát đúm (hát giao duyên)...

Làng nào chẳng có đền chùa đình miếu, những đầu đao, xà ngang, hoành phi, cửa võng... thường được chạm khắc tỉ mỉ, công

phu trở thành những tác phẩm nghệ thuật giá trị vượt qua thời gian hủy hoại, trong đó có con rồng.

Tục xăm mình của người Việt cổ cùng với tục đóng khố, ăn trầu, cạo trọc đầu (Theo *Sử ký Toàn thư*, tất cả hoàng nam thời Trần tức dân đinh trai tráng, ai cũng phải cạo đầu trọc, chỉ các quan mới được để tóc dài, búi lên và chít khăn) thì những hình xăm kia là hình rồng múa lượn để xua đuổi các loài thủy quái là đương nhiên. Một thời dài, tục xăm mình mất đi, gần đây hình như đang được phục hồi, chủ yếu lớp trẻ ưa thích, nhất là tầng lớp "tay chơi", dân anh chị, đầu gấu... còn người bình thường thì hình con rồng xăm ấy đã mờ nhạt đi rồi. Nhưng ca dao thì còn lại.

Tự hào về dòng giống của mình (cũng là một chút tự kiêu), người ta dẫn câu ca dao để phân biệt giai tầng, đẳng cấp giữa sang và hèn, giàu và nghèo cũng có:

Trứng rồng lại nở ra rồng

Liu điu lại nở ra dòng liu điu.

Con rồng và con rắn là khác nhau. Liu điu là con rắn nước, cũng là con rắn giống loài thằn lằn nhỏ bé chuyên chui rúc nơi bờ bụi, dĩ nhiên là không thể cao sang như con rồng được thêu, được chạm, được phụng thờ hương khói. Phân chia đẳng cấp sang hèn như thế có sai không, chưa biết, nhưng các nhà khoa học đã kết luận rằng mọi giống loài đều có "gien" đều di truyền, đều được tiếp thụ một phần của tổ tông như câu thành ngữ "Con nhà tông, không giống lông, cũng giống cánh".

Tình yêu là động lực mạnh nhất của loài người, không cần bàn cãi. Hãy nghe đôi trai gái tỏ tình, cũng chẳng cần phân tích xem đây là lời trai nói với gái hay gái nói với trai, nhưng rồng phải đi với mây, cặp thành mây không thể tách rời. Mây không có

rồng chỉ là sương là khói. Rồng không có mây thì rồng biết dựa vào đâu mà vần vũ uốn lượn tung bay, cho nên:

Mấy khi rồng gặp mây đây
Để rồng than thở với mây vài lời
Nữa mai rồng ngược mây xuôi
Biết bao giờ lại nói lời rồng mây...

Nhưng hãy thận trọng bạn tình ơi, chọn bạn tình chớ nên hấp tấp, mà phải:

Trai thanh gái lịch thì chơi
Đừng nơi có vợ, chớ nơi có chồng

cho nên nhắc nhau cũng không thừa, dù lời nhắc này không hẳn đã hoàn toàn vô tư:

Chớ tham ngồi mũi thuyền rồng
Tuy rằng tốt đẹp nhưng chồng người ta.

Phú quý giàu sang, ăn trắng mặc trơn, ra hài vào hán ư? Hoa đã có chủ, ván đã thành thuyền, chớ lóa mắt mà lao vào, có ngày hối không kịp. Thuyền chạm rồng, sơn son thếp vàng, cờ bay trống rộn ư? Của người khác đấy. Anh ta đẹp trai, có tài ăn nói, con nhà giàu ư, nhưng người ta có vợ rồi, người ta là chồng người khác rồi, xin đừng dại dột.

Hãy bắt chước, hãy học gương cô gái thiết tha đằm thắm này, cô mang trái tim nồng nàn bốc lửa, cô là hiện thân của khao khát và thủy chung:

Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây
Như con chèo bẻo xa cây măng vòi.

Mây ơi hãy làm tổ ấm cho rồng cuộn khúc và bay cao. Mùa xuân ơi, luỹ tre ơi, hãy vươn lên những vọt tre thưa lá để lộ khoảng trời xanh đung đưa; Cây tre vòi không có đôi chân chim đỏ hồng thì thật tẻ ngắt. Nhưng con chim mà không có cây tre non đang vươn vào trời xuân thì con chim còn cô đơn gấp bao nhiêu lần cơ đấy. Nào hãy gần nhau đi, nói theo kiểu hiện đại, có chút Tây phương trong thơ Xuân Diệu là:

Hãy sát lại gần nhau thêm chút nữa...

Kẻo: *Em, em ơi, tình non sắp già rồi.*

Nhưng cuộc đời cũng vẫn có những đôi đũa lệch. Một người quá giỏi, quá thông minh sắc sảo mà phải ở chung với người ngu đần thì thật khổ, khác nào:

Rồng vàng tắm nước ao tù
Người khôn ở với người ngu bực mình

và có phải như thế, mà đã có người phụ nữ thơ than, tự thương cho thân phận đa đoan của mình, và ao ước:

Một ngày tựa mạn thuyền rồng
Còn hơn một kiếp sống trong thuyền chài.

Lệch duyên, không xứng, nên đành cam hay vứt bỏ, chịu đựng hay phá tung? Ngày nay, nạn li dị đang lan tràn, câu ca dao này cũng đáng cho ta suy nghĩ về thế thái nhân tình, về đứng núi này trông núi nọ, về hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc gia đình...

Không phải bây giờ mới có cơ chế thị trường. Đồng tiền xuất hiện đã lâu lắm từ khi con người còn dùng vỏ ốc vỏ sò để đổi trao hàng hóa. Và nay không thiếu gì kẻ ngọt ngon, nói như rồng leo gió cuốn, nhưng trong đầu, trong lòng rỗng tuếch, nên người khôn ngoan xa lánh, đó cũng là kinh nghiệm:

Trong lưng chẳng có một đồng

Lời nói như rồng cũng chẳng ai nghe

Phải lao động để giàu có, chí ít là sung túc, đừng lười biếng chịu cảnh nghèo nàn mà bị mọi người khinh rẻ. Bài học ấy ngày nay vẫn còn có thể cố ích. Nhất là người trẻ tuổi, người có tài, người có học, người biết "nói như rồng".

Ngoài tình người nhờ hình tượng con rồng mà được thể hiện ra, thì trời mây mưa gió cũng có phần nào mang dáng hình con rồng trong thiên nhiên. Vẩy tê tê, mây thành, mây lăn, mây đe, mây giông, vòi rồng... Nhiều câu ca dao nói lên kinh nghiệm ngàn đời về các hiện tượng thời tiết có giá trị về khoa học, trong đó có câu nói về vòi rồng, một hiện tượng làm kinh hoàng hoặc đe dọa con người làm nông nghiệp còn phụ thuộc vào thiên nhiên;

Rồng đen lấy nước được mùa

Rồng trắng lấy nước thì vua đi cày

Những đám mây đen kịt uốn thành vòi rồng, báo điềm mưa to cho đồng ruộng nước ngập tràn bờ mương theo hy vọng, thật vui mừng. Nhưng có vòi rồng trắng đục, báo hiệu khô hanh hạn hán, đồng lúa cháy khô, ao chuôm khát nước, năm mất mùa sẽ là tai họa, chắc nhà vua cũng chẳng thể ngồi yên trong cung cấm...

Con rồng lại đến sau một chu kỳ 12 con giáp. Chưa ai nhìn thấy con rồng cụ thể bằng xương bằng thịt, nhưng với chúng ta, ai chẳng từng quen thuộc với hình tượng con rồng có khắp mọi nơi, từ kiến trúc, điêu khắc đến thơ ca, trang phục...

Hy vọng con rồng cuối cùng của thế kỷ XX, của thiên niên kỷ II này sẽ tìm được những đám mây ngũ sắc để vùng vẫy với tinh cầu.

Xuân con rồng 2000

Cây đàn bầu

Bạn và tôi - người đọc và người viết những dòng này, ta là người thứ bao nhiêu triệu nghe tiếng đàn bầu? Đàn bầu không kêu tích tịch tình tang như cây đàn Thạch Sanh mà nó nỉ non, thánh thót, nó giống cả tiếng người i i, ứ hự, véo von, ngân nga. Nó cũng không phải được sinh ra trong thế kỷ cách mạng vũ bão đầy biến động, rầm rập nổ trời này, không gắn nó với một nhân vật cụ thể nào. Nghìn năm, năm trăm năm, ai là người nghĩ ra nó, không có sử sách nào ghi chép, bởi trong *Đại Việt Sử ký Toàn thư* ghi rằng Nguyễn Trãi và Lương Đăng tranh luận trước mặt vua Lê, cãi nhau thì đúng hơn, về nhã nhạc, trong đó giai điệu ra sao, tiết tấu thế nào, những nhạc cụ, gọi nôm là đàn, kèn, trống, thanh la, chũm chọe... ra sao, nhà sử học không ghi. Thật đau khổ cho chúng ta và con cháu chúng ta về công việc lưu trữ từ xưa tới nay, chỉ mấy năm đã tam sao thất bản, đã mối xông mai một.

Cây đàn bầu cũng vậy, cha nó là ai, không biết. Nhưng cô dì chú bác nó nuôi dưỡng nó, thêm bớt chỗ này chỗ kia cho nó đẹp hơn, thanh thoát hơn, rền rĩ nỉ non hơn cũng phải hàng trăm năm liên tiếp.

Nghe nói nhạc sĩ hiện đại Mác Tuyên (cứ nghe mà nhầm với nhà văn châu Mỹ *Mác Tuen,* tác giả cuốn "Chuyện phiêu lưu của Hớc Phin", cải tiến cây đàn bầu, và biến nó thành một cây đàn hoàn toàn khác.

Từ cây dương cầm có hàng trăm phím, hàng trăm búa gõ đến Tam thập lục 36 dây, Thập lục gọi là Đàn Tranh 16 dây đến đàn Nguyệt (đàn Trăng) 4 dây, đàn Tứ (4 dây - tứ là bốn chăng?) đàn Nhị (2 dây) đàn Tam (3 dây) và các thứ đàn khác như Vĩ cầm, đàn Đáy, đàn Tính, đàn Lục Huyền (ghi ta - 6 dây) thì ta thấy chỉ có cây đàn Bầu là mang nét riêng biệt một mình, không giống ai, không trộn lẫn, tạo ra cái đỉnh riêng cho mình: Một dây, vì thế mà tên chữ của nó là Độc Huyền Cầm.

Có một thứ đàn một dây khác, nhưng chưa hình thành hẳn cây đàn. Đó là cái hố căng một dây, sau là cái thùng căng một dây, kêu lên trầm đục: thình thùng thình trong điệu hát trống quân đơn sơ ứng khẩu, xong một cuộc chơi là bỏ. Phải chăng cây đàn bầu được thoát thai từ chiếc thùng để hát trống quân này qua một thời gian dài sau đó mới hoàn chỉnh, như chiếc bào thai trong lòng mẹ cũng cần thời gian như thế và dần dần linh hồn nó mới phát triển thành người?

Tại sao trong lễ nhạc tế thần, trong cuộc hát Ca Trù - nguyên là hát Cửa đình - có nhiều nhạc cụ khác, mà cây đàn bầu lại vắng bóng? Nhưng ở quán chợ, trong cái túp ven đường, bến đò quê cạnh bờ lau thổi gió... lại có cây đàn bầu với bác xẩm mù, anh chàng thất chí thu hút người nghe vòng trong vòng ngoài rồi đồng xu tờ bạc ném xuống chiếu, loảng xoảng vào chiếc chậu thau đồng để thưởng thức tiếng đàn não nuột than van? Thần thánh sợ nỗi buồn người chăng? Nhưng người - chủ yếu là người nghèo - lại nghe đàn mà "vận vào mình" nỗi tâm sự bẻ bai, niềm u hoài thương nhớ, mối tình vời vợi, tiếng vẳng hồn quê?

Hay là cây đàn bầu là tiếng của tình yêu không thỏa, tiếng gọi ma quái hút hồn, khiến bậc cha mẹ nghiêm khắc phải khuyên con:

Đàn bầu ai gảy thì nghe

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu...

Không hiểu điển cố xa xưa nói rằng chàng Tư Mã Tương Như đêm khuya mang đàn ra đánh khúc Phượng Cầu Hoàng là thứ đàn gì, mấy dây, mà khiến người đàn bà góa trẻ Trác Văn Quân phải đạp khuê phòng mà ra đi, đi theo tiếng gọi của tiếng đàn thê thiết ấy. Con Hoàng phải đi theo con Phượng, lòng gái vấn vít lòng trai. Đàn bầu có thế không hỡi câu ca dao nghe mà não nuột thảm thương rờn rợn đầy tính chất đề phòng răn dạy của những trái tim đã chết lịm trong gia đình nhỏ hẹp lễ giáo âm u?

Nỉ non một đoạn dây tơ căng trên khúc tre già lấy ngay từ bụi tre vườn nhà, nhưng có lẽ linh hồn nó nằm trong miếng cắt ra từ quả bầu khô nên nó mang tên thế. Mà cũng có thể là không, khi sau này, người ta tiện gỗ làm ra cái bầu, có lẽ tiếng đàn nằm trong bàn tay người, nằm trong hồn người, nằm bàng bạc giữa đồng quê, nằm trong trái tim thổn thức, nằm trong tiếng gió vi vút bờ tre hương bưởi tầu cau, trong cái nắn, cái vuốt, cái rung, trong trăng ngần, trong hoàng hôn muôn sắc, trong khuya đêm cô đơn, trong bức vách trát bùn còn gồ ghề, trong bóng đa xanh đầu xóm, trong con đò lờ lững trôi xuôi chở một người đi không biết bao giờ còn trở lại, trong linh hồn anh Trương Chi *"người thì thậm xấu hát thì thậm hay"* xác đã chìm dòng sông mà nghìn năm hồn không siêu thoát...

Chỉ một dây thôi - sau này có người còn thay dây tơ, thứ ruột tằm đòi đoạn bằng dây thép, dây phanh xe đạp - mà nói được trăm ngàn cung bậc cao thấp nhỏ to, tiếng khóc, nhịp cười, từ *vò chín khúc* đến *chau đôi mày*, từ mặt sắt đen sì đến mặt hoa da phấn, từ tấm lòng nghệ sĩ mang mang đến nỗi thở dài bà cụ suốt đời cơm hẩm...

Không cần đến cả một dàn nhạc giao hưởng 120 cây đàn với bộ gõ, bộ hơi, bộ dây nào piano à queue, đến chiếc kèn to như cái

nia chỉ bùm bùm một hai tiếng đệm, từ cây đàn bò ồm ồm đến bộ trống hàng chục chiếc, từ cây vĩ cầm thánh thót tài hoa đến chiếc kèn "bó củi" (fagot) dưới sự chỉ huy của chiếc đũa múa may liên tục, mà chiếc đũa này khi mới sinh nó to bằng cả chiếc đòn gánh lúa, nhưng một lần có cây đàn lạc điệu, ông nhạc trưởng tức quá, giận quá, giậm nó xuống sàn, giậm luôn vào bàn chân mình, tóe máu dập nát ngón chân, từ đấy mà phải thay bằng chiếc đũa cho khỏi tai nạn đổ máu vì đàn; cây đàn bầu chỉ có một nó, một dây nhưng đủ sức làm ta bay lên, làm ta sống lại với bao kỷ niệm, làm ta mơ hồ không phải là ta, làm ta cảm thấy có một sức hút từ cõi vô hình, từ người hữu hình nào đó...

Dân ta chưa có trình độ và thói quen âm nhạc phức tạp như giao hưởng, phải học mới thưởng thức được, nhưng điều phong phú trong hồn ta, thói quen nghe nhạc của cái tai Việt Nam nó lạ lắm, nó là trăng sáng, là sóng thầm, là hương thơm hoa cam mùa xuân, là sương mai tí tách, là bờ rào này ngóng sang sân kia, là một đời chờ đợi vẫn không thay lòng đổi dạ, là ánh cờ đại sân đình, là hơi ổ rơm ấm sực thì thào, là tiếng cá quẫy lẫn vào tiếng quả sung tõm tõm ao quê tịch lặng như không gian thở dài, là lời hẹn bằng hương bông hoa bưởi trong túi áo cứ lần theo ra gốc duối, gốc đề sẽ gặp... và tất cả chung đúc lại thành tiếng đàn bầu thanh mảnh nhưng bền chắc như sợi lạt bánh chưng bốn nghìn năm không mục nát, trong vắt như gầu nước giếng thơi nhưng mấy đời không cạn, cứ ngọt lịm những trưa hè...

Tôi có người chị gái ra đi mất tích năm chị 18 tuổi. Không hiểu chị đi theo tiếng đàn bầu hay anh hàng xóm đánh đàn bầu mà từ đó mẹ tôi không cho mấy anh em tôi chơi bất cứ một thứ đàn gì, đến già chúng tôi mù nhạc.

Khi cây đàn nằm ngủ thì không hiểu tiếng đàn tìm cho mình chiếc giường ở chỗ nào? Nó nằm trong người con trai:

Đêm nằm lưng chẳng dính giường
Mong cho chóng sáng ra đường gặp em

hay trong lòng cô gái nặng nề:

Hôm nay có kẻ thất tình
Tựa mai mai ngã tựa đình đình xiêu

hoặc người chị đi cấy về:

Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu

mà cũng có thể là nỗi liền chị thở than:

Chàng về em những khóc thầm
Đôi bên vạt áo ướt đầm như mưa...

ta không biết đích xác, tuy vậy ta lại biết rõ ràng là nếu tiếng đàn ấy ăn cơm thì chỉ dùng đũa mà không cần dao dĩa thìa dù cho là dao vàng thìa bạc như trong một vài phim truyền hình bắt người Việt Nam làm thế.

Chúng ta dần quen với tiếng vĩ cầm, dương cầm và nay đang phổ biến tiếng đàn Oóc-gan thay cho đàn Ắc coóc gọi là phong cầm cũng như quen đi ô tô thay cho chiếc xe ngựa, xe thổ mộ, nhưng tiếng đàn bầu chứa đựng nét cong vút của đao đình, mang tà áo dài bay lượn của lễ hội ngày xuân thì dù nhà chọc trời hay váy voan năm tầng bẩy tầng ta cũng không thèm đổi.

Chiếc quán tranh ven đường thiên lý có bát bún riêu cua màu mỡ sóng sánh chứ không thể có phó mát hay bít tết, gà rô ti, súp thỏ.

Thật đáng lo lắng khi điệu hát cò lả và hát ru em đã ít người nhớ đến. Tiếng đàn bầu may ra không thế, nó đang được trân trọng khi sân khấu hiện đại của thế giới đã chấp nhận nó với đầy ngạc nhiên sửng sốt trước một dây thánh thót Việt Nam.

Tiếng đàn bầu nhất định không thể là tiếng kèn trại lính, tiếng kèn già lam, tiếng trống cà rùng. Hòa nhập là tốt, nhưng không thể tự đánh mất mình. Hình như một đêm trăng quê, ta nghe tiếng đàn bầu văng vẳng thế.

1999

Mưa

Phạm Đình Hổ ngày nắng chắc còn mải làm quan, rong chơi với bạn bè và uống rượu, chỉ có mấy ngày mưa ông mới ngồi viết tuỳ bút nên gọi là *Tuỳ bút viết trong mưa* (Vũ trung tuỳ bút). Nói cho vui thế thôi chứ một ngòi bút như ông thì chắc phải viết nhiều ngày, nhiều đêm, nhiều nắng gió và nhiều mưa rả rích mới xong. Nhưng một điều không thể cãi là mưa thường gây cho người ta nhiều cảm hứng, suy ngẫm, mông lung, hoài niệm, man mác, mơ màng... chứ còn cái nắng nung người gay gắt như gió Lào khiến Nguyễn Tuân phải viết "trong cái nóng này thì cũng không con vật nào còn nghĩ đến trò đực cái..." mà chỉ còn cố mà tìm lấy chút bóng cây, vớ lấy gáo nước mưa mà ừng ực...

Nông thôn, sau những ngày đại hạn, được trận mưa rào, có người gọi đó là "trận mưa ra trẻ con" cũng không là quá đáng.

Nước ta, mưa nắng rải đều, ít nơi nào quanh năm nắng cháy hoặc 365 ngày mưa dầm, họa chăng đảo Trường Sa quá nhiều mặt trời và vùng Huế mưa dài hàng tháng, để cho Nguyễn Bính có bài thơ "Giời mưa ở Huế" nao lòng người đọc, có những câu:

Thềm cũ nôn nao đàn kiến đói

Trời mờ ngao ngán một loài mây

Hoặc:

Thuốc lào hút mãi người ra khói

Thơ đọc suông tình hết cả hay...

Và Trần Huyền Trân viết trước Nguyễn Bính vài năm (1939) nỗi sầu mưa làm ngẩn ngơ trời đất:

Mưa bay trắng lá rau tần

Thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa

Có người về khép song thưa

Để rêu ngõ trúc tương tư lá vàng...

Chúng ta không như một vùng sa mạc mười năm liền không một hạt mưa nào, đứa trẻ sinh ra 9 tuổi, không biết mưa là gì, càng không như truyện của Mác Kết trong "Trăm năm cô đơn", mưa kéo dài hơn bốn năm 7 tháng... không ngừng không ngớt.

Người xa Hà Nội luôn nhớ về và khao khát những ngày xuân đất Bắc, nó như phấn rắc, như sương mờ, như biến mọi điều có thực thành ảo mộng nhìn qua tấm màn voan để tự mình tưởng tượng cây cối hóa người, cô gái thành giai nhân, bước đi thành khúc Nghê thường... Nó khác hẳn cái mưa chợt ào chợt dứt của Sài Gòn tưới cái mát lành xuống tán lá me và hàng cây dầu loang loáng. Mưa xuân ấy làm "dinh đào" Nhật Tân, Quảng Bá, Phú Thượng thành cảnh Thiên Thai, biến đường về nhà ta thành chỗ hẹn hò ấm cúng, con sông Hồng lờ lững thành bức tranh thủy mặc trôi ra ngoài khung tầm mắt, hình như ta có thể bước đi bằng đôi chân mình trong đó và trên đó. Có người còn bảo mưa xuân ấy không phải là mưa nước mà là mưa rượu bắt mọi lòng người ngây ngất cùng xuân. Có lẽ thế thật.

Mưa thu buồn hơn, gợi câu chuyện tình cách biệt đến nỗi đàn chim quạ cũng phải xót thương, bắc cây cầu cho trai gái tìm nhau.

Mưa dầm quê nghe chừng có tiếng gọi của rá ngô rang ấm bàn tay lần nhau trong bóng thẫm, chỉ nghe tiếng long bong ống máng ngoài hiên, tiếng lộp bộp tầu chuối sau nhà, tiếng rì rầm rặng tre kẽo kẹt, tiếng rả rích thời gian, tiếng "bộp", tiếng "tõm" của tàu cau, quả sung rơi rụng. Tinh mơ này, cái mương qua cống đầu làng, mấp mé cây cầu đá, thế nào cũng có đôi ba cần vó kiếm con tôm con cá rạch ngược dòng cho thỏa thuê mát lạnh mà không ngờ rằng đó là con đường chết, con đường vào cái giỏ ngư ông.

Mưa rươi lại khác, làm ta sốt ruột chờ tiếng rao rong *"Ai mùa dưới dà mùa"* tức ai mua rươi ra mua, con rươi cõng những cơn mưa thảng thốt, giông mưa bóng mây, chợt có chợt không, ta phải đi tìm quả quít chín vàng làm bạn loài rươi đúng hẹn *"Tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm"*, trăm mùa không đổi.

Tàn nhẫn nhất là mưa rào giữa hạ. Lúa chiêm chưa gặt, thóc đầy sân phơi, mưa ào vội vã, phải í ới gọi cả nhà cả xóm chạy mưa. Nó còn bứt tơi bời quả bưởi non, chùm hoa dừa hứa hẹn, ngập khoang ao chưa be bờ làm mất đàn cá giống mới thả. Chỉ có trẻ con là thích, được thả thuyền lá tre rong chơi vào xứ ước mơ có hoàng tử đi cứu nàng công chúa, nhưng rồi thuyền giạt vào rãnh rác, vào góc sân mắc cạn làm tan cơn mơ thơ ấu nhưng mãi còn kỷ niệm.

Mưa thành phố hình như không cá tính, có bận lòng người chút ít nhưng thoảng qua mau, dù hàng xà cừ, dãy sấu, mái cơm nguội được rửa sạch như lau, rũ đi những bụi khói xăng dầu xe cộ để hoàn nguyên chất diệp lục óng ả, khiến Vân Long viết được câu thơ đáng nhớ:

Sau cơn mưa, mặt trời lại lên hồng
Cây lại khoác tơ vàng lên lá nõn...

Có những ngày mưa, trời như thấp xuống, ngã tư đường phố dềnh lên, ta thấp thỏm vì cái hẹn không thành, vì công việc bỏ lại, đợi chiều, chiều không tạnh, để mai, biết mai có ngớt, đành ngồi nhìn mưa, nhâm nhi ngụm trà như uống cả thời gian ẩm ướt vào lòng cho nguôi ngoai một điều không hoàn toàn rõ rệt.

Hôm ấy, mùi muối vừng thơm lừng gian nhà nhỏ hẹp. Hình như mưa nặng, làm hương vừng chẳng thể bay xa, cứ luẩn quẩn bên ta như trẻ nhỏ trong nhà luẩn quẩn trên giường vì không có chỗ chơi cầu, đá bóng, nhảy dây. Ta đành đánh trận với muối vừng và tự hóa đồ chơi cho trẻ nhỏ để tàn một ngày mưa bí bức.

Cũng có hôm nổi "máu giang hồ vặt", bốc đồng tấm lòng "yên sĩ phi lý thuần" cảm hứng, ta đội mưa tìm ra cái quán hàng quen, độc ẩm nhìn đời, mong sao bất chợt có bước chân tri kỷ ghé vào. Tiếc. Không ai cả. Có lẽ người thành phố ít ưa mưa. Hồ Gươm mờ xóa, Hồ Tây mù mịt. Bến sông Hồng hoang vắng không một cánh buồm dong... Cánh đồng nào châu thổ, con cò bợ lẩn vào bờ tre gốc lau khóm niễng? Mảnh ao nào chiếc thuyền nhỏ bằng tôn đang bềnh nổi một đầu, thoăn thoắt bàn tay người hái để sớm mai, kịp họp chợ rau ba giờ sáng, bất kỳ mưa hay nắng nhưng có mưa thì rau khoe hết mỹ miều tươi tắn còn hơn cả nàng gái được phấn trát son bôi.

Mưa đánh bạt hoàng hôn, từ mưa phùn, mưa cơn, mưa trận, mưa rào, mưa bão, mưa ào ào, mưa xối xả, mưa lắc thắc, mưa bẻ bai, mưa tầm tã, may ra mới có lần xuất hiện chiếc cầu vồng kèm theo cái mống cụt làm "tay vịn" để có tiếng hò reo thích thú của cháu nhìn theo tay bà chỉ chếch lên vòm trời mờ xám xa xa...

Tuần hoàn là mưa nắng, mưa đã quen thân từ thuở ta chửa lọt lòng, khi ông bà còn phải thở than:

Trông trời trông đất trông mây

Trông mưa trông nắng trông ngày trông đêm...

đến lượt ta mơ ước?

Trời mưa thì mặc trời mưa

Mẹ tôi không nón trời chừa mẹ ra...

rồi ta theo chúng bạn vỗ tay hát bài đồng ca có từ thời chưa chữ viết, coi ông Trời là vị thánh làm ra tất cả:

Lạy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cày

Lấy đầy bát cơm

Lấy rơm đun bếp

Không hiểu Phạm Đình Hổ viết Tuỳ bút trong mưa, ông có từng thơ bé, không có một chút quần áo nào trên người, cùng trai cùng gái làng Đan Loan ấy vùng vẫy giữa mưa, hò hét tưng bừng, té nước vào nhau, vuốt mái tóc dính bết nước trời để mưa thấm đẫm vào sâu thẳm tạo hồn người yêu quê hương đến già còn da diết? Nay ta đi trong mưa, mũ đội đầu, vai khoác áo, chân dận giầy cao su, ta tự tách ra khỏi niềm mưa nỗi nắng rồi chăng? Ta có còn nhớ đêm mưa tháng Ba lội mưa soi đuốc đi bắt ếch? Ta có còn ngồi trong mui thuyền đi dọc con sông trong ngày mưa mù mịt mà vơi đầy nỗi nhớ mái nhà có người thân yêu đang thắc thỏm? Ta có còn đợi mưa từ biển xô vào mà mưa nhanh hơn ta, mưa, mưa đổ vào ta như nắc nẻ?

Có bao nhiêu thứ mưa, loài mưa trong một đời người lang thang hay cố định. Một ngày mưa như thế, ta nhớ người và nhớ cảnh, nhưng người nào, cảnh nào có nhớ ta chăng, ta nghe tiếng mưa mà không thấy tiếng trả lời.

1999

Đoàn Văn Cừ với thôn ca

Nông thôn Việt Nam thật thơ mộng, từng là đề tài của nhiều thi sĩ tài danh như Bàng Bá Lân, Anh Thơ, Nguyễn Bính, Đoàn Văn Cừ... Lại từng có một Vũ Đình Liên đầy hoài niệm mỗi khi tết đến với bài thơ Ông Đồ làm hồn ta cứ nao nao thương cảm, thì ta cũng có một Đoàn Văn Cừ, không những chỉ viết về nông thôn mà còn là ngày tết ở nông thôn với niềm vui tưng bừng, sắc màu rực rỡ qua con mắt rí rỏm và tình yêu nhân hậu của nhà thơ, mà đến nay, ta đang có một nông thôn Việt Nam đổi mới, nhiều thay đổi, nhiều cái cũ mất đi. Nhưng tết và làng quê Việt Nam trong thơ Đoàn Quân thì còn đó và có lẽ còn sống mãi.

Trong cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân, mục tiểu sử tác giả bị bỏ trống vì hai ông Hoài không biết gì về Đoàn Quân lúc đó, người mới chỉ có mấy bài thơ nhưng "bài nào cũng hay..." (lời Hoài Thanh).

Sau này, ở miền Nam, nhà văn Thế Phong nhân đó mà gọi Đoàn Văn Cừ là "nhà thơ tìm kiếm" vì không thể biết gì hơn về Đoàn Quân. Và cuốn "Thi nhân Tiền chiến", bản in năm 1968 của Nguyễn Tấn Long cũng đành theo Thế Phong mà gọi Đoàn

Quân là nhà thơ tìm kiếm, dù sách trích thơ Đoàn Quân nhiều hơn cuốn "Thi nhân Việt Nam", như các bài: *Tết, Chợ Tết, Trăng hè, Đám cưới mùa xuân, Đám hội, Ngày xuân chơi đồng quê.*

Thực ra Đoàn Văn Cừ không phải người bí ẩn, ngược lại, ông lại quá dung dị với bản tính quá hiền lành, hiền lành đến mức hiền từ, suốt một đời, hầu như không ganh đua gì với ai, đi theo cách mạng, làm thầy giáo và làm thơ, rồi làm cán bộ, từng được bầu vào Hội đồng nhân dân tỉnh, tham gia Hội Văn hóa cứu quốc, từng nhập ngũ thành anh bộ đội (1948-1952). Là ủy viên Chi hội văn nghệ Liên khu III, làm cán bộ biên tập Nhà xuất bản Phổ thông (1959-1960) và sau khi về hưu trí, ông rời Hà Nội, trở về quê hương, sống như một lão nông cùng với các lão nông khác, nếu không quen thì không thể biết đó là một thi sĩ từng nổi danh trong phong trào Thơ Mới 1930-1945, được nhiều người ngưỡng mộ, có thơ in trên nhiều tờ báo lúc bấy giờ.

Đoàn Quân sinh năm 1913 tại làng Đô Quan, huyện Nam Trực, Nam Định, và hiện nay, gần chín mươi tuổi, Đoàn Văn Cừ vẫn vui thú điền viên, sống đằm mình vào quê cảnh thân quen, từng là nguồn thi tứ cho ông sáng tác, bỏ qua những bon chen và hấp dẫn nơi thành thị, cứ thung dung tự tại, bất chấp lời thỉnh cầu của con cái mời ông ra thành phố.

Ai từng một lần gặp ông, hẳn khó quên nụ cười thật tươi của ông, tính tình cởi mở của ông, câu chuyện chan hòa của ông, mà khi ông sáng tác bài thơ *Chợ Tết*, hẳn ông cũng tủm tỉm cười khi hạ những câu:

Áo cụ lý bị người chen sấn kéo
Khăn trên đầu đương chít cũng tung ra
Lũ trẻ con mải ngắm bức tranh gà

Quên cả chị bên đường đang đứng gọi
Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi
Cạnh anh chàng bán pháo dưới gốc đa...

(bài "Chợ tết")

Gần đây, nhà báo Nguyễn Hà đưa một đoàn làm phim về Nam Định, có đến thăm Đoàn Văn Cừ. Ông già trên tám mươi tuổi, xa Hà Nội mấy chục năm vẫn nhớ nhiều người quen cũ, thời ông làm biên tập ở Nhà xuất bản Phổ thông, trong đó có tôi (Băng Sơn) và gửi lời hỏi thăm. Thật chân tình đến mức đáng trọng. Tôi còn kém tuổi ông nhiều, chỉ gặp dăm ba lần, in mươi bài thơ nhỏ, thế mà sau mấy chục năm ông vẫn nhớ, càng chứng tỏ Đoàn Văn Cừ có tấm lòng nhân hậu, thủy chung biết bao, khác hẳn một số người chỉ quý nhau vì mối lợi này nọ mà ta có thể gặp bất kỳ ở đâu.

Lớp thi sĩ của thời Thơ Mới không còn nhiều. Còn một Đoàn Văn Cừ thật quý. Chỉ hơi tiếc một điều là ngoài tập thơ Thôn Ca (1960) Đoàn Quân viết ít, có cảm tưởng như ông chưa dùng hết tài năng của mình, phải chăng vì ông quá yêu nông thôn, một nông thôn mang nhiều tịch lặng, nên đôi cánh thơ ông không vẫy vùng thỏa sức trong bầu trời hiện đại đầy những ồ ạt.

Tuy vậy những bài thơ về nông thôn, nhất là tết nông thôn của ông chắc chắn sẽ không còn sống lâu dài, nhất là đang có nhiều cảnh cứ mất dần đi, mà thơ ông đã ghi lại khá tinh tế, tưng bừng, lung linh màu sắc làm tâm hồn ta phải bâng khuâng mỗi khi đọc lại.

1999

Mộng mị Yến Lan

Trong cuốn "Thi nhân Việt Nam", hai ông Hoài Thanh và Hoài Chân có nhận định về Yến Lan như sau (trích):

"...*Xem thơ Yến Lan tôi mơ màng như đi trong mây mù. Khi đầu thì cũng hay hay, nhưng dần lâu có cơ hồ ngạt thở. Chỉ thấy mờ mờ những con đường chảy, êm như những dòng sông, và nhất định là cái vừng trăng vẫn thường ám ảnh các nhà thơ Bình Định. Ngoài ra chịu không biết sau màn mây mù ấy có gì không*..."

Quả là có thế, nhưng hình như còn hơn nhiều thế. Ngoài bài "Bến My Lăng" trở thành tuyệt tác, tiếc sao có bài thơ khác rất hay mà ít được chú ý. Nhà thơ Vân Long từng ở chung với tôi, ông để lại trong tập thơ chép tay cho tôi, trong đó có bài thơ "Bình Định 35" và bài "Bình Định 45", mà mỗi lần đọc lại, tôi cứ bị nỗi kinh dị ám ảnh như lạc vào mê lộ, vào cõi ma, cõi Phật... đầy mộng mị của ý nghĩ, hình ảnh và ngôn từ do Yến Lan vẽ bằng thơ, bằng những câu thơ có lẽ không ai có được xưa nay.

Có lần nhà thơ Lâm Huy Nhuận con trai Yến Lan có giải thích cho tôi đôi ba câu trong bài "Bình Định 35", nhưng tôi càng lạc vào mê lộ hơn, càng thấy như thơ Yến Lan chỉ có thể nhận vào mình bằng tất cả giác quan và tâm linh, tâm thức chứ không thể bằng con mắt của một nhà phê bình hay một nhà giảng văn, thí dụ:

Hồn tôi loãng trên bệ vàng thếp chảy
Cùng hồn trưa quấn quít lấy giao lân
Tám phương loạn - chập hàng mi - mộng thấy
Xứ tâm tình, vàng rộn lá thu phân...

hoặc:

Đây tôi sống trong xanh niềm thánh thất
Đèn lưu li hao sáng mộng tràn đầy
Lan can đỏ xuống dần từng bậc bậc
Hồn cuộn dần từng bậc bậc hương xây...

Càng trích Yến Lan càng thấy phụ ông, vì câu nào cũng hay, không trích là có lỗi với Người Thơ.

Thời ông ở phố Hàng Quạt, tôi có một vài lần đến thăm ông, một con người gầy gò, hơi cớm nắng, nói nhỏ, cười dịu. Có người cho rằng tại vì đã một thời ông sống như một nhà tu hành tại Bình Định, nơi ông sinh ra. Yến Lan là một chủ soái trong "trường thơ loạn" (hay "thơ Điên") cùng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên. Nhưng Cách mạng nổ ra, các ông đã đi vào Cách Mạng với lòng yêu nước nồng nàn (đương nhiên trừ Hàn đã khuất).

Tập kết ra Bắc năm 1954, trở về Nam sau giải phóng, suốt đời Yến Lan làm thơ, ông đã in các tập: *Những ngọn đèn* (1957), *Tôi đến tôi yêu* (1962), *Lẵng hoa hồng* (1968), *Giữa hai chớp lửa* (1978) không kể thơ ông còn đăng trên rất nhiều tờ báo.

Yến Lan còn viết kịch thơ: *Bóng giai nhân* (chung với Nguyễn Bính, nổi tiếng trên sân khấu một thời), *Gái Trữ La* (1941)...

Nhưng thứ Yến Lan để lại cho đời chính là thơ, một loại thơ chỉ riêng ông đi một đường, cùng một trường phái với Chế Lan Viên và Hàn Mặc Tử, nhưng các ông không hề giống nhau.

Yến Lan sinh năm 1916 (có thuyết nói 1918) tại Bình Định, tên thật là Lâm Thanh Lang, ông mới ra đi năm 1998 tại thị xã quê hương trong yên lặng của tuổi tám mươi nhiều bệnh tật, mà có lẽ ông không hề biết rằng có người yêu quý thơ ông, lấy tên bài thơ của ông đặt cho quán cháo cá bên Hồ Tây của mình là quán *Bến My Lăng*.

Thơ Yến Lan không cần biết đến "hướng ngoại" hay "hướng nội". Thơ ông phiêu diêu, kỳ lạ, không bí hiểm cũng không đời thường. Đọc Yến Lan, tâm hồn ta phong phú một cách không tự hiểu, nó cứ đi vào sâu thẳm hồn ta lúc nào không biết.

Mỗi lần tôi gặp Lâm Huy Nhuận, tôi thường nhắc đến Yến Lan bởi tấm lòng yêu mến Ông, mà lúc ở phố Hàng Quạt, Nhuận còn là một chú bé chạy sầm sầm trên cái sàn gác lát gỗ đã mục và mọt nhiều chỗ.

Không hiểu ở nơi xa kia, có bao giờ ông ngâm lại thơ mình trong bài "Bình Định 35":

Nhánh tòng bá có đau vì xứ sở

Chớ quặn mình thêm nức nở hồn tôi

Không được sống xin cho cùng được thở

Vạn lý tình trong gió ngọt xa xôi...

Nhưng chắc ông vẫn làm thơ, chí ít hồn ông cũng nhập một phần vào hồn con trai ông: Lâm Huy Nhuận.

1999

Xuân trong thơ Nguyễn Bính

Ngày tết mà nói đến cái chết thì thật xúi thật buồn. Nhưng có lẽ Nguyễn Bính không bao giờ chết dù ông ngã xuống cánh đồng Nam Định - Hà Nam vào ngày cuối cùng của năm Ất Tỵ, chỉ trước phút giao thừa mấy tiếng đồng hồ, đó là năm 1966 ở tuổi 48. Từ bấy đến nay thơ ông in lại không biết bao nhiêu lần và đi vào bao nhiêu tâm hồn, chắc không thể thống kê được.

Lại thêm một mùa xuân không Nguyễn Bính, thì đành đọc thơ xuân của thi sĩ đồng quê này để hương trầm tưởng niệm bay lên, để gió hoa đào phơ phất mơ hồ tà áo Liêu Trai, để dòng sông có cô gái *lỡ bước sang ngang* chảy vào hoài niệm, để chén rượu rót ra sóng sánh niềm thương nhớ, để *"hương đồng gió nội bay đi quá nhiều"*...

Trong thơ Nguyễn Quân, mùa xuân có lúc tràn đầy, có khi bàng bạc, có lúc xoáy vào hồn ta như chiếc mũi khoan làm chảy máu tâm hồn, nhưng cũng có khi chỉ là hương hoa cam nhè nhẹ trái tim trinh nữ.

Hãy bắt đầu bằng một bãi sông quê với cát mịn và con thuyền mơ ngủ, có con trâu lội trong làn nước lạnh chỉ nhô đôi sừng và rồi ta bắt gặp một điều bất ngờ đầy sửng sốt: cô gái, mà là cô gái thợ nhuộm:

Có chiếc thuyền nằm trên cát mịn
Có đàn trâu trắng lội sang sông
Có cô thợ nhuộm về ăn tết
Sương gió đường xa rám má hồng.

Chỉ có ký họa, chỉ là phác thảo. Nguyễn Quân không vẽ nét mi cong, eo tiên cá hay thắt lưng hoa lý hoa đào, cô đi chợ huyện chợ tỉnh phiên cuối hay người thị thành, tết về thăm quê ăn tết… Là cô gái làm nghề khác cũng có sao đâu, nhưng hình như ta nhớ lại, phiên chợ quê nào chả có những cô gái thợ nhuộm, nhuộm lại cho chị Đỏ, chị Mơ chiếc khăn vuông mỏ quạ, chiếc thắt lưng sồi se, chiếc yếm thắm, váy lĩnh để ăn tết, bây giờ tan chợ, cô thợ trở về, trả lại êm đềm cho quán chợ sau khi đã làm đẹp cho bao người ngày mai xuất hành, ngày mai lên chùa, ngày mai đi hội… Bài thơ, hay câu thơ thức lòng ta lên một miền thanh bình như cổ tích, như ký ức, như mộng mơ…

Cũng là bến sông, nhưng một dòng sông khác, có cô lái đò chờ đợi hẹn hò lỡ dở đã ba mùa sương gió. Cô đành bỏ mùa xuân lên con thuyền hạnh phúc của mình mặc cho bao khách sang sông ngơ ngẩn nhớ thương, mặc cho dòng sông hoang vu hiu quạnh, từ câu thơ:

Xuân đã đem mong nhớ trở về
Lòng cô lái ở bên sông kia…

cho đến:

Bỏ thuyền bỏ bến bỏ dòng trong
Cô lái đò kia đi lấy chồng
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Để buồn cho những khách sang sông…

Trong chúng ta, sau bao lần đi hội Chùa Hương, vào động Tam Cốc, sang sông nơi Phú Thọ, Hạc Trì hay Lai Vu, Bến Neo... có bao giờ ta tự hỏi những cô gái chở đò ngày ấy, nay ra sao, cô nào tay bồng tay bế, cô nào hạnh phúc hay truân chuyên...? Có lẽ chỉ có thi sĩ mới nặng lòng với cộ lái đò chỉ gặp một lần như Nguyễn Bính.

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc phổ nhạc từ cách đây mấy chục năm, nhưng nay nghe lại, thấy ít chất Nguyễn Bính đồng quê quá.

Mùa xuân Việt Nam lạ lắm. Nó như men say làm ta điên đảo, như khúc nhạc làm ta phải "khăn chầu áo ngự" một giá đồng, như người con gái ta thầm yêu trộm nhớ, nay nàng ứ hự gật đầu khiến ta bay bổng chín tầng mây, mất cả lưỡi, run cả chân, nói như Hàn Mặc Tử *"ấp úng không ra được nửa lời..."* Nó cũng còn như cái guồng, hút chúng ta vào vòng quay đầy ma lực khiến ta cũng trở thành Niềm Xuân nhỏ hòa vào mùa xuân lớn...

Hình như ma lực ấy là hoa đào hoa bưởi hoa cam, là chiếc thắt lưng xanh, là:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Nêu cao tràng pháo bánh chưng xanh...

là hoa xoan rụng tím trong mưa, là hồi trống chèo thôn ngoại, là chén rượu uống suông uống qua hai năm tràn niềm vui và nỗi buồn, tràn tâm sự và hồi tưởng... Tết mà không có hoa, không có rượu thì đâu còn là tết. Đến ngay cả thời bao cấp khó khăn, tết đến mỗi gia đình còn được cấp mấy cái tem mua nửa chai rượu nữa là... Nay, rượu là mặt hàng phải dán tem cũng chứng tỏ tết với rượu đồng hành luôn xoắn xuýt.

Câu chuyện hai cô cậu tí xíu có người chị cất rượu đem bán, còn mình cất hoa cam thành nước hoa bôi lên đầu nhau, uống rượu ngủ quên bị chế là vợ chồng... Sau bao năm luân lạc, cách trở, chia ly... Nguyễn Quân hồi tưởng, nghĩ về người bạn gái, tưởng tượng ra bao điều, ước đoán thêm bao điều và ước ao:

Hai đứa sống bằng hoa với rượu

Sống vào trời đất, sống cho nhau...

nhưng tiếp theo, Nguyễn Quân tỉnh mộng, đành than thở:

Xa rồi vườn cũ hoa cam rụng

Gặp lại nhau chi, muộn mất rồi...

(Hoa với rượu - 1941)

Có ai trong chúng ta không từng hồi hộp nghe hồi trống nổi lên gọi người đi hội, có đám chèo, có gái trai nô nức, có hẹn hò thầm kín, có hơi ấm bàn tay và có cả lạnh lẽo nỗi hờn lỡ dở. Nguyễn Bính đầy chất nông thôn dân dã, đã phổ hồn dân dã ấy vào trong bài thơ nông thôn bất hủ. Hãy nghe vài câu:

Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay

Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy

Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ

Mẹ bảo thôn Đoài hát tối nay...

Vẫn là câu chuyện thơ chuyện tình, chuyện trai với gái nhưng không phải dưới ánh đèn nghìn nến hay đèn mờ nhạc loạn, mà là sương mưa, là thoi cửi ngừng tay, là bờ đê hun hút, là cô gái thổn thức tình thầm và ta nghe thấy bước chân người trong đêm lần theo tiếng trống, lần theo tiếng trái tim trong hương hoa thơm như có như không của loài cây quen thuộc quê nhà, hoa thì tím, quả

cho ta thuở ấu thơ chơi trò bày hàng mê mải: Hoa xoan, xoan cũng là Xuân đọc chệch đi như hát Xoan tức hát Xuân đấy ạ.

Rồi hội tan, rồi mưa nặng hạt, rồi đám chèo ra đi, rồi hoa xoan rụng tơi bời, rồi mùa xuân qua đi, rồi cô gái sụt sùi: *Để cả mùa xuân cũng lỡ làng...*

Bài thơ là bức tranh quê sinh động, cảnh và người từ trăm năm trước cho đến bây giờ có lẽ vẫn còn ở những làng xa, những vùng ta gọi là quê hương, có cô gái ngoan, có bà mẹ già, có hồi trống giục, có mùa xuân vĩnh cửu nước non... Xuân về, khó lòng không nhớ đến bài thơ ấy. Nhưng tết về, càng không thể không nhắc đến bài thơ "Xuân tha phương" đầy bi phẫn của một tâm hồn nặng lòng với xứ sở, với cố nhân, với người thương mến, mà đành:

Tết này chưa chắc em về được

Em gửi về đây một tấm lòng...

Tết, theo phong tục, ai chẳng mong được về quê ăn tết, được sum vầy trong khói hương ấm cúng, bên mẹ cha anh chị bên người yêu dấu trong khung cảnh quen thuộc một đời.

Bài thơ chẵn 100 câu, chỉ độc một vần "Hồng", viết ở Huế năm 1941, Nguyễn Bính viết về cho chị, người đất Bắc, ta cũng không cần tìm hiểu đó có phải là chị Trúc của *Lỡ bước sang ngang*, ở Hà Đông hay ở Hà Nam, Hà Nội... hay một người chị nào trong tâm tưởng, người chị quê hương, người chị trong mộng trong thơ ảo hóa.

Giữa nơi xa lạ, thấy:

Cột nhà hàng xóm lên câu đối

Em đọc tương tư giữa giấy hồng...

thì không Việt Nam không thể có câu thơ buốt lòng đến thế.

Thế Lữ có câu thơ bất tử, nhưng có vẻ quý phái, cúi xuống nhìn đời và ngắm thân phận phong sương của mình:

Rũ áo phong sương trên gác trọ

Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang...

thì Nguyễn Bính, con người lưu lạc lại bình dân:

Thôn gà eo óc ngoài xa vắng

Trời đất tàn canh tối mịt mùng

Đêm nay em thức thi cùng nến

Ai biết tình em với núi sông...

Trong nỗi trắng đêm ấy, niềm bi phẫn lên cực độ, thi sĩ độc ẩm (chắc thế), chỉ có bạn là rượu, chỉ có hận là tình nên mới thốt ra lời cay độc:

Chị ơi, tết đến em mua rượu

Em uống cho say đến não nùng

Uống say cười vỡ ba gian gác

Ném cái chung tình xuống đáy sông...

Nguyễn Quân có lẽ cũng đau khổ thực, khi mối tình của ông với một nữ thi sĩ thời ấy tan vỡ, sau nhiều năm bà còn ghi trong hồi ký chuyện này.

Lạ cho một tâm hồn yêu nhiều đến thế, nhưng Nguyễn Bính có nhiều bài thơ gửi chị, bài nào cũng xót xa, bài nào cũng đầy ắp tâm hồn người con gái Việt, mà mùa xuân mùa con gái, nữ tính càng dâng trào, càng say đắm lòng người, có lẽ vì nhớ thương nhiều quá nên ông viết:

Chắc chị đời nào quên nhắc nhở

Xa nhà rượu uống có say không?...

Lấy cớ lời chị nhắc mà say hay mùa xuân, đêm xa nhà làm ông không thể tỉnh, nhưng nếu say thật thì làm sao có bài thơ ngập tràn tâm sự và thê thiết trữ tình, chứa chan nghệ thuật đến thế? Và ta ngờ rằng ông chỉ say xuân mà không say rượu, chỉ say tình, say quê mà không say men.

Mùa xuân Việt Nam kỳ diệu, có thể đánh thức mọi tâm hồn bình thường thành thi sĩ, vậy thì có một thi sĩ đích thực, một thi sĩ hoàn toàn đồng quê như Nguyễn Bính đã làm những bài thơ tuyệt tác về xuân có lẽ cũng là điều dễ hiểu, mà không một ai có thể bắt chước được.

Còn nhiều bài thơ khác của Nguyễn Quân có sắc xuân rải rác, nhưng hoa đào đang đợi, rượu đã rót, nhang trầm đã đốt... mùa xuân đã gõ cửa mất rồi.

Xuân 2000

Đêm mưa dọc...

Những ngày đêm Phạm Đình Hổ viết từng câu văn theo chiều dọc, mặc cho mưa gió ngoài kia dẫn dắt ngòi bút đi theo dòng tuỳ hứng, thì ai mài mực cho ông? Ông rút ngọn bút lông từ cái ống chắc bằng sứ gại gại vào lòng nghiên óng ánh chất mực tàu đen biếc thì đêm Thăng Long ấy mưa gió còn não nề lướt thướt như người gái lỡ độ đường, đẫm vai áo lạnh, từa tựa như cô Kiều.

Trên mui lướt thướt áo là

Tuy dầm hơi nước...

Ông có nghe ngọn sóng Nhĩ Hà cạnh phường Hà Khẩu nơi con sông Tô đổ vào hay con sông Tô bắt đầu ra đi, sau lưng chưa có ngôi trường hình vuông của Phương Đình, nhưng trước mặt đã có phường Hàng Bạc từng diễn ra "mẹo lừa" tinh xảo trong cái cáng điều ngoạn mục, Phạm Quân chắc phải nâng chén trà để rửa sạch tâm hồn kẻ sĩ... Tuỳ bút viết trong đêm mưa ấy được sinh ra từ cái án thư có hương trầm lãng đãng trên cái chỏm tóc chú bé tiểu đồng vừa quạt nước pha trà, vừa mài thỏi mực ngát thơm theo lời ông dạy: "Mài mực ru con, mài son đánh giặc"... không cần biết đời sau thành ra phố Hàng Buồm ngút ngàn một núi ngọt ngon... xô bồ đô thị.

Cái làng Đan Loan xứ Đường Hào xa xôi kia, Phạm Quân vẫn mang trong hồn hình dáng cây lúa và ngọn tre, để giữa kinh thành, ngọn bút tài hoa và cẩn trọng, làm ra gió táp mưa sa hòa vào mưa trời gió đất cho hậu sinh cảm tạ tiền nhân được thức với thời gian mấy trăm xuân thu là gang tấc.

Mùa xuân là để búp nõn sinh ra, mùa hè cho nó lớn bồng lên khi vào thu hoa nụ tưng bừng... Phạm Quân trồng cây gì trước cửa? Một khóm ngâu hoa chín như viên hoàng ngọc hay chùm hoa mộc li ti muốt trắng một loài hương quân tử, trong khi cái búi tóc trên đỉnh đầu rung rinh vì não cân trào ra đầu ngọn bút, cho nét ngang, nét sổ, nét móc hiện hình lưu hậu với Thăng Long...

Cô gái nào Hồ Khẩu seo giấy, bóc từng tờ như lụa phơi vào nắng, ghim thành chục thành trăm cho văn nhân mặc khách sinh tình, mặc kệ gió mưa choàng lên phường phố.

Đã xong mấy thế kỷ, Hàng Bạc có nhà Chấn Hưng mặt tường màu đỏ, tự mình nhận là "Nhà Đỏ", nhưng không phải thứ nhà có đèn đỏ, dấu hiệu của tửu lâu ca quán mà đã khai sinh ra nhà thơ, nhà khảo cổ học Phạm Huy Thông... có hí trường vì chiến chinh mà thành lò hun đúc anh hùng, tạo ra những người "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"... có tiếng ký cốp chạm khắc tên người lên mộ chí ở bao nhiêu vùng có nghĩa trang cỏ vàng thu muộn.

Phạm Quân chưa biết sau ông, bao nhiêu thay đổi của "Lò cừ nung nấu" nói theo lời ông hầu tước Ôn Như. Tên ông là Hổ, con hổ đã về với đại ngàn, trước hậu sinh ta bao nhiêu mùa gió thổi.

Cho đến một đêm mưa, nhiều đêm mưa của tháng năm đang rảo bước sang Thiên niên kỷ mới. Phải nghìn năm mới có một năm mang tên ...001, ta chứng kiến đầy vui mừng và lo âu có một-con-tàu-Hà-Nội đang tăng tốc độ, chở nặng trong mình nó

triệu khóm hoa ngâu hoa mộc lẫn cả triệu cành xanh đã tàn hoa hay đang nụ... ta ngồi một mình, ta đối diện với ta, ta "đánh đồng thiếp" với tiền nhân, ta tâm sự với con người sẽ ra đời trăm năm sau nữa giữa lòng con tàu đó thành lịch sử và phường phố bây giờ, mà cứ băn khoăn, nơi địa linh nhân kiệt này đã đổi thay kỳ vĩ, nhưng mưa gió kia có giống thuở Phạm Quân nâng bút viết câu "Nhà ta ở phường Hà Khẩu...".

Đúng là Hà Nội bây giờ khác lắm. Không chỉ có phố Hiến đứng sau kinh kỳ mới nhiều khách muôn phương, ngay thời Phạm Quân đã có phố Đường Nhân, không hiểu sao nó lại mang tên phố Hàng Ngang, là món gì mà ngang như thế, và bây giờ, trăm nước lạ, nhiều màu da, pha tiếng nói đã hòa vào nơi Phạm Quân êm ắng mặc cho ngọn bút tuỳ hứng dẫn đi...

Có một Hà Nội dù đêm mưa hay ngày nắng, đã khác xưa nhiều lắm, nếu không nói là khác hoàn toàn.

Trong đêm mưa này, hòa vào tiếng mưa là hàng triệu con người đang hòa âm thanh riêng của mình vào một Hà Nội kiêu sang và lam lũ, nhàn tản và vất vả, no đủ và thiếu thốn, rong chơi và cần cù... để sáng mai đây, Hà Nội thêm một ngày của riêng mình với trăm nghìn sắc thái riêng Hà Nội có.

Biết đâu, ở một góc phố phường hay ngõ nhỏ nào, cũng đang có những hậu thân của Phạm Quân, miệt mài, không phải là gại gại cái bút lông vào nghiên mực óng ánh đen biếc viết hàng dọc trên những trang giấy bản làng Hồ Khẩu mà là cái máy vi tính hiện hình những trang in sáng đẹp, tạo ra hay ghi lại, lấy ra, rút ra từ trang đời phổ thành trang tâm bút để thế kỷ sau những hậu sinh lại yêu mến những tâm hồn đã đi vào hư ảo nhưng vẫn chẳng xa xôi...

Có thể có, mà có thể không những câu: "Nhà ta ở phố Lê"... "Nhà ta ở phố Nguyễn..." để nói về con phố đang khai sinh dang dở, ngôi nhà chót vót mới khánh thành, rặng cây vừa bén rễ, từ ngữ vừa ra đời...

Những Liễu Giai, Ngọc Khánh, những Phương Mai, Tân Mai, những Thanh Xuân, Đồng Tâm hay Giảng Võ, Âu Cơ... trùm lên bè rau Bẩy Mẫu, đè lên nghĩa địa Tây đen, sừng sững trên đám mả Tầu... với bao sắc độ lung linh của một đô thành công nghiệp hóa.

Mưa lành, mưa tươi đang hòa bản nhạc trời vào bản nhạc người. Đôi khi có cơn mưa u ám là cái ác rập rình, nhưng từ thiên cổ, không có cái ác cái xấu nào thắng được niềm thiện và cái đẹp. Giống như cái cáng thêu của "mẹo lừa" đã phải tan đi để vẫn còn một phường vàng bạc long lanh trên cái ngực, cái cổ nõn nà Hà Nội.

Phạm Đình Hổ viết "Vũ trung tuỳ bút" là để lập ngôn. Hà Nội đang lập ngôn bằng hành động và bao nhiêu từ chương cũng không thể nào ghi hết.

Ta đi cùng mưa từ đêm cho tới sáng. Ngọn cây long não cổ thụ ngoài kia như hồi sinh trong ánh nắng vàng tỏ ngày mới. Có lẽ trong cái búp màu bạc kia như thấp thoáng hồn người viết ngày nào, hồn người đã đem viên gạch lá nem lát vào nền Hà Nội, hồn người vẫn theo Hà Nội cùng ta, cùng sau ta và sau nữa nữa...

Mùa mất mùa còn

Có những lúc ta cảm thấy thân thể hoen gỉ và tâm hồn mốc meo, có một cái gì rụng đi, tan mất... mà cũng như thừa ra một cái gì... ấy là khi lâu lắm không có một chuyến đi dù trăm dặm biển trời hay chỉ mươi cây số ra một vùng đầm ao hay cỏ lau dâu bãi nào đó.

Một ngày nắng non, nắng của xuân già, nắng làm cớ cho món bánh trôi bánh chay Hàn thực xuất hiện, ta đi trong lá sấu đổ ào ào, chợt nhớ ra những mùa này một năm nào đó, ta cùng thi sĩ Hoàng Tố Nguyên vượt con tàu xứ Lạng lên biên giới. Con tàu đi trong hương hồi thơm nức cứ như nó chạy được nhờ hương ấy đẩy phía sau, kéo phía trước. Rồi bước khỏi bậc toa, hướng phía Đồng Đăng, cây số không, qua ngọn đèo hoang vu đầy mùi lá dại: Ta đeo ba lô, Hoàng chống nạng. Hoàng hỏng chân từ nhỏ, nửa người phía trên vạm vỡ, còn hai teo lại, không hiểu có phải vì cái này teo thì cái khác phát triển, nên Hoàng luôn sôi nổi, lúc nào cũng có thể bừng bừng, không chịu ngồi yên một chỗ, không chịu ngừng đọc ngừng viết. Đến một lưng đồi, may có cô gái áo chẽn khăn piêu gùi khoai lang sống, hình như trên đường về một bản xa thấp thoáng. Mua vài củ thay nước cũng là hay, vừa đỡ đói vừa đỡ khát. Chiều biên giới xuống nhanh. Nắng chếch vàng như hương hồi đã dệt thành từng tấm từng mảng tự choàng ngọn cây cho mình để đêm về nếu tí tách sương thì lá hoa cây quả vẫn nồng nàn cuộc sống.

Đêm ấy Hoàng nổi cáu, giơ nạng gỗ nói oang oang vì có người nghi ngờ là có hai thằng định vượt biên chạy trốn. Bậy quá. Đất nước này sao nỡ bỏ mà đi khi ta yêu từ một giọt nắng, làn sương, một khóm rạ, bờ mương có cây chua me hoa tím. Hoàng cũng vậy. Anh yêu xứ quê gò me của anh, anh cũng yêu vùng đất chia tay tập kết và vùng đất gặp gỡ đất Bắc mà sau này anh đã vì nó mà bỏ mình vì chứng nhồi máu cơ tim. Hậu quả của bừng bừng đấy, Hoàng ạ.

Lan man, quờ tay đón một chiếc lá sấu nghiêng vai, chợt nhớ đến một hôm nào khác thuở ta cùng bạn là những chàng trai ứa tràn nhựa sống hoa niên, chỉ dám chơi bời bằng cách ngồi nhâm nhi giọt cà phê là cùng trong cái quán hằng quen thuộc... Lúc ấy chàng Vân Long thi nhân còn buộc phải đứng trông coi cửa hàng may đo của cha ở phố Tràng Tiền, một hiệu may lớn, "cúp pơ" có bằng Hàn Lâm Việt Pháp hẳn hoi. Mới hai mươi tuổi đầu Vân đã làm thơ triết lý khi nhìn con thạch sùng lớn ăn con thạch sùng nhỏ, ngắc ngư cái cổ. Những buổi chiều non hạ già xuân thế này họp nhau bình những bài thơ non dại nhưng là tâm huyết, và có lẽ cái non nớt ấy đã chìm đã lặn vào tầng sâu làm cái móng cho thi ca những chục năm sau đó. Cái lá non mọc ra, tàu lá già rụng đi, cái gốc xù xì kia có nghĩ gì về danh hay về lợi? Nó cứ tự nhiên nhi nhiên mà sinh tồn, phát triển, như Vân sinh ra để làm thơ, như ta sinh ra để vẩn vơ tuỳ bút, như người bạn trong bộ ba sinh ra để một đời biền biệt xa quê làm thân con chim di trú ở nhờ. Tên anh là Chính. Chính ơi, khi chúng mình đi trong lá sấu ào ào từng trận trên hè đường Hà Nội, hẳn anh cũng như ta và anh chàng Vân hơi có phần vụng dại đều không nghĩ rằng mình sẽ lấy văn chương nghệ thuật làm cái cần câu để câu con cá bỏ vào nồi nuôi vợ con và nuôi chính bản thân mình. Có lẽ cũng giống cái gốc cây bên đường, nó không cần biết màu diệp lục biến đi, nắng gió đọng thành quả chua quả ngọt ra sao. Nó sinh ra thì nó cứ đứng đấy mà

sống hết cuộc đời, giông tố hay xuân thu cũng chỉ là cái bàng quan vô tưởng.

Cây hút nhựa trong lòng đất. Còn ta, ta đã ăn bao nhiêu bát phở, uống bao nhiêu tách cà phê, từ cà phê Nuôi ở phố Phùng Hưng trông sang hiệu trồng răng Minh Sinh có cô con gái tên là Thuận ngang tàng quật Judo lăn chiêng mấy tên cao bồi láo lếu, đến cà phê nhà đổ phố Gia Long, nay là trụ sở của Đài phát thanh đường Bà Triệu, cà phê Nhân đầu Đinh Liệt, cà phê Giảng ở 88 Cầu Gỗ, cà phê Hợp phố Lê Lợi, nay cũng là Bà Triệu, cà phê Lâm toét phố Bắc Ninh mà ta không cầm chịu và không trả bằng tác phẩm hội họa, mà thơ thì ông Lâm không nhận.

Những hôm bắt đầu lộng nồm như chiều nay, khó uống cà phê. Nóng thì đổ mồ hôi, pha nước đá thì chưa cần thiết. Thời tiết nhuôm nhuôm, cà phê cũng nhuôm nhuôm và có lẽ vì thế mà lòng ta cũng nhuôm nhuôm bứt rứt.

Lại nhớ đến Nguyễn Hà phóng sự và Nguyễn Hà thi sĩ. Nguyễn quê xứ Đoài, gần quê Quang Dũng lớp đàn anh, nơi Phùng, còn có tên là con Phượng Đỏ, chàng rời làng Hồng Hà có bến Tiên, bỏ cả những cái quang tre treo từng chồng sách giấy bản của cha là ông đồ để lại để về Hà thành làm báo.

Không hiểu nếu cứ tính một tách cà phê là nửa giờ ngồi bên nhau thì bọn mình đã ngồi bên nhau như thế bao nhiêu vạn giờ đồng hồ, tính ra bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm? Và trải qua bao nhiêu triệu chiếc lá sấu ngập hè đường, từ phố Trần Hưng Đạo đến phố Hai Bà Trưng hay con đường Phan Đình Phùng ngan ngát một loài hoàng lan mỏng mảnh mơ hồ như hồn Hà Nội lơ mơ...?

Nguyễn Hà phóng sự sắc sảo, dịch thơ Đường đạt lắm, nhưng tuỳ bút thì Vũ Bằng có vẫy, anh càng cần rảo cẳng bước hơn nữa.

Một vòng Bờ Hồ là ba nghìn bước chân. Ta chẳng tội gì mà vội, cũng không cần bắt chước mấy chị mấy ông đi rảo để tránh xa cái chết và bệnh tật gọi là phép dưỡng sinh đi bộ. Thủng thẳng thung thăng. Bờ Hồ quen thuộc như gương mặt người bạn đời sắp Vàng lễ cưới, quen đến nỗi ta có thể tưởng tượng ra màu hoa lộc vừng tơi bời sắc đỏ hôm heo may giạt về Hàng Khay lộng gió, đến nỗi nghe thấy trong lòng mình tiếng bộp của bông hoa gạo rụng, nằm nghiêng trên nền xi măng như cái mũ ông sư, đến nỗi nhớ thương cây đa rễ bò ngổn ngang mà bão quật đổ trước Nhà Đèn hay cây dừa dầu như cái ô xanh phơ phất mà bỗng gục gẫy một hôm nào... Anh què bán phá xang nay đi đâu nhỉ? Ông già mù thổi sáo trong lòng tháp Hòa Phong hay thổi bài *Lý chiều chiều* đã đi về nẻo nào làng quê hay kinh tế mới xa xôi, chỉ còn thổi sáo thi với rừng già hay sườn đồi đất đỏ?

Chiều nay đi qua quãng ấy, vợ chồng một ông tây bà đầm cứ sờ sờ vào hàng gạch mộc nung già... Họ sẽ còn bàn tán bao lâu nữa tận trời viễn ảo về di tích Thăng Long mà nhiều người Hà Nội lại quá coi thường, không biết tên ngọn tháp là di vật sót lại của ngôi chùa nguy nga Quan Thượng, khi con đường Đinh Tiên Hoàng cắt ngang sân chùa, ngọn tháp hóa chơ vơ nhưng may thay yên vị.

Có phải Hà Nội lấy đi của ta mái tóc xanh và cấy vào đỉnh đầu ta mái tóc màu sương gió. Bạn bè thêm ai và bớt ai? Nắm xương tàn của Hoàng chắc đã tan thành bụi. Ai từng nâng đỡ ta trong lúc nguy nan, Chế Lan Viên hay Xuân Diệu, Nguyễn Viết Lãm... Ai đã từng vùi dập ta như Huyền Kiêu, Đồ Phồn, Đức Lân...?

Xuân non rồi xuân già. Lá sấu rụng để cho bạn đời ta cho ta món canh sấu đầu mùa tấm tắc rất Hà Nội không nơi nào có được. Ta đã đưa tiễn bao người ở nhà xác Bạch Mai, nhà thương Phủ Doãn, nhà tang lễ Phùng Hưng, nhà đại thể Việt Xô đổi thành Hữu Nghị, nhà quàn xác Trần Thánh Tông cho chí bệnh viện A trên

Quần Ngựa, hoặc nhà thương Quận, nhà trụ sở Hội này Hội khác... Quang Dũng nằm tại trụ sở Nhà xuất bản Văn học phố Hàng Bài. Bùi Xuân Phái im lặng nghe điếu văn mình nơi 19 Hàng Buồm, Hội văn học Nghệ thuật Hà Nội. Nguyễn Tuân không hiểu có bao giờ quay lại 51 phố Trần Hưng Đạo vì ông còn bỏ quên đôi ba bản thảo tuỳ bút về Hà Nội có đám cưới ngay dưới tầm bom đạn B.52. Nguyên Hồng cũng từ đây ra đi nhưng chắc ông đã về ấp Cầu Đen - Yên Thế để nhập hồn vào xác. Xuân Quỳnh Lưu Quang Vũ nằm song song như đi ngủ trong hơn 500 vòng hoa tiễn biệt cũng là từ căn gác có tường trổ cổng vòm này...

Ta cũng đã đi dự đám cưới của người bạn lấy hai ba đời vợ hoặc người phụ nữ tổ chức lại mấy đời chồng. Ngày nào vào nhà hộ sinh thăm bạn nay tiếng khóc oe oe đó đã thành tiến sĩ không biết đi xe đạp và chỉ rồ con xe máy...

Phố Lê, nơi ta ở một đời người, nguyên là dãy nhà của Nhà thờ cho con chiên thuê và mua rẻ, im lìm tịch lặng trong hàng cây long não thơm phảng phất mùi tóc mới gội đầu. Nay lạ lắm rồi. Tiến sĩ thi nhân mà làm gì khi vẫn ở cái nhà lợp xi măng và tường cót ép trong khi cô gái bán phở mới vài năm thái thịt gà mà xây nổi 6 tầng sáng loáng. Phố Lê trở thành phố ăn uống, tấp nập tới khuya, từ nhà hàng phòng lạnh đến loảng xoảng vỏ ốc luộc đêm khuya và ngà ngà rượu ngâm thuốc bắc mà có lần nghệ sĩ ưu tú Vũ Hà khi chưa phải mổ để thay khớp háng, đã đứng giữa đường gọi ầm lên bảo ta đi khêu ốc đúng vào dịp hàng long não ra búp có đàn sâu cước bám đầy cây xanh lè, trẻ em bắt nó để lên ngực áo như một thứ mề đay xanh, trông ghê ghê nhưng không độc như bọ nẹt.

Chính ơi, từ phương trời, nếu anh trở về, hẳn anh không thể nào nhận ra cái phố ngày xưa chúng mình hay đi dạo. Mà nào riêng phố ấy. Cả Hà Nội là một thành phố khác rồi. Hàng sấu vẫn đổ lá, nhưng bạn bè lên nhà bốn tầng thì nhiều lắm, cả nhà buôn

và nhà thơ như Vũ Quần Phương, Bằng Việt, Quang Huy, Hoàng Quốc Hải, Vân Long... Đến ngay Nguyễn Hà sống bằng nhuận bút, ở tầng tư nhà tập thể cũng phải làm gác xép, rồi cơi nới phía trước, phía sau thành một thứ nhà hình ống kiểu mới... Đến người chết cũng được người sống xây nhà cho, thành phong trào, đủ kiểu, khiến các nghĩa trang đông nghịt thợ nề ốp lát.

Gần đây, quỹ Văn hóa Thụy Điển do ông Hữu Ngọc, một nhà hoạt động văn hóa lừng danh và vô tư muốn viện trợ để xây mộ và đắp bức tượng cho nhà thơ cũng lừng danh là Quang Dũng, nhưng trục trặc vì danh phận nhà thơ không chức tước này.

Hoàng hôn làm cho trận lá sấu thêm vàng phố Phan Chu Trinh. Hình như sắp vào Lập Hạ. Tiết và thời tiết có khi chẳng trùng nhau, như hôm nay chẳng hạn. Lộng nồm làm mặt Hồ Gươm sóng sánh như một loài rượu ngọt có thể làm ta hóa đồ đệ Lưu Linh. Nhà Hát Lớn đã chỉnh trang. Người Hà Nội xưa nay ai chẳng đôi ba lần vào nhà hát này vào những mùa kịch hay những đêm nghệ thuật đầy ấn tượng. Lạ, nay có người quảng cáo là tổ chức đi tham quan nhà hát lớn, đương nhiên là phải đóng tiền rồi. Thì ra cái gì bây giờ cũng đều có thể biến thành mặt hàng kinh doanh thu lợi. Chỉ không biết cụ thể là khi vào tham quan thế, quần áo phải mặc thế nào như bao thời Hà Nội thanh lịch hào hoa vào đây nghe giao hưởng hay kịch thơ, kịch nói tưng bừng...

Mùa theo mùa qua đi. Người theo người đổi thay nhau sinh ra và mất đi cho Hà Nội ngày một khác. Chắc chắn khi cô bé 8 tuổi họ Lý nhường ngôi cho cậu bé cũng 8 tuổi họ Trần, thì Thăng Long không phải như Hà Nội bây giờ, cũng như một trăm năm nữa, có người cười khì khi đọc những dòng lan man này, lúc ấy thì lá đổ vàng bao nhiêu, người bạn nào đi sau hay đi trước... ta cũng chỉ còn là im lặng...

1999

Một người bạn

Người xưa có câu: *Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ*. Đã có duyên với nhau thì dù ngàn dặm xa xôi cũng sẽ gặp nhau, huống chi tôi với anh ở trên cùng một đường thẳng mà phố Huế là cái trục Tung tạo ra hình dấu Cộng: Tôi ở Lê Văn Hưu, anh phía Nguyễn Du. Từ phố Nguyễn Du đó, có lần thăm ngôi chùa Bách Môn của Bắc Ninh, anh công đức một số tiền, nhà chùa không hiểu nghe thế nào mà lại ghi là "Ông Nguyễn Du..." làm chúng tôi vừa ngượng với người xưa vừa vui vì hình như có mối liên hệ thế nào đó, vừa coi đây là một kỷ niệm khó quên sẽ còn là giai thoại mỗi khi họp mặt bạn bè mở chai rượu, pha ấm trà nói với nhau về Hà Nội.

Tên anh cũng ghép lại bằng mấy cái duyên kỳ thú. Cụ Nguyễn Tuân từng quen biết cha anh, có lần nói trong gật gù: Anh ở phố Nguyễn Du, tên là Kiều - An Kiều - số nhà Lục Bát... nếu là ngẫu nhiên thì cũng là ngẫu nhiên thiên định. Không hiểu mỗi mùa thu, hàng cây hoa sữa, cây Tình yêu, cây Hà Nội, cây Thương nhớ... phả hương vào căn nhà cổ kính số 68 ấy đọng lại trong anh những gì mà anh từng bỏ ra nhiều công sức để đi ghi lại màu lá đỏ của cây bằng lăng bên hồ khi nó đã qua mùa rực rỡ bước vào gió sương se lạnh, đem màu nắng gìn giữ tỏa ra cho Hà Nội thành nỗi khát khao cho những ai thao thức gửi tình về như một nỗi tương tư?

Là một người Hà Nội, thật dễ hiểu khi anh quan tâm thường xuyên đến những gì thuộc về Hà Nội, của Hà Nội, dù lớn hay nhỏ tỷ như các nhà khoa học phải thường trực 24 giờ trên 24 giờ ở Viện Khảo cổ để giữ gìn đất cơ quan vì có kẻ manh tâm lấn chiếm, xây nhà theo kiểu du kích bất cứ lúc nào, hoặc anh trèo lên tầng 17 của khách sạn mới khánh thành mà nhìn xuống toàn cảnh Hồ Tây và bát ngát một Hà Nội cây xanh cùng dọc ngang bàn cờ đường phố...

Có lẽ vì thế mà anh đã chú ý đến một dòng tôi viết. Một dòng, thật sơ lược, thật thất lễ với Hà Nội và người Hà Nội khi mỗi con người Hà Nội là một cuốn sách đồ sộ và Hà Nội là một thư viện chứa hàng triệu con người như thế, nói rộng ra, một nghìn năm, mấy chục thế hệ thì đã có bao nhiêu triệu trái tim và tâm hồn gắn bó với mảnh đất thiêng liêng này như thế.

Dòng chữ tôi viết là về phố Nguyễn Du, có ngôi nhà của họa sĩ lớp người đầu tiên - đúng ra phải gọi là họa sư mới chính xác - họa sư Nam Sơn. Cụ Nam Sơn đã thiên cổ vĩnh hằng, nhưng học trò cụ còn bao nhiêu bậc tài danh, từ Tô Ngọc Vân đến Trần Văn Cẩn, Phạm Văn Đôn, Nguyễn Phan Chánh, Trịnh Hữu Ngọc, Phan Kế An... Ta nhớ lại khi họa sĩ người Pháp Tardieu trở lại Đông Dương mở trường Mỹ thuật đào tạo họa sĩ thì chính họa sĩ Nam Sơn cũng tốt nghiệp ở Pháp trở về, tham gia giảng dạy ngay từ những khóa đầu tiên.

Nam Sơn cùng học với Từ Bi Hồng, một hoạ sĩ lừng danh Trung Quốc mà nhiều người trong chúng ta biết đến chỉ một vài tác phẩm như *Độc mã, Quần mã* của cụ Từ cũng đã đầy ngưỡng mộ.

Thế hệ những người trên dưới sáu mươi tuổi, hẳn nhiều người còn in đậm trong tâm trí những bài học thuộc lòng thuở đến trường tiểu học. Những bài *"Ai bảo chăn trâu là khổ"*, *"Ôi cái*

cảnh biệt ly sao mà buồn vậy", chuyện anh nói khoác tả quả bí to bằng gian nhà liền có anh khác nói là đã trông thấy cái xanh to bằng cả căn nhà, chỉ là để sẽ luộc quả bí kia, bài *"Xuân đi học coi người hớn hở"* v.v... mà gần đây Nhà xuất bản Trẻ phía nam đã tái bản gần như nguyên bản rất đáng hoan nghênh. Nhưng ít ai biết đến những bức tranh minh họa rất nhỏ trong đó, nhưng đã in đậm trong lòng mấy lớp người, thành niềm yêu, thành bài học, thành nhớ thương da diết, thành kỷ niệm một đời. Người vẽ phần lớn chúng chính là họa sĩ Nam Sơn, một tài năng lớn nhưng không coi thường cái nhỏ. Chỉ tiếc sao, khi sách tái bản, thành gia bảo trong nhiều gia đình, thì những bức minh họa kia lại bị mất đi chữ NS, chữ ký của họa sĩ Nam Sơn, không hiểu vì lý do gì, để ta không còn chỗ mà tỏ lòng biết ơn đến một người thầy ta không biết mặt.

Tản Đà, một tửu đồ thi sĩ, một tính cách ngang tàng, một nhà ẩm thực lừng danh, một nhà văn hóa lớn, một nét gạch nối giữa lớp thi nhân thế hệ cũ và lớp thi nhân thế hệ mới (như lời Hoài Thanh), khi xuất bản *An Nam tạp chí*, số đầu tiên ngày 1 tháng 7 năm 1926 đã phải nhờ hoạ sĩ Nam Sơn trình bày bìa, cả chữ quốc ngữ, chữ Hán và chữ Pháp. Đồng thanh tương ứng, một sự liên tài thì Nam hoạ sĩ và Tản thi sĩ mới tìm nhau chứ?

Ngày 24 tháng 3 năm 1957, họa sĩ Nam Sơn còn nhận được bức thư của bà Liêu Tĩnh Văn, phu nhân cố họa sĩ Từ Bi Hồng, trong đó có đoạn: "...Nam Sơn tiên sinh kính mến, xin cho phép tôi cảm ơn tiên sinh, cảm ơn một tình nghĩa cao quý như vậy, đồng thời tôi sẽ ghi nhớ mãi mãi. Kèm theo thư này, tôi gửi thêm một ảnh của tôi cùng chụp với đồng chí Từ Bi Hồng. Rất tiếc rằng chúng tôi không có một ảnh nào đẹp hơn thế...".

Mấy dòng trên đây để bổ sung tí chút vào một dòng tôi ghi từ ký ức, nói về một người Hà Nội, bởi phố Nguyễn Du với hồ

Thiền Quang (từng có tên hồ Halais, tên một viên đốc lý Pháp) đã bao năm quen thuộc với tôi cũng như bao người khác, nghe hương hoa sữa thấm vào hồn, thấy sóng hồ lay động như chén rượu xinh xinh sóng sánh. Đầu phố có hiệu thuốc lào ông Cả Nghị (nay là hàng phở gà), đi mấy bước, có trường Thiếu sinh quân (nay là Tổng cục bưu điện) ngã năm Bà Triệu là cuối Dốc Hàng Kèn, có ngôi nhà 7 tầng mới xây trên một quầy bán dầu hỏa, đến kỳ mua dầu người ta chen nhau còn hơn Hội Chen làng Nga Hoàng Kinh Bắc thế kỷ trước, trông sang bên kia đường là nhà ông xếp ga Trần Nhân Cư, một công chức nghệ sĩ, từng gửi Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Bính, Tô Hoài từ ga Long Biên lên Bắc Giang bằng xe lửa không mất tiền, làm chuyến giang hồ vặt... và ngay gần cửa nhà anh An Kiều, con trai cụ cố họa sư Nam Sơn, cách đây mấy năm tôi đã đưa một nhà văn Sài Gòn đến ngồi uống cà phê nhìn ra hồ trong đêm mưa gió, tiếc lúc ấy tôi chưa được quen anh...

Ngôi nhà anh An Kiều vẫn còn cây đại oằn mình cổ thụ, những nếp cửa quanh năm đóng kín, có lúc khoảng sân rộng biến thành xưởng thêu, tổ đan len, trong khi những cuốn sách im lìm trên giá, những kho tranh, tác phẩm của họa sư để lại không hiểu có thức dậy mà trò chuyện những khi trở trời, mùa chuyển mà nhớ đến chủ nhân, nhớ đến thân phận mình sinh ra từ bàn tay người Hà Nội, đang sống trong Hà Nội nhưng vẫn không nguôi nhớ về Hà Nội tài hoa trác tuyệt...

Từ một dòng khô khan, nó thành cái cầu nối cho tôi và An Kiều quen nhau, biết nhau. Thì ra nhiều năm trước tôi đã từng gặp anh mà không biết. Đó là cuối những năm 50, tôi mở hiệu sách Tháng Mười ở phố Huế (cùng với Vân Long và Lê Quang Kha) thường có một thanh niên tóc rất quăn, đeo kính trắng, lúc nào cũng quần áo chỉnh tề, thường vào chọn sách, tôi cứ đinh ninh rằng đó là một người chơi dương cầm mà tôi không tiện làm quen.

Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, An Kiều tặng tôi chiếc mô hình tháp Eiffel anh vừa mua ở Paris về, kèm theo là ảnh lá vàng trên vườn Lục Xâm Bảo và quán sách cũ bên bờ sông Seine. Anh nói mỗi khi gặp màu lá vàng xứ lạ anh lại nhớ về Hà Nội của mình, cây bàng mùa đông tơi bời trong gió, cây cơm nguội ánh rực hoàng hôn, mùa thu trên cành bằng lăng bờ hồ Hoàn Kiếm. Phải chăng đó cũng là một thú chơi của một người Hà Nội lúc nào cũng mang mang cảm xúc, lúc nào cũng cảm ứng với một Hà Nội êm đềm nắng hanh và mưa xuân lất phất hoặc phượng đỏ Cổ Ngư hay liễu tiễn đông tàn...

Hà Nội có một điều lạ nữa. Có phải thành phố này quá hẹp mà một vòng tròn bè bạn khi có điều kiện gặp nhau thì hình như đều đã biết nhau từ bao năm trước bây giờ trò chuyện, phải giơ bàn tay ra mà bắt để mừng hội ngộ tình cờ? An Kiều quen Nguyễn Kế Nghiệp nhà báo, thì ta vẫn bạn chung. Anh là em họ Nguyễn Quí Đạo đang làm giáo sư ở nước ngoài. Tôi cũng từng chạm cốc với Nguyễn giáo sư. Anh giới thiệu bác sĩ Đặng Ngọc Kiềm, người từng bỏ Hà Nội đi làm trạm trưởng Y tế ở xã Phùng Chí Kiên, nơi tôi gửi con sơ tán, từng ngồi chờ xe hàng chạy qua vẫy đi chui về Hà Nội. Và nhất là nói về họa sĩ Nam Sơn, một trong những người vỡ lòng cho thế hệ tôi bằng những hình ảnh quê hương đất nước Việt Nam bình dị, không ngờ đó lại chính là phụ thân của anh, anh An Kiều.

Trong một triệu người đang hối hả hằng ngày kia, ta quen biết được bao người? Những gì chứa chất trong lồng ngực và dưới làn tóc xanh hay bạc, thẳng hay sóng, quăn hay mượt kia... ai là người thiên kinh vạn quyển, ai từng rong du khắp thế giới, ai có thể uống liên hồi kỳ trận, ai sợ nhìn thấy cắt tiết một con gà, ai bị nhốt chặt trong nhà, bắt học thuộc lòng mọi định đề, mọi công thức, mọi trang văn, chia động từ, học ngữ pháp... hàng tháng trời

đến nỗi người thanh niên sôi nổi, sống trong cao trào văn hóa trẻ trung mà không hề biết khiêu vũ như nhà nhiếp ảnh lão thành Đỗ Huân, và anh An Kiều?

Nhưng ta cũng có thể biết rằng bất kỳ ai, cũng đều có cuốn sách đời mình. Giãi bày hay giữ kín, thường ôn lại hay cho qua; thích thú chơi này, ghét điều chơi khác...

Có một Hà Nội được viết ra, nhưng còn bao nhiêu Hà Nội vẫn đang nằm trong tâm sự giống như những đêm hoa sữa phố Nguyễn Du, hương hoàng lan phố Phan Đình Phùng, hương dạ lan hương vườn Chí Linh... một chút ngào ngạt thấm vào ta nhưng còn bao nhiêu triệu phần lan tỏa mà ta không cầm giữ được, nó tan vào không gian chỉ để lại cho ta niềm luyến tiếc.

Gần đây, trong một buổi tàn thu, khi đường phố đã vàng tràn hoa cúc, một người bên Bắc Ninh mời tôi, An Kiều và một số bạn khác sang dự buổi nấu cao con ngựa bạch. Nghe nói tiết ngựa sống và cao ấy bổ lắm. Chúng tôi đi khi Hà Nội đang trưa, qua Đình Bảng chất ngất bánh xu xê, qua đồi Lim không vào mùa quan họ nên thầm lặng và trở về Hà Nội lúc chạng vạng lên đèn, khi chậu tiết ngựa đã được uống cạn, bữa cỗ thịt ngựa bày ra thịnh soạn, nhưng cái quán phở phố Hàng Tre là nơi chúng tôi chung bữa tối chứ không phải là mâm cỗ ngựa, dù là ngựa bạch, đôi con mắt đỏ, quáng gà giữa ngọ, cái đuôi ngựa còn vẫy đến phút cuối cùng khi ngã xuống... Có phải đó cùng là một tính cách Hà Nội, không phải cỗ nào bày ra cũng cứ ăn. Hôm ấy An Kiều kể chuyện nhạc sĩ Strauss tác giả bài *Sông Đa Nuýp xanh*, đã nhờ một con ngựa bạch mà cảm hứng một bản nhạc diệu kỳ bất chợt lóe lên trong óc, không có giấy bút, nhạc sĩ viết ngay những nốt nhạc đầu tiên vào tay áo sơ mi. Con ngựa bạch huyền thoại và con ngựa bạch xấu số bị nấu cao kia có gì khác biệt?

Cũng lạ, có những ông hàng xóm, quen nhau vài ba chục năm vẫn không hề thân nhau, nhưng có người mới gặp đã "đồng khí tương cầu", như có duyên từ lâu lắm. Phải chăng đó cũng là một tính cách nữa của người Hà Nội, tôi hỏi, cả anh Kiều và bác sĩ Kiềm chỉ cười mà không trả lời. Nhưng tôi hiểu, cuộc đời, thêm một người bạn là một điều hạnh phúc như được nghe một bản nhạc hay, được ngắm một chiếc lá vàng báo hiệu mùa thu xao xuyến... mà gần đây nhất là giáo sư tiến sĩ Nguyễn Quang Riệu, giám đốc khoa học của Đài thiên văn quốc gia Pháp về Việt Nam, đã cùng tôi gặp gỡ đầy hào hứng chân tình như quen nhau từ lâu lắm.

10-1999

Mẹ tôi

Thưa mẹ!

Đã hơn nửa thế kỷ con không còn mẹ. Mỗi giao thừa con thắp tuần nhang, con chỉ thấy mẹ mơ hồ qua làn khói mong manh bởi khi mẹ không vượt được cái ngưỡng đời ở tuổi 53, mẹ chưa hề ngồi trước ông thợ ảnh trùm mảnh vải đen như chiếc khăn vuông để loay hoay trong đó mà rồi còn hình người trên tờ giấy mỏng, nay gọi là chụp ảnh, (từ chụp có lẽ xuất phát từ động tác chụp cái mảnh đen ấy lên đầu người thợ). Vì thế mà mẹ ra đi, nằm vĩnh viễn trong nấm cỏ vàng, con không có tấm ảnh nào của mẹ. Chỉ còn trong trí nhớ, chỉ còn trong hoài niệm, chỉ còn trong lãng đãng không gian...

Mẹ chưa hề một lần nào kể cho con nghe thời thơ ấu của mẹ ra sao mà chỉ kể về khoảng đời nhọc nhằn lam lũ trước khi bọn lít nhít chúng con được mẹ sinh ra. Cô gái con nhà gia thế, cha mất sớm, mẹ phải luân lạc làm thuê làm mướn nơi đất khách quê người. Chưa bao giờ mẹ là cô gái nhan sắc nghiêng nước ngiêng thành mà cô gái nào cũng mơ ước. Chưa bao giờ mẹ được làm phu nhân mệnh phụ mà người đàn bà nào cũng thèm muốn. Mẹ chỉ là một phần triệu những người con gái Việt Nam bình thường, bình dị, đôi vai gầy chỉ in hằn hơn năm chục mùa xuân rồi im lặng trở về cùng lặng lẽ.

Hai mươi chín tuổi mới lấy được chồng, thế là so với bạn bè trang lứa, mẹ đi chậm nhất mười năm. Mẹ có bao giờ ước ao hay chưa bao giờ mẹ nghĩ rằng những đứa con mẹ phải đùm trong vạt áo mà chạy đôn chạy đáo lấy miếng ăn nuôi chúng, vẫn còn có mặt trên đời, đã thành những ông lão, già hơn mẹ, bước vào tuổi bảy mươi? Nhưng dù già đến đâu, tóc trắng thế nào thì chúng vẫn là những đứa con của mẹ, mẹ từng rút ruột sinh ra trong đớn đau và hạnh phúc, trong lo âu và hoan hỉ, và tự nhiên con nghĩ thế là mẹ ra đi sớm mất bao nhiêu năm, thưa mẹ?

Ngày tết, mẹ nấu nồi chè kho thơm lừng hương quả tò ho, mẹ chỉ dám vét nồi, còn nhường hết ngon lành cho các con, mẹ hầu như chưa hề nếm miếng ngọt miếng béo miếng bùi mà một đời chỉ toàn cay với đắng, chát với chua...

Cha con lưu lạc bốn phương trời, có tết về tết không để một mình mẹ chạy vạy lo toan từ đôi guốc cho đứa lớn, chữa lại cái áo the thâm của thằng anh cho thằng em, đến túm pháo dây cho đứa nhỏ, con gà bó miến cho cả nhà... bản thân mẹ thì chỉ có quả cau tươi thay cho miếng cau khô cứng ngày thường, còn hai bàn chân vẫn là đi đất, tấm áo dài thắt vạt từ mươi năm trước lại được giở ra đầy mùi băng phiến như mùi thời gian lưu cữu, mùi của khó nghèo tằn tiện, chịu đựng hy sinh.

Thị trấn Cẩm Giàng chỉ là đất ngụ cư của mấy mẹ con ta, làng Sen bên cạnh, làng Kim Quan gần kề vào hội mùa xuân gọi là Đình đám, cha con không có chân trong hội Tư Văn, tiếng trống thúc giục không làm mẹ náo nức như cô gái làng có hẹn, mẹ chép miệng thở dài ngao ngán nói với các con mình: "Đình đám người, mẹ con ta" rồi chỉ ở nhà mà chẳng chen chân vào đám tưng bừng xa lạ ấy. Niềm vui chung ấy có ai cấm ai, thế mà mẹ tự cấm mình vì thân phận ăn nhờ ở đậu, đến ông thần ông thánh cũng chẳng phải của mình, chẳng che chở cho mình, nếu mình không quần

quật để tự nuôi lấy đàn con ngày mỗi lớn, ngày mỗi tốn kém, mỗi hút hết máu hồng xương tủy mẹ.

Khi con bắt đầu có trí nhớ, chưa bao giờ thấy ngày tết nhà ta có bông hoa tươi mà chỉ có cành hoa bằng giấy trang kim đã mờ những bụi, im lìm trong hai chiếc bình bằng gỗ đã long sơn đen đỏ.

Những chuyến tàu cuối năm từ Hà Nội, Hải Phòng về, đổ xuống ga Cẩm Giàng đôi ba người khách vội vàng đi tiếp về những vùng xa chờ đợi, sân ga vắng teo, lạnh lẽo, mẹ nhắc chúng con đem vôi bột ra rắc khắp sân ga những cung tên, cờ quạt, những hình vuông tròn, coi sân ga như sân nhà mình, để trừ ma quỉ, để đuổi xua cái ác, cái dữ, mong điều lành sẽ đến, nhưng bao nhiêu mùa xuân như thế, cuộc đời cứ trôi đi như những chuyến tàu mất hút phía xa xăm làng Quải, Xuân Đào phía trên hay Ngặt Kéo, An Điềm phía dưới để dãy phố ga nghèo ngày một chĩu cái nóc, rãnh sâu cái mái, lơm xơm cái hiên, trong đó là những con người còng lưng gánh thời gian và tòe ngón chân Giao Chỉ…

Con không "tố khổ", con chỉ mường tượng về mẹ, một người phụ nữ Việt Nam bình thường như trăm nghìn vạn triệu bà mẹ từ xa xưa và còn đang có mặt trên dải đất này. Mẹ không là bà Man Thiện để lại hai cô con gái họ Trưng, không là bà Thái để lại anh trai Nguyễn Trãi, không là bà Loan để lại Nguyễn Sinh Cung, và không hiểu mẹ của Lê Lợi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, cả mẹ anh Chí, mẹ Đinh Bộ Lĩnh và mẹ Trần Kiện, mẹ Thạch Lam và mẹ Bang Kim… đã sinh thành dưỡng dục con mình ra sao, mà những con người ấy khác nhau đến thế?

Thưa mẹ, mẹ không để lại gia tài gì cho chúng con, nhưng mẹ để lại điều quý giá nhất: Cuộc đời con, vì như người ta nói: Quí giá nhất là cuộc sống, bởi sống chỉ có một lần, đến cả đại thi sĩ ngàn xưa Homère còn phải nói trong trường ca Illiade:

"Không gì quí bằng sự sống. Người ta có thể cướp bò, cướp những con cừu khỏe mạnh, mua giá ba chân, ngựa đầu vàng. Nhưng đời người một khi đã vượt qua giới tuyến của hơi thở thì người ta không thể cướp lại được mà cũng không thể nào mua lại được,..".

Và cũng như những bà mẹ vô danh mà vĩ đại nhất xưa nay, tan vào vô định, mất hút nẻo xa mờ, nhưng các mẹ để lại những người con cũng vô danh nhưng vĩ đại, đó là những người con bình thường Việt Nam biết đứng thẳng làm người, giữ gìn non nước, biết khoan dung đôn hậu, biết thương người như thể thương thân, biết yêu từ một gốc đa làng, cây lúa, bến nước, con đê, làm gió, bông hoa và mùa xuân...

Ngoài chúng con, những đứa con của mẹ, giọt máu của mẹ, thì có lẽ trong trí nhớ của loài người, không ai biết là có mẹ trong cõi đời này. Mẹ không là vĩ nhân, mẹ chỉ là người phụ nữ bình thường, lướt qua cuộc đời có mấy chục mùa xuân rồi lặng im tịch mịch.

Không hiểu ở cõi vình hằng triệu dặm đường xa ấy, Mẹ và Cha chúng con có gặp nhau không, có bàn nhau về chúng con không, mỗi khi mùa xuân về, chúng con thắp nhang mời cả cha và mẹ về đón tết?

Chúng con đã như đàn chim vỗ cánh tản ra khắp bốn phương trời, không ai còn ở cái ga xép Cẩm Giàng ấy nữa, nhưng hình dáng mẹ vào ra lầm lũi, miếng trầu mùa xuân, bàn chân nẻ miếng, vạt áo toàn mùi băng phiến... vẫn hiện lên mồn một khi chúng con nhớ về nơi chôn rau cắt rốn, nơi cái nồi đất vùi góc sân, nơi mẹ đùm chúng con vào vạt váy, nơi sân ga đầy cung tên vôi bột, nơi mẹ quằn quại trong đớn đau và hạnh phúc sinh ra chúng con và cũng là nơi mẹ rời bỏ chúng con để về cùng tiên tổ.

Chắc mẹ cũng không nghĩ rằng thằng bé "cún con" của mẹ lớn lên, đi ra bao nẻo, gặp bao nhiêu bà mẹ Việt Nam, gặp bao nhiêu người hao hao dáng mẹ, cũng tất bật lam làm, lo toan, hy sinh và chịu đựng, không cần nổi tiếng, không màng danh lợi, chỉ mong con sống nên người…

Và những đêm xuân đón giao thừa như đêm nay, có bao nhiêu người con thắp nhang nhớ về cha về mẹ của mình giống như con đang thắp nhang mời mẹ về chứng kiến cuộc đời đã muôn khác, nghìn khác thời mẹ sống, mà không biết cha mẹ có về không? Chắc là có, bởi mẹ vẫn ở trong con, vẫn sống trong con, vẫn bàng bạc và cụ thể, vẫn mơ hồ và hiện diện, bởi vì dù con bao nhiêu tuổi, tóc con xanh rờn hay trắng cước, thì ngàn đời con vẫn là con của mẹ, người Mẹ Việt Nam, người mẹ của nước non này.

Xuân 2000

PHỤ LỤC

Băng Sơn
Trong mắt bạn bè

Một cuốn sách có ích

(Nhà xuất bản Phụ nữ - 1993)

Trong chúng ta, không ai không có một quê hương đồng nội, mà khi lớn lên bươn trải với cuộc sống khiến ta phải bứt khỏi quê hương. Lại nữa, nhịp sống sôi động nơi các đô thị, cũng khiến ta hầu như quên hẳn những ký ức tuổi thơ.

Và nếu như không có ai đó, nhất là các nhà văn khéo léo nhắc nhở, hẳn ta sẽ bỏ mất một quãng đời xiết bao yêu quý. Chính nhà văn Băng Sơn với cuốn "Ngàn mùa hoa" do Nhà xuất bản Phụ nữ mới cho ra mắt bạn đọc nhỏ tuổi cách đây ít tuần, đã thức dậy trong ta những kỷ niệm đó. Sách viết cho lứa tuổi từ bảy, tám đến mười lăm, mười sáu - cái tuổi học trò ngây thơ với những kỷ niệm trong trẻo nhất của cuộc đời. Bởi vì trong chúng ta ai đã không một lần thơ trẻ.

Băng Sơn nói gì với chúng ta? Nhà văn không nói gì cả, anh chỉ đề cập đến những nét bình dị nhất trong cuộc sống bình dị mà tuổi thơ ta lưu giữ. Ví như mùa xuân với một "Bờ hoa tầm xuân" trắng muốt tuổi xuân. Để rồi bây giờ tự hỏi: "Lâu rồi những dây hoa tầm xuân ấy có còn không, và mùa xuân hoa có còn lấp lánh lên không? Rồi thế nào tôi cũng phải về thăm như một lời hẹn" (những câu trong ngoặc kép là của

Băng Sơn)... Từ "Tiếng hát trên đồng" đến "Cái Tết làng" quê xưa. Từ cách "Ăn bánh chưng" ngày thường đến cách cắt bánh chưng ngày Tết và cả đến cuộc "Đánh tam cúc" cũng là một kỷ niệm cháy lòng, khiến tác giả cũng phải thốt lên: "Chị ơi, mùa xuân của em ơi, Cỗ bài của tôi ơi... mùa xuân lại về rồi đấy với bao đợi chờ..." Giản dị lắm những gì mà Băng Sơn đề cập tới. Từ "Cánh bèo" đến "Điếm canh đê". Từ "Lá rụng" đến "Mưa rươi"... "Đò dọc", "Đò ngang", "Chiếc cầu đá", "Cây đa làng", "Con đường mòn", "Đám cưới quê" v.v... và v.v...

Với 130 trang sách, tác giả viết tới 95 truyện. Truyện nào cũng ngắn gọn và hàm xúc như truyện cổ tích. Truyện nào cũng làm ta nao nao nhớ về quê hương, nguồn cội. Nó gợi cho ta những nét đẹp của cảnh quan đất nước, của phong tục, tập quán của văn hóa dân gian, dân tộc.

Và dường như nền phong hóa ấy từ xa xưa đã hòa tan trong huyết quản ta, trong óc não ta, nay có người gợi mở, nó bỗng ùa dậy trong ta. Vậy là cùng một lúc, nhà văn đem đến cho ta cả cái Đẹp lẫn cái Thiện.

Tuổi thơ đọc sách này, biết được những giá trị mình đang sống. Và do đó biết trân trọng những gì mình đang có, tự hào về những gì dân tộc mình có. Nó chính là đặc trưng làm cho các dân tộc có những sắc thái khác nhau.

Thế giới hiện đại khiến các dân tộc trở nên gần gũi nhau, do đó việc giao lưu văn hóa và ảnh hưởng qua lại giữa các nền văn hóa là điều không tránh khỏi (và cũng không nên tránh), vì thế nó làm cho nền văn hóa của nhân loại ngày thêm phong phú. Nhưng sẽ là đại bất hạnh cho dân tộc nào, chỉ biết có hòa tan mà không có ý thức lưu giữ.

"Ngàn mùa hoa" là một nhắc nhở kín đáo của Băng Sơn với việc bảo tồn nền văn hóa dân tộc, và làm phong phú tâm hồn cho lớp lớp các em nhỏ.

"Ngàn mùa hoa" là một cuốn sách bổ ích mà lâu lâu mới thấy có trên thị trường.

Giảng Võ, tháng 2-1993

Hoàng Quốc Hải (Nhà văn)

Băng Sơn với Hà Nội

Thú ăn chơi người Hà Nội, đó là nhan đề cuốn sách của.Băng Sơn do Nhà xuất bản (NXB) Văn hóa mới ấn hành. Viết về thú ăn chơi của người Hà Nội thì đây không phải là cuốn sách đầu tiên. Đã có "Hà Nội 36 phố phường" của Thạch Lam, "Thương nhớ mười hai" của Vũ Bằng, và những bài viết về phở, về ngầu pín, về chả cá v.v... của Nguyễn Tuân. Toàn những cây bút có hạng cả. Thế nhưng, Băng Sơn vẫn có tiếng nói của mình, nối tiếp những tiếng nói trước và cũng có những âm hưởng của mình, góp một dòng suối vào những con suối kia làm thành một dòng sông mang hương vị của đất kinh kỳ Hà Nội. Băng Sơn viết về những cái ăn cái uống, những món quà, những thứ quả, những món bình dân và những món độc đáo, những thú chơi, những kiểu mặc và cả một số nét chẳng thuộc về ăn về chơi, nhưng lại gợi lên trong ta, cùng với các thứ ăn, mặc, chơi kia, bao nhiêu ký ức, bao nhiêu cảm xúc về Hà Nội và tất cả đều là những nét văn hóa. Phải chăng có thể nói: có một lĩnh vực văn hóa ẩm thực Việt Nam, một lĩnh vực văn hóa trang phục Việt Nam cũng như một lĩnh vực thi ca hay văn hóa âm nhạc Việt Nam? NXB Văn hóa in cuốn sách này quả cũng có con mắt tinh đời vậy.

Băng Sơn biết khá kỹ, khá tỷ mỷ về các món ăn: bình dân thì như phở, bún riêu, bánh dày bánh giò, độc đáo thì như

ngẩu pín (từ tiếng Hán ngưu phiến tức là cái của quý của con bò) như tái sách v.v... anh biết rất chi tiết những kỹ thuật chọn nguyên liệu, kỹ thuật chế biến, trình bày... nhưng vượt lên cả những kỹ thuật ấy là cái chất văn hóa của món ăn, của thú chơi, nó bao hàm hai điều chủ yếu là tính thẩm mỹ và tình người trong đó.

Tính thẩm mỹ mà ta thấy qua món ăn trước hết là cái tinh sành. Tinh sành trong cách chế biến của người làm, tinh sành trong khẩu vị thưởng thức của người ăn. Thí dụ, như Băng Sơn cho biết thì nấu bún riêu với quả dọc là sành hơn cả, vừa đẹp về màu lại thanh về vị, chứ nấu bằng khế thì màu sẽ xám mà nấu bằng mẻ thì cái vị chua hơi thô. Hoặc như bánh giò làm đúng bột lọc thì trong mà ăn giòn, còn làm ẩu bột sống thì đục. Hoặc vắt bánh dày thì phải bằng tủy lợn ăn mới ngon, nếu vắt bằng mỡ thì ăn sẽ khét. Ôi, những cái nghề làm ra những món ăn tưởng là đơn giản ấy, chắc hẳn ông cha ta cũng đã phải trải qua bao cuộc thăng trầm, trả bao nhiêu giá mồ hôi nước mắt mới đạt đến cái độ tinh sành ấy, chứ đâu phải chỉ là trong một sớm một chiều. Ngay cả việc thái miếng nõn chuối để ăn riêu, dưới lưỡi dao của người thái khéo cũng bộc lộ một nét tinh tế của tâm hồn: trong bát nước riêu thấy miếng nõn chuối như mảnh trăng non sa vào.

Trong "Thú ăn chơi người Hà Nội", Băng Sơn luôn luôn cho ta thấy nồng đượm tình người. Ngòi bút của anh vốn là ngòi bút thơ dễ rung cảm trước tình người nên những trang văn xuôi của anh thường có chất thơ. Tình người trong món cốm đầu mùa do bàn tay người vợ mua về cho chồng, tình người trong chiếc bánh dầy mẹ mua về cho con. Anh thường gợi lên những phong vị, những khung cảnh, những không khí, những thời tiết, những kỷ niệm làm ta qua một món ăn, thêm

yêu, thêm nhớ Hà Nội, nhớ những miền quê. Chỉ những tên đất, nơi chế ra các món ăn cũng đủ làm ta gắn bó bao nhiêu: bún Phú Đô, ngẩu pín phố Huế, tái sách sau rạp Chuông Vàng, ốc luộc phố Nhà Chung...

Đọc chương "Nhịp quả đầu mùa" của Băng Sơn, tôi chợt nhớ đến câu thơ một thời của anh Nguyễn Xuân Sanh: "Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà"... mà tôi rất thích. Chính là cái nhịp quả của mùa mà Băng Sơn nói hôm nay. Nơi cái đáy đĩa kia, mỗi mùa lại xuất hiện một quả mới, cái nhịp đi của quả ấy là nhịp của thời gian, cũng là nhịp đi của sông biển, nhịp đi của vũ trụ đó mà. Cũng cái nhịp đi ấy của các loài hoa thì tôi biết rằng những người nuôi ong lại gọi bằng thuật ngữ: Bước đi hoa rất nên thơ. Đó là sự xuất hiện của các loài hoa theo mùa mà con ong chào đón. Băng Sơn cũng nói đến hai từ Thời Trân. Thời Trân nói nôm na là mùa nào thứ ấy. Các cụ ta ngày xưa mời nhau ăn: Mời các cụ thời cơm. Thời tức là dùng bữa, dùng món đúng lúc, mà có đúng lúc mới ngon, mới dễ tiêu mới vệ sinh. Cho nên nhiều món ăn dân tộc còn mang một nét văn hóa cao ở chỗ tính khoa học của nó nữa: ăn đúng lúc, hợp thời tiết hợp khí hậu và cứ xem thành phần phức tạp của món mắm chẳng hạn, nào là thịt ba chỉ, nào là chuối xanh, nào khế, nào là lá mơ tam thể, nào gừng... cũng đủ thấy nó vừa thanh lịch, vừa hợp vệ sinh thế nào rồi.

Về các thú chơi, Băng Sơn cũng cho ta thấy rõ tính thẩm mỹ và tình người. Bởi lẽ, đó chính là tấm lòng của nhà văn đối với Hà Nội.

Ngô Quân Miện (Nhà thơ)

Biển và ngõ

Đến gặp Băng Sơn phải đi qua sau phố Lê Văn Hưu. Đó là một cái ngõ sâu thuộc phố Ngô Thì Nhậm,. quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đi qua ngõ, vào một cái cổng gỗ, qua sân rồi lại qua một căn nhà khác để lên cái gác nhỏ ở tầng 3. Với một diện tích vừa đủ cho anh chị ở, nhưng đâu phải chỉ có anh chị mà còn có con trai, con gái, cháu nội cháu ngoại cùng ở chật hẹp với cha mẹ ông bà. Nhà hẹp nhưng tấm lòng của Băng Sơn đối với bạn bè lại rộng như biển bao la.

"Biển" ở đây - nói một cách khái quát không phải là vật chất mà là tình người. Bất cứ ai đến thăm gia đình anh đều nhận được sự chào đón cởi mở, thân tình và nụ cười sảng khoái của anh, một nhà văn nghèo nhưng lại rất giàu tình cảm. Không hút thuốc nhưng vẫn có thể tiếp bạn. Không uống chè nhưng vẫn có nước lọc "cay"... nhưng những cái đó vẫn không thu hút bằng Tâm của anh đối với bạn bè, Tâm của anh đối với cuộc sống đời thường và trong sáng tác.

Từ thời học sinh tú tài, lớn lên và trưởng thành tại Hà Nội đã từng làm nhiều công việc khác nhau, nhưng anh lại rất say mê làm thơ và viết kịch thơ về thiên nhiên và con người Việt Nam. Anh cũng đã dành nhiều thời gian viết cho các cháu

thiếu nhi nhiều đề tài mang tính cổ tích dân gian có tác dụng giáo dục yêu thiên nhiên đất nước, lấy cái thiện thắng cái ác... và ngoài ra anh còn thể hiện sự am hiểu của mình về Hà Nội bằng một loạt các bài viết về các món ăn, những đường phố cổ xưa của thủ đô ngàn năm văn vật, mà khi đọc xong, người đọc có cảm giác rằng mình vừa được nếm một món ăn thật thơm ngon tinh khiết.

Riêng về thơ và kịch bản thơ của anh không phải đâu xa mà chính là đề tài về Hà Nội. Từ cái riêng anh đi vào cái chung nhất, ai đọc, ai xem cũng thấy mình là người Hà Nội. Anh có thói quen đi "lang thang" trên đường phố, lúc một mình, lúc hai ông cháu đi dạo xe và từ đó, những hàng cây cao phố Lò Đúc, những cây hoa sữa phố Nguyễn Du, cây liễu Bách Thảo... của anh đã đi vào thơ và trở thành kỷ niệm của biết bao đôi trai gái lúc yêu nhau.

Thơ và kịch thơ của anh sáng tác đều mang tính giản dị, trong sáng, không khoa trương, nhưng bay bổng, nhân vật của anh đều tập trung vào cuộc sống thường ngày: Một bác sĩ khoa nhi cứu bệnh nhân như cứu đứa con của mình, biết hy sinh riêng tư để mầm non được sống... Đó chính là tình yêu, hạnh phúc trong vở kịch thơ "Vào Xuân". Bên cạnh đó là những nghề làm đẹp cho đời như trồng hoa xén cỏ, quét rác... tưởng như tầm thường nhưng lại trở nên hết sức đáng tôn trọng trước những việc làm vô ý thức ở nơi công cộng như vứt rác ra đường, bẻ hoa, giẫm lên thảm cỏ của những con người được coi là lịch sự, văn minh. Đó là chủ đề chính của anh.

Các vở "Sắc lá màu hoa", "Đời chỉ có một lần", "Thánh dạy", "Làm thế nào?", "Phiên tòa", "Chứng minh thư màu đỏ"... đều mang tính phê phán thói hư tật xấu, mê tín dị

đoan, lười biếng lao động, tạo nên sự mất trật tự, an ninh xã hội. Sự phê phán của anh nhẹ nhàng như người biết lỗi nói nhỏ thì sửa ngay. Có tật thì giật mình. Cái cười nhẹ nhàng nhưng sâu xa, có khi còn rơi nước mắt.

Đặc biệt là Băng Sơn viết về biển có phần nhiều hơn. Thơ và kịch thơ về đề tài này làm anh say mê hơn có lẽ vì đã có một thời kỳ anh làm phóng viên báo Thủy sản trung ương, nên anh có điều kiện đi biển nhiều lần, và chính những dịp sống mênh mông sông nước, biển cả bao la của những thủy thủ, ngư dân trước sóng to gió lớn, bão biển và bão lòng con người quyện với nhau làm anh suy nghĩ và sáng tác về biển.

Đọc thơ và kịch bản thơ của anh thì thấy con người và biển cả luôn luôn vật lộn với nhau giữa cái sống và cái chết, nhưng rồi sóng yên biển lặng, mặt trời lại ló ra, rồi hoàng hôn buông xuống, trăng sao tỏa lên và lúc đó thì con người lại thấy yêu đời, yêu quê hương và thấy nhớ người thân da diết, thể hiện tâm trạng của người thủy thủ, ngư dân trong vở "Tung tăng sóng nước", "Chân trời mới", đặc biệt với vở kịch thơ dài 7 cảnh của anh, mang tên "Biển gọi"...

Ngoài ra anh còn phóng tác một số truyện nước ngoài ra kịch nói như vở "Quỷ sứ và thiên thần" (theo tiểu thuyết "Những người khốn khổ" của Vích-to Huy-gô), vở "Chuyện từ hành lang đức Chúa" (chuyển từ tiểu thuyết "Ngài Tổng thống" của Axtariát, vở "Rượu tình" (chuyển từ câu chuyện cổ "Tristant và Yseul") v.v...

Tôi gặp anh ở nhà, bao giờ cũng được đón bằng một nụ cười cởi mở nhưng khi nói chuyện tâm sự, anh thoáng buồn và buồn thực sự. Nỗi băn khoăn của anh là nỗi trăn trở của người cầm bút sáng tác kịch thơ.

Ngoài các bộ môn kịch nói, tuồng chèo, cải lương, ca múa nhạc v.v... thì chỉ duy có kịch thơ là bị lãng quên, không đoàn nào dàn dựng. Bán vở không ai mua. Anh mơ ước như năm nào trước đây đoàn kịch nói Hà Nội đã dựng vở "Lam sơn tụ nghĩa" của Nguyễn Xuân Trâm, do đạo diễn Trần Huyền Trân dàn dựng. Rồi đến câu lạc bộ thể nghiệm của Bộ Văn hóa đỡ đầu thành lập, dựng vở "Mỵ Châu - Trọng Thủy" của Lộng Chương và Trần Lê Văn, vở "Yết Kiêu" của Băng Sơn và Hoài Việt do Lộng Chương đạo diễn, cùng với một số nghệ sĩ tài tử tham gia, và thu thanh, phát trên sóng Đài tiếng nói Việt Nam nhiều lần, cùng với vở kịch thơ trữ tình "Vào Xuân" của anh, do đạo diễn Mạnh Quý dàn dựng, vở kịch đã được giải thưởng về kịch bản của Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, và vở diễn đã được huy chương vàng hội diễn Thủ Đô. Đó là riêng anh. Nhưng đâu phải một mình anh, mà còn bao nhiêu anh chị em sáng tác kịch bản kịch thơ, nào có đơn vị nào sử dụng. Mời chào dàn dựng nhưng cũng chẳng ai ngó đến, cho nên cần phải hồi phục lại bộ môn sân khấu kịch thơ...

Mặc dù chỉ thể nghiệm nhưng cũng nên để bộ môn sân khấu kịch thơ tồn tại giữa Thủ Đô vì nó có khán giả của nó. Nếu bị lãng quên, mai một, rồi thời gian qua đi thì những người sáng tác kịch thơ, biểu diễn và dàn dựng kịch thơ thì có khác nào "Biển và ngõ".

Đó là những lời tâm sự trước khi chia tay tôi của Băng Sơn.

Tháng 7- 1994

Mạnh Quý (Đạo diễn sân khấu)

Nhiều "Nhà" trong một Nhà: Băng Sơn

Biết nhiều quá về một người nào, muốn dựng lên chân dung người ấy cũng khó như biết chưa đủ, nhắm mắt lại, thấy hiện lên rõ mồn một cả cuộc đời người đó trên nửa thế kỷ với mọi thăng trầm, tính khí, lời ăn tiếng nói, sở trường sở đoản, ngóc ngách tâm tư... Biết để cho riêng mình, thì khỏi nói, để cho độc giả cùng biết thì bắt đầu từ đâu nhỉ? Nhất là người đó lại là Băng Sơn. Thà tôi chỉ biết một mặt: Băng Sơn nhà thơ, Băng Sơn nhà chơi đào thế, Băng Sơn, nhà... ăn chơi học (bởi anh có cuốn Thú ăn chơi người Hà Nội).

Nhưng nhà nào thì cũng phải bắt đầu từ tuổi trẻ, nơi chúng tôi quen nhau.

Năm 1952 trong vùng tạm chiếm, Băng Sơn là chàng trai Hà Nội hào hoa 20 tuổi, anh đang học thi Tú tài phần 1 ở một trường tư thục... lúc đó anh đã có thơ in trên nhiều báo. Anh lại có giọng ngâm thơ sang sảng, từng đóng vai chính trong kịch thơ *Con tôi về giữa mùa xuân* (kịch bản của Giang Quân) trên sân khấu Nhà hát lớn thành phố.

Có một nhóm sáng tác học sinh thời ấy, có cái tên học sinh là Hoa Phượng. Nhóm cũng có khuynh hướng hẳn hoi. Đó là

viết những bài thơ, mẩu chuyện trong sáng, lành mạnh. Người luôn luôn "vượt rào" là Băng Sơn. Anh có một cuộc sống không biết chừng mực là gì. Căn gác nhỏ phố Cầu Gỗ đêm nào cũng đèn chong thâu đêm. Hàng xóm cứ khen "cậu giáo" chăm học (anh còn gõ đầu trẻ để kiếm sống ở một lớp cấp một ngõ Hàng Hành). Nhưng suốt đêm cậu chỉ làm thơ, và viết nhật ký. Nhiều hôm tôi đến đánh thức cậu dậy để đi ăn sáng, trên bàn, ngoài nhật ký là ngổn ngang hàng chục tờ giấy viết đặc chữ, vừa thơ, vừa ...tên người yêu loằng ngoằng như vẽ bùa. Thơ Băng Sơn hồi ấy thường là những dòng thơ tình yêu say đắm, điên mê và ma quái. Tôi có cảm giác ngòi bút của anh như con ngựa bất kham cứ lồng lên hết trang giấy này đến trang giấy khác. Trong nhóm, anh được coi là có giọng thơ tài hoa, nhiều câu hay chữ lạ.

Sức khỏe của anh không thể không ảnh hưởng đến cách nghĩ cách viết. Nhiều chặng đời, anh như ngọn đèn trước gió, không biết tắt lúc nào. Thời gian anh bị lao hạch, tối nào tôi cũng "dong" anh vào ngõ Liên Trì chữa bệnh. Đó là một gia đình có hai chị em gái. Cô em cũng làm thơ trong nhóm Hoa Phượng, cô chị có đôi mắt mông mênh trong sáng và có tiếng nói nhanh như... súng liên thanh. Băng Sơn mê cả hai đặc điểm này. Số giấy mực dành cho thơ tình yêu với nhân vật này có lẽ không kém số lá thuốc mấy mẹ con sắc hàng ngày cho thi sĩ khỏi bệnh.

Khỏi lao hạch anh lại bị lao phổi. Sự cảnh báo của bệnh không làm anh sinh hoạt điều độ hơn.

Sống hoàn toàn cảm tính, anh yêu Mai Phương một ca sĩ mà sắc đẹp và tính tình hiền hậu hấp dẫn thi sĩ hơn cả là giọng ca. Và kết hôn trong tình trạng cả hai đều không có

công ăn việc làm gì. Sự chọn lựa cảm tính (nếu có thể gọi là chọn lựa) nhiều khi mang lại hạnh phúc còn cao hơn sự cân nhắc lý tính kỹ càng làm ta chỉ có thể lý giải bằng quan niệm duyên số. Mai Phương hồn hậu cứ lên chức dần, từ người yêu, người vợ, người chị... rồi có lúc tôi cảm thấy bà săn sóc độ lượng với chồng và các bạn chồng cư ngụ từng thời gian ở nhà bà với tấm lòng người mẹ. Chưa ai thấy bà phải nói to hay giận dữ điều gì.

Khu nhà thờ đạo Tin Lành cạnh Nhà hát lớn Hà Nội dạo đó trở thành trụ sở của ban kịch - nhạc Tháng Mười. Không hiểu sao vợ chồng Băng Sơn cũng chiếm được căn buồng nhỏ. Mấy chiếc ghế băng xếp lại, trải chiếu lên đã thành chiếc giường nghiêm chỉnh. Hai vợ chồng nuôi một con chó nhỏ. Có bữa ăn chỉ có một miếng giò. Trước con mắt thèm thuồng của chú cún, hai vợ chồng dành nhường. Cơm rưới tí nước mắm, cũng xong. Đó là những ngày rục rịch tiếp quản Thủ Đô, một số văn nghệ sĩ tụ tập lại thành ban kịch - nhạc. Phương châm cũng... lấy ngắn nuôi dài, có nghĩa là tốp ca nhạc đi hát ở các rạp xi nê trước giờ chiếu phim để nuôi đoàn kịch ăn tập. Cũng là nói cho sang. Thực ra đoàn kịch dựa vào mấy ông chủ xe khách hảo tâm, cũng muốn góp công, góp của vào một vở kịch yêu nước, hướng về kháng chiến. Băng Sơn đóng vai chính trong vở kịch. Mai Phương đi hát, còn tôi tham gia tốp nhạc đệm. đến bữa ăn, thổi một nồi cơm lớn, cả đoàn quây vào, thức ăn có gì ăn nấy.

Rồi những buổi biểu diễn mừng giải phóng Thủ Đô. Hiệu quả các buổi biểu diễn là... thắng lợi tinh thần. Về vật chất, tôi nhớ đoàn kịch còn nợ 25 vạn tiền thuế du hí. Gặp những khó khăn vật chất đoàn kịch Tháng Mười tan rã như đám mây gặp cơn gió mạnh. Cơ quan thuế không biết đòi ai, rồi cũng

thôi. Còn một chút vang bóng: Lê Quang Kha và tôi về mở hiệu sách Tháng Mười ở phố Huế (số nhà 72 - BS. chú thích) cùng với vợ chồng Băng Sơn, dựa vào nhau lần hồi mà sống.

Sau những ngày diễn kịch, bệnh tình Băng Sơn càng trầm trọng, anh ho ra từng búng máu, có lúc bị nghẹt, không nói được. Chúng tôi chạy ăn từng bữa, tiền đâu mà thuốc thang. Nhưng trước tính mạng Băng Sơn bị lâm nguy từng giờ, chúng tôi bàn đưa anh vào bệnh viện tư sang nhất bấy giờ là bệnh viện Đặng Vũ Lạc, hy vọng ở nơi này có đủ thầy thuốc giỏi và thuốc quý, Băng Sơn sẽ được cứu thoát, tiền sẽ lo sau vậy.

Sau mấy tháng điều trị, bệnh anh thuyên giảm. Khi xuất viện, chúng tôi phải ký giấy nợ 50 vạn đồng. May thay, bệnh viện đang lúc chuyển giao sang Nhà nước quản lý. Người cán bộ quản lý mấy lần cắp cặp đến nhà Băng Sơn đòi nợ. Anh ta nhìn quanh gian phòng, không có một cái giường cho ra hồn, chán ngán bỏ đi và không quay lại nữa. Nhúc nhắc được vài tháng, Băng Sơn lại vào Đoàn kịch nói Nhân dân trung ương. Căn bệnh phổi không còn là nan y với người giầu, vẫn đeo đuổi anh, khiến anh phải hoàn toàn rời bỏ sân khấu, vào điều trị ở bệnh viện A.

Về thơ, thời gian sau ngày giải phóng Thủ Đô, anh là một cây bút thơ được chú ý cùng với Ngô Văn Phú, Bùi Minh Quốc, Trần Nhật Lam... Chuyển sang cách viết hiện thực, anh gây được xôn xao bên lề cuộc thi thơ của tạp chí Văn Nghệ 1961 bằng trường ca: “Cuộc đời một thị trấn”, viết về Cẩm Giàng quê hương anh, ban giám khảo người thì muốn tặng giải cao, người lại muốn đưa anh ra “đánh đòn”, bởi trong trường ca, bên cạnh những chi tiết, chữ nghĩa sắc sảo, anh còn có cách nhìn trào lộng về những cảnh đời mà người

phản bác cho rằng đáng phải thương cảm. Thời kỳ này anh có bài thơ *Tiếng nước Hưng Yên* được bạn bè khen (in trong tập "Rạng nắng", NXB Thanh Niên - 1962) sau được chọn vào Tuyển tập thơ Việt Nam hiện đại (I) - NXB Hội nhà văn 1993 như để ghi nhận có một giai đoạn anh là cậy bút chủ lực của làng thơ. Dường như cách viết phản ánh hiện thực thời chống Mỹ không hợp với thể trạng thơ của anh nên anh viết kịch thơ nhiều hơn. Mãi đến 1984 anh mới in chung tập thơ với Nguyễn Xuân Thâm và Lữ Giang (*Nắng bên sông* - NXB Tác phẩm mới).

Thơ anh thiên về ảo hơn là thực, thiên về cảm nhận cái trừu tượng hơn cái cụ thể. Khi đổi mới văn học, dạng thơ đúng thể tạng anh mới được ra mắt (*Thơ hai người* - NXB Văn hóa 1992), những câu thơ mang màu sắc Liêu Trai:

Đèn lay nghe gió chuyển mình
Tiếng ma loạt xoạt gọi tình ngoài cây
Nửa đêm là phút đầu ngày
Lá rừng sương lạnh người gầy cùng đêm...

(Nửa đêm chợt tỉnh)

Đó vẫn là bút pháp của anh từ những năm 1952 - 1953 qua thời gian được tinh luyện thêm. Lúc xã hội chưa thừa nhận, chúng sống trong nhật ký của tác giả, lúc được "mở cửa" chúng ùa ra góp với đời một tiếng thơ lạ mà quen, quen mà lạ. Hằng đêm anh trò chuyện với Bồ Tùng Linh trong sự tĩnh lặng đến gai người, nhất là những đêm mất điện, leo lét một ngọn nến:

Nửa đêm thắp nến gọi ma về...

Cái bút pháp ấy như một vật để lâu ngày ở nơi ám chướng, đã thành "tinh".

Hiểu một câu thơ có khi phải hiểu một đời người. Trước khi tiếp xúc văn học cách mạng, Băng Sơn trong những ngày bệnh tật thập tử nhất sinh, đã ngụp lặn trong văn Liêu Trai, thơ Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên (thuở "Điệu tàn")... những:

Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt (H.M.T)

Bóng ma Hời sờ soạng dắt nhau đi...(C.L.V)

Băng Sơn không quan tâm đến sự phân loại của các nhà học thuật, anh chỉ viết theo dẫn dắt của tâm linh:

Em đã thành không, sao cứ về gõ cửa

Căn hồn xưa...

Hồ ly tinh không phải là linh hồn ngoại nhập, khi "đắc đạo", anh nhận ra chính mình là hồ ly tinh tự ăn xương tuỷ mình mà sống. Mà xét cho cùng, nhà văn nhà thơ nào có chút tâm huyết chẳng tự ăn mòn mình như một ngọn nến. Chỉ có điều trước khi tàn lụi, nó đã giúp cho đời một chút lung linh. Anh có những cảm nhận khá độc đáo:

Con trâu nhai thời gian nuốt vào uất hận

Để sớm mai kéo trái đất oằn sừng

Anh nhai em nhức hồn toàn cát sạn

Hiểu ra thì tóc phếch nỗi mùa đông...

(Thời gian)

Sau những năm chống Mỹ, công tác tại Hải Phòng, tôi lại trở về Hà Nội, tình cờ, làm việc chung với Băng Sơn trong tòa soạn báo Độc Lập. Lúc này anh là biên tập viên, phó Ban

Chính trị. Tôi cứ đùa: "Người vô chính trị nhất là ông mà lại ở Ban Chính trị thì còn gì là chính trị". Trên thực tế anh đã là cây bút sắc sảo trong những bài viết về quốc hội, tòa án, chân dung nhân sĩ trí thức... Không ngờ thời gian này anh lại nhen lên một sở trường khác, để về sau anh có chỗ đứng vững vàng hơn, ngoài thơ.

Đầu tiên chỉ là những mảng văn xuôi viết cho thiếu nhi, không có cốt chuyện: Một Mùa hoa sấu, một cái tết làng... Anh viết về Vườn ông Ngoại, về Hoa tóc tiên... ở mỗi mảng văn, anh đều phả vào đó tâm hồn thơ của anh và những kỷ niệm tuổi thơ.

"... *Rồi thế nào tôi cũng phải về thăm như một lời hẹn với người bạn thân xa nhau lâu ngày. Nhưng còn người bạn gái bé nhỏ thời ấy, không biết bây giờ bạn ở đâu, bạn cũ ơi...*"

(Hoa Tầm Xuân)

"... *Lá tre còn thưa thớt, thành ra nhìn qua cành tre, ta thấy cả bầu trời, thấy rất rõ mây bay, thấy cả gió thổi nữa trong làn mây bay ấy, trong cái đung đưa của vọt tre ấy...*"

(Măng)

Có thể nói anh đã chắt lọc cái phần hồn trong sáng nhất dành cho các em.

Có hôm anh khoe: Tớ đã có 600 mẩu như vậy. Tôi đùa: Nếu gắn cả 600 mẩu ấy lên người, thì ông sẽ thành cái dầm chân dê của một công trường.

Rồi ... anh viết về các món ăn, các thú chơi dân tộc. Rồi... anh viết về những hiểu biết ngóc ngách về Hà Nội. Đối tượng độc giả chuyển dần sang người lớn.

Đọc những bài giới thiệu về ngõ, phố Hà Nội xưa, tôi thấy thấp thoáng hiện ra một Băng Sơn trẻ trung mặc sơ mi trắng ngắn tay, thắt cà vạt cùng màu với cái quần tropical, đến rủ tôi đi ăn thịt bò khô để làm chết lưỡi trước khi uống cà phê cho ngon. Trong khi tôi mải đi tìm những phương trời lạ thì anh cứ trụ lại "đào xới" Hà Nội, khai thác Hà Nội đến kiệt cùng để chỉ trong một "mẩu" văn thôi đã đem lại cho người đọc bao nhiêu hiểu biết về những điều lý thú. Trong "Dáng tiên Tố Tịch" anh giải thích Tố Tịch là chiếu trắng, xưa ở đây có cái thôn chuyên dệt chiếu hoặc giặt chiếu, hồ chiếu cho chiếu có màu trắng ngà. Từ đó, anh nói đến hồ Hàng Đào kề sát, xưa còn gọi là hồ Thái Cực, dẫn vào hồ Gươm qua một con ngòi, có chiếc cầu gỗ bắc qua, nay là phố Cầu Gỗ, Tố Tịch có nghề tiện gỗ, phố chỉ dài 96 mét, nay thành cái chợ hàng quà.

Khi hồn thơ thức dậy, anh viết "Nỗi tím", mảng văn bàn về màu tím với những sắc độ buồn. Tím sẫm là buồn sâu nặng, tím hoa cà là buồn man mác bâng khuâng. Còn cái màu tím Huế khiến ta "không đa tình cũng có thể trở thành thi sĩ"...

Nếu không phải nhà thơ, đâu có được những câu văn này:

"*... Cổ sơ đến cả ngọn cỏ rêu tường, giàn nho hoang dã, ngõ Tràng An như một người già ký tên mình vào lặng im tịch mịch...*".

(Ngõ Hà Nội)

Bàn về ăn uống, anh tinh sành không kém Thạch Lam:

"*... Đang đói mà mất hứng, mà phí công đi xa, ăn không thấy ngon nữa vì cháo gà, hỏi đến hạt tiêu, ông hàng cháo bảo không có, chỉ có tương ớt. Cháo mà ăn với tương ớt thì như thịt gà chấm nước cáy vậy...*".

(Tản mạn về ăn)

Những mảng văn ấy từ 20 năm qua, ai cũng ngỡ chỉ có thể đăng báo. Chúng chưa được chính thức thành một thể loại để có thể in thành sách như truyện ngắn, bút ký, tuỳ bút... chúng chỉ là những mảng văn.

Thế nhưng... "Trái đất vốn không có đường, người đi thì thành đường" (Lỗ Tấn), phải đợi đến 20 năm, nhà tản văn này mới được công nhận bằng 3 cuốn xuất bản liên tiếp trong vòng nửa năm:

Ngàn màu hoa 132 trang NXB Phụ Nữ, 1 - 1993

Hương sắc bốn mùa 192 trang, NXB Phụ Nữ, 4 - 1993

Thú ăn chơi người Hà Nội 270 trang, NXB Văn Hóa, 7-1993

Vài cuốn nữa, sẽ in tiếp trong năm nay. Con kiến Băng Sơn chuyên tha từng hạt gạo, nay đã đầy tổ. Viết nhiều như vậy, anh phải đem rải ở các báo. Có bạn đùa: "Tìm ra tờ báo Tết nào không có bài của Băng Sơn là một chuyện lạ...". Bởi Tết cũng là dịp người ta bàn về ăn uống, các thú chơi thanh lịch, ôn lại chuyện xưa 36 phố phường.

Bác T. chuyên bán hoa đào thế ở chợ Hàng Lược từ xa đã nhận ra được Băng Sơn với cái dáng lưng khòng khòng, mái tóc hoa râm xòa kín cổ, chiếc áo măng tô san tàng tàng, người khi gặp bác lần đầu đã vờ vĩnh chê một cành đào thế độc đáo của bác: "... Cái cành đào cong queo này, thì bán cho ma à?"

Sau bác mới biết đó là một "con ma" tinh sành, còn định tranh cả nghề bán đào thế của bác bằng một công ty bán đào thế để thơ cho dân chịu chơi Hà Nội ...

Viết về anh đã nhiều mà chưa hết, tôi còn nợ anh khoản này nhà chơi đào thế ạ.

Vân Long (Nhà thơ)

Hội thảo: Tuỳ bút của Băng Sơn về Hà Nội

(Tổ chức ngày 23 - 4 - 1996 tại Thư viện Hà Nội)

Hôm nay chúng ta có mặt đông đủ ở đây, đông đến mức kín cả phòng đọc rộng thoáng vừa được cải tạo và nâng cấp của Thư viện Hà Nội như thế này - để làm một việc hữu ích cho văn học Hà Nội, đó là cuộc hội thảo về văn phẩm của tác giả Băng Sơn viết về Hà Nội.

Được viết về Hà Nội, viết về vùng đất có một chiều dày thời gian 1.000 năm đế đô, có thể gọi là một niềm hạnh phúc. Hãy làm một cuộc đi bộ vòng quanh Hà Nội, đến bất cứ nơi đâu, mắt ta cũng được chiêm ngưỡng những di tích lịch sử và văn hóa nằm rải rác khắp các phố phường, tai ta được nghe những truyền thuyết, dã sử, huyền thoại lẫn hiện thực, đan xen vào nhau, làm nổi tầng tầng lớp lớp sắc màu lung linh của cuộc sống Hà Nội. Trong đó, con người Hà Nội, với cách ăn, cách mặc, cách chơi bời giải trí, cùng với sự lao động cần cù và tài hoa, đã tạo nên một dáng vẻ riêng. Một vẻ dáng chỉ Hà Nội mới có, không lẫn với bất cứ đâu đâu. Từ xưa tới nay đã tốn biết bao nhiêu mực, đã cùn bao nhiêu bút của các tao nhân mặc khách viết về Hà Nội, về con người Hà Nội.

Tác giả Băng Sơn phải được gọi là một người Hà Nội. Anh sinh ra ở Cẩm Giàng - Hải Dương, nhưng học hành và lớn lên ở mảnh đất Hà Nội. Mấy năm nay anh lần lượt cho ra mắt nhiều văn phẩm viết về Hà Nội. Gần 10 đầu sách, trong đó có 2 tập thơ.

Những lao động nghiêm túc bao giờ cũng gây được sự kính nể. Chúng tôi nghĩ rằng, khỏi cần phải chờ đến đời sau, khỏi cần phải tam bách dư niên hậu. Tiếng đàn anh Băng Sơn cất lên đã gặp tri âm tri kỷ.

Hôm nay chúng ta hội họp ở đây có những khuôn mặt các văn nghệ sĩ quen thuộc của Hà Nội như: nhà thơ Trần Lê Văn, nhà thơ Ngô Quân Miện, nhà văn Hoàng Quốc Hải, nhà thơ Thành Hào, nhà thơ Vân Long, nhà thơ Nguyễn Hà, họa sĩ kiêm nhà thơ Đỗ Thịnh, kỹ sư kiêm nhà thơ Doãn Trang, nhà báo kiêm nhà văn Nguyễn Kế Nghiệp v.v... cùng đông đảo bạn đọc quen thuộc của thư viện Hà Nội. Với những khuôn mặt như thế, có thể nói một cách khiêm tốn là thay mặt không hổ thẹn cho văn học Hà Nội, để bình giá một cách công bằng và học thuật những tác phẩm văn chương của bạn hữu mình: nhằm rút kinh nghiệm cho công việc sáng tác của mỗi người, cũng nhằm việc khích lệ nhau kịp thời và đúng độ. Một cái hích nhẹ sau lưng đúng đà đúng nhịp, có thể tiếp sức cho nhau bay cao bay xa hơn rất nhiều trong công việc sáng tác vốn âm thầm và đơn chiếc xưa nay.

Có được cuộc hội thảo hôm nay, lời cảm ơn thứ nhất của ban tổ chức là dành cho sự nhiệt tình của các nhà văn nhà thơ đối với văn học Hà Nội nói chung, đối với tác giả Băng Sơn nói riêng. Vì một lẽ giản dị là, tất cả các bản tham luận của các diễn giả sẽ đọc sau đây, đều không ai lấy tiền thù lao. Tất cả

đều vì học thuật và lòng yêu mến tác giả mà tự nguyện đóng góp phần mình.

Lời cảm ơn thứ hai là dành cho thư viện Hà Nội. Thư viện là nơi giao tiếp để độc giả Hà Nội hiểu biết thêm tác phẩm và tác giả. Thư viện Hà Nội còn làm công việc khích lệ cổ vũ các trước tác viết về Hà Nội, và có thể nói, đã thật sự góp phần tạo nên diện mạo văn học Hà Nội. Lấy ngay một ví dụ hiển hiện để chứng minh. Nếu không có thư viện đứng ra giúp đỡ, thì chúng ta không thể tổ chức được cuộc hội thảo hôm nay ở đây.

Lời cảm ơn thứ ba là dành cho tất cả những bạn đọc vô cùng kính mến của các nhà văn, nhà thơ, vì lòng yêu văn học và quý mến những người làm văn học, đã đến tham dự đông đủ như thế này. Thật vô cùng cảm kích đối với người sáng tác. Tôi đề nghị chúng ta làm một tràng pháo tay tỏ lòng biết ơn (Vỗ tay kéo dài...)

Hoàng Tiến (Nhà văn)

Băng Sơn từ "Ngàn mùa hoa" qua "Hương sắc bốn mùa" đến "Nước Việt hồn tôi"

Trước, tôi cứ nghĩ Băng Sơn là một nhà thơ. Đúng vậy.

Nhưng đầu năm 1993, tôi đọc "Ngàn mùa hoa" mới sững sờ nhận ra anh có sở trường văn xuôi nữa.

Tôi đọc một mạch tập sách anh tặng, và không ghìm được cảm xúc, tôi đã viết bài giới thiệu cuốn sách đó. Tôi kết thúc bài viết ngắn ấy với vài lời như sau: "*Ngàn mùa hoa là một nhắc nhở kín đáo của Băng Sơn với việc bảo tồn nền văn hóa dân tộc, và làm phong phú tâm hồn cho lớp lớp các em thơ...*"

Và liên tiếp trong mấy năm liền, anh cho ra thêm hai tập thơ nữa: "Hương sắc bốn mùa" và "Nước Việt hồn tôi".

Điều lạ lùng là cả ba cuốn sách anh in ở Nhà xuất bản Phụ Nữ. Chẳng biết anh có duyên gì với nhà xuất bản này, hay là nhà xuất bản này chỉ chuyên in các loại sách có ích,

nên họ đã tìm đến anh. Nếu đúng như vậy thì quả là tri âm tri kỷ. Đương nhiên. Băng Sơn đã in tới gần chục cuốn sách, nhưng tôi chỉ mới nói tới ba cuốn tôi có trong tay.

Đọc suốt ba tập sách, tôi thấy anh thuộc về lớp các nhà văn phong tục sau Thạch Lam, Vũ Bằng.

Với lối văn kể chuyện dí dỏm, đôi khi tự sự hoặc miêu tả anh dựng lại đủ mọi khía cạnh trong đời sống vật chất, tinh thần của dân tộc ta tiếp nối từ ngàn xưa tới nay. Các chuyện anh viết đều rất ngắn, rất giản dị như cuộc sống Việt Nam bình dị. Từ "Cánh bèo", từ "Đò dọc", "Đò ngang", "Món dưa cà" đến "Nỗi tím", "Hương cố nhân", từ "Cơm nguội", "Mâm cỗ tết", đến "Đêm ca trù", "Hoa Hà Nội", "Bến ngự... Hồn ca", từ "Tranh Tết", "Mẹ chồng nàng dâu" đến "Thời gian" và "Mùa xuân lễ hội", v.v... và v.v...

Không phải Băng Sơn chỉ miêu tả phong tục lạnh lùng như một bức ảnh chụp hoặc một đoạn phim quay, mà anh phả hồn mình vào chuyện làm cho nó lung linh phát sáng. Cứ như thế, anh làm cho người đọc phải yêu thương, phải day dứt và phải có trách nhiệm gìn giữ lấy cái hồn của dân tộc. Cái hồn ấy được lọc chắt ra từ cọng dưa cà, lời ca tiếng hát, nhịp trống, điệu đàn, từ bến bãi, con đò, trái cây, ngọn cỏ... nghĩa là từ cái hữu hình đến cái vô hình của non sông đất nước, qua ngòi bút anh khiến ta yêu đến nao lòng. Dường như tất cả những cái đó làm nên hình ảnh nước non này, đó là Tổ quốc ta, và để mất đi là ta có tội.

Đọc "Đêm ca trù" ta liên tưởng đến một bài thơ văn xuôi vang lên tiếng sênh phách. Tiếng phách anh tả như xiết vào hồn tôi, làm trỗi dậy trong tôi bao kỷ niệm tuổi thơ. Anh không chỉ miêu tả mà còn tỏ ra một người thưởng thức sành điệu. Hãy nghe anh thức dậy lòng mình bằng đoạn văn đặc

sánh chất thơ: "*Ta ngồi một mình trong đêm xuân nghe từng bước thời gian đang vần chuyển gấp gáp, vội vàng, vừa rón rén khoan thai e lệ, hồi âm lại hồn ta trong tiềm thức trẻ thơ cũng được sống cùng không khí ẩn hiện tài tình như thế...*"

Đọc đoạn văn trên, tôi có cảm giác như anh nghe được cả tiếng mùa xuân, nghe được cả tiếng nhựa cây đang vần chuyển lên đầu cành, tiếng búp non động cựa và cả tiếng vỏ cây nứt rạn, khiến lòng tôi cũng xao xuyến, rạo rực như mùa xuân đang vần chuyển trong huyết quản của tôi.

Nếu như "Đêm ca trù" là khúc dạo đầu của bản giao hưởng trở về nguồn cội, thì bài "Bài làm văn của tôi" là chương kết thúc tài hoa, đã gieo vào lòng tôi một nỗi buồn sâu lắng. Hãy lắng nghe anh về một bi kịch của đứa trẻ nghèo trong một trò chơi vui ngày tết: "*...Tôi có một cái áo dài lương. Có năm mùng hai tết, tôi đánh đáo, mải vui, không hiểu đứa nào giẫm lên vạt sau, tôi chạy vụt, chỉ nghe soạt một cái, thế là không có vạt sau, còn trên mặt đất có miếng vải the đen, trước từng là vạt áo... Nước mắt tiếc áo của tôi có nhẽ không nhiều bằng nước mắt mẹ thương con mẹ. Mẹ không kêu gào, cứ ngồi lặng im mà nước mắt đầm đìa. Bao nhiêu chục năm trôi qua, con vẫn không thể nào quên được những giọt nước mắt ấy của mẹ, mẹ ơi...*"

Còn về người chị, Băng Sơn viết : "*...Mẹ chắc yêu chị lắm. Không hiểu tôi yêu chị nhiều hơn hay mẹ yêu chị nhiều hơn? Thế mà không hiểu sao mấy năm sau chị đi biệt. Từ đó không bao giờ còn ai nghe được tin tức gì về chị. Chị ơi, chị ở phương nào để mẹ thương em nhớ đến thế?*"

Tiếc tôi không có tài cầm bút lông, nếu không thì chỉ cần sắp xếp lại hai đoạn văn trên bằng hình ảnh, ta được bức tranh đẹp và buồn như một khúc hát bi thương.

Đọc đoạn văn này của Băng Sơn, tôi không còn phân biệt đây là chuyện đời thường hay là chuyện của riêng anh, nhưng nó lay động hồn tôi, khiến tôi hồi hồi xúc cảm. Tôi có cảm giác như anh viết cho chính tôi, anh viết về tôi. Bởi tôi cũng trải qua những trò chơi hồn hậu và nghịch ngợm thuở thiếu thời như anh, tôi cũng có bà mẹ, người chị thiên thần và bất hạnh như mẹ và chị của tuổi thơ anh.

Trong bài "Bài làm văn của tôi". Băng Sơn tả lại đủ trò vui buồn, nghịch ngợm trong ngày Tết. Và rồi anh kết: "*... Tết còn nhiều thú vui nữa, nhưng vui bao nhiêu thì ngày đi học sau Tết lại đáng sợ bấy nhiêu. Thế nào thầy giáo cũng cho bài tập làm văn có đầu đề: "Em hãy tả ngày Tết ở gia đình em hoặc ở làng em". Khó quá. Cắn bút mãi mà nó không ra. Hình như phải năm chục năm sau, tôi mới viết xong bài văn ấy. Đó chính là Bài này để tặng các người bạn nhỏ của tôi*".

Đúng thế, Băng Sơn không chỉ đem các con chữ thả trên mặt giấy như một thứ trò chơi, mà anh phải nhào nặn hình hài nó qua mồ hôi, nước mắt và cả sự dằn vặt của tâm hồn và trí tuệ của đời anh. Đó cũng chính là lý do Băng Sơn viết văn xuôi muộn so với thơ anh. Và để viết được những áng văn có hồn, khó lắm thay.

Băng Sơn viết về phong tục, không phải anh chỉ kể lại một cách lành hiền, mà thường anh gửi gắm cả yêu tin hoặc biểu thị sự phẫn nộ. Có người lầm tưởng tất cả những gì xưa cũ đều thuộc về văn hóa truyền thống, thuộc về văn hóa dân tộc, nên đã ngộ nhận xe xích lô là một đặc trưng của văn hóa dân tộc, nên gìn giữ. Chính Băng Sơn đã lên tiếng phản đối gay gắt.

Trong tiến trình Phục Hưng nền văn hóa dân tộc, nhiều người đã gào lên như một thứ mốt thời thượng, nhưng tiếc

thay họ chẳng làm được gì cả. Và họ cũng chẳng biết hình hài nền văn hóa dân tộc như thế nào. Trái lại, Băng Sơn đã lặng lẽ làm việc một cách mải miết như một con ong chuyên cần.

Bữa nay thư viện Hà Nội và bạn bè có nhã ý "Hội thảo tuỳ bút của Băng Sơn" tôi cho đây là một thú chơi tao nhã của người kinh kỳ, của đất ngàn năm văn hiến, xin hãy duy trì như một thông lệ chứ không phải là biệt lệ.

Xin chúc nhà văn Băng Sơn sống thêm khoảng thời gian bằng khoảng thời gian anh đã sống. Và xin anh hãy xiết chặt tay bút đẩy mạnh phần tinh tế của nghệ thuật tuỳ bút lên hơn nữa, cho bõ lòng mong đợi của bạn bè và bạn đọc. Nhất là để đáp đền cái ơn tri kỷ tri âm của chị Phương - người vợ hiền của anh. Tôi tin rằng sự nghiệp văn chương của Băng Sơn, chị Phương tựa như bà Tú Xương vậy. Chúc anh chị hạnh phúc và mãi mãi là niềm hy vọng, niềm tự hào của nhau.

Giảng Võ 22-4-1996

Hoàng Quốc Hải (Nhà văn)

Một cuốn sách cần cho người Hà Nội hôm nay

Có lẽ, xin cho phép khoe rằng: Tôi là một trong chín người bạn đầu tiên, được tác giả tặng cuốn sách này, khi Nhà xuất bản trao 10 cuốn theo chế độ bản quyền, và trong 39 cái tựa đề nội dung cuốn sách thì tôi cũng đã đọc được trước đó - từ khi còn là bản thảo hoặc đã đứng trên các báo, đến hơn ba chục tựa đề. Nhưng đến lúc được cầm cuốn sách trên tay, vẫn không khỏi xúc động, dù đã biết trong ấy tác giả gửi gắm những điều gì... Thực ra những điều tác giả đề cập, không có gì mới, cũng không có gì lạ, có thể trong cuộc sống chúng ta ai cũng biết cả rồi, anh Băng Sơn chỉ làm cái việc nhắc nhở, khơi gợi lại cho người đọc khỏi quên mà thôi.

Một người bạn văn chương của nhiều người có mặt trong chúng ta hôm nay, chộp ngay lấy từ tay tôi ở sân Hội văn nghệ 19 Hàng Buồm, rồi cũng đột ngột như hành động, đưa ra câu hỏi: "Nước Việt hồn tôi - tức tác giả là hồn của nước Việt à ? Có ngạo mạn quá không". Cách lập luận và dùng từ của câu hỏi có vẻ vừa đố kỵ, vừa sai. Song, thực tình câu hỏi ấy có gây cho tôi một sự ngỡ ngàng, một phản ứng ngầm trong tâm lý dẫu tôi im, không trả lời ông bạn văn kia. Nhưng buộc tôi, hôm sau đi công tác Quảng Ninh, tôi phải đem theo, tâm

niệm để đọc lại xem ... những điều tâm sự của tác giả trải ra trong cuốn sách, để cô đúc nên cái tên ở bìa có vấn đề gì ồn ã mà bị coi là ngạo mạn?

Tiếc thay suốt bảy ngày của chuyến đi, tôi không đọc lại được dòng nào. Một ông bạn đồng hành - một người chuyên viết về những vấn đề chính trị ở một tờ báo chính trị nhất của nước ta hiện nay đã mượn xem, rồi giữ rịt lấy, say sưa đọc. Chỉ đến ngày cuối cùng của chuyến đi, trước lúc thu xếp về Hà Nội, anh mới trả lại tôi, với một câu nói thế này:

- "Lâu nay, vì làm việc cho một tờ báo chính trị, động viết lách gì là lại mắc cái bệnh méo mó nghề nghiệp, cứ phải đề cao tính giáo dục, thường thường là thuyết giáo chung chung. Bây giờ, được đọc một cuốn sách thế này mình mới hiểu cái kiểu dạy dỗ "chính trị" của mình là không thấm được ai. Nhưng, cái điều quan trọng hơn, mình rút ra được từ cuốn sách này là...nó rất cần thiết cho đứa con gái của tôi (anh không có con trai). Tôi và vợ tôi đã không phải là người Hà Nội gốc (mà dễ đến 90% người Hà Nội bây giờ là vậy) thế thì dạy dỗ con cái làm sao để chúng hình thành trong tiềm thức và dáng vẻ những nét văn hóa Hà Nội ... trong trang phục, trong ẩm thực, trong giao đãi: nói năng, đi đứng, chơi bời, ứng xử... mà nêu cao được nét đặc trưng thanh lịch của người Hà Nội vốn nó tiêu biểu trong hai câu ca dao:

Chẳng thơm không thể hoa nhài

Không thanh lịch chẳng là người Tràng An

Mà không hiểu do đâu, bấy nay cứ lưu hành hai câu ca dao trái ngược với tinh thần đó:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An

Chuyến này về, tôi phải tìm mua ngay cuốn sách này cho các cháu nó đọc mới được. Còn về phía các anh... những loại sách như thế này sao các anh không tuyên truyền giới thiệu để nhiều người biết mà tìm đọc? Đọc cuốn sách này, nó sẽ thấm vào lòng người ta, rồi một lúc nào đó, cái cách sống thanh lịch của người Hà Nội, tự nó sẽ được khơi gợi trong hành động, chắc chắn hiệu quả sẽ hơn hẳn những quy tắc của mỗi cuộc vận động. Và hẳn là giá trị sẽ lâu bền hơn..."

Tuy nhiên, vì là một trong những bạn thân của tác giả, nếu trước hôm nay, giá tôi làm một cử chỉ tương tự, chắc sẽ có nhiều người bảo "Khoai bò về củ", "Chị hát em khen". Cho nên phải đợi đến hôm nay thư viện Hà Nội khởi xướng việc giới thiệu cuốn sách này, tôi mới dám hưởng ứng và thấy thật cần thiết. Đúng với nghĩa đen của nó, như lời ông nhà báo chính trị mà tôi đã dẫn, nó còn cần thiết hơn, vì dịp này Chính phủ và thành phố đang có bao nhiêu chỉ thị, nào 36 CP, nào 87 CP và biết bao nhiêu cuộc vận động, nào là "Nếp sống văn minh gia đình văn hóa" nào là ...v.v và v.v... Tất nhiên còn nhiều các CP khác và các cuộc vận động khác nữa chưa phát động. Nhưng tựu trung, quyển sách này đã đi trước một bước, đã đề cập đến rồi.

Vậy thì, để và muốn... làm người Hà Nội mà không hổ thẹn với danh xưng, quyển sách này sẽ bổ khuyết cho người ta những điều chưa có đó. Tôi nghĩ tác giả, không những phải hiểu Hà Nội mà còn phải yêu Hà Nội lắm, mới viết nên được những dòng này.

Hà Nội 23-4-1996

Nguyễn Hà (Nhà thơ)

Tình yêu và tấm lòng của người đi tìm cái đẹp

Một thời gian khá dài thể văn tuỳ bút ít xuất hiện trên văn đàn hiện đại. Phải chăng tuỳ bút không chuyển tải nhanh nhậy những sự kiện mới mẻ của thời đại? Đôi khi ta cũng bắt gặp lẻ tẻ trên một vài tờ báo, nhưng xem chừng tuỳ bút không được ưu ái như bút ký, phóng sự. Có lẽ vậy.

Chỉ sau khi đất nước mở cửa, những định kiến về con người nhà văn vì những lý do tế nhị này nọ bớt đi những ấn tượng nặng nề, ta thấy xuất hiện những tác phẩm của những nhà văn tiền chiến, nhà văn bên kia giới tuyến của thời đất nước chia đôi. Dù là con người nhà văn ở đâu, có thể họ mang một ý thức nhất thời khác chúng ta, nhưng tác phẩm họ viết ra "Dù phải thích nghi với hoàn cảnh chính trị như thế nào đây, cuốn sách vẫn bày tỏ rất rõ tâm sự của con người miền Bắc nhớ da diết quê hương ở bên kia giới tuyến..." (trích lời nói đầu của Hoàng Như Mai trong cuốn "Thương nhớ mười hai" của Vũ Bằng). Những tác phẩm ấy được mọi người đón nhận trân trọng, coi đó là những tài sản quý quốc gia. Sau đó trên mặt nhiều tờ báo của Hà Nội và các địa phương, trên trang "Văn nghệ chủ nhật" của Đài phát thanh tiếng nói Việt

Nam, những bài tuỳ bút được in, được phát, được giới thiệu trang trọng trong mục "Ngàn xưa vang vọng", "Cội nguồn đất nước"... Nhưng in thành sách thì vẫn còn là nỗi lo ngại cho những nhà xuất bản với lý do sợ "không bán được".

Trong nền kinh tế thị trường một số nhà xuất bản vì lợi nhuận đã tung ra thị trường những sách "ăn khách" hơn. Cho nên chúng ta cảm ơn Nhà xuất bản Phụ nữ, Nhà xuất bản Văn hóa không những có "con mắt tinh đời", yêu cái đẹp của cội nguồn truyền thống dân tộc mà còn dũng cảm cho ra mắt bạn đọc những tập tuỳ bút của Băng Sơn cho nên ta có thể nói: Cùng với nhà văn, người làm công tác xuất bản cũng có công lao to lớn tìm đến với cái đẹp của văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên người viết về thể loại tuỳ bút không nhiều lắm. Và những tác phẩm đứng được với thể loại này cũng ít ỏi. Nó không dễ in như bút ký, phóng sự. Tuỳ bút không có những nhân vật cố định trong một bài viết, không có sự kiện giật gân và những tình tiết éo le, nên người viết tuỳ bút non tay, thiếu chất tài hoa và sự liên tưởng phong phú, cộng với tấm lòng yêu tha thiết cái đẹp... thì tuỳ bút dễ trở thành nhạt nhẽo, nhàm chán với người đọc.

Có người cho rằng tuỳ bút ít lượng thông tin, tôi e rằng cách nhìn đó hơi thực dụng. Bởi tuỳ bút không phải là một bài văn tường thuật. Nó đi sâu vào đời sống tâm linh của đời sống xã hội vào tiềm thức con người, vào phong tục tập quán của người xưa, vào nếp sống đời nay, vào thế giới thiên nhiên cây cỏ để tìm những cái đẹp đã có, phát hiện những cái đẹp mới có giúp ta giữ gìn và sẽ phải giữ gìn. Phải là những nhà văn tâm huyết, có một cái nhìn xa và tình yêu mãnh liệt cộng với trí tưởng tượng phong phú để biến những điều ấy thành cảm xúc. Đó là "cái duyên" quyến rũ, lôi kéo người đọc.

Những điều này ta tìm thấy ở Băng Sơn qua những trang viết đầy nhiệt huyết của anh. Với sự phát hiện tinh tế, những câu văn liên tưởng và giọng kể chuyện có duyên. Băng Sơn đã thành công trong thể tuỳ bút, kế thừa và phát huy truyền thống của người xưa như Phạm Đình Hồ, của những bậc thầy, những nhà văn lớp trước như Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng...

Qua những tập tuỳ bút, đoản văn "Ngàn mùa hoa", "Hương sắc bốn mùa", "Thú ăn chơi người Hà Nội", và "Nước Việt hồn tôi"... người đọc cảm nhận được ở nhà văn một tâm hồn nghệ sĩ có một tình yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu xứ sở quê hương và Hà Nội nói riêng, anh yêu đến ngơ ngẩn làm người đọc cũng "bị" yêu lây. Mỗi khi qua một cảnh, một sự việc cụ thể nào đó mà ta đã đọc trong trang sách của Băng Sơn, ta bắt gặp một gốc đa trong thành phố, một sắc hoa lộc vừng rơi trên mặt nước Hồ Gươm, một mùi hoa lan trong đêm phố Phan Đình Phùng, một ngôi chùa dọc, một tiếng chuông, một tháp bút, một phố ngắn nhất và món thịt bò khô, đến cơm nắm và cơm nguội... người đọc đều thấy Băng Sơn có hồn trong đó. Và khi ta ra ngoại thành, về những làng quê xa xôi ta cũng bắt gặp những bờ ao, những rặng cúc tần, bờ lau, con đê, cánh bãi, hoa trang dưới mặt nước, cái cầu vồng trên trời, cả đến cái bãi tha ma... đâu đâu ta cũng gặp Băng Sơn "có mặt" ở đấy, gặp hồn anh ở đấy. Nhìn những tấm lá rụng, anh cũng rút ra được những nhận xét có tính khái quát: *"Lá cứ rụng, rụng hoài, rụng mãi... để cây ngày mỗi cao thêm. Và cuộc đời cứ thế..."*

Một đường phố cong, Băng Sơn cũng liên tưởng đến sự hình thành của nó: *"Phố cong, phải chăng khi phố ấy được hình thành vì phải tránh những con ngõ nhỏ, những bờ rào*

cúc tần, một mép ao, một cái cổng tre cổng gạch... Nó men theo con đường lát gạch nghiêng là sản phẩm của món tiền nộp cheo trong mỗi đám cưới nên nó phải cong phải lượn đến bây giờ...".

*

* *

Điều đáng chú ý nữa là tuỳ bút của Băng Sơn, ta thấy hai mẫu người mà tác giả trân trọng và yêu mến là phụ nữ và trẻ em. Những em bé mà anh hóa thân thường được anh gọi là "người bé". Em bé nhặt hoa mới nên thơ và đáng yêu làm sao: "*Những ngón tay be bé xinh xinh, nhặt những bông hoa cũng be bé xinh xinh rải đầy mặt đất. Hoa trên mặt đất là những ngón tay hay những ngón tay em mới thật là những cánh hoa...*". Với người mẹ, thì từ "Mái tranh nhà mẹ", anh liên tưởng tới: "Nguyễn Trãi ở nhà gì?... Câu thơ "*Góc thành Nam lều có một gian*" còn đó... Và đây là những dòng làm người đọc xúc động: "*Mái nhà tranh ấy. Mẹ đã cho con cả cuộc đời, cho con biết thế nào là yên vui, ấm no, hạnh phúc, từ giọt sữa đầu tiên đến cái củng vào đầu khi không vâng lời mẹ...*" Chao ôi, cái củng vào đầu, nếu là đứa con hư, hẳn nó sẽ oán mẹ lắm, nó sẽ giãy đành đạch để làm nũng, để ăn vạ. Đó là những đứa con nhà giàu. Câu thơ của Giang Nam "Mẹ chưa đánh roi nào đã khóc". Vâng, tâm lý trẻ thơ là như vậy, nhưng ít ra đứa trẻ ấy cũng được cưng chiều, nhà có thể khá giả một chút. Còn nhà nghèo dẫu có bị mẹ củng đau đấy, nhưng đứa con ngoan, biết rằng mẹ củng mình vì lòng mẹ còn đau hơn, nó nhận ra lỗi của mình và càng yêu mẹ hơn. Vì người mẹ đêm đêm xay lúa, giã gạo, cái chỗ đứng của mẹ giẫm mòn đất với hàng ngàn hàng vạn nhịp chân. Và cái mảng sân đất có giun đùn, có vết

chân gà như những tia sao ẩn hiện, có hàng gạch vỡ nối nhau ra ngõ... Cậu bé bước theo hàng gạch, bị ngã giữa trời mưa, bà mẹ vội vàng ra đỡ con rồi cũng ngã. Băng Sơn hạ câu văn đầy xúc động: "*Khổ thân hai mẹ con mình thế đấy*".

Trong cuộc sống hiện tại có những kẻ quên mất những mái nhà tranh của mẹ nơi quê làng, Băng Sơn nhắc nhở mà cũng phê phán... "*Ai mà chẳng có một mái nhà tranh và một người mẹ như thế. Nhưng ai là người nhớ, ai là kẻ quên...?*" Trong bài viết này, Băng Sơn đã bộc lộ tấm lòng kính trọng và biết ơn đối với người mẹ nghèo Việt Nam. Người mẹ của đất nước nghèo mà không hèn, khó mà không lụy. Lòng mẹ giàu tình thương và cao khiết, luôn luôn dạy con cần có tấm lòng thành và sự tinh khiết.

Ta có thể thấy hình ảnh người phụ nữ rất nhiều trong những trang viết của Băng Sơn. Mỗi dòng chữ viết về người phụ nữ, anh đều dành những tình cảm trân trọng. Anh ca ngợi những đôi tay khéo léo, những tấm lòng trung hậu, đảm đang và cái đẹp của người phụ nữ, với dung lượng một bài viết ngắn không thể nào trích hết được.

Tuy nhiên trong một số bài viết, ta gặp đôi chỗ Băng Sơn quá sa đà vào sự liên tưởng nên xa vời với lĩnh vực tuỳ bút và phần nào lạc đề nữa. Đoạn văn, mà theo tôi nó chỉ đáng trong một thiên phóng sự. Ấy là đoạn trong bài "Nét giao hòa không trộn lẫn". Bài viết về sự chuyển mùa sang thu, tác giả đang nói về hoa cúc với mùa thu mà văn chương cổ thường nói là không chính xác nữa: "*phải cuối thu đầu đông mới có thể gặp lại những bông hoa cúc đại đóa trắng muốt hay vàng tươi hoặc tím mờ như lơ đãng*". Câu văn đang đẹp như vậy bỗng nhiên tác giả viết: "*Cái công thức hoa cúc mùa thu cũng*

chẳng tai hại gì, cũng chẳng đáng buồn bằng bao cái mất mát đáng tiếc của Hà Nội, chẳng hạn ngồi ăn phở ở các quán bên đường mà con gái cũng cứ ngồi xổm trên ghế đẩu, trên ghế dài, hoặc ngồi trên xa-lông cũng cứ phải co chân, gác lên đệm ghế, tênh hênh, lộ liễu, vô ý, vô tứ và khó coi..." Và tiếp đó anh kể thanh niên chửi thề, văng tục, vào nhà xồng xộc không đánh tiếng, không gõ cửa v.v... toàn bài rất đẹp bỗng nổi cộm lên, giống như tấm lụa tơ tằm óng mượt mịn màng, khi dệt, người thợ thấy hết thoi tơ ngang bèn lấy sợ gai lao thoi vào giữa đoạn, tấm lụa đẹp nõn nà trở thành xấu đi vì một ít sợi gai. Đáng tiếc biết bao.

Qua những tập sách của Băng Sơn, tôi chỉ xin làm một độc giả bình thường , có đôi chút cảm nhận trung thực, biết đến đâu nói đến đấy. Xin để những nhà lý luận phê bình kinh điển có ý kiến sâu sắc hơn. Với một bài viết hết sức hạn chế, không thể nói hết những điều cần trao đổi, trích dẫn thêm được. Mong được đọc những bài viết mới thành công hơn, đọc sướng hơn nữa của Băng Sơn.

Bắc Biên 21-4-1996

Thanh Hào (Nhà thơ)

Băng Sơn cây bút tài hoa của đất Hà thành

Băng Sơn, nhà văn, nhà thơ thân quen của cả một lớp người Hà Nội từ thập kỷ 50 của thế kỷ này, cái "Núi băng" ấy cứ lặng lẽ, khiêm nhường đứng đó, không bị tan chảy giữa ồn ã và sự khắc nghiệt của thời tiết. Với trên nghìn trang viết, Băng Sơn chẳng những đã tự khẳng định mình mà còn góp thêm cho Hà Nội một cây bút rất Hà Nội.

Tên thật của Băng Sơn là Trần Quang Bốn, quê nội ở Cẩm Giàng, mặt đất xứ Đông chỉ cách Hà Nội tròn 40 ki-lô-mét, nơi ấy có cái ga sầm uất một thuở đã là nơi Nhất Linh, Hoàng Đạo và Thạch Lam khóc tiếng khóc chào đời. Có phải vì thế mà trong văn Băng Sơn phảng phất cái trong sáng, đôn hậu, chan chứa tình người của Thạch Lam, cái đằm thắm của Hoàng Đạo, cái mơ màng của Nhất Linh.

Quê mẹ Băng Sơn ở làng Sét, Thanh Trì, Hà Nội, "Cá rô Đầm Sét" nổi tiếng từ ca dao, làng Sét lại là quê của công chúa Hoa Dung vợ chúa Trịnh Doanh, có hậu duệ là thân mẫu của nhà thơ, nhà văn Băng Sơn hôm nay.

Nhà thơ Vân Long trong hội thảo nói: "Chỉ riêng anh Băng Sơn có quê ngoại ở làng Sét cũng đủ minh chứng anh là

người Hà Nội gốc". Vâng. Ai đã từng quen Băng Sơn, biết anh và tiếp xúc với anh đều nhận ra cái gốc đó. Lạ lắm. Cái gốc Hà Nội ấy chỉ được cảm chứ khó gọi ra bằng từ ngữ. Thanh lịch, trí tuệ, kiêu sang, đúng, nhưng vẫn chưa đủ.

Băng Sơn ở Hà Nội từ nhỏ. Có con đường nào, góc phố nào hàng cây nào của Thủ Đô lạ lẫm với anh? Hồi nào có người bảo Hỏa Lò là phố ngắn nhất, phố nhà một số của Thủ Đô, anh bổ sung ngay: Không, phố ngắn nhất là phố Hồ Hoàn Kiếm.

Những năm 1950 người Hà Nội đã đọc thơ Băng Sơn trên các tạp chí: *Quê hương, Giác ngộ, Đời mới*, và các nhật báo *Tia sáng, Giang Sơn*... Băng Sơn làm thơ từ thuở còn là học sinh trường Minh Tân. Băng Sơn ở Hà Nội nhưng nghề làm báo, nghề văn giúp anh đi nhiều vùng quê khác nhau, và vì thế, anh không chỉ viết về Hà Nội mà những vùng đồi trung du của "Xứ Đoài mây trắng", của quê cọ Vĩnh Phú, của "Mai Châu mùa em thơm nếp xôi"... đã vào thơ anh, văn anh.

Anh tường Hà Nội, anh có hàng trăm bài tuỳ bút ngắn, dài về mọi khía cạnh của cảnh sắc, phố phường, con người Hà Nội. Yêu thương các miền quê của Tổ Quốc, mê mải với các mùa hoa, tinh nhạy với mọi đổi thay của thời tiết, dẫu chỉ một sáng mờ sương trên tháp Rùa, một làn gió heo may lúc chớm thu... Tâm hồn Băng Sơn cảm nhạy và liên tiếp bốn tập sách: "Ngàn mùa hoa", "Hương sắc bốn mùa", "Thú ăn chơi người Hà Nội", và "Nước Việt hồn tôi" ra mắt bạn đọc.

Ngày 23-4-1996 tại thư viện Hà Nội đã diễn ra cuộc Hội thảo: "Tuỳ bút của Băng Sơn về Hà Nội". Một số nhà thơ, nhà văn đã đọc tham luận. Mỗi người một vẻ, nghe những ý kiến, nhận xét, tác giả ngồi dưới gật đầu bởi sự tri âm, tri kỷ của các văn hữu.

Băng Sơn bắt đầu là nhà thơ và chính tâm hồn thi sĩ của anh đã tạo cho văn anh một chất thơ riêng một giọng điệu riêng. Nhà thơ Ngô Quân Miện có ý riêng về một thuật ngữ "Thơ văn xuôi hay văn xuôi thơ?" cũng cần chẻ sợi tóc ra cho ngọn ngành. Ở Băng Sơn là "Văn xuôi thơ" chăng?

Viết về chân dung các nghệ sĩ (40 bài) Băng Sơn có cách viết khác người. Anh chỉ đặt bút khi người nghệ sĩ - người bạn ấy có những nét mà anh thật thấu hiểu, thật rung động. Chỉ căn cứ vào "thành tích" thì anh không viết được và vì thế mà mỗi bài viết "chân dung nghệ sĩ" của anh cũng là một ... tuỳ bút.

Và đọc tuỳ bút Băng Sơn luôn có cảm giác trong anh có cả chất Thạch Lam, Vũ Bằng và Hồ Dzếch. Một cái gì đó chân thật, đôn hậu, đằm thắm, bảng lảng và có lúc bùi ngùi, cái bùi ngùi cần thiết để nâng cao tâm hồn ta.

Nguyễn Kế Nghiệp (Nhà báo)

Chất thơ trong văn xuôi "Nước Việt hồn tôi" của Băng Sơn

Băng Sơn là một nhà thơ có thâm niên và có nhiều thi phẩm được bạn đọc yêu mến. Những năm gần đây, anh hoạt động rất hăng hái trong lĩnh vực, văn xuôi và sản xuất đều những cuốn sách viết về văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của Thủ đô Hà Nội, của đất nước Việt Nam. Trong số bạn hữu gần xa, ai cũng biết Băng Sơn là một tay sành sỏi trong những "thú ăn chơi", (hiểu theo một cái nghĩa lành mạnh trong sáng).

Tết năm nào cũng vậy, ai muốn xem cành đào nào hay cây đào nào có cái thế đẹp khác thường thì đến nhà Băng Sơn. Nhà báo nào muốn đặt bài viết về đặc sắc về xuân Hà Nội, Tết Hà Nội thì đến gặp Băng Sơn. Anh là cây viết "đắt hàng" nhất vào dịp này.

Một trong những tác phẩm văn xuôi của Băng Sơn mà tôi đọc rất thích thú là cuốn "Nước Việt hồn tôi". Tác giả viết sách này với những cảm xúc và suy tư trước những sự việc của đời

thường mà nếu nghe nhìn cho kỹ, ngẫm cho kỹ cho sâu thì ta có thể khám phá ra biết bao điều lý thú. Chỉ nghe câu chuyện ăn uống cũng thấy: "ở trong cũng lắm điều hay". Có thể nói biết thưởng thức một cách thấm thía cái phong vị đậm đà của một món ăn quê hương cũng đã là một biểu hiện của tình yêu quê hương.

Băng Sơn viết về nem một cách say sưa như đang "đưa cay" với món đặc sản ấy. Anh vừa giới thiệu nó vừa bình luận về nó như bình luận về một bài văn hay:

"*... Quen thuộc với đồ đệ Lưu Linh là nem chạo, hoặc chỉ gọi tắt là chạo. Đó là một thứ thịt lợn nạc, chần tái, trộn với bì lợn luộc, thái mỏng, đã lọc kỹ, không còn dính chút mỡ nào, chỉ còn riêng chất bì, vừa giòn, vừa dai, vừa trong mờ như cửa kính những lâu đài cổ, tất cả được nhào nặn, biến hóa, ẩn hiện trong một thứ gạo nếp rang vàng giã nhỏ, thơm nức gọi là thính. Cái hấp dẫn độc đáo của nem chạo chính là nhờ thính. Ngay con cá rô đi tìm mồi còn chết vì thính thơm huống chi con người. Thính thơm làm cho miếng thịt miếng bì thành một thứ hoàn toàn khác. Nó biến quả xanh chát xít thành quả ngọt, biến bóng đêm thành ánh sáng, biến cô gái ít duyên thành đen giòn hấp dẫn, biến chiếc ổ rơm thành thiên đường, biến nỗi cô đơn thành hoan lạc...*".

Trong cái đà hào hứng, nhà văn vung bút hơi quá đà, nhưng nghe cũng vui. Về nhiều món ăn khác, Băng Sơn cũng cho chúng ta thưởng thức một cách khoái chá. Có khi ta có cảm giác như nghe một bài giảng về cách chế biến món ăn của khoa gia chánh mà gia vị là... những vần thơ.

Tiếng rao hàng của những người bán hàng quà ban đêm cũng được tác giả gọi là "món": "Món rao đêm", coi đó cũng là

một món ăn nhưng "ăn" bằng cái tai thẩm âm của nghệ sĩ. Có những tiếng rao của một thời đã qua, đến nay không còn nữa, nhưng nhắc lại, nghe rất gợi nhớ. Thi hào Nguyễn Du mới: "Hương gây mùi nhớ"... ở đây chúng ta có thể nói: Tiếng rao đêm gây mùi nhớ... "Thật là ma quái, đang đói bụng mà nghe" xướng danh những của "ngọc thực" ấy thì "ai nỡ cầm lòng cho đang". Nào là "lạp xường lồ mai phàn" tức xôi nếp lạp xường. Nào là "lốc bểu" tức bánh cuốn hấp nóng, nào là "Chí mà phù" tức chè ngọt nấu bằng vừng đen... Những người bán những món ấy phần nhiều là người Hoa, rao bằng một thứ tiếng Hoa đã được "âm điệu hóa" lên bổng xuống trầm nghe như hát, khó hiểu nhưng êm tai. Nhà văn bình rất hóm:

"... *cũng không sao, tiếng rao hàng bị hiểu không chính xác thì nó cũng na ná như ca sĩ hiện nay hát lên một ca khúc mà người ta không biết lời ca nói gì...*". Ôi , các ca sĩ của chúng ta nghe câu nói này có thể thấy chạm tự ái một chút, nhưng chắc là hiểu ý người nghe muốn nghe hát tròn vành rõ chữ.

Bàn về cái ăn, Băng Sơn đã tạo được những trang viết có nhiều hứng thú, bàn về cái chơi anh cũng dẫn bạn đọc vào những giây phút thư giãn lâng lâng, thi vị.

"Ăn" và "chơi" là hai từ thường đi sóng đôi với nhau, sát cánh nhau trong tiếng Việt. Dân tộc ta cần cù lao động, tài giỏi lao động nhưng cũng biết ăn chơi. Ăn đã thanh lịch, chơi cũng thanh lịch. Ăn chơi là một nhân tố giúp sự cân bằng sinh thái cho lao động. Là một người sành chọn hoa đào chơi Tết, Băng Sơn bàn rằng... "*Hoa đào là cái đẹp của màu, là sự hài hòa của cành gốc, cành tăm, là phô bày thế đứng, thế thẳng, thế nghiêng, thế xoã như cánh tay giai nhân ngủ quên, buông xuống... Hoa không cần có hương như một loài ngâu loài xói,*

như một bông hồng lộng lẫy một cẩm chướng sắc sảo. Hoa nói bằng im lặng. Tình yêu đôi khi cũng cần im lặng chứ đâu cần nhiều nói, nhiều lời".

Xem đây thì biết ông nhà văn này không những có khả năng là "cố vấn" về hoa mà còn có khả năng làm "cố vấn tình yêu".

Chơi tranh tết, Băng Sơn rất khoái ngắm bức tranh dân gian "hứng dừa". Anh tinh quái quan sát: ... "*Đem vạt váy ra mà hứng quả dừa trên cao sắp được anh chồng thả xuống. Thật lạ, váy vén lên một cách hồn nhiên như thế, hở cả bộ đùi trắng nõn trên giấy điệp... Chị đỏ ơi, khéo quả dừa nặng quá, rách mất thì làm thế nào? Hớ hênh thế, cái ông họa sĩ tài hoa này phải hay cười tủm tỉm lắm đây và chắc là bà vợ đứng làm nguyên mẫu cũng thuộc loại thích đùa như một nữ sĩ họ Hồ Xuân...*". *Đọc lời bình, nghe cái phảng phất hơi thơ của "Bà chúa thơ Nôm*".

Về những thú chơi trong lễ hội ngày xuân, Băng Sơn cũng bốc hơi men trong những trang viết:

"*... Lại nhịp trống khẩu tong tong, cô gái nào choãi chân chèo hò khoan bắt nhịp cho mái chèo bơi chải, khỏa nước như con rồng vùng vẫy. Đừng ngã xuống sông em ơi, có ánh mắt người trai làng dõi em trong đám đông khán giả kia đấy...*", "*... Và hội Vật, trống ngũ liên giục các đô vào sới, lên tấn, ra đòn... Chọi gà hát trống quân, cứ theo nhau mở ra quãng này, quãng khác... Yêu thế cái cô trinh nữ đóng tướng bà trong bãi cờ người. Liếc mắt sao mà sắc thế. Lạy giời cho tướng đừng thua...*".

Anh nói triết lý cũng chí lý "*Ngẫm mà thấy một dân tộc sống trong ngàn đời cơ cực, thiếu thốn, giặc giã, nếu không có lễ hội là một trong những món ăn tinh thần thì buồn tẻ biết*

bao. Nó say mê, hào hứng, nó là tình yêu. Nó cũng là giải thoát, giải trí, là niềm tin, là nơi gửi gắm..."

Ca ngợi những gì tốt đẹp trong cuộc sống của Thủ đô nói riêng và đất nước nói chung, Băng Sơn có văn phong gần với thơ trữ tình. Phê phán những cái tiêu cực sa sút, anh lại có ngòi bút khá sắc nhọn của người làm "Thơ châm".

Hãy chỉ lấy một ví dụ (có thể nói là thảm cảnh) làng hoa đào kia biến thành làng "mộc tồn", anh than thở:

"... *Lẽ nào người Hà Nội hôm nay lại phàm ăn tục uống đến thế ư? Mấy chục gian hàng thịt chó đánh bạt một làng hoa. Mùi mắm tôm nồng gắt đã thay cho hương hoa thanh cao? Muốn kêu trời. Và những ngôi nhà lù lù sừng sững mọc lên để cho thuê, để làm nơi chứa trọ, để khiêu vũ, nắn bóp, uống rượu... Hoa đành lùi mỗi lúc một xa. Đất ở đây là vàng thực sự, nghĩa đen thực sự. Nó đang làm nghẹt thở vùng hoa, sắp hoàn thành công việc giết chết hẳn vùng hoa Hà Nội. Người ta còn ngang nhiên quảng cáo, mời chào, đại loại cần tuyển con gái hơ hớ chưa chồng, tuổi từ đôi tám đến hăm lăm nhưng trước hết phải có thân hình đẹp, mỹ miều, ăn khách, ngon mắt người Tây... Mất đất, mất hoa, kèm theo là mất cả người, mất cả văn minh truyền thống, mất luôn chất dân tộc bao đời...*"

Lời lẽ thật là thống thiết.

Văn Băng Sơn lúc du dương, lúc gay gắt cũng là xuất phát từ tấm chân tình của một người muốn lắng hồn mình vào hồn đất nước.

Với tác phẩm "Nước Việt hồn tôi" cũng như những cuốn văn xuôi khác anh viết gần đây, Băng Sơn đã vận dụng

những kiến thức những chiêm nghiệm của mình về cuộc sống chúng ta trong quá khứ trong hiện tại để gắng xây dựng, vun bồi cái tốt đẹp, cái tinh tuý trong văn hóa dân tộc mà tiêu biểu là Hà Nội, đô thành thực sự thanh lịch từ những thuở xa xưa.

Ngày 23-4-1996

Trần Lê Văn (Nhà thơ-Nhà văn)

Đọc sách "Nước Việt hồn tôi"

(Tùy bút và đoản văn của Băng Sơn - NXB Phụ nữ 1995)

Lâu nay, ở nhiều mặt báo, chúng ta thấy xuất hiện những đoạn văn ngắn, có cái gọi là tuỳ bút, có báo gọi là đoản văn, có bài chẳng ghi thể loại của một người quen biết trong làng văn: Băng Sơn. Ở những tuỳ bút hay đoản văn ấy tác giả dắt chúng ta về những kỷ niệm mà cuộc đời nào cũng có, phát hiện giúp ta một vẻ đẹp dung dị nào đó quanh ta, như cỏ cây hoa lá ta lãng quên, một phong tục tập quán nghìn đời còn lại, một món ăn của đất kinh kỳ.

Lặng lẽ ngắm nhìn, nhớ lại, suy nghĩ. Lặng lẽ viết - viết một cách thổn thức - nhà văn đã gửi đến chúng ta hàng nghìn trang viết như thế. Và "Nước Việt hồn tôi" là cuốn thứ năm của Băng Sơn tập hợp những bài viết ấy (Nhà xuất bản Phụ Nữ in năm 1995) sau những cuốn: "Ngàn mùa hoa", "Hương sắc bốn mùa", "Thú ăn chơi người Hà Nội" (tập 1 và tập 2) "Con thuyền hoa"...

Lại được biết, ông đang in những cuốn sách mang tựa đề: "Cái thú lang thang", và "Nghìn năm còn lại", những tên sách mà tôi cho rằng không phải là không hấp dẫn với rất nhiều người - nhất là với những người tạng như tôi: hướng về những kỷ niệm xưa cũ, về vẻ đẹp vĩnh cửu, hoang mang lo sợ những vẻ đẹp kia phôi pha.

Cuốn "Nước Việt hồn tôi" dày 316 trang giới thiệu 39 đoản văn tuỳ bút ấy của Băng Sơn. Cũng vẫn với ý tưởng lành mạnh là khẳng định những vẻ đẹp vĩnh cửu trong con người ... tác giả Băng Sơn trong cuốn này cho chúng ta thưởng thức "món nem", "món rao đêm", món "mắm đồng", "cơm nguội", cái thú ngồi "bên chén rượu", "mâm cỗ Tết, thưởng thức "sắc màu cỗ Tết"...

Chúng ta sẽ cùng ông nhớ lại kỷ niệm trong những phong tục tập quán, nhất là những kỷ niệm ngày Tết - mảng văn tác giả lưu ý đến nhiều trong cuốn sách này. Đó là những kỷ niệm trong "Đi chúc tết", "Mùa xuân - mùa lễ hội", "Ngày xuân bài bạc", "Một niềm say hoa đào", "Hái lộc", "Cây nêu", "Tranh tết", "Người phụ nữ trong ngày tết"... Trong ngòi bút của ông, những kỷ niệm ấy sống động và có sức lay động mạnh nhất từng trái tim. Mùa xuân, đọc những đoản văn này, tuỳ bút này của Băng Sơn, chúng ta như đều muốn trở về quê cha đất tổ, bên người mẹ già, người thân trong gia đình, muốn về quê hương "chôn rau cắt rốn" của mình để được sống lại quãng đời đẹp nhất.

Băng Sơn còn cho chúng ta thưởng thức một "Tiếng chuông Voi Phục", một kỷ niệm về "phố Trường Thi", vẻ đẹp của "Kiến trúc Hà Nội", thưởng thức một vẻ đẹp nao lòng của thiên nhiên Hà Nội trong "Mùa lá rụng" với ... *"Cây cơm*

nguội không biết đón mùa hay tiễn mùa thu...", cây bàng trút lá, cây cau trở mình, để rồi... "*Ngẫm ra thì đời ta cũng chỉ là chiếc lá... còn sống được phút nào lá vẫn sống hết mình cho phút ấy...*" chúng ta tiếp tục thưởng thức một "Tiếng mùa đông" với nỗi buồn man mác, một mùa thu tình yêu mùa thu Hà Nội có dáng đẹp nhất trong một năm: "*mùa thu Hà Nội là cây vĩ cầm reo rắt ở ngoài cây xanh bất tuyệt, nó làm lòng ta phải lăn tăn theo sóng Kiếm Hồ, làm lòng ta bồi hồi như niềm sầu xứ...*" rồi ông thổn thức nhắn nhủ: "*Lòng nào mà đi khi gắn bó đời mình với từng gốc cây từng cột đèn, với những món ăn Hà Nội diệu kỳ, với mùa thu lành lạnh không đâu có, gió heo may thức dậy tâm hồn, với Hồ Tây, Hồ Gươm ngàn đời quen thuộc, mến yêu...*"

Ông nhớ tiếc một Hà Nội tĩnh lặng giữa thiên nhiên hoang vu: "*Vết tích thời gian còn xào xạc qua những chiếc rễ phụ của hàng si già soi bóng xuống hồ xanh và những khóm trúc la đà còn hát lên cùng gió...*", để rồi nhắc nhở... "*làm Hà Nội mất chất của mình đi thì thật đáng buồn...*" (Hà Nội vắng hay đông?).

Tôi có cảm tưởng "Nước Việt hồn tôi" với giọng văn mượt mà, xao động, đầy tâm huyết như những lời thầm thì, nhắn nhủ của một bậc thiền sư lấy tình yêu thiên nhiên đất nước con người làm trọng, rủ chúng ta cùng yêu quý, trân trọng, gìn giữ những vẻ đẹp giản dị muôn thuở rất gần quanh ta.

Hà Nội tháng 1-1996

Phạm Hồ Thu (Nhà thơ nữ)

Băng Sơn
Với những tuỳ bút Hà Nội

Trong lịch sử một ngàn năm của Thăng Long - Hà Nội đã dung nạp biết bao nhiêu người tứ xứ đến làm ăn, lập nghiệp. Người Đông Ngạc, La Khê, Đình Bảng mở hàng vải ở Hàng Ngang, Hàng Đào, người Cự Đà với nghề dệt. Người Hè, Bưởi có mặt ở Nam Tràng, Ngũ Xá, Hàng Đồng. Nghề ảnh của người dân Lai Xá và biết bao nhiêu làng nghề lấy kẻ chợ làm nơi giao lưu, tiêu thụ và dịch vụ: Cắt tóc ở Kim Liên, ở Đồng Lầm. Nem Phùng, bánh dày Quán Gánh, bún Phú Đô, gạo tám Mễ Trì, lụa Hà Đông, lĩnh Bưởi, cốm Vòng, tranh làng Hồ... Cái gì đẹp nhất nước, ngon nhất nước sau tiến vua là tiến cho Thăng Long, Hà Nội. Ngoại kiều cũng tìm đến Thăng Long lập nghiệp. Tây đem bán vải, người Phúc Kiến, Quảng Đông chiếm gần hết phố Lãn Ông, Hàng Buồm và xung quanh. Từ bán thuốc ế đến các thứ Nhị Thiên Đường, những hàng ăn từ xực tắc, lồ mai phàn đến các Đông Hưng Viên, Tân Phúc Điền, Mỹ Kinh... Tây cú, tay thực dân làm nhiều nhà cho thuê ở Hà Nội ...

Tất cả những cái đó, ngọn ngành, sâu sa và rộng lớn hơn rất nhiều đã được Băng Sơn khai thác trong các bài viết, tản văn tùy bút của ông về Hà Nội.

Thạch Lam, Vũ Bằng, Hồ Dzếnh, Nguyễn Tuân mỗi người một phong cách đã để lại trong âm hưởng người Hà Nội, người trong cả nước và văn đàn những áng văn trác tuyệt. Đó là vàng "bốn con chín" của văn chương chữ quốc ngữ viết về văn hóa Hà Nội. Băng Sơn biết rằng các vị trưởng lão đó công lực thâm hậu và văn lâm đã trải chiếu hoa cho các vị đó, còn Băng Sơn phải tự trải cái chiếu của mình. Thật vậy, cái chiếu hoa của ông đã được trải vào thập niên 90 sau cả một đời suy ngẫm, tích góp, đọc và ghi chép. Các bài tản văn tuỳ bút của ông đăng tải rầm rộ trên các mặt báo với nhiều lĩnh vực của văn hóa truyền thống và đời thường Hà Nội.

Ông bay bổng với rượu và cơm nguội, la đà với đào thế và búp khoai kho tương ăn với cơm nồi đất. Ông trăn trở với những chân dung bạn bè và đời thường với hè phố có Ngõ Gạch, Sầm Công, Phất Lộc...

Băng Sơn đã căng mình ra như tiếng ve mùa hạ trong tim, trong sấu Hà Nội với sức làm việc đáng khâm phục.

Hà Nội bùng nổ về nhiều phương diện, lên cấp về mặt văn minh hàng hóa nhưng rất đáng lo ngại về mặt dân trí, đạo đức. Ông đã đề cập, cảnh tỉnh vấn đề này. Ông muốn giữ cho Hà Nội một vẻ đẹp về văn hóa, tinh thần dân tộc trong cái đi lên của văn minh vật chất. Băng Sơn lặn ngụp trong muôn mặt đời thường của Hà Nội để cảm, để yêu, để xót xa, để giận dữ những cái Hà Nội hiện hữu.

Băng Sơn là một nhà văn, nhà thơ đa phương diện về văn hóa và đời thường Hà Nội. Thơ đã giúp ông sạch và bay bổng. Kiến thức cuộc đời và sách vở đã giúp ông lách đến tận khe kẽ của Hà Nội không chê vào đâu được.

Doãn Trang (Nhà thơ-Kỹ sư)

Băng Sơn: Nghìn năm còn lại

Ông có một mối tình đẹp như cổ tích mà hiện nay vẫn đương kim làm chồng. Có lẽ do nhà chật quá mà cứ sáng nào ông cũng đạp xe đi rải bài ở sáu báo, rặt loại bài ăn chơi, hoa, lá, cá, phố ở Hà Nội.

Băng Sơn có dáng dấp của một người còn sót lại của Hà Nội thập kỷ 40. Tấm thân già đã hom hem, hơi còng xuống, mái tóc bạc hất ngược ra sau dày như đám mây, luôn cưỡi chiếc xe đạp phượng hoàng đã tàng tàng đôi lúc mất phanh. Có hôm tôi đi sau ông trên đường Trần Phú, trời chiều, phố Chính Tây, gió làm rụng lá sấu hai bên đường tơi tả, còn mái tóc của ông được mặt trời chiếu ngược sáng cứ ngời ánh lên và dập dềnh trôi trên bao đầu đen, mũ màu.

Ông viết về thú ăn chơi rất lịch lãm, ông nhớ từng gốc cây của những phố cổ và quanh Hồ Gươm. Ông nhìn vào đâu cũng nhận ra kỷ niệm và bóng hình bạn bè, kẻ còn người mất. Ấy vậy mà ông chỉ hút rặt loại thuốc lá Thủ đô, uống trà loãng, "không chấp" rượu bia, ăn cũng rất khảnh, được cái kính vợ, yêu con, quí chó, nhớ cây và đắm chìm trong không gian hoài niệm. Ông là thơ, viết tuỳ bút, đoản văn và ... đạp xe đi các

báo. Ông là một hiện tượng, một kỷ lục gia về sức làm việc, là điển hình của một cây bút viết lách về các thú chơi đài các, sống giản dị và kiếm sống lương thiện.

Rất nhiều người nghĩ là ông ăn chơi dữ lắm, thực ra con người và tác phẩm vốn lộn ngược.

Hồng Văn (Tức nhà báo Đỗ Hóa)

Nhà văn Băng Sơn: Tình yêu Huế của tôi được nhân lên

LTS: *Băng Sơn là nhà văn chuyên viết về Hà Nội, tác giả của những bút ký, tuỳ bút, tản văn, đoản văn được bạn đọc chú ý như: "Thú ăn chơi người Hà Nội" (hai tập) "Nước Việt hồn tôi", "Nghìn năm còn lại", "Hương sắc bốn mùa", "Nghìn mùa hoa", "Bóng bẩy màu", "Con thuyền hoa"... Nhân dịp, ông ghé thăm Huế, Phóng viên báo Thừa Thiên Huế đã phỏng vấn tác giả:*

- Thưa nhà văn Băng Sơn, ông có thể cho biết mục đích chuyến vào Huế lần này?

- Tôi không phải vào Huế mà ra Huế. Tôi vừa thực hiện một chuyến đi dài ngày, gần một tháng nay. Nhân dịp trường Đại học Hùng Vương thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Saigon Tourist tổ chức Hội thảo: "Bản sắc dân tộc Việt Nam trong văn hóa ẩm thực", tôi được mời dự và có đọc một tham luận về: "Quà Hà Nội và người Hà Nội ăn quà". Nhân đó tôi có dịp đi thăm một số nơi như lên Đà Lạt, xuống đảo Phú Quốc và trên đường về, tôi ghé thăm Huế, một thành phố văn

hóa mà tôi yêu mến từ rất lâu. Với tôi, hình như vùng đất nào có trầm tích nhiều trữ lượng văn hóa thường có sức thu hút, mời gọi tôi đến.

- Thưa ông, đặc điểm nào trong văn hóa của Hà Nội mà ông quan tâm nhất?

- Cái tôi quan tâm nhất về văn hóa Hà Nội là sự kế thừa lâu dài của một vùng đất đế đô, cái nôi của văn hóa dân tộc. Dĩ nhiên văn hóa là một cái gì biến động, không bao giờ nó đứng yên một chỗ. Nhưng thẹo tôi, cái tính chất của dân tộc Việt Nam là văn hóa và tính chất của văn hóa Việt Nam vẫn tập trung ở Hà Nội nhiều nhất, trong đó có thể nói đến văn hóa ẩm thực, văn hóa thời trang, phong tục, lễ hội, cho đến văn hóa trong các văn bản như các loại hình nghệ thuật...

- Thưa ông, có thể so sánh đặc điểm giữa các vùng văn hóa?

- Không biết cảm nhận của tôi có chính xác hay không? Nhưng giữa ba miền của đất nước tuy là cùng một dân tộc, tuy chúng ta là con một nhà, nhưng có lẽ do môi trường, do tập quán mà bản sắc văn hóa của mỗi địa phương mỗi khác. Có thể nói văn hóa Việt Nam là Đại đồng mà Tiểu dị, vẫn chung một nền văn hóa nhưng đặc điểm của nó vẫn khác. Tôi thí dụ như Hà Nội thì tinh tế, tinh sành, chắt lọc và êm đẹp, còn thành phố Hồ Chí Minh thì năng động, sôi nổi, ồn ào, làm ăn với một năng suất và hiệu quả rất cao. Ở đây văn hóa phải xếp xuống hàng thứ yếu (kinh tế trên hết) còn ở Hà Nội thì văn hóa phải được xếp lên trên. Huế thì nằm giữa hai cực kia.

Tôi đến Huế lần này mới lần thứ hai, sau lần trước cách đây 12 năm, nhưng cảm giác của tôi về Huế vẫn còn tươi nguyên lắm, cũng gần như lần trước. Bởi vì tuy không đến

Huế, nhưng hàng ngày qua sách báo, tài liệu, tôi vẫn quan tâm đến Huế, ngay cả tủ sách riêng của tôi cũng có khá nhiều tư liệu về Huế. Tôi cảm thấy Huế cũng là một thành phố tinh sành không kém gì Hà Nội, mà có điều đôi khi còn hơn nữa là khác. Được bạn bè cho đi thăm nhiều nơi như Cửa Sập, Cửa Ngăn, Thượng Tứ, những quán cà phê vườn Huế hoặc khu vườn cụ Phan Bội Châu, nơi an nghỉ của nhiều danh nhân văn hóa-lịch sử... tất cả tác động vào tôi, gây một ấn tượng mạnh rất sâu đậm, so với tình yêu Huế cũ của mình, lần này được nhân lên gấp bội. Tôi chỉ tiếc là chỉ ở Huế được vài ngày, thời gian tìm hiểu chưa kỹ, thành ra cảm nhận của tôi có thể là chưa đầy đủ hoặc sai lệch. Nhưng những ấn tượng tươi nguyên đó về Huế, những nét yêu kiều từ trong những bài thơ tiền chiến như Huế đẹp và thơ đó, rồi hôm qua tôi được đi thăm làng Kim Long nữa thì lòng yêu Huế của tôi quả thật càng được nhân lên. Tôi rất biết hơn Huế và cảm ơn những người bạn Huế đã cho tôi những cảm xúc khó quên.

- Thế thì sau chuyến đi này ông sẽ viết về Huế chứ ?

- Cái gì nói trước cũng không nên. Song ấn tượng đậm đặc về Huế về chuyến đi này, tôi nghĩ không thể nào không viết được. Bởi vì hiện giờ trong tôi nó ứ tràn, như là tình yêu đã chín mùi rồi, như cốc nước chỉ cần một giọt nữa thói nó sẽ tràn ra. Tôi nghĩ phải viết một cái gì đó để đáp lại, để trả nợ cho Huế đã ân cần chu đáo và cho tình yêu của tôi.

- Còn những dự định và công việc ông đang làm, thưa ông?

- Năm 1997 này, các nhà sản xuất bản phát hành ba cuốn của tôi "Cái thú lang thang" trên 300 trang, "Những dặm tình" 300 trang, "Đường vào Hà Nội", trên 300 trang. Những tuỳ bút này không phải là mới viết mà là viết ra trong nhiều

năm, trong đó có cái đã in báo, nay tập hợp lại để in thành sách. Có một cuốn mà tôi đang rất hào hứng, nếu không có chuyến đi dài gần một tháng qua thì tôi đã viết xong hơn một nửa. Đó là 100 bài tuỳ bút viết về 100 ngôi nhà của Hà Nội, mà trong mỗi ngôi nhà ấy có một văn nghệ sĩ đã từng sống. Tôi dự định mỗi ngày viết một bài độ 3000 chữ. Nhưng mới viết được hơn hai chục bài thì vì chuyến đi này tôi phải dừng lại. Dĩ nhiên sau đây, tôi phải viết về thành phố Hồ Chí Minh, về Đà Lạt, về đảo Phú Quốc, về Huế, bên cạnh việc hoàn thành cuốn sách của tôi. Cuốn sách này tôi chưa đặt tên nhưng có thể là "Có một trăm ngôi nhà Hà Nội". Tôi hy vọng cuốn sách giúp ích được một phần nào cho những ai sau này muốn tìm hiểu về Hà Nội những thập niên cuối thế kỷ XX này chăng?

- Vâng, hy vọng thế thưa ông. Xin chân thành cảm ơn ông.

Hương Giang (Nhà báo nữ)

Đọc "Nghìn năm còn lại"

(Tập tùy bút của Băng Sơn)

Tác phẩm dày 328 trang gồm 39 bài viết chứa chan những cảm xúc tế nhị chân thành.

Đọc phần I: *Hà Nội trong tôi*, chúng ta bắt gặp một trái tim nóng hổi Hà Nội thiết tha - mối tình đắm say mà không kém phần tỉnh táo, mối tình đã vượt qua thử thách của thời gian mà vẫn mới mẻ, xanh tươi.

Tác giả quàng vai chúng ta ngược dòng thời gian, tìm hiểu lai lịch từng phố cổ (Hàng Đào, Hàng Tre, Hàng Trống, Hàng Bông, Hàng Buồm, Hàng Bồ...) với những ngôi nhà đặc biệt đáng nhớ, những con người từng ghi lại những dấu ấn đậm đà. Chùm bài viết về các phố này được chau chuốt thật công phu, như những bức tranh sơn mài trầm lặng giàu sức lôi cuốn. Không biết tác giả đã tốn bao nhiều thời gian, lê vẹt bao nhiêu gót giày, la cà bao nhiêu hàng quán, nhấm nháp bao nhiêu tách cà phê, trò chuyện với bao nhiêu mái tóc bạc... mới sưu tập đủ bấy nhiêu tư liệu quý giá?... Là "thổ công" của Thủ đô muôn mến ngàn thương, tác giả dẫn dắt chúng ta đi khắp các công viên cũ mới, lớn nhỏ, thầm thì với chúng ta về cuộc sống riêng tư của từng công viên, những nhân vật xanh trìu mến. Và mỗi loại cây của Hà Nội, nhất là những cây cổ thụ

cũng đều sống động như những công dân đặc biệt của đất văn hiến ngàn năm. Bao nhiêu loài hoa Hà Nội cũng đua nhau nở ra trên trang viết, tỏa hương thơm vào lòng người đọc mà mời gọi khách yêu hoa. Và chợ hoa Tết muôn hồng ngàn tía, tập tục tao nhã của người Hà Nội, dịp tốt hàng năm để mọi người tha hồ ngắm hoa và ngắm lẫn nhau, cùng chia sẻ niềm vui đón mừng xuân mới, mùa xuân giao cảm với mùa xuân. Tác giả không quên đưa ta đến viếng những ngôi chùa Hà Nội lắng nghe tiếng mõ câu kinh trước cửa Thiền cho tấm lòng thanh thản rũ sạch bụi trần ai.

Nhưng xúc động nhất là lúc tác giả ngả mũ trước cảnh "Sách già người trẻ" tiếc cho đời sớm mất đi những tài năng văn nghệ lỗi lạc mà lưỡi hái tử thần tàn nhẫn với hoàn cảnh khó khăn và căn bệnh hiểm nghèo... có thể tác giả không khỏi nhớ tới quãng đời hàn vi của mình mà càng thêm sâu nặng tình đồng bệnh tương liên.

Đêm mưa nhớ... cũng viết về một số văn nghệ sĩ đã về cõi vĩnh hằng là những trang điếu văn đầm đìa nước mắt. Trần Huyền Trân, Quang Dũng, Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh, Hoàng Tố Nguyên, Tô Hà, Thúc Hà, Khôi Viên... ở thế giới bên kia, đọc những dòng tuỳ bút này, hẳn tâm linh cũng vợi bớt nỗi đau để được nhẹ nhàng lướt gió tung mây siêu thoát.

Nói chung phần một đọng chứa nhiều tâm tư tình cảm tốt đẹp của một nhà văn dày công nghiên cứu và suy ngẫm về nhiều mặt của Thủ đô trải bao lớp sóng phế hưng, bao cơn dâu bể.

Hà Nội hiện ra như một người con gái yêu kiều dễ thương, tuy tuổi cao mà vẫn rất tươi trẻ, nồng nàn thanh sắc, quyến rũ lòng người.

Nhưng bài viết phần nặng về nội thành. Ngày nay Hà Nội đang lớn bổng vươn xa... Người đọc mong muốn tác giả dành thời gian viết về ngoại thành - nhất là những nơi đang bước vào bản đồ nội thành, về những vấn đề hiện tại nóng bỏng và tương lai sán lạn của Thủ đô, điều mà người Hà Nội và cả nước đang rất quan tâm. Xin hãy coi đây là kiến nghị của người đọc.

Phần II: *Dọc đường đất nước* - viết về một số phong tục tập quán cổ truyền - có cái đang lùi vào dĩ vãng (Trầu cau, Chìa vôi...) có cái đang biến dạng hoặc tiếp tục phát triển (Món quà quê, Tảo mộ, Chợ Tết, Mái quán trên Đồng, Làng, Giao thừa). Tất cả đều đáng ghi lại như những bức tranh Đông Hồ để đời sau nhớ về nguồn cội.

Quả quí trăm miền ca ngợi những hoa trái đặc sản của mọi miền đất nước mà ai ai cũng nên biết để thưởng thức và thêm trân trọng những món quả nội địa, xua tan đi tâm lý sùng bái quả ngoại một cách phi lý, nếu không muốn nói là khờ dại Bụt chùa nhà không thiêng.

Thưa cha là bài viết đầy ắp những suy tư chín chắn sâu sắc và chuẩn xác. Nếu chỉ biết đề cao vai trò người mẹ mà quên bẵng mất người cha thì thật không công bằng. Thời kỳ mẫu hệ đã qua đi lâu lắm rồi. Ca dao cũng đặt công cha ngang với nghĩa mẹ "Công cha như núi Thái Sơn". Đánh giá như tác giả là rất hợp lý. Bài viết vận dụng giọng văn tình cảm đằm thắm, dịu dàng và ý nhị nên càng có giá trị thuyết phục cao. Tác giả cũng khéo rào đón không làm mếch lòng ai nên dễ dàng được mọi người đồng tình. Nếu như phải bỏ phiếu thì chắc rằng các bà, các cô, các chị em cũng không ai bỏ phiếu trống.

Món trăm vùng giới thiệu một số món ăn, thức uống nổi tiếng của nhiều địa phương: Cốm Vòng, nem Đan Phượng, bánh bèo Huế, bánh cuốn Thanh Trì, bánh đậu xanh Hải Dương, nước mắm Ô Long Phú Quốc, tương Bần, trà Suối Giàng, Thái Nguyên, nước khoáng Kim Bôi, cá rô Đầm Sét... Ôi, những món giàu chất dân tộc gợi lên trong ta những hương vị thân thuộc bao nhiêu. Người giàu tưởng tượng có lẽ thấy nước ứa nơi chân răng... Đó chính là do ngòi bút tài hoa có sức gợi cảm.

Cuối cùng tác giả đưa chúng ta về viếng thăm đất tổ đền Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, xã Hy Cương, Vĩnh Phú. Không khí thành kính thiêng liêng trùm lên toàn bài, truyền lại cho người đọc những ấn tượng khó phai mờ. Đọc những dòng thấm đượm tấm lòng biết ơn sâu sắc đối với Thủy tổ dòng dõi Lạc Hồng, có ai không nao nức, khát khao được về thăm đền Hùng đúng vào ngày giỗ Tổ:

Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.

Đọc xong tác phẩm, gấp trang sách lại, ta thấy hiện ra trước mắt mình một nghệ sĩ đôn hậu, tóc lòa xòa muối tiêu, đôi mắt sâu thẳm lấp lánh, môi nở nụ cười tươi. Âm hưởng của những bài tuỳ bút chứa chan tình cảm, thao thức suy tư và dào dạt chất thơ còn vang vọng mãi trong đáy lòng ta.

Nguyễn Quốc Trinh (Nhà th...

Băng Sơn "Cây" đoản văn của Hà Nội

Tôi quen biết Băng Sơn từ những năm của thập niên 50, khi đó ông làm nghề "Gõ đầu trẻ" ở trường tiểu học Cao Bá Quát trong một ngõ nhỏ (ngõ Hàng Hành) gần Hồ Hoàn Kiếm.

Băng Sơn sinh ngày 18-12-1932, quê cha ở Bình Lục (Hà Nam) quê mẹ ở làng Sét Thanh Trì (Hà Nội). Sinh ra và lớn lên ở đất Cẩm Giàng Hải Dương, ông làm thơ và viết văn từ năm 1949 và đã có những bài viết được đăng báo từ thuở thiếu thời với những bút danh khác nhau: Băng Sơn, Mai Băng Phương, Trần Cẩm Giàng, Quang Chi...

Đã có một thời Băng Sơn làm phóng viên báo Độc lập, sau đó ông nghỉ hưu, chuyên tâm với nghề viết. Làm báo chỉ là cái "cớ" để Băng Sơn theo đuổi nghiệp văn chương. Trong suốt một thời gian dài, ông sáng tác thơ là chính. Và người đọc thường thấy thơ của Băng Sơn trên nhiều tờ báo của Thủ đô với chất thơ mượt mà, thấm đượm tâm hồn con người và cảnh vật.

Sau năm 1975 Băng Sơn viết Đoản văn. Có thể nói đây là thể loại văn học sở trường riêng của Băng Sơn. Tư duy từ ý thơ, nhưng biểu đạt bằng văn xuôi. Một cây bàng, một khóm tre, một cánh buồm, một giọt sương, một con phà, một chiếc điếm canh đê... đều là chủ đề với lối viết đầy cảm xúc làm rung động tới tâm can người đọc của riêng Băng Sơn.

Trong mỗi chúng ta đều có quê hương, nơi lưu giữ biết bao kỷ niệm của một thời để thương, một thời để nhớ, nhất là ký ức tuổi tuổi thơ với quê hương, Băng Sơn viết:

"... *Đồng quê êm ả, đồng quê yêu thương, có bao nhiêu là tiếng nói tiếng gọi ta về sống lại một thời thơ ấu êm đềm, dù cho ta đang ở một phương trời nào xa lắc. Rồi ta tự lắng nghe trong lòng ta những tiếng đồng quê thân thương ấy cứ cất lên vô hình trong sâu thẳm tim ta...*" (Bài *Tiếng đồng quê* trong tập "Bóng bảy màu" - Nhà xuất bản Kim Đồng 1996).

Là "Thổ công" của Thủ đô muôn mến ngàn thương, là con người gắn bó với Hà Nội hơn nửa thế kỷ qua, Băng Sơn am hiểu tỏ tường nhiều mặt đời sống xã hội của đất kinh kỳ. Ông nhớ từng gốc cây qua những phố cổ và quanh Hồ Gươm. Ông nhìn vào đâu cũng nhận ra những kỷ niệm và bóng hình bạn bè, kẻ còn người mất. Một đường phố cổ, một công viên có nhiều cây xanh, một mái nhà rêu phong đến một món quà của riêng Hà Nội... đều được con mắt tinh tường của ông "điểm mặt".

Với Hà Nội, ông có một tình yêu đến lạ, kỳ, vừa hoài cổ, vừa tân kỳ. Một tâm hồn văn sĩ hiểu thấu đáo Hà Nội xưa và nay đến từ chân tơ kẽ tóc, riêng cách ăn chơi của người Hà Nội đầy lịch lãm, Băng Sơn đã đem đến cho người đọc hai cuốn sách "Thú ăn chơi người Hà Nội" tập 1và tập 2 do Nhà

xuất bản Văn hóa ấn hành các năm 1993 và 1996, khoảng 600 trang. Chắc chắn đây sẽ là món quà quí đối với bất cứ người dân nào của Hà Nội.

Tính đến nay ông đã cho ra mắt bạn đọc khoảng 500 bài đoản văn, đăng tải trên hầu hết các tờ báo lớn Thủ đô Hà Nội. Trong các năm 1993, 1995, 1996 ba cuốn sách (đoản văn) của Băng Sơn: "Ngàn mùa hoa", "Con thuyền hoa", và "Bóng bảy màu" do các Nhà xuất bản Phụ Nữ và nhà xuất bản Kim Đồng ấn hành đã đến tay bạn đọc trên nhiều vùng của đất nước.

Tuỳ bút cũng là "thế mạnh" của Băng Sơn: Đến nay con số này ước khoảng 500 bài đã đăng tải trên các báo chí. Phần lớn những tuỳ bút hay được tập trung ở các cuốn: "Hương sắc bốn mùa" (Nhà cuất bản Phụ Nữ 1993), "Nước Việt hồn tôi" (Nhà xuất bản Phụ Nữ 1995) khoảng trên 300 trang. Tiếp đến là tập "Nghìn năm còn lại" (Nhà xuất bản Hà Nội ấn hành 1996).

Những tác phẩm trên nói lên điều gì?

Ở Băng Sơn không chỉ là tình yêu văn học, nỗi đắm say với nghiệp văn chương, sự suy tư chín chắn của một cây viết có bề dày năm tháng mà chính là sự miệt mài, làm việc hết sức, lao động không mệt mỏi, lao động sáng tạo và nghiêm túc của một con người "hiến dâng" cả đời mình cho sự nghiệp văn chương. Sức làm việc của ông khiến nhiều cây bút chuyên nghiệp cũng phải vì nể. Bạn văn thường nói về ông. "Một kỷ lục gia về sức làm việc", Một cây viết "dai phông"... Chả vậy mà người ta tính rằng một năm có 365 ngày, chỉ từ đầu năm đến cuối tháng 9-1997 Băng Sơn đã "sản sinh" ra 355 bài viết được in ấn trên nhiều tờ báo lớn ở Hà Nội và "cây đoản văn" này của Hà Nội đã có hơn một bài viết, một "Áng văn chương" làm đẹp thêm đời sống văn hóa của người dân Hà thành...

Bạn viết có người thường nói vui "Băng Sơn là một trong "ngũ hổ" viết khỏe của Hà Nội": Băng Sơn, Lê Bầu, Phong Thu, Tạ Hữu Yên và Nguyễn Hà.

Sức làm việc của ông thực sự là điều đầy "bí ẩn", đầy khám phá, không chỉ có sức bền mà còn đầy mẫn cảm kỳ thú và mộng mơ. Với trà ngon và thuốc lá Thủ đô (chỉ hút một thứ Thủ đô) làm việc thâu đêm với đèn sách. Ngày qua ngày, tháng hết tháng, năm theo năm, Băng Sơn chạy đua với thời gian không biết mệt mỏi. Với ông, thói quen thực sự là vàng ngọc. Hình như con người ông sinh ra để viết, không viết không chịu được.

Con tôi là chỗ thân tình, ông bộc bạch về những ấn phẩm chuẩn bị "trình làng" trong tương lai không xa, từ nay đến thăm 1998 có thể in "Tùm hum" (Nhà xuất bản Kim Đồng khoảng gần 100 trang, tuỳ bút "Đường vào Hà Nội" (Nhà xuất bản Thanh Niên trên 300 trang), "Cái thú lang thang" (Nhà xuất bản Hà Nội trên 300 trang), "Hồn và mực" (Nhà xuất bản Lao Động... viết về chân dung văn nghệ sĩ). Cả bốn cuốn sách trên đã duyệt xong ma-két và đã đưa vào kế hoạch xuất bản trong thời gian tới.

- *Xin anh cho biết dự kiến trong tương lai* - Tôi hỏi nhà văn.

Với khuôn mặt đôn hậu, mái tóc xõa bạch kim rất nghệ sĩ và luôn nở nụ cười tươi trên môi, Băng Sơn đưa tôi đọc những bài viết đầu tiên của cuốn "Một trăm ngôi nhà Hà Nội".

Đối với bạn tâm đắc Băng Sơn rất trân trọng, quí mến và thường đọc cho nghe những sáng tác mới của ông. Với câu nói "giầu vì vợ sang vì bạn" là câu nói cửa miệng của người đời, thì Băng Sơn là người rất sang, bởi ông rất đông bạn bè. Bạn văn, thơ, họa nhạc đều có cả.

Nếu nói về nhân cách của người cầm bút thì Băng Sơn là con người giữ được phẩm hạnh của một nhà văn chân chính. Hành nghề, "kiếm sống" bằng chính sự làm việc cần cù siêng năng của bản thân.

Nhiều bạn thân quen ngạc nhiên khi biết ông làm việc cật lực như vậy, và những tác phẩm được in ấn không phải là nhỏ nhoi... nhưng chưa là hội viên Hội nhà văn Việt Nam. Ông thường "chối khéo", không giải thích, chỉ trả lời bằng những nụ cười.

Hà Nội, tháng 10-1997

Lê Việt (Nhà báo)

Băng Sơn với Tết

Đã có nhiều nhà văn, nhà thơ viết về văn hóa Tết Việt Nam, trong đó có Băng Sơn. Ông tỏ ra am hiểu tường tận phong vị tết Việt Nam bằng mắt nhìn văn hóa của mình. Ông ưa viết thể tuỳ bút, tản văn. Đó là thể tài văn học tự do nhất và mang đậm dấu ấn chủ quan của nhà văn. Từ "Thú ăn chơi người Hà Nội" (1993) đến nay Băng Sơn đã có gần chục tập tuỳ bút dầy dạn. Đề tài mà ông say mê là viết về văn hóa Hà Nội với những thú ăn, thú chơi, cảnh sắc, phố phường, danh lam thắng cảnh…

Người Việt Nam đón Tết bằng nhiều tục lệ, rước lễ Ông Công, Ông Táo về trời, lễ cúng giao thừa, tổ tiên, ông bà, tục xông nhà thăm viếng người thân, mừng tuổi, chúc thọ người già, tục đi lễ chùa… Băng Sơn đã giải thích một cách cặn kẽ về những thuần phong mỹ tục ấy làm ta hiểu thêm về cái tết cổ truyền vui vẻ, hạnh phúc, trang trọng thiêng liêng và đầy đạo lý của cha ông.

Ví như Tết thầy-một truyền thống tôn sư trọng đạo đã được nhắc đến trong ngày Tết: "Mùng một là Tết nhà cha, mùng hai nhà mẹ, mùng ba nhà thầy". Ông viết:

"Tết đến dù làm gì, ở đâu, những người học trò thành danh hay thất bại phải lang bạt kỳ hồ cũng đều cố đi chúc Tết thầy, chí ít là gửi quà về biếu thầy để tỏ lòng biết ơn người cha thứ hai của mình…".

Cả năm làm lụng vất vả, ba ngày Tết là ba ngày "ăn chơi". Ngòi bút Băng Sơn đã miêu tả thú ăn chơi cờ người, chơi cờ tướng, chơi tranh tết, chơi câu đối, chơi chim hoa, cá cảnh... đặc biệt là thú chơi hoa. Ông có nhiều trang viết có duyên về hoa, các loại hoa Tết: Hoa đào, hoa mai, hoa hồng, thược dược, lay ơn, hải đường, hoa cúc ... nhưng sâu đậm nhất vẫn là hoa đào - một biểu tượng không thể thiếu của cái Tết xứ Bắc. Có đến hàng chục bài viết về loại hoa này. Từ chợ hoa, cách chơi hoa đến cảm xúc về mỗi loại hoa.

"Cả một dinh đào Nhật Tân, Quảng Bá, Tây Hồ□ biến thành con sông hoa, tràn qua ô Yên Phụ, Thụy Khuê đổ vào lòng Hà Nội. Đào bích đỏ thắm, tán tròn, nhiều cành tăm cân đối. Đào phai hồng nhạt, màu tươi, trang nhã mà hấp dẫn như các thiếu nữ đang thì đúng lúc xấu hổ, nó khêu gợi một cách thầm kín mà không lộ liễu, không xô bồ. Đào ta là đào ăn quả, hoa đơn 5 cánh, màu cũng nhạt tương tự như đào phai nhưng trông yếu ớt hơn, dù được cái dáng tự nhiên, xù xì, ngang ngạnh. Đào thế công phu, từ người trồng đến người chơi. Đào thế đẹp ở cành, ở dáng, ở gốc. Hoa không cần nhiều, chỉ cần lưa thưa. Đôi khi có một cành bạch đào quý hiếm, là đào mà hoa trắng muốt, mập mạp trên đầu cành nâu sương gió, mới ngắm đã mê..." (bài *Hoa Tết* - "Thú ăn chơi người Hà Nội", tập 1).

Băng Sơn đưa ta về với những đêm áp Tết, cả nhà quây quần bên nồi bánh chưng reo trên bếp lửa bập bùng, tí tách, háo hức đón chờ năm mới... *"Người già rung rung chòm râu bạc, thanh nữ đỏ thắm đôi môi, thiếu niên bừng bừng chín trên đôi má..."* (Đêm bánh chưng - "Cái thú lang thang").

Rồi hương vị hòa quyện khó quên của gạo thịt, đỗ mỗi khi thưởng thức "*chiếc bánh chưng bóc ra xanh óng, xanh dền như màu cốm già, màu lá lúa non được cắt thành 8 phần như*

khung tướng sĩ trên bàn cờ tướng" (*Sắc màu cỗ Tết* - tập "Nước Việt hồn tôi").

Mâm cỗ Tết Việt Nam cũng được ông chỉ từng món giò, nem, ninh, mọc... với cách nấu, gia vị và cách ăn sao cho hợp lý. Chỉ riêng gia vị có tới hàng chục loại: Hành, tỏi, gừng, thìa là, rau thơm, mộc nhĩ, nấm hương, cà cuống... Hương cà cuống được xếp vào loại gia vị quí.

"*... Một cái tăm khỏa vào bát nước chấm hay mặt bát bún thang bốc khói, nó làm cho mâm cỗ như có thần, có am ám, khó có thể không ngây ngất. Cà cuống đã thành "tinh". Cà cuống đã thành một thứ cao lương, đến nỗi có người mơ ước thà thiếu đi món giò lụa chả quế để đem đổi lấy một giọt cà cuống cũng cam lòng...*" (*Gia vị trong ngày tết* - tập "Cái thú lang thang" - 1997).

Đọc Băng Sơn ta hiểu thêm cái văn hóa ẩm thực của dân tộc Việt Nam.

Không phải ngẫu nhiên mà Băng Sơn viết nhiều về Tết. Dường như trong dịp Tết cổ truyền Bản sắc văn hóa dân tộc được biểu hiện rõ nét nhất. Ông cũng nghĩ như vậy, khi viết:

"*Tết là phong tục bao gồm cả tín ngưỡng, ăn mặc, vui chơi, quan hệ đối xử... nói cách khác là nó được nâng lên khác hẳn ngày thường về cả vật chất lẫn tinh thần trong đời sống*". (*Phong tục Tết* - tập "Nước Việt hồn tôi" - 1995), làm thức dậy trong ta tình cảm Tết, những kỷ niệm êm đềm về những cái Tết để có thể thấy những vẻ đẹp truyền thống trong văn hóa Tết của người Việt Nam

1998

Bích Hà (Nhà báo nữ)

Băng Sơn và tình yêu Hà Nội

Nhà văn Băng Sơn hay đi lang thang dạo quanh phố phường. Anh thuộc những tên phố, tên nhà, và những loài cây loài hoa mọc quanh hồ Hoàn Kiếm.

Trong anh tình yêu Hà Nội lúc nào cũng dâng đầy. Anh không thấy mấy khi phải ghi chép, nhưng mỗi khi ngồi vào bàn viết là một mạch từ 8 giờ tối đến 3 giờ sáng, cảm xúc tuôn trào như mạch suối trong vắt chảy từ con tim nhạy cảm của anh.

Băng Sơn sinh năm1932 tại Cẩm Giàng - Hải Dương, nhưng từ nhỏ đến nay sống ở Hà Nội. Anh đã cho xuất bản 12 tập sách, trong đó có thơ và kịch thơ, phần lớn là các tập tuỳ bút hoặc các tập đoản văn.

Băng Sơn có sở trường viết tuỳ bút. Anh đã đi khắp đất nước nhưng chỉ thích sống ở Hà Nội. Anh cứ lang thang... anh yêu phố, yêu những con đường quen, mơ màng, ngắm những đám mây bay và đắm say trong mùi hoa sữa. Suốt đời, anh gắn bó với Hà Nội.

Băng Sơn nghiên cứu sâu văn hóa ẩm thực Việt Nam. Anh viết nhiều bài có giá trị về cách uống trà Hà Nội, đậu Mơ

Hà Nội. Vào Huế, anh cũng thạo món ăn Huế: Bánh bèo, bánh bột lọc và cà phê vườn Huế.

Anh đã đi khắp đất nước nhưng chỉ thích sống ở Hà Nội. Anh cứ lang thang... anh yêu phố, yêu những con đường quen, mơ màng, ngắm những đám mây bay và đắm say trong mùi hoa sữa. Suốt đời, anh gắn bó với Hà Nội.

Năm 1997, Nhà xuất bản Thanh niên xuất bản tuỳ bút "Đường vào Hà Nội" của Băng Sơn, dày 350 trang gồm 40 tuỳ bút. Băng Sơn đang có dự kiến cho xuất bản "100 ngôi nhà Hà Nội". Trong 100 ngôi nhà đó, sẽ có 100 gia đình, 100 nhân vật độc đáo của Hà Nội xưa nay.

Diệu Ân (Nhà báo)

Tản mạn với Băng Sơn

Có lẽ Hà Nội, Băng Sơn là nhà văn viết nhiều tạp bút nhất. Những đề tài vụn vặt, chẳng đâu vào đâu với người khác, với ông lại là điểm mạnh. Có khi là tiếng mùa hè với những âm thanh khác nhau của mưa, của sấm, tiếng ve, tiếng ếch kêu, cả tiếng ngã oanh oách, tiếng bước chân lội bì bõm và "*những âm thanh im lặng tràn đầy nỗi buồn lắng đọng*". Cây quanh Hồ Gươm cũng có thể viết thành truyện, bằng kỷ niệm với những gốc sung, gốc gạo, dừa đầu, lại thêm cả cây ô môi xứ Nam tác giả tìm hoài không thấy. Hà Nội là nơi sinh sống của Băng Sơn, vì vậy ông hiểu Hà Nội cặn kẽ, đến nỗi "*nghe giọng nói, nhìn dáng đi, thấy cách mặc, qua điệu uống ăn... biết ngay đó là người nào*". Chấp nhận quan niệm ai đang ở Hà Nội, dù sinh ra bất cứ nơi nào, cũng đều được gọi là người Hà Nội chỉ để không mếch lòng ai xem ra không phải là không có lý. Thế nhưng tôi thích kiểu so sánh trong Hà Nội hơn, Hà Nội kém hơn. "Ăn mặc xứng kỳ đức, người nghèo mà vẫn sang giầu nhưng không trọc. Cốt cách ấy là của riêng biệt người Hà Nội. Người Hà Nội ghét sự lọc lừa, giả dối, khinh thói kiêu căng, xa lánh sự dung tục cục cằn, vượt lên thô kệch". Hẳn nhiều người đồng ý với Băng Sơn về nhận xét đó, cũng như khi nghe ông nói về đặc sản của người xứ Bắc trong Hạt Muối, Cốm Vòng, Kem, Đêm Bánh Chưng...

Chưa gặp Băng Sơn, người ta vẫn có thể cảm nhận tình cảm ông dành cho người phụ nữ trong *Thân phận đàn bà, Nét đẹp và cao cả của người phụ nữ Việt Nam*. Nàng gái trong quan họ, Mẹ Hà Nội, Giao thừa nhớ mẹ. Có nỗi đau của người con không nhớ được chính xác tuổi già của mẹ ở con số nào. Có sự hối hận, có niềm tiếc nối "*xin mẹ ngàn lần tha tội cho con vì lại một giao thừa nữa con không về thăm mẹ*". Nghe lặng lẽ như tiếng khóc của người con tóc hoa râm nhớ về mẹ già cô đơn khi Tết đến. Hay như tiếng thở dài của ca dao "Thân em như hạt mưa sa. Hạt vào gác tía hạt ra luống cày". Hạnh phúc khổ đau là nỗi băn khoăn truyền kiếp. Mơ ước hay cam chịu thì người đàn bà vẫn cứ là khổ đau, là bất hạnh, không lối thoát. Như thế có bi quan quá không với những số phận sinh ra được làm kiếp người dưới con mắt tác giả.

Có đến gần một phần năm tạp bút trong *Cái thú lang thang* viết về tết. Bắt đầu từ Mùa xuân một thuở kinh kỳ, với cô hàng tấm đi chợ Đồng Xuân phiên cuối năm, môi trầu cắn chỉ, khăn vấn bỏ đuôi gà, sợi xà tích bạc đung đưa làm quả đào đựng vôi cũng lao đao theo, nghe như có dịp gió chuyển vần nhè nhẹ. Đến phụ nữ trong ngày Tết, lúc nào cũng tất bật hào hứng trong những công việc bận rộn không còn thì giờ rảnh rỗi mà nghỉ ngơi nữa. Có câu "một mẹ già bằng ba mẫu ruộng" chí lý không chỉ ở giá trị vật chất, mà lão bà còn là người chỉ huy tối cao về tinh thần cho con cháu noi theo. Tiếp theo là những Lời chúc Tết, mong sao cho cuộc sống khốn khó, cơ hàn, thiếu thốn bớt đi nhọc nhằn. Chúc ông bà cha mẹ sống lâu trăm tuổi khỏe mạnh, thăng quan tiến chức, buôn may bán đắt, nhất bản vạn lợi... rất cần thiết và cũng rất ý nghĩa trong buổi đầu một năm.

Một cuốn tạp bút dày gần 400 trang, bộc lộ những suy nghĩ, những chiêm nghiệm về cuộc đời của một người đã trải

qua chiêm nghiệm. Với một lối dắt văn rất khéo, 50 bài viết là 50 lối gợi mở khác nhau, nhưng cũng có mục đích đưa đến độc giả những gì tinh tuý nhất, những nét đẹp nhất của mảnh đất, của người Hà Nội, con người Việt Nam.

Hoàng Lan Anh (Nhà báo)

Mối tình xuyên qua nửa thế kỷ

Ánh đèn sân khấu đã trở thành điểm hẹn của Băng Sơn và Mai Phương. Năm 1952. Hà Nội còn nằm trong vùng chiếm đóng của giặc Pháp, Băng Sơn theo một số anh chị em lập đoàn kịch, diễn vở "Cô gái nước Tần" của nhà thơ Hoàng Cầm lúc ấy đang là đoàn trưởng đoàn văn công quân đội ở vùng kháng chiến. Băng Sơn thủ vai Tần Vũ, nữ diễn viên đóng vai Tần Huyền Cơ bị ốm, nên đạo diễn cử ca sĩ Mai Phương thay thế. Hai con người tài hoa mến nhau vì nết, trọng nhau vì tài dần dần cảm thấy mình thành một nửa cuộc đời của người kia, cùng chia đôi nỗi buồn và nhân đôi niềm vui cho nhau. Giặc Pháp bắt lính. Băng Sơn phải trốn ra vùng tự do ở Đông Triều để khỏi bị bắt đi làm bia đỡ đạn cho giặc. Lúc ấy, Mai Phương mới thấy một khoảng trống trong trái tim mình không gì bù đắp được. Nhận được lá thư của Băng Sơn do người quen bí mật đem về, Mai Phương bỏ nhà ra vùng tự do tìm Băng Sơn. Mãi đến khi nghe tin quân ta sắp về tiếp quản Thủ đô, hai người mới trở về nhà. Giữa lúc ấy một số người nhẹ dạ tìm đường di cư vào nam. Ông anh Mai Phương bàn với em gái đi "du lịch" vào Sài Gòn một chuyến rồi hai năm sau lại trở về. Nếu không có Băng Sơn chắc chắn Mai Phương đã đi. Một ông anh khác vừa ở mặt

trận Lào trở về, thấy hai người quấn quýt với nhau như thế, rất lo lắng, lựa lời tâm sự với Mai Phương. Băng Sơn đã nghèo lại chưa có nghề nghiệp, khó đảm bảo cuộc sống ổn định sau này, em nên nghĩ lại xem. Mai Phương chỉ trả lời: nhiều người giàu có đã hỏi em nhưng em nghĩ đời người con gái tìm được một người có tâm hồn đồng điệu với mình mới khó, còn tiền của, chúng em cứ chắt chiu mãi rồi cũng có.

Băng Sơn mở lớp dạy tư ở ngõ Hàng Hành. Chính những chiếc bàn học sinh ấy sau này ghép lại thành chiếc giường cưới của đôi vợ chồng trẻ. Gia sản chỉ có một cái hòm gỗ đựng mỗi người mấy bộ quần áo. Mỗi tuần Băng Sơn đến ngâm thơ, Mai Phương cũng đến hát trước giờ chiếu bóng nhằm cân bằng thu chi trong gia đình. Do làm việc quá sức, một đêm Băng Sơn ho ra máu. Bạn bè biết hai vợ chồng chẳng còn đồng xu nào dính túi nhưng trước mắt cứu lấy mạng người đã nên cứ đưa đại Băng Sơn vào một bệnh viện tư. Sau này ông quản lý bệnh viện đem hóa đơn đến nhà đòi viện phí, nhìn thấy gian phòng rỗng như đít bụt, ông đã mủi lòng không nỡ bắt vợ chồng nghèo thanh toán. Mai Phương thường coi Băng Sơn là từ cõi chết trở về, nên hết lòng chăm sóc để "nửa cuộc đời" của mình không sớm vân du nơi cực lạc. Băng Sơn rất thương vợ, anh không đòi hỏi những món cầu kỳ, nhưng đôi lúc trong khi vui chuyện, Mai Phương thấy Băng Sơn tỏ ý thích ăn món gì, chị cố nấu nướng bằng được. Nhân ngày 10 tháng chạp - sinh nhật Mai Phương - Băng Sơn không mò được tòa soạn nào để lấy tiền nhuận bút, anh bèn đem cuốn Từ điển Pháp - Việt bán cho hiệu sách Nam Hùng ở Bờ Hồ rồi đem tiền đi mua một bó hoa ngọc trâm - loại hoa Mai Phương thích nhất, mua một bưu ảnh hoa Ngọc Trâm tặng vợ và đong một yến gạo tặng cả nhà không phải ăn độn bo bo.

Hàng xóm chưa nghe vợ chồng ấy to tiếng với nhau bao giờ. Người nọ biết chiều lòng người kia, đôi khi trong nhà có sự bất đồng về một công việc gì thì cả hai đều yên lặng, không nói với nhau câu nào cho đến khi một trong hai người bắt đầu thấy sự yên lặng đáng sợ ấy là vô lý, bèn lên tiếng "làm duyên" rồi cả hai cùng cười.

Sau trận ốm thập tử nhất sinh, Băng Sơn đành giã từ ánh đèn sân khấu. Vốn là chàng trai có hoa tay, anh mua những mảnh nhung vụn đủ màu về cắt dán thành đủ loại hoa vào thiếp chúc Tết, thiếp mừng sinh nhật. Nguồn thu phập phù đó cũng đỡ đần cho Mai Phương một phần gánh nặng trong gia đình. Đến thời mở cửa, báo chí ra tơi tới, Băng Sơn như con cá sống quẩn ở ao làng nay được làn nước tràn bờ đưa ra sông rộng. Tuỳ bút và tản văn của anh luôn xuất hiện trên các báo trong Nam ngoài Bắc. Nhớ công lao người bạn đời, anh thường lấy bút danh Mai Phương, đôi khi cao hứng lên, anh lại rút gọn là Băng Phương (từ Băng Sơn - Mai Phương). Cuốn sách "Thú ăn chơi người Hà Nội" của Băng Sơn đã được giải thưởng của Hội nhà văn Hà Nội. Hội thảo "Văn hóa ẩm thực" trong thành phố Hồ Chí Minh mời anh và phu nhân và dự. Đôi cánh bạc của máy bay A.320 đã đưa đôi chim bồ câu vượt qua vùng trời mà đôi vợ chồng hằng mơ ước. Các đầu bếp bậc thầy của các khách sạn đã trình diễn gần trăm món ăn đủ cả sơn hào hải vị. Băng Sơn nói với Mai Phương: giá những món này do chính tay em nấu nướng, anh sẽ thấy ngon gấp bội phần.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, đôi vợ chồng ấy vẫn là hai người tình như thời trai trẻ dưới ánh đèn sân khấu.

Hà Nội 4-1998

Vũ Bão (Nhà văn)

MỤC LỤC

PHẦN I

PHẦN II

PHẦN III

PHẦN IV

PHỤ LỤC

BĂNG SƠN TRONG MẮT BẠN BÈ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

THÚ ĂN CHƠI NGƯỜI HÀ NỘI

Băng Sơn

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ AN CHƯƠNG

Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập : TRẦN MẠNH THƯỜNG
LAN PHƯƠNG
Vẽ bìa : VĂN SÁNG
Trình bày : ĐẶNG NGỌC
Sửa bản in : ĐẶNG NGỌC

In 700 cuốn khổ 14,5x20,5cm, tại Công ty In Khoa học kỹ thuật
101A Nguyễn Khuyến - Đống Đa - Hà Nội.
Số in: 695. Số xuất bản: 319/XB-QLXB/03-VHTT cấp ngày 24/3/2005
In xong và nộp lưu chiểu năm 2005.






BĂNG SƠN

Thú ăn chơi người Hà Nội